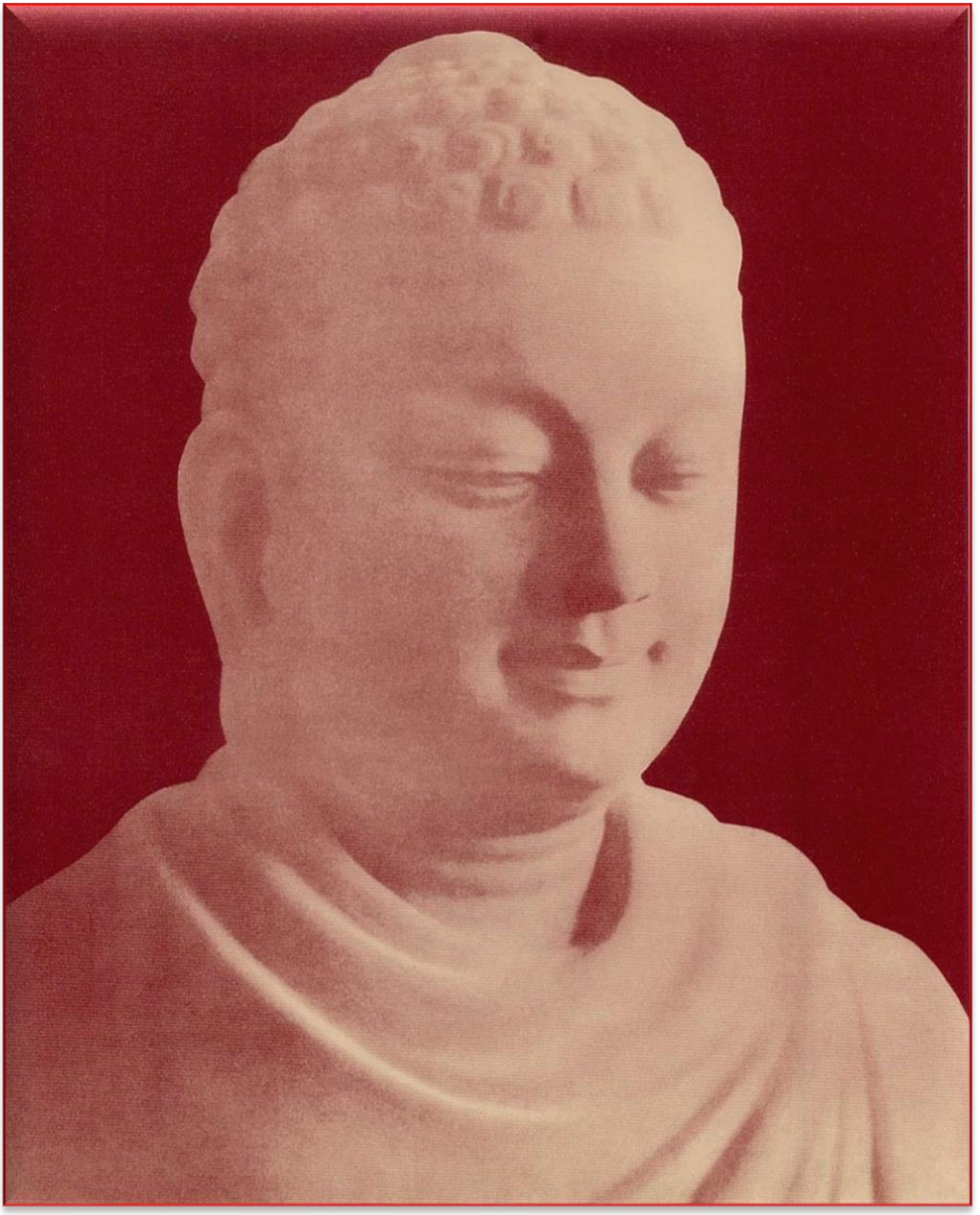


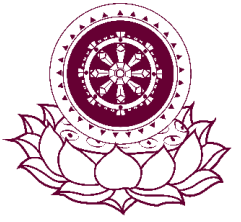
NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 106

BỘ DU GIÀ

III



HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 106

BỘ A-TỲ-ĐÀM
III

SỐ 1579 (tt) → **1584**

(Quyển 86 →100)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ LUẬN DU GIÀ 3 - T106

SỐ 1579 3
LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA 3
QUYỂN 86 3
Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh Hành Lựa Chọn, Thâu Tóm Thứ Nhất..... 3
QUYỂN 87 29
Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh, Hành Lựa Chọn, Thâu Tóm Thứ Nhất,..... 29
QUYỂN 88 56
Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh Hành Lựa Chọn, Thâu Tóm Thứ Nhất..... 56
QUYỂN 89 82
Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh, Xứ Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Hai..... 82
QUYỂN 90 104
Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh, Xứ Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Hai..... 104
QUYỂN 91 126
Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh Xứ Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Hai..... 126
QUYỂN 92 147
Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh Xứ Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Hai..... 147
QUYỂN 93 168
Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh: Duyên Khởi, Thực, Đế, Gồm Thâu Thứ Ba ... 168
QUYỂN 94 187
Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh: Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới, Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Ba..... 187
QUYỂN 95 208
Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh: Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới, Gồm Thâu T.3. 208
QUYỂN 96 228
Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh: Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới, Lựa Chọn.T.3.. 228
QUYỂN 97 251
Phần Nhiếp sự, Sự Khế kinh. Bồ đề phần pháp: lựa chọn, gồm thâu thứ tư.... 251
QUYỂN 98 274
Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh. Bồ Đề Phần Pháp: Lựa Chọn, Gồm Thâu T.4 274
QUYỂN 99 298
Phần Nhiếp Sự: Sự Điều Phục. Lựa Chọn Gồm Thâu Chung Thứ Năm 298
QUYỂN 100 319
Phần Nhiếp Sự: Sự Điều Phục. Lựa Chọn. Gồm Thâu Chung Thứ Năm 319
SỐ 1580 343
LUẬN THÍCH DU GIÀ SƯ ĐỊA 343
PHẦN BẢN ĐỊA Địa 1: NĂM THỨC TƯƠNG ƯNG..... 343

SỐ 1581 361
KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ 361
QUYỂN 1 361
Phẩm 1: CHỦNG TÁNH CỦA XỨ PHƯƠNG TIỆN ĐẦU TIÊN 361
Phẩm 2: XỨ PHƯƠNG TIỆN PHÁT TÂM BỒ ĐỀ 365
Phẩm 3: XỨ PHƯƠNG TIỆN TỰ LỢI-LỢI THA 369
Phẩm 4: XỨ PHƯƠNG TIỆN NƠI NGHĨA CHÂN THẬT 375
QUYỂN 2 378
Phẩm 4: XỨ PHƯƠNG TIỆN NGHĨA CHÂN THẬT 378
Phẩm 5: XỨ PHƯƠNG TIỆN CỦA LỰC 386
QUYỂN 3 396
Phẩm 6: XỨ PHƯƠNG TIỆN THÀNH THỤC 396
Phẩm 7: XỨ PHƯƠNG TIỆN BỒ ĐỀ VÔ THƯỢNG 400
Phẩm 8: XỨ PHƯƠNG TIỆN LỰC CHỦNG TÁNH 404
QUYỂN 4 413
Phẩm 9: XỨ PHƯƠNG TIỆN THÍ 413
Phẩm 10: XỨ PHƯƠNG TIỆN GIỚI 424
QUYỂN 5 431
Phẩm 10: XỨ PHƯƠNG TIỆN GIỚI 431
QUYỂN 6 446
Phẩm 11: XỨ PHƯƠNG TIỆN NHẪN 446
Phẩm 12: XỨ PHƯƠNG TIỆN TINH TẤN 451
Phẩm 13: XỨ PHƯƠNG TIỆN THIỀN 454
Phẩm 14: XỨ PHƯƠNG TIỆN TUỆ 457
QUYỂN 7 460
Phẩm 15: XỨ PHƯƠNG TIỆN BỐN NHIẾP 460
Phẩm 16: XỨ PHƯƠNG TIỆN CÚNG DƯỜNG TẬP CẬN VÔ LƯỢNG 466
Phẩm 17: XỨ PHƯƠNG TIỆN BỒ ĐỀ 475
QUYỂN 8 483
Phẩm 17: XỨ PHƯƠNG TIỆN BỒ ĐỀ 483
Phẩm 18: XỨ PHƯƠNG TIỆN BỒ TÁT CÔNG ĐỨC 491
Phẩm 1: XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ PHÁP: BỒ TÁT TƯỚNG 498
Phẩm 2: XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ PHÁP: DỰC 500
QUYỂN 9 503
Phẩm 3: XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ PHÁP TÂM TỊNH 503
Phẩm 4: XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ PHÁP: TRỤ 505
QUYỂN 10 523
Phẩm 1: XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH: SINH 523
Phẩm 2: XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH: NHIẾP 524

Phẩm 3: XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH: ĐỊA 526
Phẩm 4: XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH: HÀNH 527
Phẩm 5: KIẾN LẬP CỦA XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH 529
SỐ 1582 545
KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI 545
QUYỂN 1 545
Phẩm 1: ĐỊA BỒ TÁT 545
Phẩm 2: TÁNH HẠNH THIỆN CỦA ĐỊA BỒ TÁT 555
Phẩm 3: PHÁT TÂM BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT 560
Phẩm 4: LỢI ÍCH TRONG NGOÀI CỦA ĐỊA BỒ TÁT 564
QUYỂN 2 572
Phẩm 5: NGHĨA CHÂN THẬT CỦA ĐỊA BỒ TÁT 572
Phẩm 6: ĐỊA BỒ TÁT BẤT KHẢ TƯ NGHÌ 581
QUYỂN 3 590
Phẩm 7: ĐIỀU PHỤC CỦA ĐỊA BỒ TÁT 590
Phẩm 8: BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT 595
Phẩm 9: LỰC TÁNH BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT 598
QUYỂN 4 607
Phẩm 10: BỐ THÍ CỦA ĐỊA BỒ TÁT 607
Phẩm 11: TRÌ GIỚI CỦA ĐỊA BỒ TÁT 614
QUYỂN 5 623
Phẩm 12: NHẪN NHỤC CỦA ĐỊA BỒ TÁT 623
Phẩm 13: TINH TẤN CỦA ĐỊA BỒ TÁT 627
Phẩm 14: THIỀN ĐỊNH CỦA ĐỊA BỒ TÁT 630
Phẩm 15: TRÍ TUỆ CỦA ĐỊA BỒ TÁT 633
Phẩm 16: LỜI NHU HÒA CỦA ĐỊA BỒ TÁT 634
QUYỂN 6 640
Phẩm 17: CÚNG DƯỜNG TAM BẢO CỦA ĐỊA BỒ TÁT 640
Phẩm 18: BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO CỦA ĐỊA BỒ TÁT 646
QUYỂN 7 655
Phẩm 19: PHÁP SỐ TRỢ BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT 655
Phẩm 20: CÔNG ĐỨC CỦA ĐỊA BỒ TÁT 659
Phẩm 1: TƯỚNG CỦA BỒ TÁT NHƯ PHÁP TRỤ 665
Phẩm 2: THIỀN CỦA NHƯ PHÁP TRỤ 668
QUYỂN 8 670
Phẩm 3: TÂM ĐỊNH CỦA NHƯ PHÁP TRỤ 670
Phẩm 4: SINH ĐỊA BỒ ĐỀ CỦA NHƯ PHÁP TRỤ 672
Phẩm 1: SINH CỦA ĐỊA RỐT RÁO 685
QUYỂN 9 687

Phẩm 2: THÂU GIỮ CỦA ĐỊA RỐT RÁO 687
Phẩm 3: CỨU CÁNH CỦA ĐỊA RỐT RÁO 689
Phẩm 4: HẠNH CỦA ĐỊA RỐT RÁO 690
Phẩm 5: BA MƯƠI HAI TƯỚNG TỐT TÁM MƯƠI VẺ ĐẸP CỦA ĐỊA RỐT RÁO 692
Phẩm 6: TRỤ CỦA ĐỊA RỐT RÁO 696
SỐ 1583 707
KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI 707
ƯU BA LY HỎI PHÁP THỌ GIỚI BỒ TÁT 707
SỐ 1584 723
LUẬN QUYẾT ĐỊNH TẠNG 723
QUYỂN THƯỢNG 723
Phẩm 1: TÂM ĐỊA 723
QUYỂN TRUNG 740
Phẩm 2: TÂM ĐỊA, ... 740
QUYỂN HẠ 755
Phẩm 3: TÂM ĐỊA, ... 755

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 106

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

SỐ 1579

(QUYỂN 86 → 100)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1579

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

Tác giả: Bồ tát Di Lặc giảng thuật, Bồ tát Vô Trước ghi. Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang.

QUYỂN 86

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh Hành Lựa Chọn, Thâu Tóm Thứ Nhất

Đoạn 2:

Lại nữa, tụng nêu:

Tưởng hành, tướng ngu, nhãn thắng lợi
Chín trí, không si cùng thắng tiến
Ngã kiến sai biệt ba tướng hành
Pháp tổng các phẩm ba sâu rộng.

Ở trong các hành, tu hành tưởng vô thường có năm thứ. Nghĩa là do:

1. Tánh vô thường.
2. Tánh không hằng.
3. Tánh không trụ lâu.
4. Tánh không thể giữ.
5. Tánh của pháp biến hoại.

Ở đây, sát na, sát na hoại diệt nên vô thường. Tự thể hệ thuộc, trụ thọ có giới hạn, nên là không hằng. Ngoại sự trước sau quyết định không trụ nên là không trụ tâm. Thọ lượng chưa đủ, lại bị duyên hoại, phi thời mà chết, nên là không thể giữ. Cho đến lúc trụ như thế, nơi khoảng giữa, an lạc chẳng định, nên là pháp biến hoại.

Lại nữa, hạng ngu tối lược có ba loại tướng. Những gì là ba? Nghĩa là những kẻ ngu đối với tất cả hành như trên đã nói. Năm tánh vô thường không thể tư duy, ở trong tánh hơn kém không chân thật, phân biệt hơn kém, nêu xét về tự tha, cho mình là hơn. Đó gọi là tướng thứ nhất của kẻ ngu.

Như cho mình hơn, thì cho mình bằng, cho mình kém, nói rộng cũng thế. Cùng với đây trái nhau nên biết là kẻ trí, cũng có ba thứ tướng của kẻ trí.

Lại nữa, do hai thứ tướng, nên biết huệ nhãn của Thánh giả thanh tịnh. Nghĩa là do xa trần cũng lìa cấu. Do thấy chỗ đoạn trừ các phiền não triền, lìa mọi trói buộc, nên gọi là xa trần. Do lìa được trói buộc của tùy miên kia, nên gọi là lìa cấu. Lại, lúc hiện quán, có ngã mạn thô cùng nhập tác ý, chuyển có gián đoạn không gián đoạn. Nếu nhận biết rõ khắp về đối tượng giữ lấy, chủ thể giữ lấy nơi đối tượng duyên đều bình đẳng, tức chúng liền đoạn trừ. Do chúng được đoạn trừ nên gọi là xa trần. Hết thảy tùy miên của phiền não do kiến đạo đoạn đã được đoạn trừ nên gọi là lìa cấu.

Lại nữa, xa trần lìa cấu, ở trong các pháp, lúc được pháp nhãn, nên biết tức được mười thứ thắng lợi. Đó là:

1. Nơi bốn Thánh đế đã khéo thấy rõ, nên gọi là thấy pháp.

2. Theo đấy, đạt được một loại quả Sa-môn, nên gọi là đắc pháp.

3. Đối với chỗ đã chứng đắc, có thể tự nhận biết rõ: Ta nay đã dứt hết nghiệp nơi ba nẻo ác. Ta đã chứng đắc quả Dự lưu cho đến nói rộng. Do như thế nên gọi là biết pháp.

4. Được bốn chứng tịnh, đối với Phật Pháp Tăng nhận biết đúng như thật, nên gọi là kiên pháp khắp.

5. Đối với chỗ tự chứng đắc không lầm lạc.

6. Đối với chỗ chứng đắc của kẻ khác không nghi.

7. Lúc tuyên thuyết giáo pháp tương ưng với Thánh đế, không dựa vào duyên khác.

8. Không quán xét về hình tướng cùng ngôn thuyết của kẻ khác. Ở trong Chánh pháp Tỳ-nại-da này, hết thảy luận khác đều không thể chuyển.

9. Ký biệt về tất cả chỗ chứng đắc, giải thoát đều là vô sở úy.

10. Do hai nhân duyên nên tùy nhập Thánh giáo. Tức là thế tục chân chánh cùng đệ nhất nghĩa.

Lại nữa, có chín thứ trí, có thể đối với các hành nhận biết khắp, siêu vượt.

1. Trí của các hành lưu chuyển.

2. Trí của các hành hoàn diệt.

3. Trí của nhân duyên tạp nhiễm.

4. Trí của nhân duyên thanh tịnh.

5. Trí thanh tịnh.

6. Trí Khổ.

7. Trí Tập.

8. Trí Diệt.

9. Trí Đạo.

Ở đây:

- Trí của các hành lưu chuyển: Lược do ba thứ nhân duyên tích tập, nên tất cả hành tích tập nơi chánh trí hiện có. Đó là hỷ tập, xúc tập, danh sắc tập. Theo chỗ ứng hợp, hoặc sắc tập, hoặc thọ v.v… tập, hoặc thức tập.

Tức do ba thứ nhân duyên này diệt, nên ba thứ hành diệt. Đó gọi là trí của các hành hoàn diệt.

- Trí của nhân duyên tạp nhiễm, trí của nhân duyên thanh tịnh, cùng trí thanh tịnh: Nghĩa là đối với ái vị, lỗi lầm tai họa cùng nẻo xuất ly, như trước đã nói, nên biết.

Bốn trí như Khổ v.v… trong bốn Thánh đế: Như trước, nơi đạo lý phân biệt Thánh đế, nên biết về tướng của chúng.

Đối với phần vị phàm phu tu năm trí trước, có thể mau chóng chứng đắc bốn trí Thánh đế sau. Do chứng đắc chúng, nên có thể đối với các hành nhận biết rõ như thật.

Lại, nếu đối với các trí trước có thiếu sót, tất định không thể dùng đạo lý của đế nhận biết khắp các hành, phải nên chứng đắc mới có thể nhận biết khắp. Hoặc nơi đế lý, trí nhận biết khắp về hành có chỗ thiếu sót, tất định không thể đối với tu đạo trên dùng lực đối trị đoạn trừ các phiền não, vượt tất cả hành. Cùng với đây trái nhau, mới có thể siêu vượt. Thế Tôn nói là có chín thứ trí, có thể đối với các hành nhận biết khắp cùng siêu vượt.

Lại nữa, hành giả tu Quán, do ba xứ nêu ở trong các hành trụ không ngu si. Những gì là ba? Đó là:

1. Đối với các hành quá khứ nhận biết rõ đúng như thật, là tánh vô thường.

2. Đối với các hành hiện tại nhận biết rõ đúng như thật, là tánh của pháp diệt.

Đối với các hành hiện tại nhận biết rõ đúng như thật, là tánh của pháp sanh diệt.

Hành giả do đối với hành của ba đời như thế không có ngu si, tâm không nhiễm ô, an lạc mà trụ, gắn liền nơi số sáng tỏ. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là có ngu si mà trụ, rơi vào số vô minh.

Lại có ba thứ dị danh của phiền não, phần nhiều được nói trong phẩm phiền não:

1. Dị danh của tham.

2. Dị danh của sân.

3. Dị danh của si.

- Dị danh của tham: Cũng gọi là hỷ, cũng gọi là tham, cũng gọi là luyến tiếc, cũng gọi là vui mừng, cũng gọi là dục, cũng gọi là thân quen, cũng gọi là lạc, cũng gọi là cất chứa, cũng gọi là giữ, cũng gọi là vướng mắc, cũng gọi là trông mong, cũng gọi là đam mê, cũng gọi là ái, cũng gọi là nhiễm, cũng gọi là khao khát.

- Dị danh của sân: Cũng gọi là khuể (giận), cũng gọi là ghét, cũng gọi là sân, cũng gọi là phẫn, cũng gọi là tổn hại, cũng gọi là không nhẫn, cũng gọi là vi lệ (chống trái), cũng gọi là bạo ác, cũng gọi là nọc độc châm chích, cũng gọi là cự đối, cũng gọi là thảm độc, cũng gọi là phẫn phát, cũng gọi là nộ hám (thù giận), cũng gọi là mang lo lắng mà trụ, cũng gọi là sanh nóng nảy bừng bừng.

- Dị danh của si: Cũng gọi là không trí, cũng gọi là không kiến, cũng gọi là không phải hiện quán, cũng gọi là hôn muội, cũng gọi là ngu si, cũng gọi là vô minh, cũng gọi là hắc ám. Những tên gọi như thế, nên biết như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước phần nhiều đã biện biệt. Về sự sai biệt của hỷ, tham, ở đây sẽ nói. Duyên dựa nơi vui thích do thọ sanh ra, gọi là hỷ. Duyên nơi cảnh giới sanh thọ, dấy khởi nhiễm đắm, gọi là tham.

Lại, đối với cảnh sắp đạt được sanh gọi là hỷ. Nếu đối với cảnh đã đạt được sanh khởi ,gọi là tham.

Lại, đối với pháp đã đạt được sắp sửa thọ dụng, gọi là hỷ. Tức đối với sự việc ấy, lúc đang thọ dụng, gọi là tham.

Lại, đối với cảnh giới, có thể dùng phương tiện dể đạt được, gọi là hỷ. Tức đối với cảnh giới ấy, gọi là tham.

Lại, đối với hữu sau, gọi là hỷ. Đối với cảnh giới hiện tại, gọi là tham.

Lại, đối với chỗ yêu thích lợi, tốt của hữu tình khác, gọi là hỷ. Đối với chỗ lợi tốt của mình đạt được, gọi là tham.

Lại nữa, ở trong các hành, tu tập như lý, có bốn thứ thắng tiến.

Nghĩa là tưởng thắng tiến lược có ba loại:

1. Chưa được khiến được.

2. Chưa hợp khiến hợp.

3. Chưa chứng khiến chứng.

Nếu đạt được hiện pháp lạc trụ, gọi là thắng tiến thứ tư.

Đầu tiên có thể đạt được chỗ trước chưa được quả Dự lưu, nên biết đó gọi là chưa được khiến được.

Tức ở đây làm chỗ dựa, lại có thể khế hợp với quả học trên, nên biết đó gọi là chưa hợp khiến hợp.

Tức dùng đấy làm chỗ dựa, lại có thể chứng đắc quả A-la-hán, đối với các hoặc đoạn trừ, có thể tác chứng, nên biết đó gọi là chưa chứng khiến chứng.

Nếu đã chứng đắc quả A-la-hán, lại không "chưa được khiến được, chưa chứng khiến chứng", nên chánh cần tu tập, chỉ nhằm đạt hiện pháp lạc trụ.

Chánh cần tu tập, lại dựa vào tự nghĩa, có ba tưởng thắng tiến. Nghĩa là ở trong các hành có tưởng chán bỏ, tưởng lỗi lầm tai họa, tưởng nghĩa thật.

- Tưởng chán bỏ lại có bốn hành: Nghĩa là đối với các hành tư duy như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên, như não hại.

- Như bệnh: Tức như có một hữu tình, nhân nơi cảnh giới thác loạn, sanh ra bệnh khổ, tu tưởng chán bỏ.

- Như ung nhọt: Nghĩa là như có một hữu tình, nhân nơi nghiệp từ trước, sanh khởi ung nhọt khổ não, tu tưởng chán bỏ.

- Như mũi tên: Tức như có một hữu tình, nhân nơi sự oán đối của kẻ khác, bị khổ vì mũi tên bắn trúng, tu tưởng chán bỏ.

- Như não hại: Nghĩa là ở trong sự thiếu thốn về của cải thân thuộc, nhân nơi tà chấp của chính mình sanh ra các khổ, tu tưởng chán bỏ.

Như thế gọi là hành giả tu Quán, ở trong các hành tu tưởng chán bỏ.

- Tưởng lỗi lầm tai họa: Lại có hai hành, nghĩa là đối với các hành tư duy về vô thường, cùng tư duy về khổ.

- Tưởng nghĩa thật: Cũng có hai hành, nghĩa là đối với các hành, tư duy về tánh không cùng tánh vô ngã.

Ở đây, trước đối với tưởng lỗi lầm tai họa, cùng tưởng nghĩa thật tu tập đúng đắn rồi, sau đấy mới có thể trụ nơi tưởng chán bỏ. Nên biết, trong đây trước nói về quả, sau là nói về nhân.

Lại nữa, có bốn thứ ngã kiến làm chỗ nương dựa, có thể sanh ra ngã mạn:

1. Ngã kiến có phân biệt: Tức là chỗ dấy khởi của các ngoại đạo.

2. Ngã kiến câu sanh: Nghĩa là, dưới đến loài cầm thú v.v… cũng có

thể sanh khởi.

3. Ngã kiến duyên nơi chính mình làm chỗ dựa. Nghĩa là đối với nội thân đều riêng khác đã dấy khởi.

4. Ngã kiến duyên nơi kẻ khác làm chỗ dựa: Là đối với thân kẻ khác đã dấy khởi.

- Ngã kiến có phân biệt, làm chỗ dựa sanh ngã mạn: Nghĩa là do kiến này, quán xét thân tự tha, chấp có thật ngã. Do hai thứ ngã kiến này làm chỗ dựa, phát sanh ngã mạn. Ví như tấm gương tròn thanh tịnh, trên mặt có tượng thật làm chỗ dựa phát sanh ảnh tượng. Ảnh tượng làm chỗ dựa, đối với chỗ dựa của chính mình phát sanh tưởng kém, vừa, hơn. Như thế do phân biệt tà vạy, nên ngã kiến duyên nơi chính mình làm chỗ dựa, làm duyên phát sanh. Ngã kiến duyên nơi kẻ khác làm chỗ dựa. Như dựa nơi tượng thật phát sanh ảnh tượng. Lại do đấy làm duyên phát sanh ngã mạn, đối với kẻ khác, cho mình hoặc hơn hoặc bằng hoặc kém.

- Ngã kiến câu sanh làm duyên sanh ngã mạn: Nên biết thí dụ so với trước có sai biệt. Như người mắt sáng, đi đến chỗ vật đựng nước trong, tự xem xét tai mắt. Phần còn lại như trước, nên biết về tướng.

Tất cả thứ Tát-ca-da-kiến này, chỉ dựa nơi pháp. Tỳ-nại-da khéo thuyết giảng mới có thể vĩnh viễn đoạn trừ, chẳng phải là tà giáo khác.

Lại nữa, do ba thứ tướng nơi các hành diệt, nên gọi là cảnh giới Niết-bàn Vô dư y. Đó là:

1. Các hành diệt đã sanh khởi trước.

2. Các hành diệt của tự tánh diệt hoại.

3. Tất cả phiền não, đã vĩnh viễn lìa trói buộc của chúng.

- Các hành diệt đã sanh khởi trước: Tức là nơi đời trước, có thể chiêu cảm chỗ tạo tác các nghiệp phiền não của hữu sau, cùng do chỗ xét cầu của nguyện trước, nay các hành sanh khởi đã vĩnh viễn dứt trừ.

- Các hành diệt của tự tánh diệt hoại: Nghĩa là các hành kia sanh rồi nhận lấy tánh diệt hoại, không phải là các hành vĩnh viễn diệt trụ nơi cứu cánh.

- Tất cả phiền não, đã vĩnh viễn lìa trói buộc của chúng: Nghĩa là các phiền não đã được đoạn dứt hoàn toàn, do nay diệt nên sau không sanh nữa.

Thế nên, do ba tướng nơi các hành diệt này, nên gọi là tịch diệt, không phải là hoàn toàn không có tướng, vì tướng kia là khác. Nếu hoàn toàn không có tướng, thì không thể thiết lập để gọi là tịch diệt.

Lại nữa, do sức tăng thượng của ba môn giải thoát, nên biết đã kiến

lập bốn thứ pháp Ốt-dà-nam. Ba môn giải thoát là môn Giải thoát Không, môn Giải thoát Vô nguyện, môn Giải thoát Vô tướng.

- Tất cả hành vô thường, tất cả hành khổ: Là dựa nơi môn Giải thoát Vô nguyện, kiến lập pháp Ốt-dà-nam thứ nhất, thứ hai.

- Tất cả pháp vô ngã: Là dựa nơi môn Giải thoát Không, kiến lập pháp Ốt-dà-nam thứ ba.

Niết-bàn tịch tĩnh: Là dựa nơi môn Giải thoát Vô tướng, kiến lập pháp Ốt-dà-nam thứ tư.

Lại nữa, nên biết có hai thứ pháp Ốt-dà-nam nơi hành dục tăng thượng:

1. Thắng giải cùng hành dục.

2. Ý lạc cùng hành dục.

- Thắng giải cùng hành dục: Do bốn thứ pháp Ốt-dà-nam, nên ở trong các hành sanh khởi lạc dục.

Lại, đối với các hành tịch tĩnh, sanh lạc dục: Là do ý lạc nên ở riêng nơi chốn vắng lặng, tác ý tư duy. Do bốn thứ tướng, nên đối với hành tịch tĩnh kia, tâm thối chuyển:

1. Ở trong ấy, do thấy thắng lợi, không hướng nhập.

2. Không tin kẻ kia đạt tin không thanh tịnh.

3. Nơi đối tượng duyên kia không sanh hỷ lạc, không an trụ.

4. Đối với pháp kia, khởi thắng giải không vui thích. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là ý lạc cùng hành dục.

Lại do hai duyên, nương dựa nơi dục của thắng giải vô ngã, đối với Niết-bàn kia, do kinh sợ nên tâm thối chuyển:

1. Do đối với dục này, không khéo luôn hành tập, chưa đạt đến cứu cánh.

2. Nơi lúc tác ý, do nhân duyên kia, nên niệm quên mất.

Lại, nhân dục này chưa thường xuyên hành tập, nên bấy giờ, ở trong các hành, hiểu rõ chỉ là trí của hành. Tâm kia ngu tối, luôn luôn tư duy về ngã: Ta lúc này nên ở tại đâu để tìm cầu về hành của ngã, vi tế cùng hành, chướng ngại mà chuyển. Do duyên ấy nên kẻ kia khởi suy nghĩ: Ngã sẽ không có chăng? Khởi niệm ấy chỉ có các hành, vị lai không có. Kẻ kia do theo đuổi thân kiến như thế làm chỗ dựa, nên phát sanh nhận thức về tùy chuyển biến dị. Do kinh sợ nên đối với nẻo tịch diệt kia, tâm thối chuyển.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ sự kinh sợ như thế, nên có hai thứ pháp có nhiều chỗ tạo tác:

1. Ở chỗ các bậc có trí đồng phạm hạnh, tự hiển bày đúng như thật.

2. Nhân nơi pháp thiện, muốn phát khởi, hiểu rõ về tâm, cùng tâm điều hợp.

Lại phát khởi, hiểu rõ về tâm như thế: Là lắng nghe Chánh pháp, do ba thứ tướng nên phát sanh hoan hỷ:

1. Do hữu tình tăng thượng.

2. Do pháp tăng thượng.

3. Do tự tăng thượng.

- Hữu tình tăng thượng: Là do trông thấy đại sư đoan nghiêm, đủ uy lực lớn, đáng tán thán, kính ngưỡng sâu xa, cùng chỗ khen ngợi về pháp khéo thuyết giảng.

- Pháp tăng thượng: Nghĩa là pháp được thuyết giảng có thể khiến xuất ly khỏi khổ của nghiệp phiền não, cùng khiến tin hiểu về nghĩa thâm diệu tối thượng.

- Tự tăng thượng: Tức có năng lực, đối với pháp đã nêu giảng có thể tùy thuận giác ngộ.

Lại phát khởi tâm điều hợp như thế. Nghĩa là có ba kiến:

1. Hoặc dựa nơi tâm kia mà chuyển.

2. Hoặc do tâm kia nhận biết khắp.

3. Hoặc ứng hợp chỗ dẫn phát.

- Dựa nơi tâm kia mà chuyển: Là đối với các đế chưa được hiện quán, vì nhằm đạt được, nên dựa vào thắng giải cùng hành kia, hết sức khéo thường xuyên hành tập, chánh kiến mà chuyển.

- Do tâm kia nhận biết khắp: Tức dựa vào sự tùy thuận nơi chánh kiến hiện quán, đối với ba sự nơi Tát-ca-da-kiến của ngã chấp, cùng tánh là chỗ nương dựa của hai kiến đoạn, thường nơi tùy miên kia, và quả đã đạt được, có thể nhận biết rõ khắp. Nói ba sự:

1. Hoặc là đối tượng được nhận lấy.

2. Hoặc là chủ thể nhận lấy.

3. Hoặc nhận lấy như thế.

Đối tượng được nhận lấy là gì? Là năm thủ uẩn. Cái gì là chủ thể nhận lấy? Là bốn thứ.

Vì sao nhận lấy? Nghĩa là bốn thức trụ, tùy theo thứ lớp, như trước nên biết. Vì hai thứ nhận lấy là nơi chốn nương dựa của tâm.

Lại, đối với các triền hiện có kia đã dẫn dắt phi lý, duyên nơi cảnh

giới kia, Tát-ca-da-kiến sanh khởi chấp trước cùng tùy miên, như trước nên biết.

- Thế nào là ứng hợp với chỗ dẫn phát? Tức là trụ nơi pháp kia, có thể đoạn trừ vĩnh viễn ba sự chấp trước của Tát-ca-da-kiến, cùng với tùy miên, đối với trí Thánh đế không dựa vào duyên khác.

Lại, nếu dựa vào chỗ nên nhận biết khắp kia, lúc chánh kiến chuyển, đối với ba xứ khởi chấp trước về ngã, cùng có tùy miên, nên ở trong các hành, hoặc tích tập hoặc ẩn mất, không khéo nhận biết. Ở trong xứ, hành hãy còn không thể nhập, huống chi là được xuất ly. Nếu tùy thuận hiện quán, lúc chánh kiến an trụ, ở trong ba sự. Ngã chấp hiện có, đều đã lìa trói buộc, cũng như bị tùy miên trói buộc. Ở trong các hành, hoặc tích tập hoặc ẩn mất, có thể khéo nhận biết, nên xa lìa hai biên, nhập hành ở giữa, tuy chưa xuất ly, đều có thể xuất ly.

Nếu đã dẫn phát hiện quán Thánh đế, do chánh kiến nên ở trong ba sự không chấp trước ngã, xa lìa tùy miên. Ở trong xứ, hành trước là hướng nhập, sau do đấy mới được xuất ly. Nên biết ba kiến lúc chuyển như thế, có sai biệt ấy.

Lại nữa, tụng nêu:

Mau thông tự thể, cảnh giới trí
Lưu chuyển, biết đủ, hành thuận dòng
Biết đoạn tướng tưởng lập trái lương
Sự tạo tác các phẩm sau rộng.

Vì nhằm chứng đắc giải thoát cứu cánh chân thật, chưa đạt được, lược có ba pháp, có thể khiến đạt được thông huệ nhanh nhạy:

1. Lực của trí.

2. Lực không phóng dật.

3. Lực luôn hành tập.

- Lực của trí: Nghĩa là, nếu trụ nơi trí kia, tức có thể nối tiếp vĩnh viễn dứt hết các lậu. Nên biết tức là trí kiến của hàng hữu học.

- Lực không phóng dật: Tức đã đạt được tri kiến như thế, dựa vào đạo đã đạt được như vậy, theo phương tiện siêng tu, phòng hộ pháp ác bất thiện đối với tâm.

- Lực luôn hành tập: Tức dựa nơi phương tiện ấy, siêng tu, thường tạo, thường chuyển, trọn không cho ta là đối với hôm nay được dứt hết các lậu, tâm giải thoát chăng? Là nơi ngày tiếp, là nơi ngày sau? Do tư duy tà ấy khiến tâm chán mệt. Không chán mệt rồi liền không khiếp sợ.

Không khiếp sợ rồi, nên không bỏ gia hạnh, có thể dứt hết các lậu.

Hỏi: Trí, kiến có gì sai biệt?

- Đáp: Nếu soi chiếu quá khứ cùng do vị lai, không phải là cảnh hiện thấy, thì huệ này gọi là trí.

Soi chiếu về cảnh hiện tại, huệ này gọi là kiến.

Lại, đối tượng được nhận lấy làm duyên, huệ này gọi là trí. Chủ thể nhận lấy làm duyên, huệ này gọi là kiến.

Lại, do Văn, Tư tạo thành, huệ ấy gọi là trí. Do Tu tạo thành, huệ ấy gọi là kiến.

Lại, có thể đoạn trừ phiền não, huệ ấy gọi là kiến. Phiền não đoạn trừ rồi, có thể chứng đắc giải thoát, huệ ấy gọi là trí.

Lại, duyên nơi cảnh của tự tướng, huệ ấy gọi là trí. Duyên nơi cảnh của cộng tướng, huệ ấy gọi là kiến.

Lại, do giả thiết lập ở trong khắp các hành nội ngoại kia, hoặc lập làm ngã, hoặc lập làm hữu tình như Trời, Rồng, Dược xoa… Hoặc lập làm quân binh, nhà cửa v.v… Do các hành của lý thế tục như thế, duyên nơi cảnh được nhận thức, huệ ấy gọi là trí. Nếu là chủ thể nhận lấy nơi tự tướng, cộng tướng, huệ ấy gọi là kiến.

Lại, tìm cầu các pháp, huệ ấy gọi là trí. Đã tìm cầu rồi, quán xét các pháp, huệ ấy gọi là kiến.

Lại, duyên nơi ảnh tượng không phân biệt làm cảnh, huệ ấy gọi là trí. Duyên nơi ảnh tượng có phân biệt làm cảnh, huệ ấy gọi là kiến.

Lại, ảnh tượng của cảnh giới có sắc làm duyên, huệ ấy gọi là kiến.

Ảnh tượng của cảnh giới vô sắc làm duyên, huệ ấy gọi là trí.

Hành giả do hoặc trí hoặc kiến như thế làm chỗ nương dựa, lúc theo phương tiện tu tập, lại siêng năng tu bốn sự thiện xảo:

1. Sự quan sát.

2. Sự lấy, bỏ.

3. Sự xuất, nhận.

4. Sự phương tiện.

- Sự quan sát: Là bốn niệm trụ. Vì nhằm đối trị bốn điên đảo, nên nhận biết khắp đúng như thật về tất cả cảnh.

- Sự lấy, bỏ: Nghĩa là bốn chánh đoạn. Vì nhằm đoạn trừ pháp bất thiện cùng vì tu tập các pháp thiện.

- Sự xuất, nhận: Tức là bốn thần túc. Dựa nơi bốn Tĩnh lự, thứ lớp

vượt ra khỏi, khởi đầu từ ưu căn, cho đến lạc căn.

- Sự phương tiện: Nghĩa là các căn, lực, giác chi, đạo chi. Nên biết tức là chánh phương tiện có thể đoạn trừ các phiền não do kiến đạo, tu đạo đoạn dứt.

Siêng năng tu tập sự thiện xảo như thế, nên biết có bốn thứ nghĩa của đối tượng nương dựa và chủ thể nương dựa.

- Nghĩa của đối tượng nương dựa: Nghĩa là hành giả hành Quán, chánh cần tu tập.

- Nghĩa của chủ thể nương dựa: Tức là thành tựu việc tu học các pháp vô lậu, nhưng chưa thanh tịnh, vẫn bị màng lưới vô minh còn lại vây bọc.

Lại, các pháp kia do đạo thanh tịnh, sau mới thanh tịnh. Đạo thanh tịnh này, nên biết có bốn thứ sai biệt:

1. Quen gần với Chánh pháp. Tĩnh lự thẩm định đúng đắn.

2. Sự thân, bạn thân.

3. Dùng gốc Thi-la để giữ gìn các pháp như thiểu dục v.v…, huân tập, căn ngăn nơi tâm.

4. Ở riêng nơi chốn vắng lặng, dùng hai pháp Chỉ, Quán thù thắng, đạt an lạc chân chánh, làm sự hỗ trợ.

Lại, thanh tịnh là dựa vào đạo hành thanh tịnh kia, tu tập nhiều, khiến cho pháp hữu học phá trừ lưới vô minh, hướng đến địa vô học.

Lại, vì nhằm đạt được giải thoát cứu cánh chân thật, nên biết lược có năm thứ lần lượt:

1. Trước tích tập tư lương dùng làm chỗ dựa.

2. Dùng đấy làm chỗ dựa, tu Chỉ, Quán.

3. Dùng đấy làm chỗ dựa, hiện quán đầy đủ về đế, thắng giải về Niết-bàn.

4. Dùng đấy làm chỗ dựa, nơi chỗ chứng đắc còn kém, thiếu, không sanh biết đủ, cũng không an trụ, đối với pháp đáng chán, sanh sự chán bỏ sâu xa.

5. Dùng đấy làm chỗ dựa, chứng đắc định Kim cang dụ sau cùng, tương ưng nơi tâm học.

Lại nữa, do bốn nhân duyên, nên biết tất cả các hành, tự thể thảy đều là vô thường:

1. Tất cả tự thể nơi thọ lượng đều hữu hạn.

2. Tất cả tự thể đều do nhân sanh ra. Sự tạo tác của nhân kia là vô

thường.

3. Lại có tự thể rộng lớn, hưng thạnh, nhưng chung quy cũng bị bào mòn, hoại diệt.

4. Lại do A-cấp-ma thuận hợp, nghĩa là Đức Phật, Thế Tôn, đối với pháp tánh vô thường của các tự thể, hiện thấy hiện chứng mà tuyên thuyết.

Lại có ba thứ viên mãn sai biệt của các kẻ thọ dục: Do nhân duyên này, nên các kẻ thọ dục luôn mãi tạo hý luận. Những gì là ba? Đó là:

1. Tài sản viên mãn.

2. Tự thể viên mãn.

3. Hữu tình rộng lớn thù thắng, cung cấp viên mãn.

Nên biết lại có ba thứ nhân duyên, có thể đạt được viên mãn sai biệt như thế. Nghĩa là thí, giới, điều phục các căn cùng hành, cùng quả do tu đạt được của từ thuộc cõi Dục. Từ là sự dẫn dắt đi trước. Từ là nơi chốn của nhân, đối với các hữu tình bị tổn hại, cùng chuyển nơi hành tịch tĩnh.

Lại nữa, nên biết đối với sự của đối tượng nhận thức, có bảy thứ trí hành thông đạt như thật:

1. Trí đã đạt được.

2. Trí chưa đạt được.

3. Trí không điên đảo.

4. Trí của xứ ấy, không có nhận biết là không có.

5. Trí của xứ ấy, nhận biết chỗ còn lại là chẳng không.

6. Trí nhận biết về khổ, bất tịnh.

7. Trí nhận biết về sự diệt hoại mau chóng.

Lại do mười lăm thứ tướng biết rõ về các hành, có thể mau chóng đoạn dứt tất cả hành ngu. Những gì là mười lăm? Nghĩa là do thủy giới sanh ra nên vô ngã. Giống với ngã mà hiển hiện nên không trụ. Theo dục mà tạo tác, nên biết rõ các sắc cũng như bọt nước tụ lại. Do ba hòa hợp sanh pháp tương tợ, như mây, đất, mưa theo phương tiện hòa hợp, biết rõ các thọ dụ như bọt nước nổi. Nơi cảnh của đối tượng nhận thức, pháp tương tợ có thể hiển bày, có thể thiêu đốt, có thể khiến mê loạn, nên biết rõ các tưởng đồng như dợn nắng. Tát-ca-da-kiến là gốc rễ đã đoạn trừ. Nhiều thứ nhân của tự thể có sai biệt. Pháp tương tợ nơi lượng sát na, thời gian sau không tạm dừng, nên biết rõ các hành ví như thân cây chuối. Thức của hữu thủ dựa nơi bốn thức trụ, phát khởi đủ loại tự thể, tùy chuyển theo pháp tương tợ, nên biết rõ các thức giống với sự huyễn.

Phân biệt rộng các điều ấy, nên biết như nơi phần Nhiếp dị môn ở

trước.

Lại nữa, có hai thứ thế gian thâu tóm tất cả hành:

1. Hữu tình thế gian.

2. Khí thế gian.

Hữu tình thế gian gọi là chủng loại sanh tử. Khí thế gian gọi là khí sanh tử (vật chứa đựng sanh tử). Chủng loại sanh tử không đồng với pháp sanh tử khác. Đối chiếu với khí sanh tử, nên biết lược có năm phần không đồng: Nghĩa là khí sanh tử cùng với nhân sanh ra. Chủng loại sanh tử thì chỉ do không cùng. Đó gọi là nhân, là phần thứ nhất không đồng.

Lại, khí sanh tử, ở nơi biên vực không đầu cuối, trước sau, đoạn. Chủng loại sanh tử, ở nơi không đầu cuối nối tiếp lưu chuyển, không đoạn dứt. Đó gọi là thời, là phần thứ hai không đồng.

Lại, khí sanh tử, hoặc bị lửa nước gió đoạn hoại. Chủng loại sanh tử thì không như thế. Đó gọi là đối trị, là phần thứ ba không đồng.

Lại, khí sanh tử, nhân không vĩnh viễn đoạn trừ, chủng loại sanh tử thì đoạn rồi không nối tiếp. Đó gọi là nối tiếp, là phần thứ năm không đồng.

Lại, đối với sanh tử do năm thứ tướng, khiến tất cả hàng ngu tối lưu chuyển không dứt:

1. Do nhân của ái.

2. Do quả của ái.

3. Do tự tánh của ái.

4. Do nhân lần lượt.

5. Tức nhân lần lượt nương dựa nơi đời trước không cùng tận.

Ở đây, vô minh đó gọi là nhân của ái. Các nghiệp khiến có thể sanh nơi nẻo thiện nẻo ác, đó gọi là quả của ái. Do nghiệp khiến đi đến nẻo thiện, bị ái kiết trói buộc, kẻ ngu tự nhiên vui thích đi tới. Do nghiệp khiến đi tới nẻo ác, bị vòng xích ái cột chặt, kẻ ngu tuy không muốn đến, nhưng bị cưỡng bức khiến đến.

Tự tánh của ái: Lược có ba thứ:

1. Ái của hữu sau.

2. Ái cùng hành với hỷ, tham.

3. Ái của các thứ hỷ lạc kia. Ba ái như thế lược gồm thâu làm hai:

1. Ái hữu.

2. Ái cảnh.

Ái của hữu sau, đó gọi là ái hữu. Ái cùng hành với hỷ, tham.

Nghĩa là lúc sắp đạt được cảnh giới hiện tiền, cùng đã đạt được cảnh nhưng chưa thọ dụng, và đối với cảnh hiện tiền đang thọ dụng với những tham ái hiện có.

Ái của các thứ hỷ lạc kia: Là tham ái hiện có đối với cảnh được mong cầu của vị lai. Nên biết ở đây do ái cùng hành với hỷ tham nên gọi là ái kiết buộc. Do ái của hữu sau cùng ái của các thứ hỷ lạc kia, nên gọi là vòng xích ái cột chặt. Nếu đối với sự việc kia, ái kiết trói buộc, gọi là dong ruổi. Nếu ở nơi sự việc kia, vòng xích ái cột chặt, gọi là lưu chuyển.

Lại, đối với đời lâu xa, nhân lần lượt dẫn đến các hành nối tiếp, biên vực trước khó nhận biết nẻo vô cùng tận của sau, do năm tướng khiến kẻ ngu lưu chuyển ấy, nên biết lại do năm tướng trói buộc:

1. Trói buộc nơi xứ kia.

2. Do xứ kia mà bị trói buộc.

3. Chính là chủ thể trói buộc.

4. Dựa nơi xứ kia nên bị trói buộc.

5. Có chỗ lãnh nhận.

- Trói buộc nơi xứ kia: Tức do nghiệp nên có thể đi đến nẻo thiện, trụ nơi nẻo thiện mà bị trói buộc Hoặc do nghiệp nên có thể đi tới nẻo ác, ở nơi nẻo ác, bị gắn chặt mà trói buộc.

Lại do ái cùng hành với hỷ tham, nên đối với sự của chính mình, trụ mà bị trói buộc. Do ái của các thứ hỷ lạc kia, cùng ái của hữu sau, nên đối với sự việc của chính mình, gắn chặt mà bị trói buộc.

- Do xứ kia mà bị trói buộc: Tức là phàm phu ngu tối bị vô minh trói buộc.

- Chính là chủ thể trói buộc: Là pháp tương tự của tự đồng loại đối với khổ không chán.

- Dựa nơi xứ kia mà bị trói buộc: Là dựa nơi uẩn sau mà bị trói buộc.

- Có chỗ lãnh nhận: Là lãnh nhận các khổ như sanh v.v…

Lại nữa, phàm phu ngu tối, đối với các sự hữu lậu có bốn thứ biết đủ, nên biết phần nhiều là các ngoại đạo. Đó là:

1. Biết đủ đối với thân người.

2. Biết đủ đối với thân Trời thuộc cõi Dục.

3. Biết đủ đối với việc sanh cõi Phạm thế.

4. Biết đủ đối với việc đạt đến biên vực Hữu đảnh.

Kẻ ngu đối với các thứ kia, theo thứ lớp, hoặc đi hoặc trụ, hoặc ngồi

hoặc nằm.

Lại có năm thứ khiến tất cả kẻ ngu yêu thích đường đi:

1. Hữu sau.

2. Cảnh giới mong cầu của vị lai.

3. Cảnh giới hiện tiền sắp được.

4. Cảnh giới hiện có đã được.

5. Cảnh giới hiện tiền đang thọ dụng.

Nên biết, đối với các pháp kia, như thứ lớp, đi đến v.v… có sai biệt.

Ở đây, đi tới có hai thứ:

1. Đối với hữu sau.

2. Đối với cảnh giới mong cầu của vị lai. Lại có bốn thứ yêu thích đường đi:

1. Cảnh giới do ý nghiệp mong cầu.

2. Hai nghiệp thân, ngữ.

3. Đạt được.

4. Ở trong chỗ đạt được, theo sự mong muốn, hoặc chuyển hoặc hành tập.

Đây là phát nghiệp yêu thích đường đi, hoặc cầu cảnh giới, hoặc lại các hữu, nên biết đối với bốn thứ đường đi kia, như thứ lớp của chúng, đi đến v.v… có sai biệt.

Như nói về đi đến v.v…, đối với các sự hữu lậu khác đã nói, với sự biết đủ hiện có, yêu thích đường đi, vui thích hý luận, nhiễm chấp tham đắm bốn xứ có sai biệt, như thứ lớp của chúng, nên biết cũng thế.

Lại có hai thứ sai biệt nơi quả tướng của sự yêu thích đường đi:

1. Sai biệt của tâm.

2. Sai biệt của thân.

Sai biệt của tâm lại có hai thứ:

1. Sai biệt của phẩm loại.

2. Sai biệt của tạp nhiễm.

- Sai biệt của phẩm loại: Là do tự tánh, chỗ dựa, đối tượng duyên, trợ bạn.

- Sai biệt của tạp nhiễm: Là do hiền não hiện có như Tham-sân-si cùng các tùy phiền não.

Sai biệt của thân cũng có hai thứ:

1. Vô số thân có sai biệt.

2. Một loại thân có sai biệt.

Nên biết ở đây, sai biệt của tạp nhiễm hiện có nơi tâm, có thể làm nhân cho hai thứ sai biệt của thân.

Vì nhằm đoạn trừ chúng, các người tu hành nên dùng thường xuyên tác ý không điên đảo, siêng tu hành Quán.

Lại do bốn thứ nhân sai biệt, nên khiến quả sai biệt:

1. Hoặc đối với sai biệt ấy.

2. Hoặc do sai biệt ấy.

3. Hoặc tức sai biệt ấy.

4. Hoặc như sai biệt ấy.

- Đối với sai biệt ấy: Là đối với sai biệt hiện có của nẻo thiện, nẻo ác.

- Do sai biệt ấy: Tức do Tham-sân-si làm nhiễm ô tâm khiến có sai biệt kia.

- Tức sai biệt ấy: Nghĩa là vô số sai biệt của năm thứ hành gồm thâu thân thọ nhận.

- Như sai biệt ấy: Tức đối với nhân duyên thanh tịnh, tạp nhiễm của các hành lưu chuyển cùng thể thanh tịnh, không nhận biết đúng như thật, sanh vui thích v.v… cùng vô số sai biệt, như đi chạy tới v.v…

Lại nữa, không thể thông tỏ các hành vô thường, Tát-ca-da-kiến làm chỗ dựa, thuận theo dòng chảy mà hành, các hàng ngu tối, do năm thứ tướng, nên biết là thuận theo dòng chảy mà bị chìm nổi:

1. Hoặc ở nơi sự chìm nổi ấy.

2. Hoặc do sự chìm nổi ấy.

3. Hoặc dựa vào sự chìm nổi ấy.

4. Hoặc như sự chìm nổi ấy.

5. Hoặc các tướng hiện có lúc chìm nổi.

- Ở nơi sự chìm nổi ấy: Là ở nơi nẻo thiện, nẻo ác mà bị chìm nổi.

Như từ hai bờ kia đây qua lại đều bị chìm nổi.

- Do sự chìm nổi ấy: Là do tánh nhận chìm của sông ái nên bị chìm nổi. Nên biết ái này có năm thứ tướng:

1. Đi đến các cảnh giới, thuộc phần kém của nẻo, cõi.

2. Tùy hành vi tế, khó nhận biết rõ.

3. Nơi các cảnh giới khó xoay chuyển.

4. Cho đến cõi Hữu đảnh, cũng là chốn theo đuổi của vô số các hành lớn rộng.

5. Tướng không tịch tĩnh, làm loạn thân tâm.

- Dựa vào sự chìm nổi ấy: Là dựa vào năm thứ các hành như sắc v.v… mà bị chìm nổi. Tức ở nơi hai bờ của nẻo thiện, nẻo ác, có năm thứ hành với phẩm loại sai biệt, thường xuyên duyên vịn, thuận dòng chìm nổi.

- Như sự chìm nổi ấy: Thế nào là chìm nổi? Nghĩa là đối với các hành, như trước đã nói về sự lưu chuyển, theo thứ lớp của chúng không nhận biết đúng như thật, hoặc chấp là ngã cùng ngã sở.

- Các tướng hiện có nơi lúc chìm nổi: Nghĩa là kẻ kia, lúc bị chìm nổi như thế, tuy thân rất yêu quý muốn khiến được dài lâu, nhưng do tự tánh diệt, nên không thể khiến trụ.

Như bị chìm nổi, cùng với đấy trái nhau, nên biết tức là ngược dòng chảy mà hành.

Lại, bậc thông huệ, có mười thứ tướng, nên biết là gồm thâu đủ tướng của các thông huệ. Đó là:

1. Thành tựu Huệ câu sanh.

2. Thành tựu Huệ phương tiện do Văn-Tư-Tu tạo thành.

3. Thành thục nên không dao động. Khéo tư duy về chỗ nên tư duy. Khéo thuyết giảng về chỗ nên nêu giảng. Khéo tạo tác chỗ nên tạo tác.

4. Có thể tự dựa nơi tánh hiện có của mình, chưa từng vì sự sống mà nhờ cậy kẻ khác.

5. Có chỗ cầu mong, không gì là không an lạc.

6. Có chỗ cầu đạt, có thể dựa nơi hành chân chánh, thảy đều dùng pháp, không dùng phi pháp.

7. Các thứ vật dụng, của cải thích hợp với mình, có thể phòng giữ đúng đắn không khiến mất mát.

8. Quán xét lỗi lầm, tai họa mà thọ dụng.

9. Đối với thuốc men hiện có của duyên bệnh, luôn quan sát, xét chọn, sau đấy mới sử dụng.

10. Có thể khéo tránh được duyên chết phi thời.

Mười thứ tướng của thông huệ như thế, nên biết là gồm thâu đủ tướng của các thông huệ.

Lại nữa, ở trong các hành, dựa nơi lý vô ngã, để nhận biết, đoạn trừ, nên biết lược do ba tướng sai biệt.

Nghĩa là, đối với các hành, có thể nhận biết rõ khắp về Tát-ca- da-kiến, nhưng chưa đoạn trừ. Hành giả kia đối với các hành có hành quên niệm, nhưng phần nhiều là hiện hành ít không quên niệm. Tát-ca- da-kiến đã vĩnh viễn dứt trừ: Nên biết tướng ấy cùng với phần kia trái nhau. Đó gọi là tướng sai biệt thứ nhất.

Lại, nơi các hành, tuy nhận biết rõ khắp về Tát-ca-da-kiến, nhưng chưa đoạn trừ, ở trong các sự việc rộng lớn, khả ái, sanh nhiều hỷ lạc. Đối với các cảnh giới thấp kém không đáng yêu thích, sanh nhiều sầu khổ. Hai cảnh giới kia lúc hiện tiền, người không phóng dật, tự mình hãy còn không thể buộc giữ chánh niệm, huống hồ là kẻ phóng dật. Kẻ kia bấy giờ bị Tát-ca-da-kiến vây buộc nơi tâm, do đấy khiến tâm không thể hiểu rõ.

Tát-ca-da-kiến nơi người đã đoạn trừ vĩnh viễn: Nên biết về tướng, so với trường hợp kia là trái nhau. Đó gọi là tướng sai biệt thứ hai.

Lại, đối với các hành, Tát-ca-da-kiến chưa đoạn trừ vĩnh viễn: Tác chưa có thể ở trong tất cả hành nội, hiện tiền an lập lìa tướng hữu tình, như đối với sự vật bên ngoài, như cỏ cây lá v.v…

Người đã đoạn trừ vĩnh viễn Tát-ca-da-kiến: Nên biết tướng ấy cùng với trường hợp kia trái nhau. Đó gọi là tướng sai biệt thứ ba. Như thế là đã đoạn trừ Tát-ca-da-kiến, có ba thứ tướng sai biệt ấy, nên biết lại có ba thứ thắng lợi:

1. Đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não có thể chiêu cảm hữu sau.

2. Dựa vào đấy, không lâu sẽ đạt được sự tích tập mau chóng đạo đối trị.

3. Đã tạo nghĩa lợi cho mình rồi, tức dựa vào đạo kia, theo phương tiện siêng tu hiện pháp lạc trụ, do đấy đạt được an lạc trụ cùng tột.

Lại nữa, do bốn sai biệt, nên biết tu tập tưởng vô thường, khổ não của tất cả thứ hành. Những gì là bốn? Đó là:

1. Sai biệt về quả.

2. Sai biệt về tự tánh.

3. Sai biệt về phẩm loại.

4. Sai biệt về phương tiện.

- Sai biệt về quả: Là tu tập tướng này, có thể trừ bỏ tất cả tham của ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc, cùng trạo, mạn, vô minh. Nên biết ở đây hiển thị ba thứ phiền não gốc được đoạn trừ, cùng hiển bày ba thứ tùy phiền não được đoạn trừ. Phiền não tham của cõi Dục, trạo cử là trợ bạn. Phiền não tham của cõi Sắc, mạn là trợ bạn. Hoặc tham của cõi Vô sắc, vô minh là trợ

bạn.

Lại có sai biệt: Tức ở trong ấy, hiển thị kiết hạ phần, thượng phần đã dứt hết.

- Sai biệt về tự tánh: Nghĩa là ở trong đó, do tu tập đúng đắn về huệ do Văn tạo thành, gọi là thân cận. Do tu tập đúng đắn về huệ do Tư tạo thành, có thể nhập tu, gọi là tu tập. Do tu tập đúng đắn về huệ do Tu tạo thành, gọi là tu tập nhiều.

Lại do tu tập tác ý liễu tướng, gọi là thân cận. Chỉ trừ tác ý gia hạnh cứu cánh, do tu tập đúng đắn các tác ý còn lại, gọi là tu tập. Do tu tập tác ý gia hạnh cứu cánh, gọi là tu tập nhiều, đó gọi là loại sai biệt thứ hai, thứ ba.

Lại, do tác ý ề chỗ dựa, đối tượng duyên, tùy theo thứ lớp, nên biết đó gọi là thừa, là sự, là tùy kiến lập.

Lại, do trong thời gian dài, thường xuyên tu tập, nên gọi là thuần thục. Luôn luôn tu tập theo phương tiện thuận hợp, nên gọi là khéo thọ nhận cùng khéo phát khởi.

- Sai biệt về phẩm loại: Tức lúc tu tưởng vô thường như thế, có thể mau chóng dứt trừ vĩnh viễn hết thảy tùy miên, lìa bỏ tất cả pháp thiện của địa dưới, thâu nhận tất cả pháp thiện của địa trên. Đối với hết thảy tưởng bất tịnh khác, tánh rất cao rộng, có thể khéo trụ giữ. Hành khắp tất cả, cũng như quán xét sự việc của đối tượng nhận lấy. Tức quán sự việc của chủ thể nhận lấy như thế, tướng giải thoát kia có thể đạt được tưởng vô thường, vô lậu. Hoặc tướng hữu lậu, hoặc tưởng vô lậu, như vậy tất cả đều đối với Niết-bàn khéo có thể tùy thuận, hướng đến, sắp nhập. Đều có thể đối trị bóng tối lớn của vô minh, hết thảy đều vĩnh viễn đoạn trừ. Do được đoạn trừ nên thanh tịnh, tươi trắng. Các tưởng vô học đều do tất cả tưởng học vô lậu tăng thượng nên được.

- Sai biệt về phương tiện: Là ở riêng nơi chốn vắng lặng, do thường xuyên tác ý không điên đảo, quán xét các hành, tánh là vô thường, do tưởng vô thường trụ nơi tưởng vô ngã. Ở trong kiến đạo đã trụ nơi tưởng vô ngã vô lậu rồi, đối với tu đạo trên, do tưởng hữu học vĩnh viễn loại trừ ngã mạn, theo đấy đạt được hai thứ Niết-bàn đều đủ.

Lại nữa, vì trụ nơi Niết-bàn, nhưng chưa tích tập tư lương thiện, lược có năm thứ pháp trái với tư lương:

1. Nhớ nghĩ về các sự việc vui cười, thừa phụng, hoan lạc ngày trước, nhân đấy phát khởi tác ý suy xét luyến mộ cùng hành, sanh sầu não.

2. Do vô số các thứ ấy làm chỗ dựa, nên ở trong pháp được lãnh nhận rốt ráo, sanh nhiều quên niệm, khiến đối với các pháp không thể hiển bày

rõ.

3. Do ăn uống hoặc quá hoặc thiếu, vì thế khiến thân nặng nề hoặc suy yếu, đối với các phạm hạnh không thích tu trì.

4. Vui thích ngủ nghỉ, không thường xuyên hành đoạn dứt, nên bị thùy miên phẩm thượng trói buộc.

5. Gần gũi với các thứ hỗn tạp mà trụ, xa lìa nẻo gia hạnh tư duy chắc thật về Chánh pháp.

Năm thứ pháp trái với tư lương như thế, lại có năm thứ pháp tùy thuận nơi chúng:

1. Đối với việc lìa hai thứ dục, tùy theo một thứ cũng chưa có thể lìa. Nghĩa là nơi các triền, là lìa dục phần xa, siêng tu phẩm thiện, cùng đối với tùy miên được vĩnh viễn loại trừ, là lìa dục đạt được đối trị đúng đắn.

2. Không giữ gìn căn môn.

3. Ăn uống không biết lượng.

4. Đầu đêm, cuối đêm không thể gắng sức siêng tu tỉnh giác.

5. Không thể quán xét pháp thiện một cách rốt ráo.

Cùng với trên trái nhau, nên biết đó gọi là pháp thuận với tư lương, và pháp tùy thuận có thể thuận theo tư lương kia.

Lại, các Thanh văn tu hành pháp thuận tư lương như thế, cùng Do nhân duyên ấy, nên trong thời gian đó, lúc cầu đạt Niết-bàn, Đại sư đã vì các vị chế lập năm thứ ngôn giáo chánh đạo:

1. Do dựa nơi sự quán xét pháp như đã lãnh hội, đối khắp tất cả các hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh, lại do tác ý thế gian mà được không nghi hoặc.

2. Vào lúc trụ, không vướng mắc nơi ba sự để tầm tư bất chánh. Ba sự là:

- Các vật dụng nuôi sống thân mạng.

- Tướng tổn hại kẻ khác.

- Hoặc bị kẻ khác hủy nhục.

Hoặc tùy có một thứ không yêu thích hiện hành, là pháp không đồng phần của các vị đồng phạm hạnh.

3. Chỉ dạy, trao truyền là trước hết. Do dựa nơi âm thanh kẻ khác, tác ý như lý, nên có thể sanh chánh kiến, có thể đoạn trừ tà kiến. Nên biết ba thứ ấy gọi là ngôn giáo của chánh đạo lúc trụ.

Lại có hai thứ ngôn giáo của chánh đạo nơi lúc hành. Nghĩa là các

bậc đồng phạm hạnh có trí, lúc vì kẻ khác tuyên thuyết về xứ phi xứ, không sanh giận dữ. Lại do các vật dụng nuôi sống thân mạng thô xấu, hoặc được hoặc không được, cùng do Giới v.v… hiện có tai hại, nhưng tâm không nhiệt não. Đó là loại thứ nhất.

Đối với việc đạt được lợi dưỡng, sự cung kính thù thắng, tâm không lo lắng. Đó là loại thứ hai.

Hành giả do lúc trụ lúc hành như thế, nên có thể tu tập đúng đắn diệu đạo Niết-bàn, do đấy không lâu sẽ chứng đắc Niết-bàn, trọn không hủy mất.

Lại nữa, bậc Đại sư đối với các Thanh văn, lược có năm thứ sự việc tạo tác của bậc Thầy:

1. Điều phục đúng đắn.

2. Thâu nhận chính đáng.

3. Quở trách đúng đắn.

4. Nêu đúng đắn về tạp nhiễm.

5. Nêu đúng đắn về thanh tịnh.

Lại nữa, do hai nhân duyên, đối với các sự việc tranh biện trái vượt nơi Thanh văn, che giấu cùng "ký biệt" sự việc đã tranh luận kia. Đó là:

1. Nhiễu loạn tăng rộng.

2. Tương ưng với luật.

Lại nữa, do bảy nhân duyên nên bậc Đại sư từ bỏ các chúng Thanh văn:

1. Thấy tất cả loại đều hành theo hành tà.

2. Thấy các hành kia chiếm phần nhiều.

3. Do vì đứng đầu của chúng kia tạo phương tiện để thành "thượng tòa" đối với A-già-lợi-da, Ô-ba-đà-da.

4. Không kham nhẫn cùng trụ.

5. Bị đuổi hẳn.

6. Lẩn tránh lỗi lầm hiện tiền.

7. Khiến lỗi lầm vị lai không sanh khởi.

Lại nữa, do mười nhân duyên, nên Đức Như lai đi vào xóm làng khất thực:

1. Sẽ hiển bày công đức của hạnh Đầu-đà.

2. Vì muốn dẫn dắt phần của chúng kia khiến nhập khất thực.

3. Vì muốn dùng hành đồng sự để thâu tóm một phần của chúng kia.

4. Vì muốn cùng với chúng sanh đời vị lai làm ánh sáng tỏa chiếu

rộng lớn, cho đến khiến họ tạm khởi xúc chứng.

5. Vì muốn dẫn dắt chúng sanh thô kém kia thắng giải về các ngoại đạo.

6. Vì các chúng sanh kia dựa theo âm thanh, khởi hủy báng, nên hiện bày sắc diệu nơi oai nghi tịch tĩnh khiến họ kinh ngạc, tâm sanh quy hướng.

7. Vì khiến cho chúng sanh trong xứ kia, dùng công sức ít mà gieo trồng nhiều phước đức.

8. Vì khiến cho kẻ phóng dật hủy hoại niềm tin, sanh khởi xấu hổ sâu xa, tuy dùng công sức nhỏ mà đạt được phước lớn. Như vì kẻ phóng dật, thì đối với kẻ biếng nhác cũng thế.

9. Vì vô số tai hại của các chúng sanh đui điếc, điên cuồng, tâm loạn, đều khiến tĩnh dứt.

10. Vì khiến cho tám chúng hộ pháp như Trời, Rồng, Dược xoa v.v… với uy đức rộng lớn vô biên, tháp tùng với Đức Như lai đến các nơi chốn khất thực, sanh sự kính ngưỡng tốt đẹp, sâu xa, siêng năng tăng thêm việc bảo vệ khách, không bị não hại.

Lại nữa, do tám nhân duyên, nên Đức Như lai nhập nơi thiên trụ tịch tĩnh:

1. Vì dẫn dắt kẻ ưa thích tạp trụ, khiến họ nhập vào nẻo xa lìa.

2. Vì muốn dùng hành đồng sự thâu tóm kẻ xa lìa.

3. Tự thọ nhận hiện pháp lạc trụ.

4. Vì cùng với chư Thiên đại tộc, chỉ rõ là đồng tập hội.

5. Vì dùng Phật nhãn quan sát mười phương thế giới, hiện đại thần hóa, theo chỗ ứng hợp, tạo các sự việc lợi ích.

6. Vì khiến cho các chúng Thanh văn, đối với việc gặp Như lai sanh khởi sự khát ngưỡng sâu xa.

7. Vì nhằm hiển bày các vị Đại Thanh văn đối với pháp đã lược nêu, khéo có thể ngộ nhập.

8. Khuyên xả bỏ việc ưa thích, chấp trước nơi hý luận, tạo tác ngôn từ.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên bậc Đại sư thâu nhận các chúng Thanh văn:

1. Do pháp.

2. Do tài sản.

3. Do cùng nương dựa.

4. Do sự thâu nhận ban đầu.

5. Do giúp sức để thâu nhận.

Lại nữa, do bảy nhân duyên, nên Đế Thích Phạm Thiên đi đến trụ xứ của Như Lai:

1. Vì để cúng dường Như lai.

2. Vì để được nghe Chánh pháp.

3. Vì để quyết đoán chỗ sanh nghi.

4. Vì thuận theo người khác mà làm kẻ tùy tùng.

5. Vì thương xót kẻ khác, muốn tạo lợi ích.

6. Do quý trọng Thánh giáo của Như lai.

7. Nhận biết Đức Như lai khởi tâm thế tục, muốn khiến mình phó hội.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên biết tánh của tất cả người mới tu tập:

1. Do xuất gia muộn.

2. Do xuất gia từ ấu thơ.

3. Do xuất gia từ thiếu niên.

4. Do khó nhọc thúc đẩy xuất gia.

5. Do xuất gia thọ cụ giới.

Lại nữa, do ba thứ tướng, nên sanh khởi ố tác:

1. Trái vượt đối với sở học tăng thượng.

2. Nguyện thọ nhận Pháp-Luật tăng thượng.

3. Dứt bỏ cuộc sống gia đình tăng thượng.

Lại nữa, Đức Như lai sắp sửa vì các Thanh văn tuyên thuyết Chánh pháp, hiện bày bốn thứ tướng:

1. Từ nơi chỗ ngồi rất thấp, thong thả khởi lên tòa ngồi rất cao, an nhiên mà ngồi.

2. An trụ thuận theo oai nghi thuyết pháp.

3. Phát khởi âm thanh vui vẻ, chỉ rõ là sắp thuyết pháp.

4. Diện mục ngắm nhìn khắp cả, như long tượng vương.

Lại nữa, Thanh văn phạm giới, nên an trụ nơi ba xứ, xấu hổ khi đi đến trụ xứ của Đại sư:

1. Biết rõ điều đã phạm, là xứ tăng thượng.

2. Thờ sư, mất oai nghi là xứ tăng thượng.

3. Do sự việc sai trái, tức nên dùng phương tiện điều phục oai nghi,

đi đến trụ xứ của Đại sư là xứ tăng thượng.

Lại nữa, do ba thứ tướng, nên chính thức quở trách Thanh văn phạm giới:

1. Ông chỉ trông mong về cuộc sống thấp kém.

2. Ý lạc của ông không thanh tịnh.

3. Ý lạc của ông là dùng đời sống để hành phi pháp.

Lại nữa, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, lược do sáu tướng, nên biết là thâu tóm khắp tất cả hành tà:

1. Lỗi lầm của hiện hành.

2. Lỗi lầm của ý lạc.

3. Lỗi lầm của gia hạnh.

4. Lỗi lầm của tầm tư.

5. Lỗi lầm của nương dựa.

- Lỗi lầm của hiện hành: Nghĩa là do triền tham nên nhiễm, do triền sân nên ghét. Đã mang giữ tham sân mãnh liệt, nên hầu như không biết xấu hổ. Do không xấu hổ nên trụ nơi ác không bỏ.

- Lỗi lầm của ý lạc: Nghĩa là đối với biên nhiễm thí ý lạc của tham ấy là hết sức thấp kém. Như vậy, đối với biên ghét bỏ, ý lạc của sân ấy cũng hết sức thấp kém.

- Lỗi lầm của gia hạnh: Tức hoặc có khi không phát khởi tinh tấn, hoặc có lúc tinh tấn chậm chạp.

- Lỗi lầm của trí huệ: Nghĩa là hoặc ở trong huệ do Văn Tư tạo thành quên mất chánh niệm, trụ nhiều nơi ngu tối. Đối với huệ do Tu tạo thành, tâm không tịch định.

- Lỗi lầm của tầm tư: Nghĩa là đối với các thứ giác ác, bất thiện hiện có của việc thuận theo đời sống gia đình, phần nhiều tầm tư, nên đối với Chánh pháp-luật, tâm bị tán loạn.

- Lỗi lầm của nương dựa: Tức kẻ kia nương dựa nơi nhân không tu tập từ thời xa xưa. Do nhân không tu tập, nên tạo thành tự tánh hẹp kém, tin nhỏ, tạo thành tự tánh tu trụ nơi Giới nhỏ, tạo thành tự tánh trụ giữ niệm nhỏ, tạo thành tự tánh cùng sanh huệ nhỏ.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên có thể khiến kẻ kia tuy nhập nơi Thánh giáo nhưng hành theo hành tà:

1. Do ý lạc thấp kém, không tịnh.

2. Do xét tìm những tỳ vết của Thánh giáo, là giặc của Chánh pháp.

3. Do chuyên vì nhân duyên ăn uống, y phục, đời sống.

4. Do sợ hãi vua quan, giặc cướp, chủ nợ tăng thêm sự bức bách. Nếu hành theo các hành tà như thế, nên ở nơi hai sự có chỗ trở ngại:

1. Trở ngại vì hoại mất tự nghĩa của tại gia.

2. Trở ngại vì hoại mất tự nghĩa của xuất gia.

Lại nữa, hành tà như thế có hai nhân duyên. Nghĩa là đối với ba sự không tầm tư đúng đắn, cùng các tướng bất chánh của hành trước kia. Về ba sự, như trước đã nói, nên biết.

Đối với việc phát khởi các tướng bất chánh kia, theo đấy giữ lấy tướng tốt. Từ đấy về sau, đối với tùy pháp kia, phần nhiều tùy theo tầm tư, dò xét.

Lại nữa, vì nhằm đoạn trừ nhân duyên của hành tà như thế, nên biết cũng có hai thứ đối trị:

1. Vì nhằm đoạn trừ tầm tư bất chánh, nên thường xuyên dùng hai hành không điên đảo, đối với các niệm trụ khéo khiến tâm an trụ.

2. Vì đoạn dứt các tướng không đúng đắn, nên tâm tu tập Tam-ma-địa vô tướng.

Tu đối trị này, chính yếu là do ở trong việc tu đối trị kia, cần vui thích mong muốn mãnh liệt mới có thể thành tựu đầy đủ, không phải là sự vui thích mong muốn không mãnh liệt.

Sự mong muốn mãnh liệt ấy do hai duyên sanh. Nghĩa là sự đối trị ấy có quả lớn, nên không chung với tất cả các ngoại đạo. Có quả lớn: Nghĩa là lúc tu tập liền có thể khắc phục, chứng đắc định tâm vô tướng, cùng trụ nơi môn cam lồ vi diệu của hai cảnh giới. Đó là cảnh giới đoạn trừ và cảnh giới không dục, hoặc Hữu dư y và Vô dư y. An trụ nơi ấy là gần với hai Niết-bàn, hiện tại chưa được, nhưng tất cả đều được.

Nói không chung: Tức định vô tướng chỉ nội pháp có, các ngoại đạo không có. Vì sao? Vì do ngoại đạo kia nếu có chỗ đạt được, tức liền tăng ích quán không đúng như lượng. Nếu không chỗ đạt được, tức vọng phân biệt. Do ngã kiến nên ngu tối đối với các hành. Hoặc chỉ nơi thân, hoặc chỉ là vô sắc, hoặc gồm chung cả hai, sanh chấp trước về ngã. Do chấp ngã, cho ngã sẽ là không, nên đối với Niết-bàn, tâm không vui thích, hãy còn chưa có thể đi vào, huống hồ là an trụ, chỉ tăng thêm kinh sợ khiến tâm thối lui. Người trụ nơi nội pháp, cùng với ngoại đạo kia trái nhau, ở nơi Bát Niết-bàn tâm không thối chuyển, biết rõ chỉ là khổ diệt, thấy chỉ là đức tĩnh. Nếu các vị hữu học chỉ cầu nơi nội diệt, không vì đạo sanh, lại từ kẻ khác

cầu chỉ dạy trao truyền, khuyên bảo. Hoặc các bậc vô học chỉ vui mừng nơi nội diệt, rốt cuộc lại không cầu dứt hết các phiền não. Chỉ có nhân trước đã sanh các hành, tự nhiên quy diệt mà Bát-niết-bàn.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 87

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh, Hành Lựa Chọn, Thâu Tóm Thứ Nhất,

Đoạn 3:

Lại nữa, tụng nêu:

Nhân thắng lợi, hai trí
Kẻ ngu phần vị năm
Hai thứ kiến sai biệt
Đối với Thánh giáo ấy.

Nhân của tất cả hành lược có hai thứ:

1. Chung.

2. Không chung.

- Nhân chung: Nghĩa là hỷ làm nhân trước. Do hỷ ấy nên đối với các xứ sanh kia ngăn chặn sự chán lìa, làm nhuần thấm tự thể. Vì dục sắp sanh nơi xứ đã sanh, tuy có tất cả phiền não làm nhân, nhưng ở nơi xứ sanh, kẻ sanh hỷ sanh, không phải kẻ ở nơi xứ kia khởi tưởng chán nghịch.

Lại, tức hỷ này chỉ dựa nơi sắc mà nói. Nhân trước sanh rồi, không đợi nhân khác mới hoàn toàn chuyển.

- Nhân không chung: Nghĩa là thuận theo xúc khổ vui, không khổ vui, đối chiếu nơi tâm pháp hiện có như thọ v.v…, ý diệt vô gián, cùng câu sanh, gọi là mười thứ sắc v.v… so với sáu thứ thức. Do các pháp kia tuy từ nhân trước sanh ra, từng sát na sát na riêng đợi nhân khác mới được sanh khởi.

Lại nữa, các vị A-la-hán tâm có giải thoát, trí kiến có thanh tịnh, có bốn thắng lợi, nên biết không cùng chung với các ngoại đạo:

1. Lúc hành trì, tánh luôn thường trụ.

2. Lúc trụ, tánh trụ nơi vô tướng.

3. Nhân trước xa sanh khởi các hành tự nhiên quy diệt.

4. Nhân hiện tại của hành hữu sau đã đoạn trừ nên sẽ không sanh nữa.

Vì chứng đắc bốn thứ thắng lợi như thế, có ba thứ lần lượt: Nghĩa là tu học trí kiến làm chỗ dựa, nên người đạt được chán lìa, ở trong các hành không sanh hỷ lạc, cho đến không sanh tham đắm mà trụ. Chán lìa là ưu tiên nên được lìa dục. Lìa dục là ưu tiên nên tâm khéo giải thoát. Từ đó trở về sau, tức do tâm khéo giải thoát như thế, nên luôn thường an trụ, không thuận, không nghịch.

Lại, nơi lúc hành hoặc lúc trụ, đối với tất cả tướng không tác ý nữa. Đối với cảnh giới vô tướng tác ý tư duy, trụ nơi vô tướng. Tất cả kiến thú này có thể ngăn cản, vì trước đã đoạn trừ vĩnh viễn, huống chi là nay sẽ gây trở ngại. Hành giả kia, do hai thứ hoặc hành hoặc trụ ấy, cho đến thọ mạng dứt, nên dùng nội Bát-niết-bàn vô học mà nhập Niết-bàn. Hữu đã sanh trước, hiện tại vĩnh viễn dứt từ, các hành của vị lai không còn sanh nữa.

Lại do ba phần, nên biết Tát-ca-da-kiến được kiến lập, dùng làm căn bản nơi tất cả kiến thú:

1. Do cùng hành với thời gian trước.

2. Do cùng hành với thời gian sau.

3. Do cùng hành với cả hai.

- Cùng hành với thời gian trước: Nghĩa là như có một hữu tình khởi tư duy: Ta nơi đời quá khứ là từng có chăng? Là từng không có chăng? Từng là người nào? Vì sao từng có?

- Cùng hành với thời gian sau: Nghĩa là như có một hữu tình, khởi tư duy: Ta nơi đời vị lai là sẽ có chăng, là sẽ không có chăng? Sẽ là người nào? Vì sao sẽ có?

- Cùng hành với cả hai: Tức như có một hữu tình, khởi tư duy như vầy: Ta từng có cái gì? Cái gì sẽ có nơi ta? Hữu tình này nay từ nơi nào đến? Ở đây chết rồi, đi tới chốn nào?

Lại, Tát-ca-da-kiến của các ngoại đạo dùng làm căn bản, có sáu mươi hai thứ các kiến thú ác. Nghĩa là:

- Bốn luận thường kiến.

- Bốn luận một phần thường kiến.

- Hai luận không nhân.

- Bốn luận tưởng hữu biên, vô biên.

- Bốn luận kiểu loạn bất tử.

Mười tám thứ kiến thú ác như thế, là luận chấp nói về ngã của thời trước.

Lại có mười sáu thứ luận tưởng hữu kiến, tám thứ luận vô tưởng, tám

thứ luận phi hữu tưởng phi vô tưởng, bảy luận đoạn kiến, năm luận hiện pháp Niết-bàn. Bốn mươi bốn thức các kiến thú ác này là luận chấp nói về ngã của thời sau.

Như vậy, luận suy chấp về thời sau, lược thâu tóm có năm:

1. Luận hữu tưởng.

2. Luận vô tưởng.

3. Luận phi hữu tưởng phi vô tưởng.

4. Luận đoạn kiến.

5. Luận hiện pháp Niết-bàn. Năm thứ như thế lại tóm lược làm ba:

1. Luận thường kiến.

2. Luận đoạn kiến.

3. Luận hiện pháp Niết-bàn.

Lại, tất cả các kiến thú ác này, do sáu nhân duyên mà được kiến lập:

1. Do nhân duyên.

2. Do dựa nơi giáo pháp.

3. Do dựa vào Tĩnh lự.

4. Do dựa vào đời.

5. Do dựa vào các kiến.

6. Do xứ sanh.

- Do nhân duyên: Nghĩa là tất cả Tát-ca-da-kiến kia dùng làm nhân duyên.

- Do dựa nơi giáo pháp: Tức là do dựa nơi pháp tạng bất chánh, có thể hiển bày kiến thú. Sư đệ truyền nghe, lần lượt cùng trao làm phương tiện.

- Do dựa vào Tĩnh lự: Tức dùng Tĩnh lự làm chỗ dựa, nên đối với chỗ được nghe trước, chỗ tin hiểu trước mà được quyết định.

Lại, Tĩnh lự này lại có hai thứ:

1. Cùng hành với túc trụ tùy niệm.

2. Cùng hành với thiên nhãn đã đạt được.

- Cùng hành với túc trụ tùy niệm: Là trong ba luận thường, là chấp về thời gian trước. Do thanh tịnh của hạ trung thượng có sai biệt, cùng đối với bốn thứ luận hữu biên vô biên. Do kẻ kia nhớ nghĩ về hai kiếp thành hoại của các khí thế gian, theo phương tiện xuất hiện. Nếu lúc nhớ nghĩ về phần vị của kiếp thành, bấy giờ liền sanh ba thứ vọng tưởng: Hoặc có trường hợp hoàn toàn nhớ nghĩ về trên dưới. Dưới cho đến dưới địa ngục

Vô gián, trên cho đến trên Tĩnh lự thứ tư. Nhớ nghĩ về biên vực, phần lượng như thế, nên đối với thế gian, trụ nơi tướng hữu biên. Hoặc có trường hợp hoàn toàn nhớ nghĩ về một bên không biên vực, nên đối với thế gian trụ nơi tưởng vô biên. Hoặc có kẻ nhớ nghĩ về hai thứ cùng hành, nên đối với thế gian trụ nơi tưởng cùng hành cả hai. Hoặc lúc nhớ nghĩ về phần vị của kiếp hoại, lúc ấy liền trụ nơi tưởng phi hữu biên, tưởng phi vô biên, các khí thế gian không chỗ đạt được. Lại có trường hợp nương dựa nơi các Tĩnh lự, nên biết hoặc nói là luận một phần thường, hoặc nói là luận không nhân, hoặc nói là luận kiểu loạn bất tử.

Nên biết ở đây có hai Trời tịnh:

1. Không khéo thanh tịnh.

2. Khéo thanh tịnh.

Nếu chỉ có thể nhập định thế tục, nên biết là Trời không khéo thanh tịnh. Ở trong các đế không thông tỏ, tâm chưa được khéo giải thoát.

Nếu có thể chứng nhập định của nội pháp, nên biết là Trời khéo thanh tịnh. Ở trong các đế đã thấu đạt, tâm đã được hoàn toàn giải thoát. Nên biết không loạn cũng có hai loại:

1. Vô tướng, không phân biệt.

2. Hữu tướng, có phân biệt.

Ở đây, loại thứ nhất là Trời khéo thanh tịnh. Loại thứ hai là Trời không khéo thanh tịnh. Loại Trời khéo thanh tịnh trước, đối với bất tử của chính mình không loạn mà chuyển, thế nên gọi là bất tử không loạn. Loại Trời không khéo thanh tịnh sau, nếu có kẻ dựa nơi bất tử không loạn có chỗ cật vấn, liền vin vào sự kiểu loạn khác để lẩn tránh. Do đối với các đế vô tưởng, tâm định không thiện xảo, nên trước dấy khởi tâm lo nghĩ, tư duy: Chúng ta đã xưng là bất tử không loạn, ngoài ra lại có bất tử không loạn. Đối với các Thánh đế vô tướng, tâm định đã được thiện xảo…

- Do dựa vào đời: Nghĩa là dựa vào đời quá khứ cùng hiện tại, khởi phân biệt, gọi là chấp về thời trước. Dựa vào đời vị lai khởi phân biệt, gọi là chấp về thời sau.

- Do dựa vào các kiến: Nghĩa là dựa vào ba kiến, như trước đã nói, nên biết. Do dựa vào kiến thứ nhất, nên ở trong hiện pháp chấp ngã có sắc, sau hoặc có sắc có tưởng hoặc không có tưởng, hoặc phi hữu tưởng phi vô tưởng. Dựa vào kiến thứ hai, nên ở trong hiện pháp chấp ngã không sắc, về sau, chỗ chấp như trước nên biết, dựa vào kiến thứ ba, luận về ngã có hai:

1. Nói ngã có sắc không sắc.

2. Nói ngã phi có sắc, phi không sắc. Phần còn lại như trước đã nói.

Lại, tức chấp ngã là có sắc: Hoặc nói nhỏ hẹp, hoặc nói vô lượng.

Chấp ngã không sắc nên biết cũng vậy.

Hai luận về ngã này, dựa vào kiến thứ ba, lập làm hai luận:

1. Chấp ngã nhỏ hẹp.

2. Chấp ngã vô lượng.

Do bốn thứ ấy, nên luận về ngã nói có sai biệt:

- Nói ngã là hữu biên.

- Nói ngã là vô biên.

- Nói ngã cũng hữu biên cũng vô biên.

- Ngã phi hữu biên phi vô biên. Tùy theo thứ lớp, như trước nên biết.

Lại, tức nương dựa nơi các kiến như thế, cùng dựa nơi luận về ngã, lại tuyên thuyết ngã giải thoát thành tịnh. Đối với dục, Tĩnh lự đều được tự tại, tùy theo chỗ dục, trụ nhiều nơi biến hóa. Như nơi chỗ dục, Tĩnh lự an trụ. Do kiến thanh tịnh nên tự tại thọ dụng pháp lạc theo phương tiện. Như thế gọi là dựa nơi các kiến, nên biết đã an lập.

- Do xứ sanh: Nghĩa là ngã có một tưởng, cho đến nói rộng.

Có một tưởng: Là tại xứ Không vô biên, xứ Thức vô biên của cõi Vô sắc.

Có vô số tướng: Nghĩa là tại địa dưới. Tức như đã nói, tùy theo thứ lớp, nói ngã có tưởng nhỏ hẹp, có tưởng vô lượng.

Hoàn toàn có lạc: Là tại ba Tĩnh lự dưới.

Hoàn toàn có khổ: Là tại Nại-lạc-ca (địa ngục).

Có lạc có khổ: Là tại nẻo Quỷ, Bàng sanh, Người, chư Thiên cõi Dục.

Có không khổ không lạc: Là tại Tĩnh lự thứ tư trở lên, cho đến xứ Phi tưởng phi phi tưởng.

Lại, đối với xứ của các ngoại đạo như thế, nên biết gồm có ba thứ suy tổn:

1. Suy tổn của luận kiến cùng dục lạc lần lượt trái nhau.

2. Duy tổn của luận dựa nơi ngã vô trí hỏi, ghi.

3. Suy tổn của chứng đắc dựa nơi pháp tùy pháp hành.

Ở đây, ba thứ ấy, hoặc chấp có tưởng, hoặc chấp không tưởng, hoặc luận chấp phi có tưởng phi không tưởng cùng luận đoạn kiến.

Hoặc luận dựa nơi sự vấn nạn kẻ khác làm thắng lợi. Hoặc luận dựa nơi sự tránh khỏi vấn nạn làm thắng lợi, mà khởi suy chấp. Nên biết đó gọi

là suy tổn thứ nhất. Do các luận kia suy lường chấp nơi thời sau, dựa nơi đời vị lai, vọng chấp nơi ngã là có không.

- Suy tổn của luận dựa vào ngã vô trí hỏi, ghi: Nghĩa là đối với, hoặc các tạp nhiễm, hoặc xứ tạp nhiễm, hoặc chủ thể tạp nhiễm, như vậy, tất cả đạo lý của hai đế thế tục, thắng nghĩa đều không nhận biết như thật. Do vô trí ấy có chỗ hướng tới cho là ưu tiên, nên phần đạt được có sai biệt.

Từ vô trí này, hướng đến chốn nào? Nghĩa là ba, bốn lượt chuyển:

1. Thường, vô thường v.v…

2. Hữu biên, vô biên v.v…

3. Tự tạo, tha tạo v.v…

Vì sao? Vì do vô trí nên trước tiên là hướng tới, sai biệt như thế sau mới hỏi, ghi.

Lại, ở trong Thánh pháp Tỳ-nại-da, kẻ trí hiện có không thể ghi sự. Nơi hai đạo lý, không chịu ghi nhận. Nghĩa là đạo lý của hai đế thế tục, thắng nghĩa.

Trong đây, bốn thứ hoàn toàn là luận thường, chấp về thời trước, cùng luận không nhân chấp về thời trước: Hai thứ có sai biệt, đều trước là chấp ngã, sau mới duyên nơi ngã, hoàn toàn là sự sai biệt của các luận về thường v.v…

Lại, tức bốn thứ luận một phần thường chấp về thời trước, chúng có sai biệt. Nghĩa là có luận một phần duyên nơi thường vô thường, hoặc có luận một phần duyên nơi phi thường-phi vô thường. Các luận về hữu biên vô biên, như trước đã nói về hữu biên vô biên, nên biết về tướng của chúng. Hoặc muốn tất cả đều là sự tạo tác của nhân đời trước, gọi là luận tự tác. Hoặc muốn tất cả đều là sự tạo tác của nhân biến hóa như Trời Tự Tại v.v…, gọi là luận tha tác. Hoặc muốn một phần là sự tạo tác của nhân biến hóa như Trời Tự Tại, một phần thì không như thế, gọi là luận câu tác. Hoặc luận không có nhân tạo tác, gọi là luận câu phi tác. Nên biết đó gọi là suy tổn thứ hai của các luận dựa nơi ngã không trí để hỏi, ghi.

Do các luận kia suy chấp về thời trước, dựa vào đời quá khứ hiện tại để phân biệt sai lạc.

Suy tổn của chứng đắc dựa nơi pháp tùy pháp hành: Nghĩa là có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, không xem luận vấn nạn kẻ khác làm thắng lợi, không xét luận tránh khỏi sự vấn nạn làm thắng lợi, cũng không vui muốn mở bày, xiển dương các luận dựa vào ngã vô trí, vì cầu lợi dưỡng, sự cung kính v.v…, cũng không. Ở trong Pháp-Luật thuyết giảng xấu ác mà cầu

xuất gia, chỉ trừ vui cầu xuất ly giải thoát. Nên biết họ là chủng loại Bạc trần, vì tánh ngu độn chuyên tu hành chỉ. Các vị này do vì đạt được Tĩnh lự thứ nhất, nhất định do sự chỉ dạy, trao truyền, khuyên bảo, có thể đối với cả hai thời sau, trước đều cùng hành nơi kiến thú. Do không chấp nhận như thế mà có thể vượt qua. Ở trong hiện pháp lại có thể vượt qua các kiết của cõi Dục, chứng đắc hỷ xa lìa. Từ đấy trở lên không nghe không biết, tức ở trong ấy sanh tưởng Niết-bàn. Như do các pháp kia nên chứng đắc hỷ xa lìa, cũng vậy, hoặc có trường hợp do nhân duyên riêng nên chứng đắc Tĩnh lự thứ hai, thứ ba, không ái lạc nơi vị, Tĩnh lự thứ tư không khổ lạc thọ. Từ đấy trở lên cho đến xứ Phi tưởng phi phi tưởng, nên biết cũng thế.

Đối với vô số tưởng cùng hành với khổ lạc thọ có sai biệt, đã vượt qua. Như thế, các vị ấy, đối với các hành thủ của cõi, nẻo, là không thể vượt khỏi, vui thích pháp thối chuyển, chưa Bát-niết-bàn mà khởi mạn Niết-bàn. Nên biết đó gọi là suy tổn thứ ba.

Ở đây, Đức Như lai tự nhiên chứng biết diệu tích tịch tĩnh, đối với tất cả hành tướng nơi ba thứ suy tổn như đã nêu giảng, do năm thứ tướng nên nhận biết rõ đúng như thật. Nghĩa là, hoặc tự tánh kia. Hoặc các kiến kia. Hoặc do không trí nên chúng được sanh khởi. Hoặc nơi đối tượng duyên chuyển. Hoặc các lỗi lầm thô xấu của đối tượng duyên kia cùng nẻo xuất ly chúng. Nơi các sự như thế đều nhận biết rõ đúng như thật, tức trong xuất ly thường tự xuất ly.

Lại nữa, có hai trí, có thể khiến kiến thanh tịnh cùng kiến hoàn toàn thanh tịnh. Nghĩa là trí pháp trụ cùng đây là trí Niết-bàn trước.

- Trí pháp trụ: Là khả năng nhận biết rõ về chủng loại sai biệt nơi tự tướng của các hành, cũng có thể nhận biết rõ những lỗi lầm, tai họa sai biệt nơi cộng tướng của các hành. Tức đối với phương tiện của các hành, thuận theo ba phần vị hoặc khổ hoặc lạc thuộc không khổ không lạc, nhận biết rõ về tánh của ba khổ.

- Trí Niết-bàn: Nghĩa là, ở trong tất cả hành như thế, trước khởi tưởng khổ, sau suy xét như vậy. Tức hết thảy các hành có khổ ấy, đều vĩnh viễn đoạn trừ rốt ráo, nói rộng cho đến gọi là Niết-bàn. Nhận biết rõ như thế gọi là trí Niết-bàn. Tức hai trí này khiến kiến thanh tịnh cùng hoàn toàn thanh tịnh. Chính là do hai môn chánh cần tu tập mới khiến kiến được thanh tịnh:

1. Hữu tình tự không có lực, nhân nơi sự chỉ dạy, trao truyền của kẻ khác, mới có thể khiến kiến được thanh tịnh.

2. Hữu tình tự có lực, đa văn, xét tìm, nên có thể khiến kiến được thanh tịnh.

Ở đây, loại hữu tình thứ nhất là không thông lợi, các căn như tín v.v… chỉ là một vị. Đối tượng duyên của Chỉ Quán, đối với phần ít pháp xét kỹ nhận chuyển. Cùng với đấy trái nhau, nên biết là loại hữu tình thứ hai.

Lại có ba trí hiện quán biên, do tu tập trí ấy nên kiến được thanh tịnh:

1. Trí có thể thuận sanh trí vô lậu.

2. Trí vô lậu.

3. Trí nối tiếp sau trí vô lậu.

Trí thứ nhất thuộc về đệ nhất pháp của thế gian. Trí thứ hai, nếu trụ nơi ấy tức có thể đoạn trừ tất cả phiền não do kiến đạo đoạn. Trí thứ ba là trí giải thoát nối tiếp sau phiền não được đoạn trừ. Nếu trụ trong trí đó, liền gọi là đã nhập chánh tánh ly sanh, vượt quá địa phàm phu, chưa đắc quả Dự lưu. Tuy chưa kịp chứng trí của quả Dự lưu giải thoát thứ ba, ở trung gian ấy, trụ nơi sát na, như chưa chứng nhập, trọn không bỏ dở giữa chừng do thời gian thiếu. Từ đấy không gián đoạn, tất chứng trí thứ ba, trụ trong phần vị ấy, hiện thấy đúng như thật về cảnh của đối tượng nhận thức, nên gọi là kiến thanh tịnh, các hoặc còn lại nên không phải là hoàn toàn thanh tịnh.

Nếu đối với trí này, lại tu tập nhiều thành A-la-hán, tất cả phiền não đều lìa trói buộc, nên gọi là hoàn toàn thanh tịnh.

Lại, trí đoạn trụ rốt ráo có ba tương ưng:

1. Do không hiện hành.

2. Do cõi.

3. Do sự.

- Không hiện hành: Là tuy sanh khởi nhưng không nhiễm vướng, tuy chưa hoàn toàn đoạn trừ, nhưng do luôn tu tập các pháp thiện, nên khiến thành phần xa, các triền phiền não không còn hiện hành.

- Cõi: Là ba cõi, như trước đã nói nên biết.

- Sự: Nghĩa là hai sự:

1. Sự phiền não.

2. Sự khổ.

Lại, ở trong năm thứ cảnh giới của các phẩm ly hệ theo đuổi an lạc, lợi ích, có công đức tịch tĩnh, vi diệu, thù thắng, cho đến Niết-bàn là sau cùng, có sai biệt nên biết.

Lại, ở trong ấy, tất cả nương, giữ đều dứt bỏ. Nên biết về sự dứt bỏ cha mẹ v.v…

Lại, ở trong ấy có sanh, có hữu sau không sanh lại nữa. Như thứ lớp ấy, nên biết gọi là không có tương tục, không thủ, không sanh.

Lại, đối với ba phẩm, do ba thứ môn làm chướng ngại, nên biết đã kiến lập ba kiết sai biệt. Nghĩa là chưa phát khởi hướng tới, tuy đã phát khởi hướng tới, thành lập sai lạc, nên ở trong Chánh pháp hành không đúng đắn. Tức phẩm tại gia, ở trong Pháp, Luật không khéo thuyết giảng, những phẩm xuất gia thì ở nơi phần Pháp, Luật khéo thuyết giảng.

Lại, hành hướng tới hành ngược dòng, là giải thoát khỏi nẻo ác thành tựu hai thứ quyết định giải thoát:

1. Quyết định giải thoát phiền não.

2. Quyết định giải thoát hữu sau.

Do nhân duyên này nên gọi là Dự lưu, cho đến nói rộng.

Lại, nếu chứng đắc quả A-la-hán, trước tại địa học, ở trong các hành đã không chấp thọ ngã cùng ngã sở, sau, đối với các lậu đều được giải thoát.

Lại, cùng với bốn thứ nghĩa tương ưng, nên biết đó gọi là tướng A-la-hán:

1. Nghĩa của tự sự đã cứu cánh, nên hành tác tha sự.

2. Nghĩa nên đạt được đạo lý tất cả đủ khắp của tự nghĩa.

3. Nghĩa của nhân nơi hành vị lai đã vĩnh viễn đoạn dứt nên chứng đạt hiện pháp lạc trụ.

4. Nghĩa tương ưng, vượt địa hữu học nhập địa vô học.

Lại nữa, phần vị ngu có năm, hoặc ở trong ấy chuyển rơi vào số ngu tối. Những gì là năm? Đó là:

1. Không đạt được huệ câu sanh.

2. Không đạt được huệ duyên sanh, từ việc nghe âm thanh của kẻ khác.

3. Không đạt được huệ chân thánh.

4. Bị triền ngu si trói buộc.

5. Bị tùy miên kia theo buộc. Lại, có bốn thứ luận vọng chấp ngã:

1. Tuyên thuyết các hành là ngã.

2. Tuyên thuyết ngã có các hành.

3. Tuyên thuyết các hành thuộc về ngã.

4. Tuyên thuyết ngã ở trong hành.

Do hai nhân duyên nên luận vọng chấp ngã tạo các tạp nhiễm:

1. Chấp trước.

2. Tùy miên.

- Chấp trước: Nghĩa là các ngoại đạo tuy cầu giải thoát, do chấp trước kia làm chướng ngại, nên đối với tất cả loại đều không thể đạt được.

- Tùy miên: Tức các nội pháp bị đắm vướng nơi cảnh giới, tạm thời bị chướng ngại nên không đạt cứu cánh.

Lại nữa, hoặc có ngã kiến, hoặc không ngã kiến, cùng duyên nơi các hành làm sự cảnh, nên gọi là đồng phận. Nhưng đối với sự kia, nhận lấy tà, nhận lấy chánh, nhiễm ô, thanh tịnh với các nghĩa sai biệt, nên gọi là không đồng phận.

Lại do bốn tướng nơi sự của đối tượng duyên, với sức tăng thượng của chấp trước sai lạc, nên có thể khiến cho ngã kiến tạo các tạp nhiễm:

1. Nhân duyên.

2. Tự tánh.

3. Do quả.

4. Đẳng lưu.

- Nhân duyên: Nghĩa là hai thứ ngu si:

1. Ngu si của sự.

2. Ngu si của kiến.

Ngu si của sự: Do ngu về sự, nên trước nghe pháp tà, sau khởi ngã kiến.

Ngu si của kiến: Do ngu về kiến, nên đối với kiến tương ưng với các xúc vô minh sanh khởi thọ, vọng chấp là ngã. Do đấy làm duyên, nên luôn là chỗ theo đuổi của ngã ái. Lại do đấy nên thường đối với ngã kiến không thể lìa bỏ.

- Tự tánh: Là chỗ thâu nhận của hai nhân duyên, cùng tùy quan sát, đối với tùy miên kia không thể xa lìa.

- Do quả: Tức do Tát-ca-da-kiến kia làm chỗ dựa, nên không thể xa lìa tùy miên ngã mạn. Là sức tăng thượng của hai tùy miên, nên có thể dẫn phát khiến khởi các căn của vị lai. Do chúng lãnh nhận nhân của hai thọ khổ lạc, lại phát khởi chấp ngã, ngã sở, không tư duy tương ưng như chánh lý, ý lời phân biệt cho ngã, ngã sở có sự nhận lãnh kia.

- Đẳng lưu: Nghĩa là do sức của nhân trước được duy trì, tức chủng tử của kiến đã gắn liền nơi ý.

Sau có ý giới, do sức huân tu của nhân duyên trước mà được thành tựu đầy đủ. Tức ở trong ý của hữu sau như thế, có chủng vô minh cùng giới vô minh, là hai chủng tử đã theo đuổi pháp giới là đối tượng duyên của ý.

Kẻ kia do đời trước dựa nơi Pháp-Luật không khéo thuyết giảng, Tát-ca-da-kiến sanh phân biệt làm chỗ dựa, tập thành Giới hiện nay. Tức do sức tăng thượng của cảnh giới này, nên phát khởi Tát-ca-da- kiến câu sanh, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng cũng lại hiện hành, có thể tạo chướng ngại.

Lại, tức kiến này do hai thứ tướng nên hiện hành sáu chuyển:

1. Do đời.

2. Do mạn.

- Do đời: Nghĩa là ta ở nơi quá khứ là từng có chăng, là từng không có chăng? Cho đến nói rộng, như chỗ ứng hợp nên biết.

- Do mạn: Nghĩa là cho ta là hơn, cho đến nói rộng.

Kẻ kia, đối với tất cả nẻo như thật như thế không biết không thấy.

Vì nhân duyên ấy nên khởi quán tà vạy không như lý chánh.

Lại, phần vị minh có ba: Nghĩa là nghe âm thanh của kẻ khác, tác ý như lý, là phần vị thứ nhất của minh. Đã có thể chứng nhập chánh tánh ly sanh, là phần vị thứ hai của minh. Quả A-la-hán, tâm hoàn toàn giải thoát, là phần vị thứ ba của minh.

Phần vị vô minh kia lại có hai thứ:

1. Trước.

2. Sau.

Vị tùy miên là trước, các phần vị triền là sau.

Lại, căn cứ nơi sự đoạn trừ của kiến đạo tu đạo có khác, nên biết đó gọi là sai biệt thứ hai.

Lại nữa, nơi xứ này, Đức Thế tôn, dựa nơi tự Thánh giáo, vì muốn hiển thị sự phát khởi của pháp khéo thuyết giảng. Dựa nơi tà giáo khác, vì nhằm hiển thị sự rơi mất của pháp không khéo thuyết giảng, nên tự có chỗ nêu giảng. Người kết tập sau này, ở trong pháp môn, cho là Đức Thế tôn nói Ốt-dà-nam. Do hai nhân duyên, nên Pháp, Luật khéo thuyết giảng gọi là phát khởi quả lớn lợi lớn. Pháp, Luật không khéo thuyết giảng thì không có gì cả:

1. Ở trong Pháp, Luật khéo thuyết giảng, tất cả các khổ đều có thể vĩnh viễn lìa bỏ, tức là tánh của ba thứ khổ.

2. Tất cả các kiết đều có thể vĩnh viễn đoạn trừ, tức là kiết của phần trên, dưới.

Ở trong Pháp-Luật không khéo thuyết giảng, hai thứ như thế đều không thể đạt được. Kẻ kia do dựa nơi Tát-ca-da-kiến, ở trong các hành,

tâm chán Khổ khổ. Dục lạc làm chỗ dựa, khởi thắng giải về điều ấy, nguyện nơi đời vị lai không có khổ nơi ta, ta không có khổ. Hoặc lại đã đoạn, tức nhân của khổ kia, cùng quả hiện có. Đối với đời vị lai, do hai thứ tướng mà sanh thắng giải. Nghĩa là khổ vị lai sẽ lìa nơi ta, và ta nơi vị lai sẽ không có khổ. Tuy do bốn thứ hành tướng vui thích đoạn trừ như thế làm chỗ dựa, lìa dục của cõi dục, sanh Tĩnh lự thứ nhất, thứ lớp cho đến nơi xứ Phi tưởng phi phi tưởng kia, hoặc định hoặc sanh. Vì nhân duyên ấy nên vượt khỏi Khổ khổ, nhưng chưa có thể đoạn trừ các kiết phần dưới. Chưa đoạn trừ chúng, nên biết Khổ khổ chưa hoàn toàn vượt khỏi. Kẻ kia ở trong việc đoạn trừ hai khổ hoại và hành, hãy còn không sanh mong muốn, huống hồ là có thể đoạn trừ. Do tùy thuận chỗ chưa đoạn kia, nên biết đối với các kiết thuận phần trên cũng chưa có thể đoạn.

Người trụ nơi nội pháp, lúc bắt đầu tu Quán, tuy ở nơi cõi Dục chưa được lìa dục, chưa là hữu tình thù thắng, nhưng đối với ba khổ, tâm chán lìa sâu xa. Dựa nơi lạc đoạn dục, ở trong các hành, lấy kiến vô ngã làm chỗ nương dựa, phát khởi thắng giải về điều ấy, mong nơi đời vị lai không có ba khổ nơi ta, ta không có ba khổ. Kẻ ấy, đầu tiên tu tập hành như thế rồi, đối với dục của cõi Dục được xa lìa, vĩnh viễn đoạn trừ Khổ khổ. Như trước, lại sanh thắng giải như vậy, nên không có khổ kia nơi ta, ta sẽ không có khổ kia. Hành giả như thế, đối với Khổ khổ đã giải thoát rốt ráo, cũng vĩnh viễn vượt khỏi các kiết thuận phần dưới. Tức đối với đạo ấy lần lượt tiến tu, cho đến có thể đạt quả A-la-hán.

Hoặc các hạng ngu tối, do Tát-ca-da-kiến làm chỗ dựa, đối với việc vĩnh viễn vượt khỏi hai khổ hoại, hành, cùng đoạn dứt hoàn toàn các kiết thuận phần trên. Tức là ta không nên đối với điều không nên sợ hãi vọng sanh sợ hãi, hãy còn không khởi vui thích, huống chi là sẽ có thể đoạn.

Lại, ở nơi xứ này, do hai nhân duyên, không nên sanh sợ hãi. Tức là chỉ có tâm trụ nơi bốn thức trụ, có chuyển có nhiễm. Lại chỉ có tâm đoạn nơi bốn thức trụ, không chuyển không nhiễm.

Lại có bốn thứ nương dựa, nghĩa là sắc thọ tưởng hành.

Lại có bốn thủ: Nghĩa là dục tham hiện có của dục, kiến, giới cấm và ngã ngữ.

Lại có hai duyên: Tức hoặc là đối tượng duyên, cùng hoặc là chủ thể duyên.

Lại có hai thức trụ: Là triền phiền não trụ và tùy miên trụ.

Ở đây, sức tăng thượng của các thủ, do phân biệt không như lý làm trước, do nhận lấy cảnh giới tà của ngã, ngã sở, do duyên nơi thủ của cảnh

giới tự tướng, do cùng có chỗ dựa. Ba nhân duyên này khiến các thức chuyển, cùng khiến nhiễm ô.

Lại do ba thứ: Nghĩa là đối với hiện pháp hướng tới Tập đế. Duyên nơi khổ của vị lai, ta sẽ nói ái như thế, như thế. Đối với nhân trước kia đã sanh hiện khổ mà an trụ.

Lại do ba thứ: Là hướng tới phần vị lạc, duyên nơi phần vị khổ, an trụ nơi phần vị không khổ không lạc.

Lại do ba thứ: Là hướng tới đời sau, duyên nơi đời quá khứ, trụ nơi đời hiện tại.

Lại do ba thứ: Là do ái của hữu sau hướng đến hữu sau. Do ái của các thứ hỷ lạc kia duyên nơi cảnh giới của vị lai. Do ái cùng hành với hỷ tham. Trụ nơi hiện tại rồi, được cảnh giới.

Lại do ba thứ: Do thân tham dục, bị trói buộc, hướng tới sự của xứ tùy thuận tham. Do thân giận dữ bị trói buộc, duyên nơi sự kia. Do thân của hai thủ ấy thuộc giới cấm bị trói buộc, trụ nơi sự kia.

Tụng nêu:

Quả nhân cùng thọ
Thế ái cùng buộc.

Hỷ ái làm tươi nhuận, như trước đã nói nên biết. Nghĩa là như trong nhân của các hành đã nêu rõ.

Lại, tức thức kia lúc chuyển như thế, nơi hai xứ sanh, nên biết kiết sanh tương tục tăng rộng:

1. Nơi có sắc.

2. Nơi không sắc.

Nơi xứ có sắc, nương dựa nơi trung hữu mà có đi, lại. Nơi xứ không sắc, chỉ có sanh theo. Tức nơi hai xứ cho đến thọ mạng dứt, nối tiếp mà trụ, nên gọi là trụ. Nên biết trụ này, trong nẻo người thuộc cõi Dục, có ba phần vị. Nghĩa là mới vào thai, thức được tươi nhuận. Phần thai viên mãn, từ thai mà ra. Nên biết ba phần vị này lại có sai biệt. Dục, Sắc, Vô sắc, như thứ lớp ấy.

Lại, mười sắc giới gọi là cõi Sắc. Nên biết lại có sáu thứ thọ giới, tưởng giới, hành giới.

Lại, đối với ba phần vị, nên biết các thức giải thoát khỏi phiền não. Nghĩa là đối với các hành, thấy rõ lỗi lầm tai họa, có thể khiến xa lìa các triền. Ở trong địa biến, tất cả các tùy miên trói buộc của ngoại đạo đều vĩnh viễn đoạn dứt, nương dựa nơi tu đạo, đạt được cứu cánh.

Lại, các ngoại đạo đối với tất cả xứ sanh đều là vọng chấp, cho là đại tự tại, na-la-diễn-noa, cùng vô lượng phẩm loại như các chủ v.v… Vui thích sanh nơi đấy, nên gọi là thân tham bị trói buộc, ở trong pháp dị phần của các kiến khác, ghét ganh sâu xa, nên gọi là thân giận dữ bị trói buộc. Dựa nơi nguyện tà, tu phạm hạnh, ở trong pháp đáng vui thích của đồng phạm hạnh, khởi ghét bỏ. Do hai duyên ấy, nên đối với Giới học tăng thượng có thể bị tạp nhiễm. Do thân được chấp giữ là thật ấy bị trói buộc, nên đối với huệ học tăng thượng, có thể bị tạp nhiễm.

Bốn pháp như thế có thể ở trong sắc thân, danh thân hướng tới sự được an lập của đối tượng duyên, khiến tâm bị trói buộc nên danh thân hệ thuộc.

Lại, pháp kia ở nơi ý địa, nên ý phân biệt, ý tương ưng, là tùy miên của ý nên ý bị nhiễm ô, gọi là ý tạo thành.

Lại, pháp kia được đoạn trừ, nghĩa là duyên nơi cảnh ấy, các phiền não được đoạn trừ, không phải là đối tượng duyên kia, tức ở nơi cảnh ấy lý giải không điên đảo.

Lại, do chỗ thâu giữ của các nghiệp phiền não thuộc hữu sau, chủng thức của hữu sau, nên biết ở nơi chỗ dựa ấy đã kiến lập. Pháp kia không có, nên ba thứ của vị lai như trước đã nói về nghĩa lý sâu xa sinh trưởng rộng lớn có sai biệt. Nên biết tất cả thảy đều diệt hết.

Lại, do thức kia không chỗ trụ, phần nhân phần quả không sanh trưởng lại, nên các đạo đã gồm thâu được sanh trưởng.

Lại, nên giải thoát không kia làm chỗ dựa, nên gọi là không chỗ tạo tác. Môn Giải thoát vô nguyện làm chỗ dựa, nên gọi là biết đủ. Môn Giải thoát vô tướng làm chỗ dựa, nên gọi là trụ. Đối với ái lạc kia luôn tu tập nên được khéo giải thoát. Tất cả tùy miên vĩnh viễn đoạn dứt nên tâm hoàn toàn giải thoát. Từ đấy về sau đạt được hằng trụ, tuy trụ nơi các hành mà không hề sợ hãi. Đã được các uẩn tự nhiên mà diệt, nhân khác được đoạn trừ nên không sanh trở lại nữa. Thức hữu lậu kia do đã hoàn toàn vắng bặt rồi, nên khắp mười phương đều không chỗ hướng tới, chỉ trừ các thọ như bóng cùng với thức uẩn kia nhân biết, gieo trồng, nên biết như đèn đều quay về nẻo tịch diệt. Tức ở trong Giới Niết-bàn Hữu dư, dựa vào triền thứ nhất được đoạn trừ, gọi là tịch tĩnh. Dựa vào triền thứ hai được đoạn trừ, gọi là trong lành mát mẻ. Dựa vào loại thứ ba được đoạn trừ, gọi là yên lặng.

Lại do ba duyên, nên thức thú thức trụ đều không chỗ có:

1. Do tự nhiên không nhiễm ô.

2. Do chỗ còn lại không nhiễm ô.

3. Do thức khác trợ bạn không có.

Lại nữa, tụng nêu:

Đoạn chi thật hiểu rõ
Hành duyên giáo vô đẳng
Bốn thứ chúng hữu tình
Đạo bốn, cứu cánh năm.

Các thứ tu đoạn, lược do năm chi thâu nhận, đối với việc đoạn trừ, có thể ở nơi các hành hiển bày rõ như thật:

1. Do thân xa lìa.

2. Do tâm xa lìa.

3. Do Tam-ma-địa của phẩm Xa-ma-tha.

4. Do Tam-ma-địa của phẩm Tỳ-bát-xá-na.

5. Do thường gắn bó với chỗ tạo tác.

Lại nữa, nên biết có mười hai thứ hành tướng hiển bày rõ như thật, như nơi phần Nhiếp dị môn đã nêu. Nghĩa là lắng nghe đều riêng khác, nhận lấy thiện, nhận lấy ác, chánh giáo, hiện lượng, tỷ lượng, cảnh giới, tự tướng, cộng tướng, như tánh hiện có, toàn bộ tánh hiện có, nhập nơi địa kiến cứu cánh.

Lại nữa, lược có bốn thứ hành tướng hiển bày rõ như thật về sự nơi đối tượng duyên của trí theo đạo lý. Nghĩa là phàm phu trụ nơi nội pháp, ở trong cảnh giới đột nhiên gắn bó đã khởi thọ, do sức tăng thượng của sự nhận biết không như thật, nên có thể khiến các hành lưu chuyển theo tạp nhiễm. Nhận biết đúng như thật nên có thể khiến thanh tịnh.

Lại có phàm phu tại gia, ở trong chỗ nương dựa, như vui thích hữu sau v.v…, do sức tăng thượng của sự nhận biết không đúng như thật, nên có thể khiến các hành lưu chuyển theo tạp nhiễm. Cùng với đấy trái nhau, là có thể khiến thanh tịnh.

Lại có các ngoại đạo, đối với chỗ ái lạc đã phân biệt hư vọng, định sanh hỷ ái, ở trong chỗ dựa là hành, vì sức tăng thượng của sự nhận biết không như thật, nên có thể khiến các hành lưu chuyển theo tạp nhiễm. Cùng trái với đây, tức có thể khiến thanh tịnh.

Lại có hàng hữu học trụ nơi nội pháp, dựa vào vọng niệm hiện có của các cảnh, căn, đối với các hành còn sót lại, do sức tăng thượng của sự nhận biết không như thật, nên lưu chuyển theo tạp nhiễm. Đoạn dứt các thứ tàn dư kia, nên liền được thanh tịnh. Nên biết, ở trong tất cả phẩm ấy, các phẩm thanh tịnh đều trụ nơi nội pháp. Như thế gọi là bốn sự của đối tượng duyên.

Lại nữa, do ba nhân duyên, nên Đức Như lai đã thuyết giảng giáo pháp không gì sánh bằng:

1. Tuyên thuyết pháp không chung.

2. Tuyên thuyết pháp không điên đảo.

3. Tuyên thuyết pháp tự giác.

Ở đây, tuyên thuyết, nếu hướng đến hành của Tát-ca-da-tập, tức là hướng đến hành của Khổ tập. Nếu hướng đến hành của Tát-ca-da- diệt, tức là hướng đến hành của Khổ diệt. Đó gọi là tuyên thuyết về giáo pháp không chung.

Nếu lại thuyết nêu: *Đây là có chân thật, đó gọi là tuyên thuyết về giáo pháp không điên đảo.*

Nếu lại thuyết nêu: *Ta đã nhận biết như thật. Đó gọi là tuyên thuyết về giáo pháp tự giác.*

Lại có ba thứ khiến các hành lưu chuyển có sai biệt:

1. Tát-ca-da là nghĩa thuộc nơi chốn an túc của các hữu tình nhiễm chấp.

2. Thế gian là nghĩa hư hoại của xứ nhiễm chấp.

3. Hữu là nghĩa lại sanh của kẻ nhiễm chấp.

Lại nữa, chúng hữu tình kia lược có bốn thứ. Đó là:

1. Hoàn toàn an trụ nơi quả của nghiệp khả ái. Tức ở nơi quả ấy tham đắm thọ dụng, nghĩa là sanh nơi cõi Trời chuyên hành phóng dật.

2. Hoàn toàn nhân nơi chuyển. Nghĩa là các Sa-môn hoặc Bà-la- môn hiện có mong cầu về pháp kia.

3. Các chúng hữu tình vui thích Bát-niết-bàn.

4. Các chủng loại xen tạp. Nghĩa là trụ ở đây, hoặc trụ nơi quả, tham đắm thọ dụng, hoặc vui thích thọ nhận quả yêu thích của vị lai. Hoặc thường xuyên tu tập tạo tư lương quả Niết-bàn, lìa các phóng dật.

Ở trong ba thứ chúng hữu tình trước, theo chỗ ứng hợp, nên biết đó là biên Tập diệt kia của thế gian cùng biên Tập diệt kia của Tát-ca-da. Ở trong chúng hữu tình thứ tư sau, nên biết là Tát-ca-da nơi Tập kia, Diệt kia, hướng đến Đạo có sai biệt.

Lại nữa, dựa nơi hai thứ đạo, nên biết đã thiết lập bốn thứ hành tướng.

Thế nào là dựa nơi hai thứ đạo? Tức là dựa nơi kiến đạo và dựa nơi tu đạo.

Thế nào là thiết lập bốn thứ hành tướng? Đó là:

1. Hành tướng nên nhận biết khắp.

2. Hành tướng nên vĩnh viễn đoạn trừ.

3. Hành tướng nên tác chứng.

4. Hành tướng nên tu tập.

Bốn thứ hành tướng như thế, ba là dựa nơi kiến đạo, một là dựa nơi tu đạo. Lúc nhập kiến đạo, hiện quán đế cùng có thể nhận biết khắp về Khổ, đoạn một phần Tập, chứng một phần Diệt, đối với một phần kia có thể đoạn, chứng. Ở trong tu đạo, vì cầu đoạn cùng chứng rốt ráo, nên như chỗ đạo đạt được, cần siêng năng tu tập. Nhân tu tập các đạo xét chọn như thế, cùng với tu đạo, nên đoạn trừ vĩnh viễn phần Tập còn lại, chứng đắc phần Diệt còn lại.

Lại nữa, chứng đắc hết sức rốt ráo như thế, do năm thứ tướng, nên biết là rốt ráo. Những gì là năm? Đó là:

1. Đã chứng đắc Khổ cùng nhân của Khổ được dứt trừ trọn vẹn.

2. Hết thảy tự nghĩa đều được viên mãn, nên có thể hành tác tha nghĩa.

3. Chứng đắc rốt ráo về đoạn và trí.

4. Có thể nhập nơi thành Niết-bàn cứu cánh.

5. Đã được nhập rồi, có thể an trụ nơi Thánh trụ.

Nơi tướng thứ nhất, có bốn thứ sai biệt như cắt dứt ái v.v…, như trước đã nói, nên biết. Nơi tướng thứ hai, có A-la-hán dứt hết các lậu nơi những sai biệt hiện có, như trước đã nêu, nên biết.

Nơi tướng thứ ba, có tất cả hành sự cứu cánh thảy đều đoạn trừ hoàn toàn. Có vô cấu hoàn toàn, vì hết thảy phiền não đều đoạn trừ rốt ráo. Có phạm hạnh rốt ráo dùng làm hậu biên, tức đã đạt được sự đối trị kia.

Nơi tướng thứ tư, ví như thế gian gồm đủ năm thứ tướng, gọi là đi vào cung thành, theo đấy nếu thiếu một thứ thì không gọi là vào. Như thế, cần phải đủ cùng tương tợ nơi năm thứ tướng kia, nên biết gọi là nhập cung thành Niết-bàn. Những gì gọi là đủ năm tướng của thế gian? Đó là:

1. Cửa của cung thành đã mở rộng.

2. Vượt qua hào thành mà không bị rơi xuống nước.

3. Dấy khởi sự quả quyết sâu xa mà vượt qua.

4. Vượt qua hào thành rồi liền tới cung điện.

5. Không phải tự, không phải là chỗ trông mong nào khác, trụ cờ cao nhất đã ngã thì từ từ mà vào trong cung. Như thế là đi vào cung không có các thứ trở ngại.

Nhập nơi cung Niết-bàn cũng lại như vậy. Trước tiên là đoạn trừ năm kiết thuận phần dưới, như cửa đã mở rộng kia. Tiếp theo, đối với Niết-bàn khởi tưởng về hầm sâu, vô minh, sợ hãi, đã được dứt bỏ trọn vẹn, như vượt qua hào thành mà không bị rớt xuống nước, thân có thể đến bờ kia, nên có thể giữ lấy thân sau cùng. Như kẻ kia quả quyết vượt qua, sắp vào cảnh giới Niết-bàn Vô dư y như sự thúc bách vào cung khuyết. Đã đoạn hữu ái, đối với các cảnh giới, ái không còn sanh nữa, đối khắp tất cả kiêu mạn không khởi mà nhập Niết-bàn. Như không phải chỗ trông mong của tự, tha, trụ cờ cao nhất đã ngã thì từ từ vào trong cung. Như trước đã nói về năm thứ nhân duyên, nhập cung Niết- bàn nên biết cũng vậy.

Lại, đã nhập rồi, do hai thứ tướng nên an trụ nơi Thánh trụ:

1. Do hành.

2. Do trụ.

Hành do ba tướng, nên nhận biết rõ đúng:

1. Không chung.

2. Không nhiễm.

3. Nương dựa đúng đắn nơi chỗ nương dựa.

Đoạn trừ vĩnh viễn năm kiết thuận phần dưới, ở trong các dục lìa dục rốt ráo, tức ở nơi xứ ấy mà du hóa, nên gọi là không chung. Nơi sáu hằng trụ luôn thâu nhận, nên gọi là không nhiễm. Đối với một phần pháp xét chọn xa lìa, nghĩa là voi ngựa dữ v.v… Nơi một phần pháp xét chọn quen gần, nghĩa là y phục, thức ăn uống v.v… Đó gọi là nương dựa đúng đắn nơi chỗ dựa.

Như vậy, đối với hành khéo thanh tịnh rồi, lại do năm tướng nên nhận biết rõ là trụ:

1. Hoặc do đấy mà trụ.

2. Hoặc đây là nương dựa.

3. Hoặc do đấy mà lìa trói buộc.

4. Hoặc đây là chỗ nương dựa.

5. Hoặc do đấy nên tương ưng.

Nên biết ở đây, do giải thoát, tâm bất động mà trụ. Nơi một phần pháp xét chọn trừ bỏ, nghĩa là nhân duyên du hành tán loạn, khó nhọc, nên thân tâm mệt mỏi, biếng trễ. Nơi một phần pháp xét chọn nhẫn thọ, nghĩa là nóng lạnh v.v… Đó gọi là nương dựa.

Do nơi ba thứ tạp nhiễm ly hệ:

1. Kiến tạp nhiễm.

2. Ái tạp nhiễm.

3. Tầm tư tạp nhiễm.

- Do kiến tạp nhiễm nên được ly hệ: Ở trong hữu sau, tâm không dao động.

- Do ái tạp nhiễm nên được ly hệ: Tức ở nơi các cảnh giới không bị chìm nổi.

- Tầm tư tạp nhiễm nên được ly hệ: Tầm tư chỉ là thiện, không có bất thiện.

Như vậy gọi là do đấy mà lìa trói buộc. Ở đây, dựa vào Tam-ma- địa không động của bốn thứ Tĩnh lự, an trụ nơi hiện pháp lạc trụ thứ nhất. Đó gọi là nương dựa, do cùng với bậc vô học, tâm hoàn toàn giải thoát, huệ hoàn toàn giải thoát mà cùng tương ưng.

Lại, người lìa ái, nơi thân thứ hai không còn sanh nữa, đối với nhà Niết-bàn không còn thối chuyển, nên tất chứng đức viên mãn vô thượng. Do năm tướng này, nên biết trụ nơi trụ thứ nhất viên mãn.

Lại nữa, tụng nêu:

Hai phẩm tổng lược ba có khác
Thắng giải đoạn lưu chuyển có tánh
Bất thiện thanh tịnh, thiện thanh tịnh
Thiện nêu, ác nêu sư cùng riêng.

Lược do ba xứ gồm thâu chung tất cả phẩm đen phẩm trắng:

1. Do pháp của đối tượng nhận biết khắp.

2. Do nhận biết khắp.

3. Do nhận biết khắp thành tựu.

- Pháp của đối tượng được nhận biết khắp: Nghĩa là Khổ đế, Tập đế, nên biết là gồm thâu chung tất cả phẩm đen.

- Nhận biết khắp: Nghĩa là Diệt đế, nên biết đây là gồm thâu một phần phẩm trắng.

- Nhận biết khắp thành tựu: Nghĩa là hữu tình cùng Đạo đế. Hữu tình là giả có, nên biết cũng là thuộc về phẩm bạch.

Đây tức là các Thánh đệ tử của Đức Như lai, ở nơi Thế tục đế cùng Thắng nghĩa đế, thảy đều thiện xảo. Dựa nơi hai đạo lý, tùy quán như thật, cùng không thể ghi. Nghĩa là Như lai sau diệt độ, hoặc có hoặc không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không, đều không thể nhận lấy, cũng không thể ghi. Vì sao? Vì dựa đủ nơi Thắng nghĩa, các thứ kia không thể thủ đắc, huống hồ là sau khi diệt độ hoặc có hoặc không. Nếu dựa nơi

thế tục, là đối với các hành giả lập Như lai. Là đối với Niết-bàn, hoặc đối với các hành, Như lai sau khi diệt độ, không có một hành lưu chuyển có thể thủ đắc, bấy giờ xứ nào giả lập Như lai. Đã không Như lai, thì sao còn có không v.v… Nếu đối với Niết- bàn, Niết-bàn chỉ là chỗ hiển bày không hành, dứt hẳn các hý luận, tự nội chứng đắt, tuyệt hẳn hý luận, nên thiết lập là có là không hợp đạo lý. Cũng lại không nên thiết lập không có. Chớ nên tổn hủy việc thiết lập Niết-bàn diệu hữu tịch tĩnh.

Lại, Niết-bàn này là hết sức khó nhận biết, rất vi tế, nên gọi là vô cùng sâu xa. Vô số chẳng phải là một, là chỗ hiển bày phiền não của các hành đã đoạn trừ, nên gọi là rộng lớn. Hiện lượng, tỷ lượng, chánh giáo lượng đều không lường, nên gọi là vô lượng.

Lại nữa, do ba nhân duyên, nên bên trong và bên ngoài gánh chịu khổ não có sai biệt:

1. Đối tượng được gánh chịu.

2. Chủ thể gánh chịu.

3. Thời gian gánh chịu.

Nghĩa là bên ngoài gánh chịu một phần gồm thâu của sắc. Hoặc cây lúa hoặc cỏ dại, hoặc chủng loại khác, là đối tượng được gánh chịu. Kẻ ngu mới dùng tất cả các hành làm đối tượng gánh chịu.

Lại, bên ngoài gánh chịu là thuộc ở vai thân, là chủ thể gánh chịu.

Kẻ ngu mới cho tất cả ái nơi uẩn là chủ thể gánh chịu.

Lại, bên ngoài gánh chịu chỉ do nơi vai hiện tại gánh vác chỗ phải gánh chịu. Kẻ ngu mới cho tất cả ái nơi uẩn đã gánh vác chỗ phải gánh chịu.

Muốn xả bỏ đối tượng được gánh chịu, cần kết hợp với việc dứt trừ uẩn. Không có phương tiện riêng mà có thể trừ bỏ, cho đến chưa có thể xả bỏ đối tượng được gánh chịu, dẫn tới việc phải thường xuyên gánh chịu gánh nặng lớn.

Nắm giữ đôi vai không tịch tĩnh, lại yếu kém, nhỏ bé, trong thời gian phải gánh vác không gián đoạn đối tượng được gánh chịu, nên bên trong có ba đức lãnh nhận, gánh chịu các khổ như thế. Bên ngoài thì không như vậy. Đó gọi là hai thứ gánh chịu có sai biệt.

Lại nữa, do năm thứ tướng, kẻ ngu bị trói buộc, cùng với sự trói buộc bên ngoài có sai biệt.

Nghĩa là, bên ngoài bị trói buộc là chỗ trói buộc của một phần sắc, hoặc bị trói buộc của cây gỗ, hoặc sắt thép, hoặc dây chỉ. Kẻ ngu mới bị

các hành trói buộc.

Lại, sự trói buộc bên ngoài là bị kẻ khác trói buộc. Kẻ ngu mới tạo sự trói buộc cho chính mình.

Lại, sự trói buộc bên ngoài dễ có thể nhận biết rõ về nhân duyên của sự trói buộc cùng phương tiện giải thoát. Sự trói buộc bên trong của kẻ ngu, tất cả đều khó nhận biết.

Lại, sự trói buộc bên ngoài kia, sau khi chết tức không. Sự trói buộc bên trong của kẻ ngu, sau khi chết, các hành vẫn theo đuổi, lui tới, xoay vòng không bỏ.

Lại, sự trói buộc bên ngoài, người xuất gia hiện có có thể xả bỏ các dục, liền được giải thoát, hết thảy oán địch đều không thể gây trở ngại. Sự trói buộc bên trong của kẻ ngu tuy được lìa dục, cho đến cõi Hữu đảnh hãy còn chưa có thể giải thoát, huống là chỉ xuất gia. Nên biết ở đây, tại phần vị lìa dục, mà là đối với điều ấy không được tự ý. Ở phần vị chưa lìa dục thì chúng tự ý, mặc sức. Nơi phần vị xuất gia chưa thoát khỏi tay Ma, hoặc phần vị tại gia hành tác thuận theo dục, chưa lìa nẻo dục nên còn bị Ma trói buộc. Do đạo thế gian, tuy sanh nơi cõi Hữu đảnh nhưng vẫn chưa thoát khỏi lưới Ma.

Lại nữa, lược do bốn tướng, nên biết Đức Như lai cùng với A-la- hán huệ giải thoát có phần đồng phần khác.

Do một thứ tướng, nên gọi là phần đồng, tức là giải thoát v.v… Do ba thứ tướng, nên gọi là phần khác:

1. Hiện bày đẳng giác.

2. Có thể thuyết pháp.

3. Hành chánh hành.

Ở đây, Đức Như lai không thầy, tự nhiên tu ba mươi bảy pháp phần Bồ đề, hiện Đẳng Chánh Giác. Đẳng Chánh giác đã dựa khắp nơi thắng nghĩa. Hoặc đối với hiện pháp có năng lực, không năng lực. Hoặc là pháp hiện thấy, pháp không hiện thấy, nơi tất cả thức thảy đều thấu đạt. Đó gọi là đẳng giác Bồ đề tự nhiên.

Thấu đạt về pháp Thắng nghĩa như thế rồi, đối với hai chướng kia khéo được giải thoát. Nghĩa là, cùng tập khí nơi các phiền não chướng và sở tri chướng, với chúng chư Thiên và thế gian khác, vì sự giải thoát chỉ là một, không hai. Nên biết thấu đạt bốn tướng như thế, đó gọi là đẳng giác Bồ đề tự nhiên. Do đấy không cùng chung với các Thanh văn.

Lại, dựa nơi sự tạo tác của tha nghĩa để hành tác, có thể thuyết giảng

Chánh pháp, do năm thứ tướng, nên biết là không chung. Những gì là năm? Đó là:

1. Như Lai nhận biết rõ như thật về tất cả loại đạo là đạo, tất cả loại phi đạo là phi đạo.

2. Nhận biết rồi thì tuyên thuyết đúng như thật là đạo, là phi đạo, vì khiến hướng tới đạo, không hướng tới phi đạo.

3. Hoặc có đạo như chỗ đã nêu giảng, vui muốn siêng hành, vì khiến cho hành kia thâu nhận phương tiện, tác ý như lý dẫn đến chánh đạo, nên dùng môn chỉ dạy, trao truyền để tuyên thuyết.

4. Người kia, lúc hành như Thánh giáo, nếu có lỗi lầm của Chỉ Quán làm chướng ngại đều khiến trừ bỏ.

5. Hoặc có sự tùy thuận với pháp kia đều khiến thâu nhận. Đó gọi là có thể thuyết pháp, là phần không đồng.

Ở đây, hành chánh đáng là phần không đồng: Nghĩa là các Thanh văn, trước dựa nơi Như lai, sau hành chánh hành. Phàm là Như lai thì không thiếu đối tượng nương dựa.

Lại, chư vị kia thành tựu chủng tánh Thanh văn, hành nơi hành chân chánh, nhưng Phật Như lai thì thành tựu tánh tự chúng.

Lại, các Thanh văn kia, hoặc đã thành thục hoặc sẽ thành thục, không phải là trong thân Bồ tát của hữu sau cùng, hai hành có thể đạt được. Nếu chưa thành thục, các vị kia tùy theo đạo hành có thể thành thục nối tiếp sự thành thục của vị lai.

Nếu đã thành thục: Tức chư vị kia ở nơi hiện pháp thành bậc Đại sư, chỉ dạy như hai thứ ấy, như Thánh giáo kia, tức hành như thế. Hoặc tùy đạo hành, thì chư vị kia, nơi đời vị lai sẽ chứng Niết-bàn. Nếu ở nơi hiện pháp, thành bậc Đại sư, giáo hóa chư vị kia dựa vào thân này liền chứng Thánh đạo, là đạo quả Niết-bàn, tức Thánh đạo này cùng với quả của Thánh đạo. Không tổn hại an lạc, nên gọi là pháp như thật, tánh tạo lợi ích nên lại nói là thiện.

Lại nữa, ở trong các hành, lược có hai thứ thắng giải vô ngã:

1. Thắng giải của Văn, Tư tăng thượng.

2. Thắng giải của Tu chứng tăng thượng.

Ở đây, thắng giải của Văn, Tư tăng thượng có thể cùng với thắng giải của Tu chứng tăng thượng, tạo sanh nương dựa. Các thiện nam tịnh tín xuất gia, tuy lại ở nơi cực thiện này đạt đến đủ, nhưng ở trong ấy không nên tri túc. Chính ở đây là dựa trong các hành, lần lượt tu tập các tưởng như vô

thường, chứng đắc thắng giải vô ngã tăng thượng. Vì khiến cho chư vị kia chứng chuyển thiên thắng, nên siêng năng tu Quán, Giải.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên biết các hành có hai thứ đoạn. Bốn tướng đó là:

1. Các triền được đoạn.

2. Tùy miên được đoạn.

3. Tánh nhân của các hành thuộc hữu sau được đoạn.

4. Hành nhiễm của các hành hiện tại được đoạn.

Bốn thứ như vậy, nên biết là nói chung về hai thứ đoạn trừ: Là phiền não được đoạn dứt cùng do sự đoạn. Hai tướng trước gọi là phiền não được đoạn. Hai tướng sau gọi là sự đoạn.

Lại nữa, ở trong cõi Dục, các hành lưu chuyển nơi phần vị đầu giữa sau, nên biết lược có ba thứ khổ gắn liền:

1. Lúc sanh, vì thai tạng kia che ngăn, nên có khổ bị che ngăn.

2. Sanh rồi, ở nơi phần vị trẻ con, khổ vì nhiều bệnh tật.

3. Các căn thành thục, suy già, có khổ về già, chết.

Lại, các hành kia lưu chuyển sanh khởi đầu giữa sau diệt, nên biết tức là ba thứ khổ diệt.

Lại nữa, có ba tánh hữu, vì đoạn trừ chúng nên các Thánh đệ tử phải siêng năng tu học:

1. Tánh hữu dựa nơi quá khứ làm nhân. Do nhân duyên ấy, chư vị tịnh tín bỏ nhà, hướng tới đời sống không nhà, phải thấy rõ về lỗi lầm, chán bỏ các dục.

2. Tánh hữu, dựa nơi vị lai sanh khởi các hành làm nhân.

3. Tánh hữu, dựa nơi ý lạc chưa đoạn tạp nhiễm của hiện tại.

Vì đoạn trừ ba thứ tánh hữu như thế, nên có ba đoạn. Nghĩa là không luyến tiếc. Không vui thích. Đoạn lìa dục, diệt cảnh giới tập thành.

Lại nữa, ở trong các hành, lược có hai thứ lìa tăng thượng mạn, quán không ngã kiến. Những gì là hai?

1. Không khéo thanh tịnh.

2. Hoàn toàn thanh tịnh.

Thế nào gọi là không khéo thanh tịnh? Nghĩa là như có một hữu tình xa lìa mà trụ, dựa nơi quán các hành là tánh vô thường, nhẫn. Do trí thế gian, đối với tánh vô ngã phát sanh thắng giải. Nhân nơi thắng giải ấy, đối với mắt nhận biết về sắc, cho đến ý nhận biết về pháp, theo đấy quan sát về

tướng của ngã, ngã sở không hiện hành, nên gọi là đoạn.

Lại có thể chế phục ba thứ tham-sân-si hiện có thuộc về bốn thứ trói buộc bên ngoài. Nghĩa là thân tham dục bị trói buộc gồm thâu tham hiện có. Thân giận dữ bị trói buộc gồm thâu sân hiện có.

Thân của hai thứ còn lại bị trói buộc gồm thâu si hiện có. Nên biết trong ấy, nghĩa thấp kém cấu uế là nghĩa hiện có.

Trí vô ngã lìa tăng thượng mạn, tác ý như lý cùng tương ưng nên thuộc về địa định. Nên biết trí này do hai nhân duyên không khéo thanh tịnh:

1**.** Tức nơi thời gian này. Tức lúc phần vị thiện căn đối với việc

hướng nhập phần thuận quyết trạch, có ngã mạn thô tùy nhập nơi tác ý vi tế hiện hành, chuyển biến gián đoạn không gián đoạn. Do nhân duyên ấy, nên khởi niệm: Ta nay đối với không có thể tu có thể chứng. Không là ta có. Do không ấy nên chấp ngã là hơn. Như không, thì vô tướng, vô sở hữu nên biết cũng thế.

2**.** Có thể khiến cho nhân duyên của pháp kia hiện hành. Nghĩa là đối với các dục hoặc Tát-ca-da có thức nhiễm ái. Do ở nơi thức có nhiễm ái như thế, không nhận biết rõ khắp về lực tăng thượng, liền bị Tát-ca-da ái của các dục làm cho chìm nổi. Do ý lạc ấy nên đối với Niết-bàn kia không thể hướng nhập, tâm thối chuyển như trước đã nói.

Lại do tám tướng, nên có thể nhận biết rõ khắp. Nhận biết rõ khắp nên dứt trừ các thứ lỗi lầm tai họa. Nên biết đó gọi là hết sức khéo thanh tịnh, là chân trí vô ngã lìa tăng thượng mạn.

Lại, ở trong đó đã diệt hoại, là pháp diệt hoại nên là pháp vô thường. Các nghiệp phiền não đã tập thành nên gọi là hữu vi. Do nguyện lực từ xưa được tập thành, nên gọi là Tư tạo nên. Từ tự chủng tử hiện tại nơi duyên ngoài đã tập thành, nên gọi là duyên sanh. Đối với pháp suy già của đời vị lai, nên gọi là pháp tận. Pháp chết mất nên gọi là pháp mất. Già chết chưa đến, vì vô số tai họa ngang trái như tật bệnh v.v… bức não, nên gọi là pháp hủy hoại. Do dựa nơi hiện lượng có thể lìa dục, có thể đoạn dứt, nên gọi là đối với hiện pháp đạt được pháp lìa dục cùng do pháp diệt. Nên biết ở đây, trừ pháp lìa dục cùng do pháp diệt, do tướng còn lại, lược quán về lỗi lầm tai họa hiện có của ba đời. Do tướng đã trừ quán nẻo xuất ly kia. Hoặc do xuất ly, nhận biết khắp lỗi lầm tai họa như thế, sự nhận biết kia gọi là khéo nhận biết khắp trong tất cả pháp không có tánh ngã. Gọi là các pháp ấn, tức pháp ấn này theo luận đạo lý pháp vương tạo nên. Đối với các Thánh thân không bị não hại, tùy hỷ có thể đạt được tất cả Thánh tài, do đấy tự nhiên

an lành, vượt qua quãng đường dài đầy hiểm nạn của sanh tử rộng lớn, thế nên cũng gọi là pháp ấn của các Thánh. Nên biết ở đây, do trước gọi là trí thông đạt, do sau gọi là kiến hoàn toàn thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết do năm thứ tướng, đối với pháp trong ngoài, sư cùng đệ tử, cao thấp có sai biệt:

1. Do trụ.

2. Do chế ngự chúng.

3. Do luận quyết trạch.

4. Do kiến lập, mở bày làm rõ đạo.

5. Do hành.

Nghĩa là các sư ngoại đạo cùng đệ tử thường xuyên trụ nơi trụ xứ ồn ào. Sư của nội pháp cùng đệ tử luôn luôn trụ nơi trú xứ tịch tĩnh hết mực. Đó gọi là sự sai biệt về cao thấp thứ nhất.

Lại, sư ngoại đạo, do tự có lượng đệ tử xuất gia, các Tăng ngoại đạo gọi là Tăng hữu. Do tự có lượng đệ tử tại gia, các chúng ngoại đạo gọi là chúng hữu. Hết thảy chúng ít ỏi kia cùng nhận là sư, nên gọi là các sư. Chúng sanh loại ngu tối, cùng cho là có đức, thế nên gọi là cùng suy tìm sắc thiện. Nên biết Như lai cùng với các pháp kia trái nhau, tuy là bậc Đại sư vô thượng của tất cả hàng Trời cùng thế gian, nhưng đối với hàng đồng tôn kia không hề mong muốn.

Lại, sư ngoại đạo và đệ tử của mình, lúc cùng dấy khởi luận bàn, quyết chọn, phàm có chỗ nói, lần lượt ý giải, mỗi mỗi thứ đều sai biệt, không cùng phù hợp, càng thêm ngu tối, không phải là trí được thanh tịnh. Nên biết nội pháp là trái hẳn với đây.

Lại, sư của ngoại đạo, vì các đệ tử, nương dựa nơi không nhân, nhân không bình đẳng để nêu đặt, kiến lập mở rộng, hiển bày về đạo. Lắng nghe pháp không chân chánh như thế, là Đại-la-sát nhiễu loạn nơi tâm.

Lại do tác ý phi lý, tương ưng với tầm tư không đúng đắn, nên tâm kia tán động, do đối với kẻ khác đã mang sẵn tâm hơn thua, chê trách kẻ khác. Nếu kẻ khác hỏi vặn lại liền khởi hung bạo. Không xét chọn kỹ, ngôn từ khinh xuất, tự bị không nhân, nhân không bình đẳng che giấu, nên gọi là tạp nhiễm. do kẻ ngu ấy, đối với nhân duyên nhiễm, hoặc tự hoặc tha không nhận biết đúng như thật, nên gọi là ngu muội. Lìa thanh tịnh nên gọi là không sáng rõ. Đối với nhân thanh tịnh không khéo léo, nên gọi là bất thiện.

Lại, cho đến đối với ngôn ngữ nên thuyết giảng, như ngôn ngữ đã nêu bày, ngôn ngữ của xứ ấy, hết thảy như thế đều không nhận biết đúng như

thật. Do đó gọi kẻ kia là không biết lượng, là không biết ân. Nên biết nội pháp là trái hẳn với các thứ kia.

Lại, các sư ngoại đạo cùng đệ tử, tuy không nêu bày khác, chỗ nói không giảm, không nói về điên đảo. Tuy không lưu tán, nhưng chỗ nói không thêm, không tăng ích. Tuy cùng được nói, nhưng nghĩa chỉ tương tợ. Tuy là pháp, văn nêu bình đẳng. Tuy lại là pháp ký biệt cùng tùy pháp, nhưng đối với đồng pháp lại là bạn nhóm. Nên biết kẻ kia, đối với pháp tùy pháp hành, chứng đắc tự nghĩa, người không phóng dật hãy còn không thể đạt được, huống chi là người phóng dật. Kẻ kia do không đạt được tự nghĩa như thế, nên bị tha luận chế phục, chê bai về chỗ thọ nhận các pháp tà ác. Nên biết nội pháp cùng với kẻ kia trái nhau. Đó gọi là năm thứ cao thấp sai biệt.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên biết các hành không nhất định là khổ nhiễm. Lại do bốn tướng, không nhất định là lạc, tịnh bốn tướng như thế là dựa chung nơi ba sự. Những gì là ba sự? Đó là:

1. Dựa nơi xứ sanh.

2. Dựa nơi thọ.

3. Dựa nơi đời.

Ở đây, lạc: Là ở nơi Tĩnh lự thứ ba.

Lạc đã thuận theo: Là ở trong cõi người, nhận có hai thứ. Hỷ lạc khắp: Là ở tại hai Tĩnh lự đầu.

Chưa vĩnh viễn lìa lạc: Là ở Tĩnh lự thứ tư trở lên. Trong ấy, khổ: Là tại nẻo Ngạ quỷ cùng do Bàng sanh. Khổ được tùy theo: Là ở trong nẻo người.

Ưu khổ khắp: Là tại Na-lạc-ca.

Chưa vĩnh viễn lìa khổ: Là ở trong Thiên chúng trên, nên khổ đã thuận theo.

Lại nói lạc: Là phần vị của thọ không khổ không lạc hiện tiền. Lạc đã tùy thuận: Là phần vị của khổ thọ hiện tiền.

Hỷ lạc khắp: Là phần vị của lạc thọ hiện tiền.

Không vĩnh viễn lìa lạc: Là chỗ tùy thuận của nhân lạc nơi tất cả phần vị.

Nếu cùng với đây trái nhau, nên biết là sai biệt của khổ. Lại, nói lạc: Nghĩa là thuận các hành lạc cùng lạc đã diệt.

Lạc được tùy thuận: Là có nhân lạc, nên ở đời vị lai sẽ sanh khởi lạc.

Hỷ lạc khắp: Là đối với hiện tại tùy thuận xứ lạc. Chưa vĩnh viễn lìa

lạc: Là hai đời còn lại.

Cùng với đây trái nhau là bốn sai biệt của khổ, như chỗ ứng hợp nên biết.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 88

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh Hành Lựa Chọn, Thâu Tóm Thứ Nhất

Đoạn 4:

Lại nữa, tụng nêu:

Hai trí cùng sự kia
Lạc cùng hành chuyển biến
Thỉnh không thỉnh nói kinh
Niết-bàn có hai thứ.

Trí có hai loại:

1. Trí chánh.

2. Trí tà.

Ở đây, trí chánh dựa nơi có sự sanh khởi; trí tà cũng vậy.

Tuy hai trí này cùng dựa nơi có sự, nhưng trí chánh thì nhận lấy sự đúng như thật; trí tà thì phân biệt tà vạy, không nhận lấy sự đúng như thật. Do có tác ý như lý của chánh giáo làm hành trước, nên ở nơi cảnh của đối tượng nhận thức, trí chánh được sanh. Do có tác ý phi lý của tà giáo làm hành trước, nên ở nơi cảnh của đối tượng nhận thức, trí tà được sanh. Không phải là trí chánh sanh, hủy hoại cảnh được nhận thức, chỉ ở nơi cảnh này xả bỏ chấp tà mà khởi trí chánh. Như màu sắc trong bóng tối, lúc đèn sáng sanh không hủy hoại sắc này, chỉ có thể soi chiếu rõ. Nên biết nghĩa ấy cũng lại như thế.

Lại nữa, các hành thuận theo lạc thọ, cùng với tướng vô thường cùng tương ưng. Nếu đến phần vị khổ, bấy giờ gọi là tổn não bức bách. Nếu tới phần vị không khổ không lạc, lúc ấy mới đối với hành khổ gọi là khổ bức thiết. Nếu không đến phần vị kia, tức nên hoàn toàn chỉ thuận nơi lạc thọ, chớ đến các phần vị khác.

Lại, các pháp như sanh, lão v.v… thuận theo các hành thảy đều là khổ. Chúng nếu đến phần vị tật bệnh, gọi là tổn não bức bách. Nếu tới phần vị khổ như sanh v.v…, gọi là khổ bức thiết. Nếu không tới phần vị kia thì

ở trong các hành, là chỗ theo đuổi của nhân khổ như sanh v.v…, chớ khiến đến quả vị.

Lại, bản tánh nơi các hành là các duyên sanh, nên không được tự tại, cũng không có chủ đề. Nếu có chủ tể thì tất cả hành kia, tuy tánh là vô thường, nên tùy chỗ vui thích lưu chuyển không dứt, hoặc không khiến sanh, nói rộng cho đến đối với tử.

Lại nữa, có hai thứ Khế kinh:

1. Nhân thỉnh cầu mà thuyết giảng.

2. Không nhân thỉnh cầu mà thuyết giảng.

- Nhân thỉnh cầu mà thuyết giảng: Nghĩa là nếu có hữu tình do các hành cùng giáo ấy mà được điều phục, nhân sự thỉnh cầu kia, vì nhằm chuyển các hành cùng giáo như thế.

- Không nhân thỉnh mà thuyết giảng: Nghĩa là hoặc ở trong hàng trăm chúng kia, dùng vô lượng môn tạo sự thuyết giảng tốt đẹp. Hoặc vì đệ tử ở gần bậc Đại sư là A-nan-đà thưa nói như vầy: Vì khiến cho Chánh pháp được trụ lâu.

Lại nữa, nên biết do ba phần, nên thâu nhận Niết-bàn viên mãn:

1. Do thuận theo sự chỉ dạy, trao truyền.

2. Do quan sát đúng đắn về tất cả hành.

3. Do đoạn trừ vĩnh viễn các phiền não.

- Thuận theo sự chỉ dạy, trao truyền: Tức là ghi, nói, dạy, khuyên, thuộc về thần biến. Đức Như Lai theo chỗ mong muốn, ghi nói về tâm kia, do định ý của mình, dùng ba hành tướng soi chiếu khắp tâm kẻ khác. Hoặc lần lượt, lâu xa khiến tâm vắng lặng. Hoặc tâm vô gián diệt. Hoặc ở nơi đối tượng duyên hiện tại, chuyển tâm. Từ định khởi rồi, theo niệm phân biệt, tư duy định nội thọ nhận tâm kẻ khác. Như chỗ thọ nhận kia, tức ghi như vầy: Ông có tâm như thế: Nghĩa là lâu xa diệt. Ý như thế: Nghĩa là vô gián diệt. Thức như thế: Nghĩa là hiện tại, ở đây căn cứ nơi chủng loại, không căn cứ vào sát na. Tức do ghi, nói như vậy, thần biến làm chỗ dựa, nên ở nơi ba xứ kia mà làm việc dạy khuyên:

1. Ở nơi cảnh giới hiện tiền của xứ hành, mở, thuận cho tác ý như lý, ngăn chặn tác ý không như lý.

2. Ở nơi trụ xứ, ngăn chặn tầm tư bất chánh, mở bày, thuận cho tầm tư chân chánh.

3. Ở nơi xứ Chỉ, Quán siêng năng tu hành: Mở bày, thuận cho khiến đoạn các hành chưa đoạn, cùng khiến vĩnh viễn được lìa trói buộc của phiền

não, chứng đắc Niết-bàn.

Tuyên thuyết như thế, khiến từ nơi các tùy phiền não của ba xứ, tâm được thanh tịnh. Nghĩa là xứ hành, xứ trụ, xứ dựa.

Lại, quán xét đúng đắn về các hành của quá khứ, hiện tại, vị lai, gọi là chánh quan sát.

Tất cả các hành lại có ba lậu. Ba lậu là trước mà có dục hại. Dục hại là trước mà có tầm tư nhiệt não. Tầm tư nhiệt não là trước mà có truy cầu ưu khổ. Tất cả như thế đều vĩnh viễn đoạn trừ, nên gọi là vĩnh đoạn hết thảy phiền não. Tâm định trụ khéo giải thoát như thế là lạc trụ vô tướng. Lúc không sợ hãi, ở trong hiện pháp, gọi là nhập nơi xứ Bát Niết-bàn viên mãn. Lại dựa vào ba pháp, nương nơi tự nghĩa, gọi là trụ nơi quy y. nương nơi tha nghĩa, gọi là trụ nơi châu, bãi. Những gì là ba? Đó là:

1. Dựa nơi nội, tác ý như lý làm trước nơi pháp tùy pháp hành.

2. Dựa nơi Phật, lắng nghe Chánh pháp được thuyết giảng.

3. Dựa vào bậc Thiện sĩ bên trong gần gũi với Chánh pháp.

Ba pháp như thế, nên biết là hiển thị bốn thứ pháp tạo tác nhiều trong cõi Người: Thân cận bậc Thiện sĩ, lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý, pháp tùy pháp hành.

Lại do ba duyên cùng năm thứ tướng, nên biết là chứng đắc phần Niết-bàn kia. Những gì là ba duyên? Đó là:

1. Nhận biết khắp về Khổ.

2. Thấy rõ các thứ lỗi lầm tai họa của tất cả hành thuận theo Khổ.

3. Vượt quá tất cả Khổ như sầu v.v…

Những gì là năm tướng? Đó là:

1. Nhận biết về chủng loại của Khổ cùng thời gian liên hệ phát sanh sầu não v.v… Đó gọi là nhận biết khắp về tự tánh của Khổ kia.

2. Nhận biết có chủng tử nên pháp kia được sanh. Đó gọi là đối với Khổ kia, nhận biết khắp về tánh của nhân.

3. Nhận biết về cảnh giới của đối tượng tự nhận thức, hành trì. Đó gọi là đối với Khổ, nhận biết khắp về tánh của duyên.

4. Tùy quán chỗ chấp trước ngã cùng ngã sở, đều là các hành có thể thuận theo các Khổ. Đó gọi là đối với Khổ, nhận biết khắp về tánh của hành.

5. Tùy quán những lỗi lầm tai họa của các hành nơi ba đời hệ thuộc cõi Dục, có thể đoạn trừ hết thảy các khổ như sầu não v.v…

Nên biết, do ba duyên, năm tướng này, nên đạt được phần Niết-bàn như vậy. Do sự khả ái, vì vô thường chuyển biến khiến tâm bi thương buồn lo nên gọi là sầu. Do kẻ kia phát khởi ngôn ngữ thở than, sùi sụt, nên gọi là than. Nhân đấy bị đánh đập nên gọi là khổ. Trong lòng ôm giữ oan kết, nên gọi là ưu. Do đấy mà mê loạn nên gọi là não.

Lại, do mất mát của cải, vật báu, bệnh tật, không thân thích v.v…, các sự như thế tùy một thứ hiện tiền mới sanh ưu não, gọi là sầu. Do dựa vào đấy, nên tiếp theo bèn phát khởi ngôn ngữ bi ai, toàn thân phiền nhiệt, gọi là than. Phần vị khổ vượt hơn sầu than này. Thân phiền nhiệt rồi, trong thiêu đốt, ngoài tĩnh, tâm cũng chưa bình, gọi là phần vị ưu. Qua ngày đầu rồi, hoặc hai, ba, năm, mười ngày đêm, một tháng, do nhân duyên kia, nên ý hãy còn chưa yên, gọi là não.

Lại nữa, kệ nêu:

Mầm tranh kiến nhiễm lớn
Một hướng học, bốn sợ
Trong thiện thuyết, ác thuyết
Túc trụ niệm sai biệt.

Do bốn nhân duyên, Đức Như lai không cùng với sự mê loạn của thế gian chung tạo tranh oán, nhưng thế gian kia khởi phân biệt tà vạy, nghĩa là tạo tranh oán. Những gì là bốn nhân duyên? Đó là:

1. Tuyên thuyết về nghĩa của đạo lý.

2. Tuyên thuyết về nghĩa chân thật.

3. Tuyên thuyết về nghĩa lợi ích.

4. Có lúc tùy thuận thế gian chuyển.

Ở đây, Đức Như Lai dựa nơi bốn đạo lý như trước đã nói để tuyên thuyết Chánh pháp. Đó là:

- Đạo lý quán đãi.
- Đạo lý tác dụng.
- Đạo lý nhân thành.
- Đạo lý pháp nhĩ.

Do đấy, Như lai gọi là bậc Pháp ngữ (Bậc nói pháp). Như lai trọn không cố ý đi đến trú xứ của kẻ khác để mong dấy khởi sự tranh biện. Vì sao? Vì do các thế gian đều trái phản với tha nghĩa, tức vì tự nghĩa nên dấy khởi tranh luận. Như lai đều cho hết thảy tha nghĩa tức là tự nghĩa, nên không có chỗ tranh luận, chỉ trừ vì thương xót khiến họ được nghĩa lợi, nên đi đến trú xứ của kẻ khác, vì họ thuyết giảng Chánh pháp. Nhưng các thế

gian tà chấp, ngu si điên đảo, vọng cho là tự nghĩa, tha nghĩa mà có sai biệt, nên cùng với Như lai tranh luận. Do nhân duyên này, nên biết Như lai gọi là "Bậc nói đạo lý".

Lại nữa, Như lai gọi là "Bậc nói chân thật". Nghĩa là nếu các bậc thông tuệ của thế gian cùng chấp nhận là có, Như lai đối với sự việc ấy cũng nói là có, tức như tất cả đều là vô thường. Hoặc các bậc thông tuệ của thế gian cùng thừa nhận là không, thì Đức Như lai đối với sự việc ấy cũng nói là không, tức như tất cả các hành đều là thường trụ.

Lại nữa, Đức Như lai gọi là "Bậc nói điều lợi ích". Nghĩa là các thế gian có những kẻ mù lòa tăm tối, tự họ đối với thế pháp không thể nhận biết rõ. Đức Như lai đối với những trường hợp ấy tự hiện Đẳng Giác, vì họ mà mở bày, xiển dương.

Lại nữa, Đức Như lai hoặc có lúc tùy thuận thế gian mà chuyển. Nghĩa là như A-tử-la, Ma-đăng-kỳ v.v… chỉ dựa nơi phần ít sự nghiệp để tự sanh sống, nhưng các người đời vì những vị ấy đã giả lập danh tưởng: giàu có lớn, tài sản lớn v.v… Như các người đời kia đã giả lập danh tưởng, Đức Như lai cũng tùy theo họ để nói như vậy.

Lại như một sự việc nơi một cõi nước được giả lập danh tưởng, thì đối với cõi nước khác, tức nơi sự việc ấy cũng lập danh tưởng khác. Đức Như Lai tùy theo sự việc kia cũng nêu bày như thế. Nếu ôm giữ sự tranh oán để dấy khởi tranh oán, tức không được gọi là Bậc nói về đạo lý, Bậc nói chân thật, Bậc nói điều lợi ích, Bậc thuận theo thế gian chuyển. Do gồm đủ bốn thứ nhân duyên như thế, vì vậy nên biết Như Lai là không tranh.

Lại, Đức Phật Thế Tôn tự nhiên quán xét về nghĩa nên hành tác, tuy không thỉnh vấn, nhưng tự tuyên dương hiện pháp Đẳng Giác, có thể dùng danh cú văn thân tương xứng để nêu đặt, kiến lập các pháp sai biệt, nói rộng như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước. Như vậy, nên biết cho đến gọi là bình đẳng khai thị.

Lại nữa, một nhân hai duyên, khiến mầm của hữu sau sẽ được sanh trưởng. Nghĩa là trong năm phẩm hành, chủng tử của phiền não luôn gắn chặt nơi thức, được gọi là nhân. Bốn thứ thức trụ cũng với nhân tương tợ gọi là duyên. Lại do hỷ tham làm tươi nhuận thức kia, khiến đối với các pháp ấy sẽ thọ nhận xứ sanh, kiết sanh nối tiếp, chiêu cảm Tát-ca-da, cũng gọi là duyên.

Ở đây có một hữu tình, do bốn thức trụ thâu nhận làm chỗ dựa. Do hỷ tham nên ở trong hiện pháp luôn tạo tác, tích tập cùng khiến tăng trưởng. Người kia, vào thời gian sau thành A-la-hán, khiến chủng tử của thức thảy

đều hủy hoại, hết thảy mầm của hữu vĩnh viễn không được sanh.

Lại nữa, có một hữu tình gồm đủ tất cả trói buộc, siêng năng tu tập hành chân chánh, vui thích Niết-bàn, đối khắp hết thảy các xứ thọ sanh đều khởi tưởng chán nghịch. Người kia, do có đủ trói buộc nên chủng tử không hoại mất. Thức trụ hòa hợp. Nhưng ở nơi các hữu khởi tưởng chán nghịch, nên không hỷ tham. Người kia do tu tập hành chân chánh như thế, nên ở trong hiện pháp có thể đạt Bát-niết-bàn, mầm của hữu sau kia cũng không thể sanh.

Lại nữa, có một hữu tình trụ nơi địa học, đắc quả Bất hoàn, chỉ có các hành của xứ Phi tưởng phi phi tưởng là phần còn lại, nơi định Hữu đảnh an trụ đầy đủ. Hết thảy chủng tử của thức kia cũng chưa thảy đều diệt tận, nhưng nơi thức trụ có thể nhận biết rõ khắp, có thể thông đạt khắp. Người kia do sức tăng thượng của quên niệm, nên tham ái của địa trên chỉ còn sót lại phần ít. Là quả Bất hoàn, nên tất cả mầm hữu nơi địa dưới của vị lai không sanh lại nữa. Cùng với đây trái nhau, nên biết tất cả mầm của các hữu sau đều được sanh trưởng.

Lại nữa, tạp nhiễm có hai:

1. Tạp nhiễm của kiến.

2. Tạp nhiễm của phiền não khác.

- Tạp nhiễm của kiến: Là Tát-ca-da-kiến đối với các hành chấp ngã, ngã sở, chuyển theo chấp tà vạy. Do kiến này nên hoặc chấp các hành cho là ngã thật, hoặc chấp các hành cho là ngã sở thật.

- Lại có trường hợp khác: Đây là căn bản nơi kiến thú của các ngoại đạo, là các phiền não hiện có còn lại như tham v.v… Nên biết đó gọi là tạp nhiễm thứ hai.

Lại, tạp nhiễm của kiến, lúc được giải thoát, cũng có thể giải thoát rốt ráo đối với các thứ tạp nhiễm khác, không phải các tạp nhiễm khác khi được giải thoát, tức có thể giải thoát các tạp nhiễm của kiến. Vì sao? Vì do sanh khởi giải thoát ấy là dựa nơi đạo thế gian, cho đến có thể lìa tham dục hiện có của xứ vô sở hữu, đối với các phiền não còn lại của những địa dưới, tâm được giải thoát, nhưng chưa thể thoát khỏi Tát-ca- da-kiến. Do kiến này, nên đối với các hành hiện có của địa trên dưới, đã cùng xen lẫn với tự thể, không thấy có sai biệt, chấp chung là ngã, hoặc chấp là ngã sở. Do nhân duyên ấy, nên tuy lên tới cõi Hữu đảnh mà lại thối hoàn.

Nếu đối với tất cả tự thể như thế, nhận biết khắp là khổ, do đạo xuất thế trước đoạn tất cả Tát-ca-da-kiến, sau mới có thể đoạn trừ vĩnh viễn các phiền não còn lại. Do nhân duyên này, tức không còn thối chuyển. Vì thế

nên biết, chỉ tạp nhiễm của kiến là tạp nhiễm lớn.

Lại nữa, nên biết do ba thứ tướng, đạo gọi là một nẻo. Nghĩa là đối với địa phàm phu, dùng năm hành tướng quan sát các hành có năm xứ sai biệt. Tức quan sát này, ở trong hai thời, tu trị khiến tịnh, nghĩa là nơi hành hướng tới địa học cùng địa vô học

Thế nào gọi là năm thứ hành tướng quan sát các hành? Đó là:

1. Quan sát tự tánh của các hành.

2. Quan sát nhân duyên của các hành.

3. Quan sát nhân duyên của tạp nhiễm.

4. Quan sát nhân duyên của thanh tịnh.

5. Quan sát về thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết nơi phần vị phàm phu, trước đối với năm xứ, đạt được thiện xảo rồi, sau ở nơi phần vị học, tức đối với năm thứ xứ sở như thế, lại dùng năm thứ hành tướng sai biệt để quan sát, xét kỹ, có thể khiến mau chóng đạt được thông huệ.

Những gì gọi là năm thứ hành tướng? Nghĩa là quán xét các hành, nhân duyên của các hành, nhân duyên tạp nhiễm, nhân duyên thanh tịnh, tịch tĩnh vắng bặt, hướng đến nẻo xuất ly của đạo thanh tịnh.

Các hành có vô số chúng, nhiều tánh, đều từ chủng tử sanh khởi, đều đợi duyên khác mới sanh khởi.

Lại nữa, nên biết do bốn nhân duyên, nên đối với hai xứ phát sanh sợ hãi, có thể bị chướng ngại. Những gì là bốn? Đó là:

1. Hoặc ở nơi phần vị này sanh khởi.

2. Hoặc dựa nơi pháp ấy sanh khởi.

3. Hoặc chúng đã sanh khởi như thế.

4. Hoặc hành tướng kia sanh khởi.

- Nơi phần vị này sanh khởi: Tức là ở trong phần vị không phải Thánh sanh khởi, đối với các Thánh đế chưa được thiện xảo. Lại, không phải Thánh này, đối với năm xứ sở cũng chưa thiện xảo.

- Dựa nơi pháp ấy sanh khởi: Nghĩa là đối với các hành khởi tướng của hành ta, chấp ngã, ngã sở, dùng Tát-ca-da-kiến làm chỗ dựa để sanh khởi.

- Đã sanh khởi như thế: Nghĩa là do hai thứ biến hoại có sai biệt của các hành nên sanh khởi:

1. Do chỗ biến hoại của duyên khác.

2. Do tự tâm khởi phân biệt tà vạy mà biến hoại.

- Hành tướng sanh khởi: Tức đối với chỗ yêu thích, lo sợ nơi vị lai sẽ biến hoại, nên sanh hành tướng sợ hãi. Đối với sự vật đang biến hoại, khởi hành tướng tổn não. Nghĩa là ở trong chỗ yêu thích đã biến hoại, vốn được vui mừng, tôn trọng, sanh khởi hành tướng luyến tiếc. Lại, đối với Niết-bàn, phân biệt về tự thể vĩnh viễn biến hoại, nên khởi hành tướng sợ hãi.

Hành tướng sai biệt như thế, lúc chuyển, đối với kẻ yêu thích Thánh giáo cùng yêu thích Niết-bàn, có thể bị chướng ngại.

- Lại, do hai thứ môn, ở nơi cảnh của đối tượng duyên, từ nơi xứ đã hành, chấp ngã, ngã sở có sai biệt mà chuyển. Nghĩa là suy cầu cũng lãnh nhận, tức kiến cùng thọ.

- nữa, do ba thứ tướng, nên pháp khéo thuyết giảng, pháp không khéo thuyết giảng, ở trong các sự nơi túc trụ tùy niệm, nên biết nhiễm tịnh có sai biệt. Những gì là ba? Đó là:

- Túc trụ tùy niệm của pháp không khéo thuyết giảng, đối với tự tướng cộng tướng của các hành, không nhận biết đúng như thật, nên ở nơi các hành, hoặc hoàn toàn chấp thường, hoặc chấp một phần là thường, hoặc chấp không phải thường, hoặc chấp không nhân.

- Túc trụ tùy niệm của pháp khéo thuyết giảng, do nhận biết đúng như thật nên không phân biệt tà vạy. Đó gọi là hai niệm có sai biệt thứ nhất.

- Lại, pháp không khéo thuyết giảng, tùy dựa nơi định não phát khởi túc trụ niệm, không thể nhận biết rõ đúng như thật là khổ, liền sanh ái vị. Do ái vị, nên đối với hành quá khứ sanh khởi luyến tiếc sâu xa. Đối với hành vị lai, sanh khởi sự vui thích sâu xa. Đối với hành hiện tại, không thể tu hành chán lìa dục diệt.

Pháp khéo thuyết giảng, nên biết tất cả cùng với các pháp kia là trái nhau. Đó gọi là hai niệm có sai biệt thứ hai.

- Lại, pháp không khéo thuyết giảng, hành tà vạy như thế, nên bị bốn thứ tạp nhiễm làm cho tạp nhiễm, có thể chiêu cảm hữu sau. Những gì gọi là bốn thứ tạp nhiễm? Đó là:

1. Tạp nhiễm của nghiệp.

2. Tạp nhiễm của triền kiến, ngã mạn.

3. Tạp nhiễm của triền ái.

4. Tạp nhiễm của tùy miên kia.

Nếu các nghiệp mới tạo tác tăng trưởng, hoặc các nghiệp cũ thường xuyên tiếp xúc mà không biến đổi, đó gọi là tạp nhiễm của nghiệp. Hoặc

đối với các hành phân biệt tà vạy khởi Tát-ca-da-kiến. Nơi hữu tình khác, dùng các Sa-môn Bà-la-môn cùng với mình đối chiếu, cho mình là hơn, hoặc bằng hoặc kém. Đó gọi là tạp nhiễm của triền kiến, ngã mạn. Đối với trong, ngoài dấy khởi tạp nhiễm, ở trong hành ái nên biết về tướng. Đó gọi là tạp nhiễm của triền ái. Ở trong sự nối tiếp ba phẩm Kiến, Ngã mạn, Ái, thô trọng luôn theo đuổi, đó gọi là tạp nhiễm của tùy miên kia.

Bốn thứ như thế, gồm thâu chung làm hai, là nghiệp, phiền não.

Phiền não lại có hai, là triền và tùy miên.

Ở trong các hành, trước khởi chấp tà, sau sanh tham vướng: Do sức tăng thượng của hai thứ ấy, nên tuy lại có tạp nhiễm của phiền não khác nhưng chỉ giữ lấy chúng. Từng ấy phiền não ở trong các hành không đối chiếu với kẻ khác, tự khởi chấp tà, được gọi là kiến. Đối chiếu nơi kẻ khác, gọi là ngã mạn. Chấp tà như vậy là phẩm Vô minh. Do đấy làm trước để phát khởi tham chấp, gọi là phẩm Ái. Do hai thứ phiền não căn bản ấy, nên ở trong sanh tử lưu chuyển không dứt.

Nếu trong pháp Tỳ-nại-da khéo thuyết giảng, tu hành đúng đắn, có thể đoạn trừ bốn thứ tạp nhiễm như thế, ở trong hiện pháp có thể Bát Niết-bàn. Lại do đấy nên có thể trụ nơi Niết-bàn viên mãn rốt ráo. Nếu không như vậy, thì hãy còn không thể trụ nơi phần Niết-bàn kia, huống hồ là đạt rốt ráo. Đó gọi là hai niệm có sai biệt thứ ba.

Lại, ở trong đó, kiến cùng ngã mạn gọi là nhìn cao. Ái gọi là khói. Vì sao? Vì ở trong các hành, bị kiến, ngã mạn che ngăn, không nhận biết đúng như thật về thể tướng của các hành, tánh vốn xấu kém, đối với thân Người, Trời, cùng các vật dụng của họ, cho là cao, hơn. Thế nên hai thứ ấy gọi là nhìn cao.

Ái cũng như khói, khiến tâm nhiễu loạn không được an ổn, do đó gọi là khói.

Lại nữa, tụng nêu:

Không chán bỏ không dục
Không loạn hỏi, ghi tướng
Chướng, kỳ lạ, không nhân
Hủy, thuần nhiễm, cùng sau.

Có hai thứ tin, nhưng không xứng hợp với chỗ tạo tác của người tin. Những gì là hai? Đó là:

1. Tin của người tại gia: Tin có Niết-bàn, cùng tánh của tất cả hành là vô thường. Nhưng đối với các hành không quán về lỗi lầm tai họa, không trụ nơi chán lìa, không biết nẻo xuất ly mà thọ dụng chúng.

2. Người có tịnh tín, lìa bỏ pháp nhà, hướng đến đời sống không nhà. Những người này đối với Niết-bàn không thể an trụ với sự mong muốn mãnh liệt. Không dùng sự mong muốn ấy làm chỗ nương dựa để thường siêng tu tập pháp thiện hiện có, ở trong hiện pháp không Bát Niết-bàn.

Cùng với đây trái nhau, nên biết là xứng hợp với chỗ tạo tác của người tin tưởng.

Lại nữa, ở trong nội pháp, lược có hai thứ gồm đủ thông minh. Nếu có người tịnh tín, hoặc các ngoại đạo lúc tìm đến thỉnh vấn, có thể ghi nhận không loạn. Tức là dựa nơi Trung đạo, ở trong các hành, khi hỏi về sanh diệt, không thêm về hữu tình, không bớt về sự thật. Chỉ ở nơi các hành an lập sanh diệt không loạn mà ghi nhận.

Hoặc lập hữu tình có sanh có diệt. Đó gọi là một biên, là biên tăng ích. Hoặc lập sanh diệt đều không thật có, là biên thứ hai, tức biên tổn giảm. Chỉ ở nơi các hành an lập sanh diệt, đó gọi là Trung đạo, xa lìa hai biên. Do đó, hoặc có thể "ký biệt" như thế, là khéo ký biệt, Như Lai tán thán.

Hoặc lại có ngôn thuyết: Do nhân duyên nào, nên đối với Sa-môn Kiều Đáp Ma đã tu tập phạm hạnh. Nếu có được câu hỏi ấy, nên ghi nhận như trước, xa lìa hai biên tăng ích và tổn giảm, dựa nơi Trung đạo để ghi nhận, gọi là ký biệt không loạn.

Hoặc cho là hữu tình tu tập nhiễm tịnh, đó gọi là một biên, là biên tăng ích. Hoặc cho tất cả đều không tu tập, là biên thứ hai, tức biên tổn giảm. Hoặc vì các hành, chán lìa dục diệt mà tu tập, đó gọi là Trung đạo, xa lìa hai biên. Thế nên, ghi nhận này gọi là ký biệt không loạn, gọi là khéo ký biệt. Nên biết ký biệt này được chư Phật khen ngợi.

Lại nữa, pháp có hai loại:

1. Hữu vi.

2. Vô vi.

Ở đây, hữu vi là tánh vô thường. Ba tướng hữu vi nêu đặt có thể đạt được:

1. Sanh.

2. Diệt.

3. Tánh trụ, dị.

Ba tướng như thế dựa nơi hai thứ hành lưu chuyển để an lập:

1. Dựa nơi sanh thân lần lượt lưu chuyển.

2. Dựa nơi sát na lần lượt lưu chuyển.

- Dựa nơi lưu chuyển thứ nhất: Nghĩa là ở trong chúng đồng phận của

các hữu tình kia, mới sanh gọi là sanh, chung cuộc mất gọi là diệt. Trung gian của hai thứ kia, là các phần vị như hài nhi v.v… được lập là tánh trụ, dị. Cho đến thọ mạng trụ, gọi là trụ. Các phần vị càng về sau thì chuyển biến sai biệt, gọi là tánh trụ dị.

- Dựa vào lưu chuyển thứ hai: Nghĩa là các hành kia nơi từng sát na, sát na thay đổi mà sanh, gọi là sanh. Sau sát na sanh không trụ gọi là diệt. Chỉ sanh sát na trụ nên gọi là trụ. Tánh dị có hai:

1. Tánh dị của tánh dị.

2. Tánh dị chuyển biến.

- Tánh dị của tánh dị: Là các hành tương tợ nối tiếp mà chuyển.

- Tánh dị chuyển biến: Là các hành không tương tợ nối tiếp mà chuyển.

Không phải tánh dị này lìa tướng trụ, ngoài ra có thể riêng có thể đạt được. Thế nên hai thứ gồm thâu chung làm một, thiết lập một tướng. Cùng với đây trái nhau, nên biết là ba tướng của vô vi thường trụ.

Lại nữa, nên biết tu tập tư lương của Niết-bàn, lược có ba chướng:

1. Dựa nơi sự nghiệp lớn, của cải, vật báu đầy đủ, hành nhiều phóng dật.

2. Không có các bậc thiện tri thức tạo phương tiện để hiểu dụ.

3. Chưa nghe Chánh pháp, chưa được Chánh pháp, hốt nhiên gặp phải duyên tử phi thời mạng yểu.

Cùng với đây trái nhau, nên biết là không chướng ngại, cũng có ba thứ.

Lại, các Thánh giả, lúc sắp mạng chung, lược có hai thứ tướng của Thánh giả. Nghĩa là lúc lâm chung, các căn lắng trong, tịch tĩnh, mong được Phật thọ ký.

Do hai thứ tướng, nên Phật vì tất cả Thánh giả quá khứ ký biệt. Chủng tánh của Thánh tánh đầy đủ, nên chỉ thọ ký vật loại. Ta đã nhận biết rõ về pháp cùng tùy pháp. Pháp tức là chánh kiến, trước hành Thánh đạo. Nói tùy pháp: Là dựa nơi pháp kia, lắng nghe âm thanh của người khác, tác ý như lý.

Lại, ta chưa từng não loạn nơi chốn nương dựa của Chánh pháp: Nghĩa là vì nghĩa này, nên Đức Như lai "cáo mệnh", cùng vì nghĩa này nên có chỗ tuyên thuyết, cho đến vì khiến cho các lậu vĩnh viễn dứt hết. Kẻ kia do pháp này nên đã dứt được hết các lậu.

Lại nữa, chư Phật Như lai lược có hai thứ pháp hết sức kỳ diệu, ít có:

Nghĩa là người chưa tin khiến tin. Người đã tin rồi khiến tăng trưởng, mau chóng ở nơi Thánh giáo khiến được ngộ nhập. Tức là tướng Đại sư, hoặc tướng giáo pháp, hoặc tướng đã chứng đắc đức bậc nhất. Đối khắp mười phương với âm thanh hay đẹp đã xưng tụng, tán thán rộng lớn, không đâu là không đầy đủ. Lại có thể trừ bỏ luận nói không nhân, cùng luận nhân ác, thâu nhận tất cả luận thuyết nhân chánh. Vì sao? Vì luận nói không nhân cùng luận nhân ác, các bậc thông tuệ, thắng giải về xứ nương dựa hãy còn không muốn đi đến nẻo thiện Trời, Người, cùng vui thích giải thoát, huống chi là các hạng khác. Nên chỗ hướng nhập nơi luận nói nhân chánh, nên biết về tướng là cùng với các thứ kia trái nhau.

- Tướng Đại sư: Nghĩa là Đức Bạc-già-phạm là bậc Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cho đến Thế Tôn, giải thích rộng như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước.

- Tướng giáo pháp: Tức là thuyết giảng Chánh pháp, đầu giữa sau đều thiện, cho đến nói rộng, nên biết cũng như nơi phần Nhiếp dị môn.

- Tướng chứng đắc đức bậc nhất: Nghĩa là đối với hết thảy đời này đời khác tự nhiên thông đạt, hiện Đẳng Chánh Giác, cho đến nói rộng. Ở đây, cõi Dục gọi là đời này, cõi Sắc, Vô sắc gọi là đời khác. Hai đời hiện tại, quá khứ khác biệt. Nên biết đó gọi là sai biệt thứ hai.

Không do thầy, nên gọi là tự nhiên. Sáu thứ thông huệ hiện chứng đắc nên gọi là tác chứng. Đối với các hữu tình là tối thượng đệ nhất, nên gọi là viên mãn. Tánh bậc nhất này tự nhiên nhận biết, hiển bày, chỉ rõ cho kẻ khác nên gọi là khai thị.

Lại nữa, do hai thứ tướng, nên luận không nhân, ở trong các hành, chấp là không nhân chuyển. Nghĩa là, nhân duyên sanh khởi, nhân duyên diệt tận nơi các hành không nhận biết rõ: Do đây sanh nên các hành kia sanh. Do đây diệt nên các hành kia diệt. Nơi hai sự này không thể chứng đắc.

Lại, không chứng đắc tánh tướng của các hành, khởi kiến như thế, lập luận như thế. Có là nhất định có. Không là nhất định không. Không chẳng thể sanh. Có chẳng thể diệt. Tức luận này ở trong ba phần vị, hiện có thể chứng đắc các hành sanh diệt, cùng chỗ thông tỏ về tất cả thế gian với hiện lượng thô cạn, hủy báng, trái nghịch. Vì sao? Vì hiện thấy nhân duyên hòa hợp của nam nữ hiện có nơi các nhà như hoặc Sát đế lợi, hoặc Bà-la-môn, Phệ-xá v.v…, hoặc quá tám tháng, hoặc chín tháng rồi liền sanh nam, nữ. Như thế là sanh rồi hoặc có một loại, sẽ vào lúc ấy thọ mạng hết, yểu mạng.

Lại có một loại, cho đến thọ mạng trụ, ứng phó để sống còn. Hoặc phần vị khổ hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc thọ có sai biệt. Tâm, các tâm pháp, đều là đổi thay mới mẻ, không phải là xưa cổ.

Lại nữa, lược có hai thứ tự khen ngợi mình, chê bai kẻ khác. Nghĩa là chỉ ngôn ngữ cùng thuyết pháp hành chân chánh.

Nếu chỉ là ngôn ngữ mà tự xưng tán, chê bai kẻ khác: Người kia chỉ do nơi pháp không phải bậc Thiện sĩ, vây buộc nơi tâm. Đó gọi là tự hủy báng, chớ không phải là hiền thiện thù thắng.

Nếu do thuyết pháp hành chánh hành: Tuy không khen, chê, nhưng là tự khen ngợi, chê bai kẻ khác đích thực.

Lại, chư Như lai tuyên thuyết Chánh pháp, mau chóng có thể diệt trừ hai thứ vô trí. Nghĩa là nghe pháp không chân chánh, sanh thắng giải, cùng trong thời gian dài tích tập vô trí kiên cố, cùng không phải quen gần lâu sanh vô trí.

Lại do "câu sanh" không thể nhận biết rõ đường đi đến nẻo thiện, cùng không nhận biết rõ có thể đi tới đạo Niết-bàn của hiện pháp.

Lại nữa, nên biết có mười một thứ tướng, gồm thâu chung các hành lập làm hành tụ. Nên biết nghĩa của tụ là nghĩa của uẩn.

Lại, do hoàn toàn là sức tăng thượng của nhân duyên tạp nhiễm nên kiến lập thủ uẩn. Nên biết thủ uẩn chỉ là hữu lậu.

Lại, do hai sức tăng thượng của nhân duyên tạp nhiễm, thanh tịnh nên kiến lập uẩn chung, nên biết uẩn ấy là chung cho hữu lậu, vô lậu.

Lại, do ba tướng, nên ở trong các hành, phiền não sanh khởi:

1. Chỗ dựa.

2. Đối tượng duyên.

3. Trợ bạn. Lại nữa, tụng nêu:

Thiểu dục tự tánh cùng ký ba
Tợ Chánh pháp nghi xứ sở nghi
Không khởi biến hoại, đại sư ký
Ba kiến đủ ngoài, và tướng ngu.

Do ba thứ tướng, nên tâm của Như lai hội nhập trong trụ thiểu dục:

1. Do bấy giờ sự hóa độ rốt ráo, vì muốn an trụ nơi hiện pháp lạc trụ.

2. Do đệ tử đối với môn chánh hành có thể chán bỏ sâu xa.

3. Vì hóa độ, dẫn dắt nên thường vui thích tạo tác nhiều sự việc nơi hữu tình được giáo hóa.

Lại, như trước đã nói, tất cả nhân duyên khiến Đức Như lai nhập nơi

Thiên trụ tịch tĩnh. Nên biết ở đây cũng lại như thế.

Lại nữa, các đối tượng được hóa độ, lược có ba thứ tánh đã điều phục:

1. Tánh ngu si phóng dật.

2. Tánh của tâm hết sức thấp kém.

3. Tánh có thể tu tập hành chân chánh.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên ở nơi bốn xứ sở, sanh cung kính trụ, mau chóng chứng đạt vô thượng:

1. Đối với chỗ nên chứng đắc, sanh khởi sự mong muốn mãnh liệt.

2. Đối với phương tiện đạt được pháp tùy pháp hành, sanh yêu thích mãnh liệt.

3. Đối với trụ xứ của bậc Đại sư, sanh yêu kính mãnh liệt.

4. Đối với pháp được thuyết giảng, sanh tịnh tín mãnh liệt. Lại nữa, có ba thứ vô thượng:

1. Trí diệu vô thượng.

2. Hành chân chánh vô thượng.

3. Giải thoát vô thượng.

- Trí diệu vô thượng: Là trí tận, trí vô sanh, trí chánh kiến vô học.

- Hành chân chánh vô thượng: Là lạc tốc thông hành.

- Giải thoát vô thượng: Tức là giải thoát tâm không động.

Nên biết ở đây là nói chung về trí đoạn nơi hiện pháp lạc trụ. Trí diệu hữu học, hành chánh, giải thoát, không gọi là vô thượng, cũng như hữu thượng. Nên biết tất cả hành của A-la-hán đều được gọi là "Lạc tốc thông hành". Hết thảy mọi thứ thô trọng đều vĩnh viễn biệt. Hết thảy việc cần làm đã làm xong.

Dựa nơi Bồ đề phần để lựa chọn các hành, nên ở trong hai thời, do bốn thứ tướng, đã nhận biết khắp đúng như thật về Tát-ca-da-kiến. Tức ở trong hai thời không gián đoạn chứng đắc các lậu vĩnh viễn dứt hết.

Thế nào là hai thời? Đó là:

1. Tại địa phàm phu.

2. Tại địa kiến.

Thế nào là do bốn thứ tướng? Tức:

1. Do tự tánh.

2. Do xứ sở.

3. Do đẳng khởi.

4. Do quả.

- Do tự tánh: Nghĩa là tự tánh của các hành, tức Tát-ca-da-kiến cùng năm thứ hành, kẻ kia chấp là ngã hoặc là ngã sở.

- Do xứ sở: Tức là cảnh của đối tượng duyên.

- Do đẳng thức: Là vô minh thuộc về kiến thủ, tiếp xúc sanh thọ làm duyên cho ái. Đây lại có năm duyên khởi theo thứ lớp. Nghĩa là, vô số tánh của Giới làm duyên, sanh vô số tánh của xúc. Vô số tánh của xúc làm duyên, sanh vô số tánh của thọ. Vô số tánh của thọ làm duyên, sanh vô số tánh của ái. Vô số tánh của ái làm duyên, sanh vô số tánh của thủ.

Phàm là duyên sanh, thể tất là vô thường.

- Do quả: Nghĩa là nơi ba thời, Tát-ca-da-kiến đều có thể làm chướng ngại:

1. Thời dựa nơi vô ngã xét kỹ về pháp nhẫn.

2. Thời hiện quán.

3. Thời chứng đắc A-la-hán.

Ở đây, thời 1, do sức tăng thượng của Tát-ca-da-kiến nơi tùy miên kia, nên có hoặc có nghi. Do tu tập nhiều, quán xét kỹ về pháp nhẫn làm nhân duyên, nên tuy đối với nghi, hoặc ít có thể trừ bỏ hẳn, nhưng nơi sự tu tập, lúc hiện quán đế, do ý lạc nên e sợ đối với Niết-bàn, ngã sẽ không có.

Do sức tăng thượng của tùy miên Tát-ca-da-kiến này, nên ở trong các hành khởi phân biệt tà vạy, tức cho ngã sẽ đoạn, sẽ hoại, sẽ không, nên đối với Niết-bàn phát sanh kiến đoạn cùng kiến vô hữu. Do nhân duyên này, nên đối với Bát Niết-bàn, tâm kia thối lui, không vui thích hướng nhập.

Kẻ kia, vào thời khác, tuy từ lỗi lầm ấy, tịnh tu nơi tâm, lại đối với Thánh đế đã được hiện đế, nhưng cho ta là có thể chứng đế hiện đế. Kẻ kia, nơi mạn này, do tùy miên nên chưa có thể lìa. Lại thường xuyên gián đoạn do quên niệm, nên quán ngã khởi mạn, nhân nơi triền mạn này có sai biệt mà chuyển, cho ta là hơn, hoặc bằng hoặc kém. Trong hai phần vị trước, do sức của tùy miên nên có thể tạo ra chướng ngại. Đối với phần vị thứ ba, do sức của tập khí nên có thể tạo ra chướng ngại. Lại do ba duyên nên các hành sanh trưởng:

1. Do sức của nghiệp phiền não nơi đời trước.

2. Do sức của nguyện.

3. Do sức của các nhân duyên hiện tại.

Đối với địa phàm phu có thể nhận biết khắp, nên ở trong địa kiến, không gián đoạn, có thể chứng đắc các lậu vốn do kiến đạo đoạn trừ đã vĩnh viễn dứt hết. Ở trong địa kiến có thể nhận biết khắp nên tiếp theo là đoạn trừ các kiết còn lại, đắc A-la-hán, nối tiếp chứng đắc các lậu vĩnh viễn dứt sạch.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên ở trong các hành, hỏi, ghi như lý. Những gì là năm? Đó là:

1. Tự tánh.

2. Căn bản của lưu chuyển, hoàn diệt.

3. Hoàn diệt.

4. Lưu chuyển.

5. Phương tiện của lưu chuyển, hoàn diệt.

- Tự tánh: Nên biết là tự tánh của năm thứ như sắc v.v…

- Căn bản của lưu chuyển, hoàn diệt: Nghĩa là dục. Do pháp thiện dục, cho đến có thể chứng đắc các lậu hoàn toàn dứt sạch. Thế nên dục này gọi là căn bản của hoàn diệt. Nếu do dục ấy, nguyện ta sẽ được loại thấp trong nẻo Người, cho đến sẽ sanh trong chúng đồng phận của cõi Trời Phạm Chúng. Do nơi tâm ấy, thân cận tu tập, tu tập nhiều, nên được sanh lên cõi kia. Vì thế, dục này gọi là căn bản của lưu chuyển.

- Hoàn diệt: Ở trong các hành, chính là dục tham thủ được đoạn dứt. Nếu tức các hành là tánh của thủ, nên không thể diệt, do A-la-hán cũng còn có các hành hiện có thể đạt được. Hoặc khác với các hành có tánh của thủ, nên là vô vi, vô vi nên thường, cũng không thể diệt. Do đó, tánh của thủ chỉ thuộc về một phần của các hành, tức một phần này đã được đoạn dứt, rốt ráo không hành nên có thể hoàn diệt.

- Lưu chuyển: Lại có ba thứ:

1. Nhân của hữu sau.

2. Phẩm loại khác biệt.

3. Nhân của hiện tại.

- Nhân của hữu sau: Nghĩa là như có một hữu tình nguyện mong muốn tạo các nghiệp nơi vị lai. Kẻ ấy khởi niệm: Nguyện cho ta đời sau sẽ thành tựu hành ấy. Do nhân duyên này nên có thể dẫn phát nhân sanh các hành của hữu sau, không dẫn nơi hiện tại. Kẻ kia, đối với hiện tại không thể dẫn, nên thiết lập các hành chỉ có hai loại.

- Phẩm loại khác biệt: Là phẩm loại của các hành có mười một thứ, như trước đã nói, nên biết.

- Nhân của hiện tại: Tức bốn đại chủng là nhân của sắc được tạo. Tâm pháp như thọ v.v…, do xúc làm duyên. Các thức hiện có, danh sắc làm duyên.

- Phương tiện của lưu chuyển: Nghĩa là Tát-ca-da-kiến làm chỗ dựa, nên ở trong các hành phát sanh ngã mạn, cùng các ái vị nơi ngã kiến, ngã sở kiến.

- Phương tiện của hoàn diệt: Tức là đối với các hành, xa lìa ngã mạn, cùng lỗi lầm của kiến, và nẻo xuất ly là không có ngã, ngã sở.

Lại, phương tiện của lưu chuyển, là phẩm vô minh, ái, theo chỗ ứng hợp, nên biết về tướng của chúng.

Phương tiện của hoàn diệt: Là sự đối trị các thứ kia.

Lại do hai duyên, nên các đệ tử Thanh văn không thông tuệ, trái vượt giáo pháp của bậc Đại sư, rơi vào trong ác kiến, hoặc dấy khởi ngôn thuyết. Những gì là hai duyên? Đó là:

1. Ngu đối với Thế tục đế.

2. Ngu đối với Thắng nghĩa đế.

Do ngu này nên trái vượt hoàn toàn với lý của Thế tục đế, cùng trái vượt hoàn toàn với lý của Thắng nghĩa đế, nơi hành lưu chuyển tư duy không đúng đắn.

Lại nữa, nơi ba thứ xứ, chỉ là các Thánh giả, theo chỗ vui thích, có thể ghi nhận đúng như thật, không phải là các phàm phu, trừ việc theo kẻ khác lắng nghe. Nghĩa là trong các hành, ngã kiến, ngã sở kiến về ngã không như thật. Nếu pháp kia làm chỗ dựa, có ngã mạn chuyển thì các thứ kia tuy đã đoạn, nhưng hết thảy ngã mạn ấy chưa đoạn. Nếu không khởi, dựa, ngã mạn không bị đoạn như đã hiện hành. Nên biết ở đây có hai thứ ngã mạn:

1. Đối với các hành chấp trước hiện hành.

2. Do mất niệm nên đột nhiên hiện hành.

Trong ấy, ngã mạn chấp trước hiện hành, Thánh giả đã đoạn, không hiện hành nữa. Ngã mạn thứ hai do tùy miên, nên tuy Tát-ca-da- kiến đã lại vĩnh viễn đoạn trừ, vì đối với Thánh đạo chưa khéo tu tập, nên vẫn còn khởi hiện hành. Tát-ca-da-kiến chỉ có tập khí là luôn gắn chặt, vào lúc mất niệm, có thể cùng với ngã mạn làm chỗ nương dựa, nên tạm hiện hành. Do đó, mạn này cũng gọi là chưa đoạn cũng được hiện hành.

Lại, các Thánh giả, nếu đối với các hành, tư duy về tự tướng, hãy còn khiến cho ngã mạn không hiện hành trở lại, huống chi là còn quán xét về

cộng tướng. Hoặc đối với pháp giả tác ý tư duy, trụ nơi chánh niệm, cũng khiến cho ngã mạn không được hiện hành. Hoặc đối với pháp giả tác ý tư duy, không trụ nơi chánh niệm, bấy giờ ngã mạn liền được hiện hành. Hoặc các phàm phu, tuy đối với các hành, tư duy về cộng tướng, hãy còn bị ngã mạn loạn tâm tương tục, huống hồ là trụ nơi phần vị khác.

Lại, Tát-ca-da-kiến, trong sự nối tiếp của bậc Thánh, tuy tùy miên cùng triền đều đã đoạn dứt hết, nhưng ở trong quả vị hữu học, do tập khí gắn chặt, nên chưa thể vĩnh viễn đoạn trừ. Hoặc các tùy miên và triền của ngã mạn đều chưa có thể đoạn trừ. Lại chấp về ngã dục, nên biết tức là thuộc về triền của ngã mạn. Vì sao? Vì do mất niệm, nên đối với dục, đối với định đã bị các thứ ái vị làm cho chìm nổi, dựa nơi môn dục ấy, các triền của ngã mạn thường xuyên hiện khởi.

Nói chưa đoạn: Là do nơi tùy miên. Nói chưa nhận biết khắp là do nơi triền. Hành giả kia, bấy giờ có quên niệm.

Nói chưa diệt: Là tuy đối với triền ấy tạm được xa lìa, liền lại hiện hành.

Nói chưa loại bỏ hẳn: Là do tùy miên kia chưa vĩnh viễn nhổ sạch.

Lại nữa, bậc đồng phạm hạnh, đối với trụ xứ của bậc đồng phạm hạnh khác, lược có hai thứ thăm hỏi:

1. Hỏi về bệnh khổ.

2. Hỏi về an lạc.

Các loại thăm hỏi với những ngôn từ sai biệt, như nơi địa Thanh văn, trong phần nói về ăn uống cần biết về lượng đã giải thích. Nên biết hỏi ấy ở trong bốn phần vị:

1. Phần bên trong bị bức.

2. Phần bên ngoài bị bức não.

3. Phần trụ về tâm.

4. Phần trụ về ngày.

Lại nữa, như có thuyết nói, các A-la-hán, ở trong hiện pháp, đối với vật dụng ăn uống cần cho uẩn xứ giới, hoặc thuận không thuận, không nhận biết như thật.

Nói A-la-hán không thuận là không thuận nơi phân biệt hư vọng không như lý, không phải A-la-hán không thuận nơi hiện pháp. Vì sao? Vì A-la-hán ấy, đối với vật dụng ăn uống cần cho uẩn xứ giới, hiện có thể thấy. Do nhân duyên ấy, các A-la-hán, đối với trường hợp sau diệt độ nọ, không thuận các hành, không rõ về chấp trước. Do đó, Đức Thế Tôn nói A-la-hán

là kẻ không thuận, nhất định là mật ngữ. Nên biết đây là kiến tợ Chánh pháp. Do uy lực của hai thứ nghĩa làm duyên, các vị đồng phạm hạnh hoặc Đại Thanh văn, vì nhằm đoạn dứt chỗ sanh khởi "kiến tợ Chánh pháp" như thế, đã tạo công dụng hết mực, cho khiến người kia hoặc tự nêu bày, hoặc chỉ rõ cho kẻ khác. Do nhân duyên ấy, sẽ bị đọa vào nẻo thấp kém nhất. Hoặc do ái kính Thánh giáo của Như lai, chớ nhân nơi "kiến tợ Chánh pháp" như thế, khiến Thánh giáo của Phật mau chóng bị mai một.

Lại có hai nhân, có thể sanh khởi "kiến tợ Chánh pháp" như thế:

1. Bên trong, Tát-ca-da-kiến chưa có thể vĩnh viễn đoạn trừ.

2. Dựa vào đấy, vọng chấp về sĩ phu lưu chuyển, hoàn diệt.

Vì để đoạn trừ hai thứ nhân như thế, nên nói hai Chánh pháp dùng làm đối trị. Nghĩa là đối với các hành thứ lớp tuyên thuyết về vô thường, vô ngã. Ở trong bốn trường hợp suy cầu về sĩ phu lưu chuyển, hoàn diệt đều không thể thủ đắc. Tức dựa nơi hữu vi, hoặc dựa nơi vô vi, ngã của Thanh văn, Độc giác, Phật, Thế Tôn gọi là Như lai. Nên biết ngã này có hai thứ giả lập: Trong Hữu dư y giả lập hữu vi, trong Vô dư y, giả lập vô vi.

Nếu dựa nơi thắng nghĩa phi hữu vi, phi vô vi, cũng phi vô vi, phi hữu vi. Do nêu bày giáo pháp chân chánh như thế, nên đối với sáu thứ tướng giác ngộ lúc sanh khởi, nên biết đã đoạn trừ vĩnh viễn "kiến tợ Chánh pháp". Nghĩa là A-la-hán đối với pháp diệt hoại thuộc về chỗ dựa, nên giác ngộ về vô thường. Ở trong hiện pháp, là các thứ khổ như già, bệnh v.v…, nên giác ngộ là khổ. Đối với nẻo diệt tự nhiên nơi cõi đoạn, cõi lìa cùng với cõi diệt, giác ngộ là diệt, tịch tĩnh, trong mát cùng vĩnh viễn vắng bặt. Nếu gồm đủ sự giác ngộ chân chánh như thế, là A-la-hán. Tăng thượng mạn tà vạy cùng hành với vọng tưởng hãy còn không thể có, huống hồ là đối với trường hợp sau diệt độ kia, hý luận chấp trước hoặc thuận, không thuận. Nên biết chưa đoạn trừ Tát-ca-da- kiến, có hai lỗi lầm tai họa:

1. Đối với các hành có khổ, có thể não hại, đã chấp ngã, ngã sở. Do nhân duyên ấy, nên có thể chiêu cảm khổ não lớn của sanh tử lưu chuyển.

2. Đối với hiện pháp, có thể gây chướng ngại cho mạng căn của Thánh huệ vô thượng.

Lại nữa, các nhóm ngoại đạo, đối với xứ sở của hai thứ pháp luật thuộc nội giáo, đã ngu si nghi hoặc. Những gì là hai? Đó là, Đức Phật, Thế Tôn đã bác bỏ kiến chấp hữu kiến và vô kiến, nhưng đối với đệ tử, sau khi qua đời, ghi một có sanh, ghi một không sanh. Lại nói về ngã thường trụ của thắng nghĩa, hiện pháp, đương lai đều không thể thủ đắc. Đời có ba sư hiện có thể đạt được:

1. Thường luận.

2. Đoạn luận.

3. Như lai.

Nghi hoặc này có hai thứ nhân: Nên biết như trước nói về "kiến tợ Chánh pháp", có hai thứ giáo pháp có thể đoạn trừ nhân ấy, cũng như trước nói do hai nhân duyên, tức ở đây nói về tánh của pháp vô ngã. Các ngoại đạo kia khó nhập, khó rõ, nghĩa là tự tánh này khó nhận biết rõ, nên tuy tướng mạo ấy dễ có thể nhận biết rõ, nhưng tướng mạo kia không tương tợ. Nên biết ở đây, nghĩa không hư dối, nghĩa tự chứng đắc, là nghĩa không chung. Tự tánh kia khó có thể ngộ nhập, tức thể của tự tánh ấy là rất sâu xa, giống như rất sâu xa hiện bày, thế nên gọi là nghĩa không hư dối.

Lại, tự tánh ấy, nơi bên trong khó thấy. Từ ngôn âm của kẻ khác cũng khó nhận biết rõ, do đó gọi là nghĩa tự chứng đắc.

Lại, tự tánh ấy không phải là đối tượng tầm tư của kẻ tầm tư, không phải là cảnh giới nơi đối tượng hành của người suy lường, vì thế nên gọi là nghĩa không chung.

Lại, tức pháp vi diệu này là chỗ chứng đắc từ bên trong của bậc trí thông sáng, xét kỹ, nên gọi là khó rõ. Các thứ sai biệt ở đây, nên biết như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã nói. Do hai thứ tướng, nên tất cả nghĩa Như Lai đã thuyết giảng, trí đều nên nhận biết rõ. Những gì là hai? Đó là:

1. Trí giáo.

2. Trí chứng.

- Trí giáo: Là huệ do Văn-Tư-Tu tạo thành của các phàm phu.

- Trí chứng: Là huệ của bậc hữu học, vô học, cùng các huệ thế gian đạt được về sau.

Ở đây, hàng phàm phu không phải đối với tất cả nghĩa do Phật thuyết giảng, đều có thể nhận biết rõ. Cũng không phải đối với mạn xét biết là mạn, lại chưa có thể đoạn trừ. Hoặc các vị hữu học không phải ở trong tất cả nghĩa của ngã kiến đều không nhận biết rõ, lại có thể đối với mạn xét biết là mạn, mà chưa có thể đoạn. Hoặc các bậc vô học có thể tạo tác tất cả.

Lại nữa, chư Phật, Như lai, đối với Thế tục đế cùng Thắng nghĩa đế đều nhận biết đúng như thật, chánh quán nơi hai thứ kia, theo đạo lý không nên ký biệt. Nếu ký biệt, có thể dẫn đến vô nghĩa. Không ký biệt cũng không chấp trước, nghĩa là đối với trường hợp "sau diệt độ", hoặc có hoặc không, cũng có cũng không, phi có phi không. Nếu đối với trí kiến như thế của Như lai, là trước không ghi. Nghĩa là kẻ vô trí, nên biết là tự hiển bày

vọng kiến cùng hành với tánh vô trí.

Lại nữa, nên biết lược có hai thứ biến hoại:

1. Biến hoại của các hành già cỗi, suy kém. Nghĩa là như có một hữu tình sống đến 120 tuổi nên hình tướng suy yếu. Do nhân duyên ấy, nên gọi là thân già bệnh.

2. Biến hoại của tâm sầu não: Do nhân duyên này nên gọi là tâm giả định.

Biến hoại thứ nhất, hoặc ngu hoặc trí đều ở trong ấy, không theo sự mong muốn của mình. Biến hoại thứ hai, người trí ở trong đó có thể tùy theo chỗ mong muốn của mình, không phải là các kẻ ngu.

Lại, các kẻ ngu, nếu thân già bệnh, nên biết tâm của họ nhất định cũng thuận theo sự già bệnh ấy. Còn người có trí, thân tuy già bệnh nhưng tâm tự tại, không tùy theo già bệnh. Đó gọi là ở đây, ngu trí có sai biệt.

Lại nữa, khéo nhận lấy pháp do Văn, Tư, khéo tư duy do tu huệ, khéo hiển bày rõ, như tánh hiện có, khéo thông tỏ là trọn hết tánh hiện có, do hai thứ tướng, nên các Thánh đệ tử có thể thỉnh văn đúng đắn bậc Đại sư khéo thọ ký, nghĩa là đối với các thủ, luận bàn, đoạn trừ, nhận biết khắp. Những gì là hai tướng? Đó là:

1. Đối với các thủ ấy, luận bàn, đoạn trừ, nhận biết khắp.

2. Vì các thủ ấy, luận bàn, đoạn trừ, nhận biết khắp.

Nên biết ở đây, đối với tất cả hành, luận bàn, đoạn trừ, nhận biết khắp, đó là Đức Như lai.

Lại, các thủ này, nếu chưa đoạn dứt theo Quán, chúng có ba thứ lỗi lầm tai họa. Nếu đã đoạn dứt theo Quán, chúng có ba thứ công đức:

1. Ở trong các hành sanh khởi các hành thủ, nếu biến hoại liền sanh sầu não v.v… Nên biết đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ nhất nơi các hành đã được tạo tác bị biến hoại.

2. Ở trong các hành đã sanh khởi các thủ, vì được, chưa được các hành hợp ý, nên vào lúc truy cầu, hành rộng không phải một mà là rất nhiều thứ bất thiện sai biệt. Do sự truy cầu hành bất thiện ấy, nên trụ nơi bốn thứ khổ:

- Một là: gần gũi với chỗ khởi sắp hiện tiền.
- Hai là: hiện ở nơi chỗ khởi đang hiện tiền.
- Ba là: chỗ khởi do sự bức bách tăng thượng của kẻ khác.
- Bốn là: chỗ khởi do tạp nhiễm tăng thượng của chính mình.

Nên biết đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ hai.

3. Tức do pháp ác bất thiện như thế, ái tập làm nhân, nên sau khi thân hoại mạng chung, phải đi đến các nẻo ác. Nên biết đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ ba.

Cùng với đấy trái nhau, là ba thứ công đức thắng lợi đối với các thủ được đoạn trừ theo Quán, như chỗ ứng hợp nên biết.

Lại nữa, nên biết lược có ba thứ Thánh giả, ba kiến viên mãn nên có thể vượt khỏi ba khổ.

Thế nào gọi là ba thứ Thánh giả? Đó là:

1. Chánh kiến đầy đủ. Nghĩa là phần vị phàm phu đối với pháp không điên đảo, vô ngã nhận, trụ.

2. Đã thấy Thánh đế. Đã có thể hướng nhập chánh tánh ly sanh. Đã nhập hiện quán, đã đạt đến quả, trụ nơi bậc hữu học.

3. Đã chứng đắc quả A-la-hán bậc nhất, rốt ráo sau cùng, trụ nơi quả vị vô học.

Thế nào gọi là ba kiến viên mãn? Tức:

1. Kiến viên mãn của Thánh giả thứ nhất tùy thuận nơi vô lậu, hữu lậu.

2. Kiến viên mãn của vô lậu chưa khéo thanh tịnh.

3. Kiến viên mãn của vô lậu khéo thanh tịnh.

Ba viên mãn này dựa nơi ba thứ hữu tình đã nêu, theo thứ lớp như trước nên biết.

Thế nào gọi là vượt qua ba thứ khổ? Nghĩa là kiến viên mãn thứ nhất có thể vượt qua ngã kiến tranh chống của ngoại đạo, sanh khởi các khổ.

Kiến viên mãn thứ hai, có thể vượt khỏi các khổ của tất cả nẻo ác.

Kiến viên mãn thứ ba, có thể vượt khỏi tất cả các khổ của hữu sau.

Ở đây, thế nào gọi là ngã kiến tranh chống của ngoại đạo, sanh ra các khổ? Nghĩa là, ngoài Chánh pháp Tỳ-nại-da này, vô số dị đạo hiện có nơi thế gian đều do Tát-ca-da-kiến làm căn bản, sanh khởi hết thảy kiến thú điên đảo. Như thế, tất cả được gọi chung là ngã kiến. Nghĩa là luận về ngã, luận về ngã tương ưng với hết thảy kiến thú. Hoặc tất cả thường luận. Hoặc một phần thường luận. Hoặc luận không nhân. Hoặc luận về biên vô biên. Hoặc luận đoạn diệt. Hoặc luận hiện pháp Niết-bàn, luận ấy tương ưng với hết thảy kiến thú. Hoặc luận về hữu tình, luận ấy tương ưng với tất cả kiến thú. Nghĩa là các tà kiến bác bỏ cho không có tất cả hữu tình hóa sanh, phỉ báng đời khác. hoặc luận về mạng, luận ấy tương ưng với hết thảy kiến thú. Tức luận về mạng, cho mạng là thân hoặc khác với thân v.v… Hoặc luận

cát tường, luận ấy tương ưng với hết thảy kiến thú. Nghĩa là vô số tà kiến như bói toán, bói cỏ thi, lịch số v.v… vọng cho tụng chú, thờ cúng lửa v.v… sẽ đạt được cảnh giới khả ái, có thể sanh an lành, có thể đoạn trừ vô nghĩa. Lại cho xem tướng là lành, không lành. Các thứ kia lại là thế nào? Nghĩa là hai mươi trường hợp Tát-ca-da-kiến làm chỗ nương dựa, phát khởi sáu mươi hai thứ kiến thú ác, chấp về biên vực trước, sau v.v…, cùng khởi tất cả tà kiến hủy báng chung.

Thế nào là tranh chống sanh khởi các khổ? Nghĩa là ngã kiến kia lần lượt thấy dục trái nhau, cùng dấy tranh luận, phát khởi vô số khổ của tâm sầu não, khổ của ái sâu được cất giữ, khổ do hơn kém cùng đối nhau, khổ của chấp trước sâu dày. Nên biết ở đây, nếu kẻ khác hơn mình liền sanh sầu não. Đó gọi là khổ thứ nhất. Nếu hơn kẻ khác, bèn tạo phương tiện, khiến phẩm kiến của mình lại càng tăng thạnh, khiến phẩm kiến của kẻ khác lại dần ẩn mất, chỉ có ngã kiến là tịnh, không phải các kiến khác. Tà kiến chấp trước, khởi yêu giữ sâu xa, do nhân duyên này, nên phát sanh vô số tầm tư bất chánh cùng khởi vô số ý không tịch tĩnh, tổn hại nơi tâm, gọi là khổ thứ hai. Do sức tăng thượng của tà kiến yêu giữ, nên lấy kẻ khác so sánh với mình, cho mình là hơn hoặc bằng hoặc thua. Nhân nơi việc tự đề cao, khinh miệt kẻ khác. Đó gọi là khổ do hơn kém cùng đối nhau, là khổ thứ ba.

Kẻ kia dựa nơi đây nên truy cầu lợi dưỡng, tức là truy cầu chỗ tiếp xúc của khổ, phàm có chỗ tạo tác đều là não loạn.

Luận vấn nạn kẻ khác cùng với tự luận nhằm thoát khỏi vấn nạn của kẻ khác. Đó gọi là khổ thứ tư: Khổ chấp trước sâu, chặt.

Bốn thứ như thế gọi là kiến tranh chống sanh khởi các khổ.

Phàm phu của nội pháp an trụ nơi thắng giải vô ngã phẩm thượng, nên biết là đã đoạn trừ các khổ như thế. Vì sao? Vì các kẻ kia, đối với vị lai, do ý lạc, nên ở nơi các kiến thú ác như vậy đều có thể gắng trừ diệt hết. Do đó, hoặc trụ nơi kiến viên mãn thứ nhất, có thể vượt khỏi khổ thứ nhất. Lại, tức dựa nơi kiến viên mãn thứ nhất ấy, thân cận tu tập, tu tập rất nhiều, đối với các hành bên trong phát sanh pháp trí. Nơi các thứ không hiện thấy phát sanh loại trí. Gồm thâu chung làm một trụ, do không duyên nơi trí khác mà nhập hiện quán. Nghĩa là do hành vô thường, hoặc tùy một hành khác, người kia bấy giờ có thể tùy thuận chứng đắc kiến viên mãn thứ hai, cùng có thể vượt khỏi khổ thứ hai. Người kia trụ ở đây rồi, như trước đã được bảy pháp giác phần, gần gũi tu tập, tu tập rất nhiều, tức có thể đoạn trừ bốn thứ tạp nhiễm như nghiệp đã nói ở trước, có thể tùy thuận chứng

đắc kiến viên mãn thứ ba, vượt khỏi khổ của hữu sau.

Ở đây, hữu tình thứ nhất cũng còn lại hai khổ, cùng thân khổ là chỗ dựa của tàn dư nơi hiện tại. Hữu tình thứ hai chỉ còn lại một khổ cùng thân khổ là chỗ dựa. Hữu tình thứ ba, hết thảy khổ đều dứt, chỉ dựa nơi thân khổ tạm thời còn lại, ví như huyễn hóa.

Lại, dựa nơi Tát-ca-da-kiến phân biệt, lập hai mươi câu (trường hợp), không dựa nơi câu sanh.

Lại, nội pháp không hành như thế, mà dựa nơi định Biến xứ. Nghĩa là địa là ngã, ngã tức là địa, cho đến nói rộng, tất cả nên biết.

Lại nữa, các nhóm ngoại đạo, lược có năm thứ tướng của kẻ ngu tối. Do các tướng ấy, nên rơi vào số lượng của kẻ ngu:

1. Các ngoại đạo thuộc tánh thông tuệ, hãy còn không tránh khỏi việc ôm giữ kiêu mạn về thông tuệ, huống chi là kẻ không thông tuệ. Đó gọi là tướng thứ nhất của kẻ ngu.

2. Lại, các ngoại đạo phần nhiều vì tham cầu lợi dưỡng, sự cung kính, nên tự tán thán, chê bai kẻ khác. Đó gọi là tướng thứ hai của kẻ ngu.

3. Lại, các ngoại đạo, nếu các bậc Thánh vì họ thuyết giảng Chánh pháp, chánh giáo cùng những khuyên răn chánh đáng, tức liền chống trái, hủy báng. Đó gọi là tướng thứ ba của kẻ ngu.

4. Lại, các ngoại đạo vui thích tự nêu bày luận tợ Chánh pháp, hoặc chỉ rõ cho kẻ khác. Đó gọi là tướng thứ tư của kẻ ngu.

5. Lại, các ngoại đạo, tuy được Như Lai, đệ tử của Như Lai hàng phục, cũng nhận biết Pháp-Luật do Như Lai giảng nói là chân thiện, nhận biết Pháp-Luật của mình là vọng ác, nhưng do sức tăng thượng của ngã mạn, nên đều không tin, nhận, cho đến không tích tập nhân duyên quán xét. Đó gọi là tướng thứ năm của kẻ ngu.

Lại nữa, Đức Như Lai thành tựu sáu phần, được gọi là Sư tử vương của luận Vô gián. Những gì là sáu? Nghĩa là đầu tiên đi đến trụ xứ của ngoại đạo địch luận, cho đến tự ý đưa ra câu hỏi về tất cả nghĩa. Phàm chỗ dấy khởi luận không phải vì tranh luận. Chỉ trừ do thương xót các hữu tình, kẻ chưa tin khiến sanh tin, kẻ nếu đã tin rồi khiến càng thêm tăng trưởng.

Lại, khi dấy khởi luận, các căn tịch tĩnh, hình sắc không đổi, cũng không sợ hãi vì tập khí theo đuổi, lại chung cuộc không bị chư Thiên, thế gian vượt hơn, chế phục. Hết thảy luận giả vô địch của thế gian nếu có thể vượt qua, chỉ bằng một lần, thì chỉ nói một lần, đều có thể hàng phục.

Lại, các vị rất thông tuệ của thế gian, đạt vô úy hết mực, nếu lúc cùng

với Đức Như lai khởi luận, thì mọi biện tài hiện có thảy đều trở nên lúng túng, gượng ép, sợ hãi tăng thêm, thân tâm bị bức bách, các thứ thủ thuật hư trá nơi ngôn luận đều không thể nêu đặt.

Lại, tất cả đại chúng trong cùng một xứ hội tọa, đều ở nơi chỗ Phật dấy khởi tâm thắng kẻ khác, nên đối với địch luận của ngoại đạo kia đều dấy khởi tâm thắng kẻ khác.

Lại, Đức Phật Thế Tôn, ngôn từ biện giải luôn có uy lực, nghiêm túc, còn kẻ địch luận thì ngôn từ xuất phát không có uy lực, nghiêm túc.

Lại nữa, có hai thứ luận. Đó là:

1. Luận hữu ngã.

2. Luận vô ngã.

Luận vô ngã có lực, luận hữu ngã không lực. Luận hữu ngã thường bị luận vô ngã hàng phục, chỉ trừ khi luận giả uy lực yếu kém.

Thế nào gọi là luận hữu ngã? Nghĩa là như có một hữu tình khởi kiến như thế, lập luận như thế, đối với hành như sắc v.v… kiến lập làm ngã. Tức là ngã có hành, hành là ngã sở, ngã ở trong hành không trôi không tan, theo khắp chi tiết, không nơi nào là không đến. Thế nên, các hành như sắc v.v… tánh là ngã. Dựa nơi ruộng của các hành, sanh phước phi phước, nhân đấy lãnh nhận quả ái chẳng ái. Ví như nông phu, dựa vào ruộng tốt để thực hiện các công việc nhà nông, cùng trồng trọt các thứ cỏ thuốc, cây cối. Đó gọi là luận hữu ngã.

Thế nào gọi là luận vô ngã? Nghĩa là có hai loại:

1. Luận phá ngã.

2. Luận lập vô ngã.

- Luận phá ngã: Nếu cho thật ngã có thể có tác dụng, ở trong các nghiệp của quả ái, phi ái được tự tại, thì ngã này lúc nào cũng thích lạc, chán khổ. Do đó, ngã này chỉ nên sanh phước, không sanh phi phước. Lại, tác dụng của ngã thường hiện tiền nơi các hành trong ngoài. Nếu lúc biến hoại, không nên phát sanh sầu ưu buồn than. Lại, ngã là thường, do nhận biết làm trước. Phàm chỗ sanh khởi, luôn nên tùy chuyển, không có biến đổi. Nhưng đều không thể đạt được. Như thế gọi là luận phá hữu ngã.

- Luận lập vô ngã: Do tất cả hành từ các duyên sanh, nếu gặp duyên phước thì phước liền sanh khởi. Cùng với đấy trái nhau là sanh khởi phi phước. Do đây làm duyên, nên có thể chiêu cảm tất cả quả ái phi ái. Dựa nơi các duyên nên đều là vô thường, chỉ ở nơi các hành lưu chuyển thuộc về nhân quả như thế, giả lập ngã v.v… Nếu dựa nơi thắng nghĩa thì tất cả

các pháp đều là vô ngã. Như vậy gọi là luận lập vô ngã.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên hai loại hữu học, vô học có sai biệt. Nghĩa là các vị vô học đã thành tựu trí gọi là vô thượng. Hết thảy vị hữu học đã thành tựu trí, gọi là hữu thượng. Như trí vô thượng, nên biết hành chân chánh cùng với giải thoát vô thượng cũng vậy.

Lại, các vị vô học, dùng huệ nhãn của các Thánh hoàn toàn thanh tịnh quán xét về Pháp thân của Phật. Chư vị hữu học thì không thể như thế.

Lại, chư vị vô học, dùng hành không điên đảo khéo viên mãn để phụng sự Như lai. Các vị hữu học thì không như thế. Đó gọi năm tướng.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 89

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh, Xứ Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Hai

Đoạn 1:

Như thế là đã nói về hành lựa chọn, gồm thâu. Xứ lựa chọn gồm thâu nay sẽ nói. Tụng tổng quát nêu:

Đầu an lập đẳng trí đồng bậc
Sau cùng nên biết là lìa dục.

Tụng riêng nêu:

An lập cùng sai biệt
Ngu, chẳng ngu, dạy trao
Giải thoát phiền não nghiệp
Đều nói rộng, nên biết.

Do năm thứ tướng, nên biết an lập các thọ có sai biệt:

1. Tự tánh.

2. Chỗ dựa.

3. Đối tượng duyên.

4. Trợ bạn.

5. Tùy chuyển.

- Tự tánh: Nghĩa là có ba thọ:

1. Khổ.

2. Lạc.

3. Không khổ không lạc.

- Chỗ dựa: Tức có sáu thứ, là nhãn nhĩ tỷ thiệt thân và ý.

- Đối tượng duyên: Là sáu cảnh giới của đối tượng duyên như sắc v.v…

- Trợ bạn: Nghĩa là tưởng, tư, hoặc tâm pháp thiện, bất thiện, vô ký khác, cùng với đây tương ưng.

- Tùy chuyển: Là tâm tương ưng ấy, do dựa nơi pháp kia, nên ba thọ

tùy chuyển. Pháp kia là nơi chốn nương dựa đồng sanh đồng diệt của các thọ.

Lại nữa, năm tướng như thế đã an lập các thọ, nên biết lại có tám thứ sai biệt:

1. Sai biệt về nội xứ.

2. Sai biệt về ngoại xứ.

3. Sai biệt của sáu thức thân.

4. Sai biệt của sáu xúc thân.

5. Sai biệt của sáu thọ thân.

6. Sai biệt của sáu tưởng thân.

7. Sai biệt của sáu tư thân.

8. Sai biệt của sáu ái thân.

Nên biết ở đây, do ba nghĩa hòa hợp, nên lập ba sai biệt trước. Do nghĩa nhân duyên của thọ, nên lập sai biệt thứ tư. Do nghĩa của quả nơi ba xúc hòa hợp, nên lập sai biệt thứ năm. Do nghĩa phân biệt thọ tùy theo ngôn thuyết, nên lập sai biệt thứ sáu. Vì sao? Vì lúc nhận các thọ, khởi tưởng như vầy: Ta nay lãnh nhận khổ này, lạc này, không khổ không lạc này. Cũng lại vì kẻ khác tùy khởi ngôn thuyết. Do nghĩa của hai thứ tạp nhiễm là nghiệp, phiền não, nên biết kiến lập hai thứ sai biệt thứ bảy, thứ tám. Vì sao? Vì do đối với thọ kia hoặc hợp hoặc lìa, khởi tư tạo tác. Như như phát khởi chỗ tạo tác của tư, như vậy như vậy sanh ái cầu nguyện.

Lại nữa, nên biết lược có hai thứ tất cả:

1. Tất cả của phần ít.

2. Tất cả của tất cả.

Như nói: Tất cả đều vô thường, nên biết đây là dựa nơi tất cả của phần ít, chỉ tất cả hành, không phải là vô vi.

Nói tất cả pháp đều vô ngã: Nên biết đây là dựa vào tất cả của tất cả.

Lại do ba tướng nên biết là ngu:

1. Do tự tánh.

2. Do nhân duyên.

3. Do quả.

- Ngu do tự tánh: Nghĩa là do triền, tức là quên mất. Nơi đời hiện tại, do tùy miên, nên tức là pháp quên mất của vị lai.

- Ngu do nhân duyên: Nghĩa là ở trong năm tướng, an lập thọ, không thể biết rõ là vô thường v.v…, cùng các não loạn hiện có khắp phần vị đầu

giữa sau của tự thể đều biết rõ. Nên biết tức là đối với tánh của pháp sanh lão bệnh và tử không thể nhận biết rõ.

Não loạn đầu: Nghĩa là do sanh. Não loạn giữa: Là do bệnh. Não loạn sau: Nghĩa là do hai thứ pháp lão, tử.

- Ngu do quả: Là khổ như sầu v.v… do tạp nhiễm như ái v.v… Lại nữa, do ba thứ tướng, nên biết là không ngu:

1. Do tự tánh.

2. Do ngại.

3. Do chướng.

- Không ngu do tự tánh: Là ở trong năm tướng, an lập thọ, khéo có thể nhận biết rõ về tự tướng, cộng tướng, do đấy, có thể đoạn trừ tất cả phiền não, có thể giác ngộ về Thánh đế, có thể chứng đắc Niết-bàn.

- Không ngu do ngại: Do bốn thứ ma: Tức do uẩn ma hiện hữu khắp tất cả xứ với nghĩa gắn chặt. Do thiên ma kia, nơi mọi thời gian có thể luôn nhận giữ với nghĩa gây chướng ngại. Tử ma, phiền não ma, có thể cùng với các khổ do sanh tử sanh khởi, với nghĩa tạo ra vật chứa đựng.

- Không ngu do chướng: Là phiền não thuộc cảnh của duyên không hiện thấy, cùng triền thuộc cảnh của duyên không phải là không hiện thấy, hoặc tùy miên kia.

Lại nữa, chư Phật Thế Tôn, đối với Thánh đệ tử của Phật, do ba thứ tướng nên có thể chỉ dạy, trao truyền đúng đắn cho các chúng đệ tử. Những gì là ba tướng? Đó là:

1. Dẫn dắt, chỉ dạy, trao truyền.

2. Tùy chỗ ứng hợp, nơi cảnh của đối tượng duyên an xứ dạy, trao.

3. Khiến cho đối tượng được hóa độ đạt được tự nghĩa nơi sự dạy, trao.

Như thế là sự chỉ dạy trao truyền, như thứ lớp ấy, nên biết tức là ba thứ thần biến.

Lại nữa, do hai thứ tướng, nên cầu có thể thành tựu diệu huệ giải thoát:

1. Huệ nối tiếp lâu xa của Văn, Tư như lý, có thể thành tựu giải thoát của bậc hữu học.

2. Huệ nối tiếp lâu xa của bậc hữu học, có thể thành tựu giải thoát của bậc vô học.

Lại nữa, lược có hai thứ giải thoát thành tựu:

1. Hữu học.

2. Vô học.

Hữu học: Là cùng với Tam-ma-địa Kim cang dụ. Vô học: Là từ đấy trở lên.

Lại nữa, Bí-sô tâm hành thanh tịnh, có năm thứ pháp có nhiều tạo tác. Những gì là năm? Đó là:

1. Chỉ dạy, trao truyền đúng đắn.

2. Chi Xa-ma-tha.

3. Chi Tỳ-bát-xá-na.

4. Gia hạnh cẩn trọng, không gián đoạn.

5. Huệ xuất thế gian.

- Chỉ dạy, trao truyền đúng đắn: Nghĩa là có ba thứ bạn chân chánh được hiển bày:

1. Đại sư.

2. Bậc quỹ phạm được tôn trọng.

3. Bậc đồng phạm hạnh cùng hàng tại gia thông sáng, trụ nơi nội pháp.

Như thế gọi là ba thứ bạn chân chánh. Các vị có trí, từ nơi chư vị kia nên cầu sự tích tập môn thiện, để chỉ dạy, trao truyền chân chánh.

- Chi Xa-ma-tha: Nghĩa là như có một hành giả, gồm đủ Thi-la an trụ, nói rộng nên biết như nơi địa Thanh văn. Như thế là Thi-la đầy đủ, an trụ rồi, liền không có hối. Không hối nên hoan hỷ, nói rộng cho đến vui thích nên tâm định.

- Chi Tỳ-bát-xá-na: Tức đạt được ba thứ ngôn giáo theo sự mong muốn:

1. Ngôn giáo chân chánh của bậc Thánh.

2. Ngôn giáo chán lìa.

3. Ngôn giáo khiến tâm lìa các thứ ngăn che, hướng tới ái.

- Thế nào là ngôn giáo chân chánh của bậc Thánh? Nghĩa là dựa nơi ngôn giáo hiện có của năm uẩn vô học nơi các Thánh. Tức là ngôn thuyết các Thánh đã thành tựu Giới như thế, định như thế, huệ như thế, giải thoát như thế, giải thoát tri kiến như thế.

- Thế nào là ngôn giáo chán lìa? Nghĩa là ngôn giáo dựa nơi ba thứ khiến cho thiểu dục tri túc được tăng trưởng, cùng ngôn giáo dựa nơi sự vui thích đoạn trừ, vui thích tu tập, khiến lìa nẻo tối tăm, loạn động.

- Thế nào là ngôn giáo khiến tâm lìa các thứ ngăn che, hướng tới ái? Nên biết Giới này lại có ba môn:

1. Ngôn giáo của tất cả phiền não cái, lìa các thứ ngăn che hướng tới ái.

2. Ngôn giáo của năm cái lìa các thứ ngăn che, hướng tới ái.

3. Ngôn giáo của cái vô minh lìa các thứ ngăn che hướng tới ái.

Nên biết ở đây, dựa vào ngôn thuyết hiện có chứng đắc cảnh giới đoạn, lìa, diệt, là ngôn giáo thứ nhất.

Dựa vào, tức đối với công đức thù thắng của kiến kia, cùng đối với ngôn thuyết hiện có, đã đối trị các hành của xứ ngăn che, thấy rõ lỗi lầm, tai họa của chúng, nên biết đó gọi là ngôn giáo thứ hai.

Tùy thuận ngôn thuyết hiện có của duyên khởi nơi tánh duyên như thế, nên biết đó gọi là ngôn giáo thứ ba.

Ba thứ ngôn giáo như vậy, gọi chung là chi Tỳ-bát-xá-na. Lại, ngôn giáo này, do lược nói, lại có ba thứ:

1. Ngôn giáo có thể sanh khởi vui thích mong muốn.

2. Ngôn giáo có thể ở yên đúng đắn nơi tư lương.

3. Ngôn giáo có thể ở yên đúng đắn nơi tác ý.

Tức, ngôn giáo chân chánh của bậc Thánh có thể sanh khởi ngôn giáo vui thích mong muốn. Ngôn giáo chán lìa gọi là ngôn giáo ở yên đúng đắn nơi tư lương. Ngôn giáo khiến tâm lìa các thứ ngăn che, gọi là ngôn giáo ở yên đúng đắn nơi tác ý.

Dựa nơi ngôn giáo này, Xa-ma-tha thù thắng thâu nhận huệ, gọi là Tỳ-bát-xá-na. Thế nên nói ngôn giáo này là chi Tỳ-bát-xá-na.

- Thế nào là gia hạnh cần trọng không gián đoạn? Nghĩa là thường tạo tác. Gắn bó tạo tác. Siêng năng, tinh tấn trụ. Nên biết tức là dựa nương nơi gia hạnh quán.

Lại, siêng năng tinh tấn, nên biết có năm thứ:

1. Tinh tấn mặc áo giáp.

2. Tinh tấn gia hạnh.

3. Tinh tấn không hạ thấp.

4. Tinh tấn vô động.

5. Tinh tấn không biết đủ.

Ở đây, đầu tiên nên biết là phát khởi vui thích, mong muốn mãnh liệt. Tiếp theo, tùy chỗ mong muốn phát khởi phương tiện dũng mãnh kiên cố.

Thứ đến, vì nhằm chứng đắc các pháp đã thọ, không tự xem thường, cũng không khiếp sợ. Tiếp nữa, có thể gắng nhẫn đối với các khổ như lạnh nóng v.v… Sau cùng, đối với phần thấp kém không sanh biết đủ. Vui cầu càng về sau càng có thêm các công đức thắng diệu, an trụ. Hành giả kia, do siêng năng tinh tấn trụ như thế, nên nhập hiện quán đế, chứng đắc huệ xuất thế gian của các Thánh, ở trong tu đạo, dựa nơi huệ này, hoặc hành hoặc trụ, có thể chính thức dứt trừ các tùy phiền não trong thân là chỗ dựa, khiến tâm thanh tịnh. Nghĩa là ở nơi xóm làng, hoặc bên xóm làng, nếu gặp những người trẻ tuổi đoan nghiêm, đẹp đẽ, hình sắc quen thuộc, tức nên tác ý tư duy về bất tịnh, vì nhằm trừ bỏ duyên nơi tham kia. Nếu gặp kẻ khác bức bách não loạn, tức nên tác ý tư duy về tướng từ, vì nhằm trừ bỏ duyên nơi sân kia. Lúc hành như thế, có thể chính thức trừ bỏ các tùy phiền não, khiến tâm thanh tịnh.

Nếu ở nơi xa lìa, tu tập hai thứ niệm hơi thở ra vào, dứt trừ các tầm tư ác như dục v.v… Khi trụ như vậy, có thể chính thức đoạn dứt các tùy phiền não, khiến tâm thanh tịnh.

Hành giả kia dựa nơi huệ xuất thế gian đã được chứng đắc như vậy, ở nơi tất cả hành tu tập tưởng vô thường, có thể chính thức trừ bỏ ngã mạn còn lại. Như thế, bậc Thiện sĩ là chỗ nương dựa, lại có được sự chỉ dạy, trao truyền thuận hợp nơi hành trước, do đấy lần lượt có thể chứng Giải thoát viên mãn của bậc hữu học, đắc Tam-ma-địa Kim cang dụ, nên cũng chứng Giải thoát viên mãn của bậc vô học, đều lìa mọi trói buộc của tất cả phiền não.

Thế nào là giải thoát? Nghĩa là dấy khởi sự đối trị, đoạn trừ rốt ráo, tất cả các thứ thô trọng nơi phẩm loại của phiền não đều vĩnh viễn dứt diệt, chứng đắc chuyển y, khiến các phiền não quyết định hoàn toàn thành pháp không sanh. Đó gọi là giải thoát. Nếu Thánh đệ tử nơi xứ Vô sở hữu đã được lìa dục, chỉ trừ các hành hiện có của xứ Phi tưởng phi phi tưởng. Lại có thể an trụ nơi định thù thắng của cõi Hữu đảnh. Bấy giờ không gián đoạn, có thể tùy thuận chứng đắc các lậu vĩnh viễn dứt hết. Nếu ở nơi phần vị khác, tuy có thể dần đoạn các thứ lậu kia, nhưng không tương tục để có thể chứng đắc các lậu hoàn toàn dứt sạch, như thế cho đến xứ Vô sở hữu chưa được lìa dục.

Lại nữa, tất cả phiền não hệ thuộc cõi Dục, chỉ trừ vô minh gọi là lậu dục, hết thảy phiền não hệ thuộc hai cõi Sắc, Vô sắc, chỉ trừ vô minh gọi là lậu hữu. Nếu các hữu tình hoặc chưa lìa dục, hoặc đã lìa dục, trừ các ngoại đạo, với những ngu si, phân biệt tà vạy hiện có, sanh khởi ác kiến che lấp

nơi tâm, dựa nơi ác kiến ấy, đối với các dục kia, một phần tìm cầu, một phần thì lìa dục, cho đến xứ Phi tưởng phi phi tưởng, nơi vô trí hiện có đối với ba cõi ấy gồm thâu chung làm một, lập làm lậu vô minh.

Lại nữa, có chín thứ sự có thể hòa hợp, nên biết đã kiến lập chín kiết có sai biệt. Thế nào là chín sự? Đó là:

1. Sự của tất cả cảnh giới thuộc số hữu tình, phi hữu tình dựa nơi phẩm tại gia đáng yêu thích, bị tham ái trói buộc.

2. Sự của tất cả cảnh giới thuộc số hữu tình phi hữu tình tức dựa nơi phẩm ấy, đáng ghét bỏ, bị sân hận trói buộc.

3. Sự dựa nơi số hữu tình, bị kiêu mạn trói buộc.

4, 5, 6: Sự của các phẩm xuất gia dựa nơi pháp không khéo thuyết giảng, bị ba thứ thắng giải tà vạy trói buộc. Nghĩa là dựa vào sự lắng nghe pháp không chân chánh, dựa nơi tư duy không như lý, dựa nơi sự tu tập thuộc về phương tiện sai trái. Sai biệt như thế tức là ba thứ.

7. Sự đối với pháp luật khéo thuyết giảng, bị không thắng giải trói buộc.

8. Sự dựa nơi phẩm xuất gia, trí bị nghèo cùng.

9. Sự dựa nơi phẩm tại gia, tài sản bị bần cùng.

Do chín sự ấy, như chỗ thích ứng, nên biết đã phối hợp nơi chín kiết như ái v.v… Ở đây, do tâm ganh ghét biến hoại, nên đối với Chánh pháp, bên trong phát khởi sự keo kiệt về pháp, do đấy về vị lai trí huệ bị nghèo thiếu. Các thứ còn lại, theo chỗ ứng hợp phối kết nên biết.

Lại nữa, do bị phược tham trói buộc, nên đối với cảnh giới có thể tùy thuận lạc thọ, tâm không thể xả bỏ. Như thế, do bị phược sân hận trói buộc, nên đối với cảnh giới có thể thuận theo khổ thọ, tâm không thể xả bỏ. Do phược ngu si trói buộc, nên đối với cảnh giới có thể thuận theo thọ không khổ không lạc, tâm không thể xả bỏ. Do nhân duyên ấy,, nên lập ba phược.

Lại nữa, phần thô trọng hiện có của phẩm phiền não, tùy thuộc dựa nơi thân, gọi là tùy miên, có thể làm chủng tử sanh khởi tất cả triền phiền não, nên biết đây lại kiến lập bảy thứ, vì do chưa lìa phẩm dục có sai biệt, do đã lìa phẩm dục có sai biệt, do hai phẩm cùng có sai biệt.

Do chưa lìa phẩm dục có sai biệt, nên kiến lập tùy miên dục tham, sân hận. Do đã lìa phẩm dục có sai biệt, nên kiến lập tùy miên hữu tham,. Do hai phẩm cùng có sai biệt, nên kiến lập tùy miên mạn, vô minh, kiến, nghi. Như thế là gồm thâu chung tất cả phiền não.

Lại nữa, tùy phiền não: Nghĩa là căn bất thiện tham, sân, si, hoặc phẫn

hoặc hận. Như thế nói rộng là các sự tạp uế. Nên biết ở đây có thể khởi tất cả pháp bất thiện, như tham gọi là căn bất thiện tham. Sân, si cũng vậy.

Hoặc triền sân hận có thể khiến cho diện mạo bực tức phát khởi quyết liệt, gọi là phẫn, bên trong ôm giữ oán kết, gọi là hận. Ẩn giấu các ái nên gọi là phú. Nhiễm ô khiến kinh hãi nên gọi là nhiệt não. Tâm ôm giữ nhiễm ô, không vui thích thấy kẻ khác tốt đẹp, gọi là tật.

Đối với các vật dụng sanh sống mang giữ sự tham tiếc, hẹp hòi sâu xa, nên gọi là xan. Vì lừa dối ẻ kia nên bên trong ôm giữ mưu khác, bên ngoài hiện tướng riêng, gọi là cuống. Tâm không chánh trực, không sáng không hiển, hành giải tà vạy nên gọi là siểm. Nơi tội đã tạo, đối với chính mình không xấu hổ, nên gọi là vô tàm. Nơi tội đã tạo, đối với kẻ khác không biết hổ thẹn, gọi là vô quý. Đối với chỗ thấp kém của kẻ khác cho mình là hơn, hoặc lại ở nơi không bằng, cho mình là bằng khiến tâm cao ngạo, nên gọi là mạn. Đối với chỗ bằng cho mình là hơn, đối với chỗ hơn cho mình là bằng, khiến tâm cao ngạo, nên gọi là quá mạn. Đối với chỗ hơn cho mình là hơn, khiến tâm cao ngạo, gọi là mạn quá mạn. Vọng quán các hành là ngã, ngã sở, khiến tâm cao ngạo, nên gọi là ngã mạn. Ở trong pháp thù thắng có thể chứng đắc, chưa được cho là được, khiến tâm cao ngạo, gọi là hạ liệt mạn. Thật không có đức, cho mình có đức, khiến tâm cao ngạo, nên gọi là tà mạn. Tâm ôm giữ nhiễm ô, tùy cậy nơi hình tướng đẹp đẽ được khen ngợi, bày rộng, nên gọi là kiêu. Đối với các phẩm thiện không thích siêng tu, đối với các pháp ác, tâm không phòng giữ, gọi là phóng dật. Nơi các sự cần tôn trọng cùng với phước điền, tâm không cung kính, nên gọi là ngạo. Hoặc triền phiền não có thể khiến phát khởi việc cầm nắm đao gậy tranh chấp, đánh đập, kiện tụng, nên gọi là phẫn nộ. Khởi tâm ôm giữ nhiễm ô, nhằm hiển bày đức của mình nên giả hiện oai nghi, nên gọi là kiểu. Tâm mang nhiễm ô, vì để hiển bày đức của mình, hoặc hiện việc thân, hoặc nói lời dịu dàng, gọi là trá. Tâm ôm giữ nhiễm ô, muốn có được chỗ cầu đạt nên dối hiện bày oai nghi, nên gọi là hiện tướng. Hiện hành ngăn chặn, bức hiếp, để có chỗ cầu xin, nên gọi là nghiên cầu. Đối với chỗ được lợi không sanh biết đủ, nói đạt được lợi tha lại cầu thắng lợi, do đó gọi là dùng lợi cầu lợi.

Tự hiện đức mình, xa lìa sự cung kính, đối với chỗ đáng tôn trọng thì không tôn trọng, nên gọi là bất kính. Nơi lời nói không thuận, tánh không gắng nhẫn gọi là ác thuyết. Như có đám bạn bè dẫn dắt, khiến tạo sự việc không lợi ích, gọi là bạn ác. Tham đắm của cải, lợi dưỡng, hiển bày đức không thật muốn khiến cho kẻ khác biết, nên gọi là ác dục. Nơi trú xứ của

bậc đại nhân muốn cầu lợi dưỡng, sự cung kính rộng lớn, nên gọi là đại dục. Tâm mang nhiễm ô, hiển bày đức không thật, muốn khiến cho kẻ khác biết, gọi là tự mong cầu dục. Đối với sự mạ lỵ đáp trả bằng mạ lỵ, gọi là không nhẫn. Đối với giận dữ đáp lại bằng giận dữ, đánh đập đáp lại bằng đánh đập, đùa cợt đáp lại bằng đùa cợt, nên biết cũng thế. Đối với các dục của mình, sanh tham ái sâu xa, gọi là ham thích tham đắm khắp. Đối với chỗ hơn chỗ kém, theo sự thích ứng, nên biết cũng thế. Nơi các cảnh giới khởi sự đam mê sâu xa, gọi là tham. Đối với các hành ác sanh tham chấp sâu xa, gọi là tham phi pháp. Đối với các thứ tài sản, vật báu của cha mẹ mình, thọ dụng không chánh đáng, gọi là chấp trước. Đối với các tài vật hiện có của người khác giao gởi, mưu toan muốn chống cự để giữ lấy nên gọi là ác tham. Vọng quán về các hành là ngã, ngã sở, hoặc là phân biệt khởi, hoặc là câu sanh, được gọi là kiến, kiến Tát-ca-da là chỗ nương dựa. Ở trong các hành phát khởi thường kiến gọi là hữu kiến, phát khởi đoạn kiến, gọi là vô hữu kiến. Nên biết năm cái, như địa định trước đã nói. Về tướng không như chỗ mong muốn, trái thời bị tùy buộc của triền ngủ nghỉ, nên gọi là tối tăm. Không phải nơi chốn để mến mộ, gọi là không vui thích. Thô trọng cứng chắc, khiến tâm không thuận hợp, hòa dịu, toàn thân như dang rộng ra, gọi là tần thân. Đối với sự ăn uống không khéo thông tỏ, hoặc quá hoặc giảm, thế nên gọi là ăn uống không biết lượng. Nơi chỗ nên làm mà không làm, không phải chỗ nên làm, lại làm. Như ở trong chỗ hành tập pháp của Văn, Tư, Tu, phóng dật là trước hết, không khởi công dụng, gọi là không tác ý. Ở nơi cảnh của đối tượng duyên, sanh khởi hệ thuộc sâu xa, cũng như ham thích ngủ nghỉ nên tâm bị che lấp, thế nên gọi là không hợp lý. Chuyển tự xem thường, nên gọi là tâm thấp kém. Vì tánh não hại kẻ khác, nên gọi là xung đột. Tánh ưa thích giận trách nên gọi là soi mói. Lừa dối các bậc sư trưởng vốn là phước điền tôn quý, cùng hàng đồng pháp, gọi là không thuần trực. Hai nghiệp thân ngữ thảy đều kiêu căng, tâm cứng cỏi lại không thanh khiết, gọi là không hòa nhã. Đối với các Giới, kiến, phép tắc, chánh mạng đều không đồng phận, gọi là không tùy thuận. Đồng phận mà chuyển, tâm ôm giữ ái nhiễm, vin duyên nơi các dục phát khởi ý lời, tùy thuận tùy chuyển, gọi là tầm tư dục. Tâm mang ghét bỏ, đối với kẻ khác vin duyên nơi tướng không lợi ích, phát khởi ý lời, tùy thuận tùy chuyển, gọi là tầm tư giận. Tâm ôm giữ sự tổn não, đối với kẻ khác vin duyên nơi tướng não loạn, phát khởi ý lời, phần còn lại như trước đã nói, gọi là tầm tư hại. Tâm mang nhiễm ô, vin duyên nơi thân thích, phát khởi ý lời, phần còn lại như trước đã nói, gọi là tầm tư về thân thuộc. Tâm mang nhiễm ô, vin duyên nơi cõi nước, phát khởi ý lời, phần còn lại như trước đã nói, thế

nên gọi là tầm tư về cõi nước.

Tâm mang nhiễm ô, vin duyên nơi tự nghĩa, tìm dựa lần lữa, thời gian sau mong đạt, phát khởi ý lời, phần còn lại như trước đã nói, do đó gọi là tầm tư bất tử.

Tâm mang nhiễm ô, dựa duyên nơi mình người, hoặc kém hoặc hơn, phát khởi ý lời, phần còn lại như trước đã nói. Đó gọi là tầm tư tương ưng với khinh miệt.

Tâm ôm giữ nhiễm ô, vin duyên nơi thí chủ, tới lui nơi gia thế, phát khởi ý lời, tùy thuận tùy chuyển, đó gọi là tầm tư tương ưng với gia thế. Các sự sầu than, như trước nên biết.

Lại nữa, tất cả phiền não đều có triền kia, do hiện hành nên đều gọi là triền. Nhưng có tám thứ nơi các tùy phiền não, ở trong bốn thời thường xuyên hiện hành, do đó chỉ lập tám thứ làm triền. Nghĩa là, ở nơi lúc tu học Giới tăng thượng, không hổ không thẹn, luôn luôn hiện hành, có thể tạo chướng ngại. Hoặc khi tu học tâm tăng thượng, hôn trầm, thùy miên thường xuyên hiện hành, có thể làm chướng ngại. Hoặc vào lúc tu học Huệ tăng thượng, vì phân biệt, lựa chọn pháp, nên trạo cử, ố tác luôn luôn hiện hành, có thể gây chướng ngại. Hoặc người đồng pháp, lúc lần lượt thọ dụng tài sản và pháp, tật đố (ganh ghét), xan lận (bỏn sẻn) luôn luôn hiện hành, có thể làm chướng ngại.

Lại nữa, phiền não hệ thuộc cõi Dục như dục tham, sân, hành giả đối với phiền não phẩm thượng hệ thuộc cõi Dục, chưa đoạn trừ, chưa nhận biết, gọi là bộc lưu dục. Ba thứ bộc lưu hữu, kiến, vô minh, như chỗ thích hợp, nên biết cũng thế. Nghĩa là ở nơi cõi Dục chưa được lìa dục, trừ các ngoại đạo, gọi là bộc lưu dục. Đã được lìa dục gọi là bộc lưu hữu. Hoặc các ngoại đạo theo nhiều môn luận, nên biết có hai thứ bộc lưu còn lại. Nghĩa là các thứ ác kiến lược thâu tóm làm một, gọi là bộc lưu kiến. Nhân duyên của ác kiến lược thâu làm một, gọi là bộc lưu vô minh, là bộc lưu thứ tư.

Lại nữa, hoặc đẳng phần của các phiền não, nẻo hành không tăng không giảm, tức trên đã nói, tất cả phiền não được gọi là ách. Lại nữa, nên biết dựa nơi hai phẩm để kiến lập bốn thủ:

1. Phẩm tại gia.

2. Phẩm của các vị xuất gia trong pháp ngoại đạo.

Nên biết ở đây, hoặc là đối tượng được thủ, hoặc chủ thể thủ, hoặc phạm vi tạo tác là thủ. Như thế, tất cả gọi chung là thủ.

Hỏi: Những gì là đối tượng được thủ?

- Đáp: Dục, kiến, giới cấm, ngã ngữ, là đối tượng được thủ. Hỏi: Gì là chủ thể thủ?

- Đáp: Bốn thứ dục tham là chủ thể thủ. Hỏi: Gì là phạm vi tạo tác của thủ?

- Đáp: Vì được các dục cùng thọ dụng, nên khởi thủ thứ nhất. Do sức tăng thượng của tham lợi dưỡng cùng được cung kính, hoặc tạo chỗ lập luận vấn nạn kẻ khác, hoặc để thoát khỏi sự vấn nạn của kẻ khác, nên khởi thủ thứ hai. Chi Tam-ma-địa là chỗ nương dựa, là nơi chốn được kiến lập, vì nhằm đi tới việc lìa dục thế gian, cho đến Tam-ma- bát-đề của xứ Phi tưởng phi phi tưởng, nên khởi thủ thứ ba.

Vì nhằm tùy nêu bày phân biệt về chỗ chấp nơi sĩ phu hiện có tạo nghiệp, thọ nhận quả, cùng là tùy nêu bày về tướng của sĩ phu lưu chuyển, hoàn diệt, nên khởi ngã ngữ thủ.

Bốn thủ như thế, dựa nơi hai phẩm, nghĩa là phẩm của các người tại gia thọ dụng dục, cùng phẩm của các vị xuất gia trong pháp luật không khéo thuyết giảng.

Do Đức Phật, Thế Tôn là bậc Đại sư chánh luận, thường tự nói: Ta đối với các thủ đã nhận biết khắp, đã vĩnh viễn đoạn trừ. Hành giả đối với pháp này nguyện tu tập, tuy còn mang phiền não, nhưng thân hoại mạng chung, không đối với chúng kiến lập các thủ. Vì sao? Vì kẻ ấy đối với các dục không hề luyến tiếc mà xuất gia, đối với kiến, giới cấm cùng ngã ngữ, không chấp thọ.

Pháp không khéo thuyết giảng có hai sai biệt:

1. Đối với kiến ái, lần lượt phát khởi luận oán, tranh.

2. Có thể chứng nhập định của thế gian.

Dựa nơi kiến ái, lần lượt phát khởi luận oán, tranh, kiến lập kiến thủ. Dựa nơi việc có thể chứng nhập định của thế gian, lập giới cấm thủ.

Hai phẩm làm chỗ dựa, chấp trước ngã ngữ, nên dựa vào cả hai phẩm lập ngã ngữ thủ. Ở đây, kiến là sáu mươi hai thứ, như trước đã nói nên biết. Chỗ thọ trì của kiến phân biệt tà vạy, được thân hộ ngữ hộ, gọi là Giới. Theo đấy, chỗ thọ nhận y phục, thức ăn uống, hành tướng oai nghi, gọi là cấm. Là đế, là trụ, nên luận nói có ngã, gọi là ngã ngữ. Chấp có vật thật gọi là đế. Chấp có thể an lập, gọi là trụ. Lại, ở trong ấy, dục ái làm duyên kiến lập dục thủ. Nương dựa nơi luận trí, các thứ ái như lợi dưỡng, cung kính v.v… làm duyên, kiến lập kiến thủ. Ái về định làm duyên lập giới cấm thủ. Ái hữu, không hữu làm duyên, lập ngã ngữ thủ.

Lại nữa, nên biết bốn thứ hệ thuộc, chỉ dựa nơi ngoại đạo có sai biệt để kiến lập, như trước đã nói, nên biết.

Lại nữa, năm xứ trái chống, nên biết đã kiến lập năm cái có sai biệt:

1. Tại gia bị chìm nổi nơi cảnh giới của các dục, chống trái với Thánh giáo, lập cái tham dục.

2. Các vị đồng pháp không gắng nhẫn đối với sự chê trách, can gián, xua đuổi, chỉ dạy, khuyên bảo v.v…, nên chống trái với pháp lạc khả ái hiện có, lập cái giận dữ.

3. Do chống trái với pháp Xa-ma-tha, nên lập cái hôn trầm, thùy miên.

4. Do chống trái với pháp Tỳ-bát-xá-na, nên lập cái trạo cử, ố tác.

5. Do chống trái với việc luận nghị pháp, quyết trạch thuận không điên đảo, xét kỹ các pháp nơi Thánh giáo của Đại sư, thắng giải về Niết-bàn, nên kiến lập cái nghi.

Lại nữa, hoặc bị triền Tham-sân-si trói buộc, hoặc bị tùy miên kia tạo nên tùy miên, tâm không thuận hợp, nhu hòa, tâm hết sức ngu tối, đối với việc đạt được tự nghĩa có thể gây nên suy tổn, nên gọi là "chu ngột".

Lại nữa, đối với cảnh giới xấu thấp, dấy khởi tham dục, gọi là tham cấu. Đối với sự việc nơi cảnh giới của đối tượng duyên không nên giận dữ, đã khởi giận dữ, gọi là sân cấu. Đối với sự việc hiển hiện ngu si hết mực nơi chúng sanh hãy còn có thể biết rõ, đã khởi ngu si, gọi là si cấu.

Lại nữa, nếu Tham-sân-si luôn luôn hiện hành, thường xuyên trôi đầy, thiêu não thân tâm khiến bị suy tổn hết sức, gọi là thiêu hại.

Lại nữa, nếu Tham-sân-si xa lìa hổ thẹn, không có hổ thẹn, nên hoàn toàn nối tiếp, không thể chế phục, nhất định bị tổn thương, gọi là mũi tên.

Lại nữa, nếu Tham-sân-si có hổ thẹn xen lẫn, do tương tục, không phải là sát na, gọi là "Sở hữu", là thuộc về trói buộc, là nghĩa uế tạp thấp kém hết mực.

Lại nữa, tất cả thân nghiệp bất thiện gọi là hành ác.

Như nói về thân nghiệp, thì ngữ nghiệp, ý nghiệp nên biết cũng thế. Do nghiệp ác ấy luôn hiện hành, nên đối với các nẻo ác, hoặc đã tùy được, hoặc sẽ tùy được, hoặc đang tùy được, do đó các hành kia gọi là hành ác, do đấy chỉ rõ nghĩa tạp nhiễm của nghiệp. Tạp nhiễm của phiền não, trước đã hiển bày rõ.

Lại nữa, có hai thứ luận, an lập nghĩa tạp nhiễm của nghiệp:

1. Luận tà.

2. Luận chánh.

- Nói luận tà: Nghĩa là nói như vầy: Hoặc hữu nên suy xét. Phàm đã tạo tác các nghiệp bất thiện, tất cả quyết định sẽ thọ nhận nẻo ác. Luận này liền hủy báng tu hành phạm hạnh, có thể chứng đắc Niết- bàn. Vì sao? Vì các loài hữu tình, ở trong hiện pháp không dễ có thể đạt được.

Không hữu nên suy xét, tạo nghiệp bất thiện, huống hồ là ở nơi đời khác. nếu luận kia quyết định chiêu cảm nơi nẻo ác, tức nên không có giải thoát có thể đạt được. Vì vậy nên biết đây là luận tà. Hoặc nói như vầy: Các hữu nên suy xét, tạo nghiệp bất thiện, nghiệp này cũng tạo tác, cũng tăng trưởng, nhất định nơi vị lai thọ nhận dị thục không khả ái nơi nẻo ác. Hoặc hữu tuy tạo tác nhưng không tăng trưởng, thì các pháp kia thọ nhận làm chỗ dựa, các chỗ tạo tác hoặc lạc hoặc khổ, nên khi gây tạo ở trong hiện pháp, nghiệp này quyết định hoặc thuận nơi lạc thọ, hoặc thuận nơi khổ thọ.

Các hữu tạo tác nghiệp như thế rồi, nếu hữu tình không truy hối, không tu đối trị, kẻ kia nơi nghiệp hoặc lại tăng trưởng, hoặc không tăng trưởng, nghiệp này tuy định thuận thọ hiện pháp, cũng chuyển khiến thành thuận thọ nẻo ác, ở trong hiện pháp có thể làm chướng ngại giải thoát.

Các hữu tạo tác nghiệp như thế rồi, nếu hữu tình hoặc sanh hối hận, tu tập đối trị, thì đối với nghiệp ấy, hoặc không tăng trưởng, hoặc lại tăng trưởng, nghiệp này tuy là thuận thọ nẻo ác, cũng chuyển khiến thành thuận thọ hiện pháp, không chướng ngại đối với giải thoát. Do đó, luận này không gọi là không phỉ báng việc tu tập phạm hạnh có thể chứng đắc Niết-bàn. Nên biết luận này là chánh luận.

Lại nữa, nếu có thiếu sót nơi mười thứ đối trị thì bị nhiễm ô do sự tạp nhiễm của nghiệp. Nếu có sự gặp gỡ mười thứ như thế, liền được thanh tịnh. Mười thứ đó là:

1. Nếu do đối trị như thế, tuy có tạo nghiệp nhưng không tăng trưởng. Kẻ kia hướng đến vị lai thành tựu thọ không định.

2. Nếu do đối trị như thế, tuy chưa đoạn trừ vĩnh viễn nhưng lại không thọ nhận.

3. Hoặc do đối trị như thế, đã vĩnh viễn đoạn trừ, lìa trói buộc.

4. Giữ gìn các căn môn, nên khéo tu nơi thân, vì nhằm tu tập Giới học tăng thượng.

5. Tu tập Giới tăng thượng rồi, vì muốn tu tập Tâm học tăng thượng.

6. Tu tập Tâm tăng thượng rồi, vì nhằm tu tập Huệ học tăng thượng.

7. Tu tập Huệ tăng thượng rồi, vì nhằm đoạn trừ các lậu.

8. Tu tập với ý lạc mãnh liệt.

9. Tu tập trong thời gian dài.

10. Tu tập vô lượng môn đối trị.

Nếu có hành giả không lãnh hội mười thứ đối trị nghiệp như thế, tức bị chỗ tạp nhiễm của nghiệp làm nhiễm ô. Cùng với đấy trái nhau, nên biết là thanh tịnh.

Lại nữa, ở trong hiện pháp, không khéo ngăn giữ ba nghiệp thân ngữ ý để an trụ, thì hành giả với nghiệp ác bất thiện đã tạo tác từ trước cũng khiến tăng trưởng. Nơi đời vị lai khiến bị tạp nhiễm. Nếu khéo ngăn giữ ba nghiệp thân ngữ ý mà an trụ, kẻ kia không bị tạp nhiễm.

Thế nào là ở trong hiện pháp, không khéo ngăn giữ ba nghiệp thân ngữ ý mà an trụ? Thế nào là khéo ngăn giữ ba nghiệp thân ngữ ý mà an trụ?

- Không khéo phòng giữ ba nghiệp thân ngữ ý mà trụ: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với triền của các nghiệp thân ngữ ý bất thiện đã phát khởi, có thể nguyện xa lìa, nhưng đối với khả năng phát khởi không tác ý đúng đắn, vô minh tương ưng cũng còn dấy khởi. Lại, đối với các nghiệp thân ngữ ý thiện thọ học tùy chuyển. Do nhân duyên ấy, nên ở trong hiện pháp, đối với các phiền não tìm cầu dục tà tạo ra các khổ, không có sai biệt. Hữu tình kia, tức chỉ đối với pháp đó nguyện nhận xa lìa, liền sanh biết đủ. Ở trong hiện pháp không khởi Thánh đạo, không chứng Niết-bàn. Hữu tình kia, tuy phòng hộ như thế mà trụ, ở trong hiện pháp tạm thời không tạo nghiệp ác bất thiện, nhưng vẫn bị tùy miên của phiền não trói buộc, nên đã mạng chung, hữu sau tiếp tục sanh, theo chỗ thọ thân, dựa vào nghiệp duyên trước, khởi rộng tạp nhiễm.

- Nếu khéo ngăn giữ ba nghiệp thân ngữ ý mà trụ: Tức có sai biệt này: Ở đây dựa vào thệ nguyện kia, nhận xa lìa không tạo nghiệp mới. Nghiệp cũ tuy thành thục, nhưng vừa tiếp xúc với dị thục, liền có thể biến đổi, trút bỏ. Hữu tình kia, chỉ đối với nguyện ấy thọ nhận xa lìa, không sanh biết đủ, ở trong hiện pháp có thể khởi thánh đạo, cũng có thể chứng đắc Niết-bàn của quả kia. Hữu tình ấy, bấy giờ cho đến hữu thức thân nối tiếp trụ, luôn nhận lấy các thọ, chiêu cảm từ các nghiệp trước. Ở trong hiện pháp, hữu tình kia với hữu thức thân cho đến thọ lượng, phần vị chưa diệt tận, nên luôn nối tiếp trụ. Thọ lượng nếu hết thì xả bỏ hữu thức thân, nên mạng căn sau không thành tựu nữa. Do nhân duyên ấy,, nên thức cùng với

các thọ đều diệt, sau không tương tục. Hành giả kia như bóng thọ nhận cùng với cây thức, đều dứt hết, khắp nơi tất cả đều không thể thiết lập. Bấy giờ, hành giả kia do hai nhân duyên, nên nghiệp đã tạo từ trước, đối với đời vị lai không thể bị nhiễm:

1. Do phiền não làm trợ bạn kia, khiến tạp nhiễm, đã được đoạn trừ rốt ráo.

2. Do dựa vào các hành ấy nối tiếp thành thục, nên tạp nhiễm đã hoàn toàn dứt hết.

Hành giả kia, lúc ấy, ở nơi trụ xứ của các hữu tình, ý lạc của bạn lành tương tục chuyển, gọi là tâm không oán. Nơi đối tượng duyên kia giận dữ đã đoạn, gọi là tâm không giận. Đối với dị thục của nghiệp, thấy rõ lỗi lầm tai họa. Do sức của duyên tăng thượng, nên nguyện xa lìa, gọi là tâm không nhiễm. Đã đạt được chủ thể đối trị là các Thánh đạo kia, nên gọi là tâm không điên đảo, hoàn toàn giải thoát.

Hành giả kia do có thể chứng đắc đủ sáu thứ hằng trụ như thế, nếu có hữu tình đối với các thứ ấy an trụ nhiều, thì ở trong hiện pháp, tuy có vô số duyên của các nghiệp ác bất thiện xen tạp, vì đã xa lìa phần đó nên hoàn toàn thánh thiện.

Do nhân duyên này, nên biết ở đây, so với sự ngăn giữ an trụ ở trước có sai biệt.

Lại nữa, nên biết, luận thiết lập, lãnh nhận dị thục của tất cả nghiệp, do năm thứ tướng nên thành tạp nhiễm, do năm thứ tướng nên thành không tạp nhiễm.

- Thế nào gọi là do năm thứ tướng nên thành tạp nhiễm? Đó là:

1. Do luận thiết lập nhân ác.

2. Do luận thiết lập không nhân.

3, 4, 5: Do thiết lập nhân ác, không nhân có ba lỗi lầm.

Ở đây, luận thiết lập nhân ác: Nghĩa là như có một hữu tình, khởi kiến như thế, lập luận như thế. Hoặc có sĩ phu, Bổ-đặc-già-la, với các chỗ lãnh nhận tất cả đều là nhân đã tạo của đời trước. Như thế, hoặc cho là nhân đã tạo của tự tại biến hóa v.v…

Luận thiết lập không nhân: Nghĩa là như có một hữu tình, khởi kiến như thế, lập luận như thế. Hoặc có sĩ phu, Bổ-đặc-già-la, với các chỗ lãnh nhận, nên biết tất cả là không nhân không duyên.

Thế nào là thiết lập nhân ác, không nhân có ba thứ lỗi lầm? Nghĩa là, trong hiện pháp cùng hành với bất thiện, các thọ bất thiện. Nghiệp của đời

trước làm nhân cũng có lỗi lầm. Nghiệp của hiện pháp làm nhân cũng có lỗi lầm.

Nếu nói thọ này là do nhân của nghiệp ác nơi đời trước, tức là có một hữu tình, dựa nơi sự thọ nhận các pháp lạc bất thiện mà có lạc kia, nên thọ sanh bất thiện. Đây là dùng các nghiệp bất thiện của đời trước làm nhân nên sanh, là không hợp đạo lý. Vì sao? Vì không phải các nghiệp bất thiện của đời trước kia, ở trong hiện pháp chiêu cảm dị thục vui, nên đúng với đạo lý.

Nếu nói thọ này dùng nghiệp ác trong hiện pháp làm nhân, tức là thối mất tự ý nơi luận các nhân ác và luận không nhân đã lập. Nghĩa là, các chỗ thọ nhận đều là nhân đời trước đã tạo tác, cho đến nói rộng. Đó gọi là lỗi lầm thứ nhất.

Lại, nếu cho rằng các pháp bất thiện đều dùng nghiệp ác của đời trước làm nhân, tức là quyết định pháp thiện hiện có cũng dùng pháp thiện của đời trước làm nhân. Như thế, đối trị các pháp bất thiện hiện có, là các thiện gia hạnh, tinh tấn câu sanh, đều thành vô dụng. Như thế gọi là lỗi lầm thứ hai.

Lại, nếu hiện tại không có sĩ dụng, tức là nên không dựa vào thiện, bất thiện để quán xét kỹ lưỡng, đúng đắn là chỗ nên tạo tác, không nên tạo tác. Lại, trí như thật nên thành vô dụng. Nghĩa là nhận biết rõ rồi, ngã này nên chuyển, ngã này nên thành, kia không phải có, đây cũng không phải có. Về lý của trí như thật không thành tựu. Trí không thành tựu nên niệm không an trụ. Niệm không an trụ nên không có Tam-ma- địa, không có định, tầm tư không đúng đắn khiến tâm mê loạn. Tâm mê loạn, tức nên các căn vui mừng mến mộ cùng ý với chỗ vui thích của kẻ ngu. Do kẻ kia đạt được pháp lạc cùng ý với kẻ ngu, tức là thối thất cùng với pháp Sa-môn và luận Sa-môn. Như vậy gọi là lỗi lầm thứ ba.

Hoặc lược nói đây có ba thứ lỗi lầm:

1**.** Lỗi lầm của nhân thọ nhân các thứ bất thiện của đời hiện tại không thành.

2**.** Lỗi lầm hủy báng tinh tấn.

3**.** Lỗi lầm hủy báng chánh trí.

- Thế nào là luận thiết lập, lãnh nhận dị thục của tất cả nghiệp, do năm thứ tướng nên thành không tạp nhiễm? Nghĩa là, hoặc có thể lãnh nhận, hoặc do lãnh nhận ấy, hoặc lãnh nhận như thế, hoặc lúc lãnh nhận, tạp nhiễm như vậy, thanh tịnh như vậy, nên biết ở đây dựa nơi năm thủ uẩn, nêu đặt giả danh hữu tình là người lãnh nhận. Tức kẻ giả này, do sáu xúc

xứ nên có thể lãnh nhận. Ở trong thai mẹ có bốn thứ sai biệt… Tiếp theo có danh sắc, rồi có sáu xứ, tiếp nữa là xúc, thọ. Thứ lớp như thế mà có lãnh nhận.

Lại, tức thọ này cũng dùng xúc của hiện tại làm nhân. Cũng dùng nghiệp v.v… của đời trước làm nhân. Hữu tình kia nếu lắng nghe các pháp không chân chánh, tác ý phi lý dùng làm nhân duyên, liền tiếp xúc với vô minh xúc sanh khởi thọ. Thọ làm duyên nên lại sanh khởi ái. Ái làm duyên nên lại sanh khởi thủ, cho đến các khổ như sanh lão tử của vị lai có sai biệt. Lúc lãnh nhận các vô minh xúc sanh khởi thọ như thế, liền có hai đế thuộc về tạp nhiễm. Cùng với đấy trái nhau, là lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý làm nhân duyên, nên có thể lãnh nhận minh xúc sanh khởi các thọ có sai biệt. Lúc nhận lấy thọ này liền có hai đế thuộc về thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết trong việc thiết lập nghiệp tà, thanh tịnh cùng hành tà, có hai lỗi lầm tai họa. Những gì là hai? Đó là:

1. Lỗi lầm tai họa gây trở ngại cho nội chứng.

2. Lỗi lầm tai họa do bị kẻ khác hủy báng.

- Thế nào là thiết lập nghiệp tà thanh tịnh? Nghĩa là như có một hữu tình, thật sự không phải là đại sư, vọng phân biệt về mình, tự xưng là đại sư, tuyên thuyết luận thiết lập tà vạy như thế, cho trong hiện pháp, các khổ đã thọ nhận, tất cả đều là chỗ tạo tác của nhân đời trước. Người kia thấy các nghiệp bất thiện của đời trước là hai thứ thân. Nghĩa là trong hiện pháp, các thiện bất thiện đều là chỗ dẫn dắt của nghiệp đời trước thường xuyên hành tập. Các khổ đã thọ cũng là chỗ tạo tác của nghiệp kia. Do nhân duyên ấy, tu hành tự khổ, khiến cho quả khổ được chiêu cảm từ nghiệp ác cũ thảy đều biến đổi dứt sạch. Lại không tạo tác nghiệp bất thiện đương thời, nên ở trong hiện pháp lại có thể ngăn giữ thân ngữ ý để an trụ. Sau sẽ siêng tu hoàn toàn nghiệp thiện, khiến pháp bất thiện chuyển thành không lậu. Do nhân duyên này, nên nghiệp bất thiện dứt hết. Do nghiệp kia hết nên các khổ cũng dứt hết, chứng đắc biên vực tận cùng của khổ.

- Thế nào là hành tà? Nghĩa là như có một hữu tình không thể nhận biết rõ về tạp nhiễm của tự nghiệp, không thể nhận biết rõ về pháp đối trị nghiệp kia. Lại đối với chỗ chứng đắc trước sau có sai biệt, không nhận biết đúng như thật. Kẻ kia thành hình pháp ngu si như thế, nên đối với chỗ chứng đắc của thầy, không căn cứ vào đấy để tin tưởng. Đối với xứ không nên tin thì vọng sanh là Thánh giáo chân thật để thắng giải.

Kẻ kia do rơi vào luận tà phi thật phi lý, nên các bè nhóm nơi người khác, lúc xoay động đối với xứ đáng nghi thì không sanh nghi, không tìm

cầu thầy, đích thân đi đến thỉnh vấn. Là có thể ký biệt đúng đắn, cho là không thể ký biệt. Là có thể đạt thanh tịnh, nghi là không thể đạt được. Là Nhất thiết trí, thì cho không phải Nhất thiết trí. Đại sư qua đời, đối với nơi chốn nghi hoặc thì tùy chuyển rốt ráo. Vì sao? Vì khi đại sư ở đời có thể quyết định rõ Nhất thiết trí này không phải là Nhất thiết trí. Đại sư diệt độ rồi, thì nơi nào để thỉnh vấn, làm sao quyết đoán? Đó gọi là hành tà.

Do duyên nào nên biết thiết lập như thế khiến nghiệp thanh tịnh là không hợp đạo lý? Do hai duyên: Nghĩa là hành khổ kia tức chỗ tạo tác của nhân đời trước là không hợp lý. Do đấy nên có thể dứt hết nghiệp bất thiện đời trước, là không hợp lý.

Lại, hành khổ này không có công năng, khiến chỗ tạo tác từ trước có thể chiêu cảm khổ thọ, các nghiệp bất thiện thành thuận nơi lạc thọ. Do đó, kẻ kia dấy khởi định kiến như thế. Do hành tự khổ, khiến nghiệp ác đã tạo từ đời trước đều biến đổi, loại bỏ. Nếu có sự việc ấy thì chỗ tạo tác của đời trước kia có thể thuận theo khổ thọ, các nghiệp bất thiện là có thể chiêu cảm được các quả của khổ thọ do tự khổ bức bách trong hiện pháp chăng?

Nếu nói chiêu cảm được quả của khổ thọ ấy thì tu hành tự khổ tức là uổng công. Thọ nhận quả kia rồi, tự nhiên biến đổi, loại bỏ hẳn. Nếu như thế thì các nghiệp bất thiện đã tạo từ đời trước, không phải là chỗ có thể biến đổi, loại bỏ hẳn của hành tự khổ.

Lại, nếu thọ nhận sự chiêu cảm của nhân nơi nghiệp đời trước thì kẻ kia tự thừa nhận, khiến một phần của nghiệp giảm dứt, có thể đạt được phần ít thắng lợi. Do nhân duyên này, như chỗ thừa nhận phần ít thắng lợi ấy cũng không thật có. Như thế tức là hết sức trở ngại cho chính mình vì bị nghiệp trói buộc nên chung cuộc không được giải thoát. Do đạo lý ấy nên gọi luận tà hành tà này là lỗi lầm tai họa thứ nhất, tức là trở ngại cho tự nghĩa của nội chứng.

Thế nào là lỗi lầm tai họa do bị kẻ khác hủy báng? Nghĩa là kẻ kia nương dựa nơi hai thứ luận tà, phát khởi ba thứ hành tự khổ não, hoặc nói: Các sự lãnh nhận của Bổ-đặc-già-la, sĩ phu hiện có, hết thảy đều là chỗ tạo tác của nhân từ trước. Đó gọi là luận tà thứ nhất, tức luận nhân ác.

Lại có thuyết nói: Như Trời Tự Tại biến hóa đầu tiên kia, từ đó về sau, các sự lãnh nhận, tất cả đều là chỗ tạo tác của nghiệp đời trước. Đó gọi là luận tà thứ hai, tức luận nhân ác.

Ba thứ hành tự khổ: Nghĩa là phòng hộ thân ngữ ý.

Phòng hộ thân: Là không đem thân cùng với hữu tình khác chung trụ lẫn lộn, chỉ đi đến chốn rừng núi, A-luyện-nhã, ở một mình nơi tĩnh lặng,

đều không ai thấy mà tu khổ hạnh.

Phòng hộ ngữ: Nghĩa là người kia thọ trì giới cấm im lặng không nói.

Phòng hộ ý: Tức tâm nhẫn thọ các khổ bức bách mình. Người kia khởi ngôn thuyết vui thích mong muốn như thế, vì kẻ khác hiển bày chỉ rõ. Do hai thứ được thấy ấy viên mãn, cùng do ba thứ hành khổ viên mãn, nên có thể vượt khỏi các khổ, nhưng với tự khổ thì không thể vượt qua, thế nên bị kẻ khác hủy báng.

Nếu các sự thọ nhận tất cả đều là chỗ tạo tác của nhân từ trước, cũng là nhân của Trời Tự Tại biến hóa tạo tác, cũng là chỗ tạo tác thuộc nhân của ba thứ hành khổ có thể vượt khỏi, tức là ba thứ tu hành khổ, cùng chỗ thọ nhận các khổ nhất định là được chiêu cảm từ nghiệp đen của đời trước, cũng là chỗ biến hóa của tự tại bạo ác, ba thứ hành khổ đều không thể vượt qua, thế nên hiện tại nhận lấy khổ thọ ấy.

Nếu kẻ kia tuy lại bị trở ngại cho việc nội chứng, nhưng có được kẻ khác xưng tán, cũng hãy còn không thể, huống hồ đây là xưng tán kẻ khác, nên thắng lợi cũng không thật có. Thế nên gọi là lỗi lầm tai họa thứ hai. Do phân này nên chỉ có thể chê trách.

Lại nữa, cùng với trên đây trái nhau, nên biết là thiết lập chánh nghiệp nhiễm tịnh cùng trong hành chánh đáng có hai thắng lợi:

1. Thắng lợi của nội chứng không vướng mắc.

2. Thắng lợi được kẻ khác xưng tán.

Thế nào là luận thiết lập phần tạp nhiễm của nghiệp? Nghĩa là có hai nghiệp:

1. Nghiệp thiện.

2. Nghiệp bất thiện.

Đối với đời quá khứ đã từng tạo tác nghiệp thiện, bất thiện, khiến trong hiện tại thọ nhận quả dị thục, ái, phi ái. Lúc thọ nhận quả ái phi ái có sai biệt, lại tạo tác nghiệp thiện, bất thiện, do đấy, đương lai sẽ thọ nhận quả dị thục ái phi ái. Như thế gọi là luận nên phần tạp nhiễm của nghiệp.

- Thế nào là luận thiết lập phần thanh tịnh của nghiệp? Tức là như có một hữu tình, không tạo nghiệp mới, nên nghiệp cũ tiếp xúc rồi liền lại biến đổi, loại bỏ, do sức đối trị nên vĩnh viễn đoạn trừ rốt ráo, đạt được thanh tịnh. Như thế gọi là luận khiến nghiệp tạp nhiễm được thanh tịnh. Như vậy, thiết lập phần nhiễm tịnh của chánh nghiệp, gọi là luận vô thường.

- Thế nào là hành chân chánh? Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong Chánh pháp thành tựu đa văn, đối với phần tạp nhiễm cùng thanh tịnh của

nghiệp, nhận biết đúng về tướng tạp nhiễm, thanh tịnh rồi, xả bỏ nghiệp bất thiện, tu tập nghiệp thiện. Hữu tình kia, đối với Văn, Tư, tác ý như lý, siêng tạo phương tiện rồi, vì nhằm chứng Tu, nên ở nơi chốn vắng lặng, tịnh tu tâm đối trị, khiến lìa các cái cùng với pháp các khổ. Vì muốn đoạn trừ tham dục, giận dữ, trạo cử, ố tác, nên dùng chín thứ hành, khiến tâm an trụ, khiến tâm dứt bỏ chỗ đối trị của Chỉ. Vì muốn đoạn trừ cái hôn trầm, trạo cử và nghi, nên phân biệt về sáu sự, tác ý như lý, tu trị nơi tâm, dứt bỏ chốn đối trị của Quán. Từ chỗ đối trị Chỉ Quán kia xuất rồi, có thể tu học đúng đắn, để trừ bỏ, chế phục các khổ. Người kia đã tịnh tu về tâm như thế rồi, khiến lìa pháp chúng khổ của các cái, lại đối với các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ thọ dụng đúng phép tắc, tịnh tu nơi tâm. Nếu do quen gần với các thứ y phục cho đến ngọa cụ như thế, pháp bất thiện tăng, pháp thiện thối giảm, tức liền xa lìa, đâu có thể thọ dụng. Y phục thô xấu, khâu vá như thế là để tự tồn tại, nhẫn thọ các khổ, tiến tu hành chân chánh.

Lại do hai duyên, nên thọ dụng các thứ y phục thắng diệu, nhân đấy có thể khiến sanh trưởng pháp ác bất thiện, tức là các vọng tưởng, các tầm tư bất chánh. Những gì là hai duyên? Đó là:

1**.** Nơi các thứ thiện, chưa có thể trong thời gian dài thường xuyên tu tập, nên tâm không dịu dàng, thuận hợp.

2**.** Đối với các sự như y phục, thức ăn uống v.v… dục tham chấp chặt. Do nhân duyên ấy, nên tu hành chân chánh, tâm được thuận hợp, khiến có thể gắng sức tạo tác. Nơi các thứ như y phục v.v… dục tham chấp chặt, cùng các pháp duyên sanh vô thường, luôn luôn buộc giữ niệm để thấy rõ lỗi lầm tai họa. Bấy giờ tuy lại thọ dụng các thứ như y phục v.v… thắng diệu, nhưng ở trong ấy không có tạp nhiễm. Hành giả như thế cũng thọ nhận an lạc, cũng không có tội.

Do lực tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, nên tịnh tu nơi tâm, lìa bỏ các cái. Do diệu lực của sự xét chọn, nên việc thọ dụng sai lạc, tuy lúc ấy đã giảm thiểu, thành tựu tâm tánh một cảnh, nhưng tùy miên dục tham vẫn chưa đoạn dứt, nơi đời vị lai lại bị tạp nhiễm.

Hữu tình kia do diệu huệ thông tỏ như vậy rồi, liền tu gia hạnh, đoạn trừ rốt ráo, thọ dụng như pháp về biên vực nơi các thứ ngọa cụ, lìa những tham chấp, trước khéo tu trị tư lương của chánh định, lần lượt cho đến có thể nhập nơi Tĩnh lự thứ tư thanh tịnh, dùng đấy làm chỗ dựa, chứng hiện quán đế, theo đó được lậu dứt hết, tâm hoàn toàn giải thoát, lìa mọi trói buộc của tất cả khổ, là chỗ thâu nhận của tịch tĩnh rốt ráo, thanh tịnh vi diệu, tất cả thân tâm nối tiếp viên mãn. Vĩnh viễn lìa buộc nơi hết thảy

phiền não, có thể lãnh nhận khắp các thọ vô lậu. Đó gọi là hành chân chánh.

Như thế nên biết, nội chứng không vướng mắc, cùng với năm thứ sai biệt kia trái nhau, là được kẻ khác xưng tán. Người kia, bấy giờ từ các triền cái cùng tất cả khổ, tâm hoàn toàn giải thoát. Ở trong hiện pháp, các tùy miên kia vĩnh viễn đoạn trừ rốt ráo. Nghiệp của đời trước đời sau, cùng tạp nhiễm hiện có của dị thục đều khéo giải thoát. Do nơi hiện pháp, đạt được Thánh đạo cùng quả của đạo.

Lại nữa, lược có ba thứ hữu tình:

1. Phàm phu chưa nhập Thánh giáo.

2. Hàng hữu học đã nhập Thánh giáo.

3. Hàng phàm phu đã nhập Thánh giáo.

Do ba thứ tướng, nên biết về hữu tình đầu tiên. Hữu tình thứ hai, thứ ba nên biết cũng thế.

- Thế nào là ba tướng nên biết hữu tình đầu tiên? Nghĩa là, trước hết có một hữu tình, đã thành tựu được chánh kiến của thế gian, nhận biết rõ là có bố thí, cho đến nói rộng. Người kia, vào một lúc khác nghe pháp bất chánh làm nhân duyên, nên liền phát khởi tác ý phi lý, chánh kiến của thế gian sắp sửa muốn diệt. Lại, chỗ đối trị kia lại phỉ báng, nên tà kiến sắp sanh. người ấy, trong thời gian đó đã lắng nghe Chánh pháp làm nhân duyên, bèn trở lại phát sanh tác ý như lý. Hữu tình kia, lúc sắp muốn sanh phỉ báng, tà kiến không hiện hành, nên gọi là đoạn. Nhưng chánh kiến kia, trước đã thành tựu nên không gọi là sanh. Thứ hai, có một hữu tình không thành tựu chánh kiến, cùng do tà kiến, lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý làm nhân duyên nên mới có thể phát sanh chánh kiến của thế gian. Kẻ ấy, đối với tà kiến không gọi là đoạn, vì trước không thành.

Thứ ba, có một hữu tình, gây tạo tà kiến, lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý làm nhân duyên, nên đoạn dứt tà kiến, sanh khởi chánh kiến.

- Thế nào là ba tướng, nên nhận biết hữu tình thứ hai? Nghĩa là, đối với Đức Phật v.v…, đã đạt chứng tịnh, kẻ kia đối với Phật v.v…, trước đã hiện khởi tất cả vô trí, nên nơi các đế, lúc đạt hiện quán, trước đã đoạn hết, thế nên nay không gọi là đoạn, nhưng đối với Đức Phật v.v…, chứng tịnh cùng hành với minh hiện tiền, nên gọi là sanh. Tức dùng học đạo đoạn trừ phẩm vô minh còn lại, mà đối với minh không gọi là sanh khởi. Đạo này cùng với chủng loại trước là đồng, nên đạo vô học kia sắp hiện tiền, nên vô minh do tu đạo đoạn thảy đều diệt hết, lại có thể sanh khởi các minh vô học.

- Thế nào là ba tướng, nên biết hữu tình thứ ba? Nghĩa là nghe chánh

pháp tương ưng với vô ngã, trước hết chỉ do nghe phát sanh tin, hiểu, nhưng chưa ngộ nhập. Hữu tình kia đối với vô ngã sanh tin hiểu, có thể đoạn trừ ngã kiến. Do chưa ngộ nhập nên không được gọi là sanh kiến vô ngã.

Như đã được nghe pháp, lúc lại có thể chánh tư duy, nên đối với lý vô ngã có thể ngộ nhập, nên được gọi là sanh kiến vô ngã, nhưng đối với tùy miên kia chưa có thể đoạn. Từ đấy về sau, do diệu lực của tu đạo, chứng hiện quán đế, mới đoạn tùy miên, phát sanh vô lậu.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 90

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh, Xứ Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Hai

Đoạn 2:

Lại nữa, tụng nêu:

Năm hai cùng mười ba
Bốn nghiệp là sau cùng.

Có hai thứ nghiệp:

1. Nghiệp nặng.
2. Nghiệp nhẹ. Lại có hai thứ nghiệp:
1. Nghiệp tăng tiến.
2. Nghiệp không tăng tiến. Lại có hai thứ nghiệp:
1. Nghiệp cố ý suy xét tạo nên.
2. Nghiệp không cố ý suy xét tạo nên. Lại có hai thứ nghiệp:
1. Nghiệp nhất định thọ nhận.
2. Nghiệp không nhất định thọ nhận. Lại có hai thứ nghiệp:
1. Nghiệp của dị thục đã thành thục.
2. Nghiệp của dị thục chưa thành thục. Lại có ba thứ nghiệp:
1. Nghiệp thiện.
2. Nghiệp bất thiện.
3. Nghiệp vô ký. Lại có ba thứ nghiệp:
1. Nghiệp thuận với lạc thọ.
2. Nghiệp thuận với khổ thọ.
3. Nghiệp thuận với thọ không lạc không khổ. Lại có ba thứ nghiệp:
1. Nghiệp thuận hiện pháp thọ.
2. Nghiệp thuận sanh thọ.
3. Nghiệp thuận hậu thọ. Lại có ba thứ nghiệp:
1. Nghiệp học.

2. Nghiệp vô học.

3. Nghiệp phi học phi vô học. Lại có ba thứ nghiệp:

1. Nghiệp do kiến đạo đoạn.

2. Nghiệp do tu đạo đoạn.

3. Nghiệp không đoạn.

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp quanh co, tức thân quanh co v.v…

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp cấu uế, tức thân cấu uế v.v…

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp ô trược, tức thân ô trược v.v…

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp tịnh, tức thân tịnh v.v…

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp im lặng, tức thân im lặng.

Có bốn thứ nghiệp:

1. Nghiệp của dị thục đen đen.

2. Nghiệp của dị thục trắng trắng.

3. Nghiệp của dị thục đen trắng, đen trắng.

4. Nghiệp không đen không trắng, không dị thục, có thể dứt hết các nghiệp.

Nên biết ở đây, do ba nhân duyên khiến nghiệp thành nặng:

1. Do ý lạc.

2. Do gia hạnh.

3. Do ruộng.

- Do ý lạc: Là do chỗ tạo tác của triền mạnh mẽ, nên đối với kẻ đồng pháp thấy rồi hoan hỷ. Đối với phần tùy pháp kia, tùy thuận nhiều nơi tầm tư, tùy thuận nhiều vào dò xét. Như thế gọi là do ý lạc, nên khiến nghiệp thành nặng.

- Do gia hạnh: Là đối với nghiệp kia tạo tác không gián đoạn, tạo các cẩn trọng, tích tập trong thời gian dài. Lại khuyến khích kẻ khác tạo tác. Lại tức đối với nghiệp ấy xưng tán hết lời. Như thế gọi là do gia hạnh nên khiến nghiệp thành nặng.

- Do nơi ruộng: Nghĩa là các hữu tình, đối với người có ân đối với mình, hoặc trụ nơi hành chánh cùng quả của hành chánh, đối với kẻ kia phát khởi hành thiện, hành ác.

Nên biết nghiệp này gọi là nặng. Cùng với đấy trái nhau, được gọi là nhẹ. Nếu nghiệp không phải là sự tạo tác rõ ràng, hoặc tạo tác trong mộng, hoặc do tạo tác vô phú vô ký, hoặc tạo tác không thiện, liền lại hối hận, thâu nhận sự đối trị. Lại, đối với các nghiệp hiện có, hết thảy thanh tịnh tương tục. Như thế đều gọi là nghiệp không tăng tiến. Nên biết, khác với đấy, gọi là nghiệp tăng tiến.

Ở đây, nghiệp cố suy xét tạo nên: Nghĩa là, trước hết lường xét rồi, thuận theo tầm tư rồi, tùy thuận dò xét xong, rồi mới tạo tác. Hoặc lại lầm loạn, hoặc không lầm loạn.

Nếu là lầm loạn: Nghĩa là ở nơi xứ khác, suy xét muốn sát hại, hoặc muốn trộm cướp, hoặc muốn biệt ly, hoặc muốn vọng ngữ cùng dối gạt v.v… Suy xét như thế rồi, tức dùng tưởng ấy, nơi xứ riêng tạo thành đầy đủ. Nên biết ở đây, do ý lạc nên gọi là nặng, không do sự nên gọi là nặng.

Không lầm loạn: Nên biết về tướng cùng với đây trái nhau. Nếu khác với nghiệp này, đó tức gọi là nghiệp không cố suy xét tạo nên.

- Nghiệp nhất định thọ nhận: Là nghiệp cố ý suy xét dấy khởi, nặng.

- Nghiệp không nhất định thọ nhận: Là nghiệp cố ý suy xét tạo tác, nhẹ.

- Nghiệp của dị thục đã thành thục: Là dị thục của nghiệp đã cho quả.

- Nghiệp của dị thục chưa thành thục: Là nghiệp cùng với đây trái nhau. Nếu lúc sắp chứng đắc A-la-hán, chỗ tạo tác trước quyết định thọ nghiệp, do quả dị thục hiện tiền, nên có thể bị chướng ngại, không do theo đuổi thân nối tiếp. Vì sao? Vì chỉ do nghiệp kia, sanh chỗ dựa là thân không bình đẳng, nên có thể làm chướng ngại, khiến không thể đắc quả A-la-hán. Nếu không sanh thọ mà có thọ sau, đối với chỗ chứng đắc quả A-la-hán, không thể bị chướng ngại. Nhưng nghiệp kia không phải không là nghiệp nhất định thọ nhận. Vì sao? Vì do, tức dựa vào phiền não kia làm trợ bạn, cùng tức dựa nơi các hành tương tục kia, thiết lập nghiệp ấy là nhất định thọ nhận.

Lại nữa, do hai nhân duyên nên kiến lập nghiệp thiện:

1. Nhận lấy quả yêu thích.

2. Nơi cảnh của đối tượng duyên, nhận biết khắp đúng như thật, cùng với quả kia.

Do hai nhân duyên, nên lập nghiệp bất thiện:

1. Nhận lấy quả không yêu thích.

2**.** Nơi cảnh của đối tượng duyên, chấp trước tà vạy.

Đối với hai thứ hành tướng thiện, bất thiện, không thể ghi nhận, nên lập nghiệp vô ký.

Nghiệp thuận với lạc thọ: Là ba Tĩnh lự 1, 2, 3, hệ thuộc nơi địa, cùng nghiệp thiện hiện có hệ thuộc cõi Dục.

Nghiệp thuận với khổ thọ: Là nghiệp có thể chiêu cảm sanh nơi nẻo ác, là sanh trong Ngạ quỷ hay Bàng sanh.

Nghiệp trước làm nhân, chiêu cảm được lạc thọ, nên biết nghiệp này cũng được gọi là nghiệp thuận lạc thọ.

Nghiệp thuận với thọ không khổ không lạc: Nghĩa là Tĩnh lự thứ tư, cùng với các nghiệp hiện có của địa trên v.v…

Chỉ trừ nẻo Na-lạc-ca, nơi các xứ còn lại nên biết đều được gọi là thọ nhận khổ lạc lẫn lộn. Tức do lực tăng thượng của nghiệp kia, nên khiến khổ lạc ấy dựa nơi thân trụ, xen lẫn không cùng ngăn ngại.

Nghiệp thuận hiện pháp thọ: Nghĩa là do tướng trạng ý lạc như thế đã tạo các nghiệp. Hoặc do tướng trạng gia hạnh như thế, nghĩa là gia hạnh của sự, hoặc gia hạnh của thân, hoặc gia hạnh của ngữ, đã tạo các nghiệp. Hoặc do tướng trạng ruộng tốt như thế đã tạo các nghiệp, ở trong hiện pháp, dị thục đã thành thục. Như thế gọi là nghiệp thuận hiện pháp thọ.

Nếu nghiệp được tạo, ở trong hiện pháp, dị thục chưa thành thục, nơi đời tiếp theo sẽ sanh dị thục. Như thế gọi là nghiệp thuận sanh thọ. Nếu nghiệp đã tạo, dị thục của hiện pháp và đời tiếp theo chưa thành thục, từ đấy trở về sau, dị thục mới thành thục, nên biết đó gọi là

nghiệp thuận hậu thọ.

Nghiệp hữu học: Nghĩa là Thánh đệ tử, nơi mọi thời gian, dựa nơi Giới tăng thượng, dựa nơi Tâm tăng thượng, dựa nơi Huệ tăng thượng, tu học vô lậu, cùng sau đấy đạt được nghiệp hữu lậu thiện, gọi là nghiệp hữu học.

Nghiệp vô học: Nghĩa là ở trong tất cả thân tương tục của A-la-hán, tùy các nghiệp ứng hợp. Các nghiệp còn lại ấy, đó gọi là nghiệp phi học phi vô học.

Nếu phiền não tương ưng do kiến đạo đoạn, hoặc chỗ phát khởi các nghiệp như tư v.v…, tất cả nghiệp ấy có thể đi đến các nẻo ác, thì chúng đều gọi là nghiệp do kiến đạo đoạn.

Nếu phiền não tương ưng do tu đạo đoạn, cùng chỗ phát khởi các nghiệp ấy như tư v.v…, như vậy đều gọi là nghiệp do tu đạo đoạn.

Nghiệp không đoạn: Đó là tất cả nghiệp hữu học, vô học xuất thế gian. Nên biết ở đây do ba thứ tướng, nên các nghiệp do cố ý suy xét tạo nên, tức ở nơi hiện pháp tạo sự tăng trưởng rồi, trở lại đoạn trừ. Những gì là ba tướng? Đó là:

1. Hiện pháp đoạn.

2. Sanh đoạn.

3. Sau đoạn.

- Hiện pháp đoạn: Tức như có một hữu tình, ở trong hiện pháp cố ý suy xét tạo nghiệp, khiến tăng trưởng rồi liền lại chán lìa. Đối với chỗ tạo tác ấy thọ nhận sự chán lìa. Đây là phàm phu chưa được lìa dục, trụ như thế đến mạng chung, nhưng chưa có thể khiến nơi phần vị của đời tiếp theo không tạo nghiệp kia, không thọ nhận dị thục, cũng không thể khiến nơi phần vị sau của đời ấy không có sự việc này, ở trong hiện pháp cũng chưa hoàn toàn có thể khiến không tạo.

- Sanh đoạn: Tức lại có một hữu tình, nhận sự chán lìa rồi, tuy là phàm phu nhưng ở nơi cõi Dục đã được lìa dục, trụ ở đấy đến mạng chung, kẻ kia nơi hiện pháp lại không tạo tác, đối với đời tiếp theo hãy còn không thọ nhận dị thục, huống hồ là lại sanh rồi sẽ có tạo tác, nhưng chưa giải thoát khỏi việc tạo nghiệp cùng nhận dị thục của phần vị sau.

- Sau đoạn: Nghĩa là lại có một hữu tình, tuy là hữu học, nhưng đối với cõi Dục chưa được lìa dục, thọ nhận sự chán lìa xong, đạt được quả Sa-môn đầu tiên, hoặc lại quả thứ hai. Chứng đắc quả rồi, khởi niệm: Phàm chỗ hiện có của ta là do nhiều thô trọng, do nhiều nhiệt não, chỉ nên dứt bỏ, vì đáng chán khinh. Thân tạo tác nghiệp ác, nguyện nơi hiện pháp hết thảy đều nhận. Hoặc ta hiện có thọ nghiệp của hiện pháp, hoặc khổ hoặc vui, cùng với dị thục kia đồng thời thọ nhận. Chớ lại khiến ta sẽ ở nơi phần vị sanh, hoặc nơi phần vị sau, thọ nhận dị thục kia. Chánh tâm phát thệ nguyện như thế rồi, vì đoạn trừ các thứ phiền não, nên lại tu vô lượng, dùng định của phẩm Xa-ma-tha thâu tóm, chánh thức khởi gia hạnh, vì nhằm khiến cho nhân duyên có thể dấy khởi.

Nghiệp kia được dứt trừ rốt ráo, cùng tiến tới lìa dục ái.

Nên biết ở đây, hoặc do ý lạc sân, hoặc do ý lạc hại, hoặc do ganh ghét, hoặc do sự việc đáng yêu thích nên sanh nhiễm chấp sâu xa, do đấy làm nhân, nên đối với các hữu tình phát khởi hành tà, tức là thân ngữ ý phát khởi nghiệp ác cùng vô số việc ác. Nếu có hữu tình vì nhằm đối trị bốn thứ nhân duyên có thể dấy khởi nghiệp ác, nên tu bốn vô lượng nơi Tam-ma-địa thù thắng. Hữu tình kia, cho đến đối với hàng nam nữ nhỏ tuổi, không

nơi nào là không thâu nhận. Vừa lại phát khởi suy nghĩ tạo nghiệp ác, thế nên người kia tu gia hạnh như vậy, có thể dứt trừ hết nhân duyên của nghiệp ác hiện có. Nên biết tu tập gia hạnh đúng đắn như thế, do hai nhân duyên, nên đối với chỗ tạo tác cùng tăng trưởng tất cả nghiệp ác đều có thể dứt bỏ. Tức là do tu tập vô lượng định. Vì sao? Vì nghiệp ác được tạo tác chỉ đối với cảnh giới của hữu tình hữu lượng, ý lạc được dấy khởi là muốn không tạo lợi ích. Việc tu tập vô lượng chính là đối với cảnh giới của hữu tình vô lượng, ý lạc được phát khởi là nhằm tạo lợi ích. Lại, tâm có thể phát khởi nghiệp bất thiện thuộc về cảnh giới thấp kém, là đối tượng được đối trị. Do tâm cùng hành với sự tu tập vô lượng, thuộc về cảnh giới thắng diệu, là chủ thể đối trị.

Lại, tâm là thù thắng, đối với các nghiệp được tạo đều thuộc nơi tâm, nên nói thế gian đều là sự nối tiếp đời đời của tâm, đều dựa nơi tâm chuyển. Hành giả như thế, trước phát chánh nguyện làm chỗ nương dựa, sau khéo tu tập định tâm vô lượng, nên lúc tiến đến việc lìa dục ái, liền có thể đạt được an trụ nơi quả Bất hoàn.

Nếu chỉ ở nơi quả ấy liền sanh biết đủ, ở trong hiện pháp không cầu tiến lên trên, thì trong hiện pháp kia hãy còn không tạo nghiệp, huống là nơi phần vị sanh, hoặc nơi phần vị sau. Lại, nhất định không thể sẽ thọ nhận dị thục của phần vị sanh, phần vị sau.

Lại, ngoài Chánh pháp, thì những kẻ rơi vào tà kiến, những kẻ hành tà đạo, với tất cả nghiệp thiện bất thiện hiện có đã khởi tà kiến, do sức tăng thượng của tà kiến sanh khởi, đều gọi là nghiệp quanh co, nghiệp tà vạy.

Các nghiệp do tham sân mãnh liệt dấy khởi đều gọi là nghiệp cấu uế. Kẻ si mãnh liệt, kẻ quên mất niệm thuộc độn căn phẩm thượng, kẻ hết sức ám độn, tức nghiệp do si khởi đều là nghiệp ô trược.

Hết thảy hành diệu có thể đi đến nẻo thiện đều gọi là nghiệp tịnh.

Hết thảy hành diệu có thể đi đến Niết-bàn, gọi là nghiệp im lặng.

Lại nữa, nghiệp ác có thể chiêu cảm nơi chốn Na-lạc-ca đều khác biệt, gọi là nghiệp của dị thục đen đen. Nghiệp thiện có thể chiêu cảm nơi chốn là cõi Trời đều khác biệt, gọi là nghiệp của dị thục trắng trắng. Các nghiệp hiện có có thể chiêu cảm nơi chốn khác, gọi là nghiệp của dị thục đen trắng đen trắng.

Nơi xứ sở ấy, có hai nghiệp quả hiện tiền có thể đạt được, thế nên nói chung dùng làm một nghiệp. Nếu là các nghiệp vô lậu xuất thế gian thì đều gọi là nghiệp không bị dị thục không đen không trắng, có thể dứt trừ hết các nghiệp. Nếu đã dứt hết các nghiệp, hoặc sẽ dứt hết các nghiệp, hai thứ

được gọi chung là có thể dứt trừ hết các nghiệp, khiến kẻ chưa sanh sẽ không sanh, khiến người đã sanh rồi thì được lìa mọi trói buộc, do căn cứ nơi dị thục của nhân quả khả ái.

Nói không trắng, nên biết xứ sở đều khác biệt nơi nẻo Trời hoàn toàn là trắng: Nghĩa là vượt quá cõi Trời Tha hóa tự tại, vẫn trong cõi Dục, có "kinh đô" của Ma vương với cung điện của chúng Ma, cùng cõi Trời Phạm thế ở trên, cho đến nghiệp thiện hiện có của xứ Phi tưởng phi phi tưởng, gọi chung làm một. Do nơi chốn kia, mắt có thể thấy sắc, cho đến ý nhận biết pháp. Hoàn toàn là khả ái tiếp nối, là nghĩa thù thắng tăng thượng, nên môn ý dẫn phát ý thành nghiệp. Xứ sở Na-lạc-ca đều khác biệt có bốn:

1. Na-lạc-ca lớn.

2. Na-lạc-ca riêng.

3. Na-lạc-ca lạnh.

4. Na-lạc-ca biên.

Nơi xứ sở này, đều riêng thọ nhận thuần thuận theo lạc thọ nơi dị thục của các quả, nghiệp, hoặc đều riêng thọ nhận thuần thuận theo khổ thọ nơi dị thục của các quả nghiệp. Do đó gọi là xứ sở đều riêng.

Lại, hai Tĩnh lự 1 và 2, đối với cung Ma đều thọ nhận thuận vui thích. Nếu ở nơi Tĩnh lự thứ ba trở lên là thọ nhận thuần hỷ lạc.

Nói hỷ lạc: Tức khiến tâm điều hòa, dịu dàng, khiến tâm an vui thích hợp. Cùng tương tợ với hỷ, nên gọi là hỷ, không phải là hỷ thọ. Cùng với lạc tương tợ, nên gọi là lạc, không phải là lạc thọ.

Sáu môn xúc xứ luôn được lãnh nhận, nên biết tức gọi là sáu xúc xứ, cùng với nơi chốn đều riêng, là nghĩa của đạo lý nhân quả cùng tùy thuộc.

Lại nữa, tụng nêu:

Không trí, trí cùng tịnh
Thù thắng, chứng nơi học
Chấp vô ngã, Thánh đạo
Hai biển không đồng phận.

Hoặc các tà kiến, hoặc các ngã kiến, hoặc tức là vô minh, dựa vào chỗ đã nêu ở trước về ba chúng hữu tình không trí làm gốc, nên được sanh khởi. Nếu có thể đoạn trừ gốc rễ vô nghĩa ấy, vì nơi hết thảy chúng, nó có thể dấy khởi tất cả tạp nhiễm nơi một pháp. Nên biết có thể ghi nhận lý giải một cách đúng đắn. Ở đây, tạp nhiễm thứ nhất được dấy khởi là tổn giảm sự thật. Tạp nhiễm thứ hai là tăng ích sự hư. Tạp nhiễm thứ ba, đối với nẻo như thật kia hiển bày rõ về phương tiện, có thể tạo ngu si. Do đối với hai

nhân kia có ngu si, nên khởi tăng ích hoặc khởi tổn giảm.

Lại nữa, có hai thứ trí như thật:

1. Do tác ý như lý phát khởi.

2. Do Tam-ma-địa phát khởi.

Nên biết ở đây, tác ý do Văn, Tư đúng đắn tạo thành, với lực tăng thượng của việc lắng nghe Chánh pháp, nên đối với sự chuyển biến, sanh khởi lỗi lầm tai họa của năm thứ phần vị thọ, đều nhận biết đúng như thật.

Lại, tức đối với sự chuyển biến của phần vị ấy, tư duy như lý, gọi là chánh trí như thật của địa chẳng định. Đây là chỗ nương dựa để có thể tùy nhập tu tập.

Thế nào gọi là phần vị chuyển biến dấy khởi lỗi lầm tai họa? Nghĩa là các tánh vô thường của phần vị khổ, lạc. Trong phần vị khổ có tánh của tự tánh khổ. Nơi phần vị lạc, có tánh của pháp biến hoại.

Thế nào gọi là phần vị chuyển biến? Nghĩa là phần vị lạc cùng với phần vị khổ có tánh dị biệt. Như thế, nên biết, tất cả phần vị lần lượt đều dị biệt, và nơi dị biệt ấy đều quán thấy đúng như thật. Ở nơi phần vị ấy, trụ vào tưởng vô thường, quán thấy đúng như thật về lỗi lầm tai họa dị biệt.

Nhận biết thọ hiện có đều là khổ rồi, trụ nơi tưởng khổ, có tưởng như thế, có kiến như thế, đều có thể chứng đắc thanh tịnh. Thế nên cũng được gọi là trí như thật.

Trí như thật dựa vào định phát khởi: Tức là dựa vào hành tướng kia lúc chuyển biến thuộc về khinh an, thanh tịnh không nhiễu loạn, tịch tĩnh mà chuyển. Nên biết hành này cùng với trước có sai biệt.

Lại, tánh vô thường là cộng tướng của tất cả hành. Tánh khổ là cộng tướng của tất cả pháp hữu lậu. Hai trí như thật là chỗ dựa nương. Nên biết có thể hiển bày rõ đúng như thật về hai tướng của pháp kia.

Lại nữa, người trụ nơi nội pháp chưa được tâm định, hãy còn sai biệt so với tâm định của ngoại đạo, do trí hơn hẳn, huống hồ là được tâm định. Vì sao? Vì các ngoại đạo kia tuy được tâm định, cho đến chứng đắc định Phi tưởng phi phi tưởng hết sức lâu xa, nhưng vẫn chưa có thể ở nơi sáu xúc xứ, do năm chuyển biến kia nhận biết rõ như thật, chứng đắc giải thoát. Do đó, pháp định kia so với chánh Pháp-Luật này, cũng như mặt đất với hư không, cách nhau hết sức xa.

Người trụ nơi nội pháp, tuy chưa được định, chỉ do tin nghe thắng giải về vô ngã, liền có thể chứng đắc tâm Tam-ma-địa, đối với sáu xúc xứ có thể đoạn trừ, có thể nhận biết, tâm được lìa dục, cùng chứng giải thoát.

Do đấy nên biết đối với chánh Pháp-Luật, ngoại đạo kia có hoại mất, còn người trụ nơi nội pháp thì không hoại mất. Chính là thắng giải chân chánh, lúc nối tiếp chuyển, đối với sáu cảnh giới nương dựa nơi sáu căn, lược có năm thứ hành diệu tịch tĩnh:

1. Đối với các pháp kia thấy rõ lỗi lầm tai họa, nên gọi là khéo điều phục.

2. Đối với các cảnh giới không nên bày biện, tức không bày biện, nên gọi là khéo xét kỹ.

3. Ở trong các cảnh giới nên sắp đặt, bày biện, hoặc ở trên cảnh đột nhiên hiện tiền, khéo trụ niệm, nên gọi là khéo giữ lấy.

4. Tất cả phiền não đều có thể đoạn trừ, nên gọi là khéo bảo hộ.

5. Đã khéo tu tập đạo viên mãn, nên gọi là khéo tu tập.

Lại nữa, ở nơi hai xứ sở, Như lai chứng đắc trí an lập thù thắng, có thể nêu bày, làm rõ đúng đắn, vượt các thứ khổ, lạc, không phải là không chứng đắc trí an lập thù thắng. Trong đó, nếu có kẻ tạo sự lãnh hội như vầy: Đại Sa-môn này là thuộc chủng tộc Kiều-đáp-ma, không biết không hiểu, đối với các thứ hoàn toàn an lạc của thế gian, vì khiến các đệ tử cho an lạc này xen lẫn với các khổ, nên sanh sợ hãi sâu xa, vì nhằm vượt quá khổ lạc lẫn lộn do dựa cậy vào các thế gian, vì nhằm vượt khỏi các khổ lạc, nên tuyên thuyết pháp yếu. Nên biết lãnh hội ấy là tướng tà vạy, là phân biệt sai lạc, là tà kiến lớn. Nhưng Đức Như lai đã khéo nhận biết về thế gian hoặc hoàn toàn là lạc, hoặc hoàn toàn là khổ, hoặc khổ lạc lẫn lộn, nhưng tất cả đều là vô thường. Thế nên, vì khiến cho các chúng đệ tử vượt quá tất cả thế gian vô thường, vượt quá khổ lạc, nên thuyết giảng Chánh pháp thiết yếu.

Do ba thứ tướng, nên nhận biết rõ, đúng về các sự hợp ý. Nghĩa là các sự khả ái của đời vị lai, gọi là đối tượng được truy cầu. Hoặc các sự khả ái của đời quá khứ, gọi là đối tượng được tầm tư. Hoặc cảnh giới bên ngoài đáng yêu thích của đời hiện tại, gọi là đối tượng được thọ dụng. Nếu là nội thọ khả ái của đời hiện tại, thì gọi là tham đắm, vướng mắc. Nên biết ở đây, gắn chặt với ba đời, có bốn hành tướng: Một đối với vị lai. Một đối với quá khứ. Hai đối với hiện tại.

Nơi hành tướng này có thể tùy thuận ngộ nhập, là tướng hợp ý, tướng vui thích của ý, tướng của sắc khả ái, tướng của sắc bình an, như chỗ ứng hợp nên biết. Tức là bốn thứ hành tướng: Đáng mừng, đáng vui, đáng yêu, hợp ý.

Lại nữa, người siêng năng tu định, lược do hai môn, hai thời, hai địa, với các mong muốn hiện có. Ở chỗ dẫn phát ba thứ đẳng trì, có thể gây tạo

chướng ngại. Vì nhằm đoạn trừ chướng ngại như thế, nên siêng năng tu tập đúng đắn năm thứ đối trị. Tức biết ở đây, trước tiên là chỗ thọ dụng các dục quá khứ, nơi xứ xa lìa, do môn tầm tư khiến tâm phóng dật.

Lại có cư gia hiện tại với các thứ lợi dưỡng, cung kính hiện có cùng hành với các dục, do môn tầm tư khiến tâm tán loạn. Ở đây, lợi dưỡng, cung kính cùng hành với các dục hiện có, vào lúc hành trì khiến tâm phóng dật. Cư gia thọ dụng các dục trước tiên, vào lúc an trụ khiến tâm tán loạn. Tức các dục này đối với các địa phàm phu có thể gây chướng ngại, đối nơi địa hữu học cũng tạo chướng ngại.

Lại, đối với việc tu tập vô lượng cùng hành với đẳng trì của các phàm phu, có thể gây chướng ngại. Cũng đối nơi hàng hữu học, tu tập đẳng trì rộng lớn hay khéo thông đạt về sự của Nhất thiết trí, có thể tạo chướng ngại. Cũng đối với hàng vô học hết sức khéo tu tập đẳng trì cứu cánh, có thể gây chướng ngại. Nên biết, các chỗ sanh khởi hết thảy đẳng trì như thế, đều cùng hành với hỷ. Ở đây, thứ nhất là ở trong môn ý lạc tạo lợi ích an lạc cho các hữu tình, cùng hành với hỷ. Thứ hai là hàng hữu học lãnh nhận hỷ giải thoát, nên cùng hành với hỷ. Thứ ba là hàng vô học lãnh nhận hỷ giải thoát, nên cùng hành với hỷ.

Hành giả kia, do sự nhận thức như mắt v.v… nơi đối tượng duyên như sắc v.v… là riêng biệt, nên lại có sáu thứ.

Lại, đẳng trì này gồm đủ các tướng, nên gọi là viên mãn.

Lại, đẳng trì này là biên vực rốt ráo, nghĩa là có thể đi đến thế gian lìa dục, hoặc có thể đi đến nẻo xuất thế lìa dục. Vượt quá giới hạn ấy thì không thể hướng tới đẳng trì thanh tịnh có thể đạt được. Thế nên gọi đấy là không có khuyết giảm.

Hoặc muốn mau chóng chứng đắc quả Sa-môn, đối với thân mạng v.v… không hề luyến tiếc, thường xuyên cẩn trọng gia hạnh không gián đoạn, tinh tấn mãnh liệt, ở trong các dục nhận biết rõ về tự tướng, giữ vững chánh niệm, nhận biết rõ về lỗi lầm tai họa, không trông mong v.v… Chánh tri hiện tiền, chánh niệm, chánh tri làm chỗ nương dựa, tạo phương tiện siêng tu bốn thứ không phóng dật. Nghĩa là nơi phần ngày, hoặc đi hoặc ngồi, đối với các pháp chướng ngại, tu tịnh nơi tâm, cho đến nói rộng. Phát khởi tinh tấn dũng mãnh như vậy, đối với đối tượng chứng đắc không hề khiếp nhược. Do chín thứ tướng nên tâm được an trụ. Hoàn toàn tu tập định Xa-ma-tha, thân được khinh an, không có ái vị, nên không có nhiễm ô, không bị hai thứ tùy phiền não là hôn trầm và thùy miên nhiễu loạn. Toàn bộ niệm trụ là chỗ nương dựa, siêng năng tinh tấn tu tập Tỳ-bát-xá-na, giữ

vững chánh niệm, xa lìa tùy phiền não trạo cử, nên không có ngu si. Đã nhập nơi đạo cả hai cùng vận hành của Chỉ, Quán, tâm được chánh định. Tức hai phần ấy là tùy hành một cảnh, vì đoạn trừ chướng ấy, nên tu tập năm thứ đối trị như thế làm chỗ dựa, nên có thể đối với chướng kia, nhận biết khắp cùng đoạn trừ vĩnh viễn. Nơi ba đẳng trì, dựa nơi sáu cảnh sự với sai biệt hiện có, hỷ cùng hành có thể dẫn đến định viên mãn. Do hai nhân duyên nên chư Phật Thế Tôn, vì các đệ tử, tuyên thuyết pháp, tự mình có thể phát khởi, dẫn dắt:

1. Đối với những lỗi lầm hiện có của phẩm đen, khiến sanh hiểu rõ.

2. Đối với những công đức hiện có của phẩm trắng, khiến sanh hiểu biết.

Lại nữa, ở trong Chánh pháp Tỳ-nại-da này, lược có hai thứ hữu tình:

1. Đã được ý.

2. Chưa được ý.

Đã được ý lại có hai loại:

1. Đã thấy đế, đã được tâm hữu học, ý giải thoát.

2. A-la-hán đã được tâm vô học, ý giải thoát.

Chưa được ý: Là hàng phàm phu đối với ba học, bắt đầu sự việc tu tập hữu học, họ hoàn toàn chưa được tất cả hai thứ tâm ý giải thoát, thế nên mong cầu sau thể phàm phu là cảnh diệt Hữu dư y, và sau tự thể là giới Niết-bàn của diệt Vô dư y, lúc ấy, ở trong ba học, tu nhiều học trụ. Nếu các bậc vô học, tuy đã chứng đắc tâm ý giải thoát, nhưng hoặc bị mất niệm, khi hành phóng dật liền có thối thất nơi hiện pháp lạc trụ. Các vị kia, tuy đối với hiện pháp lạc trụ, hoặc thối chuyển không thối chuyển, nhưng không gắng sức nên thối thất giải thoát.

Nếu có người tu hành không phóng dật, thì tất cả đều vì chứng đắc giải thoát. Nhưng đã chứng đắc giải thoát không thối chuyển, thì tu không phóng dật lại có công dụng gì? Nếu vì chứng đắc hiện pháp lạc trụ, siêng tạo công dụng, như tạo tác công nghiệp, không phải là không phóng dật.

Nếu các hàng hữu học, trước đã chứng đắc tâm ý giải thoát, các vị ấy cũng quyết định hướng đến ba Bồ đề. Nơi chỗ tu đạo, không do duyên khác, tự nhiên có thể tu hành không phóng dật, ở trong hiện pháp vẫn chưa dứt trừ phóng dật rốt ráo. Nếu có tất cả hữu tình chưa được ý, thì họ nên quyết định tu không phóng dật. Lại do ba tướng làm rõ chỗ nên tạo tác:

1. Do các căn được tập thành, nên tư lương viên mãn.

2. Do quen gần thuận theo các ngọa cụ như pháp, nên tâm được an

trụ.

3. Do nương dựa, gần gũi nơi bậc Thiện sĩ, nghe phạm âm của kẻ khác, tác ý như lý nơi các nhân duyên, cho đến đạt được hai tâm giải thoát.

Lại, tức ở đây nên không phóng dật, lúc tạo tác chuyển biến, do hai thứ tướng nên biết, đối với sáu xứ tịch diệt kia, có tăng thượng mạn, không có tăng thượng mạn. Nghĩa là, ở nơi chưa diệt, khởi phân biệt tà vạy, vọng chấp là diệt. Do đối tượng duyên, nên ở nơi chưa đạt được, khởi phân biệt tà vạy, vọng chấp là đạt được. Kẻ kia, tuy khởi phân biệt sai lạc như thế. Tức là giải thoát của diệt, nhưng chưa thể khiến thân hoại trở về sau, thọ mạng vĩnh viễn dứt hết. Sáu xứ vĩnh viễn diệt cũng không thể lìa tưởng của các cảnh giới.

Lại, kẻ kia do đối với sáu xứ tịch diệt, hoặc duyên hoặc chứng lãnh nhận tà vạy, nên có sự như thế. Hai thứ tướng ấy, nên biết gọi là có tăng thượng mạn. Cùng với đây trái nhau, nên biết gọi là không có tăng thượng mạn.

Lại nữa, trụ nơi nội pháp, đối với hai thứ chấp trước, phải nên nhận biết rõ về hai thứ lỗi lầm tai họa. Nghĩa là các phàm phu, đối với hai duyên thức cùng có thể nương nhận, không thể nhận biết rõ về tánh vô ngã.

Người chưa lìa dục, đối với nghiệp duyên tăng thượng của lợi dưỡng, sự cung kính, đã khởi các thọ, có chấp trước thứ nhất.

Người đã lìa dục, đối với việc lìa duyên của các dục, đã khởi các thọ, có chấp trước thứ hai. Chấp trước này làm nhân sanh khởi vị lai, nên gọi là sanh.

Lại, các ngoại đạo, do chấp giữ nên sanh các thứ trói buộc. Do trói buộc sanh, nên có thể sanh tất cả pháp ác bất thiện. Nên biết, đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ nhất.

Lại, do sức tăng thượng của chấp trước ấy, nên đối với Chánh pháp Tỳ-nại-da bị mai một, cùng các khổ như sanh v.v… của đời vị lai, sai biệt mà sanh. Ở trong hiện pháp, do sức tăng thượng ấy làm duyên, nên không Bát Niết-bàn. Nên biết, đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ hai. Cùng với đấy trái nhau, nên biết tức là phẩm trắng sai biệt.

Lại nữa, do bốn nhân duyên, nên đối với pháp vô ngã, có thể đạt đến cứu cánh. Nghĩa là, tất cả pháp đều là vô ngã, trừ tự tánh của thức, các nhân duyên của thức, các trợ bạn của thức, ngoài ra, các thứ hiện có đều không thể đạt được.

Lại, tự tánh của thức là vô thường. Lại, nhân duyên ấy là vô thường. Lại, trợ bạn ấy là vô thường.

Lại nữa, do pháp của tám chi Thánh đạo cùng quả của pháp ấy nên hiển phát Chánh pháp và Tỳ-nại-da. Do năm thứ tướng nên biết pháp của tám chi Thánh đạo là tối thắng, không tội. Nghĩa là, đối với phiền não có không của hiện pháp, khéo phân biệt, nên gọi là hiện thấy. Có thể khiến cho phiền não được lìa trói buộc, nên gọi là không bùng cháy. Hoặc đi hoặc đứng, hoặc ngồi hoặc nằm, trong tất cả thời đều có thể tu tập, dễ tu tập nên gọi là hợp thời. Dẫn dắt đến Niết-bàn, nên gọi là dẫn đạo. Không chung với tất cả các ngoại đạo, nên gọi là Chỉ. Kiến ấy xa lìa hành tướng vui thích tin theo kẻ khác, tầm tư đủ khắp, tùy theo nghe, lãnh hội dấy khởi kiến, xét kỹ nhẫn chỉ là tự thế, nên gọi là chỗ chứng đắc bên trong. Pháp của đạo quả này cũng có năm tướng, nên biết, như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã phân biệt về tướng.

Lại nữa, biển có hai loại:

1. Biển nước.

2. Biển sanh tử.

Do ba thứ tướng, nên biết biển nước, cùng với biển sanh tử, không đồng phận. Những gì là ba tướng?

1. Tự tánh không đồng phận.

2. Chìm đắm không đồng phận.

3. Vượt qua không đồng phận.

Ở đây, tự tánh không đồng phận: Nghĩa là biển nước lớn, dùng một phần sắc làm tự tánh, nên có biên giới, là có lượng. Biển sanh tử lớn, dùng tất cả hành làm tự tánh, nên không có biên giới, là vô lượng. Chìm đắm không đồng phận: Nghĩa là, hoặc chìm đắm hiện có,

hoặc do sự chìm đắm này, hoặc chìm đắm như thế, đều không đồng phận. Tức nơi biển nước lớn, hoặc loài Bàng sanh hướng đến, hoặc có người hướng tới, chìm đắm trong đó.

Biển sanh tử lớn, chư Thiên, thế gian cũng thường chìm đắm.

Lại, biển nước lớn, chỉ do thân nên bị chìm đắm trong đó. Không do ngữ, không do ý, không do tham, không do sân, không do si. Không do các pháp khổ như sanh v.v… chìm đắm trong đó.

Ở đây, tuyên thuyết về các nghiệp, phiền não, ba phần của quả kia như thứ lớp ấy, nên biết về tướng của chúng.

Biển sanh tử lớn, cũng do thân, cho đến cũng do các khổ như sanh v.v… nên chìm đắm trong ấy.

Các người xuất gia, do vọng tầm tư, do vọng quan sát, do tự ấy khởi

các thứ phân biệt tà vạy, phát khởi vô số tầm tư bất chánh khiến tâm nhiễu loạn, nên nơi biển sanh tử thường xuyên chìm đắm.

Lại, các ngoại đạo khác, luôn bị các phiền não trói buộc, nên đối với biển sanh tử luôn bị chìm đắm.

Các người tại gia thường xuyên bị các khổ bức bách không gián đoạn, luôn bị phiền não thiêu đốt mà không thể chán lìa, nên gọi là chìm đắm. Ngoài ra, đều dựa nơi phiền não của các nghiệp, nên đối với các xứ sanh tới lui không dứt, tức gọi là chìm đắm.

Về biển nước lớn, chỉ rơi vào trong ấy, tạm thời suy tổn. Hoặc nẻo Bàng sanh, do sức mạnh nơi một phần phiền não, nghiệp, nên sanh trong đó, tạm thời chìm đắm mà không phải cứu cánh. Nên biết, đó gọi là chìm đắm không đồng phận.

Vượt qua không đồng phận: Nghĩa là nơi biển nước lớn, các loài phàm phu chưa lìa dục tham hãy còn có thể vượt qua, huống chi là các loài khác.

Biển sanh tử lớn, kiến lập ba phần:

1**.** Hạng chưa lìa dục: Do năm cảnh khả ái nên có sai biệt.

2**.** Hạng đã lìa dục: Do cảnh của các pháp khả ái được ý nhận biết, nên có sai biệt.

3**.** Hàng hữu học: Do sáu xứ bên trong nên có sai biệt.

Về các loài phàm phu chưa lìa dục, đối với năm cảnh giới khả ái nơi biển lớn chưa có thể vượt qua.

Các loài phàm phu đã lìa dục: Đối với sáu xứ bên trong đều có sai biệt nơi biển lớn chưa có thể vượt qua.

Do các hữu tình kia đối với biển lớn này chưa có thể vượt qua, nên đối với hai thứ cảnh giới trước nơi biển lớn cũng chưa vượt qua.

Về hàng hữu học: Đối khắp sáu xứ đều nhận biết rõ là khổ, tức nơi đối tượng duyên tu tập chánh đạo. Chư vị ấy do an trụ nơi trụ như thế, nên đối với hai thứ cảnh giới của địa chưa lìa dục, đã lìa dục, theo tâm ý hiện có nơi cảnh tướng của đối tượng duyên, đều hiện tiền sáng rõ.

Lại, do tác ý quan sát mạnh mẽ, nên ở nơi các chỗ đã thấy từ trước v.v… đều tùy thuận nhớ nghĩ. Do nhân duyên ấy nên đối với các pháp kia, mau chóng dùng huệ thông đạt, cũng có thể trừ bỏ hẳn.

Lại, chư vị ấy đối với biển lớn của sáu xứ kia, có thể mau chóng vượt qua. Có thể vượt qua, nên đối với biển lớn của hai thứ cảnh giới trước đều vượt qua rốt ráo, cùng có thể vượt qua các thứ phiền não:

Có thể phát khởi sự dứt bỏ pháp đã học. Có thể phát khởi tầm tư loạn tâm.

Có thể phát khởi sự tham đắm, chấp trước nơi lợi dưỡng, sự cung kính của thế gian.

Có thể phát khởi tất cả hành ác. Tụng nêu:

Đạo sư không đồng phận
Vương quốc hai thế gian
Hữu vi ngăn thân hành
Chấp chặt ba tánh không.

Lược có hai thứ đạo không đồng phận:

1. Tự tánh không đồng phận.

2. Hành tướng không đồng phận.

Nếu hành hướng đến Khổ Tập, hoặc hành hướng tới Khổ Diệt, đó gọi là tự tánh không đồng phận. Nên biết loại thứ nhất có thể hướng tới tạp nhiễm, loại thứ hai có thể hướng tới thanh tịnh. Ở đây, đó gọi là nghĩa không đồng phận. Tức hành hướng đến diệt ấy, hoặc có hữu vi là hành chuyển của cộng tướng. Hoặc có hữu vi, vô vi là hành chuyển của cộng tướng. Đó gọi là hành tướng không đồng phận.

Nên biết ở đây, nếu các hữu vi là hành tướng của cộng tướng thì chúng đối chiếu với đạo quả gọi là không đồng phận. Nếu hữu vi, vô vi là hành tướng của cộng tướng, thì chúng đối chiếu với đạo quả cũng gọi là đồng phận. Vì sao? Vì đạo quả Niết-bàn là thường vô ngã.

Lại nữa, ở trong Chánh pháp, lược có năm thứ sư, giả lập câu. Các sư của ngoại đạo trong chỗ tạo luận đều không thể đạt được. Nghĩa là hành hướng tới các thủ. Hành hướng tới các thủ dứt hết. Hoặc tất cả pháp đều nhận biết khắp, vĩnh viễn đoạn trừ, tạo biên vực của khổ. Nếu đối với năm tướng thọ nhận xứ kiến lập, thì trong mỗi mỗi tướng, không nương nơi bốn tướng Tát-ca-da-kiến. Dùng chúng làm chỗ dựa, có thể loại trừ kiêu mạn của bốn thứ hành tướng. Nếu mạn làm nhân thì có ba lỗi lầm tai họa. Lìa mạn làm nhân thì có ba thắng lợi.

Nên biết ở đây, kẻ ôm giữ kiêu mạn, thì đối với cảnh giới Niết- bàn, tâm sẽ thối chuyển, do sợ hãi. Đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ nhất.

Ở trong các hành ác thường luôn hiện hành, cùng đối với các sự tạp nhiễm đáng yêu thích, tâm lại hướng nhập. Đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ hai.

Đối với cảnh giới Niết-bàn sanh sợ hãi sâu xa, với sức tăng thượng

ấy nên liền có thể sanh khởi trọng bệnh sanh tử như sanh v.v… ở vị lai. Như do sức tăng thượng của sợ hãi, như vậy, cũng do sức tăng thượng đối với các hành ác, cùng sức tăng thượng của các sự tạp nhiễm đáng yêu thích, khiến tâm hướng nhập, nên có thể sanh khởi trọng bệnh sanh tử như sanh v.v… ở vị lai. Như các trọng bệnh như sanh v.v…, xứ ung nhọt như mắt v.v…, mũi tên độc như tham v.v…, nên biết cũng thế. Đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ ba. Cùng với đấy trái nhau, nên biết tức là ba thứ thắng lợi của lìa mạn làm nhân.

Nếu theo sức tăng thượng của duyên khởi, ở trong hiện pháp, chủng tử của hữu sau hoặc tăng hoặc giảm, do đấy làm nhân, nên hữu sau của vị lai hoặc sanh hoặc không sanh. Do có thể thâu nhận chủng tử phiền não, hoặc có tập khởi, hoặc diệt mất, nên tất cả giáo pháp hiện có của thế gian cùng xuất thế gian, đều kiến lập đúng như thật. Chỉ ở nơi nội pháp có đại sư ấy, vì các đệ tử, đã tuyên thuyết đúng đắn về câu giả lập sư, có thể đạt được chân thật, không phải là các ngoại đạo.

Lại nữa, ở trong cõi Dục, với các khí thế gian nên biết ví như vương quốc của vua. Hữu tình thế gian ví như thần dân. Thiên ma ác kia ví như chủ vua.

Lại nữa, có hai thế gian:

1. Hữu tình thế gian.

2. Khí thế gian.

Về khí thế gian thì bị tai họa về lửa v.v… hoại diệt. Còn hữu tình thế gian thì trong từng sát na nơi nội thân hoại diệt.

Lại nữa, Không có hai thứ:

1. Hữu vi.

2. Vô vi.

Ở đây, Không hữu vi là pháp không thường hằng, không an trụ lâu, là pháp biến đổi cùng ngã, ngã sở.

Nếu các vô vi chỉ là không, thì không có ngã cùng ngã sở.

Lại, tánh của Không này lìa các nhân duyên, thuộc về pháp tánh, đạo lý pháp nhĩ làm nơi chốn nương dựa. Ở đây hoặc như thế, hoặc khác, hoặc không. Khắp tất cả xứ, không đâu là không đồng quy nơi đạo lý pháp nhĩ.

Lại nữa, Như lai không ngăn chặn việc có thể đạt được biên vực của tất cả thế gian, chỉ ngăn chặn thân hành theo đấy đi đến, có thể đạt được biên vực của thế gian.

Ở đây, nên dựa nơi đạo lý của Thắng nghĩa, nên biết thế gian. Nếu

tạo phương tiện đạt được biên vực của thế gian, cùng biên vực của đời, tức ở nơi phương xứ có tưởng thế gian, do sức tăng thượng của giả danh, nêu đặt. Nghĩa là do sức tăng thượng của hoặc trí, hoặc tưởng, nên nói có thế gian. Do sức tăng thượng của hoặc tưởng hoặc trí, nên đối với các thế gian khởi rộng về ngôn thuyết. Do sức tăng thượng của hoặc thấy nghe, hoặc hiểu biết, nên đối với sáu xúc xứ, do năm chuyển kia, khởi trí như thật, gọi là tạo phương tiện đạt được biên vực của thế gian. Nhân của các hành vị lai vĩnh viễn dứt hết, nên gọi là có thể đạt đến biên vực của thế gian. Nơi nhân quả của đời đều nhận biết như thật, nên gọi là thế gian giải. Có thể nhận giữ đúng đắn về thân sau cùng, nên gọi là khéo vận hành nơi biên vực của thế gian.

Ở trong hiện pháp, hết thảy cảnh giới tham ái đều vĩnh viễn dứt hết, nên gồm đủ hằng trụ, gọi là có thể vượt khỏi ái của thế gian. Do các hành tướng được nêu bày như thế, nên biết gọi là đạt được biên vực của thế gian.

Lại nữa trong Pháp Tỳ-nại-da không khéo thuyết giảng, các vị xuất gia, theo đấy có một vị ác, bất thiện, chưa sanh tầm tư, lúc sanh thì hoàn toàn có thể tạo chướng ngại cho phạm hạnh. Như kẻ kia sanh rồi thì chấp chặt không bỏ. Ở đây, không hành là thù thắng hơn hết. Nếu như có hành thì không nên chấp giữ chặt, ở trong sự nối tiếp, không nên tạo chốn cư trú, nương dựa. Vì sao? Vì sát na tạp nhiễm không thể làm nghiêng động chỗ tu phạm hạnh, nhưng chính nơi sự tương tục có thể làm nghiêng động.

Lại nữa, nên biết lược có hai thứ Không trụ:

1. Không trụ tôn thắng.

2. Không trụ dẫn khởi.

Các vị A-la-hán quán trụ vô ngã, như thế gọi là Không trụ tôn thắng. Do "pháp nhĩ" tôn thắng của A-la-hán, quán trụ vô ngã, ở trong các trụ là tôn thắng hơn hết. Như vậy, hoặc chỗ trụ tôn thắng, hoặc tức trụ tôn thắng, do nhân duyên ấy, nên gọi là Không trụ tôn thắng.

Không trụ dẫn khởi: Nghĩa là như có một hữu tình, hoặc hành hoặc trụ, đều nhận biết rõ như thật về phiền não có không. Nhận biết có phiền não, liền tu hành đoạn trừ. Biết không có phiền não, liền sanh hoan hỷ. Do sanh hoan hỷ, cho đến khiến tâm chứng đắc Tam-ma-địa. Vì tâm chứng đắc Tam-ma-địa, nên quán xét như thật về các pháp vô ngã, ngày đêm tùy học từng không biếng trễ. Như thế gọi là Không trụ dẫn khởi.

Nên biết ở đây, đối với phiền não bên trong nhận biết đúng như thật, có biết là có, không biết là không, đó gọi là Không tánh.

Lại nữa, các Thánh đệ tử chánh kiến viên mãn, đã kiến đế tích đều có

thể đúng như thật vượt khỏi tà không kia. Cũng có thể đúng như thật hội nhập Bất không chân chánh kia.

Dùng đạo thế gian và đạo xuất thế gian tu tập Không tánh, nghĩa ấy như thế nào? Tức là ở nơi xứ này, pháp kia không có nên chánh quán là không. Nếu đối với xứ ấy, các thứ khác là có, nên nhận biết đúng như thật là có.

Như vậy, chỗ nương dựa của tự thể là thân, cũng gọi là thọ thú, cũng gọi là tưởng thú, cũng gọi là tư thú. Nhưng thân là chỗ dựa của tự thể ấy, nơi một thời gian, do không có một loại, hoặc thọ hoặc tưởng, hoặc lại tư, cùng tất cả phiền não, tùy phiền não, nên gọi là không. Nơi một thời gian do có một loại, nên gọi là chẳng không. Hoặc tức chỗ nương dựa của thể là thân, nơi một thời gian do không có một loại, hoặc mắt hoặc tai hoặc mũi hoặc lưỡi, hoặc một phần của thân, hoặc một phần của ý, nên gọi là không, nhưng không phải chỗ nương dựa của tự thể là thân, tức thể của tự thân hết thảy đều không. Nên biết ở đây là lược nêu chung về nghĩa. Hoặc quán tự tánh hiện có của các pháp rốt ráo đều không, đó gọi là đối với không hướng nhập điên đảo. Cũng gọi là trái vượt với pháp Tỳ-nại-da khéo thuyết giảng của Phật. Hoặc quán các pháp, do tự tướng, nên một loại là có, một loại là không có, thì có không có ấy nên hoàn toàn xa lìa.

Lại quán có tánh, nơi một thời gian, một phần xa lìa, nơi một thời gian, một phần không lìa. Như thế gọi là, đối với Không tánh kia không có điên đảo, hướng nhập đúng như thật.

Do đạo thế gian tu Không tánh: Nghĩa là Thánh đệ tử trụ nơi xứ xa lìa, trước đối với tưởng về xóm làng, thành ấp, người, tác ý tư duy. Tiếp theo, lại tư duy về tưởng A-luyện-nhã. Các vị kia tức quán xét ở trong tự thân, tưởng ấy là không, nghĩa là các tưởng như người, thành ấp. Tưởng này chẳng không, tức là tưởng A-luyện-nhã.

Lại, các thứ khác chẳng không, nghĩa là tưởng A-luyện-nhã làm duyên nơi tưởng A-luyện-nhã, tương ưng với các thọ, tư v.v… Hoặc tức tưởng này do một loại, nên quán là không, nghĩa là không trụ thô trọng, chẳng tịch tĩnh, cùng sáng rõ v.v… Do một loại nên quán là chẳng không, nghĩa là có trụ hết sức tịch tĩnh, vi tế, lìa sáng rõ v.v…

Lại, tức nơi pháp kia có thể chọn lấy tưởng về các chốn A-luyện- nhã như núi rừng, cây cỏ, cầm thú v.v…, với tướng sai biệt, không tư duy nữa, chỉ tư duy về tưởng nơi đất không có tướng riêng.

Lại, tức nơi pháp kia, có thể chọn lấy tưởng về vùng đất hiểm ác cao thấp không bằng phẳng, có nhiều gai góc, gạch đá v.v… với tướng sai biệt,

không tư duy nữa, chỉ tư duy về tưởng nơi vùng đất bằng phẳng, mịn màng, giống như trong lòng bàn tay, không có tướng riêng. Từ đấy, theo thứ lớp, trừ bỏ tưởng về sắc v.v…, lần lượt tư duy về tưởng nơi xứ Không, xứ Thức, xứ Vô sở hữu, tướng có sai biệt. Sau, nơi tưởng của tưởng hiện có thuộc xứ Phi tưởng phi phi tưởng, tác ý tư duy nơi tất cả xứ như trước đã nói. Thứ đến là quán Không tánh, quán các địa dưới có tưởng thô v.v.., quán các địa trên có tưởng tĩnh. Như thế gọi là các Thánh đệ tử dùng đạo thế gian tu tập Không tánh, nên biết là hướng tới, cho đến trên cùng là xứ Vô sở hữu, lần lượt lìa dục. Từ đó trở về sau, tu hành Thánh đạo, thứ lớp loại bỏ hành vô thường v.v…, có thể hướng đến xứ Phi tưởng phi phi tưởng, lìa dục hoàn toàn.

Các vị ấy, bấy giờ tự quán trong thân hoàn toàn không có các tưởng, nghĩa là toàn bộ tất cả lậu đều tịch tĩnh, vĩnh viễn lìa mọi nẻo sáng rõ. Lại quán trong thân có pháp chẳng không. Nghĩa là các pháp thanh tịnh này nương dựa làm duyên, sáu xứ lần lượt hỗ tương nhận giữ, cho đến thọ mạng an trụ làm duyên, không có hoại diệt. Nên biết Đức Thế Tôn, nơi thời xưa tu tập hành vị Bồ tát, tu nhiều về Không trụ, nên có thể mau chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng, không phải như tư duy vô thường khổ trụ. Thế nên, nay chứng đắc Bồ đề, trụ thượng diệu rồi, do diệu lực của việc thường xuyên hành tập tùy chuyển từ xưa, nên dựa nhiều nơi Không trụ.

Lại nữa, có hai thứ Không:

1. Không, nên chứng đắc.

2. Không, nên tu tập.

Nếu các Bí-sô vui thích dựa nơi tạp trụ, thì đối với hai thứ này không thể thành tựu đầy đủ: Không, nên chứng đắc chẳng thể chứng đắc. Không, nên tu tập, không thể tu tập. Do nơi hai thứ không thành tựu, nên biết thối mất bốn thứ diệu lạc. Nghĩa là: Diệu lạc xuất ly đối với tất cả việc ác được thâu nhận, các khổ thôi thúc thảy đều giải thoát.

Diệu lạc xa lìa trong Tĩnh lự thứ nhất, giải thoát các sự tham dục, giận dữ v.v… Diệu lạc tịch tĩnh của tầm tứ được dừng dứt. Diệu lạc đẳng giác gồm thâu hai giải thoát, gồm thâu không chỗ tạo tác, không sợ hãi.

Hai giải thoát là:

1. Giải thoát của tâm thời ái.

2. Giải thoát của tâm bất động.

Nếu A-la-hán căn tánh chậm độn, đối với định của thế gian là pháp thối chuyển, chưa thể giải thoát chướng ngại hiện có nơi định, gọi là giải

thoát của tâm thời ái.

Do pháp thối chuyển, nên thường xuyên thối mất. Luôn luôn hiện tiền nên gọi là thời. Đối với hiện pháp lạc, vui muốn chứng trụ, nên gọi là ái.

Giải thoát của tâm bất động: Là A-la-hán căn tánh lanh lợi, là pháp không thối chuyển, tất cả đều do diệu lực của đạo vô lậu mà được giải thoát, nơi tất cả loại đều không thối mất. Nên biết ở đây, nghĩa quyết định là nghĩa Tam muội da, phần còn lại như trước đã nói.

Không chỗ tạo tác, không sợ hãi: Nên biết không có dị loại có thể chứng đắc, khiến tâm của A-la-hán, ở đấy bị nhiễm nơi sự biến dị kia, nên sanh sầu than.

Không, nên chứng đắc, lược có hai loại:

1. Ngoại không.

2. Nội không.

Ngoại không: Nghĩa là vượt quá tất cả năm thứ tưởng sắc, tức là chỗ dẫn phát của năm thứ dục diệu, đối với việc lìa dục tham có thể tác chứng đúng đắn.

Nội không: Nghĩa là nơi các hành bên trong, đoạn trừ tăng thượng mạn, chính thức có thể tác chứng.

Không, nên tu tập, cũng có hai thứ:

1. Ở trong các cảnh giới trong ngoài, tu tập kiến không ngã.

2. Tức ở đấy, tu kiến vô thường.

Bốn thứ không ấy, nên biết bốn hành là chỗ nương dựa. Ngoại không dùng sức của duyên tăng thượng nơi tâm nội trụ, lìa lạc đã sanh, khiến thân thấm nhuần là chỗ nương dựa, cùng nhận biết khắp về ngã mạn.

Nội không dùng nội ngoại không, đối với pháp trong ngoài, tu tập kiến vô ngã. Do kiến vô ngã làm chỗ nương dựa, tức ở nơi ấy tu tập kiến vô thường, làm chỗ nương dựa. Kiến vô thường do lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý làm chỗ dựa.

Lại, ở trong ấy, nếu các Bí-sô vì nhằm lìa dục tham, nên tinh tấn tu học, do sức tăng thượng của tác ý quan sát, nên đối với các tướng bất tịnh hệ thuộc cõi Dục, đều gắng sức tư duy. Vị kia, đối với ngoại không chưa tác chứng, đối với chánh đạo chưa khéo tu tập, nên hướng tới nhiễm tập. Nơi tánh của ngoại không, tâm không chứng nhập, không yêu thích, nên liền ở trong đó, do môn ngã mạn, tâm không lưu tán, cùng tùy quan sát. Do tướng tịch tĩnh tư duy về nội không, vị kia do ngã mạn chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên đối với chánh đạo chưa khéo tu tập. Cũng ở trong đó tâm không

chứng nhập, bèn ở trong tất cả hành trong ngoài tu kiến vô ngã. Đối với kiến vô ngã chưa khéo tu tập, nên cũng ở trong đó tâm không chứng nhập, nên ở trong hết thảy hành trong ngoài tu kiến vô thường, khiến tâm không động. Ở trong các hành thấy rõ vô thường, nên tất cả thứ động đều không có thật, tức kiến vô thường được gọi là cảnh giới bất động. Do đối với xứ này, tâm đều thắng giải, nên dùng chánh huệ thông tỏ đúng như thật. Hoặc duyên nơi bất tịnh, hoặc duyên nơi từ bi, hoặc duyên nơi cảnh giới hiện có của niệm hơi thở, hoặc duyên nơi cảnh giới vô thường của các hành, đối với Tam-ma-địa, dốc sức tu tập nhiều làm nhân duyên, nên khiến tâm điều thuận. Do đấy, lần lượt nơi tất cả xứ đều có thể chứng nhập. Vì nhân duyên này, nên ở nơi Không được chứng, có thể chứng đắc viên mãn. Nhân nơi sự chứng đắc viên mãn, nên tâm giải thoát khỏi tất cả kiết có thể thuận nơi phần trên dưới. Do nhân duyên ấy, nên đối với Không được tu tập có thể tu tập viên mãn.

Nhân ở chỗ tu tập được viên mãn, nên thành tựu các pháp như chánh kiến vô học. Nếu vào lúc ấy, cho đến đối với Không, chưa thể chứng nhập, nên biết lúc này là phần vị phàm phu. Nếu khi chứng nhập, là phần vị hữu học. Nếu lúc tu tập đã được viên mãn, là phần vị vô học.

Vì khiến cho sự tu tập ấy được viên mãn, nên siêng tu chánh hành, do khéo tầm tư mà tầm tư đúng đắn, tức ở trong ấy có thể khéo nhận biết lượng, lìa các tạp nhiễm mà khởi ngôn thuyết. Ở chốn kinh hành có thể kinh hành đúng. Ở chốn an tọa có thể an tọa đúng. Nơi hết thảy xứ như thế, đều khéo nhận biết về lượng. Khi hành như vậy, thanh tịnh là trước hết, nơi lúc an trụ cũng được thanh tịnh. Trong khoảng có thể dùng tác ý quan sát, thường xuyên quán xét phiền não hiện hành, tịnh tu trị tâm. Như thế, có thể hoàn toàn hướng đến việc thành tựu các pháp bạch tịnh, hết thảy ma oán đều không thể xâm đoạt, kể cả mọi thứ pháp ác bất thiện kia.

Bốn thứ tạp nhiễm là:

1. Tánh của nhân hữu sau.

2. Thân tâm của hiện pháp bị thiêu đốt khắp.

3. Tánh của nhân thuộc nẻo ác.

4. Tánh của nhân thuộc các khổ như sanh v.v… Ngôn thuyết có hai:

1. Ngôn thuyết thắng giải gắn liền với âm thanh.

2. Ngôn thuyết gắn liền với pháp tùy pháp hành.

Ngôn thuyết thứ nhất là đối với Chánh pháp, thọ trì, đọc tụng, thỉnh vấn, phát khởi nêu xét. Ngôn thuyết thứ hai, là nơi đối tượng duyên khiến tâm an trụ, hoàn toàn giải thoát, phát khởi việc thiết lập, chỉ dạy, trao truyền.

Nếu vì nghĩa này, Như lai xuất thế, các chúng đệ tử tùy nhập Thánh giáo, nên siêng năng tu tập pháp thiện như thế. Hoặc ở trong Pháp-Luật kia, tất cả loại không tu phạm hạnh, nên biết cũng không có người tu phạm hạnh. Do ở trong ấy không có phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, tức đều tu tà hạnh, thầy trò lần lượt hỗ tương xúc não. Đều tự chấp nhận có thể thức tôn ti, ở trong Chánh pháp, cả hai cùng có thể đạt được. Nếu có kẻ dứt bỏ quả lớn lợi lớn nơi Không, nên chứng đắc, nơi Không, nên tu tập, là hết sức thấp kém, có tội lỗi lớn, bị lợi dưỡng, sự cung kính, ái vị loạn động, hành tập nhiều theo hành tà. Nên biết kẻ kia là chỗ xúc não của tai họa thuộc phạm hạnh lớn. Kẻ kia do tham đắm, ái chấp về lợi dưỡng, sự cung kính, tự bức não, nên đối với ngôn giáo có thể tùy thuận giải thoát không muốn lắng nghe, tuy là tuyên thuyết nhưng không thể lọt vào tai. Hoặc vì sức tăng thượng của sự tham vướng nơi lợi dưỡng nên miễn cưỡng lắng nghe, nhưng không có tâm cầu hiểu, không muốn tu hành, không vì khéo tự điều phục hoàn toàn, cho đến không vì chứng đắc Bát Niết-bàn. Do sự việc như thế, nên ghét bỏ Đại sư, hành không bình đẳng, do đối với ân đức hiện tiền rộng lớn không thể báo đáp.

Nên biết ở đây, lược nêu chung về nghĩa, tức trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, đã xuất gia rồi, do bốn nhân duyên, như đối với chỗ tự mình nên hành đúng đắn thì không thể hành. Như đối với Thánh giáo của Đại sư, là điều nên hành trì của người xuất gia, cũng không thể hành. Nghĩa là vui thích cùng tạp trụ, tùy thuận gắn chặt với ngôn thuyết thắng giải của âm thanh, tham đắm lợi dưỡng, sự cung kính. Do sức nơi duyên tăng thượng của sự đắm chấp ấy, nên tuy lắng nghe Chánh pháp nhưng không tu tập hành tự lợi, lợi tha.

Lại, Đức Phật, Thế Tôn không muốn tự hiển bày khả năng khéo điều phục chúng, để thâu phục đồ chúng, chỉ là thương xót sâu xa các hữu tình. Do nhân duyên ấy, nên ở trong chúng đệ tử hành theo hành tà, có thể không hộ trì, thương tiếc, nêu rõ phân minh, đâu thể khiến cho đệ tử, do ngôn ngữ tạo lợi ích lớn, phân minh ấy, hiện bỏ Chánh pháp và Tỳ-nại-da, nêu đạt được lợi ích. Chớ khiến trụ nơi hành tà dấy khởi rộng ấy.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 91

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh Xứ Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Hai

Đoạn 3:

Lại nữa, tụng nêu:

Lìa dục, chưa lìa dục
Hỏi đường nhân duyên nhiễm
Giữ lấy mạng, xứ chấp
Đều nói rộng, nên biết.

Nếu có Bí-sô ở nơi cõi Dục, hoặc đã lìa dục, hoặc chưa lìa dục, đối với năm thứ dục diệu, ý nhận biết pháp, ba đời địa định, do ba thứ triền cùng tùy miên căn bản hiện có kia, lúc đang tạp nhiễm, ở trong hiện pháp, không thực hiện việc hướng đến, chứng đắc Niết-bàn rốt ráo. Nên biết ở đây, do đời quá khứ, dựa nơi "thủ thức" kia. Do đời vị lai, thuộc nơi thủ thức kia. Do đời hiện tại, chấp trước thủ thức kia.

Do tùy miên căn bản hiện có kia, gắn chặt tại sự nối tiếp luôn đeo đuổi nên chấp giữ thủ thức kia. Cùng với đây trái nhau, là lúc không tạp nhiễm, ở trong hiện pháp có thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh.

Lại nữa, ở trong Thánh giáo, nên biết có bốn thứ hỏi như lý:

1. Hoặc các trưởng giả, hoặc con của trưởng giả có niềm tin thanh tịnh.

2. Các Bí-sô có đủ thông tuệ, đa văn.

3. Thị giả thân cận vâng hầu Đại sư.

4. Tức Đại sư. Có hai nhân duyên, Phật đối với đệ tử, nhận biết mà vẫn cố hỏi. Nghĩa là xem đệ tử tuy muốn thưa hỏi nhưng không dám, hoặc đối với nghĩa ấy không nhận biết rõ. Vì nhằm ngăn chặn lỗi lầm của hiện tại, vị lai, vì nhằm khiến cho chánh pháp được trụ lâu.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên nói sáu thức thân dùng sáu xứ nội làm nhân, dùng sáu xứ ngoại làm duyên. Nghĩa là sáu xứ nội là chỗ nương dựa của chủng tử thuộc sáu thức kia. Lại, sáu xứ nội nối tiếp một loại. Như

trước đã được chuyển biến rốt ráo, nên cảnh giới không đúng, không phải là chỗ nương dựa của chủng tử kia. Lại không phải là một loại nối tiếp chuyển.

Lại nữa, do hai thứ tướng, nên nhận biết rõ chung về tất cả tạp nhiễm:

1. Tự tánh của tất cả tạp nhiễm.

2. Đường đi của tất cả tạp nhiễm.

Nói tự tánh: Đó là dục tham làm gốc rễ cho các tạp nhiễm.

Nói đường đi: Nghĩa là xứ trong ngoài, chủ thể thủ, đối tượng được thủ có sai biệt.

Lại nữa, nếu các Bí-sô, đối với hai xứ sở cùng tùy thuận quan sát, hoặc hành hoặc trụ, tác ý như lý làm chỗ nương dựa, nơi hai thứ tạp nhiễm, tâm nên thoát khỏi.

Thế nào gọi là nơi hai xứ? Đó là tự giữ lấy thân mạng, hốt nhiên chết yểu. Tâm bất thiện, mạng chung, đi đến các nẻo ác.

Thế nào gọi là tác ý như lý làm chỗ nương dựa? Lại đối với những gì là hai thứ tạp nhiễm, tâm nên thoát khỏi?

Nghĩa là ta thà gặp phải vô số khổ sở vì bị đánh đập, tổn hại nơi thân xứ mình, chớ khiến ta với tâm bất thiện, mạng chung, sanh đến các nẻo ác.

Lại, ta phải nên cùng với hỷ lạc, đều quán xét đúng như thật, vì nhằm đối trị các thứ bất thiện hiện hành nên khẩn khoản, gắng sức tu tập các hành vô thường. Hoặc lúc kinh hành, nơi các cảnh giới chấp giữ các tướng, chấp giữ các thứ tùy hảo với tạp nhiễm hiện có, đều khiến tâm giải thoát, xa lìa. Khi trụ, đối với vô số tạp nhiễm hiện có của các tầm tư bất thiện, đều khiến tâm giải thoát. Nên biết ở đây, tạp nhiễm thứ nhất là tâm tương tợ. Tạp nhiễm thứ hai là quả tương tợ.

Lại, lúc hai tạp nhiễm hiện tại chuyển, sanh nơi hai xứ. Nghĩa là tự giữ lấy thân mạng, bấy giờ hốt nhiên chết yểu. Tâm bất thiện, qua đời, đi đến các nẻo ác. Do đó, đối với hai thứ tạp nhiễm kia, trong một sát

-na, nếu thấy rõ lỗi lầm tai họa của chúng, hãy còn là thiện diệu, huống hồ là có thể nối tiếp.

Lại có rất nhiều Ma, đã quy hướng nơi các tạp nhiễm hiện có, chấp trước nơi xứ an túc, kẻ trí nhận biết rõ, phải nên tránh xa. Tức là các loại phàm phu đã lìa dục, hệ thuộc nơi các xứ định sanh hỷ lạc, hiện có ái vị, chấp trước nơi xứ an tục. Kẻ chưa lìa dục, đối với năm dục diệu thọ nhận làm chỗ dựa:

- Vui thích, tranh chấp tham ái, đắm nhiễm, chấp trước xứ an túc.

- Nơi trú xứ của các hữu tình có ân, oán, tất cả yêu thích, giận dữ, chấp trước nơi xứ an túc.

- Cảnh giới rộng lớn, nơi phẩm thượng có thể dẫn dắt thuận theo lạc, khổ, được cầu, tìm chốn có thể tham ái hiện có nơi ba đời, chấp trước xứ an túc. Nên biết ở đây, các trường hợp đáng vui, đáng thích, đáng yêu, hợp ý, có sai biệt, như trước đã biện giải.

- Không đáng vui mừng: Là không thể vui thích đối với đời vị lai.

- Không vui thích: Là đối với đời quá khứ, do thuận theo nhớ nghĩ không đáng vui thích.

- Không đáng yêu thích: Là đối với các cảnh giới, không đáng vui thích.

- Không hợp ý: Do đối với các thọ không đáng vui thích. Lại nói khổ: Tức đối với cảnh giới không thể vui thích. Nói tổn não: Tức đối với các thọ không đáng vui thích.

Nói chống trái: Là đối với đời quá khứ không đáng vui thích. Nói nghịch ý: Là đối với đời vị lai không đáng vui thích.

Lại nữa, có hai tạp nhiễm:

1. Tạp nhiễm của ngoại cảnh.

2. Tạp nhiễm của nội thọ.

Mắt v.v… làm chỗ dựa, đối với cảnh như sắc v.v… khởi các tham chấp, gọi là tạp nhiễm của ngoại cảnh. Các xúc làm chỗ dựa, tham chấp nơi thọ bên trong, gọi là tạp nhiễm của nội thọ.

Hai thứ tạp nhiễm này, ở trong Bát Niết-bàn đã vĩnh viễn vắng lặng, đều không thể thủ đắc, không phải là nơi chốn có thể đi đến của các ma oán.

Lại nữa, do mười lăm thứ tướng, nên nhận biết rõ về tất cả chủng loại ái kiến tạp nhiễm: Nghĩa là, đối với các xứ, do các triền nên gọi là cất chứa. Do tùy miên nên gọi là hỗ trợ. Do ngã kiến nên gọi là che giấu. Các thứ còn lại có sai biệt, nói rộng như nói phần Nhiếp dị môn ở trước.

Lại nữa, tụng chung nêu:

Nhân nơi đồng phận
Chỉ tạo các duyên
Phẩm thượng như tham
Sau là nhiều trụ.

Tụng riêng nêu:

Nhân đồng phận, tư buộc

Giải thoát cùng xúc khắp
Thắng giải hộ căn môn
Giáo thọ cùng là sau.

Các Thánh đệ tử, nhân nơi thức đồng phận, tùy nhập vô ngã, do ba thứ tướng, nên ở trong các thức, chánh quán mà trụ.

Thế nào là nhân nơi thức đồng phận, tùy nhập vô ngã? Nghĩa là do hiện thấy năm xứ có sắc, thân của bốn đại chủng hoặc tăng, hoặc giảm, hoặc lấy, hoặc bỏ. Do tánh vô thường, nên đối với duyên nơi thức kia, tùy nhập vô thường. Vô thường tức khổ, khổ tức vô ngã. Do nhân duyên này nên tùy nhập vô ngã.

Thế nào là tùy nhập tánh vô ngã rồi, do ba thứ tướng, nên ở trong các thứ chánh quán mà trụ? Nghĩa là các thứ tà kiến, tất cả đều lấy ngã kiến làm gốc, thế nên gốc ấy tất phải đoạn trừ trước tiên.

Lại, do chánh huệ tức quán thức kia, về chỗ dựa, về đối tượng duyên, chuyển biến sai biệt có vô lượng thứ.

Lại quán thức ấy, lúc chuyển biến có sai biệt, như lượng sát-na, an trụ chắc thật, hãy còn không thể đạt được, huống hồ là đạt được rốt ráo.

Lại nữa, ở trong sáu xứ diệt tịch tĩnh hoàn toàn không có hý luận. Do hý luận kết hợp với bốn hành tướng, không nên tư duy, không nên phân biệt, không nên cật vấn, chỉ nên dựa vào giác huệ tăng trưởng của kẻ khác, quan sát xét kỹ về ý nghĩa sâu xa chân thật.

Những gì là bốn? Nghĩa là hoặc có, không, hoặc khác, chẳng khác. Do sáu xứ kia có sanh có diệt, lần lượt là tướng khác, thiết lập có thể nhận biết. Do sanh diệt nên có, không có thể thủ đắc. Có tướng khác, nên đối đãi chủng loại khác, tánh khác có thể thủ đắc. Do đối đãi nơi tự chủng loại, trước sau không khác, nên chẳng khác có thể thủ đắc.

Sáu xứ vĩnh viễn diệt, là tướng thường tịch tĩnh. Thế nên, do hý luận kia cùng hành với bốn thứ hành tướng, nên tư duy quan sát không hợp đạo lý. Nên biết ở đây, có thể dẫn đến tư duy, phân biệt về chỗ phát khởi ngôn ngữ vô nghĩa, gọi là hý luận. Vì sao? Vì đối với sự việc như thế, lúc siêng năng gia hạnh, không thể tăng ích phần ít pháp thiện, trừ bỏ pháp bất thiện. Do đó gọi đấy là hý luận.

Lại nữa, đối với xứ trong ngoài, nếu có cảnh giới dục tham hiện tiền hoặc không hiện tiền, nhưng các căn kia không thể dứt bỏ, nên gọi là trói buộc. Nếu không dục tham, cho dù có cảnh giới đang hiện tiền, các căn đối với cảnh giới ấy hãy còn có thể dứt bỏ, huống hồ là cảnh không hiện tiền, nên gọi là giải thoát.

Lại nữa, khéo tu tập phạm hạnh, đối với ngã kiến, ngã sở kiến của các uẩn, xứ đã đoạn trừ vĩnh viễn, nếu thân bị tổn hại, cho đến các khổ thọ xúc não, đoạt mạng, hoàn toàn không bị sắc biến, tâm biến. Như thế gọi là khéo phòng giữ căn tướng thô. Vị kia do khéo giữ lấy các căn như thế, với sức tăng thượng của bốn khổ được giải thoát, nên đạt được bốn thứ hỷ:

1. Do duyên bên ngoài của vị lai sanh khổ, được giải thoát.

2. Do duyên bên trong của vị lai sanh khổ, được giải thoát.

3. Lúc ở nơi hiện pháp Bát Niết-bàn, do hai thứ nương dựa đã tạo các khổ, được giải thoát.

4. Mạng chung rồi, cùng với chỗ thấy của thế gian về tất cả các khổ tương tự như cỏ cây không tương tục.

Do hai thứ tướng, nên tương tợ với cỏ cây:

1. Sáu xứ lìa tưởng hữu tình, cùng với chỗ thấy của thế gian về cỏ cây tương tợ.

2. Sáu xứ là chỗ dựa cho lửa của tham-sân-si, nên mới bùng cháy, cùng với chỗ thấy của thế gian về cỏ cây tương tợ.

Các Thánh đệ tử khéo tu phạm hạnh, khổ nơi hữu sau của vị lai không sanh, cùng với các Như Lai thành tựu lực minh, tương tợ phần ít, không phải là duyên khổ của hiện pháp không sanh, nếu như vừa sanh thì mau chóng đoạn trừ. Nhưng các Đức Như Lai, với hai thứ lực minh thảy đều thành tựu, thế nên gọi là minh trì vô thượng.

Lại nữa, có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn, vượt hơn hiện lượng, hạng ngu của thế gian hãy còn không bị mê hoặc, huống là các bậc trí. Hết thảy kẻ ngu si, đối với xứ an túc, suy tính hư vọng dùng làm chỗ dựa, hoặc dựa vào đời trước, hoặc dựa nơi hiện pháp, chấp trước vững chắc để kiến lập bốn thứ luận tà về khổ lạc. Nghĩa là dựa nơi đời trước, suy lường hư vọng nơi nhân đã tạo từ xưa, nên lập các khổ lạc.

Hoàn toàn tự tạo: Suy lường hư vọng về tự tại biến hóa dùng làm nhân để lập các khổ lạc.

Hoàn toàn là tha tạo tác: Suy lường hư vọng cho trước là tự tại tạo tác, sau đấy là chỗ tạo tác của nhân đã gây từ trước, nên lập các khổ lạc.

Cả tự tạo, tha tạo: Suy tính hư vọng cho là không nhân sanh khởi, nên lập các khổ lạc.

Không phải tự, không phải tha đã tạo nhân sanh: Hoặc dựa nơi hiện pháp, suy tính hư vọng. Hoặc tùy theo công dụng của tự dục, tự tạo, đã sanh khởi, lập làm tự tạo tác. Nếu không tùy theo dục, không tự hiểu biết, được

kẻ khác dẫn dắt, nên lập làm tha tạo tác. Hoặc tùy chỗ mong muốn, chỗ hiểu biết của tự, được tha dẫn dắt, nên lập làm tự tha tạo tác.

Nếu không phải là công dụng của tự tha làm trước, được sanh khởi, chỉ do cảnh giới hiện tiền, nên không thể thông tỏ xúc của nhân vi tế, liền khởi tà chấp, cho không phải nhân đã tạo tác của tự, tha sanh, nên lập không nhân sanh.

Ở đây, chỉ có các căn, cảnh, thức hòa hợp sanh khởi khổ, lạc có thể thủ đắc, đều không có đời trước. Hoặc trong hiện pháp, hoặc tự hoặc tha, thật có thể đạt được. Chỉ tức đối với ba sự hòa hợp này, giả lập tự tha. Do đó nên biết, chỉ có xúc kia biến hành nơi tất cả, là nhân của khổ, lạc.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên chính thức phát khởi tinh tấn, mau chóng khiến các lậu vĩnh viễn dứt hết trọn vẹn. Những gì là bốn thứ tướng? Đó là:

1. Phát khởi tinh tấn bình đẳng. Nghĩa là không trạo cử quá mức, phát khởi siêng năng tinh tấn, khiến cho thân tâm kia dù bị mỏi mệt, tổn não cũng không phát khởi tinh tấn quá yếu kém, dối bỏ thân mạng khiến không đạt được. Đó là tướng thứ nhất.

2. Lại không do đấy mà sanh kiêu mạn. Nghĩa là ta riêng có thể phát khởi siêng năng tinh tấn, những kẻ còn lại thì không như thế. Đó là tướng thứ hai.

3. Lại nơi chính thức phát khởi siêng năng tinh tấn về chỗ chứng đắc án xúc của quả thế gian có sai biệt, không có ái vị. Cùng với đây kết hợp hành trì, tu không phóng dật, là tướng thứ ba.

4. Lại, đối với tướng của tinh tấn bình đẳng, có thể khéo thâu nhận, khiến nơi vị lai không có thối mất, là tướng thứ tư.

Như thế là phát khởi siêng năng tinh tấn đúng đắn, nên vĩnh viễn dứt hết các lậu, thành A-la-hán. Nếu muốn ở chỗ các vị đồng phạm hạnh có trí của bậc Đại sư kia, được ký biệt cho tự mình chứng đắc sai khác, chỉ là A-la-hán, với sáu xứ thắng giải mới có thể ký biệt đúng đắn. Nghĩa là dựa nơi ba học, cùng do năm thứ hữu tình. Những gì gọi là sáu xứ thắng giải? Đó là:

1. Thắng giải về xuất ly.

2. Thắng giải về không não hại.

3. Thắng giải về xa lìa.

4. Thắng giải về ái dứt hết.

5. Thắng giải về thủ dứt hết.

6. Thắng giải về tâm không quên mất.

- Thế nào là ba học? Là:

1. Giới học tăng thượng.

2. Tâm học tăng thượng.

3. Huệ học tăng thượng.

- Thế nào là năm thứ hữu tình? Đó là:

1. Phàm phu sinh sống nơi gia đình, chỉ dựa nơi tin tưởng phát sanh vui thích đối với thắng giải về xuất ly. Từ cảnh giới bị trói buộc, tâm cầu xuất ly. Đó gọi là loại hữu tình thứ nhất.

2. Phàm phu đã xuất ly rồi, chỉ dựa nơi Giới, đối với các hữu tình, do hành của thân ngữ ý luôn hành không não hại. Đó gọi là loại hữu tình thứ hai.

3. Hàng phàm phu có thể đoạn trừ tham ái về lợi dưỡng và sự cung kính, ở trong hiện pháp, lìa dục của cõi Dục. Đó gọi là loại hữu tình thứ ba.

4. Hàng hữu học đã kiến đế tích. Đó gọi là loại hữu tình thứ tư.

5. Hàng vô học, chứng đắc A-la-hán. Đó gọi là loại hữu tình thứ năm.

Nên biết ở đây, hai xứ thắng giải thứ nhất, thứ hai lấy học thứ nhất làm chỗ dựa. Xứ thắng giải thứ ba dùng học thứ hai làm chỗ dựa. Ba xứ thắng giải sau dùng học thứ ba làm chỗ dựa.

Nếu do trí này có thể đoạn trừ phiền não cùng phiền não được đoạn, nên biết đó gọi là tâm không quên mất. Lại, nhân của hữu sau thuộc vị lai đã đoạn, gọi là ái dứt hết. Các tạp nhiễm nơi cảnh giới của hiện pháp đã đoạn, gọi là thủ dứt hết.

Lại, loại hữu tình thứ nhất kia, tuy có chánh tín nơi thắng giải xuất ly, nhưng chưa quyết định đối với vị lai có thể khiến cho tất cả sự trói buộc kia thảy đều dứt bỏ cùng với mọi thứ biến dị. Loại hữu tình thứ hai có thắng giải không não hại, loại hữu tình thứ ba có thắng giải về xa lìa, nên biết cũng thế.

Nếu các bậc hữu học, nơi sáu xứ thắng giải, tuy đối với vị lai không thể gắng dứt bỏ các thứ hệ thuộc cùng những biến dị, nhưng giống như kẻ hành đẳng trì, tức niệm mới bắt đầu, thảy đều yếu kém, tuy sanh nơi xứ Thánh nhưng chưa khéo tu tập, nên đối với Tham-sân-si không thể xa lìa, không vĩnh viễn đoạn trừ trọn vẹn, do huệ còn yếu, cùng do tham v.v… chưa dứt hết, nếu gặp cảnh giới thắng diệu hiện tiền thì thường xuyên quên niệm. Do nhân duyên ấy nên sanh khởi siêng năng học tâm giải thoát cùng huệ giải thoát, dứt hết các phiền não. Thế nên hữu tình hữu học luôn có chỗ

tạo tác, do phần ấy mà gọi là giảm, kém.

Hoặc A-la-hán, với sáu xứ thắng giải, hãy còn đối với vị lai, không phải gắng sức nơi các thứ biến dị, huống hồ là có việc dứt bỏ. Vì đã khéo tu tập đạo. Vì Tham-sân-si đã vĩnh viễn đoạn trừ trọn vẹn, ái thủ đã dứt hết, thắng giải viên mãn, đã chứng đắc tận trí, vô sanh trí, sáu thứ hằng trụ được thâu nhận, nên trí huệ hiện có không như hàng hữu học thường xuyên quên niệm. Bậc A-la-hán, nơi sáu xứ thắng giải, do đệ nhất nghĩa là viên mãn tột cùng, nên cũng gọi là thành tựu thanh tịnh tột bậc, không phải như các hữu tình ở phần vị thấp khác. Do nhân duyên này nên cũng không tự cao đối với chỗ đã hiểu rõ về ký biệt. Nơi đối tượng hành đối tượng duyên của Tam-ma-địa, không hề tán loạn nên gọi là nội tâm trụ, tức Tam-ma-địa đã khéo thành tựu viên mãn, gọi là không hẹp nhỏ. Đều lìa mọi trói buộc của tất cả phiền não, nên gọi là khéo giải thoát. Trí huệ hiện có đều khéo tích tập, nên gọi là khéo tu. Kiến đã diệt tận, không có ái vị, tâm hoàn toàn thiện, không tội.

Lại nữa, lược có hai thứ hữu tình:

1. Loại không thể giữ kín căn môn.

2. Loại khéo có thể giữ kín căn môn.

Thế nào là hữu tình không thể giữ kín căn môn? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với các cảnh giới không thể tác ý tư duy đúng như lý. Đối với sắc khả ái đã bị triền tham dục trói buộc. Đối với sắc không khả ái thì bị triền sân hận trói buộc. Lại, đối với cảnh kia, không thể tùy niệm về những lỗi lầm tai họa hiện có, nếu như có tùy niệm thì cũng không khéo tu tập. Do nhân duyên ấy, nên khi tâm bị các triền che phủ, dấy khởi các triền rồi thì không thể điều phục.

Lại, phàm phu này chưa được tâm huệ giải thoát của hàng hữu học, nên đối với tâm huệ giải thoát của bậc vô học ở trên cũng không nhận biết đúng như thật. Do không nhận biết, nên đối với tâm huệ giải thoát của các hàng hữu học cũng không thể có đủ. Bấy giờ, hữu tình kia chưa dùng sức tu tập làm chỗ nương dựa, đối với các thứ thô trọng hiện có của phẩm phiền não chưa thể loại trừ vĩnh viễn. Lại, không dựa nơi sức khéo xét chọn ở trước, nên do niệm không thành tựu làm nhân duyên, tức biết là không thể giữ kín căn môn. Do ba tướng này nơi hữu tình, nên biết là không thể giữ kín căn môn:

1. Do triền.

2. Do sự đối trị thuộc về xét chọn có thiếu giảm.

3. Do sự đối trị thuộc về sức tu tập có thiếu giảm.

Cùng với đây trái nhau, nên biết là phẩm trắng, đối với các căn môn đều khéo có thể giữ kín.

Lại nữa, do hai thứ tướng, các Thánh đệ tử đối với giáo pháp do Đại sư nêu giảng, có thể ký biệt đúng đắn, có thể khéo tuyên thuyết. Tức là có thể giải thích biện biệt về nghĩa chân thật. Những gì là hai tướng? Đó là:

1. Do tuyên thuyết ý nghĩa sâu xa ấy, nên khéo có thể ngộ nhập nơi ý nghĩa sâu xa như thế mà ký biệt đúng đắn.

2. Đức Như Lai dùng vô lượng môn để nêu rộng về Thánh giáo, vì vô lượng phẩm hữu tình, nên có vô số hiện thuyết. Đối với giáo pháp ấy không trái với pháp tánh nên có thể ký biệt đúng đắn.

Lại nữa, đối với Pháp-Luật do Phật khéo thuyết giảng, các Bí-sô mới tu học, thâm tâm yêu thích, do hai thứ tướng nên nhận biết rõ, đúng đắn:

1. Do thân tướng không biến dị.

2. Do tâm tướng không biến dị.

- Thân tướng không biến dị: Nghĩa là do hình sắc hết mực sáng tịnh, diện mạo vui tươi, thanh khiết, căn vui hòa mà tịch tĩnh. Xa lìa tham lạc tích chứa của cải để thọ dụng, đối với gia đình không còn luyến ái. Tâm không biến dị lại có ba thứ đối trị dâm tham, có thể khiến cho dâm tham chưa sanh thì không sanh, đã sanh thì liền đoạn. Đó là:

1. Tư duy về tướng không nên hành.

2. Tư duy về tướng hết sức bất tịnh.

3. Giữ kín tất cả căn môn.

Ở đây, giữ kín tất cả căn môn, tóm lược, nêu rộng nên biết như nơi địa Thanh văn đã nói. Hành giả kia, do khéo giữ gìn về thân, các căn như thế, khéo trụ nơi chánh niệm, nên có thể tư duy về tưởng không nên hành.

Lại có thể tư duy về tưởng hết sức bất tịnh, do đấy, phiền não không thể che phủ tâm, khiến mau chóng hồi chuyển.

Lại nữa, tụng nêu:

Chỉ duyên tầm tư nguyện
Tất cả loại luật nghi
Nhập Thánh giáo không hộ
Tư lương không khéo đủ
Xả sở học xứ chấp
Nghĩa không thiện tùy
Bồ tát hơn thừa khác
Luận thiết lập sau cùng.

Do các nghiệp phiền não đã tạo tác từ trước, cùng chủng tử của chính mình nối tiếp dẫn đến các thọ, sanh khởi sáu xúc xứ kia, chỉ là tạo duyên. Như tâm đã dấy khởi công dụng dẫn phát các thủ thọ nghiệp, tuy chỉ có thể làm sự hỗ trợ cho thủ thọ duyên. Nên biết ở đây, đạo lý cũng như thế.

Lại nữa, các Bí-sô có sự thọ dụng biên vực ngọa cụ đúng như pháp, an trụ nơi chốn vắng lặng, nếu có thể khiến cho tầm tư nhiễu loạn, cảnh tướng thắng diệu hiện đến nơi tâm, nên biết đó là sự tạo tác của phẩm loại Ma. Ở đây Bí-sô nên dùng chín tướng an trụ nơi tâm, từ các cảnh giới tương ưng với tầm tư thâu giữ tâm khiến trụ, không dung nạp tầm tư theo một lại khởi. Nếu do chỗ dựa này, do cảnh giới này có chỗ ái vị, thì nơi cảnh giới đó, theo chỗ đạt được, theo chỗ đã trụ, có thể tự xa lìa chúng. Bấy giờ, đối với sự việc khả ái, hoàn toàn không nương dựa nơi các tầm tư dục mà có chỗ tạo tác. Đối với tầm tư giận cùng tầm tư hại cũng có thể xa lìa. Tịnh tu nơi tâm, ở trong hiện pháp có thể đạt được Niết-bàn. Đạt được Niết-bàn rồi, trọn không cùng với kẻ khác tranh chấp mà trụ. Nghĩa là các thứ tranh chấp, ở trong Chánh pháp Tỳ-nại-da của Phật là tạo sự suy tổn tột cùng. Như thế, tầm tư do ngu si sanh khởi cũng không tầm tư, như ngoại đạo khác. Lại nữa, nếu do nhân khổ của hữu sau, từ đời trước, ở trong hiện pháp, có pháp nơi quả của sáu xúc xứ mà chuyển, do sáu cảnh giới lúc tạo tổn não. Nếu có Bí-sô vì cầu hữu sau, tự phát thệ nguyện tu hành phạm hạnh, vị ấy, bấy giờ, khiến cho nhân khổ của hữu sau thứ bảy lại thêm tăng trưởng bội phần, càng bị tổn não, ở trong hiện pháp có thể làm chướng ngại Niết-bàn. Do nhân duyên ấy, nên nơi vị lai có đạt được sự an nhàn, quyết định là không viên mãn. Nguyện về hữu sau ấy, nên biết ở trong sự trói buộc vi tế kia là vô cùng vi tế. Vì sao? Vì như trong cung của cõi Trời Ba mươi ba kia, có một nhà tù giam cầm chư Thiên hoặc phi Thiên, nhưng theo "pháp nhĩ" thì những kẻ kia tạm được giải thoát, dùng sự vui chơi với cục cõi Trời mà trụ, cho đến chưa khởi tâm chạy trốn. Tâm ấy nếu khởi liền mất dục diệu, trở lại thấy tự thân đang bị trói buộc. Những kẻ kia vừa khởi tâm liền bị sự trói buộc vi tế vây buộc. Do thời phần nên gọi là vi tế, không phải là do khó nhận biết mà nói là vi tế, do lúc bị trói buộc, có thể tự hiểu rõ: Ta nay đang bị trói buộc.

Nếu các Bí-sô tâm nguyện về hữu sau, tâm ấy nếu khởi liền bị trói buộc, đã bị trói buộc rồi thì không thể nhận biết rõ tự thân có trói buộc.

Do đó, trói buộc này là hết sức vi tế. Nên biết thời phần cùng do khó nhận biết đều vi tế, nên gọi là rất vi tế.

Lại nữa, nếu các Bí-sô siêng năng tinh tấn hành gia hạnh, giữ gìn các

căn, đối với luật nghi cùng phi luật nghi phải nên nhận biết rõ. Đối với luật nghi của hàng hữu học, vô học theo bậc hạ trung thượng nơi thế gian phải nên nhận biết rõ.

Thế nào là luật nghi? Nghĩa là như có một hữu tình, đối với các cảnh giới khả ái có thể khiến tâm tạp nhiễm, không nhẫn, không thọ, không nắm không giữ, nếu như khiến vừa dấy khởi liền dứt bỏ ngay. Đó gọi là luật nghi.

Thế nào là phi luật nghi? Tức như một Bí-sô như người làm nông, đã thân cận bậc thiện tri thức, lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý, tu tập đúng đắn nơi cảnh giới của đối tượng duyên, như ruộng tốt, khiến chúng sanh khởi thiện căn, như mạ lúa. Nhưng chủng tánh của Bí-sô kia là nhiều tham, chưa từng thường xuyên hành tập đối trị tham dục, phát khởi hổ thẹn mạnh mẽ. Cũng chưa từng có hoặc gặp cảnh giới thắng diệu hiện tiền. Bí-sô kia do bản tánh như thế, chất hổ thẹn hiện có đều yếu kém, nên khởi triền tham, chấp chặt không bỏ. Tâm đối với triền tham không thể phòng giữ, lại tự phóng túng tác ý như lý, tương ưng với tâm trâu bò nhập vào cảnh giới là ruộng, tổn hoại thiện căn hiện có là mạ lúa. Do nhân duyên này, nên gọi là phi luật nghi.

Lại, như có một hữu tình, có thể mau chóng tác ý, đối với các cảnh giới luôn tự thâu giữ, nhưng chưa thể quán xét về các lỗi lầm tai họa khiến chúng không dấy khởi trở lại. Đó gọi là luật nghi bậc hạ nơi thế gian.

Lại, như có một hữu tình, có thể mau chóng tác ý, đối với các cảnh giới luôn tự thâu giữ, cũng có thể quán xét về các lỗi lầm tai họa hiện có của cảnh giới kia, khiến chúng không sanh khởi trở lại. Đó gọi là luật nghi bậc trung nơi thế gian. Do đấy làm chỗ dựa, đạt được chín tướng tâm trụ thuộc về bốn thứ tác ý, nên biết như nơi địa Thanh văn ở trước đã nói. Do đạt được những thứ ấy nên gọi là các loại phàm phu đã lìa dục tham.

Vị ấy, trước tu tập gia hạnh quán thời gian như kẻ làm nông, nay được tăng thượng, cũng như Đại vương, trước đã đạt được đẳng chí, sanh khởi các thọ thắng diệu, có thể nhận biết rõ đúng về xứ an lập của sự phóng dật lớn ấy rồi, liền khiến như quán, lắng nghe Chánh pháp, Xa- ma-tha thù thắng được sanh khởi tăng thượng, gồm giữ Tỳ-bát-xá-na, khiến vị ấy quán xét các thọ được sanh, tánh là duyên sanh. Tánh là duyên sanh nên thể là vô thường, do đấy liền dùng các tướng, lỗi lầm tai họa của ý địa cùng hành tác ý mà được lìa dục. Đã lìa dục rồi, lại quán xét chỗ dựa của đẳng chí là riêng biệt, nên có mười thứ sai biệt. Do thời phần khác biệt, nên có nhiều trăm sai biệt.

Ở đây, chỗ dựa của đẳng chí có khác biệt, nên có mười thứ sai biệt:

Có tầm có tứ.
Không tầm chỉ có tứ.
Hoặc hỷ cùng hành.
Hoặc lạc cùng hành.
Hoặc xả cùng hành.
Phần thối. Phần trụ.
Phần thắng tiến.
Phần thuận quyết trạch.

Do thời phần khác biệt, nên có nhiều trăm sai biệt: Tức là quan sát về hành tướng như thế, dựa nơi thời phần sanh trụ diệt đã tạo nên đạo lý sai biệt, nên biết lại có nhiều trăm sai biệt. Như thế, nhận biết rõ về thọ được sanh kia, tánh là vô thường, lưu chuyển, với vô số tánh sai biệt rồi, lược do ba tướng lại quán xét kỹ các pháp kia tánh là vô thường. Nghĩa là về chỗ dựa, hiện hành, nhân.

- Chỗ dựa: Nghĩa là tột bậc cho đến sắc thân hiện có của Tĩnh lự thứ tư, là chỗ dựa của thọ.

- Hiện hành: Tức tột cùng là cho đến định diệt thọ tưởng, trong đó tưởng thọ phần nhiều hiện hành.

- Nói nhân: Là nhân của thọ hiện có nơi đời vị lai, tức tư duy cầu nguyện, quán xét như thế cho đến tánh duyên sanh của các pháp nơi cõi Hữu đảnh, đều là vô thường. Như vậy, quan sát đúng đắn, kỹ lưỡng, như lý về các địa lìa dục. Đó gọi là luật nghi thuộc phẩm thượng nơi thế gian.

Nên biết ở đây, hai luật nghi trước là thuộc về lực xét chọn, một luật nghi sau là thuộc về lực tu tập.

Vị kia đã thành tựu lực không phóng dật thắng diệu như thế, thông tỏ đúng như thật về lý của Thánh đế, nên có thể đoạn trừ vĩnh viễn chấp ngã, ngã sở, dùng làm hành trước, tất cả phiền não do kiến đạo đoạn trừ. Lại có thể đạt được luật nghi hữu học, vị kia tức tu tập luật nghi hữu học. Lại có thể vĩnh viễn đoạn trừ ngã mạn vọng chấp, dùng làm hành trước, hết thảy phiền não do tu đạo đoạn, nên chứng đắc hoàn toàn luật nghi vô học.

Lại nữa, nếu các Bí-sô đã nhập Thánh giáo, nhưng không phòng hộ các căn, tức hoàn toàn tạo tác các khổ. Nghĩa là khổ của hậu pháp, hoặc khổ của hiện pháp.

Ở đây, thế nào gọi là phi luật nghi? Nghĩa là ở nơi hiện pháp hậu pháp như thế, gồm đủ các thứ lỗi lầm tai họa. Cảnh giới hành xử, khởi tưởng tà vạy không như lý vọng chấp về các tướng tùy hảo. Tướng tà vạy là trước

hết, nên đối với trụ xứ kia, phát khởi tầm tư tương ưng thuận với các thứ ấy, do đó không thể đối với tất cả lỗi lầm tai họa đã nói ở trước quán thấy đúng như thật. Tuy lại quán thấy các lỗi lầm hiện có, nhưng chưa thể thường xuyên tu tập nhiều, ở trong chỗ dựa, các thứ thô trọng hiện có của phẩm phiền não chưa có thể trừ bỏ. Thân chưa khinh an, tức là thân của sắc tâm. Do hành tướng ấy, nên triền và tùy miên vẫn còn hòa hợp, có thể khiến chống trái với việc xét chọn tu tập hai sức đối trị, gọi là phi luật nghi. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là hành tướng của luật nghi.

Lại, luật nghi này, do ba nhân duyên, nên có thể khiến tu tập mau chóng được viên mãn. Ba nhân duyên đó là: Đầu tiên, ở trong Pháp- Luật khéo thuyết giảng, tịnh tín xuất gia. Đã xuất gia rồi, nên dùng văn huệ tương ưng với thần lực thâu giữ các loài trùng, thú có sáu căn tương tợ. Đã thâu giữ rồi, lại dùng tư huệ tác ý như lý, quán xét đúng kỹ về các thứ lỗi lầm tai họa. Lại tu tập nhiều tư huệ như lý, khiến đạt đến cứu cánh, vượt quá tác ý, lại càng siêng tu, thân theo chánh niệm, nơi chánh niệm này lại khéo tu tập. Vị ấy, không thể lại mỗi mỗi đều dong ruổi, tán loạn nơi các cảnh giới riêng khác. Nên biết, bấy giờ, vị ấy đã khéo điều phục, thần lực đã được tự tại.

Lại nữa, có các Bí-sô, trước đã tu tập tư lương là diệu huệ, lại được gặp gỡ thiện hữu, lắng nghe đầy đủ về ba thứ lỗi lầm tai họa của các hành:

1. Lỗi lầm tai họa của hiện pháp.

2. Lỗi lầm tai họa của hậu pháp.

3. Lỗi lầm tai họa của hiện pháp-hậu pháp.

Nên biết ở đây, đại chủng cùng trái nhau làm chỗ nương dựa cho hết thảy tật bệnh, gọi là lỗi lầm tai họa của hiện pháp. Các hành của nẻo ác luôn luôn đeo đuổi, có thể tạo tác, có thể đi đến, gọi là lỗi lầm tai họa của hậu pháp.

Trước, ở nơi hiện pháp tạo nên hỷ tham dùng làm chỗ dựa, có thể dẫn đến già chết của hậu pháp, hiện pháp, gọi là lỗi lầm tai họa của hiện pháp, hậu pháp. Như thế là lược nêu chung có ba thứ khổ:

1. Khổ của bệnh tật.

2. Khổ của nẻo ác.

3. Khổ của già chết.

Nghĩa là dựa nơi nẻo thiện, cùng dựa nơi nẻo ác, lắng nghe các lỗi lầm tai họa rồi, tinh tấn tu hành nơi pháp tùy pháp hành, nhân đấy có thể nhập hiện quán về Thánh đế.

Tiếp theo, do khéo làm tịnh chân trí vô ngã, như vào ngôi nhà không, hiện quán sáu xứ trong ngoài đều không. Bấy giờ, vị kia do huệ thông tỏ chỗ dựa nơi các cảnh giới quên niệm, đã sanh các triền phiền não có thể gây tổn hại, cùng tùy miên phiền não, tùy miên tham ái còn sót lại.

Lại tự thông tỏ, ở trong sự nối tiếp có các phiền não, có các tham ái, có các khổ bức, có các tổn hại cùng lỗi lầm. Hết thảy phiền não tham ái, khi chứng đắc Giới Bát Niết-bàn Hữu dư y, thì hoàn toàn tịch tĩnh.

Tiếp sau, lại chứng đắc Giới Bát Niết-bàn Vô dư y. Vị kia, trước tu tập ví như nhánh cành thân lá của cỏ cây. Chánh pháp nơi Thánh đạo được văn huệ tích tập, pháp tùy pháp hành làm chỗ nương dựa, ở trong tu đạo, chánh cần tu tập, lần lượt chứng tâm khéo giải thoát, trụ nơi Giới Bát Niết-bàn Hữu dư y, tất cả phiền não tai họa đều được giải thoát. Đã trụ ở đấy, nên biết là hoàn toàn vượt qua các khổ, đến nơi bờ giác.

Lại nữa, do bảy nhân duyên, nên ở trong Pháp, Luật khéo giảng nói, tuy xuất gia rồi, trở lại thối bỏ chỗ tu học đúng đắn. Những gì là bảy nhân duyên. Đó là:

1. Các phàm phu chưa có thể vượt qua địa của các phàm phu.

2. Đối với các pháp khổ não của năm thủ uẩn không thể nhận biết rõ đúng như thật về năm chuyển.

3. Các phàm phu đối với những dục diệu phẩm thượng đã không thể quán xét về những lỗi lầm tai họa của chúng.

4. Lúc hành, lúc trụ, thường xuyên buông thả nơi các cảnh giới khả ái, chấp giữ những tướng mạo hiện có không như lý.

5. Không buộc giữ niệm, nên luôn tầm tư phi lý, tầm tư phần trái, xấu của phẩm thiện.

6. Do sợ sệt, hoặc vua quan, hoặc sự việc của nhân khác thét mắng, bức bách, vì sợ hãi nên liền đi theo.

7. Do thân ái, nên đối với quyến thuộc có sự lưu luyến sâu đậm. Những thân thuộc kia nếu mời gọi, thì vì ái luyến tức liền theo họ.

Lại, đối với các cảnh giới, hoặc tùy thuận nơi tham, hoặc tùy thuận theo sân, hoặc tùy thuận theo si, phát khởi các triền phiền não mãnh liệt.

Lại, tức ở trong sự nối tiếp của tâm kia luôn có trói buộc theo. Lại do chỉ tạo được những thắng giải thấp kém, không có các thứ thắng giải rộng lớn, nên đối với các cảnh giới, tâm lại hướng nhập. Do đối với các sự việc như cha mẹ v.v…, không thể để cô độc mà không lưu tâm quyến luyến, nên đối với nẻo xuất ly, tâm không hướng nhập. Do đối với tám Thánh đạo

chi không có thắng giải, nên nơi nẻo xa lìa, tâm không hướng nhập. Do ở trong sự đoạn trừ phiền não của quả kia không có thắng giải, nên đối với Niết-bàn, tâm không hướng nhập.

Lược do hai xứ gồm thâu tất cả lậu:

1. Do kiến đạo đoạn.

2. Do tu đạo đoạn.

Nên biết ở đây, tác ý phi lý cùng với cảnh của đối tượng duyên gọi là pháp thuận theo lậu. Nếu các hàng hữu học có thể phát khởi tu đạo đoạn trừ các lậu, là tác ý phi lý nơi cảnh giới của đối tượng duyên, tuy chưa đoạn dứt hoàn toàn, nhưng do diệu huệ đã thông tỏ đúng đắn, nên gọi là, ở trong pháp thuận theo lậu ấy, tâm được tịch tĩnh, cũng có mất niệm tăng thượng sanh khởi triền yếu kém, nên chưa gọi là thanh tịnh mát mẻ, chưa gọi là yên lặng. Nhưng chỗ dấy khởi tất cả kiến đạo đoạn trừ các lậu, đều vĩnh viễn đoạn trừ, nên cũng gọi là thanh tịnh, mát mẻ. Do đối với vị lai không sanh khởi pháp, nên cũng gọi là yên lặng.

Các phàm phu kia đã tạo được các thắng giải thấp kém, đối khắp tất cả pháp thuận với các lậu, tâm không tịch tĩnh, nên không gọi là thanh tịnh mát mẻ, không gọi là yên lặng. Nên biết, do bảy nhân duyên ấy nên trở lại thối, bỏ chỗ tu học chính đáng. Cùng với đấy trái nhau, là bảy nhân duyên của phẩm trắng hiện có. Tức ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, đã xuất gia rồi, trọn không thối chuyển, từ bỏ chỗ tu học chính đáng.

Lại nữa, hoặc có Bí-sô, dựa nơi bốn xứ chấp trước, nên biết vị ấy hành bốn thứ hành tà.

Những gì gọi là bốn thứ xứ chấp trước? Đó là:

1. Như có Bí-sô, đối với xứ trong ngoài đều có tham ái, nên có thể chiêu cảm hữu sau. Ở trong hiện pháp không vui thích Niết-bàn. Đó là xứ chấp trước thứ nhất.

2. Lại có Bí-sô, trước đã xả bỏ các sự việc hiện có bên ngoài, như cha mẹ v.v…, giờ lại có sự luyến tiếc trói buộc tâm. Như thế gọi là xứ chấp trước thứ hai.

3. Lại, như có một Bí-sô, ở trong hiện pháp mong cầu tất cả lợi dưỡng, sự cung kính. Đối với các chỗ đạt được những thứ ấy, tâm luôn tham đắm không bỏ. Như thế gọi là xứ chấp trước thứ ba.

4. Lại, như có một Bí-sô, là hàng hữu học, đã kiến đế tích, nhưng ngã mạn hãy còn, là chỗ đeo đuổi của phần ít tham ái, đối với việc tu tập để trừ bỏ thì trụ trong phóng dật. Như thế gọi là xứ chấp trước thứ tư.

Thế nào gọi là bốn thứ hành tà? Đó là:

1. Nghĩa là Bí-sô kia đầu tiên là yêu thích hữu sau nơi hữu tình, nên ở trong hiện pháp không vui thích Niết-bàn. Hoặc các hàng hữu học hành nơi phóng dật, do sức tăng thượng của xứ chấp trước ấy, nên vui thích việc tại gia và chúng xuất gia cùng tạp trụ. Như thế gọi là hành tà thứ nhất.

2. Lại có Bí-sô, tức trước yêu thích hữu sau nơi hữu tình. Do sức tăng thượng của việc yêu thích hữu sau, nên phát khởi nguyện tà, hành theo phạm hạnh. Như thế gọi là hành tà thứ hai.

3. Lại có Bí-sô, đối với chỗ xả bỏ sự việc bên ngoài ở trước, đã có luyến tiếc. Do sức tăng thượng của xứ chấp trước kia, nên có thể khiến khởi, bỏ chỗ tu học chân chánh. Như thế gọi là hành tà thứ ba.

4. Lại như có Bí-sô, nơi đời hiện tại mong cầu lợi dưỡng cùng sự cung kính, đối với chỗ đạt được các thứ ấy, tâm tham đắm không bỏ. Do sức tăng thượng của xứ chấp trước ấy, nên hủy phạm giới luật, nói rộng cho đến nói, hành đều sai lạc, công nhiên phạm giới. Như thế gọi là hành tà thứ tư.

Lại nữa, có các Bí-sô, đối với nghĩa, không khéo theo kẻ khác nghe nhận vô số ngôn thuyết về một nghĩa của văn tự, liền mang do dự không sanh hoan hỷ. Nay ở trong ấy, cái gì là thật?

Lại có bốn thứ, có thể sanh môn không điên đảo của trí kiến thanh tịnh vi diệu. Những gì là bốn? Đó là:

1. Hết sức siêng năng, tinh tấn quán xét về Khổ. Đối với nhân thọ sanh, diệu trí nhận biết như thật.

2. Lại, đối với sự nương giữ cùng nhân của chỗ dựa, diệu trí nhận biết như thật.

3. Lại, đối với nhân trụ, diệu trí nhận biết như thật.

4. Lại, đối với tự tánh, trợ bạn của duyên nương, tùy thuận nơi hành khổ vui, không khổ vui, diệu trí nhận biết như thật.

Lại, do hai duyên nên Đức Như Lai diệt trừ nơi nghĩa do dự hiện có của hữu tình bất thiện:

1. Hiển thị vô số văn từ biểu hiện một nghĩa. Văn có sai biệt, nghĩa không sai biệt. Do đấy có thể khiến đoạn trừ do dự.

2. Mở bày làm rõ nghĩa rộng của Thánh giáo, do đấy có thể khiến thông đạt nghĩa kia.

Thế nào gọi là nghĩa rộng của Thánh giáo? Tức là từ địa tư lương cho đến lậu dứt hết, đều gọi là nghĩa rộng của Thánh giáo.

Ở đây, căn của biên vực thánh thục an trụ. Đức Như Lai giáo hóa tương ưng với vô ngã, khéo thọ nhận, văn tư kiên cố tạo thành chánh kiến đã thành tựu. Đây là nương dựa, đây là kiến lập. Ở riêng nơi chốn vắng lặng, duyên nơi xứ trong ngoài theo bốn thứ thức trụ. Vì muốn đoạn trừ các thức có thủ, nên tu tuần tự về thân niệm, là chỗ thâu nhận của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thù thắng. Do uy lực của sự thân cận tu tập, nên phát sanh duyên như thật nơi trụ thứ nhất, tiếp cận với hiện quán, Chỉ Quán song hành. Từ đấy, ở trong Thánh đế không gián đoạn, có thể hội nhập nơi hiện quán, lại tu tập nữa, như chỗ đắc đạo do dần tiến tới, nên có thể chứng đắc tất cả các lậu vĩnh viễn dứt hết. Như có thể duyên như thật nơi thức trụ thứ nhất, cho đến duyên như thật nơi thức trụ thứ tư, nên biết cũng thế.

Lại nữa, như trước đã nói, hữu tình không giữ gìn căn môn, các triền phiền não hiện tiền không bỏ, xét chọn của thế gian và xuất thế gian, tu tập hai lực đối trị có chỗ thiếu sót, khiến phiền não sanh rồi, tánh nhiều chấp chặt, nên đi tới trụ xứ dùng các cảnh giới để mê hoặc. Như thế, Ma kia đối với các hữu tình tánh chấp trước nơi các triền phiền não nên có thể thao túng, vì nhằm mê hoặc nơi sự an lập nối tiếp theo đối tượng duyên.

Lại, các hữu tình không gìn giữ căn môn như thế, nên đối với Bát Niết-bàn, sự mong muốn vui thích yếu kém, thân ái yếu kém. Ví như những gian nhà bằng cỏ lau khô mục, Ma liền đối với các chốn ấy tích chứa các cảnh giới khả ái là lửa đuốc để thiêu rụi hết.

Do hai nhân duyên, nên các hữu tình kia thường bị cảnh giới che phủ:

1. Các triền chưa sanh, khiến sanh.

2. Các triền đã sanh, khiến nối tiếp.

Do bị cảnh giới ái che phủ, nên lúc truy tìm rộng khắp các cảnh giới, phần nhiều hành theo vô số hành ác bất thiện. Nơi lúc hành các hành tà ác như thế, lại bị vô số các pháp ác bất thiện che lấp, như trước đã nêu. Hành theo hành tà rồi, thì hành lạc đường, men theo dòng chảy mà đi, gọi là kẻ thuận theo dòng chảy sanh tử. Cùng với đấy trái nhau, là phẩm trắng hiện có, nên biết đó gọi là người không thuận theo dòng chảy sanh tử.

Lại nữa, do tám thứ tướng, nên biết là gồm thâu chung các loại hành đạo chân chánh của Bồ tát hữu sau:

1. Do thương xót.

2. Do dũng mãnh.

3. Quán xét kỹ về tánh của pháp nhẫn hiện tiền.

4. Có thể xuất ly.

5. Tự nội phát khởi hành quán đế.

6. Khéo tu tập chánh kiến thế gian rộng lớn hiện tiền.

7. Do đạt được pháp Bồ đề phần vô lậu nên được thanh tịnh.

8. Do khéo tu tập giác phần thanh tịnh, cùng tiến tu đạo thuần tịnh vô thượng, nương dựa nơi sáu xứ, tu tập đầy đủ, nên đạt được sáu thứ công đức viên mãn tối thắng vô thượng.

Nên biết ở đây, các Đại Bồ tát đối với các hữu tình luôn luôn thương xót, huân tu nơi tâm, trụ nơi hữu sau cùng, thấy những kẻ ngu tối rơi xuống sông tham ái, trôi nổi theo dòng chảy sanh tử, bị năm thứ tướng khổ bức bách. Đã quán thấy rồi, liền khởi đại bi sâu xa. Những gì là năm tướng? Đó là:

1. Thấy các hữu tình kia rơi xuống sông tham ái, không tầm tư đúng đắn, luôn bị thứ nước không đáng yêu thích xô đẩy nhận chìm.

2. Thấy các hữu tình kia, nơi sáu xứ trong ngoài, bị ba thứ lửa độc đốt cháy, khó trụ nơi hai bờ.

3. Thấy các hữu tình kia, ở nơi cõi Dục có rất nhiều sầu khổ, vô số tai họa, các thứ gai nhọn bày khắp bên dưới.

4. Thấy các hữu tình kia, ở nơi cõi Sắc, mắt huệ của thế gian đã được đầy đủ, mắt huệ của các Thánh có chỗ thiếu sót, cũng như cảnh tối tăm ở tại trên ấy.

Đã thấy các loài hữu tình rơi xuống sông tham ái như thế, đối khắp tất cả đều không tịch tĩnh, hoặc xúc chạm, hoặc ở nơi bờ, hoặc bị khổ dưới giữa trên bức bách, nên Bồ tát phát khởi đại bi. Đó gọi là thương xót.

Lại, tức thành tựu tâm thương xót kia, hoặc sanh nơi vương gia, hoặc sanh nơi nhà là thầy dạy của vua, tuy chưa xuất gia, nhưng tâm dấy khởi nguyện dũng mãnh: Ta nay nhất định sẽ thông đạt diệu tích, hướng tu phạm hạnh, trọn không thối chuyển. Như thế gọi là bên trong hưng khởi dũng mãnh.

Lại, Bồ tát kia, tức nơi phần vị chưa xuất gia, ở dưới bóng cây

Thiệm bộ, một mình an tọa tư duy, liền có thể chứng nhập Tĩnh lự thứ nhất. Sau, đối với pháp lão bệnh tử của mình, người, quán xét đúng, kỹ, có thể quyết định nhẫn thọ. Như thế gọi là xét kỹ về pháp nhẫn nơi tự hiện tiền.

Lại, Bồ tát kia, từ nơi đời trước đã hành tập thiện căn, là chỗ biết rõ, phát khởi của tất cả hành thiện. Lại, do lực tăng thượng của sự dũng mãnh, xét kỹ về pháp nhẫn, nên liền có thể dứt bỏ dục diệu rộng lớn, tịnh tín xuất

gia, tuy không thiết lập phạm hạnh đúng đắn, nhưng có thể tự nhiên thọ trì giới cấm. Do giới cấm này làm chỗ nương dựa, nên lần lượt có thể chứng đắc, cho đến xứ Phi tưởng phi phi tưởng. Như thế gọi là có thể xuất ly.

Lại, Bồ tát kia vì muốn từ bỏ đạo thế gian, chính thức cầu xuất ly. Do đối với bậc Đẳng Chánh Giác của đời trước, đã đạt được nẻo xuất ly rốt ráo vô thượng, lãnh hội, thắng giải đúng đắn, tích tập huân tu, thân nối tiếp, nên đối với đạo thế gian đều không tin, vui. Do nhân duyên ấy, nên đi tới cội bồ đề. Tức dựa nơi thời gian trước, quán về đạo lão bệnh tử giả tưởng, nơi tướng của các đế thứ lớp quán xét, khởi tư duy: Các loài hữu tình của thế gian này, rơi rớt tại vô số các khổ của hiểm nạn, có sanh có lão có bệnh có tử, nhưng họ không thể đối với lão bệnh tử xuất ly rốt ráo, nhận biết rõ đúng như thật về thứ lớp như thế. Quán nơi lão, tử, quán nơi tập của lão, tử. Quán nơi diệt của lão, tử. Quán có thể hướng đến, chứng đắc hành diệt lão, tử. Tác ý như lý làm chỗ dựa, từ lâu đã tích tập tư lương lớn. Do huệ câu sanh nên có thể giác ngộ tánh của tất cả pháp. An trụ nơi pháp trụ pháp giới của các pháp. Như thế gọi là tự nội phát khởi hành quan sát đế.

Lại, Bồ tát kia muốn cầu lậu trên được dứt hết, nên tạo phương tiện phát khởi trí túc trụ niệm, nhớ nghĩ về đời trước, từ trụ xứ của chư Như Lai Chánh Đẳng Giác, nơi đạo lậu tận tích chứa, hành tập văn, tư. Do sự phát khởi ấy, nên trải qua thời gian dài tích tập chánh kiến thế gian khiến được hiện tiền. Nhưng chánh kiến này, như kẻ chỉ dạy, trao truyền, dùng đấy làm chỗ dựa, có thể khiến cho Bồ tát ở yên nơi một chỗ ngồi, cho đến chứng đắc lậu dứt hết rốt ráo. Như thế gọi là khéo tu chánh kiến rộng lớn hiện tiền.

Lại do chánh kiến hiện có của Bồ tát kia, như kẻ chỉ dạy trao truyền, lần lượt thắng tiến, trước đã xa lìa các dục của địa dưới, cho đến xứ Vô sở hữu của cõi Vô sắc. Nên lúc ở nơi Thánh đế đắc hiện quán, liền chứng bốn niệm trụ vô lậu v.v…, cho đến sau cùng là tám Thánh đạo chi nơi tất cả pháp Bồ đề phần hiện có. Được nêu lên sau rốt, nên biết cũng gồm thâu tất cả phần vị trước. Do đạt được pháp kia, nên thành tựu quả Bất hoàn. Do đạt được pháp Bồ đề phần vô lậu, thế nên gọi là đạt được thanh tịnh, mát mẻ. Bồ tát kia, do đạt được an lạc rốt ráo của thế gian như vậy, đạt được an lạc vô lậu xuất thế gian, được thanh tịnh, mát mẻ, nên gọi là lìa mọi bùng cháy. Do đạo thế gian, cho đến đã lìa phiền não hệ thuộc xứ Vô sở hữu, cùng đã xa lìa các thứ phiền não do kiến đạo đoạn, nên gọi là lìa nhiệt não. Vì nhằm đoạn trừ vĩnh viễn, rốt ráo các phiền não hệ thuộc cõi Hữu đảnh, nên lại siêng năng tu tập thuần đạo vô lậu. Đó là tu tập giác chi vô thượng,

nên gọi là tiến tu tu đạo vô thượng. Do sự tu tập ấy, nên trong địa vô học có sáu thứ pháp tu viên mãn rốt ráo:

1. Tu thần thông Thánh viên mãn rốt ráo.

2. Tu tịnh năm căn viên mãn rốt ráo.

3. Chứng đắc lìa mọi trói buộc của các phiền não cùng tập khí, hoàn toàn viên mãn rốt ráo.

4. Chứng đắc bốn thứ hiện pháp lạc trụ viên mãn rốt ráo.

5. Chứng đắc Tĩnh lự thế gian cùng các đẳng trì đẳng chí giải thoát viên mãn rốt ráo.

6. Chứng đắc danh thân, cú thân, văn thân, thuận theo chỗ mong muốn, tuyên thuyết Chánh pháp không gặp khó khăn trở ngại, viên mãn rốt ráo.

Nên biết ở đây, tu tịnh tín căn đầy đủ rốt ráo: Nghĩa là đối với Niết-bàn, ý lạc thanh tịnh. Tu căn tinh tấn viên mãn rốt ráo: Tức là có thể dũng mãnh tạo tác nghĩa lợi cho tất cả hữu tình, hoàn toàn thanh tịnh. Tu tập niệm căn viên mãn rốt ráo: Là pháp không quên mất của ba niệm trụ, hoàn toàn thanh tịnh. Tu tập định căn viên mãn rốt ráo: Tức là đối với Thánh trụ, Thiên trụ cùng với Phạm trụ đều khéo thanh tịnh. Tu tập huệ căn viên mãn rốt ráo: Nghĩa là mười trí lực khéo thanh tịnh.

Bồ tát kia do có thể an trụ nơi sáu xứ tu tập nhân viên mãn như thế, nên được gọi là đại vương, là bậc Pháp vương, do chứng đắc sáu thứ viên mãn ấy. Nghĩa là do sức tăng thượng của thần thông bậc Thánh, nên đạt được nhiều của cải, giàu sang tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của các căn thanh tịnh, nên đạt được nhà cửa rộng lớn tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của việc đoạn trừ các phiền não, nên được thọ dụng các tọa cụ, ngọa cụ an lạc tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của hiện pháp lạc trụ, nên ở trong nhà cửa, tọa ngọa cụ, chứng đắc đại an lạc trụ đệ nhất, không có các tổn não, tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của Tĩnh lự, đẳng trì đẳng chí giải thoát, nên chứng đắc có thể thành tựu các sự việc lợi ích chân chánh cho tất cả hữu tình, hỷ lạc diệu dụng tự tại viên mãn. Do sức tăng thượng của việc đối với các thứ danh cú văn thân được tùy theo chỗ mong muốn, tuyên thuyết Chánh pháp không gặp khó khăn trở ngại, nên được gọi là Pháp vương, có thể đối với kẻ khác thể hiện sự bình đẳng, phân bố tác dụng tự tại viên mãn.

Như thế gọi là sáu xứ tu tập viên mãn làm chỗ dựa, chứng đắc sáu thứ tự tại viên mãn.

Lại nữa, lược có bốn thứ tìm cầu ngã luận, do luận này nên nơi kẻ

Tát-ca-da-kiến chưa được đoạn trừ vĩnh viễn, tầm tư cầu ngã thường xuyên hiện hành. Bốn thứ tìm cầu là:

1. Tìm cầu ngã, ngã dùng cái gì làm tự tánh.

2. Tìm cầu ngã, ngã là thường hay là vô thường.

3. Tìm cầu, vì sao ngã là thường, vô thường?

4. Tìm cầu ngã, ngã sở hữu trụ tại xứ nào? Nên biết ở đây, lược có bốn thứ tìm cầu về ngã:

1. Tìm cầu tự tánh.

2. Tìm cầu về chuyển.

3. Tìm cầu về nhân.

4. Tìm cầu về trụ xứ.

Trong ấy, ba thứ đầu có thể thiết lập được các hành sai biệt. Lại, sự thiết lập này có thể không điên đảo. Một loại thứ tư, do tất cả thứ, hoàn toàn không thể thiết lập được sự sai biệt.

Nên biết, thiết lập về tự tánh của ngã: Tức là thiết lập mười hai thứ xứ đã sanh khởi sáu thức cùng thọ tưởng tư dùng làm ngã. Vượt quá đấy thì ngã còn lại không thể được.

Lại, ngã này thể tức là vô thường, do có sanh, giả, chết.

Lại, các hành ấy do đối với các nẻo, tự thể sanh khởi có vô số sai biệt, không thành thật, nên nói như sự huyễn. Tâm tưởng kiến đảo mê loạn tánh, nên gọi là như dợn nắng. Là pháp sanh khởi, diệt tận, nên gọi là có tăng giảm. Tánh của sát na, nên gọi là tạm thời. Luôn luôn hoại rồi chóng vánh có khác. Thường xuyên nối tiếp, nên gọi là mau hiện tiền tương tục. Lại không từ đâu, tới không chỗ đến, thế nên gọi là xưa không nay có, có rồi tan diệt. Do tướng như thế, nên lược nói thân sanh lần lượt vô thường, cùng có nhân sát na nối tiếp vô thường. Ba thứ như thế, thiết lập như lý về tự tánh của ngã, hoặc chuyển hoặc nhân. Thiết lập về trụ xứ hiện có, trọn không thể đạt được. Do trong các hành, lìa tánh của các hành, riêng có thật ngã trụ trong các hành không thể thủ đắc.

Do nhân duyên này, nên căn cứ nơi Thế tục đế, các hành hãy còn hoàn toàn không thể thiết lập, huống hồ là đối với Thắng nghĩa. Vì vậy, toàn bộ nơi Không lập không. Như thế, do tâm tác ý như lý, nên văn (nghe) hiểu rõ, tư cùng xét rõ, tu chắc thật rõ, như thứ lớp nêu bày có sai biệt, phải nên hoan hỷ, phải nên cùng hoan hỷ, phải nên hoan hỷ khắp.

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 92

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh Xứ Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Hai

Đoạn 4:

Lại nữa, tụng nêu:

Trên tham dạy trao cùng khổ trụ
Quan sát, dẫn phát không ứng cúng
Minh giải thoát, tu luận vô ngã
Pháp định kiến Khổ là sau cùng.

Do ba nhân duyên, nên hữu tình đối với cảnh của đối tượng duyên hành tham thuộc phẩm thượng. Những gì là ba? Đó là:

1. Mạnh mẽ chứ không phải yếu kém.

2. Đoan nghiêm chứ không phải xấu xí.

3. Quen với tham chứ không phải xả tham.

Lại do ba thứ đối trị, thâu nhận, hãy còn khiến cho hữu tình ôm giữ tham phẩm thượng như thế, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, siêng tu phạm hạnh, điều phục nơi tâm khiến được tịch tĩnh, huống hồ là chỉ mang giữ tham nhỏ của phẩm trung, hạ, là phần vị bạc trần. Ba thứ đối trị là:

1. Giữ gìn kín, chặt căn môn làm chỗ nương dựa, xa lìa tất cả biên dục lạc.

2. Đối với ăn uống nên biết lượng, đầu đêm cuối đêm giảm thiểu ngủ nghỉ làm chỗ nương dựa, xa lìa tất cả biên tự khổ.

3. Chánh niệm, chánh tri tối thắng làm chỗ nương dựa, hành nơi Trung đạo theo nẻo xuất ly.

Nên biết ở đây, nơi bốn niệm trụ, tâm khéo an trụ. Hoặc vào lúc hành, cảnh giới hiện tiền. Hoặc không giữ lấy nơi tướng cùng với tùy hảo, nhận biết rõ như thật về sanh trụ diệt của thọ. Nếu giữ lấy nơi tướng cùng với tùy hảo, nên nhận biết rõ như thật về sanh trụ diệt của tưởng. Hoặc vào lúc trụ, nhận biết rõ như thật về sanh trụ diệt nơi tầm tư của nhân kia. Do tướng như thế, chánh niệm chánh tri, nơi tất cả thời, nơi tất cả thứ cảnh giới của

đối tượng duyên, có thể như phép tắc đúng đắn để giữ gìn tâm. Đó gọi là chánh niệm chánh tri tối thắng.

Lại có chánh niệm chánh tri tối thắng: Nghĩa là đã đạt được định Diệt tận, hoặc đã đạt được định Vô tưởng, hoặc đã đạt được định không tầm tứ. Nên biết, nương dựa nơi Thánh trụ, Thiên trụ, ngoại trừ chánh niệm tri trụ tối thắng này thì không có thứ khác nào có thể vượt hơn.

Hoặc từ nơi diệt định khởi rồi, an trụ, hoặc sắp nhập định, theo phương tiện mà trụ, nhận biết rõ đúng như thật về sanh trụ diệt của thọ, đó gọi là chánh niệm, chánh tri tối thắng.

Như dựa nơi Diệt tận định, nhận biết đúng như thật về thọ, dựa nơi định Vô tưởng để nhận biết đúng như thật về tưởng, dựa nơi định không tầm không tứ để nhận biết rõ như thật về tầm tứ hiện có, nên biết cũng thế. Do chánh niệm chánh tri tối thắng ấy, chỉ nhận lấy pháp, không đối với tầm tứ thọ tưởng như thế khởi phân biệt hư vọng về ngã, ngã sở.

Nếu các kẻ ngu, khi tầm tứ về thọ tưởng sanh khởi sai biệt, đối với pháp như thọ v.v… không thể phát khởi chỉ có tưởng pháp, chỉ tạo niệm: Ta có thể lãnh nhận, cho đến nói rộng. Do nhân duyên ấy, nên kẻ kia hãy còn không có chánh niệm chánh tri, huống hồ là đạt tối thắng.

Ở đây, nói chánh niệm chánh tri, sau là hoặc quả Bất hoàn, hoặc quả A-la-hán, nên biết nói chánh niệm chánh tri trước, là từ chỗ các phần vị phàm phu đạt được tác ý không phóng dật, cho đến quả Nhất lai.

Lại nữa, do hai nhân duyên, Đức Như-lai tự nói, mình tuổi cao, thân lực mỏi mệt, khuyên các Thanh văn thỉnh vị khác thuyết pháp:

1**.** Vì khiến cho người cậy mình tuổi trẻ, chuyên hành kiêu ngạo, trụ nơi phóng dật tự biết chán sợ.

2**.** Vì nhằm khiến cho, có các Bí-sô nơi đời vị lai tuổi cao sức yếu, xa lìa nghi hối, khi khuyến thỉnh các Bí-sô tuổi trẻ v.v… tuyên thuyết Chánh pháp. Hoặc có các Bí-sô tuổi tác đang độ khỏe mạnh, tươi vui, đầy đủ uy lực, không có e ngại vì vị khác thuyết pháp.

Nên biết ở đây lược có hai thứ chốn đại tập hội, tuyên thuyết Chánh pháp:

1**.** Quyết trạch thuyết.

2**.** Trực ngôn thuyết.

- Quyết trạch thuyết: Nghĩa là dấy khởi phương tiện để cật vấn nêu xét, thuyết giảng đạo lý diệt trừ nghi hoặc.

- Trực ngôn thuyết: Nghĩa là các thính chúng im lặng mà trụ, như

Pháp sư thuyết giảng, tuyên thuyết Chánh pháp.

Lại do bốn tướng, gọi là có thể tùy thuận chỉ dạy trao truyền, khuyên răn:

1. Có thể phân tích các xứ sai biệt. Ở trong các hành đạt được trí kiến vô ngã thanh tịnh.

2. Kiến thanh tịnh, đối với các thọ cùng chỗ dựa đều diệt, lìa tăng thượng mạn, đạt tịch tĩnh tột bậc.

3. Kiến thanh tịnh có thể vượt khỏi các khổ của vị lai.

4. Kiến thanh tịnh có thể vượt khỏi các khổ của hiện tại.

Ở đây, phân tích các xứ trong ngoài với các thức xúc thọ tưởng tư ái riêng biệt. Hiển thị vô ngã, do dựa nơi đạo lý của phương tiện duyên khởi, nên có thể dẫn phát chánh kiến thanh tịnh thứ nhất. Như ánh sáng dựa nơi ngọn đèn, như bóng dựa vào cây, kia không có nên đây cũng không có.

Hiển thị các xứ trong ngoài có sai biệt, là nhân nơi các thọ, do các xứ kia vắng lặng rốt ráo, nên các thọ đây cũng tùy diệt. Lìa tăng thượng mạn, đối với Niết-bàn nhận biết rõ đúng như thật là tịch tĩnh tối thắng, có thể dẫn đến chánh kiến thanh tịnh thứ hai. Ở trong hiện pháp, dùng đao trí huệ có thể đoạn dứt vĩnh viễn tất cả phiền não.

Hiển thị sự vượt khỏi rốt ráo các khổ hiện có của vị lai, có thể dẫn đến chánh kiến thanh tịnh thứ ba. Hiển thị ở trong khắp tất cả pháp thuận khổ thuận lạc thuận phi khổ lạc, không khởi tham dục, không khởi sân hận, không khởi ngu si. Hiển thị kiến đạo, đối với niệm trụ tâm khéo an trụ. Hiển thị tu đạo, tu các giác phần. Nghĩa là khiến cho các lậu vĩnh viễn dứt hết. Vượt khỏi khổ trụ của tạp nhiễm nơi hiện pháp, có thể dẫn đến chánh kiến thanh tịnh thứ tư.

Lại nữa, có các Bí-sô, không giữ căn trụ, đối nơi các cảnh giới tâm phần nhiều ái nhiễm, tâm phần nhiều tán loạn, do nhân duyên ấy nên thọ nhận hai thứ khổ:

1. Khổ do thô trọng tạo nên.

2. Khổ do ở trong các pháp nghi hoặc tạo nên.

Vì sao? Vì do phương tiện kia nên siêng năng tu thân. Siêng năng tu thân rồi, nên siêng năng tu chi Xa-ma-tha của Giới. Do không tu thân, cũng không tu chi Xa-ma-tha của Giới làm nhan duyên, nên thân không khinh an, tâm không khinh an. Vì thế, Bí-sô kia nhận lấy khổ do thô trọng tạo nên.

Khinh an thiếu nên không thể xúc chứng Tam-ma-địa thù thắng. Do

nhân duyên này, nên đối với việc nhận biết đúng như thật, không nhận biết đúng như thật, phần nhiều sanh nghi hoặc. Vì vậy, Bí-sô kia thọ nhận khổ do nghi hoặc đối với các pháp tạo nên. Do trụ nơi hai thứ khổ não ấy, nên gọi là, vì sức nơi duyên tăng thượng của việc không giữ gìn các căn, nên phải chịu các khổ, trụ không an ổn. Như thế gọi là, ở trong hiện pháp, do không giữ gìn các căn, nên có các lỗi lầm tai họa. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là các công đức hiện có do giữ gìn các căn.

Lại nữa, có các Bí-sô vì lìa dục tham nên siêng tu phương tiện. Do tu tập đúng đắn đạo gia hạnh, nên điều phục các phiền não, khởi tư duy: Ta đối với các dục là có dục tham mà không biết rõ, hay là không có? Bèn dùng tướng tịnh tác ý tư duy, đối với việc đoạn trừ chưa đoạn trừ mới được quyết định. Quán sát tác ý làm chỗ dựa, tìm cầu nơi chốn sanh khởi tham dục, nhận biết rõ như thật, nhớ nghĩ phân biệt, các phiền não này là xứ an túc hơn hết, do chúng chưa được đoạn trừ vĩnh viễn. Nêu lúc bị phiền não loạn động nơi tâm, nhận biết rõ có thể hướng tới phần thấp kém nên liền chế phục. Nếu không chế phục, thì đối với phần ít Tam-ma-địa đã được ở trước, hãy còn trở lại thối mất, huống hồ là có thể tiến tới công đức của phẩm thù thắng. Do thâu tóm, chỉnh đốn, nên có thể không thối chuyển, cũng có thể tiến đến công đức của phẩm thù thắng.

Nếu không quán xét, trở lại phát khởi tăng thượng mạn, nên cũng có thối, mất. Do quán xét, nên có thể chứng đạt quyết định. Nếu tâm bị loạn động, có thể nhận biết rõ, đúng, trở lại chỉnh đốn gồm thâu, vì thế không thối chuyển.

Như tu phương tiện, vì lìa dục tham, thì đối với phần vị trên còn lại, theo chỗ ứng hợp, nên biết cũng thế.

Nếu lúc kiến mạnh mẽ, quán xét kỹ, nhưng không sanh khởi, Bí- sô kia liền đạt được thắng giải quyết định: Ta đối với các xứ đã có thể chế phục, hơn hẳn. Nghĩa là đối tượng duyên này nên sanh phiền não, ta ở nơi xứ ấy đã chế phục, hơn hẳn, khiến phiền não không sanh khởi. Vượt quá học địa. Cũng như vị đại vương có thể tùy theo tâm mình tự tại mà chuyển. Hàng phục tất cả trụ xứ của Ma-la, chứng đắc tận trí, vô sanh trí rốt ráo, phạm hạnh viên mãn.

Lại nữa, đối với sáu căn như trước đã nói, năm tướng tịch tĩnh không được tịch tĩnh, nên biết là phải thâu nhận ba thứ quả khổ. Nghĩa là trong hiện pháp, dựa nơi phần tạp nhiễm tăng thượng của căn mà trụ, do các thứ bất thiện hiện hành làm nhân. Hoặc trở thành thối chuyển, thua kém đối với kẻ khác. Hoặc bị chê trách. Hoặc bị sát hại. Tức thọ nhận các khổ của hiện

pháp như thế.

Lại thọ nhận vô số các khổ của sanh lão bệnh tử nơi vị lai. Lại thọ nhận đẳng lưu của vị lai, do trước thường xuyên hành tập, dẫn phát. Các tạp nhiễm do không giữ gìn các căn, cũng gọi là khổ. Cùng trái hẳn với đây, tức là đối với sáu căn, do có năm thứ tướng tịch tĩnh, nên biết là thâu nhận ba quả khổ diệt.

Lại nữa, lược có hai loại Phạm chí thế tục: Thật sự không phải là phước điền, nhưng ôm giữ tăng thượng mạn, tự cho là phước điền, nhưng ôm giữ tăng thượng mạng, tự cho là phước điền, tự xưng ta là phước điền chân thật, nên biết là đã tạo thành tánh và tướng của phước điền không thật, không nên cúng dường. Đó là:

1. Từ nơi kẻ khác đạt được lợi dưỡng, sự cung kính, hiện tiền tham đắm mãnh liệt. Các căn tham lam ăn uống, là tánh nhiễu loạn, trá hiện trước mọi người là hành lìa dục.

2. Thâu nhận tài sản gia đình, cùng với hàng thân thuộc cư trú lẫn lộn. Chuyên tự tu thân theo nẻo thô, uế. Phàm chỗ hành trì, hành đã không tự lợi, cũng không phải lợi tha. Xa lìa hành chánh pháp chánh của Thi-la. Xa lìa hành thiện có thể trụ nơi nẻo thiện. Xa lìa hành diệu có thể trụ nơi Niết-bàn. Nên biết kẻ ấy, cùng với tất cả hàng phàm phu ngu tối không có sai biệt. Trụ nơi Chánh pháp, cùng với đấy trái nhau, nên biết đó gọi là Phạm chí thắng nghĩa.

Lại nữa, ngoài Chánh pháp này, có các Sa-môn Bà-la-môn, lúc về các đệ tử nêu giảng pháp, phần nhiều vì cầu thắng lợi đối với các thứ cật vấn, cùng cầu thắng lợi vì thoát khỏi vấn nạn của kẻ khác, nên biết việc nêu giảng pháp như thế, theo Đệ nhất nghĩa là vô nghĩa vô lợi, không tự lợi ích, cũng không lợi ích cho kẻ khác. Chư Phật Như Lai, vì các đệ tử tuyên thuyết Chánh pháp, chỉ vì chứng đắc thắng lợi của hai quả là Minh và Giải thoát, nên biết việc nêu giảng Chánh pháp như thế là quả lớn, lợi lớn, tự lợi lợi tha thảy đều viên mãn. Hành nơi ba đời không quên mất, trụ nơi nghĩa tối thắng, nên đối với ba thứ cảnh của đối tượng duyên có sai biệt, gọi là ba minh. Hoặc tâm giải thoát, hoặc huệ giải thoát đều gọi là giải thoát, là đối trị thắng vượt tạp nhiễm căn bản của vô minh, ái.

Vì đạt được chưa đạt được Minh cùng với Giải thoát, nên biết lược có bốn thứ tu đạo. Tức là tu căn, nên có thể tu thân đúng đắn. Tu thân đã dẫn đến tu hành thiện, nên có thể tu giới đúng đắn. Tu giới, đã dẫn đến tu niệm trụ, giác chi thuận hợp, nên có thể tu tâm, huệ.

Ở đây, tu căn lại có ba thứ:

1. Tu thế gian.

2. Tu hữu học.

3. Tu vô học.

Nếu do lực xét chọn làm chỗ nương dựa, tuy nhận lấy tướng không như lý của cảnh khả ái không khả ái, nhưng không phát khởi các triền phiền não, nếu như khiến vừa dấy khởi thì liền dứt trừ, là tu thế gian.

Nếu đối với Thánh đế đã được hiện quán, do mất niệm nên hoặc sanh hợp ý hoặc không hợp ý, hoặc gồm cả hai, nhưng tâm không bị trói buộc mà trụ vững, mau chóng đối với tạp nhiễm có thể được giải thoát, là tu hữu học.

Hoặc nơi tâm này an trụ vững chắc, như trước đã nói đối với bên trong không có hẹp hòi, khéo thoát khéo tu, tất cả đều không thấp kém đến mất niệm. Đối với các thứ vừa ý không vừa ý, phát tâm gần gũi, xét kẻ kia có đức nên hướng đến, đó gọi là tu vô học tịnh. Như tu căn, nên biết tu giới, tu tâm, tu huệ, ba thứ cũng vậy.

Ở đây, đầu tiên là chỗ dẫn khởi của tu căn thứ nhất. Tu căn thứ hai là chỗ dẫn khởi thứ hai. Tu căn thứ ba là chỗ dẫn khởi thứ ba.

Tu giới, tu tâm, tu huệ cùng đối chiếu, đều có ba thứ chỗ dẫn khởi, nên biết cũng thế.

Ở đây, cảnh giới hợp ý không hợp ý có sai biệt, nên hữu tình có ân có oán sai biệt. Công đức, lỗi lầm tương ưng nơi hữu tình có sai biệt. Được yêu thích, không được yêu thích nơi hữu tình có sai biệt. Nên biết, hoàn toàn vừa ý, hoàn toàn không vừa ý, vừa ý không vừa ý cùng xen lẫn có sai biệt.

Cảnh giới hợp ý không hợp ý có sai biệt: Tự có cảnh giới hoàn toàn hợp ý. Tự có cảnh giới hoàn toàn không hợp ý. Tự có cảnh giới về loại lẫn lộn, một phần ít hợp ý, một phần ít không hợp ý.

Hữu tình như vậy, hoặc hoàn toàn có ân, hoặc hoàn toàn có oán, hoặc ân oán cùng xen lẫn. Hoặc hoàn toàn có được. Hoặc hoàn toàn có mất. Hoặc được mất cùng đủ. Nếu nơi hữu tinh ái lại sanh ái, nên biết hoàn toàn là đối tượng của ái. Nếu nơi hữu tình sân lại sanh sân, nên biết hoàn toàn không phải là đối tượng của ái. Nếu đối với hữu tình ái đã sanh giận, hoặc nơi hữu tình giận đã sanh ái, nên biết đó gọi là đối tượng của ái, không phải là đối tượng của ái.

Do các nhân duyên sai biệt như thế, nên ba thứ như vừa ý v.v… có sai biệt.

Lại, nơi hành ác tùy quán hiện pháp với lỗi lầm hiện có. Tùy quán vị lai với lỗi lầm hiện có. Thế nên xa lìa chúng, tu tập hành diệu. Nếu đối với sáu xứ, do tất cả môn đều bị phỉ báng, đó gọi là lỗi lầm hiện có của hiện pháp. Vì nhân duyên ấy, nên bị đọa vào nẻo ác, đó gọi là lỗi lầm hiện có của vị lai.

Ở đây, bị kẻ khác hủy báng: Nghĩa là bị ngoại đạo cùng những kẻ có nhiều hiểu biết của thế gian. Nên biết, ngoài ra tức như đã nói.

Lại, ở đây nói tu niệm trụ: Nghĩa là niệm giác phần vừa mới phát khởi, tại địa phàm phu thường nên tu tập. Tại địa hữu học, tu tập viên mãn. Tại địa vô học, tu tập giác phần chưa được giới đoạn. Ở nơi cảnh giới đoạn, lúc đang mong cầu, gọi là dựa nơi xa lìa. Chưa được cảnh giới vô dục, ở nơi giới vô dục, lúc đang mong cầu, gọi là dựa nơi lìa dục.

Chưa được cảnh giới diệt, ở nơi cảnh giới diệt, lúc đang mong cầu, gọi là dựa nơi diệt. Dứt bỏ phần thấp kém, tu phần giác, hồi hướng thắng diệu, tu tập phần giác, nên gọi là hồi hướng dứt bỏ.

Lại, các Bí-sô phòng hộ các căn, có hổ có thẹn, do nhân duyên ấy nên xấu hổ đối với hành ác, tu tập hành diệu. Tu tập hành diệu nên không biến hối. Không có biến đổi, hối hận nên phát sanh hoan hỷ. Đây là điều kiện trước nên tâm được chánh định. Tâm chánh định nên có thể kiến giải đúng như thật. Kiến giải như thật, nên Minh cùng Giải thoát thảy đều viên mãn. Nên biết đó gọi là thứ lớp tu hành.

Lại nữa, như có một Sa-môn hoặc Bà-la-môn, tự mình đã không thể khéo tu tập các căn, nhưng lại vì kẻ khác thiết lập pháp khéo tu căn không như lý, kiến giải chỉ là dứt bỏ cảnh giới hiện có, gọi là phòng hộ các căn. Tuy nhiên vị ấy, tự mình ở nơi các chúng đệ tử, sanh khởi chấp trước sâu xa, một phần khởi yêu thích, một phần sanh ghét bỏ. Nghĩa là đối vơi sự chỉ dạy về nhân duyên thuận nghịch kia, hoặc hợp ý, không hợp ý luôn hiện hành, nơi chỗ vi tế ấy tự mình tạo tạp nhiễm, không thể dùng huệ để ngộ nhập như thật, nhưng cho tự mình có thể khéo tu tập các căn, khởi tăng thượng mạn. Các hữu tình thuận theo kiến chấp như thế, vị kia tuy khiến căn lìa bỏ các cảnh giới, nhưng ở riêng nơi chốn vắng lặng, duyên nơi cảnh giới nọ phát khởi vô số tầm tư tạp nhiễm. Vì không trí huệ mà tự ngộ nhập, nên cũng không gọi là khéo tu các căn. Lại cũng không là khéo tu căn, nên siêng tu hành chánh đáng, chỉ tin theo lời nói của kẻ khác khởi thắng giải sai lạc, cùng dùng tà mạn.

Chư Phật Như Lai, vì các đệ tử, nên thiết lập đúng như lý việc đoạn trừ các phiền não, gọi là khéo tu tập các căn, không phải chỉ hoàn toàn dứt

bỏ các cảnh giới.

Lại, các Đức Như Lai đối với ba thứ niệm trụ không chung kia, tâm khéo an trụ, khiến các chúng đệ tử không nhiễm chấp, đối với các hành chân chánh luôn hiện hành vừa ý, nơi các thứ hành tà vạy, hành không vừa ý, do đấy, chỗ sanh khởi tạp nhiễm của tham dục, tạp nhiễm của giận dữ, đều không hiện có. Do nhân duyên ấy, nên tuy chỉ dạy cho đệ tử, cùng đoạn trừ phiền não, nhưng được gọi là bậc khéo tu tập các căn vô thượng.

Lại, việc tu tập căn này, dựa nơi năm nhóm phẩm có sai biệt, nên biết cũng có năm chuyển sai biệt. Nghĩa là Phật, Thế Tôn, hoặc có các đệ tử hoàn toàn hành đúng đắn mà cũng rốt ráo, hoặc có các đệ tử hoàn toàn phóng dật, mà cũng rốt ráo! Hoặc có các đệ tử tu hành chánh hạnh nhưng không rốt ráo. Hoặc có các đệ tử hành nơi hành tà, mà không rốt ráo. Hoặc có các đệ tử có nhiều thứ phẩm loại, một hành chánh hành, một hành phóng dật, một hành một phần hoặc có lúc phóng dật, có lúc không phóng dật. Như thế gọi là nhóm phẩm thứ năm.

Ở đây, Như Lai cho là hợp ý: Nghĩa là các đệ tử, ở trong Pháp- Luật khéo thuyết giảng, đã tu tập các căn được viên mãn, nên tu hành chánh hạnh.

Lại có một loại không hợp ý: Tức là hành theo tà hạnh, hoặc không tu tập. Do đó, Đức Như Lai quán loại chúng sanh thứ nhất, khởi vừa ý. Quán loại chúng sanh thứ hai không vừa ý. Quán loại chúng sanh thứ ba, khởi vừa ý, sanh không vừa ý. Quán loại chúng sanh thứ tư, không vừa ý, sanh khởi vừa ý. Quán loại chúng sanh thứ năm, khởi vừa ý, sanh không vừa ý, cũng lại sanh khởi vừa ý, không vừa ý.

Đức Như Lai tuy đối với năm chúng ấy, phát khởi năm chuyển vừa ý, không vừa ý có sai biệt như thế, nhưng các Đức Như Lai trọn không bị các hành tướng yêu giận kia làm cho cấu nhiễm, do đã vĩnh viễn lìa mọi trói buộc của các phiền não cùng tập khí của chúng, do khéo tu tập các căn. Thế nên, Đức Như Lai, tất cả phiền não cùng tập khí đều đã đoạn trừ hoàn toàn, làm chỗ nương dựa, nên có thể khéo trụ niệm, đối với các chúng đệ tử không có các tạp nhiễm, được gọi là năm chuyển tu tập căn vô thượng.

Lại, đối với tất cả năm chuyển như thế, theo chỗ ứng hợp, nên chánh tư duy về ba thứ đối trị:

1. Tưởng vô thường.

2. Tâm từ.

3. Định vô tưởng.

Ba thứ như thế, tùy chỗ ứng hợp, nên biết về tướng của chúng.

Lại, Đức Phật, Thế Tôn, việc làm đã thành tựu, nơi đệ tử vô học gọi là đã tu tập căn. Do trong đêm dài sanh tử luôn vui thích Niết-bàn. Tuy gặp phải cảnh tướng hiện tiền của các loại hữu tình như trước đã nói, hoặc thuần là khả ái, hoặc thuần là không khả ái, hoặc nhiều tạp loại chung cả ái, phi ái. Do Tham-sân-si đã vĩnh viễn xa lìa. Do sức tăng thượng của tâm giải thoát cùng huệ giải thoát. Tức do vô tướng khiến tâm đối với cảnh kia liền mau chóng dứt bỏ. Do ý lạc, nên đối với các cảnh giới khởi tưởng chán bỏ.

Lại, đối với Niết-bàn thấy rõ đức tịch tĩnh như thế, nên mau chóng có thể an trụ nơi xả. Do nhân duyên này, nên dù chỉ trong khoảng một sát na mất niệm khiến tâm bị tạp nhiễm, cũng không thể khởi. Nên biết, ngang với sự khéo tu tập này, gọi là khéo tu tập căn.

Nếu các hàng hữu học chưa có thể mau chóng an trụ nơi xả, nên có các phiền não khác huân tập, khiến nối tiếp thành tạp nhiễm. Lại, ở trong tất cả cảnh của ba chuyển, các phiền não ghét bỏ đã khởi, nên khi phiền não hiện hành bức bách, tức có thể theo phương tiện trụ nơi tưởng chán nghịch, cùng tưởng lỗi lầm tai họa. Tu hành như thế, tức có thể khiến tu tập căn mau chóng được viên mãn. Do đó gọi là hành trì đúng đắn. Như thế nên biết, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, các chúng đệ tử tốt đẹp của bậc Đại sư, có thể tu tập hành chân chánh, đạt được nghĩa đã chứng đắc.

Lại nữa, luận sư vô ngã, lược có ba thứ sự việc được tạo tác chân chánh. Những gì là ba? Nghĩa là đối với tự tướng, cộng tướng của hành thuộc về Khổ Tập đế, nên hiển bày rõ, đúng, an lập vô ngã. Nên biết ở đây, hiển bày về tánh đều có rất nhiều thứ khác biệt. Hiển bày rõ về tự tướng, khai thị tánh tương tợ sanh diệt, nên hiển bày rõ về cộng tướng. Đó gọi là sự việc được tạo tác chân chánh thứ nhất. Lại đối với vô ngã chỉ có hành nhân, như nơi tạp nhiễm, thanh tịnh hiện có đều hiển bày rõ như thật. Nên biết ở đây, nơi duyên của ba thứ thọ, sanh ba thứ tùy miên của phiền não, chưa có thể đoạn trừ hoàn toàn. Đối với kiến đạo, tùy miên ngã kiến chưa thể trừ bỏ. Nơi tu đạo, tùy miên ngã mạn cũng chưa thể trừ bỏ. Nơi tu đạo, tùy miên ngã mạn cũng chưa thể trừ bỏ hẳn. Đối với phẩm kiến mạn có thể khởi vô minh, cũng chưa dứt trừ vĩnh viễn, nên chưa thể sanh khởi minh để đối trị chúng, do vậy không thể tạo được biên vực của khổ. Như thế gọi là hiển thị tạp nhiễm. Đó gọi là sự việc được tạo tác chân chánh thứ hai.

Lại, đối với các hành đoạn từ Tát-ca-da-kiến tăng ích ngã, dựa nơi chánh kiến có thể giữ lấy vô ngã thật sự, như tương ưng với thanh tịnh, hiển bày rõ như thật về kiến vô ngã này. Nơi phần vị phàm phu, có thể thâu nhận đúng đắn về hiện quán Thánh đế. Lại có thể chứng đắc huệ nhãn của các

hành. Tại phần vị hữu học có thể đạt được tận trí, vô sanh trí của phần vị trên. Nơi phần vị vô học, có thể khiến cho hết thảy hàng hữu học cùng vô học, đối với phiền não hiện có do kiến đạo, tu đạo đoạn từ, đều được dứt hết hoàn toàn, rốt ráo. Vì thế nên biết, kiến vô ngã này có thể khiến đạt thanh tịnh, nên hiển bày rõ. Đó gọi là sự việc được tạo tác chân chánh thứ ba.

Lại nữa, đối với sự thành tựu đa văn của chánh kiến thế gian, không nhất định trụ nơi chánh pháp: Tức thành tựu đa văn của chánh kiến thế gian ấy, có thể nhất định trụ nơi chánh pháp, nên biết lược có năm thứ quả chánh gia hạnh thù thắng, xưng tán lợi ích. Những gì là năm? Đó là: Người thứ nhất trụ nơi chánh pháp kia, trước hết do tâm chưa được định, nên Giới của chi Xa-ma-tha chưa thanh tịnh, cũng chưa trắng, sạch. Tức người thứ hai trụ nơi chánh pháp ấy, tâm được định, nên thanh tịnh, tươi sáng. Nên biết đó gọi là quả chánh gia hạnh thù thắng, xưng tán lợi ích thứ nhất.

Lại, tâm thứ nhất nơi Bổ-đặc-già-la kia chưa được định, nơi tất cả thọ, cùng chỗ dựa, đối tượng duyên, trợ bạn và nẻo tùy chuyển của chúng đều nhận biết không đúng như thật. Do không nhận biết nên tạo ra ba thứ vô trí làm nhân cho sự tiếp xúc của lỗi lầm, tai họa. Những gì là ba? Đó là:

1. Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của thọ.

2. Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của ba đời.

3. Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của hiện pháp và hậu pháp.

Nên biết ở đây, lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của thọ: Nghĩa là kẻ ngu si, đối với lạc thọ cùng nẻo tùy chuyển của nó và chỗ tùy nhiễm có tham ái trói buộc. Đối với Khổ thọ v.v…, có sân hận trói buộc, đối với thọ không khổ không lạc v.v…, có sự trói buộc của ngu ái cùng tùy miên, do có tùy miên của ngu si. Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của ba đời: Nghĩa là kẻ ngu si, đối với đời hiện tại có tham nhiễm trói buộc. Đối với đời quá khứ có luyến tiếc trói buộc. Đối với đời vị lai có tâm hệ thuộc trói buộc.

Lỗi lầm tai họa được tạo ra do tạp nhiễm của hiện pháp, hậu pháp. Nghĩa là kẻ kia có tâm tạp nhiễm như thế, đối với ba đời, đối với thọ đều có tạp nhiễm, nên có thể sanh trưởng hoặc nơi nghiệp của hữu sau.

Do sự tăng trưởng ấy nên các uẩn của hữu sau khiến sẽ được sanh. Lại có thể tăng trưởng tham ái hiện có. Tức là ái về hữu sau cùng ái về của cải vật dụng. Do ái về hữu sau nên có thể sanh tự thể hiện có của vị lai. Do ái về tài sản vật dụng, nên vào lúc truy tìm, sinh ra mệt mỏi hết sức. Nếu

được cảnh giới, liền sanh ái nhiễm. Nếu không đạt được thì chỗ ham muốn không toại nguyện, liền tự thiêu đốt. Nếu được rồi mất, liền bị sầu não tổn hại. Như vậy gọi là lỗi lầm tai họa của hiện pháp.

Hoặc tức do sự tạo tác và tăng trưởng kia, có thể chiêu cảm hữu sau. Do sức tăng thượng của phiền não nơi các nghiệp, nên đối với vị lai, sanh khởi các khổ như sanh lão bệnh tử có sai biệt. Như thế gọi là lỗi lầm, tai họa của hậu pháp.

Bổ-đặc-già-la thứ hai, tâm định, nên biết tất cả cùng trái nhau với những thứ nêu trên. Đó gọi là sự thù thắng thứ hai. Phần còn lại như trước đã nói.

Lại, Bổ-đặc-già-la thứ nhất ấy, tâm chưa định, nên đối với các lỗi lầm tai họa được tạo ra do không trí kia, hoặc tự hoặc tha đều không nhận biết đúng như thật. Bổ-đặc-già-la thứ hai, tâm định. Đối với các thứ ấy đều có thể nhận biết đúng như thật, nên biết đó gọi là sự thù thắng thứ ba. Phần còn lại như trước đã nói.

Lại, Bổ-đặc-già-la thứ hai kia tâm đã được định, đối với các lỗi lầm tai họa đều nhận biết đúng như thật, đã nhập nơi địa tu, tức chánh kiến hiện có tương ưng với vô ngã đã đạt được ở trước, do sự tu tập ấy, nên ở trong hai thời, dựa vào cảnh giới đoạn và cảnh giới vô dục, cùng với tất cả pháp Bồ đề phần kia, đều được viên mãn, nên biết đó gọi là sự thù thắng thứ tư. Phần còn lại như trước đã nói.

Lại, Bổ-đặc-già-la thứ hai, tâm đã được định, các chi phần trợ bạn của Tỳ-bát-xá-na đa văn hiện có, đều có thể thâu nhận Tam-ma-địa thù thắng, có thể tu trị, làm tịnh Tỳ-bát-xá-na. Do nhân duyên ấy, hai thứ Chỉ, Quán bình đẳng cùng chuyển, tức ở đây đã thành tựu đa văn của chánh kiến thế gian, Bổ-đặc-già-la này được định, trụ nơi chánh pháp, nên biết là có quả chánh gia hạnh thù thắng, xưng tán lợi ích thứ năm. Như thế, tức hữu tình kia do đã đạt được Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xa-na thù thắng, dựa nơi cảnh giới đoạn, đối với những thứ nên nhận biết khắp, đều có thể nhận biết khắp, đúng đắn. Đối với những thứ nên vĩnh viễn đoạn trừ, đều có thể đoạn trừ vĩnh viễn, đúng đắn. Đối với các pháp nên tác chứng, đều có thể tác chứng đúng đắn. Đối với các pháp nên tu tập, đều có thể tu tập đúng đắn. Dựa vào cảnh giới vô dục, nơi tất cả các thứ đã nhận biết, đã đoạn trừ, đã tu tập, đã chứng đắc, đối với đối tượng nương dựa là sắc, và chủ thể nương dựa là danh, nên nhận biết đúng đã nhận biết đúng. Đối với đối tượng nương dựa là vô minh cùng chủ thể nương dựa là hữu ái, nên đoạn trừ đúng đã đoạn trừ đúng. Đối với đối tượng nương dựa là trí sáng, tịnh, cùng chủ thể nương

dựa là giải thoát, nên phiền não được đoạn trừ, chứng đắc đúng đắn đã chứng đắc. Đối với đối tượng nương dựa là Xa-ma-tha cùng chủ thể nương dựa là Tỳ-bát-xá-na, nên tu tập đúng đắn, đã tu tập.

Lại nữa, có hai pháp kiến:

1. Pháp kiến hữu vi.

2. Pháp kiến vô vi.

- Pháp kiến hữu vi: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với chỗ dựa cùng tự tánh của đế đều nhận biết đúng như thật.

Thế nào gọi là nơi chốn nương dựa của đế? Nghĩa là danh sắc cùng số vật của hữu tình như người, Trời v.v..

Thế nào là đế? Tức là Thế tục đế và Thắng nghĩa đế.

Thế nào là Thế tục đế? Tức là đối với chỗ nương dựa của đế kia, giả tưởng an lập ngã hoặc hữu tình, cho đến thọ mạng, và sự sanh.

Lại tự xưng nêu: Mắt của ta thấy sắc, cho đến ý của ta nhận biết pháp. Lại khởi ngôn thuyết: Nghĩa là danh như thế, cho đến biên vực của thọ lượng như thế, nói rộng như trước. Nên biết ở đây chỉ có giả tưởng, chỉ giả tự xưng, chỉ giả ngôn thuyết về tánh tướng hiện có với tác dụng sai biệt, gọi là Thế tục đế.

Thế nào là Thắng nghĩa đế? Nghĩa là tức đối với nơi chốn nương dựa của đế kia có tánh vô thường, nói rộng cho đến có tánh duyên sanh, như trước đã nói rộng. Như tánh vô thường, có tánh khổ, nên biết cũng thế.

Nếu đối với nơi chốn nương dựa của Thắng nghĩa đế, Thế tục đế như thế, về Thế tục đế nhận biết rõ như thật là Thế tục đế. Về Thắng nghĩa đế nhận biết rõ như thật là Thắng nghĩa đế. Như vậy gọi là pháp kiến hữu vi.

Thế nào gọi là pháp kiến vô vi? Nghĩa là đối với nơi chốn nương dựa của đế kia, đã đạt được hai thứ thiện xảo của đế, do sức tăng thượng của thiện xảo ấy, nên đối với tất cả nẻo tận cùng nơi Niết-bàn như Hữu dư y, Vô dư y, đều thấy rõ tịch tĩnh, tâm hướng nhập, như trước đã nói rộng, cho đến giải thoát. Như thế gọi là pháp kiến vô vi.

Lại, pháp kiến này, nên biết ba thứ Bổ-đặc-già-la đều được thành tựu:

1. Hàng phàm phu pháp tùy pháp hành đã được tâm định, thông tuệ, nhận biết rộng, có thể quan sát các pháp như chánh lý.

2. Hàng hữu học đã kiến đế tích.

3. Hàng vô học, các lậu đã đoạn trừ vĩnh viễn.

Lại nữa, nếu có hữu tình mong cầu các sự việc hưng thạnh của hàng Trời, Người, tự phát thệ nguyện hành phạm hạnh, nên biết kẻ ấy đã xưng

tán hai thứ lỗi lầm tai họa của hàng Trời, Người. Đó là:

1. Các khổ do phiền não sanh khởi.

2. Các khổ do vô thường sanh khởi.

Thế nào là các khổ do phiền não sanh khởi? Nghĩa là, đối với hàng Trời, Người trụ nơi cảnh giới ái, dựa nơi đời hiện tại nên trụ nơi cảnh giới lạc. Dựa nơi đời quá khứ nên trụ nơi cảnh giới vui. Đối với đời hiện tại, dựa nơi cảnh quá khứ, sanh ái lạc nên trụ nơi cảnh giới hỷ. Nơi đời vị lai, dựa nơi cảnh hiện tại nên sanh ái lạc. Nếu ở trong cảnh của ba đời như thế, trụ nơi nhiễm ô, nên biết kẻ ấy đã xưng tán về khổ của dục có thiếu thốn, cùng các khổ hiện có như sanh, lão v.v… Đó gọi là lỗi lầm tai họa của các khổ được tạo ra do phiền não sanh khởi.

Thế nào là các khổ do vô thường tạo ra? Nghĩa là thuận theo xứ lạc có trái, mất, nên khởi khổ biến hoại. Tùy thuận xứ khổ hiện tiền, nên khởi khổ chán lìa. Tất cả tự thể, vào lúc chung cuộc đều diệt hoại, nên có khổ diệt hoại. Nên biết đó gọi là ba thứ các khổ do vô thường tạo ra.

Ở đây, Đức Như Lai vượt quá hai thứ lỗi lầm tai họa như thế, trụ hoàn toàn nơi lạc. Tức đối với lạc này nên nhận biết đúng như thật, do đấy nên lạc. Lại, nên nhận biết đúng như thật về phương tiện của lạc.

Thế nào là lạc? Nghĩa là an ổn vô thượng của tất cả cảnh tương ưng đều vĩnh viễn dứt hết, tức cảnh giới Bát Niết-bàn Hữu dư y.

Thế nào là phương tiện? Nghĩa là như trước đã nói, đối với năm thứ thọ phát khởi năm trí diệu chuyển biến như thật. Nếu các Thanh văn dứt bỏ chỗ chứng đắc của bậc Đại sư về diệu lạc vượt quá hàng Trời, Người, để mong cầu lạc thấp kém nơi hàng Người, Trời, nên biết các vị ấy, đối với trụ xứ của các bậc trí, phần nhiều nhận lấy sự hủy nhục, cũng tự lừa dối.

Lại nữa, tụng nêu:

Một trụ xa Niết-bàn
Lược nêu nội đã chứng
Biện tướng Nhất Thiết Trí
Xả bỏ nghiệp đã học
Không tùy hành luôn trụ
Sư đệ, hai viên mãn.

Do hai nhân duyên, nên biết gọi là có trụ thứ hai, nghĩa là hữu ái. Vì muốn sanh khởi tự thể thứ hai, thọ hành nhân kia, nên tự thể này diệt thì tự thể thứ ba nối tiếp sanh khởi.

Thế nào là hữu ái? Nghĩa là các cảnh giới nơi đối tượng duyên khả ái sắp được hiện tiền. Đầu tiên là sanh khởi vui thích nhiễm ô, gọi là hữu hỷ

lạc. Từ đấy về sau, cho đến khi chưa được các thứ kia, phần nhiều trụ nơi tác ý tư duy. Nếu như đã được nhưng chưa thọ dụng, trong khoảng thời gian ấy, tức do sức tăng thượng của hỷ lạc, nên trụ nơi vui mừng nhiễm ô, gọi là hữu hoan hỷ.

Vào lúc thọ dụng, sanh nhiều tham ái, gọi là hữu nhiễm trước, nên gọi là hữu ái.

Lại, đối với vị lai khởi mong cầu, nên cùng với các thứ đã được sanh lãnh nạp, nên gọi là hữu hỷ lạc. Đối với đời quá khứ tùy theo nhớ nghĩ, nên gọi là hữu hoan hỷ.

Vào lúc đang thọ dụng các thứ đã đạt được, sanh khởi tham ái, nên gọi là hữu nhiễm chấp. Như thế gọi là sai biệt thứ hai.

Thế nào là sanh khởi tự thể thứ hai? Nghĩa là hỷ lạc v.v… là nhân của tập, đối với đời vị lai, sanh lão là gốc sanh khởi các khổ. Cùng với đấy trái nhau, nên biết đó gọi là không có trụ thứ hai.

Lại nữa, có hai thứ pháp, lại cùng trái nhau:

1. Phiền não.

2. Niết-bàn.

Do đó, trụ nơi pháp tạp nhiễm rồi, tức liền tùy thuận nơi hữu sau mà chuyển. Nếu lúc đối với hữu sau tùy thuận mà chuyển, nên biết gọi là cách xa Niết-bàn.

Lại có sáu thứ hành tướng nhỏ, kém của các sĩ phu, Bổ-đặc-già-la hèn kém:

1. Tánh nhiều giận dữ.

2. Hành tác không suy xét.

3. Vui thích bức não kẻ khác.

4. Nếu tiếp xúc với khổ, liền phát khởi ngôn ngữ thô ác, không thật.

5. Hoặc phát khởi ngôn ngữ thô ác, thật sự có thể dẫn đến vô nghĩa.

6. Nhân đấy, lần lượt phát khởi vô lượng ngôn từ xấu ác sai biệt, không phải chỉ một ít lời mà sanh biết đủ.

Do hai nhân duyên, nên các vị xuất gia gắng sức thọ hành, mau chóng có thể chứng đắc nghĩa lợi của Sa-môn: Những người chưa tin thì khiến sanh tịnh tín. Người đã tin rồi thì khiến tăng trưởng bội phần. Những gì là hai? Đó là:

1. Nhẫn nhục.

2. Nhu hòa.

- Nói nhẫn nhục: Nghĩa là đối với điều oán nơi kẻ khác, trọn không đáp trả.

- Nói nhu hòa: Tức tâm không phẫn nộ, tánh không não hại kẻ khác.

Lại nữa, nói tóm tắt, Đức Như Lai lược nương nơi hai thứ xứ sở, thuyết giảng giáo pháp "Không giới":

1. Thuyết giảng giáo pháp về Giới Niết-bàn Hữu dư y.

2. Thuyết giảng giáo pháp về Giới Niết-bàn Vô dư y.

Nếu do đoạn trừ phiền não như thế, nên gọi là hữu tình thành tựu về đoạn trừ, không tạo thành phiền não. Tức do không trụ nơi các khổ của hữu sau thuộc quả kia như thế, nên biết đó gọi là thuyết giảng giáo pháp về Giới Niết-bàn Hữu dư y.

Nếu do không trụ vào quả khổ thuộc phiền não nơi hữu sau, tức do như thế cho đến thọ mạng hết, đã diệt độ xong, hết thảy sự nương dựa

(y) khác đều không thật có, chẳng trụ nơi thân này, không trụ nơi thân khác, chẳng trụ nơi trung hữu, chứng đắc biên vực tận cùng của các khổ. Nên biết đó gọi là nêu giảng giáo pháp về Giới Niết-bàn Vô dư y.

Lược có ba thứ nhân mạnh của niệm lực:

1. Do tuổi trẻ khỏe mạnh.

2. Do đời trước thường xuyên hành tập.

3. Do hiện pháp luôn hành tập.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nên biết Niết-bàn là pháp nội chứng. Nghĩa là lìa tín, cho đến lìa kiến, xét kỹ nơi nhẫn, như trước đã nói nên biết. Tức là trong hiện pháp, nơi nội chứng đều riêng, trong ngoài tăng thượng, sanh khởi tạp nhiễm đều nhận biết rõ đúng như thật là có cùng không có.

Lại nữa, do ba nhân duyên, đã hiển thị Bồ đề Vô thượng của chư Phật:

1. Nhận biết rõ về tất cả cảnh.

2. Nhận biết rõ về sự việc như thật của có cùng không có.

3. Nhận biết rõ về tất cả pháp của hai phẩm nhiễm tịnh. Do đấy, kẻ khác đối với ba xứ như thế, thỉnh vấn Đức Thế Tôn.

Lại nữa, các pháp hữu vi lúc cùng có chuyển, khiến tâm mê loạn, có thể khiến đối với tướng phân biệt, chấp giữ sai lạc. Vì thế, Đức Như Lai vì các đệ tử khai thị, phân biệt khiến đối với các tướng kia quyết định ngộ nhập, vì nhằm nhận biết rõ về tướng chân thật. Lại, vì đối với chính mình không có khi dối, vì đối với kẻ khác thản nhiên không sợ, ký biệt đúng đắn.

Lại nữa, các vị xuất gia, dứt bỏ sức tăng thượng của pháp đã học, nên biết là an lập nơi cảnh giới luyến tiếc.

Lại, người xuất gia, hủy phạm sức tăng thượng của Thi-la, nên biết là đã an lập nơi hạng chưa xuất gia, tâm dứt bỏ hướng nhập nơi sự việc che lấp, xa lìa hổ thẹn, hoàn toàn là ái vị. Hoặc chấp giữ chặt nơi cảnh giới của đối tượng duyên, nên biết kẻ ấy gọi là ái vị cùng tột. Do nhân duyên này, nên ở trong việc tu tập phẩm thượng nơi các nghiệp thiện, tâm không thuận hợp, trơ trọi, không thể tạo được nghĩa.

Lại, tức do sức tăng thượng ấy, nên hành các hành ác, bên trong ôm giữ, che giấu các thứ ác được ẩn giấu, nên sanh che lấp. Tất cả như thế lược thâu làm một, gọi là đối với cảnh, tâm ái vị tột cùng, bị che lấp hoàn toàn.

Lại nữa, nếu đối với các căn, hành không phòng hộ, do thích lắng nghe pháp không chân chính, liền sanh vô minh xúc, dấy khởi tác ý nhiễm ô. Tức do sức tăng thượng của tác ý ấy, nên đối với các xứ của đời vị lai sẽ sanh khởi lỗi lầm tai họa hiện có, đều không nhận biết đúng như thật.

Không nhận biết đúng như thật về lỗi lầm tai họa kia, nên liền khởi mong cầu. Mong cầu các pháp kia, nên tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp tương ưng. Tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp tương ưng, nên nơi đời vị lai, sáu xứ sanh khởi. Như thế gọi là đạo lý thuận theo thứ lớp.

Nghịch với thứ lớp, nghĩa là sáu xứ kia dùng nghiệp làm nhân. Nghiệp dùng ái làm nhân. Ái lại dùng vô minh kia làm nhân. Vô minh lại dùng tác ý không như chánh lý làm nhân. Tác ý không chánh lại dùng vô minh xúc làm nhân.

Lại, ở trong ấy, nghiệp đã tạo từ trước là nhân của sáu xứ nơi thọ của hiện pháp. Nghiệp được tạo của hiện pháp, là duyên của sáu xứ nơi thọ sanh tiếp theo. Hoặc là sáu xứ của thọ sau, do dựa vào ái v.v…, nghiệp v.v…, theo chỗ ứng hợp nên biết cũng thế.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên hữu sau sanh khởi:

1. Nghiệp của hữu sau.

2. Ái của hữu sau.

Nhưng chỉ nói các loài hữu tình theo nghiệp mà hành, không nói theo ái. Vì sao? Vì lược có ba ái:

1. Ái cõi Dục.

2. Ái cõi Sắc.

3. Ái cõi Vô sắc.

Ở đây, ái cõi Dục là bất thiện, tuy có dị thục, nhưng nếu không khởi

nghiệp ác, bất thiện, thì hoàn toàn không thể tạo ra dị thục của nẻo ác.

Nếu ái của cõi Dục, đối với vô minh xúc sanh khởi các thọ, khi khởi mong cầu, đối với cảnh khả ái phát sanh tham dục. Đối nơi cảnh đáng ghét phát sanh giận dữ. Đối với cảnh đáng mê lầm phát sanh ngu si. Do sức tăng thượng của ba thứ ấy, nên hành nghiệp bất thiện. Vì nghiệp này, nên sanh nơi các nẻo ác. Không phải chỉ do triền Tham-sân-si kia nhất định bị đọa nơi nẻo ác, nhưng tức ái ấy, đối với lúc sanh dị thục của nghiệp đã tạo, có thể làm trợ bạn.

Lại do sức tăng thượng của việc mong cầu cảnh giới khả ái, nên ba nghiệp thân ngữ ý tu hành hạnh thiện. Dùng đấy làm nhân, nên được sanh nơi nẻo thiện.

Ở đây, các quả dị thục khả ái chỉ nên dùng nghiệp làm nhân dẫn sanh, không phải ái của tánh nhiễm.

Lại, nếu ái này, hệ thuộc cõi Sắc, Vô sắc, tuy không phải là bất thiện, nhưng là nhiễm ô, tất cả đều không có quả dị thục.

Lại, tức do ái của cõi Sắc, Vô sắc ấy, gọi là hữu ái: Kẻ kia do nhân là lắng nghe chánh pháp, nên đối với việc quán tướng thô kém của cõi Dục, chứng đắc minh xúc, sanh khởi các thọ, tương ưng với tác ý như lý của thế gian, điều phục Tham-sân-si của cõi Dục, tu tập tạo thành nghiệp hữu lậu thiện. Do trong thời gian ấy tạo tác nghiệp kia, nên được sanh vào nẻo thiện, không do nơi ái của tánh nhiễm ô kia. Nhưng tức ái này đối với nghiệp đã tạo, lúc sanh dị thục có thể làm trợ bạn, do đó chỉ nói các loài hữu tình theo nghiệp mà hành, không nói theo ái.

Lại nữa, ở trong sự việc bên ngoài, do sức tăng thượng của giả danh nơi thế gian, nên cũng gọi là có quả cùng có người nhận. Nhân cùng với kẻ tạo tác, nên biết cũng thế. Như vậy gọi là Thế tục đế không, chẳng phải là Thắng nghĩa không. Hoặc nói nơi thời gian thường hằng, tất cả các hành chỉ có nhân quả, hoàn toàn không có kẻ nhận, người tạo. Nên biết đó gọi là Thắng nghĩa đế không. Tức Không này lại có bảy thứ:

1. Hậu tế không.
2. Tiền tế không.
3. Trung tế không.
4. Thường không.
5. Ngã không.
6. Người nhận không.
7. Kẻ tạo không.

Ở đây, nên biết không có sáu hành, nơi đời vị lai thật có tự tánh của tụ hành để an lập các hành, lúc sanh từ nơi kia đến. Nếu có sự việc ấy thì các hành kia không nên sanh, vì đối với đời vị lai, tự tánh của các hành đã thật có. Lại không nên có vô thường có thể đạt được. Đã có thể đạt được, do đó nên biết, khi các hành sanh, không từ đâu lại, xưa không nay có. Đó gọi là hậu tế không. Lại, không có các hành đối với đời quá khứ thật có tự tánh của tụ hành để an lập các hành đã sanh đã diệt, đi đến chốn kia tích tập mà trụ. Nếu có sự việc ấy, thì không nên thiết lập các hành có diệt, tánh vô thường kia lẽ ra không thể nhận biết. Nhưng đã có thể nhận biết, do đó các hành vào lúc đang diệt đều không từ đâu đến, tích tập mà trụ. Đã có tan, diệt, không chờ nhân khác, tự nhiên diệt hoại, đó gọi là tiền tế không. Lại, ở trong hành sát na sanh diệt, chỉ có các hành tạm thời có thể đạt được trong ấy, đều không có hành khác có thể thủ đắc, cũng không có vật riêng. Đó gọi là trung tế không. Nên biết cũng là thường không, ngã không. Do vô ngã, nên tánh quả nơi các hành không, là không người thọ nhận. Tánh nhân nơi các hành nghiệp không là không có kẻ tạo tác. Như thế gọi là hai thứ người nhận, kẻ tạo đều không. Vì kẻ tạo, người nhận đều không thật có, chỉ có các hành, đối với đời trước diệt. Chỉ có các hành, đối với đời sau sanh, trong ấy, đều không có việc bỏ đời trước nhận lấy đời sau. Thế nên gọi là chỉ có các hành từ các duyên sanh, có thể sanh các pháp.

Lại, hết thảy pháp đều không tác dụng, không có một ít pháp nào có thể sanh một ít pháp. Do đó nên nói: Đây có nên kia có, đây sanh nên kia sanh. Chỉ chính là ở trong pháp Nhân quả kia, dựa nơi Thế tục đế giả lập tác dụng, tuyên thuyết pháp này có thể sanh pháp kia.

Lại nữa, do năm thứ tướng, nơi cảnh giới của đối tượng duyên có thể thuận theo hỷ, tùy thuận mà hành, tâm vui thích sâu xa, không như chánh lý, chấp giữ lấy tướng, phát sanh tham dục, khởi nhiều tầm tư, tạo phương tiện tìm kiếm, nhân đấy hành rộng hành phước, phi phước.

Như cảnh giới của đối tượng duyên có thể thuận theo hỷ, thì cảnh giới của đối tượng duyên thuận theo ưu, thuận theo xả, với chỗ ứng hợp nên biết cũng thế.

Về sai biệt: Nơi cảnh giới của đối tượng duyên có thể thuận theo ưu, tùy thuận mà hành, tâm chán ác sâu xa, phát sanh giận dữ. Đối với cảnh giới của đối tượng duyên có thể thuận nơi xả, tùy thuận mà hành, tâm ngu muội sâu xa phát sanh ngu si, phần còn lại như trước đã nói.

Lại nữa, có các Bí-sô chứng đắc A-la-hán, các lậu vĩnh viễn dứt hết, nơi tất cả cảnh, tùy thuận mà hành, thường xuyên không kham nổi, cho đến

mất niệm, sanh các phiền não, do đó luôn trụ nơi trụ không tạp nhiễm. Do nhân duyên ấy, nên gọi là hằng trụ. Các vị kia nơi phẩm tùy hành, hoặc hỷ hoặc ưu, hoặc vui, hoặc buồn, các vị A-la-hán đều không hề có, cho đến trong pháp thiện cũng không có sự việc ấy.

Lại, chỗ hằng trụ kia là rất khó hành cùng không tội, nên gọi là tối thắng. Người có thể thành tựu hành cực khó, nên gọi là phước điền chân thật bậc nhất, phải nên phụng thỉnh, cho đến nói rộng, nên biết như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã nêu.

Lại nữa, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, nên biết bậc Đại sư cùng chúng đệ tử, đều do hai tướng, nên tức viên mãn.

Thế nào là hai tướng, nên biết bậc Đại sư về đức viên mãn? Nghĩa là dựa nơi hành lợi tha, muốn khiến ngộ nhập về các thọ hiện có đều là khổ. Nói chỗ dựa của thọ. Nói nhân duyên kia. Nói tùy hành hiện có, có thể tạp nhiễm. Nói về đối tượng được đối trị cùng chủ thể đối trị, an lập trường hợp của Đại sư. Nêu tất cả thứ đều hoàn toàn xuất ly. Đó gọi là đức viên mãn thứ nhất của Đại sư.

Lại dựa nơi hành tự lợi, tuyên thuyết về ba thứ niệm trụ không chung, trụ không tạp nhiễm. Đó gọi là đức viên mãn thứ hai của Đại sư. Thế nào là hai tướng, nên biết về đức viên mãn của chúng đệ tử?

Nghĩa là đối với vô lượng giáo pháp của Như Lai, có thể nhận biết rõ rồi, nhưng chưa lãnh hội được nẻo đến bờ kia. Nếu do đạt được nẻo đến bờ kia, chính là tu tập pháp tùy pháp hành, chứng đắc xuất ly, chẳng phải là nhận biết rõ, thọ trì pháp ấy rồi, như lý tu tập pháp tùy pháp hành. Không phải chỉ theo âm thanh nơi ngôn ngữ được nêu bày, cho là cứu cánh. Đó gọi là đức viên mãn thứ nhất của các chúng đệ tử.

Như thế là tu tập pháp tùy pháp hành, không do thấp kém mà sanh biết đủ, cần phải đi đến trụ xứ của các bậc trượng phu hiền thiện, thông tuệ, là nơi chốn được hướng tới, nhất định sẽ đạt được điều nên chứng đắc. Đó gọi là đức viên mãn thứ hai của các chúng đệ tử.

Lại nữa, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, lại do ba tướng, nên biết bậc Đại sư về đức viên mãn. Lại do hai tướng, nên biết đệ tử về đức viên mãn.

Thế nào là ba tướng, nên biết bậc Đại sư về đức viên mãn? Nghĩa là Đức Phật, Thế Tôn, vì các đệ tử, nên đầu tiên thiết lập hành chánh

Trung đạo, xa lìa hai biên. Đó gọi là đức viên mãn thứ nhất của bậc Đại sư.

Lại, người đối với Thánh giáo chưa sanh tin tưởng, có sự hủy phạm,

dùng phương tiện đúng đắn khiến nhập Thánh giáo, lìa các hủy phạm. Đó gọi là đức viên mãn thứ hai của bậc Đại sư.

Lại, đối với Thánh giáo đã hội nhập, do bốn pháp nhiếp, thâu nhận đúng đắn. Đó gọi là đức viên mãn thứ ba của bậc Đại sư.

Thế nào gọi là bốn thứ pháp nhiếp? Đó là:

1. Đối với chỗ bí mật, dùng sự chỉ dạy, trao truyền về nẻo tịch tĩnh như pháp mà chỉ dạy, trao truyền, không dùng phi pháp.

2. Đối với chỗ trái phạm, dùng ngôn ngữ khổ bức như pháp, hiện tiền quở trách, đuổi đi, không phải là không như pháp.

3. Đối với chỗ tầm tư, nương dựa nơi tham đắm chấp trước thì giáo hóa khiến nơi nội pháp siêng tu tịch tĩnh.

4. Khiến thường xuyên lắng nghe chánh pháp, luôn không biếng trễ, bỏ phế.

Lại khiến xa lìa chánh pháp tương tợ, cùng khiến đối trị việc từ bỏ chánh hạnh. Nên biết tức là, đối với chỗ bí mật kia có thể dẫn đến việc chỉ dạy, trao truyền nẻo tịch tĩnh như pháp. Đối với chỗ thật sự hủy phạm, nếu nhận biết rõ, đúng, cần phải quở, đuổi đi, mới điều phục, dùng ngôn ngữ như pháp, hiện tiền quở trách, đuổi đi, tâm không tạp nhiễm.

Đối với chỗ tầm tư, tạo phương tiện khiến thay đổi để có quyết định rõ. Đối với các kẻ phóng dật theo năm dục diệu, thì chỉ rõ các thứ lỗi lầm tai họa, khiến sanh chán lìa, lần lượt tu học cho đến chứng nhập Tĩnh lự thứ tư. Tầm tư hiện có nương dựa nơi tham đắm chấp trước mới có thể đối với nội pháp đạt tịch tĩnh rốt ráo. Tự khiến không phiền não, khiến kẻ khác thâu giữ. Nên biết đó gọi là thường xuyên trong mọi thời, lắng nghe chánh pháp, không hề biếng trễ, bỏ phế.

Thế nào là hai tướng, nên biết các chúng đệ tử, về đức viên mãn? Nghĩa là các đệ tử, đầu tiên nhẫn thọ kiến giải của bậc Đại sư. Tức trong các pháp thấy rõ là không, vô ngã. Do nhân duyên ấy nên đối với các pháp, không tăng ích ngã để dấy khởi chấp trước sai lạc. Cũng không hủy hoại đạo lý thế tục. Ý lạc vượt hơn nên không bị hệ thuộc. Theo ngôn thuyết, cũng không xa lìa. Đó gọi là đức viên mãn thứ nhất của các chúng đệ tử.

Lại, các chúng đệ tử đối với kiến giải đã nhẫn thọ rồi, có thể tu tập pháp tùy pháp hành đúng đắn, do bốn pháp nhiếp lúc đã thâu nhận được. Nếu các pháp kia có khổ có hại, đều nhận biết rõ như thật, nên có thể mau chóng đoạn dứt. Nếu các pháp kia không khổ không hại cũng nhận biết rõ như thật, nên có thể mau chóng tác chứng. Đó gọi là đức viên mãn thứ hai của các chúng đệ tử.

Như vậy, bậc Đại sư cùng các chúng đệ tử đã thâu nhận Thánh giáo của chư Phật, nên biết là hoàn toàn thanh tịnh không nhiễm, là nơi chốn quy hướng của các bậc thông tuệ.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 93

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh: Duyên Khởi, Thực, Đế, Gồm Thâu Thứ Ba

Đoạn 1:

Như thế là đã nói về xứ lựa chọn gồm thâu. Duyên khởi thực đế giới lựa chọn gồm thâu, nay sẽ nói. Tụng tổng quát nêu:

Lập cùng với hai đế
Do xúc để làm duyên
Có diệt cùng với thực
Sau cùng là như lý.

Tụng riêng nêu:

Lập tụ khổ quán đế
Trí gồm thâu Thánh giáo
Quan sát suy lường xét
Sau thượng mạn, sâu xa.

Lược do ba tướng, nên biết kiến lập duyên khởi có sai biệt:

1. Từ tiền tế, trung tế được sanh.

2. Từ trung tế, hậu tế được sanh

3. Nơi trung tế sanh rồi tùy chuyển cùng hướng tới thanh tịnh.

Ở đây, thế nào là từ tiền tế, trung tế được sanh? Cùng nơi trung tế sanh rồi tùy chuyển? Nghĩa là như có một hữu tình, vốn không thông tuệ, vô minh làm duyên, ba nghiệp thân ngữ ý tạo tác, làm tăng trưởng tội, phước, bất động. Do đấy làm duyên, hành thức theo nghiệp cho đến mạng chung tùy chuyển không dứt, có thể làm nhân cho đời sau nối tiếp sanh thức. Như vậy lần lượt có ái trong ngoài, lúc thức sanh quả, có thể làm trợ bạn, hiện tiền mà khởi. Đã mạng chung rồi, do nhân của tiền tế, đối với đời hiện tại tự thể được sanh. Sanh rồi lần lượt ở trong thai mẹ, nhân nơi thức làm duyên, nối tiếp sanh quả thức tùy chuyển không dứt. Nhận giữ phần vị của danh sắc hiện có như Yết-la-lam, càng về sau càng vượt hơn, khởi đầu từ thai tạng cho đến già suy.

Lại, tức thức ấy, lúc nối tiếp sanh, có thể chiêu cảm nghiệp sanh cùng quả dị thục. Dị thục sanh thức, lại dựa nơi danh sắc tương tục mà chuyển. Nghĩa là dựa nơi sáu căn như mắt v.v… để chuyển. Do đấy nên nói danh sắc duyên nơi thức. Năm căn câu sanh được gọi là sắc. Vô gián diệt v.v… được gọi là danh. Theo chỗ ứng hợp, có thể cùng với sáu thức làm nơi nương dựa. Thức dựa nơi chúng, cho đến mạng chung thường xuyên tùy chuyển.

Lại, gốc của năm sắc căn dựa nơi đại chủng. Đại chủng của xứ căn sanh khởi các sắc cùng các danh khác. Do chúng nắm giữ các căn hiện có, nên gắn chặt ở chỗ nối tiếp, lưu chuyển không dứt. Hai thứ ấy gọi chung là nương dựa, tùy chuyển. Do đấy nên nói thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức. Nơi đời hiện tại, cũng như bó lau, cùng dựa nhau mà chuyển, cho đến thọ mạng trụ, như thế gọi là từ nơi tiền tế, trung tế duyên khởi, các hành được sanh, nơi trung tế này, sanh rồi tùy chuyển. Nên biết ở đây, dựa vào thai sanh nói về thứ lớp chuyển. Noãn sanh, thấp sanh, trừ nơi bụng mẹ, có sai biệt khác. Hữu tình có sắc, tại cõi Dục cõi Sắc, thọ hóa sanh: Vào lúc mới sanh, các căn viên mãn, so

với sai biệt khác.

Tại cõi Vô sắc, thức của các loài hữu tình, nương nơi danh cùng chủng tử của sắc. Danh cùng sắc chủng, dựa nơi thức mà chuyển. Do trong thức kia có sắc chủng, nên sắc tuy gián đoạn, sau sẽ lại sanh. Như thế gọi là ở đây có sai biệt.

Vì nghiệp phước, nên sanh nơi hai nẻo Trời, Người của cõi Dục. Do nghiệp tội, nên sanh trong nẻo ác. Do nghiệp bất động, nên sanh nơi cõi Sắc, Vô sắc.

Thế nào gọi là từ nơi trung tế, hậu tế duyên khởi, các hành được sanh? Thế nào là không sanh? Do không sanh nên chứng đắc thanh tịnh?

Nghĩa là hữu tình kia, ở nơi trung tế như thế sanh, lãnh nhận chỗ được hai quả của nghiệp trước:

1. Lãnh nhận quả dị thục nội.

2. Lãnh nhận quả tăng thượng của thọ do cảnh giới sanh. Hữu tình kia do lắng nghe không phải chánh pháp, hoặc do sức thường xuyên hành tập của đời trước, nên đối với hai thứ quả phát khởi ngu si. Hữu tình kia do ở trong quả dị thục nội có ngu si, nên không thể nhận biết rõ như thật về sanh khổ của hữu sau nơi vị lai. Do sức tăng thượng của vô minh nơi tiền tế, hậu tế ấy, nên tạo tác làm tăng trưởng các hành như trước. Vì nghiệp mới này huân tập, biến đổi thức, nên ở trong hiện pháp theo nghiệp mà

hành. Như thế, vô minh dùng làm duyên, nên các hành được sanh. Hành làm duyên nên khiến thức chuyển biến. Nên biết thức này, ở trong hiện pháp chỉ là tánh của nhân, thâu nhận sẽ sanh quả của các thức. Căn cứ theo tất cả nẻo tương tục làm danh, nói sáu thức thân.

Lại, tức thức này là chỗ đeo đuổi của chủng tử danh sắc, nơi hữu sau của vị lai. Chủng tử của danh sắc lại bị chủng tử của sáu xứ nơi hữu sau của vị lai đeo đuổi. Chủng tử của sáu xứ lại bị chủng tử của các xúc nơi hữu sau của vị lai đeo đuổi. Chủng tử của xúc này lại bị chủng tử của các thọ nơi hữu sau của vị lai đeo đuổi. Nên biết đó gọi là nhân dẫn khởi của hữu sau nơi trung tế. Do thức vì thọ trước làm sau cùng, nên có thể dẫn dắt khắp các tự thể. Như thế, do ngu của quả tăng thượng được sanh từ cảnh giới thứ hai, duyên nơi thọ của cảnh giới phát sanh tham ái. Vì ái này, nên hoặc cầu các dục, hoặc cầu các hữu.

Lại, giữ lấy dục thủ, hoặc giữ lấy kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Giữ lấy các thủ rồi, ái thủ hòa hợp, làm thấm nhuần nhân dẫn khởi trước để chuyển, gọi là hữu, là sẽ sanh khởi thuộc về nhân. Hữu ấy vô gián, đã mạng chung rồi, như chỗ dẫn dắt của nhân dẫn, các hành thức là đầu tiên, thọ là sau cùng, hoặc thứ lớp sanh, hoặc lại tức khắc sanh. Như thế nên biết, ở trong hiện pháp, đầu tiên do vô minh xúc sanh khởi thọ làm duyên sanh ái. Ái làm duyên nên tiếp theo sanh thủ. Thủ làm duyên nên chuyển thành hữu. Hữu làm duyên nên sanh hiện có được sanh. Sanh làm duyên nên các khổ như lão bệnh tử v.v… có sai biệt, thứ lớp hiện tiền. Nên biết ở đây, hoặc có xứ sở xứ sanh hiện tiền, hoặc có xứ sở chủng tử theo đuổi. Như thế, nơi trung tế, vô minh duyên hành, thọ duyên ái v.v…, có thể sanh các hành duyên khởi của hậu tế.

Nếu trong hiện pháp, từ nơi kẻ khác nghe pháp, hoặc nơi đời trước đã tích tập tư lương, do chúng làm nhân, có thể đối với các hành của hai thứ tánh quả, tư duy như lý. Hoặc đối với nhân kia, hoặc đối với diệt kia, hoặc hành hướng tới diệt, tác ý như lý, tư duy về chúng, nên phát sanh chánh kiến.

Lại, đối với các đế thứ lớp đạt được trí kiến hữu học, vô học thanh tịnh. Hữu tình kia do sức của trí kiến như thế, nên có thể đoạn trừ rốt ráo vô minh và ái. Do sự đoạn trừ kia, nên các thọ được sanh khởi từ vô minh xúc, cũng lại theo đấy được đoạn trừ. Vì được đoạn trừ, nên ở trong hiện pháp do lìa vô minh nên chứng đắc huệ giải thoát.

Lại, các thọ, do vô minh xúc sanh khởi, tương ưng với các phiền não tham ái tương ưng hiện có trong tâm. Hữu tình kia, đối với tâm ấy cũng có

thể lìa mọi hệ thuộc. Do lìa tham, nên chứng đắc tâm giải thoát.

Lại, tức do vô minh kia diệt, nên các hữu vô minh lúc cũng chưa đoạn trừ, dựa nơi hậu tế nên sanh hành, thức, cho đến các thọ đều không được sanh, thành pháp chẳng sanh. Thế nên gọi là vô minh diệt nên các hành diệt. Thứ lớp cho đến các xúc do dị thục sanh diệt, nên các thọ do dị thục sanh tùy diệt.

Lại, trong hiện pháp, vô minh diệt, nên xúc của vô minh diệt. Do xúc của vô minh vĩnh viễn được diệt, nên các thọ được sanh từ xúc của vô minh đã vĩnh viễn được diệt, nên ái cũng theo đấy mà diệt. Do ái đã diệt, nên như trước đã gọi là các thủ hiện có, cho đến tồn não dùng làm hậu biên, các hành đều diệt, thành pháp chẳng sanh. Ở trong hiện pháp, các hành như thế đều không lưu chuyển. Do không lưu chuyển nên ở trong hiện pháp, trụ nơi Giới Niết-bàn Hữu dư y, gọi là chứng đắc Niết- bàn của hiện pháp. Bấy giờ, hữu tình kia, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức, chưa diệt hoàn toàn mà được gọi là thanh tịnh trắng sạch, cho đến có thức thân trụ chưa diệt. Hữu tình kia hằng lãnh nhận các thọ lìa hệ thuộc, không có trói buộc. Hữu tình kia có thức thân, cho đến nghiệp trước dẫn dắt thọ lượng luôn nối tiếp trụ. Thọ lượng nếu hết, có thể nắm giữ thức, xả bỏ chỗ chấp thân, mạng căn cũng bỏ. Từ đấy trở về sau, mạng căn hiện có đều hoàn toàn dứt trừ rốt ráo, đều không chỗ có.

Lại, các thức kia cùng với tất cả thọ, ở trong phần vị ấy, tự nhiên mà diệt. Nhân trước diệt, nên các thứ khác lại không nối tiếp, cũng diệt dứt trọn vẹn. Do đạo lý ấy, nên gọi là Giới Bát-niết-bàn Vô dư y, tịch tĩnh rốt ráo, luôn trụ nơi diệu tích. Vì nghĩa này nên thường tùy Niết- bàn, thường dùng Niết-bàn làm cứu cánh, ở nơi trụ xứ của Đức Thế Tôn tu tập phạm hạnh thành thục. Đó gọi là nói rộng.

Do ba thứ tướng, nên kiến lập duyên khởi. Nghĩa là từ tiền tế, trung tế lưu chuyển, từ nơi trung tế, hậu tế lưu chuyển. Lại nơi trung tế lưu chuyển thanh tịnh.

Lại nữa, an lập chín tướng, cây khổ của hữu sau có thể sanh khởi hữu hiện tại. Nghĩa là có hữu tình không phải là hàng thông tuệ của thế gian, ở trong hiện pháp đã tạo nghiệp mới như cây khổ nhỏ.

Nếu hữu tình kia, nơi thế gian không phải là hàng thông tuệ, có thể tùy thuận nơi xứ sở của các lậu. Dựa nơi đời hiện tại, tùy quán ái vị. Dựa nơi đời quá khứ, sanh luyến tiếc sâu xa. Dựa nơi đời vị lai, chuyên tâm buộc vướng. Trụ như thế rồi, trước hết đối với tất cả tham ái chưa đoạn, do luôn hành tập nên lại càng tăng trưởng. Hữu tình này không phải là hàng

thông tuệ, muốn khiến cho cây nhỏ của hữu sau lại thêm tươi tốt như thế, dùng nước tham ái để phun tưới luôn, khiến như trước đã nói, có thể chiêu cảm quả đạt được của thủ nơi vị lai, lần lượt đầy đủ.

Nếu có các Thánh đệ tử đa văn, tuy tạo hữu lậu, có thể chiêu cảm cây nhỏ của các nghiệp nơi vị lai. Nhưng các hành có thể thuận nơi phiền não, tùy quán thuận hợp tánh của pháp sanh diệt, đối với cảnh giới đoạn, cảnh giới vô dục cùng cảnh giới diệt, tùy quán không điên đảo, là tánh tịch tĩnh, tổn giảm nghiệp không khiến tăng trưởng, khiến cho nước ái ấy cũng đều tiêu tan. Kẻ thông tuệ không muốn cây nhỏ của hữu sau xanh tốt, liền đoạn ái kia. Ái duyên nơi thủ v.v… đã tổn hoại. Như thế, cây nhỏ của hữu sau hãy còn khiến cho tất cả đều không thật có, huống hồ là khiến cho hữu sau lại tăng trưởng. Lại như có một hữu tình, đã sanh tự thể, các thứ tạo tác, làm tăng trưởng hiện có ở trước, thuận nơi nghiệp của thọ sau, ở trong hiện pháp, bị chỗ trói buộc kia, tức tự thể ấy cùng chỗ tạo tác trước thuận nơi nghiệp của thọ sau, gồm thâu chung làm một, gọi là hữu sau như cây khổ lớn. Nếu đối với pháp có thể thuận theo các phiền não, như trước đã nói, cho đến chuyên tâm buộc chấp. Trụ như thế rồi, kẻ ấy, với chỗ tạo tác trước thuận nơi nghiệp thọ nhận sau, như rễ cắm sâu vào đất khiến cây lá um tùm. Ở trong hiện pháp, phiền não ái kia như đường dẫn nước bên cạnh tưới vào khiến cây tươi tốt. Dùng đấy làm nhân, khiến tất cả chủng tử nơi thức tùy theo nghiệp hoặc mà hành. Nơi đời vị lai lúc đang tiếp tục sanh, thì trụ nơi danh sắc.

Như vậy, cây khổ khi cao lớn, an lập, nên biết hữu tình như thế là muốn khiến cho cây khổ lần lượt thêm xanh tốt. Ở đây, phẩm bạch như trước đã nói, nên biết.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nơi thời xa xưa, lúc làm Bồ tát, đã từ bỏ các đạo thế tục đã đạt được từ trước, cùng các vị thầy thế gian, ở tại tòa Bồ đề, vì thương xót các hữu tình, muốn đem lại lợi ích cho họ là điều trước nhất, nên tự đối với các đế khởi quán xét đúng đắn. Bấy giờ, vì nhằm quán đầy đủ về Khổ đế, do chi lão tử thuộc về Khổ đế, nên đối với duyên khởi đã quán xét theo chiều hướng nghịch. Nên biết ở đây, do ba thứ tướng, nên đối với lão tử quán xét đúng như lý:

1. Quán xét nhân duyên vi tế.

2. Quán xét nhân duyên thô.

3. Quán xét về không phải là không tịnh.

Nhân duyên chiêu cảm sanh, cũng gọi là sanh. Tức tự thế sanh cũng gọi là sanh. Sanh trước là tế, sanh sau là thô.

Ở đây, quán sanh trước là tế, là hữu mà có lão tử. Cũng quán do sanh sau là thô làm duyên nên được có lão tử. Lão tử của vị lai, sanh tế làm nhân. Lão tử của hiện pháp thì sanh thô làm nhân.

Thế nào gọi là không phải là không quyết định? Nghĩa là, tức trừ hai thứ thể sanh thuộc về xứ sanh kia phần còn lại nhất định không thể cho qua quả lão tử. Như quán về lão tử, thì quán sanh hữu, thủ, ái, đều do hai thứ quán xét như lý, nên biết cũng vậy.

Như thế gọi là khởi đầu từ lão tử, lần lượt theo đạo lý duyên khởi quán xét nghịch về hai đế Khổ, Tập. Nên biết ở đây, thuận theo pháp của Tập đế cũng như tim đèn, tức Tập đế này như là dầu mỡ v.v…, Khổ đế giống như đèn. Các hữu tình không thông tuệ ví như kẻ rót dầu cùng tập hợp tim đèn. Như vậy, đèn khổ được đốt sáng lâu dài ở đời. Nên biết phẩm bạch Cùng với đấy trái nhau. Nghĩa là theo phương tiện thiện xảo, quán Diệt đế, Đạo đế.

Lại có hai thứ hữu tình:

1. Chỉ hành cho mình, không hành lợi ích. Nghĩa là chỉ đối với bản thân, tập hợp tim đèn, rót dầu, khiến một đèn khổ nối tiếp trụ lâu.

2. Lại có hữu tình khác, hành gồm cả tự, tha với vô lượng đại chúng, không phải hành lợi ích. Bị khối lửa của khổ lớn thiêu đốt tự tha, đã thâu nhận pháp tà, trước hết là lắng nghe, ba huệ Văn, Tư, Tu đều dẫn đến hành tà. Ví như người tích chứa củi khô, cỏ khô cùng phân bò khô, do nhân duyên ấy, khiến khối lửa khổ trong thời gian cứ bùng cháy không hề dứt.

Lại nữa, Đức Thế Tôn, vào thời xa xưa, lúc làm Bồ tát, ở nơi tòa Bồ đề, dựa vào môn duyên khởi, thứ lớp theo hướng nghịch mà nhập. Trước duyên nơi hậu tế, tư duy như lý về lão tử nơi Khổ đế, cho đến chi ái. Như vậy là quán xét về Khổ đế của hậu tế, cùng khổ của hậu tế nơi Tập đế hiện có, chưa cho là biết đủ, nên lại quán xét các khổ hiện tại thuộc về nhân duyên của Tập đế nơi hậu tế. Tức là quán nghịch khắp về thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc cùng thức.

Nên biết ở đây, quán khổ của vị lai là Khổ đế hiện có. Quán nhân của tập kia là Tập đế hiện có. Quán Tập đế của khổ nơi đời vị lai do đâu mà có? Tức biết do từ nơi Tập trước đã sanh khởi thức làm biên vực, nên Khổ của hiện pháp có. Đã nhận biết từ Tập trước sanh khởi, nên không quán lần nữa khổ ấy vì sao có. Do đó, Đức Thế Tôn vào thời xa xưa, lúc là Bồ tát, vì quán Khổ Tập hiện có của vị lai, quán khổ của hiện tại, cho đến tác ý tương ưng nơi tâm thức, nhưng lại chuyển hoàn. Lại lần lượt quán chốn nương dựa của Tập đế nơi hậu tế kia. Nơi chốn nương dựa của Khổ đế thuộc hậu

tế, nên biết tức là Tập đế của hậu tế, nên cho đến thức, lần nữa trở lại thuận với trên. Như thế là quán xét như lý về duyên khởi thuận nghịch nơi Khổ Tập. Từ đấy, không gián đoạn là quán về Diệt đế. Khởi đầu từ lão tử, thứ lớp nghịch nhập, cho đến vô minh. Vì sao? Vì quán xét như thế, thì Khổ đế của hiện tại, vì sao tất cả thảy đều diệt hết? Nghĩa là vô minh không tạo tác làm duyên cho hành của nghiệp mới. Như vậy là quán đầy đủ về ba Thánh đế rồi, tiếp đến lại tìm cầu Thánh đế diệt này do đường nào, hành nào để có thể chứng đắc? Do như trước đã nói về "Túc trụ tùy niệm", nhớ nghĩ về thời xưa, vì cầu chánh kiến của thế gian khiến các lậu vĩnh viễn dứt hết, như sự chỉ dạy trao truyền, khiến hiện tại khởi tư duy: Ta nay chứng đắc chánh đạo xưa trước, đồng với chỗ từng trải qua của các Tiên thời xa xưa.

Như vậy, chỉ dùng tác ý thế gian quán đầy đủ về bốn đế. Lại dùng chánh kiến, ở trong các đế được nhập hiện quán, thứ lớp theo phương tiện, chứng Giác Chánh Đẳng Bồ đề Vô thượng. Hiện thấy phương tiện đạt được trí kiến thiện tịnh vô lậu của hàng hữu học, vô học. Vì ý nghĩa này, nên trong ba A-tăng-xí-da đại kiếp, tu tập tất cả hạnh khó hành, nay đối với nghĩa ấy đều đã chứng đắc. Vì lợi tha, vì thương xót các hàng Người, Trời của thế gian, nên tùy theo người có thể hội nhập Thánh pháp, mở bày bốn Thánh đế khiến sanh Đẳng giác.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn giáo hóa thuộc về ba xứ. Đó là:

1. Khéo kiến lập các pháp duyên sanh không tác dụng.

2. Vì dựa nơi hành lợi tha.

3. Vì dựa nơi hành tự lợi.

Ở đây, khéo kiến lập các pháp duyên sanh không tác dụng. Nghĩa là từ khổ của hậu tế, quán nghịch về Khổ Tập của tiền tế nơi hiện pháp: Danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc. Ví như bó lau, lần lượt cùng nương mà được đứng yên. Trung gian nơi các pháp duyên sanh đều không phải tự tạo, cũng không phải tha tạo, không phải tự tha tạo, không phải không nhân sinh. Nếu đặt như vậy gọi là khéo kiến lập các pháp duyên sanh không tác dụng. Vì sao? Vì các hành vô thường, nên tiền tế là không, hậu tế là không, trung tế tuy có nhưng chỉ là sát na, nên tác dụng chuyển động, căn cứ theo đệ nhất nghĩa đều không thật có, chỉ dựa nơi thế tục, tạm giả thiết lập. Thiết lập như vậy là thuận hợp như thật, thế nên gọi đấy là khéo kiến lập. Tức dựa nơi tánh của sự khéo kiến lập như vậy, dựa nơi các duyên khởi, vì kẻ khác tuyên thuyết giáo pháp Thánh đế, gọi là Đức Thế Tôn dựa nơi hành lợi tha. Tức ở đây là dựa vào khả năng của chính mình hướng nhập hiện quán về Thánh đế, với pháp tùy pháp hành. Lại có thể chứng đắc Niết-bàn

của hiện pháp, nên biết đó gọi là Đức Thế Tôn đã dựa nơi hành tự lợi.

Lại, các chúng đệ tử trước đã tích tập tư lương trí huệ, thành tựu huệ câu sanh mạnh mẽ, nên gọi là thông huệ. Gồm đủ giáo, trí, nên gọi là sáng rõ. Gồm đủ chứng trí nên gọi là khéo điều phục. Không do nơi duyên khác mà tự giác về pháp, nên gọi là vô sở úy. Duyên nơi Niết- bàn, nhận biết như thật, nên gọi là thấy cam lồ. Tận trí, vô sanh trí là chỗ nương dựa, chứng Giới Niết-bàn Hữu dư y, nên gọi là thân chứng, đạt được cảnh giới cam lồ vi diệu, an trụ đầy đủ.

Lại nữa, có các kẻ ngu, là chủng loại ngoại đạo, tuy có thể quán thấy tánh vô thường thô nơi thân của bốn đại chủng, do quán thân này tuy trụ vững lâu nhưng có tăng giảm. Lúc chết lúc sanh có bỏ có lấy, nên đối với thân ấy có thể chán, có thể lìa, có thể dấy khởi thắng giải. Dùng đạo thế gian lìa dục của cõi Dục, lìa dục của cõi Sắc, tột cùng đến cõi Hữu Đảnh. Nhưng kẻ ấy đối với thân, nên biết chỉ gọi là chưa được giải thoát. Vì sao? Vì do ở trong các định đã đạt được kia, thức đã được trong sáng chấp giữ làm ngã, trụ nơi tạp nhiễm. Lại, vào thời gian sau, nghiệp dứt, thọ mạng hết, thối chuyển trở lại sanh xuống cõi dưới, do nơi duyên khởi không đạt thiện xảo.

Các Thánh đệ tử, tuy đối với duyên khởi đã được thiện xảo, nhưng chỉ tùy quán tánh vô thường vi tế nơi thân của bốn đại chủng, tức chưa quán xét tánh vô thường của thức. Vì sao? Vì thân của bốn đại chủng trải qua thời gian dài lâu trụ nơi tướng thường có thể đạt được. Sát na tương tợ nối tiếp tùy chuyển, nên tánh vô thường kia khó có thể đạt được. Tướng vô thường thô của thức hiển bày có thể đạt được. Sát na, sát na nơi đối tượng duyên dễ thoát, còn sự chuyển biến của tướng ấy, với vô lượng phẩm loại có sai biệt, nên tuy tánh tướng của thức này là vô thường, nhưng vô lượng phẩm loại thô hiển bày dễ đạt được, mà lại nói là hết sức vi tế, nên biết tánh ấy khó có thể nhận thức, khó có thể hội nhập. Vì sao? Vì đấy chỉ là cảnh do huệ nhãn nhận thấy.

Thân của bốn đại chủng có tăng có giảm, có bỏ có lấy. Tánh vô thường kia hãy còn là phi lý đối với cảnh giới của nhục nhãn, huống hồ là nhãn khác. Các Thánh đệ tử đối với duyên khởi đạt thiện xảo, lại muốn ngộ nhập tánh vô thường của thức hết sức vi tế. Tức nơi duyên khởi tư duy như lý. Do có thể phân biệt tánh sai biệt nơi phần vị tương tục gắn liền với bản thân, cùng các thọ do xúc sanh khởi, nên có thể ngộ nhập tánh vô thường của thức. Chư vị đã thành tựu trí kiến như thế, dần dần đối với thân là chỗ nương dựa của thọ, là chỗ nhân theo các xúc cùng tất cả hành thuộc về danh

còn lại, đều có thể sanh khởi thắng giải, chán lìa, cũng được giải thoát. Đạt giải thoát nên an trụ rốt ráo nơi hai Giới Niết-bàn hoặc Hữu dư y, hoặc Vô dư y.

Lại nữa, Bí-sô đối với pháp duyên khởi đạt được thiện xảo, do ba thứ tướng, nên ở nơi ba đời có thể suy lường đúng đắn, có thể dứt hết khổ một cách chính đáng. Những gì là ba tướng? Đó là:

1. Xứ nương dựa của Khổ.

2. Nhân duyên của Khổ.

3. Chỗ dựa thuộc nhân duyên của Khổ. Đó gọi là ba tướng. Thế nào là ba đời? Đó là:

1. Đời trung gian.

2. Đời quá khứ.

3. Đời vị lai.

Nên biết ở đây, chỗ dựa của Khổ nơi nội thân là nóng, lạnh cùng các khổ như bệnh, chết có sai biệt, là nơi chốn nương dựa của hiện pháp sanh khởi. Vì sao? Vì do có các pháp ấy, nên đối với thân là chỗ dựa, khổ kia được sanh, bên ngoài là cha mẹ, thân thuộc, bạn bè. Chỗ dựa của Khổ thâu nhận là nắm giữ đao gậy như vâng, hầu v.v… cho là hậu biên, là nơi chốn nương dựa của các khổ sai biệt như ưu, sầu, tham v.v… Vì sao? Vì như trước đã nói, hai thứ chỗ dựa ấy dùng việc thâu nhận ái làm nhân, do giống với ái tập, nên từ chỗ dựa ấy sanh khởi, gọi là nhân duyên của Khổ.

Lại, tức ái ấy nương dựa nơi cảnh giới của sắc diệu đáng yêu thích, dùng làm chốn dựa, mới có thể được sanh, gọi pháp đó là chỗ dựa thuộc nhân duyên của Khổ.

Lại, các cảnh giới hiện có nơi hiện tại, do lửa Tham-sân-si nhiệt não làm nhân khiến sanh khô, khát, do đó bèn uống. Ví như thức uống ngon ngọt có lẫn với chất độc, là cảnh giới của đối tượng duyên thuộc sắc diệu đáng yêu thích, không thể từ bỏ, nên càng thêm khát ái. Do khát ái nên có chỗ dựa của vị lai. Có chỗ dựa của vị lai nên có các khổ. Như vậy nên biết, do đệ nhất nghĩa, gọi là hướng tới nẻo chết. Tức do đạo lý của hiện tại như thế, phải nên nhận biết rõ về đạo lý của quá khứ, vị lai, nên biết đó gọi là có thể suy lường đúng đắn về đời trung gian, quá khứ, vị lai.

Lại, tức nương dựa nơi bốn thứ ngôn thuyết, nên biết ba lượng là chỗ dựa của tất cả. Hai thứ ngôn thuyết hoặc thấy hoặc biết là dựa nơi hiện lượng. Ngôn thuyết hoặc hiểu rõ là dựa nơi tỷ lượng. Ngôn thuyết hoặc nghe là dựa nơi chí giáo lượng.

Lại nữa, do năm thứ tướng, là phương tiện của chánh cần quán xét về duyên khởi, có thể dứt hết các khổ, có thể tạo biên vực của khổ. Những gì là năm tướng? Đó là:

1. Quán xét nhân duyên sanh khởi của các pháp duyên sanh.

2. Quán xét nhân duyên diệt của các pháp kia.

3. Nhận biết rõ như thật về hành đúng đắn có thể hướng đến nẻo diệt kia.

4. Tu tập pháp tùy pháp hành.

5. Lìa tăng thượng mạn nơi sự chứng đắc.

Như vậy gọi là khéo khởi quán xét cùng sự thành tựu viên mãn của quả. Khởi đầu từ chỗ dựa nơi nhân duyên Khổ của vị lai. Tiếp theo là quán xét nghịch, cho đến thức duyên danh sắc. Do bốn thứ tướng nên quan sát thông tỏ tu tập hành chánh. Nghĩa là do hai tướng, quán xét về vị lai, nhân có nên quả có, nhân không nên quả không. Đã quán xét thông tỏ về nhân không rồi, do tu hành đúng đắn. Đã thông tỏ rồi, theo đấy tu tập đúng đắn về pháp tùy pháp hành.

Lại, quán xét đúng đắn ở trong hiện pháp, vô minh là duyên nơi nghiệp mới phước, phi phước, bất động, nhân nơi pháp có. Tùy theo hành của nghiệp phước, phi phước, bất động, nên quả như thức v.v… có. Kia không có nên đây cũng không có.

Đã quán xét rồi, thông tỏ như trước, cùng tu hành đúng đắn. Lúc tu hành đúng đắn, không tạo vô minh làm duyên cho nghiệp mới nghiệp cũ. Xúc đã may chóng có thể biến đổi hẳn, nên ở trong hiện pháp chứng đắc Thánh đạo hiện thấy như trước, là đạo quả Niết-bàn. Bấy giờ, hành giả kia ví như thợ gốm lành nghề, đem lửa phiền não với tùy miên được chưng đốt, tùy theo bình đựng hữu thức thân được chưng đốt chín, đặt trên bờ Niết-bàn vô cùng trong mát khiến lìa tất cả phiền não nóng bức.

Lại khiến cho hữu thức thân như gạch ngói, thâu dựa được thanh tịnh, mát mẻ. Nên biết như trước đã nói về thân hiện có lãnh nhận biên vực nơi thọ, cho đến nói rộng. Chưa xả bỏ thọ mạng, lại thường ở nơi nẻo hằng trụ, trọn không thối mất quả A-la-hán, cũng không thể tạo vô minh duyên hành.

Thế nào là đối với sự chứng đắc, lìa tăng thượng mạn? Nghĩa là, bấy giờ hành giả kia thành tựu trí kiến có thể duyên nơi duyên khởi thanh tịnh diệu thiện, tư duy: Dựa nơi Thắng nghĩa đế không lưu chuyển, không Niết-bàn, chỉ có các pháp kia sanh, nên khiến các pháp kia sanh. Các pháp kia diệt, nên khiến các pháp kia diệt.

Lại nữa, lược có hai thứ kẻ tăng thượng mạn:

1. Kẻ tăng thượng mạn nơi hàng hữu học.

2. Kẻ tăng thượng mạn nơi hàng vô học.

Nếu là kẻ tăng thượng mạn nơi hàng hữu học, kẻ ấy nói với người khác: Ta đã vượt qua nghi, vĩnh viễn đoạn trừ ba kiết. Đối với việc chứng đắc giải thoát của hàng hữu học, đã lìa do dự, đã nhổ sạch mũi tên độc, đã có thể đoạn trừ hoàn toàn Tát-ca-da-kiến, dùng làm căn bản cho tất cả kiến thú.

Nếu là kẻ tăng thượng mạn nơi hàng vô học, kẻ ấy nói với người khác: Ta không có cái gì ở trên. Sự việc nên tạo tác, chỗ nên "quyết trạch", ta đều đã làm.

Hai thứ như thế, hoặc dựa nơi duyên khởi, hoặc dựa nơi Niết-bàn.

Lại, dựa nơi bậc Thánh nói, lúc dấy khởi ngôn thuyết, nghĩa là nói về Tánh Không thâm diệu, xuất ly thế gian, tương ưng với các sự việc thuận nghịch nơi duyên khởi của tánh duyên. Đối với chỗ nêu giảng không thể hiểu rõ, không theo đấy để ngộ nhập. Do hai thứ nhân ấy cùng duyên, nên đối với chỗ hiểu rõ như thật lại phát khởi hồ nghi. Đối với sự nối tiếp phiền não của chính mình, đã vĩnh viễn đoạn trừ, tác chứng Niết-bàn cũng sanh do dự. Vì sao? Vì do kẻ tăng thượng mạn nơi hàng hữu học, chấp ngã, ngã sở, luôn đeo đuổi, tác ý tùy nhập, vì ngã mạn vi tế, biến chuyển gián đoạn, không gián đoạn, đều không thể thấu đạt.

Lại, pháp Xa-ma-tha nhận giữ nối tiếp, phòng hộ phiền não thô khiến không tạp loạn. Do nhân duyên này, kẻ ấy đối với pháp chưa đạt được, sanh tưởng đã đạt được. Đối với pháp chưa phòng hộ, sanh tưởng đã phòng hộ, nên bảo với người khác như thế.

Lại, kẻ tăng thượng mạn nơi hàng vô học tự nói: Ta đã đạt tịch tĩnh. Ta đã đạt Niết-bàn. Ta đã lìa ái. Ta đã lìa thủ. Đối với các thứ tăng thượng mạn hiện hành vi tế chưa đoạn ấy, đều không thể thấu đạt. Đối với pháp chưa đạt được, sanh tưởng đã đạt được. Đối với pháp chưa phòng hộ, sanh tưởng đã phòng hộ, nên bảo với kẻ khác như thế.

Lại, kẻ tăng thượng mạn nơi hàng vô học, nên biết có quyết định trước ở nơi hàng hữu học dấy khởi tăng thượng mạn. Vì sao? Vì không phải kẻ ấy với phiền não hiện hành nối tiếp, nhưng tâm bị vây buộc như thế, chấp chặt mà trụ. Do nhân duyên này, nên đối với pháp chưa đạt được, sanh tưởng đã đạt được, khởi tăng thượng mạn, chấp trước sâu chặt, trải qua

nhiều thời gian chấp trụ, hoặc nói với người khác. Chỉ có mất niệm, là phiền não nhỏ hẹp tạm thời hiện hành, tức thì lại thông tỏ, mau chóng có thể xa lìa.

Lại, kẻ ấy, như thế là hoặc do thời trước, đối với pháp chưa đạt được khởi tăng thượng mạn đạt được. Hoặc do nơi hiện tại, đối với chỗ đạt được sanh nghi hoặc, do dự hủy hoại tâm, liền sanh lo buồn, khởi tư duy: Nếu pháp ta đã chứng đắc là không thật có, thì chỗ chứng đắc của kẻ khác cũng phải là không có. Như thế liền sanh tà kiến hủy báng Thánh giáo, nhận lấy nhân của nẻo ác, chịu suy tổn lớn.

Thế nào là như trước đã nói, bậc Thánh thuyết giảng pháp thâm diệu? Nghĩa là có thể khai thị pháp duyên khởi thâm diệu, Niết-bàn cứu cánh, ba tướng tương ưng, thể tánh của hữu vi, vô vi có sai biệt. Hữu vi là vô thường. Vô vi thì thường trụ. Các hành đều khổ. Niết-bàn tịch tĩnh. Hết thảy hữu vi, gồm chung chỉ là khổ, cùng chỉ là nhân của khổ. Hết thảy vô vi gồm chung chỉ là các khổ cùng nhân đã vĩnh viễn diệt trừ.

Nếu các Bí-sô, ở trong hiện pháp đạt được Niết-bàn, đoạn trừ vĩnh viễn nẻo nhân của các khổ nơi hữu sau, khiến quả khổ sẽ có của đời vị lai hoàn toàn không chuyển. Lúc nhập Bát Niết-bàn Vô dư y, khổ sau không còn nối tiếp. Nhân trước đã dẫn đến chỗ dựa của khổ hiện tại, tự nhiên liền diệt, đạt đến biên vực của Khổ.

Ở đây, đều không có kẻ lưu chuyển trước, cũng không có người Bát Niết-bàn nơi hiện tại. Nếu có thể khai thị về nghĩa, lời như thế, nên biết đó gọi là như trước đã nói, bậc Thánh thuyết giảng pháp vô cùng thâm diệu.

Lại nữa, bản tánh của duyên khởi là thâm diệu cùng tột, nhưng có một bậc có thể khai thị khiến trở nên cạn, nên biết điều ấy do hai nhân duyên:

1. Do bậc Đại sư khéo khai thị.

2. Tức do hữu tình ấy thành tựu trí thông sáng, xét đoán vi tế, thấu đạt rộng khắp. Hoặc nói hoặc nghe, các câu nghĩa ấy, nên biết như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã nêu.

Ở đây, các pháp duyên khởi lược do bốn tướng nên thâm diệu tột cùng. Đó là:

1. Do nhân quả vi tế khó nhận biết rõ.

2. Do vô ngã khó nhận biết rõ.

3. Do hữu tình ly hệ mà có trói buộc khó nhận biết rõ.

Lại, tức sáu lược chia làm hai phần, tức danh và sắc, cùng với giới

xúc làm duyên. Nên biết ở đây, ý xứ phi sắc, cùng với các pháp phi sắc khác tương ưng. Một phần như thế được gọi là danh. Các xứ sắc còn lại gồm chung làm một phần, gọi là sắc.

Lại, danh sắc này, ở trong hiện pháp, do nối tiếp sanh thức làm duyên dẫn dắt, cùng có thể nắm giữ khiến không tan hoại.

Lại, tức thức ấy, nối tiếp sanh rồi, sau lại dựa nơi danh sắc mà trụ. Hoặc nơi đồng thời, hoặc sanh không gián đoạn, dựa nơi danh sắc mà chuyển. Đối với hiện pháp, thức này cũng dùng danh sắc kia làm duyên, nên biết nghiệp trước đã dẫn danh sắc cùng thức mà lần lượt dựa vào nhau. Lần lượt làm duyên như thế, nên biết thức duyên danh sắc dùng làm hậu biên, với chi hữu hiện có, tùy theo tướng của lão tử, như trước đã nói, theo chỗ ứng hợp nơi thể tánh có duyên. Như vậy gọi là nhân quả vi tế khó có thể nhận biết rõ. Vì khó nhận biết rõ, nên biết duyên khởi gọi là thâm diệu, hết sức thâm diệu.

Thế nào là vô ngã khó có thể nhận biết rõ? Nghĩa là an lập duyên khởi của các nhân quả, ngang bằng với từng ấy sự việc, ở trong khắp tất cả chúng hữu tình, khởi tăng ngữ của hữu tình không sai biệt. Tức tăng ngữ này nên biết là đường đi, dựa vào ngôn từ hiện có của xứ ấy đã chuyển biến để thiết lập các chúng hữu tình đều dị biệt. Lại lập danh tự đều có sai biệt… Ngang bằng với từng ấy sự việc, đối với các thứ ngôn thuyết của thế tục, sĩ phu có ngôn luận chuyển biến. Tức là các thọ hiện có, hoặc do xúc minh sanh, hoặc do xúc vô minh sanh ra, hoặc do xúc phi minh phi vô minh sanh ra, tất cả như thế cùng với danh sắc kết hợp.

Nếu các danh sắc đã vĩnh viễn đoạn trừ rốt ráo, thì các thọ hiện có không còn chỗ để được sanh. Nên biết đó gọi là duyên khởi vô ngã khó có thể nhận biết rõ.

Thế nào là hữu tình lìa hệ thuộc mà có trói buộc, tánh khó nhận biết rõ? Nghĩa là như ngoại đạo xúc đối xúc vô minh sanh khởi thọ, do ba môn nên đối với các hành duyên sanh vô ngã, phân biệt có ngã, khởi thiết lập kiến.

Những gì là ba môn? Đó là:

1**.** Đối với cõi Dục chưa được lìa dục, ở trong ba thứ thọ hệ thuộc cõi Dục, vọng chấp một phần là ngã sở sáng rõ, vọng chấp một phần là tánh của kẻ thọ nhận, phân biệt có ngã, khởi thiết lập kiến.

2**.** Nơi cõi Dục đã được lìa dục, Tĩnh lự thứ ba chưa được lìa dục, chỉ ở lạc thọ là có chỗ đạt được, tức vọng chấp đây là ngã sở sáng rõ, chấp ngoài thọ ấy riêng có thật ngã, là chủ thể thọ nhận, khởi thiết lập kiến.

Nghĩa là cho ngã này là pháp có thọ, tức dùng thọ kia lãnh nạp thọ này.

3. Từ Tĩnh lự thứ ba trở lên, các thọ vi tế không khổ không lạc, đều không thể thông tỏ, nên phân biệt có ngã. Tức cho các thọ đều không phải là kẻ thọ nhận, khởi thiết lập kiến.

Như thế, tất cả do ba thứ môn dấy khởi ngã kiến, đều không hợp lý. Vì sao? Vì do ba thứ thọ đều vô thường, nên chỗ chấp ngã cũng là vô thường. Thế nên, kẻ kia thấy ba thứ thọ là ngã là không đúng đạo lý. Lại, nơi Tĩnh lự thứ tư trở lên đều không có lạc thọ, trong ấy cũng không có người có thể thọ nhận lạc. Chấp ngã đối với pháp kia do lạc thọ nên gọi là pháp có thọ, là không hợp đạo lý. Lại, nơi Tĩnh lự thứ tư trở lên tới định Vô sắc, kẻ kia do chấp ngã nên không biết về thọ. Do định tịch tĩnh kia sanh thọ, phát khởi ngã mạn, cho là ngã tịch tĩnh. Mạn ấy nên không, nhưng đã có mạn này, thế nên chấp ấy cũng không hợp lý. Nên biết ở đây, nếu các duyên khởi không phải là thâm diệu, thì mạn kia lẽ ra không có. Như thế là kẻ vô trí vọng chấp đã hoại mất nội pháp. Các Thánh đệ tử đa văn, xúc đối minh xúc sanh khởi các thọ, nhận biết rõ tất cả chỗ dấy khởi ngã kiến đều không hợp lý, thế nên quán thấy các pháp là vô ngã. Chư vị ấy đối với Thế tục đế cùng Thắng nghĩa đế đều được thiện xảo. Như trước đã nói, Đức Như Lai sau khi diệt độ, hoặc có hoặc không, cho đến hoặc không phải là có, không phải là không, đều không chấp trước.

Lại, ngoại đạo kia kiến hành như thế, ở trong hiện pháp, dựa vào như trước đã nói về ba thứ vọng kiến, hoặc thiết lập ngã là có sắc. Hoặc thiết lập ngã là không sắc. Hoặc thiết lập ngã là nhỏ hẹp. Hoặc thiết lập ngã là vô lượng.

Như trong hiện pháp, vọng phân biệt ngã là chân thật, có thể đạt được, nên khởi thiết lập kiến. Như vậy, nơi vị lai phân biệt khởi kiến chấp, vì kẻ khác nêu đặt, nên biết cũng thế.

Tuy có nhiều thứ vọng phân biệt ngã, nhưng chỉ một loại là tùy miên của Tát-ca-da-kiến trói buộc chưa đoạn dứt. Kẻ kia tuy do các đạo thế tục thấp kém lìa dần trói buộc, cho đến cõi Hữu Đảnh, nên biết tức kẻ ấy cũng gọi là trói buộc.

Như thế gọi là do diệu trí thiện xảo của các duyên khởi, nên hữu tình lìa hệ thuộc mà có trói buộc tánh khó nhận biết rõ, có thể tùy thuận ngộ nhập.

Thế nào gọi là hữu tình có hệ thuộc mà lìa trói buộc, tánh khó nhận biết rõ? Nghĩa là có các Thánh đệ tử đa văn, xúc đối minh xúc sanh khởi các thọ, ở trong hiện pháp không đạt được thật ngã, cũng không thiết lập.

Thân hoại mạng chung trở về sau, cũng không ở trong bảy thức trụ kia thiết lập tất cả chúng hữu tình. Đã lại đối với cõi dưới nối tiếp sanh thức xứ. Lại đối với cõi kia sanh khởi thức xứ. Chư vị ấy đối với thực trụ cùng với hai xứ, do các duyên khởi nơi đạo lý của Thánh đế, khi quán như thật, thành A-la-hán hoặc huệ giải thoát hoặc cùng giải thoát, gồm đủ tám giải thoát, tĩnh lự, đẳng chí. Chư vị ấy, nơi hiện pháp tuy có thể hiện thấy có sanh già chết, nhưng gọi từ pháp kia mà được lìa trói buộc. Tuy lại hiện thấy các thọ lãnh nạp, nhưng gọi là ở nơi thọ mà được lìa trói buộc. Tuy lại hiện thấy có thức, danh sắc, nhưng gọi là ở nơi pháp ấy mà được lìa trói buộc. Như vậy gọi là, do diệu trí thiện xảo của các duyên khởi, nên hữu tình có hệ thuộc mà lìa trói buộc, tánh khó nhận biết rõ, đã nhận biết rõ như thật.

Do bốn tướng ấy, nên biết duyên khởi gọi là thâm diệu, thâm diệu tột cùng.

Lại nữa, tụng nêu:

Thế tục, Thắng nghĩa khác
Pháp nhĩ, đây tạo tác
Đại không cùng phân biệt
Tự tạo tác là sau.

Ở trong Chánh pháp Tỳ-nại-da này, tuy kẻ ngu, trí lại cùng từ tiền tế đến nơi trung tế, đều do hai thứ phiền não căn bản, tập thành thân có thức như thế. Thân này làm duyên, đối với số hữu tình phi tình hiện có bên ngoài, nơi cảnh giới của đối tượng duyên thuộc về danh sắc, lãnh nạp ba thọ. Nhưng kẻ trí kia, đối với tất cả tiền, trung, hậu tế, so với kẻ ngu kia có sai biệt lớn.

Nên biết ở đây, đối với trung tế có sai biệt: Nghĩa là do hai thứ phiền não căn bản đã tập thành thân có thức như thế. Ở trong hiện pháp, hai thứ ấy đều đoạn. Đoạn trừ hai thứ ấy, nên nơi đời vị lai không còn có thức kia tùy thuộc thân, đây tức gọi là hậu tế có sai biệt.

Hỏi: Do đâu kẻ trí thành tựu tánh của bậc trí?

- Đáp: Do ở trong hiện pháp, Tập đế hiện có, cùng đối với Khổ đế hiện có của hậu tế, đều lìa trói buộc.

Hỏi: Do đâu kẻ ngu tạo thành tánh của kẻ ngu?

- Đáp: Đối với việc đoạn trừ hai thứ kia đều không có năng lực.

Từng hành tập Thánh giáo, gọi là kẻ trí, trước đã tìm cầu tư lương trí huệ, gồm thâu các phạm hạnh.

Đối với Thánh giáo chưa từng tu tập, gọi là kẻ ngu. Kẻ trí kia là trái nhau, nên biết đó gọi là kẻ trí, người ngu, nơi tiền tế có sai biệt.

Lại nữa, các Thánh đệ tử đa văn, thiện xảo đối với các duyên khởi, nhận biết rõ như thật về đạo lý của hai đế Thế tục và Thắng nghĩa. Do nhận biết như thật, nên ở trong hiện pháp, các pháp hiện có như thân có thức v.v… đều nhận biết rõ là vô ngã, hoàn toàn không chấp chúng là ngã, ngã sở. Do đối với Thắng nghĩa đạt được thiện xảo, nên không có tà chấp ấy. Đối với hữu tình gắn chặt với các hành nối tiếp tạo tác tự nghiệp, đều nhận biết rõ như thật là không có chủ thể, đối tượng lần lượt tạo tác, cũng không phải không tạo có nghĩa an lành. Nhận biết rõ như vậy rồi, nên siêng năng chân chánh, tu tập lìa trói buộc của phiền não. Do đối với thế tục đạt được thiện xảo, nên xa lìa nẻo tăng ích hiện có không thật, nẻo tổn giảm sự thật. Ở trong hiện pháp, đối với thân có thức trước đã tạo tác, tư duy về chỗ cầu nguyện, suy xét về chỗ kiến lập, do thệ nguyện, tức dùng diệu huệ do Văn Tư tạo thành, thiện xảo của duyên khởi làm chỗ nương dựa, dùng hành Chỉ, Quán do Tu tạo thành, nên có thể tùy thuận ngộ nhập. Lại, đối với thân nhận biết xúc thọ tưởng tư, quán đầy đủ là Khổ. Lại, đối với thân của ái, lúc quán có sai biệt, nên biết tức là quán xét về Tập đế. Chư vị kia, trí đối với hai có sanh diệt, đã nhận biết rõ như thật. Do nhân nơi Tập, nên đúng như chỗ Tập. Do nhân nơi Diệt, nên đúng như chỗ Diệt. Nghĩa là do tác ý thế gian của địa định, tu tập nhân duyên của tác ý như thế, nhập hiện quán đế. Chư vị ấy, nơi thời trước, đối với Tập và Diệt của thế gian, do huệ Văn, Tư, nên gọi là nhận thấy, cũng gọi là khéo nhận biết. Do Tu huệ nên gọi là khéo tư duy. Nay đối với Thánh đế, lúc nhập hiện quán, gọi là khéo thông tỏ, cũng gọi là khéo thấu đạt. Do hoàn toàn hiện có như hiện có, nên tùy thuận thứ lớp. Bấy giờ, chư vị kia, do Văn huệ, Tư huệ, gọi là hướng đến Chánh pháp. Do Tu huệ nên gọi là gần Chánh pháp. Do thông tỏ về đế, nên gọi là chứng đắc Chánh pháp.

Lại, do hướng tới, do gần Chánh pháp, nên gọi là đạt đến nguồn đáy. Do chứng đắc Chánh pháp, nên gọi là đến khắp ngọn nguồn. Lại, huệ hữu học gọi là huệ diệu nhập thế gian, hiện ẩn. Huệ này là vô lậu, nên trong sự nối tiếp của bậc Thánh có thể đạt được, gọi là Huệ Thánh. Có thể dứt hết, có thể loại trừ hết thảy phiền não cùng các khổ, nên gọi là Huệ xuất ly. Có thể thông tỏ rốt ráo tột cùng, nên gọi là Huệ quyết trạch. Chư vị ấy đã thành tựu huệ diệu như thế, lại khởi tư duy: Ta nên tinh tấn đoạn trừ tất cả phiền não hiện có về sau. Tức nơi sự việc ấy tu tập nhiều, ở trong tu đạo, ra khỏi các phiền não khác, dứt hết thảy mọi khổ. Như vậy là hiển thị về chánh đạo hiện có, từ địa của nghiệp đầu, cho đến đạt được quả A-la-hán.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên đối với các pháp duyên khởi cùng duyên sanh, kiến lập hai phần đạo lý sai biệt.

Nghĩa là, như lưu chuyển cùng các chốn lưu chuyển, nên biết ở đây có mười hai chi lưu chuyển sai biệt. Các chi ấy, lại như chỗ ứng hợp, xứng với lý nhân quả, thứ lớp lưu chuyển.

Lại, xứng với lý nhân quả thứ lớp, từ vô thủy đến giờ, lần lượt an lập, gọi là Pháp tánh. Do đời hiện tại, gọi là Pháp trụ. Do đời quá khứ, gọi là Pháp định. Do đời vị lai, gọi là Pháp như tánh. Không phải là Tánh không nhân, nên gọi là như Tánh, không phải là không như Tánh. Tánh của chân như thật, nên gọi là Tánh thật. Tánh của quả như thật, nên gọi là Tánh đế. Tánh thật được nhận biết, nên gọi là Tánh chân. Do trí như thật dựa nơi Tánh của xứ, nên gọi là Tánh không đảo, Tánh không điên đảo. Do tất cả duyên khởi tương ưng nơi văn tự, kiếp lập tánh của xứ nương dựa, nên gọi Tánh của duyên khởi này thuận theo thứ lớp.

Lại, các Thánh đệ tử đa văn đạt được hai thứ thiện xảo ấy, ở trong ba đời, đều nhận biết rõ đúng như thật. Xa lìa tất cả tác ý phi lý, đối với các Thánh đế có thể nhập hiện quán. Ở trong các kiến thú của các ngoại đạo, có thể lìa được trói buộc, như trước đã nói rộng về các nẻo, nên biết.

Lại, duyên khởi kia, từ thời vô thủy đến nay, nhân quả lần lượt lưu chuyển nối tiếp. Đức Như Lai, đối với Tánh thật của sự lưu chuyển ấy, hiện bày Đẳng Giác rồi, dùng trí vi diệu, khởi ngôn từ đúng đắn, theo phương tiện khai thị về không sanh không tạo. Nên biết ở đây, từ thời vô thủy đến giờ, nhân quả lần lượt nơi pháp trụ pháp tánh. Do chúng tương ưng nơi danh cú văn thân, nhằm khiến hiểu rõ về chỗ tùy thuận kiến lập xứ nương dựa của chủng tánh thuộc pháp trụ pháp giới.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên đây tạo tác, đây thọ nhận, chỗ khác tạo tác, chỗ khác thọ nhận, không nên ký biệt. Những gì là hai? Đó là:

1. Nhân quả cùng thuộc về một. Các hành nối tiếp, trước sau dị biệt.

2. Kẻ tạo tác, người thọ nhận còn lại, không thể thủ đắc.

Nếu đối với luận ấy không nhận không chấp, do hành Trung đạo, như chỉ có nhân quả mà ký biệt đúng đắn, cũng không lỗi lầm.

Lại nữa, tất cả vô ngã không có sai biệt, gọi chung là Không.

Nghĩa là hữu tình vô ngã cùng pháp vô ngã.

Hữu tình vô ngã: Nghĩa là lìa tất cả hành duyên sanh, ngoài ra còn có riêng ngã thật, là điều không thể đạt được.

Pháp vô ngã: Tức tánh của tất cả hành duyên sanh, không phải là ngã thật, là vô thường.

Hai thứ như thế lược gồm thâu làm một. Xứ kia nói đây gọi là đại

không. Nghĩa là như có trường hợp lìa ngôn thuyết thế tục, vọng kiến làm chỗ dựa, khởi kiến như thế, lập luận như thế, cho là có vật riêng khác với pháp duyên sanh. hoặc là pháp duyên sanh khác với vật kia, thuộc vật kia. Ở đây là dựa vào vọng kiến, không phải là trụ nơi phạm hạnh. Vì sao? Vì do kiến như thế nương dựa nơi Không thứ nhất, đối trị kiến chuyển, không phải kiến này nên giải thoát. Hoặc lại tức ở trong pháp duyên sanh thuộc về danh sắc, dựa vào ba thứ vọng kiến như trước đã nói, khởi kiến như thế, lập luận như thế: Mạng tức là thân, cho đến nói rộng. Như vậy cũng không phải an trụ nơi phạm hạnh. Vì sao? Vì do kiến như thế, dựa nơi Không thứ hai, đối trị kiến chuyển, không phải kiến này nên giải thoát.

Xa lìa hai biên là kiến như thế, chỉ thấy nhân quả, gọi là hành Trung đạo. Đối tượng nhận thức là chân như, gọi là Tánh như thật. Chủ thể nhận thức là chân như, gọi là Tánh không điên đảo. Đối với các hành có, giả thiết lập là có, là các hành này, các hành thuộc về pháp kia. Nếu dựa nơi Thắng nghĩa, có như thế, thì tất cả hành kia hoặc diệt hoặc đoạn, làm sao có thể nói đây là các hành? Hoặc hành thuộc pháp kia? Bấy giờ, do đối với hai thứ như thế, đều không thể thủ đắc.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên biết là đã thiết lập tất cả thứ tướng của duyên khởi hiện có, nghĩa là nêu lên chung, hoặc phân biệt riêng. Những gì là hai nhân duyên? Đó là:

1. Như Tánh hiện có.

2. Toàn bộ như Tánh hiện có.

Thế nào là như Tánh hiện có? Nghĩa là các pháp duyên sanh, như vô minh v.v…, lần lượt tương xứng với thể tánh của nhân quả, cùng có nhân này chưa đoạn, nên có quả kia chưa đoạn. Nhân chưa đoạn ấy sanh, nên quả chưa đoạn kia sanh. Như thế gọi là như Tánh hiện có.

Thế nào là toàn bộ như Tánh hiện có? Nghĩa là các hành duyên sanh như vô minh v.v… nơi tất cả thứ tướng như vô minh kia là vô trí của tiền tế, cho đến nói rộng về thể tướng sai biệt. Phân biệt rộng về danh, nên biết như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã nêu. Phân biệt kiến lập, như trước nên biết. Như thế gọi là hết thảy như Tánh hiện có. Tức dựa nơi như Tánh hiện có như thế, là hết thảy như Tánh hiện có. Nếu nêu lên chung hoặc phân biệt riêng, trước là nêu lên chung, gọi là trước sau. Tức ở đây lại khai thị rộng, gọi là phân biệt.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên tự tạo tác khổ lạc không thể thiết lập, không thể ký biệt. Như vậy, tha tạo tác, cả hai cùng tạo tác, cùng không tạo tác, không nhân mà sanh, nên biết cũng thế. Những gì là hai? Đó là:

1. Các hành như trước đã nói, là không tác dụng.

2. Hữu tình tạo tác chưa trọn vẹn, không thể thủ đắc v.v…

Ở đây, các hành không tác dụng, nên thọ này, lãnh nhận này, tự tạo khổ lạc, là không hợp đạo lý.

Lại, sự tạo tác chưa hoàn toàn kia, hữu tình không thể thủ đắc, nên thọ khác, lãnh nhận khác, là không hợp lý. Thọ chỗ khát ái, thâu nhận thọ, kẻ khác thọ cũng không hợp lý. Có các duyên nên các thọ được sanh, tức không nhân sanh cũng không hợp lý. Do đó, xa lìa biên của ba thứ luận nhân ác trước, một thứ sau là biên của luận không nhân. Nhận biết rõ giáo pháp hành Trung đạo như trước, siêng năng tu tập hạnh chánh, có thể dứt hết các khổ.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 94

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh:
Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới, Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Ba

Đoạn 2:

Lại nữa, tụng nêu:

Xúc duyên kiến viên mãn
Thật hiểu, không ái lạc
Pháp trụ trí tinh tấn
Xứ sanh cùng là sau.

Ở trong tất cả xúc duyên thọ hữu, nếu các Sa-môn hoặc Bà-la- môn tuyên thuyết về luận nhân ác, không nhân, thỉnh vấn như trước, ở đây tạo tác, ở đây thọ nhận, cho đến nói rộng. Đệ tử của bậc Đại sư an trụ nơi Chánh pháp, hoặc hơn hoặc kém, lược có ba thứ ký biệt không điên đảo:

1. Ký biệt mở bày tự tông.

2. Ký biệt hàng phục tông khác.

3. Ký biệt có chấp, không chấp, tạp nhiễm, thanh tịnh.

Nên biết ở đây, đối với điều thưa hỏi của kẻ kia, ghi nhận không sai biệt. Nghĩa là các thứ khổ, lạc đều từ duyên sanh, là tông ta đã nêu dẫn. Đây tức gọi là ký biệt mở bày tự tông. Nếu đối với chỗ thưa hỏi của kẻ kia, tạo ký biệt như thế: Các thứ chấp về khổ lạc là tự tạo, tha tạo, cùng tạo, cùng không tạo, không nhân mà sanh, nơi tất cả xứ do xúc sanh thọ. Sao lại theo cộng chấp về tự tha tạo tác v.v… Nếu xúc nhân nơi thọ hiện không thể đạt được, lại cầu tìm nhân khác, có thể là xảo diệu. Nhưng xúc nhân nơi thọ đã hiện có thể đạt được, nên cầu tìm nhân khác không phải là xảo diệu. Ghi nhận như thế tức gọi là ký biệt hàng phục tông khác. Vì sao? Vì do hai nhân duyên nên kẻ kia bị hàng phục:

1. Trừ căn cảnh thức hợp ra, thì không thể hiển thị người tạo tác khác.

2. Không thể bài bác tất cả hiện lượng của thế gian về chỗ đạt được nhân duyên của xúc như lý.

Lại, kẻ kia không thể lập tự tông, nên cũng lại không thể phá bỏ tha

tông, nên gọi là bị hàng phục phá trừ.

Nếu đối với chỗ thưa hỏi của kẻ kia, tạo ký biệt như vầy: Ta cũng chỉ dựa vào thức thuộc cảnh giới của căn, giả lập tự tạo, tha tạo, cùng tạo, hoặc khổ hoặc lạc, nhưng đối với ngã thật đều không có chấp. Ông ở trong ấy có chấp trước tà vạy, nên không thuận chấp nhận. Vì sao? Vì nếu có chấp trước tức là tạp nhiễm. Nếu không chấp trước tức là có thanh tịnh.

Thế nào gọi là nếu có chấp trước tức là tạp nhiễm? Nghĩa là kẻ kia, không phải là hàng thông tuệ của thế gian, nếu đối với tiền tế có chỗ chấp trước, vô minh duyên hành, nói rộng như trước, nên đối với trung tế, về khổ lạc bị tạp nhiễm. Nếu đối với trung tế có chỗ chấp trước, thì cũng như đã nói ở trước, sẽ đối với khổ lạc của hậu tế bị tạp nhiễm.

Thế nào gọi là nếu không chấp trước tức là thanh tịnh? Nghĩa là người thông tuệ, nếu đối với tiền tế hoặc đối với trung tế, không ở nơi các hành chấp ngã, ngã sở. Vị kia, đối với nhân của các thọ nơi tiền tế diệt rồi, là Bát Niết-bàn. Hoặc đối với nhân của các thọ nơi hậu tế diệt, là sẽ Bát Niết-bàn. Đó gọi là ký biệt thứ ba, có chấp không chấp, tạp nhiễm, thanh tịnh.

Lại nữa, nếu có hữu tình dứt bỏ nhân ác, không nhân, đối với pháp do nhân sanh trong năm thứ nhân đạt được chánh kiến, gọi là kiến viên mãn. Đối với Chánh pháp cùng Tỳ-nại-da này không thể chuyển theo, cũng được gọi là thành kiến chánh trực. Do đối với Niết-bàn, ý lạc thanh tịnh, nên cũng gọi là thành tựu chứng tịnh nơi Phật. Đối với cảnh giới được nhận biết, trí đạt thanh tịnh. Do ba duyên ấy, theo như thứ lớp, gọi là đối với Chánh pháp, hướng đến, thân cận, cùng với chứng đắc chân chánh.

Thế nào gọi là năm thứ nhân của pháp từ nhân sanh?

1. Nhân của nẻo ác. Nghĩa là các pháp bất thiện cùng căn bất thiện.

2. Nhân của nẻo thiện. Nghĩa là tất cả pháp thiện cùng các căn thiện.

3. Nhân đối với thức trụ khiến thức trụ. Nghĩa là bốn thứ thực ăn).

4. Nhân tạp nhiễm của hiện pháp, hậu pháp. Nghĩa là tất cả lậu.

5. Nhân thanh tịnh: Nghĩa là đế, duyên khởi.

Nếu có hữu tình đối với tự tánh của các nhân ấy, nhận biết rõ đúng như thật là tự tánh của chúng. Đối với nhân duyên ấy nhận biết rõ đúng như thật là nhân duyên ấy. Đối với nhân duyên diệt, nhận biết rõ đúng như thật, đích thực là diệt. Đối với đạo hướng tới diệt, nhận biết rõ đúng như thật, đích thực là đạo, gọi là kiến viên mãn.

Quán sự việc duyên sanh, cho đến vô minh là biên vực tận cùng, vượt quá đấy lại không có nhân của duyên sanh. Quán chỉ do đấy. Quán tự nghĩa

rốt ráo.

Lại nữa, lược có ba thứ. Ở trong hiện pháp, tịch diệt chân thật, cho đến thọ lượng chưa dừng dứt vĩnh viễn, các sự của cảnh giới thuộc đối tượng nhận thức, luôn nối tiếp chuyển. Nơi hàng hữu học, lúc đang tu tập, thiết lập tánh học. Đối với hàng vô học, khởi tư duy: Ta, tất cả đã dứt hết, sẽ không còn dứt hết nữa. tận trí, vô sanh trí đã xét chọn, gọi là pháp xét chọn. Những gì là ba thứ? Đó là:

1. Sáu xứ.

2. Sáu xứ duyên xúc.

3. Xúc duyên thọ.

Ở đây nên biết, các Thánh đệ tử đa văn hiện có, tùy theo chỗ nhận lãnh, tức đối với sự thọ nhận kia, nhận biết khắp đúng như thật. Lại, tức đối với pháp kia chán lìa, muốn diệt trừ, nên siêng năng tu tập hành chân chánh. Lại, có thể nhận biết rõ như thật về thọ kia do xúc dẫn sanh. Xúc lại do sáu xứ kia dẫn sanh. Tức đối với xúc kia dẫn nhân nơi sáu xứ, chán lìa, nhằm diệt trừ, nên siêng tu hành chân chánh. Lại, đối với thọ, xúc cùng sáu xứ kia, tất cả sự thật lược gồm thâu làm một, nhận biết rõ hết thảy do vô thường diệt, nên gọi là pháp diệt. Đã ở trong hiện pháp, đối với tất cả ba thứ sự thật nơi pháp vô thường diệt, như trước đã nói, tu hạnh chán lìa, nhằm diệt trừ. Do hành chân chánh ấy, nên gọi là học thường được giao phó.

Lại do tu tập hành chân chánh ấy, nên không còn tạo tác, hoàn toàn giải thoát, thế nên gọi là trạch pháp luôn tin cậy. Vì nhằm chứng đắc pháp chưa từng đạt được, chưa từng chứng đắc, nên tu tập không gián đoạn, với phương tiện cẩn trọng, gọi là học thường được ủy thác.

Vì đối với hiện pháp lạc trụ hiện có, không hề thối chuyển, hao mất. Tạo tác không gián đoạn, tạo tác cẩn trọng, do đấy gọi là trạch pháp luôn tin cậy. Nêu rõ về tất cả sự pháp, nơi danh cú văn thân tăng thượng, gọi là Pháp giới. Các vị đạt được vô ngại giải, nên danh cú văn thân, theo chỗ mong muốn, đều tự tại. Do đó gọi là khéo thông đạt Pháp giới.

Do đối với Pháp giới khéo thông đạt, tức ở nơi nghĩa của tưởng chân thật như thế, lại dùng tên gọi khác, theo chỗ vui thích, tuyên thuyết có sai biệt. Cho đến có thể, nơi bảy ngày bảy đêm, hoặc vượt hơn thời lượng ấy, từ biện luôn đầy đủ.

Lại dùng chủng loại sai biệt như vậy, tuyên thuyết như thật, các pháp kia là hữu vi, là chỗ tạo tác, chuyển động của Tư, yếu kém như bệnh, như ung nhọt, cho đến nói rộng.

Lại nữa, nên biết, các A-la-hán gồm đủ thắng giải, lược có sáu thứ ký

biệt đã hiểu rõ:

1. Ký biệt có dị môn.

2. Ký biệt không dị môn.

3. Ký biệt do trí.

4. Ký biệt do đoạn.

5. Ký biệt chung.

6. Ký biệt riêng.

- Ký biệt có dị môn: Nghĩa là như có một hành giả, hoặc do kẻ khác thỉnh vấn, hoặc lại tự nhiên vì nhằm khiến cho người khác, đối với Thánh giáo của Phật khởi nhiều cung kính, nên ký biệt như vầy: Ta nơi hiện tại không còn một nghi hoặc nào!

- Ký biệt không dị môn: Tức nêu ký biệt: Sự sanh của ta đã hết, cho đến nói rộng.

- Ký biệt do trí: Nghĩa là có thỉnh vấn: Thế nào là biết? Thế nào là thấy? Sự sanh của kẻ kia đã hết, nên ký biệt, nói: Duyên của sanh hết, nên sanh kia đã hết. Dùng tướng như thế, ký biệt về tận trí thuộc trí khéo giải thoát của tự mình, gọi là ký biệt do trí.

- Lại, tức ở đây ký biệt riêng: Tức ký biệt nhân duyên kia là có. Lại ký biệt nhân duyên của sanh kia là nhân duyên nơi các thủ. Lại ký biệt tướng của các thủ ấy, nhận biết như thật, nhận thấy như thật khiến thủ không có.

- Ký biệt chung: Nghĩa là, tức ở đây, hết thảy chỗ ký biệt đã nhận biết rõ về các thọ hiện có đều khổ. Đã nhận biết rõ rồi, khiến sự sanh kia dứt hết. Ký biệt như thế gọi là ký biệt chung.

- Ký biệt do đoạn: Tức do nội giải thoát kia, nên tất cả nhân duyên của tham ái đều dứt hết. Ký biệt như vậy gọi là ký biệt do đoạn. Ký biệt do đoạn này, tức như trước nói, gọi là ký biệt riêng.

Ký biệt chung ấy, nên biết lược do ba thứ hành tướng. Nghĩa là Đức Bạc-già-phạm đã nói về các kiết, ta đều không có. Đó gọi là ký biệt chung đầu tiên do đoạn. Nghĩa là các hữu kiết đều vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại, ta an trụ nơi chánh niệm như thế. Do ta an trụ nơi chánh niệm ấy, nên tất cả tham, ưu, các pháp ác bất thiện, có thể khiến chúng hoàn toàn không cấu nhiễm nơi tâm. Đó gọi là ký biệt chung thứ hai, do đoạn. Nghĩa là hằng trụ.

Lại, ở trong ấy tự không kiêu mạn. Đó gọi là ký biệt chung thứ ba, do đoạn. Nghĩa là không có tăng thượng mạn khác.

Như vậy là đã nêu chung, có sáu thứ ký biệt.

Lại nữa, có ba thứ pháp là chỗ yêu thích của các thế gian, dựa nơi nội pháp mà nói. Đó là:

1. Thế lực.

2. Diệu sắc.

3. Thọ mạng.

Lại có trái hại với ba pháp như thế, có thể dẫn đến chỗ đối trị, không thể yêu thích ba thứ pháp riêng:

1. Tật bệnh.

2. Già suy.

3. Chết yểu.

Nếu đối với ba học, lúc dấy khởi hành tà, liền không thể gắn nhận vượt khỏi bệnh tật, già suy, mạng yểu. Nếu đối với ba học, lúc phát khởi hành chân chánh, tức có thể vượt khỏi ba sự như vậy. Những gì là ba học? Đó là:

1. Giới học tăng thượng.

2. Tâm học tăng thượng.

3. Huệ học tăng thượng.

Thế nào gọi là nương dựa nơi Giới học tăng thượng hiện có, dấy khởi các hành tà? Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong pháp mới học có chỗ hủy phạm. Hoặc quán nơi mình, hoặc quán nơi kẻ khác, đều không có xấu hổ. Đã tự an trụ nơi tâm không biết xấu hổ rồi, liền đối với tất cả pháp ác bất thiện không tự ngăn giữ. Đã đối với pháp kia không tự giữ gìn. Đã đối với Phật Pháp Tăng không khởi cung kính, nên đối với các thứ chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền đã học đều không kính sợ. Do nhân duyên ấy, hoặc đối với sự việc này, kẻ khác chính thức nêu lên, can gián, liền đối với họ cho là không thể nhẫn, thọ. Tự mình đối với các vị kia cũng im lặng, không cùng nói năng. Nơi xứ phi xứ, hữu tình có thể nêu dẫn khuyên can đúng đắn, đều ghét bỏ, xa lánh. Đối với việc làm theo các hành tà, thì những ai đồng với pháp của mình, liền thân cận, giao du, ưa thích cùng ở chung. Do cùng với bạn ác thường ở chung, nên đối với các bậc Hiền Thánh hãy còn sanh tâm ghét bỏ, huống hồ là sẽ đi đến trú xứ, kính cẩn thưa hỏi, lãnh hội, phụng hành. Giả như có đi đến, vì có thuyết giảng Chánh pháp, do ghét bỏ các Thánh Hiền, nên không muốn nghe. Như tạm thời lắng nghe, thì tâm không kính thuận, chỉ mang tâm chống trái, không vì để hiểu biết mà có lắng nghe. Ở trong các trí luận phân biệt hành chân chánh nơi xứ phi xứ,

đều không thích an trụ. Kẻ ấy, do bên trong mang tâm chống trái, nên tuy có lắng nghe, nhưng không tin, nhận, cũng không nương vào đấy để hành trì.

Lại, các bậc Hiền Thánh đều im lặng, không cùng với kẻ ấy nói năng, khởi tư duy: Hành giả như thế là không kham nổi những lời chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền. Kẻ kia đã tự nhiên không có pháp để tự chế ngự, lại bị các bậc Hiền Thánh từ bỏ, nên nội tâm luôn không tịch tĩnh, ngoại thân ngôn ý hỗn tạp mà trụ. Tham, ác càng tăng, lời lẽ càng kiêu ngạo, đối với sự việc như thế không thấy tội lỗi, nhiều chỗ hủy phạm không như pháp sám hối. Do luôn hành tập nên lần lượt hủy phạm tất cả Thi-la. Nên biết đó gọi là nương dựa nơi Giới học tăng thượng hiện có, dấy khởi các hành tà vạy. Cùng với đấy trái nhau, nên biết tức là nương dựa nơi Giới học tăng thượng hiện có, phát khởi hành chân chánh.

Thế nào gọi là nương dựa nơi Tâm học tăng thượng hiện có, dấy khởi các hành tà? Nghĩa là vào lúc hành trì không như lý chánh, chấp giữ lấy các tướng tùy hảo của cảnh giới, do nhân duyên ấy, phát khởi vọng niệm. Tức ở trong ấy không quán xét lỗi lầm tai họa, phiền não sanh rồi giữ chặt không bỏ. Do đấy nên trụ không chánh tri. Hoặc khi an trụ thì ở nơi chốn xa lìa, không có người thứ hai. Tức do vọng niệm, trụ không chánh tri làm chỗ nương dựa, tâm dong ruổi tan theo ngoại cảnh. Như thế gọi là y chỉ nơi Tâm học tăng thượng hiện có, dấy khởi các hành tà vạy. Cùng với đấy trái nhau, nên biết tức là nương dựa nơi tâm học tăng thượng hiện có, phát khởi hành chân chánh.

Thế nào gọi là nương dựa nơi Huệ học tăng thượng hiện có, dấy khởi các hành tà? Nghĩa là như có một hữu tình, lìa gần Hiền Thánh, nương gần bạn ác, nghe pháp không chân chánh, thắng giải làm nhân, không như chánh lý để xét chọn các pháp. Đối với các thứ dục ác, kiến ác, vui thích thọ hành. Hoặc ở trong pháp vi diệu rộng lớn đã học, đã đạt được, lại tự khinh thường. Như thế gọi là nương dựa nơi Huệ học tăng thượng hiện có, dấy khởi các hành tà vạy. Cùng với đấy trái nhau, nên biết tức là nương dựa nơi Huệ học tăng thượng hiện có, phát khởi hành chân chánh.

Ở đây, hữu tình phàm phu, nương dựa nơi ba thứ học như thế, đã dấy khởi hành tà, không có khả năng vượt khỏi địa phàm phu, để hướng nhập thuận hợp chánh tánh ly sanh, đoạn trừ hoàn toàn ba kiết. Do không đoạn trừ vĩnh viễn ba thứ kiết, nên không đủ năng lực nương dựa vào Tu đạo, đắc A-la-hán, ở trong hiện pháp đã hoàn toàn dứt trừ hết tất cả phiền não như tham-sân-si, vượt khỏi các thứ bệnh tật, già suy, mạng yểu của vị lai.

Cùng với đấy trái nhau, nên biết tức là ở trong ba học, hành đúng như thật nơi tất cả phẩm trắng, nói rộng cho đến siêu vượt các thứ bệnh tật, già suy cùng mạng yểu của vị lai.

Lại nữa, hoặc có Bí-sô, gồm đủ Thi-la thanh tịnh, trụ nơi luật nghi thanh tịnh biệt giải thoát, do sức tăng thượng của Tâm học tăng thượng, nên đạt được Tam-ma-địa thù thắng thuộc phần gần của Tĩnh lự thứ nhất, dùng làm chỗ dựa. Do sức tăng thượng của Huệ học tăng thượng, nên đạt được trí Pháp trụ cùng trí Niết-bàn. Dùng hai trí ấy làm chỗ dựa, trước do bốn thứ viên mãn, lúc xa lìa nẻo thọ học chuyển, khiến tâm giải thoát tất cả phiền não, chứng đắc A-la-hán, thành Huệ giải thoát.

Ở đây, thế nào là Pháp trụ? Nghĩa là như có một hữu tình, lắng nghe giáo pháp, tùy thuận duyên tánh duyên sanh không điên đảo rồi, đối với phần vị nhân quả của hành duyên sanh, trụ nơi địa phàm phu, liền có thể dùng đúng như thật tác ý do Văn-Tư-Tu tạo thành, tư duy như lý. Có thể dùng huệ diệu ngộ nhập tin hiểu về Khổ đúng thực là Khổ, Tập đúng thực là Tập, Diệt đúng thực là Diệt, Đạo đúng thực là Đạo. Các thứ như thế, như trong pháp an lập nhân quả, với diệu trí hiện có, gọi là trí Pháp trụ.

Lại, thế nào gọi là trí Niết-bàn? Nghĩa là "pháp nhĩ" kia, nếu đối với Khổ Tập Diệt Đạo, do diệu trí khi ngộ nhập, tin hiểu là Khổ Tập Diệt Đạo đế chân thật, liền đối với Khổ Tập trụ nơi tưởng chán, nghịch. Đối với Niết-bàn vắng lặng khởi tưởng tịch tĩnh. Đó là tịch tĩnh rốt ráo, vi diệu, dứt bỏ tất cả chỗ dựa của sanh tử, cho đến nói rộng.

Như thế, nương dựa nơi trí Pháp trụ kia, cùng nhân nơi Khổ hoặc nhân duyên của Khổ, trụ nơi tưởng chán nghịch, nên đối với Niết-bàn có thể dùng diệu huệ ngộ nhập tin hiểu là tịch tĩnh v.v… Diệu trí như vậy, gọi là trí Niết-bàn.

Lại nữa, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, các vị thông tuệ, chánh quán về sáu thứ tròn đủ, nên hiện tiền có thể phát khởi siêng năng tinh tấn trụ. Những gì gọi là sáu thứ tròn đủ? Đó là:

1. Bậc Đại sư tròn đủ.

2. Thánh giáo tròn đủ.

3. Thánh giáo dễ nhập, tròn đủ.

4. Chứng đắc tự nghĩa vô thượng tròn đủ.

5. Tất cả tuyên thuyết như lý, không gián đoạn tròn đủ.

6. Có Thánh ngôn đều tròn đủ.

Thế nào là bậc Đại sư tròn đủ? Nghĩa là các Đức Như Lai thành tựu

mười lực, bốn vô sở úy v.v… Như thế gọi là bậc Đại sư tròn đủ.

Thế nào gọi là Thánh giáo tròn đủ? Nghĩa là tự xưng nói: Ta nay đã ở nơi phần vị của bậc Đại tiên tôn quý, có thể chuyển Phạm luân, ở trong đại chúng chánh thức gầm tiếng sư tử, khai thị tất cả nẻo duyên khởi thuận nghịch, Niết-bàn tịch diệt v.v… Như thế gọi là Thánh giáo tròn đủ.

Thế nào gọi là Thánh giáo dễ nhập, tròn đủ? Nghĩa là văn cú hiện có của Thánh giáo này, về tánh thì sáng rõ, về nghĩa thì sâu xa. Do Thánh giáo này có thể khai phát đúng đắn các nghĩa thâm diệu, nêu bày văn cú về tánh thì sáng rõ, về nghĩa thì sâu xa. Như vậy gọi là Thánh giáo dễ nhập, tròn đủ.

Thế nào gọi là chứng đắc tự nghĩa vô thượng, tròn đủ? Nghĩa là không có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào, nơi trụ xứ của Như Lai, có thể chính thức khai giác thông huệ hơn được. Thế nên, đối với kẻ khác, chứng đắc tự nghĩa, về nghĩa nên đạt được, về nghĩa nên giác ngộ, chỉ có Đức Như Lai, với giáo pháp đã thuyết giảng là diệu, là trên. Nếu vượt quá mức ấy thì đường ngôn từ dứt. Như vậy gọi là chứng đắc tự nghĩa vô thượng, tròn đủ.

Thế nào gọi là tất cả tuyên thuyết đều như lý, không gián đoạn, tròn đủ? Nghĩa là các Đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp, vì khắp hết thảy hàng Trời, Người, khai thị thuận hợp, khai thị nơi tất cả pháp, khai thị đầy đủ, không làm vị thầy mỏi mệt. Như vậy gọi là tất cả tuyên thuyết đều như lý, không gián đoạn, tròn đủ.

Thế nào gọi là có Thánh ngôn đều tròn đủ? Nghĩa là có thể đoạn trừ tất cả nghi hoặc, cùng có thể sanh khởi hết thảy thiện căn, hết thảy pháp thiện, với chỗ dựa là tin tưởng lớn, hiện lượng có thể đạt được, là chốn an trú, bậc Đại sư hiện tiền. Như vậy gọi là có Thánh ngôn đều tròn đủ.

Các bậc thông tuệ, chánh quán sáu thứ tròn đủ này, hiện tại đủ khả năng phát khởi siêng năng, tinh tấn trụ. Ở trong ba học, dựa nơi Giới tăng thượng, tu tập Du già. Dựa vào Tâm tăng thượng, tu không phóng dật. Dựa nơi Huệ tăng thượng, đối với giáo pháp của bậc Đại sư, tu hạnh Du già.

Nếu có kẻ, tâm trụ nơi sự biếng trễ, nên biết là đã mong cầu hai thứ lỗi lầm tai họa:

1**.** Mong cầu hiện pháp có thể sanh các khổ của vị lai, hết thảy phiền não tạp nhiễm, ưu khổ, trụ không an ổn.

2**.** Mong cầu tất cả pháp thiện dã chứng, chưa chứng, hiện có bị thối thất. Tức thối thất khả năng dẫn dắt, khả năng đi đến nẻo thiện, đạt tới nghĩa lớn của Niết-bàn.

Cùng với đấy trái nhau, là kẻ siêng năng tinh tấn, nên biết là đã mong

cầu hai thứ thắng lợi. Người tinh tấn ấy, đối với các pháp thiện chưa chứng, có thể chứng đắc, không thối mất, có thể hoàn thành tự nghĩa, tha nghĩa, cả hai nghĩa.

Thế nào gọi là có thể hoàn thành tự nghĩa? Tức là chư vị đã xuất gia rồi, do hai thứ tướng, nên nói là có quả:

1. Chứng đắc, lìa mọi trói buộc của phiền não, đạt Niết-bàn rốt ráo, nghĩa là quả Ly hệ.

2. Có thể phát khởi lạc thù thắng của thế gian. Nghĩa là đi đến nẻo thiện, vui thích với quả Dị thục.

Thế nào gọi là có thể hoàn thành tha nghĩa? Tức là rộng vì kẻ khác tuyên thuyết pháp chính yếu, khiến họ có thể đi đến nẻo thiện của thế gian, đạt Niết-bàn cứu cánh.

Thế nào gọi là có thể hoàn thành cả hai nghĩa? Tức là tự tu trì phước điền thanh tịnh, tánh có thể gắng nhận, thọ dụng từ biên tịnh tín các thứ vật dụng đã đạt được đúng như pháp như y phục v.v… Do thọ dụng ấy gồm thâu, nuôi dưỡng bản thân khiến có thể thuận theo tất cả phẩm thiện. Lại có thể khiến cho kẻ khác đối với mình tạo được quả báo lớn, tức là đi đến nẻo thiện của vị lai. Đạt được lợi thù thắng, nghĩa là sẽ đạt được của cải, vật báu, kẻ hầu hạ đều viên mãn.

Đạt được vinh hiển, hưng thịnh, tức sẽ đạt được thọ mạng, sắc lực, biện tài v.v… tự viên mãn.

Đạt được sự tu tập lớn rộng, tức đối với việc đạt được ba xứ như trên, trải qua thời gian dài luôn gắn liền không gián đoạn.

Do bốn thứ tướng, nên biết Đức Thế Tôn giảng nói Thánh giáo, được gọi là pháp khéo thuyết giảng:

1. Có thể hướng tới tịch tĩnh, có thể khiến chứng đắc Giới Niết- bàn Hữu dư y.

2. Có thể Bát Niết-bàn, có thể khiến chứng đắc Giới Niết-bàn Vô dư y.

3. Có thể hướng đến Bồ đề, có thể khiến chứng đắc ba Bồ đề: Thanh văn, Độc giác, Chánh đẳng Vô thượng.

4. Thiện Thệ phân biệt về hiện lượng rốt ráo tột cùng, hiển bày chỗ khai thị của bậc Đại sư vô thượng.

Lại nữa, gồm đủ bốn viên mãn, có thể sanh nơi xứ Thánh. Nếu theo đấy, thành tựu một thứ viên mãn ấy thì ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, lúc tu hành đúng đắn, gọi là: "Thiện lai! Thiện xuất gia". Những gì

gọi là bốn thứ viên mãn? Đó là:

1. Ý lạc tăng thượng viên mãn.

2. Căn viên mãn.

3. Trí viên mãn.

4. Tức ở nơi xứ Thánh, có Phật xuất hiện ở đời, được gặp, viên mãn.

- Ý lạc tăng thượng viên mãn: Nghĩa là như có một hành giả, đối với Bát Niết-bàn, ý lạc tăng thượng nhằm tu trị cực tịnh, nên xuất gia, không phải là bị chủ nợ, cùng các thứ sợ hãi bức bách, cho đến nói rộng. Nên biết người đã xuất gia như thế gọi là khéo xuất gia, sanh nơi xứ Thánh.

- Căn viên mãn: Nghĩa là như có một hành giả, mắt tai đầy đủ, không phải là hạng Bán-trạch-ca, chi phần không thiếu. Do có được các căn không thiếu như thế, nên ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng có thể thực hiện việc xuất gia, lúc giảng nói Chánh pháp có thể nghe nhận.

- Trí viên mãn: Nghĩa là như có một hành giả, tánh không ngu tối, không có chướng ngại do ngu si của phẩm hạ, cũng không câm ngọng. Không có chướng ngại do ngu si của phẩm trung, nên không phải là hạng "tay thay lời nói". Không có chướng ngại do ngu si thuộc phẩm thượng, nên lìa ba thứ chướng ngu si của trí. Có năng lực để hiểu rõ nghĩa của pháp nói về thiện nói về ác hiện có.

Tức ở nơi xứ Thánh, có Phật xuất hiện ở đời, được gặp viên mãn. Nghĩa là như hiện tại có Đức Bạc-già-phạm Thích Ca Mâu Ni xuất hiện ở thế gian, là bậc Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, cho đến nói rộng, đã tuyên thuyết Chánh pháp, hướng tới tịch tĩnh v.v…, nói rộng như trước.

Nên biết ở đây, sanh nơi xứ Thánh, nên gọi là "Thiện lai!". Khéo được xuất gia, căn không thiếu, giảm, không ngu tối, không câm ngọng, cũng không dùng tay thay cho lời nói, gọi là khéo đạt được thân người đầy đủ.

Lại nữa, người tu hành Quán, đối với các hành duyên sanh lưu chuyển, lược có hai thứ pháp tạo do dự. Đó là:

1. Vâng tập theo luận nói không nhân.

2. Vâng tập theo luận nói nhân ác.

Ở đây, vâng tập nơi luận không nhân: Tức quán xét tất cả loại đều không có nhân, liền sanh nghi hoặc: Vì sao các pháp không có nhân mà chuyển?

Trường hợp vâng tập nơi luận nhân ác: Cũng sanh nghi hoặc: Vì sao do nhân không tương tợ kia, do nhân không hợp lý mà có các pháp chuyển?

Nếu có các Thánh đệ tử đa văn, xa lài hai thứ luận không chân thật, chánh quán về pháp lưu chuyển là do nhân quyên, được khéo quyết định, không có nghi hoặc, nội chứng chân thật. Nếu đối với xứ này, nói có các Thánh đệ tử đa văn, nên biết ở đây là các phàm phu. Nếu đối với xứ này, nói có các Thánh đệ tử đa văn, nên biết ở đây là các phàm phu. Nếu đối với xứ này, chỉ nói có các Thánh đệ tử, nên biết ở đây là nói các vị đã kiến đế.

Lại nữa, ở trong Chánh pháp, lược có ba thứ hữu tình cũng có khổ não, trụ nơi không an ổn. Những gì là ba thứ? Nghĩa là như có một hữu tình, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, vì cầu đạt Niết-bàn, hướng tới Niết-bàn, dứt bỏ pháp nhà, chọn đời sống không nhà, đã xuất gia rồi, chỉ có thể thọ trí giới cấm hiện có, liền trụ nơi biết đủ, không đối với mọi thời gian chuyển biến, tinh tấn tu tập Tâm học, Huệ học tăng thượng. Vị ấy đã bỏ cảnh giới thọ dụng hiện có lúc còn ở nơi gia đình, nhưng chưa thể tùy thuận, đạt được an ổn vô thượng, chứng đạo Niết- bàn, nên ở nơi khoảng giữa cũng có khổ não, trụ không an ổn. Đó gọi là loại hữu tình thứ nhất.

Lại như có một hữu tình, tuy không chỉ đối với giới cấm đã thọ, biết đủ, an trụ, nhưng chưa thể vượt quá địa phàm phu. Do chưa thể vượt khỏi địa phàm phu, nên đối với tất cả pháp đều duyên dựa vào kẻ khác. Thường xem xét diện mạo, ngôn ngữ của kẻ khác, làm sao có thể nhận biết, thấy rõ đúng như thật về các đối tượng cần được thấy, biết? Luôn ở nơi kẻ khác để cầu trí, cầu được lãnh hội Chánh pháp, được chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền, nhưng nơi tự tâm có nghi có hoặc, cũng có khổ não, cũng có khổ não, trụ nơi không an ổn, đó gọi là loại hữu tình thứ hai.

Lại, như có một hữu tình là học kiến tích, trụ nơi phóng dật, ở trong hiện pháp không thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh, để có thể thâu nhận nhân sanh khởi của hữu thể thứ hai, có được trụ thứ hai, nên cũng có khổ não, trụ không an ổn. Đó gọi là loại hữu tình thứ ba.

Ba loại hữu tình như thế, lại có ba loại hữu tình khác, có các an lạc, khéo trụ nơi an ổn, nghĩa là bậc A-la-hán hoàn toàn lạc trụ.

Lại nữa, tụng nêu:

Có diệt, hoặc Sa-môn
Bà-la-môn thọ trí
Lưu chuyển cùng qua lại
Phật thuận nghịch là sau.

Các vị học kiến tích, tuy đối với Niết-bàn tịch tĩnh có diệt không theo kẻ khác, tin nơi huệ nhãn của Thánh nội, tự có thể quán thấy, nhưng cũng chưa thể do thân xúc chứng. Vì như có người bị khát do nóng bức bách,

chạy đến nơi giếng sâu, tuy dùng mắt thường thấy rõ nước trong giếng trong lành không có bụi đất uế tạp, lại thấy cả vật dùng múc nước, nhưng đối với nước kia thân chưa xác chứng. Như vậy, hàng hữu học tuy nương theo huệ nhãn của bậc Thánh, hiện thấy chỗ cầu đạt về sau là đoạn hết phiền não, tịch tĩnh tột cùng, nhưng đối với sự đoạn trừ ấy, thân chưa xác chứng.

Lại nữa, có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, đối với Tham-sân-si đã đoạn dứt trọn vẹn, nhưng về nghĩa Sa-môn, Bà-la-môn đích thực thì hoàn toàn chưa chứng đắc. Các thế gian đối với họ khởi tưởng Sa-môn, tưởng Bà-la-môn, họ cũng tự xưng là Sa-môn, Bà-la-môn đích thực. Thế gian đối với họ tuy khởi tưởng ấy, nhưng họ chỉ là Sa-môn, Bà- la-môn thế tục, không phải là Đệ nhất nghĩa. Nếu nơi Đệ nhất nghĩa có các Sa-môn, Bà-la-môn thì họ đều không tự nhận mình là Sa-môn, Bà-la-môn. Vì sao? Vì do họ không thể nhận biết rõ đúng như thật về các pháp tạp nhiễm. Nhân của pháp tạp nhiễm cũng không nhận biết rõ như thật về nẻo diệt kia, về hành diệt kia. Pháp tạp nhiễm: Nghĩa là các khổ thuộc về chi lão tử cùng do chi sanh. Nhân của pháp tạp nhiễm lại có hai thứ:

1. Do ái tạo tác.

2. Do nghiệp tạo tác.

- Do ái tạo tác: Tức là do lý theo thứ lớp nghịch của duyên khởi có chi thủ, ái, hoặc vô minh xúc sanh khởi các thọ, hoặc vô minh xúc cùng vô minh giới tùy theo sáu xứ.

- Do nghiệp tạo tác: Nghĩa là do lý theo thứ lớp nghịch của duyên khởi là danh sắc, thức, hành, cùng tức đối với chúng không nhận biết như thật, như trí pháp trụ hãy còn chưa thể biết rõ, huống chi là hiện như họ lúc hiện quán đế có thể nhận biết rõ khắp. Hoặc như tu đạo chưa nhận biết rõ khắp. Như địa vô học chưa thể vượt khỏi.

Lại nữa, lược do hai thứ minh xúc sanh pháp, ở trong tất cả hành duyên sanh kia, dựa nơi lý của bốn đế hướng nhập hiện quán.

Những gì là hai thứ minh xúc? Đó là:

1. Minh xúc do lãnh nạp đối tượng duyên làm tánh, sanh thọ.

2. Minh xúc do lựa chọn đối tượng duyên làm tánh, sanh huệ.

Nên biết ở đây, đối với mười một chi an lập bốn đế, dựa nơi mỗi mỗi chi đế ấy kiến lập bốn mươi bốn sự. Tức dựa vào minh xúc sanh các thọ, tuyên thuyết bốn mươi bốn thứ thọ sự sai biệt như thế. Tức dựa vào các huệ do minh xúc sanh, tuyên thuyết bốn mươi bốn thứ trí sự sai biệt như thế.

Trong ấy, lão tử được tạo từ hậu tế, chỉ là quả không phải nhân. Đối

với vô minh được phát khởi từ tiền tế, chỉ là nhân không phải quả. Còn các hữu chi khác, cũng là nhân cũng là quả.

Trí hiện hữu khắp ba thời có sai biệt như trước đã nói. Trí quyết định khắp có sai biệt. Do trí pháp trụ đã gồm thâu trí có thể giữ lấy. Do tánh vô thường có sai biệt, nên biết đã kiến lập bảy mươi bảy thứ trí sự có sai biệt.

Như thế là đã hiển thị hành quán đầy đủ về tất cả hành tướng của các tế. Từ đấy, liên tục nhập hiện quán đế, lần lượt tu tập cho đến đạt được quả A-la-hán.

Lại nữa, do ba thứ tướng, nên đối với hành duyên sanh phải nhận biết rõ đúng về thứ lớp lưu chuyển. Những gì là ba thứ tướng? Đó là:

1. Nhân tăng ích.

2. Quả sanh khởi.

3. Quả tăng tập.

Tất cả như thế lược thâu làm một, gọi chung là các pháp, hoặc tăng, hoặc sanh, hoặc tập, dựa nơi nhân quả diệt. Như chỗ ứng hợp nên biết, gọi là hoặc giảm, hoặc diệt, hoặc mất. Như vậy, đạo lý của ý nghĩa sâu xa có sai biệt, không trái với pháp tánh. Lại có nghĩa sai biệt. Thời gian của ba đời có sai biệt. Cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc có sai biệt. Như thứ lớp ấy, hoặc tăng hoặc giảm, hoặc sanh hoặc diệt, hoặc tích tập, hoặc ẩn mất, nên nhận biết rõ đúng.

Lại nữa, nên biết lược có hai thứ tạp nhiễm:

1. Tạp nhiễm của nghiệp ái.

2. Tạp nhiễm của vọng kiến.

Hai thứ tạp nhiễm này, dựa nơi hai phẩm:

1. Phẩm tại gia.

2. Phẩm xuất gia.

Nên biết ở đây, tạp nhiễm của nghiệp ái đã tạo tác, gọi là Tư tạo tác. Tạp nhiễm của vọng kiến từ tà chấp khởi, gọi là chỗ chấp của suy tính. Trong ấy, phàm phu hoặc là phẩm tại gia, hoặc là phẩm xuất gia đều có đủ hai thứ tạp nhiễm. Do các triền cùng tùy miên, nhân nơi đối tượng duyên kia, đối với bốn thức trụ, khiến tâm sanh khởi các thứ tạp nhiễm rồi, thì chiêu tập hữu sau, tuần hoàn qua lại không được giải thoát.

Hàng hữu học kiến tích, đối với tạp nhiễm của vọng kiến đã vĩnh viễn đoạn trừ, chỉ có ngã mạn dựa nơi xứ tập khí hãy còn, chưa đoạn trừ rốt ráo. Chư vị ấy không tạo nghiệp mới, không vui thích hữu sau với tạp nhiễm của nghiệp ái, không có các triền có thể tạo tạp nhiễm, chỉ có tùy miên

nương dựa vào sự tương tục, có thể gây tạp nhiễm, nhân nơi đối tượng duyên kia, đối với các thức trụ, khiến tâm tạp nhiễm, chiêu tập hữu sau.

Nếu là các hàng vô học thì triền và tùy miên của hai thứ tạp nhiễm đều đã đoạn trừ hoàn toàn. Tức trong hiện pháp, nơi các thức trụ, tâm bị tạp nhiễm cùng với việc chiêu tập hữu sau của vị lai, tất cả đều không. Lại nữa, chư Phật quá khứ, lúc làm Bồ tát, đã tư duy như lý về pháp duyên khởi rồi, chứng giác Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng. Nay, Đức Bạc-già-phạm, cũng đối với pháp duyên khởi chánh tư duy rồi,

chứng giác Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng.

Như Phật quá khứ, chứng đắc Bồ đề rồi, tức ở nơi duyên khởi tác ý duyên dựa theo đạo lý thuận nghịch, tạo phương tiện tùy tu, hiện pháp lạc trụ rồi, trụ nơi an lạc. Nay, Đức Bạc-già-phạm cũng lại như vậy. Pháp kia tuy là vô lượng, như nói bảy kiếp tương tợ của thế gian, nên chỉ nói bảy. Như vậy, Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng hãy còn nhận biết như thật về duyên khởi, chưa chứng có thể chứng, chứng rồi đạt được hiện pháp lạc trụ, huống chi là các pháp Bồ đề hiện có thấp kém khác. Lại vì Đẳng giác như thật về duyên khởi, thâu nhận năm chi, là phương tiện đoạn trừ, như trước đã nói nên biết.

Lại, duyên khởi, về nghĩa tóm lược chung, tức dựa nơi phẩm lưu chuyển có nhân nơi các khổ. Lại dựa vào phẩm hoàn diệt, có nhân nơi các pháp vô lậu hiện có. Lại có nhân khổ, là nhân duyên nơi các lậu. Lại, chỗ nương dựa của các lậu kia, tánh từ vô minh xúc sanh khởi các thọ. Lại, có nhân pháp trụ lập nhân duyên, tức trong hiện pháp, phiền não đã đoạn trừ, chỉ có dựa nơi duyên.

Lại, dựa nơi bảy thứ thanh tịnh, lần lượt tu tập, vì nhằm chứng đắc Niết-bàn cứu cánh không tạo tác, nên biết là đã tuyên thuyết về giáo pháp thâm diệu tùy thuận duyên tánh duyên khởi như thế.

Những gì gọi là bảy thứ thanh tịnh? Đó là:

1. Giới thanh tịnh.

2. Tâm thanh tịnh.

3. Kiến thanh tịnh.

4. Vượt qua nghi, thanh tịnh.

5. Trí kiến đạo phi đạo thanh tịnh.

6. Trí kiến hành thanh tịnh.

7. Trí kiến hành đoạn thanh tịnh.

Thế nào gọi là có được thanh tịnh như vậy, lần lượt tu tập? Nghĩa là

có Bí-sô, an trụ đầy đủ nơi Thi-la, giữ gìn luật nghi biệt giải thoát, nói rộng nên biết như nơi địa Thanh văn.

Bí-sô ấy, do gồm đủ Thi-la như thế, nên có thể không hối tiếc, nói rộng cho đến tâm được chánh định, lần lượt đầy đủ, an trụ nơi Tĩnh lự thứ tư. Vị ấy đã đạt được tâm định như thế, lần lượt cho đến đạt được tâm chất trực, nhu hòa, an trụ nơi bất động, vì nhằm chứng đắc lậu tận trí thông, nên tâm định hướng tới bốn Thánh đế, chứng nhập hiện quán, đoạn trừ tất cả phiền não do kiến đạo đoạn, đạt được chánh kiến hữu học vô lậu. Do được chánh kiến, nên có thể đối với Khổ Tập Diệt Đạo cùng Phật Pháp Tăng, dứt trừ hoàn toàn mọi nghi hoặc. Do đoạn trừ rốt ráo, vượt khỏi do dự, nên gọi là vượt qua nghi.

Lại, đối với đạo hành trước của chánh kiến đã nhận biết rõ như thật đó là chánh đạo, do đấy có hể đoạn từ hoặc do Tu đạo đoạn trừ sau khi Tu đạo đã đoạn.

Lại, đối với phi đạo hành trước của tà kiến đã nhận biết rõ như thật đó là tà đạo. Nơi đạo, phi đạo đã đạt thiện xảo rồi, nên xa lìa phi đạo, gắn bó với chánh đạo.

Lại, ở nơi bốn thứ hành tích của tùy đạo đều nhận biết rõ như thật.

Những gì là bốn thứ hành tích? Đó là:

1. Khổ trì thông.

2. Khổ tốc thông.

3. Lạc trì thông.

4. Lạc tốc thông.

Hành tích như thế, đã biện giải rộng, nên biết như nơi địa Thanh văn.

Như thế, bảy thứ thanh tịnh làm chỗ dựa, lần lượt tu tập, cho đến đạt được Niết-bàn không tạo tác, các lậu vĩnh viễn dứt hết. Nên biết ở đây do đối với bảy thứ thanh tịnh như thế, tất cả đều đầy đủ, lần lượt tu tập mới chứng đắc Niết-bàn không tạo tác, chẳng phải là thiếu một thứ. Do đó, nên cầu tất cả như vậy.

Đối với Đức Thế Tôn, việc tu tập phạm hạnh thành thục, không phải chỉ cầu một thứ. Lại, Đức Phật Thế Tôn, do nhân duyên ấy, nên cũng thiết lập đủ tất cả bảy thứ thanh tịnh như thế, vì khiến chứng đắc Niết-bàn không tạo tác, chẳng phải là tùy bỏ một loại.

Lại ở trong ấy, dựa nơi mỗi mỗi thứ mà nói, không phải chỉ do đấy, cũng không phải lìa đấy mà có thể chứng đắc. Như thế nên biết, ở đây duyên tánh duyên khởi là thâm diệu.

Lại nữa, tụng nêu:

An lập cùng nhân duyên
Quan sát nơi nghĩa thực
Rất nhiều các lỗi lầm
Tạp nhiễm cùng ở sau.

Có bốn thứ pháp, ở trong hiện pháp, hoàn toàn có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Bốn pháp đó là:

1. Khí lực.

2. Hỷ lạc.

3. Đối với sự khả ái, chuyên chú trông mong.

4. Khí lực, hỷ lạc, chuyên chú, trông mong, với chỗ nương dựa là đại chủng của các căn, cùng thọ mạng, cùng hơi ấm, an trụ không hoại.

Bốn pháp như thế, theo thứ lớp ấy, nên biết. Biệt dụng nơi bốn pháp là thực (ăn):

1. Đoạn.

2. Xúc thuận lạc thọ.

3. Ý hữu lậu hợp Tư.

4. Thức có thể nắm giữ đại chủng của các căn.

Nên biết ở đây, đoạn cùng với khí lực của hiện pháp là thực (ăn). Do khí lực nên liền có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Các xúc hữu lậu có thể thuận theo lạc thọ, có thể cùng với hỷ lạc là thực (ăn). Do hỷ lạc, nên có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Nếu tại ý địa có thể hợp cảnh nơi Tư, gọi là ý hợp Tư.

Có thể cùng với tất cả cảnh khả ái chuyên chú, hy vọng, là thực (ăn). Do chuyên chú, hy vọng, nên có thể nuôi lớn đại chủng của các căn. Do thức có thể nhận giữ đại chủng của các căn, nên khiến đại chủng của các căn kia, cùng thọ mạng, cùng hơi ấm và thức không lìa thân, làm nhân mà trụ. Thế nên nói thức gọi là nhân trụ kia. Do trụ kia, nên khí lực, hỷ lạc, chuyên chú, hy vọng, dựa vào nhân kia mà chuyển.

Bốn thức thực (ăn) như vậy, có thể khiến cho hữu tình đã sanh, an trụ. Lại do đoạn, mà có khí lực. Có khí lực nên đại chủng các căn đều được tăng trưởng. Do nhân duyên ấy, nên các hàng ngu tối luyến tiếc thân mạng. Vì nghĩa ấy, nên có sự truy tìm. Vào lúc truy tìm đã tạo tác vô số các nghiệp thiện, ác mới, cũng khiến tăng trưởng. Lại có thể tăng trưởng vô số phiền não. Như nói về đoạn, xúc, ý hợp Tư, theo chỗ ứng hợp, nên biết cũng vậy. Do ba môn ấy, thức có thể tích tập nghiệp phiền não của hữu sau. Nơi hiện

pháp này, do nghiệp phiền não luôn đeo đuổi, nên tạo thành hữu thủ, liền có thể thâu nhận hữu sau của vị lai. Bốn thực (ăn) như thế, khiến cầu hữu sau, yêu thích hữu sau. Đối với hữu sau ấy, người chưa thể đoạn trừ, thì có thể gồm thâu hữu sau, gồm thâu khắp hữu sau, tùy thuận gồm thâu hữu sau.

Lại, các thứ đoạn thực, nơi cõi Trời thuộc Dục giới, gọi đó là tế. Hoặc trung hữu nơi bụng mẹ, nơi màng trứng, nên biết cũng thế. Phần vị còn lại nơi cõi Dục, đoạn thực gọi là thô.

Xúc, ý hợp Tư cùng với thức thực, tại cõi Vô sắc, nên biết gọi là tế. Các xứ khác gọi là thô. Có sắc làm chỗ dựa dễ phân biệt. Không sắc làm chỗ dựa khó phân biệt.

Lại, các thứ thực (ăn) này nên biết, có khác với môn nghĩa thô tế. Tức nếu có thể khiến các hữu tình đã sanh được an trụ, thì gọi là thô. Gồm thâu, làm tăng nơi các hữu tình cầu hữu, nên biết là tế. Như thế là nên biết đã an lập bốn thực (ăn).

Lại nữa, như trên đã nói về đại chủng của các căn, do Tập đế gồm thâu, trước tiên là ái sanh. Vì nhằm khiến cho chúng được tăng trưởng, nên truy cầu bốn thứ thực (ăn). Do đạo lý ấy, nên các hữu tình đã sanh, tuy do bốn thực mà được an trụ, nhưng gốc là dựa vào ái làm duyên nên có.

Lại, có ái, nên ở trong hiện pháp, thân dựa nơi các thực, do ba thứ môn làm tươi lớn nghiệp hoặc, luôn đeo đuổi, có thức của thủ. Ở trong hiện pháp thâu nhận hữu sau. Thế nên tất cả hữu tình cầu hữu, tuy do bốn thứ thực gồm thâu tăng ích, nhưng lại dựa vào ái làm duyên nên có.

Lại, tức ái này, ở trong hiện pháp, do vô minh xúc sanh khởi các ái làm duyên nên khởi. Vô minh xúc này, do trước thường xuyên hành tập các vô minh giới thuận theo sáu xứ làm duyên nên khởi. Sáu xứ này, về sau lại không có nhân khác, nên ở trong hiện pháp chỉ có sáu xứ này lần lượt dựa vào nhau. Các căn có sắc nương dựa nơi thức. Thức cũng nương dựa nơi chỗ chấp thọ của thức là các căn có sắc. Do nhân duyên này, sáu xứ trở về sau lại không nói đến. Hoặc lại có lúc lắng nghe Chánh pháp, là lực của chi ngoài. Tác ý như lý, chánh cần tu tập, là lực của chi trong. Vì nhân duyên ấy, nên chánh kiến sanh khởi. Chánh kiến sanh nên có thể đoạn trừ vô minh, có thể sanh minh. Vị ấy, ở trong hiện pháp, các vô minh giới thuận theo sáu xứ, đều được trừ diệt, minh giới thuận theo sáu xứ được sanh, gọi là chuyển y. Thô trọng của phẩm kia đều dứt bỏ hết. Sáu xứ đã diệt, lần lượt cho đến ái cũng tùy diệt. Do ái diệt, nên các thực (ăn) cũng diệt. Các pháp có thể giữ lấy hữu sau đã diệt, nên biết hữu sau cũng lại tùy diệt. Vì thế nên biết, người ở nơi minh, không cầu hữu sau.

Lại nữa, không có một ít pháp sanh rồi an trụ. Cũng không có ngã thực (ăn) nơi đối tượng thực. Do nhân duyên ấy, pháp kia sao gọi là thực (ăn)? Nhưng chỉ căn cứ nơi cùng với các pháp chưa sanh tạo lý sanh duyên, chỉ có pháp dẫn pháp, được gọi là nghĩa thực (ăn). Chỉ do pháp giả nơi thức kia trên tưởng giả thiết lập hữu tình, đối chiếu với bốn thực ấy, gọi là người thực (ăn), vì nhằm thuận theo ngôn thuyết thế gian. Căn cứ nơi Thế tục đế, nói có hữu tình như thế, có thể thực bốn thứ thực (ăn), không phải căn cứ theo Thắng nghĩa. Vì sao? Vì nếu nói có thức sanh rồi an trụ, thể là hữu tình chân thật, gọi là chủ thể thực (ăn) thì không nên lập thức là tánh của thực kia. Vì chưa từng thấy có hữu tình trở lại tự có thể thực hữu tình. Một trong tương tục, nhất định không có hai thức đồng thời an trụ. Do đó, lập thể của thức là hữu tình chân thật, là người có thể thực (ăn) là không hợp đạo lý.

Vì có chỗ không hợp lý như thế, nên nếu nêu lên câu hỏi: Ai thực (ăn) nơi thức thực? Nên biết đấy là câu hỏi phi lý. Nếu đưa ra câu hỏi: Ai là nhân duyên có thể thực (ăn) nơi thức thực? Nên biết câu hỏi này là câu hỏi như lý, có thể khiến ngộ nhập nơi lý duyên khởi.

Lại có hai hữu:

1. Sanh hữu.

2. Nghiệp hữu.

Nếu là hữu sau của vị lai sanh khởi, nay trong hiện pháp, các phiền não của nghiệp đã đeo đuổi nơi thức làm nhân, có thể dẫn phát sanh hữu của vị lai. Tức hữu kia từng có tánh của nghiệp hành trước, gọi là nghiệp hữu. Ở trong hiện pháp, có hữu ấy nên có thể khiến cho hữu sau thuộc về sanh hữu của vị lai sanh khởi. Vào lúc mạng chung, sáu xứ của tiền tế vừa vô thường diệt, thì sáu xứ của hậu tế liền lại nối tiếp sanh. Tức thức của sáu xứ này, nơi thời trước là duyên có thể dẫn khởi, lại đối với hiện tại là duyên kết sanh. Như thế, do thức nhập nơi thai mẹ, nên được có danh sắc. Danh sắc làm duyên nên có sáu xứ. Do vô minh giới theo đuổi sáu xứ dùng làm duyên, nên có xúc tương tợ. Lần lượt cho đến thủ làm duyên, nên khiến nghiệp của hậu tế chuyển thành hữu. Các pháp như thế trước chưa từng có, tất cả mới từ duyên khởi riêng biệt. Nên biết ở đây đều không có người tiếp xúc, cho đến hữu. Chủ thể hữu nơi đối tượng xúc, cho đến hữu của hữu, chỉ có các pháp gọi riêng là đối tượng thực (ăn), gọi riêng là chủ thể thực (ăn). do đó, nhân quả gắn liền nơi các hành, nối tiếp lưu chuyển không có đoạn dứt.

Do nơi nghiệp hữu của tiền tế đi đến sanh hữu của hậu tế. Lại do

nghiệp hữu của hậu tế trở lại hướng tới sanh hữu của tế trước, như thế là duyên khởi chuyển hồi không dứt, từ thế gian này đến thế gian kia, từ thế gian kia trở lại thế gian này. Do vậy, chỉ pháp có thể dẫn nghĩa của pháp. Nên biết ở đây, nói là nghĩa của thực (ăn).

Lại nữa, ba thực (ăn) làm nhân, có thể khiến cho ba thứ nội khổ sanh khởi. Ba thứ nội khổ là:

1. Bệnh khổ do Giới không bình đẳng sanh khởi.

2. Khổ do dục mong cầu.

3. Khổ do cầu không được đáp ứng.

Khổ thứ nhất, đoạn thực làm nhân. Khổ thứ hai, xúc thực làm nhân. Khổ thứ ba, ý hợp Tư thực làm nhân.

Nhân duyên của đoạn thực sanh khởi nội bệnh khổ. Do đấy các Bí-sô nên quán đoạn thực như tưởng về thịt của con mình, không nên tham vướng. Nhân duyên của xúc thực thuận theo lạc thọ, có thể sanh nội khổ do ham muốn mong cầu, vì thế các Bí-sô phải quán việc thuận theo sáu thứ xứ xúc kia như bò không có da, nên khởi quán này: Nếu ta dựa nơi sáu thứ xứ xúc, phát khởi vô số ham muốn mong cầu tham ái, nên lại nương dựa nơi các sắc mà trụ. Dựa vào các sắc, nên khiến ta phát khởi vô số các tầm tư ác, bất thiện, như xứ xúc của bò không da, là chỗ rúc rỉa của các loài trùng, sanh nhiều các khổ, trụ không an ổn.

Quán như vậy rồi, đối với xứ xúc thứ nhất, thấy rõ lỗi lầm nên không nhiễm mà trụ.

Như dựa nơi sắc, thì dựa nơi thanh, hương, vị, xúc pháp, nên biết cũng thế. Như đối với xứ xúc thứ nhất, thấy rõ lỗi lầm, tai họa, không nhiễm mà trụ, thì cho đến đối với xứ xúc thứ sáu, nên biết cũng thế.

Nhân duyên của ý hợp Tư thực là hữu lậu, nên có thể sanh khởi nội khổ do cầu không được đáp ứng. Vì vậy, các Bí-sô nên quán ý hợp Tư thực hữu lậu như một phần lửa. Quán xét chỗ mong cầu không được đáp ứng như thế, có thể dẫn phát thân tâm bị nhiệt não lớn.

Các Bí-sô khởi quán xét đúng đắn như thế rồi, trọn không trông mong về các sự như y phục, thức ăn uống v.v… khi đi tới các nhà khác, do vậy không bị các khổ xúc phát sanh do cầu không được đáp ứng, tâm thản nhiên, an lạc mà trụ. Vì nhân duyên ấy, nên quán xét đúng đắn về ba thứ thực (ăn) như thế, đó là đoạn, xúc, ý hợp Tư thực. Tức do nhân duyên của ba thứ thực như vậy, nội khổ dựa vào thức sanh khởi như đã nêu. Thế nên các Bí-sô phải quán thức thực như ba trăm đầu nhọn của gươm bén đâm chém. Vì sao? Vì nhân duyên của đoạn thực có thể khiến, không phải một mà là vô

số rất nhiều phẩm loại bệnh khổ dựa nơi thức mà khởi. Nhân duyên của xúc thực thuận theo lạc thọ, có thể khiến cho khổ do ham muốn mong cầu dựa nơi thức mà khởi càng tăng. Nhân duyên của ý hợp Tư thực hữu lậu có thể khiến cho vô số khổ do cầu mong không được đáp ứng, dựa vào thức mà khởi. Như vậy, hành giả ở trong thức thực, quán đúng đắn các thực do thức làm chỗ dựa đã sanh nhiều lỗi lầm, tai họa. Do nhân duyên ấy, nên không luyến tiếc thân mạng, như lý như thế, nơi bốn thứ thực (ăn) quán xét đúng đắn, tường tận, nên đối với hiện pháp, có thể đoạn trừ vĩnh viễn các thực. Thực đã vĩnh viễn đoạn trừ, nên nơi vị lai đạt đến biên vực tận cùng của khổ nơi hữu sau.

Lại nữa, nếu không quán đúng như thật về bốn thứ thực (ăn) ấy, liền bị hỷ tham làm nhiễm ô. Nếu bị hai thứ ấy cấu nhiễm, nên biết là đã mong cầu hai thứ lỗi lầm tai họa:

1. Nơi vị lai.

2. Nơi hiện pháp.

Ở trong bốn thứ thực, nhân duyên của ý hợp Tư thực hữu lậu, chuyên chú, hy vọng cùng hành nơi hỷ nhiễm gọi là hỷ. Nhân duyên của xúc thực thuận theo lạc thọ, đối với các thực có thể tùy thuận hỷ lạc, sanh nhiều nhiễm chấp, gọi là tham.

Hai loại phiền não này, ở trong hiện pháp, có thể cấu nhiễm nơi thức, khiến chúng ở yên nơi bốn thức trụ, tăng trưởng chủng tử của hữu sau nơi vị lai. Đã tăng trưởng rồi thì dấy khởi các khổ như sanh v.v… của hữu sau. Nên biết đó gọi là hai thứ phiền não của hỷ tham đã tạo ra lỗi lầm tai họa nơi vị lai. Hành giả kia, như thế là ở trong bốn thứ thực (ăn) đã an trụ nơi hai thứ phiền não hỷ tham, nên đối với hiện pháp có các thứ trần nhiễm, do trần nhiễm nên các thứ thực nếu biến hoại, thì ở trong hiện pháp liền sanh sầu lo buồn than, trụ trong khổ não, héo hắt. Nên biết đó gọi là hai thứ phiền não hỷ tham đã tạo các thứ lỗi lầm, tai họa nơi hiện pháp.

Lại nữa, các hữu tình ở trong bốn thứ thực ấy, nếu hỷ tham chưa đoạn, thì sáu xứ kia gồm thâu thân có thức, cũng như đài, lầu, sáu xứ là các cửa sổ cửa lớn, có thể cùng duyên nơi cảnh phiền não là ánh sáng mặt trời, tạo nhập nơi xứ nương dựa. Ánh sáng ấy, ở đây hoặc trụ trên đất, hoặc trụ dưới đất. Đã được trụ rồi, như trước đã nói, nơi bốn thức trụ, có thể tạo nhiễm nơi thức, sanh khởi các khổ của hữu sau nơi vị lai. Nếu có hành giả có thể đoạn trừ hai thứ phiền não hỷ tham như thế, cùng với các thứ kia trái nhau, thì phiền não duyên nơi cảnh hãy còn không được khởi, huống hồ là dựa nơi nhập ấy mà sẽ được trụ.

Lại nữa, nếu có hữu tình, hỷ tham chưa đoạn, liền bị Ma la đi đến trụ xứ, dùng vô số cảnh giới khả ái, cũng như dùng màu sắc rực rỡ họa nhiều hình hữu tình kia, khiến chúng biến sanh vô số tướng mạo phiền não hiện rõ. Nên biết hữu tình như thế, vì hỷ tham chưa đoạn, ví như đất kia, có thể bị vô số phiền não là hình vẽ rực rỡ, làm chỗ nương dựa. Hữu tình đã đoạn hỷ tham, Ma đi tới trụ xứ của mình, như trước đã nói rộng, nên biết hữu tình như thế là hỷ tham đã đoạn dứt, cũng như hư không, không bị vô số phiền não là những hình vẽ rực rỡ làm chỗ nương dựa. Nên biết đó gọi là, ở trong các thứ thực (ăn) hỷ tham chưa đoạn, như thứ lớp ấy là lỗi lầm tai họa hiện có. Nên biết đó gọi là, ở trong các thực, hỷ tham đã đoạn, như thứ lớp ấy, là công đức hiện có.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 95

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh: Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới, Gồm Thâu Thứ Ba

Đoạn 3:

Lại nữa, tụng nêu:

Như lý thâu Tập đế
Được tướng xứ nghiệp chướng
Quá hắc cùng dị thục
Đại nghĩa sau khó đạt.

Nếu đối với đế, trí tăng thượng như lý không như lý cùng không như lý, nhận biết không đúng như thật, thì không thể dứt hết lậu. Cùng với đấy trái nhau, là nhận biết đúng như thật, có thể dứt hết các lậu.

Nên biết ở đây, nghe không phải Chánh pháp, là không tịch tĩnh, là không điều phục, không phải là Niết-bàn, các trí phát khởi, gọi là không như lý. Lắng nghe Chánh pháp, cùng với trên trái nhau, nên biết là như lý.

Lại, ở trong ấy, hữu tình trụ nơi pháp thuyết giảng ác, đối với Phật của Chánh pháp này, đệ tử Phật, các trượng phu chân thiện, không vui thích chiêm ngưỡng. Đối với luật nghi, Thi-la biệt giải thoát, giữ kín căn môn chánh tri mà trụ, các loại như thế, trong pháp Hiền Thánh không tự điều phục, không thọ học chuyển. Đối với các Thánh đế, không Văn, Tư, Tu, quán chiếu, thông tỏ. Lại, ở trong các Pháp-Luật thuyết giảng ác kia nghe pháp bất chánh, khởi Thắng giải tà vạy. Đối với điều không như lý, không nhận biết đúng như thật là không như lý.

Lại, đối với việc lắng nghe Chánh pháp như lý, không nhận biết đúng như thật đó là như lý, do không nhận biết. Đối với các thứ thuyết giảng ác, giải thích ác, có trói buộc không giải thoát hiện có, không nên

@@@tư duy, trong pháp điên đảo không thể hiểu rõ mà cố tư duy.

Đối với các thứ thuyết giảng thiện, giải thích thiện, có giải thoát, không trói buộc, đáng nên tư duy, là pháp không điên đảo, đó là khế kinh cùng ứng tụng v.v…, cho đến nói rộng, không thể hiểu rõ mà không tư duy.

Như thế cũng gọi là tác ý phi lý.

Do tác ý ấy không phải là tịch tĩnh, không là điều phục, không là Niết-bàn, nên gọi là phi lý.

Lại nữa, lắng nghe pháp không chân chánh, nên dựa vào ba sự ngôn thuyết, với sức của duyên tăng thượng, hiển thị phẩm loại chấp ngã của ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Tức do sức tăng thượng như thế, nên đối với cảnh của ba đời, khởi tác ý tư duy không như lý. Nghĩa là đối với quá khứ, phân biệt chấp ngã hoặc có hoặc không. Đối với hiện tại, vị lai, nên biết cũng thế. Hữu tình ấy đã không như chánh lý tác ý tư duy như thế, hoặc duyên nơi sự của đối tượng giữ lấy, hoặc duyên nơi sự của chủ thể giữ lấy, ở đấy tác ý tư duy không như lý.

Hoặc tức nơi các hành phân biệt có ngã. Hoặc lìa nơi các hành phân biệt có ngã. Kẻ ấy, lúc đối với chỗ chấp đạt được quyết định, hoặc duyên nơi sự của đối tượng nhận lấy, phân biệt là ngã. Hoặc thành thường kiến. Do kiến chấp ấy nên khởi tư duy: Ngã là không. Ngã kia, ở trong hiện pháp là thật là thường. Hoặc duyên nơi sự của chủ thể nhận lấy, chấp có ngã kiến, phân biệt là ngã, khởi tư duy: Ta nay dùng ngã quán xét nơi ngã. Hoặc cho là ngã, ngã trước có nay không, khởi tư duy: Ta nay dùng ngã quán xét về không ngã. Hoặc lại tức duyên nơi sự của chủ thể nhận lấy, chấp không có ngã kiến, ở trong hiện pháp, dùng không có ngã kia phân biệt làm ngã, khởi tư duy: Ta nay dùng không có ngã kia, tùy quán về thời xưa từng có ngã. Như thế lại nói về đối tượng nhận lấy, chủ thể nhận lấy, với năm tướng sai biệt không như chánh lý, tác ý tư duy về năm thứ kiến xứ, tức là các hành hiện có của ba đời phân biệt có ngã.

Lại nữa, do nơi tác ý đối chiếu không như chánh lý, lìa nơi các hành phân biệt có ngã, kẻ ấy cho chỗ chấp về thật ngã như thế, hoặc tự mình có thể tạo tác chiêu cảm nghiệp của hữu sau, gọi là chủ thể tạo tác. Hoặc kẻ khác khiến tạo tác, gọi là cùng tạo tác. Hoặc tự mình có thể khởi sĩ dụng của hiện pháp, gọi là chủ thể dấy khởi. Hoặc kẻ khác khiến phát khởi, gọi là cùng dấy khởi. Hoặc tự mình tạo nghiệp của hữu sau. Hoặc kẻ khác khiến tạo nghiệp của hữu sau, chiêu cảm dị thục của quả, gọi là chủ thể sanh. Hoặc tự mình có thể khởi hiện sĩ dụng. Hoặc kẻ khác cùng khởi hiện sĩ dụng, nên đạt được quả sĩ dụng, gọi là cùng sanh. Hoặc do tự mình thấy, hoặc do kẻ khác thấy, theo đấy khởi ngôn thuyết.

Như thế, hoặc do tự mình nghe, hiểu biết, hoặc do kẻ khác nghe hiểu biết, theo đấy khởi ngôn thuyết, gọi là chủ thể nêu thuyết. Hoặc đối với các thứ nơi gia thuộc hiện có như vợ con, nô tỳ v.v…, theo chỗ nên thiết lập,

dạy bảo khiến trụ nơi xứ kia. Như thế cũng lại gọi là chủ thể nêu thuyết.

Hoặc lại nghiệp quả của vị lai đã sanh, gọi là chủ thể thọ nhận. Hoặc nơi hiện pháp, các quả sĩ phu đã hiện cùng sanh, gọi là cùng thọ nhận.

Hoặc ở trong các đời quá khứ kia đã tạo ác vô số nghiệp thiện bất thiện, nay nơi hiện pháp nhận lãnh vô số dị thục của quả kia, gọi là lãnh nhận. Hoặc có kẻ, cho đến thọ lượng giảm hết nên liền yểu mạng, có thể bỏ uẩn này, có thể nối tiếp nơi uẩn khác. Nếu dị biệt với đây, đã không có ngã, làm sao có thể thành các sự tạo tác như trên đã nói. Đó gọi là kiến xứ thứ sáu thuộc về tác ý tư duy không như chánh lý. Các kiến như thế vừa nêu, đều do Tát-ca-da-kiến làm tự tánh, có thể sanh các thứ kia. Tát-ca-da-kiến dùng làm căn bản cho kiến thú hiện có, nên gọi là kiến xứ (xứ kiến chấp). Do có thể làm chướng ngại khả năng nhận lấy huệ vi diệu chân thật, nên gọi là kiến trù lâm (rừng rậm kiến chấp). Tổn hại pháp thiện nên gọi là kiến khoáng dã (đồng hoang vắng kiến chấp). Khiến kẻ khác phải khổ nhọc, nên gọi là "kiến chán bỏ". Tạo hành trình cầu dục, cầu hữu, nên gọi là "kiến hành lịch" (hành trình của kiến chấp).

Cật vấn, trách cứ về tha luận, tự luận nhằm tránh thoát những dao động, gọi là "kiến dao động". Có thể khéo kết tạo khổ của hữu sau, nên gọi là kiến kết. Hành tập các thứ hành tà vạy như thế, nên ở trong hiện pháp, các lậu chưa hiện tiền khiến khởi hiện tiền. Các lậu đã hiện tiền rồi, khiến chúng dựa nơi phẩm hạ khởi lên phẩm trung. Khiến dựa nơi phẩm trung khởi lên phẩm thượng. Do đấy làm nhân sanh khởi tất cả pháp khổ như lão bệnh tử nơi vị lai.

Như vậy nên biết, do đối với như lý cùng không như lý, không nhận biết đúng như thật, nên tạo tác tạp nhiễm của Khổ đế, Tập đế. Cùng với đấy trái nhau, là lắng nghe Chánh pháp, khởi thắng giải đúng đắn, ở nơi như lý, không vọng tưởng điên đảo là không như lý. Ở nơi như lý đều nhận biết rõ như thật đó là như lý, nói rộng cho đến, đối với pháp không điên đảo, nên tư duy, có thể chánh tư duy. Do nhân duyên này, nên đối với các hành của ba đời cùng với đối tượng được nhận lấy, chủ thể nhận lấy, đều tùy quán đúng như thật là không ngã, không ngã sở. Đối với Thánh đế, lúc nhập hiện quán, đối với các lậu hiện có do kiến đạo đoạn trừ, đều được giải thoát. Đạt được sự ấy rồi, đối với các lậu trên do Tu đạo đoạn trừ, vì khiến chúng được đoạn trừ vĩnh viễn, rốt ráo, nên siêng năng tinh tấn tu tập bốn thứ nhân duyên. Đó là:

1. Khéo phòng hộ thân.

2. Khéo giữ gìn các căn.

3. Khéo trụ nơi niệm.

4. Như trước đã đạt được đạo xuất thế gian, đạt được diệu huệ hiện ẩn nơi thế gian, nên càng tu tập nhiều.

- Khéo phòng hộ thân: Là an trụ đúng đắn, tránh xa các thứ thú dữ, cho đến nói rộng như nơi địa Thanh văn. Do lánh xa, nên đối với việc dứt hết các lậu không bị chướng ngại.

- Khéo giữ gìn các căn: Là an trụ đúng đắn, đối với các cảnh giới khả ái hiện tiền, tướng phi lý định, có thể xa lìa đúng, tư duy như lý, chúng là tướng bất tịnh.

- Khéo trụ nơi niệm: Là trụ nơi bốn xứ:

1. An trụ nơi xứ xét chọn, thọ dụng các thứ như y phục v.v…

2. An trụ nơi xứ có thể trừ bỏ đúng các tầm tư xấu ác hiện hành của xứ tĩnh.

3. An trụ nơi xứ có thể nhẫn thọ đúng đắn các thứ khổ sanh ra do:

- Giới không bình đẳng.

- Ngôn ngữ thô ác của kẻ khác.

- Mệt mỏi quá mức vì phát khởi siêng năng tinh tấn.

- Nhiễm lậu bất chánh.

4. An trụ nơi xứ đối với nẻo tu đạo dựa nơi không phóng dật, không tạp trụ.

Do an trụ đúng đắn nơi bốn xứ như thế, gọi là khéo trụ nơi niệm.

- Như trước đã đạt được đạo xuất thế gian, nên khéo tu tập: Tức đối với các lậu hiện có do tu đạo đoạn đều được giải thoát, cùng tùy thuận chứng đắc cứu cánh tột bậc.

Lại nữa, nếu có kẻ nói bốn Thánh đế ấy chỉ là cảnh giới, hoặc là có ngã, hoặc có hữu tình. Duyên nơi Thánh đế ấy, tu tập các pháp thiện, nên bảo với kẻ kia: Chớ nói như thế! Vì sao? Vì có vô lượng các pháp thiện thế gian xuất thế gian sanh khởi, tất cả đều quy về bốn Thánh đế gồm thâu. Nên biết các pháp lược có hai thứ:

1. Trí của chủ thể nhận biết.

2. Cảnh của đối tượng được nhận biết.

Vì trí của chủ thể nhận biết cũng là cảnh của đối tượng được nhận biết, thế nên các trí cùng hành pháp thiện, không gì là không gồm thâu trong bốn Thánh đế.

Hành giả kia lại tu tập "tuần thân niệm", nên pháp thiện hiện có nơi

phẩm Chỉ phẩm Quán. Khởi đầu tu địa nghiệp, đã hành xong địa được sanh khởi chung.

Thế nào là tu tuần thân niệm? Nghĩa là như có hành giả an trụ, khởi đầu tu địa nghiệp, duyên dựa như lý các đại chủng sắc hoặc trong hoặc ngoài, làm cảnh chánh niệm. Hoặc lại do kẻ khác lúc hiện hành tăng ngữ xúc có đối, duyên dựa như lý nơi xúc thọ tưởng hành cùng với các thức, làm cảnh chánh niệm.

Hoặc như có hành giả an trụ, đã hành xong địa, duyên dựa như lý nơi các sắc được tạo, làm cảnh chánh niệm. Hoặc lại duyên dựa như lý, tác ý cùng với thọ tưởng hành thức đã sanh, làm cảnh chánh niệm. Như vậy, tất cả lược thâu tóm, gọi là tu tuần thân niệm. Nên biết niệm này, hoặc duyên nơi sắc thân, hoặc duyên nơi danh thân.

Thế nào là Quán? Thế nào là pháp thiện của phẩm Quán sanh khởi? Nghĩa là đối với các đại chủng sắc trong ngoài, cùng với các uẩn còn lại, huệ quyết trạch đúng đắn, được gọi là Quán.

Hoặc có hành giả, từ nơi phần đầu tu tập không điên đảo tưởng phân, tụ. Đối với đại chủng bên ngoài, do quán kiếp tận nên tu tưởng vô thường. Đối với đại chủng bên trong hợp thành thân, do quán chỉ là thức ăn dần dần bất tịnh, tu tưởng bất tịnh. Do quán từ ái đã sanh trưởng tánh, cùng tánh của pháp lão tử nơi hậu tế, tu tưởng vô thường cùng tưởng khổ.

Hoặc đối với thân này, hết thảy kẻ ngu đều không thể nhận biết rõ như thật, thể là vô thường, khổ, nên hoặc chấp là ngã, hoặc chấp là ngã sở. Tức nơi thân này, các Thánh đệ tử gồm đủ đa văn đã nhận biết rõ đúng như thật, nên không có chấp trước, tức có thể tu tưởng khổ-vô ngã. Tưởng vô ngã này, do đối với thân kia chỉ có tưởng giới. Có tưởng này, hoặc lại do kẻ khác hiện hành tăng ngữ các xúc có đối, yêu thích, không yêu thích.

Nói không yêu thích: Tức là tiếp xúc bằng tay chân, gậy, đất, đá v.v… Hành giả kia, tức ở đây, cùng với các hành vô sắc như thọ v.v… hiện có làm duyên quán đúng là vô thường, lìa ái lìa giận, chỉ quán có Giới, tâm duyên nơi thân này, an trụ đúng đắn. Như thế cũng gọi là xa lìa ngu si.

Như vậy, tưởng phân tích, tụ tập hiện có, đối với đại chủng bên ngoài tu tưởng vô thường, đối với đại chủng bên trong tu tưởng bất tịnh. Nếu là tưởng vô thường, thì tưởng vô thường-khổ, tưởng khổ-vô ngã. Đối với các pháp được sanh khởi như thọ v.v…, dựa nơi thân của đại chủng, tu tưởng vô thường, lìa Tham-sân-si. Như vậy, vô lượng pháp thiện của phẩm Quán, khởi đầu tu địa nghiệp, do tu tập đúng đắn về tuần thân niệm, nên đều được sanh khởi.

Thế nào gọi là Chỉ? Thế nào là pháp thiện của phẩm Chỉ sanh khởi? Nghĩa là do tu tập tuần thân niệm, dùng Quán làm chỗ dựa, như lý tu tập Chỉ.

Lại nói: Chỉ, nghĩa là đối với bên trong, tâm an trụ đúng đắn pháp thiện của phẩm Chỉ: Nghĩa là đạt được lực xét chọn chân chánh như thế. Duyên dựa, cắt đứt là dụ cho Sa-môn được chỉ dạy, trao truyền, tu tập nhẫn nhục đúng đắn đối với oán gian.

Lại, tức duyên nơi Chỉ kia tu tập từ thuận hợp. Đã do nhẫn, từ gồm thâu thọ, nên giới luật được thanh tịnh. Quán Giới thanh tịnh, nên khởi tư duy: "Ta nay đã ở nơi Thánh giáo của bậc Đại sư hành tác ít nhiều! Do nhân duyên ấy nên không hề có lo, hối. Không lo lắng, hối tiếc nên sanh hoan hỷ sâu xa, nói rộng cho đến đạt được Tam-ma-địa". Hành giả kia, bấy giờ do tâm tĩnh định, cho đến đạt được Tĩnh lự thứ tư. Tam- ma-địa này, do hành chấp giữ nên chưa có thể cùng vận chuyển không dụng công, chưa hoàn toàn thanh tịnh. Vì nhằm khiến cho định ấy được hoàn toàn thanh tịnh nên tu tập hành không phóng dật thuộc về bốn chi như trước đã nói, phát khởi siêng năng tinh tấn, không có khiếp nhược, cho đến nói rộng.

Hành giả ấy, vào thời gian sau, Tĩnh lự thứ tư đã thanh tịnh, sáng tỏ, nếu lại vì sự tĩnh định này tham ái nơi vị của nó thì tâm trôi chuyển, không thể ở nơi định, xả bỏ đúng đắn mà trụ. Đối với Niết-bàn vắng lặng không quán tịch tĩnh, mới dựa vào Phật hoặc Pháp hoặc Tăng, sanh chán nản, xấu hổ sâu xa, khởi suy niệm: Ta dựa vào Phật bảo là Đức Như Lai đại sư, dựa nơi Pháp bảo là Pháp-Luật khéo thuyết giảng, dựa vào Tăng bảo là sự tu tập hạnh thiện không điên đảo, là không chốn thủ đắc, không phải là có chỗ thủ đắc, nhưng đây là được ác, không phải là được thiện, đối với thân đã tham ái, chứa giữ mà trụ. Đối với Niết-bàn vắng lặng không quán tịch tĩnh. Hành giả này, do nội tâm khéo điều phục nên vừa sanh chán nản xấu hổ, liền có thể an trụ, dẫn đến nghĩa Sa-môn với hành xả vi diệu bình đẳng. Đối với Niết-bàn tịch diệt có thể quán nẻo tịch tĩnh, sanh khởi pháp thiện của phẩm Chỉ như thế, đó là nhẫn, từ, Thi-la thanh tịnh, không hối, hoan hỷ, nói rộng cho đến đạt được hành không phóng dật thuộc về bốn chi của Tam-ma-địa, dẫn đến nghĩa Sa-môn, bình đẳng, khéo xả, quán công đức tịch tĩnh của Niết- bàn vắng lặng.

Bấy giờ, hành giả này, do hai nhân duyên, nên có nhiều hành tác:

1. Do diệu huệ, đối với giáo pháp của Đại sư, vì nhằm dứt hết các lậu nên có thể tu trị thanh tịnh Tĩnh lự thứ tư.

2. Đối với thân, tâm xả tăng thượng.

Ngang với đây, gọi là khởi đầu tu địa nghiệp, thành tựu đầy đủ, rốt ráo. Từ đấy về sau, đối với sự tu tập không sanh biết đủ, vì muốn hướng nhập địa đã làm xong, tu "tuần thân niệm", quán thân do sắc tạo như cỏ cây bùn đất, cùng các pháp phi sắc khác đã sanh khởi, dùng huệ như thật thông tỏ về duyên khởi, có thể tùy thuận hướng nhập nơi đế như thật.

Trí đã được nhập rồi, dựa nơi tu đạo trên, đối với cảnh giới của các căn nơi ba đời có thể dấy khởi chán bỏ, cho đến giải thoát, có thể nhận biết như thật là ta đã giải thoát. Như vậy gọi là địa đã làm xong, tu tuần thân niệm sanh khởi pháp thiện. Nghĩa là quán sắc thân như cỏ cây bùn đất, tưởng như là quán xét các pháp không sắc. Do diệu huệ chân thật thông tỏ về duyên khởi, có thể tùy thuận hướng nhập bốn Thánh đế. Trí ở trong tu đạo có thể khởi chán bỏ, lìa dục, giải thoát, giải thoát tri kiến. Ngang với đây gọi là đối với giáo pháp của bậc Đại sư, dùng diệu huệ, đối với sự việc nên làm, đều đã làm xong. Vì sao? Vì hết thảy tự nghĩa đều đã rốt ráo.

Từ đấy trở về sau, lại không còn chỗ tạo tác, không phải ở nơi việc đã làm rồi lại cần phân biệt. Nếu có trường hợp hành tác rồi, vào thời gian khác thối mất, nên lại có sự tạo tác, thì hành tác này tuy thực hiện, nhưng không phải là hành tác cứu cánh, như các phàm phu, do đạo thế gian mà được giải thoát. Ở đây, nếu trước mới tu địa nghiệp, đạt pháp thiện hữu lậu, hoặc về sau nơi địa đã làm xong hiện có, đạt được pháp thiện vô lậu. Như vậy, tất cả đều theo chỗ ứng hợp nên biết đều nhập nơi bốn Thánh đế.

Lại nữa, do bốn nhân duyên, nên nhận biết rõ đúng một trăm lẻ tám hành ái thuộc về Tập đế. Bốn nhân duyên là:

1. Do nội ngoại có sai biệt.

2. Do chỗ dựa có sai biệt.

3. Do tự tánh có sai biệt.

4. Do thời phần có sai biệt.

Thế nào gọi là nội ngoại có sai biệt? Nghĩa là do sáu xứ nội ngoại làm chỗ dựa khởi các hành ái.

Thế nào gọi là chỗ dựa có sai biệt? Nghĩa là ái nương dựa nơi năm thứ ngã mạn. Những gì gọi là năm thứ ngã mạn? Tức đối với ngã kiến chưa đoạn trừ hoàn toàn, nên đã có ngã mạn hiện hành như thế. Đối với sáu xứ kia chấp ngã khởi mạn, cho đến chưa bị già suy tổn hại, các hành tương tợ nối tiếp mà chuyển, khởi tư duy: Là ngã như trước.

Kẻ ấy nếu lại bị già suy tổn hại, hoặc vào một thời thành tựu sắc đẹp,

hoặc vào một thời tạo thành sắc xấu. Hoặc vào một thời thành tựu đại lực, an lạc, biện tài. Hoặc vào một thời, cho đến không có biện tài. Kẻ kia, nếu lúc thành tựu sắc đẹp, đại lực, an lạc, biện tài, thì khởi tư duy: Ngã nay là đẹp đẽ. Nếu trái với đấy thì khởi tư duy: Ngã không phải là đẹp đẽ. Nếu lúc bị già suy tổn hại thì khởi tư duy: Ngã hiện nay là biến dị.

Thế nào gọi là tự tánh có sai biệt? Nghĩa là năm thứ ngã mạn này làm chỗ dựa, phát khởi có ái cùng không có ái. Lại, có ái kia theo phẩm hạ trung thượng có sai biệt mà chuyển. Nơi không có ái, do xét chọn kỹ mới có thể khởi ái, không phải do ý lạc tự nhiên mà trụ. Thế nên trong đó không có ba phẩm sai biệt được kiến lập.

Nên biết ở đây, có ái thuộc phẩm hạ: Nghĩa là đối với vị lai nguyện ta sẽ có, tức nơi sáu xứ mong ta sẽ có, tức loại như thế, nguyện ta sẽ có. Đối với loại đồng sanh có mong cầu, nên loại khác như thế, nguyện ta sẽ có. Nơi loại khác sanh có mong cầu, nên nếu tự thể trước là khả ái thì mong được tương ưng. Tạo nghiệp thiện, khởi tư duy: Nguyện ta sẽ có chủng loại như thế, như nay hiện có. Nếu tự thể trước là không khả ái, mong được cách lìa chúng. Tạo nghiệp thiện, khởi tư duy: Nguyện ta sẽ có chủng loại như thế, khác với hôm nay hiện có.

Có ái thuộc phẩm trung: Nghĩa là đối với chỗ không có, không sanh mong muốn, vì nhằm đối trị, nên nguyện ta được có. Tức nơi sáu xứ nguyện ta được có, như trước đã nói. Tức nơi loại như thế, nguyện ta được có. Khác loại như thế, nguyện ta được có. Như vậy, tất cả nên biết đều gọi là có ái thuộc phẩm trung.

Có ái thuộc phẩm thượng: Nghĩa là tức hành tướng có sai biệt như thế, khởi niệm: Nguyện ta nhất định có. Suy cầu mãnh liệt bốn thứ tướng ái, nên biết gọi là có ái thuộc phẩm thượng.

Tự tánh của năm thứ ái này có sai biệt, do có chỗ dựa là nội xứ riêng biệt, nên nói mười tám thứ hành ái có sai biệt. Đối với ngoại xứ kia, nên biết cũng thế. Ở đây có sai biệt: Nghĩa là như ở trong sáu xứ nội kia, chấp ngã khởi mạn, như thế, đối với sắc chấp làm ngã sở để dấy khởi mạn. Tức là nơi sắc này, ngã tự tại chuyển, như vậy cho đến ở trong các pháp chấp làm ngã sở mà khởi mạn, tức là nơi pháp này, ngã tự tại chuyển, phần còn lại, theo chỗ ứng hợp như trước đã nói, nên biết. Như thế, mười tám cùng với hành ái nêu trước, hợp nói gồm có ba mươi sáu thứ hành ái sai biệt.

Thế nào gọi là thời phần có sai biệt? Nghĩa là tức ba mươi sáu hành như thế đều có ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai có sai biệt.

Như vậy gọi là do bốn nhân duyên có sai biệt, nên hành ái hợp có

một trăm lẻ tám thứ. Lại ở trong ấy, tướng không sai biệt. Phàm các thứ mong cầu nhiễm ô hiện có đều gọi là ái. Lại, tức ái này thuộc về Tập đế, nên gọi là nhân, tức làm thấm nhuần tánh. Thuận theo dòng chảy sanh mà chuyển, trôi, nên gọi là lưu nhuận. Tánh luôn chấp trước nơi các cảnh giới nên gọi là vướng mắc nơi cảnh. Có thể cùng với các khổ hiện có như ung nhọt, bệnh tật v.v… làm nhân duyên sanh rồi, lại dựa nơi năm thủ uẩn, nên gọi là gốc ung nhọt. Khó chế ngự điều phục nên gọi là lưu dật (chảy tràn). Hiện hành vi tế, là chỗ trói buộc của Ma, nên gọi là đâm, bắn. Trên đến cõi Hữu Đảnh, nêu cao hiện bày, nên gọi là cành gốc. Khiến không no đủ, nên gọi là khô kiệt.

Lại, tức chỗ nói về tướng ái như thế là trói buộc chúng sanh, nên gọi là chướng ngại. Do tùy miên nên gọi là che phủ. Tức do triền cùng tùy miên như thế tạo thành phẩm thượng, nên gọi là cao hơn. Thành nơi phẩm trung phẩm hạ, gọi là phát khởi.

Nếu ái của cõi Dục, đối với cảnh được nhận biết khiến mê lầm, gọi là tối tăm. Nếu ái của cõi Sắc, đối với cảnh của đối tượng được nhận biết khiến cho mê lầm, gọi là mờ tối. Nếu ái của cõi Vô sắc đối với cảnh được nhận biết, khiến cho mê lầm, gọi là lờ mờ.

Như có ba người: Người thứ nhất là mù tối. Người thứ hai bị che mắt kín. Người thứ ba mắt bị màng mỏng che. Ở đây, người thứ nhất là hoàn toàn không thấy gì. Người thứ hai, một phần ít tợ như có thấy. Người thứ ba tuy thấy, nhưng mắt không tịnh nên không thấy sắc thật.

Như vậy, ba ái tùy theo thứ lớp tối tăm, mờ tối, lờ mờ, nên biết cũng thế.

Lại nữa, do năm thứ tướng, người chuyển Pháp luân, nên biết gọi là khéo chuyển Pháp luân. Đó là:

1. Đức Thế Tôn, thời gian còn làm Bồ tát, vì đạt được cảnh giới của đối tượng duyên cần đạt được.

2. Vì đạt được phương tiện cần đạt được.

3. Chứng đắc điều tự mình nên chứng đắc.

4. Đạt được sự nối tiếp của kẻ khác đã gieo trồng, khiến đối với pháp tự chứng sanh tin hiểu sâu xa.

Nên biết ở đây, cảnh của đối tượng duyên tức là bốn Thánh đế. Bốn Thánh đế này, an lập về thể tướng như trước đã nói, nên biết, hoặc lược hoặc rộng như nơi địa Thanh văn.

Đạt được phương tiện: Tức ở trong bốn Thánh đế ấy, trí ba lượt chánh

thức chuyển mười hai tướng.

Chuyển lần đầu tiên: Nghĩa là thời trước, lúc Bồ tát nhập hiện quán nhận biết rõ như thật là Khổ Thánh đế, nói rộng cho đến là Đạo Thánh đế. Trong ấy, Thánh trí của hiện lượng hiện có, có thể đoạn trừ các phiền não do kiến đạo đoạn, bấy giờ gọi là sanh mắt Thánh đế. Tức do dựa vào ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai có sai biệt, theo như thứ lớp ấy gọi là trí minh giác.

Chuyển lần thứ hai: Nghĩa là hàng hữu học, do diệu huệ ấy, thông tỏ đúng như thật, ta nơi phần sau cũng có chỗ hành tác: Phải nên nhận biết khắp về Khổ đế chưa nhận biết. Phải nên đoạn trừ vĩnh viễn Tập đế chưa đoạn trừ. Phải nên tác chứng Diệt đế chưa tác chứng. Phải nên tu tập Đạo đế chưa tu tập. Như thế là cũng có bốn thứ hành tướng như trước, nên biết.

Chuyển lần như ba: Nghĩa là hàng vô học đã được tận trí, vô sanh trí, nói: Chỗ cần tạo tác, ta đều đã làm. Như thế cũng có bốn thứ hành tướng như trước, nên biết.

Ở đây có sai biệt: Tức bốn thứ hành tướng của hai lần chuyển trước, là mắt Thánh huệ chân thật của hàng hữu học. Một lần chuyển thứ ba là mắt Thánh huệ chân thật của hàng vô học.

Chứng đắc pháp cần đạt được: Là chứng đắc Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng.

Sự nối tiếp do kẻ khác gieo trồng khiến đối với pháp tự chứng đắc sanh hiểu: Tức như Trưởng lão A Nhã Kiều Trần, từ chỗ Đức Thế Tôn, nghe Chánh pháp rồi, đầu tiên tỏ ngộ hiểu rõ về bốn pháp Thánh đế. Lại, trả lời: Con đã hiểu pháp. Từ đấy về sau, như trước đã nói.

Sau cùng, khiến kẻ khác đối với pháp họ đã chứng đắc sanh tin hiểu: Nghĩa là như Trưởng lão A Nhã Kiều Trần, khởi tâm thế gian: Con đã hiểu pháp. Đức Như Lai nhận biết rồi, khởi tâm thế gian: A Nhã Kiều Trần đã lãnh hội pháp của ta!

Địa thần biết rồi liền cất tiếng truyền cáo, trải qua phút chốc, âm thanh kia lần lượt truyền đến cõi Phạm Thế. Nên biết Đức Thế Tôn, chuyển pháp đã hiểu rõ, đặt trong thân của A Nhã Kiều Trần. Ở đây lại tùy chuyển, đặt trong thân khác. Ở đấy cũng lại tùy chuyển, đặt trong thân khác. Do nghĩa này lần lượt tùy chuyển như thế, nên gọi là luân. Các pháp như chánh kiến v.v… đã thành tánh, nên gọi là Pháp luân. Đức Như Lai Ứng Cúng, là "Phạm tăng ngữ" đã chuyển, nên cũng gọi là Phạm luân.

Lại nữa, đối với bốn Thánh đế chưa nhập hiện quán, có thể nhập hiện quán nên biết lược có bốn thứ Du già. Nghĩa là, vì nhằm chứng đắc pháp chưa chứng đắc, nên tịnh tín tăng thượng. Phát sanh mong muốn sâu dày,

mong muốn sâu dày tăng thượng. Tinh tấn hiện rõ, tinh tấn hiện rõ có phương tiện thiện xảo.

Nói tịnh tín: Là tin, hiểu chân chánh.

Nói mong muốn: Là mong muốn đạt được.

Tinh tấn: Như trước đã nêu, lược có năm thứ: Có uy thế. Có siêng năng. Có dũng lực. Bền chắc, mạnh mẽ, không bỏ gánh nặng kia.

Phương tiện khéo léo: Là tu tập không phóng dật. Không quên mất tướng, gọi là niệm. Đối với các thứ lỗi lầm tai họa hiện có của phóng dật, trí phân biệt, nhận rõ về tướng, gọi là chánh tri. Gồm thâu hai thứ ấy, gọi là không phóng dật, tức đối với các pháp nhiễm, luôn phòng hộ tâm, thường có thể tu tập các pháp thiện.

Lại nữa, Khổ đế như các thứ bệnh tật. Tập đế như nhân dấy khởi bệnh. Diệt đế như bệnh sanh rồi mà được trừ khỏi. Đạo đế như bệnh trừ dứt rồi khiến về sau không sanh.

Các kẻ có bệnh, đến chỗ lương y, chỉ nên tìm cầu từng ấy Chánh pháp. Các vị lương y, cũng chỉ nên trao cho từng ấy Chánh pháp. Do đó, nên lại không có Thánh đế thứ năm. Chư Phật Như Lai là bậc lương y vô thượng, nhổ sạch mũi tên ái lớn, cũng chỉ tuyên thuyết từng ấy Chánh pháp.

Lại nữa, các Sa-môn hoặc Bà-la-môn dứt bỏ trí Thánh đế. Không thành tựu hiện quán, nên biết lược có mười tướng lỗi lầm tai họa. Nghĩa là, có các Sa-môn Thắng nghĩa, ý không chấp nhận họ là Sa-môn. Ngôn từ cũng không được xem là Sa-môn v.v…, đối với các khổ như sanh v.v… của hữu sau, đều chưa giải thoát. Đối với các nẻo ác, cũng chưa giải thoát. Có thể xả bỏ học xứ chân chánh đã thọ nhận. Không thể gắng nhận, chứng đắc các pháp thù thắng xuất thế gian, vượt hơn người. Đó là đạo quả Niết-bàn của Thánh đạo. Hướng tới nẻo thiện. Có thể tìm kiếm các thứ phước điền khác bên ngoài, trừ hàng hữu học, vô học. Đối với quả Bất hoàn, vượt khỏi Khổ khổ, tức đều không thể gắng sức thực hiện được. Ở trong hiện pháp, tỏ ngộ lý giải rốt ráo, giải thoát hết thảy Khổ Hữu dư y, đều không thể làm được. Cùng với đấy trái nhau, nên biết tức là các Sa-môn hoặc Bà-la-môn hiện có không từ bỏ trí Thánh đế, thành tựu hiện quán, đạt mười tướng công đức.

Lại nữa, hướng tới đế trí, vui thích Chánh giác, phải nên nhận biết rõ, dựa nơi sức của duyên tăng thượng thuộc bốn Thánh đế, đạt được nơi chốn nương dựa, đạt được phương tiện. Nên biết xứ này, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, tịnh tín xuất gia, gọi là đạt được chốn nương dựa. Hoặc thọ nhận Bồ đề Thanh văn, thuộc về bốn quả Sa-môn. Hoặc Bồ đề hiện có của

các bậc Độc giác. Hoặc Bồ đề Vô thượng của chư Như Lai. Ba thứ như thế, nên biết gọi là ba lượt chánh chuyển Pháp luân như trước đã nói. Tùy theo thứ lớp, nơi trí kiến hiện quán, gọi là đạt được phương tiện. Nên biết, lúc nhập hiện quán đế, nhận biết rõ như thật là Khổ Thánh đế, cho đến nói rộng, là Đạo Thánh đế, gọi là trí vị. Từ đấy về sau, ở trong các đế lại có chỗ tạo tác, phải nên nhận biết khắp, nói rộng cho đến phải nên tu tập.

Do quán này, nên gọi là kiến vị. Đối với địa vô học đã hiểu rõ đúng như thật: Ta đã nhận biết khắp. Ta đã vĩnh viễn đoạn trừ. Ta đã tác chứng. ta đã tu tập, gọi là hiện quán vị.

Lại có sai biệt: Các bậc vô học đạt được tận trí, vô sanh trí, gồm thâu tất cả trí giải thoát tột cùng, gọi là trí vị. Tức trí giải thoát tột cùng của bậc vô học ấy đã dẫn đến chánh kiến, gọi là kiến vị. Từ quả Dự lưu, cho đến cứu cánh, nên biết tất cả huệ học, gọi là hiện quán vị.

Lại nữa, nên biết đế trí lược có sáu thứ tác nghiệp và tướng. Nghĩa là đế trí này là chủ thể diệt trừ vĩnh viễn hành trước của các khổ. Như mặt trời sắp mọc, trước tiên hiện bày minh tướng.

Chánh thức dứt hết khổ: Là đầu tiên kiến đế, đoạn trừ các khổ. Tạo biên vực khổ: Là A-la-hán đã đoạn dứt các khổ.

Lại, đế trí này là chủ thể đối trị vô minh tối tăm lớn, như ánh sáng mặt trời có thể phá trừ các bóng tối lớn hiện có của thế gian.

Lại như có một hành giả, đã chứng đế trí, đoạn trừ hoàn toàn ba kiết, từ đấy thường xuyên do mất niệm, nên liền bị dục tham sân hận cấu nhiễm. Hành giả này, bấy giờ, dựa vào không phóng dật, nhập Tĩnh lự thứ nhất, do xúc đế trí, chứng đắc quả Bất hoàn. Như vậy lần lượt, tuy nhập định Phi tưởng phi phi tưởng, nhưng so với ngoại, phàm có khác biệt. Do đã chứng đắc pháp không thối chuyển, nên đế trí như thế là có dụng rộng lớn, có quả rộng lớn. Ở đây, các hành quá khứ hiện có, gọi là đã sanh. Các hành hiện tại gọi là đang sanh. Các hành vị lai gọi là sẽ sanh. Tất cả như thế gọi chung là Pháp tập. Tức tất cả hành ấy do vô thường diệt, hoặc có thứ đã diệt, hoặc có thứ vừa diệt, hoặc có thứ sẽ diệt, gọi chung là Pháp diệt.

Lại, đối với đế trí đã chứng đắc, như lầu đá lớn đã khéo chạm trổ, tô điểm, thì gió mạnh của tám phương không thể làm cho nghiêng động. Hết thảy dị luận đều không thể dời chuyển các thứ tỏ ngộ, lý giải hiện có, không nhờ vào duyên khác.

Lại, hết thảy trí của bốn Thánh đế, lần lượt hợp thành, gọi là hiện quán đế, không phải tùy thiếu một loại. Hiện quán đế này, cũng như thức ăn ngon quý, các Thánh đệ tử, với huệ mạng vô thượng đều dựa vào đấy để

sống, như kẻ thọ dục ăn uống các thứ thức ăn ngon. Đế trí như Khổ, thiếu ba trí kia như lá thiềm di, nên biết phần còn lại giống như cành lá Sa la. Bốn trí Thánh đế lần lượt hợp thành tất cả viên mãn.

Lại, các đế trí, cùng với hỷ lạc đều biết rõ về nghĩa đích thực, nên có thể khiến cho thân tâm hết sức khinh an, gọi là hiện quán đế. Sanh trong Na-lạc-ca, lược có hai khổ:

1. Khổ bị thiêu đốt.

2. Khổ bị trừng phạt.

Do thiếu đế trí, nên phải nhận lấy hai khổ ấy. Hai khổ này sanh vô lượng khổ lớn dữ dội, do trí Thánh đế đều có thể vượt khỏi. Đế trí như thế, giả sử ở trong hiện pháp, nhân bị khổ lớn mãnh liệt thiêu đốt, trị phạt, một thân hoại diệt mà có thể đạt được, nên sanh hoan hỷ tột cùng để nhẫn thọ, cho dù bị hủy hoại trăm thân, hãy còn nên hoan hỷ, huống hồ chỉ là một thân.

Lại nữa, như có hành giả vì tu hiện quán Thánh đế, nên biết lược có bốn thứ chướng ngại. Đó là:

1. Không tin.

2. Thượng mạn.

3. Chờ thời.

4. Phóng dật.

- Nói không tin lại có ba thứ:

1. Đối với hiện quán đế không sanh tin hiểu.

2. Đối với hành thiện của Tăng không sanh tin hiểu.

3. Đối với Bồ đề của Phật không sanh tin hiểu.

Vì nhằm đoạn trừ loại không tin thứ nhất, Đức Thế Tôn đã tự dẫn hiện lượng được chứng đắc nơi hiện quán Thánh đế, bảo các đệ tử: "Ta đã đối với lý của bốn Thánh đế, đạt được hiện quán, chứng giác Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng".

Vì nhằm đoạn trừ loại không tin thứ hai, nên Đức Thế Tôn lại nói: "Ta xưa kia cùng với các ông, trải qua nhiều đời mãi lưu chuyển, do chưa chánh tư duy, giác ngộ về chân đế. Ta nay, cùng với các ông, do chánh kiến thông tỏ, dùng chánh kiến làm nhân, dứt hết sanh tử lưu chuyển, nhân duyên kia hết, nên từ nay không có hữu sau, chỉ còn lại thân sau cùng, nhận giữ khiến không mất".

Loại không tin thứ ba, đối với Bồ đề của Phật, cùng chuyển như vậy. Nghĩa là, nếu chủng tánh của Sa-môn Kiều Đáp Ma là Nhất thiết trí, vì sao

có sự thưa hỏi, một loại có thể ghi nhận, một loại không ghi nhận? Vì nhằm đoạn trừ loại không tin như thế, nên Đức Thế Tôn lại nói: Pháp của Ta đã giác ngộ là vô lượng vô biên, ví như lá của các thứ cây cỏ nơi đại địa. Pháp vì người khác thuyết giảng, thì chỉ là phần ít, không nói hết, ví như nắm lá Thăng nhiếp ba hiện có trong tay. Phần nhiều có thể dẫn đến không nghĩa lợi. Phần ít có thể dẫn đến có nghĩa lợi. Nên biết ở đây không phải là không nhận biết, mà là không ký biệt. Chỉ do có thể dẫn phát không nghĩa lợi, nên không ký biệt.

- Nói thượng mạn: Nghĩa là ở trong hiện quán đế kia, khởi tăng thượng mạn. Vì nhằm đoạn trừ thượng mạn như thế, nên Đức Thế Tôn lại nói: Như người tại nơi xa dùng tên bắn ra, đuôi của mỗi mỗi mũi tên nối tiếp nhau không rớt, là điều hết sức hy hữu. Hoặc lại một sợi lông tách ra làm trăm phần, đầu của mỗi mỗi sợi lông được tách ra ấy nối tiếp nhau không rơi xuống, do chúng rất nhỏ, sự việc ấy lại rất khó, nhưng thông tỏ về Thánh đế lại càng khó hơn. Vì sao? Vì do tức dùng tác ý của chủ thể nhận lấy, trở lại tức thông tỏ về chủ thể nhận lấy tác ý. Như vậy mới có chủ thẻ duyên, đối tượng duyên bình đẳng, bình đẳng, khiến trí vô lậu sanh, thông tỏ đế lý. Do đó, sự việc này là hết sức vi tế, hết sức khó khăn.

- Nói chờ thời: Nghĩa là đối với việc làm, xét đợi thời sau. Vì nhằm đoạn trừ chướng ngại này, nên Đức Thế Tôn nói: Thân người không bị đọa lạc là rất khó đạt được. Lại dẫn trường hợp con rùa mù để so sánh với sự việc kia.

Thế nào là phóng dật? Nghĩa là, tóm lược mà nói, hoặc tư duy tà, hoặc tầm tư tà, hoặc hý luận tà, đó gọi là phóng dật. Nên biết, nếu đối với xứ xứ không nên tư duy mà gượng ép tư duy, gọi là tư duy tà. Tức là, hoặc tư duy ngã nơi đời quá khứ là từng có chăng, cho đến nói rộng. Nơi đời vị lai, đối với bên trong do dự. Ngã là cái gì, cái gì sẽ là ngã? Nay, hữu tình ấy từ đâu mà đến? Ở đây mất rồi sẽ đi đến nơi nào? Hoặc tư duy về thế gian, nghĩa là thế gian là thường, cho đến nói rộng. Hoặc tư duy về dị thục nơi nghiệp quả của hữu tình, tức vọng tư duy đây tạo đây thọ nhận, cho đến nói rộng. Hoặc lại tư duy về các Tĩnh lự, cảnh giới của Tĩnh lự. Hoặc tư duy về chư Phật, cảnh giới của chư Phật, Như Lai sau khi diệt độ, hoặc có hoặc không, cho đến nói rộng. Hành giả kia do đối với Thế tục, Thắng nghĩa đều đạt được thiện xảo, nên ở nơi tất cả do hai nhân duyên, nên không nên tư duy:

1. Không phải là cảnh nơi đối tượng duyên của tư duy.

2. Do sự việc ấy là không có thật.

Nếu có kẻ xét cầu sự việc không phải là cảnh tư duy, hoặc có kẻ xét cầu sự việc không có thật, hết thảy như thế đều không đạt được, chỉ có khiến cho tâm càng thêm mê loạn. Nếu ở trong ấy, không như chánh lý mà cưỡng ép tư duy, thì tuy có một loại, do sức của nhân đời trước, nên hoặc khởi chán lìa, hoặc khởi tác ý tương ưng với chán lìa, duyên với cảnh giới thật, ở nơi trung gian tạm thời hiện hành. Nhưng lại đối với chúng thấy rõ lỗi lầm tai họa, sanh trưởng không thật. Tư duy về các pháp như thế gian v.v… như thế, chỉ có thể dẫn đến vô nghĩa.

Tầm tư tà: Nên biết tức là tầm tư dục v.v… Hý luận tà: Lại có sáu thứ:

1. Hý luận điên đảo.

2. Hý luận đường quyền (không thật).

3. Hý luận cạnh tranh.

4. Hý luận đối với kẻ khác phân biệt hơn kém.

5. Hý luận phân biệt công xảo nuôi mạng.

6. Hý luận tham đắm về của cải, vật dụng nơi thế gian. Như thế, tất cả được gọi chung là phóng dật.

Vì nhằm đoạn trừ phóng dật ấy, nên Đức Như Lai đích thân tự làm công việc dạy dỗ, vì các hữu tình có thể thọ nhận sự giáo hóa, nghe rồi có thể mau chóng đoạn trừ các phóng dật. Đệ tử của Đức Thế Tôn, vì đoạn trừ bốn thứ chướng ngại của hiện quán Thánh đế như thế, do ba hành tướng nên nhận giữ Thánh đế. Ba hành tướng là:

1. Do Văn huệ nhận giữ về văn.

2. Do Tư huệ nhận giữ về nghĩa.

3. Do Tu huệ nhận giữ về chứng đắc.

Ở đây, Văn huệ, như chỗ được nghe, có thể nhận giữ đúng đắn là Khổ Thánh đế, cho đến nói rộng.

Lại do Tư huệ nhận giữ về nghĩa. Tức là các Thánh giả nhận biết đó là đế, nên gọi là Thánh đế. Nên biết ở đây do hai duyên nên được gọi là đế:

1. Pháp tánh: Do nghĩa chân thật, nên gọi là đế.

2. Thắng giải: Do tức ở trong nghĩa chân thật ấy, khởi thắng giải về đế, được gọi là đế. Hết thảy kẻ ngu tối, chỉ do pháp tánh nên được gọi là đế, không phải là thắng giải. Nếu là các Thánh giả thì cùng do hai thứ nên được gọi là đế, nói riêng tên gọi này là Thánh đế.

Lại do Tu huệ, ở trong các đế, đạt được đế trí nội chứng hiện lượng, cũng được chứng tịnh. Do nhân duyên này, nên đối với các đế, thật sự xa

lìa nghi hoặc, đế trí chứng tịnh lại cúng nương dựa, nếu ở nơi chốn có một tất có pháp thứ hai.

Lại nữa, nếu có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, đối với trí Thánh đế chưa đạt tương ưng, nơi các Thánh đế chưa thành tựu hiện quán, nên biết lược có bốn thứ lỗi lầm. Đó là:

1. Đối với trường hợp có thể đi đến phần thấp nơi nẻo ác, sanh trong bản hạnh, đã khởi ái lạc sâu xa, tạo tác, tăng trưởng nghiệp tương ưng với chúng. Do điên đảo ấy nên sanh nơi hầm sâu của nẻo ác.

2. Đối với triền dục nơi hai nẻo trời, người có rất nhiều phiền não luôn thiêu đốt, sanh trong bản hạnh, đã dấy khởi ái lạc sâu xa, tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp tương ưng với chúng. Do nhân duyên này, nên đã sanh nơi nẻo kia rồi, nhiệt não lớn liền sanh, luôn bị chúng thiêu đốt.

3. Đối với các triền của của cõi Sắc, Vô sắc cùng với những tương ưng hiện có, như trước đã nói về vô minh tăm tối cùng các thứ màn che, sanh trong bản hạnh, nói rộng cho đến đọa nơi sanh tối tăm.

4. Do thối mất cảnh giới thọ dụng là đạo Niết-bàn, nên nơi trung gian, như sanh vào ba thứ thế giới, trung gian rơi tại ba thứ vọng kiến đen tối:

a. Thường kiến.

b. Đoạn kiến.

c. Kiến chấp hiện pháp Niết-bàn.

Do nhân duyên ấy, nên rơi rớt nơi ba cõi, sanh vào chốn tối tăm. Thâu nhận vọng kiến của chính mình như thế, nên bị vô minh tà vạy hắc ám che ngăn, nên không quán xét đúng như thật. Như trước đã nói về chỗ thâu nhận năm chi để đoạn trừ. Vì thế, nên biết là đã hiển thị như thật về các đế.

Lại nữa, hoặc có một loại hữu tình, đối với các Thánh đế không đạt được thiện xảo, tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp của dị thục hắc-hắc rồi, nên có thể chiêu cảm ba nẻo ác. Do nghiệp ấy, nên ví như ném mạnh đầu gậy, hữu tình bị đọa trong Địa ngục, Bàng sanh, Quỷ giới.

Hoặc có một loại hữu tình tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp của dị thục hắc-bạch, hắc-bạch rồi, do nghiệp xen tạp ấy, ví như ném mạnh cây gậy, các hữu tình hoặc bị đọa vào xứ không thanh tịnh của nẻo ác, hoặc được sanh vào xứ ít thanh tịnh của nẻo thiện.

Lại có một loại hữu tình tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp của dị thục bạch-bạch rồi, do nghiệp ấy, nên sanh tại nơi chốn là chỗ đeo đuổi của các nghiệp sanh tử thuộc năm nẻo, thọ mạng hết, nghiệp hết, tức trở lại từ nơi cõi Sắc, Vô sắc, ở đấy mất rồi, thối đọa nơi chốn sanh tử của năm nẻo, như

năm bầu xe với các nan hoa khiến bánh xe xoay vòng không dừng.

Nếu có người vì kẻ khác thuyết giảng về đạo thế gian, cho đến tuy có thể sanh lên cõi Hữu Đảnh, nên biết đạo được nêu giảng ấy không phải là Đệ nhất nghĩa, khiến đạt được giáo pháp vô thượng. Vì sao? Vì sự được sanh lên cõi trên như thế không phải là cứu cánh.

Nếu các Đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp tương ưng với Thánh đế, nên biết giáo pháp ấy là Đệ nhất nghĩa, khiến đạt đến giáo pháp vô thượng. Vì sao? Vì sự "thăng thượng" như thế là cứu cánh.

Lại, nếu do đạt được các trí thế tục, cho đến cõi Hữu Đảnh, gọi là kẻ thông tuệ, không phải là thông tuệ của Đệ nhất nghĩa. Nếu do đế trí gọi là kẻ thông tuệ, thì đấy gọi là thông tuệ của Đệ nhất nghĩa, như trước đã nói.

Lại nữa, ở trong bốn thứ trí Thánh đế, trí Thánh đế thứ nhất có thể nhập nơi Thánh đế, lần lượt hiện quán, ví như chân gốc. Trí Thánh đế thứ hai, ví như tường vách. Trí Thánh đế thứ ba như tầng cấp dưới. Trí Thánh đế thứ tư như đài báu ở trên.

Lại, bốn trí Thánh đế như vậy như bốn bậc thềm, có thể khiến đi lên cung điện Đại trí huệ.

Lại, tức bốn trí Thánh đế như thế, như bốn nấc thang, có thể khiến bước lên nẻo giải thoát tịch diệt.

Nên biết ở đây có ba thứ ái, ví như ba cây cọc, các Ma-la ác luôn nắm giữ để quấy động biển lớn sanh tử, khiến cho các loài hữu tình thọ sanh ở đấy theo đó mà xoay chuyển.

Ba thứ Ma-la-ái "cọc gỗ" như thế không thể khiến cho ba loại hữu tình kia theo đấy xoay chuyển:

1. Cứng nhọn, tức là Dự lưu.

2. Xử trung, tức là hàng hữu học còn lại.

3. Nghịch lưu: Đạo hạnh viên mãn. Theo chỗ mong muốn đều có thể tạo tác. Hữu tình đã kiến Thánh đế, đoạn trừ vĩnh viễn mạn hiện có đã tạo tác khổ, mạn đã hình thành khổ. Do nhân duyên ấy, nên các Khổ đa phần đã đoạn trừ, chỉ còn phần ít, tức là các hàng hữu học và A-la-hán.

Như mạn đã tạo, đã hình thành các khổ, thì các ái nơi nghiệp thân ngữ ý, Tham-sân-si v.v… sanh khởi các khổ, nên biết tất cả, phần nhiều đã đoạn trừ, chỉ còn phần ít, ví như đá sỏi cùng với núi Đại Tuyết.

Các mạn như thế là đã tạo tác đã hình thành các Khổ hiện có, hoặc còn lại hoặc đoạn trừ, nên biết cũng thế. Như nơi hồ ao lớn, nước đầy tràn, chỉ lấy vài ba giọt nước, thì nước nơi ao hồ lớn ấy hãy còn rất nhiều. Như

vậy, ái của cõi Vô sắc đã sanh khổ, hoặc còn lại, hoặc đoạn trừ, nên biết cũng thế. Như nơi hồ, vũng nước lớn, phần còn lại như trước đã nói. Như vậy, ái nơi cõi Sắc đã sanh khởi Khổ, hoặc còn lại, hoặc đoạn trừ, nên biết cũng thế.

Lại như nơi biển cả, phần còn lại như trước đã nói. Như vậy, ái của cõi Dục đã sanh khởi các Khổ, hoặc còn lại hoặc đoạn trừ, nên biết cũng thế. Lại các dụ về núi Tuyết lớn, hoặc các Kim sơn, hoặc Tô mê lô cùng đại địa. Lại có sáu thứ dụ về sỏi đá, dụ về khối bùn đất, phần còn lại như trước đã nói. Như vậy, các thứ Tham-sân-si của ba nghiệp thân ngữ ý đã sanh các khổ, hoặc còn lại, hoặc đoạn trừ, nên biết cũng thế. Như vậy, nhiều khổ đã xa lìa, ít khổ còn lại, nên biết hiện quán như thật về Thánh đế có nghĩa lợi lớn. Nghĩa là các hàng hữu học tối đa là bảy đời thọ khổ nơi nẻo người, trời, còn khổ nơi các nẻo ác đều đã vượt qua. Hoặc các bậc vô học chỉ còn có khổ của chỗ dựa thuộc hiện pháp, hết thảy các khổ khác đều đã vượt qua.

Lại nữa, nếu trụ nơi thân này nhập hiện quán đế, nên biết là thân ấy hết sức khó đạt được.

Lại, hàng hữu học có mắt thánh minh kiến đế lại càng rất khó đạt được.

Lại, huệ diệu do Văn-Tư-Tu tạo thành, cũng là khó đạt được. Do huệ ấy, nên ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, theo như thứ lớp, đã hiểu rõ, hiểu rõ hơn, cùng do quyết định. Nên khi đã hiểu rõ, có thể phân biệt kỹ. Khi hiểu rõ hơn, có thể sanh khởi thắng giải. Vào lúc quyết định rõ thì ở nơi pháp nhập chứng.

Lại, hiện quán đế, với tư lương hiện có là pháp hữu lậu thiện, cũng là khó đạt được. Nghĩa là đối với cha mẹ, nhận biết về ân dưỡng cùng các nghiệp đạo thiện có thư thái viên mãn, cũng là khó đạt được. lại, có chánh kiến thứ nhất của thế gian v.v…, cho đến trí giải thoát là biên sau nơi mười thứ chánh pháp, cũng là khó được.

Các pháp như vậy tức là hàng hữu học, tức là bậc vô học. Nên biết ở đây, hữu tình, sĩ phu hiện có, khéo nhận biết về ân dưỡng, nhận biết rõ như thật về tất cả cha mẹ đều nên hiếu dưỡng. Nhận biết như thế rồi, đối với cha mẹ siêng tu hiếu dưỡng. Đó gọi là khéo nhận biết về ân dưỡng của cha mẹ.

Lại, các hữu tình, sĩ phu hiện có, vui thích nơi lợi ích của mình, đối với kẻ khác có đức như tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, đều nhận biết rõ như thật là phước điền, như chỗ ứng hợp, siêng tu cúng dường. Đó gọi là khéo

nhận biết về Sa-môn hoặc Bà-la-môn hiện có.

Lại, hữu tình, sĩ phu hiện có, không rơi vào tham dục, đối với tất cả hàng thân thuộc như vợ con, nô tỳ v.v… đều nhận biết rõ như thật là họ đã xem ta là nhà cửa, là nơi chốn quy về. Ta nếu có vui thì họ cũng vui theo. Ta nếu có khổ thì họ cũng khổ theo. Nhận biết như thế rồi, nên vào mọi thời gian, chính thức dùng các thức ăn uống, y phục v.v… cấp cho, lại do duyên bệnh nên thâu nhận y dược. Đối với các thứ nghĩa lợi kia, tự nhiên gắng sức mạnh mẽ mà hành tác, không phải đối với tất cả, chỉ mong họ nhớ nghĩ. Bẩm tánh trung thực, bình đẳng, vui thích để phân bố, cũng không phung phí khiến hao tổn tài sản, vật báu. Không ở nơi phi xứ sanh khởi "giới luật", cũng không ở nơi "Phi xứ" dấy khởi phẫn nộ. Đối với các người già cả, cùng những nơi chốn tôn trọng, phải khéo tùy chuyển đúng đắn. Như vậy gọi là vị gia trưởng khéo cai quản gia đình, khéo có thể tạo tác nghĩa lợi của tự, tha.

Các nơi chốn thực hiện đều theo đúng Chánh pháp, không dùng phi pháp. Ở trong hiện pháp, kẻ khác đã tạo hành ác, thấy rõ lỗi lầm, nghĩa là hoặc giết hại, hoặc trói buộc, hoặc trị phạt, hoặc trừ bỏ, hoặc bị chê trách, hủy báng. Xét chọn đúng đắn rồi, trọn không hiện hành. Như thế gọi là, đối với tội lỗi của đời này, cảm thấy sợ hãi sâu xa.

Lại quán xét đúng đắn, thấy rõ việc tạo ác hành ác rồi, đối với đời sau, chiêu cảm các khổ nơi nẻo ác, cùng chiêu cảm các khổ còn lại như thiếu thốn v.v… Xét chọn đúng đắn rồi, trọn không hiện hành. Như thế gọi là, đối với tội lỗi của đời khác, cảm thấy sợ hãi sâu xa.

Lại, trong mọi thời gian, có thể thọ học chính đáng, hành các nghiệp phước, tạo tác vô số hành phước sai biệt. Đó là thăm bệnh, kính thờ Tam bảo, hết lòng hành trì. Các sự việc như thế gọi là hành tạo phước. Trong một ngày đêm, cho đến trọn đời, nơi giới luật hiện, nên thọ học đúng đắn. Như thế gọi chung là huệ thí, tạo phước, thọ trai, học giới.

Mười nghiệp đạo: Nghĩa là về sai biệt, cùng có hai, ba thứ v.v…, tuyên thuyết cho đến vì khiến do Văn huệ, Tư huệ, đối với tác ý hiện có tương ưng, nên tu tập nhiều, đúng đắn.

Lại, các hữu tình sanh nơi nẻo ác rồi, khó có thể giải thoát. Sanh nơi nẻo thiện rồi, mau chóng trái lìa. Nên biết đó gọi là có thư thái viên mãn là rất khó đạt được.

Lại, kiến đế nên không có chánh kiến sai biệt sanh khởi. Đối với đời quá khứ gọi là đã sanh khởi. Đối với đời hiện tại gọi là đang sanh khởi. Đối với đời vị lai gọi là sẽ sanh khởi, như trước đã nói. Hoặc tập hoặc tu, hoặc

tu tập nhiều, nghĩa ấy nên biết. Nếu là chánh kiến thế gian, nên tùy thuận phòng hộ. Nếu là chánh kiến hữu học, cùng quả đạt được do đoạn trừ, nên tùy thuận xúc chứng. Nếu là chánh kiến vô học cùng tự quả ly hệ, nên tùy thuận tác chứng.

Như nói về chánh kiến, thì nói về các pháp cho đến trí giải thoát nên biết cũng thế.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 96

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh: Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới, Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Ba

Đoạn 4:

Lại nữa, tụng chung nêu:

Nghĩa chung cùng ánh sáng
Thọ cùng ở sau rốt.

Tụng riêng nêu:

Nghĩa chung, tự loại riêng
Giống chuyển sau ba cầu.

Nên biết các Giới (uẩn xứ giới) lược có hai thứ:

1. Giới trụ nơi tự tánh.

2. Giới tập tăng trưởng.

- Giới trụ nơi tự tánh: Nghĩa là mười tám Giới, gắn liền với sự nối tiếp của chính nó, mỗi mỗi thứ đều quyết định có chủng tử sai biệt.

- Giới tập tăng trưởng: Tức là các pháp hoặc là thiện hoặc là bất thiện, ở trong đời khác, trước đã luôn tập quen khiến chúng hiện hành. Hiện tại, các chủng tử mạnh mẽ, nương dựa, nối tiếp, do đấy làm nhân, vừa gặp duyên nhỏ liền có thể hiện khởi, nhất định không thể chuyển. Lại nữa, nói tóm tắt, tuy chủng loại của Giới có thể đạt được là mười tám, nhưng mỗi mỗi Giới, nơi nghiệp, nẻo hữu tình với vô số phẩm loại có sai biệt, nên biết là vô lượng. Ví như "tụ xoa" đại ác của thế gian, ở trong tụ ấy có nhiều phẩm loại. Chủng loại là một, tuy nói là một nhưng có vô lượng. Như vậy, ở trong mỗi mỗi Giới đều có vô lượng phẩm loại sai biệt. Chủng loại là một, tuy đều nói là một nhưng thật sự

là vô lượng.

Lại nữa, các Giới như thế, do sức của thắng giải được tập thành.

Nếu trước là thắng giải ác thì tập thành Giới ác, trước là thắng giải thiện thì tập thành Giới thiện. Theo chỗ được tập thành, trở lại cùng với hữu tình tương tợ như thế, đồng pháp mà chuyển, nghĩa là cùng qua lại,

đồng tụ tập, đồng trụ, đồng thấy, đồng ý, nơi thắng giải tương tợ. Do đấy nên nói các Giới của hữu tình cùng được tươi nhuận tương tợ mà chuyển.

Lại nữa, do sức tăng thượng của việc cầu phạm hạnh, nên trước nói phát khởi tín, tiếp theo, đối với Giới luật thọ học mà chuyển. Thứ đến, đối với tội lỗi hiện có của hiện hành, quán tự quán tha mà sanh xấu hổ. Sau đấy, đối với pháp thiện tu tập liên tục, phát khởi tinh tấn, đối với việc đã làm, đã nói từ lâu xa có thể không quên mất. Hai thứ ấy làm chỗ dựa khiến tâm được định. Do tâm định, nên được trí như thật. Như thế là vừa nói sức tăng thượng của tín. Lần lượt tu tập ba thứ học: Giới tăng thượng, Tâm tăng thượng, Huệ tăng thượng.

Ba học như vậy là đạo tư lương thù thắng. Nghĩa là chánh kiến thế gian, hành tốt, huệ xả, dễ nuôi lớn, dễ viên mãn, ít dục, biết đủ, cùng bốn nhiếp sự.

Về câu: Dễ nuôi lớn v.v… nghĩa có sai biệt, như nơi địa Thanh văn đã nói về tướng. Như thế nên biết gọi là cầu phạm hạnh đã được viên mãn. Thành tựu việc cầu phạm hạnh như thế, trở lại cùng với các loài hữu tình của Giới ấy, đều được tươi nhuận, tương tợ mà chuyển. Nên biết ở đây, quả dựa nơi nhân, không phải nhân dựa nơi quả.

Giới vô minh đã tùy theo các Giới của sáu xứ làm chỗ dựa của duyên có sai biệt, nên khởi vô số phẩm loại của vô minh xúc. Vô số phẩm loại của vô minh xúc ấy dùng làm duyên, nên dấy khởi vô số phẩm loại của các thọ do vô minh xúc sanh ra. Vô số phẩm loại của các thọ do vô minh xúc sanh ra ấy dùng làm duyên, nên khởi các thọ do vô minh xúc sanh ra làm duyên cho tham ái. Ái làm duyên mà có thủ, nói rộng cho đến khối khổ lớn được tích tập. Nên biết đó gọi là dựa nơi cầu hữu nên kiến lập các Giới.

Lại, vô minh giới đã tùy theo các Giới của sáu xứ làm duyên, khởi vô minh xúc. Vô minh xúc này dùng làm duyên, đối với các cảnh giới khởi các tưởng không như lý, chấp giữ tướng tốt hiện có. Tưởng này làm duyên, đối nơi các cảnh giới phát khởi mong muốn. Mong muốn này làm duyên, dấy khởi tầm tư tùy nhiên theo pháp kia. Do tầm tư ấy làm duyên nên phát khởi luyến mộ, sầu lo, tạo nhiệt não cho thân tâm. Thân tâm nhiệt não này làm duyên, nên đối với vô số phẩm loại của các cảnh giới suy cầu có sai biệt, đều có thể nhận biết rõ. Như thế nên biết là dựa vào cầu dục, đã an lập các Giới.

Lại nữa, tụng nêu:

Ba bảy Giới cùng thâu
Kiến tưởng cùng kỳ lạ

An lập tánh sai biệt
Tịch tĩnh, kẻ ngu sau.

Giới (uẩn xứ giới) có ba thứ:

1. Giới sắc.

2. Giới vô sắc.

3. Giới diệt. Lại có bảy Giới:

1. Giới sáng tỏ.

2. Giới thanh tịnh.

3. Giới Không xứ.

4. Giới Thức xứ.

5. Giới Vô sở hữu xứ.

6, Giới Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

7. Giới diệt.

Nên biết ở đây, do Giới sắc gồm thâu Giới sáng tỏ và Giới thanh tịnh. Do Giới vô sắc gồm thâu bốn xứ vô sắc. Do Giới diệt trở lại gồm thâu Giới diệt.

Lại, các sắc tham do kiến do thọ nên được hiển phát, hiện hữu khắp ở trong tất cả địa của Giới sắc, an lập Giới sáng tỏ và Giới thanh tịnh.

Lại, hành biến tri đối với bảy Giới như thế, phải nên nhận biết rõ. Tức đối với chỗ đạt được phải nên nhận biết rõ. Nơi đối tượng hành tác đã đạt được, phải nên nhận biết rõ. Như vậy, hành biến tri hiện có của các Giới do bốn nhân duyên phải nên nhận biết rõ:

1. Đối tượng được đối trị, chủ thể đối trị có trái nhau mà cùng đối đãi.

2. Nhỏ hẹp, vô lượng cùng đối đãi.

3. Có, không có cùng đối đãi.

4. Hữu thượng, vô thượng cùng đối đãi.

Đen tối làm duyên để thiết lập ánh sáng. Bất tịnh làm duyên để thiết lập thanh tịnh. Nẻo sắc làm duyên để thiết lập hư không. Như thế gọi là có trái nhau. Đối đãi nơi đối tượng được đối trị kia để thiết lập chủ thể đối trị. Do đối đãi nơi pháp kia, nên có thể ở trong đó giác huệ chính thức chuyển biến. Do duyên nơi cảnh có lượng nhỏ hẹp, thức dùng làm duyên, nên thiết lập xứ Thức vô biên. Do phần ít sở hữu dùng làm duyên, nên thiết lập xứ Vô sở hữu. Do tất cả hữu tối thắng hiện tiền dùng làm duyên, nên thiết lập xứ Phi tưởng phi phi tưởng, là hữu vô thượng. Do Tát-ca-da hiện có tương ưng với các phiền não được đoạn trừ dùng làm duyên, nên thiết lập Giới

diệt, là diệt vô thượng. Nên biết cõi Hữu Đảnh là hữu vô thượng. Diệt đối với các pháp đều là vô thượng.

Lại, định hữu tưởng gọi là hữu hành. Ở trong Giới theo thứ lớp, cho đến xứ Vô sở hữu, tất cả đều là định hữu tưởng, đều do hành định tùy thuận đạt được. Nghĩa là giữ lấy tướng minh nơi tưởng quang minh, cùng tu Tam-ma-địa, tùy thuận đạt được định tưởng quang minh.

Như vậy, do giữ lấy thanh tịnh, hư không, tưởng thức vô biên, tưởng vô sở hữu, nên biết cũng thế.

Xứ Phi tưởng phi phi tưởng, do tác ý vô tướng làm phương tiện, hướng nhập tưởng hết sức vi tế, nên thủ là bậc nhất. Các hữu tịch tĩnh lúc khởi thắng giải, tùy thuận đạt được định hữu bậc nhất. Nơi tất cả tướng không tư duy, nên đối với Giới vô tướng đã tư duy đúng đắn. Tát- ca-da diệt do vô tướng, nên tùy thuận đạt được định diệt nơi Giới diệt. Hai thứ như thế, không do hành định tùy thuận đạt được. Lại do hoàn toàn diệt trừ tham hiện có nơi Giới sắc, vô sắc, nên không cúi thấp, không ngẩng cao, giải thoát trụ, trụ nơi giải thoát. Các định như thế, được tùy theo chỗ mong muốn, có sức điều thuận, tự tại mà chuyển. Như vậy gọi là tùy được các Giới.

Lại, các Giới này, có thể tùy thuận đạt được tám định giải thoát. Nên biết Giới thứ nhất có thể tùy thuận đạt được hai định giải thoát thứ nhất, thứ hai. Giới thứ hai có thể tùy thuận đạt được giải thoát thứ ba nơi định Tĩnh lự thù thắng. Năm Giới còn lại, theo như thứ lớp, có thể tùy thuận đạt được năm định giải thoát.

Lại nữa, các nhóm ngoại đạo, nhằm khiến cho đệ tử, ở trong ba xứ đạt được thăng tiến, nên lược nói pháp yếu. Nghĩa là có một loại, nơi cõi Dục thấp kém, vì khiến đạt được diệu lạc trong nẻo người, cho đến sanh nơi cõi Trời Tha Hóa Tự Tại, nêu rõ các hành có thể chiêu cảm quả nơi cõi kia.

Lại có một loại, ở nơi cõi Sắc trung bình, vì khiến đạt được sanh trong chúng đồng phận của cõi Phạm Thế, nêu bày các hành có thể chiêu cảm quả nơi cõi kia.

Lại có một loại, nơi cõi Vô sắc vi diệu, vì khiến đạt được, cho đến sanh nơi chúng đồng phận của xứ Phi tưởng phi phi tưởng, nên nêu bày các hành có thể chiêu cảm quả nơi cõi kia.

Như vậy, các nhóm ngoại đạo kia nói Giới thấp kém làm duyên, gọi là lời thấp kém. Giới trung bình làm duyên, gọi là lời trung bình. Giới vi diệu làm duyên, gọi là lời vi diệu.

Các đệ tử kia, nghe pháp ấy rồi, trở lại dấy khởi tưởng lãnh hội sai biệt như thế. Tưởng lãnh hội như vậy cũng gọi là tưởng thấp kém, tưởng trung bình, tưởng vi diệu. Tưởng như như ấy, như thế, như thế phát sanh nhẫn lạc. Nhẫn lạc như vậy phát sanh kiến thấp kém, kiến trung bình, kiến vi diệu.

Chúng do các kiến nhẫn lạc như thế, nên đối với các xứ sanh sai biệt kia, tin hiểu chấp nhận, chấp là tối thắng, tạo tác, làm tăng trưởng nghiệp tương ưng ấy. Tin hiểu như thế gọi là nguyện thấp kém, nguyện trung bình, nguyện vi diệu. Nên biết hành giả của ba thuyết này cũng gọi là hữu tình của phẩm thấp kém, trung bình, vi diệu.

Lại, người nói, người hành kia, cũng vì kẻ khác tuyên thuyết các pháp thấp kém, trung bình, vi diệu, họ cũng đạt được loại sanh như thế. Lại tức sanh ấy, trước sau cùng đối đãi có sai biệt, nên an lập các Giới kém, vừa, diệu khác biệt. Ba thứ như vậy, nếu đối với Niết-bàn, tất cả đều thuộc về Giới thấp kém.

Nếu các Đức Như Lai, do thắng nghĩa, nên Giới vi diệu làm duyên, chỉ nói lời diệu. Pháp còn lại có sai biệt, như chỗ ứng hợp nên biết. Hoặc các Thánh giả, hành, nẻo hiện có, nên biết đều là Niết-bàn của hiện pháp.

Trước có ngoại đạo, sau khi mạng chung, sanh đến cõi này, nhân tăng trưởng, duyên hòa hợp, nên ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, liền được xuất gia. Kẻ ấy, do đời trước bị vọng kiến của ngoại đạo làm mê loạn, nên hợp thành vô minh giới lớn lao nơi hiện tại. Do đấy làm nhân, nên đối với Niết-bàn, cùng bậc Đại sư đã sanh nghi hoặc, thối chuyển mất Chánh pháp và Giới luật, trở lại quay về với pháp thuyết ác của ngoại đạo. Kẻ ấy, do sức của nhân thường hành tập từ đời trước, nên trở lại nêu bày lời thấp kém như thế, cho đến nói rộng như trước đã nêu, tất cả nên biết.

Lại nữa, ở trong xứ ngoại đạo, đệ tử của ngoại đạo đều có kiến thú riêng, được thiết lập rộng, lược có ba loại, do chỗ dựa là nhẫn kiến sai biệt, nên có thể đạt được.

Nương nơi Chánh pháp này, có thể khiến lìa bỏ vĩnh viễn triền và tùy miên. Do triền đã bỏ, nên tùy miên cũng theo đấy mà bỏ, phần còn lại cũng không chấp. Nhận biết rõ do chúng, nên ở trong hiện pháp, cùng với kẻ khác tranh, chống, giận dữ mà trụ, có thể dẫn đến cho tự tha, tất cả vô nghĩa. Đã nhận biết như vậy rồi, nên dứt bỏ tùy miên kia. Do bỏ tùy miên ấy, nên các tùy miên còn lại cùng nhân khác nơi các triền hiện có ấy hoàn toàn không chấp giữ. Ở nơi xứ ngoại đạo, đều có kiến thú riêng, được thiết lập rộng: Nghĩa là chấp thế gian hoặc thường, vô thường, nói rộng cho đến Đức

Như Lai sau khi diệt độ là không phải có không phải không. Trong đó, một loại đệ tử của ngoại đạo, vì tánh trì độn, như như tự sư, hoặc kẻ khác chỉ dạy, dẫn dắt, như vậy như vậy, không xét lường kỹ, chấp giữ chặt, cho chỉ đế ấy là thật, ngoài ra đều là ngu, vọng. Loại đó, đối với tất cả đều có "kiến thú" riêng, thảy đều nhẫn thọ. Đó gọi là do chỗ dựa là nhẫn kiến thứ nhất.

Lại có một loại đệ tử của ngoại đạo, tánh là trung căn không phải trì độn, không thể tự nhiên đối với pháp mạnh mẽ suy tầm, quán xét. Cũng không tùy theo ngôn thuyết, liền sanh tin hiểu, nhưng lần lượt ở nơi kiến thú trái nhau, theo đấy vui thích một loại. Những kẻ kia đối với một loại kiến thú nhẫn thọ, không nhẫn thọ đối với một loại khác. Đó gọi là do chỗ dựa là nhẫn thọ thứ hai.

Lại có một loại đệ tử của ngoại đạo, tánh là lợi căn, có thể tự nhiên đối với pháp, mạnh mẽ suy tầm, quán xét. Do các kiến thú thiết lập xấu ác, nên họ thấy tất cả đều không hợp lý. Thấy như vậy nên hết thảy đều chẳng vui thích. Vì nhân duyên này nên đối với các kiến thú đều không nhẫn thọ. Đây lại có hai loại hữu tình:

1. Hành tà kiến: Tánh không thể gắng sức, ý không cầu lãnh hội.

2. Hành chánh kiến: Tánh có thể gắng sức, ý có cầu hiểu biết.

Ở đây, hết thảy loại thứ nhất là hữu tình không nhẫn. Tức do tỷ lượng phi lý như thế, nên ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, họ không xét lường kỹ, cho là phi lý, hủy báng Thánh Hiền, khởi kiến chấp cho là không có.

Lại, đối với tất cả đều có kiến thú riêng, đều không nhẫn thọ, tạo phương tiện khiến họ không có chỗ nương dựa, cũng khiến hoại diệt, không còn vâng theo tông chỉ mà lại vọng phân biệt, suy lường. Hiển thị không chốn dựa cậy, dẫn đến "kiến thú", luôn cùng với tất cả đều có kiến chấp riêng, cùng tranh, chống, hỗ tương não hại. Đó gọi là do nhẫn kiến làm chỗ dựa thứ ba. Ở đây, tất cả loại thứ hai là hữu tình không nhẫn, đối với hết thảy phần trước không nhẫn, thấy cũng không vui thích, tâm trụ cầu hiểu biết, đi đến trụ xứ khác, tức là Phật, đệ tử Phật trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, đã hiển bày như thật rồi nói: "Tôi, tất cả đều không nhẫn thọ!". Phật, đệ tử của Phật nhận biết rõ kẻ ấy, ý có cầu hiểu biết, giác huệ mãnh liệt, tánh gồm đủ khả năng nhận giữ, tức lo tâm ấy, nhớ nghĩ về tâm của kẻ kia rồi, bèn dựa vào hữu tình trước, lại cật vấn: Ông tức đối với các thứ ấy đều không nhẫn, kiến cũng không nhẫn chăng? Kẻ kia liền vâng dạ rồi đáp đúng như thật. Đức Như Lai bèn nêu rõ về các chúng đệ tử trong Chánh pháp này, rồi khen ngợi, khích lệ kẻ kia và bảo: Ông cùng với nhiều người là

giống nhau. Chúng ta, tất cả đối với các kiến thú cùng không nhẫn kiến, đều không nhẫn thọ. Ông nếu được như vậy, như người này, các triền cùng với tùy miên, tất cả chỗ dựa của kiến đều vĩnh viễn đoạn trừ. Nơi đời vị lai, các kiến tạp nhiễm đều không thể gây tạo. Ông nay cùng với họ là hoàn toàn không khác nhau. Ông là một trong số rất ít kẻ đã đến với Chánh pháp. Nếu đối với tất cả triền cùng tùy miên đều không nhẫn kiến, có thể đoạn trừ vĩnh viễn, thì kẻ kia đối với tất cả, rốt ráo không nhiễm.

Như vậy, Đức Như Lai, đệ tử của Đức Như Lai đã tạo phương tiện, khiến đệ tử của ngoại đạo kia, đối với trí kiến chân chánh phát sanh mong muốn, riêng khởi suy niệm: "Ta hoàn toàn không biết đệ tử của Đức Như Lai có thể đoạn trừ triền và tùy miên như thế!".

Đức Như Lai nhận biết kẻ ấy, đối với trí kiến chân chánh, sanh khởi mong muốn rồi, liền lại khuyến khích kẻ ấy phát khởi tâm mong muốn, kẻ kia vâng lời thọ nhận. Đức Như Lai vì muốn khiến kẻ kia nương dựa nơi hai lực đối trị xét chọn, tu tập, đoạn trừ vĩnh viễn tất cả triền và tùy miên, nên nêu giảng pháp yếu, khiến kẻ ấy đạt được trí kiến không điên đảo. Như các vị khác đã an trụ nơi Chánh pháp này, có thể dứt bỏ hết thảy triền cùng tùy miên. Đó là xét chọn chỗ dựa của các kiến kia, có thể khiến lần lượt hỗ tương trừ bỏ. Do nhân duyên này, nên mọi thứ tranh, chống, não hại, có thể dẫn đến hết thảy vô nghĩa cho mình, người, các Thánh đệ tử đối với chúng đều không chấp giữ. Giả như có kẻ đến thưa hỏi, cũng không ký biệt.

Quán xét các thứ lỗi lầm tai họa như thế rồi, dựa nơi diệu lực xét chọn, lìa bỏ các triền. Vì nhân duyên ấy, nên đối với chỗ dựa của kiến chấp kia, có thể trừ bỏ hoàn toàn. Đối với chỗ dựa của kiến chấp còn lại, do chánh kiến nên cũng khiến chúng không còn hiện hữu.

Như vậy, vì nhằm dứt trừ rốt ráo các triền, nhổ sạch các tùy miên, nên tu tập tuần thân niệm. Đối với thân có sắc, quán tánh vô thường. Đối với thân nhiễm chấp, tu làm tịnh nơi tâm. Đối với phần vị của các thọ luôn thuận theo tự thân, do môn vô thường, quán tánh vô thường, nhận biết rõ như thật về các danh sắc, nên đối với các lậu, tâm được giải thoát. Quán thân hoại rồi, các thọ của vị lai thảy đều đoạn dứt.

Lại, đối với thân này trụ nơi tưởng sẽ bị hoại, cho đến thọ mạng hiện tại luôn có thể nhận lãnh các thọ đã lìa trói buộc. Như vậy gọi là dựa nơi sức tu tập, lìa bỏ tùy miên. Nên biết ở đây, do Tham-sân-si v.v… nên khiến cho các khổ nơi đời vị lai như sanh v.v… hòa hợp, trói buộc. Cũng khiến cho hiện pháp khởi nghiệp tạp nhiễm. cũng khiến vui cầu các sự nhiễm của vị lai, chấp giữ các sự việc đã xả bỏ của quá khứ, tham đắm các sự việc

đang hiện tiền của hiện tại. Ý tham bướng, gọi là trái. Lời tranh biện gọi là tranh. Do ba thứ tổn hại gọi là hại. Về quán vô thường v.v…, như nơi địa Thanh văn đã nói rõ các tướng.

Lại nữa, tu quán bất tịnh, từ bi, nhằm đối trị dục tham, giận, hại, chưa đoạn trừ hoàn toàn. Các phẩm thô trọng kia, trong chỗ nương dựa, cũng như chủng tử có thể sanh ra chúng. Như chỗ ứng hợp được gọi là Giới dục tham và sân, hại, do có các thứ ấy.

Lúc thuận nơi cảnh của dục, sân, hại hiện tiền, dựa nơi tác ý tư duy không như lý, đối với ba thứ cảnh, có thể chấp giữ phi lý nơi tưởng tướng tốt sanh. Tưởng này sanh rồi, do chấp chặt, nên biết là phát khởi hai thứ lỗi lầm tai họa:

1. Nơi hiện pháp.

2. Nơi hậu pháp.

Ở đây, thế nào là chấp chặt? Thế nào gọi là lỗi lầm tai họa của hiện pháp? Thế nào gọi là lỗi lầm tai họa của hậu pháp? Nếu do sức tăng thượng của tưởng tự mình sanh, tương tợ như trước đã nói về vui muốn phân biệt, nhiệt não hiện có vì tìm cầu sanh khởi. Do nhân duyên ấy, gọi là tưởng chấp chặt.

Lại, lúc tìm cầu, đối với các hữu tình nơi ba xứ kia, phát khởi hành tà vạy. Do đấy làm nhân, hoặc có thể gắng nhận, nên có thể sanh khởi các thứ sầu khổ hiện có của hiện pháp, do nhân duyên này nên gọi là có khổ. Hoặc không thể gắng nhận, nhưng tức do chúng đã hiện tiền, nên gọi là có thiếu thốn.

Lại, có khổ cùng có thiếu thốn này, dùng hai thứ làm duyên:

1. Dùng kẻ khác, tay cầm đao gậy đất đá, cùng lời nói thô ác v.v… làm duyên tăng thượng. Do duyên ấy, nên gọi là có tai họa não hại.

2. Dùng tạp nhiễm bên trong mà trụ, làm duyên tăng thượng. Do duyên ấy, nên gọi là có thiêu đốt não hại.

Như thế gọi là lỗi lầm tai họa của hiện pháp.

Tức do nhân ấy, nên nơi đời vị lai sanh vào các nẻo ác. Như thế gọi là lỗi lầm tai họa của hậu pháp.

Lại, hoặc đối với các học xứ đã thọ, có chấp giữ kiên cố, nên biết đối với kẻ thọ học xứ kia như ngôi nhà cỏ lau khô, trong đó đối tượng được nương dựa, chủ thể nương dựa hiện có như loài sâu bọ. Pháp thiện do tưởng tà vạy là lửa ném vào trong ấy, có thể thiêu đốt rụi. Nên biết, tức hữu tình này hiện có như loài trùng, hết thảy pháp thiện đều bị thiêu hại. Cùng với

đấy trái nhau, là không có chấp chặt. Nên biết, chấp như thế là làm thối mất công đức nơi pháp thiện. Cùng với đấy trái nhau, theo chỗ ứng hợp, nên biết là tưởng xuất ly không sân, không hại có sai biệt.

Lại, ở trong đó, huệ Văn, Tư, Tu có thể khiến cho phẩm hắc không chấp kiên cố, có thể khiến cho phẩm bạch có chấp kiên cố. Nếu ba thứ huệ diệu ấy có thiếu, có thể khiến cho phẩm hắc có chấp kiên cố, có thể khiến cho phẩm bạch không chấp kiên cố.

Lại nữa, Đức Như Lai có hai thứ pháp hết sức kỳ diệu:

1. Hiển thị tất cả các pháp đều không có ngã.

2. Hiển thị tất cả hữu tình, tự tạo tha tạo đều không hoại mất.

Ở đây lược có hai thứ hữu tình:

1. Phẩm tại gia.

2. Phẩm xuất gia.

Hữu tình tại gia, vì cầu đạt của cải, vật báu, nên đầu tiên là dấy khởi gia hạnh, gọi là Giới (cảnh giới) phát khởi. Tức ở trong đó, hoặc chưa đạt được, do thuận theo tinh tấn nên nhân duyên chướng ngại khiến các tâm thêm dũng mãnh, tức hướng tới chúng, gọi là Giới uy lực. Hoặc đã đạt được, do thuận theo tinh tấn, nên các chướng ngại, gồm các thứ tai hại hiện có như ruồi, muỗi v.v… đều không thể khiến chuyển, gọi là Giới nhận giữ. Tức các Giới này, từ nơi chốn của mình đến nơi chốn khác, từ chỗ chưa từ bỏ đến chỗ đã từ bỏ, gọi là Giới xuất ly. Tức hữu tình kia, vì của cải, vật báu, nên cùng kết hợp nơi hai xứ. Do khởi gia hạnh cẩn trọng không gián đoạn, gia hạnh không trì hoãn, gọi là Giới dũng mãnh.

Hữu tình xuất gia, trước là vui thích xuất gia, cầu xuất gia, sanh mong muốn quyết định, gọi là Giới phát khởi. Dựa nơi phẩm xuất gia, đối với chỗ nên đạt được là pháp thiện rộng lớn không có khiếp nhược, gọi là Giới uy lực. Vô số các lậu tràn đầy sanh khởi các khổ, phát khởi siêng năng tinh tấn đã sanh các khổ, Giới trái nhau v.v… đã sanh các khổ, đều không thể khiến hư hoại, gọi là Giới nhận giữ. Nếu đối với các thứ thấp kém không sanh biết đủ, gọi là Giới xuất ly. Cho đến thọ mạng hiện còn luôn tu gia hạnh cẩn trọng liên tục, gọi là Giới dũng mãnh. Tất cả như thế phải nên nhận biết rõ, nghĩa là các Giới kia cùng toàn bộ phẩm loại của các Giới hiện có.

Lại nữa, ở trong các Giới lược có hai thứ tánh sai biệt của Giới:

1. Tánh sai biệt của tha loại.

2. Tánh sai biệt của tự loại.

- Tánh sai biệt của tha loại: Nghĩa là nhãn giới khác, sắc giới khác,

nhãn thức giới khác, như thế cho đến ý thức giới khác.

- Tánh sai biệt của tự loại: Tức là Giới kia hoặc thuận khổ thọ, hoặc thuận lạc thọ, hoặc thuận nơi thọ không khổ không lạc. Do đấy làm duyên, có thể sanh ba thọ.

Lại nữa, do bốn nhân duyên nên kiến lập ba thứ ba Giới, hai Giới xuất ly. Bốn nhân duyên là:

1. Ngoài không xuất ly mà xuất ly.

2. Trong không xuất ly mà xuất ly.

3. Không xuất ly rốt ráo mà xuất ly.

4. Không có tăng thượng mạn.

Nên biết ở đây, do tham năm thứ dục diệu bên ngoài làm duyên, kiến lập Giới dục. Tức do nghĩa xuất ly của Giới này, nên kiến lập Tĩnh lự đầu tiên của Giới sắc. Do nghĩa xuất ly của tầm hỷ lạc, nên kiến lập ba thứ Tĩnh lự trên đây. Do nghĩa xuất ly của vô số tưởng tánh nơi sắc có đối, nên kiến lập Giới vô sắc thuộc xứ Không vô biên. Do nghĩa xuất ly của tưởng không, thức Vô sở hữu, nên kiến lập Giới vô sắc thuộc về phần trên đây.

Như thế, nghĩa xuất ly của ngoại xứ không xuất ly, nên biết đã kiến lập ba Giới có sai biệt.

Lại, trong Giới sắc gồm đủ sáu xứ, nội xứ viên mãn. Trong Giới vô sắc, năm xứ có sắc đều đã siêu vượt, chỉ trừ ý xứ. Ở trong Giới diệt, tất cả sáu xứ đều đã siêu vượt. Như vậy, nghĩa xuất ly của nội xứ không xuất ly, nên biết đã kiến lập ba thứ Giới khác.

Lại, trong Giới sắc không phải là xuất ly rốt ráo. Trong Giới dục, Giới vô sắc, đối chiếu với Giới sắc, nên biết cũng thế. Nếu các thứ hữu vi thảy đều vắng lặng, nên biết đó gọi là xuất ly rốt ráo.

Như thế, nghĩa xuất ly của xuất ly không rốt ráo, nên biết đã kiến lập ba Giới có sai biệt.

Không có tăng thượng mạn: Nghĩa là do biết khắp, nên biết đã kiến lập năm thứ, sáu thứ các Giới xuất ly, như nơi địa Tam-ma-hý-đa đã biện biệt về tướng.

Lại nữa, nếu các Bí-sô chuyên thích tịch tĩnh, siêng tu Chỉ, Quán, lược do năm tướng nên biết tâm ấy gọi là được giải thoát. Năm tướng đó là:

1. Xa-ma-tha huân tu nơi tâm, dựa nơi phẩm Xa-ma-tha của Tỳ- bát-xá-na, giải thoát các tùy phiền não.

2. Tỳ-bát-xá-na huân tu nơi tâm, dựa nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na của Xa-

ma-tha, giải thoát các tùy phiền não.

3. Hai thứ cùng vận hành, lìa tâm thuận theo hoặc, giải thoát tất cả các hành hiện có do kiến đạo đoạn trừ.

4. Tức do đấy nên giải thoát tất cả các hành hiện có do tu đạo đoạn trừ, trụ nơi Giới Niết-bàn Hữu dư y.

5. Giải thoát tất cả các hành là chỗ dựa của Khổ, trụ nơi Giới Niết-bàn Vô dư y.

Ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, lược có hai thứ pháp hết sức kỳ diệu của thầy và đệ tử:

1. Kiến giải bình đẳng, tùy thuận phát khởi ngôn thuyết.

2. Kiến giải tối thắng, tùy thuận phát khởi ngôn thuyết.

Hai thứ pháp như thế, trong pháp của ngoại đạo đều không thể đạt được, vì đối tượng tạo tác sai khác, vì họ xa lìa Niết-bàn.

Lại nữa, hạng ngu tối của thế gian lược có hai thứ tướng của kẻ ngu:

1. Vui thích tập hành các hành có thể dẫn đến không nghĩa lợi cho cả mình và người.

2. Đối với bốn xứ không đạt được thiện xảo.

Nên biết, hành có thể dẫn đến không nghĩa lợi, có bốn thứ tướng, nghĩa là có thể sanh khởi bốn thứ khổ:

1. Khổ sai biệt của kẻ khác.

2. Khổ sai biệt bên trong.

3. Khổ sai biệt của thời gian.

4. Khổ sai biệt của thân.

Nên biết ở đây, ba thứ khổ trước, gọi là hành chỉ có thể dẫn đến không nghĩa lợi cho chính mình. Một thứ khổ sau, gọi là hành cũng có thể dẫn đến không nghĩa lợi cho kẻ khác.

Thế nào là bốn xứ không đạt được thiện xảo? Nghĩa là ở trong các Giới, các xứ, xứ Duyên khởi, Phi xứ đều không thấu đạt. Cùng với trên trái nhau, nên biết tức là hai tướng của hàng thông tuệ.

Lại do ý xứ vô sắc, với đối tượng nương dựa, đối tượng duyên theo tự loại lưu chuyển có sai biệt, nên biết đã kiến lập có mười tám Giới.

Do năm xứ sắc, an lập sự vận chuyển, sai khiến, chỗ dựa nơi thể tánh có sai biệt, nên biết đã kiến lập sáu Giới hữu dư.

An lập chỗ dựa nơi thể tánh có sai biệt: Nghĩa là bốn đại chủng như địa v.v…

Vận chuyển, chỗ dựa nơi thể tánh có sai biệt: Tức là Giới không, sai khiến, chỗ dựa nơi thể tánh có sai biệt: Tức là Giới thức.

Do nghĩa nương dựa của tưởng thuộc phẩm nhiễm tịnh cùng tầm tư, nên biết là đã kiến lập sáu Giới hữu dư, nghĩa là dục, sân, hại cùng sự đối trị chúng. Tham-sân-si đã trói buộc, là nghĩa được nương dựa, nên biết đã kiến lập sáu Giới hữu dư, là khổ, vui, lo, mừng, xả, vô minh.

Nếu có tác ý tư duy phi lý, tức liền sanh khởi tưởng tầm tư tà vạy. Nếu có tác ý tư duy như lý, tức liền sanh khởi tưởng, tầm tư chân chánh.

Lại do nghĩa biến hành của hai phẩm nhiễm tịnh nơi ba Giới, nên biết đã kiến lập bốn Giới hữu dư, nghĩa là bốn uẩn như thọ v.v… thuộc về danh.

Lại, do chỗ nhiễm chỗ tịnh được thanh tịnh, tức chỗ bất tịnh ấy được thanh tịnh tăng thượng, như trước đã nói. Do nghĩa xuất ly của ngoài không xuất ly, nên biết đã kiến lập ba Giới hữu dư, là Giới dục, Giới sắc và Giới vô sắc, như trước đã nói.

Do nghĩa xuất ly của nội không xuất ly, nên biết đã kiến lập ba Giới hữu dư, là Giới sắc, Giới vô sắc, Giới diệt.

Lại, tức do hai sự xuất ly trong ngoài ấy tăng thượng, lắng nghe Chánh pháp hoặc không phải Chánh pháp, tư duy như lý hoặc tư duy không như lý, xứ nương dựa là ba thứ ngôn sự có nghĩa sai biệt, nên biết đã kiến lập ba Giới hữu dư, là Giới quá khứ, Giới hiện tại và Giới vị lai.

Lại, do nghĩa ít vừa nhiều của các phiền não khổ nơi đối tượng nhận thức, nên biết đã kiến lập ba Giới hữu dư, là Giới thấp kém, Giới trung bình và Giới thượng diệu. Nếu có khổ và phiền não thuộc phẩm trung, đó gọi là Giới trung bình. Nếu có ít khổ và ít phiền não, đó gọi là Giới thượng diệu. Như thế tức là nhận biết khắp về Giới thấp kém, trung bình và thượng diệu.

Lại, do xa lìa nghĩa nhân duyên ấy, cùng do tu tập nghĩa đối trị này, nên biết đã kiến lập ba Giới hữu dư, là Giới thiện, Giới bất thiện, Giới vô ký. Lại do tu tập thiện thanh tịnh có sai biệt. Với nghĩa thiếu trói buộc, nghĩa không trói buộc, nghĩa đủ trói buộc, nên biết đã kiến lập ba Giới hữu dư, là Giới học, Giới vô học và Giới phi học phi vô học.

Lại, tức do hàng hữu học, vô học kia cùng với các kẻ ngu, hoặc pháp thế gian xuất gian chung, không chung với nghĩa thành tựu, nên biết đã kiến lập hai Giới hữu dư, là Giới hữu lậu và Giới vô lậu.

Lại, tức do nghĩa sai biệt của hữu thượng vô thượng, hữu thường vô thường nơi thế gian xuất thế gian kia, nên biết đã kiến lập hai Giới hữu dư, là Giới hữu vi và Giới vô vi. Tất cả đều là hướng tới Niết-bàn, tất cho Niết-bàn là hậu tế, tu tập phạm hạnh thành thục, thế nên vượt quá giới hạnh này

thì không còn lập Giới.

Các thứ thiện xảo hiện có của xứ Duyên khởi cùng xứ Phi xứ, như nơi địa Thanh văn đã biện biệt về tướng.

Lại, nếu lược nói về tướng thiện xảo của xứ cùng phi xứ: Nghĩa là hoặc nương dựa nơi hành hướng tới năm nẻo. Hoặc lại nương dựa nơi hành hướng tới Niết-bàn. Hết thảy hành này lược có ba thứ: là kém, vừa và hơn. Hành hướng tới nẻo ác gọi là kém. Hành hướng tới nẻo thiện gọi là vừa. Hành hướng tới Niết-bàn gọi là hơn. Hành hướng tới Niết-bàn, nên biết có thể chứng đắc pháp tánh tối thắng của tất cả hữu tình. Nghĩa là Bồ đề Thanh văn, Bồ đề Độc giác và Bồ đề Vô thượng. Chư Phật, Như Lai, đối với tất cả hữu tình kia là thù thắng tột cùng, hết thảy hữu tình trong tam thiên đại thiên thế giới, không loài nào có thể sánh bằng.

Lại, các hữu tình hiện có khác, an trụ nơi chút ít công đức của Bồ đề, đối với các hữu tình đạt được phần vị tăng thượng của các thế gian, hãy còn là thù thắng, huống chi là Đức Như Lai.

Sự việc kia lại như thế nào? Nghĩa là đối với xứ ấy, các hữu tình đầy đủ chánh kiến đã không thể hiện hành. Các loài phàm phu gắng nhận hiện hành, nên biết tất cả như nơi kinh đã nói rộng.

Lại nữa, tụng nêu:

Tự tánh cùng nhân duyên
Kiến nhiễm sổ thủ thú
Đạo lý sai biệt chuyển
Tịch tĩnh, quan sát sau.

Tự tánh của các thọ phải nên nhận biết rõ. Nhân duyên của các thọ phải nên nhận biết rõ. Chánh kiến đối với thọ phải nên nhận biết rõ. Tạp nhiễm nơi thọ phải nên nhận biết rõ. Đối với chủ thể thọ nhận là các hữu tình thọ nhận hai sức xét chọn, không xét chọn có sai biệt, phải nên nhận biết rõ. Như vậy, đối với thọ giải thoát, không giải thoát, phẩm lưu chuyển có sai biệt, phải nên nhận biết rõ. Các hữu nơi đối tượng thọ nhận đều là đạo lý khổ, phải nên nhận biết rõ. Tịch tĩnh, dừng dứt của các thọ có sai biệt phải nên nhận biết rõ. Quán sát nơi thọ, về tất cả tướng của thọ, phải nên nhận biết rõ.

Lược nói về ba thọ, là tự tánh của thọ. Ba phẩm loại xúc là nhân duyên của thọ.

Lại, các lạc thọ là pháp biến hoại. Là chốn nương dựa của tham. Tham là nhân của các khổ nơi vị lai, do đấy nên quán lạc thọ là khổ. Nếu các khổ thọ lúc đang hiện tiền, là tánh não hại, như trúng tên độc nhưng chưa được

nhổ ra, do đấy nên quán khổ thọ như mũi tên. Thọ không khổ không lạc đã diệt hoại, là vô thường. Chúng đang hiện tiền là pháp diệt. Đối với hai thứ lại nối tiếp, có thể tùy thuận. Do đấy, nên quán thọ không khổ không lạc, tánh là vô thường, tánh là pháp diệt.

Như vậy, đối với thọ sanh khởi chánh kiến, có thể tùy thuận ngộ nhập. Các hữu đã thọ nhận thảy đều là khổ. Ở trong lạc thọ, có tùy miên tham. Ở trong khổ thọ, có tùy miên sân. Ở trong thọ không khổ không lạc có tùy miên vô minh. Đó gọi là chỗ dấy khởi tạp nhiễm của thọ. Khó khăn đối với phần vị hiện tiền của các thọ hiện có như lạc thọ v.v…, là tất cả tùy miên của phiền não chưa được đoạn trừ. Nhưng do duyên nơi các triền của đối tượng hành đều riêng biệt, phiền não như thùy miên sanh khởi sau đấy cũng thuận theo chỗ trói buộc, tức gọi là tùy miên đối với sự nối tiếp của phiền não kia. Vì nhằm loại trừ hoàn toàn các tùy miên, nên tu tập phạm hạnh thành thục, không phải chỉ là dứt bỏ nhân duyên của các triền. Hữu tình không có sức mạnh xét chọn, lúc nhận lấy khổ thọ, tâm hết sức sầu não, tức khổ thọ này, hoặc thân hoặc tâm, hiện tiền lãnh nạp. Lạc thọ, thọ không khổ không lạc còn lại, do chưa đoạn trừ, nên nói có nối tiếp. Do đó gọi là hiện thấy đầy đủ hầm sâu của thọ tối tăm, khó đạt tới tận đáy. Hữu tình có sức mạnh xét chọn nên biết tất cả cùng với trên là trái nhau.

Lại, hữu tình đối với các thọ, tâm chưa giải thoát, chỉ ở nơi khổ thọ lãnh nhận đầy đủ, cũng như một người trúng hai mũi tên độc. Hai mũi tên độc tức dụ cho ba thọ. Hoặc tâm nhiễm lãnh nhận, nghĩa là do Tham-sân-si. Hoặc lãnh nhận tương ưng, tức do khổ như sanh v.v…

Như vậy, kẻ kia do khổ phẩm thượng hiện có của hiện pháp, cùng do các tạp nhiễm của hiện pháp, cũng do các khổ hiện có của hậu pháp, tức do các xứ ấy thọ nhận phiền não cấu nhiễm.

Nếu tâm giải thoát, nên biết tất cả là cùng với trên trái nhau.

Ở đây, có sai biệt, khi lãnh nhận đủ ba thọ. Nếu có thọ, ở trong chỗ nương dựa, sanh rồi thì hủy hoại tiêu tan, không trụ, mau chóng quy về dời chuyển, diệt mất, không trải qua nhiều thời gian, có sự tương tợ nối tiếp mà lưu chuyển, nên quán thọ này cũng như gió lốc. Nếu có các thọ có trải qua một ít thời gian, có sự tương tợ nối tiếp mà lưu chuyển, không mau chóng biến hoại, nên quán thọ này như một loại màu sắc được giữ lại chốc lát trong nhà khác.

Lại, tự tánh, chỗ dựa, phẩm nhiễm tịnh của các thọ kia đều riêng, nên biết gọi là phẩm loại của thọ có sai biệt.

Thọ có vị: là các thọ thế gian. Thọ không vị: là các thọ xuất thế gian.

Thọ dựa nơi tham đắm: là các thọ nhiễm ô đối với năm dục diệu. Thọ dựa nơi xuất ly: tức là các thọ cùng hành với các địa định, bất định thiện sanh ra do tất cả sự xuất ly, xa lìa.

Lại, các khổ thọ, hết thảy chúng sanh hiện nhận biết là khổ, không nhờ thành lập. Hai thọ còn lại, do hai nhân duyên, nên biết là khổ.

Thọ không khổ không lạc, cùng có thể tùy thuận các hành của thọ ấy, do vô thường nên biết là khổ. Lạc thọ hiện có, cùng có thể tùy thuận các hành của thọ ấy, là pháp biến hoại, nên biết là khổ. Do đạo lý này, nên biết các thọ thảy đều là khổ.

Lại, các thọ kia, nên biết lược có ba thứ tịch tĩnh:

1. Do nương dựa nơi địa của định trên, nên các thọ của địa dưới đều được tịch tĩnh.

2. Do tạm thời không hiện hành mà được tịch tĩnh.

3. Do nơi vị lai hoàn toàn không chuyển mà được tịch tĩnh.

Nên biết ở đây, tạm thời không hành gọi là tịch tĩnh. Khiến cho chỗ rốt ráo kia thành pháp không hành, gọi là dừng dứt.

Người ưa thích ngôn luận, rộng sanh ngôn luận, nhiễm ô lạc dục, lần lượt phát khởi vô số luận, được gọi là ngôn ngữ. Tức ngôn ngữ này hoặc đang chứng nhập định của Tĩnh lự thứ nhất, liền tịch tĩnh. Lại, tầm tứ thô có thể phát khởi ngôn ngữ, những người chưa đạt được định, hoặc có kẻ đã đạt được rồi, trở lại từ định khởi, có thể phát sanh ngôn ngữ, không phải đang ở nơi định. Đang ở nơi định, chỉ có tầm tứ vi tế tùy chuyển, không thể phát sanh ngôn ngữ hiện có. Thế nên, phần vị này gọi là tất cả ngôn ngữ tịch tĩnh. Đó gọi là môn nghĩa thứ nhất có sai biệt.

Lại, các sư Du già đối với Tham-sân-si, thấy rõ lỗi lầm tai họa, an trụ, lãnh nhận các thọ đã lìa trói buộc như Tham-sân-si v.v… thường xuyên nhận biết khắp, thường xuyên đoạn dứt Tham-sân-si, nên nói tâm ấy đối với Tham-sân-si đã lìa nhiễm, đạt giải thoát.

Lại, do bảy hành, nên ở trong các thọ, quán bảy tướng của thọ.

Nghĩa là quán:

1. Tự tánh của các thọ.

2. Nhân duyên lưu chuyển, hoàn diệt nơi hiện tại.

3. Nhân duyên lưu chuyển nơi vị lai.

4. Nhân duyên hoàn diệt nơi vị lai.

5. Nhân duyên của tạp nhiễm. 6, Nhân duyên của thanh tịnh.

7. Thanh tịnh. Lại nữa, tụng nêu:

Thọ sanh khởi thấp kém
Tướng các thọ sai biệt
Kiến cùng là tối thắng
Biết sai biệt hỏi, ghi.

Hết thảy hữu tình nên đoạn trừ các thọ, lược do ba duyên mà được sanh khởi:

1. Duyên của dục: Nghĩa là đối với đời vị lai.

2. Duyên của tầm: Nghĩa là đối với đời quá khứ.

3. Duyên của xúc: Nghĩa là đối với đời hiện tại, nơi cảnh giới hiện tiền.

Thế nào gọi là tất cả hữu tình? Tức chúng hữu tình lược có tám loại:

1. Chúng tại gia.

2. Chúng xuất gia.

3. Chúng đối với các dục chưa lìa tham.

4. Chúng đối với các dục đã lìa tham.

5. Chúng đối với Tĩnh lự một chưa lìa tham.

6. Chúng đối với Tĩnh lự một đã lìa tham.

7. Từ đấy trở lên cho đến xứ Phi tưởng phi phi tưởng, các chúng ngoại đạo chưa được lìa tham, có thể nhập định thế gian, có đủ tà kiến cho đến trí giải thoát tà vạy.

8. Chúng trụ nơi nội pháp, có thể nhập định thế gian gồm đủ chánh kiến cho đến trí giải thoát chân chánh, cùng chúng trụ nơi nội pháp, có thể nhập định xuất thế gian.

Do tám chúng ấy, dựa nơi khả năng có thể nhận lãnh các thọ, nhận biết khắp về chúng, nên biết là đã gồm thâu khắp các chúng hữu tình.

Lại, chúng tại gia hoặc chúng xuất gia, ở trong các dục chưa lìa tham, do ba nhân duyên, nên các thọ nhiễm ô được sanh khởi:

1. Do lực của sự nhiễm vướng.

2. Do lực của tác ý.

3. Do lực của cảnh giới.

Ở đây, nên biết, các người tại gia, do truy tìm các dục, vì thọ dụng nên phát sanh dục lạc, là do lực của sự nhiễm vướng. Tức tư duy phi lý ấy, từ thời trước từng được lãnh nhận, là do lực của tác ý. Đối với cảnh hiện tiền, hiện tại đang thọ dụng, là lực của cảnh giới. Nên biết, hữu tình như thế là duyên nơi dục, tầm, xúc, do các hiện hành đều không tịch tĩnh, dùng

đấy làm duyên nên phát sanh ba thọ.

Lại, do dục tầm bị nhiễm ô đầu tiên hiện hành, lãnh nhận duyên kia nên sanh khởi các thọ. Hoặc chúng sanh rồi, nhiễm chấp không bỏ, cũng không dứt trừ. Như thế là thọ kia, trong thời gian dài nối tiếp tùy chuyển không dứt, không được tịch tĩnh. Không tịch tĩnh làm duyên, trải qua thời gian dài nối tiếp nhận lãnh các thọ.

Lại, các dục kia, do chúng đầu tiên, trải qua thời gian dài nối tiếp, luôn hiện hành, nên các phiền não hiện có của phẩm kia, duyên kia, đã gắn liền với sự tương tục, mà chưa đoạn trừ vĩnh viễn, tức được gọi là duyên không tịch tĩnh. Đó gọi là môn nghĩa thứ hai, có sai biệt.

Nếu các vị xuất gia đã lìa tham, do đối với các dục có thể từ bỏ, nên việc thọ nhận dục thuộc lực của sự nhiễm vướng kia tuy được tịch tĩnh, nhưng các thọ thuộc về lực của cảnh giới, của tác ý, hoặc tầm hoặc xúc lại chưa được tịch tĩnh. Do nhân duyên ấy, chư vị ở nơi chốn riêng lẻ, nơi việc đối trị tầm tứ chưa khéo tu tập, hết thảy việc lìa dục đều chưa thực hành, đối với cảnh từng thọ nhận đã tác ý phi lý, tầm tư hiện hành. Nơi các cảnh giới thắng diệu hiện tiền có xúc hiện hành. Hoặc nơi tầm tư thấy rõ lỗi lầm, đối với việc đối trị chúng đã khéo tu tập, hết thảy sự lìa dục chưa làm xong. Dục như trước nêu đã được tịch tĩnh. Do nhân duyên này, nên tầm cùng tịch tĩnh, chỉ riêng một thứ xúc là chưa được tịch tĩnh, nên khi cảnh thắng diệu hiện tiền, các xúc nhiễm ô liền lại sanh khởi. Nếu đối với các dục đã lìa tham, nên biết tất cả đều được tịch tĩnh. Đó gọi là một thứ môn nghĩa có sai biệt.

Lại, có một loại, ở trong các dục chưa lìa tham, do đối với các dục, tham dục hiện có chưa vĩnh viễn đoạn trừ, các tầm xúc nhiễm cũng chưa đoạn dứt hoàn toàn, do đấy hết thảy đều chưa tịch tĩnh.

Nếu ở nơi các dục, tham dục đã đoạn, chứng Tĩnh lự thứ nhất, dục đã tịch tĩnh, tầm chưa tịch tĩnh, đối với Tĩnh lự thứ nhất đã lìa tham, cho đến xứ Phi tưởng phi phi tưởng chưa lìa tham, hai thứ đã tịch tĩnh, xúc chưa tịch tĩnh. Vượt quá cõi Hữu Đảnh, hết thảy đều tịch tĩnh. đó gọi là môn nghĩa thứ hai có sai biệt.

Nếu các ngoại đạo có thể nhập định thế gian, có đủ tà kiến cho đến trí giải thoát tà vạy, do chúng làm duyên sanh khởi các thọ, nên ở nơi thọ có nhiễm chấp.

Lại, do phiền não của phẩm kia tùy buộc, tức do duyên không tịch tĩnh như thế, khiến các thọ sanh khởi.

Nếu trụ nơi nội pháp, có thể nhập định thế gian, đầy đủ chánh kiến

cho đến trí giải thoát chân chánh, do chúng làm duyên, sanh khởi các thọ, nên ở nơi thọ có nhiễm chấp. Lại, do phiền não của phẩm kia tùy buộc, tức do duyên không tịch tĩnh như thế, khiến các thọ sanh khởi.

Lại, trụ nơi nội pháp, có thể nhập định xuất thế gian, hoặc dựa vào đạo ngày trước để chuyển, tự sự chưa rốt ráo, các dục hiện có chưa được cho là được, chưa chứng cho là chứng, chưa xúc cho là xúc, tạo hy vọng này: Ta đối với xứ ấy, vào lúc nào sẽ đạt được, nói rộng như trước. Vị ấy chưa tịch tĩnh, do đấy làm duyên, nên bấy giờ, các thọ sanh khởi.

Nếu nơi tự sự đã được rốt ráo, dục kia tịch tĩnh. do duyên tịch tĩnh, nên có các thọ vô thượng của tịch tĩnh bậc nhất sanh khởi. Vị ấy đối với phương tiện xuất ly của tất cả các thọ hiện có, đều nhận biết rõ như thật. Do đó, như trước đã nói, ở trong các Sa-môn Đệ nhất nghĩa, được xem là Sa-môn, trong các Phạm chí được xem là Phạm chí. Nếu không nhận biết rõ, thì đối với tất cả các pháp kia đều không được chấp nhận. Nên biết ở đây, hết thảy các thọ không có sai biệt, đều do xúc làm duyên. Lại, tức đấy là duyên nơi dục, cũng là duyên nơi tầm, cũng là duyên nơi cảnh giới. Ngu si gồm thâu vô minh cũng là duyên, như thế tất cả là tư duy không đúng đắn, cùng tùy theo sự nối tiếp nơi phẩm phiền não kia đã được tích tập. Do đây diệt nên kia cũng diệt theo. Các đạo như chánh kiến v.v…, nên biết được gọi là có thể hướng tới hành diệt.

Lại nữa, các Thánh đệ tử, đối với hỷ xa lìa, thân tác chứng an trụ, có thể đoạn trừ năm pháp, có thể tu năm pháp khiến được viên mãn, nên biết như nơi địa Tam-ma-hý-đa ở trước đã biện biệt rộng về tướng.

Lại, phẩm kém vừa hơn của xả hỷ lạc, tức tại cõi Dục cùng bốn Tĩnh lự, như chỗ ứng hợp, nên biết về tướng.

Lại, tại địa của Tĩnh lự thứ tư, xả tất cả lỗi lầm, tức đều xa lìa, gọi là hoàn toàn thanh tịnh. Nếu kẻ trên đây, lại có thể lập là không ái vị hơn hết.

Lại nữa, do mười thứ tướng, nên biết các thọ hiện có sai biệt:

1. Sai biệt do Thắng nghĩa.
2. Sai biệt do chỗ dựa của lưu chuyển.
3. Sai biệt do tự tướng.
4. Sai biệt do toàn bộ tánh hiện có.
5. Sai biệt do phẩm loại của tự tướng.
6. Sai biệt do môn lưu chuyển.
7. Sai biệt do môn tạp nhiễm.
8. Sai biệt do chủ thể đối trị đối tượng đối trị.

9. Sai biệt do thời gian.

10. Sai biệt do sát na lần lượt sanh khởi.

Ở đây, hoặc có người không mở bày hiểu rõ, đã nói: "Thọ chỉ có hai: một là khổ, hai là lạc. Tuy lại nói có thọ không khổ không lạc, nhưng chỉ là khổ, lạc, vì không có tánh được hiển bày. Do đó, Đức Thế Tôn tức dựa nơi khổ lạc tịch tĩnh như thế, giả thiết là có!".

Đức Thế Tôn vì nhằm mở bày, làm rõ đối với trường hợp kia, nên nói: Lạc có hai thứ là dục lạc và viễn ly lạc. Lạc viễn ly này lại có ba loại:

1. Lạc kém.

2. Lạc vừa.

3. Lạc hơn.

- Lạc kém: Là tứ xứ Vô sở hữu trở xuống.

- Lạc vừa: Là hữu thứ nhất.

- Lạc hơn: Là tưởng thọ diệt.

Đã có lý ấy, nên lạc thọ cũng được nói là tịch tĩnh, nghĩa là ở trong Tĩnh lự 1, 2, 3. Thọ không khổ không lạc cũng gọi là tịch tĩnh, nghĩa là tại Tĩnh lự 4 trở lên cho đến cõi Hữu Đảnh. Tất cả thọ không cũng gọi là tịch tĩnh, nghĩa là tại định diệt. Nhưng Đức Thế Tôn, căn cứ nơi Đệ nhất nghĩa, nói có ba thứ lạc hết sức tịch tĩnh. Nghĩa là các Bí-sô, tâm đối với tham đã lìa nhiễm, giải thoát. Như đối với tham, thì đối với sân, đối với si, nên biết cũng vậy. Như thế, tất cả gồm chung làm ba lạc:

1. Lạc nên xa lìa.

2. Lạc nên tu tập, trụ hữu thượng.

3. Lạc giải thoát rốt ráo tột cùng, trụ vô thượng.

- Lạc nên xa lìa: Là các dục lạc.

- Lạc nên tu tập: Là các lạc hiện có từ Tĩnh lự một cho đến Hữu Đảnh.

- Lạc trụ hữu thượng: Là định Diệt tận. Đây cũng gọi là lạc nên tu tập.

- Lạc giải thoát rốt ráo, tột cùng, trụ vô thượng: Nghĩa là ba lạc tối thắng như trước đã nói, không phải căn cứ nơi thọ lạc để nói. Định diệt tận cũng cho là có lạc, nhưng đoạn trừ thọ lạc được gọi là lạc. Lại, lạc thắng trụ cùng với lạc tương tợ. Lại, tức dựa nơi có lạc có thể đạt được ấy, gọi là lạc. Nghĩa là như có một hành giả từ nơi định này khởi có chỗ lãnh nhận, nói: "Ta đã trụ nhiều như vậy như vậy nơi sắc loại, là lạc trụ tịch tĩnh tối thắng!". Do dựa vào đấy nên nói là có lạc.

Lại nữa, nếu có Bí-sô, nương dựa nơi kiến văn của sắc loại như thế cùng lạc tưởng là có, tùy thuận liên tục đạt được các lậu vĩnh viễn dứt hết, nên biết kiến ấy gọi là kiến tối thắng, cho đến "có ấy" cũng gọi là có tối thắng.

Từ kiến vô ngã, lại không tìm cầu kiến thù thắng khác, nghĩa là kiến vô thường. Tức ở đây, tùy thuận không gián đoạn, đạt được lậu tận, thế nên kiến này gọi là kiến tối thắng.

Nương dựa nơi kiến ấy, lại do bốn môn, mới có thể tùy thuận đạt được các lậu vĩnh viễn dứt hết:

1. Hoặc từ nơi kẻ khác, lắng nghe Chánh pháp.

2. Hoặc dựa nơi bốn hiện pháp lạc trụ.

3. Hoặc dựa nơi ba thứ định tưởng, nghĩa là từ xứ Không vô biên cho đến xứ Vô sở hữu.

4. Hoặc nơi cõi Trời, hoặc tại cõi Người.

Thế nên, văn (nghe) này, lạc này, tưởng này, hữu này đối với văn khác, lạc khác, tưởng khác, hữu khác, gọi là tối thắng.

Lại nữa, do nhận biết rõ khắp nên nhận biết khắp về sự. Đối với Khổ đế được giải thoát khắp. Đối với Tập đế được giải thoát thù thắng. Đối với Diệt đế có thể tác chứng đúng đắn. Đối với Đạo đế có thể tu tập chân chánh.

Đúng nơi Khổ biên có thể tùy đắc: Nghĩa là đối với Khổ đế, đạt được giải thoát khắp.

Nơi các lậu dứt hết, có thể tùy đắc: Nghĩa là đối với Tập đế, đạt được giải thoát thù thắng.

Nên chán nên lìa nên giải thoát: Nghĩa là đối với Diệt đế có thể tác chứng đúng đắn.

Đối với vô thường v.v… tùy thuận quán trụ: Nghĩa là đối với Đạo đế, có thể tu tập chân chánh.

Lại do mười tướng, phải nên nhận biết rõ về cảnh sự có sai biệt:

1. Các hành đã sanh hệ thuộc mạng căn, trụ nơi nhân có sai biệt.

2. Các hành có sắc không sắc lần lượt cùng nương, trụ lập, lưu chuyển có sai biệt.

3. Các hành vô sắc, tánh là pháp vô thường nhập môn có sai biệt.

4. Tâm nơi các xứ nương dựa tạp nhiễm có sai biệt.

5. Tất cả các hành với tất cả phẩm loại gồm chung đều là khổ có sai biệt.

6. Quả của nghiệp tịnh bất tịnh nơi môn thọ dụng có sai biệt.

7. Biên vực hiện có của thứ hữu hỷ lạc có sai biệt.

8. Xứ nương dựa của ái, sân có sai biệt.

9. biên vực của hữu tình chấp giữ hỷ lạc, xứ sanh an trụ có sai biệt.

10. Biên vực của xứ nương dựa rơi vào nẻo ác có sai biệt.

Lại, sự tăng thượng nên tu tập, nên chứng đắc của phẩm thanh tịnh nên biết có mười thứ sai biệt khác:

1. Tu tập pháp thiện tăng thượng, không gián đoạn, không phóng dật có sai biệt.

2. Chỗ nương dựa của tâm, huệ giải thoát có sai biệt.

3. Biên vực của Tam-ma-địa thù thắng có sai biệt.

4. Biên vực của tâm đối với tất cả cảnh bị trói buộc có sai biệt.

5. Phương tiện giải thoát có sai biệt.

6. Giải thoát có sai biệt.

7. Chân nghĩa của Đẳng giác có sai biệt.

8. Sau hiện Đẳng giác, ở trong ba học, thọ học có sai biệt.

9. Hiện pháp lạc trụ của đang học, đã học có sai biệt.

10. Chứng đắc thần thông Thánh, hành hóa rộng có sai biệt.

Lại nữa, tức dựa vào những sai biệt đã nói như trên, nên sanh luận hỏi đáp:

- Người nêu lên: Tức do chưa thấu rõ về nghĩa lý.

- Người ký biệt: Tức do đã thấu rõ về nghĩa lý.

Nên biết ở đây, do bốn nhân duyên, có thể thỉnh vấn, không nên đáp lại. Do bốn nhân duyên, có thể ký biệt, không nên bày tỏ.

Bốn nhân duyên trước:

1. Đối với hiện lượng.

2. Đối với hợp lý.

3. Đối với nhân.

4. Đối với không phải nhân.

Nghĩa là lúc cùng thị hiện nhưng không nhận hiểu. Lúc so sánh phân biệt, chính thức thiết lập mà không nhận hiểu. Ông tự tu hành, tự nhiên sẽ hiểu rõ, nhưng không nhận hiểu. Chánh trí luận thân hành diễn nói, do chí giáo này, cũng không nhận hiểu. Thế nên ở đây, có thể thỉnh vấn, không nên đáp lại.

Bốn nhân duyên sau:

1. Tất cả hành đều là vô thường.

2. Tất cả các pháp đều không có ngã.

3. Tất cả xứ sanh đều không đáng vui thích.

4. Nghiệp tịnh, bất tịnh trọn không hoại mất.

Là hoàn toàn ký. Cố ý tạo nghiệp sẽ thọ nơi khổ. Đây không phải là hoàn toàn.

Đạt được nơi xả, ở trong hiện pháp, quyết định Bát Niết-bàn, cũng không phải hoàn toàn. Nếu có kẻ hỏi: Tạo tác nghiệp rồi, đi đến nẻo thiện chăng? Nên hỏi trở lại: Ông hỏi về nghiệp nào?

Nếu có kẻ hỏi: Tu tập đạo rồi, đạt được Niết-bàn chăng? Nên hỏi trở lại: Ông hỏi về đạo nào? Là đạo thế gian, là đạo xuất thế gian?

Luận trí ký: Nghĩa là dựa nơi tất cả "kiến thú" hiện có. Bốn thứ như thế, chính thức đáp câu hỏi: Gọi là khéo có thể ký biệt, nên có thể đáp lại. Cùng với đấy trái nhau, là không nên đáp lại.

Lại nữa, chư Phật Như Lai có hai thứ ký biệt:

1. Chung với ngoại đạo.

2. Không chung.

- Chung với ngoại đạo: Là ký biệt về xứ sẽ sanh v.v… của các đệ tử.

- Nói không chung: Là trọn không ký biệt. Như có sanh: Là cùng có hai lửa thức sáng rõ làm chỗ dựa:

1. Ái vi tế.

2. Danh sắc thô.

Ái của hai cõi Dục, Sắc sanh khởi thức, danh sắc làm chỗ dựa.

Ái nếu dừng dứt, cho đến thọ lượng, thức kia nối tiếp, tùy chuyển mà trụ. Nếu ái của cõi Vô sắc sanh khởi thức, thì chỉ duyên nơi danh mà được trụ lập. Ái nếu đoạn dứt, cho đến thọ lượng, thức kia nối tiếp, tùy chuyển mà trụ.

Lại, nơi cõi Sắc, ái này làm chỗ dựa sanh thức của trung hữu, tức ái làm chỗ dựa, khiến đối với trung hữu Bát Niết-bàn, tạm an trụ như thế. Ái này nếu đoạn, tức bấy giờ thức kia cũng tàn diệt.

Lại, có hai thứ thân do ý sanh:

1. Thân được sanh do ý của cõi Sắc.

2. Thân được sanh do ý của cõi Vô sắc.

Nghĩa là, do môn phương tiện của ý địa định mà có thể hợp thành do hai sanh thân.

Lại, chư Như Lai lược có hai thứ khéo xa lánh luận của kẻ khác:

1**.** Có thể xa lánh, nhất định không nên ký biệt, tạo luận bất định.

2**.** Có thể xa lánh, quyết định nên ký biệt, tạo luận bất định.

Như nói hỷ lạc về nghĩa riêng như sắc v.v… thì hỷ lạc về nghĩa riêng như thủ v.v…, nên biết cũng thế.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 97

Phần Nhiếp sự, Sự Khế kinh.
Bồ đề phần pháp: lựa chọn, gồm thâu thứ tư

Đoạn 1:

Như thế là đã nói về sự lựa chọn, gồm thâu của Duyên khởi, Thực, Đế, Giới. Sự lựa chọn, gồm thâu của pháp Bồ đề phần, nay sẽ nói.

Tụng chung nêu:

Niệm trụ cùng chánh đoạn
Thần túc và căn lực
Giác đạo chi tức niệm
Học chứng tịnh là sau.

Tụng riêng nêu:

Sa-môn, nghĩa Sa-môn
Hỷ lạc tất cả pháp
Phạm hạnh sổ thủ thú
Vượt hai nhiễm là sau.

Dựa nơi bốn niệm trụ tu tập tăng thượng, do bốn nhân duyên nên biết nội pháp có đạo Sa-môn cùng có cứu cánh. Ngoại pháp quyết định không có đạo Sa-môn, cũng không có cứu cánh. Nên biết, các đạo Sa- môn của luận khác, cùng với cứu cánh, tất cả đều không.

Thế nào gọi là bốn thứ nhân duyên? Đó là:

1**.** Nương dựa nơi bốn xứ, đạt được bốn chứng trí.

2**.** Giải thoát bốn thứ tùy phiền não ngoài.

3**.** Đệ tử của nội pháp cùng với đệ tử của ngoại đạo, phẩm loại không đồng.

4**.** Đại sư của nội pháp cùng với sư của ngoại đạo, phẩm loại không đồng.

Thế nào gọi là Sa-môn của nội pháp? Nghĩa là các Sa-môn lược có bốn loại:

1. Sa-môn thắng đạo.

2. Sa-môn luận đạo.

3. Sa-môn mạng đạo.

4. Sa-môn ô đạo.

Bốn loại Sa-môn này, hoặc lược hoặc rộng, như nơi địa Thanh văn đã biện giải về tướng.

Đạo của nội pháp: Thế nào là đạo? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, hoặc nơi chốn thiết lập tám chi Thánh đạo. Xứ ấy thiết lập ô đạo, vì sau bốn thứ Sa-môn, nếu có đạo tự hành theo hành tà, không phải sanh vật dụng của đạo. Do nhân duyên ấy, nên thừa nhận có ô đạo. Như thế, ngoại pháp hãy còn không có ô đạo, huống hồ là đạt được hữu dư.

Cứu cánh của nội pháp: Thế nào là cứu cánh? Nghĩa là đoạn dứt các thủ. Các thủ được đoạn dứt rồi, thì đối với vị lai hoàn toàn không còn nối tiếp.

Thế nào gọi là nương dựa nơi bốn xứ?

Thế nào lại gọi là đạt được bốn chứng trí? Bốn xứ là:

1. Xứ không còn sanh trở lại của ba kiết đã vĩnh viễn đoạn trừ.

2. Xứ uy lực của pháp không thối chuyển.

3. Xứ của chủng loại quyết định hướng tới Bồ đề.

4. Xứ tùy hành của tối đa bảy lần trở lại nẻo sanh tử.

Dựa nơi bốn xứ ấy, đối với Phật Pháp Tăng cùng đối với tịnh giới, đạt được trí chứng tịnh.

Thế nào gọi là giải thoát bốn thứ tùy phiền não ngoài? Đó là:

1. Giải thoát tùy phiền não ngoài của hiện pháp.

2. Giải thoát tùy phiền não ngoài của hậu pháp.

3. Giải thoát tùy phiền não ngoài được tạo ra do lần lượt hỗ tương chống trái.

4. Giải thoát tùy phiền não ngoài được tạo ra do đối với các Thánh đế không thể tuyên thuyết, không thể giác ngộ.

Nên biết ở đây, các loại ngoại đạo thiếu niệm trụ, niệm bị quên mất, không trụ nơi chánh tri, lãnh nhận các thọ hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không khổ không lạc. Đối với lạc khởi nhiễm, đối với khổ khởi sân, đối với không khổ không lạc phát khởi ngu si. Như vậy gọi là tùy phiền não ngoài của hiện pháp thứ nhất.

Kẻ kia do nhiễm, sân, si như thế, do thọ làm duyên, sanh ra ái của

hữu sau. Do ái làm duyên, phát sanh các thủ. Có ái, thủ nên dùng thủ làm duyên, hình thành nơi hữu, nói rộng cho đến khối thuần là khổ lớn được tích tập, tăng trưởng. Như thế gọi là tùy phiền não ngoài của hậu pháp thứ hai.

Lại, nơi các ngoại đạo, Tát-ca-da-kiến dùng làm căn bản nơi vô số "kiến thú", ý đều riêng biệt, đây kia lần lượt hỗ tương chống trái. Đó gọi là tùy phiền não ngoài thứ ba.

Lại, các ngoại đạo, ở trong khắp tất cả bốn Thánh đế, hãy còn không có thể thiết lập được giáo pháp, huống là sẽ giác ngộ. Thế nên, trí họ tự quy về tông chỉ, tuy được tăng thượng, nhưng thật sự không biết là đã rơi vào nẻo vô minh. Đó gọi là tùy phiền não ngoài thứ tư.

Trụ nơi nội pháp, đối với tất cả đều có thể giải thoát.

Thế nào gọi là đệ tử của nội pháp cùng với đệ tử của ngoại đạo, phẩm loại không đồng? Nghĩa là đệ tử của ngoại đạo, hoặc rơi vào biên thường của hữu kiến, hoặc rơi vào biên đoạn của vô kiến, trong đêm dài sanh tử đã tích tập, khởi sự che giấu sâu xa, do Văn thân cận, do Tư nhiễm chấp, do Tu nhiễm vướng.

Đệ tử của nội pháp hành xử nẻo trung, xa lìa hai biên.

Thế nào gọi là Đại sư của nội pháp cùng với sư của ngoại đạo, phẩm loại không đồng? Nghĩa là sư của ngoại đạo, đối với tất cả thủ, tuy đồng tuyên thuyết luận biến tri để đoạn trừ, nhưng đối với chúng không thể thiết lập việc nhận biết khắp để đoạn trừ đúng đắn. Do những sư ấy vốn khế hợp với nẻo xuất gia xả bỏ dục, nên đối với dục thủ đã lập nhận biết khắp để đoạn trừ, không phải đối với tự kiến, tự giới, ngã ngữ. Nếu có lúc cùng với kẻ khác, là các Sa-môn, Bà-la-môn khác, kiến không đồng phần, giới cấm đồng phần, họ lại đối với kiến thủ cũng có thể tùy phần, lập nhận biết khắp để đoạn trừ, không phải đối với hai thủ là giới cấm, ngã ngữ. Nếu có giới cấm cũng không đồng phần, thì đối với giới cấm thủ họ cũng có thể tùy phần lập nhận biết khắp để đoạn. Còn ngã ngữ thì nơi tất cả thời, tất cả ngoại đạo thảy đều cùng có. Do đó, ngoại đạo, nơi tự nơi tha, trong ngã ngữ thủ đều không thiết lập luận biến tri để đoạn.

Lại, ngoại đạo tuy có thể phân bỏ các thủ, nhưng nơi vị lai trở lại là chủ thể thủ, vì chưa đoạn trừ vĩnh viễn. Như thế, ngoại đạo ở trong các thủ chưa đoạn trừ hoàn toàn, chưa đoạn dứt vĩnh viễn nên không thể đạt cứu cánh.

Đại sư của nội pháp, nên biết tất cả cùng với trên trái nhau. Như vậy, nên biết Đại sư của nội pháp cùng với sư của ngoại đạo, phẩm loại không

đồng.

Lại nữa, dựa nơi bốn niệm trụ, tu tập tăng thượng, lược do ba xứ, ba địa, ba thứ hữu tình, nên biết đã gồm thâu khắp nghĩa của các Sa- môn.

Thế nào là ba xứ? Đó là:

1. Cảnh.

2. Trí.

3. Chứng.

Những gì là ba địa? Đó là:

1. Địa đang gia hạnh gồm thâu các phàm phu.

2. Địa hữu học.

3. Địa vô học. Ba thứ hữu tình là:

1. Hữu tình là hàng phàm phu đang gia hạnh.

2. Hữu tình là hàng hữu học.

3. Hữu tình là hàng vô học.

Thế nào gọi là cảnh? Nghĩa là sáu Giới như địa v.v… cùng với sáu xúc xứ làm chỗ dựa cho Thể. Sáu xúc xứ này cùng mười tám ý hành làm chỗ dựa cho Thể. Mười tám ý hành có thể tạp nhiễm tâm.

Thế nào gọi là trí? Nghĩa là xứ nương dựa của huệ tăng thượng, tâm thanh tịnh.

Thế nào gọi là chứng? Tức là xứ nương dựa của huệ tăng thượng. Hoặc xứ nương dựa của đế. Hoặc xứ nương dựa của xả. Hoặc xứ nương dựa của tịch tĩnh.

Thế nào là xứ nương dựa của huệ? Tức huệ là nơi chốn nương dựa, ở trong địa phàm phu đang gia hạnh tu tập pháp thiện đúng đắn làm nhân duyên, nên có thể không phóng dật, nhập địa hữu học.

Hoặc huệ là nơi chốn nương dựa, chứng A-la-hán, trong địa vô học đạt được tận trí, nhận biết rõ như thật: Sự sanh của ta đã hết v.v… Hoặc các huệ thế gian sau trí xuất thế gian của hàng hữu học, vô học.

Thế nào là xứ nương dựa của đế? Nghĩa là đã đạt được tám chi Thánh đạo, đoạn trừ các phiền não. Do xứ nương dựa ấy, nên các khổ của vị lai rốt ráo chẳng sanh. Do đấy hoàn toàn không quên mất, gọi là xứ nương dựa của đế.

Thế nào là xứ nương dựa của xả? Nghĩa là đoạn trừ sự việc kia. Do nơi chốn nương dựa ấy nên đối với sự việc đã đoạn, hành không tạp nhiễm nơi hiện pháp lạc trụ.

Thế nào là xứ nương dựa của tịch tĩnh? Nghĩa là vì đoạn dứt các sự việc của kiết còn lại, nên tạo phương tiện siêng năng tu tập. Như đã đạt được đạo, thì đây là xứ nương dựa, đối với các kiết còn lại, cùng các sự việc còn lại, có thể xả bỏ trọn vẹn. Hết thảy như thế, nói tóm tắt, vì nhằm được chứng đắc, nên tu tập trí. Đã được chứng rồi nên đạt được Thánh đạo và quả của Thánh đạo.

Quả có hai loại: Là phiền não đoạn trừ cùng với sự được dứt bỏ. Ở đây, một loại chứng chỗ chưa chứng. Xứ dựa thứ hai là xả bỏ khổ của vị lai. Xứ dựa thứ ba là có thể tùy thuận quen gần với hiện pháp lạc trụ. Xứ dựa thứ ta là đoạn trừ chưa viên mãn, có thể khiến viên mãn. Ngang với từng ấy xứ, các sư Du già, đối với nơi chốn nên tạo tác đều được cứu cánh. Nghĩa là đối với pháp chưa chứng, do xứ dựa thứ nhất có thể chứng. Đối với khổ của vị lai, xứ dựa thứ hai có thể xả bỏ. Đối với lạc của hiện pháp, xứ dựa thứ ba có thể trụ. Đối với sự đoạn dứt trên chưa được viên mãn, xứ dựa thứ tư có thể viên mãn.

Tất cả như thế, do bốn xứ nương dựa, phải nên nhận biết rõ. Ở đây, chỗ đạt được Thánh đạo trước, gọi là đạo tịch tĩnh. Vì đoạn trừ sự phiền não của phần vị trên, nên lúc đang tu tập nơi sự việc được đoạn dứt, càng hướng tới tăng ích. Đối với phiền não được đoạn, ngăn giữ chưa được đã thối chuyển.

Trong ấy, thế nào là do trí quan sát cảnh giới của đối tượng nhận thức chứng pháp nên chứng? Nghĩa là, trong địa phàm phu đang gia hạnh, hữu tình là phàm phu hành đúng đắn, do trong ngoài riêng, quan sát năm Giới, đối với thân hiện có, trụ nơi quán tuần thân. Nghĩa là tâm giải thoát cùng huệ giải thoát là tăng thượng, nên họ khởi gia hạnh như lý như vậy, ở trong các Giới, trụ chỉ là Giới tưởng quán, chỉ có Giới, hoàn toàn không có ngã. Dựa nơi lực xét chọn, đối với Giới của các sắc đã xa lìa tham, nhưng nơi đối tượng duyên cũng chưa có thể đoạn. Nơi đời vị lai không mong cầu, nên đối với đời hiện tại không tham đắm, gọi là đã lìa tham. Chưa có thể loại bỏ vĩnh viễn tùy miên kia, nên gọi là đối với đối tượng duyên cũng chưa có thể đoạn dứt. Hành giả này, đối với tham đã xa lìa, do tâm giải thoát là lực tăng thượng để xa lìa tham, nên tâm được thanh tịnh, nhưng nơi đối tượng duyên chưa có thể đoạn trừ. Phần vị trên còn lại nên dốc tu trị. Từ đấy trở về sau, đối với cảnh giới thuộc về sáu xúc xứ, quan sát thuận hợp, ở trong các thọ, trụ nơi Tuần thọ quán. Hành giả, như trước đã nói, dựa vào lực xét chọn, nơi cảnh giới của các thọ cũng xa lìa tham. Quán đầy đủ về tánh vô thường của duyên sanh, tức như trước đã nêu, nhưng nơi đối

tượng duyên cũng chưa có thể đoạn trừ. Hành giả đối với vô minh đã xa lìa, do huệ giải thoát làm lực tăng thượng, dựa vào các minh xúc sanh khởi tác ý như lý, tương ưng với thọ thiện hiện có, đối với các thọ đã sanh tạp nhiễm đều chán bỏ mà trụ. Vì đã xa lìa tham được khởi từ chỗ duyên của thọ do vô minh xúc sanh ra, nên gọi là được thanh tịnh, nhưng đối với tùy miên chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên các phần vị trên còn lại cần phải tu trị. Từ đấy trở về sau, nơi mười tám ý hành đều quán xét không điên đảo, kết hợp nơi tâm pháp đồng thời an trụ, tuần quán tâm pháp. Hành giả khởi tư duy: Mười tám ý hành này là bậc nhất, hơn hết! Tức là các giải thoát tịch tĩnh hiện có, vượt quá các sắc, ở nơi vô sắc, đối với chỗ có thể tùy thuận xả bỏ, đều khởi các ý hành.

Lại khởi tư duy: Nếu ta dựa vào ý hành thắng diệu ấy, nơi xả thanh tịnh, hoặc định hoặc sanh tham vướng, trói buộc nhớ nghĩ, nhân đấy tâm ta liền thành tạp nhiễm.

Nhận biết như thế rồi, xả bỏ, không nhớ nghĩ. Đó gọi là nơi tâm trụ, tuần quán tâm.

Lại, đối với các xứ, quán tánh vô thường. Đó gọi là nơi pháp trụ, tuần quán pháp. Hành giả, bấy giờ, nơi ba tưởng định cùng với xứ Phi tưởng phi phi tưởng, với các hành hiện có nơi hữu thứ nhất còn lại, đã lìa tham, nên gọi là nơi Giới tưởng và Giới hành, tham cũng được xa lìa. Phần khác như trước đã nói. Như vậy, hành giả ở trong địa đang gia hạnh gồm thâu phàm phu, tịnh tu tâm rồi, vì nhằm chứng hợp tâm học giải thoát. Lại, đối với tất cả thân thọ tâm pháp, quán chỉ có pháp, hoàn toàn không có ngã, nơi hết thảy hữu, thâm tâm đều chán bỏ, không khởi gia hạnh. Nghĩa là ngã sẽ có, hoặc ngã sẽ không, đều nhận biết rõ đúng như thật, ở đây không có pháp có pháp không. Hành giả do nhận biết đúng như thật như thế, nên lần lượt đối với ba lậu do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ, tâm được giải thoát, chứng đắc tận trí, quán xét tất cả các thọ của vị lai không còn lưu chuyển nữa. Các thọ ấy không lưu chuyển, do tận diệt. Hành giả bấy giờ, dựa vào tận trí đã đạt được do các lậu đã dứt hết, là bậc nhất, là tối thắng. Chỗ dựa của các huệ thuộc phàm phu hữu học cũng còn có cấu uế, nay chỗ đạt được ấy nhất định là không cấu uế. Lại, tức huệ này, ở trong Diệt đế, các phiền não đã đoạn. Do hành tịch tĩnh duyên dựa mà trụ, tạm thời mất niệm cũng không thể động. Như vậy, tâm huệ giải thoát hiện có, không bị quên niệm xâm lấn, xen tạp như hàng phàm phu cùng bậc hữu học trước đây. Do hành giả hãy còn có pháp quên mất, nên đế không viên mãn. Nơi bậc vô học, nơi tất cả thời, tánh đều như thật, nên đế viên mãn, do đó, chỗ dựa của đế thành tựu

bậc nhất. Do có thể từ bỏ hết thảy sự việc nương dựa, nên chỗ dựa của xả thành tựu bậc nhất. Hết thảy quả của đạo được hợp thành, nên gọi là khéo tu đạo, không phải như hàng phàm phu cùng các vị hữu học, nên xứ dựa của tịch tĩnh thành tựu bậc nhất.

- Hỏi: Do nhân duyên nào, chỉ tại bậc vô học, bốn thứ xứ nương dựa được gọi là bậc nhất? Không phải ở nơi phần vị của phàm phu cùng hữu học?

- Đáp: Ở trong phần vị ấy, các lậu ngấm thấm vi tế cũng không thể nhận biết, huống chi là có phẩm trung, thượng. Tại địa phàm phu, lậu ngấm thấm hiện bày càng nhiều. Trong phần vị hữu học ít có thể nhận biết là có.

Ở đây, những gì gọi là lậu ngấm thấm? Nên biết như trước đã nói, các cử động v.v…, gọi là lậu ngấm thấm. Nơi phần vị kia, tất cả đều đã đoạn trừ vĩnh viễn, nên hướng đến tánh Mâu ni đại viên mãn. Vì thế gọi Mâu ni là tịch tĩnh tối thắng.

Lại, đã loại bỏ hoàn toàn nhân của vị lai, nên đối với khổ của sanh lão tử nơi đầu giữa sau, đều dừng dứt toàn bộ. Lúc hành hiện pháp, đối với các pháp thế gian, bốn thứ tham ái đã vĩnh viễn dứt bặt. Bốn thứ sân hận vĩnh viễn vắng lặng. Lại, lúc an trụ, không vui thích ồn tạp, vì đã đạt được tịch tĩnh hoàn toàn.

Lại nữa, dựa nơi việc tu tập pháp Bồ đề phần hiện có, viên mãn tăng thượng, do bảy nhân duyên, nên biết là đã kiến lập bảy thứ Chánh pháp. Những gì là bảy? Đó là:

1. Đối tượng duyên của tác ý do Văn tạo thành.

2. Đối tượng duyên của tác ý do Tư, Tu tạo thành.

3. Tức ba thứ tác ý ấy, khi gia hạnh có sai biệt.

4. Đối với việc thọ dụng của cải, thọ dụng khắp của cải đều khéo thông tỏ.

5. Thọ dụng của cải, giáo pháp, nơi mọi thời gian, từ kẻ khác đạt được.

6. Lúc đạt cứu cánh, bên trong lìa thượng mạn, không hoại mất.

7. Cũng ở nơi chốn khác, lìa tăng thượng mạn, không hoại mất.

Ở đây, lúc dựa nơi các tướng chỉ, cử, xả, tu tập nhận biết, như nơi địa Thanh văn cùng địa Tam-ma-hí-đa đã biện biệt về tướng. Về nghĩa ăn uống, như nơi địa Thanh văn, nên biết có sai biệt.

Lại, ở trong ấy, kẻ thọ dụng của cải: Là đối với các chúng Sát đế lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả v.v… Người thọ dụng pháp: Là chúng Sa- môn. Ta

nên hành như thế: Nghĩa là khéo phòng hộ nơi thân, khéo giữ gìn các căn, khéo trụ nơi chánh niệm. Người nên trụ như thế: Nghĩa là, đi đến nơi đầu cửa, nếu không đồng ý thì không nên vào. Hoặc được vào rồi, nếu không đồng ý thì không nên tự mình đi tới tòa ngồi mà ngồi. Nên ngồi như thế: Nghĩa là không nên buông thả hết thảy phần thân, cho đến nói rộng. Nên nói như thế: Nghĩa là có năm thứ nói năng:

1. Nói năng hợp thời.

2. Nói năng hợp lý.

3. Nói năng đúng lượng.

4. Nói năng tịch tĩnh.

5. Nói năng chánh trực.

Nên im lặng như thế: Nghĩa là nơi năm lúc, phải nên yên lặng:

1. Hoặc là lúc rối loạn.

2. Hoặc là lúc bị phỉ báng.

3. Hoặc lúc tranh chống nhau mà trụ.

4. Hoặc khi mời thỉnh.

5. Hoặc lúc đàm luận.

Thế nào là nói năng hợp thời? Nghĩa là không rối loạn, hoặc vội vã tầm tư. Hoặc không vui thích nghe. Hoặc không an trụ nơi oai nghi đúng lúc, mà có ngôn thuyết.

Lại, nên trước hết là theo thứ tự cho thời gian đầu nơi công việc, sau đấy tán thán, khích lệ rồi mới chính thức khởi ngôn thuyết.

Lại, nên chờ cho kẻ khác bàn luận xong xuôi, mới khởi ngôn thuyết. Hết thảy các loại như thế, nên biết gọi là nói năng hợp thời.

Thế nào là nói năng hợp lý? Nghĩa là nương nơi bốn đạo lý, có thể dẫn đến nghĩa lợi, hợp với sự thật mà nói, gọi là nói năng hợp lý.

Thế nào là nói năng đúng lượng? Nghĩa là văn cú trọn đủ, nói ngang với từng ấy là thích hợp, chỉ nên nói bấy nhiêu không thêm không bớt, không nói những câu lời tạp loạn, vô nghĩa. Các loại như vậy gọi là nói năng đúng lượng.

Thế nào là nói năng tịch tĩnh? Nghĩa là lời nói không cao xa, cũng không ồn, động. Thân không vung vẩy, miệng không gào thét mà có lời nói, gọi là nói năng tịch tĩnh.

Thế nào là nói năng chánh trực? Nghĩa là lời nói không dối trá, không nhân nơi bịa đặt mà có ngôn thuyết, lìa mọi dua nịnh, quanh co, bày lời

luôn thuần hậu, chân thật. Như thế nên biết gọi là nói năng chánh trực.

Đối với bản thân không có các pháp thiện như tín v.v… thì không khởi thượng mạn cho là tự có. Đối với chỗ hẹp nhỏ cũng không tăng thêm để thành rộng lớn. Chỉ ở nơi thật có, cho đến nếu có, nhận biết rõ đúng như thật, tự xưng nói có, gọi là tự nhận biết.

Lại, tín là điều trước tiên để thọ trì tịnh giới. Trì giới là điều trước tiên để cầu pháp đa văn. Do đấy làm yếu tố trước tiên để xả bỏ các thứ lỗi lầm. Đối khắp tất cả của cải, thân mạng không chút luyến tiếc. Do đấy làm yếu tố trước tên nên tâm được định tĩnh, chứng trí như thật. Năm pháp như thế, do bốn nhân duyên nên được hiển phát:

1. Do kẻ khác giáo hóa.

2. Do sức tăng thượng của giáo pháp, tự nội chứng.

3. Tầm tư cùng sanh biện tài thù thắng.

4. Do trước thường xuyên hành tập, đạt được công đức cùng sanh tương ưng nơi các thiện nam.

Lược có hai loại hữu tình, cùng nêu rõ hai loại. Hai loại như thế, phân biệt cả hai đều là thù thắng, nên biết xét chọn hai thứ có sai biệt. Tu bảy pháp thiện được hai thắng lợi: Nghĩa là trong hiện pháp được an lạc của khinh an, biết rõ tánh thật của cảnh, phát sanh hỷ thù thắng. Do nhân duyên ấy nên trụ nhiều nơi hỷ lạc. An trụ ở đấy rồi, có thể tư duy như lý, mau chóng chứng đắc các lậu vĩnh viễn dứt hết.

Lại nữa, dựa nơi việc tu tập pháp Bồ đề phần tăng thượng, ở trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, lược do các học cùng quả của các học gồm thâu tất cả pháp.

Thế nào là các học? Nghĩa là ba thứ học:

1. Giới tăng thượng.

2. Tâm tăng thượng.

3. Huệ tăng thượng.

Thế nào là quả của học? Nghĩa là hai Giới Niết-bàn Hữu dư y và Vô dư y. Nên biết ở đây, tất cả pháp là pháp thiện dục. Xuất gia thanh tịnh nhằm chứng Niết-bàn nên trước thọ trì Giới. Do đây, lần lượt cho đến đạt được Niết-bàn cứu cánh. Thế nên, nêu rõ tất cả các pháp, dục là căn bản.

Lại, dựa nơi tịnh giới dẫn cầu Chánh pháp, thâu nhận đa văn. Do sức tăng thượng của việc nghe Chánh pháp, nên có thể mau chóng hợp chúng Tăng ngữ xúc, Minh xúc. Thế nên nói pháp kia là Tập xúc.

Lại, pháp kia đều là nẻo dẫn đến Minh xúc sanh khởi các thọ, cho

đến Giới bát Niết-bàn Hữu dư y, là hậu tế, vì cầu an lạc mà phát khởi. Lạc này hoàn toàn là không tánh tội, thế nên nói pháp thuộc về học kia, là nẻo đưa đến của thọ.

Lại, pháp kia vì cầu Minh xúc hiện có, cũng dựa nơi Minh xúc sanh khởi các thọ, dấy tác ý do Văn-Tư-Tu tạo thành, do đó nói pháp ấy đã sanh tác ý.

Lại, bấy giờ, đối với bốn niệm trụ, do niệm phẩm quán, dùng quán làm chỗ dựa, cùng với chỉ của nội tâm làm tăng thượng, thế nên nói pháp kia là tăng thượng của niệm.

Lại, niệm tăng thượng khởi Xa-ma-tha, cùng với diệu trí nơi hiện quán về Thánh đế sau là đứng đầu, chuyển biến, thế nên nói pháp kia đối với định là đứng đầu.

Lại, ở trong các hiện quán về Thánh đế, huệ là tối thắng, nghĩa là có thể vĩnh viễn rốt ráo dứt hết các lậu. Do đó nói huệ của pháp kia là tối thắng.

Lại, do tất cả lậu đã hoàn toàn dứt hết, nên đạt được Minh xúc cứu cánh, sanh các thọ cùng hành với giải thoát. Tức giải thoát này không phải do tất cả pháp thuộc về học thường xuyên tùy được, mà chỉ do chứng đắc tức thì. Vì giải thoát này, trong tất cả lạc là bậc nhất, hơn hết, không có tánh tội, thế nên nói pháp kia tức dùng giải thoát để tạo sự kiên cố.

Lại, pháp kia đối với tâm khéo giải thoát như thế, hoặc đối với các Minh xúc đã sanh các thọ, hoặc nơi các pháp hiện có thuộc về học, cùng chỗ dựa là thân, đối với Giới Bát Niết-bàn Vô dư y, tự nhiên vận hành đạt tịch diệt cứu cánh, thế nên nói pháp kia đều cho Niết-bàn là hậu tế.

Nên biết ở đây, dục là tăng thượng để thọ trì tịnh giới, gọi là Giới học tăng thượng. Nương dựa nơi huệ của tâm tăng thượng thuộc xúc, thọ, nhận giữ phương tiện nơi tác ý hiện có, hoặc niệm hoặc định cùng với gia hạnh, gọi là Tâm học tăng thượng. Huệ là tối thắng, gọi là Huệ học tăng thượng. Như vậy nên biết gọi là ba học. Pháp kia nương giữ nơi giải thoát kiên cố, nên Giới Bát Niết-bàn Hữu dư y là học quả thứ nhất. Niết-bàn nơi hậu tế, tức Giới Bát Niết-bàn Vô dư y là học quả thứ hai. Như vậy là lược nói về học và quả của học gồm thâu tất cả pháp.

Lại, các học này cùng quả của chúng có thể chứng đắc tư lương, nên biết là có thể đối trị tám thứ lỗi lầm tai họa, tu tập chín tưởng.

Những gì gọi là tám thứ lỗi lầm tai họa? Đó là:

1. Tham chấp lợi dưỡng, sự cung kính.

2. Yêu mến, cất chứa tất cả các hành của hữu sau.

3. Tu tập tưởng vô thường-khổ.

4. Tu tập tưởng khổ-vô ngã.

5. Tu tập tưởng chán nghịch về ăn uống.

6. Tu tập tưởng tất cả thế gian không thể an lạc.

7. Tu tập tưởng chết.

8. Tu tập tưởng không bình đẳng, bình đẳng nơi thế gian.

9. Tu tập tưởng có, không, hiện, ẩn, lỗi lầm, xuất ly.

Nên biết ở đây, hành bình đẳng như pháp hiện có, có thể đi đến nẻo thiện, gồm thâu nghiệp thân ngữ ý thiện, gọi là bình đẳng. Hành không bình đẳng của phi pháp hiện có, có thể dẫn đến nẻo ác, gồm thâu nghiệp thân ngữ ý bất thiện, gọi là không bình đẳng.

Lại, trụ nơi đấy, hoặc sanh hoặc trưởng, có thể dấy khởi các khổ hiện có của hậu tế, được gọi là có. Từ nơi tiền tế kia, ở trong hiện pháp có khổ tử diệt, được gọi là không. Các thứ hiện, ẩn v.v… còn lại, nên biết như trước đã phân biệt rộng.

Lại nữa, các nhóm ngoại đạo, nghe pháp không chân chánh với sức tăng thượng đã sanh tưởng không như lý làm chỗ nương dựa, phát khởi vô minh sanh ra các thọ. Do đấy làm chỗ dựa sanh khởi các lậu. Các ngoại đạo, đối với các lậu ấy đã không nhận biết đúng như thật. Cũng đối với các thọ do vô minh xúc sanh ra không nhận biết đúng như thật. Cũng đối với các tưởng tà vạy hiện có được sanh do sức tăng thượng của việc lãnh hội pháp bất chánh, không nhận biết đúng như thật. Nơi ba xứ ấy đều không nhận biết như thật, nên phát khởi cầu dục, phát khởi cầu hữu, cũng lại phát khởi cầu phạm hạnh tà vạy cùng cầu về không, có.

Các ngoại đạo đối với các dục không nhận biết như thật, đối với nghiệp của hữu sau không nhận biết đúng như thật, đối với các khổ ấy không nhận biết như thật. Ở đây, năm thứ trước là xứ của Tập đế. Một thứ sau cùng là xứ của Khổ đế. Như vậy, ngoại đạo đối với Tập đế ấy và Khổ đế đều không nhận biết đúng như thật.

Lại, tức ở nơi Tập đế, Khổ đế ấy, lược do hai tướng, nên không nhận biết đúng như thật:

1. Do tạp nhiễm.

2. Do thanh tịnh.

Tạp nhiễm lại có bốn tướng:

1. Tự tánh.

2. Nhân.

3. Quả.

4. Nhân quả có sai biệt. Thanh tịnh lại có hai thứ:

1. Tập khổ diệt.

2. Hành hướng diệt.

Các ngoại đạo, ở trong bốn Thánh đế như thế, thiếu hẳn chánh trí, nên không thể tu tập pháp Bồ đề phần. Do nhân duyên ấy, nên chỗ tu hành phạm hạnh hiện có của họ không được gọi là rốt ráo tột cùng. Tức do duyên này nên không gọi là đạt đến cứu cánh, vì không dứt hết các lậu. Người trụ nơi nội pháp, cùng với trên trái nhau, chỗ tu phạm hạnh là rốt ráo cùng tột, gọi là đạt đến cứu cánh, dứt sạch các lậu.

Lại nữa, đối với sáu thứ hữu tình kia, dựa nơi pháp nhiễm tịnh, Đức Như Lai hiện có căn trí của bậc Đại sĩ, cùng với pháp vị lai sanh khởi trí để chuyển.

Những gì gọi là sáu thứ hữu tình? Nghĩa là có một loại hữu tình, trong đời khác từ trước, đối với Pháp-Luật khéo giảng nói của Phật đạt được tịnh tín, nói rộng cho đến đạt được kiến chánh trực. Hữu tình ấy nơi đời hiện tại, ở trong Pháp-Luật thuyết giảng ác, gần gũi không phải bậc thiện tri thức, nghe không phải Chánh pháp, tác ý phi lý, ở trong hiện pháp, đầu tiên sanh khởi các tà kiến, thọ các nghiệp tạp nhiễm. Hữu tình ấy, bấy giờ, thành tựu pháp thiện hiện có của đời trước, cùng với các pháp bất thiện trong hiện pháp. Lại, nơi thời gian sau, ở trong Pháp- Luật khéo thuyết giảng, thân cận bậc thiện tri thức, lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý. Tức do nhân trước nên dứt bỏ Pháp-Luật thuyết giảng ác, đối với các pháp bất thiện của tưởng nêu giảng ác không sanh nhiễm vướng, mau chóng có thể trừ dứt. Hữu tình ấy, đối với vị lai thành tựu pháp thanh tịnh. Đó gọi là loại hữu tình thứ nhất.

Lại có một loại hữu tình, trong đời khác từ trước, cùng hành hai thứ pháp Tỳ-nại-da. Do đấy làm nhân, nên ở trong hiện pháp thành tựu pháp thiện và pháp bất thiện. Hữu tình ấy, nơi đời hiện tại, đầu tiên như trước, đối với pháp thuyết giảng thiện, cho đến đạt được tác ý như lý, ở trong hiện pháp, các pháp bất thiện khiến pháp sẽ diệt mất, pháp mới không sanh nữa. Còn các pháp thiện, khiến pháp cũ tăng trưởng, pháp mới lại sanh nữa. Các pháp bất thiện hiện có từ trước chưa đoạn trừ, tùy miên đeo đuổi, nay đối với tất cả đều có thể đoạn trừ, trụ nơi không phóng dật. Hữu tình ấy đối với đời vị lai, thành tựu pháp thanh tịnh. Đó gọi là loại hữu tình thứ hai.

Lại có một loại hữu tình, trong đời khác từ trước, chỉ hành ngoại hành. Hữu tình ấy, nơi đời hiện tại, do đấy làm nhân, thường xuyên hành tập xuất gia, hành tập theo tà kiến, ở trong pháp. Luật thuyết giảng thiện,

gặp được duyên hòa hợp mà được xuất gia. Đã xuất gia rồi lại sanh tà kiến, trụ nơi tự kiến thủ, tạo nghiệp vô gián, cũng đoạn thiện căn, hoàn toàn tạo tác các pháp bất thiện, quyết định đi đến nẻo ác. Đó gọi là loại hữu tình thứ ba.

Lại có ba thứ hữu tình khác, cùng với ba thứ trên trái nhau, nên biết về tướng của chúng.

Ở đây, loại hữu tình thứ nhất, trước tiên đối với ngoại pháp thuần tập hành nhân, ở trong hiện pháp trước tiên không phóng dật, sau hành phóng dật.

Loại hữu tình thứ hai, trước đối với nội ngoại pháp, cùng tập hành nhân, ở trong hiện pháp chuyên hành phóng dật.

Loại hữu tình thứ ba, trước đối với nội pháp thuần tập hành nhân, ở trong hiện pháp, nên biết hoàn toàn tu tập không phóng dật.

Lại, ở trong ấy, đời trước đã hành tập nhân thiện, bất thiện, cũng như chủng tử. Đời nay, nơi Pháp-Luật thuyết giảng thiện, đối với các chủng tử thiện của đời trước, cũng như ruộng tốt. Đối với chủng tử bất thiện của đời trước kia, cũng như ruộng xấu. Cùng với đây trái nhau, là đời nay, nơi Pháp-Luật thuyết giảng ác, đối với chủng tử bất thiện của đời trước, cũng như ruộng tốt. Đối với các chủng tử thiện của đời trước, cũng như ruộng xấu.

Lại, lực tăng thượng của nhân đời trước, nay pháp thiện khởi, cũng như ánh sáng. Cùng với tất cả các pháp bất thiện kia, như vô minh tối tăm, là chủ thể đối trị. Pháp bất thiện cùng với tất cả pháp thiện hiện có cũng như ánh sáng, làm đối tượng đối trị. Như vậy, các pháp bất thiện của đời trước, như có than nóng, do có nghĩa có thể thiêu đốt thân tâm. Pháp-Luật thuyết giảng thiện của đời nay như ngôi nhà cỏ lau khô.

Lại, pháp thiện hiện có nơi đời trước, nay ở nơi Pháp-Luật thuyết giảng ác, do tổn giảm, cũng như đồ dựng bằng đá đem để nơi chỗ đất lạnh, như không có than nóng.

Lại, các pháp bất thiện của đời trước, nay ở nơi Pháp-Luật thuyết giảng thiện, do đoạn dứt, nên cũng như đem vật đựng bằng đá đặt tại chỗ đất lạnh, như không có than nóng.

Ở đây, các Đức Như Lai, do căn vô thượng của bậc Đại sĩ nơi lực của trí có hơn kém, đối với nhân thiện bất thiện của đời trước đã hợp thành căn, theo chỗ ứng hợp đều nhận biết rõ như thật.

Lại, nơi môn nhiễm tịnh của hiện pháp chuyển đổi, sanh khởi các pháp nhiễm tịnh của vị lai, cũng theo chỗ ứng hợp, đều nhận biết rõ đúng

như thật, nên nói là thành tựu điều hết sức hy hữu.

Lại nữa, hành đi đến nẻo ác, hành đi tới nẻo thiện, hành vượt qua có sai biệt, nên biết lược có năm môn không đồng. Do năm môn này, nên đối với sự tự vượt qua, đã nhận biết rõ như thật. Đối với sự vượt qua của kẻ khác, cũng biết rõ khắp, đúng đắn. Đó là chư Phật và đệ tử của chư Phật.

Thế nào gọi là hành đi đến nẻo ác? Nghĩa là tất cả Tát-ca-da-kiến hiện có của các ngoại đạo dùng làm căn bản. Các kiến thú ác cùng đối tượng duyên của chúng, và chỗ nương dựa ấy dùng làm nơi nương dựa, phát sanh vô số dục ác cùng hại, hoặc vô lượng pháp ác bất thiện hiện có như sát sanh v.v…, như kinh đã nói rộng, cho đến các hành phi pháp hiện có, hành không bình đẳng là sau cùng. Có thể đi đến nơi chốn hiểm ác, có thể đi tới địa ngục, có thể đi đến các nẻo ác sanh khởi có sai biệt. Hoặc trụ nơi các cảnh giới kia gọi là sanh vào nẻo ác, lãnh nhận dị thục của các quả phi ái, chiêu cảm do nhân của những nẻo ấy. Như thế gọi là hành đi đến nẻo ác.

Các Thánh đệ tử đa văn đối với điều ấy, nếu nơi đối tượng duyên kia sanh các kiến thú, hoặc tự dựa vào đấy khiến khởi chấp trước, hoặc các dục ác hiện có, có thể dẫn đến tất cả nẻo hiểm ác, nói rộng cho đến các hành phi pháp, các hành không bình đẳng cho là sau cùng. Nếu trụ ở đấy, lãnh nhận quả phi ái, xấu ác v.v…, hết thảy như thế đều tùy quán đúng như thật, không có ngã, ngã sở. Tức là ở trong đó, quyết định không ngã, cũng không ngã sở. Quán như vậy rồi, chính lúc đối với Thánh đế đạt được hiện quán, các kiến thú, tùy miên căn bản kia đều vĩnh viễn dứt sạch, nên gọi là đoạn, ngoài ra hết thảy đều rốt ráo không còn nối tiếp. Các Thánh đệ tử này, đối với kiến thú kia được xem là căn bản hiện có để có thể dẫn đến các nơi chốn hiểm ác, quyết định không tạo tác, nên nhất định không thể đi đến các nơi chốn hiểm ác. Đó gọi là môn vĩnh viễn loại trừ hành thứ nhất dẫn đến nẻo ác. Do nhân duyên ấy nên có thể đối với tự nội, nhận biết rõ như thật, về các Thánh lìa ngã v.v…

Như thế, chư Phật cùng đệ tử của Phật, có thể nhận biết khắp, đúng như thật về môn vĩnh viễn dứt trừ hiện có sai biệt.

Lại, tức các Thánh đệ tử như thế, vì nhằm vượt qua hành dẫn đến nẻo thiện còn lại chưa đoạn, nên chư vị đối với chỗ tạo tác trước không sanh biết đủ, đối với việc dứt hết lậu nêu tiên khởi vui thích, mong muốn, phát tâm chánh nguyện, nơi chỗ đạt được các đạo thế tục, quán xét kỹ về lỗi lầm, nghĩa là chúng không thể lìa khổ một cách rốt ráo. Đó gọi là môn phát tâm nguyện thứ nhất, vì nhằm vượt qua hành dẫn đến nẻo thiện.

Phát tâm nguyện rồi, đối khắp hữu sau của tất cả nẻo thiện sanh khởi

ái vị, đều quán sâu xa về lỗi lầm của chúng, nhưng con đường hiểm ác, tâm sanh chán lìa, vui mộ tịch tĩnh nơi Niết-bàn hiện pháp, tu tập đúng đắn theo phương tiện, do đấy tiến tới như trước đã đạt được hành hướng đến Niết-bàn. Như thế gọi là môn có thể tiến tới.

Chư vị kia, do tu đạo lần lượt lìa dục, cho đến có thể nhập định hữu thứ nhất, nếu đối với xả trên sanh nhiều ái vị cùng nhân duyên phóng dật, ở trong hiện pháp không Bát Niết-bàn, thì chỉ gọi là quả Bất hoàn của hành trên. Như thế gọi là môn sau của hành trên. Nếu lại đối với pháp kia, quán sâu xa về lỗi lầm, tai họa, ở trong xả trên không sanh ái vị, đối với hiện pháp có thể chứng Niết-bàn, dựa nơi Bát Niết-bàn Hữu dư y để nêu bày, như vậy gọi là môn Bát Niết-bàn. Do môn này, nên nhận biết rõ đúng như thật về tự Bát Niết-bàn, vượt qua tất cả hành dẫn tới nẻo thiện, đối với sự vượt qua của kẻ khác cũng có thể nhận biết đúng khắp. Đó là chư Phật cùng đệ tử của Phật. Ở đây, thứ nhất là môn vĩnh viễn dứt trừ, nên biết là vượt qua hành dẫn đến nẻo ác. Sau, phát tâm nguyện tiến đến hành trên là bốn môn Niết-bàn, nên biết là vượt qua hành dẫn tới nẻo thiện.

Lại nữa, các Thánh đệ tử đã kiến đế tích, nhưng chưa lìa dục, nên biết lược có hai thứ tạp nhiễm:

1. Tạp nhiễm của dục.

2. Tạp nhiễm của hữu sau.

Đối với hai thứ ấy, các Thánh đệ tử nên siêng năng gia hạnh, tịnh tu nơi tâm. Chư vị, vì nhằm đoạn trừ tạp nhiễm của dục, nên lúc siêng tạo phương tiện, dần dần dựa vào ba hành:

1. Hành hướng đến Vô động.

2. Hành hướng đến xứ Vô sở hữu.

3. Chứng nhập định Vô động, Vô sở hữu, xứ Phi tưởng phi phi tưởng.

Ở đây, do đối trị đoạn, cùng đối trị phần xa, nên vượt qua tạp nhiễm của dục. Hoặc vì đoạn trừ tạp nhiễm của hữu sau, nên lúc siêng tạo phương tiện, đã lìa ái của cõi Dục, chưa lìa ái của cõi Sắc. Chư vị tu tập đúng đắn, có thể đoạn trừ tạp nhiễm hiện có của hữu sau, do đạo đối trị có sai biệt, đã lìa ái của cõi Sắc, cho đến có thể nhập định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nếu trong hiện pháp, đối với xả trên sanh nhiều ái vị, không Bát Niết-bàn, thì chư vị đối với hiện pháp không hoàn toàn giải thoát tất cả tạp nhiễm của hữu sau hiện có. Nếu đối với xả trên không sanh ái vị, thì chư vị, ở trong hiện pháp có thể Bát Niết-bàn, có thể hoàn toàn giải thoát tất cả tạp nhiễm hiện có nơi hữu sau. Nên biết ở đây, hoặc vì đối trị tạp nhiễm của dục, nên

tu đạo đối trị, lần lượt cho đến có thể nhập định Đệ nhất hữu. Hoặc vì đối trị tạp nhiễm của hữu sau, nên tu đạo đối trị, lần lượt cho đến có thể nhập định Đệ nhất hữu. Hai thứ như thế gọi là cùng giải thoát. Do các Thánh giả và hàng phàm phu không phải Thánh đều có thể cùng dung nạp, thế nên giải thoát này không gọi là Thánh giải thoát.

Nếu đối với tất cả khổ cho đến Tát-ca-da khổ của cõi Hữu đảnh, đều nhận biết như thật rồi, vượt qua cõi Hữu đảnh, ở trong hiện pháp đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tạp nhiễm hiện có, thì giải thoát như thế chỉ các Thánh giả mới có thể đạt được, nên giải thoát ấy gọi là Thánh giải thoát.

Như vậy, tất cả gồm chung có năm xứ:

1. Hành hướng đến Vô động.

2. Hành hướng đến xứ Vô sở hữu.

3. Hành hướng tới xứ Phi tưởng phi phi tưởng.

4. Niết-bàn hiện pháp.

5. Thánh giải thoát.

Lại có ba thứ lỗi lầm tai họa của các dục:

1. Các dục có thể vì thuận theo cảnh giới của lạc thọ, đã sanh khởi nhân duyên của tham dục.

2. Các dục có thể vì thuận theo cảnh giới của khổ thọ, đã sanh khởi nhân duyên của sân hận.

3. Các dục có thể vì thuận theo cảnh giới của thọ không khổ không lạc, đã sanh khởi nhân duyên phẫn phát vô minh.

Lại, các dục này chính ở nơi ba xứ, nên quán xét về lỗi lầm tai họa của chúng:

1. Tự tánh.

2. Đối tượng duyên.

3. Trợ bạn.

- Tự tánh: Nghĩa là phân biệt hư vọng sanh khởi tham ái.

- Đối tượng duyên: Tức là cảnh của năm thứ sắc, hoặc trong hoặc ngoài.

- Trợ bạn: Là tác ý phi lý tương ưng với tưởng điên đảo.

Lại, ta đã đạt được an trụ đầy đủ nơi xứ sở này, sanh khởi tin hiểu, nên biết chư vị ở trong đạo gia hạnh tu tập tịnh tín, nơi xứ sở ấy sanh tâm tịnh tín. Do sức tăng thượng của tịnh tín này, nên tu tập tinh tấn niệm định huệ. Từ nơi Tĩnh lự 1, lần lượt cho đến xứ Thức vô biên, các định vô động

đều có thể chứng nhập. Lại, do huệ kia đã phát khởi thắng giải này: Nghĩa là ta đã có thể nhập các định như thế. Đây tức có thể chiêu cảm quả sanh hiện có do xứ Thức vô động. Nếu trong hiện pháp không Bát Niết-bàn, hoặc không tiến cầu đi đến địa trên, thì chư vị ấy, nơi vị lai quyết định nên đi đến xứ vô động đó.

Lại do ba duyên, tức đối với các địa này, nên biết đã kiến lập làm xứ vô động. Nghĩa là do dục v.v… bên ngoài tán động được đoạn trừ, nên lập Tĩnh lự thứ nhất làm xứ vô động.

Tầm tứ hỷ lạc, trong địa của cõi Sắc, các thứ động được đoạn trừ nên lập Tĩnh lự thứ tư làm xứ vô động. Vô số tưởng có sắc có đối biệt dị, các thứ động đã đoạn, nên lập xứ Không vô biên, xứ Thức vô biên làm xứ vô động. Tĩnh lự thứ hai, Tĩnh lự thứ ba, khoảng giữa và càng về sau, các thứ động hiện có đều đoạn, nên biết cũng được gọi là xứ vô động. Xứ Thức vô biên, do môn ngoài của xứ Không vô biên duyên nơi động đã được xa lìa, nên biết đã kiến lập làm xứ vô động.

Nói tóm lại, duyên nơi định hiện có không dao động, nên đều gọi là vô động. Biên vực của định này tột cùng đến xứ Thức vô biên, do đó nên biết, cho đến xứ ấy đã kiến lập là vô động. Tức tất cả duyên nơi định hiện có ấy, đều gọi là định của tưởng hữu thượng. Từ đấy trở lên, duyên nơi định Vô sở hữu, nên biết gọi là định của tưởng vô thượng. Từ đấy trở lên, lại gọi là định của xứ Phi tưởng phi phi tưởng.

Nên do ba phần nêu rõ về ba hành. Do ba thứ môn, các Thánh đệ tử chán bỏ dục v.v… Đã chán bỏ rồi, lần lượt có thể nhập, cho đến định của xứ Thức vô biên, do đấy đã kiến lập hành có thể đi đến ba thứ xứ vô động.

Lại, hoặc tưởng sắc, hoặc tưởng vô động, đối với các địa dưới sanh chán hoại sâu xa rồi, có thể nhập định của xứ Vô sở hữu. Đó gọi là hành thứ nhất có thể hướng đến xứ Vô sở hữu.

Lại, tức xứ này là biên vực tu tập của đạo vô lậu. Đạo vô lậu này lại có hai thứ:

1. Hữu thượng.

2. Vô thượng.

Như hữu thượng của định hữu tưởng, kết hợp với hành vô thường, thì vô thượng kia kết hợp với hành vô ngã. Do hành hữu thượng đối với địa dưới sanh chán hoại sâu xa rồi, nhập định của xứ ấy.

Do hành vô thượng, đối với dưới, trên, trong tất cả pháp tư duy đều là vô ngã, nên có thể nhập định vô lậu nơi xứ Vô sở hữu. Hành vô thượng ấy, nên biết gọi là hành thứ hai hướng tới.

Hành thứ hai hướng tới này, lại do hai hành có sai biệt, nên kiến lập hai thứ.

Thế nào là hai hành? Nghĩa là trí sai biệt của chủ thể nương dựa, đối tượng được nương dựa. Ở đây, chủ thể nương dựa là trí vô ngã: Nghĩa là các thứ hiện có, hoặc là giới hữu tình, hoặc là tự thân của ngã, trong đó đều không có xứ thuộc về ngã, tức là địa phương, lãnh vực. Thuộc về ngã: Nghĩa là các hữu tình. Sự thuộc về ngã, nghĩa là hoặc cha, hoặc mẹ, hoặc bạn, hoặc chủ, các loại như thế. Như họ đối với ngã không phải là xứ hệ thuộc.

Không hệ thuộc: Là sự không có hệ thuộc. Như vậy, ngã cũng đối với họ không phải là xứ thuộc về. Không thuộc về: Là sự không hệ thuộc.

Ở đây, đối tượng được nương dựa là trí vô ngã: Nghĩa là các thế gian không, không có thường cùng ngã, ngã sở. Ở đây, đều không có thường, ngã, ngã sở chân thật có thể đạt được, chỉ có các hành. Như vậy, thế gian đều đã là không, nên lại có cái gì có xứ hệ thuộc? Có hệ thuộc: là có sự hệ thuộc. Do đó nên biết, trí vô ngã trước là chủ thể nương dựa. Trí vô ngã sau là đối tượng được nương dựa.

Xứ Phi tưởng phi phi tưởng không có đạo vô lậu, chỉ do tưởng chán hoại xứ Vô sở hữu, nên có thể nhập định của xứ ấy. Trong đó chỉ có một hành hướng tới này.

Lại, ở trong ấy, ngã sở sao lại không có: Nghĩa là do các khổ như sanh v.v… nên nói ngã có khổ. Ngã sao lại không có? Tức do các khổ như sanh v.v… khiến ngã phát tâm lạc dục như thế rồi, siêng năng gia hạnh đúng đắn. Gia hạnh như thế rồi, nên đạt được các thứ hiện có trước sau có sai biệt. Do nhân duyên ấy, nên lại được quyết định: Nghĩa là ngã sẽ không có. Ngã sở sẽ không có. Nếu nay hiện có: Nghĩa là hiện nay nơi hiện pháp, nghiệp mới hiện có đã tạo tác, làm tăng trưởng. Nếu ngày trước đã có: Nghĩa là các nghiệp cũ. Các Thánh đệ tử kia, đối với tất cả quả dị thục hiện có đều không mong cầu. Tất cả đều nên dứt bỏ, không luyến tiếc.

Lại nữa, tụng nêu:

An lập thuần biên vực
Cùng duyên khởi như lý
Lúc tu, chướng tự tánh
Nói đoạn, khởi tu sau.

Ở đây, an lập bốn niệm trụ làm đầu, đạo chi làm sau cùng nơi ba mươi bảy thứ pháp Bồ đề phần, hoặc lược hoặc rộng, như nơi địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Lại do bốn niệm trụ, nên biết tất cả biên vực của sự thuộc đối tượng nhận thức. Do biên vực của sự nơi đối tượng nhận thức nên lại nhận biết rõ về biên vực của sự thuộc trí.

Lại bốn niệm trụ, do dục tinh tấn v.v…, tu tập gia hạnh mới được viên mãn. Nên biết, trừ bốn thứ niệm trụ ấy ra thì lại không có đạo không đồng phận nào khác, hoặc cảnh của đối tượng duyên. Do đạo ấy, cảnh ấy có thể dứt hết các lậu, đạt được Niết-bàn.

Do không có đạo thanh tịnh thứ hai, nên nói thuần có một chánh đạo có thể hướng đến.

Lại, thuần một chánh đạo có thể hướng tới này, do hai nhân duyên có thể khiến cho hữu tình đạt thanh tịnh rốt ráo:

1. Do lực xét chọn.

2. Do lực tu tập.

Đối với bốn niệm trụ siêng năng tu tập gia hạnh, dựa nơi lực xét chọn, vượt qua mọi sầu lo, phóng túng. Do dựa nơi lực tu tập thế gian, nên có thể lìa dục ái, dứt bỏ ưu khổ.

Dựa nơi lực tu tập xuất thế gian, nên vượt qua tất cả Tát-ca-da- khổ. Cũng có thể chứng đắc tám chi Thánh đạo cùng quả của Thánh đạo nơi pháp diệu chân thật. Hết thảy hữu tình nên biết đều do hai thứ lực xét chọn, tu tập, nên đạt được tất cả thứ thanh tịnh rốt ráo.

Lại nữa, nếu đối với bốn thứ đối tượng duyên như thân v.v… phát khởi vô số tác ý phi lý, tức liền trái với bốn thứ niệm trụ. Chống trái ở đấy, tức liền chống trái với tác ý như lý. Nghĩa là như lý của Thánh liên tiếp có thể sanh khởi chi chánh kiến cùng Thánh đạo hiện có. Chống trái ở đấy, tức liền chống trái với tất cả Thánh đạo. Chống trái với đạo, nên liền là chống trái với quả cam lồ của đạo là Niết-bàn cứu cánh.

Lại, sư Du già nhận biết rõ bốn duyên như thân v.v… sanh rồi, lại đối với các pháp của ba đời như thân v.v… trụ nơi quán vô thường. Do trụ nơi quán vô thường như thế, nên đối với các hữu sau, hoàn toàn không nương dựa vào ái của hữu sau để trụ.

Lại, trong hiện pháp, nơi tất cả hành hoặc trong hoặc ngoài đều không chấp giữ ngã, ngã sở.

Lại, nơi đời vị lai, nên biết là an trụ nơi tùy quán pháp tập. Nơi đời quá khứ, nên biết là an trụ nơi tùy quán pháp diệt. Nơi đời hiện tại, pháp sanh rồi liên tục tận diệt, nên biết là an trụ nơi tùy quán pháp tập diệt. Do chư vị, đầu tiên đối với các pháp như thân, quán tánh của duyên sanh, ngộ

nhập vô thường. Ngộ nhập tánh vô thường như thế rồi, đối với xứ tạp nhiễm của các kiến ái, tu tập, an trụ nhiều, tịnh trị nơi tâm. Như thế, phương tiện của tác ý viên mãn, do đấy làm chỗ dựa, có thể tùy thuận đạt được lậu tận rốt ráo.

Lại, tất cả pháp, nói tóm tắt, là thiện bất thiện, hoặc phẩm tạp nhiễm, hoặc phẩm thanh tịnh. Nên biết ở đây, các phẩm tạp nhiễm đều dùng tác ý phi lý làm sự tích tập. Các phẩm thanh tịnh đều dùng tác ý như lý làm sự tập hợp. Như thế, tất cả lược chung gọi là tác ý làm tập.

Lại nữa, tu tập các niệm trụ, hoặc lược hoặc rộng, như nơi địa Thanh văn đã nêu, nên biết về tướng.

Lại, đạo lý của sự tu tập niệm trụ này, không phải khi Đức Thế Tôn xuất hiện ở đời mới bắt đầu tuyên thuyết, khiến các Thánh đệ tử tu tập thích ứng. Nhưng nơi quá khứ, từ vô thủy đến giờ, đối với các niệm trụ, sự tu tập luôn lưu chuyển, và đối với đời vị lai, nên biết sự tu tập cũng không cùng tận.

Lại, vô lượng pháp thiện thế gian xuất thế gian của ba đời quá khứ hiện tại vị lai ấy, đã sanh khởi từ nơi chốn nương dựa, nên nói bốn thứ niệm trụ như thé gọi là tụ thiện.

Lại, có thể gây chướng ngại cho tụ thiện như thế, nên nói năm cái gọi là tụ bất thiện.

Lại, do bốn pháp của đối tượng nhận thức như thân v.v… là không có biên vực riêng biệt, nên trí huệ của Đức Như Lai đối với chúng không bị ngăn ngại, cũng không có biên vực. Do trí vô biên, nên Đức Như Lai đã thuyết giảng giáo pháp vô thượng, cũng không có biên vực. Giáo pháp như vậy, do hai duyên nên được hiển bày:

1. Do văn.

2. Do nghĩa.

Môn sai biệt của nghĩa không có số lượng. Môn mở bày làm rõ nghĩa nơi văn cú của giáo pháp, cũng không có số lượng. Đối với văn cú ấy, không tuyên thuyết lần nữa. từ vô biên, biện tài lần lượt đạt đến vô tận. Thế nên Đức Như Lai đã thành tựu pháp kỳ diệu chưa từng có. Khéo có thể tuyên thuyết giáo pháp hiện có, ở trong một nghĩa có thể dùng vô lượng văn cú xảo diệu, theo phương tiện khai thị mà không thuyết trùng lặp.

Lại, đối với Thánh giáo, trí lãnh hội tông chỉ, nghĩa lý sâu xa đã khéo thành tựu, gọi là "có nghĩa lý sâu xa". Diệu huệ cùng sanh do Văn, Tư tạo thành, khéo thành tựu, nên gọi là "có ý nghĩa". Thành tựu về định, nên gọi là "có niệm". Thông tỏ về đế nên gọi là "có huệ". Nên biết ở đây, một câu

đầu là nêu chung, ba câu sau là giải thích riêng.

Lại nữa, có các Bí-sô đối với thân cùng pháp, trước do Văn, Tư tác ý như lý, an trụ nơi Quán chỉ có thân cùng pháp, nhận biết tất cả pháp, tánh vô ngã rồi, không chỉ đối với tác ý do Văn, Tư ấy mà sanh biết đủ, chỉ mong cầu tâm định giải thoát. Vì cầu định nên trụ nơi xứ xa lìa, chỉ duyên nơi thân v.v… do chín hành tướng khiến tâm an trụ, khiến bên trong tâm được vắng lặng. Do hai nhân duyên khởi bốn niệm trụ, gọi là khéo phát khởi:

1. Do trí như thật tác ý như lý.

2. Do trí như thật của Tam-ma-địa.

Huệ này không gián đoạn, do trí như thật nên đạt được cứu cánh.

Lại nữa, có các Bí-sô, đối với ba thứ đối trị, được tùy thuận theo điều mong muốn, được không khó khăn, được không trở ngại. Nghĩa là tưởng vô thường, hoặc quán nhân từ, hoặc định vô tướng. Chư vị, do ba thứ đối trị như thế, theo chỗ ứng hợp, như trước đã nói.

Đối với cảnh giới hợp ý cùng thân, trụ nơi tưởng chán nghịch, nơi tưởng không chán nghịch, dứt bỏ hai thứ kia, xả niệm, chánh tri. Do nhân duyên ấy, nên biết gọi là "khéo tu niệm trụ".

Lại nữa, tụng nêu:

Trước các căn ái vị
Trước sau có sai biệt
Giữ tướng cùng các triền
Quả lợi lớn là sau.

Có ba thứ căn, đối với tất cả "thiện tụ" của các niệm trụ, làm chướng ngại, nên biết gọi là "tụ pháp bất thiện". Những gì là ba căn? Đó là:

1. Căn hành ác: Có thể khiến cho vị lai trụ nơi khổ của nẻo ác.

2. Căn tầm tư: Có thể khiến cho hiện pháp trụ nơi khổ bất an.

3. Căn của căn: Cùng với căn hành ác và căn tầm tư làm căn bản, nên gọi là căn của căn.

Ở đây nên biết, ba căn bất thiện là Tham-sân-si có thể cùng với hành ác của thân v.v… làm căn. Ba tưởng như dục v.v… có thể cùng với tầm tư như dục v.v… làm căn. Ba cõi như dục v.v…, nên biết có thể cùng với ba căn như tham v.v…, cùng ba căn như dục tưởng v.v… làm căn.

Lại nữa, có các Bí sô đối với bốn niệm trụ siêng tu gia hạnh, dùng đạo thế gian lìa ái của cõi Dục, nói rộng cho đến, đạt định của hữu thứ nhất, an trụ đầy đủ. Tức ở nơi định này sanh nhiều ái vị. Tức ở nơi định này sanh tưởng biết đủ, không siêng cầu đạt được các pháp của bậc trên chưa chứng

đắc. Ở đây, trong Thánh pháp Tỳ-nại-da không gọi là Đại sĩ.

Lại nữa, có các Bí sô, đối với cảnh như thân v.v… đã tinh tấn an trụ, quán tuần thân v.v…, do chín thứ hành tướng khiến tâm được an trụ, giúp cho tâm nội tụ. Nên biết tâm này, đối với pháp Xa-ma-tha đã đối trị các thứ hôn trầm thấp kém của thân tâm, khiến không đạt được giải thoát. Do không giải thoát, nên dựa vào tâm tụ ấy, sanh khởi tánh của các hôn trầm trong thân, sanh khởi tánh của các thứ thấp kém trong tâm. Nếu đối với niệm trụ, tâm khéo an trụ, nhận biết rõ đúng như thật về chốn sanh khởi tùy phiền não ấy rồi, liền từ nội tụ trở lại thâu tóm tâm để yên nơi bên ngoài cảnh tướng tịnh diệu. Nghĩa là đối với hành duyên nơi công đức của Phật, giữ tâm khiến trụ. Do duyên ở đấy, nên phát sanh hoan hỷ, nói rộng cho đến, do môn cử diệu nên ở nơi cảnh của đối tượng duyên khiến tâm được định. Theo chỗ đối trị của Xa-ma- tha về các tùy phiền não mà được giải thoát. Từ đó trở về sau đều nhận biết rõ như thật, đối với tùy phiền não tâm được giải thoát. Vì nghĩa này nên cầu nguyện, nơi bên ngoài đạt được nghĩa ấy rồi, trở lại như trước, thâu tóm nội tụ của tâm, nhưng không bị các tùy phiền não làm não loạn. Tâm được nội tụ rồi, không do cầu nguyện, tự nhiên nhận biết rõ như thật, về nơi bên ngoài tâm được giải thoát. Chư vị ấy, đối với hành tướng tầm tư của ngoại duyên có chỗ đã được chế phục. Các gia hạnh khó có thể vận chuyển đều được tự tại giải thoát, xả bỏ, an lạc mà trụ, tức đã được thành tựu đầy đủ Xa-ma-tha thù thắng. Các Bí-sô như vậy, nơi bốn thứ niệm tựu tâm khéo an trụ, có thể nhận biết rõ đúng về trước sau có sai biệt.

Lại nên biết, các hữu tình này trước đã tu tập Tỳ-bát-xá-na, dùng pháp ấy làm chỗ dựa, đối với Xa-ma-tha tu hành Du già.

Lại nữa, có các Bí sô, nơi các niệm trụ siêng tu gia hạnh, dùng pháp Tỳ-bát-xá-na làm chỗ nương dựa, đối với pháp Xa-ma-tha vui thích tu hành Quán. Các vị ấy, tức nên ở nơi tự tâm thuộc về nội Xa-ma- tha giữ lấy tướng như vầy: Nghĩa là ta nay, tư duy về điều gì, vì sao tư duy, khiến tâm thọ nhận Xa-ma-tha bị các thứ hôn trầm, thấp kém của thân tâm vốn do Xa-ma-tha đối trị, làm não loạn. Lại, ta nay tư duy về nơi chốn nào, vì sao tư duy, khiến tâm được Xa-ma-tha thâu nhận không bị các pháp kia làm não loạn.

Nếu các Bí-sô không giữ lấy tướng mạo của tự tâm như thế, chỉ tự nhận biết rõ tâm ấy bị tùy phiền não nhiễm ô rồi, liền đối với duyên bên ngoài nhận lấy tướng tịnh diệu, do đấy làm nhân, tuy có thể tạm thời trừ bỏ tùy hoặc hiện tại hiện tiền, nhưng nơi thời gian sau hoặc lại như trước, thâu

giữ tâm nơi nội tụ, trở lại bị tùy hoặc não loạn như thế, tức không được định tĩnh, như trước không giữ lấy tướng của tự tâm. Do nhân duyên ấy, nên bị tùy phiền não thường xuyên nhiễu, lại không thể đạt được nghĩa vui vẻ mong cầu, mà còn bị tổn não do sự ưu sầu kia. Trải qua thời gian dài không thể có được nội tâm dừng lặng, không thể đạt được việc trước tiên dựa vào Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na để có chánh niệm, chánh tri bậc nhất của thanh tịnh tăng thượng. Do không có được nội tâm dừng lặng, nên không thể đạt được hiện pháp lạc trụ của bốn tâm tăng thượng. Do không đạt được chánh niệm, chánh tri bậc nhất tăng thượng, nên không thể chứng đắc Niết-bàn cứu cánh an ổn vô thượng mà trước chưa chứng đắc.

Cùng với trên đây trái nhau, nên biết tức là phẩm Trắng, cho đến đạt được Niết-bàn cứu cánh an ổn vô thượng mà trước chưa đạt được.

Lại nữa, có các Bí-sô đối với các niệm trụ siêng năng tu tập đúng đắn, nhưng là phàm phu, hoặc có cảnh giới thắng diệu, khả ái đang hiện tiền, hoặc lại ở riêng biệt, đạt được các tướng trạng. Do mất niệm nên tưởng không như lý dùng làm chỗ dựa, đột nhiên phát khởi triền tham mãnh liệt. Chư vị đối với triền tham này, thâm tâm cảm thấy xấu hổ, chán bỏ, như tự thân rơi vào chốn ách nạn hết sức tệ hại, nên phát khởi mạnh mẽ tâm suy xét xa lìa. Do hành như vậy, nên đối với triền kia tâm được giải thoát. Đã được giải thoát rồi, tâm sanh hoan hỷ. Từ đấy trở về sau, dấy khởi sự chán lìa mãnh liệt, đạt được tưởng vô thường, liền ở nơi Thánh đế hiện quán như thật, dùng làm chỗ dựa, nương vào Niết-bàn.

Lại, tức hàng hữu học tác ý quan sát, ở nơi cảnh thắng diệu tư duy về tướng tịnh, do chưa đoạn trừ hoàn toàn tùy miên tham, nên triền tham đột nhiên sanh khởi, hiện tiền. Tức thì lại đối với triền ấy thấy rõ lỗi lầm tai họa, vì nhằm đoạn trừ chúng nên nhập định vô tướng, như thế có thể đoạn các pháp chưa đoạn trừ khác. Từ định khởi rồi, nhận biết rõ đúng như thật về tất cả các thứ đã đoạn, lãnh nhận hỷ lạc vi diệu của giải thoát. Quán thấy đúng như thật về bản thân, thành tựu sức mạnh của đại trí, nên gọi là mạnh mẽ, khiến sức của các loại ma-la suy kém.

Lại nữa, tu bốn niệm trụ dẫn đến công đức, nên biết có thể chiêu cảm quả cứu cánh tăng thượng tối thắng, nên gọi là có quả lớn. Nên biết có thể chiêu cảm thắng lợi an lạc tăng thượng tối thắng, nên gọi là có lợi lớn.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 98

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh.
Bồ Đề Phần Pháp: Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Tư

Đoạn 2:

Lại nữa, tụng nêu:

Sư tà trụ Tuyết Sơn
Siêng gắng hệ thuộc tịnh
Lần lượt Giới viên mãn
Tuệ thành tựu là sau.

Có các ngoại đạo, đối với chúng đệ tử tự lập làm thầy, chuyên cầu lợi dưỡng, chuyên cầu sự cung kính, chuyên cầu tự lợi. Gặp duyên hòa hợp, có tộc tánh tử muốn được xuất gia, vị thầy ngoại đạo nhân đấy nói với tộc tánh tử:

- Ông và ta, trước không có tất cả các thứ vật dụng nuôi sống thân mạng có thể cùng thọ dụng. Ông nên vì ta đi đến xứ khác, khen ngợi đức của ta, che giấu lỗi của ta. Ta cũng vì ông làm công việc như thế. Hai người chúng ta lần lượt cùng nương dựa, giúp đỡ lẫn nhau. Nên đối với các vị vua hoặc ngang bằng với vua, cho đến tất cả đại thương chủ, tất đạt được nhiều lợi dưỡng và sự cung kính.

Nếu các sư ngoại đạo nói lời như thế, gọi là chuyên tự lợi. Nhưng người đệ tử kia liền phát khởi lời đối kháng:

- Chớ nên tạo kiến ấy! Người giúp đỡ như vậy chưa gọi là tự giúp đỡ. Lỗi lầm khiến đi đến nẻo ác, nếu ngăn chặn lỗi lầm ấy mới gọi là tự giúp đỡ, do đó ông nên tự giúp đỡ như trước, tôi cũng sẽ tự làm riêng sự giúp đỡ khác. Tôi đã không thể giúp đỡ cho ông, nên ông cũng không cần phải giúp đỡ tôi.

Ở trong nghĩa này, nên biết người đệ tử là người nói lời như lý, là người thông tuệ, chú trọng về vị lai. Nên biết vị sư kia là người nói lời phi lý, là kẻ ngu si, trọng nơi hiện tại.

Lại có tạp nhiễm xúc não nơi kẻ khác, do tạp nhiễm nên không thể tự

giúp đỡ, nhân đấy não hại kẻ khác, nên không gọi là giúp đỡ họ.

Ở đây, như trước, do thân cận cùng với việc đoạn trừ các phiền não, gọi là sẽ tự giúp đỡ. Từ đấy về sau, do đoạn trừ làm nhân, không não hại kẻ khác, nên gọi là sẽ giúp đỡ kẻ khác.

Nên biết ở đây, không sân không hại là nghĩa không não hại. Không duyên mà khởi hai tâm lợi lạc, không duyên mà khởi hai tâm từ bi, nên biết như thế là nghĩa thương xót. Do thương xót nên không não hại kẻ khác. Do đó, nên biết tất cả thương xót cùng với pháp kia là trái nhau.

Lại nữa, nên biết Tuyết Sơn là dụ cho Pháp-Luật thuyết giảng về thiện của Phật. Ở đây lược có ba phần có thể đạt được:

1. Địa vô học.

2. Địa hữu học.

3. Địa phàm phu.

Loài khỉ vượn là dụ cho các tâm tương ưng với tác ý phi lý. Người săn bắn dụ cho ma. Nơi địa vô học cùng không thể hành. Đối với địa hữu học cho đến quả Bất hoàn, chỉ có tác ý phi lý tương ưng với tâm được dụ về khỉ vượn riêng một mình có thể đi đến. Người không săn bắn dụ cho nơi chốn có thể hành của ma. Đối với địa phàm phu, hai thứ cùng có thể hành.

Lại, các kẻ ngu nên quán cảnh khác, có thể ra khỏi cảnh khác, truy cầu cảnh khác, bị cảnh khác trói buộc, thế nên đối với cảnh không được giải thoát.

Lại nữa, do đối với chánh pháp lắng nghe, thọ trì, quan sát về nghĩa lý, pháp tùy pháp hành, như thứ lớp nên biết đã khuyến hóa, an lập bốn nghĩa.

Lại có ba pháp, hãy còn có thể đoạn trừ tất cả triền tham, dâm dục nổi bật khác, huống hồ là các triền tham dục thấp kém. Những gì là ba pháp? Đó là:

1. Lực tinh tấn.

2. Lực không phóng dật.

3. Lực đối trị.

Do lực tinh tấn nên các triền kia đã sanh khiến chúng không trụ vững. Do hai lực còn lại, nên các triền kia chưa sanh khiến chúng không được sanh. Như thế, hành giả siêng tu hành chánh, vì nhằm đoạn trừ pháp ác đã sanh, cùng chưa sanh khiến không sanh.

Lại nữa, đối với bốn niệm trụ tu tập cẩn trọng, như nơi địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Hệ thuộc ma: Nghĩa là tại cõi Dục, quả Bất hoàn này tức có thể vượt qua.

Hệ thuộc sự chết: Nghĩa là từ cõi Dục cho đến cõi Hữu đảnh, ở đây A-la-hán mới có thể vượt khỏi.

Nói các hữu tình không thanh tịnh: Nghĩa là các phàm phu. Nói thanh tịnh: Là các hàng hữu học.

Nói tươi trắng: Là các bậc vô học.

Lại có ba thứ chứng tịnh: Người chưa thanh tịnh có thể khiến thanh tịnh. Đã thanh tịnh rồi có thể khiến cho tươi trắng. Nên biết ở đây, trên các hàng hữu học, gọi là thanh tịnh. Dưới các hàng hữu học, gọi là không thanh tịnh, các vị này do tu đạo chưa thanh tịnh. Phần còn lại, như trước đã nói.

Lại nữa, tu bốn niệm trụ, nên biết lược có năm thứ lần lượt:

1. Lực tăng thượng của tín nơi sự xuất gia thanh tịnh.

2. Giới luật nghi.

3. Căn luật nghi.

4. Vui thích xa lìa.

5. Các cái thanh tịnh.

Các người tại gia, tuy lại thường xuyên tu các niệm trụ, đạt được tịnh tín, các cái thanh tịnh, nhưng thiếu học xứ, nên biết sự tu tập không được viên mãn.

Lại nữa, do ba nhân duyên, các Bí sô đầy đủ Giới, nên biết tịnh mạng của giới cấm viên mãn. Những gì là ba? Đó là:

1. Đối tượng hành trì viên mãn.

2. Thâu giữ viên mãn.

3. Thọ dụng viên mãn.

- Đối tượng hành trì viên mãn: Nghĩa là các sự việc từ mua bán, cho đến trói buộc, làm hại, chém giết, đánh đập, hành hạ v.v… thảy đều xa lìa.

- Thâu giữ viên mãn: Nghĩa là đối với công việc thâu giữ voi ngựa v.v…, cho đến công việc thâu giữ lúa thóc v.v… thảy đều xa lìa.

- Thọ dụng viên mãn: Nghĩa là y phục vừa đủ che thân, ăn uống vừa đủ no bụng nên sanh biết đủ. Đối với các vật lớn lao khác, ăn uống phi thời v.v… thảy đều xa lìa.

Lại nữa, bốn pháp như thân v.v… như bốn đường đi lớn. Đối với các pháp kia sanh khởi tác ý phi lý, như cầu nguyện tà vạy để có được lúa gạo, các thứ hoa màu. Đối với các pháp kia sanh khởi tác ý như lý, như cầu

nguyện chân chánh để có được lúa gạo, hoa màu. Nên biết cõi Dục là địa bất định, giống như là da. Cõi Sắc, cõi Vô sắc cùng là địa định, giống như là thịt. Vô minh như máu. Ở trong ba cõi, do ba thứ lậu nên có nghĩa lậu ngâm thấm.

Lại nữa, như trước đã nói, hiện có vô số pháp ác, bất thiện như tham v.v…, do hai nhân duyên, nếu hình thành thì không thể tu tập bốn thứ niệm trụ, không phải là tất cả đều hình thành hết. Hai nhân duyên là:

1. Có triền tham v.v… hiện tiền.

2. Đối với triền ấy không thấy lỗi lầm.

Triền hiện tiền khiến tâm bị tạp nhiễm, không thể tu tập, tuy tạm xa lìa nhưng tánh luôn nhiễm vướng, không phải là không luyến tiếc. Nên đối với các pháp có thể tùy thuận tham v.v…, tâm bị tán động, luôn theo đuổi, chìm nổi. Vô số tầm tư thường theo đấy để nhiễu loạn, do đó không thể tu tập niệm trụ. Nếu không như thế, thì các hữu tình tánh không nhiễm chấp sâu xa. Nếu như vậy thì không thừa nhận là có thể tu tập bốn niệm trụ.

Lại nữa, tụng nêu:

Dũng lực tu đẳng trì
Môn khác, thần túc sau.

Nên biết kiến lập bốn thứ chánh đoạn, như nơi địa Thanh văn đã phân biệt rộng. Ở đây, nêu rõ về dũng là trường hợp thứ năm.

Thế nào là dũng? Nghĩa là như trước đã nói, có thể gắng nhẫn thọ, phát khởi siêng năng tinh tấn, đối với các khổ đã sanh, các khổ của lậu ngâm thấm, các khổ do Giới không bình đẳng, các khổ sanh ra do kẻ khác nói lời thô ác, não hại. Không phải do nhân duyên ấy khiến thối chuyển, xả bỏ việc tu tập gia hạnh chánh đoạn, nên gọi là dũng.

Lại nữa, nên biết kiến lập bốn thứ thần túc, như nơi địa Thanh văn đã phân biệt rộng. Nếu lược nói, do bốn thứ lực giữ vững tâm khiến định, thế nên kiến lập bốn thứ thần túc. Những gì là bốn? Đó là:

1. Lực của ý lạc tịnh.

2. Lực của sự việc siêng năng.

3. Lực của tâm hỷ lạc.

4. Lực của chánh trí.

Nên biết ở đây, do lực thứ nhất, nên đối với Tam-ma-địa phát sanh vui thích mong muốn, vì nhằm chứng đắc nên tu tập sự việc siêng năng. Do lực thứ hai, nên tâm của trụ đầu tiên khiến được an định. Do lực thứ ba, nên tâm đã trụ định không còn tán động nữa, không khiến đối với bên ngoài lại

bị lưu chuyển, trôi nổi. Do lực thứ tư, nên quan sát đẳng trì, đối trị phiền não. Nơi pháp đã đoạn, chưa đoạn đều nhận biết rõ đúng như thật.

Lại, đối với tướng xuất, nhập, trụ của đẳng trì, có thể khéo phân biệt, nhận rõ. Như thế, lại đối với các tướng hiện có của Xa-ma-tha, hoặc các tùy phiền não của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, cùng tùy phiền não có thể đối trị v.v…, đều nhận biết rõ đúng như thật.

Người vui thích đẳng trì, ở trong đẳng trì, chỉ có từng ấy đẳng trì được thực hành, trừ chúng ra thì không có gì vượt hơn hoặc tăng thêm.

Lại nữa, do năm nhân duyên, nên biết tướng tu tập tóm lược của thần túc:

1. Do xa lìa tùy phiền não của phẩm Xa-ma-tha.

2. Do xa lìa tùy phiền não của phẩm Tỳ-bát-xá-na.

3. Đối với cảnh giới nơi đối tượng duyên của phẩm Tỳ-bát-xá-na nên buộc giữ tâm.

4. Đối với cảnh giới nơi đối tượng duyên của phẩm Xa-ma-tha nên buộc giữ tâm.

5. Cùng đối với cảnh giới nơi đối tượng duyên của hai phẩm đều nên buộc giữ tâm.

Ở đây nên biết, tùy phiền não của phẩm Xa-ma-tha: Là biếng trễ cùng hành với dục, và hôn trầm, thùy miên cùng hành với dục. Nên biết biếng trễ cùng hành với dục là tánh được nương dựa của hôn trầm, thùy miên cùng hành với dục.

Tùy phiền não của phẩm Tỳ-bát-xá-na: Là trạo cử cùng hành với dục và dục diệu bị tán động cùng hành với dục. Nên biết trạo cử cùng hành với dục là tánh được nương dựa của dục diệu bị tán động cùng hành với dục.

Lại, ở trong ấy, do biếng trễ cùng hành với dục, nên đối với phẩm Xa-ma-tha khiến trụ nơi tạp nhiễm, nhưng không thể khiến các Xa-ma- tha thảy đều diệt mất.

Do hôn trầm, thùy miên cùng hành với dục, nên đối với phẩm Xa-ma-tha khiến trụ nơi tạp nhiễm, cũng lại có thể khiến các Xa-ma-tha thảy đều diệt mất.

Do trạo cử cùng hành với dục, nên đối với phẩm Tỳ-bát-xá-na khiến trụ nơi tạp nhiễm, nhưng không thể khiến cho tất cả Tỳ-bát-xá- na đều diệt mất. Dục diệu bị tán động cùng hành với dục, đối với phẩm

Tỳ-bát-xá-na khiến trụ nơi tạp nhiễm, cũng khiến cho tất cả Tỳ-bát-xá- na thảy đều bị diệt mất.

Cảnh nơi đối tượng duyên của phẩm Tỳ-bát-xá-na: Tức là tưởng trước sau. Phân biệt về tưởng này, như nơi địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Cảnh nơi đối tượng duyên của phẩm Xa-ma-tha: Là tưởng trên dưới. Đây cũng như trước, nên biết về tướng.

Cảnh nơi đối tượng duyên của cùng hai phẩm: Nghĩa là tưởng ánh sáng. Tưởng ấy, đối với cả hai phẩm do dao động nên có các bóng sáng cùng hành nơi tâm tu.

Lại, không phải như dục v.v… cùng với biếng trễ khác tương ưng, gọi là biếng trễ cùng hành. Tinh tấn cũng thế, có được nghĩa cùng tương ưng với biếng trễ, nhưng tức tinh tấn rơi vào chỗ chậm chạp, không phát khởi đúng đắn sự siêng năng, tinh tấn tương tục, nên gọi là biếng trễ cùng hành.

Lại, năm tướng ấy nên biết là gồm thâu chung tất cả loại tu tập. Người vui thích đẳng trì, do đẳng trì này, nên chóng được thành tựu viên mãn.

Lại nữa, đối với năm xứ giải thoát, như chỗ ứng hợp, nên biết bốn thứ Tam-ma-địa tăng thượng như dục v.v… Nếu có Bí sô, dựa nơi ý lạc thanh tịnh cùng dục mạnh mẽ, vì nhằm chứng đắc thông huệ tối thắng, nên theo các Như Lai cùng đệ tử của Phật, cung kính tôn trọng, lắng nghe chánh pháp. Từ chỗ nghe liên tục, lần lượt chứng đắc Tam-ma-địa thù thắng. Nên biết đó gọi là Tam-ma-địa dục tăng thượng.

Lại có Bí sô, như nơi pháp được nghe, như nơi pháp đã chứng đắc, phát khởi công dụng lớn, phát khởi tinh tấn lớn, hoặc chính là vì kẻ khác nên tuyên thuyết khai thị. Hoặc dùng âm thanh ngôn từ thắng diệu để đọc tụng. Từ nhân duyên thứ lớp không gián đoạn ấy, nên có thể tùy thuận đạt được Tam-ma-địa thù thắng. Nên biết đó gọi là Tam-ma-địa Tinh tấn tăng thượng.

Lại có Bí-sô, đối với các tướng của Tam-ma-địa Hiền thiện đã khéo giữ lấy, tư duy quán xét từ tướng bầm xanh v.v… cho đến vòng xích xương, dùng làm biên vực. Do đối tượng duyên ấy, nên lần lượt sanh khởi Tam-ma-địa thù thắng. Nên biết đó gọi là Tam-ma-địa Tâm tăng thượng.

Lại có Bí-sô, như pháp đã được lãnh hội, như pháp đã được chứng đắc, ở riêng nơi chốn vắng lặng, tư duy, lường tính, quan sát xét kỹ. Do nhân duyên ấy, nên lần lượt sanh khởi Tam-ma-địa thù thắng. Nên biết đó gọi là Tam-ma-địa Quán tăng thượng.

Lại có sai biệt: Nghĩa là do bốn môn nên khởi Tam-ma-địa:

1. Do môn như trước đã nói, từ kẻ khác, phát khởi vui thích mong

muốn mãnh liệt được nghe chánh pháp.

2. Do môn từ kẻ khác đạt được sự chỉ dạy trao truyền khuyên bảo thuận hợp, liên tục cẩn trọng, phát khởi gia hạnh, chưa nhập Tam-ma- địa thù thắng căn bản, vì nhằm hướng nhập, nên chỉ dạy trao truyền đúng đắn.

3. Do môn Tâm hỷ lạc đã nhập Tam-ma-địa thù thắng căn bản, vì nhằm chuyển đắc phần vị trên còn lại nơi Tam-ma-địa thù thắng.

4. Do môn Quán đa văn, văn trì, tự có thể đối với pháp quan sát bình đẳng như lý.

Nên biết ở đây, do môn thứ nhất nên khởi Tam-ma-địa Dục tăng thượng. Do môn thứ hai nên khởi Tam-ma-địa Tinh tấn tăng thượng. Do môn thứ ba nên khởi Tam-ma-địa Tâm tăng thượng. Do môn thứ tư nên khởi Tam-ma-địa Quán tăng thượng.

Phần phân biệt nghĩa cùng phân biệt hành đoạn còn lại, như nơi địa Thanh văn đã nêu, nên biết về tướng.

Lại nữa, tu các thần túc dùng làm chỗ dựa, có thể dẫn phát đúng đắn các Thánh thần thông. Không có ngoại đạo tu các thần túc, có thể dẫn phát đúng đắn các Thánh thần thông.

Lại, các Thánh giả dẫn phát thần thông tối thắng hiện có, theo chỗ nguyện lạc, kéo dài các hành của thọ mạng, hoặc trụ một kiếp hoặc trụ hơn một kiếp. Nghĩa là hữu tình chủng tánh bất tịnh là vượt quá một kiếp, gọi là "vật loại". Nên biết loại này chỉ trụ nơi nội pháp.

Lại, các Thánh giả với thần thông biến hóa, đối với bốn sự không thể biến hóa:

1. Căn.

2. Tâm.

3. Tâm sở hữu pháp.

4. Nghiệp cùng dị thục của nghiệp.

Lại, thần thông tánh biến của các Thánh giả không thể chuyển biến thuận theo nghiệp của lạc thọ, khiến tự tánh cải đổi thành thuận theo khổ thọ. Như thuận theo lạc thọ đối chiếu với thuận theo khổ thọ, thì thuận theo nghiệp của khổ thọ đối chiếu với thuận theo lạc thọ, nên biết cũng thế. Hoặc nghiệp có thể thuận theo phi khổ lạc thọ, nên biết rốt ráo là thuận theo phi khổ lạc.

Lại, thần thông trụ giữ của các Thánh giả, không thể trụ giữ thuận theo nghiệp của phi khổ lạc thọ khiến thành không thọ. Phần còn lại cũng như thế.

Lại, thần thông biến thời của các Thánh giả, không thể chuyển biến, thuận theo nghiệp thọ nhận của hiện pháp khiến thành thuận theo nghiệp thọ nhận của hậu pháp, cùng thuận theo nghiệp thọ nhận của hậu pháp, khiến thành thuận theo nghiệp thọ nhận của hiện pháp.

Lại nữa, tụng nêu:

An lập cảnh được hành
Huệ căn là tối thắng
Nên biết sau an trụ
Ngoài là phẩm phàm phu.

Lược do nghĩa tăng thượng của sáu xứ, nên biết đã kiến lập hai mươi hai căn. Những già là sáu xứ? Đó là:

1. Nghĩa tăng thượng của cảnh giới có thể giữ lấy.

2. Nghĩa tăng thượng của việc kế thừa gia tộc.

3. Nghĩa tăng thượng của sĩ dụng gia hạnh thuộc sự nghiệp đều riêng biệt của nhân duyên sinh sống.

4. Nghĩa tăng thượng của việc thọ dụng theo các nghiệp nơi đời trước đã tạo nên quả ái, không ái, cùng tạo nghiệp mới.

5. Nghĩa tăng thượng của việc hướng tới nẻo lìa dục thế gian.

6. Nghĩa tăng thượng của việc hướng tới nẻo lìa dục xuất thế gian.

Nên biết ở đây, nhãn căn là đầu tiên, ý căn là sau, sáu căn như thế, đối với cảnh giới được giữ lấy, có nghĩa tăng thượng. Hai căn nam nữ, đối với việc con cháu có thể kế thừa gia tộc, có nghĩa tăng thượng. Một loại mạng căn của sĩ dụng gia hạnh thuộc sự nghiệp đều riêng biệt của nhân duyên sinh sống đới với người yêu mến thọ mạng, có nghĩa tăng thượng. Lạc là đứng đầu, xả là sau, năm căn như thế đối với sự thọ dụng theo các nghiệp nơi đời trước đã tạo nên quả ái không ái, cùng tạo nghiệp mới, có nghĩa tăng thượng. Tín là đứng đầu, huệ là sau, năm căn như thế, đối với việc có thể hướng tới nẻo lìa dục thế gian, có nghĩa tăng thượng. Ba căn vô lậu: vị tri tương tri, dĩ tri, cụ tri, đối với việc có thể hướng tới nẻo lìa dục xuất thế gian rốt ráo tột cùng, có nghĩa tăng thượng.

Tất cả nghĩa đã hiện thấy nơi thế gian, chỉ ở nơi số lượng ấy, nên biết là nghĩa có thể đạt đến cứu cánh không ra ngoài hai mươi hai căn này, nên hai mươi hai căn gồm thâu tất cả căn.

Lại nữa, hoặc có một loại hữu tình, khởi tư duy như vầy: Nếu không có nội ngã dựa vào sáu căn môn, hành sáu cảnh giới, sáu căn như thế, đối

tượng hành đều riêng, cảnh giới đều khác. Nhưng sáu căn này, chỉ có thể nhận lãnh cảnh nơi đối tượng hành của chính mình. Vậy cái gì có thể lãnh nhận tánh của cảnh nơi đối tượng hành của sáu căn như thế?

Nên biết đây là do không thể thấu đạt đạo lý duyên khởi, nên đối với các hành khởi phân biệt sai lạc. Lý duyên khởi: Nghĩa là như có lúc sư du già tu tập, đối với sáu căn bên trong duyên dựa như lý, tinh tấn gia hạnh, tu bốn niệm trụ, tức bấy giờ, bốn niệm trụ này lãnh nhận tánh của cảnh nơi đối tượng hành của sáu căn. Tức ở đây, đối với vị kia, do thanh tịnh, nên gọi là xuất ly.

Lại, tức siêng tu bốn niệm trụ, nên đầu tiên thấu đạt đế lý, đắc bảy giác chi, tức nơi lúc ấy, các giác chi này là chân, là thật, nên lãnh nhận tánh của cảnh nơi đối tượng hành của niệm trụ.

Lại do nhân duyên tu tập giác chỉ khởi nơi "minh thoát", tức bấy giờ, minh thoát như thế, lãnh nhận giác chi đã khéo tu tập. Từ đấy trở về sau, lại không cần tu tánh của cảnh nơi đối tượng hành. Vì như thật là đã đoạn trừ tất cả phiền não. Tức nơi lúc này, đối với Niết-bàn đã đoạn dứt các phiền não, lìa tăng thượng mạn, do xa lìa tăng thượng mạn, nên minh thoát cứu cánh hiện thật có này lãnh nhận như thật, đã được tánh của cảnh nơi đối tượng hành của minh thoát. Do xuất ly tất cả pháp hữu vi hiện có ấy, nên biết minh thoát cũng được xuất ly. Ở trong Niết-bàn, chủ thể nhận lấy, đối tượng được nhận lấy, hai thứ được thiết lập đều không thật có, hết thảy lý luận đã vĩnh viễn diệt lìa. Do đó, cho đến các pháp hữu vi có thể lần lượt được hỏi đáp, thiết lập chủ thể nhận lấy, đối tượng được nhận lấy nơi ngôn luận có sai biệt, trong pháp vô vi của Niết-bàn cứu cánh, tất cả hỏi đáp nơi ngôn luận có sai biệt đều không như lý. Vì vậy nên biết ở trong vô ngã, nên hiển thị đúng đắn là chỉ có tạp nhiễm, chỉ có thanh tịnh.

Lại nữa, hoặc có sĩ phu, hữu tình thuộc chủng loại trí huệ, các căn mạnh mẽ, do sức xét chọn, tác ý như lý, tư duy về các pháp, nên đối với Niết-bàn đạt được sự tin hiểu chân chánh. Do sự tăng thượng ấy nên phát khởi siêng năng tinh tấn, có thể ở nơi cảnh giới của đối tượng duyên như thân v.v… an trụ nơi chánh niệm. Do sự tăng thượng này, nên có thể ở nơi đối tượng duyên khiến tâm một nẻo. Đối với tất cả pháp nhận biết rõ đúng như thật, quán thấy đúng như thật. Do nhân duyên ấy nên có thể đạt đến cứu cánh. Do đó, huệ ấy, hoặc đầu hoặc sau đều có nhiều đối tượng tạo tác, nên nới huệ căn là hết sức thù thắng.

Lại nữa, hoặc nương nơi Bồ đề Vô thượng của chư Phật, đạt được chánh tín cho đến chánh huệ, đối với thế gian này cũng không có, nên biết

trụ này là phẩm phàm phu ngoại. Tức đối với pháp ấy chỉ có thế gian, không có xuất thế, nên biết trụ ấy là phẩm phàm phu nội, không phải là phàm phu ngoại. Nếu đối với pháp ấy có xuất thế, nên biết tất cả là trụ riêng. Phẩm còn lại không phải là loại của phẩm kia.

Lại nữa, tụng nêu:

Xét chọn về giác huệ
Cõi nước cùng các vua
A-la-hán, hữu học
Chất trực là sau cùng.

Lược nêu ở trong các hành ác của tất cả hiện pháp, hậu pháp, đã thấy rõ lỗi lầm rồi, có thể xét chọn đúng đắn, dứt trừ các hành ác, tu các hành thiện, gọi là lực xét chọn. Nên biết lực này có thể thành tựu hai sự:

1. Có thể đi đến nẻo thiện của Người, Trời.

2. Có thể đi đến Niết-bàn của hiện pháp.

Lại, ở đây có thể cùng với lực tu tập gồm thâu, tu các niệm trụ làm chỗ nương dựa. Do đấy làm nương dựa, nên có thể tu tập đúng đắn các pháp Bồ đề phần như bốn niệm trụ. Nên biết sự tu tập ấy gọi là lực tu tập.

Lại, lực xét chọn có thể cùng với ba xứ xấu hổ làm bạn. Những gì gọi là ba xứ xấu hổ? Đó là:

1. Xứ xấu hổ của kẻ khác: Nghĩa là khởi suy nghĩ: Nếu ta làm ác, sẽ bị những người nơi thế gian có tha tâm trí là chư Phật Thế Tôn, hoặc các Thánh đệ tử, hoặc các Thiên chúng tin kính Phật giáo, cùng quở trách, lìa bỏ. Đó gọi là lực xét chọn của xứ thứ nhất.

2. Xứ xấu hổ của chính mình: Tức là khởi tư duy: Nếu ta làm ác, nhất định sẽ bị sự quở trách, chê bai sâu xa đối với bản thân! Đâu có người thiện nào làm theo hành ác ấy? Đó gọi là lực xét chọn của xứ thứ hai.

3. Xứ xấu hổ của pháp: Nghĩa là khởi tư duy: Ta nếu làm ác liền bị chướng ngại. Ở trong Pháp-Luật thuyết giảng thiện đã tu phạm hạnh, pháp ấy nếu có liền hủy hoại phạm hạnh. Đó gọi là lực xét chọn của xứ thứ ba.

Như thế, về xấu hổ, nên biết ba xứ dùng làm tăng thượng:

1. Tăng thượng của đời.

2. Tăng thượng của chính mình.

3. Tăng thượng của pháp.

Lại nữa, do hành tự lợi cùng hành lợi tha làm tăng thượng, nên biết đã kiến lập có bốn thứ lực:

1. Lực giác huệ.

2. Lực tinh tấn.

3. Lực không tội.

4. Lực thâu nhận.

Có thể dẫn đến Niết-bàn của hiện pháp gọi là tự nghĩa. Có thể đi đến nẻo thiện Trời, Người, cũng gọi là tự nghĩa. Nên biết ở đây dựa vào tự nghĩa thứ nhất để kiến lập hai lực giác huệ và tinh tấn. Do hai lực này nên có thể có phương tiện để phát khởi chánh cần. Dựa vào tự nghĩa thứ hai để lập lực không tội. Do ba lực ấy nên tất cả tự nghĩa đều đạt cứu cánh. Tha nghĩa của người vui thích lợi tha, do sự tăng thượng còn lại ấy nên lập lực thâu nhận. Nên biết "nhiếp sự" như nơi địa Bồ tát đã biện biệt về tướng.

Lại nữa, dựa nơi cõi nước và vua, hoặc nam hoặc nữ, hoặc chồng hoặc vợ, hoặc ngu hoặc trí, hoặc là tại gia, hoặc chúng xuất gia, nên biết đã kiến lập có mười thứ lực. Nghĩa là các quốc vương có lực tự tại, các lực như thế nói rộng như nơi kinh.

Lại nữa, các A-la-hán thành tựu tám lực, lãnh nhận đúng như thật, các thứ Tham-sân-si đều vĩnh viễn đoạn dứt rốt ráo, không tạo các ác, tu tập các thiện. Nghĩa là tâm hướng đến nẻo xa lìa, xuất ly, Bát Niết- bàn, chán bỏ hữu sau, chán bỏ nhân duyên, không tạo nghiệp ác. Lại thấy các dục cũng như một phần lửa than đỏ rực, nên chán bỏ các dục, chán bỏ nhân duyên, không tạo nghiệp ác. Lại do sáu môn để tu tập các thiện: niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn lực, giác chi, đạo chi.

Lại nữa, chư Phật, Như Lai, dựa nơi hành tự lợi cùng hành lợi tha, vì muốn hiển bày mình cùng với các đệ tử có sai biệt, nên nói như vầy: Các hàng hữu học thành tựu năm lực, chỉ có Như Lai thành tựu mười lực. Nếu có các Thánh đệ tử hành theo hành tự lợi, thành tựu năm lực của bậc hữu học, đạt được quả A-la-hán tối thượng. Từ đấy liên tục, hết thảy tự nghĩa đều đạt hoàn toàn rốt ráo.

Như Lai đạt được A-la-hán rồi, thành tựu mười lực, hành theo hành lợi tha, tức dùng lợi tha làm tự nghĩa, nếu như vào lúc ấy, tất cả mọi sự việc giáo hóa đều trọn vẹn, nhập Giới Bát Niết-bàn Vô dư y, nên biết bấy giờ, đối với sự việc đã tạo tác mới được viên mãn.

Nếu A-la-hán đã tu tập, hành trì, hoặc vì lợi tha tức là tự nghĩa, hai nhân duyên ấy đối với các đệ tử đều là thù thắng. Mười lực của Như Lai như nơi địa Bồ tát đã phân biệt rộng.

Lại nữa, nếu có hữu tình tánh ngay thẳng, tự yêu mến, không dua nịnh, không dối trá, vì chứng tự nghĩa có bốn thứ tướng. Nếu dựa vào Pháp-Luật thuyết ác liền có trở ngại, nên dựa vào Pháp-Luật thuyết giảng thiện

mới không bị trở ngại. Những gì là bốn thứ tướng? Đó là:

1. Thuyết nêu giáo pháp của chánh pháp.

2. Chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền.

3. Thông tỏ như lý.

4. Chứng đắc chân thật.

Chánh pháp được nghe là nơi chốn nương dựa của các thắng giải, do có thể xa lìa không nhân, nhân ác, khai thị nghĩa của nhân chánh hợp lý. Những sự chỉ dạy, trao truyền, khuyên bảo thuận hợp, khéo có thể tùy thuận nơi pháp không điên đảo thuộc về văn nghĩa quyết đoán gia hạnh giáo hóa. Có thể khiến chứng đắc pháp là nơi chốn nương dựa của thắng giải như trước.

Hoặc có các thiện nam, tự yêu mến, đã được điều phục, nối tiếp, có thể gắng nhận, đến nhập trong Pháp-Luật nội giáo, được tuyên thuyết đúng đắn, được khai ngộ đúng đắn, nên có thể mau chóng hướng đến nẻo thắng tiến. Thông tỏ như lý chỗ nên thông tỏ. Cũng có thể chứng thật pháp nên chứng thật, nghĩa là bốn niệm trụ dùng làm chỗ dựa. Đối với pháp hữu vi, các bậc thông huệ cùng cho là có, hoặc cho là không, đều nhận biết rõ, đúng. Đối với pháp vô vi, cho đến cõi Hữu đảnh đều là hữu thượng, có thể nhận biết rõ đúng đó là hữu thượng. Niết-bàn vô thượng đều nhận biết rõ đúng như thật đó là vô thượng. Như thế gọi là thông tỏ như lý.

Lại, bốn niệm trụ dùng làm nơi nương dựa, do tâm định tĩnh, nên đối với bảy giác chi tu tập đúng đắn rồi, đối với minh giải thoát tác chứng rốt ráo. Như thế gọi là chứng đắc chân thật.

Hoặc các thiện nam tự yêu mến kia, hướng nhập nơi Pháp-Luật thuyết ác thì đối với bốn xứ đều không thể đạt được, gọi là trở ngại.

Lại nữa, tụng nêu:

Lập sai biệt Thực thứ lớp
An lạc trụ Tu ở sau.

Do hai phẩm Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na cùng có sai biệt, nên kiến lập giác chi, như nơi địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Lại nữa, tự tánh sai biệt, đối tượng duyên, nhân duyên cùng sai biệt nên biết bảy giác chi có mười bốn thứ sai biệt.

Đối tượng duyên, nhân duyên, cùng phân biệt rộng về nghĩa, như nơi địa Tam-ma-hí-đa cùng địa Thanh văn đã nêu, nên biết về tướng.

Lại nữa, ở trong pháp có thể tùy thuận giác chi, lược có hai thứ tác ý không điên đảo, nên biết cùng chung với giác chi làm thứ ăn. Những gì là

hai thứ tác ý? Đó là:

1. Tác ý đúng đắn.

2. Tác ý thường xuyên.

Cùng với đấy trái nhau, nên biết không phải là thức ăn.

Lại nữa, đối với đầu, giữa, sau, theo đấy thiếu một chi, khiến cho sự nhận biết đúng như thật không được viên mãn.

Như nơi sắc loại, chủ thể nương dựa, đối tượng được nương dựa đã lưu chuyển, an lập, theo đấy sanh khởi, lần lượt mà nói. Nên biết ở đây, niệm là đối tượng nương dựa, trạch pháp là chủ thể nương dựa. Phần còn lại theo chỗ ứng hợp nên biết cũng thế.

Lại nữa, như có Bí sô, đối với các giác chi, theo phương tiện tu tập, do bốn nhân duyên, khiến Bí sô kia không được an ổn mà trụ. Bốn thứ nhân duyên là:

1. Phẩm loại thô trọng của tất cả phiền não chưa lìa bỏ.

2. Các tùy phiền não của phẩm Xa-ma-tha còn hiện tiền.

3. Các tùy phiền não của phẩm Tỳ-bát-xá-na còn hiện tiền.

4. Đường sá chưa sửa sang cho tốt mà xe đã đóng ngựa đầy đủ.

Cùng trái nhau với bốn nhân duyên ấy, tức khiến cho Bí sô kia đạt được an trụ. Ở đây, hai loại Bí sô thiện xảo đều thấu đạt như thật, chánh tri mà trụ.

Do các tác ý có gia hạnh, nên tinh tấn thái quá. Lại, sau do trước có tăng giảm, nên vận hành không đều. Do hai duyên ấy, nên biết gọi là đường đi chưa sửa sang cho tốt. Cùng với đấy trái nhau, gọi là đường đi đã được sửa sang tốt đẹp.

Như Chuyển luân vương, đối với bốn châu, bãi, đạt tự tự lớn, có được bảy giác chi báu chân tịnh, nên biết cũng thế. Nghĩa là nơi hai phẩm Chỉ, Quán cùng vận hành, hàng phục tất cả phiền não oán đối, do nghĩa ấy, nên giác chi thứ nhất là niệm cũng như xe báu. Cảnh tướng nơi đối tượng được nhận biết về lượng là vô biên. Chủ thể nhận biết là trí thể cũng theo đấy mà rộng lớn. Do nghĩa ấy, nên giác chi trạch pháp cũng như voi báu. Dựa vào đấy, mau chóng có thể cho đến đi tới nơi chốn hành hóa, chứng đắc dị biệt thù thắng. Do nghĩa ấy, nên giác chi tinh tấn cũng như ngựa báu. Vừa ý, không tội, là hết sức thù thắng. Do ý nghĩa ấy, nên giác chi hỷ cũng như nữ báu. Thân tâm sáng rõ tường tận có thể gắng nhận, do ý nghĩa ấy, nên giác chi khinh an cũng như thần ngọc báu. Có thể thực hiện hết thảy sự việc vui

cầu, do ý nghĩa ấy nên giác chi định như quan giữ kho báu. Có thể diệt trừ tất cả quân của pháp nhiễm ô, có thể thống lãnh tất cả quân của pháp thanh tịnh, có thể hướng đến trụ xứ an ổn vô tướng. Do ý nghĩa nên giác chi xả như tướng quân báu.

Lại nữa, các người tu hành, đạt được bảy giác chi, ví như đại vương có chiếc rương chứa y phục đẹp đẽ, ba thời thọ dụng, ba phần an trụ. Bảy giác chi kia nên biết cũng thế.

- Nói ba thời: Là thời phần đầu ngày, thời phần giữa ngày và thời phần cuối ngày.

- Nói ba phần: Là phẩm Xa-ma-tha, phẩm Tỳ-bát-xá-na cùng cả hai phẩm ấy. Ở trong phần đầu, trụ nơi bốn giác chi. Trong phần thứ hai, trụ nơi bốn giác chi. Trong phần thứ ba, an trụ đầy đủ nơi bảy giác chi. Các người tu hành chưa từng an trụ chỉ một giác chi, nơi bảy giác chi, đối với các ngoại đạo không oán ghét, không ganh chống, luôn mang ý lạc tạo lợi ích chuyển đổi, lìa mọi trói buộc của tất cả phiền não, gọi là không oán, không địch, không hại, không có tai họa. Nếu người tu hành, nơi bảy giác phần tùy thời hiện tiền, theo lượng hiện tiền, được gọi là trụ. Nếu thời thối xuất, gọi là diệt. Nơi tất cả pháp ấy đều nhận biết rõ đúng như thật. Hành giả do chánh tri, trụ như thế, gọi là trụ tội, không có ái vị, tâm lìa vị nhiễm.

Lại nữa, hai mươi mốt thứ tưởng cùng hành, tu các giác chi, nên biết lược do hai nhân duyên:

1. Căn cứ nơi nghĩa tương ưng cùng hành.

2. Căn cứ nơi nghĩa vô gián cùng hành.

Các tưởng như vô thường cùng hành tu tập, cho đến tưởng chết cùng hành tu tập: Là căn cứ nơi nghĩa tương ưng.

Tưởng bất tịnh v.v… cùng hành tu tập, cho đến tưởng quán không cùng hành tu tập: Là căn cứ nơi nghĩa vô gián.

Bi v.v… cùng hành tu tập, nên biết cũng thế.

Lại, ở trong tất cả hành của quá khứ, hiện tại, vị lai, các hành ái nhiễm, hoặc biếng trễ, lười nhác, hoặc Tát-ca-da-kiến tuy đã đoạn dứt, nhưng tập khí tùy buộc ngã mạn vẫn hiện hành. Hoặc tham vị ái. Hoặc đối với vô số sự diệu của thế gian, tham ái dục lạc. Hoặc có các tùy miên, phiền não khác. Hoặc mong cầu lợi dưỡng. Hoặc mong cầu về đời sống. Hoặc các dục ái. Hoặc các hữu ái. Hoặc tùy theo phân biệt hư vọng dấy khởi bốn thứ dục tham:

1. Tham sắc đẹp.

2. Tham hình dáng.

3. Tham xúc chạm mịn màng.

4. Tham thừa sự.

Như thế có thể khiến sanh khởi các thứ lỗi lầm tai họa phi lý hiện có, cùng khiến cho tâm vượt khỏi phần vị mà chuyển. Đối trị chúng, theo chỗ ứng hợp, có hai mươi mốt tưởng cùng hành tu tập giác chi có sai biệt. Nghĩa là vì đối trị bốn thứ chướng nên tu tưởng hành vô nguyện, từ tưởng vô thường, cho đến tưởng tất cả thế gian không thể an vui.

Vì nhằm đối trị một thứ chướng, nên tu tưởng hành không, tưởng khổ, vô ngã. Vì nhằm đối diệt chướng của tùy miên, phiền não còn lại, nên tu tưởng hành vô tướng nơi ba cõi. Vì nhằm đối trị sự mong cầu lợi dưỡng cùng dục ái, nên ở trong các dục tu tưởng lỗi lầm tai họa. Vì nhằm đối trị sự mong cầu về đời sống cùng hữu ái, nên tu tập tưởng chết. Vì nhằm đối trị sự theo đuổi phân biệt hư vọng dấy khởi bốn thứ dục tham, nên tu tưởng bất tịnh là đầu, cho đến tưởng quán không là sau.

Lại, ở đây tất cả từ tưởng máu bầm xanh, cho đến tưởng quán không, nên biết đều thuộc về tưởng bất tịnh.

Lại, trong ấy, tưởng máu bầm xanh là đầu, tưởng sình trướng là sau, là đối trị tham sắc đẹp. Tưởng thây người chết bị các loài vật ăn nu- ốt, tưởng. Tưởng phân hủy hết sạch, tưởng phân tán, là đối trị tham về hình dáng. Tưởng về bộ xương khô, tưởng về các đốt xương liền nhau, là đối trị tham xúc chạm mịn màng. Tưởng quán không tâm thức, không có tử thi, là đối trị tham thừa sự.

Lại, ở trong đó tu từ, tột cùng là đến cõi Biến tịnh, như nơi địa Tam-ma-hý-đa đã nói, nên biết về tướng.

Lại nữa, tụng nêu:

Đầu lực trong ngoài
Thanh tịnh sai biệt
Dị môn Sa-môn
Bà-la-môn sau.

Trong tất cả lực, hoặc trong hoặc ngoài, vì nhằm sanh khởi tám chi Thánh đạo, có hai thứ lực, đối với các lực còn lại là hết sức thù thắng. Hai thứ lực là:

1. Đối với ngoại lực, lực của thiện tri thức là thù thắng hơn hết.

2. Ở trong nội lực, lực của chánh tư duy là thù thắng hơn hết.

Nên biết ở đây, lìa các chướng ngại, trước tu nghiệp phước, đối với

các thứ ăn uống, y phục v.v… không có thiếu thốn, gọi là ngoại lực khác. Trừ tưởng tương ưng với chánh tư duy, các chi phần đoạn trừ còn lại, gọi là nội lực khác.

Bên ngoài, thiện tri thức: Là từ nơi vị kia, nghe, lãnh hội chánh pháp. Do đấy nên nói: Nghe âm thanh từ kẻ khác.

Bên trong, chánh tư duy: Nghĩa là sự liên tục ấy có thể phát khởi chánh kiến, là đứng đầu nơi đạo.

Lại nữa, chánh kiến ấy, nếu ở nơi hàng hữu học, do vô lậu nên gọi là thanh tịnh. Nếu ở nơi bậc vô học, thanh tịnh tương tục, nên gọi là tươi trắng đẹp đẽ. Nếu ở thế gian, xa lìa vô lượng các hành tà ác thuận theo kiến chấp của ngoại đạo, do đấy gọi là không có chút bụi bặm. Xa lìa các vết bụi bặm đã dấy khởi các nghiệp tạp nhiễm của hữu sau, vì thế gọi là lìa tùy phiền não.

Lược nói về tất cả tám chi Thánh đạo, thuộc về hai xứ:

1. Thế gian.

2. Xuất thế gian.

- Về thế gian: Do ba lậu, bốn thủ trói buộc, nên không thể dứt hết khổ. Là tánh thiện, nên có thể đi đến nẻo thiện.

- Về xuất thế gian: Cùng với đấy trái nhau, nên có thể dứt hết các khổ.

Lại, tám chi Thánh đạo như Chánh kiến, phân biệt rộng về nghĩa,

như nơi địa Thanh văn cùng phần Nhiếp dị môn đã nói, nên biết về tướng. Bảy thứ nhân của định, đầy đủ như nơi địa Tam-ma-hý-đa đã nói.

Lại nữa, Chánh kiến đứng đầu nơi tám chi Thánh đạo, hợp chánh lý nên gọi là Pháp. Có thể diệt hết thảy các phiền não, nên gọi là Tỳ- nại-da. Cách các pháp ác là hết sức xa. Tất cả Thánh Hiền đều cùng noi theo đấy để tu tập, nên gọi là Thánh. Có thể tùy thuận đi đến các nẻo thiện, nên gọi là nẻo thiện. Hướng đến Niết-bàn nên gọi là nên tu. Các bậc có trí đều xưng tán nên gọi là lành thay!

Cùng với đấy trái nhau, nên biết tức là tà kiến đứng đầu tám chi tà đạo. Sai biệt hiện có gắn chặt với phẩm vô minh tối tăm, nên gọi là đen. Đi đến nẻo ác, nên gọi là vô nghĩa. Tánh bất thiện nên gọi là thấp kém. Sanh trong hiện pháp các thứ sợ hãi cùng oán ghét hiện có, nên gọi là có tội. Các bậc có trí đều chê trách xa lìa, nên gọi là nên xa lìa.

Lại nữa, các Sa-môn hiện có, dựa nơi Đệ nhất nghĩa, an lập tám chi Thánh đạo như thế, làm nghĩa Sa-môn, vì nghĩa ấy, nên ở trong

Pháp-Luật thuyết giảng thiện, giả gọi là xuất gia, thọ tánh Sa-môn. Lại, vì rốt ráo không hoại mất, nên gọi là Đệ nhất nghĩa.

Về giả danh, tức không như thế. Các hữu tình thành tựu tánh Sa- môn của Đệ nhất nghĩa, nên biết cũng gọi là Sa-môn thắng nghĩa.

Lại, chư vị kia truy cầu quả Sa-môn này, với nghĩa là các thứ Tham-sân-si đã đoạn trừ rốt ráo, do đó gọi đấy là nghĩa Sa-môn. Nghĩa Sa-môn này lại có hai loại:

1. Kiến lập tổng tướng không sai biệt.

2. Hoặc có tạo tác, hoặc không tạo tác.

Kiến lập hành hướng trụ quả có sai biệt, như thế là tất cả gồm có bốn loại:

1. Tánh Sa-môn.

2. Là Sa-môn.

3. Nghĩa Sa-môn.

4. Quả Sa-môn.

Có đạo lý sai biệt của Bà-la-môn, nên biết cũng thế. Lại nữa, tụng nêu:

Chướng tùy theo hoặc, tầm
Quả dục tế thân nhọc
Học trụ cùng tác ý
Trí không chấp là sau.

Tu tập niệm hơi thở ra vào, sai biệt có mười sáu hành, phân biệt rộng về nghĩa như nơi địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Lại, các sư Du già siêng tu hành, tu tập niệm hơi thở ra vào như thế. Bấy giờ, nên biết có năm pháp chướng ngại:

1. Đối với ngoại duyên, tâm bị tán loạn.

2. Hơi thở ra vào chuyển có khó khăn.

3. Triền trạo cử-ố tác hiện tiền.

4. Triền hôn trầm-thùy miên hiện tiền

5. Vui thích về đạo tục cùng trụ xen tạp.

Năm pháp như thế, kẻ đối với định chưa đạt được muốn cầu tâm định, kẻ đạt định rồi thì tăng trưởng bội phần, nên biết tất cả có thể bị chướng ngại. Các thứ tùy phiền não của phẩm Xa-ma-tha, lúc tạo nhiễm ô phát khởi thân hôn trầm, sanh tâm thấp kém. Do tu tập đúng đắn niệm hơi thở ra vào, thân tâm khinh an, có thể khiến cho hôn trầm, thấp kém cùng hành với thân

tâm thô trọng thảy đều xa lìa. Các tùy phiền não của phẩm Tỳ-bát-xá-na, lúc tạo nhiễm ô phát sinh vô số tầm tứ vọng tưởng, nghĩa là các tầm tứ bất chánh như tầm tứ dục v.v…, cùng tầm tứ vô minh phần đã sanh khởi vô số vọng tưởng như tưởng dục v.v… Do tu tập đúng đắn niệm hơi thở ra vào, khiến các tầm tứ thảy đều lặng dứt. Vì nhằm đối trị các vọng tưởng của vô minh phần kia, nên thuần tu Tưởng minh phần, khiến mau được viên mãn.

Lại nữa, các sư Du già, chánh cần tu tập niệm hơi thở ra vào, đối với tầm tứ duyên nơi các hành của quá khứ, có thể khiến sanh khởi vô gián các đẳng trì hữu gián, thiếu sót, mau chóng được tổn giảm. Đối với tầm tứ duyên nơi các hành hiện tại, có thể khiến vô gián sanh khởi các đẳng trì hữu gián có thiếu sót, mau được tịch tĩnh.

Lại, nếu lược nói, do có thể vĩnh viễn đoạn trừ sáu thứ kiết, nên biết đã kiến lập hai thứ, bốn thứ, cùng với bảy thứ các quả thắng lợi như kinh đã nói rộng. Những gì là sáu kiết? Đó là:

- Hai thứ kiết thuận hạ phần thượng phần.

- Hai thứ kiết do kiến đạo, tu đạo đoạn trừ.

- Hai thứ kiết của phần vị hoặc khởi hoặc sanh.

Như vậy là các kiết riêng khác, nên biết là đã nêu chung có sáu thứ kiết. Theo như thứ lớp đã kiến lập hai thứ, bốn thứ, bảy thứ các quả thắng lợi.

Lại nữa, tu tập niệm hơi thở ra vào, về sai biệt lược có hai thứ:

1. Hữu thượng.

2. Vô thượng.

- Về hữu thượng: Nghĩa là như có một hành giả, ở một mình nơi chốn vắng lặng, do tâm định tĩnh, quán xét như lý, mạng căn gắn liền với hơi thở ra, hơi thở vào. Nếu ta với sau hơi thở vào, không có hơi thở ra, hoặc sau hơi thở ra không có hơi thở vào: Như vậy là mạng căn tức nên đoạn dứt. Nhưng ở trong hành vô thường có sự việc kỳ lạ: Hơi thở vào diệt rồi, mạng căn của ta trụ, mới lại đến lúc hơi thở ra sanh khởi. Hơi thở ra diệt rồi, mạng căn của ta trụ, mới lại đến lúc hơi thở vào sanh khởi. Hành giả do duyên dựa nơi các sự như thế, nên thân tâm chán lìa ái giận đã phát sinh từ cảnh của ba đời, dốc tu khiến tâm thanh tịnh. Đó gọi là tu mười sáu hành hữu thượng, nên biết về hành vô thượng.

Lại nữa, niệm hơi thở vào ra như thế, trụ duyên nơi sắc của gió nhẹ làm cảnh giới, nên gọi là trụ vi tế. Cách tuyệt với tất cả tầm tứ hỗn loạn, nên gọi là không lưu tán. Phát sinh khinh an vi diệu hiện có nơi thân tâm

thêm rộng lớn, nên gọi là không thể hàng phục.

Lại nữa, tu tập niệm hơi thở ra vào như vậy, khiến thân không mệt nhọc, khéo có thể trừ bỏ các thứ tùy phiền não của phẩm Xa-ma-tha. Khiến mắt không mỏi mệt, khéo có thể trừ dứt các tùy phiền não của phẩm Tỳ-bát-xá-na. Do thuận theo việc quán xét Niết-bàn an lạc, nên gọi là Tùy quán lạc. Do thuận theo việc lãnh nhận lạc trong địa của Tĩnh lự thứ ba, nên gọi là Lãnh nhận lạc. Trụ không nhiễm, không sợ hãi, nên gọi là Trụ an lạc.

Lại nữa, như có xứ ấy, hoặc có một người khởi suy nghĩ: Đức Như Lai cùng với kẻ hết sức thấp kém kia chứng đắc quả A-la-hán huệ giải thoát, là không có sai biệt. Nghĩa là dựa vào giải thoát, khởi tư duy: Giải thoát của Như Lai cùng với giải thoát hiện có nơi quả A-la-hán huệ giải thoát, là không có sai biệt.

Lại, có người khởi niệm như vầy: An trụ hiện có do lìa các cái của Như Lai; Người ở trong nội pháp, vào hàng hết sức thấp kém, hoặc các bậc hữu học, hoặc các hàng phàm phu do lực của tinh tấn, nên đối với năm cái đã "phục đoạn" mà trụ, gọi là lìa cái trụ. lìa cái trụ này, cùng với lìa cái trụ kia, là như nơi giải thoát, không có sai biệt.

Vì có sai biệt, nên biết hai thứ "lìa cái trụ" như thế là có sai biệt rất lớn. Nghĩa là các vị hữu học, tâm của trụ lìa cái tuy hiện hành, cùng với Đức Như Lai giống nhau, nhưng nơi các vị kia, tùy miên chưa đoạn trừ vĩnh viễn, các cái thường xuyên gián tạp nối tiếp nơi tâm, phải luôn luôn tác ý gắng sức để trừ bỏ.

Như Lai, đối với các cái đã đoạn trừ rốt ráo, nên lìa các cái trụ. So với lìa các cái trụ hiện có của các vị kia, là có sai biệt rất lớn, không phải như nơi giải thoát không có sai biệt.

Lại nữa, các sư Du già tu niệm hơi thở ra vào làm chỗ nương tựa để tu bốn niệm trụ. Tác ý như lý dùng làm chỗ dựa, đối với các tác ý phi lý hiện có nơi nội tâm chưa đoạn trừ, đều nhận biết rõ đúng như thật đó là phi lý. Đối với các tác ý như lý hiện có nơi nội tâm, cũng nhận biết rõ đúng như thật đó là như lý. Đã nhận biết rõ rồi, thì đối với các tác ý phi lý hiện có nơi nội tâm, hoàn toàn xa lìa. Đối với các tác ý như lý hiện có như vậy nên hoàn toàn tu tập vì nhằm khiến các tác ý phi lý kia vĩnh viễn đoạn diệt.

Lại, ở đây, bốn pháp như thân v.v… như bốn đại lộ, tác ý phi lý như khối đất bụi, không bền chắc, không chân thật, làm mê loạn tâm. Tác ý như lý như xe cộ đủ loại từ bốn phương chạy đến, gặp nhau, chen nhau. Bốn môn cảnh giới như thân v.v… chuyển biến có thể loại trừ tác ý phi lý kia như khối đất bụi, cũng khiến cho tất cả thanh tịnh được nối tiếp.

Lại nữa, tinh tấn tu tập niệm các hơi thở, do tu tập đúng đắn bốn thứ niệm trụ, là vô ngã, là bình đẳng, bình đẳng. Chủng loại của thân ấy có thể giữ lấy tác ý như lý đối với thân. Như thân, tác ý vô ngã cũng thế. Do đó, nói hành giả kia, vì một phần của thân có thể tu thân niệm trụ như vậy, đều không thể được. Như thân niệm trụ, nói rộng cho đến tu pháp niệm trụ, nên biết cũng vậy. Như thế, giáo pháp tu niệm trụ của chư Phật, trong pháp của ngoại đạo, đều không hề có. Vậy nên nói giáo pháp tu niệm trụ này, gọi là không phải chỗ nắm giữ của tất cả ngoại đạo.

Lại nữa, tụng nêu:

Đầu, tôn trọng Thi-la
Giới thanh tịnh viên mãn
Hiện hành học thắng lợi
Học sai biệt là sau.

Học có ba loại: Giới học tăng thượng, Tâm học tăng thượng, Huệ học tăng thượng. Kiến lập ba học giới như thế có sai biệt, như nơi địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

Lại, lược nêu ở trong các thứ học ấy, các hành tà hiện có nên nhận biết rõ, đúng. Hành chánh hiện có cũng nên nhận biết rõ, đúng.

- Nói hành tà: Nghĩa là như có một hữu tình không tôn trọng giới, mà lại xuất gia, tuy là xuất gia nhưng không lấy tịnh giới làm sự tăng thượng. Như đối với tịnh giới, thì đối với định, với huệ, nên biết cũng vậy, nói rộng cho đến đối với ba học thảy đều hủy phạm.

- Nói hành chánh: Có ba hành chánh là hạ, trung, thượng.

Hành chánh hạ: Nghĩa là như có một hữu tình tôn trọng tịnh giới, cùng dùng tịnh giới làm chỗ tăng thượng, cùng với trước trái nhau, nhưng đối với định với huệ không sanh tôn trọng. Ở đây không cho là có phạm tội hoàn toàn, mà gọi là có phạm tiểu tùy, tiểu tội, không có khả năng chứng đắc quả Sa-môn.

Hành chánh trung: Nghĩa là đối với giới, định thảy đều tôn trọng, cùng lấy đó làm sự tăng thượng. Như tôn trọng giới, thì thứ lớp hủy phạm ở đây cũng thế. Do đó nên biết cho đến phần vị của các phàm phu hiện có.

Hành chánh thượng: Nghĩa là đã kiến đế, đối với ba thứ học thảy đều tôn trọng, đã chứng đắc quả Sa-môn, không chờ xét chọn có năng lực, không có năng lực.

Hai hành như thế chia làm bốn thứ, tức bốn thứ ấy hợp làm hai hành. Hai này cùng với bốn là bình đẳng, bình đẳng. Nên biết ở đây: Nếu có Định học tất có Giới học. Nếu có Huệ học tất có Định học. Có Giới học, không

hẳn tất có Định học, Huệ học. Nếu sư Du già tôn trọng các học, nên biết đó gọi là sự tạo tác viên mãn. Ngoài ra, chỉ gọi là sự tạo tác một phần.

Lại nữa, đối với xứ của tánh tội có thể xa lìa, nên biết đó gọi là tịnh giới viên mãn.

Đối với khả năng giữ kín các căn môn, thâu nhận pháp thiện hiện có của tịnh giới, thọ trì liên tục, nối tiếp chuyển đổi, nên biết đó gọi là pháp thiện viên mãn.

Đối với xứ của già tội có thể xa lìa, nên biết đó gọi là Biệt giải thoát viên mãn.

Lại, dựa nơi giới được bậc Thánh ưa chuộng, hoặc dựa nơi năm thứ thiện xảo như uẩn v.v…, cùng dựa vào luật nghi biệt giải thoát, thọ trì giới cấm hiện có của thế tục, tùy theo thứ lớp, nên biết môn thứ hai như tịnh giới viên mãn v.v… có sai biệt.

Lại nữa, dựa nơi Thi-la tịnh, lược có hai thứ pháp học có sai biệt:

1. Thọ trì học xứ thuộc về thân ngữ hiện hành như pháp hiện có của Thi-la đã thọ nhận thuộc không phải là chỉ.

2. Thọ trì học xứ thuộc về Thi-la đã thọ nhận thuộc là chỉ.

Lại hai thứ này, nghĩa là hoặc có trường hợp là Tỳ-nại-da nêu bày, không phải Biệt giải thoát thuyết giảng. Hoặc có khi là Tỳ-nại-da nêu giảng cũng là Biệt giải thoát nêu giảng. Thế nên tất cả lược chung mà nói có ba học xứ:

1. Hiện hành tăng thượng.

2. Tỳ-nại-da tăng thượng.

3. Biệt giải thoát tăng thượng.

Lại nữa, trụ thắng lợi của Học, Huệ là đứng đầu. Sự kiên cố của giải thoát Niệm là tăng thượng. Tu tập ba học mau chóng viên mãn, như nơi phần Nhiếp thích đã biện giải rộng, nên biết.

Lại nữa, trụ nơi đầy đủ Giới, như nơi địa Thanh văn đã biện biệt, nên biết.

Lại, tức tịnh giới đối trị mọi thứ xấu ác của phạm giới, làm chỗ dựa để giữ chặt các căn môn, nên gọi là luật nghi. Đầu, khéo thọ nhận nên gọi là viên mãn. Sau, khéo giữ gìn nên gọi là thanh tịnh. Chiêu cảm quả đáng yêu thích nên gọi là thiện. Không có nhiễm ô nên gọi là vô tội. Đối với các hữu tình, định tâm từ có thể khéo tùy thuận, nên gọi là không hại. Đối với tánh Sa-môn khéo tùy thuận, nên gọi là nẻo tùy thuận. Tánh trong lặng được Thánh yêu chuộng nên gọi là thuận trong lặng. Trọn không thuận theo

giới cấm thủ, nên gọi là không tùy thuận. Cùng với người đồng pháp, vì đồng phận, nên gọi là đồng sắc loại. Đối với việc tu tập đúng đắn, Tâm, Huệ tăng thượng làm chỗ nương dựa, tùy thuận chuyển đổi, nên gọi là thuận chuyển. Không não hại kẻ khác, mà tạo lợi ích chuyển.

Lại, xa lìa đúng đắn hành tự khổ, nên gọi là không nhiệt não. Đối với pháp đã thọ trì, không có biến đổi, hối tiếc, nên gọi là không thiêu đốt não hại. Đối với những thứ hủy phạm không hiện hành, luôn như pháp sám hối dứt trừ chỗ phạm của mình, nên gọi là không hối não. Như thế gọi là sai biệt hiện có của Giới học tăng thượng. Ba trụ làm chỗ dựa, nên biết phần sai biệt hiện có của Tâm học, Huệ học tăng thượng.

Nghĩa là do Thiên trụ, Phạm trụ có sai biệt, nên biết Tâm học tăng thượng có sai biệt. Do các pháp như giác phần hiện có nơi Thánh trụ có sai biệt, nên biết Huệ học tăng thượng có sai biệt. Nghĩa là bốn Tĩnh lự, bốn vô sắc v.v… gọi là Thiên trụ. Bốn định vô lượng gọi là Phạm trụ. Bốn trí Thánh đế, bốn thứ niệm trụ, cho đến bốn thứ hành tích của đạo chi, bốn pháp tích của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thù thắng, nên biết tất cả đều gọi là Thánh trụ.

Lại có bốn thứ pháp hoặc hành hoặc trụ không tạp nhiễm, khiến người tu quán hoặc đối với cảnh giới lui ra khỏi nẻo du hành, hoặc ở nơi đối tượng duyên tâm an định tĩnh, lìa các tạp nhiễm, an ổn mà trụ. Bốn pháp đó là:

1**.** Đối với cảnh giới tùy thuận hỷ thọ, các thứ tạp nhiễm nơi hỷ, tâm sanh dứt bỏ sâu xa.

2**.** Đối với cảnh giới thuận theo ưu thọ, các thứ nhiễm ô nơi ưu, tâm sanh dứt bỏ sâu xa.

3**.** Đối với các tùy phiền não của phẩm Tỳ-bát-xá-na, tu tập khiến tâm thanh tịnh.

4**.** Đối với các thứ tùy phiền não của phẩm Xa-ma-tha, tu tập khiến tâm thanh tịnh.

Đối với bốn thứ pháp hoặc hành hoặc trụ, lìa các tạp nhiễm, trụ nơi an ổn ấy, nên biết bốn thứ pháp tích là chốn nương dựa của xứ sở an túc. Như chỗ ứng hợp nên biết, tức là chánh niệm, chánh định, không tham không sân.

Lại nữa, tụng nêu:

Chứng tịnh đầu an lập
Có biến dị là trước
Thiên lộ dụ gương sáng
Ký biệt ở sau cùng.

Đệ tử của Đức Như Lai chánh kiến đầy đủ, lược do hai pháp có thể thâu nhận đúng đắn tánh trong lặng, nên biết đã kiến lập bốn thứ chứng tịnh. Tức là Tín, Giới thuộc về nghĩa của Sa-môn. Nơi người có thể thuyết giảng, là đối với nghĩa của Sa-môn. Đối với người đồng pháp, là đối với khả năng chứng đắc pháp trợ bạn của Sa-môn. Tịnh tín hiện có là căn bản sâu, bền, nên ở trong đời khác cũng không thể bỏ đi. Không hư dối, nên gọi là tánh trong lặng cùng Thi-la tịnh.

Đối với tất cả pháp ác bất thiện có thể dẫn đến nẻo ác, đã đạt được luật nghi hoàn toàn không tạo tác, do đó cũng được gọi là tánh trong lặng.

Nên biết tại đây, nương nơi tịnh tín, ở trong Pháp-Luật thuyết giảng thiện, sanh tin hiểu sâu xa. Do tánh trong lặng của tịnh tín ấy, nếu như ở tại các đời khác, đối với Pháp-Luật thuyết giảng thiện của Phật, hoàn toàn không đổi. Lại do sợ hãi khổ của các đường ác, nên thọ trì tịnh giới, đối trị hành ác, do đấy nên thâu nhận Giới. Tánh trong lặng nếu như ở nơi đời khác, cũng không tạo ác, đọa nơi các nẻo ác, cho đến Niết-bàn, rốt ráo không đổi.

Lại, tín giới ấy là nơi chốn nương dựa của Giới Định Huệ học tăng thượng. Do nói tín giới là thanh tịnh, nên hiển bày nghĩa nơi ba học đều được thanh tịnh. Vì nhân duyên ấy, nên chỉ nói hai thứ đó dùng làm chứng tịnh. Đấy gọi là môn nghĩa thứ hai có sai biệt. Chứng tịnh như thế là khéo có thể làm tươi nhuận tất cả pháp. Bạch tịnh gắn liền với Giới, nên gọi là làm tươi nhuận phước. Có thể dẫn đến các Thánh đạo thù thắng, nên gọi là làm tươi nhuận thiện. Có thể dẫn đến việc đoạn trừ các phiền não còn lại, nên gọi là có thể dẫn tới an lạc.

Lại nữa, các Thánh đệ tử hoàn toàn quyết định có thể đi đến nẻo thiện, thành tựu chứng tịnh, cũng có trụ nơi nẻo thiện. Ba thứ sợ hãi khổ dữ phát khởi do các đại cùng chống trái, biến dị, nhưng không nẻo ác nào hiện có sợ hãi.

Thế nào là ba thứ khổ dữ đáng sợ hãi? Đó là:

1. Khổ vì bệnh.

2. Khổ vì già.

3. Khổ vì chết do đoạn dứt Mạ- na.

Do đó nói là bốn đại chủng kia có thể khiến biến dị. Các Thánh đệ tử không phải đã thành tựu bốn thứ chứng tịnh, có thể có biến dị.

Lại, các Thánh đệ tử với bốn chứng tịnh làm chỗ nương dựa, căn cứ vào ba thứ môn, tu tập sáu tùy niệm. Ba thứ môn là:

1. Vì đoạn trừ các tùy phiền não đã khởi nhiễm não của phẩm Xa-ma-tha.

2. Vì đoạn trừ các tùy phiền não đã khởi nhiễm não của phẩm Tỳ-bát-xá-na.

3. Vì đoạn trừ, tuy không có nhiễm não, nhưng đối với vị lai sẽ có thể sanh khởi hai tùy phiền não.

Lại, do lý của Thắng nghĩa đế đã chứng đắc tùy niệm, gọi là nghĩa uy dũng. Do lý của Thế tục đế đã đạt được tùy niệm, gọi là pháp uy dũng.

Lại nữa, ví như có người dùng chiếc gương sáng để xem tướng tịnh, bất tịnh của mặt mình. Như vậy, các Thánh đệ tử của Đức Như Lai nắm giữ chiếc gương sáng chứng tịnh vi diệu để quán xét đúng như thật về các tướng nhiễm tịnh hiện có của tự thân.

Lại nữa, nếu có hành giả thành tựu bốn thứ chứng tịnh, chỉ tức dựa nơi bốn thứ chứng tịnh của mình, vì kẻ khác ký biệt, không dựa nơi phần vị trên. Tức có thể thuận theo tu tập tùy niệm. Do nhân duyên này, nên biết ký biệt chứng quả Dự lưu, chưa hướng lên chỗ tu đạo của phần vị trên. Nếu đối với phần vị trên, có thể thuận hoan hỷ nơi năm thứ tùy niệm, vì kẻ khác ký biệt, do nhân duyên ấy nên biết ký biệt chứng quả Nhất lai do Tam-ma-địa chưa thành tựu đầy đủ, nơi đạo lìa dục chưa được viên mãn. Vì cầu lìa dục, nên tu tập các pháp có thể thuận theo hoan hỷ. Do hoan hỷ này làm chỗ dựa, nên phát sanh khinh an. Do khinh an nên thân lãnh nhận an lạc. Do thọ nhận an lạc nên tâm được chánh định, nhưng đối với định tĩnh chưa được thành mãn.

Nếu đối với sáu thứ tùy niệm của phần vị trên, vì kẻ khác ký biệt, do nhân duyên ấy nên biết, ký biệt chứng quả Bất hoàn, quả A-la-hán, chỉ là đạo xuất thế mới có thể hướng chứng. Vì các tùy niệm hiện có chỉ là thế gian, thế nên chứng đắc quả Bất hoàn trở lên, lại không có tùy niệm ký biệt như vậy.

Lại, bốn chứng tịnh trong quả Dự lưu chỉ nói là tịnh. Đối với quả học còn lại, gọi là tịnh viên mãn. Nơi quả tối thượng gọi là thanh tịnh viên mãn bậc nhất.

Như thế là đã lược dẫn chỗ tùy thuận cảnh trí của luận này tương ưng với tông yếu của các kinh. Ngoài ra, tất cả tùy theo lãnh vực này, đều nên biết rõ.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 99

Phần Nhiếp Sự: Sự Điều Phục.
Lựa Chọn Gồm Thâu Chung Thứ Năm

Đoạn 1:

Như thế là đã nói về Ma-đát-lý-ca của sự Khế kinh.

Thế nào gọi là Ma-đát-lý-ca (luận mẫu) của sự Luật? Nghĩa là, tức từ ngoài bốn thứ kinh này, là kinh Biệt Giải Thoát hiện có, nói rộng nơi Ma-đát-lý-ca, lần lượt truyền đi những điều Đức Như Lai đã thuyết giảng, Đức Như Lai đã hiển bày, Đức Như Lai đã tán thán, gọi là Ma- đát-lý-ca của Luật tạng.

Ma-đát-lý-ca của Luật tạng này, về một phần ít của tổng tướng, nay sẽ nói. Tụng nêu:

Tụ lợi gồm tùy hành
Nghịch thuận hay tịch tĩnh
Biến tri, tín bất tín
Lực là cùng ở sau.

Đức Như Lai quán thấy mười thứ thắng lợi, nên ở trong Tỳ-nại-da vì các đệ tử chế lập học xứ. Nghĩa là thâu nhận Tăng già, khiến Tăng thành khẩn, tinh tấn, cho đến nói rộng như nơi phần Nhiếp tích, nên biết về tướng của chúng.

Nếu có thể thâu nhận bốn tộc họ lớn v.v… chánh tín xuất gia, hướng đến chúng không gia đình, nên biết gọi là thâu nhận Tăng già. Xuất gia như thế, hướng tới đời sống không gia đình rồi, vì họ tuyên thuyết các giáo pháp thâm diệu có nhân duyên, có xuất ly, có đối tượng nương dựa, có dũng mãnh, có thần biến. Nên biết đó gọi là khiến Tăng thành khẩn, tinh tấn. Các câu có sai biệt như có nhân duyên v.v… như nơi địa Bồ tát đã biện giải về tướng.

Do năm thứ tướng, nên biết đó gọi là khiến Tăng an lạc:

1. Khiến thuận nơi đạo, đầy đủ không có thiếu thốn.

2. Khiến loại trừ hữu tình của dị pháp.

3. Khiến khéo dứt bỏ chỗ sanh khởi làm ác.

4. Khiến khéo hàng phục các triền phiền não.

5. Khiến khéo đoạn trừ vĩnh viễn phiền não, tùy miên.

Nên biết ở đây, do sức tăng thượng của sự an lạc đầu tiên, nên người chưa tịnh tín khiến sanh tịnh tín, người đã có tịnh tín khiến được tăng trưởng. Do sức tăng thượng của sự an lạc thứ hai nên đã điều phục các hữu tình xấu ác. Do sức tăng thượng của sự an lạc thứ ba, nên khiến người có hổ thẹn được trụ nơi an lạc. Do sức tăng thượng của sự an lạc thứ tư, nên khiến ngăn giữ các lậu của hiện pháp. Do sức tăng thượng của sự an lạc thứ năm, nên có thể khiến dứt trừ vĩnh viễn các lậu của vị lai.

Như vậy, đạt được trụ an lạc rồi, người chưa hội nhập khiến dễ hội nhập, nhằm khiến nhiều người trụ lâu nơi phạm hạnh, cho đến nói rộng, đều nên nhận biết rõ.

Lại, tất cả ở đây, nói tóm tắt, tức là hiển thị đúng đắn về sự thâu nhận đầu tiên. Tiếp theo là thâu nhận đúng đắn. Đã thâu nhận rồi, thì khiến trụ an lạc. Cùng hiển bày người chưa được thâu nhận vị lai dễ nhập nơi phương tiện. Như thế gọi là sai biệt thứ hai.

Lại nữa, nên biết lược có năm thứ tụ tội. Đó là:

1. Tụ tội tha thắng.

2. Tụ tội chúng dư.

3. Tụ tội vẫn trụy.

4. Tụ tội biệt hối.

5. Tụ tội ác tác.

Tập hợp bất định thô theo như chỗ thích ứng, tức nhập trong các tụ tội như thế.

Lại có bốn thứ tụ tội hoàn tịnh. Những gì là bốn? Nghĩa là trừ tha thắng, bốn tụ tội còn lại đều có thể trở lại thanh tịnh, nên có bốn thứ tụ tội hoàn tịnh. Tụ tội thứ nhất tuy có thể hoàn tịnh, nhưng chỉ dựa vào hai loại hữu tình, không phải là tất cả không có sai biệt đều có thể hoàn. Thế nên tha thắng không lập trong tụ toàn bộ là hoàn tịnh.

Lại, nếu lược nói có mười lăm thứ lỗi lầm phạm tội, hiện hữu khắp ở trong tất cả tụ phạm tội, nên biết đã kiến lập các tội đã phạm.

Mười lăm thứ đó là:

1. Lỗi lầm của sự nặng.

2. Lỗi lầm của triền mãnh liệt.

3. Lỗi lầm của thiếu thốn không biết đủ.

4. Lỗi lầm do kẻ khác trách cứ, giận dữ.

5. Lỗi lầm của kẻ không có tịnh tín càng khiến bất tín, kẻ có tịnh tín thì khiến biến dị.

6. Lỗi lầm của việc có nhiều của cải vật báu, có nhiều tạo tác.

7. Lỗi lầm do nhiễm chấp.

8. Lỗi lầm do não hại kẻ khác.

9. Lỗi lầm do phát khởi bệnh tật.

10. Lỗi lầm do ngăn ngại Sa-môn đi đến nẻo thiện.

11. Lỗi lầm do đối với chốn nên tránh, giữ thì không tránh, giữ đúng đắn. Chốn không nên tránh, giữ thì lại tránh, giữ.

12. Lỗi lầm do đối với chỗ không nên nương dựa thì nương dựa, chỗ nên nương dựa thì lại không nương dựa.

13. Lỗi lầm do đối với nơi nên cung kính thì không cung kính, nơi không nên cung kính thì lại cung kính.

14. Lỗi lầm do đối với điều nên che giấu thì không che giấu, điều không nên che giấu thì lại che giấu.

15. Lỗi lầm do đối với pháp nên quen gần thì không quen gần, pháp không nên quen gần thì lại quen gần.

Nên biết ở đây, đầu tiên là tu nghiệp: Đối với bốn tha thắng, tuy có lỗi lầm của sự nặng, nhưng không có lỗi lầm của triền mãnh liệt, do ý lạc của tội kia không phát khởi ác dữ dội.

Lại nữa, lược có năm pháp gồm thâu Tỳ-nại-da:

1. Tánh tội.

2. Già tội.

3. Chế.

4. Khai.

5. Hành.

- Thế nào là tánh tội? Tức tánh là bất thiện, có thể bị tạp nhiễm, tổn não kẻ khác, có thể bị tạp nhiễm, tổn não cho chính mình. Tuy không ngăn chế, chỉ có hiện hành nên dẫn đến nẻo ác. Tuy không ngăn chế, chỉ có hiện hành, có thể gây chướng ngại cho Sa-môn.

- Thế nào là già tội? Nghĩa là Đức Phật, Thế Tôn, quán hình tướng của kẻ kia không như pháp, nên hoặc khiến cho chúng sanh tôn trọng Chánh pháp. Hoặc thấy chỗ tạo tác của họ thuận theo pháp của tánh tội hiện hành.

Hoặc vì tùy thuận hộ trì tâm kẻ khác. Hoặc thấy tánh Sa- môn bị chướng ngại nơi thọ mạng của nẻo thiện…, nên ngăn chặn đúng đắn. Nếu có các sự như thế hiện hành, gọi là già tội.

- Thế nào là chế? Nghĩa là có những tạo tác có thể dẫn đến nẻo ác, hoặc gây chướng ngại nơi nẻo thiện, hoặc tạo chướng ngại chỗ đạt được lợi dưỡng đúng như pháp, hoặc tạo chướng ngại đối với thọ mạng, hoặc gây chướng ngại cho Sa-môn. Các loại như thế, Đức Như Lai đều ngăn chặn không khiến chúng hiện hành, nên gọi là chế.

Cùng với đấy trái nhau, nên biết gọi là khai (mở ra, cho phép).

- Thế nào là hành? Nghĩa là lược có ba hành:

1. Có phạm.

2. Không phạm.

3. Hoàn tịnh.

Ba thứ như thế lược thâu tóm làm hai:

1. Hành tà.

2. Hành chánh.

Nên biết, có phạm gọi là hành tà. Không phạm, hoàn tịnh gọi là hành chánh.

Ở đây, thế nào là phạm tội đã phạm? Nghĩa là đối với pháp nên làm mà lại không làm, cùng gia hạnh. Đối với pháp không nên làm mà lại làm, cùng gia hạnh.

Lại, kẻ kia lược do bốn nhân duyên nên phạm tội đã phạm:

1. Không biết.

2. Phóng dật.

3. Phiền não khởi mạnh.

4. Khinh mạn.

- Thế nào gọi là do không biết nên phạm tội đã phạm? Nghĩa là như có một Bí-sô, đối với tội đã phạm không lắng nghe kỹ, không khéo lãnh ngộ, không hiểu rõ, không có huệ giác ngộ, không có chỗ nhận biết, đối với pháp đã phạm kia khởi tưởng không phạm mà phạm các tội. Như vậy gọi là do không biết nên phạm tội đã phạm.

- Thế nào gọi là do phóng dật nên phạm tội đã phạm? Nghĩa là như có một Bí-sô, đối với tội đã phạm tuy lại hiểu rõ, có nơi không nhận biết chân chánh. Kẻ kia do niệm không trụ như thế, nên như không nhận biết mà phạm các tội. Như thế gọi là do phóng dật nên phạm tội đã phạm.

- Thế nào gọi là phiền não khởi mạnh nên phạm tội đã phạm? Nghĩa là như có một Bí-sô, đối với pháp đã phạm, tuy lại hiểu rõ, có huệ giác ngộ, cũng có sự nhận biết, nhưng bản tánh của vị kia là Tham- sân-si hết sức mãnh liệt, do đấy, tuy biết sự việc ấy là không nên làm, nhưng vì triền phiền não bức bách không thể tự chủ nên phạm các tội. Như thế gọi là do phiền não khởi mạnh, nên phạm tội đã phạm.

- Thế nào là do khinh mạn nên phạm tội đã phạm? Nghĩa là như có một Bí sô, đối với tội đã phạm tuy lại hiểu rõ, có huệ giác ngộ, cũng có chỗ nhận biết, nhưng vị ấy tin hiểu là rất thấp kém, không có hành mạnh mẽ của nhân thiện từ đời trước. Do đấy, đối với tánh Sa-môn, đối với nẻo Bát Niết-bàn không có sự quyến luyến. Đối với Phật Pháp Tăng không kính, không sợ, không có hổ thẹn, không vui thích nơi pháp học. Do khinh mạn, nên tùy chỗ ham muốn phạm rộng các tội. Như thế gọi là do khinh mạn nên phạm tội đã phạm. Nên biết trong ấy, không biết, phóng dật đã phạm các tội, là không nhiễm ô. Các tội đã phạm do phiền não tăng mạnh và do khinh mạn, là có nhiễm ô.

Do năm nhân duyên nên biết chỗ phạm thành ba phẩm hạ, trung, thượng có sai biệt. Năm nhân duyên là:

1. Do tự tánh.

2. Do hủy phạm.

3. Do ý lạc.

4. Do sự việc.

5. Do tích tập.

- Do tự tánh: Nghĩa là tụ tội tha thắng là tội thuộc phẩm thượng. Tụ tội chúng dư là tội thuộc phẩm trung. Tụ tội còn lại là tội thuộc phẩm hạ.

Lại có sai biệt: Tha thắng, chúng dư là tội thuộc phẩm trọng. Vẫn trụy, biệt hối là tội thuộc phẩm trung. Tụ tội ác tác là tội thuộc phẩm khinh. Như vậy nên biết, do tự tánh nên các tội đã phạm thành ba phẩm hạ trung thượng có sai biệt.

- Do hủy phạm: Nghĩa là không biết, cùng phóng dật nên đã phạm các tội là tội thuộc phẩm hạ. Các tội đã phạm do phiền não tăng mạnh là tội thuộc phẩm trung. Các tội đã phạm do khinh mạn là tội thuộc phẩm thượng.

- Do ý lạc: Nghĩa là các tội đã phạm do triền Tham-sân-si thuộc phẩm hạ là tội thuộc phẩm hạ. Nếu do phẩm trung là tội thuộc phẩm trung. Nếu do triền Tham-sân-si thuộc phẩm thượng phạm tội thì tội thuộc phẩm thượng.

- Do sự việc: Nghĩa là tuy ý lạc hiện hành tương tợ, nhưng do sự việc không phải một loại, nên biết chỗ phạm thành ba phẩm hạ trung thượng có sai biệt. Như do triền sân đối với các chúng sanh hiện có nơi nẻo bàng sanh cố ý sát hại, sanh tội vẫn trụy. Tức do triền sân tương tợ như thế, hoặc đối với người kia, hoặc hình dạng của người không phải là cha mẹ mình, cố ý sát hại, sanh tội tha thắng, không phải tội vô gián. Tức dùng triền sân tương tợ như thế, đối với cha mẹ của người, cố ý sát hại, sanh tội tha thắng cùng tội vô gián.

- Do tích tập: Nghĩa là như có một Bí-sô, hoặc phạm một tội, không thể như pháp mau chóng sám hối dứt trừ. Hoặc phạm hai tội, hoặc ba tội, cho đến hoặc năm. Như thế nên biết, do tích tập nên thành tội thuộc phẩm hạ. Từ đấy về sau, hoặc phạm mười tội, hoặc phạm hai mươi tội, hoặc phạm ba mươi tội, cho đến hoặc phạm số tội có thể biết rõ, đều không thể như pháp mau chóng sám hối dứt trừ. Như thế nên biết do tích tập nên thành tội thuộc phẩm trung.

Nếu tội đã phạm, về số lượng là vô lượng không thể nhận biết rõ, như vậy nên biết, do tích tập nên thành tội thuộc phẩm thượng.

Thế nào là nên làm? Nghĩa là, nếu đối với việc ấy do không làm cùng gia hạnh liền thành hủy phạm. Về các việc nên làm ấy, lược có năm thứ:

1. Việc nên làm đối với thôn ấp.

2. Việc nên làm nơi đạo tràng.

3. Việc nên làm nơi phẩm thiện.

Tức sự việc nên làm của phẩm thiện này lại có hai loại:

1. Việc nên làm về tư lương.

2. Việc nên làm về thanh tịnh.

Như thế, việc nên làm về tư lương, như nơi địa Thanh văn đã nói mười ba thứ tư lương hiện có. Như vậy, sự việc nên làm về thanh tịnh, như nơi địa Thanh văn đã nói "tu tác ý".

Lại, việc nên làm nơi thôn ấp: Nghĩa là, hoặc vì các sự việc như y phục v.v… của mình nên đi vào xóm làng. Hoặc lại vì sự việc đối với Tam bảo, sự việc đối với bậc đồng phạm hạnh. Hoặc vì sự việc đối với kẻ chưa tin khiến sanh tin, kẻ đã tin rồi khiến càng thêm tăng trưởng, nên đi vào xóm làng.

Cùng với đấy trái nhau là khả năng gây trở ngại hiện có đối với năm sự việc nên làm. Theo như chỗ thích hợp, nên biết về năm thứ việc không nên làm.

Thế nào là không phạm? Nghĩa là do năm nhân duyên khiến không phạm. Năm nhân duyên là:

1. Đối với các căn môn giữ kín mà trụ. Ăn uống biết lượng. Đầu đêm cuối đêm thường không ngủ nghỉ, siêng tu thắng hạnh, chánh tri mà trụ. Như thế gọi là nhân duyên thứ nhất.

2. Đối với các Sa-môn, phát khởi sự tinh tấn thuộc phẩm thượng để quan tâm, quyến luyến. Đối với bậc Đại sư, các vị có trí, đồng phạm hạnh, phát khởi tâm cung kính, yêu thích thuộc phẩm thượng. Nơi tội hiện hành, phát khởi tâm hổ thẹn tăng thượng mạnh mẽ. Như thế gọi là nhân duyên thứ hai.

3. Lại, giảm thiểu của cải vật dụng, giảm thiểu các hành tác, tạo nghiệp, không tạo nhiều việc vội vàng, bề bộn. Như thế gọi là nhân duyên thứ ba.

4. Trụ nơi biết đủ. Đối với việc phạm không phạm có thể khéo nhận biết rõ. Không cùng với đạo tục giao du buông thả. Chuyên tu phẩm thiện từng không gián đoạn. Như thế gọi là nhân duyên thứ tư.

5. Lại, mới tu tập, hoặc tâm si cuồng, loạn động, bị khổ não bức bách. Như thế gọi là nhân duyên thứ năm.

Nên biết do năm nhân duyên ấy nên từ đầu không phạm.

Thế nào là hoàn tịnh? Nghĩa là như có một Bí sô, theo tội đã phạm tức liền sanh khởi năm thứ ố tác (hối). Năm chi gồm thâu hành không phóng dật làm chỗ nương dựa. Do năm thứ tướng dứt trừ năm thứ ố tác đã sanh khởi từ tội đã phạm kia.

Thế nào là sanh khởi năm thứ ố tác (hối)? Đó là:

1. Sanh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, nên về sau nhất định sẽ tự thành khẩn khiển trách sâu xa.

2. Sanh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, nhất định sẽ bị chư Thiên khác quở trách.

3. Sanh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, nhất định bị bậc Đại sư cùng các vị đồng phạm hạnh có trí sẽ cùng quở trách.

4. Sanh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, nhất định tiếng xấu ác ấy sẽ được truyền đi khắp.

5. Sanh khởi ố tác, do ta đã hủy phạm nhân duyên của tịnh giới, sau khi thân hoại mạng chung, nhất định sẽ bị đọa trong các nẻo ác.

Năm chi gồm thâu hành không phóng dật, như nơi địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng của chúng. Nghĩa là:

- Tiền tế cùng hành.

- Hậu tế cùng hành.

- Trung tế cùng hành.

- Thời gian đầu tạo tác.

- Cùng tùy hành.

Thế nào là do năm thứ tướng, dứt trừ năm thứ ố tác đã sanh khởi từ tội đã phạm kia? Đó là:

1. Đức Thế Tôn thuyết giảng chánh pháp đều có nhân duyên, cũng có xuất ly. Do đó tội đã phạm đều có thể trở lại thanh tịnh, vì vậy trừ bỏ ố tác đã sanh.

2. Do kẻ kia không biết, hành phóng dật, phiền não tăng mạnh, cùng do khinh mạn, nên phạm tội đã phạm. Tức các thứ không biết cho đến khinh mạn ta đã đoạn dứt. Chánh trí hiện có, cho đến sự tôn kính ta đã sanh khởi. Vì vậy trừ bỏ ố tác đã sanh.

3. Ý lạc về vị lai không phạm ta đã sanh khởi, do đấy trừ bỏ ố tác đã sanh.

4. Ta đã đối với các vị đồng phạm hạnh có trí phát lồ sám hối diệt trừ, do đấy loại bỏ ố tác đã sanh.

5. Ta ở trong Pháp-Luật thuyết giảng thiện của Phật đã xuất gia rồi, tuy vượt học xứ, nhưng có thể sám hối diệt trừ, hết sức là "Lành thay!". Nhưng Đức Thế Tôn đã dùng vô lượng môn để quở trách việc dấy khởi ố tác tương tục: Đó là che lấp, ngăn chặn. Ta nay đối với các ố tác kia phần nhiều trụ giữ không thể trừ bỏ, không phải là điều tốt đẹp. Nhận biết rõ điều ấy rồi, do đó dứt trừ ố tác đã sanh.

Như thế gọi là tội đã phạm trở lại thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết lược có năm pháp tùy hành của Tỳ-nại-da. Dựa nơi Tỳ-nại-da, Bí sô siêng năng tu học theo đấy tùy hành. Những gì là năm pháp. Đó là:

1. An trụ.

2. Cư xứ.

3. Chỗ dựa.

4. Thọ dụng.

5. Yết ma.

- Thế nào là an trụ? Nghĩa là Bí sô siêng năng tu học, dựa nơi Tỳ-nại-da phải nên an trụ nơi năm thứ tướng trụ:

1. Nếu vào xóm làng, phải nên an trụ nơi tưởng đi vào chốn lao ngục.

2. Nếu tại đạo tràng, luôn phải đối với bản thân trụ nơi tưởng Sa-môn.

3. Nếu vào lúc ăn uống, luôn phải an trụ nơi tưởng xem việc ăn uống như là trị bệnh.

4. Nếu ở nơi chốn xa lìa, đối với mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh v.v…, nên trụ nơi tưởng mù điếc câm ngọng.

5. Nếu vào lúc ngủ nghỉ, nên khởi tưởng như loài nai kinh sợ trong vùng rừng núi hoang vắng khó giữ gìn.

Các Bí sô siêng năng tu học, dựa nơi Tỳ-nại-da thường nên an trụ nơi năm tưởng trụ như thế. Đối với tưởng trụ ấy đã an trụ rồi, tuy hiện thọ dụng các thứ y phục, ngọa cụ, thức ăn uống v.v… thuộc hàng vua quan, nhưng không rơi vào biên hành thọ dục lạc.

- Thế nào là cư xứ? Tức là năm cư xứ:

1. Cư xứ của Bí sô.

2. Cư xứ của Bí sô ni.

3. Cư xứ của ngoại đạo.

4. Cư xứ tạp nhiễm.

5. Cư xứ không tạp nhiễm.

- Cư xứ của Bí-sô: Nghĩa là ở nơi xứ ấy có các Bí sô hạ trung thượng tọa cư trú.

- Cư trú của Bí-sô-ni: Nghĩa là ở nơi xứ ấy có các Bí sô ni với ba hạng như trước đang cư trú.

- Cư trú của ngoại đạo: Tức là nơi xứ ấy có nhiều thứ ngoại đạo cư trú như ly hệ, tịnh mạng, ba luân bát-đa…

- Cư xứ tạp nhiễm: Nghĩa là ở nơi xứ ấy, tất cả yết ma đều không thiết lập, hoặc chỉ thiết lập một phần yết ma.

- Cư xứ không tạp nhiễm: Nghĩa là ở nơi xứ ấy đã thiết lập đầy đủ tất cả yết ma.

Lại, cư xứ của Bí-sô không tạp nhiễm: Nên biết chúng hội an lập nghiêm túc. Cư xứ của Bí sô nếu có tạp nhiễm: Nên biết chúng hội an lập hỗn tạp.

- Thế nào là chỗ dựa? Nghĩa là năm chỗ dựa. Đó là:

1. Chỗ dựa là thôn xóm ruộng đất.

2. Chỗ dựa là cư xứ.

3. Chỗ dựa là hữu tình.

4. Chỗ dựa là các vật dụng nuôi sống như y phục v.v...

5. Chỗ dựa là oai nghi.

Nếu dựa nơi thôn xóm, thành ấp theo địa phương mà được an trụ, nên biết đó gọi là "chỗ dựa là thôn xóm ruộng đất".

Nếu dựa nơi các vườn rừng, hoặc các tự viện, xứ kinh hành v.v… mà được an trụ, nên biết đó gọi là "chỗ dựa là cư xứ".

Nếu dựa nơi các thí chủ, các bậc quỹ phạm, thân giáo, can ngăn dạy dỗ, giảng nói trao truyền chánh pháp mà được an trụ, nên biết đó gọi là "chỗ dựa là các hữu tình".

Nếu dựa vào việc thuận đạo, hoặc thô hoặc diệu, theo chỗ đạt được các thứ vật dụng nuôi sống thân mạng như y phục, thức ăn uống, thuốc men trị bệnh, mà được an trụ, nên biết đó gọi là "chỗ dựa là các thứ vật dụng nuôi sống như y phục v.v…".

Nếu dựa nơi xứ ấy, trong mọi thời gian, bốn oai nghi của thân như chỗ vui thích, được an lạc trụ, nên biết đó gọi là "chỗ dựa là oai nghi".

Nếu nương vào các chỗ dựa như thế mà trụ, tức hoàn toàn không bị các thứ khổ não phi Thánh, vô nghĩa, dẫn đến khốn tệ, không thích hợp, tổn hại tự thân.

- Thế nào là thọ dụng? Nghĩa là có năm thứ thọ dụng bất tịnh cùng có năm thứ thọ dụng thanh tịnh. Những gì là năm thứ thọ dụng bất tịnh? Đó là:

1. Thọ dụng các vật của tháp thờ, không phải gặp lúc bị bệnh nặng.

2. Thọ dụng các vật của Tăng kỳ, không phải do Tăng chúng trao cho, không phải rơi vào bát, không phải được phân thuộc về mình.

3. Thọ dụng các vật của biệt nhân thuộc kẻ khác, không từ kẻ kia mà được, không phải kẻ kia đã hứa cho, tùy ý thọ dụng.

4. Thọ dụng các vật không phải tin tưởng giao phó. Nghĩa là không nên thọ dụng tất cả các vật hiện có của hữu tình không tin tưởng giao phó.

5. Thọ dụng các vật đã nhiễm ô, cấu uế, hoặc do quen gần với việc giảm các pháp thiện, tăng các pháp bất thiện. Hoặc lúc quen gần, khiến các thế gian sanh khởi chê trách, khiến các thế gian cùng khinh chán. Kẻ chưa sanh tin thì khiến càng không tin. Kẻ đã sanh tin thì khiến biến dị.

Đó gọi là năm thứ thọ dụng bất tịnh. Bí sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học phải nên xa lìa.

Cùng với đấy trái nhau, nên biết là năm thứ thọ dụng thanh tịnh. Bí

sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học phải nên thọ dụng. Bí sô xa lìa thọ dụng bất tịnh, đối với thọ dụng thanh tịnh tùy hành, có thể khéo báo đáp các tín thí hiện có.

- Thế nào là yết ma? Nghĩa là tất cả yết ma lược có bốn loại:

1. Yết ma đơn bạch.

2. Yết ma bạch nhị.

3. Yết ma bạch tứ.

4. Yết ma tam ngữ.

Bốn yết ma này lược có hai sự làm nơi chốn nương dựa:

1. Sự của số hữu tình làm chốn nương dựa.

2. Sự của số vô tình làm chốn nương dựa.

- Sự của số hữu tình làm chốn nương dựa: Nghĩa là yết ma xuất gia, hoặc yết ma thọ cụ túc, hoặc yết ma hữu tình đồng ý. Hoặc yết ma xuất tội, hoặc yết ma cử, hoặc yết ma tẩn, hoặc từ hai nơi an cư, thọ 10, 20, 40 đêm, với yết ma hiện có. Như vậy, hoặc là để thâu nhận hữu tình, hoặc là để điều phục hữu tình, nên thiết lập yết ma. Đó gọi là yết ma với chốn nương dựa là sự của số hữu tình.

- Sự của số vô tình làm chốn nương dựa: Nghĩa là yết ma thọ trì y bát, hoặc yết ma nhận giữ yết-hy-na không xả, hoặc yết ma kiết giới, hoặc yết ma đồng ý làm tịnh lúa gạo, các loại yết ma hiện có như thế, nên biết đó gọi là yết ma với chỗ nương dựa là sự của số vô tình.

Lại, yết ma này nên biết hoặc có hai chúng thực hiện, hoặc có bốn chúng thực hiện, hoặc có 10 chúng, 20 chúng, 40 chúng thực hiện, hoặc có hợp chúng thực hiện.

Hai chúng thực hiện: Nghĩa là một Bí-sô đối trước một Bí-sô, hành yết ma ba lần nói về biệt hối, phát lồ sám hối trừ bỏ, hoặc tội "vẫn trụy", hoặc tội "ác tác".

Bốn chúng thực hiện: Nghĩa là như có một Bí-sô phạm tội thô rồi, đối trước bốn người hành yết ma phát lồ sám hối trừ bỏ tội.

Mười chúng thực hiện: Tức là yết ma thọ cụ túc.

Hai mươi chúng thực hiện: Nghĩa là yết ma nêu ra các tội khác trước chúng Bí sô, cùng yết ma thọ cụ túc của các Bí-sô-ni.

Bốn mươi chúng thực hiện: Là yết ma nêu ra các tội khác trước chúng Bí-sô-ni.

Hợp chúng thực hiện: Là yết ma tăng trưởng, hoặc yết ma tứ cử, hoặc các loại yết ma hiện có khác.

Bốn thứ yết ma ấy, do sự sai biệt nên thành vô lượng loại, nói rộng nên biết như nơi Ma-đát-la của Tỳ-nại-da.

Như thế là đã hiểu rõ về yết ma hiện có. Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, thuận hành yết ma, đối với tội đã phạm đạt được thiện xảo, đối với nẻo xuất ly tội cũng được thiện xảo, lánh giữ tự thân khiến được thanh tịnh, lìa các tội lỗi.

Lại nữa, Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, nên biết có năm thứ học pháp trái nghịch phải nên xa lìa. Lại có năm thứ học pháp tùy thuận phải nên thọ trì.

Những gì là năm học pháp trái nghịch? Đó là:

1. Chướng ngại.

2. Chánh pháp tượng tợ.

3. Bạn ác.

4. Phiền não ngu tối dấy mạnh.

5. Tư lương của đời trước, về lực rất yếu kém.

- Thế nào là chướng ngại? Nghĩa là có năm chướng:

1. Chướng ngại của Giới tăng thượng.

2. Chướng ngại của Tâm tăng thượng.

3. Chướng ngại của Huệ tăng thượng.

4. Chướng ngại của việc đi đến nẻo thiện.

5. Chướng ngại của việc hành tác lợi dưỡng, thọ mạng.

- Thế nào gọi là chánh pháp tượng tợ? Nghĩa là lược có hai thứ chánh pháp tượng tợ:

1. Chánh pháp tợ giáo.

2. Chánh pháp tợ hành.

Nếu đối với phi pháp khởi tưởng là pháp, hiển thị phi pháp cho là pháp, khiến cho kẻ khác ở trong ấy sanh tưởng chánh pháp, cho giáo pháp như thế là thật, là đế. Không phải là chánh pháp mà lại hiển hiện hình tượng giống với chánh pháp, do đó gọi là chánh pháp tợ giáo.

Nếu rộng vì người khác tuyên thuyết như thế, khiến họ thọ học cũng tự tu hành, vọng khởi tưởng là pháp, tập các hành tà mà tự kiêu mạn, cho mình có thể tu là hành chân chánh. Nên biết đó gọi là chánh pháp tợ hành.

Vì nhằm nêu bày rộng về chánh pháp tượng tợ, nên nơi phần giữa lại nói tụng:

Đầu là năm thứ pháp

Tiếp các kiến như căn
Phi xứ là ác tác
Giới bạo ác là sau.

Các thứ giáo pháp có văn cú tương tợ với giáo pháp do Đức Như Lai giảng nói, ở trong các kinh được để nơi phần "Ngụy kinh", ở trong các luật được để nơi phần "Ngụy luật". Như thế gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại do kiến tăng ích hoặc tổn giảm, tăng ích sự hư, tổn giảm sự thật. Do phương tiện ấy, nên đối với vô số môn nghĩa như vô thường v.v… rộng vì người khác tuyên thuyết, khai thị, như thế như thế, tự thân tập hành. Như vậy cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại, nơi các hữu tình, tuyên thuyết kinh điển hiện có, chấp giữ, phân biệt tà vạy, nói có hữu tình chân thật. Như thế cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại, ở trong vô số pháp giả có, tuyên thuyết, khai thị là tánh có thật. Như thế cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại, đối với Niết-bàn cứu cánh xa lìa tất cả hý luận, phân biệt là có hoặc là không có, nói là tánh có hoặc tánh không có. Như thế cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, nói như thế này: Đức Thế Tôn đã nêu bày chỉ rõ, xưng tán việc giữ kín các căn môn. Do nhân duyên ấy, nên rõ là không còn thấy sắc, cho đến đối với pháp không dùng ý để suy xét, nhưng lại không buộc giữ niệm để xem thấy các sắc, cho đến dùng ý tư duy các pháp. Như thế cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại nghe Đức Thế Tôn nói tâm dẫn dắt thế gian, tâm tạo dựng tất cả, tùy tâm sanh khởi đều tự tại mà chuyển. Đối với nghĩa lý sâu xa của các kinh như thế đều không nhận biết đúng như thật. Hoặc có một loại hữu tình, do chấp giữ pháp xấu ác, khởi ngôn thuyết: Chỉ có một thức dong ruổi theo nẻo sanh tử, không hai, không khác. Như vậy cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại nghe Đức Thế Tôn xác nhận các hữu tình, sĩ phu trì giới, thọ dụng thức ăn trăm vị, y phục trăm ngàn loại, là những dục diệu làm chướng ngại đạo, thì cho giả như các phẩm loại ấy lúc đang thọ dụng cũng không là chướng ngại. Hoặc có một loại hữu tình, do chấp giữ pháp xấu ác đã nói: Đức Thế Tôn thuyết giảng các dục là chướng ngại đối với đạo, nhưng nếu có quen gần, không đủ gọi là chướng ngại. Như vậy cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại nghe Đức Thế Tôn nơi các vị A-la-hán, ở trong hiện pháp, đối

với uẩn xứ giới của việc ăn uống, nói năng, không bỏ không lấy, không nhận biết như thật, liền khởi ngôn thuyết: Như ta hiểu pháp do Phật giảng nói, thì Tăng A-la-hán, đối với các sự việc sau khi qua đời, đều không hề biết rõ. Như vậy cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình không nhận biết đúng như thật về đạo lý của hai đế Thế tục và Thắng nghĩa, trái với lý của hai đế, nói như vầy: Các uẩn vô ngã. Làm sao vô ngã tạo tác các nghiệp khiến ngã xúc chứng? Như vậy nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình bản tánh ngu si, hành nhiều hủy báng đối với chín thứ chánh trụ tâm bên trong không nhận biết đúng như thật. Đối với hành quán đế, hành quán niệm trụ không nhận biết đúng như thật. Do không nhận biết, nên vì kẻ khác tuyên thuyết chỉ tác ý tín giải là phẩm Xa-ma-tha, chỉ tác ý tín giải là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Chỉ tác ý tín giải là có thể đạt được cứu cánh. Tự mình cũng tập hành. Cũng hành như thế, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, không phải là xứ ố tác mà không tư duy, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, đối với các việc đọc tụng, hành quán, tác ý đều có khả năng thực hiện, vui thích với việc của Tăng. Cũng ở trong đấy thấy công đức thù thắng, vì kẻ khác tuyên thuyết, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, ở trong Pháp-Luật thuyết giảng thiện đã xuất gia rồi, lần lượt cùng dẫn, chuyên xem việc lắng nghe là cứu cánh, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, tạo hợp vô số oai nghi giả trá, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, do hiểu biết về văn chương, chú thuật của thế gian, cầu nhiều, đạt nhiều các thứ lợi dưỡng hiện có, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại có một loại hữu tình, tổn não kẻ khác, dùng phi pháp ấy để tích tập của cải vật báu, tạo có tội phước, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Lại, tức đối với chánh pháp tượng tợ ấy có thể dẫn đến vô nghĩa, dùng các nhân duyên để khai thị, kiến lập, nên biết cũng gọi là chánh pháp tượng tợ.

Như vậy, tất cả chánh pháp tượng tợ nên biết đều là trái nghịch với học pháp.

Về tánh tướng của bạn ác, nói rộng nên biết, như nơi địa Thanh văn và địa Bồ tát đã nói.

Lại lược nêu: Nếu đối với phóng dật, hoặc đối với hành ác, hoặc đối với các thứ công đức thiện thấp kém, mà cùng khuyên gắng sức, nên biết loại ấy gọi chung là bạn ác.

Nếu các phiền não hiện có, trong thời gian dài phát khởi mạnh mẽ, thuộc chủng loại ngu si, tối kém, thì đó gọi là phiền não ngu tối dấy mạnh.

Nếu nơi đời trước, các pháp thiện như tín v.v… không tu tập, nên ở trong hiện pháp, các thứ như tín v.v… yếu kém, tuy hết sức tinh tấn thành khẩn, nhưng không có năng lực để nơi hiện pháp chứng đắc Niết-bàn. Nên biết đó gọi là tư lương của đời trước có chỗ thiếu kém, nên ở trong hiện pháp, lực ấy mỏng yếu.

Đó gọi là năm thứ học pháp trái nghịch. Cùng với đấy trái nhau, nên biết là năm thứ học pháp tùy thuận. Các Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, thành tựu năm thứ học pháp tùy thuận ấy, có thể tu tập đúng đắn tất cả pháp đã học.

Thành tựu pháp tùy thuận như thế, lại có năm pháp có thể phòng hộ giới uẩn:

1. Xuất gia chân chánh.

2. Khéo thỉnh vấn.

3. Quán xét kỹ.

4. Tu tập đối trị.

5. Nhận giữ tin tưởng.

Không vì bị nợ nần mà cầu xuất gia, như trước đã nói rộng, chỉ cầu đạt Niết-bàn, yêu thích pháp tu học mà cầu xuất gia. Nên biết như thế gọi là xuất gia chân chánh.

Đã xuất gia rồi, ở trong các sự việc phạm, không phạm cùng hoàn tịnh, nếu có Bí-sô trì Kinh-Luật-Luận, đối với điều chưa hiểu rõ kia, nên đích thân đến chỗ vị Bí-sô ấy thưa hỏi để được mở bày. Nên biết như thế gọi là khéo thỉnh vấn.

Đối với giới luật của bản thân, ba thời quán xét, hoặc vào đầu ngày, hoặc vào giữa ngày, hoặc vào cuối ngày, nếu thấy không phạm liền sanh hoan hỷ. Ngày đêm tinh tấn tùy học mà trụ, nếu thấy có phạm tức liền mau chóng như pháp sám hối dứt trừ. Nên biết như thế gọi là quan sát kỹ.

Nơi mọi thời gian, đầu đêm cuối đêm, hoặc vào ban ngày, tư duy tu tập, đối trị các phiền não hiện có như tham v.v…, không phải chỉ lắng nghe

nêu dạy về giới luật liền sanh biết đủ. Nên biết như thế gọi là tu tập đối trị.

Tin sâu, nếu có phạm sẽ không có quả đáng yêu thích. Tin sâu, nếu không phạm, vị lai được quả đáng yêu thích. Nên biết như thế gọi là nhận giữ niềm tin.

Lại, xuất gia chân chánh làm chỗ nương dựa, tạo bốn sự việc khác. Do thỉnh vấn đúng đắn nên trọn không hủy phạm. Không biết nên phạm, do quán xét kỹ nên trọn không hủy phạm. Phóng dật nên phạm, do tu đối trị, nên trọn không hủy phạm. Phiền não dấy mạnh nên có chỗ phạm, do nhận giữ niềm tin, nên trọn không hủy phạm. Khinh mạn nên phạm. Nương dựa nơi năm thứ pháp như thế, nên có thể phòng hộ giới uẩn, gọi là khéo phòng hộ.

Lại nữa, các Bí-sô đối với Tỳ-nại-da siêng năng tu học, do có năm thứ pháp tịch tĩnh, nên có thể diệt trừ các ác. Năm thứ pháp đó là:

1. Nhu hòa, dễ có thể cùng trụ.

2. Đoạn.

3. Đoạn chi.

4. Kính sự.

5. Diệt tranh chấp.

Những gì gọi là nhu hòa, dễ có thể cùng trụ? Nghĩa là như kinh đã nói, lược có sáu thứ pháp đáng yêu thích.

Những gì là đoạn? Nghĩa là bốn luân hiện có của các hàng Trời, Người.

Những gì là đoạn chi? Nghĩa là năm đoạn chi.

Những gì là kính sự? Nghĩa là kính sự bậc Đại sư, nói rộng cho đến không có phóng dật.

Những gì là diệt tranh chấp? Nghĩa là bảy pháp diệt tránh.

Nên biết ở đây, do dựa nơi thân v.v… nên đối với bậc đồng phạm hạnh hiện hành không ái. Lại đối với Tăng kỳ cùng có của cải vật dụng, thọ dụng không bình đẳng. Lại có giới kiến pháp không đồng phận, do dựa vào đấy nên khó có thể cùng trụ. Tánh không nhu hòa, tâm thường lần lượt hỗ tương chống đối. Như thế gọi là chỗ chống đối pháp đáng yêu thích. Cùng với đấy trái nhau, do ba thứ nhân duyên của phẩm Bạch kia, nên biết tức là kiến lập sáu thứ pháp đáng yêu thích. Do nhân duyên thứ nhất kiến lập ba thứ. Do nhân duyên thứ hai, kiến lập pháp đáng yêu thích thứ tư. Do nhân duyên thứ ba, kiến lập hai thứ pháp đáng yêu thích thứ năm và thứ sáu.

Lại, ở trong đó, các nghiệp như thân v.v… đang hiện tiền, hiện có

khiến kẻ khác đạt được lợi ích an lạc khả ái, gọi là bạn lành từ ái. Như vật có thể khiến thọ dụng thanh tịnh, vật ấy gọi là lợi dưỡng như pháp. Nếu vật không dựa vào phương tiện phi pháp của tà mạng để đạt được, vật đó gọi là đã đạt được đúng như pháp. Nếu vật đã được đặt vào trong bát, nên biết vật ấy gọi là gắn chặt với bát ấy. Nếu vật tuy chưa đặt vào trong bát, nhưng sắp sửa đặt vào, nên biết vật ấy gọi là thuộc về bát ấy.

Nếu các thứ thức ăn được thọ dụng không chú trọng vào tinh xảo, cũng không chú trọng vào nhiều, cùng thọ dụng ăn uống nên ăn uống hiển lộ, không ăn uống riêng kín. Cho đến thức ăn chỉ cần no bụng cũng cùng phân phát, trọn không cố ý để tại chốn khuất kín mà ăn. Cũng không đóng cửa mà ăn, vì sợ có kẻ đói khát tới xin không thể cho bớt. Nên biết đó gọi là thọ dụng bình đẳng. Giới luật được bậc Thánh ưa chuộng, phân biệt có sai biệt, như nơi phần Nhiếp dị môn đã nêu, nên biết về tướng.

Chánh kiến xuất thế gian, phân biệt có sai biệt, tức như nơi phần Nhiếp sự đã nói, nên biết về tướng của chúng.

Lại do hai tướng, nên thành tánh đáng ưa thích:

1. Thể kia có đức nên tôn trọng.

2. Sự gánh vác kia có ân, ý nên an ủi. Lại, tánh đáng ưa thích có hai sai biệt:

1. Chưa sanh khiến được sanh.

2. Sanh rồi càng nên tăng rộng.

Nên biết ở đây, tôn trọng tăng thượng, nghĩa là thể kia có đức, ý an ủi tăng thượng, là dùng hai thứ tài, pháp gồm thâu. Hai thứ tăng thượng ấy nghĩa là khéo hòa hợp. Hòa hợp tăng thượng nghĩa là tâm không có não loạn. Xa lìa các thứ não loạn hiện có như tham v.v.., gọi là không trái. Phương tiện hòa hợp cùng làm một sự, gọi là không tranh. Hòa đồng nước sữa, gọi là tánh một nẻo.

Lại, xứ sở viên mãn, giáo hóa dẫn dắt viên mãn, hành chân chánh viên mãn, tư lương viên mãn làm chỗ nương dựa, nên biết đã kiến lập bốn luân của hàng Trời, Người. Năm thứ phương xứ tốt đẹp đã trụ, gọi là xứ sở viên mãn. Nói rộng nên biết như nơi địa Thanh văn. Bạn lành của chánh sĩ, gọi là giáo hóa dẫn dắt viên mãn. Nói rộng nên biết như nơi địa Thanh văn và địa Bồ tát.

Do năm thứ tướng, tự phát nguyện chân chánh, gọi là hành chân chánh viên mãn. Những gì là năm thứ tướng? Đó là:

1. Đối với sự dạy trao đúng đắn, có thể kính thuận nhận lấy.

2. Hành không trái nghịch.

3. Tự hiển bày như thật.

4. Sư giáo thọ kia, theo chỗ đạt được các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ tinh thô, liền sanh biết đủ.

5. Liên tục cẩn trọng hai thứ gia hạnh, vui đoạn, vui tu, cho đến tu tập bốn thứ đối trị ái, thủ của Bí sô.

Lại, hữu tình đã tạo phước từ đời trước, do sức tăng thượng của thiện căn nơi đời trước, nên biết có năm tướng thắng lợi của quả. Nghĩa là do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên an trụ nơi hai thứ quả báo khả ái: 1. Trong. 2. Ngoài.

Quả báo khả ái thuộc bên trong: Là trường thọ, trụ lâu, sắc đẹp, đoan nghiêm. Không bệnh, ít phiền não. Trí huệ mạnh mẽ, lời nói có uy lực, thuộc tộc họ danh tiếng.

Quả báo khả ái thuộc bên ngoài: Là sanh nơi nhà phú quý v.v… như kinh đã nói rộng. Giàu có lớn, phò tá, che chở lớn, kẻ hầu hạ nhiều. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ nhất của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Lại, do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên có thể khéo an trụ, không hề bị các thứ phi nhân như Dược xoa, yêu quái, các thần giữ nhà đất có thể gây chướng ngại. Nghĩa là đối với tài sản, địa vị, không tạo chướng ngại, hoặc đối với thọ mạng không tạo chướng ngại. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ hai của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Lại, do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên tánh đối với pháp thiện, tâm có thể hướng nhập, tu tập không biếng trễ. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ ba của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Lại, do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên tánh đối với hành ác, tự thành khẩn cảm thấy xấu hổ sâu xa, tuy tạo ác rồi, nhưng luôn luôn phát khởi tâm hối hận mãnh liệt. Do nhân duyên ấy, nên khiến ác đã tạo nơi hiện tại giảm thiểu, đối với ác của vị lai có thể vĩnh viễn xa lìa. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ tư của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Lại, do sức tăng thượng của phước được tạo từ đời trước, nên ý hướng, kỹ năng nơi phương tiện gia hạnh của tất cả sự nghiệp đều lần lượt hưng thạnh. Mọi sự hành tác đều được kính thuận, ít dùng công sức mà thành tựu được nhiều. Đó gọi là tướng thắng lợi thứ năm của quả do phước đã tạo từ đời trước.

Bốn thứ luân như thế, chư Thiên nơi cõi Trời, các hữu tình trong cõi người, như bánh xe thắng diệu của Chỉ, Quán hiện có, theo đấy nếu thiếu

thì xe không chuyển được.

Lại dựa vào nghĩa nên đạt được sanh khởi tin hiểu sâu xa, đối trước vị sư trưởng tự hiển bày đúng như thật: Thân có dũng mãnh, tâm có năng lực, có thể nhận hiểu nghĩa của pháp thuyết giảng thiện, ác hiện có, theo như thứ lớp, nên biết đã kiến lập năm thứ đoạn chi, nếu thiếu một chi thì sự đoạn trừ không thành tựu đầy đủ.

Lại, nơi đầu tiên phải nên gắng sức kính sự bậc Đại sư. Nghĩa là có thể tuyên thuyết Giới học tăng thượng, Tâm học tăng thượng, Huệ học tăng thượng nơi giáo pháp hiện có. Tiếp theo, nên kính sự đối với pháp đã thuyết giảng. Thứ đến, lúc tu tập pháp tùy pháp hành, phải nên kính sự dựa vào Giới tăng thượng cùng học xứ tương ưng với Tỳ-nại-da. Thứ nữa, nên kính sự dựa vào Tâm tăng thượng và Huệ tăng thượng nơi sự chỉ dạy, khuyên bảo, trao truyền. Vào mọi thời gian tu cúng dường của cải và giáo pháp. Nên biết ở đây, cúng dường của cải, giáo pháp, nghĩa là đồng cư trú và đồng thọ dụng.

Tiếp theo, đối với Tĩnh lự, tu Tam-ma-địa. Từ đấy, liên tục, theo chỗ không ái vị, thông tỏ về đế lý, vĩnh viễn dứt hết các lậu, không có phóng dật. Bảy thứ kính sự có sai biệt về thứ lớp nên biết.

Lại do ba tướng, nên biết về kính sự. Tức do có thể biết thể kia có công đức thắng lợi, nên khởi tôn trọng. Theo nơi thể, đều dùng ba thứ hành chánh của thân ngữ ý để tu cung kính. Lại bày biện vô số cờ phướn lọng v.v… để cúng dường. Có các vị đồng phạm hạnh nên các tội đã phạm của các vị đồng phạm hạnh khác. Tức nơi hiện tiền, bốn mắt cùng đối nhau, đều dùng sự thật không dùng phi thật, cho đến nói rộng. Vị kia đối với điều chưa hiểu rõ, thì lúc được hiểu rõ nên lại không phạm. Do lại không phạm, nên các Bí sô ấy, vì kiến, văn, nghi không ứng hợp với sự việc đã phạm ở trước được nêu lên lần nữa, như thế là "tránh sự" liền được trừ diệt.

Có các Bí sô thấy Bí-sô khác phạm tội, cả về thời gian và hoàn cảnh. Vào thời gian sau, Bí-sô phạm tội kia quên hẳn điều mình đã phạm. Người trông thấy Bí-sô đã phạm, ghi nhận tội đã phạm ấy, bèn nêu lên sự việc kia, hỏi: Ông có nhớ là mình đã phạm tội không? Bí-sô kia đáp: Tôi hoàn toàn không nhớ. Bí-sô kia đã không nhớ thì không thể tự hối. Nếu nói dối: "Tôi có nhớ", thì lời ấy là lời hối, có thể lìa ố tác. Nhưng Bí-sô kia đã bị người khác cử tội, nên tin thuận, nên theo chúng Tăng cầu xin tưởng ức niệm Tỳ-nại-da cùng được thanh tịnh. Bấy giờ chúng Tăng tin các Bí-sô cùng với Bí-sô kia thanh tịnh, Bí-sô phạm tội kia được lìa ố tác, các Bí-sô này không nên nêu lần nữa về sự việc đã phạm ở trước. Như vậy là "tránh sự" liền

được trừ diệt.

Lại có Bí-sô do điên cuồng, nên hiện hành nhiều thứ không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận pháp. Bí-sô kia do sự việc ấy nên không thành phạm.

Lại có một loại Bí-sô không nhận biết. Nghĩa là vị ấy thành phạm không phải là xứ cử phát. Có các Bí-sô vì phòng hộ vị lai, nên chỉ dẫn về nhớ nghĩ, khiến có thể đạt được tự tâm, trở lại theo chúng Tăng cầu xin tưởng bất si Tỳ-nại-da cùng được thanh tịnh. Bí-sô kia nghe như thế rồi, tức liền cầu xin. Bấy giờ, chúng Tăng nên quyết đoán, hữu tình như thế là không thành phạm. Tăng hòa hợp trụ, nêu rõ là cùng thanh tịnh. Bí-sô không nhận biết kia, đã nghe điều ấy rồi, không còn nêu lên lần nữa sự việc đã phạm ở trước, như vậy là "tránh sự" liền được diệt trừ.

Lại có Bí-sô ở trong chúng Tăng cử tội của Bí-sô khác. Người là chủ thể cử khởi tưởng có phạm, còn người là đối tượng bị cử thì khởi tưởng không phạm. Do tưởng không phạm, nên tự nói là mình không phạm tội. Người là chủ thể cử tội nói:

- Trưởng lão há không từng làm các việc như vậy như vậy chăng?

Bí-sô kia bèn thành thật đáp:

- Tôi không từng làm. Bí-sô cử tội nói:

- Vị kia trước đã phạm, nay bị cử phát cũng không nhận rõ, nên nói là không phạm.

Bấy giờ, chúng Tăng liền thực hiện việc tìm cầu tự tánh của sự việc kia là có phạm hay không phạm. Chờ đạt được sự thật rồi, nên như pháp quyết đoán. Như thế là "tránh sự" liền được trừ diệt.

Có trụ xứ khác với nhiều Bí sô, đối với tội đã phạm cùng sanh khởi nghi vấn, tranh luận. Hoặc nói có phạm, hoặc nói không phạm, hoặc nói là nặng, hoặc bảo là nhẹ. Có số chúng Tăng nơi trụ xứ khác thường đi ngang qua đấy, trong đó có vị là bậc Huệ giải, thọ trì ba tạng, nên thỉnh họ quyết đoán chỗ nghi kia, khiến đạt đến cứu cánh. Như thế là "tránh sự" liền được diệt trừ.

Lại có Bí-sô đã phạm tội rồi, tự hối về chỗ kích phát của triền, bèn thành ưu sầu, lo sợ kẻ khác cử phát, liền như pháp sám hối. Do đấy nên hết thảy "tránh sự" được trừ diệt.

Có nhiều Bí-sô cùng nhau cử tội, đều là chỗ chấp giữ của kiêu mạn, không muốn lần lượt cùng đối nhau để phát lồ sám hối, chỉ chuyên sự ly tán. Hai bộ ở riêng, đều nói: "Các vị kia đã không chịu đến đối diện với

chúng tôi để phát lồ sám hối diệt trừ. Chúng tôi sao lại phải tới chỗ của họ? Hai bộ này nên suy cử một vị có trí huệ đứng đầu trong chúng làm công việc hòa giải, chấp nhận cùng đi đến để phát lồ sám hối, dứt trừ tội đã phạm. Như thế là "tránh sự" liền được trừ diệt. Tránh sự như vậy lược có bốn thứ, nên biết việc diệt trừ cũng có bốn thứ. Những gì gọi là bốn thứ tránh sự? Đó là:

1. Tránh sự của kẻ khác nêu lên.
2. Tránh sự cùng nghi.
3. Tránh sự tự mình nêu lên.
4. Tránh sự cùng nêu lên. Bốn thứ trừ diệt tránh sự là:
1. Trừ diệt do nguyện nêu ra chỗ phạm.
2. Trừ diệt do đem lại thanh tịnh.
3. Trừ diệt do hứa cầu tìm thật tánh.
4. Trừ diệt do mỗi người đều phát lồ.

-oOo-

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 100

Phần Nhiếp Sự: Sự Điều Phục.
Lựa Chọn. Gồm Thâu Chung Thứ Năm

Đoạn 2:

Lại nữa, Bí-sô dựa nơi Tỳ-nại-da siêng năng tu học, đối với năm xứ nên nhận biết đúng khắp. Những gì là năm xứ? Đó là:

1. Nhận biết khắp về sự.

2. Nhận biết khắp về tội.

3. Nhận biết khắp về hữu tình.

4. Nhận biết khắp về chỗ dẫn thâu nghĩa lợi.

5. Nhận biết khắp về chỗ tổn não.

- Thế nào là nhận biết khắp về sự? Nghĩa là năm sự như uẩn v.v…, như nơi địa Thanh văn đã nói.

- Thế nào là nhận biết khắp về tội? Nghĩa là các Bí-sô, dựa nơi Tỳ-nại-da siêng năng tu học, do năm thứ tướng nên nhận biết khắp về chỗ phạm:

1. Nhận biết khắp về nhân duyên phạm tội.

2. Nhận biết khắp về đẳng khởi của việc phạm tội.

3. Nhận biết khắp về sự của tội đã phạm.

4. Nhận biết khắp về gia hạnh của việc phạm tội.

5. Nhận biết rõ về cứu cánh của sự phạm tội.

- Nhận biết khắp về nhân duyên phạm tội: Nghĩa là, nhân duyên hoặc là do tham, hoặc là do sân, hoặc là do si, nên đã hủy phạm các tội.

- Nhận biết khắp về đẳng khởi của việc phạm tội: Nghĩa là, hoặc có tội do thân là đẳng khởi, không phải là ngữ, tâm. Hoặc lại có tội do ngữ là đẳng khởi, không phải là thân, tâm. Hoặc lại có tội do tâm là đẳng khởi, không phải là thân, ngữ. Hoặc lại có tội do thân, do tâm là đẳng khởi, không phải là thân. Hoặc lại có tội do thân do ngữ là đẳng khởi, không phải là tâm. Hoặc lại có tội do thân do ngữ do tâm là đẳng khởi.

Không riêng do tâm đã phạm các tội phải theo xứ của kẻ khác phát lồ sám hối dứt trừ, chỉ nên thành khẩn tự phòng hộ sâu xa, như có Bí-sô phát khởi vô số tầm tư bất thiện như tầm tư dục v.v…

- Nhận biết khắp về sự của tội đã phạm: Tức là sự phạm tội lược có hai thứ:

1. Sự của số hữu tình.

2. Sự của số vô tình.

- Nhận biết khắp về gia hạnh của việc phạm tội: Nghĩa là tội đã phạm có hai gia hạnh:

1. Gia hạnh của sự nghiệp là chỗ không nên làm.

2. Gia hạnh của sự nghiệp là chỗ nên làm.

- Nhận biết khắp về cứu cánh của việc phạm tội: Nghĩa là nơi xứ ấy thiết lập phương tiện, tức đối với xứ ấy mà đạt được cứu cánh, không phải giữa chừng có sự thối chuyển. Do duyên này nên chỗ phạm gồm đủ. Các tập hợp về tội thô, tha thắng, trong nhiều phương tiện khác đã phạm vẫn trụy, ác tác. Đối với phương tiện kia và trong tự tụ mà được cứu cánh. Ở trong các phương tiện của tội vẫn trụy cũng phạm ác tác. Bốn thứ tụ tội gọi là tội hữu dư. Tụ tội tha thắng gọi là tội vô dư.

Nếu tội đã phạm do có trí, nên gọi là không tích tập. Hoặc lại từ kẻ khác mà hiển phát, nên cũng không tích tập. Cùng với đấy trái nhau, không phải là không tích tập. nếu tội đã phạm, đã theo kẻ khác, như pháp phát lồ tạo phương tiện sám hối dứt trừ, gọi là đã hiển bày. Cùng trái nhau với đây gọi là chưa hiển bày. Nếu tội đã phạm theo phương tiện giữ lấy, sẽ sám hối, gọi là có kỳ nguyện. Cùng với đấy trái nhau, gọi là không kỳ nguyện.

Nếu tội đã phạm, chư Phật Thế Tôn, ở trong Tỳ-nại-da của Biệt giải thoát đã kiến lập là phạm, gọi là có chế lập. Cùng với đấy trái nhau, gọi là không chế lập.

Nếu tội đã phạm, hoặc căn cứ nơi một loại hữu tình, hoặc lại căn cứ nơi thời gian nhưng không quyết định, trước đã chế lập tướng chung không sai biệt, nên biết tội này gọi là đẳng liên. Cùng với đây trái nhau, gọi là phi đẳng liên.

- Thế nào là nhận biết khắp về hữu tình? Nghĩa là do năm tướng nên biết có sai biệt:

1. Do hành có sai biệt.

2. Do chúng có sai biệt.

3. Do tăng giảm có sai biệt.

4. Do chứng đắc có sai biệt.

5. Do quan sát có sai biệt.

- Do hành có sai biệt: Nghĩa là có thể nhận biết khắp do các hành như tham v.v… có sai biệt, nên hữu tình kia có sai biệt, như nơi địa Thanh văn đã nói, nên biết về tướng.

- Do chúng có sai biệt: Nghĩa là có thể nhận biết khắp do bảy chúng như Bí-sô, Bí-sô-ni v.v… khác nhau, nên hữu tình kia có sai biệt.

- Do tăng giảm có sai biệt: Nghĩa là như một loại hữu tình, hoặc là hàng quý tộc xuất gia, hoặc là từ tộc họ giàu có xuất gia, hoặc dung mạo đoan nghiêm. Còn một loại khác thì không như thế. Lại có một loại hữu tình học rộng biết nhiều, ngôn ngữ gồm đủ, đại trí đại phước viên mãn. Đối với Thi-la tịnh phòng hộ mạnh vững, ít có chỗ phạm, sanh nhiều hối tiếc, nơi phạm nơi xuất đều có thể khéo nhận biết rõ. Còn một loại khác thì không như thế. Nếu có thể nhận biết khắp các sự việc như vậy, nên biết gọi là nhận biết khắp về tăng giảm có sai biệt, nên hữu tình kia có sai biệt.

- Do chứng đắc có sai biệt: Nghĩa là có thể nhận biết khắp về bảy thứ quả vị sai biệt, từ Tùy tín hành, cho đến Câu phần giải thoát là biên sau, từ hướng, quả Dự lưu cho đến sau cùng là quả A-la-hán gồm tám thứ quả vị sai biệt.

Các loại hữu tình như thế phân biệt có sai biệt, như nơi địa Thanh văn đã biện giải về tướng.

- Do quan sát có sai biệt: Nghĩa là, hữu tình là chủ thể cử tội nên khéo quan sát đối tượng bị cử tội, sau đấy nên cử tội, tạo sự nhớ nghĩ. Tức là quán hữu tình bị cử tội ấy, đối với mình có ái kính chăng, nói rộng như nơi kinh, nên biết về tướng. Hữu tình bị phát cử cũng nên khéo xem xét kẻ là chủ thể cử tội kia, là người ngu độn, điên cuồng, cử tội phi pháp nhằm tổn hại đối với mình, nói rộng như kinh, nên biết về tướng.

Hoặc là hàng có trí, không phải là si, cuồng, với những phẩm bạch hiện có, nói rộng như nơi kinh, nên biết về tướng. Lại, đối với hữu tình đã có thể làm được công việc cử tội ấy, nên quan sát đúng đắn là vì mở bày nên cử tội chăng?

Quan sát về những sai biệt hiện có của hữu tình như thế, nên biết gọi là nhận biết khắp về hữu tình.

- Thế nào là nhận biết khắp về nghĩa lợi được dẫn thâu? Nghĩa là có thể nhận biết khắp, lược có ba thứ dẫn thâu nghĩa lợi:

1. Dẫn thâu nghĩa lợi là lợi dưỡng của tự thân.

2. Dẫn thâu nghĩa lợi là nêu ra tội của thân khác.

3. Dẫn thâu nghĩa lợi là sự an lạc của Tăng già đã loại bỏ kẻ phạm giới.

- Dẫn thâu nghĩa lợi là lợi dưỡng của tự thân: Nghĩa là, nếu các lợi dưỡng thể là thanh tịnh, đó gọi là chân thật. Hoặc các lợi dưỡng thể là thanh tịnh mà có thể cần dùng, không phải là không dùng, không có tích trữ nhiều gồm đến hàng trăm tư duyên. Như thế gọi là có thể dẫn đến nghĩa lợi.

Nếu các thứ lợi dưỡng không quá thời hạn, có thể nhận thọ dụng, đó gọi là hợp thời. Nếu các lợi dưỡng, đối với các Bí-sô khác cũng đang dẫn thâu, đó gọi là có bạn. Tức loại có bạn này không phải là dẫn đến việc phá Tăng, gọi là lìa phá Tăng. Nếu nghĩa lợi là lợi dưỡng được dẫn thâu gồm đủ năm chi ấy, an trụ nơi chánh niệm, do tâm không nhiễm nên được thọ dụng.

Dẫn thâu nghĩa lợi là lợi dưỡng như thế gọi là vô tội.

- Dẫn thâu nghĩa lợi là nêu ra tội của thân khác: Nghĩa là, nếu tội đã phạm, thì kẻ kia hiện hành thật sự, đó gọi là chân thật. Nếu lại tự nhận biết, ta đã có thể khiến cho kẻ kia ra khỏi xứ bất thiện, ở yên nơi xứ thiện. Như thế gọi là có thể dẫn thâu nghĩa lợi. Nếu người nói pháp kính sự tôn trưởng, chăm sóc kẻ bệnh v.v…, lúc đang gia hạnh thì không nên cử tội. Đó gọi là hợp thời. Nếu cử tội kẻ kia, các Bí-sô khác cùng làm trợ bạn, đó gọi là có bạn. Nhân duyên ấy không phải có thể dẫn đến việc phá Tăng, như thế gọi là sự thanh tịnh thứ năm.

Nếu cự dẫn thâu nghĩa lợi là nêu ra tội gồm đủ năm chi ấy, an trụ nơi chánh niệm, tâm không nhiễm ô, như bạn lành từ ái, dùng lời nói dịu dàng, nên là dẫn thâu nghĩa lợi nêu ra tội của kẻ khác. Như dẫn thâu nghĩa lợi nêu ra tội của kẻ khác, thì dẫn thâu nghĩa lợi là sự an lạc của Tăng già đã loại bỏ kẻ phá giới, nên biết cũng như thế.

Nhưng có sai biệt: Nếu nhân nơi sự loại bỏ kẻ bị đuổi kia, không hợp với vị là chủ thể loại bỏ, gọi là chướng ngại. Hoặc không nhân đấy hủy hoại khuôn viên cư trú của Tăng chúng. Cũng không nhân đấy tổn hoại tháp miếu, cùng không tổn hại các vị đồng phạm hạnh khác. Như thế gọi là có thể dẫn đến nghĩa lợi. Cùng với đấy trái nhau, nên biết gọi là dẫn đến không nghĩa lợi.

- Thế nào là nhận biết khắp về sự tổn não? Nghĩa là có năm thứ tổn não hiện pháp, phàm phu hướng tới, kẻ ngu si hướng đến, người trí xa lìa, tuy thật sự không phải là cuồng, nhưng như kẻ cuồng tạo tác, cho đến chỉ có trở ngại xứ cuồng, đều không tăng trưởng nghĩa lợi hiện có. Những gì

là năm? Đó là:

- Có một loại hữu tình thương tiếc sự chết chóc, dùng vô số môn để tự thúc giục xâm hại kẻ đã chết. Đó gọi là sự tổn não hiện pháp thứ nhất, hàng phàm phu hướng tới, cho đến nói rộng.

- Lại có một loại hữu tình may mắn có được phương tiện khác dễ sanh sống. Nhưng ở nơi ngã tư đường, nơi chợ búa lớn, cắt xẻ các chi phần, giống như thân mạng sắp dứt, tức hành tà khổ bức bách thân để tự nuôi sống mình. Đó gọi là sự tổn não nơi hiện pháp thứ hai, hàng phàm phu hướng tới, cho đến nói rộng.

- Lại có một loại hữu tình, tánh tham lam keo kiệt, bị cấu uế của sự keo kiệt che phủ, may mắn có vô số nhân duyên nuôi sống thân mạng, nhưng rất là khó khăn để cầu được sống còn. Đó gọi là sự tổn não nơi hiện pháp thứ ba, hàng phàm phu hướng tới, cho đến nói rộng.

Thế nào là cấu uế của sự keo kiệt? Tức là tám thứ cấu uế của sự keo kiệt:

1. Cấu uế của sự keo kiệt do đời trước đã hành tập tham lam keo kiệt, không thường xuyên huệ thí.

2. Cấu uế của sự keo kiệt do tham luyến thân mạng thuộc phẩm thượng nơi hiện pháp.

3. Cấu uế của sự keo kiệt đối với bạn đồng phận, cùng trụ, tùy chuyển. Đối với các hữu tình không thường xuyên hành tập bi, tâm bi yếu kém.

4. Cấu uế của sự keo kiệt do thấy phước điền ít đức, đã hủy phạm hành chân chánh.

5. Cấu uế của sự keo kiệt do đối với các thứ tài sản vật dụng khởi tưởng khó đạt được.

6. Cấu uế của sự keo kiệt do ba thời luôn lo sầu hối tiếc.

7. Cấu uế của sự keo kiệt do đối với các thứ của cải, vật báu chỉ thấy công đức, không thấy lỗi lầm tai họa.

8. Cấu uế của sự keo kiệt do hồi hướng của bố thí tà vạy. Nên biết đó gọi là tám thứ cấu uế của sự keo kiệt.

- Lại có một loại hữu tình yêu thích nơi cõi Trời, cầu được sanh nơi ấy, nhưng không nhận biết đúng như thật con đường sanh lên cõi Trời. Tự gia tăng bức hại như nhịn ăn, nhảy vào lửa, rơi xuống từ nơi núi cao v.v… Đó gọi là sự tổn não nơi hiện pháp thứ tư, hàng phàm phu hướng tới, cho đến nói rộng.

- Lại có một loại hữu tình yêu thích thanh tịnh, nhưng không nhận

biết đúng như thật về con đường thanh tịnh, cho là tăng thêm pháp khổ mà được thanh tịnh, nên dùng vô số môn để tự bức hại. Đó gọi là sự tổn não nơi hiện pháp thứ năm, hàng phàm phu hướng tới, cho đến nói rộng.

Như vậy, năm thứ tổn não nơi hiện pháp, các Bí-sô dựa nơi Tỳ- nại-da siêng năng tu học, nên nhận biết đúng khắp, phải mau chóng xa lìa.

Lại nữa, các Bí-sô dựa nơi Tỳ-nại-da siêng năng tu học, thành tựu năm pháp, đối với người sanh tin khiến họ sanh tin tưởng, người đã sanh tin rồi khiến càng thêm tăng trưởng. Những gì là năm pháp? Đó là:

1. Thi-la viên mãn.

2. Chánh kiến viên mãn.

3. Phép tắc viên mãn.

4. Tịnh mạng viên mãn.

5. Lần lượt xa lìa tranh chấp viên mãn.

- Thi-la viên mãn: Lược có mười thứ, như nơi địa Thanh văn đã biện giải về tướng. Nghĩa là đầu tiên tức khéo thọ trì, không chìm tụ thái quá, cũng không nổi tan thái quá, cho đến nói rộng.

- Chánh kiến viên mãn: Lược có năm loại:

1. Tát-ca-da-kiến cùng Biên chấp kiến tăng ích đã vĩnh viễn đoạn trừ.

2. Tà kiến tổn giảm, phi bác cho là không, đã vĩnh viễn đoạn trừ.

3. Thủ kiến, nghĩa là các kiến thủ, giới cấm thủ đã vĩnh viễn đoạn trừ.

4. Kiến vọng chấp về xứ an lành đã vĩnh viễn đoạn trừ.

5. Các kiến điên đảo vọng chấp không có là có, có là không có, đã vĩnh viễn đoạn trừ.

- Phép tắc viên mãn: Cũng có năm loại. Nghĩa là sự việc nên làm dựa nơi thời gian làm việc. Hoặc sự việc nên làm dựa vào phẩm thiện. Hoặc sự việc nên làm dựa vào oai nghi. Tùy thuận phép tắc hiện có của thế gian và Tỳ-nại-da, nói rộng nên biết như nơi địa Thanh văn.

- Tịnh mạng viên mãn: Cũng có năm loại. Nghĩa là có thể xa lìa năm pháp dấy khởi tà mạng như giả trá v.v…, như nơi địa Thanh văn đã nêu, nên biết về tướng.

- Lần lượt xa lìa tránh chấp viên mãn: Lược có sáu loại. Nghĩa là lìa sáu thứ gốc của sự tranh chấp. Ở đây, sáu thứ gốc của sự tranh chấp, tức là phẫn, hận v.v…, nói rộng như nơi kinh. Lại dựa nơi sáu xứ, nên biết đã kiến lập sáu thứ gốc của sự tranh chấp:

1. Tướng không tạo lợi ích.

2. Ưa thích ẩn giấu lỗi lầm của mình, chấp giữ kiêu mạn.

3. Dục ái của lợi dưỡng và sự cung kính hiện hành.

4. Hủy phạm Giới hành tăng thượng.

5. Hủy phạm Tâm hành tăng thượng.

6. Hủy phạm Huệ hành tăng thượng.

Nên biết là dựa nơi xứ thứ nhất để kiến lập gốc của sự tranh chấp thứ nhất, cho đến dựa nơi xứ thứ sáu để kiến lập gốc của sự tranh chấp thứ sáu.

Lại nữa, các Bí-sô dựa nơi Tỳ-nại-da siêng năng tu học, thành tựu năm lực, đối với tất cả loại gia hạnh hiện có, ý luôn hành chân chánh. Năm lực đó là:

1. Lực gia hạnh.

2. Lực ý lạc.

3. Lực khai hiểu.

4. Lực chánh trí.

5. Lực chất trực.

Nếu Bí-Sô vui thích việc tu học, mọi phần thân ở trong các học đều khéo tu học đúng đắn. Lại đối với pháp học luôn hết sức cung kính, để tự điều phục, để đạt được giải thoát. Như thế nên biết gọi là lực gia hạnh. Nếu có chỗ phạm, do ý lạc nên mau chóng trở lại xuất ly. Như vậy nên biết gọi là lực ý lạc. Nếu đối với học xứ, luôn luôn thỉnh vấn các vị thọ trì ba tạng. Những sự tự yêu thích hiện có nơi các thiện nam ứng hợp với việc tu học, cũng có thể mở bày, chỉ rõ. Như thế nên biết gọi là lực khai hiểu. Từ nơi kẻ khác nghe pháp rồi, nếu ở trong ấy là chân là thật thì thâu nhận thuận hợp. Nếu ở trong ấy là Tỳ-nại-da giả trá, là chánh pháp tượng tợ, là những ngôn thuyết xấu ác trái chống với pháp tánh, thì nên nhận biết rõ đúng như thật. Tuy không đến nơi chốn của chư vị kia, đích thân thưa hỏi những điều chưa được mở bày, hiểu rõ, nhưng nhờ đa văn, nên đối với các pháp Đức Thế Tôn không ngăn cấm cũng không cho phép, có thể tự tư duy về tánh của Sa-môn là có thể tùy thuận, là có thể trái nghịch. Đã nhận biết rõ rồi, như chỗ ứng hợp có thể tu hành đúng đắn, có thể xa lìa đúng đắn. Như thế nên biết gọi là lực chánh trí. Nếu sức tin hiểu lìa các thứ dối trá, dua nịnh, tức không có phần ít phân biệt hư vọng. Không phải ở trong chỗ cho phép của phần ít, lại tăng thêm thành phần nhiều mà khởi hiện hành. Cũng không ở trong chỗ cho phép của phần nhiều lại tổn giảm thành phần ít để khởi hiện hành, tức chỗ hiện hành không tăng không giảm. Như thế, đầu tiên là tự sanh vui vẻ, sau khiến tự tha an lạc mà trụ, tu tập hành chánh, không

huyễn hoặc kẻ khác. Như thế nên biết gọi là lực chất trực.

Lại nữa, dựa nơi gia hạnh đã học của Tỳ-nại-da, nên biết có năm thứ hữu tình với phẩm loại sai biệt. Nghĩa là có một loại hữu tình, ở trong Pháp-Luật thuyết giảng thiện, dựa nơi pháp xuất gia, bắt đầu phát tâm hướng tới, tuy muốn phát tâm hướng tới, nhưng chưa xuất gia liền sanh phiền não, tìm cầu dục tà, do duyên ấy bèn không xuất gia.

Lại có một loại hữu tình, đã xuất gia rồi, do phiền não dấy khởi mạnh nên cố ý phạm tội. Vì nhân duyên này nên sanh nhiều ưu hối, liền khởi phiền não, tìm cầu dục tà.

Lại có một loại hữu tình, đã xuất gia rồi, nhưng đối với pháp xuất gia không sanh vui thích, đối với việc xả bỏ pháp học sắp sửa phát sanh cùng tỏ ưu, hối đối với việc xuất gia, khởi niệm: Ta không vui thích việc xuất gia này! Kẻ kia do hai duyên, nên phát sanh phiền não, tìm cầu dục tà.

Lại có một loại hữu tình, đã xuất gia rồi, do nhân duyên khó khăn về thọ mạng, nhưng không khởi cố ý trái vượt điều đã học, cho đến trọn đời luôn yêu thích pháp xuất gia, siêng tu phạm hạnh. Vị này không do hai duyên để phát sanh phiền não tìm cầu dục tà.

Bốn thứ hữu tình như thế là loại phàm phu.

Lại có một loại hữu tình, nghĩa là các vị hữu học chưa được giải thoát. Tức ở đây làm chỗ dựa, đối với Tâm, Huệ giải thoát bậc nhất ở sau, thông tỏ thăng tiến, nhận biết rõ đúng như thật. Đó gọi là loại hữu tình thứ năm. Loại thứ năm này so với loại hữu tình thứ tư ở trước là hàng phàm phu, do khéo điều phục đối với pháp giải thoát khả ái của hàng hữu học, nên nơi phần giải thoát sau, đã thông tỏ, thăng tiến, nhưng có sai biệt. Tức nên biết, đấy là hạng đã kiến đế tích. Còn ở đây, ba thứ hữu tình trước, như chỗ ứng hợp, đã sanh phát khởi hướng đến, đã sanh ưu hối, và cùng đã sanh các phiền não hiện có, tìm cầu dục tà, phải nên trừ bỏ đúng đắn. Đối với phần giải thoát trên phải nhận biết rõ, đúng. Loại thứ tư thì chỉ đối với phần giải thoát trên thuộc giai đoạn sau, nên nhận biết rõ, đúng. Nếu có thể hành như thế thì tất cả sẽ đạt được bình đẳng bình đẳng.

Lại nữa, ở trong ba học, nên biết lược có ba thứ hành tà. Nghĩa là có một loại hữu tình, trước cầu Niết-bàn mà vui thích xuất gia. Xuất gia rồi, sau vì tham ái vị nơi diệu dục cõi Trời khiến bị trôi nổi. Chỗ thọ trì giới, hồi hướng về nẻo thiện, chỉ phòng hộ Thi-la liền sanh biết đủ. Đó gọi là hành tà thứ nhất của hữu tình ngoại kiết đối với Giới tăng thượng.

Lại có một loại hữu tình, không chỉ phòng hộ Giới liền sanh biết đủ, mà có thể hướng chứng tùy một thứ định tĩnh trên các thế gian. Nhưng ở

nơi định ấy sanh nhiễm vị sâu xa, không tiến tới cầu hiện quán Thánh đế nơi phần vị trên. Đó gọi là hành tà thứ hai của hữu tình nội kiết đối với Tâm tăng thượng.

Lại có một loại hữu tình, là hàng hữu học đã kiến đế tích, do trụ nơi phóng dật, nên ở trong hiện pháp không đạt giải thoát. Nên biết đó gọi là hành tà thứ ba của hữu tình đối với Huệ tăng thượng.

Như thế là đã lược dẫn, thuận theo luận này về Ma-đát-lý-ca của cảnh trí tương ưng, điều phục, tông yếu. Ngoài ra, hết thảy tùy theo lãnh vực này đều nên nhận biết rõ.

- Phần Nhiếp sự. Sự bản mẫu: Nêu bày, biện giải, gồm thâu:

Như vậy là đã nói về Ma-đát-lý-ca của Tỳ-nại-da. Thế nào gọi là sự của Ma-đát-lý-ca? Nghĩa là, hoặc Ma-đát-lý-ca của Kinh, hoặc Ma- đát-lý-ca của Luật, tóm lược chung gọi là một Ma-đát-lý-ca.

Tuy lại không có Ma-đát-lý-ca riêng, nhưng vì gồm thâu tóm lược các pháp được nêu giảng xen lẫn: lưu chuyển, hoàn diệt, tạp nhiễm, thanh tịnh, nên nay lại nói về Ma-đát-lý-ca phân biệt pháp tướng.

Tụng nêu:

Nên do khác giải khác
Không tức đây thích đây
Nơi trước, lược nêu sự
Từ sau sẽ biện rộng.

Nếu có các pháp, nên vì người khác thuyết giảng, cần dùng môn khác, trước nêu lên chung, lại dùng môn khác, sau giải thích riêng. Nếu như thế, gọi là thuận chánh lý. Không phải tức môn này, trước nêu lên phần chung, trở lại dùng môn này, sau giải thích riêng.

Như trước nêu chung: Thế nào là hữu vi, sau giải thích riêng, nói: Đó là năm uẩn. Nếu như vậy, gọi là thuận chánh lý. Không phải trước nêu chung: Thế nào là hữu vi? Sau, giải thích riêng nói: Đó là hữu vi. Như thế, tất cả nên theo đấy mà hiểu rõ.

Lược do hai tướng, nên biết kiến lập Ma-đát-lý-ca phân biệt pháp tướng:

1. Trước lược nêu bày về sự.

2. Tức dựa vào sự được nêu bày tóm lược như thế, sau sẽ biện giải rộng.

Thế nào gọi là trước lược nêu bày về sự? Nghĩa là lược nêu về sự của phẩm Lưu chuyển, Tạp nhiễm, cùng sự của phẩm Hoàn diệt, Thanh tịnh.

Thế nào là sự của phẩm Lưu chuyển, Tạp nhiễm? Nghĩa là các sự tự tánh, chỗ dựa, đối tượng duyên, trợ bạn của sáu thức thân. Hoặc sự của uẩn, giới, xứ. Hoặc sự xứ phi xứ của các duyên khởi. Hoặc sự của ba thọ. Hoặc sự của ba đời. Hoặc sự của bốn duyên. Hoặc sự của các nghiệp. Hoặc sự của phiền não. Hoặc sự của ba cõi, như cõi Dục v.v… Hoặc sự của mười hữu, như Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu, Na- lạc-ca hữu, Bàng sanh hữu, Quỷ hữu, Thiên hữu, Nhân hữu, Nghiệp hữu, Trung hữu. Do nẻo thiện nẻo ác biệt ly dục, nên sự chiêu cảm, dẫn dắt, hướng tới có sai biệt. Hoặc sự của mười một thức trụ: Nghĩa là bốn thức trụ cùng bảy thức trụ hợp chúng mà nói. Hoặc sự nơi chín chốn cư trú của hữu tình, như nơi kinh đã nói rộng. Hoặc sự của năm nẻo. Hoặc sự của bốn loài sanh. Hoặc sự của bốn thứ nhập thai. Hoặc sự của bốn thứ đạt được tự thể. Hoặc sự của bốn thứ ăn. Hoặc sự của bốn thứ ngôn thuyết. Hoặc sự của bốn pháp thọ. Hoặc sự của bốn điên đảo. Hoặc sự của Khổ đế. Hoặc sự của Tập đế. Các loại như thế, gọi là lược nêu về sự của phẩm Lưu chuyển, Tạp nhiễm?

Thế nào là sự của phẩm Hoàn diệt, Thanh tịnh? Nghĩa là sự của Diệt đế. Hoặc sự của Đạo đế. Hoặc sự của Tam-ma-địa. Hoặc sự của các trí. Hoặc sự của các công đức được dẫn ấy. Hoặc sự của bảy chánh pháp. Hoặc sự của bảy thứ tác ý, quan sát đúng đắn. Hoặc sự của ba mươi bảy pháp Bồ đề phần. Hoặc sự của bốn hành tích. Hoặc sự của bốn pháp tích. Hoặc sự của Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Hoặc sự của bốn tu định. Hoặc sự của ba nghiệp phước. Hoặc sự của ba học. Hoặc sự của bốn quả Sa-môn. Hoặc sự của bốn chứng tịnh. Hoặc sự của bốn Thánh chủng. Hoặc sự của ba thừa. Hoặc sự của bốn môn ký. Các loại như thế gọi là lược nêu về sự của phẩm Hoàn diệt, Thanh tịnh.

Những sự như vậy, đã được kiến lập, biện giải rộng, theo chỗ ứng hợp, như trước đã nói trong các địa kia cùng các Nhiếp phần, nên biết về tướng.

Lại, tất cả sự, nói tóm tắt gồm có năm sự:

1. Sự của tâm.

2. Sự của tâm sở hữu pháp.

3. Sự của sắc.

4. Sự của tâm bất tương ưng hành.

5. Sự của vô vi.

Thế nào là, tức dựa nơi sự đã được nêu tóm lược như thế, sau sẽ biện giải rộng? Nghĩa là lược do bốn tướng, để biện giải rộng về sự kia:

1. Dị môn sai biệt.

2. Thể tướng sai biệt.

3. Thích từ sai biệt.

4. Phẩm loại sai biệt.

Dị môn, thể tướng, thích từ sai biệt, như nơi phần Nhiếp thích đã nói, nên biết về tướng của chúng.

Phẩm loại sai biệt lại có tám thứ:

1. Kiến lập tánh có không có, khác không khác có sai biệt.

2. Kiến lập giới địa có sai biệt.

3. Kiến lập thời phần có sai biệt.

4. Kiến lập phương sở có sai biệt.

5. Kiến lập tương tục có sai biệt.

6. Kiến lập phần vị có sai biệt.

7. Kiến lập phẩm phần có sai biệt.

8. Kiến lập đạo lý có sai biệt.

Do tám thứ sai biệt như thế, nên đối với phẩm loại sai biệt của tất cả sự, nên theo đấy mà biết rõ.

Thế nào là kiến lập tánh có-không có, khác-không khác có sai biệt? Nghĩa là nếu lược nêu có ba thứ có:

1. Có thật.

2. Có giả.

3. Có thắng nghĩa.

Thế nào là có thật? Nghĩa là các pháp thuyên biểu có danh có thể đạt được, có sự có thể đạt được. Đây gọi là đối với sự vô ngại mà chuyển, không phải hoặc có lúc chuyển, hoặc có lúc không chuyển. Nên biết đó gọi là lược nói về có thật.

Như ở trong các pháp tụ như sắc v.v… kiến lập các tướng: tường thành, nhà cửa, quân binh, cây cỏ, y phục, thức ăn uống v.v… Các tướng này chỉ ở nơi tụ ấy tùy chuyển, nơi các thứ khác thì thối chuyển. Các tướng như sắc v.v… nơi tất cả xứ thảy đều tùy chuyển. Do đó, tướng ấy, nơi đối tượng giảng giải là có thật. Nên biết các tướng khác, nơi đối tượng giảng giải là có giả.

Lại có giả này lược có sáu loại:

1. Có giả của tụ tập.

2. Có giả của nhân.

3. Có giả của quả.

4. Có giả của đối tượng hành.

5. Có giả của phần vị.

6. Có giả của quán đãi.

- Có giả của tụ tập: Nghĩa là vì tùy thuận ngôn thuyết của thế gian dễ hiểu rõ, nên đối với tướng chung như năm uẩn v.v… kiến lập các tưởng như ngã, hữu tình, bổ-đặc-già-la, chúng sanh. Các tưởng này chỉ có thể hiển bày rõ nơi tụ này, thế nên gọi là có giả của tụ tập.

- Có giả của nhân: Nghĩa là pháp hành có thể sanh của đời vị lai, do chưa sanh, nên tuy không phải có thật, nhưng có nhân ấy sẽ có thể sanh, nên gọi là có giả của nhân.

- Có giả của quả: Đó là trạch diệt, là quả của đạo, nên không thể nói là không, nhưng chẳng phải là có thật, chỉ căn cứ nơi tất cả phiền não đã đoạn, đối với đời vị lai rốt ráo không sanh mà giả lập.

- Có giả của đối tượng hành: Nghĩa là các hành của đời quá khứ đã diệt, chỉ tạo niệm của hiện tiền về cảnh đã hành. Do đó gọi là có giả của đối tượng hành, đã lui diệt mà không phải có thật.

- Có giả của phần vị: Nghĩa là các thứ tâm bất tương ưng hành (hành không tương ưng với tâm) như sanh v.v…, như nơi ý địa ở trước đã nêu dẫn biện giải. Tức nơi các hành, do dựa vào phần có, không có của trước sau, cùng đồng loại, dị loại, phần vị tương tục để giả lập về sanh v.v… Không phải sanh v.v… này lìa các hành, ngoài ra còn có thể chân thật mà riêng có thể đạt được.

- Có giả của quán đãi: Nghĩa là hư không phi trạch diệt v.v… Hư không vô vi, phải chờ đợi các sắc hướng đến mà giả kiến lập. Nếu nơi xứ ấy, sắc hướng tới không có hư không giả nêu, không phải lìa sắc thì không có pháp được hiển bày, ngoài ra còn có riêng hư không là thể thật có thể đạt được, không phải không có chỗ hiển bày được gọi là có thật. Các hành quán đãi không cùng sanh khởi, nên ở trong đời vị lai, pháp không sanh, lập là phi trạch diệt, không sanh được hiển bày, giả nói là có, chẳng phải không sanh được hiển bày có thể nói là có thật.

- Thế nào là Thắng nghĩa? Nghĩa là ở trong ấy, hết thảy danh ngôn, tất cả sự thiết lập thảy đều vĩnh viễn đoạn trừ. Lìa mọi hý luận. Lìa các phân biệt. Theo phương tiện thiện xảo nói là pháp tánh, chân như, thật tế, không, vô ngã.

Như nơi phần thứ tư: Nẻo hành chân thật của trí làm tịnh sở tri chướng thuộc phẩm Nghĩa chân thật của địa Bồ tát đã thuyết minh, nên biết về tướng của chúng.

Cùng với trên trái nhau, nên biết là không có.

Lại do bốn thứ khác không khác, nên biết đã kiến lập tánh khác, không khác:

1. Do đối tượng nhân khác không khác.

2. Do chỗ dựa khác, không khác.

3. Do tác dụng khác, không khác.

4. Do thời phần khác, không khác.

Nếu đối tượng nhân cùng tướng khác của các pháp có sai biệt có thể đạt được, thì tướng khác này là đối với phần khác.

Nếu tướng không khác có sai biệt có thể đạt được, thì ở đây, trước và sau cùng với hiện tại không khác.

Thời phần khác: Nghĩa là tất cả hành chỉ là sát na trụ, tức sự thể này trở lại đối chiếu với tự thể, gọi là không khác. Vượt quá sau sát na, gọi là khác. Do pháp kia làm hạt giống mà pháp này được sanh, gọi là đối tượng nhận. Nếu do mất v.v…, cùng đại chủng v.v… làm chỗ dựa mà chuyển, gọi là chỗ dựa. Nếu tất cả hành đều có công năng riêng, gọi là tác dụng.

Như thế gọi là kiến lập phẩm loại sai biệt thứ nhất: Tánh có- không có, khác-không khác.

- Thế nào là kiến lập Giới địa có sai biệt? Nghĩa là ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc có sai biệt.

Nói cõi Dục: Nghĩa là, dưới từ Vô gián, trên vượt khỏi Tha hóa, đến cung Ma la. Trong đó các hành đều nhân nơi phiền não của cõi Dục mà sanh, nơi ba đời cùng với các phiền não ấy làm chỗ nương dựa, bị chỗ tùy buộc của các phẩm thô trọng trói buộc.

Lại, trong cõi Dục, tất cả phiền não hoàn toàn chưa lìa dục, không phải thuộc về địa định. Hết thảy phiền não của cõi Sắc, Vô sắc, một phần đã lìa dục, thuộc về địa định. Tướng của phiền não khác, như trước đã nói, nên biết.

Nói cõi Sắc: Nghĩa là bốn Tĩnh lự cùng Tĩnh lự trung gian, có mười bảy địa.

Cõi Vô sắc: Nghĩa là bốn địa vô sắc, như Không xứ v.v…

- Thế nào là kiến lập thời phần có sai biệt? Nghĩa là, nơi đời quá khứ có vô gián đã diệt, có lân cận đã diệt, có lâu xa đã diệt. Nơi đời vị lai có vô gián sắp sanh, có lân cận sẽ sanh, có lâu xa sẽ sanh. Nơi đời hiện tại có sát na hiện tại, có chúng đồng phận hiện tại, có tương tục hiện tại chưa diệt.

- Thế nào là kiến lập phương sở có sai biệt? Nghĩa là các pháp có sắc,

dựa nơi xứ sở nên có được phương sở xa gần có sai biệt. Các pháp không sắc, do không sắc nên không dựa vào xứ sở. Nếu nương nơi pháp sắc mà được sanh khởi, tức nơi xứ ấy gọi là có phương sở. Đây là do chuyển tướng, không phải căn cứ vào xứ sở. Các pháp có sắc thì do đủ hai thứ.

- Thế nào là kiến lập tương tục có sai biệt? Nên biết tương tục lược có bốn thứ. Do căn cảnh của tự tha có sai biệt nên lập bốn thứ tương tục:

1. Tương tục của tự thân.

2. Tương tục của tha thân.

3. Tương tục của các căn.

4. Tương tục của cảnh giới.

Bốn thứ tương tục trên, hai là giả kiến lập, hai là nghĩa chân thật.

- Thế nào là kiến lập phần vị có sai biệt? Nghĩa là, phần vị khổ, phần vị lạc, phần vị không khổ không lạc, tức các pháp có thể thuận theo ba thọ.

- Thế nào là kiến lập phần Phẩm có sai biệt? Nên biết là kiến lập về hai phẩm chủ thể đối trị, đối tượng được đối trị có sai biệt. Nghĩa là pháp nhiễm, không nhiễm. Pháp thấp kém thắng diệu. Pháp thô tế. Pháp nhận giữ không nhận giữ. Pháp có sắc, không sắc. Pháp có kiến, không kiến. Pháp có đối, không đối. Pháp hữu vi, vô vi. Pháp hữu lậu, vô lậu. Pháp có tranh, không tranh. Pháp có ái vị, không ái vị. Pháp dựa nơi tham đắm, dựa nơi xuất ly. Pháp thế gian xuất thế gian. Pháp lệ thuộc, không lệ thuộc.

Nên biết ở đây do năm nhân duyên nên kiến lập pháp nhiễm:

1. Ở trong ba thọ, theo chỗ thích hợp, bị tạp nhiễm.

2. Có thể thâu nhận khắp tánh thô trọng của các phẩm phiền não.

3. Có thể thâu nhận khắp quả phi ái của hiện pháp và vị lai.

4. Có thể nối liền khắp kiết sanh tương tục.

5. Có thể tạo chướng ngại khắp đối với tất cả pháp thiện cùng nơi sở tri chướng, trí sanh.

Do nhân duyên ấy nên gọi là pháp nhiễm.

Cùng với đấy trái nhau, nên biết rõ là tướng của pháp không nhiễm. Pháp không nhiễm này lược có hai loại, là thiện và vô ký. Do bất tịnh của hôi thối rữa nát, cùng bất tịnh của phiền não, nên gọi là bất tịnh. Do ở trong ấy, các thọ hiện có thảy đều là khổ, nên gọi là khổ. Do tánh vô thường nên gọi là không chắc chắn. Nếu do đạo lý của Thắng nghĩa như thế, tánh là bất tịnh, tánh là khổ, tánh là không chắc chắn. Tánh ấy xấu, uế, gọi là thấp kém. Vượt quá nơi ấy, nên biết là thắng diệu.

Lại, cùng đối đãi, nên hai tướng thấp kém, thắng diệu có sai biệt.

Nghĩa là, đối nơi cõi Sắc thì cõi Dục là kém. Đối nơi cõi Vô sắc thì cõi Sắc là kém. Nếu so với Niết-bàn thì ba cõi đều là kém. Các loại như thế phải nên nhận biết rõ.

Nhỏ, rõ có sai biệt. Tịnh, uế có sai biệt. Thế, dụng có sai biệt. Nên biết đã kiến lập sự thô tế của nẻo sắc. Phẩm loại như hạ, trung v.v… có sai biệt, nên biết đã kiến lập phần thô tế hiện có của các pháp không sắc.

Lại, pháp có sắc, pháp không sắc, do lý của Thế tục đế, của Thắng nghĩa đế, dễ hiểu rõ, khó hiểu rõ, nên biết hai thứ thô tế có sai biệt. Nhỏ

(vi) là tụ cực nhỏ. Rõ (trước) là tụ còn lại. Tịnh là trung hữu, tụ sắc của địa trên. Uế là hữu còn lại, tụ sắc của địa dưới.

Nói thế, dụng: Nghĩa là, nếu xứ ấy có thế dụng tăng mạnh như địa đại v.v…, tuy so với tụ khác, về lượng của vật là bằng, nhưng có thể hơn các vật thô hiển khác có thể đạt được.

Phẩm loại như hạ, trung v.v… có sai biệt: Nghĩa là các thọ như lạc v.v…, các pháp như tín v.v…, có phẩm loại thượng trung hạ sai biệt.

Pháp nhận giữ: Nghĩa là các pháp sắc là chỗ nắm giữ của tâm, tâm sở. Do nhờ dựa vào chúng, nên tâm, tâm sở chuyển nơi sự an nguy đồng.

Đồng an nguy: Do tâm, tâm sở nhận giữ lực, nên sắc kia không đoạn, không hoại, không hư nát. Tức do sắc được nhận giữ như thế, hoặc lúc suy tổn, hoặc lúc gồm thêm, tâm, tâm sở kia cũng theo đấy mà giảm, tăng. Cùng với đây trái nhau, gọi là pháp không nhận giữ.

- Nói có sắc: Nghĩa là có thể dựa vào phương sở.

- Nói vô sắc: Nghĩa là không dựa vào phương sở. Đây là căn cứ nơi sự lãnh nạp, lưu chuyển của đối tượng duyên để nêu đặt, kiến lập.

- Nói hữu kiến: Nghĩa là nếu các sắc có thể làm nhãn thức cùng chỗ dựa, chỉ bày tại đây kia, sáng rõ hiện tiền. Cùng trái với đấy, gọi là vô kiến.

- Nói có đối: Nghĩa là nếu các sắc có thể ngăn ngại kẻ khác trông thấy, ngăn ngại việc lui tới, qua lại của kẻ khác. Cùng với đây trái nhau, gọi là không đối.

- Nói hữu vi: Nghĩa là có sanh diệt, hệ thuộc, nhân duyên. Cùng với đây trái nhau, nên biết là vô vi.

- Nói hữu lậu: Nghĩa là nếu các pháp do các lậu sanh ra, là chỗ tùy buộc của các lậu thô trọng, tương ưng với các lậu, là đối tượng duyên của các lậu, có thể sanh ra các lậu, là nơi chốn nương dựa của các lậu trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Cùng với đây trái nhau, nên biết là vô lậu. Có thể kết hợp, làm nhân sanh các khổ như sanh v.v… của vị lai, nên ở trong hiện

pháp là tánh có tội, gọi là có tranh. Cùng với đấy trái nhau, gọi là không tranh. Tự thể của môn nội thuận theo ái nhiễm, gọi là có ái vị. Cùng trái với đấy, gọi là không ái vị. Cảnh giới của môn ngoài thuận theo ái chấp, gọi là dựa nơi tham đắm. Cùng với đấy trái nhau, gọi là dựa nơi xuất ly.

Nếu pháp là hữu lậu, có tranh chấp, có ái vị, dựa nơi tham đắm, tất cả như thế gọi là thế gian. Nếu có thể đối trị chúng, dựa nơi Thế tục đế phát khởi tục trí thì pháp được dẫn dắt cũng gọi là thế gian. Cùng với đấy trái nhau, gọi là xuất thế gian.

Nếu các thế gian thì gọi là pháp lệ thuộc, gắn chặt với khí thế giới, hữu tình, thuộc về thế gian dục, sắc, vô sắc.

Nếu xuất thế gian thì không phải là pháp lệ thuộc, không gắn chặt, không thuộc về thế gian như trước đã nói.

- Thế nào là kiến lập đạo lý có sai biệt? Nghĩa là có bốn đạo lý:

1. Đạo lý tương đãi.

2. Đạo lý chứng thành.

3. Đạo lý tác dụng.

4. Đạo lý pháp nhĩ.

Phân biệt về đạo lý có sai biệt như thế, như nơi địa Thanh văn đã nêu rõ, nên nhận biết về tướng của chúng.

Như vậy, tám thứ phẩm loại sai biệt, cùng với dị môn, thể tướng, thích từ có sai biệt như trước đã nói, nên biết, như chỗ nêu bày rộng lược trong tất cả sự, có thể biện giải rộng, đúng.

Lại nữa, tụng nêu:

Đầu, tụ cùng gồm thâu
Tiếp theo là thành tựu
Tự tánh cùng với nhân
Sau, nói rộng về địa.

Có chín tụ pháp, gồm thâu tất cả pháp. Những gì là chín? Đó là:

1. Tụ của pháp thiện.

2. Tụ của pháp bất thiện.

3. Tụ của pháp vô ký.

4. Tụ của pháp do kiến đạo đoạn.

5. Tụ của pháp do tu đạo đoạn.

6. Tụ của pháp không đoạn.

7. Tụ của pháp tà tánh định.

8. Tụ của pháp chánh tánh định.

9. Tụ của pháp bất định.

- Tụ của pháp thiện v.v…, quảng diễn như nơi ý địa đã biện biệt về tướng.

- Tụ của pháp do kiến đạo đoạn: Nghĩa là tất cả kiến. hoặc dựa nơi các kiến như Tham-sân-si mạn. Hoặc nghiệp của nẻo ác. Hoặc đối với các đế do dự, nghi v.v…

- Tụ của pháp do tu đạo đoạn: Nghĩa là hết thảy các pháp còn lại nên đoạn trừ.

- Tụ của pháp không đoạn: Nghĩa là pháp vô lậu.

- Tụ của pháp tà tánh định: Là nghiệp vô gián cùng đoạn thiện căn.

- Tụ của pháp chánh tánh định: Là các pháp hiện có của hàng hữu học, vô học.

- Tụ của pháp bất định: Là pháp phi học phi vô học còn lại.

Nên biết ở đây, tự tánh của các pháp hiện có cùng gồm thâu tha tánh tương ưng.

Hoặc có một loại hữu tình, thành tựu pháp thiện và pháp vô ký, không phải là pháp bất thiện, nghĩa là các Thánh giả đã lìa dục tham, cùng hàng phàm phu ấy đã trừ bỏ pháp chủng tử.

Hoặc có một loại hữu tình, gây tạo pháp bất thiện và vô ký, không phải thành tựu các pháp thiện. Nghĩa là các hữu tình đoạn thiện căn, trừ pháp chủng tử. Không có trường hợp thành tựu pháp thiện và pháp bất thiện, không phải là pháp vô ký. Hoặc chỉ bất thiện hoặc chỉ vô ký mà có thể đạt được.

Lại, ở trong ấy, nên biết các pháp như chỗ ứng hợp, hoặc được hoặc xả. Nghĩa là có một loại hữu tình, do thọ nhận các thọ, hoặc xả chỗ thọ nhận, hoặc suy cầu tà vạy, hoặc suy cầu đúng đắn, hoặc chuyển hình, hoặc theo pháp như thế, hoặc lìa dục, hoặc gia hạnh, hoặc thối thất, hoặc được quả, hoặc chết sống, mà có được xả. Như pháp luật nghi Biệt giải thoát, do thọ nhận chúng nên được, do xả chúng nên xả. Hoặc các pháp thiện, do suy cầu tà vạy nên xả, do suy cầu đúng đắn nên được.

Do chuyển hình nên xả luật nghi của Bí-sô, hoặc luật nghi của Bí-sô-ni. Tùy được một loại nơi hai hình sanh, tất cả đều vĩnh viễn xả. Do pháp như thế, nên lúc thế gian hoại, có thể nhập vào pháp như thế là Tĩnh lự đã đạt được.

Do lìa dục, nên có thể đạt được pháp thiện hiện có của địa trên.

Do gia hạnh, nên có thể phát khởi, dựa vào công đức được nêu dẫn, khiến chúng hiện tiền.

Do thối thất, nên trở lại được các pháp thấp kém lúc trước.

Do được quả, nên xả các pháp thế gian, được pháp xuất thế gian cùng pháp thiện của thế gian về sau được sáng, sạch.

Do chết sống, nên hoặc sanh nơi thời dưới, đạt được pháp thiện sanh đắc cùng các pháp bất thiện, vô ký. Hoặc sanh nơi thời trên, thì chỉ đạt được pháp thiện và pháp vô ký.

Các thứ đã xả, như chỗ thích hợp, cũng theo đấy nhận biết rõ. Không có cùng trái nhau. Các tâm, tâm sở cùng tương ưng và cùng gồm thâu. Tức hành của sát na này, trở lại hợp với sát na ấy.

Lại, không có tất cả các hành sanh tử là pháp có thể vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại, không có các hành, trước chưa từng sanh, đột nhiên khiến khởi.

Lại, tất cả hành đều là sát na sanh. Sau sát na sanh tất không dừng trụ, thành các hành một sanh, một trụ, một diệt.

Lại, tất cả pháp với mỗi mỗi tự tánh, không có tự tánh thứ hai có thể đạt được.

Lại, nhất định không có hai pháp đồng loại, một lúc tương ưng.

Tức do tự tánh thứ hai không có.

Lại, không phải một pháp có hai thứ tác dụng của tướng trái, khác.

Lại, tất cả hành dựa nơi kẻ khác chuyển mà không tự dựa.

Lại, không phải tự tánh cùng với tự tánh kết hợp, cũng không tùy chuyển.

Lại, không phải tức tâm của một kỳ sát na này cùng với tâm của sát na ấy làm đối tượng duyên.

Lại, không phải tức tự tánh của sát na này, cùng với tự tánh của sát na ấy làm nhân, cũng không phải sanh sau làm nhân cho sanh trước, cũng không phải đồng loại làm nhân cho dị loại. Như bất thiện đối chiếu với thiện, thiện đối chiếu với bất thiện mà tạo nhân quả dị thục, vô ký, nói rộng về địa.

Tụng nêu:

Đầu, các địa nương dựa
Tiếp, đế trí gia hạnh
Tam-ma-địa, căn, đạo
Tu tập hành đối trị

Pháp hữu lậu, vô lậu
Các quả, các nhân duyên
Lập Bổ-đặc-già-la
Sau: Biến tri, cứu cánh.

Có chín thứ địa. Đó là:

1. Địa tư lương.

2. Địa phương tiện.

3. Địa quán hành.

4. Địa kiến.

5. Địa tu.

6. Địa hữu học.

7. Địa vô học.

8. Địa Thánh giả.

9. Địa phàm phu.

Trước tiên nên tích tập tư lương (hành trang) xuất thế gian. Thứ đến, vì nhằm dứt hết các lậu nên siêng năng tu tập phương tiện. Tiếp theo, lúc tu tùy thuận phần quyết trạch, là chánh quán các đế. Tiếp đến là có thể chứng nhập chánh tánh ly sanh. Sau đấy, lần lượt chứng bốn quả Sa-môn. Ở đây, ba quả trước là địa hữu học, quả thứ tư là địa vô học.

Chứng ly sanh rồi, tất cả đạo thăng tiến dần của thế gian, gọi là địa tu, tức gồm thâu chung về kiến. Địa học, vô học gọi là địa Thánh giả. Hết thảy địa còn lại ở đây gọi là địa phàm phu. Nghĩa là, hoặc chưa tu gia hạnh, hoặc đã tu gia hạnh, hoặc đã lìa dục. Tất cả hàng phàm phu lại có chín chỗ dựa, có thể dứt hết các lậu. Những gì là chín? Đó là: Định vị trí, hoặc Tĩnh lự một, Tĩnh lự trung gian, ba Tĩnh lự còn lại cùng ba vô sắc, trừ hữu thứ nhất.

Lại có bốn Thánh đế, có thể làm tịnh hết trú xứ của hoặc.

Lại có mười trí, có thể nhận biết tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức. Nghĩa là: Pháp trí, Loại trí, Thế tục trí, Tha tâm trí, hoặc bốn trí như Khổ, Tận trí, Vô sanh trí. Phân biệt rộng các trí này, như nơi địa Thanh văn.

Lại, sư Du già có năm gia hạnh:

1. Vì nhằm chứng nhập chánh tánh ly sanh.

2. Vì chứng đắc quả trên.

3. Vì tăng tiến lìa dục.

4. Vì nhằm chuyển y.

5. Vì dẫn đạt công đức.

Lại có ba thứ Tam-ma-địa của Du già:

1. Tam-ma-địa không.

2. Tam-ma-địa vô nguyện.

3. Tam-ma-địa vô tướng.

Lại có ba thứ căn của tất cả hành hướng trụ quả:

1. Vị trí dục tri căn: Là căn của hành hướng quả Dự lưu.

2. Dĩ tri căn: Là căn của quả Dự lưu trở lên, cho đến hành hướng quả A-la-hán.

3. Cụ tri căn: Là căn trụ nơi quả A-la-hán. Lại có chín đạo. Đó là:

1. Đạo thế gian.

2. Đạo xuất thế gian.

3. Đạo gia hạnh.

4. Đạo vô gián.

5. Đạo giải thoát.

6. Đạo thắng tiến.

7. Đạo phẩm hạ.

8. Đạo phẩm trung.

9. Đạo phẩm thượng.

- Đạo thế gian: Nghĩa là do đạo này nên có thể chứng đắc việc đoạn trừ các phiền não thế gian, hoặc không chứng đoạn, có thể đi đến nẻo thiện hoặc đi đến nẻo ác.

- Đạo xuất thế gian: Nghĩa là do đạo này nên có thể chứng đắc việc đoạn trừ rốt ráo các phiền não.

- Đạo gia hạnh: Nghĩa là vì đoạn trừ hoặc nên siêng tu gia hạnh.

- Đạo vô gián: Nghĩa là đang đoạn trừ hoặc.

- Đạo giải thoát: Nghĩa là tâm đoạn vô gián, đạt được giải thoát.

- Đạo thắng tiến: Nghĩa là từ đấy về sau, phát khởi gia hạnh thù thắng.

- Đạo phẩm hạ: Nghĩa là có thể đối trị phiền não phẩm thượng.

- Đạo phẩm trung: Nghĩa là có thể đối trị các phiền não thuộc phẩm trung.

- Đạo phẩm thượng: Nghĩa là có thể đối trị các phiền não thuộc phẩm thượng.

Lại có bốn thứ đối trị:

1. Đối trị do chán hoại.

2. Đối trị do đoạn dứt.

3. Đối trị do nhận giữ

4. Đối trị do phần xa.

Lại có mười sáu hành tướng. Nghĩa là quán các đế là vô thường v.v…, như trước đã biện biệt.

Lại có tám thứ tu tập như thế, đối trị hành tướng như thế.

Tu tập như thế, như nơi địa định cùng địa Thanh văn ở trước đã nói, nên quán về tướng của chúng.

Lại có hai phẩm gồm thâu tất cả pháp:

1. Pháp hữu lậu.

2. Pháp vô lậu.

Hai pháp này, nên biết như trước đã biện giải. Lại có năm quả:

1. Quả dị thục.

2. Quả đẳng lưu.

3. Quả ly hệ.

4. Quả sĩ dụng.

5. Quả tăng thượng. Lại có mười nhân:

1. Nhân tùy thuyết.

2. Nhân quán đãi.

3. Nhân khiên dẫn.

4. Nhân nhiếp thọ.

5. Nhân sanh khởi.

6. Nhân dẫn phát.

7. Nhân định dị.

8. Nhân đồng sự.

9. Nhân tương vi.

10. Nhân bất tương vi. Lại có bốn duyên:

1. Duyên nhân.

2. Duyên đẳng vô gián.

3. Duyên sở duyên.

4. Duyên tăng thượng.

Tất cả quả, nhân cùng duyên như thế, như nơi địa Bồ tát v.v… đã biện giải về tướng.

Lại có bảy loại hữu tình: Nghĩa là Tùy tín hành v.v…

Lại có sáu loại A-la-hán: Nghĩa là A-la-hán thối pháp v.v…

Lại có tám loại hữu tình: Là kiến lập hành bốn hướng cùng trụ bốn quả, nên biết như nơi địa Thanh văn đã nói.

Lại có sáu thứ biến trí:

1. Biến trí của địa bất định nơi đế hữu lậu.

2. Biến trí của địa định nơi đế hữu lậu.

3. Biến trí của đế vô lậu vô vi.

4. Biến trí của đế vô lậu hữu vi.

5. Biến trí về kiết thuận hạ phần.

6. Biến trí về kiết thuận thượng phần. Lại có hai thứ cứu cánh:

1. Cứu cánh của trí.

2. cứu cánh của đoạn.

- Cứu cánh của trí: Nghĩa là trí tận, trí vô sanh. Từ đấy trở về sau vì đoạn trừ các phiền não nên không còn nhận thức nữa.

- Cứu cánh của đoạn: Nghĩa là các phiền não được đoạn trừ rốt ráo khắp. Do sự đoạn trừ ấy nên cứu cánh viên mãn, chứng đắc Tâm giải thoát và Huệ giải thoát.

Như thế là đã lược dẫn các thứ tông yếu hiện có của Ma-đát-lý-ca tương ưng với cảnh trí thuận theo luận này. Ngoài ra, tất cả tùy nơi lành vực này, đều nên nhận biết rõ. Hết thảy Ma-đát-lý-ca biến hành, như nơi phần Nhiếp thích đã nêu bày, nên biết về tướng.

Giáo pháp của Đức Như Lai, về số lượng là vô hạn lượng, sao có thể đi đến tận cùng cái vô biên nơi bờ kia? Tùy theo lãnh vực này, tùy theo sự dẫn phát này, tùy theo nghĩa lý sâu xa này, các bậc thông huệ, đối với tất cả các thứ còn lại, nên tầm tư đúng đắn, nên nhận biết rõ, đúng.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 106

LUẬN
THÍCH DU GIÀ SƯ ĐỊA

SỐ 1580

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1580

LUẬN THÍCH DU GIÀ SƯ ĐỊA

Tác giả: Bồ-tát Tối Thắng Tử. Hán dịch:Đời Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang.

PHẦN BẢN ĐỊA

Địa 1: NĂM THỨC TƯƠNG ƯNG

Kính lễ Đấng Đại Giác trời, người
Phước đức trí tuệ đều đầy đủ
Pháp diệu chân văn nghĩa tột cùng
Chúng Hiền Thánh thọ học chánh tri.
Cúi lạy Đại Từ Tôn Vô thắng
Khắp vì lợi lạc các hữu tình
Rộng lấy nghĩa chính trong các kinh
Lược nói năm phần Du Già nầy.
Quy mạng dòng pháp lực định mầu
Phát khởi tên công đức Vô trước
Hay ở biển Thánh giả tối thắng
Sinh ra pháp cam lồ thượng diệu.
Nhận lấy mỹ âm tự đầy đủ
Lại vì lợi ích các thế gian
Tuôn mưa hoa tự không cùng tận
Thấm tươi cây Như Ý Mâu-ni.
Luận nầy đặc biệt tựa hoa sen
Giống như kho báu tựa biển lớn
Nghĩa lớn các thừa hiển bày đủ
Khéo giải văn lý không có sót.
Ở trong luận lớn Du Già nầy
Con nay theo sức giải phần nhỏ
Để giúp chánh pháp luôn còn mãi
Lợi ích an vui chúng hữu tình.

Nay nói luận nầy phạm vi bàn đến như thế nào? Nghĩa là có hai lý do nên nói luận nầy: Một là vì muốn cho giáo pháp vô thượng của Như-lai

được trú lâu ở thế gian. Hai là vì bình đẳng tạo lợi ích an vui cho các hữu tình.

Lại có hai lý do nên nói luận nầy: Một là đối với các Thánh giáo cam lồ của Như-lai đã ẩn mất, thì nhớ nghĩ góp nhặt thu thập để hiển bày trở lại những Thánh giáo của Như-lai chưa ẩn mất, thì xét chọn vấn đáp làm hưng thịnh gấp bội. Hai là vì trong cõi hữu tình, người có chủng tánh đều nương vào thừa của mình, tu thiện xuất thế, đắc quả ba thừa, vượt ngoài sinh tử. Người không có chủng tánh, nương vào thừa nhân thiên tu thiện thế gian, đắc quả nhân thiên, thoát khỏi đường ác.

Lại có hai lý do nên nói luận nầy: Một là có đa số nói về "không", nhưng không hiểu ý nghĩa trong kinh, như chấp trước bác bỏ cho toàn là "không", ghét, trái với tất cả giáo pháp nói "có". Vì nhằm khiến họ tùy theo đấy để hiểu tướng "có" của các pháp, hiểu sâu ý trong kinh, xả bỏ kiến chấp về "không". Hai là có đa số nói về "có", nhưng không hiểu ý nghĩa trong kinh, như chấp trước nơi "có", nhàm sợ tất cả giáo lý về "không". Vì nhằm khiến họ tùy theo đấy để hiểu tướng không của các pháp, hiểu ý sâu kín trong kinh, xả bỏ kiến chấp về "có".

Lại có hai lý do nên nói luận nầy: Một là vì các chúng sinh thành tựu chủng tánh của Bồ-tát chỉ nương vào Đại giáo, với văn, nghĩa, hành, quả hiện bày khắp cả các thừa, sinh trí thiện xảo, đoạn tất cả chướng, tu tất cả thiện, chứng Bồ-đề Phật, đến cùng tận đời vị lai, mình và người đều được lợi ích an vui, không có dừng, mất. Hai là vì các chúng sinh thành tựu chủng tánh của Nhị thừa và không có chủng tánh, cũng nương vào Đại giáo, mỗi mỗi đối với văn nghĩa hành quả ở thừa của mình sinh trí thiện xảo, đoạn trừ chướng phiền não, chế ngự các thứ trói buộc ngăn che, tu tập phần thiện của mình, đắc quả nơi thừa mình, ra khỏi các đường ác trong ba cõi.

Lại có hai lý do nên nói luận nầy: Một là, hoặc có tập khí của nhiều đời, không biết, điên đảo, do dự, chấp trước giáo tà của ngoại đạo, Tiểu thừa, vì thế đối với Đại thừa không thể tin, hiểu, nên vì họ mà khéo phân biệt pháp tướng của Đại thừa, và giúp cho họ tin hiểu rõ ràng, thông suốt, quyết định xa lìa điên đảo. Hai là lại có người nghe vô số nghĩa lý nơi các kinh sâu xa khó hiểu, tâm họ mê loạn nên hủy báng không tin. Do đó, vì họ khéo chỉ bày, khiến sinh tin hiểu, đạt lợi ích.

Lại có hai lý do nên nói luận nầy: Một là nhằm đem đến lợi ích an vui, nên lược nói luận nầy, khiến người siêng năng tu hành, góp nhặt giáo nghĩa sâu xa trong các kinh tóm lược phân biệt. Hai là nhằm đem đến lợi ích an vui, nên rộng nói luận nầy khiến bậc siêng năng thuyết pháp, trong

mỗi mỗi pháp khai thị vô biên nghĩa sai khác.

Lại có hai lý do nên nói luận nầy: Một là hiển bày thật tướng của các pháp, hỏi đáp xét định, chọn lập chánh luận. Hai là diệt trừ tất cả vọng chấp, nên hỏi đáp xét định chọn phá luận tà.

Lại có hai lý do nên nói luận nầy: Một là chỉ bày về biến kế sở chấp, tình "hữu" lý "vô", tánh y tha khởi và tánh viên thành thật, lý "hữu" tình "vô", khiến xả bỏ chỗ chấp về tăng ích tổn giảm. Hai là chỉ bày rõ về đạo lý thế gian, chứng đắc pháp môn sai biệt của thắng nghĩa, khiến tu hai đế, sự hiểu biết không điên đảo.

Lại có hai lý do nên nói luận nầy: Một là mở bày rõ rộng về hai thứ môn lý: tùy chuyển và chân thật, khiến hiểu giáo pháp của hai tạng, ba tạng không trái nhau. Hai là mở bày rộng rõ về bốn thứ môn lý: Là Nhân duyên, Duy thức, Vô tướng và Chân như, khiến tu hạnh quán có khác nhau.

Lại có hai lý do nên nói luận nầy: Một là thị hiện cảnh giới sai biệt, khiến hiểu biết về tự tánh, tướng trạng, phần vị sai khác của các pháp. Hai là thị hiện sự tu hành sai biệt, khiến biết quả phương tiện căn bản khác nhau của ba thừa. Những loại như thế đã làm các duyên, các nơi trong kinh, luận mỗi mỗi nói khác nhau, phải biết đây đều là phạm vi bàn đến của luận nầy.

Nay nói luận nầy, về nguyên do là thế nào? Nghĩa là các hữu tình từ vô thủy đến nay, đối với thật tướng trong tất cả pháp không hiểu biết, nghi hoặc, điên đảo thiên chấp, nên khởi các phiền não, phát sinh nghiệp hữu lậu, luân hồi trong năm đường, chịu ba thứ khổ lớn. Đức Như-lai ra đời thuận theo sự thích hợp của họ, theo phương tiện mà giảng nói thật tướng trong vô số pháp xứ vi diệu, giúp các hữu tình hiểu biết tất cả pháp, "không" như vậy, như vậy nên chẳng phải là "có", "có" như thế, như thế nên chẳng phải là "không". Hiểu rõ các pháp chẳng phải là "không", chẳng phải là "có", xa lìa nghi hoặc, điên đảo, thiên chấp, thuận theo tánh kia mà khởi hành ở trung đạo, dần dần tu tập đầy đủ, theo chỗ thích hợp của họ, vĩnh viễn diệt trừ các chướng, đắc Tam Bồ-đề, chứng vui tịch diệt. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, ma sự sinh khởi phức tạp, các bộ nổi lên cạnh tranh, đa số chấp trước kiến giải về "có". Bồ-tát Long Mãnh chứng địa Cực hỷ, góp nhặt giáo pháp Không, vô tướng trong Đại thừa, làm thành bộ Trung Luận…, diễn xướng rốt ráo giáo nghĩa chân thật để trừ bỏ kiến chấp về "có". Các vị Đại Luận sư như Thánh Đề-bà làm bộ Bách-luận v.v..., mở mang nghĩa lớn, vì thế chúng sinh lại chấp trước kiến giải về "không". Bồ-tát Vô Trước ở quả vị Sơ địa, chứng định Pháp quang, đắc đại thần thông, phụng sự bậc Đại Từ Tôn, thỉnh nói luận nầy, lý sự đều cùng tận, văn đều

giải thích, không nghĩa nào là không giảng giải, không nghi nào là không trừ, không chấp nào là không phá, không hạnh nào là không tu, không quả nào là không chứng. Chính là vì Bồ-tát, khiến cho họ đối với cảnh, hành, quả… của các thừa đều được thiện xảo, siêng tu hạnh lớn, chứng đại Bồ-đề, rộng vì hữu tình, thường giảng nói không điên đảo, đồng thời bao gồm vì thừa khác, khiến nương vào pháp mình, tu hành nơi phần mình, được chứng quả mình. Đó là lược nói về nguyên do của luận nầy.

Nay nói Luận Du già Sư địa, về danh nghĩa như thế nào? Nghĩa là tất cả pháp hiện có như: cảnh, hành, quả… trong tất cả thừa, đều gọi là Du Già. Tất cả đều có nghĩa phương tiện thiện xảo tương ưng.

- Cảnh Du Già: Nghĩa là tất cả cảnh, tánh không điên đảo, tánh không trái nhau, tánh luôn tùy thuận, tánh hướng đến cứu cánh, hợp với giáo, lý chân chánh, hành quả tương ưng, cho nên gọi là Du già. Cảnh Du già nầy, tuy chung cho tất cả, nhưng các kinh luận căn cứ ở tướng, tùy thuận ở cơ mà có đủ loại nói khác nhau. Hoặc nói bốn thứ đạo lý của các pháp, gọi là Du già. Bốn thứ đạo lý: Quán đãi, Tác dụng, Pháp nhĩ và Chứng thành, thâu tóm chung toàn bộ đạo lý chân chánh. Hoặc nói trong hai mươi bốn hành bất tương ưng, đều gọi là Du già, nhân quả tương xứng không trái nghịch. Hai thứ nầy đều như khắp chỗ nơi phần quyết định lựa chọn, (phần Quyết trạch) rộng nói. Hoặc nói thanh tịnh, tạp nhiễm là vô tánh, gọi là Du già, trừ bỏ trái, hợp với thuận, rất là thù thắng, như trong Khế kinh "Đại Phạm vấn" v.v... đã thuyết giảng. Các sư Du già, quán xét không có chút pháp nào có thể khiến sinh, cùng có thể khiến diệt; cũng không có chút pháp nào muốn khiến chứng đắc và muốn hiện quán. Nghĩa là đối với tất cả tạp nhiễm, vô tánh người thực hành trong Du già quán xét không có chút pháp nào có thể khiến nó sinh và có thể khiến nó diệt. Cho đến đối với tất cả thanh tịnh, vô tánh người thực hành trong Du già quán xét không có chút pháp nào muốn khiến chứng đắc và muốn "hiện quán". Hoặc nói chân như , thanh tịnh rốt ráo, gọi là Du già, chỗ cao nhất trong lý là tất cả công đức cùng tương ưng, như trong Khế kinh Nhập Lăng-già đã nói. Nếu quán nghĩa chân chánh, trừ bỏ phân biệt, xa lìa lỗi lầm, không có chủ thể giữ lấy, cũng không có đối tượng được giữ lấy, không mở không trói, bấy giờ trong định sẽ thấy Du già, không nên nghi ngờ. Trong kinh Đại Nghĩa nói: từ một pháp tăng đến trăm pháp, đều gọi là Du già, pháp môn tuy khác, nhưng nghĩa không trái nghịch. Nghĩa rộng trong kinh nói: Uẩn, Giới, Xứ, Duyên khởi, Đế v.v... đều gọi là Du già, thâu tóm tất cả cảnh, thuận với căn cơ, đối với những thứ như vậy, trong các kinh luận nói tất cả cảnh đều gọi là Du già, gồm đủ bốn tánh, thuận với bốn pháp.

- Hành Du Già: Nghĩa là tất cả các hành, lại thuận với nhau, xứng hợp với chánh lý, thuận với chánh giáo, đưa đến chánh quả, gọi là Du già. Hành Du già nầy, tuy chung cho các hành nhưng các kinh luận căn cứ tướng tùy theo cơ, mỗi mỗi nói khác nhau. Như trong kinh Biện Du già Sư Địa, nêu chánh tu các hành gọi là Du già, thâu tóm chung tất cả hành tương ưng. Trong kinh Nguyệt Đăng, nếu tu ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề, gọi là Du già, những thứ nầy ở trong tất cả hành đều thuận với quả, rất là thù thắng. Ở trong kinh Đại Phân biệt lục xứ, biện minh về "Chỉ, Quán", vận dụng đạo lý bình đẳng, gọi là Du già, như vậy là các hành của Chỉ Quán là chủ yếu. Trong kinh Hải tuệ, nói tu Tam-ma- địa, gọi là Du già, trú tâm phát khởi hành nầy là rất mạnh. Luận Hiển Dương v.v... nêu bốn pháp như: tín, dục, phương tiện, tinh tấn, gọi là Du già. Tác ý, hoặc Trí, gọi là phương tiện, bốn thứ ấy sinh chung tất cả các "hành", địa do văn tạo thành, biện giải riêng về chín đạo, gọi là Du già. Lãnh hội lý, trừ diệt hoặc, phân biệt quả vị thù thắng, nghĩa là thế gian xuất thế gian, với các đạo gia hạnh, vô gián, giải thoát, thắng tiến, gồm đủ ba phẩm hạ trung thượng. Địa do tu tạo thành, biện giải chung về tu tập các đạo đối trị, gọi là Du già. Vì ưa giản lược, nên nói tổng quát về sự tu tập. Có chỗ nói duyên thuộc về các địa, không có trí điên đảo, gọi là Du già. Duyên nơi pháp của các địa trong hành của trí không điên đảo là thù thắng. Có chỗ lại nói các phương tiện khéo léo, hoặc chỉ có phương tiện, gọi là Du già. hành của tác ý và trí phát khởi là thù thắng. Hoặc căn cứ theo sự tỏ ngộ đầu tiên là thù thắng. Trong Khế kinh Công Đức thật tánh nói các quán duyên khởi, gọi là Du già. Trí quán duyên khởi đối với việc ra khỏi sinh tử là quan trọng hơn cả.

Trong kinh Chánh Hạnh nói tám chi Thánh đạo như: Chánh kiến v.v... gọi là Du già, vì hướng đến thành Niết-bàn, đây là thù thắng. Kinh Tỳ

-nại-da nói tu giới v.v... gọi là Du già, tức trong nhân của giới định tuệ học là thù thắng. Nơi Kinh Đại Nghĩa nói tu tập tất cả hành thế, xuất thế với phần vị sai khác, đều gọi là Du già, vì thứ bậc của chánh hành luôn thuận hợp nhau. Như thế đều nói cùng với hành Thanh văn, gọi là Du già, vì chứng đắc chung trong hành của ba thừa là thù thắng. Trong Khế kinh Tuệ đáo bỉ ngạn nói: Tác ý quán "Không", gọi là Du già, vì phát khởi đại hành, đấy là tối thắng. Như kinh ấy nói, Bồ-tát hiện có Đại Du già, nghĩa là tác ý "Không". Bồ-tát do tác ý "Không" nầy, nên không rơi vào địa Thanh văn, Độc giác, cho đến có thể làm thanh tịnh các cõi Phật. Tức trong kinh kia lại nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa, gọi là Du Già thù thắng, dẫn dắt hành Đại thừa, đây là hơn hết. Như kinh kia nói Bồ-tát hiện có các Du già trong đó Du già tuệ độ là tối thượng tối thắng, rộng nói cho đến là không gì có thể

sánh bằng. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật như vậy, đúng là pháp Du già vô thượng. Các chỗ khác nói, Tuệ độ nầy đã thâu tóm định không phân biệt, gọi là Du già, vì có thể phát sinh tất cả công đức thù thắng. Chỗ khác lại nói, Bồ-tát hiện có tuệ, bi thù thắng cùng hành hóa bình đẳng, gọi là Du già, vì có thể chứng Đại Niết-bàn vô trụ. Những thuyết như thế về các hành bất cộng, đều gọi là Du già, vì có thể chứng Phật Bồ-đề Vô thượng. Như thế, trong các kinh luận, nói tất cả hành, đều gọi là Du già, đầy đủ bốn thứ nghĩa như trên đã nói.

- Quả Du già: Nghĩa là tất cả quả thuận với nhau, hợp với chánh lý, thuận với chánh giáo, xứng với chánh nhân, gọi là Du già. Quả Du già nầy, tuy chung cho các quả, nhưng các kinh luận căn cứ theo tướng tùy căn cơ, mỗi mỗi nói khác nhau. Kinh Phân biệt nghĩa nói lực vô úy pháp bất cộng của Phật, gọi là Du già, vì có thể hàng phục các ma, ngăn chận các dị thuyết, hơn hẳn các thừa khác. Trong kinh Thù Thắng nói Đức Phật chứng đắc Niết-bàn Vô trụ, gọi là Du già, vì tận cùng đời vị lai, là vô sở trụ. Kinh Đại Nghĩa nói địa Như Lai, trí không phân biệt, cho đến đại bi gọi là Du già, vì tự lợi lợi tha luôn vô tận. Nơi kinh Biện Thuyết Du già Sư Địa nói về công đức của Phật địa, đều gọi là Du già, vì cùng tận pháp giới, không có đoạn tận. Kinh Phân Biệt Tam Thừa Công Đức, nói quả đức của ba Thừa gọi là Du già, vì đều cùng tương ưng với chánh lý v.v... Luận Tán Phật nói ba thân, ba đức đều là Du già, vì tất cả quả đức không xa lìa nhau. Luận Tập Nghĩa nói, quả vị đã thâu tóm các nhóm công đức hữu vi, vô vi đều là Du già, vì cùng đạt đến quả vị hòa hợp rốt ráo. Đối với những thứ trong kinh luận như thế, tất cả quả đức đều gọi là Du già, tức đầy đủ nghĩa nêu trên. Thánh giáo như vậy, cũng gọi là Du già, vì xứng với chánh lý, thuận với chánh hành, đưa đến chánh quả, có nghĩa là chọn lấy đúng về hành quán của ba thừa, gọi là Du già, vì luôn luôn tấn tu, hợp lý thuận hành, đắc quả thù thắng. Cảnh quả nơi Thánh giáo là cảnh Du già, nên quả Du già, bàn luận về Du già cũng gọi là Du già. Như thế, hai chữ Du già trong luận nầy còn khuấy động khắp cả biển lớn. Thánh giáo, huống là nói đầy đủ? Du già Sư Địa, sợ khó thọ trì, nên nói sơ lược. Hành giả của ba Thừa, do văn, tư, tu, theo thứ lớp tu tập hành Du Già như thế, tùy theo phần, đầy đủ, lần lượt điều phục giáo hóa các hữu tình, nên gọi là sư Du già. Hoặc chư Như Lai chứng Du già đầy đủ, tùy thuận chỗ thích hợp, đem Du già ấy điều phục giáo hóa tất cả Thánh đệ tử… khiến họ lần lượt tu chánh hạnh, gọi là sư Du già.

Địa: Nghĩa là cảnh giới, là nghĩa đối tượng nương tựa, đối tượng hành trì, hoặc đối tượng thâu tóm, đó là cảnh giới nơi đối tượng hành trì của sư

Du Già, nên gọi là địa. Như cảnh giới của ngựa quý, chỉ ở trong ấy mà đi, không ra ngoài. Hoặc sư Du Già nương vào xứ sở nầy làm tăng trưởng pháp thiện nên gọi là địa, như đất trồng lúa. Hoặc thuộc về địa của sư Du Già, trí nương nơi đấy để hiện hành, nương vào đấy để tăng trưởng, nên gọi là địa, như đất có châu báu. Hoặc sư Du Già, hành ở trong ấy, thọ dụng pháp bạch nên gọi là địa, như đất của ngưu vương. Hoặc chư Như Lai gọi là sư Du già, có trí bình đẳng, hành bình đẳng ở trong Du già của Niết-bàn vô trụ nơi tất cả cảnh giới không hý luận, là chỗ thâu tóm của sư Du già nên gọi là địa. Hoặc mười bảy địa đều thuộc về sư Du Già, như đất của quốc vương nên gọi là địa của sư Du già.

Vấn đáp, xét chọn tánh tướng của các pháp, do đó gọi là Luận. Nhằm khiến chứng đắc địa của sư Du già, mà nói Luận nầy, nên lấy làm tên, như luận Đối pháp. Hoặc lại luận nầy, biện luận thuận hợp về Du già Sư Địa, nên dùng phần ấy để xưng tên, như kinh Thập địa. Hoặc lại luận nầy, nương dựa nơi địa ấy, nên lấy làm tên gọi, như hoa ở dưới nước, trên mặt đất, do đó luận tên là Du già Sư Địa.

Nay thể của luận nầy gồm có năm phần:

1. Phần bản địa: Là phân biệt rộng lược về nghĩa trong mười bảy địa.

2. Phần thâu tóm quyết định lựa chọn: Là lược thâu tóm xét chọn về nghĩa chính yếu sâu kín trong mười bảy địa.

3. Phần thâu tóm giải thích: Lược thâu tóm giải thích nghi thức của các kinh.

4. Phần thâu tóm môn khác: Lược thâu tóm về danh nghĩa sai khác của các pháp đã có trong kinh.

5. Phần thâu tóm sự việc: Lược thâu tóm các nghĩa, sự quan trọng trong ba Tạng.

Luận nầy có năm phần như vậy, vì sao chỉ gọi Du già Sư Địa? Vì căn cứ vào phần đầu tiên để lập tên, nên không có lỗi. Lại, tất cả pháp đều là Du già Sư Địa. Do sư Du già dùng tất cả pháp làm duyên để nương tựa nên trong đây giản lược tạm nói mười bảy. Lại, mười bảy địa đủ để thâu tóm lược hết tất cả văn nghĩa. Bốn phần sau đều là giải thích các văn nghĩa quan trọng trong mười bảy địa, cũng không lìa Du già Sư Địa, do đó luận nầy dùng mười bảy địa làm tông yếu. Tuy lại nêu rõ chung về cảnh v.v... của các Thừa, nhưng người giảng nói luận, vấn đáp xét chọn tánh tướng của các pháp, ý là nói về Bồ-tát, khiến tất cả đều được thiện xảo, tu thành quả Phật, an vui lợi lạc không cùng tận, vì thế nên luận nầy thuộc về A-tỳ-đạt-

ma của Tạng Bồ-tát, nhằm khiến Bồ-tát chứng đắc thắng trí.

Luận nói: Thế nào là Du già Sư Địa? Nghĩa là mười bảy địa.

Giải thích: Trước hết hỏi Du già Sư Địa là thế nào? Ấy là hỏi chung về một bộ phận tông yếu của luận nầy. Người hỏi, trước nghe các kinh nói về Du già Sư Địa, nhưng chưa hiểu nghĩa, nên hỏi câu nầy. Biện biệt về Du già Sư Địa, trong kinh thường nói, chánh tu Du già Sư Địa. Nơi kinh Nguyệt Đăng cũng nói tu tập Du già Sư Địa. Như vậy không phải là một, như trước đã nói rộng. Hoặc người làm luận, trước thọ thỉnh tất cả, thể của luận gồm năm phần đều ở trong tâm, muốn vì người hậu học phân biệt giải nói, tự tạm phát hỏi, làm nhân cho việc khởi thuyết, nên hỏi Du già Sư Địa là thế nào. Nếu không như vậy, thì trước không lược nói, không thể bỗng nhiên hỏi địa nầy là thế nào. Lại, người nêu hỏi, lược có năm loại:

1. Không hiểu nên hỏi.

2. Nghi hoặc nên hỏi.

3. Xét nghiệm nên hỏi.

4. Vì mới tiếp xúc nên hỏi.

5. Vì muốn tạo lợi ích an vui cho hữu tình nên hỏi.

Nay chính phần thứ năm, chuyên vì lợi lạc cho loài hữu tình, nên làm ra luận nầy. Gọi là mười bảy địa: Là tập hợp chung chỗ nói về Du già Sư Địa, lược có mười bảy, nếu an lập rộng, ngôi thứ của địa là vô biên, trong mỗi một địa, phần vị sai khác, nghĩa cũng vô biên, như vậy là một lượt, hỏi chung và đáp chung.

Luận nói: Những gì là mười bảy? Ốt-đà-nam nói:

Năm thức tương ưng, ý Có tầm, tứ là ba

Tam-ma-địa câu phi Địa có tâm không tâm Văn, tư, tu đã lập

Như vậy đủ ba thừa Hữu y và vô y

Ấy gọi mười bảy địa.

Giải thích: Lý do nào lại hỏi những gì là mười bảy? Tuy nghe tổng số, nhưng chưa hiểu biệt danh, nên mới hỏi Ốt-đà-nam là trước làm tụng giản lược để trả lời, tóm lược nêu tên địa, cung cấp cho các người học, gọi là Ốt-đà-nam. Năm thức tương ưng: Nghĩa là địa năm thức thân tương ưng. Ý: Nghĩa là địa ý. Có tầm, tứ là ba: Nghĩa là ba địa có tầm có tứ. Tam-ma-địa câu: Nghĩa là Tam-ma-địa. Câu gọi là địa Tam-ma-tứ-đa. Phi nghĩa là phi Tam-ma-địa. Câu phi nghĩa là phi địa Tam-ma-tứ-đa. Đây là căn cứ vào một tướng, nếu chia ra tên địa thì lý nói không cùng tận. Hai tên như thế, xen nhau rộng hẹp. Tên Tam-ma-địa, chung cho cả định và bất định, nhưng

chỉ tại hữu tâm. Tam-ma-tứ-đa, thông cả vị hữu tâm và vị vô tâm, chỉ hạn cuộc ở định như phần sau sẽ nói rộng. Như vậy đủ ba Thừa: Nghĩa là các địa do Văn (nghe) tạo như vậy,

hoặc do đạt đến các địa ở trên như vậy, chứng đắc đầy đủ ba thừa và địa Hữu dư y, Vô dư y. Mỗi một tên riêng sau sẽ giải thích rộng.

Luận nói:

1. Địa năm thức thân tương ưng.

2. Địa ý.

3. Địa có tầm có tứ.

4. Địa không tầm chỉ có tứ.

5. Địa không tầm không tứ.

6. Địa Tam-ma-hí-đa.

7. Địa phi Tam-ma-hí-đa.

8. Địa có tâm.

9. Địa không tâm.

10. Địa do Văn tạo thành.

11. Địa do Tư tạo thành.

12. Địa do Tu tạo thành.

13. Địa Thanh văn.

14. Địa Độc giác.

15. Địa Bồ-tát.

16. Địa Hữu dư y.

17. Địa Vô dư y.

Lược nói mười bảy thứ như vậy gọi là Địa sư Du già.

Giải thích: Tiếp theo là liệt kê rộng về tên, lại trả lời câu hỏi trước. Nói địa năm thức thân tương ưng: Nghĩa là các căn như nhãn v.v..., và các thức như nhãn v.v..., không cùng chỗ nương tựa. Nhãn… không làm chỗ nương tựa cho các thức khác lại làm chỗ nương tựa cho chính mình. Nhãn v.v... có độn có lợi. Thức có sáng có mờ. Lại đồng thời nương tựa, nhất định cùng hiện hữu. Không như ý v.v... Do năm thức này dùng các căn như nhãn v.v... Nên nêu riêng về tên, giống như mầm lúa mạch, cũng như tiếng trống v.v..., cho nên gọi là năm thức. Do chỗ nương tựa là căn có hình ngại, lại nhất định không lìa thân sở y (thân là chỗ dựa), nên giống như thân thọ, vì vậy gọi là thân. Lại nữa, thân ấy có nghĩa nương tựa nghĩa thể, như thân sáu thức, thân sáu tư … Dựa nơi năm thức thân để kiến lập địa nầy, cho

nên gọi là tương ưng. Như trong Luật nói: Vua bàn luận tương ưng, giặc bàn luận tương ưng. Nghĩa là dựa vào vua và giặc mà dấy khởi ngôn luận. Đây cũng như vậy. Tuy trong địa nầy phân biệt nhiều pháp, nhưng năm thức làm chủ, nên nói riêng. Lại, năm thức thân tương ưng với các thứ tâm, gọi chung là tương ưng. Do trong địa nầy, tuy nêu rõ nhiều pháp, nhưng vì tâm và tâm sở thù thắng cho nên nói riêng. Lại tương ưng, là nghĩa gồm thâu thuộc về, tức là trong địa nầy, nói các pháp thuộc về năm thức thân thâu gồm, tức là bàn về tự tánh, đối tượng dựa, đối tượng duyên, trợ bạn và tạo nghiệp, cho nên gọi là tương ưng. Địa thì như trước đã nói. Các địa từ đây trở về sau thức thân tương ưng, tùy theo chỗ thích hợp kia, cũng có phần chung nhưng lược bớt nên không nói.

Nói về ý địa: Thức thứ sáu, thứ bảy và thức A-lại-da cùng nương vào ý căn, lược bỏ ba chữ thức thân tương ưng, do đó chỉ nói ý. Lại theo môn thật nghĩa, tuy có tám thức nhưng tùy theo môn nền tảng chỉ có sáu thức. Thức thứ sáu, thứ bảy và thứ tám, cùng thuộc về thức thứ sáu, căn cứ vào chỗ nương tựa để gọi tên cho nên chỉ nói là ý. Chỗ nương tựa không phải sắc, hoặc lìa nơi thân, tựa như tâm thọ, cho nên không nói thân. Tương ưng chuẩn theo trước, do đó lược không nói. Lại thức thứ sáu, bảy và tám, tuy đồng có nghĩa tâm, ý, thức lần lượt thuộc về tâm pháp, ý xứ, thức uẩn, nhưng nghĩa của ý đồng đẳng nên chỉ nói ý, đều là suy xét lường tính, thuộc về ý căn. Thức thứ tám giữ gìn chủng tử, nghĩa tâm riêng mạnh. Thức thứ sáu phân biệt về cảnh giới hiện bày khắp, nghĩa thức riêng mạnh. Vì thế nên không nói thức địa, tâm địa. Thân và tương ưng lược không nói. Nghĩa của địa như trước.

Vì nguyên nhân nào mà năm thức hợp lại lập thành một địa được nói trước? Các thức khác lập thành một, nói ở phần thứ hai. Năm thức đồng nghiệp, không nên nói về đối tượng duyên được phân biệt. Chỗ nói ít sự việc nên hợp lập làm một, nêu bày đầu tiên. Ý địa ngược với đây nên lập riêng thành một, nói ở phần thứ hai. Lại, vì năm thức đồng dựa nơi sắc căn, đồng duyên nơi sắc cảnh, cho nên hợp lập làm một. Các thức còn lại dựa nơi vô sắc, đối tượng duyên không nhất định nên lập riêng làm một. Tự tánh, y duyên thô, tế thứ lớp, cho nên nói trước, sau. Lại, năm thức đồng thuộc về hiện lượng, vì thế hợp lập làm một, nói trước hết. Thức còn lại không nhất định, hoặc thuộc về hiện lượng hoặc tỷ lượng hoặc phi lượng, do đó lập riêng làm một, và nói ở phần thứ hai. Hai địa như vậy, tự tánh, y (chỗ dựa), duyên, trợ bạn tạo nghiệp, hợp làm thể, thâu tóm tất cả pháp, nên biết trong đây, tất cả pháp không xa lìa thức, dựa nơi thức sinh khởi. Thức làm thể, thức là tối thắng. Trước dựa vào tám thức, kiến lập hai địa,

tám thức như thế tự tánh, y, duyên, trợ bạn tạo nghiệp… sau sẽ nói rộng.

Địa thứ ba là có tầm có tứ: Tầm nghĩa là tìm cầu. Tứ nghĩa là quán xét. Hoặc tư hoặc tuệ đối với cảnh mà tìm cầu ở phần vị thô gọi là Tầm. Tức là hai loại nầy, đối với cảnh quán xét kỹ càng. Ở phần vị tế gọi là Tứ. Không phải một sát na hai pháp tương ưng, mỗi loại thô tế, trước sau khác nhau. Nay dựa vào hai loại nầy, kiến lập ở ba địa có nghĩa. Ba địa nầy căn cứ hai loại trước sau tương ưng mà kiến lập. Nghĩa là địa Dục giới, và sơ thiền, tâm thô, tâm sở trước sau nối tiếp, có thể có tầm tứ cùng tương ưng, nên gọi là địa có tầm có tứ. Nơi tĩnh lự trung gian, tâm thô, tâm sở trước sau tương tục, quyết định không có tầm chỉ có thể cùng với tứ tương ưng, nên gọi là địa không tầm chỉ có tứ. Tĩnh lự thứ hai, trở lên các địa trên các tâm, tâm sở trước sau tương tục, quyết định không có tầm, tứ tương ưng, nên gọi là địa không tầm không tứ. Hoặc địa Dục giới, sơ tĩnh lự, tĩnh lự trung gian, tâm tế, tâm sở, không cùng với tầm tứ tương ưng, đến tất cả sắc bất tương ưng hành, các pháp vô vi không cùng tầm tứ tương ưng, cũng đều gọi là địa không tầm không tứ. Cho nên phần luận sau nói: Địa có tầm có tứ, địa không tầm chỉ có tứ, toàn bộ là địa có tâm. Không tâm thùy miên (ngủ nghỉ), không tâm muộn tuyệt (chết giấc), định vô tưởng, sinh vô tưởng, định diệt tận, cùng với cảnh giới Niết-bàn Vô dư gọi là địa Vô tâm có nghĩa. Ba địa nầy căn cứ vào hai phần vị lìa dục mà kiến lập. Nghĩa là địa Dục giới và Sơ tĩnh lự, các pháp giả ở tầm và tứ, đều chưa lìa dục, gọi là địa có tầm có tứ. Nơi tĩnh lự trung gian, các pháp giả ở tầm đã lìa dục, tứ chưa lìa dục, gọi là địa không tầm chỉ có tứ. Tĩnh lự thứ hai trở lên các địa trên, các pháp giả, ở tầm và tứ đều đã lìa dục, gọi là địa không tầm không tứ. Hoặc ở địa dưới, đều đã lìa dục, cũng được nói là không tầm không tứ, nên phần luận tiếp sau nói: Trong đây, do lìa dục của tầm tứ, cho nên nói là địa không tầm không tứ, chẳng phải do không hiện hành. Vì sao? Người chưa lìa dục nơi dục giới, nhờ giáo hóa, dẫn dắt tác ý sai khác, ở trong một thời gian, cũng có ý không tầm không tứ hiện hành. Người đã lìa dục của tầm tứ, cũng có tầm, tứ hiện hành, như ra khỏi định kia và sinh vào địa kia. Nghĩa như thật: Ba địa nầy chỉ căn cứ vào địa giới để kiến lập, nghĩa là địa Dục giới và Sơ tĩnh lự, các pháp hữu lậu vô lậu trong đó tầm tứ đều có thể đạt được, nên gọi là Địa thứ nhất. Tĩnh lự trung gian, các pháp hữu lậu vô lậu, trong đó không tầm chỉ có tứ, nên gọi là Địa thứ hai. Từ tĩnh lự thứ hai trở lên, các địa trên các pháp hữu lậu vô lậu, trong đó tầm tứ đều không có, vì thế gọi là Địa thứ ba. Cho nên phần luận tiếp sau nói: Trong Dục giới và sơ tĩnh lự nầy, hoặc định hoặc sinh gọi là địa có tầm có tứ. Tĩnh lự trung gian, hoặc định hoặc sinh gọi là địa không tầm chỉ có tứ. Từ tĩnh lự thứ hai

trở lên Sắc giới, Vô sắc giới, hoàn toàn gọi là địa không tầm không tứ. Định của sơ tĩnh lự vô lậu hữu vi cũng gọi là địa có tầm có tứ, tức dựa nơi xứ của tầm tứ. Vì pháp duyên chân như làm cảnh, nhập định nầy, nên không do phân biệt hiện hành. Ngoài ra như trước nói. Nếu căn cứ vào tương ưng và căn cứ vào lìa dục để kiến lập ba địa, thì thâu tóm pháp không cùng tận, cũng rất tạp loạn. Tuy nói địa có tầm có tứ nhưng chỉ là có tâm. Căn cứ vào một môn nầy, biện biệt sơ về tướng địa, ở trong môn nầy chỉ nói tĩnh lự thứ hai trở lên là địa không tầm không tứ, là định vô tưởng, sinh vô tưởng, định diệt tận, gọi là địa vô tâm, ngoài ra tất cả vị, gọi là địa hữu tâm. Sau có bốn môn, lại kiến lập khác, như sẽ nói. Tuy trong đây nói, do lìa dục của tầm tứ, cho nên gọi là địa không tầm không tứ, nhưng chỉ nói các địa từ tĩnh lự thứ hai trở lên nhất định đã lìa dục của địa tầm tứ.

Không nói lìa dục của tầm tứ, là các pháp ở địa dưới, cũng được gọi là không tầm không tứ. Nếu như vậy thì chưa lìa dục nơi tầm tứ của địa dưới các pháp của địa trên cũng nên nói là có tầm có tứ… kiến lập như thế, trở thành quá lộn xộn, cho nên ba địa nầy chỉ căn cứ vào giới, địa thượng hạ mà kiến lập.

Nói địa Tam-ma-tứ-đa: Nghĩa là địa Thắng định, xa lìa trạo cử, hôn trầm…, chủ thể dẫn bình đẳng, hoặc dẫn bình đẳng, hoặc là bình đẳng nơi đối tượng, dẫn phát nên gọi là địa Đẳng dẫn có nghĩa. Tên gọi nầy chỉ thâu tóm tất cả các định có tâm, đều có thể bình đẳng dẫn sinh công đức, không chung với không tâm, vì trong tụng trước nói "Tam- ma-địa câu". Tam-ma-địa: Là tâm số pháp trong biệt cảnh. Hai định vô tâm không thể bình đẳng dẫn sinh các công đức, cho nên là địa phi đẳng dẫn. Nếu như vậy, thì sao nói là địa đẳng dẫn? Địa đẳng dẫn nầy lược có bốn thứ, nghĩa là: Tĩnh lự, Giải thoát, Đẳng trì và Đẳng chí. Nói tĩnh lự nghĩa là bốn tĩnh lự. Nói giải thoát nghĩa là tám giải thoát. Nói đẳng trì nghĩa là đẳng trì Không, đẳng trì Vô nguyện, đẳng trì Vô tướng. Nói đẳng chí nghĩa là đẳng chí năm hiện kiến, đẳng chí tám thắng xứ, đẳng chí mười biến xứ, đẳng chí bốn vô sắc, đẳng chí vô tưởng, đẳng chí diệt tận, những thứ nầy không có mất. Hai định vô tâm là quả đẳng dẫn, nên cùng mang tên, thật chẳng phải là đẳng dẫn có nghĩa. Tên gọi nầy chung cho cả vị hữu tâm và vị vô tâm, chỗ có thể của định, hoặc định có tâm, bình đẳng có thể dẫn sinh các công đức, cũng dẫn các căn, đại bình đẳng, cùng xa lìa trạo cử, hôn trầm, giới không hối, phương tiện bình đẳng, là chỗ dẫn phát nên gọi là đẳng dẫn. Hoặc định vô tâm, tuy không thể dẫn công đức thù thắng, nhưng dẫn căn, đại bình đẳng… là chỗ dẫn của định bình đẳng nầy phát khởi nên cũng gọi là đẳng dẫn. Nếu như vậy thì sao trong tụng trước nói Tam-ma-địa câu, đây không có mất.

Văn trong tụng lược, lại nói câu, thật ra đẳng dẫn chẳng phải là câu, cũng là sau nói đẳng dẫn chung cho vô tâm. Nghĩa như thật: Địa đẳng dẫn gọi là có chung có riêng, hữu tâm vô tâm, hai vị đều thâu tóm, nên gọi là chung. Sau nói định vô tưởng, định diệt tận, cũng là đẳng dẫn về thể của địa, chỉ ở thắng định hữu lậu vô lậu, không có trong tất cả tâm tán loạn nơi dục giới, nên gọi là giới hạn (riêng). Do sau nói chỉ là tĩnh lự v.v... gọi là địa đẳng dẫn chẳng phải ở nơi cõi dục, tâm tánh một cảnh. Do đẳng dẫn nầy, mà không hối, hoan hỷ, an vui được dẫn, Dục giới thì không như vậy. Căn cứ theo đây nếu cõi trên, ở tâm tán loạn cũng chẳng phải là đẳng dẫn mà đồng với dục giới… Do chỗ tương đối ấy nên có thể nêu ra bốn trường hợp: Hoặc đẳng trì câu, chẳng phải là địa đẳng dẫn. Nghĩa là dục giới… trong phần vị tâm tán loạn. Tam- ma-địa câu là tâm, tâm sở… Hoặc địa đẳng dẫn, chẳng phải là đẳng trì câu: Nghĩa là trong vị định, thể Tam-ma-địa và định vô tưởng, định diệt tận vị, các pháp sở hữu. Hoặc đẳng trì câu, cũng đẳng trì địa: Nghĩa là các tĩnh lự và các vị định Vô sắc hữu tâm, tâm, tâm sở… trừ Tam-ma- địa. Hoặc hữu câu phi: nghĩa là trừ vị trên, các pháp sở hữu. Lại Tam- ma-địa, Tam-ma-bát-để, Tam-ma-tứ-đa, danh có rộng, hẹp. Danh mục

Tam-ma-địa trong tâm số là đẳng trì, một pháp thông nhiếp tất cả, trong vị hữu tâm, tâm một cảnh tánh, chung vị định, tán. Nhưng các kinh luận dựa vào phần thù thắng chỉ nói không, vô nguyện… gọi là Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-để, là danh mục chung tất cả hữu tâm vô tâm. Trong các vị định vốn có thể của định, trong các kinh luận dựa vào phần thù thắng chỉ nói năm thứ hiện kiến… tương ưng với các định, gọi là Đẳng chí, tên Đẳng dẫn địa, là mục chung của tất cả hữu tâm vô tâm, công đức của vị định. nên trong địa này thâu gồm chung tất cả công đức của vị định. do tổng chung như thế nên riêng đặt tên gọi địa. Nói phi tam-ma-tứ-đa địa, là trái ngược với phần trên, không cần giải thích rộng. Hai địa như vậy, tổng nhiếp tất cả pháp sở hữu ở vị định và phi định.

Nói địa có tâm không tâm: Lược căn cứ nơi năm môn, kiến lập khác nhau.

1**.** Căn cứ theo môn nói chung về địa: Nghĩa là địa năm thức thân tương ưng, địa ý, địa có tầm có tứ, địa không tầm chỉ có tứ. Bốn địa nầy toàn bộ là địa có tâm. Trong địa không tầm không tứ, trừ định vô tưởng, sinh vô tưởng, và định diệt tận, còn lại hoàn toàn là địa hữu tâm. Ở trong môn nầy, không tâm ngủ nghỉ, không tâm sầu tuyệt, cũng gọi là hữu tâm, vì có thức thứ bảy, thứ tám, chỉ có định vô tưởng, tâm bất tương ưng hành

và tâm trái nhau, gọi là địa vô tâm.

2. Môn tâm loạn chẳng loạn: Nghĩa là tâm đảo lộn do bốn đảo v.v… gọi là địa Vô tâm, vì mất bản tánh.

3. Môn tâm sinh chẳng sinh: Nghĩa là nếu đầy đủ các duyên thì tâm nầy được sinh, gọi là địa hữu tâm. Nếu duyên không đầy đủ, thì tâm đó không sinh, gọi là địa vô tâm. Trong môn nầy, tùy theo tâm sinh ở đấy gọi là địa hữu tâm, tâm kia không sinh, gọi là địa vô tâm.

4. Môn phần vị kiến lập: Nghĩa là trừ sáu vị, gọi là địa hữu tâm. Nếu vị không tâm thùy miên, vị không tâm sầu tuyệt, vị định vô tưởng, sinh vị vô tưởng, vị định diệt tận và cảnh giới Niết-bàn Vô dư y vị, gọi là địa vô tâm.

5. Môn căn cứ nơi nghĩa chân thật: Nghĩa là chỉ có cảnh giới Niết-bàn Vô dư y, trong đó các tâm đều diệt, gọi là địa vô tâm. Các vị khác do không có các chuyển thức, giả gọi là vô tâm. Do thức thứ tám chưa diệt hết, nên gọi là địa hữu tâm. Hai địa như vậy, các môn sai khác, tiến thoái không nhất định.

Địa do Văn tạo thành: Nghĩa là từ chỗ nghe sinh ra hiểu biết về nghĩa, văn, tuệ và tuệ tương ưng nơi tâm, tâm sở.

Địa do Tư tạo thành: Nghĩa là từ suy nghĩ sinh ra hiểu biết về pháp tướng, tuệ và tuệ tương ưng nơi tâm, tâm sở.

Địa do Tu tạo thành: Nghĩa là từ chỗ tu sinh ra sự hiểu biết về lý sự, tuệ và tuệ tương ưng nơi tâm, tâm sở.

Văn nghĩa là lắng nghe, tức là nhĩ căn phát sinh nhĩ thức, nghe lời dạy bảo. Tư nghĩa là suy nghĩ, tức là suy nghĩ thường phát sinh trí tuệ, suy nghĩ chọn lựa pháp. Tu tức là tu tập, tức là định thù thắng, phát sinh trí tuệ, tu tập đối trị. Từ ba thứ nầy phát sinh ba tuệ và pháp tương ưng. Đẳng gọi là thể của ba địa. Nghĩa của ba tuệ là rộng lớn, như sau sẽ phân biệt ba địa như vậy, dùng ba phẩm tuệ tâm, tâm sở và quả được chứng đắc làm tự tánh, nên phần luận tiếp sau nói: Địa do Tu tạo thành, cũng là địa hữu dư, vô dư y.

Địa Thanh văn: Nghĩa là Thánh giáo của Đức Phật, âm thanh là thượng thủ. Từ chỗ thầy, bạn nghe lời dạy bảo ấy, lần lượt tu chứng, vĩnh viễn ra khỏi thế gian, tiểu hạnh, tiểu quả, nên gọi là Thanh văn. Chủng tánh Thanh văn như thế, phát tâm tu hành đắc quả, tất cả nói chung là địa Thanh văn.

Địa Độc giác: Thường ưa chỗ một mình vắng lặng, không muốn ở chung tạp nhạp, tu giới hạnh đầy đủ, không có thầy bạn dạy bảo, tự nhiên

một mình giác ngộ, vĩnh viễn ra khỏi thế gian, trung hạnh, trung quả, nên gọi là Độc giác. Hoặc quán duyên đối đãi mà giác ngộ quả Thánh , cũng gọi là Duyên giác. Chủng tánh Độc giác như vậy, phát tâm tu hành đắc quả, tất cả nói chung là địa Độc giác.

Địa Bồ-tát: Mong cầu đại giác, thương xót hữu tình, hoặc cầu Bồ- đề, chí nguyện vững mạnh, thời gian dài tu chứng, vĩnh viễn ra khỏi thế gian, đại hạnh, đại quả, nên gọi là Bồ-tát. Chủng tánh Bồ-tát như vậy, phát tâm tu hành đắc quả, tất cả nói chung là địa Bồ-tát. Nghĩa lớn của Tam thừa sau sẽ biện giải.

Địa Hữu dư y: Nghĩa là Địa Hữu dư y Niết-bàn. Y tức là chỗ nương tựa của hữu lậu, lược có tám thứ:

1. Y thi thiết: Nghĩa là năm thủ uẩn, do nương dựa nơi đấy, thiết lập ra giả, gọi là chủng tánh.

2. Y thâu nhận: Nghĩa là bảy sự gồm thâu, là cha mẹ, vợ con, nô tỳ, người giúp việc, đầy tớ còn nhỏ, bạn bè, bà con.

3. Y trú trì: Nghĩa là bốn loại ăn.

4. Y lưu chuyển: Nghĩa là bốn thức trụ, mười hai duyên khởi.

5. Y chướng ngại: Nghĩa là các Thiên ma.

6. Y khổ phiền não: Nghĩa là các dục giới.

7. Y thích duyệt: Nghĩa là vui trong các định.

8. Y hậu biên: Nghĩa là A-la-hán, các uẩn tương tục.

Nay hoàn toàn lấy một thứ sau cùng là y hậu biên, tức trừ sáu sự thâu tóm còn lưu chuyển, chướng ngại lấy một phần còn lại. Lại trong địa nầy có bốn thứ vắng lặng:

1. Vắng lặng khổ: Nghĩa là các khổ trong vị lai rốt ráo không sinh.

2. Vắng lặng hoặc: Nghĩa là các phiền não rốt ráo không sinh.

3. Vắng lặng nghiệp: Nghĩa là không làm ác, tu tập các việc thiện.

4. Xả vắng lặng: Nghĩa là sáu thứ hằng trú ở nơi sáu căn, không vui, không buồn, an trú trong đó xả, chánh niệm, chánh tri. Bậc A-la- hán v.v... trú ở địa vô học, đầy đủ bốn thứ vắng lặng, có một chút còn lại để nương tựa, cho nên gọi là địa hữu dư y. Địa nầy tức là Nhị thừa. Trong thân vô học, các pháp hữu lậu vô lậu, toàn bộ là tự tánh Như Lai, tuy thân tâm không chân thật là hữu lậu dư y, nhưng có biến hóa tựa như y hữu lậu, do đó căn cứ vào sự tướng biến hóa, cũng được gọi là địa hữu dư y.

Địa Vô dư y: Nghĩa là Địa Vô dư y Niết-bàn. Tất cả hữu lậu dư y đều xả, hữu vi vô lậu của Nhị thừa cũng xả. Như Lai tuy có hữu vi vô lậu, nhưng

không có tất cả hữu lậu dư y, cho nên cũng gọi là Địa Vô dư

y**.** Trong địa nầy, chỉ có chân như thanh tịnh hiện bày công đức sâu xa, lìa các phân biệt, dứt các hý luận, không thể nói là uẩn, xứ, giới v.v... đến trời, người v.v... hoặc tức hoặc lìa, hoặc hữu hoặc vô, danh tướng hiện có, đều là giả thuyết có nghĩa. Địa nầy chính là dùng trạch diệt chân như vô vi rốt ráo làm tánh, và đem công đức hữu vi vô lậu của Như-lai làm tánh. Công đức của Như-lai sâu xa lìa tướng, không thể nói nêu. Không nói cũng thâu giữ năm địa thức… lý thật cũng thâu gồm có nghĩa. Công đức hữu vi của Như-lai, thuộc về hữu dư y. Công đức vô vi thuộc về vô dư y. Cho nên phần luận sau nói: Địa Vô dư y. Năm địa một phần: Nghĩa là địa vô tâm, địa do tu tạo thành, địa Thanh văn, Độc giác và Bồ-tát

-oOo-.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 106

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

SỐ 1581

(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1581

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

Hán dịch: Đời Bắc Lương, Tam Tạng
Pháp sư Đàm Vô Sấm.

QUYỂN 1

(Đoạn Thứ Nhất Có 18 Phẩm)

Phẩm 1: CHỦNG TÁNH CỦA XỨ PHƯƠNG TIỆN ĐẦU TIÊN

Kính lễ hết thảy Phật Thế Tôn Quá khứ, hiện tại và vị lai.

Có mười pháp nêu đầy đủ đạo Bồ-tát mà Đại thừa đã thâu tóm. Những gì là mười? Một là trì. Hai là tướng. Ba là dực (hỗ trợ). Bốn là tâm tịnh. Năm là trú. Sáu là sinh. Bảy là nhiếp (gồm thâu). Tám là địa. Chín là hạnh. Mười là an lập.

Thế nào gọi là trì? Bồ-tát từ chủng tánh lần đầu phát tâm cho đến hết thảy pháp Bồ-đề phần, ấy gọi là trì. Vì sao? Vì Bồ-tát nương dựa nơi chủng tánh tất nhiên phải đảm nhiệm đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, vì thế cho nên chủng tánh được gọi là tất định trì. Bồ-tát nương vào sự phát tâm ban đầu mà tu hành sáu Ba-la-mật: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ. Tu sáu Ba-la-mật nầy, thì công đức luật nghi, trí tuệ luật nghi, pháp phần Bồ-đề, cho nên lần đầu phát tâm gọi là hành phương tiện trì của Bồ-tát. Bồ-tát nương nơi hành phương tiện làm đầy đủ đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, cho nên hành phương tiện gọi là đại Bồ-đề trì. Người phi chủng tánh do không có chủng tánh, nên dù có phát tâm, chuyên cần tinh tấn, mà hẳn nhiên không thể đạt rốt ráo đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Cho nên phải biết, tuy không phát tâm, không tu hành phương tiện, vẫn được gọi là chủng tánh trì. Nếu có chủng tánh Bồ-tát mà không phát tâm, không tu hành phương tiện, thì không thể mau chóng thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Có chủng tánh Bồ-tát, phát tâm Bồ-đề, chuyên hành tinh tấn, thì có thể chóng thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Lại chủng tánh gọi

là trì, còn gọi là trưởng dưỡng, gọi là nhân, gọi là nương tựa, gọi là thềm thang, gọi là dẫn dắt, gọi là che chắn. Chủng tánh mà phát tâm hành phương tiện thì cũng như vậy. Thế nào là chủng tánh? Lược nói có hai thứ: Tánh chủng tánh, Tập chủng tánh. Tánh chủng tánh nghĩa là Bồ-tát với sáu nhập thù thắng, lần lượt tương tục cứ như vậy từ vô thủy đến nay, ấy gọi là tánh chủng tánh. Tập chủng tánh nghĩa là nếu từ trước đến nay những gì đã đắc được từ tu thiện, gọi là tập chủng tánh. Chủng tánh còn gọi là chủng tử, gọi là giới, gọi là tánh. Lại nữa, không tu tập thì quả tế, quả xa. Tu tập thì quả thô, quả gần. Bồ-tát thành tựu chủng tánh, vượt lên trên tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi. Vì sao? Vì có hai thứ tịnh: Một là chướng phiền não tịnh. Hai là trí chướng tịnh. Chủng tánh của Nhị thừa thì chướng phiền não tịnh chứ không phải trí chướng tịnh. Chủng tánh của Bồ-tát đầy đủ hai thứ tịnh, nên là tối thắng tối thượng trong tất cả. Lại có bốn việc thù thắng đối với tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác: Một là căn thù thắng. Hai là đạo thù thắng. Ba là phương tiện khéo léo thù thắng. Bốn là quả thù thắng. Bồ-tát thì tự tánh căn sắc bén, Duyên giác căn trung bình, Thanh văn căn yếu kém. Ấy gọi là căn thù thắng. Thanh văn, Duyên giác chỉ là tự độ, Bồ-tát không như vậy, mà tự độ và độ người, nên gọi là đạo thù thắng. Thanh văn, Duyên giác chỉ có thể hiểu biết ấm, giới, các nhập, mười hai duyên khởi, là xứ, phi xứ và bốn chân đế, Bồ-tát khéo dùng phương tiện thảy đều biết rõ tất cả pháp, đấy gọi là phương tiện thiện xảo thù thắng. Thanh văn chứng đắc Bồ-đề Thanh văn, Duyên giác chứng đắc Bồ-đề Duyên giác, Bồ-tát chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là quả thù thắng. Sáu Ba-la-mật là tướng chủng tánh của Bồ-tát, khiến cho các chúng sinh biết đó là Bồ-tát. Những gì là sáu? Là từ Bố thí Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật.

Bố thí Ba-la-mật gọi là tướng chủng tánh của Bồ-tát. Nghĩa là Bồ- tát tánh vốn tự ưa thích bố thí, đối với người thọ nhận thì đem vật bố thí, bố thí bình đẳng không mệt mỏi, đối với các tài vật hoặc nhiều hoặc ít, tâm luôn bình đẳng bố thí, hoan hỷ không hối hận. Nếu không bố thí thì tâm thường hổ thẹn, luôn luôn vì người khác khen ngợi công đức, bố thí khuyến khích người khác thực hành bố thí. Thấy có người bố thí thì tâm thường tùy hỷ, đối với các bậc kỳ túc tôn trọng là ruộng phước phải nên cúng dường thì rời bỏ chỗ ngồi mà cung kính dâng cúng. Nếu có người hỏi việc đời nầy đời sau thì cứ như pháp thảy đều vì họ mà giảng nói. Nếu có người sợ hãi về các nạn giặc như vua chúa, nước, lửa, tri thức ác, thì tùy theo sức mình có thể ban cho họ sự vô úy, thọ nhận người gởi tài vật không để sai trái, với người thiếu nợ trọn không cầm cố, anh em phân chia tiền của bình đẳng như một (không hai), đối với của báu mà người sinh yêu đắm, thì dạy bảo

họ lìa tham, đã dạy bảo người xa lìa, huống gì là tự mình tham đắm. Tánh ưa tài vật tốt đẹp thì hãy xả bỏ sự thọ dụng, ưa tu nghiệp thù thắng thì quả báo lợi ích rộng nhiều. Đối với tất cả sự vui chơi như tửu, sắc, ca múa, các thứ biến hiện, luôn sinh hổ thẹn, nhanh chóng xa lìa. Được của cải châu báu lớn còn không tham đắm huống gì là lợi nhỏ như thế. Cho nên gọi là Đàn (bố thí) Ba-la-mật là tướng chủng tánh của Bồ-tát.

Thi (Giới) Ba-la-mật gọi là tướng chủng tánh của Bồ-tát. Nghĩa là tánh nghiệp thân, khẩu, ý của Bồ-tát vốn tự dịu dàng, không tăng hành ác, không ưa sát sinh, giả sử tạo nghiệp ác thì tâm sinh hổ thẹn, nhanh chóng hối trừ không cho tăng trưởng, không dùng đao gậy khủng bố chúng sinh, thể tánh hiền hòa nhân hậu thường ôm lòng từ ái, cung kính các bậc tôn trưởng, đón tiếp cúng dường, khéo biết căn cơ thích hợp để tạo phương tiện thiện xảo, khéo tùy thuận lòng người, nói năng thường nở nụ cười, nét mặt vui tươi nhìn thẳng, ý trước là thăm hỏi, biết ân và báo đáp ân, chỗ cầu ngay thẳng, không giả dối quanh co, thọ tài vật như pháp, không làm phi pháp, tánh thường hoan hỷ, ưa tu các phước đức, thấy người tu phước còn đem thân giúp đỡ, huống là lại tự làm. Nếu có chúng sinh cùng nhau tàn hại, đánh trói, chê bai, mắng trách, có vô lượng các khổ như vậy, Bồ-tát hoặc thấy hoặc nghe thì tâm thường thương xót. Chú trọng đời nầy làm thiện để đời sau được vui. Đối với tội nhỏ tâm luôn sợ hãi, huống gì là các ác lớn mà không sợ hãi, cẩn thận. Hoặc thấy người làm ruộng, buôn bán, chăn thả súc vật, tính toán sổ sách, hoặc thấy nhóm người họp nhau tranh cãi, cầu tài, trông coi việc bố thí, hội họp việc hôn nhân. Như thế, tất cả những việc như pháp thảy đều đồng sự cùng làm. Đối với sự tranh cãi, gây gổ, khủng bố nhau, hoặc là mình hoặc là người cũng đều vô nghĩa, vô ích, tất cả những việc như thế không nên đồng sự. Thường khéo ngăn cấm mười nẻo bất thiện. Nếu bị người khác khiến phải thuận theo giáo huấn của họ, mình phải nên đi hỏi ý kiến của những bậc minh triết. Đối với các sự nghiệp phải phế bỏ mình thành tựu người thường, ôm lòng thương xót bùi ngùi chớ không sân hại, giả sử tạm thời dấy khởi tầm, liền tìm cách diệt trừ. Luôn tu lời chân thật, không dối gạt chúng sinh, không ly gián người thân của họ và nói lời vô nghĩa, lời nói thường dịu dàng không thô ác, đối với người giúp việc cho mình còn không nói lời thô ác, huống gì là người khác. Đối với các công đức tâm thường ưa thích. Thấy người tu hành thì tùy hỷ khen ngợi là thiện (tốt). Hết thảy đồng như vậy, gọi là Thi-la Ba-la-mật nơi tướng chủng tánh của Bồ-tát.

Sằn-đề (Nhẫn nhục) Ba-la-mật gọi là tướng chủng tánh của Bồ- tát. Nghĩa là Bồ-tát tự tánh vốn tự hòa dịu, nếu gặp người khác không đem lại

việc lợi ích, cũng không khởi tâm giận hại, không trở lại báo thù. Nếu người hối hận đến xin lỗi, liền nhận sự sám hối của họ, không ôm lòng kết hận, lại không nhớ tưởng điều khác lạ, sánh đồng như thế, gọi là Sằn-đề Ba-la-mật nơi tướng chủng tánh của Bồ-tát.

Tỳ-lê-da (Tinh tấn) Ba-la-mật gọi là tướng chủng tánh của Bồ-tát. Nghĩa là Bồ-tát tánh vốn tự tinh tấn, đêm ngủ sớm dậy, không thích thói quen tham đắm sự ngủ nghỉ, phàm làm việc gì cũng tinh tấn, không buông bỏ, luôn khéo suy nghĩ, phải đạt được rốt ráo, vừa mới lập nghiệp phải chắc chắn vững bền, việc nếu chưa thành tựu trọn không bỏ dở, đối với đệ nhất nghĩa tâm không thối mất, không tự khinh, nói không thể hoàn thành, đối với việc đã nhận làm phải mạnh mẽ gánh vác, hòa nhập vào đại chúng, phá dẹp luận tà. Khéo léo đáp trả tất cả câu hỏi khó. Các việc khổ khác đều có thể nhẫn nhục, sức phương tiện lớn trọn không lo ngại hối hận, huống gì là việc nhỏ. Hết thảy đồng như vậy, gọi là Tỳ-lê-da Ba-la-mật nơi tướng chủng tánh của Bồ-tát.

Thiền Ba-la-mật được gọi là tướng chủng tánh của Bồ-tát. Nghĩa là Bồ-tát đối với pháp, đối với nghĩa, tánh khéo suy lường, không có các loạn tưởng, dẫu có thấy hoặc có nghe núi cao rừng rậm, cũng lìa các rối loạn mà thuận theo sự yên lặng, liền sinh ý niệm: Đây là chỗ an vui, là chỗ xa lìa, tìm đến chỗ kia, sự tu tập sẽ chuyên cần. Tánh Bồ-tát là phiền não mỏng, ấm cái đều nhỏ nhẹ, xa lìa chỗ suy nghĩ lợi mình, không bị phiền não nhiễu loạn do biết rõ cái ác, hoặc khi tạm khởi thì liền tìm cách diệt trừ, đối với chỗ oán ghét đều khởi tâm từ, huống gì là đối với người. Hoặc thấy hoặc nghe chúng sinh chịu khổ liền khởi tâm bi, tùy theo phương tiện cứu giúp khiến họ được lìa khổ, tánh ưa đem lợi ích an vui cho chúng sinh. Hoặc có bà con vì tiền tài của cải mà sát hại, hoặc trói đuổi đi để chiếm lấy, những nạn như vậy đều có thể an nhẫn, có thể nhanh chóng thọ trì nghĩa sâu xa của các pháp. Niệm lực thành tựu, chỗ thọ nhận chỉ chuyên vào chân đế. Từ lâu xa tu gì đều có thể ghi nhớ, cũng khiến cho người khác nhớ nghĩ không quên, hết thảy đồng như vậy, gọi là Thiền Ba-la-mật nơi tướng chủng tánh của Bồ-tát.

Trí tuệ (Bát nhã) Ba-la-mật được gọi là tướng chủng tánh của Bồ- tát. Nghĩa là Bồ-tát đối với tất cả minh xứ, tất cả trí xứ đều sinh trí tuệ thành tựu, không ngu tối chậm chạp, không nhỏ nhen, không ngu si, các chỗ buông lung đều có thể suy lường, đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật nơi tướng chủng tánh của Bồ-tát.

Đó là tướng thô nơi chủng tánh của Bồ-tát. Tôi đã lược nói, các nghĩa

thật khác, chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể biết chắc chắn. Bồ- tát chủng tánh đầy đủ tánh như vậy, ấy là công đức, nghĩa là thành tựu pháp bạch tịnh chân thật. Cho nên gọi là nan đắc, gọi là đặc biệt, gọi là không thể nghĩ bàn, gọi là bất động, gọi là vô thượng, gọi là trú xứ của Như-lai, tương ưng với chánh nhân.

Bồ-tát chủng tánh thành tựu pháp bạch tịnh, nghĩa là không bị bốn loại phiền não làm nhiễm ô, nếu nhiễm ô thì pháp bạch tịnh không hiện ra ở trước, hoặc sinh cõi ác. Bồ-tát chủng tánh ở lâu trong sinh tử, hoặc đọa vào cõi ác. Đọa ở cõi ác cũng chóng được giải thoát, tuy ở cõi ác mà không thọ khổ lớn, như các chúng sinh vào trong địa ngục. Nếu khổ xúc chạm đến thân thì nhàm chán xa lìa, thấy người thọ khổ hay khởi tâm bi, như thế chủng tánh làm nhân đại bi, vì thế Bồ-tát tuy đọa trong đường ác nhưng hơn hẳn các chúng sinh trong tất cả đường ác. Những gì là bốn thứ phiền não? Một là thói quen buông lung từ lâu xa làm lợi cho phiền nào. Hai là ngu si học tập các tri thức ác. Ba là bị các bậc vua chúa, giặc, oán địch bức bách không được tự tại, làm cho tâm mê loạn. Bốn là các đồ dùng không đầy đủ, thường âu lo cho thân mạng.

Bồ-tát chủng tánh lại có bốn pháp không đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Những gì là bốn? Một là vốn không có bạn tốt, không được chư Phật Bồ-tát khéo thuyết pháp. Hai là tuy gặp bạn tốt và được chư Phật Bồ-tát thuyết pháp, nhưng thọ học sai lầm. Ba là tuy gặp bạn lành, được chư Phật Bồ-tát khéo thuyết pháp, thọ học không sai lầm, nhưng không chuyên cần hành phương tiện, không nỗ lực tinh tấn. Bốn là tuy gặp bạn tốt, được Phật và Bồ-tát nỗ lực thuyết pháp, chuyên cần tu phương tiện, nhưng thiện căn chưa chín muồi, trang nghiêm chưa đầy đủ, từ lâu xa đến nay tâm không điều phục. Bồ-tát tuy có chủng tánh nhưng nhân duyên không đủ, cũng không thể thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Lìa bốn pháp đó, Bồ-tát mau chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nếu Bồ-tát không có chủng tánh, dù có hành tất cả các phương tiên, cuối cùng cũng không thành tựu được đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Phẩm 2: XỨ PHƯƠNG TIỆN PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Bồ-tát mới phát tâm là mở đầu tất cả chánh nguyện, đều có thể thâu nhận tất cả chánh nguyện, vì thế cho nên chánh nguyện ban đầu gọi là tự tánh nguyện. Bồ-tát phát tâm, nói như vầy: Ta phải cầu Bồ- đề vô thượng, an lập tất cả chúng sinh, khiến rốt ráo nơi Niết-bàn Vô dư, cho đến đại trí

Như-lai. Phát tâm cầu đạo Bồ-đề như vậy, cho nên ban đầu phát tâm gọi là Bồ-tát mong cầu tu hành, duyên vào Bồ-đề và duyên vào chúng sinh mà phát tâm cầu. Vì thế, ban đầu mới phát tâm, đã thâu tất cả thiện căn Bồ-đề, là dẫn dắt tối thượng, là phương tiện rất thiện xảo, là đầy đủ công đức, là hiền thiện chân thật tột bực, là rất chân thật, đối với tất cả chúng sinh đều bỏ hành ác, đối với chánh nguyện thế gian, xuất thế gian là trên hết, là rất cao tột. Như vậy phải biết, ban đầu phát tâm có năm tướng: Một là tự tánh. Hai là hạnh. Ba là duyên. Bốn là đức. Năm là thắng. Bồ-tát mới phát tâm gọi là độ. Các số Bồ-tát là của Đại thừa Bồ-đề, vì thế cho nên mới phát tâm thuộc về độ. Phát tâm rồi, dần dần chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Cho nên, ban đầu phát tâm là căn bản của Bồ-đề. Phát tâm ấy rồi, thấy các chúng sinh thọ vô lương khổ, lại khởi tâm bi muốn độ thoát họ, vì thế cho nên ban đầu phát tâm là chỗ nương tựa của đại bi. Nương tựa nơi ban đầu phát tâm mà kiến lập pháp phần Bồ-đề cho Bồ-tát, và những việc làm của chúng sinh là sở học của Bồ-tát, đều lấy đó mà tu tập. Cho nên, ban đầu là chỗ nương tựa của Bồ-tát học. Ban đầu phát tâm như thế, nên gọi là thâu giữ, gọi là căn bản, gọi là nương tựa.

Bồ-tát ban đầu phát tâm có hai thứ: Một là xuất. Hai là bất xuất. Xuất nghĩa là từ lúc mới phát tâm cho đến rốt ráo trọn không thối chuyển. Bất xuất nghĩa là có thối chuyển. Thối cũng có hai thứ: Một là thối rốt ráo. Hai là thối không rốt ráo. Thối rốt ráo nghĩa là đã thối rồi trọn không khởi lại nguyện Bồ-tát. Thối không rốt ráo nghĩa là thối rồi phát khởi trở lại.

Bồ-tát ban đầu phát tâm có bốn thứ duyên, bốn thứ nhân, bốn thứ lực.

Thế nào là bốn thứ duyên?

1**.** Thiện nam thiện nữ nào hoặc thấy, hoặc nghe chư Phật Bồ-tát có thần thông biến hóa không thể nghĩ bàn, những người kia thấy nghe rồi liền khởi suy nghĩ: Đó là việc lớn không thể nghĩ bàn. Có thể vì các việc biến hóa như vậy được thấy nghe làm duyên tăng thượng, cho nên ưa thích đại trí của Đức Phật mà phát tâm Bồ-đề.

2**.** Tuy không thấy nghe những thần biến như trên, nhưng nghe người thuyết pháp tán thán Bồ-đề và tạng Bồ-tát, nghe thì vui mừng, hoan hỷ tin thích. Do nghe pháp ấy làm duyên tăng thượng, ưa thích đại trí Phật, nên phát tâm Bồ-đề.

3**.** Tuy không nghe pháp, nhưng thấy tướng pháp diệt lại khởi suy nghĩ: Vô lượng chúng sinh sẽ gặp khổ lớn, Bồ-tát trụ thế thì có thể diệt trừ. Ta nay phải tu đạo Bồ-đề, hộ trì chánh pháp, vì các chúng sinh mà diệt vô lượng khổ. Do việc hộ trì pháp làm duyên tăng thượng, cho nên ưa thích

đại trí của Như Lai mà phát tâm Bồ-đề.

4. Không thấy pháp diệt, nhưng thấy đời ác trược bị mười thứ phiền não nhiễu loạn: Một là ngu si. Hai là không biết hổ thẹn. Ba là tham lam keo kiệt, ganh tị. Bốn là khổ não. Năm là dơ bẩn. Sáu là phiền não. Bảy là hành ác. Tám là buông lung. Chín là biếng nhác. Mười là không tin. Thấy rồi liền khởi suy nghĩ: Đời khởi nhiều ô trược, ở trong đời xấu ác nầy còn không thể phát nguyện về Nhị thừa huống chi là có thể chí cầu Bồ-đề vô thượng. Ta nay phải phát tâm cũng khiến cho người khác phát tâm, do trong đời ô trược phát tâm khó được làm duyên tăng thượng, cho nên ưa thích đại trí Như Lai mà phát tâm Bồ-đề.

Thế nào gọi là bốn thứ nhân? Một là chủng tánh đầy đủ. Hai là chư Phật Bồ-tát thuộc về những bạn lành. Ba là khởi tâm đại bi. Bốn là sinh tử khổ nạn, hành khổ với vô lượng các khổ lâu xa như vậy, đối với các khổ nầy tâm không sợ hãi. Chủng tánh đầy đủ nghĩa là từ vô thủy điều đó đã là như vậy. Thuộc về bạn lành nghĩa là có bốn việc: Một là bạn tốt không ngu không độn, trí tuệ không tà. Hai là không dạy người phóng dật, cũng không đem phương tiện phóng dật trao cho người khác. Ba là không dạy người làm ác (hành ác) cũng không đem phương tiện hành ác trao cho người. Bốn là trọn không đoạn người tín thượng, dục thượng, tinh tấn thượng, thọ thượng, phương tiện thượng, công đức thượng, khiến họ thối lùi, cũng không đem tín hạ, dục hạ, thọ hạ, tinh tấn hạ, phương tiện hạ, công đức hạ trao cho người khác, đó gọi là đoạn Đại thừa vô thượng khiến học Nhị thừa, đoạn tu tuệ cho tư tuệ, đoạn tư tuệ cho văn tuệ, đoạn văn tuệ cho phước nghiệp, đoạn giới cho thí, sánh đồng như vậy, đoạn những công đức thượng khiến kẻ kia thối lùi, lấy công đức hạ trao cho khiến tu tập. Khởi tâm đại bi nghĩa là có bốn việc. Hoặc có thế giới có khổ não, hoặc có thế giới không có khổ não, Bồ-tát sinh chỗ có khổ não, thấy người thọ khổ, hoặc tự mình thọ khổ, hoặc thấy mình và người đều thọ, hoặc thấy sinh tử dài lâu mà thọ khổ không gián đoạn. Bồ-tát nương vào chủng tánh của mình, tánh vốn tự nhân hậu hiền hòa, đối với bốn cảnh giới khởi bi hạ, trung, thượng, đối với sinh tử vô cùng không ngừng khổ lớn, tâm không sợ hãi. Có bốn việc để tâm không sợ hãi: Một là tánh an ổn dũng mãnh. Hai là trí tuệ sáng suốt chuyên tu tư duy. Ba là đối với Bồ-đề vô thượng khởi niềm vui tăng thượng. Bốn là đối với các chúng sinh phát tâm bi tăng thượng.

Thế nào gọi là bốn lực? Một là tự lực. Hai là tha lực. Ba là lực của nhân. Bốn là lực phương tiện. Bồ-tát tự phát tâm Bồ-đề gọi là tự lực. Nhân nơi người mà phát tâm gọi là tha lực. Trước tu tập Đại thừa tương ưng với

thiện căn, nay ít thấy Phật và Bồ-tát, hoặc ít nghe lời tán thán mà liền phát tâm, ấy gọi là lực của nhân. Ở trong đời nay gần gũi thiện tri thức, nghe họ nói pháp hay tu các điều thiện, gọi là lực phương tiện.

Bồ-tát do bốn duyên, bốn nhân, do tự lực, do lực nguyên nhân mà phát tâm Bồ-đề, vững chắc không lay động, thì nhất định sẽ rốt ráo. Nếu do tha lực, lực phương tiện mà phát tâm thì không vững chắc, có chuyển động, không nhất định.

Bồ-tát có bốn việc làm cho tâm Bồ-đề thoái lui. Những gì là bốn? Một là chủng tánh không đầy đủ. Hai là tri thức ác lôi cuốn. Ba là đối với các chúng sinh tâm bi mỏng và nhỏ. Bốn là đối với cái khổ trong sinh tử sinh tâm sợ hãi.

Ban đầu phát tâm vững chắc có hai việc, vượt ra ngoài thế gian, thù thắng, kỳ lạ, pháp chưa từng có: Một là đối với các chúng sinh khởi tưởng thân thuộc. Hai là không gồm thâu quá thân thuộc. Gồm thâu quá thân thuộc tức là nhận lãnh bà con, nên dễ tâm sinh ái hận.

Ban đầu phát tâm vững chắc có hai việc, đối với các chúng sinh luôn khởi tâm chân tịnh: Một là tâm an ổn. Hai là tâm vui thích. Tâm an ổn nghĩa là vì các chúng sinh mà trừ bỏ chỗ bất thiện, đặt để họ an vui ở chỗ thiện. Tâm vui thích nghĩa là với chúng sinh nghèo thiếu, không chỗ nương dựa, có thể dùng nhiếp pháp, đẳng tâm làm lợi ích cho họ.

Ban đầu phát tâm vững chắc có hai phương tiện: Một là phương tiện tịnh tâm. Hai là phương tiện đạo. Phương tiện tịnh tâm nghĩa là người kia được tâm an ổn, tâm vui thích ngày ngày tăng trưởng. Phương tiện đạo là tự mình đối với ngày đêm thành tựu pháp Phật, tùy theo năng lực đó, có thể nương vào phương tiện tịnh tâm để làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh.

Ban đầu phát tâm vững chắc có hai cửa (môn) là chỗ đi vào của pháp thiện: Một là phương tiện tự lợi, phát tâm Bồ-đề. Hai là phương tiện lợi cho người, diệt trừ các khổ.

Ban đầu phát tâm vững chắc lại có hai việc, phát tâm thành đạo sẽ gồm thâu pháp thiện, khi phát ra hơn hẳn tất cả pháp thiện đã gồm thâu: Một là nhân thắng. Hai là quả thắng. Nhân Bồ-đề kia là chỗ tu tập pháp thiện, thì gọi là nhân thắng. Bồ-đề vô thượng thì gọi là quả thắng. Thù thắng hơn tất cả các Thanh văn, Duyên giác, vì thế cho nên nhân quả của Bồ-tát đều thù thắng.

Ban đầu phát tâm vững chắc có hai thứ lợi ích: Một là đã phát tâm nầy rồi, liền vì vô lượng chúng sinh làm tịnh thí, tôn trọng, ruộng phước. Hai là gồm thâu và giữ lấy phước đức thuần tịnh. Phước đức thuần tịnh ấy

là như hai thứ phước đức của Chuyển luân vương được bảo vệ. Do đó, ngủ hoặc thức không bị thú dữ, quỷ ác, các thần… não hại, ở chỗ sinh sống ít bệnh tật, hoặc khi thuyết pháp thân không mệt mỏi, tâm không quên mất. Bồ-tát chủng tánh với thân khẩu ý ác, tánh vốn tự đã nhẹ mỏng, đã phát tâm rồi chuyển thành nhẹ yếu. Người khác sử dụng chú thuật không có hiệu nghiệm, Bồ-tát sử dụng thảy đều thần nghiệm, vì đã được thành tựu. Tùy thuận thượng nhẫn, tức có thể nhẫn chịu người khác não hại, cũng không não hại người khác, thấy người khác não hại nhau tâm sinh thương xót, sân giận, ganh tị không hề xảy ra, huyễn hoặc giả dối, dua nịnh và cả những thứ phiền não phẩm thượng thảy đều mỏng yếu, giả sử có khởi thì cũng nhanh chóng diệt. Ở tại nơi cư ngụ, không có các việc khủng bố, tranh cãi, đói lạnh, phi nhân não hại. Các nạn nếu chưa khởi thì không khởi, dù có khởi cũng liền tiêu diệt. Bồ-tát phát tâm nếu phải sinh trong cõi ác, sẽ mau được giải thoát, thọ khổ nhẹ ít, mau sinh nhàm chán xa lìa, đối với các chúng sinh khác hay khởi tâm bi, luôn đem phước đức thuần tịnh giúp đỡ, thành tựu vô lượng phước tịnh như thế.

Phẩm 3: XỨ PHƯƠNG TIỆN TỰ LỢI-LỢI THA

Thế nào là hạnh Bồ-tát? Lược nói các thứ học xứ của Bồ-tát, như học mà học, nói chung đó là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát học ở đâu? Học có bảy chỗ. Những gì là bảy? Một là tự lợi. Hai là lợi tha. Ba là nghĩa chân thật. Bốn là lực. Năm là thành thục chúng sinh. Sáu là tự thành thục pháp Phật. Bảy là Bồ-đề vô thượng.

Tự lợi lợi tha là thế nào? Tự lợi lợi tha lược nói có mười thứ: Một là thuần. Hai là cộng. Ba là an. Bốn là lạc. Năm là nhân thâu tóm. Sáu là quả thâu tóm. Bảy là đời nầy. Tám là đời khác. Chín là rốt ráo. Mười là không rốt ráo. Thuần, cộng tự lợi lợi tha có hai thứ: Một là thuần tự lợi. Hai là thuần tha lợi. Trái nghịch đạo Bồ-tát thì phải biết nên đoạn trừ, thuận với đạo Bồ-tát thì phải nên tu học. Vì lợi cho mình nên cầu xin tài vật tự dùng. Vì pháp bí mật cho nên cầu xin Phật kinh pháp để bảo vệ giữ gìn. Vì sinh lên cõi trời nên thọ trì các pháp như: Giới cấm, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Vì tham quả báo thế gian nên cúng dường tháp Phật. Vì tham lợi nên khởi cầu tướng lợi. Vì lừa dối với kẻ khác nên không duyên, tự nói đủ các thứ công đức, tham muốn người khác thân cận dựa cậy phi pháp thâu gồm, tự trú trong thiền định mà lại ưa xả cho chúng sinh, đó gọi là thuần tự lợi, nên biết nên đoạn. Bố thí nhẫn nhục phải lấy tâm bi làm đầu, hồi hướng về Bồ-

đề và muốn sinh thiên, đó gọi là tự lợi cùng lợi tha, nên biết mà tu học, trừ những gì đã nói, thì những thuần tự lợi khác là trái nghịch, đó gọi là tự lợi cộng lợi tha. Thuần tha lợi nghĩa là không nhân không quả, bố thí tà kiến, phạm giới, trái đạo, vì người thuyết pháp, tự độ địa dưới lại đem pháp tịnh của địa dưới trao cho người khác. Bồ-tát xả thiền nguyện sinh vào cõi dục, Bồ-tát tự tại nơi mười phương thế giới biến hiện đủ các thứ, giáo hóa chúng sinh rốt ráo lực vô sở úy và pháp bất cộng của Như Lai, tạo lợi ích cho tất cả vô lượng chúng sinh, đấy gọi là thuần tha lợi. Trước đã nói hai thứ thuần tha lợi, nên biết nên đoạn trừ, ngoài ra các thứ thuần tha lợi khác, phải nên siêng học. Trừ các thứ đã nói như vậy, các thứ thuần tha lợi khác trái nhau, gọi là cộng tự lợi tha lợi.

An, tự lợi và tha lợi lược nói có năm thứ: Một là tướng vô tội. Hai là tướng thâu nhận. Ba là đời nầy. Bốn là đời khác. Năm là tịch diệt. Bồ-tát đã gồm thâu thiện căn, dù nhiều hoặc ít, cũng tu tập thành tựu, cũng đem những điều thiện nầy thành tựu chúng sinh, tạo ra sự điều phục, đấy gọi là tướng vô tội. Bồ-tát an ổn nơi tự lợi và tha lợi, vui thích lìa nhiễm ô, vui thích mọi thứ có đủ, vui trụ nơi thiền định làm lợi ích cho mình và cho người, đấy gọi là tướng thâu nhận. Bồ-tát an ổn nơi tự lợi và tha lợi có đời nầy an ổn không phải đời khác, có đời khác chẳng phải đời nầy, có đời nầy đời khác, có không phải đời nầy không phải đời khác. Bốn thứ thọ, bốn thứ pháp nầy lần lượt tùy theo sự thích hợp kia. Những gì là bốn? Có pháp đời nầy thọ lạc, đời khác thọ khổ. Có pháp đời nầy thọ khổ, đời khác thọ lạc. Có pháp đời nầy thọ khổ, đời khác thọ khổ. Có pháp đời nầy thọ lạc, đời khác thọ lạc. Đấy gọi là an tự lợi tha lợi đời nầy đời khác. Niết-bàn, đạo Niết-bàn, Niết-bàn phần, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, đều gọi là an tự lợi tha lợi tịch diệt.

Lạc tự lợi và tha lợi, lược nói có năm thứ: Một là lạc nhân. Hai là lạc thọ. Ba là lạc khổ đối trị. Bốn là lạc đoạn thọ. Năm là lạc vô tội. Lạc nhân có hai thứ: Một là nhân duyên tình (căn) trần xúc cho nên lạc thọ sinh. Hai là đời nầy đời sau thọ quả nghiệp, đấy gọi là lạc nhân. Các khổ dứt rồi, suy nghĩ về ba thứ nhân lạc, thân tâm khởi sự thọ nhận, đấy là lạc tho nhận. Lạc tho nhận có hai thứ: hữu lậu và vô lậu. Vô lậu nghĩa là học và vô học. Hữu lậu nghĩa là hệ thuộc ba cõi là dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Tất cả ba cõi đều tùy theo sự thích ứng mà sáu nhập phân biệt, từ nhân duyên của nhãn xúc cho đến nhân duyên của ý xúc sinh. Khởi năm thức tương ưng, gọi là thân thọ, ý thức tương ưng gọi là tâm thọ. Các thứ khổ não như lạnh nóng, đói khát đã khởi, chưa khởi đối trị liền dứt, dứt rồi lạc tri sinh, đấy gọi là lạc khổ đối trị. Định diệt thọ tưởng gọi là lạc đoạn thọ. Lạc vô tội có bốn

thứ: Một là lạc xuất gia. Hai là lạc viễn ly. Ba là lạc tịch diệt. Bốn là lạc Bồ-đề. Tin nhà không phải nhà, xuất gia học đạo giải thoát các nạn tại gia, gọi là lạc xuất gia. Đoạn trừ dục ác và pháp bất thiện, đắc sơ thiền, lìa sinh hỷ lạc, đấy gọi là lạc viễn ly. Nhị thiền, giác quán dừng nghỉ làm đầu, gọi là lạc tịch diệt. Tất cả phiền não được diệt trừ rốt ráo đối với tất cả pháp, như thật hiểu biết, ưa thích, gọi là lạc Bồ-đề. Lạc nhân nghĩa là nhân của lạc chứ chẳng phải tự tánh. Lạc thọ thì chẳng phải nhân của lạc mà là tự tánh. Lạc khổ đối trị chẳng phải là nhân của lạc, chẳng phải là tự tánh, mà là dứt trừ khổ. Lạc đoạn thọ chẳng phải là nhân của lạc, chẳng phải là tự tánh, chẳng phải là trừ khổ, mà đã có thọ nhận là khổ chân thật, tùy khi trụ định là thọ diệt. Lạc vô tội là chỗ gồm thâu. Sau cùng lạc Bồ-đề, là tất cả phiền não đời hiện tại vị lai đều rốt ráo diệt, các thứ lạc vô tội khác, đối với nó tùy thuận, đấy gọi là lạc vô tội.

Bồ-tát nầy đem lạc an ổn làm lợi ích cho chúng sinh, chứ chẳng phải lạc an ổn chỉ để biết như thật, tùy theo năng lực, phương tiện mà chỉ dạy khiến đoạn trừ. Nếu khổ mà về sau an nghĩa là tuy ưu não nhưng quan trọng là cần phải làm cho lợi ích, thì đó mới là Bồ-tát nương phương tiện thiện xảo. Nếu lạc mà về sau không an nghĩa là tuy ưu não nhưng không chịu bỏ đi. Dùng lực phương tiện chủ yếu chỉ là để đoạn trừ. Vì sao? Vì về sau chắc chắn được lạc.

Bồ-tát nầy muốn chúng sinh an, nghĩa là cũng muốn khiến cho được lạc. Cho kia an là cũng muốn cho lạc. An là chỗ của nhân, lạc (vui) ấy là chỗ của quả, vì thế cho nên phải biết chúng sinh lạc (vui) ắt hẳn trước phải an, ái kia là nghiệp quả, đời nầy đời sau thuộc về lạc nhân và lạc khổ đối trị, lạc đoạn thọ, lạc vô tội, nhất định lấy đó làm lợi ích cho chúng sinh, cũng gọi là gồm thâu, cũng gọi là lạc vô tội, thọ nhận, và cho đến tình (căn) trần xúc nhân lạc, là nhiễm ô có tội không an ổn, nghĩa là không đem lợi ích giảng dạy khiến đoạn trừ. Nếu chẳng phải nhiễm ô vô tội an ổn, thì lấy đó làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Bồ-tát cũng thường tùy theo năng lực mà tự hành, đấy gọi là Bồ-tát an lạc tự lợi tha lợi nhân thâu tóm.

Quả thâu tóm tự lợi và lợi tha lược nói có ba thứ nhân, ba thứ quả, nhân báo quả báo, nhân phước quả phước, nhân trí quả trí.

Thế nào gọi là báo? Báo có tám thứ:

1. Thọ đầy đủ.

2. Sắc đầy đủ.

3. Chủng tánh đầy đủ.

4. Tự tại đầy đủ.

5. Tín ngôn đầy đủ.

6. Đại lực đầy đủ.

7. Người đầy đủ.

8. Lực đầy đủ.

Mạng sống kia lâu dài gọi là thọ mạng đầy đủ. Dung mạo đoan nghiêm gọi là sắc đầy đủ. Sinh trong dòng họ sang quý, gọi là chủng tánh đầy đủ. Được nhiều của cải, nhiều chúng, nhiều quyến thuộc, gọi là tự tại đầy đủ. Đoạn trừ các việc nghe kiện xử đoán, tạo lập pháp độ, nhận cho gởi gắm đều theo pháp giữ lấy đúng, phàm nói ra lời nào người người đều tin phục, đó là tín ngôn đầy đủ. Có danh xưng lớn, phương tiện lớn, trí tuệ lớn, đủ các thứ kỹ nghệ cần thiết chi mọi người, được đại chúng cung kính tôn trọng khen ngợi, đó gọi là đại lực đầy đủ. Thành tựu pháp trượng phu, gọi là nhân đầy đủ. Ít bệnh ít não, có khả năng đảm nhiệm, gọi là lực đầy đủ.

Thế nào gọi là nhân báo? Không sát hại chúng sinh, không làm tổn hại tâm, gọi là nhân thọ mạng. Làm đèn soi sáng vật gọi là nhân sắc. Xa lìa kiêu mạn gọi là nhân chủng tánh. Mọi ân huệ bố thí đầy đủ gọi là nhân tự tại. Lìa bốn lỗi ở miệng gọi là nhân tín ngôn. Thâu giữ các công đức, lập thệ nguyện lớn, cúng dường Tam bảo và các bậc tôn trưởng, gọi là nhân đại lực. Vui pháp trượng phu, chán pháp nữ nhân, nói pháp trượng phu đem lợi ích cho mình và người, dạy bảo khiến cho nhàm chán xa lìa pháp nữ nhân, đấy gọi là nhân của người. đối với việc làm của chúng sinh xem như việc pháp, tùy theo khả năng của mình đến gánh vác giúp đỡ, gọi là lực nhân. Tám thứ như vậy gọi là nhân báo. Lược nói thì nhân báo có ba thứ thù thắng, khiến cho báo được tăng thêm: Một là tâm tịnh. Hai là phương tiện tịnh. Ba là phước điền tịnh. Tâm tịnh là mong cầu nơi Bồ-đề vô thượng mà hồi hướng, thiện căn dần dần tăng trưởng, tin ưa tu hành thù thắng nhiệm mầu thuần thiện, thấy người tu hành tâm sinh hoan hỷ, ngày đêm nhớ nghĩ, tùy thuận chánh pháp, tùy giác tùy quán, đó gọi là tâm tịnh. Tu tập lâu dài, chuyên cần tinh tấn không gián đoạn, lại đem pháp nầy truyền trao cho người khác, hoặc thấy đã có người trao thì tùy hỷ khen tốt, thấy người ấy thọ lãnh hành trì, thì tùy thuận dạy bảo, cũng dùng pháp nầy mà tự kiến lập, gọi là phương tiện tịnh. Lược nói phương tiện chính là khởi quả phương tiện, cho nên gọi là phước điền tịnh.

Thế nào gọi là quả báo? Bồ-tát thọ mạng đầy đủ, tu tập pháp thiện lâu dài, khiến cho các chúng sinh thành tựu thiện căn, gọi là quả thọ mạng đầy đủ. Bồ-tát sắc tướng đầy đủ, được đại chúng yêu thích, do đại chúng yêu thích nên thảy đều cung kính, ưa được nghe nói pháp, đó gọi là quả sắc

tướng đầy đủ. Bồ-tát chủng tánh đầy đủ, được mọi người kính trọng, cúng dường, tán thán, nhất định lời nói ra được lãnh thọ thực hành, không có trái phạm, đó gọi là quả chủng tánh đầy đủ. Bồ-tát tự tại đầy đủ, tức bố thí khắp nơi thâu nhiếp thành tựu chúng sinh, gọi là quả tự tại đầy đủ. Bồ-tát tín ngôn đầy đủ, thường dùng ái ngữ, lợi ích, đồng sự, thâu giữ chúng sinh, giáo hóa khiến cho thành tựu, gọi là quả tín ngôn đầy đủ. Bồ-tát đại lực đầy đủ, chúng sinh làm gì đều có thể gánh vác giúp đỡ, chúng sinh biết ân đều đến quy ngưỡng, nói ra lời dạy bảo nào đều được vâng làm, đó gọi là quả đại lực đầy đủ. Bồ-tát nhân đầy đủ, thành tựu nam tướng (đại trượng phu), có khả năng làm pháp khí của tất cả công đức, đối với tất cả phương tiện, tất cả tri kiến đều không sợ hãi, đối với tất cả thời tự tại hành hóa, với tất cả chúng sinh qua lại đồng sự, như người giữa đồng trống, tùy ý không ngại, đó gọi là quả của nhân cách đầy đủ. Bồ-tát lực đầy đủ, có phương tiện tinh cần, phương tiện kiên cố, phương tiện nhanh chóng, tu thiện không chán, thâu phục người không mệt mỏi, gọi là quả của lực đầy đủ. Bồ-tát đem tám thứ quả báo nầy, tạo lợi ích cho chúng sinh, tự thành thục pháp Phật, tùy thuận công đức. Bồ-tát trú ở tám thứ bảo quả nầy, khiến các chúng sinh làm những việc nên làm, chúng sinh tùy theo chỗ dạy bảo tu theo hạnh nguyện. Bồ-tát tuy có tự lực mà không làm cho kẻ kia noi theo thì không gọi là lợi tha. Nếu tự mình không có lực để giáo hóa người thuận theo, cũng không gọi là lợi tha. Nếu có tự lực và người thọ nhận giáo hóa thuận theo hai thứ nầy đầy đủ thì cả hai đều lợi. Bồ tát với hai pháp đầy đủ có thể tự hành pháp Phật, đem pháp của ba thừa thành tựu cho chúng sinh, có thể tự rốt ráo đạo quả Bồ-đề vô thượng, chúng sinh thành thục khiến được giải thoát. Vì thế nên Bồ-tát trụ nơi tám thứ quả báo nầy mới có thể tạo an lạc cho tất cả chúng sinh. Cho cả những chúng sinh nơi sinh tử vô tận, từ xưa đến nay hoàn toàn không có nghĩa lợi cũng đều khiến cho họ đạt được phần thật của đại quả.

Thế nào gọi là phước? Thế nào gọi là trí? Đàn Ba-la-mật, Thi-la Ba-la-mật, Sằn đề Ba-la-mật, gọi là phước. Bát-nhã Ba-la-mật gọi là trí. Thiền Ba-la-mật, Tỳ-lê-da Ba-la-mật mỗi thứ đều có hai phần: Một là phần phước. Hai là phần trí. Nương vào thiền tu bốn vô lượng, đó gọi là phần phước. Nương vào thiền tu phương tiện thiện xảo của ấm, giới, nhập, của xứ, phi xứ, quán khổ tập diệt đạo, pháp thiện, bất thiện, pháp có tội, không tội, pháp hạ, pháp thượng, pháp cấu pháp tịnh, cho đến các duyên khởi đều có thể quán sát phân biệt như thật, đó gọi là phần trí. Nương vào tinh tấn nên tu hành thí, giới, bốn tâm vô lượng, đó gọi là phần phước. Nương vào tinh tấn, tu hành văn, tư, tu, tuệ, phương tiện thiện xảo của ấm v.v… như trước,

cũng gọi là phần trí. Phước trí như thế, lược nói có sáu thứ, rộng nói thì vô lượng. Thế nào là nhân trí, nhân phước? Nhân trí nhân phước lược nói có ba thứ: Một là được trưởng dưỡng phương tiện phước trí ở dục. Hai là tùy thuận cận duyên. Ba là căn bản để tu tập phước trí. Cận duyên là Không trú ở duyên điên đảo mà trú ở duyên không điên đảo. Gần gũi tri thức ác, thuyết giảng phước trí điên đảo, niệm điên đảo, thọ điên đảo, đấy gọi là trú ở duyên điên đảo. Trái ngược với đây là phần tịnh, gọi là trú ở duyên không điên đảo. Trưởng dưỡng phương tiện phước trí, xứ ở dục mà chướng không dấy khởi, đó gọi là cận. Ba nhân nầy không đủ thì phước trí không sinh.

Thế nào gọi là quả phước, quả trí? Bồ-tát nương vào phước vì các chúng sinh chịu sinh tử vô cùng, trải qua đủ các khổ, nên tùy theo sự mong muốn kia mà thâu giữ chúng sinh. Bồ-tát nương vào trí, thọ nhận chánh phước với đủ thứ phương tiện thiện xảo, vì các chúng sinh mà tu tập cho đến quả vị Bồ-đề vô thượng. Như vậy lược nói thì phước trí có bốn thứ quả, nói rộng thì vô lượng, hoặc báo hoặc nhân báo, hoặc quả báo, tất cả đều nương phước mà sinh, phước nương vào trí mà khởi, hai thứ nầy đầy đủ thì tối thắng tối thượng, đắc Bồ-đề vô thượng. Nếu phước trí không đầy đủ thì trọn không thể chứng đắc. Đó gọi là Bồ-tát tự lợi, tha lợi nhân quả gồm thâu. Thế nào là tự lợi tha lợi đời nầy đời khác? Hiện tu phước nghiệp được tài sản như pháp, nhân duyên thiện từ nhiều kiếp nay thọ quả báo, thiện có thể chuyển thiền, trụ ở cái vui đời nầy, nương vào đời nầy làm lợi ích cho chúng sinh, nương vào các thiền, hiện pháp Niết-bàn như thật mà thế gian, xuất thế gian đều hướng đến hiện pháp Niết-bàn, pháp hữu vi, gọi là tự lợi đời nầy. Đem ngay pháp nầy giáo hóa chúng sinh, đấy gọi là tha lợi đời nầy. Đời khác, thân mạng tài sản nơi dục giới, cho đến sinh thiền vô sắc, đời nầy lo khổ, tư duy tu tập nhân kia, đấy gọi là tự lợi tha lợi đời khác. Đời nầy hỷ lạc, tư duy tu nhân của thân mạng tài sản, cho đến phần thối của đời nầy, thiền vô sắc chánh thọ, đấy gọi là tự lợi tha lợi đời nầy đời khác. Vì sao gọi là tự lợi tha lợi rốt ráo, không rốt ráo? Thân ở cõi Dục,

có nhân có quả, phàm phu thế tục tịnh, có nhân có quả, đó gọi là tự lợi, tha lợi không rốt ráo. Tất cả phiền não rốt ráo diệt, tám chánh đạo và nương vào đấy sinh pháp thiện thế tục, đó gọi là tự lợi, tha lợi rốt ráo. Rốt ráo, không rốt ráo có ba thứ: Một là tự tánh. Hai là thối. Ba là thọ dụng quả tận. Tự tánh nghĩa là Niết-bàn rốt ráo, tất cả pháp hữu vi là không cứu cánh. Tám chánh đạo không thối chuyển là thọ dụng quả cứu cánh bất tận. Các pháp hữu lậu thiện khác thì thối, thọ dụng quả tận không rốt ráo. Đó gọi là mười thứ tự lợi tha lợi. Như vậy, nói lược hoặc nói rộng, Bồ-tát phải nên tùy theo sức tu học, quá khứ đã học, vị lai sẽ học. Tất cả mười thứ tự lợi

tha lợi đều gọi là tự lợi tha lợi rốt ráo, không rốt ráo.

Phẩm 4: XỨ PHƯƠNG TIỆN NƠI NGHĨA CHÂN THẬT

PHẦN 1

Thế nào gọi là nghĩa chân thật? Lược nói có hai thứ: Một là pháp tánh thật. Hai là tất cả sự pháp tánh. Hai pháp tánh nầy lấy chủng loại phân biệt. Lại có bốn thứ:

1. Đối tượng nhận biết của thế gian.

2. Đối tượng nhận biết của học.

3. Chướng phiền não tịnh - trí sở hành xứ pháp.

4. Trí chướng tịnh - trí sở hành xứ pháp.

Thế nào gọi là nghĩa chân thật nơi đối tượng nhận biết của thế gian? Các việc ở thế gian thuận theo tục số, mọi thấy biết đều đồng, tức đất (địa) là đất, không phải nước, không phải là nước, lửa, gió khác. Sắc, thanh, hương, vị, xúc cho đến khổ, lạc cũng vậy. Lược nói vật nầy, chính là vật nầy không phải vật khác. Như vậy tất cả ý quyết định hiểu chỗ hành, xứ, sự. Xưa nay thế gian đều tự nhớ, tưởng mà hiểu biết, không từ tu tập. Đấy gọi là nghĩa chân thật nơi đối tượng nhận biết của thế gian.

Thế nào gọi là nghĩa chân thật nơi đối tượng nhận biết của học? Như người trí ở đời, dựa vào trí hiện tại trí so sánh và được nghe từ thầy để suy lường, tu học. Dựa vào trí ấy quyết định biết chỗ hành, xứ, sự rồi kết tập, kiến lập, đấy gọi là nghĩa chân thật nơi đối tượng nhận biết của học.

Thế nào là nghĩa chân thật của chướng phiền não tịnh - trí sở hành xứ pháp? Tất cả Thanh văn, Duyên giác, với trí vô lậu, hoặc phương tiện vô lậu, hoặc tùy theo trí đời nay tu hành cảnh giới, ở trong trí kia duyên, phiền não chướng được thanh tịnh, chướng nơi đời vị lai rốt ráo không dấy khởi, đấy gọi là nghĩa chân thật của chướng phiền não tịnh, trí sở hành xứ pháp. Đấy là bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, quán bốn đế nầy nhập tuệ vô gián… đến trí tuệ vô gián… đã khởi. Thanh văn, Duyên giác thấy ấm lìa ấm, ngã không thể có được, các hành duyên khởi, sinh diệt hòa hợp, ấm và lìa ấm, tánh nhân (người) vô ngã, tu tập tri kiến.

Thế nào là nghĩa chân thật của trí chướng tịnh trí sở hành pháp xứ? Trí cũng vốn là đối tượng ngăn ngại của trí, nên gọi là chướng. Chướng ngại của trí ấy đã được trí giải thoát, tu hành cảnh giới, đấy gọi là nghĩa

chân thật của trí chướng tịnh, trí sở hành xứ pháp. Đó gọi là chư Phật, Bồ-tát nhập Pháp vô ngã, nhập rồi đạt thanh tịnh, đối với tất cả pháp xa lìa tự tánh ngôn thuyết, tự tánh giả danh, xa lìa các vọng tưởng, đại trí bình đẳng, tu hành cảnh giới. Như thật đệ nhất, vô lượng vô biên, tất cả pháp chọn đều vĩnh viễn diệt trừ, không sinh khởi lại.

Lại, tướng chân thật kiến lập có hai thứ: Một là hữu tánh. Hai là vô tánh. Hữu tánh là nêu bày kiến lập tự tánh giả danh là từ lâu xa đến nay, thế gian chấp trước là căn bản của tất cả sự nhớ tưởng hư vọng. Đó gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, địa, thủy, hỏa, phong, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cho đến Niết-bàn. Như vậy pháp mà thế gian giả danh là có tự tánh, đó gọi là hữu tánh. Vô tánh nghĩa là sắc giả danh… cho đến Niết-bàn giả danh, không sự, không nương, giả danh, chỗ dựa tất cả đều không. Đấy gọi là vô tánh. Như trên đã nói, hữu vô là hai thứ, nếu đều lìa pháp tướng thì chỗ thâu tóm hai pháp không có hai. Không hai đấy gọi là trung đạo. Xa lìa hai biên, gọi là vô thượng. Chân thật như thế, là cảnh giới trí tịnh của Phật Thế Tôn, là chỗ nên tu học của chư vị Bồ-tát. Nếu vị nào tu học, thì gọi là Bồ-tát đại trí phương tiện, sẽ đạt được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Bồ-tát cùng giải thoát "Không" tương ưng. Ở trong sinh tử biết như thật về sinh tử, không ở trong sinh tử vô thường để tu hành mà sinh nhàm chán xa lìa, có khả năng thành tựu pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh. Nếu không biết như thật về sinh tử, thì không thể xả bỏ xa lìa tất cả phiền não tham, sân, si… Nếu không xả bỏ xa lìa thì bị nhiễm ô, thọ chịu các sinh tử, tâm đã nhiễm ô, thọ nhận sinh tử, thì không thể thành tựu pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh. Nếu ở trong sinh tử vô thường, để tu hành mà nhàm chán xa lìa cảnh sinh tử thì Bồ-tát chóng chứng đắc Niết-bàn. Chóng chứng đắc Niết-bàn thì cũng không thể thành tựu pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh, làm sao có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nếu Bồ-tát cùng giải thoát "Không" tương ưng, thì không sợ Niết-bàn, cũng không cầu Niết-bàn. Nếu Bồ-tát sợ Niết-bàn thì không thể đầy đủ đạo Niết-bàn, vì sợ Niết-bàn nên không thấy công đức lợi ích của Niết-bàn, không thấy công đức lợi ích của Niết-bàn nên sự tin, ưa thanh tịnh đều xa lìa. Nếu Bồ-tát cầu Niết-bàn, với nhiều tu tập thì mau chóng Bát Niết-bàn, mà mau chóng Bát Niết-bàn nên không thể thành tựu pháp Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh. Nếu đối với sinh tử mà không biết như thật, thì phải chịu sinh tử dài lâu. Nếu nhàm chán sinh tử, thì mau chóng Bát Niết-bàn. Nếu sợ Niết-bàn thì không thể hành đầy đủ đạo Niết- bàn. Nếu người cầu Niết-bàn tu tập nhiều, thì mau chóng Bát Niết-bàn, phải biết Bồ-tát ấy hướng về đạo quả Chánh đẳng

Chánh giác Vô thượng không có phương tiện lớn. Nếu trong sinh tử mà được biết như thật, thì tâm không bị nhiễm chấp ở sinh tử. Nếu trong sinh tử vô thường để tu hành mà không nhàm chán xa lìa, không mau chóng bát Niết-bàn, không sợ Niết-bàn, thì có thể đầy đủ đạo Niết-bàn, hiểu biết sâu xa về công đức lợi ích của Niết-bàn, cũng không siêng năng tìm cầu mau bát Niết-bàn, thì phải biết Bồ-tát ấy đối với đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng sẽ có phương tiện lớn. Phương tiện lớn nầy nương vào đệ nhất giải thoát "Không". Vì thế nên gọi là Bồ-tát tu đệ nhất giải thoát "Không" là phương tiện lớn nhất, nghĩa là hướng đến đại trí vô thượng của Như Lai.

-oOo-

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 2

Phẩm 4: XỨ PHƯƠNG TIỆN NGHĨA CHÂN THẬT

PHẦN 2

Lại nữa, Bồ-tát từ lâu xa đến nay nhập trí pháp vô ngã, lìa tự tánh ngôn thuyết, tất cả pháp đều nhận biết như thật xong, không một pháp có thể khởi vọng tưởng, tùy sự giữ lấy, tùy như giữ lấy, không niệm như thế, sự ấy, như ấy chỉ hành nơi nghĩa kia. Hành đệ nhất nghĩa rồi, tất cả pháp như là không gì sánh bằng. Như thật tri kiến, tất cả bình đẳng, quán tâm bình đẳng, đắc đệ nhất xả. Nương nơi đệ nhất xả rồi, tất cả kinh luận, tất cả phương tiện thiện xảo đều khéo thông đạt, tất cả khổ nạn trọn không thối chuyển, tâm kia kiên cố, thân không mệt mỏi, tạo nên phương tiện thiện xảo, được lực niệm lớn, đối với các phương tiện thiện xảo cũng không tự cao, pháp hóa độ chúng sinh không hề bí mật, keo kiệt, đối với các phương tiện thiện xảo tâm không khiếp nhược, có thể đảm nhận, trọn không lùi giảm, có thể mặc áo giáp lớn, kiên cố đầy đủ. Như vậy như vậy thì sinh tử khổ tăng, như vậy như vậy thì có thể làm tăng trưởng đạo Bồ-đề vô thượng. Như vậy như vậy thì công đức chuyển thêm. Như vậy như vậy thì kiêu mạn giảm dần. Như vậy như vậy thì trí tuệ chuyển sáng. Như vậy như vậy thì các thứ tranh cãi, phạm giới phiền não thảy đều hiểu rõ, hiểu rồi buông xả. Như vậy như vậy thì công đức tăng trưởng. Như vậy như vậy thì càng thêm che giữ không để người biết. Không vì lợi dưỡng mà Bồ-tát có vô lượng phước lợi như vậy. Thuận đạo Bồ-đề đều do nương vào trí kia, vì thế nên Bồ- tát đã đắc Bồ-đề, nay đắc, sẽ đắc, đều nương vào trí ấy, không phải đâu khác. Hoặc hơn hoặc kém như vậy mà xa lìa hư vọng. Bồ-tát có

@@@vô lượng những thứ phước lợi như vậy, tự có thể thành tựu pháp Phật vô thượng, đem pháp ba thừa làm lợi ích cho chúng sinh, đó gọi là chí hướng chân chính. Chí hướng chân chính rồi, tự ở thân mạng tài sản xa lìa tham ái, học lìa ái rồi, trở lại dạy bảo chúng sinh xa lìa tham ái, xả bỏ thân mạng tài sản cung cấp, ban cho những gì tâm chúng sinh cần. Khéo nhiếp phục các căn, học luật nghi nơi thân khẩu. Tánh không ưa ác, hiền hậu nhân từ chân thật, chịu đựng người khác tổn hại bức bách và các hành

ác, tu học nhẫn rồi, sân hận chuyển mỏng, không bức não hại người. Tất cả minh xứ tinh cần tu học, khéo vì chúng sinh giải các nghi nan, thâu giữ lợi ích, cũng tự thâu nhận nhân của nhất thiết trí. Bên trong thì nhiếp phục tâm mình, tâm kia an trú chánh thọ, tịnh bốn phạm xứ, du hóa bằng năm thần thông, tất cả sự nghiệp đều là phương tiện học, là tất cả phương tiện thiện xảo, hoặc lập hoặc phế, trọn không mệt chán, hay khéo léo quán sát đệ nhất chân thật, hay khéo tu học Đại thừa đệ nhất, hoàn toàn không nguyện cầu Niết-bàn trong đời nầy. Như vậy, bình đẳng rốt ráo đầy đủ, đối với các bậc Đại đức phụng sự cúng dường, đối với chúng sinh ác càng khởi tâm đại bi, tùy theo lực có thể vì họ diệt trừ hành ác, đối với kẻ hiềm khích hận thù mình không tạo ích lợi, thì vì họ phát khởi tâm từ, tùy theo sức mà hành hóa, không nịnh, không dối, tạo an lạc, lợi ích, khiến kẻ kia hết hận, tội lỗi tự diệt, lợi ích cho mình, vừa bình đẳng vừa tăng thêm lòng biết ân báo ân Nếu mong cầu như pháp thì đều khiến cho đầy đủ. Hoặc tự mình không có sức, kẻ kia tuy không mời thỉnh, cũng phải tạo ra phương tiện, tâm không dừng nghỉ, khiến kẻ kia biết ta không tiếc gì. Đấy gọi là Bồ-tát xa lìa hư vọng, nương phương tiện bình đẳng của đệ nhất thật trí.

Thế nào là biết tất cả pháp xa lìa ngôn thuyết? Ở đây thiết lập giả danh là tự tướng của các pháp. Đó là sắc thọ, tưởng, hành, thức cho đến Niết-bàn, phải biết là giả danh, không có tự tánh, cũng không lìa tự tánh mà có. Ngôn thuyết hành xứ, ngôn thuyết cảnh giới như vậy là không có tự tánh, như ngôn ngữ đã nói, cũng không phải tất cả đều không sở hữu. Không sở hữu như vậy, cũng chẳng phải hết thảy đều không sở hữu. Vì sao nói có cái có thật, bài báng thật, hai thứ nầy đều lìa có như vậy. Đó gọi là tự tánh đệ nhất nghĩa, lìa tất cả vọng tưởng, trí tuệ hành xứ. Nếu pháp tùy thuận nói có sự chuyển biến, thì lẽ ra có tự tánh. Nếu như vậy thì một pháp, một sự, nên có rất nhiều tự tánh. Vì sao? Nghĩa là một pháp, một sự, có rất nhiều danh tự được thiết lập, cũng không phải nhiều danh mới có tánh quyết định, cũng không phải một danh có tự tánh, danh khác là không tự tánh. Vì thế nên thiết lập giả danh, dù nhiều danh hay một danh đều không có tự tánh.

Lại nữa, từ sắc cho đến Niết-bàn nếu pháp tùy theo danh tự để có tự tánh, nghĩa là phải, trước hết có pháp sau đó mới theo ý nghĩa mà tạo danh. Khi chưa có danh, pháp kia lẽ ra không có tự tánh. Nếu không tự tánh, thì không có việc tạo danh, nghĩa ấy không đúng. Không danh mà có pháp, như vậy cũng không đúng. Pháp xưa nay tự tánh là sắc, sau nầy đem danh tự ngôn thuyết thâu giữ sắc ấy. Nếu như vậy thì lẽ ra lìa danh cũng có sắc, chúng sinh thiết lập lẽ ra tự biết, sắc ấy không đợi danh mới biết, mà chúng

sinh không có danh thì không biết sắc. Vì thế nên biết tự tánh của tất cả các pháp lìa ngôn thuyết, như sắc cho đến Niết-bàn cũng lại như vậy.

Lại nữa, có hai hạng người hủy hoại chánh pháp của Phật: Một là đối với các pháp như sắc…, các sự như sắc…, thiết lập giả danh nói là tự tánh, tự tướng, đối với pháp không thật thì vọng tưởng chấp trước. Hai là thiết lập xứ giả danh, chỗ nương dựa giả danh, lìa tự tánh, ngôn thuyết, chê bai hủy diệt đệ nhất thật nghĩa, tất cả đều cho là không có gì cả như trước đã nói. Người ấy, kiến lập pháp không thật, vọng tưởng chính là tội lỗi. Nghĩa là đối với các pháp như sắc…, các sự như sắc…, không thật mà chấp thật, do lỗi nầy cho nên sẽ phá hoại chánh pháp. Lại các pháp như sắc…, các sự như sắc…, với nhân duyên sai biệt thì phỉ báng hủy diệt, cho là đều không có gì gọi là hoại chánh pháp. Nay phải nói các pháp, các sự như sắc v.v…, với nhân duyên sai biệt, với phỉ báng ngôn thuyết không có chân thật, cũng không giả danh, cả hai đều không đúng. Như ấm của sĩ phu v.v…, nói danh tự là người thì có thể như vậy. không có sự gì (ấm v.v…) nói là người thì không thể như thế. Như không có sự nói người, như chẳng phải không có sự nói là người, các pháp sắc v.v… nhân duyên sai biệt như thế mà kiến lập giả danh, chứ không phải không có sự mà lập giả danh, thế thì nên vậy. Nếu chỉ giả danh mà không có sự, thì không có xứ nương tựa, cũng không giả danh, thì không nên như thế. Người nầy nghe nghĩa tương ưng của "Không" hết sức sâu xa trong kinh điển Đại thừa sẽ khó hiểu, đối với chỗ nêu giảng như thật một mực không hiểu, sẽ tạo ra tư duy bất chánh, phân biệt hư vọng. Do không có tuệ thiện xảo nên nói như vầy: Tất cả đều là giả danh, không có chân thật. Tạo ra quán như vậy đó là chánh quán, là cùng với chỗ nương tựa của giả danh cho là không gì nên giả danh cũng không. Đã chấp giả danh là không, thì giả danh chân thật cũng không hề có. Chân thật và giả danh, hai thứ nầy đều cùng hủy báng, đó gọi là đều không. Nếu nói "Không" như vậy, thì người trí tuệ phạm hạnh không nên cùng

@@@nói, không nên cùng ở, đó là tự hủy hoại mình cũng hủy hoại thế gian. Cho nên Đức Thế Tôn vì việc ấy mà nói, thà khởi thân kiến chứ không chấp giữ sai lạc về Không. Vì sao? Người khởi thân kiến đối với giới đã biết, không chê bai những gì đã nhận biết, không nhân nơi kiến nầy mà bị rơi vào đường ác, không hoại lòng tin ưa thích của người khác, đối với việc lìa khổ được giải thoát cũng không gây cản trở, cũng có thể kiến lập chân đế nơi chánh pháp, không đối với giới luật sinh kiêu mạn lười biếng. Chấp giữ sai lầm về Không nghĩa là đối với giới đã nhận biết trở lại chê bai tất cả chỗ hiểu biết, do duyên nầy nên đọa vào đường ác, cũng phá hoại lòng tin ưa thích của người khác, lìa khổ được giải thoát, cũng gây cản

trở; đối với giới sinh kiêu mạn chậm trễ, chê bai pháp thật nên phá hoại pháp Phật. Thế nào là chấp giữ sai lạc về Không? Nếu Sa- môn hoặc Bà-la-môn, nơi kia, đây đều cho là Không, đấy gọi là chấp giữ sai lạc về Không. Vì sao? Vì nếu nói đây không thì không có tánh kia. Nếu nói kia không thì tánh đây có, nghĩa nầy nên như vậy. Nếu tất cả đều không, thì chỗ nào, pháp nào là không, cũng không nên nói đây tức là không ấy. thế nào là chấp giữ đúng đắn về Không? Như nói vật nầy không có vật kia, nên gọi là không. Vật nầy chẳng không, biết rõ như thật, đó gọi là như thật không điên đảo. "Không" nghĩa là các pháp như sắc v.v… thiết lập giả danh, không có tự tánh, nhưng sắc v.v… chưa rốt ráo, nghĩa là sắc… giả danh, sự, nhân duyên sai biệt, cùng đều nhận biết như thật. Tức nơi sự sai biệt thì có sự sai biệt, giả danh sai biệt, không lập chẳng phải thật, không chê bai thật, không tăng không giảm, không đề cao, hạ thấp như thật như như, lìa ngôn thuyết, tự tánh biết như thật, gọi là chấp giữ đúng về Không là chỗ nhận biết của chánh trí. Ta đem đầy đủ sự suy lường tập hợp, nói tự tánh của tất cả pháp là lìa ngôn thuyết, được nghe từ chỗ Phật, tự tánh của tất cả pháp là lìa ngôn thuyết. Nay phải nói, như Phật Thế Tôn nơi Khế kinh, nói kệ chỉ bày:

Như đem các thứ danh Dùng nói các thứ pháp Đây cũng không có kia Là pháp, pháp như vậy.

Kệ nầy chỉ bày sự thiết lập giả danh. Các pháp như danh sắc… do danh như sắc… tuyên thuyết các pháp, lời dạy bảo được tuyên rộng khắp nơi, giảng nói sắc cho đến Niết-bàn: Sắc v.v… giả danh, là tự tánh vô sắc…, pháp như sắc… cùng không ngoài tự tánh. Sắc… đây là giả danh, các pháp lìa ngôn thuyết, nghĩa không thực có, đấy gọi là pháp tự tánh của Đệ nhất nghĩa. Như Đức Thế Tôn đã nói ở phẩm nghĩa:

Thế gian góp ngôn thuyết Mâu-ni đều không vướng Không chấp, ai hay chấp Không khởi chấp thấy nghe.

Kệ nầy nêu rõ dùng sắc giả danh để thiết lập các sự như sắc… Đấy gọi là thế gian tập hợp ngôn thuyết. Đây là giả danh nên tự tánh của sự kia là không. Vì sao? Vì kiến lập và phỉ báng, không có kiến chấp nầy nên không có kiến chấp điên đảo kia. Đó gọi là kiến giải không vướng mắc. Không vướng mắc như vậy thì ai có thể khởi kiến chấp ở các sự như sắc… Nếu kiến lập, hoặc phỉ báng, không khởi vướng mắc, chánh quán về cảnh giới, đấy gọi là thấy (kiến). Nghe, nhận biết về ngôn thuyết, đó gọi là nghe (văn). Vì thế nên thấy nghe không khởi nhiễm chấp, ở trong duyên kia, tất cả lìa bỏ, đó gọi là không khởi tham đắm thấy, nghe.

Lại nữa, Đức Phật vì quở trách Tỳ-khưu Đại Ca-chiên-diên, nên nói:

Tỳ-khưu không nương nơi địa để tu thiền, không nương nơi thủy, hỏa, phong, không nương nơi không thức, vô sở hữu, phi tưởng phi phi tưởng, chẳng phải đời nầy, chẳng phải đời khác, chẳng phải ngày tháng, không thấy nghe hiểu biết, chẳng cầu, chẳng đắc, chẳng giác, chẳng quán, không nương vào những thứ ấy mà tu thiền định. Vì sao không nương vào địa cho đến không nương giác quán mà tu thiền định? Nầy Ca-chiên-diên! Nếu là địa thì tưởng địa trừ, cho đến tất cả thì tưởng tất cả để trừ. Tỳ-khưu tu thiền như vậy, đấy gọi là không nương nơi địa tu thiền, cho đến không nương nơi giác quán tu thiền. Tỳ-khưu tu thiền như thế thì Thích thiên, Đại Lực thiên, Phạm thiên đều đến kính lễ, nói kệ tán thán:

Kính lễ bậc Tối thắng Kính lễ bậc Thượng sĩ Tôi nay không biết Ngài Nương chỗ nào mà thiền?

Đoạn kinh nầy chỉ bày các việc giả danh của địa… Ở địa kia v.v… thiết lập giả danh, đó gọi là tưởng địa. Tưởng địa nầy…, đối với việc giả danh kia, hoặc kiến lập tự tánh, hoặc hủy diệt tất cả, hoặc hoại đệ nhất nghĩa, thâu nhận sự hủy báng, đấy gọi là tưởng. Nếu trừ tưởng kia, đó gọi là đoạn, gọi là xả, phải biết tên gọi ấy từ các Đức Như-lai, bậc thầy của đệ nhất nghĩa, nghe tất cả pháp, tự tánh lìa ngôn thuyết, như vậy, tất cả các pháp, tự tánh lìa ngôn thuyết, thì tất cả ngôn thuyết làm sao có chỗ thích hợp? Nếu không có ngôn ngữ thì làm sao vì người khác giảng nói pháp lìa ngôn thuyết, vì đã không nói thì cũng không nghe. Không nói không nghe, thì tất cả pháp tự tánh lìa ngôn thuyết kia, không thể nhận biết được, vì thế nên phải có ngôn thuyết giúp họ nghe biết. Như vậy là như thật, phàm phu ngu si không hiểu, do nhân duyên ấy, nên khởi tám thứ vọng tưởng sinh ra ba việc làm cho tất cả chúng sinh và khí thế gian tăng lên. Một là vọng tưởng về tự tánh. Hai là vọng tưởng về sai biệt. Ba là vọng tưởng về thâu nhận tích tụ. Bốn là vọng tưởng về ngã. Năm là vọng tưởng về ngã sở. Sáu là vọng tưởng về niệm. Bảy là vọng tưởng về bất niệm. Tám là vọng tưởng cùng trái nhau. Đấy gọi là tám thứ vọng tưởng.

Thế nào là sinh ba việc? Một là vọng tưởng về tự tánh, vọng tưởng về sai biệt, vọng tưởng về thâu nhận tích tu, ba thứ vọng tưởng ấy là xứ vọng tưởng hư dối, là sự duyên dựa hư dối, do đấy mà sinh. Đối với sắc v.v… giả danh, sự, xứ kia do danh, tưởng, ngôn ngữ thâu nhận tăng trưởng, vô lượng hư dối thường hành không dừng. Hai là với vọng tưởng về ngã, ngã sở, hai thứ vọng tưởng nầy là thân kiến, mà thân kiến là nguồn gốc của tất cả kiến và nguồn gốc của kiêu mạn. Ngã mạn có thể sinh ra tất cả mạn.

Ba là vọng tưởng về niệm, vọng tưởng về bất niệm, vọng tưởng cùng

trái nhau, tùy theo chỗ thích nghi sinh khởi tham, sân, si. Đó gọi là tám thứ vọng tưởng sinh ra ba thứ sự. Đó là sự xứ vọng tưởng hư dối, sự thân kiến ngã mạn, sự tham, sân, si. Nương vào vọng tưởng hư dối, sinh thân kiến, ngã mạn. Nương vào thân kiến ngã mạn sinh tham, sân, si. Ba thứ sự nầy, tất cả phần tích tụ của thế gian đều bị chúng đốt cháy tất cả.

Thế nào là vọng tưởng về tự tánh? Đối với sự giả danh như sắc, nếu vọng tưởng nói là sắc, thì gọi là vọng tưởng về tự tánh.

Thế nào là vọng tưởng về sai biệt? Đối với sự giả danh như sắc nầy, nói đây là sắc, đây không phải là sắc, cái nầy có thể thấy, cái nầy không thể thấy, cái nầy có đối, cái nầy không đối, cái nầy hữu lậu, cái nầy vô lậu, cái nầy hữu vi, cái nầy vô vi, vô lượng phân biệt như vậy, ở xứ vọng tưởng về tự tánh tạo ra vọng tưởng sai biệt. Đó gọi là vọng tưởng sai biệt.

Thế nào là vọng tưởng thâu nhận tích tụ? Đối với sự giả danh như sắc, thì ngã nhân, thọ mạng, chúng sinh, đối với tục số kia vọng tưởng, về sắc tạo lợi ích, chứa nhóm nhiều pháp, tích tụ thâu nhận, nhân đó khởi lên nhà cửa, quân chúng, rừng núi, ăn uống, y phục, xe ngựa, đối với tục số kia vọng tưởng tạo lợi ích. Đấy gọi là vọng tưởng thâu nhận tích tụ.

Thế nào là vọng tưởng về ngã, ngã sở? Nếu các việc kia là thọ ấm hữu lậu thì tích tập lâu xa chấp trước ngã, ngã sở, vì thế không thâu nhận xứ, thói quen tự thấy xứ sự, do nhân duyên nầy khởi vọng tưởng không như thật. Đấy gọi là vọng tưởng về ngã, ngã sở.

Thế nào gọi là vọng tưởng về niệm? Đối với sự diệu tịnh và những việc được vừa lòng vui thích, duyên với vọng tưởng.

Thế nào gọi là vọng tưởng bất niệm? Đối với những sự bất tịnh, cho đến những việc không ưa thích vừa lòng, duyên với vọng tưởng.

Thế nào gọi là vọng tưởng về niệm, bất niệm đều trái nhau? Đối với sự tịnh, bất tịnh, sự việc vừa lòng, không vừa lòng đều lìa mà duyên nơi vọng tưởng. Việc đã nêu lược nói có hai sự, nghĩa là vọng tưởng và chỗ dựa của vọng tưởng. Vọng tưởng duyên với hai sự nầy từ xưa đến nay, mỗi sự đều làm nhân nhau. Vọng tưởng quá khứ sinh duyên sự của vọng tưởng hiện tại. Duyên sự của vọng tưởng hiện tại sinh duyên sự của vọng tưởng hiện tại. Do không biết vọng tưởng hiện tại, nên trở lại sinh duyên sự của vọng tưởng vị lai. Duyên sự đã sinh rồi, chắc chắn trở lại sinh duyên sự của vọng tưởng kia.

Làm thế nào để biết vọng tưởng? Có bốn thứ tìm cầu, bốn thứ nhận biết như thật.

Thế nào là bốn thứ tìm cầu? Một là cầu danh. Hai là cầu sự. Ba là cầu

thiết lập tự tánh. Bốn là cầu thiết lập sai biệt.

Cầu danh nghĩa là Bồ-tát đối với danh, danh sai biệt, quán sát danh mà tìm cầu.

Như thế với sự, sự sai biệt, quán sát sự mà tìm cầu. Với thiết lập tự tánh, thiết lập tự tánh sai biệt, quán thiết lập tự tánh mà tìm cầu. Với thiết lập sai biệt, thiết lập sai biệt theo mức độ, quán thiết lập sai biệt mà tìm cầu. Danh cùng sự kia nếu lìa tướng quán, hoặc hợp tướng quán thì danh sự hòa hợp nương nhau để thiết lập tự tánh, thiết lập sai biệt quán xét.

Thế nào là bốn thứ nhận biết như thật? Tùy vào cầu danh mà biết như thật, tùy vào cầu sự mà biết như thật, tùy vào cầu thiết lập tự tánh mà biết như thật, tùy vào cầu thiết lập sai biệt mà biết như thật.

Thế nào là tùy vào cầu danh mà biết như thật? Bồ-tát đối với danh, danh sai biệt mà cầu, danh như thế đều nhận biết như thật, danh nầy vì sự nầy mà lập, vì tưởng, vì kiến, vì lưu hành khắp. Đối với sự giả danh như sắc, không lập danh như sắc v.v… không thể nhận biết về sự như sắc v.v… Nếu không nhận biết thì không có sự suy nghĩ, đã không suy nghĩ thì không nói năng (ngôn thuyết). Như thế là nhận biết như thật, đó gọi là tùy vào cầu danh mà biết như thật.

Thế nào là tùy vào cầu sự mà biết như thật? Bồ-tát đối với sự, sự sai biệt mà cầu tìm. Quán sát các sự giả danh như sắc v.v…, tất cả sự ngôn thuyết, lìa ngôn thuyết, đó gọi là tùy vào cầu sự mà biết như thật.

Thế nào là tùy vào cầu thiết lập tự tánh mà biết như thật? Bồ-tát đối với sự giả danh như sắc, thiết lập tự tánh, thiết lập tự tánh sai biệt mà cầu. Thiết lập tự tánh kia, sự tự tánh nầy, quán tướng của tự tánh nhận biết như thật, nó như hóa, như ảnh, như âm vang, như dợn nắng, như trăng trong nước, như mộng, như huyễn. Quán tướng của tự tánh là không có chân thật, đó gọi là biết như thật về nghĩa xứ sâu xa, tùy vào cầu thiết lập tự tánh nhận biết như thật.

Thế nào là tùy vào cầu thiết lập sai biệt biết như thật? Bồ-tát đối với thiết lập sai biệt, thiết lập sai biệt theo mức độ mà cầu, là sự giả danh như sắc, nên thiết lập sai biệt không hai. Quán sự kia chẳng phải là hữu tánh, chẳng phải là vô tánh, tự tánh của ngôn thuyết là không thủ đắc, cũng không phải là vô tánh, lìa ngôn thuyết mà kiến lập tánh, phi hữu sắc, do đệ nhất nghĩa đế nên cũng phi vô sắc do thế đế có sắc, như có tánh, vô tánh, sắc, chẳng phải sắc. Như thế thì có thể thấy, không thể thấy, tất cả pháp thiết lập sai biệt đều nhận biết như thật, nghĩa thiết lập sai biệt không hai nầy đã nhận biết như thật. Đó gọi là tùy vào cầu thiết lập sai biệt nhận biết như

thật. Nếu tám thứ vọng tưởng tà nơi phàm phu ngu si thì sinh ba thứ sự tăng trưởng thế gian. Nếu bốn thứ biết như thật kia không đầy đủ thì vọng tưởng tà kia khởi phiền não, phiền não khởi nên chịu cảnh sinh tử, chịu cảnh sinh tử nên thuận theo sinh tử mà các khổ tăng trưởng như: sinh, già, bệnh, chết… Nếu Bồ-tát nương vào bốn thứ biết như thật, thì đời nầy biết được tám thứ vọng tưởng. Đời nầy nhận biết rồi thì đời vị lai nương vào sự hư dối trong xứ duyên, ắt sẽ không sinh khởi trở lại. Sự kia không khởi, thì vị lai vọng tưởng trong duyên không sinh. Như thế thì sự kia, vọng tưởng kia diệt mất và tất cả hư dối cũng diệt. Hư dối đã diệt, thì Bồ-tát mau chóng chứng đắc Đại Bát Niết-bàn của Đại thừa, đời nầy có thể đạt được hành xứ đặc biệt của bậc Đại sĩ, trí thanh tịnh thành tựu, có tất cả diệu lực đại tự tại. Đó là các thứ thần lực hóa hóa, các thứ thần lực biến biến, nhất thiết trí nhận biết không còn trở ngại, tùy theo ý muốn mà còn, mất, tự tại. Được vô lượng tự tại như vậy, đó gọi là tối thắng vô thượng của tất cả chúng sinh. Bồ-tát đạt tất cả tự tại như thế, sẽ thành tựu năm thứ công đức thượng diệu: Một là được tâm tịnh đệ nhất, chánh thọ tịch diệt, nhưng không tịch diệt tất cả phiền não. Hai là tất cả minh xứ thanh tịnh, tri kiến tăng trưởng không giảm. Ba là vì chúng sinh nên ở trong sinh tử mà không chán mệt. Bốn là khéo nhập chỗ thâm diệu nơi ngôn thuyết của Như Lai. Năm là khéo hiểu biết về Đại thừa, không lãnh thọ từ người khác. Năm thứ công đức như vậy làm năm thứ nghiệp: Một là đời hiện tại trú trong đệ nhất lạc, mở bày phương tiện giác ngộ, sinh phương tiện thân tâm, mệt nhọc đều diệt, là nghiệp của công đức tâm được tịch tĩnh. Hai là thành tựu tất cả pháp Phật, đó là tất cả minh xứ thanh tịnh, là nghiệp của công đức tri kiến tăng trưởng. Ba là thành tựu chúng sinh, tức là nghiệp của công đức ở trong sinh tử nhưng không mệt mỏi nhàm chán. Bốn là giáo hóa chúng sinh đã khởi hoặc chưa khởi nghi, có thể vì họ mà mở bày giải thích, hộ trì chánh pháp khiến được trụ lâu. Nếu có pháp tương tự có thể diệt chánh pháp, thì khéo nhận biết, khéo giảng nói nhằm khiến pháp kia diệt trừ. Đó gọi là nghiệp của công đức khéo nhập chỗ thâm diệu nơi ngôn thuyết của Như-lai. Năm là hàng phục tất cả dị luận của ngoại đạo, kiên cố tinh tấn chánh nguyện không giảm, là nghiệp của công đức khéo hiểu Đại thừa không lãnh thọ từ người khác. Như thế, tất cả việc làm của Bồ-tát đều gồm thâu trong năm nghiệp công đức, nghĩa là không nhiễm ô trụ nơi đệ nhất lạc, thành thục pháp Phật, thành tựu chúng sinh, hộ trì chánh pháp, hàng phục dị luận, kiên cố tinh tấn, chánh nguyện không lay động. Bốn thứ nghĩa chân thật kia, thứ nhất, thứ hai là bậc hạ, thứ ba là bậc trung, thứ tư là bậc thượng.

Phẩm 5: XỨ PHƯƠNG TIỆN CỦA LỰC

Thế nào gọi là lực? Lược nêu có ba thứ:

Một là chư Phật Bồ-tát đắc Tam-muội tự tại, nương vào Tam- muội tự tại, tùy theo chỗ muốn của mình đều có thể làm được tất cả. Đấy gọi là lực của bậc Thánh.

Hai là pháp có quả lớn, có lợi ích lớn, đó gọi là lực của pháp.

Ba là chư Phật Bồ-tát trước thành thục phương tiện, đạt được đại phước đức, chư Phật Bồ-tát đều có pháp câu sinh kỳ diệu chưa từng có, đó gọi là lực câu sinh.

Lại nữa, với ba thứ lực nầy, đem phân biệt theo loại lại có năm thứ lực: Một là lực thần thông. Hai là lực pháp. Ba là lực câu sinh. Bốn là lực chung với tất cả Thanh văn, Duyên giác. Năm là lực bất cộng. Thần thông đó là sáu thông: Một là thần túc. Hai là thiên nhĩ. Ba là tha tâm trí. Bốn là túc mạng trí. Năm là sinh tử trí. Sáu là lậu tận tác chứng. Đó gọi là lực thần thông. Lực pháp đó là sáu Ba-la-mật: Bố thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, Trí tuệ Ba-la-mật, đó gọi là lực pháp. Các pháp nầy có thể làm tất cả việc, cho nên gọi là lực pháp. Thế nào là thần túc? Lược nói có hai thứ: Một là biến. Hai là hóa. Nếu dùng chủng loại để phân biệt thì có vô lượng. Thế nào gọi là thần túc biến? Đấy là chấn động tỏa sáng, sung mãn, thị hiện, chuyển tạo phần khác, đi đến, lớn nhỏ, sắc tượng nhập thân, chỗ đến tương tợ, ẩn hiện, tự tại, thần thông ngăn người khác, cho biện tài, cho suy niệm, cho vui, phóng hào quang lớn, những thứ như vậy gọi là thần túc biến. Chấn động nghĩa là chư Phật Bồ-tát đạt được Tam-muội tự tại, có thể làm chấn động chùa viện, tịnh xá, thành quách, nhà cửa, cung điện, làng xóm, ruộng vườn, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời, cho đến bốn châu thiên hạ, một ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, ba ngàn thế giới, trăm lần ba ngàn thế giới, ngàn lần ba ngàn thế giới, vạn lần ba ngàn thế giới, cho đến vô lượng tam thiên đại thiên thế giới, thảy đều chấn động.

Tỏa sáng nghĩa là thân trên xuất lửa, thân dưới xuất nước, thân trên xuất nước, thân dưới xuất lửa, nhập Tam-muội hỏa quang, toàn thân rỗng lặng, hiện đủ các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, pha lê.

Sung mãn nghĩa là thân phóng hào quang tràn đầy một nhà, cho đến tràn đầy vô lượng vô số tam thiên đại thiên thế giới. Thị hiện nghĩa là ngồi

yên, đến, đi, hiện làm chúng Sa-môn, chúng Bà-la-môn, chúng

Thanh văn, chúng Duyên giác, chúng Bồ-tát, chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân, chư Phật, Bồ-tát, dưới đến đường ác, trên đến trời người, thảy đều thị hiện. Cho đến hằng hà sa quốc độ trong mười phương cũng lại như vậy. Vượt hơn vô lượng hằng hà sa quốc độ, có Phật danh hiệu, có quốc độ tên, thảy đều thị hiện, cũng nói danh hiệu của Đức Phật và quốc độ kia. Lại vượt hơn số lượng nầy, tùy theo chỗ mong muốn thảy đều thị hiện.

Chuyển tạo phần khác nghĩa là hoặc biến đất làm nước, là nước thật, như thật không khác. Biến làm lửa, gió cũng lại như vậy. Như địa, thủy hỏa phong cũng lại như thế, tức là không khác. Giống như bốn đại, các thứ sắc, hương, vị, xúc, cây cỏ, bùn đất biến thành thức ăn uống, y phục, chuỗi ngọc, hương hoa, hương xoa, các vật dụng trang nghiêm, ngói gạch cát đá biến thành các thứ báu. Núi Tuyết chúa, tất cả các núi biến thành sắc vàng, tất cả đều như thật không khác. Chúng sinh sắc đẹp biến thành sắc xấu, chúng sinh sắc xấu biến thành sắc đẹp, hoặc đẹp xấu biến thành sắc vừa, hoặc sắc vừa biến thành sắc tốt xấu. Như sắc đẹp xấu đều có chi tiết đầy đủ, hoặc không đầy đủ, hoặc mập hoặc ốm, những thứ như vậy vốn có tự tướng, đều có thể biến sắc kia tự tại không ngại, không phải tất cả sự biến đều tùy theo chỗ mong muốn.

Đến đi, nghĩa là vách, đá không thể ngăn ngại. Trên lên tới cõi Phạm thế, cho đến cõi trời Sắc cứu cánh, hoặc đến hoặc đi, hết thảy đều được tự tại, khắp cả mười phương vô lượng vô biên tam thiên đại thiên thế giới, hoặc hóa thân, hoặc thân bốn đại, hoặc đến hoặc đi cũng lại như vậy, hoặc tưởng xa gần, tức thời đi, đến.

Lớn, nhỏ nghĩa là có thể khiến núi Tuyết giống như một hạt bụi nhỏ, khiến một hạt bụi nhỏ giống như núi Tuyết.

Sắc tượng nhập thân, nghĩa là các vị Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả đại chúng, hoặc nơi thôn quê, hoặc nơi thành thị, cây cỏ, rừng rậm và các núi, tất cả sắc tượng, đều nạp trong thân, lúc ấy các đại chúng, mỗi mỗi đều tự thấy nhập vào thân Bồ-tát.

Chỗ đến tương tự, nghĩa là hoặc đến chúng Sát-lợi, như sắc tượng của chúng ấy, thân lượng dài ngắn, âm thanh, ngôn ngữ, đều cùng với chúng ấy đồng. Chúng ấy đã nói gì đều cùng nói, chúng ấy đã không thể hiểu biết thì vì họ khai diễn, nói rộng chánh pháp khiến hoan hỷ rồi, ở trước họ biến mất không khiến họ hay biết, ai xuất hiện, ai biến mất, là trời, là người? Như chúng Sát lợi, thì chúng Bà-la-môn, cư sĩ, Sa-môn, Tứ Thiên vương,

Tam thập tam thiên, Dạ ma thiên, Đâu suất đà thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên, Phạm thân thiên, Phạm chúng thiên, Đại phạm thiên, Thiểu quang thiên, Vô lượng quang thiện, Quang âm thiên, Thiểu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên, Vô chướng thiên, Phước sinh thiên, Quảng quả thiên, Vô phiền thiên, Vô nhiệt thiên, Thiện kiến thiên, Thiện hiện thiên, Sắc cứu cánh thiên, cũng lại như vậy.

Ẩn hiển nghĩa là ở trước đại chúng tạo ra trăm ngàn, hoặc lại hơn nữa, cho đến vô lượng, sau đó lại ẩn mất, ẩn mất rồi lại hiện ra.

Tự tại nghĩa là Bồ-tát có thể khiến chúng sinh, hoặc đến, hoặc đi, hoặc trụ, hoặc nói.

Thần thông ngăn người khác, nghĩa là thần lực của Như-lai có khả năng ngăn che các thần lực khác, cũng có thể khiến hiện Bồ-tát nhất sinh bổ xứ rốt ráo, trừ Như-lai và Bồ-tát đồng hàng, còn lại đều có thể che ngăn thần lực các Bồ-tát khác, trừ bậc lớn hơn và đồng hàng, còn lại đều có thể ngăn che.

cho biện tài nghĩa là với chúng sinh không biện luận có thể ban cho biện tài. Cho suy niệm nghĩa là bị mất niệm, về pháp có thể khiến nhớ nghĩ được.

Cho vui nghĩa là nói rộng chánh pháp khiến kẻ kia được nghe, tùy theo thân tâm của kẻ ấy mà thâu nhận tạo lợi ích, để được sự an vui vắng lặng, lìa các ấm, cái (ngăn che), chuyên tâm nghe pháp, tùy theo thời cơ. Nếu bốn đại tạp loạn chẳng là vui rốt ráo thì có thể làm cho điều hòa thích hợp. Nếu bị hàng phi nhân não hại cũng khiến dứt bỏ.

Phóng hào quang lớn, nghĩa là Đức Phật, Bồ-tát dùng thần lực phóng hào quang đến khắp vô lượng thế giới trong mười phương, làm cho chúng sinh ở địa ngục đang chịu khổ não liền được dừng dứt, trên lên đến các cõi trời, các hàng rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca- lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân… khiến thấy hào quang sáng lại đến chỗ Phật, chư vị Bồ-tát nơi các thế giới ở phương khác, thảy đều đến nhóm họp. Lược nói ở mười phương thế giới với vô lượng chư Phật, vô lượng hào quang, sẽ tạo lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sinh. Đấy gọi là thần túc chuyển biến. Nếu dùng loại để phân biệt thì có vô lượng vô số, chỉ trừ tự tánh biến làm sự khác, vì thế gọi là thần túc chuyển biến.

Thế nào gọi là thần túc hóa? Lược nói là không có sự vật mà hóa làm có, tùy theo chỗ muốn của người đều có thể hóa hiện, đấy gọi là thần túc hóa. Hóa ở đây có nhiều loại, hoặc hóa thân, hoặc hóa ngữ. Hóa thân là hóa giống thân mình, hoặc không giống, hoặc giống thân người, hoặc không

giống. Lại nữa, thân mình thân người tương tợ, không tương tợ, hóa làm căn tương tợ và chỗ dựa của căn, chẳng phải tạo ra căn thật. Lại nữa, hóa làm cảnh giới tương tợ, nghĩa là có thể hóa đủ các vật dụng như thức ăn uống, các báu, các thứ thuộc về sắc, hương, vị, xúc, tất cả đều tùy ý. Lại tự thân tương tự, hoặc hóa làm một thân, hoặc làm vô lượng thân, nơi các hàng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát- bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân… với các thứ sắc tượng của người, trời, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Như-lai, các sắc tượng như thế, tùy chỗ thích ứng thảy đều có thể hóa tác, tự thân tương tợ, đó gọi là hóa tự tương tợ. Nếu khác với tự thân, gọi là không tương tợ. Hóa những thân trời khác khiến tương tợ gọi là hóa tha tương tợ. Nếu hóa các trời kia thân không tương tợ gọi là hóa tha thân không tương tợ. Như thân trời cho đến thân Phật, cũng lại như vậy.

Vô lượng thân, nghĩa là Phật, Bồ-tát nơi vô lượng vô số thế giới trong mười phương, cùng một lúc hóa làm các loại sắc tượng, tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh khắp mười phương. Phật và Bồ-tát tuy đến phương khác nhưng chỗ trú hóa vẫn như cũ, hoặc vì chúng sinh tạm hiện như huyễn, hoặc tạo ra các thứ ẩm thực, y phục, xe cộ, vàng bạc, chân châu, lưu ly, pha lê, kha bối, ngọc thạch, những vật như vậy, tất cả được hóa hiện như thật không khác, luôn được thọ dụng. Đó gọi là hóa thân.

Hóa ngữ nghĩa là tạo ra đầy đủ âm thanh vi diệu, đầy đủ âm thanh cao rộng, hoặc từ tự thân khởi, hoặc từ tha thân khởi, hoặc không từ đâu khởi, hoặc nói chánh pháp, hoặc tùy theo việc mà dạy bảo quở trách.

Diệu âm nghĩa là Phật, Bồ-tát hóa làm khẩu ngữ, tiếng kia sâu xa, giống như sấm động, hoặc lại vi diệu như tiếng của Ca-lăng-tần-già, âm thanh rất đáng vui thích, âm thanh khiến khoan khoái, âm thanh đáng yêu, như vậy hóa vô lượng âm thanh tỏa rộng, lời nói rõ ràng chân chính, dễ hiểu ưa nghe, tùy thuận vô tận.

Âm thanh cao rộng nghĩa là Phật, Bồ-tát hóa ra âm thanh lớn, khiến các hàng Thiên, long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân, Thanh văn, Duyên giác, chư Đại Bồ-tát, nơi vô lượng chúng hội trong phạm vi một do tuần, hoặc trong hoặc ngoài, khắp cả đều nghe, hoặc tiểu thiên thế giới, trung thiên thế giới, đại thiên thế giới, cho đến vô lượng thế giới trong mười phương, cũng đều nghe khắp. Vì chúng sinh nên từ tự thân kia, dùng một âm thanh nói vô lượng pháp.

Từ nơi khác khởi là hóa làm lời nói khác, vì người thuyết pháp, dứt trừ sự buông thả.

Không từ đâu khởi nghĩa là giữa không trung hóa ra âm thanh, giống như người nói.

Nói chánh pháp nghĩa là vì chúng sinh ngu si nên diễn nói pháp chân chánh, khiến được hiểu rõ.

Tùy việc giáo hóa, quở trách, nghĩa là các chúng sinh kia tuy không nghi ngờ, có tâm tin ưa nhưng vì phóng dật, nên khiến họ sinh hổ thẹn khởi tâm không phóng dật. Rất nhiều loại hóa như thế, lược nói có ba thứ: Hóa thân, hóa thanh và hóa cảnh giới. Đó gọi là thần túc hóa. Nếu mỗi mỗi phân biệt thì có vô lượng. Như vậy, với hai thứ thần túc của chư Phật, Bồ-tát, có thể hoàn thành hai việc: Một là giúp chúng sinh sinh tâm tín lạc, là thần túc hiện hóa khiến nhập pháp Phật. Hai là thâu giữ chúng sinh khổ khiến được lợi ích an ổn.

Thế nào là túc mạng trí thông? Nghĩa là Phật, Bồ-tát tự biết về thọ mạng nơi đời trước, chúng sinh như thế là tên chữ của mình, như Khế kinh đã nói rộng. Biết thọ mạng nơi đời trước của người khác cũng như của thân mình. Tự biết về thân mạng đời trước có thể giúp người khác biết. Đã biết chúng sinh vốn là người đồng sự, cũng có thể khiến họ tự hiểu biết về thân mạng đời trước. Các chúng sinh ấy biết cùng Bồ-tát xưa là đồng sự rồi, thì cũng lại biết các chúng sinh khác cùng với mình là đồng sự, cũng có thể khiến cho các chúng sinh khác lần lượt biết lẫn nhau. Về danh tự của thân mạng đời trước, những danh tự với vô số nhân duyên, ở đây sẽ nói rộng. Từ đời hiện tại và đời quá khứ, cho đến các sự nơi vô lượng vô số kiếp trong khoảng mỗi một niệm, lớn nhỏ, nhiều ít, lần lượt đều biết. Đó gọi là túc mạng trí thông của Phật và Bồ-tát.

Bồ-tát tự biết những việc chưa từng có trong quá trình hành đạo Bồ-tát ở đời trước, vì chúng sinh mà hiển hiện chỉ bày, khiến cho họ kính tin, ưa thích pháp Phật, nhàm chán sinh tử, cũng vì họ chỉ bày rõ về nhân quả, khiến người chấp thường xa lìa thường kiến, nghĩa là ở trong quá khứ vọng tưởng thường kiến và do đoạn kiến.

Thế nào là sinh tử trí thông? Nghĩa là Phật, Bồ-tát có thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn mắt người, thấy các chúng sinh lúc chết, sắc đẹp, xấu, sắc hơn kém, cho đến sau này sinh ra, dần dần tăng trưởng, các căn thuần thục, thân ngữ làm các việc thiện, bất thiện, vô ký, thiên nhãn sáng suốt đều soi thấy biết cả, cho đến sắc vi tế của trời hóa sắc, tất cả đều thấy, trên đến cõi trời cứu cánh, dưới đến địa ngục vô trạch. Trong mười phương thế giới, cũng không dùng mỗi mỗi phương tiện biệt tướng, mà tất cả sắc tượng của vô lượng vô biên thế giới nơi mười phương đều cùng một lúc thấy khắp. Tại

các cõi Phật kia, Như-lai nơi các cõi ấy, an tọa ngồi thuyết pháp trong các chúng hội, như thế tất cả đều thấy trọn vẹn.

Thế nào là thiên nhĩ trí thông? Nghĩa là Phật Bồ-tát dùng thiên nhĩ nghe âm thanh của hàng trời người, âm thanh Thánh, âm thanh phi Thánh, âm thanh thô, âm thanh tế, âm thanh biện luận, âm thanh không biện luận, âm thanh biến hóa, âm thanh phi biến hóa, âm thanh gần, âm thanh xa, tất cả đều nghe. Nếu tạo phương tiện có hạn, thì trên đến trời Sắc cứu cánh. Nếu không hạn lượng thì cho đến vô lượng thế giới nơi phương trên. Âm thanh trời nghĩa là từ Tứ Thiên vương cho đến Sắc cứu cánh. Âm thanh người nghĩa là tất cả âm thanh trong bốn châu thiên hạ. Âm thanh Thánh nghĩa là âm thanh của chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác đã nói ra để chỉ dạy chúng sinh. Đó là chỉ dạy, khen ngợi, khiến tu pháp thiện, bỏ pháp bất thiện, làm cho các chúng sinh kia tâm không nhiễm chấp, thọ tụng luận nghị như pháp vấn nạn, khiến nhớ nghĩ lời răn dạy và tất cả lời thiện lợi ích khác. Những lời như vậy, gọi là âm thanh Thánh. Âm thanh phi Thánh nghĩa là các chúng sinh nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói thêu dệt, từ địa ngục Vô trạch, trên lên đến chư Thiên, các loại âm thanh của chúng sinh trong mười phương.

Âm thanh thô nghĩa là âm thanh của các loài chúng sinh lớn, âm thanh của đại chúng hội, các thứ âm thanh thống khổ bức thiết, âm thanh cùng gào thét lớn, âm thanh sấm động, âm thanh của trống, loa ốc. Âm thanh vi tế nghĩa là tiếng nói rất nhỏ nhẹ. Âm thanh biện luận nghĩa là âm thanh nêu nghĩa lý có thể hiểu. Âm thanh không biện luận nghĩa là âm thanh nêu nghĩa lý không thể lãnh hội, như lời nói ở nước Đà-di-la, như tiếng gió mưa, tiếng cây cỏ, tiếng của các loài chim anh vũ, cù dục, câu kỳ la, mạng mạng v.v… Âm thanh biến hóa nghĩa là thần thông tự tại, tùy theo tâm của chúng sinh hóa ra các thứ tiếng. Âm thanh xa tức là trừ âm thanh trong xóm làng, thành ấp nơi Phật, Bồ-tát đang ở, ngoài ra là tất cả âm thanh nơi vô lượng thế giới trong mười phương. Chư Phật Bồ-tát dùng thiên nhãn nhìn thấy những chỗ tạo tác sắc tịnh, bất tịnh của thân trong mười phương, thấy rồi dùng phương tiện tùy nghi làm lợi ích. Dùng thiên nhĩ để nghe các chỗ tạo tác âm thanh tịnh, bất tịnh của miệng, nghe rồi dùng phương tiện tùy nghi tạo lợi ích. Đấy gọi là lược nói về những việc làm từ thiên nhãn thiên nhĩ của chư Phật, Bồ-tát.

Thế nào là tri tha tâm trí thông? Nghĩa là Phật, Bồ-tát dùng trí tri tha tâm nhận biết tâm của chúng sinh trong vô lượng vô biên thế giới nơi mười phương bị phiền não trói buộc, biết tâm xa lìa phiền não trói buộc, tâm bị

phiền não nối tiếp, phiền não sai khiến, biết tâm lìa phiền não tương tục, phiền não sai khiến, biết tâm nguyện tà, là tâm của ngoại đạo và tâm tham cầu. Biết tâm thấp kém đó là tâm của chúng sinh ở cõi dục cho đến tâm của loài cầm thú. Biết tâm trung bình nghĩa là tâm của trời cõi Sắc. Biết tâm phẩm thượng là tâm của cõi trời vô sắc. Biết tâm tương ưng khổ, biết tâm tương ưng vui, biết tâm tương ưng không khổ không vui. Một niệm nơi tha tâm trí, biết tâm một chúng sinh, tùy theo chỗ niệm kia, đều nhận biết như thật. Một niệm tha tâm trí, biết tâm của vô lượng chúng sinh, tùy theo chỗ niệm kia, thảy đều nhận biết như thật. Lại nữa, chư Phật Bồ-tát với tri tha tâm trí thông, tạo ra vô số các thứ căn lực, các thứ giải lực, các thứ giới lực, cho đến xứ đạo lực, lậu tận lực, tùy theo sự thích ứng mà tạo phương tiện.

Thế nào là lậu tận trí thông? Nghĩa là Phật, Bồ-tát biết như thật về phiền não dứt hết, nghĩa là mình và chúng sinh, hoặc dứt hết, hoặc không dứt hết, đều nhận biết như thật. Mình và chúng sinh nơi phương tiện lậu tận dù đã khởi hay chưa khởi, đều nhận biết như thật. Các chúng sinh kia khởi tăng thượng mạn lậu tận, hoặc không khởi tăng thượng mạn lậu tận cũng đều nhận biết như thật. Bồ-tát với tất cả lậu tận đều nhận biết như thật, nhưng không chứng đắc lậu tận. Bồ-tát không xả phiền não, vẫn tạo đủ các sự hữu lậu, thường làm các sự nhưng không bị nhiễm ô, lực như thế gọi là lực tối thượng. Lại nữa, Phật, Bồ-tát với lậu tận trí thông, tự xa lìa phiền não, chỉ vì chúng sinh mà phải phân biệt giảng nói rộng, khiến họ lìa bỏ tâm tăng thượng mạn, nên biết trí nầy là lậu tận trí nghiệp.

Thế nào là lực của pháp? Nghĩa là Phật, Bồ-tát, từ Bố thí Ba-la- mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật, sáu Ba-la-mật nầy mỗi thứ đều có bốn sự: Một là đối trị. Hai là thành tựu Bồ-đề đầy đủ. Ba là thâu giữ tự tha. Bốn là đắc quả vị lai.

Thế nào là bốn việc của bố thí? Một là bố thí để đối trị tham lam keo kiệt. Hai là bố thí để thành tựu Bồ-đề đầy đủ. Ba là dùng bố thí thâu giữ để thành tựu chúng sinh. Đem tâm thiện nhằm bố thí, đem tâm thanh tịnh bố thí, thí rồi không hối, ba thời hoan hỷ, tự mình làm lợi ích, đấy gọi là tự thâu giữ. Cho đến những gì các chúng sinh đói khát, nóng lạnh, tật bệnh kia cần, hoặc nơi các nạn khủng bố, thảy đều khiến xa lìa, do đấy được lợi ích, đó gọi là thâu giữ kẻ khác. Bốn là do nhân duyên nầy, sinh ở chỗ nào cũng đều được giàu có lớn, được giòng họ tôn quý, được nhiều bà con. Đấy là lực nơi bốn công đức của bố thí, không có gì hơn.

Thế nào là bốn việc của trì giới? Một là lãnh thọ luật nghi của thân khẩu để đối trị phạm giới. Hai là thành tựu Bồ-đề đầy đủ. Ba là thọ trì tịnh

giới để đồng sự thâu giữ mà thành tựu chúng sinh, xa lìa phạm giới, oan gia khủng bố, ngủ thức luôn an ổn, do tự đạt lợi ích. Vả lại, trì giới tâm không hối hận, thường được hoan hỷ, làm cho tâm quyết định đúng các sự tự lợi, đó gọi là tự thâu giữ. Bố thí khắp cho chúng sinh tất cả những sự không sợ hãi, đó gọi là thâu giữ kẻ khác. Bốn là do nhân duyên nầy, khi mạng chung sẽ sinh lên cõi trời. Đó gọi là lực của bốn công đức do trì giới, không còn gì hơn.

Thế nào là bốn việc của nhẫn nhục? Một là tu nhẫn nhục để đối trị không nhẫn nhục. Hai là thành tựu Bồ-đề đầy đủ. Ba là do nhẫn nhục kiên cố, đồng sự thâu giữ, thành tựu chúng sinh, thân mình và người vượt qua được những sợ hãi lớn, đó gọi là tự tha đều thâu giữ. Bốn là do nhân duyên nầy, trong đời vị lai không có oán ghét, không có chia lìa, đã không chia lìa thì cũng không có buồn khổ, đến khi lâm chung tâm không hối hận, xả thân nầy rồi, sinh trong cõi trời, người. Đó gọi là lực của bốn công đức nơi nhẫn nhục, không còn gì hơn.

Thế nào là bốn việc của tinh tấn? Một là tinh tấn để đối trị biếng nhác. Hai là thành tựu Bồ-đề đầy đủ. Ba là luôn nương vào tinh tấn, đồng sự thâu giữ, thành tựu chúng sinh, nên vui trụ trong tinh tấn, lìa xa các pháp ác, công đức tăng trưởng, hoan hỷ thích thú do tự đạt lợi ích, đấy gọi là tự thâu giữ. Nhờ tinh tấn tu tập các điều thiện, không dùng thân miệng gây sợ hãi chúng sinh, chúng sinh thấy rồi cũng muốn tinh tấn theo, đó gọi là thâu giữ kẻ khác. Bốn là do nhân duyên nầy mà quả báo trong đời vị lai có thể thành bậc đại nhân, có sự nghiệp công đức đặc biệt. Đó gọi là lực nơi bốn công đức của tinh tấn, không có gì hơn. Thế nào là bốn việc của thiền định? Một là thiền định để đối trị phiền não, những ngôn ngữ loạn giác, những phiền não của sắc tưởng hỷ lạc đều bị diệt. Hai là thành tựu Bồ-đề đầy đủ. Ba là nương vào các thiền định đồng sự thâu giữ, thành tựu chúng sinh, hiện trụ pháp lạc, do tự thâu giữ nên tâm tịch tĩnh, xa lìa tham dục, đó gọi là tự gồm thâu. Đối với các chúng sinh không sân không não, đó gọi là gồm thâu kẻ khác. Bốn là do nhân duyên nầy, quả báo trong đời vị lai sẽ sinh vào cõi trời, trí tuệ thanh tịnh, thần thông thanh tịnh. Đó gọi là lực của bốn công đức nơi thiền định, không có gì hơn.

Thế nào là bốn việc của trí tuệ? Một là trí tuệ đối trị vô minh. Hai là thành tựu Bồ-đề đầy đủ. Ba là bố thí, ái ngữ, lợi ích, đồng sự, thâu giữ, thành tựu tất cả chúng sinh. Đối với việc hiểu biết theo nghĩa hiểu rõ, được lợi ích thắng diệu, hoan hỷ vừa ý, đó gọi là tự thâu giữ. Nếu vì khắp chúng sinh dùng phương tiện thiện xảo thuyết pháp, khiến đời nầy đời sau đều

được an vui, đó là thâu giữ kẻ khác. Bốn là do nhân duyên nầy, nên thâu giữ tất cả thiện căn bình đẳng, ở đời vị lai trừ chướng, tác chứng, đó là chướng phiền não và chướng trí tuệ. Đấy gọi là lực nơi bốn công đức của trí tuệ, không gì hơn được. Tất cả gọi là lực của pháp.

Thế nào là lực câu sinh của chư Phật, Bồ-tát? Tánh biết được thọ mạng của đời trước làm lợi ích cho chúng sinh, suy nghĩ về đêm dài sinh tử với những khổ lớn không dừng, đều có thể nhận chịu để tạo lợi ích cho chúng sinh, chúng sinh thọ vui thì tâm tùy hỷ. Sinh lên cõi trời Đâu suất, tùy theo thọ mạng mà trú, có ba việc thù thắng hơn các trời, người: Một là sống lâu ở cõi trời. Hai là được hình sắc trời. Ba là được danh xưng trời. Khi sống trong thai mẹ, ánh sáng đặc biệt tỏa chiếu đủ khắp thế giới, chánh trí nhập thai, trụ thai, xuất thai. Lúc sinh chân vừa chạm đất, liền đi bảy bước, đưa tay lên cao nói: Ta sẽ ở thế gian làm bậc tôn quý Vô thượng! Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già… đem hương, hoa, kỹ nhạc, cờ phướn cõi trời, đủ các thứ uy nghiêm đẹp đẽ để cúng dường. Có ba mươi hai tướng tốt để tự trang nghiêm, là thân sau cùng, các ma oán xấu ác không thể phá hoại, ngồi nơi gốc cây Bồ-đề, đem tâm từ hàng phục ma ác, mỗi một chi tiết nơi thân đều có lực Na-la-diên. Từ thuở còn làm đồng tử, tất cả các kỹ thuật khả năng tự nhiên có được sự khéo léo, không lãnh thọ từ thầy, ngồi ở đạo tràng nơi cội Bồ-đề, không có thầy, tự nhiên thành tựu Chánh đẳng Chánh giác. Phạm vương đến khuyến thỉnh thuyết pháp, tiếng sấm sét rung chuyển, âm thanh lớn phát ra cũng không làm động loạn chánh thọ của Như-lai. Thú dữ nương dựa tùy thuận, không sợ hãi, các loại chúng sinh thảy đều cúng dường, như khỉ vượn kia dâng lên mật hương, Đức Thế Tôn thương xót thọ nhận, chúng vui mừng nhảy múa, thần rồng làm mưa tắm rửa thân Phật, nếu khi đi ra thì liền dừng mưa. Bồ-tát như vậy ngồi nơi cội cây Bồ-đề, cây làm cho cành cong tùy theo để che mát thân Ngài. Thành Chánh giác rồi, trong sáu năm, thiên ma Ba-tuần luôn tìm lỗi của Ngài, nhưng không được, Ngài luôn chánh niệm an trú bình đẳng. Tất cả chúng sinh với đủ các thứ tri thức không giống, các tưởng sai khác, các sự hiểu biết dị biệt, khi sinh, trụ, diệt, từng niệm từng niệm Ngài đều biết. Như-lai dùng lực câu sinh thị hiện sắc thân và oai nghi bậc Thánh, thâu giữ chúng sinh. Do thị hiện thân nên người cuồng loạn thì được chân chánh, thai ngược được thuận, người mù được thấy, người điếc được nghe, khiến người bị ba độc xa lìa dục, nộ, si. Thị hiện sắc thân như thế để thâu giữ chúng sinh. Đó gọi là thị hiện thần lực câu sinh. Oai nghi nơi lực câu sinh nghĩa là thường nằm nghiêng về hông bên phải như sư tử chúa, chiếu cỏ không lẫn lộn, gió không lay động y, đi

như sư tử, bước như ngưu vương, trước cất chân phải thì chân trái theo sau, chỗ đi bằng phẳng, không có cát, ngói, gạch, đá. Lúc đi an nhiên tự tại, các căn tịch tĩnh, nếu khi vào cửa thì cửa thấp thành cao, ăn luôn vừa đủ, miếng miếng không thừa, vô lượng việc chưa từng có như thế, phải biết đều là thần lực câu sinh thuộc về oai nghi bậc Thánh.

Thế nào là lực của chư Phật, Bồ-tát không chung với Thanh văn, Phật-bích-chi? Thế nào là lực chung? Lực không chung nếu lược nói có ba thứ: Một là vi tế. Hai là phân biệt. Ba là giới. Chư Phật, Bồ-tát đối với vô lượng vô số A-tăng-kỳ chúng sinh, dùng vô lượng lực làm phương tiện đem lại lợi ích, đều nhận biết như thật, đấy gọi là vi tế. Tất cả các loại lực thần thông, lực pháp, lực câu sinh, đều thành tựu đầy đủ, đó gọi là phân biệt. Tất cả thế giới, tất cả giới chúng sinh, là cảnh giới lực của thần thông, đấy gọi là giới. Thanh văn lấy quốc độ thế giới, chúng sinh thế giới trong hai ngàn thế giới làm cảnh giới thần thông. Duyên giác lấy ba ngàn thế giới làm cảnh giới thần thông. Vì sao? Vì họ tự điều phục, không phải vì tất cả chúng sinh, thế nên chỉ có một tam thiên thế giới, dùng làm cảnh giới. Trừ ba thứ nêu trên, các thần lực khác của chư Phật Bồ-tát, gọi là lực chung với hàng Thanh văn, Duyên giác. Hàng Nhị thừa hãy còn không thể sánh kịp thần lực của Bồ-tát, huống gì là hàng Trời, Người, Ngoại đạo, Phàm phu.

Bồ-tát có ba loại lực thị hiện: Một là thần túc. Hai là chỉ rõ về tha tâm. Ba là giáo hóa, khuyên bảo. Ba thứ nầy cũng thuộc về thần thông, nhưng tùy theo chỗ thích ứng, tức là thần túc, tha tâm trí và lậu tận trí.

-oOo-

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 3

Phẩm 6: XỨ PHƯƠNG TIỆN THÀNH THỤC

Thế nào gọi là thành thục? Lược nói có sáu thứ: Một là tự tánh thành thục. Hai là người thành thục. Ba là chủng phân biệt thành thục. Bốn là phương tiện thành thục. Năm là chúng sinh thành thục. Sáu là nhân tướng thành thục.

- Tự tánh thành thục, nghĩa là có chủng tử của pháp thiện, tu tập pháp thiện, tùy thuận hai chướng, có lực thanh tịnh giải thoát thân tâm, phương tiện chân thật, đầy đủ rốt ráo. Có Phật hay không có Phật, đều có khả năng lần lượt đoạn trừ chướng phiền não và chướng trí tuệ. Như ung nhọt lớn đã chín muồi, đến lúc phải vỡ, đấy gọi là thục. Lại như bình gốm, khi được đem dùng, gọi là thục. Như quả Yêm-la… vào lúc dùng được gọi là thục. Như thế, Bồ-tát tu tập pháp thiện, phương tiện chân thật, đầy đủ rốt ráo, theo thứ lớp có thể gánh vác, lìa chướng đạt thanh tịnh, đấy gọi là tự tánh thành thục.

- Người thành thục, lược nói có bốn thứ: Có chủng tánh Thanh văn, do Thanh văn thừa mà thành thục. Có chủng tánh Duyên giác, do Duyên giác thừa mà thành thục. Có chủng tánh Phật, do Đại thừa vô thượng mà thành thục. Người không có chủng tánh thì từ nẻo thiện mà thành thục. Như thế, bốn loại người, chư Phật, Bồ-tát dùng bốn pháp mà thành thục.

- Chủng phân biệt thành thục, lược nói có sáu thứ: Một là các căn thành thục. Hai là thiện căn thành thục. Ba là trí tuệ thành thục. Bốn là hạ thành thục. Năm là trung thành thục. Sáu là thượng thành thục.

Các căn thành thục nghĩa là tuổi thọ đầy đủ, sắc đầy đủ, dòng họ đầy đủ, tự tại đầy đủ, tín ngôn đầy đủ, lực lớn đầy đủ, người đầy đủ, sức đầy đủ, thân được quả báo có khả năng nhận lấy phương tiện dũng mãnh, tinh tấn, tâm không mệt, không chán, đối với tất cả "minh xứ" đều là phương tiện tu học.

Thiện căn thành thục là tánh ít phiền não, không khởi pháp ác, ấm, cái nhỏ mỏng, tính chất ngay thẳng tùy thuận.

Trí tuệ thành thục là "Minh tuệ" đầy đủ, nói thiện nói ác đều có thể giảng giải nghĩa lý, thọ trì phân biệt, sinh trí thành tựu, có thể rốt ráo lìa các phiền não. Các căn thành thục giải thoát chướng báo. Thiện căn thành thục giải thoát chướng nghiệp. Trí tuệ thành thục giải thoát chướng phiền não.

Hạ thành thục có hai nhân duyên: Một là nhân duyên để tu tập các căn, thiện căn, trí tuệ không lâu. Hai là nhân tu tập thấp.

Trung thành thục thì ở giữa hai nhân duyên nầy, một thù thắng, một thấp kém.

Thượng thành thục phải biết đều là thù thắng.

- Phương tiện thành thục có hai mươi bảy thứ: Một là giới sung mãn. Hai là hiện duyên tạo lợi ích. Ba là độ. Bốn là ái lạc nhiếp thọ. Năm là sơ xứ. Sáu là phi sơ xứ. Bảy là viễn tịnh. Tám là cận tịnh. Chín là phương tiện. Mười là tâm tịnh. Mười một là tài thí. Mười hai là pháp thí. Mười ba là thần túc. Mười bốn là thuyết pháp. Mười lăm là ẩn phú thuyết pháp. Mười sáu là hiển hiện thuyết pháp. Mười bảy là hạ phương tiện. Mười tám là trung phương tiện. Mười chín là thượng phương tiện. Hai mươi là văn. Hai mươi mốt là tư. Hai mươi hai là tu. Hai mươi ba là nhiếp thủ. Hai mươi bốn là phục thủ. Hai mươi lăm là tự tác. Hai mươi sáu là thỉnh tha tác. Hai mươi bảy là câu tác.

Giới sung mãn nghĩa là chủng tử của pháp thiện sinh trưởng đầy đủ, nương theo sự tu tập trước, chủng tử của pháp thiện xoay chuyển nương nhau, tăng trưởng đầy đủ, đó gọi là giới sung mãn.

Hiện duyên tạo lợi ích nghĩa là ở trong đời hiện tại, thuyết pháp không trái nghịch, thọ trì không trái nghịch, khéo tùy thuận pháp, pháp lần lượt hướng đến giới sung mãn, do nhân căn bản, nên hiện tại thành thục, duyên hiện tại tạo lợi ích, nhân đời hiện tại thành thục hiện tại.

Độ nghĩa là gần gũi bạn tốt, tín tâm được sinh, tín tăng thêm rồi xa lìa hạnh xấu nơi nhà, thọ trì giới cấm, , không nhà xuất gia thọ giới lìa dục.

Ái lạc nhiếp thọ nghĩa là bước ra khỏi khổ nẻo dục lạc, khổ hạnh, cả hai đều xa lìa, tu hành nẻo vui, rất ưa pháp Phật.

Sơ xứ là do đầu tiên chán pháp, tu hạnh chán lìa, biết nghĩa thù thắng vi diệu, đạt đến công đức lợi ích.

Phi sơ xứ nghĩa là đã độ thành thục, ở đời hiện tại, gần gũi không xa lìa chư Phật, Bồ-tát, tăng trưởng trú xứ, dần dần tiến lên, chuyển thành thù thắng thành thục.

Viễn tịnh nghĩa là khởi tâm biếng nhác, xa duyên tu hành, lưu chuyển trong sinh tử, trải qua nhiều kiếp số; có thể đảm nhiệm sự thanh tịnh cùng với các thứ kia trái nhau, gọi là cận.

Phương tiện tịnh nghĩa là được các nghĩa thiện, vui vẻ vâng làm, chán sợ đời sau với các khổ trong đường ác, ở trong đời nầy, sợ danh xưng xấu ác, thọ trì giới cấm thường hành hạnh mau chóng (đốn pháp).

Tâm tịnh nghĩa là chánh quán các pháp lần lượt gắng nhẫn, đối với chánh pháp không thể hủy hoại, còn khiến cho chúng sinh tu tập chánh pháp, ở trong Tam bảo được nghĩa thiện hơn hết, tín tâm không động.

Tài thí nghĩa là tùy theo những kẻ kia cần gì, các vật y phục, ẩm thực v.v…, tất cả đều bố thí.

Pháp thí là đối với người muốn lãnh thọ giáo pháp thì liền trao cho giáo pháp, người ưa thọ nghĩa, vì họ giảng nói chánh nghĩa.

Thần túc nghĩa là vì thương xót chúng sinh nên dùng thần lực thị hiện, khiến những kẻ kia được tin vui, tín đã tăng lên, tu phương tiện thanh tịnh, các chúng sinh ấy, hoặc thấy hoặc nghe về đại thần biến rồi, ở trong chánh pháp sẽ được tâm thanh tịnh, tu phương tiện thiện.

Thuyết pháp nghĩa là mình khéo hiểu nghĩa, lại có thể vì người mà giảng nói, mình và chúng sinh đều cùng hướng về chánh đạo, đại trí mau thành, sẽ tùy thuận thuyết pháp.

Ẩn phú thuyết pháp nghĩa là đối với chúng sinh trí thấp, che giấu nghĩa sâu xa, vì họ nói pháp thô cho dễ thực hành.

Hiển hiện thuyết pháp nghĩa là với chúng sinh có trí tuệ thâm nhập pháp Phật, sẽ vì họ mà giảng nói chỗ sâu xa vi diệu.

Hạ phương tiện nghĩa là phương tiện không thường, phương tiện không nhanh chóng.

Trung phương tiện nghĩa là hoặc phương tiện thường hoặc phương tiện nhanh, hành một xả một, không thể đầy đủ.

Thượng phương tiện là phương tiện đầy đủ cả hai.

Văn là nghe hiểu các loại kinh pháp của Đức Phật đã thuyết giảng như Tu-đa-la… thọ trì đọc tụng, hành phương tiện tinh cần.

Tư nghĩa là ở chỗ yên vắng, tư duy các pháp, khai tỏ hiểu thông thấu đạt quyết định về pháp tướng.

Tu nghĩa là chỉ, cử, xả. Trước hành chỉ quán rất vui thích, tu tập chỉ quán xả tâm.

Nhiếp thủ là nương dựa vào tâm không tham, tu hành bố thí. Chăm

sóc các Hòa thượng, các thầy bệnh tật, cúng dường đầy đủ các thứ như y phục, thức ăn uống, thuốc thang. Nếu có lo lắng hối hận và các phiền não, có thể vì họ giải bày. Tu những thứ như vậy là như pháp cúng dường.

Phục thủ là tâm tư duy chân chính, tự mình ngăn giữ phiền não, thấy các chúng sinh khác, hoặc có kẻ phạm lỗi, phạm bậc hạ thì quở trách, phạm bậc trung thì trị phạt, phạm bậc thượng thì đuổi đi. Quở trách và trị phạt là vì sự an lạc cho kẻ ấy và chúng sinh khác. Nếu đuổi đi, trở lại thì thuận cho sám hối, kẻ ấy vừa được an lạc, vừa lợi ích cả cho người khác. Nếu kẻ đó không trở lại sám hối, thì cũng tạo an lạc cho người khác, nghĩa là người khác thấy kẻ đó phạm tội bị đuổi đi, nhân đấy tự mình phải giữ gìn.

Tự tác nghĩa là tự mình như pháp mà trú, tùy thuận thuyết pháp, khiến chúng sinh khác ra khỏi xứ bất thiện an lập nơi xứ thiện. Nếu không như pháp trụ thì mọi người sẽ nói: Ông nay làm sao dạy trao người khác phát khởi cùng suy niệm, người khác lẽ ra nên dạy bảo ông phát khởi và suy niệm.

Thỉnh tha nghĩa là khéo dùng phương tiện thiện xảo thuyết pháp, đại chúng nhận biết tăng thêm kính mến, sẽ khuyến thỉnh thuyết pháp để thành thục chúng sinh.

Câu tác nghĩa là tự làm và khuyến thỉnh người khác, cả hai đều thành thục. Đấy là hai mươi bảy thứ phương tiện thành thục. Sáu loại thành thục kia đã phân biệt đầy đủ, đó là các căn thành thục, thiện căn thành thục, trí tuệ thành thục, hạ, trung, thượng thành thục.

- Chúng sinh thành thục nếu lược nói có sáu thứ: Nghĩa là Bồ-tát trú trong sáu địa, thành thục chúng sinh. Trú ở địa hành giải Bồ-tát hành giải hành. Trú nơi địa tâm tịnh Bồ-tát hành tâm tịnh. Trú nơi địa hành đạo tích Bồ-tát hành đạo tích. Trú nơi địa quyết định Bồ-tát hành quyết định. Trú nơi địa quyết định hành Bồ-tát hành hạnh quyết định. Trú nơi địa cứu cánh Bồ-tát hành cứu cánh. Đối với chúng sinh không có chủng tánh, thì từ nẻo thiện thành thục, thường có tiến, có lùi. Với chúng sinh có chủng tánh, khiến được thành thục, không có thối mất, thường thường tiến thêm.

- Nhân tướng thành thục là pháp tu tập căn bản của Thanh văn. Trú hạ thành thục là dục hạ, phương tiện hạ, chưa xa lìa nẻo ác, đối với pháp hiện tại, không đắc quả Sa-môn, đối với pháp hiện tại không đắc Niết-bàn.

Trú trung thành thục nghĩa là dục trung, phương tiện trung, không rơi vào cõi ác, ở trong pháp hiện tại, đắc quả Sa-môn, không đắc Niết- bàn.

Trú thượng thành thục nghĩa là dục thượng, phương tiện thượng, không rơi vào cõi ác, ở trong pháp hiện tại đắc quả Sa-môn và Niết-bàn,

thành Phật-bích-chi, giống như Thanh văn. Vì sao? Đạo đồng Thanh văn, nhưng hơn Thanh văn, nghĩa là thân sau cùng không thầy mà tự giác ngộ.

Lực tu tập căn bản là tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đoạn trừ tất cả kiết, chứng đắc A-la-hán, vì thế gọi là Duyên giác.

Lại nữa, Bồ-tát trú ở địa giải hành, phải biết là hạ thành thục, địa tâm tịnh là trung thành thục, địa quyết định cứu cánh là thượng thành thục. Bồ-tát trú hạ thành thục, dục hạ, phương tiện hạ, chưa lìa cõi ác, phải biết đó là A-tăng-kỳ thứ nhất đã mãn, hiển bày bất động, lạc tịnh, đạo phẩm đều không thành thục. Bồ-tát trú trung thành thục thì dục trung, phương tiện trung, không rơi vào cõi ác, đó là A-tăng-kỳ thứ hai đã mãn, sáng rõ bất động, đạo phẩm thành tựu, lạc tịnh không thành tựu. Bồ-tát trú thượng thành thục, dục thượng, phương tiện thượng, không rơi vào cõi ác, A-tăng-kỳ thứ ba đã mãn, hiển bày bất động, lạc tịnh, đạo phẩm, tất cả đều thành tựu, tánh kia thuần hậu, đầy đủ hiển nhiên. Tăng thêm quả diệu, tăng thêm phước lợi, nên gọi là hiển nhiên. Không trở lại, không thối lui, tiến lên vững chắc, nên gọi là bất động. Ở địa Bồ-tát thanh tịnh không gì hơn nên gọi là lạc tịnh.

Với tài thí thành thục, thần túc thành thục, ẩn phú thuyết pháp thành thục, hạ phương tiện thành thục, văn tuệ thành thục, năm thứ thành thục nầy, tu tập dài lâu vẫn còn là bậc hạ, huống chi lại là tu tập ngắn hạn. Ngoài ra, tất cả sự thành thục mỗi mỗi đều nói có ba loại: là hạ hạ, hạ trung, hạ thượng. Trung hạ, trung trung, trung thượng. Thượng hạ, thượng trung và thượng thượng. Như thế, phân biệt về thượng trung hạ thì có vô lượng thành thục. Phải biết chư Phật, Bồ-tát thành thục chúng sinh, Bồ-tát đối với sự thành thục nầy, như đã nói là tự thành thục pháp Phật, các căn thành thục, thiện căn thành thục, trí tuệ thành thục, hạnh hạ trung thượng thành thục, là dùng pháp Tam thừa để thành thục chúng sinh.

Phẩm 7: XỨ PHƯƠNG TIỆN BỒ ĐỀ VÔ THƯỢNG

Thế nào là Bồ-đề? Lược nói có hai thứ đoạn và hai thứ trí, đó gọi là Bồ-đề. Hai thứ đoạn nghĩa là đoạn chướng phiền não và đoạn chướng trí. Hai thứ trí nghĩa là trí đoạn chướng phiền não, lìa cấu đạt thanh tịnh, tất cả phiền não không còn tương tục và trí đoạn chướng trí, tất cả đối tượng được hiểu biết không chướng ngại.

Lại nữa, trí thanh tịnh, Nhất thiết trí, trí vô ngại, diệt tất cả tập khí phiền não, thanh tịnh sáng suốt, đoạn dứt rốt ráo, đấy gọi là Bồ-đề vô thượng. Trí đoạn trừ rốt ráo tất cả tập khí phiền não, gọi là trí thanh tịnh. Trí đối với tất cả giới, tất cả sự, tất cả chủng, tất cả thời, đều không ngại, đó gọi là Nhất thiết trí.

Giới có hai thứ là thế giới và giới chúng sinh. Sự có hai thứ là hữu vi và vô vi. Như thế sự hữu vi, vô vi có vô lượng thứ phân biệt: Phân biệt tự tướng sai biệt, phân biệt tổng tướng sai biệt, phân biệt nhân quả, phân biệt giới, phân biệt nẻo, cõi, phân biệt thiện, bất thiện, vô ký. Thời tức có ba thời: Thời quá khứ, hiện tại và vị lai. Như vậy, biết tất cả giới, tất cả sự, tất cả chủng loại, tất cả thời, đấy gọi là Nhất thiết trí.

Không nhờ phương tiện, phát tâm liền biết, đối với tất cả pháp, hiểu rõ không ngăn ngại, đấy gọi là trí vô ngại.

Lại nữa, một trăm bốn mươi pháp bất cộng và trí vô tránh, nguyện trí, vô ngại biện của Như Lai, đấy gọi là Bồ-đề vô thượng. Một trăm bốn mươi pháp bất cộng của Phật là ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp theo hình, bốn trí vô ngại, nhất thiết chủng thanh tịnh, mười lực, bốn vô úy, ba niệm xứ, ba bất hộ, đại bi, pháp không quên, đoạn trừ các tập, nhất thiết chủng diệu trí. Các pháp Phật nầy, trong phẩm An lập sẽ nói rộng.

Bồ-đề vô thượng là đầy đủ bảy vô thượng, đối với tất cả Bồ-đề là tối cao vô thượng. Thế nào là bảy vô thượng? Một là thân vô thượng. Hai là đạo vô thượng. Ba là chánh vô thượng. Bốn là trí vô thượng. Năm là thần lực vô thượng. Sáu là đoạn vô thượng. Bảy là trụ vô thượng. Như Lai có ba mươi hai tướng trang nghiêm thân Ngài, gọi là thân vô thượng. Như Lai tự độ, độ người, cứu độ rất nhiều, thương xót thế gian, đem lợi ích an lạc cho chư Thiên và người đời, đó gọi là đạo vô thượng. Như Lai là bậc vô thượng, vô đẳng, thành tựu bốn chánh chân: chánh giới, chánh kiến, chánh oai nghi và chánh mạng, đó gọi là chánh vô thượng. Như Lai là bậc vô thượng, vô đẳng, thành tựu bốn trí vô ngại: Pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại và lạc thuyết vô ngại, đó gọi là trí vô thượng. Như Lai là bậc Vô thượng, Vô đẳng, thành tựu sáu thần thông, như trước đã nói, đó gọi là thần lực vô thượng. Như Lai là bậc Vô thượng, Vô đẳng, thành tựu hai đoạn là đoạn tất cả phiền não tập khí và đoạn chướng trí, đó gọi là đoạn vô thượng. Như Lai là bậc Vô thượng, Vô đẳng, với ba chủng trụ, trụ nhiều trong đó là Thánh trụ, Thiên trụ, Phạm trụ, đó gọi là trụ vô thượng. Chánh thọ Không, Vô tướng, Vô nguyện, Diệt tận, gọi là Thánh trụ. Bốn thiền, bốn định vô sắc, gọi là Thiên trụ. Bốn tâm vô lượng gọi là Phạm trụ. Như Lai trụ trong Thiên

trụ, Như Lai trụ trong bốn pháp Thánh trụ, trụ trong Tam-muội Không và định Diệt tận. Trong Thiên trụ thì trụ nơi thiền thứ tư, trong Phạm trụ thì trụ nơi đại bi. Vì thế Như Lai ngày đêm sáu thời thường dùng Phật nhãn quán sát thế gian, người nào nên độ, chưa khởi thiện căn, thì Như Lai sẽ khiến khởi, cho đến người nào đáng đắc quả vô thượng, Như Lai sẽ kiến lập, đó gọi là trụ vô thượng. Thân vô thượng gọi là đại trượng phu. Đạo vô thượng gọi là đại bi. Chánh vô thượng gọi là đại giới, đại pháp. Trí vô thượng gọi là đại tuệ. Lực vô thượng gọi là đại thần thông. Đoạn vô thượng gọi là đại giải thoát. Trụ vô thượng gọi là đại trụ, đa trụ.

Lại nữa, Như Lai có mười thứ danh xưng công đức, tùy niệm công đức. Những gì là mười? Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Bà-già-bà. Chẳng phải chẳng như thuyết nên gọi là Như Lai. Do được tất cả nghĩa, phước điền vô thượng, nên được cúng dường, đấy gọi là Ứng. Như hiển bày đệ nhất nghĩa, nên gọi là Đẳng Chánh Giác. Ba minh, như Khế kinh đã nói. Hành là chỉ quán đầy đủ, nên gọi là Minh Hành Túc. Đệ nhất tiến lên, vĩnh viễn không còn trở lại gọi là Thiện Thệ. Biết thế giới, giới chúng sinh, tất cả loại phiền não và thanh tịnh, gọi là Thế Gian Giải. Đệ nhất điều phục tâm, trí phương tiện thiện xảo, tất cả thế gian chỉ có một trượng phu, gọi là Vô Thượng Điều Ngự Sĩ. Bốn thứ trí chân thật là nghĩa pháp chân thật, chỉ rõ về bất liễu nghĩa, nương nhất thiết nghĩa, tuyên thuyết rộng rãi, đoạn trừ hết thảy nghi, hiển bày chốn thâm diệu thanh bạch, là gốc của các pháp, chỉ dẫn tất cả các pháp, vì xả tất cả, thoát hết thảy khổ, là vị thầy diễn nói nghĩa pháp, thích đáng cho nhân thiên, đấy gọi là Thiên Nhân Sư. Tụ nghĩa lợi ích, tụ phi nghĩa lợi ích, tụ phi nghĩa phi phi nghĩa lợi ích, đầy đủ tất cả chủng loại bình đẳng hiển bày, đấy gọi là Phật. (Ba tụ nầy là thiện, bất thiện, vô ký). Phá trừ tất cả lực ma, gọi là Bà-già-bà. Hoặc trong vô lượng kiếp không có một Đức Phật xuất thế. Hoặc trong một kiếp có nhiều Đức Phật ra đời. Nơi mười phương vô lượng thế giới, có vô lượng vô biên A-tăng-kỳ Đức Phật xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì nơi mười phương thế giới có vô lượng Bồ-tát, đều phát đại nguyện. Nếu một Bồ- tát, ngày như thế, phần như thế, tháng như thế, năm như thế phát tâm Bồ-đề, tất cả Bồ-tát cũng lại như vậy. Tức ở trong ngày nầy, phần nầy, tháng nầy, năm nầy phát tâm Bồ-đề, đồng một oai nghi, đồng một khả năng, đồng một phương tiện, tất cả Bồ-tát cũng lại như vậy. Một thế giới có vô lượng Bồ-tát, đồng nguyện, đồng thí, đồng giới, đồng nhẫn, đồng tinh tấn, đồng thiền định, đồng trí tuệ, huống gì là mười phương vô lượng thế giới, mỗi một thế giới có vô lượng vô số Bồ-tát. Không có hai Bồ-tát đồng

nguyện, đồng hành, ở một quốc độ đồng một lúc thành Phật, huống chi là vô lượng đồng một lúc đều thành. Lại nữa, hết thảy Bồ-tát nhất thời đồng hành lần lượt thành Phật, thì đây cũng không đúng, cũng không phải một vị thành, còn lại đều không thành. Vì thế nên mười phương vô lượng thế giới, tùy vào chỗ tịnh "không", nơi không có Phật, thì Bồ-tát đồng hành mỗi một thành Phật, vì thế nên vô lượng thế giới có vô lượng Phật.

Không một thế giới có hai Đức Phật xuất hiện. Vì sao? Vì Bồ-tát nơi đêm dài sinh tử khởi nguyện và phương tiện như vầy: Ta nên ở chỗ không có pháp Phật, nói rộng chánh pháp, điều phục chúng sinh, giúp họ thoát các khổ, nhập nơi Niết-bàn, đêm dài sinh tử như vậy, nuôi dưỡng đại nguyện lớn dần, thâu nhận chánh đạo, quả đại nguyện thành. Vả lại, một Như Lai có thể ở trong tam thiên đại thiên quốc độ làm được tất cả Phật sự, nếu Đức Phật thứ hai ra đời cũng không lợi ích gì. Lại nữa, trong một thế giới, một Đức Phật ra đời, có thể khiến chúng sinh tự sự tùy thuận quyết định siêng năng tu tập. Vì sao? Vì chúng sinh khởi niệm, tất cả thế giới chỉ có một Như Lai, giáo hóa khắp rồi sẽ nhập Niết-bàn. Lại không có Phật, có thể khiến chúng ta tu hành phạm hạnh, nghe nhận chánh pháp. Nghĩ rồi nhanh chóng thực hành, thuần tu tinh tấn, hành trì phạm hạnh, nghe nhận chánh pháp. Nếu nhiều Đức Phật thì không nhanh chóng siêng năng tu hành, vì thế nên nói trong một thế giới chỉ có một Như Lai, chúng sinh sẽ tự quyết định siêng tu.

Tất cả Như Lai đều bình đẳng không sai khác, chỉ trừ bốn việc: Một là thọ mạng. Hai là danh xưng. Ba là chủng tánh. Bốn là sắc thân. Chỉ có bốn việc nầy là có tướng sai khác, không có công đức nào khác, cũng không có nữ nhân đắc Bồ-đề vô thượng. Vì sao? Vì Bồ-tát ở trong A-tăng-kỳ kiếp đầu đã xả thân nữ, cho đến ngồi nơi gốc cây Bồ-đề không thọ thân nữ. Vì tất cả người nữ tánh nhiều phiền não, gây tạo trí ác, không thể do phiền não trí ác mà có thể chứng đắc Bồ-đề vô thượng.

Như vậy, Bồ-đề vô thượng có vô lượng nghĩa, nêu tóm tắt thì gồm có: Nghĩa tự tánh, nghĩa vô thượng, nghĩa danh xưng công đức, nghĩa tùy niệm công đức, nghĩa kham năng, nghĩa tối thắng, thảy đều như trên đã nói, nên biết đều là chân thật.

Lại nữa, bất tư nghì vượt qua các tư nghì, vô lượng vô biên công đức đầy đủ, vượt quá lên trên tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi, nên gọi là Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, là tối thắng đệ nhất, không gì sánh kịp, không gì cao hơn.

Phẩm 8: XỨ PHƯƠNG TIỆN LỰC CHỦNG TÁNH

Đã nói về học xứ của Bồ-tát, nay sẽ nói về Bồ-tát học. Như vậy Bồ-tát muốn học tốt Bồ-tát học phải có bảy việc: Một là tu nhiều tin hiểu. Hai là cầu pháp. Ba là thuyết pháp. Bốn là pháp tiếp pháp hướng. Năm là chánh giáo thọ. Sáu là giáo giới. Bảy là thâu giữ phương tiện nơi thân, khẩu, ý nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát tu nhiều tin hiểu? Bồ-tát, trong tám thứ xứ giải, tịnh tín đứng đầu, nhất tâm quyết định việc ưa muốn thành tựu, là công đức Tam bảo: Công đức của Phật, Pháp, Tăng. Chư Phật, Bồ-tát thần lực tự tại, là nghĩa chân thật, là nghĩa vô số nhân, nghĩa vô số quả, tùy thuận tương ưng mà không điên đảo. Đắc nghĩa, đắc phương tiện, có khả năng nhận đắc. Có đắc phương tiện thì có thể thủ đắc nghĩa. Đắc nghĩa tức là Bồ-đề vô thượng. Đắc phương tiện tức là tất cả đạo lý Bồ- tát đã tu học. Đó là tin hiểu, khéo giảng nói. Tức là Tu-đa-la, Kỳ dạ, Thọ ký v.v… nơi vô lượng ngôn giáo, khéo giảng nói vi diệu, Bồ-tát đối với tám thứ xứ giải nầy, có hai loại giải lực: Một là tu nhiều giải hành. Hai là vui hành nhẫn sâu.

Bồ-tát cầu pháp, cầu pháp nào? Cầu như thế nào? Vì sao cầu? Cầu pháp nào, tức nếu lược nói là cầu tạng Bồ-tát, cầu tạng Thanh văn, ngoại luận, thế gian công nghiệp xứ trí. Mười hai bộ kinh, chỉ có một bộ Phương Quảng là tạng Bồ-tát, mười một bộ còn lại là tạng Thanh văn. Ngoại luận lược nói có ba thứ: Nhân luận, Thanh luận và Y phương luận. Thế gian công nghiệp xứ trí nghĩa là các thứ sự nghiệp, như các thợ vàng, thợ bạc… và các thứ khác thuộc về minh xứ. Minh xứ có năm thứ: Một là nội minh xứ. Hai là nhân minh xứ. Ba là thanh minh xứ. Bốn là y phương minh xứ. Năm là công nghiệp minh xứ. Năm thứ minh xứ nầy Bồ-tát đều cầu học. Những lời Phật dạy gọi là Nội luận, lược nói có hai loại: Một là hiển bày chánh nhân quả. Hai là hiển bày điều đã làm không hoại, không tạo tác, không thọ nhận. Nhân luận cũng có hai loại: Một là có thể hàng phục luận của người. Hai là tự diễn rộng nghĩa của mình. Thanh luận có hai thứ: Một là hiển bày giới sắc. Hai là hiển bày ngôn từ thiện xảo. Y phương luận có bốn thứ: Một là hiển bày khéo biết bệnh. Hai là hiển bày nguyên nhân của bệnh. Ba là hiển bày có thể dứt trừ bệnh đã khởi. Bốn là hiển bày bệnh đã dứt trừ rồi khiến không khởi lại.

Thế gian công nghiệp xứ trí nghĩa là hiển bày các sự nghiệp thế gian đã thành tựu.

Thế nào là Phật giảng thuyết? Là nhân không điên đảo có mười thứ, nên biết là gồm thâu tất cả các nhân, tất cả phiền não, tất cả thanh tịnh, tất cả vô ký. Những gì là mười? Một là nhân tùy thuyết. Hai là nhân dĩ hữu. Ba là nhân chủng thực. Bốn là nhân nhiếp. Năm là nhân sinh. Sáu là nhân trưởng. Bảy là nhân tự chủng. Tám là nhân cộng sự. Chín là nhân tương vi. Mười là nhân bất tương vi. Tất cả danh pháp nầy, có danh rồi tưởng, tưởng rồi nói. Danh, tưởng ngôn thuyết của các pháp nầy, gọi là nhân tùy thuyết. Do có sự cho nên có tạo tác, đấy gọi là nhân dĩ hữu. Do có tay cho nên có làm, do có chân cho nên có dạo đi, do có thân cho nên có co, duỗi, do có đói khát cho nên có tìm cầu đồ ăn uống, những thứ như vậy vô lượng vô biên gọi là nhân dĩ hữu. Trồng các hạt giống, gọi là nhân chủng thực. Đất nước thấm nhuần gọi là nhân nhiếp. Mầm ở trong hạt gọi là nhân sinh. Mầm cành tiếp nối cho đến thành thục gọi là nhân trưởng. Vô số các hạt giống mỗi mỗi tự sinh, gọi là nhân tự chủng. Sáu nhân: nhân dĩ hữu, nhân chủng thực, nhân nhiếp, nhân sinh, nhân trưởng, nhân tự chủng, gọi chung là nhân cộng sự. Chướng ngại sự sinh gọi là nhân tương vi. Không chướng ngại gọi là nhân bất tương vi. Tương vi có sáu thứ:

Một là ngữ tương vi, nghĩa là Sa-môn, Bà-la-môn nói kinh luận, trước sau trái nhau.

Hai là sở ưng tương vi, nghĩa là nói tất cả nghĩa và lý trái nhau.

Ba là sinh tương vi, nghĩa là sinh duyên không đầy đủ, chướng ngại sự sinh khởi.

Bốn là xứ tương vi, nghĩa là các pháp như sáng, tối, thương, giận, khổ, vui.

Năm là oán tương vi, nghĩa là các loài rắn độc, chuột, chó sói, mèo, những loài thú ấy đều là oán hại.

Sáu là đối trị tương vi, nghĩa là tu quán bất tịnh để đối trị tham dục, tu từ để chấm dứt sân giận, tu tâm bi để đình chỉ giác hại, tu đạo phẩm vô lậu để đoạn vĩnh viễn phiền não. Trong đây, dùng sinh tương vi để nêu bày. Các nhân nầy thuộc về hai nhân: Một là nhân sinh. Hai là nhân phương tiện. Gieo trồng các chủng tử sinh gọi là nhân sinh, các nhân khác gọi là nhân phương tiện.

Lại có bốn duyên: Duyên nhân, duyên thứ đệ, duyên duyên và duyên tăng thượng. Nhân sinh là duyên nhân. Nhân phương tiện là duyên tăng thượng. Duyên thứ đệ và Duyên duyên là tâm, tâm số pháp. Nghĩa là tâm, tâm số pháp sinh trước, khai mở dẫn dắt thâu nhận duyên, thâu nhận sinh. Thế nên, hai duyên thâu giữ những gì thuộc về nhân.

Vì sao mười nhân nầy sinh khởi tất cả sự của thế gian? Vì sao sinh tất cả phiền não? Vì sao sinh tất cả thanh tịnh? Như các loại lương thực, thế gian thường dựa vào mà sống; các danh, tưởng, ngôn thuyết, như gọi lúa nếp, lúa tắc, lúa nếp hương, lúa gạo, mè, đậu, lúa mì. Đấy gọi là nhân tùy thuyết. Như đại mạch hoặc đem đến, hoặc mang đi, hoặc lấy, hoặc cho, vô số những thứ ngôn thuyết như vậy, ngoài ra tất cả cũng như thế. Do có thân đói khát, gầy ốm nên cầu tìm thức ăn uống, những thứ như vậy gọi là nhân dĩ hữu. Như gieo trồng các hạt giống, mỗi một đều tự sinh, là bắt đầu gieo trồng chủng tử, gọi là nhân chủng thực. Đất nước thấm nhuần khiến mầm được sinh, đó gọi là nhân nhiếp. Mầm mọc nơi hạt giống gọi là nhân sinh. Lại nữa, mầm lá cành thân cây lần lượt nối tiếp nhau cho đến thành thục, đó gọi là nhân trưởng. Như hạt giống lúa mì thì sinh mầm lúa mì chứ không phải loại khác, ngoài ra cũng như thế, đấy gọi là nhân tự chủng. Từ nhân dĩ hữu cho đến nhân tự chủng, đều gọi là nhân cộng sự, vì tất cả hòa hợp mà sinh nên gọi là nhân cộng sự. Sương, mưa đá, tai họa, chướng ngại phá hoại gọi là nhân tương vi, những cái kia không đầy đủ, không chướng ngại, gọi là nhân bất tương

vi. Ngoài ra, tất cả việc ở thế gian đều do mười nhân sinh ra, tùy theo chỗ thích hợp nên biết.

Vì sao sinh tất cả phiền não? Tất cả duyên khởi kia là danh, tưởng, ngôn thuyết. Đó là: Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh lão bệnh tử, ưu bi khổ não, đó gọi là nhân tùy thuyết của phiền não. Vô minh duyên hành cho đến sinh duyên lão tử… cảnh giới ngôn thuyết từng nhớ lại rồi tham đắm vị, các chi hữu sinh, đó gọi là phiền não nơi nhân dĩ hữu. Các pháp như vô minh… chủng tử hiện pháp, sinh các thứ sinh khác như sinh lão bệnh tử, đó gọi là nhân chủng thực. Không gần thiện hữu nghe thọ chánh pháp, học tập tư duy bất chánh, nên vô minh v.v… sinh, đó gọi là nhân nhiếp. Mỗi mỗi chủng tử đều từ nơi vô minh… sinh, gọi là nhân sinh. Từ vô minh đến hữu sau có tăng tiến cùng tìm cầu, đến sinh khác như sinh lão bệnh tử, đấy gọi là nhân trưởng. Các loại chủng tử đều từ vô minh cho đến hữu sau, sinh nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và cõi người, trời, đấy gọi là phiền não nơi nhân tự chủng. Từ nhân dĩ hữu cho đến nhân tự chủng, đó gọi là nhân cộng sự. Nếu có chủng tánh gặp được Phật ra đời diễn thuyết pháp thiện, gần thiện tri thức, nghe nhận chánh pháp, tư duy chánh niệm, pháp tiếp pháp hướng, đạo phẩm thanh tịnh, gọi là phiền não nơi nhân tương vi. Như trên đã nói, nếu không đầy đủ, gọi là nhân bất tương vi.

Đó gọi là mười nhân sinh tất cả phiền não, nên biết.

Vì sao sinh tất cả thanh tịnh? Tất cả pháp tịnh cho đến Niết-bàn diệt tận, với các danh, tưởng, ngôn thuyết, đó gọi là pháp tịnh nơi nhân tùy thuyết. Niệm xứ, chánh cần nầy cho đến tám chánh đạo, vô minh diệt cho đến sinh lão bệnh tử diệt, danh, tưởng, ngôn thuyết như vậy, đó gọi là pháp tịnh nơi nhân tùy thuyết. Do có vô minh… cho nên ưa cầu pháp tịnh, pháp tịnh, pháp tịnh được sinh, đó gọi là nhân dĩ hữu. Nếu người đầy đủ chủng tánh, hướng đến Niết-bàn hữu dư, vô dư mà tu hành đầu tiên thì gọi là thanh tịnh nơi nhân chủng thực. Chủng tánh gồm thâu chủng tử của đạo phẩm vô lậu, đối với các pháp đạo phẩm, đó gọi là nhân sinh. Gần gũi thiện tri thức, nghe nhận pháp thiện, tu chánh tư duy, các căn thành thục, đấy gọi là nhân nhiếp. Chủng tử kia sinh pháp đạo phẩm, hướng đến Niết-bàn Vô dư, đó gọi là nhân trưởng. Chủng tánh Thanh văn do Thanh văn thừa mà bát Niết-bàn. Chủng tánh Duyên giác do Duyên giác thừa mà bát Niết-bàn. Chủng tánh Đại thừa do Đại thừa vô thượng mà bát Niết-bàn, đấy gọi là nhân tự chủng. Từ nhân dĩ hữu cho đến nhân tự chủng, gọi là nhân cộng sự. Chủng tánh không đầy đủ, không gặp được Phật ra đời, sinh chỗ có các nạn, không gần gũi bạn tốt, không nghe pháp thiện, không tư duy chân chánh, tập hành đạo tà, đấy gọi là pháp tịnh nơi nhân tương vi. Nhân tương vi nầy không đầy đủ, đó gọi là nhân bất tương vi. Các phiền não nơi nhân tương vi, là nhân của pháp tịnh. Pháp tịnh nơi nhân tương vi là nhân thanh tịnh, đều cũng như đây, không khác, không hơn.

Thế nào là quả? Lược nói có năm thứ: Một là quả báo. Hai là quả

y. Ba là quả giải thoát. Bốn là quả sĩ phu. Năm là quả tăng thượng. Các pháp bất thiện thì có báo đường ác, pháp thiện hữu lậu được báo đường thiện, đó gọi là quả báo. Nếu hành tập pháp bất thiện, ưa trụ trong pháp bất thiện, thì pháp bất thiện tăng. Nếu tu tập pháp thiện, ưa trụ trong pháp thiện, thì pháp thiện tăng trưởng. Nghiệp trước thế nào, quả sau sinh tương tự, đấy gọi là quả y. Tám chánh đạo diệt trừ các phiền não, gọi là quả giải thoát. Hoặc đạo lý thế tục diệt các phiền não, phàm phu không rốt ráo lìa bỏ, không phải quả giải thoát. Hoặc đối với hiện pháp, nương vào các thứ nghiệp công xảo xứ ở thế gian, các việc của sĩ phu, đó là mua bán, làm nông, quan lại cai trị, viết vẽ toán số, xem bói, ấn phong, mỗi mỗi đều có quả sinh, đó gọi là quả sĩ phu.

Nhãn thức là quả tăng thượng của nhãn căn, cho đến ý thức là quả tăng thượng của ý căn, sinh lý không hoại đó là quả tăng thượng của mạng căn. Tất cả hai mươi hai căn đều làm tăng thượng, đều có quả sinh, phải

biết đều là quả tăng thượng. Hai mươi hai căn nầy, về tăng thượng như nơi xứ Nhiếp sự đã nói. Bồ-tát như vậy biết Đức Phật hiển bày chánh nhân quả xong, đối với xứ phi xứ thì chủng tánh trí lực sẽ lần lượt tu tập, thanh tịnh tăng trưởng, chẳng phải không tạo tác khác tạo tác mà có được sự thành thục, cũng không phải nghiệp tự tạo tác, trải qua nhiều kiếp mà mất. Người tạo không mất, không tạo tác không thọ nhận. Phật đã hiển bày như vậy, Bồ-tát biết như thật về chủng tánh nơi trí lực, của tự nghiệp rồi, thứ tự tu tập, thanh tịnh tăng trưởng.

Thế nào là Bồ-tát cầu nghe pháp? Là Bồ-tát trụ ân cần cung kính cầu thuyết pháp thiện, ngữ pháp thiện, như thế lược nói, cầu thiện thuyết pháp trụ siêng năng cung kính trụ. Nếu Bồ-tát được nghe một thuyết pháp thiện, dù đường đi đến là đường ác, đại địa bị thiêu đốt, vẫn hãy còn hoan hỷ, từ trong đó vượt qua huống chi là nghe nhiều. Được nghe pháp một lần, hãy còn không luyến tiếc thân mạng luôn được yêu quý, huống gì là các tài sản khác. Một lần nghe thuyết pháp mà yêu thích cung kính, so với sự kính mến ở trước gấp trăm ngàn vạn lần, cho đến toán số ví dụ cũng không so sánh được. Nghĩa là nghe thuyết pháp thiện, tâm không chán đủ, tăng trưởng tịnh tín, thân kia êm dịu, tâm chính trực, thấy biết ngay thẳng, vui thích công đức sâu xa. Đến chỗ thuyết pháp tâm không trở ngại, cung kính trừ "mạn", chỉ cầu chánh pháp, không cầu danh xưng, vì mình và người mà tu các thiện căn, không vì lợi dưỡng. Đến chỗ thuyết pháp, nghe pháp với tâm không nhiễm ô, tâm không tán loạn. Tâm không nhiễm khi nghe pháp nghĩa là xa lìa phiền não tự cao, xa lìa phiền não như tưởng xem thường, tưởng hạ thấp. Có bảy hành xa lìa phiền não cao ngạo: Một là thường nghe. Hai là muốn lãnh thọ. Ba là nghe ngay. Bốn là cung kính mà nghe. Năm là không đùa giỡn. Sáu là tùy thuận. Bảy là không tìm cầu lỗi lầm. Bảy hành như vậy sẽ xa lìa phiền não cao ngạo. Có bốn hành xa lìa phiền não nơi tưởng xem thường: Một là cung kính pháp. Hai là cung kính người thuyết pháp. Ba là không xem nhẹ pháp. Bốn là không coi thường người thuyết pháp. Bốn hành như vậy sẽ xa lìa phiền não nơi tưởng xem thường. Một hành xa lìa phiền não nơi tưởng hạ thấp, đó là nghe nhận chánh pháp, không tự xem nhẹ việc nghe pháp. Dùng một hành nầy là xa lìa phiền não nơi tưởng hạ thấp. Xa lìa những lỗi như thế, để nghe nhận chánh pháp, đó gọi là Bồ-tát tâm không nhiễm khi nghe pháp.

Thế nào là tâm không loạn khi nghe pháp? Có bốn hành: Một là nhất tâm. Hai là nghiêng mình mà nghe. Ba là định ý. Bốn là hết mực chuyên chú vui thích nghe nhận chánh pháp. Đó gọi là Bồ-tát cầu nghe pháp.

Bồ-tát vì lý do nào mà cầu nghe pháp? Bồ-tát cầu Phật thuyết pháp, vì lãnh thọ chánh pháp, sau mới hướng đến chánh pháp, vì người khác giảng nói rộng.

Bồ-tát cầu Nhân luận là muốn biết chỗ sai lầm của luận kia, muốn hàng phục luận khác. Người chưa tin pháp Phật khiến sinh niềm tin, người sinh niềm tin rồi khiến thêm rộng lớn.

Bồ-tát cầu Thanh luận là rộng vì chúng sinh diễn nói lời chân chánh khiến họ ưa thích, vì làm trang nghiêm ý vị của từ, cú, ở trong một nghĩa được trang nghiêm với nhiều thứ ngôn từ.

Bồ-tát cầu Y phương luận là vì nhằm trừ các thứ bệnh cho chúng sinh, thâu nhận đại chúng. Bồ-tát cầu trí công nghiệp xứ của thế gian, vì ít phương tiện mà thâu hoạch được nhiều của cải tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Vì dạy cho chúng sinh đủ các thứ sự nghiệp, nên Bồ- tát cầu năm minh xứ như thế. Vì Bồ-đề vô thượng, đại trí rốt ráo viên mãn, chẳng phải không theo thứ lớp, học tất cả pháp để đắc trí hết thảy không chướng ngại, đó gọi là Bồ-tát đã tìm cầu theo như chỗ tìm cầu mà làm.

Bồ-tát vì người mà giảng nói là giảng nói cái gì? Giảng nói như thế nào? Vì lý do gì mà giảng nói? Bồ-tát như pháp đã cầu, như pháp ấy nói, như nghĩa đã cầu nghĩa, như nghĩa ấy nói. Vì hai lý do nên giảng nói, một là tùy thuận thuyết, hai là thanh tịnh thuyết. Tùy thuận thuyết là trụ nơi oai nghi như pháp mà thuyết giảng, không phải không như pháp, không vì người không bệnh ngồi ở chỗ cao mà thuyết giảng. Người che đầu, người đi trước, đều không vì họ mà giảng nói, như nơi kinh đã nói rộng. Vì sao? Vì chư Phật, Bồ-tát tự cung kính pháp, do cung kính pháp nên khiến cho các chúng sinh phát khởi sự cung kính sâu xa, nghe rồi thì phụng trì không khởi khinh mạn. Giảng nói tất cả, giảng nói không gián đoạn, không keo kiệt đối với pháp, không làm vị thầy mỏi chán, theo thứ tự nơi cú vị mà nói, theo thứ tự nơi cú vị mà lãnh thọ, theo thứ tự phân biệt mà nói về nghĩa lợi ích và pháp lợi ích. Đối với các thứ nghĩa lợi ích, chỉ bày điều cần chỉ bày, trao truyền điều đáng trao truyền, soi tỏ chỗ đáng soi tỏ, vui mừng việc đáng vui mừng, hiện trí, tỷ trí, nghe đầy đủ từ thầy, lại vì người mà giảng nói, luôn suy lường, nghe đầy đủ để thuận hướng về nẻo thiện, không giảng nói tạp loạn, phải khéo giảng nói, không nói ẩn giấu, theo sự thích hợp của mọi người vì họ giảng nói rộng, như nói bốn Thánh đế.

Mười lăm thứ nầy, Bồ-tát vì khắp chúng sinh tùy thuận khéo giảng nói, tất cả đều là lợi người, cần phải biết.

Lại nữa, Bồ-tát đối với người không tạo lợi ích cho mình nên trụ trong

tâm từ mà giảng nói. Với hành giả nơi nẻo ác thì trụ trong tâm an ổn mà giảng nói. Với chúng sinh khổ, vui, buông lung, nghèo thiếu, trụ trong tâm an lạc, thương xót mà giảng nói. Không do ganh ghét trói buộc để tự khen ngợi mình, chê bai người, lìa tâm tham chấp, không cầu danh lợi, vì người thuyết pháp. Năm thứ như vậy là Bồ-tát thanh tịnh nói pháp. Trước sau lược nói có hai mươi thứ: Một là thời. Hai là đốn. Ba là thứ lớp. Bốn là tương tục. Năm là nhẫn nại. Sáu là hoan hỷ. Bảy là dục. Tám là vui. Chín là mừng. Mười là không chê bai. Mười một là ứng hợp. Mười hai là văn tự đầy đủ. Mười ba là không xen tạp. Mười bốn là như pháp. Mười lăm là tùy chúng. Mười sáu là tâm từ. Mười bảy là tâm an. Mười tám là tâm thương xót. Mười chín là không tự khen mà chê người. Hai mươi là không nương vào danh lợi. Đó gọi là Bồ-tát vì người thuyết pháp.

Thế nào là Bồ-tát pháp tiếp pháp hướng? Lược nói có năm thứ: Như pháp mong cầu, như pháp đã thâu giữ, thân, khẩu, ý tùy chuyển, chánh tư và tu. Hoặc pháp nầy Đức Thế Tôn cấm thân khẩu ý làm, hoặc nghe cho thân, khẩu, ý làm, đối với nghiệp thân, khẩu, ý kia, như vậy là nên xa lìa, như vậy là nên tu tập, thân, khẩu, ý tùy chuyển, đấy gọi là pháp tiếp pháp hướng.

Chánh "tư" là Bồ-tát một mình ở chỗ thanh tịnh, như pháp đã nghe, tư duy, lượng tính, quán xét, trước hết xa lìa chỗ không tư lượng, tư lượng đối với pháp, siêng tư duy nhanh chóng, thường tư duy, tư duy nhanh, phương tiện không dừng. Bồ-tát đầy đủ chánh tư, đầy đủ hành tùy thuận nhập, có chỗ xả bỏ, dựa vào nghĩa, không dựa vào vị, nói tối nói sáng, Bồ-tát đều nhận biết như thật. Trước hết suy xét người nên nhập, người đã nhập rồi, luôn luôn tư duy. Bồ-tát lìa chỗ không tư lượng nghĩa là không theo tâm ngu, tâm loạn, mà siêng tư duy, thường tư duy nhanh chóng tư.

Phương tiện không dừng là với người chưa hiểu nghĩa, khiến được hiểu, hiểu nghĩa rồi khiến không quên mất. Đầy đủ là có chỗ nhập, chỗ hành, không do người khác, có khả năng quán xét đầy đủ. Có chỗ xả là nếu biết các pháp không phải là cảnh giới kia, thì nên tự nghĩ: Cảnh giới này Đức Phật vốn biết không phải là cảnh giới của ta, như vậy là không phỉ báng, tự không có tội lỗi. Bồ-tát dựa vào nghĩa không dựa vào vị là khéo hội nhập lời nói ẩn mật của Như Lai. Khéo biết về thuyết giảng ngầm, rõ nghĩa là đối với nghĩa chân thật, không hề dao động.

Bồ-tát khi mới nhập chánh tư, trước chưa đắc nhẫn, nay đã đắc nhẫn, đã đắc nhẫn rồi, vững chắc tùy thuận nhập vào tu tuệ. Tám thứ như vậy thuộc về chánh tư của Bồ-tát. Người tu pháp tiếp pháp hướng, lược nêu có

bốn thứ: Một là chỉ. Hai là quán. Ba là tu tập chỉ quán. Bốn là vui trụ chỉ quán. Chỉ nghĩa là tám thứ chánh tư của Bồ-tát, khéo chánh chân thật, thuyết pháp lìa ngôn từ, hoặc sự hoặc lý, buộc tâm trong duyên, xa lìa tất cả hư giả, nóng vội, và các sự nghĩ nhớ. Trong duyên giải thoát, buộc tâm an lập nơi tướng Tam-muội, nói rộng cho đến nhất tâm, đấy gọi là chỉ.

Quán nghĩa là chỉ kia luôn huân tu, nhớ nghĩ tư duy, như chánh tư duy nơi pháp tướng, ghi nhớ chọn lựa, cho đến "Minh-tuệ", đấy gọi là quán.

Tu chỉ quán nghĩa là nếu hành chỉ quán, thường tu phương tiện, chóng tu phương tiện, đấy gọi là tu tập chỉ quán. Vui trụ chỉ quán là nơi các tướng của chỉ quán, tâm trụ bất động, phương tiện bất động, có thể tự quán sát, ở nơi tâm đã thâu nhận không tán loạn, đấy gọi là vui trụ chỉ quán. Bồ-tát như vậy như vậy tu tập chỉ quán, như vậy như vậy ưa trụ chỉ quán, như vậy như vậy chỉ quán thanh tịnh, như vậy như vậy thân tâm khinh an dần dần tăng trưởng, như vậy như vậy quán thanh tịnh, như vậy như vậy tri kiến rộng thêm, như vậy như vậy hành tập. Người tu tuệ thân tâm lìa ác, biết được tất cả tri kiến thanh tịnh. Tất cả nghiệp tu tuệ đều từ bốn thứ tu như vậy sinh khởi.

Vì sao gọi là chánh giáo thọ? Lược nói có tám thứ chánh giáo thọ. Bồ-tát nương nơi Tam-ma-đề, dạy người tu hành, tâm không để sót. Bồ- tát dạy người, tức tự giáo thọ, như đối với các pháp Phật, trước phải biết bốn thứ cầu: Một là cầu tâm biết cầu tâm. Hai là cầu căn biết cầu căn. Ba là cầu hy vọng biết cầu hy vọng. Bốn là cầu sử biết cầu sử. Năm là tùy theo chỗ thích hợp dùng các loại môn độ mà độ thoát, đó là bất tịnh, tâm từ, phân biệt duyên khởi giới, niệm an-na-bát-na. Đấy gọi là tùy theo môn độ thích hợp mà độ thoát. Sáu là chấp biên thường, để đối trị nên nói trung đạo. Bảy là chấp biên đoạn, để đối trị nói trung đạo. Tám là trừ tăng thượng mạn không làm cho là làm, tăng thượng mạn không đắc cho là đắc, không xúc cho là xúc, không chứng cho là chứng. Tám thứ giáo thọ kia lược nói có ba chỗ thâu giữ. Ba chỗ nghĩa là trước tâm chưa trú, khiến buộc niệm trong duyên, tâm đã trú rồi, khiến được tự nghĩa, là đạo của chánh phương tiện. Người chưa rốt ráo khiến trụ trong xả, biết căn tâm kia hy vọng, kiết sử ấy tùy sự thích hợp với môn độ mà độ thoát, khiến tâm chánh trụ, buộc niệm trong duyên. Việc chấp đoạn, thường, để đối trị nên giảng nói trung đạo, khiến người trụ tâm thành tựu tự nghĩa, là đạo của chánh phương tiện. Tăng thượng mạn không làm cho là làm, cho đến tăng thượng mạn không chứng cho là; chứng, người chưa rốt ráo thì khiến trụ trong xả. Ba việc như vậy, gồm thâu tám thứ giáo thọ. Như vậy, Bồ-tát lãnh thọ sự chỉ dạy từ người

khác, truyền trao cho người xong, tám lực chủng tánh thanh tịnh tăng trưởng. Đó là: Trí lực thiền định, giải thoát, Tam-muội, chánh thọ. Trí lực của các căn lợi độn, trí lực của vô số hành giải, trí lực của vô số giới, trí lực hết thảy chí xứ đạo, trí lực túc mạng, trí lực sinh tử và trí lực lậu tận.

Thế nào gọi là giáo giới? Lược nói có năm thứ: Một là ngăn cấm hành giả có tội. Hai là hành giả vô tội thì đồng ý. Ba là hoặc cấm hoặc chấp thuận, người có thiếu giảm, như pháp nêu lên. Bốn là người luôn luôn vi phạm thì điều phục cho nhớ nghĩ. Năm là không vẩn đục, không biến hoại, thuần tịnh, chánh hướng, hoặc cấm, hoặc nghe pháp, công đức chân thật, thương mến, nhớ nghĩ, khen ngợi, khiến hoan hỷ, đó gọi là lược nói về năm việc giáo của giới Bồ-tát. Đó là: Hoặc cấm hoặc chấp thuận, hoặc nêu lên, hoặc điều phục, hoặc hoan hỷ.

Thế nào là Bồ-tát gồm thâu phương tiện nơi thân, khẩu, ý nghiệp? Lược nói Bồ-tát có bốn nhiếp sự, gọi là phương tiện. Như Đức Thế Tôn nói: Bốn nhiếp sự, gọi là phương tiện. Lược nêu bốn thứ phương tiện để điều phục chúng sinh, thâu giữ chúng sinh không có gì hơn. Một là tùy nhiếp phương tiện. Hai là nhiếp phương tiện. Ba là độ phương tiện. Bốn là tùy thuận phương tiện. Bồ-tát dùng các thứ tài thí, theo đó mà thâu phục chúng sinh, để không ai là không tin thọ vâng thuận tu hành. Đấy gọi là bố thí tùy nhiếp phương tiện. Tiếp theo là thực hành ái ngữ, khiến chúng sinh ngu si xa lìa chốn tối tăm, gồm thâu đầy đủ chỉ bày. Đấy gọi là ái ngữ nhiếp phương tiện. Nhiếp đủ, chỉ bày rồi, khiến chúng sinh xả bỏ xứ bất thiện, hiểu biết nhận lãnh chỗ thiện, điều phục lạc trụ. Đấy gọi là hành lợi độ phương tiện. Bồ-tát như vậy, dùng đồng sự tùy thuận độ thoát chúng sinh, cung kính điều phục, không khởi lời: Ông tự không tín giới, tuệ thí, đa văn, làm sao chỉ dạy cho người, nêu tội, cho niệm? Đấy gọi là đồng sự tùy thuận nhiếp phương tiện. Bốn thứ nhiếp phương tiện như vậy, hoặc chung hoặc riêng đều gọi là Bồ-tát nhiếp phương tiện nơi thân, khẩu, ý nghiệp… nhiếp phục chúng sinh, điều phục thành thục.

-oOo-

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 4

Phẩm 9: XỨ PHƯƠNG TIỆN THÍ

Lại nữa, Bồ-tát lần lượt hành trì đầy đủ sáu Ba-la-mật, đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là Bố thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, và Trí tuệ Ba-la-mật.

Thế nào gọi là Bố thí Ba-la-mật? Lược nói có chín thứ: Một là tự tánh thí. Hai là nhất thiết thí. Ba là nan thí. Bốn là nhất thiết môn thí. Năm là thiện nhân thí. Sáu là nhất thiết hành thí. Bảy là trừ não thí. Tám là đời nầy đời khác lạc thí. Chín là thanh tịnh thí.

Tự tánh thí nghĩa là Bồ-tát luôn kết hợp đầy đủ tư nguyện và vô tham, không tiếc của cải và thân mạng, khởi nghiệp thân khẩu, xả bỏ của cải mà bố thí, như pháp xả tài, trụ nơi xứ luật nghi, thấy quả đời vị lai, đem nghĩa như vậy thí cho chúng sinh, đấy gọi là tự tánh thí.

Nhất thiết thí, lược nói có hai thứ vật bố thí: Một là nội vật. Hai là ngoại vật. Bồ-tát xả bỏ thân mạng, gọi là nội thí. Nếu Bồ-tát được thức ăn nôn ra cho chúng sinh, ăn rồi nôn ra để bố thí, đó gọi là nội ngoại thí. Trừ những thứ trên đã nói, đấy gọi là ngoại thí. Bồ-tát nội thí lại có hai thứ: Một là theo chỗ mong muốn mà làm, tha lực tự tại, xả thân bố thí. Ví như có người vì cơm áo nên lệ thuộc người khác, làm kẻ giúp việc cho người khác. Bồ-tát như vậy, không vì lợi dưỡng, chỉ vì Bồ-đề vô thượng, vì sự an lạc cho chúng sinh, vì hành đầy đủ bố thí Ba-la-mật, là tùy việc muốn làm, tha lực tự tại, xả thân bố thí. Hai là tùy theo chỗ người cần, như đầu mắt, tay chân, các chi tiết như máu, thịt, gân, xương, cho đến tủy, não, theo sự mong cầu của họ tất cả đều ban cho. Bồ-tát ngoại thí lại có hai thứ: Một là theo sự cầu xin của kẻ kia, thọ dụng sự an vui đầy đủ, hoan hỷ ban cho. Hai là để phụng sự kẻ cầu xin nên tâm xả tất cả, bố thí tất cả.

Bồ-tát đối với nội ngoại vật chẳng phải là không sai khác, bình đẳng bố thí cho tất cả, hoặc có chỗ thí, hoặc có chỗ không thí. Nếu đối với chúng sinh vui thích nhưng không an ổn, không vui và không an, thì không thí

cho. Nếu đối với chúng sinh an ổn nhưng không vui thích, cũng an ổn, cũng vui thích, thì tất cả đều thí cho. Như thế là lược nói về nên thí, không nên thí, tiếp theo sẽ nói rộng. Nếu Bồ-tát bố thí khiến người thọ khổ, hoặc đến nỗi bức bách, hoặc bị xâm phạm, dối lừa và phi pháp, cầu tự lực, tha lực thì không thuận theo chỗ mong muốn. Bồ- tát luôn vì chúng sinh, thà tự xả bỏ trăm ngàn thân mạng, chứ không thuận theo sự mong muốn kia khiến họ phải chịu bức bách, tàn hại, xâm phạm, dối lừa. Bồ-tát tâm tịnh, tu hành bố thí, lúc tạo lợi ích cho vô lượng các chúng sinh, nếu có kẻ mong cầu về thân thể, như đầu, mắt, các chi tiết thì không thí cho. Vì sao? Vì chẳng phải là lúc Bồ-tát hành tịnh thí, khởi niệm: Đây là đáng cho, hoặc đây là không đáng cho, tâm sinh thối, kém, vì thế nên Bồ-tát dùng tâm thanh tịnh, không xả bỏ hiện tiền, vì lợi ích cho chúng sinh xả thân bố thí, dù không xả thân, cũng không trái tâm tịnh. Nếu ma thiên kia và những kẻ do ma sai khiến, muốn hành khủng bố để cầu các phần thân, thì không ban cho, vì không muốn họ mắc phải tội lớn. Hoặc có chúng sinh, hoặc cuồng hoặc loạn cầu xin phần thân, cũng không vì kẻ ấy mà xả thân mạng, vì tâm không tự trụ, vì tâm não loạn, do tâm không tự tại. Trái ngược với như trên đến cầu xin, nên tùy theo kẻ đó mong muốn mà xả bỏ thân mạng, đó gọi là Bồ-tát đối với nội vật nên thí, không nên thí.

Bồ-tát đối với ngoại vật không thí nghĩa là nếu có chúng sinh, tìm cầu độc dữ nơi lửa, đao, rượu, vì muốn tự hại mình, hoặc muốn hại người khác, thì không cho. Nếu để tự giữ mình, hoặc để thâu giữ người, thì sẽ ban cho. Hoặc là tài sản của người, trước không đồng ý, không đem bố thí cho người. Bồ-tát không làm môi giới đem đây trao cho kia, đồ ăn uống có sâu bọ đều không đem cho. Nếu có chúng sinh, vì muốn làm các trò vui đùa vô nghĩa không lợi ích, lại đến cầu xin, thì Bồ-tát không cho. Vì sao? Nếu bố thí cho, đối với Bồ-tát tuy họ ít hoan hỷ, nhưng lại khởi nhiều hành ác, khi thân hoại mạng chung sẽ rơi vào đường ác. Nếu vật dụng tạo vui thích, không rơi vào nẻo ác, không khởi thiện căn, nhưng khiến cho chúng sinh nhân đấy mà thành thục để thâu giữ, như thế thì nên cho. Cái gì nên cho, cái gì không nên cho? Đó là tạo việc săn bắt, sát sinh, tham chấp rất lớn, tạo phương tiện lớn giết nhiều chúng sinh, những điều như vậy Bồ-tát không làm, cũng không dạy bảo họ làm. Giết dê tế trời, cũng không ban cho. Người não hại chúng sinh đến cầu xin chỗ có nhiều chúng sinh ở dưới nước hay trên đất liền, thảy đều không ban cho. Muốn học làm lờ, lưới, các vật dụng để não hại chúng sinh ở thế gian, cũng không ban cho. Hoặc mắng, hoặc giết, hoặc trói, hoặc phạt, cũng không tự làm, cũng không bảo người làm, là oan gia, hoặc là con của oan gia, đều không thí cho. Nói tóm tắt tất

cả các vật dụng nhằm bức bách chúng sinh để được vui thích, đều không thí cho.

Hoặc lại các thứ như xe, voi, ngựa, y phục trang nghiêm, đồ ăn đồ uống ngon ngọt đầy đủ, hành tập ca múa với vô số các thứ vật dụng, hương hoa xoa thân, đồ quý trang sức nơi thân thể, vườn rừng, lầu gác, nhà cửa nam nữ, các thứ kỹ thuật, xứ nghiệp công xảo, như vậy tất cả các vật dụng tạo sự vui đùa thích thú, nhưng vì nhân duyên tin, ưa mà đến cầu xin, tất cả đều cho. Nếu chúng sinh không tự biết hạn lượng, không phải vì bệnh mà đòi hỏi đủ các thức ăn uống thì không thí cho. Nếu đã ăn no, tánh tham muốn được nữa, cũng không thí cho. Nếu có chúng sinh không thể chịu đựng sự lo buồn, muốn tự sát, ăn đồ độc, gieo mình vào núi đá, để làm những việc như vậy mà đến cầu xin, đều không thí cho. Nếu Bồ-tát làm vua, thống lãnh nhiều nước, không đem vợ con của người khác thí cho, trừ việc thu thuế nơi dân chúng, làng xóm thành ấp, thuộc về của mình, thì lấy ban cho. Bồ-tát thương yêu vợ con, người ăn kẻ ở, nếu phải ban cho người khác, khi ấy trước phải dùng lời dịu dàng, phương tiện khai dụ, nếu họ không ưa thích thì không ban cho, nếu ưa thích thì tùy theo chỗ thích hợp mà ban cho. Nếu có những tri thức ác, người ác, quỷ ác, những loại như vậy đến cầu xin, thảy đều không ban cho, cũng không thí cho những kẻ kia khiến làm nô tỳ. Nếu có người ác đến cầu ngôi vua, thì không ban cho. Hoặc người ác nầy trước đã làm vua, Bồ-tát có uy lực thì phế bỏ thoái ngôi. Cha mẹ, vợ con, nô tỳ, của cải, không đem cho người. Nếu do nơi bố thí mà cha mẹ lo buồn, vợ con tôi tớ nhân đó khổ não, những sự bố thí như vậy, Bồ-tát không làm. Của cải phi pháp không đem cho người, phàm vật bố thí phải thanh tịnh như pháp, không bức ép, mắng trách, lấy của cải của người để làm bố thí, không phạm giới Phật dạy mà thực hành bố thí.

Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh, đem tâm bình đẳng bố thí, tạo các tưởng về ruộng phước, cũng không phân biệt người oán, kẻ thân, kẻ không oán không thân, tạo công đức hay gây tội lỗi, là khổ, là vui, là hạng thượng, trung, hạ.

Bồ-tát không như chỗ cầu xin, chấp nhận rồi, sau đem cho một ít, cũng không trước chấp nhận cho vật tốt, sau cho vật thô xấu. Nếu cho vật tốt, tâm vẫn an vui, không hận không loạn. Bồ-tát cho rồi không nên tự khen ngợi là ta đối với ông, ân huệ rộng lớn. Nếu cho người thấp kém, không khởi tưởng khinh khi, huống chi mình lại có đức của bậc đáng cung kính. Nếu có chúng sinh trụ các hành ác, dao động, hủy giới, mắng nhiếc, sân hận, cũng không sinh tâm bực bội hối hận vì đã ban cho, vì mới ở chỗ

kia khởi tâm thương xót. Không đem tà kiến mà hành bố thí. Đó là đại hội sát sinh cầu pháp. Không vì hội vui mừng hiếm có mà hành bố thí. Không vì để thanh tịnh tất cả phần hành mà hành bố thí mong cầu lìa dục thế gian, xuất thế gian thanh tịnh, trừ khi vì phương tiện thanh tịnh mà hành bố thí. Không cầu quả báo mà hành bố thí. Tất cả bố thí đều đem hồi hướng về đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát tự biết, tất cả nhân duyên của các loại thí sẽ sinh tất cả loại quả báo như thật. Không do nơi người khác mà hành bố thí. Đó là bố thí thức ăn thì được sức lực, thí y phục thì được sắc, bố thí xe cộ thì được an vui, bố thí đèn thì được mắt sáng. Như vậy tất cả phải nên nói rộng.

Bồ-tát cũng không phải do sợ nghèo khổ mà hành bố thí, chỉ do tâm từ bi mà hành bố thí. Bồ-tát cũng không đem thức ăn không đúng như pháp bố thí để cho người đến cầu xin. Đó là bố thí cho người xuất gia thức ăn uống dư thừa, các thứ thức ăn bị ô uế do đại tiểu tiện, đàm dãi, máu mủ v.v… Không nói, không biết về cơm và cơm lúa mạch. Pháp nên lìa bỏ, nghĩa là không ăn hành những thứ có lẫn lộn hành, hành bị ô uế. Như thế cũng không ăn thịt, không uống rượu, các thứ nước có pha rượu, rượu bị ô uế. Trừ nghiệp như pháp hòa hợp, Bồ-tát đem thí cho người, tất cả những việc như vậy, nếu không như pháp bố thí thì không đem thí cho người. Bồ-tát không để cho người cầu xin phải luôn lui tới sinh phiền não vì trở ngại, sau đó mới thí. Bồ-tát không vì được dua nịnh mà hành bố thí. Đó là hoặc vua, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, những vị đàn việt nầy biết ta đã thí rồi, chắc chắn phải cung kính cúng dường ta. Không đòi hỏi kẻ khác làm người sai khiến mới bố thí. Có ít vật hãy còn bố thí, huống gì là được nhiều của cải. Không do bố thí để khởi tâm tham đắm vật của người khác, vì thế sinh hoạn nạn đến nỗi bị tiêu diệt. Không vì bố thí khiến người xa lìa thành ấp. Đó là dùng bố thí thâu giữ khiến kẻ kia lệ thuộc mình. Bồ-tát trí tuệ, tinh tấn không dừng, có khả năng thực hiện đầy đủ lời tự thệ trang nghiêm, trước tự hành bố thí, sau đó dạy người khác, không tự mình biếng nhác mà dạy người thực hành bố thí. Đối với tất cả đại hội trì giới, phạm giới, từ trên đến dưới lần lượt bình đẳng bố thí. Bồ-tát được của cải nhiều hay ít tùy theo đó mà xả, không đợi dồn chứa, sau đó mới thực hành bố thí, không vì sợ người mà hành bố thí. Đó là hoặc sân giận, hoặc đánh đập, hoặc trách mắng, hoặc chê bai, hoặc trói, giết, đuổi đi, không sợ những thứ như vậy mà hành bố thí. Bồ-tát lúc sắp bố thì tâm vui vẻ, khi bố thí thì hoan hỷ, bố thí rồi thì không hối hận, không đem những vật hư giả, tương tự ma ni, trân châu, kha bối, ngọc thạch, lưu ly, san hô để lừa gạt người.

Bồ-tát đối với tất cả của cải vật dụng mình có được, khi mới có nên

phát tâm xả ngay cho tất cả chúng sinh, về sau có người đến cầu xin vật thì Bồ-tát bố thí đúng lúc, chẳng phải không đúng lúc bố thí, mình và người đều tịnh thí, chẳng phải là không thanh tịnh, thí như oai nghi, chẳng phải là không oai nghi, tâm quyết định bố thí, chẳng phải là tâm không quyết định. Thấy người đến xin trọn không cười đùa, cũng không khinh chê, cũng không bực bội, trước nói lời khen ngợi sau đó thí cho, khi cầu xin thích hợp không gây trở ngại, nếu kẻ kia không cầu xin thì mở lòng tự cho, nếu kẻ kia tự đến thọ nhận thì tùy ý thí theo chỗ họ mong muốn.

Bồ-tát không đem trí ác mà hành bố thí, phải đem trí thiện tu hành nghiệp thí.

Trí tuệ thí nghĩa là Bồ-tát tự lượng tài vật nhiều hay ít, tùy theo sự thích hợp của kẻ cầu xin kia mà hành tuệ thí, thấy người đến xin liền khởi niệm: Người đến cầu xin có hai hạng người: Một là người giàu sang không phải người nghèo hèn, cũng không phải người cô độc không có chỗ nương tựa. Hai là người nghèo khổ, cô độc thấp kém. Nếu ta nhiều tài sản, thì sẽ giúp cho các kẻ kia đầy đủ, nếu tài sản ít, thì trước sẽ chu cấp cho người nghèo khổ thấp kém không nơi nương tựa. Khởi niệm rồi, như niệm mà ban cho. Đối với người giàu sang không thỏa mãn ý của họ, phải hết lòng nói lời nhận lỗi, xin nhân giả chớ sinh tâm giận.

Nếu thấy chúng sinh tham lam keo kiệt có tài sản vô lượng, tự rất quý thân nhưng không dám ăn mặc, Bồ-tát nên đến chỗ của kẻ kia cùng làm thân hữu, cùng khiến cho kẻ ấy đồng ý mà nói: Ông vì quá tham tiếc nên không thể bố thí. Nhà tôi có đến vô lượng tài sản, muốn thực hành đầy đủ bố thí Ba-la-mật, khắp vì tất cả chúng sinh đến cầu xin. Như có chúng sinh đến cầu xin ở ông, thì ông nên tới nhà tôi lấy của cải sẵn có để bố thí, chớ khiến họ trở về tay không. Nếu không tự đến được thì có thể sai người đến, khi tôi bố thí, ông nên tùy hỷ. Người kia nghe rồi lòng thật vui mừng, đối với mình không hao tổn mà người kia nhận được lợi ích. Do cùng Bồ-tát đồng gần gũi thân ái, nay tuy chưa thể tức thời hành bố thí, nhưng đã gieo trồng hạt giống xa lìa tham lam keo kiệt ở đời sau, theo đó lần lượt tu tập, tự biết là nguồn gốc. Dùng phương tiện thiện xảo, dạy bảo khiến bố thí một ít, nương vào hạng vô tham bậc hạ chỉ dạy khiến đến bậc trung, nương vào bậc trung chỉ dạy khiến đến bậc thượng.

Lại nữa, Bồ-tát nếu đối với Hòa-thượng, A-xà-lê, hoặc đệ tử ở chung, đệ tử cận trụ tu phạm hạnh thanh tịnh, tánh thọ tham lam keo kiệt, hoặc không tham lam keo kiệt, nhưng tài vật không đủ để hỗ trợ cho tâm bố thí. Bồ-tát đem tài vật của mình hướng đến Phật, Pháp, Tăng, nhằm bố thí làm

phước, xả bỏ, đem cho người kia, khiến họ tạo tác còn tự mình không làm. Bồ-tát như vậy phước đức càng tăng, khiến người tham lam keo kiệt hàng phục được phiền não. Kẻ thích tu pháp ấy cũng đủ nơi nguyện, như vậy là đã thâu nhiếp thành thục được chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát thấy người đến, có tướng cầu xin, biết tâm của họ như vậy rồi, không chờ phát lời mà tùy theo người kia cần gì, bố thí cho họ được đầy đủ.

Nếu khi có người buôn bán lừa gạt người khác, Bồ-tát thấy biết nhưng che giấu không nói. Kẻ kia tạo ra những hành ác lường gạt người khác hãy còn được che giấu (?) huống chi lại là tự thân (?). (Đoạn nầy không biết nói gì, theo nguyên văn bản Hán)

Muốn thỏa mãn mong nguyện kia, nên tùy ý đem cho của cải, kẻ kia không bị hổ thẹn rồi còn hoan hỷ, không lo sợ còn vui vẻ mà đi.

Nếu Bồ-tát bị người buôn bán kia lừa dối, trước không hiểu biết nên bị lừa, sau rồi mới biết, cũng không trách kẻ kia không khiến kẻ kia nhớ nghĩ, không muốn khiến kẻ kia phạm tội không cho mà nhận lấy, nên khởi tâm tùy hỷ. Những loại xả vật bố thí như thế, gọi là Bồ-tát trí tuệ bố thí.

Lại nữa, Bồ-tát khi không có của cải bố thí, nếu trước đã tạo ra các thứ công xảo ở thế gian, hoặc với sự nghiệp hiện tại, dùng ít phương tiện để được nhiều tài lợi, thì dùng đem bố thí cho chúng sinh. Nếu lại vì người khác mà thuyết pháp trang nghiêm, thuyết pháp tốt đẹp, thuyết pháp với tâm từ, thì người nghèo khổ nghe pháp còn hoan hỷ cúng dường, huống gì là người giàu có an vui, người keo kiệt không tham tiếc; huống gì là người thường ưa bố thí. Nếu có những trưởng giả, cư sĩ tín tâm, thường tu tập hạnh bố thí, của cải nhiều vô lượng, người cầu xin tìm đến thì khiến cho họ được lợi ích. Việc hành thí, việc tạo công đức của các vị kia, tự thân Bồ-tát đến giúp đỡ, có thể nhận lãnh đủ với tín tâm, nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, tùy theo sức của mình, Bồ-tát có thể giúp họ kinh doanh quản lý, khiến không gặp trở ngại. Với người cầu xin đông đủ, nếu thiếu sự, lực, thì việc bố thí khó thành. Nếu tùy theo bè nhóm, hoặc hành phi pháp, mất chánh niệm, những thứ như vậy, nếu Bồ-tát không có tài sản vật dụng, thì dùng trí tuệ ban cho, cho đến chưa được tâm tịnh. Bồ-tát tâm tịnh thì không đọa vào đường ác, đời đời được tài vật không cùng tận.

Lại nữa, Bồ-tát biết kẻ tà kiến cầu xin pháp đoản (pháp thiếu kém) thì không trao pháp cho kẻ đó, không cho kinh sách. Nếu người có tánh tham tài, mua bán kinh sách, thì cũng không thí cho. Hoặc được kinh sách ẩn tàng không hiện bày, thì nếu người kia không có sự hiểu biết về nghĩa,

thì không thí cho, còn như người ấy hiểu nghĩa trong kinh, như Bồ-tát đã tự hiểu nghĩa, thì liền đem kinh tùy theo sở thích của họ mà thí cho. Nếu chưa hiểu nghĩa, tự phải tu học. Nếu biết người kia có kinh như vậy, thì chỉ bày từ ngữ cho rõ nghĩa, hoặc lần lượt cho thêm sách đọc. Nếu không chỉ bày được lại không có sách, Bồ-tát phải tự quán tâm để thấy hoặc do sự keo kiệt về pháp đã trói buộc tâm, nên không thể bố thí, hoặc còn có điều gì nên không bố thí cho kẻ kia được? Tự quán như vậy rồi, nếu còn chút ít sự keo kiệt về pháp, nên đem ngay kinh sách mà cho, vì là pháp thí, ta đem pháp bố thí, thà đời nầy ngu si, câm điếc để trừ phiền não, cũng hãy nên bố thí, huống chi đó lại là phương tiện của trí tuệ cho vị lai. Khi quán như vậy, không còn một chút keo kiệt nào về pháp, Bồ-tát phải nên tự học: Ta vì đoạn trừ phiền não nên tu hành pháp thí. Vì nhằm đạt đầy đủ phương tiện của trí tuệ nên tu hành pháp thí. Vì thương nhớ chúng sinh nên tu hành pháp thí. Bồ-tát tự thấy bên trong không còn phiền não, thấy kẻ kia không cần sự bố thí, hiện tại được trí tuệ, ở đời vị lai tăng chuyển vô lượng, chẳng phải thí cho kẻ kia mà được công đức như vậy. Người thí kinh pháp, ở đời vị lai được ít pháp lợi, không bằng tự học trí tuệ khai tỏ, nay tuy không bố thí ắt hẳn cũng sẽ tạo an lạc cho tất cả chúng sinh. Bố thí trí tuệ cho họ, nên vì tất cả nay không thí cho, không vì một người để cho họ kinh sách. Biết như thật rồi, thì việc không thí cho kẻ kia không có tội lỗi, cũng không hối hận, vì không vượt qua giới cấm của Bồ-tát đã thọ.

Thế nào là Bồ-tát theo phương tiện không bố thí? Không nhẫn lời ngay thẳng, nhất định không cho, cần dùng lời dịu dàng mở bày sự hiểu biết, phát triển, tạo phương tiện là có nhưng không thể bố thí? Bồ-tát từ xưa đến nay đã cất chứa nhiều vật dụng, tất cả của cải, vật dụng ấy đều dùng tâm thanh tịnh đối với chư Phật, Bồ-tát trong mười phương xả bỏ để làm tịnh thí, ví như Tỳ-khưu đem y vật của mình ở trước Hòa-thượng, A-xà-lê, xã làm tịnh thí. Như vậy là đã tạo nhân duyên tịnh thí, được cất chứa vô lượng các loại của cải, cho nên gọi là Bồ tát trụ trong Thánh chủng, cũng được vô lượng công đức, thường tự nhớ nghĩ công đức như vậy, trong tất cả thời, luôn được tùy thuận lớn mạnh. Phàm là vật tịnh thí đã cất chứa, vì chư Phật, Bồ-tát nên nhận gởi, giữ gìn, nay thấy người đến cầu xin, quán sát người ấy có tướng thành tựu thì vật xả bỏ làm tịnh thí lúc trước, lấy đem cho họ. Chư Phật, Bồ-tát đối với chúng sinh không vật gì là không xả, làm như vậy là biết thỏa mãn ý của người cầu xin. Nếu quán sát người kia không có tướng thành tựu, thì đem pháp tịnh thí mà mở bày giải thích, nói: Nầy nhân giả! Vật ấy trước đã xả, đã có chỗ thuộc về. Lời nói dịu dàng khiến kẻ kia không đến nỗi oán hận. Hoặc đem vật khác gấp hai ba lần để bố thí,

tạo phương tiện như vậy, khiến kẻ kia biết Bồ-tát không vì keo kiệt mà không bố thí, hoặc do không tự tại nên không bố thí cho mình. Kinh pháp như thế là không thí cho, Bồ- tát hành pháp thí như vậy, gọi là trí tuệ thí.

Lại nữa, Bồ-tát bố thí tất cả, đó là tài thí, pháp thí và vô úy thí. So sánh tướng mạo của từng loại hoặc danh, hoặc nghĩa, phân biệt nhân quả, biết như thật rồi mới hành bố thí, đấy gọi là trí tuệ bố thí của Bồ- tát. Lại nữa, Bồ-tát đối với người không làm cho mình có lợi ích, luôn đem tâm từ mà bố thí, đối với người khổ não dùng tâm bi để bố thí, đối với người có công đức đem tâm hỷ để bố thí, đối với người đã tạo lợi ích cho mình, các thiện tri thức, người họ hàng thì dùng tâm xả mà bố thí, đó gọi là trí tuệ bố thí của Bồ-tát.

Lại nữa, Bồ-tát có chướng thí, đối trị chướng thí đều nhận biết như thật.

Chướng thí có bốn thứ: Một là trước không tu tập. Hai là chỗ vật dùng để thí ít. Ba là của cải tuy nhiều nhưng tham ái lại tăng trưởng. Bốn là thấy quả ở đời vị lai có đầy đủ của cải nên sinh tham chấp.

Trước không tu tập bố thí nghĩa là Bồ-tát thấy người chân thật cầu xin, mình có nhiều của cải mà không sinh tâm bố thí, phải biết đó là ta không tu tập bố thí, phải nhanh chóng hành trí tuệ, tư duy: Ta xưa kia chắc chắn không tu tâm thí, khiến ngày nay tuy có nhiều của cải, thấy người đến cầu xin mà tâm bố thí không sinh khởi, nay nếu không bố thí thì trong đời sau sẽ có chướng ngại nơi bố thí. Biết như vậy rồi, nương vào đối trị chướng thí mà thực hành bố thí, tức có thể lìa bỏ chướng ngại chẳng tu tập bố thí.

Chỗ vật dùng để thí ít nghĩa là Bồ-tát thấy người chân thật đến cầu xin, vật thí còn ít nên không muốn bố thí, do đó mà thành chướng thí. Phải nhanh chóng hành trí tuệ, khởi suy nghĩ: Thà an tâm với nghèo khổ, tất phải nên bố thí. Suy nghĩ như vậy rồi, đem tâm bi mà bố thí. Lại suy nghĩ: Ta từ xưa đến nay do nghiệp nhiều đời tạo lỗi lầm, nên người thì tự tại, còn ta đói lạnh khốn khổ, không thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, ta nay thà nhân đó mà mất mạng, đời nầy chịu khổ, nhưng cần phải hành bố thí, thâu giữ chúng sinh, không thể để cho người thọ nhận tâm không đầy đủ, huống gì là ngày nay ta đã có rau quả sinh sống, cần phải chịu khổ để hành bố thí.

Của cải tuy nhiều nhưng tham ái tăng trưởng, nghĩa là Bồ-tát thấy người chân thật đến cầu xin, do ý tham ái tăng thượng hết mực, nên đối với chỗ vật cần thí không sinh tâm bố thí. Lại nữa, Bồ-tát biết việc chứa giữ là có lỗi, nên chóng hành trí tuệ, khởi suy nghĩ: Ta ở trong khổ mà sinh tưởng vui, đến đời vị lai sẽ chịu khổ lớn, điên đảo như vậy làm sao biết, làm sao

đoạn. Khởi suy nghĩ như vậy rồi, có thể hành bố thí.

Thấy quả ở đời sau có tài sản nhiều sinh tham đắm, nghĩa là Bồ- tát đã thực hành bố thí rồi, đối với quả của bố thí được nhiều của cải, sinh kiến chấp về phước lợi, không thể chí cầu Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát nhận biết chấp về quả đã là tội lỗi, nên phải chóng hành trí tuệ, như thật quán xét chân chính, tất cả các hành đều không bền vững, niệm niệm hoại diệt, thọ dụng quả báo lại cũng như vậy, đều là pháp lìa tan hủy diệt. Khi quán như thế, thì đoạn được kiến chấp về quả, tất cả việc bố thí đều đem hồi hướng về Bồ-đề vô thượng. Đó gọi là Bồ-tát dùng trí tuệ đối trị bốn thứ chướng thí. Nên biết đấy là phân biệt nhẫn khổ, biết nhiếp phục điên đảo, quán các hành không bền vững, trí đối trị ba thứ ở trước, là chân chánh bố thí, trí đối trị một thứ sau là thâu nhận chánh quả. Đấy gọi là trí tuệ bố thí của Bồ-tát.

Lại nữa, Bồ-tát bên trong tâm tịnh, thuần hậu tín tịnh, tưởng giác thắng diệu, nên vô lượng vật thí, ý giải thí cho tất cả chúng sinh. Bồ-tát nầy dùng ít phương tiện nhưng sinh vô lượng công đức, nên trí tuệ Bồ- tát là đại trí tuệ thí. Đó gọi là lược nói pháp tùy thuộc của Bồ-tát có tài vật, không tài vật thí. Như thế: Pháp thí, phân biệt thí, tâm tịnh thí, trí tuệ đối trị chướng thí, bố thí với tâm tịnh, ý giải, gọi là bất cộng thí của Bồ-tát. Phải biết đó còn gọi là tất cả nội ngoại vật bố thí của Bồ-tát. Phân biệt rộng thì tất cả thí nêu trên, phải biết là loại khó thí.

Thế nào là khó bố thí của Bồ-tát? Lược nói có ba thứ: Bồ-tát có ít của cải phải tự nhẫn chịu nghèo khổ để bố thí cho người khác, đấy gọi là khó bố thí (nan thí) thứ nhất của Bồ-tát.

Hoặc Bồ-tát thật sự yêu vật, tánh ưa thích ái chấp, thói quen ái chấp đã lâu, nên tăng thêm đối với vật thí, do vậy mà khởi tham đắm tột bậc. Nhưng có thể tự khai mở hiểu biết để thí cho người khác, đó gọi là nan thí thứ hai.

Hoặc Bồ-tát siêng năng khổ nhọc đạt được của cải để đem thí cho người khác, đấy gọi là khó thí thứ ba của Bồ-tát.

Thế nào là nhất thiết môn thí của Bồ-tát? Lược nói có bốn thứ: Bồ-tát hoặc vật dụng của mình, hoặc khuyến người mà có được của cải, hoặc tự góp lại để bố thí, hoặc cha mẹ, vợ con, nô tỳ, kẻ giúp việc, hoặc thiện hữu, quan lớn, bà con, nếu họ cần gì thảy đều bố thí. Đấy gọi là lược nói bốn thứ nhất thiết môn thí của Bồ-tát.

Thế nào là thiện nhân thí của Bồ-tát? Lược nói có năm thứ. Một là Bồ-tát với tâm tín bố thí. Hai là cung kính bố thí. Ba là tự tay bố thí. Bốn là thời thí. Năm là không xâm chiếm của người mà bố thí. Đó gọi là thiện

nhân thí của Bồ-tát.

Thế nào là nhất thiết hành thí của Bồ-tát? Lược nói có mười ba loại: Một là không nương dựa mà bố thí. Hai là bố thí rộng. Ba là hoan hỷ bố thí. Bốn là thường thí. Năm là ruộng phước bố thí. Sáu là tất cả thí. Bảy là tất cả xứ bố thí. Tám là tất cả thời bố thí. Chín là bố thí vật vô tội. Mười là bố thí tất cả vật. Mười một là bố thí quốc độ. Mười hai là bố thí voi ngựa… Mười ba là bố thí lương thực. Mười ba thứ như thế gọi là nhất thiết hành thí của Bồ-tát.

Thế nào là trừ não thí của Bồ-tát? Lược nói có tám thứ: Một là Bồ-tát thấy người cần thức ăn uống thì bố thí cho thức ăn uống. Hai là người cần xe cộ cho xe cộ. Ba là người cần y phục cho y phục. Bốn là người cần đồ trang sức cho đồ trang sức. Năm là người cần các loại đồ dùng thảy đều bố thí cho. Sáu là kẻ cần tràng hoa, hương bột, hương xoa, tùy theo sự mong muốn của họ mà cho. Bảy là kẻ cần nhà cửa cho nhà cửa. Tám là người cần đèn sáng thì thí cho đèn sáng. Tám thứ như vậy gọi là trừ não thí của Bồ-tát.

Thế nào là đời nầy đời khác vui thí? Lược nói có chín thứ. Nghĩa là tài thí, pháp thí, vô úy thí. Tài thí nghĩa là thanh tịnh thắng diệu, như pháp điều phục sự keo kiệt, cất chứa cấu uế để tu hành bố thí. Điều phục sự keo kiệt cấu uế, là xả tâm chấp trước. Điều phục sự cất chứa cấu uế là xả bỏ thọ dụng chấp trước.

Vô úy thí nghĩa là đối với các thứ khủng bố như: sư tử, cọp, sói, vua, giặc, nước, lửa… phải cứu giúp, khiến chúng sinh được qua khỏi.

Pháp thí nghĩa là thuyết pháp không điên đảo, thuyết pháp đầy đủ, truyền trao cho người những giới cấm. Như thế là lược nói chín thứ bố thí của Bồ-tát, khiến các chúng sinh đời nầy đời sau đều được an lạc. Tài thí và vô úy thí phân biệt thì đời nầy được an lạc, pháp thí phân biệt thì an lạc cả đời nầy lẫn đời sau.

Thế nào là thanh tịnh thí của Bồ-tát? Lược nói có mười thứ. Những gì là mười? Một là không bị trở ngại. Hai là không có kiến giải dị biệt. Ba là không cất chứa. Bốn là không có tâm kiêu ngạo. Năm là không nương dựa. Sáu là không thoái chuyển, khiếp nhược. Bảy là không có tâm thấp kém. Tám là không bội diện. Chín là không cầu ân. Mười là không cầu báo.

Thí không bị trở ngại, nghĩa là Bồ-tát đối với người đến cầu xin phải thật nhanh chóng bố thí, không gây khó khăn, kịp thời thỏa mãn ý nguyện, vượt qua sự trông mong của họ.

Bố thí không có kiến giải dị biệt, nghĩa là Bồ-tát đối với sự bố thí

không khởi những nhận thức dị biệt, nói không có quả báo, không vì tổn hại chúng sinh mà bố thí, nghĩa là nói pháp ấy không bằng ở đây bố thí, cầu thế gian xuất thế gian thanh tịnh.

Bố thí không cất chứa, nghĩa là Bồ-tát không cất chứa của cải quá lâu, sau đó lại vội bố thí. Vì sao? Vì Bồ-tát có được những vật bố thí, thấy người đến cầu xin, có thể thí cho nhưng không cho, thấy không đúng như pháp, chẳng phải là không thí cho.

Thế nào là cất chứa rồi sau mới bố thí? Cũng chẳng phải cất chứa để bố thí cho phước thêm nhiều. Vì vật thí bình đẳng, người cầu cũng bình đẳng, tiệm thí đốn thí thì do nhân duyên gì mà thấy phước được có sai khác? Lại nữa, Bồ-tát thấy cất chứa để bố thí là có lỗi, không thấy tùy thí cũng có lỗi. Vì sao? Vì nếu cất chứa bố thí, người đến cầu xin trước, có khi đến số trăm mà không thí cho, khiến họ oán trách khởi tâm không nhịn chịu. Người đến xin sau sợ vật dồn chứa liền vội đem cho, vì thế Bồ-tát không cất chứa để bố thí.

Không có tâm kiêu ngạo bố thí, nghĩa là Bồ-tát đối với người cầu xin, đem tâm khiêm nhường mà bố thí, không thấy người hơn, đem tâm ganh đua mà bố thí, không vì bố thí mà tự khen ta là thí chủ, người khác không thể bằng.

Thí không nương dựa, nghĩa là Bồ-tát không vì tiếng tăm mà hành bố thí, đối với giả danh khen ngợi coi như hạt bụi.

Bố thí không khiếp nhược thối lui, nghĩa là Bồ-tát lúc sắp bố thí tâm vui thích, khi thí thì hoan hỷ, bố thí rồi không hối hận. Tài vật thêm nhiều thắng diệu bậc nhất, Bồ-tát nghe người khác bố thí rộng khắp, bố thí thù thắng, tâm không tự khinh, sinh tâm thối lui khiếp sợ.

Không có tâm thấp kém khi bố thí, nghĩa là Bồ-tát suy nghĩ nên đem vật tốt đẹp bậc nhất, hơn hết để bố thí. Đó gọi là không có tâm thấp kém khi bố thí.

Không bội diện bố thí, nghĩa là Bồ-tát tâm bình đẳng, không theo bè nhóm, kẻ oán, người thân, kẻ không oán không thân, dùng tâm từ bi bình đẳng mà bố thí.

Không cầu ân bố thí, nghĩa là Bồ-tát đem tâm thương xót để thực hành bố thí, đối với người thọ nhận không tính kể ân huệ với họ, thấy chúng sinh ưa thích dục lạc, như bị lửa thiêu đốt, không có uy lực để ra khỏi.

Thí không cầu báo, nghĩa là Bồ-tát bố thí rồi, không hy vọng đời sau của cải, thân mạng đầy đủ, quán tất cả hành thảy đều hoại diệt, thấy Bồ-đề vô thượng là phước lợi chân thật. Mười thứ như vậy, gọi là Bồ-tát thanh

tịnh, vui vẻ bố thí. Như thế, Bồ-tát dựa vào chín thứ bố thí mà hành đầy đủ bố thí Ba-la-mật, chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Phẩm 10: XỨ PHƯƠNG TIỆN GIỚI

Phần 1

Thế nào là giới Ba-la-mật của Bồ-tát? Lược nói có chín thứ: Một là tự tánh giới. Hai là nhất thiết giới. Ba là nan giới. Bốn là nhất thiết môn giới. Năm là thiện nhân giới. Sáu là nhất thiết hành giới. Bảy là trừ não giới. Tám là đời nầy đời khác lạc giới. Chín là giới thanh tịnh.

Thế nào là tự tánh giới? Lược nói bốn đức thành tựu, gọi là tự tánh giới. Những gì là bốn? Một là theo người chánh thọ. Hai là khéo thanh tịnh tâm thọ. Ba là phạm rồi liền sám hối. Bốn là chuyên tinh niệm trụ giữ vững không phạm. Theo người chánh thọ nghĩa là nhìn người ở bên ngoài, đối với tội đã phạm sinh tâm hổ. Khéo thanh tịnh tâm nghĩa là tự nhìn vào trong, đối với tội lỗi đã phạm sinh tâm thẹn.

Phạm rồi liền sám hối, chuyên tinh không phạm, như vậy là không phạm giới. Bồ-tát có hai lý do lìa hối, đó là Bồ-tát nương ở thọ giới, khởi tâm tịnh giới, khởi tâm hổ thẹn, do tâm hổ thẹn nên khéo có thể hộ giới, do hộ giới cho nên không hối. Hoặc thọ từ người khác, hoặc tâm tịnh thọ, đây là hai thứ thị pháp. Hoặc phạm mà hối, hoặc chuyên tinh không phạm, đây là hai thứ tùy pháp. Hoặc từ người khác thọ, hoặc tâm tịnh thọ, hoặc chuyên tinh không phạm, ba pháp nầy là Bồ-tát không hoại giới. Phạm rồi liền sám hối, nghĩa là hủy rồi trở lại như cũ. Nếu Bồ-tát thành tựu bốn đức, đó gọi là tự tánh giới, gọi là chân thật giới, mình và người đều an vui, rất nhiều an ổn, rất nhiều vui vẻ, thương xót thế gian, lợi ích cho cõi trời, người. Thọ giới thuận theo giới, phải biết là thâu nhận vô lượng, Bồ-tát với vô lượng giới tịnh, thâu giữ tất cả chúng sinh an vui, thành tựu quả báo lớn, được nhiều phước lợi, mau chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Thế nào là nhất thiết giới của Bồ-tát? Lược nói có hai thứ: Một là tại gia. Hai là xuất gia. Đó gọi là nhất thiết giới. Nhất thiết giới lại có ba loại: Một là giới luật nghi. Hai là giới nhiếp thiện pháp. Ba là giới nhiếp chúng sinh.

Giới luật nghi, nghĩa là bảy chúng đã thọ giới: Tỳ-khưu, Tỳ-khưu- ni,

Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di. Tại gia hay xuất gia là tùy theo sự thích ứng của họ, đấy gọi là giới luật nghi.

Giới nhiếp thiện pháp, nghĩa là Bồ-tát đã thọ giới luật nghi, trên tu đại Bồ-đề, thân, khẩu, ý thiện. Đấy gọi là lược nói tất cả giới nhiếp thiện pháp. Vì sao? Nghĩa là Bồ-tát nương giới trụ nơi giới, tu văn tuệ, tư tuệ, Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na, tu tuệ tịch tĩnh vắng lặng, cung kính sư trưởng, phụng sự lễ bái cúng dường, thấy người có bệnh hoạn, khởi tâm thương xót, chăm sóc cung cấp. Nghe người thuyết pháp khen: Lành thay! Người có công đức thật khen ngợi tán dương. Tất cả chúng sinh làm công đức gì, tâm nghĩ miệng nói đều vui vẻ tùy hỷ. Có người xâm phạm đều có thể nhẫn chịu, thân, khẩu, ý nghiệp đã làm đang làm, tất cả đều hồi hướng lên Bồ-đề vô thượng. Tùy thời tu tập các loại nguyện thù thắng, siêng năng tinh tấn cúng dường Tam bảo. Đối với các pháp thiện tâm không buông lung, niệm tuệ giữ gìn thân, khẩu tịnh giới, thâu giữ căn môn, ăn uống điều độ, đầu đêm cuối đêm chẳng tham ngủ nghỉ. Gần gũi người tốt, nương thiện tri thức, thường xét kỹ lỗi của mình, biết rồi không phạm, tùy theo chỗ phạm, đến nơi chư Phật, Bồ-tát và đồng hành như pháp sám hối. Những thứ hộ trì tu tập như vậy, nuôi lớn giới thiện pháp. Đấy gọi là giới nhiếp thiện pháp.

Giới nhiếp chúng sinh, lược nói có mười một thứ: Một là chúng sinh làm các việc lợi ích thảy cùng làm bạn. Hai là chúng sinh đã khởi, chưa khởi các khổ bệnh… làm người đến chăm sóc bệnh, để cùng làm bạn. Ba là vì các chúng sinh nói pháp thế gian xuất thế gian, hoặc dùng phương tiện khiến được trí tuệ. Bốn là biết ân báo ân. Năm là chúng sinh lo sợ các loại như: sư tử, cọp, sói, vua, giặc, nước, lửa, đều có thể cứu giúp, thấy chúng sinh có các nạn như bà con hay của cải tan mất, thì vì họ chỉ bày khiến xa lìa sự đau buồn. Sáu là thấy có chúng sinh nghèo khổ khốn cùng, thảy đều cấp cho, tùy theo kẻ kia cần gì. Bảy là đức hạnh đầy đủ, chân chánh nương dựa, như pháp nuôi chúng. Tám là trước nói lời an ủi, tùy lúc tới lui, cung cấp cho thức ăn uống, nói lời tốt đẹp ở đời, tiến dừng không thôi, qua lại tùy vật, những việc như vậy, chúng sinh khiến an ổn, thì thảy đều tùy thuận, nếu không an thì đều xa lìa. Chín là người có công đức đầy đủ, thì vui mừng khen ngợi. Mười là người có tội xấu, đem tâm từ hàng phục, quở trách, phạt đuổi, khiến cho kẻ kia sám hối sửa đổi. Mười một là dùng sức thần thông thị hiện trong đường ác, giúp các chúng sinh kia chán sợ các ác, vâng tu pháp Phật, hoan hỷ tin vui, sinh tâm hiếm có. Đó gọi là giới nhiếp chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, trụ nơi giới nhiếp thiện pháp,

trụ nơi giới nhiếp chúng sinh, khéo hộ trì giới, khéo hành nhiếp thiện pháp giới, tất cả hành giới nhiếp chúng sinh? Bồ-tát trụ Ba-la- đề-mộc-xoa giới luật nghi, xả bỏ ngôi vị Chuyển luân vương, xuất gia học đạo, không đoái hoài quả vị cao sang, coi như cỏ đất, xa lìa năm dục như bỏ đờm dãi, đời sau cho đến năm dục, ma thiên cũng không nguyện thích, trọn không vì những điều đó mà hành phạm hạnh. Tâm thường sợ hãi, thấy có lỗi đúng như thật, xả cái vui hiện tại như sợ mưa gió dữ, chánh kiến quán sát không tham đắm mùi vị, tánh ưa yên lặng, điềm tĩnh an vui, hoặc chỗ đông hoặc một mình tâm luôn an trụ. Trì giới không giới hạn, sinh tưởng biết đủ, nương giới trụ nơi giới tu tập chánh thọ của Bồ-tát, sinh khởi vô lượng công đức. Hoặc gần bốn chúng không nói phi pháp, ở chỗ vắng lặng không trụ giác ác, dù cho vừa khởi liền tự sám hối, thấy sâu chỗ lỗi, thấy lỗi rồi trở lại được bản tâm. Hoặc nghe Bồ-tát trụ nơi tất cả giới pháp, Bồ-tát đại địa vô lượng vi diệu, không thể nghĩ bàn, lâu xa khó hành, tâm không sợ hãi, cũng không biếng nhác thối lui, lại khởi niệm: Chư vị ấy cũng là trượng phu, có thể trì tịnh giới thân khẩu không thể nghĩ bàn của Bồ-tát. Ta cũng là trượng phu, ắt hẳn cũng như chư vị ấy, quyết định không ngại. Trụ ở giới luật nghi, Bồ- tát thường tự xét lỗi mình, không nhìn khuyết điểm của người, nếu thấy người hung bạo, tánh ác, tâm không sân hận mà khởi tâm pháp, tâm bi, thương xót, dùng phương tiện giúp được giải thoát. Trụ trong giới luật nghi, Bồ-tát ở chỗ chúng sinh không sinh tưởng khủng bố họ, huống gì lại gia hại. Trụ nơi giới luật nghi, Bồ-tát thành tựu năm thứ hành không buông lung, cùng với quá khứ, vị lai, hiện tại kết hợp, đã làm, đang làm. Bồ-tát nơi quá khứ đã phạm liền như pháp sám hối, đấy gọi là hành quá khứ không buông lung. Vị lai sẽ phạm phải như pháp sám hối, đấy gọi là hành vị lai không buông lung. Hiện tại đang phạm phải như pháp sám hối ngay, đó là hành hiện tại không buông lung. Như chỗ hành, như chỗ trụ, chuyên tâm gìn giữ, đấy gọi là hành đã làm, không buông lung. Nương hành đã làm mà không buông lung, như chỗ hành, như chỗ trụ, không khởi phạm giới, đấy gọi là hành sẽ làm, không buông lung. Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, công đức thì che giữ, việc ác thì tỏ bày, ít dục biết đủ, gắng nhẫn các khổ, không sinh lo buồn, tiến hay dừng đều an ổn, vững chắc, oai nghi rõ ràng, xa lìa các sự quanh co dua nịnh, tịnh tu chánh mạng. Bồ-tát thành tựu mười pháp như vậy, gọi là trụ nơi giới luật nghi. Bồ-tát trì giới, nghĩa là đối với năm dục quá khứ, tâm không luyến tiếc, đối với năm dục ở vị lai không sinh tưởng vui, đối với năm dục ở hiện tại không khởi tham đắm, vui nơi chốn vắng lặng không sinh tưởng đầy đủ, xa lìa ngôn ác, giác ác, tâm không tự khinh, an ổn vui trụ, khéo an nhẫn, không hề buông lung oai

nghi tịnh mạng.

Bồ-tát trụ nơi giới nhiếp thiện pháp, đối với thân mạng, của cải, nếu khởi lên một ít tham đắm, thì lập tức trừ diệt không cho tăng trưởng, hết thảy những việc như phiền não, nhân duyên phạm giới… nếu khởi lên, liền phải diệt trừ. Hoặc đối với chúng sinh khởi tâm giận dữ oán hại, liền phải trừ diệt. Hoặc khởi biếng nhác, cũng lập tức trừ diệt, nếu khởi vị tương ưng với thiền, liền phải diệt bỏ, phải biết như thật về năm xứ, nghĩa là quả thiện, nhân thiện, nhân quả thiện, điên đảo cùng không điên đảo, chướng pháp nhiếp thiện, đều nhận biết như thật. Bồ-tát thấy phước lợi của quả thiện nên cầu nhân thiện; điên đảo pháp nhiếp về thiện, thì biết như thật. Bồ-tát được thiện căn, không khởi kiến chấp vô thường, thường khổ có vui, bất tịnh ,tịnh, phi ngã, ngã, biết như thật, về chướng pháp nhiếp thiện, xa lìa pháp không nhiếp thiện, Bồ-tát thành tựu mười hành như vậy, gọi là trụ nơi giới nhiếp thiện pháp, chóng thâu nhiếp các pháp thiện và tất cả hành, đó là nương thí, nương giới, nương nhẫn, nương tinh tấn, nương thiền định, năm hành thành tựu trí tuệ. Bồ- tát trụ nơi giới nhiếp chúng sinh có mười một thứ, nơi mỗi một thứ thành tựu tất cả hành:

Một là chúng sinh đã tạo tác đều cùng đồng sự. Hoặc mới suy nghĩ và chỗ hành tác, đường đi qua lại, chánh nghiệp, phương tiện, giữ gìn của cải, hòa hợp tranh cãi, hoặc hội lành nơi thế gian, và các thứ phước nghiệp, đều cùng đồng sự.

Hai là đối với các việc khổ đều cùng làm bạn. Nếu thấy người tật bệnh thì chăm sóc cung cấp, thấy người mù phải dẫn dắt, người mê giúp tìm đường, người điếc dùng tay ra dấu khiến họ lãnh hội, người què thì phải cõng vác, người tham dục có các khổ vây quanh thì dạy bảo khiến họ xa lìa. Các cái sân giận, thùy miên, trạo, hối, nghi, những thứ khổ như vậy cũng khiến xa lìa. Giác dục, giác sân, giác hại, giác thân lý, giác quốc độ, giác bất tử, giác khinh lờn, giác dòng họ, đều dạy khiến xa lìa. Chúng sinh kiện tụng nhau không biết về khổ, có thể vì họ chỉ bày đường đi, mỏi yếu thì ban cho chỗ an ổn.

Ba là vì các chúng sinh thuyết pháp đầy đủ. Chúng sinh làm ác, nói trừ hành ác, câu thiện, vị thiện, nghĩa thiện, tùy thuận thông đạt làm tăng trưởng đạo phẩm. Hoặc dùng phương tiện giảng nói, vì chúng sinh ác, nói trừ hành ác. Nói pháp trừ keo kiệt, được quả báo hiện tại, ít chánh phương tiện nhưng được nhiều tài vật, được rồi giữ gìn. Người ganh ghét pháp, khiến sinh tin thích, thấy được "đế" thanh tịnh, lìa các đường ác, hết hẳn phiền não, diệt tất cả khổ.

Bốn là biết ân báo ân. Đối với người tạo lợi ích cho mình: Dùng tâm thiện và lời dịu dàng để hỏi han an ủi, khuyến dụ khen ngợi: Thiện lai! rồi lập tòa ngồi an ổn, tìm cách đáp đền lại hoặc bằng hoặc hơn, không để thua giảm. Các việc có làm thảy đều đồng sự. Chăm sóc kẻ bệnh khổ tùy thuận thuyết pháp, diệt trừ các thứ gây sợ hãi, lìa các điều lo phiền cho họ, nếu có thiếu thốn thì thí cho các vật dụng. Nương dựa như pháp, tùy thuận nơi tâm. Người có thật đức thì khen ngợi, vui mừng. Người có tội lỗi thì dùng tâm từ quở trách, điều phục, phạt đuổi khiến họ sửa đổi. Nêu rõ lực thần thông, tùy theo chỗ thích hợp mà thị hiện.

Năm là các chúng sinh sợ hãi phải vì họ cứu giúp. Đó là sự sợ hãi về sư tử, cọp, sói, vua, giặc, nước, lửa, nhân, phi nhân… tạo ra mọi sự khủng bố, thảy đều ra sức cứu giúp, khiến họ được an ổn. Hoặc thấy các chúng sinh, các hàng bà con quyến thuộc có những lo buồn do các nạn về tài sản. Hoặc trong bà con, thiện tri thức, các bậc sư trưởng tôn kính có người qua đời, hoặc của cải bị vua quan, giặc cướp đoạt, hay bị lửa cháy, nước cuốn, kho báu tiêu tan, sự nghiệp không thành, ép chia của riêng. Hoặc bà con xấu ác làm mất tài sản, tất cả đều vì họ giải bày, giúp xa lìa đau khổ.

Sáu là nếu thấy các chúng sinh tiền của sinh sống không đủ, thì cung cấp cho những thứ cần dùng như: thức ăn uống, y phục, thuốc thang, hương hoa, đèn đuốc, các vật dụng trang sức, nhà cửa, tiền bạc, người giúp việc, xe cộ v.v..., những thứ như vậy thảy đều thí cho.

Bảy là như pháp nuôi chúng: Trước là tạo chỗ y chỉ, đem tâm không tham, tâm thương xót, vì họ thuyết pháp, ban cho các vật cần dùng, nếu tự mình không có, thì từ nơi các cư sĩ, trưởng giả tín tâm kia cầu xin chu cấp. Theo đúng như pháp có được y phục, thực phẩm, thuốc thang, cho đến phòng nhà, cùng thọ dùng không cất chứa. Đem năm loại pháp tùy thời dạy bảo, đúng như trong phẩm Lực chủng tánh đã nói.

Tám là tùy thuận tâm người: Trước phải biết tánh và thể tánh của chúng sinh, nên cộng trụ thì cùng đồng ở, tùy theo chỗ thích hợp mà cùng theo làm việc. Lại, tùy thuận tâm là quán xét chỗ hành kia, nếu đem thân làm như thế, miệng làm như thế, khiến kẻ kia lo buồn không được thiện lợi, thì Bồ-tát không làm. Tuy khiến lo buồn nhưng đem lại điều tốt đẹp cho người thì Bồ-tát liền làm. Nếu Bồ-tát tự làm, thân làm, miệng làm, chẳng thuộc về giới, cũng chẳng phải là phương tiện công đức, trí tuệ, khiến cho kẻ kia lo phiền, không đem lại thiện lợi thì Bồ- tát không làm. Ngược lại với các điều nêu trên thì Bồ-tát nên làm. Như sinh buồn khổ, thì mừng, vui cũng như vậy, tùy theo sự thích ứng mà rộng phân biệt, nêu bày. Lại, tùy

tâm nghĩa là nếu thấy chúng sinh có sắc tướng sân hận, hãy còn không khen ngợi công đức của họ, huống hồ là nói điều xấu của họ, cũng không biết xin lỗi. Lại nữa, tùy tâm nghĩa là người không thưa hỏi an ủi mình, mình hãy còn đến an ủi thưa hỏi họ, huống gì là họ đã đến thưa hỏi an ủi mình mà mình không đáp lại, chỉ trừ khi răn dạy. Lại nữa, tùy tâm là không não hại người khác, trừ khi dùng tâm thương xót, các căn vắng lặng, quở trách đệ tử khiến cho điều phục. Tùy tâm còn có nghĩa là không cười cợt, không đùa bỡn quá đáng, khiến kẻ kia tủi hổ mà sinh nghi hối. Người ấy tuy không như vậy, nhưng không nên nói ông nay rơi vào chỗ thua rồi. Thấy người khiêm nhường cũng không tự cao. Tùy tâm cũng có nghĩa chẳng phải là không gần gũi quen biết, nhưng không gần gũi quá mức, không gần gũi quen biết trái thời. Lại nữa, tùy tâm là đối với người thân quen của người kia không nói lỗi người kia, đối với người oán của người kia không khen đức của người kia, người không thân thiện không cùng đồng sự, không tham muốn cầu nhiều, nếu có chỗ nhận giữ thì phải biết lượng biết đủ, nếu có người thỉnh mời không làm trái ý họ, nếu có sự hiềm trách thì như pháp hối tạ.

Chín là người thật có công đức thì khen ngợi, vui mừng. Người có lòng tin đầy đủ, thì khen ngợi công đức của tín. Giới, văn thí tuệ cũng lại như vậy.

Mười là nên quở trách. Quở trách để điều phục lỗi nhỏ, vi phạm nhỏ, đem tâm thương xót, dùng lời dịu dàng để quở trách. Lỗi phạm bậc trung dùng lời quở trách vừa phải. Lỗi phạm bậc thượng thì dùng lời thô nặng quở trách. Cũng như quở trách, điều phục, phạt đuổi cũng lại như vậy. Người phạm nhẹ và vừa, tùy thời đuổi đi, nếu trở lại thì cho cộng trú, vì để giáo hóa việc phạm giới và các người khác. Do tâm thương mến, lợi ích cho nên mới đuổi ra khỏi chúng. Người phạm nặng tội lớn, thì không ở chung, không ăn chung, cho đến khi đã cải hối cũng không cho ở chung. Do tâm từ bi nên không khiến kẻ kia ở trong pháp Phật khởi nhiều tội lỗi, cũng là để răn dạy các chúng sinh khác.

Mười một là Bồ-tát vì lợi ích nên hiện bày thần thông lực, hoặc khiến người sợ hãi, hoặc khiến người hoan hỷ. Với kẻ hiện làm việc ác thì hiện bày báo ác, đó là các xứ thuộc cõi ác như: địa ngục hàn băng, địa ngục biên … và nói với người kia: Ông nên xem đấy, người ở nhân gian làm ác phải sinh trong đó chịu vô lượng khổ, để họ thấy sinh sợ hãi, nhàm chán xa lìa hành ác. Bồ-tát ở trong đại chúng, thấy người bất tín hỏi việc không thèm trả lời, ngay lúc ấy hóa làm Kim Cang lực sĩ, cho đến các đại lực nơi chư

Thiên, quỷ thần mà khủng bố họ. Vì sợ hãi nên kẻ kia bỏ tâm kiêu mạn mà tin kính, chân thật trả lời. Ngoài ra, đại chúng khi nghe kẻ kia trả lời chân thật, cũng đều được điều phục. Lại dùng thần lực hiện một thành nhiều, hiện nhiều thành một, khiến cho kẻ kia vui vẻ, người chưa tin sinh tin, người phạm giới được thanh tịnh, người nghe biết ít được nghe biết nhiều, người keo kiệt có thể bố thí, người ngu si được trí tuệ. Như vậy là Bồ-tát thành tựu tất cả hành giới nhiếp chúng sinh. Đó gọi là ba thứ giới tụ, vô lượng công đức tụ của Bồ-tát.

-oOo-

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 5

Phẩm 10: XỨ PHƯƠNG TIỆN GIỚI

Phần 2

Bồ-tát muốn học giới luật nghi, giới nhiếp pháp thiện, giới nhiếp chúng sinh của Bồ-tát, hoặc tại gia, hoặc xuất gia, đã phát nguyện Bồ- đề vô thượng, đối với Bồ-tát đồng pháp, người đã phát nguyện, có trí có lực, ngữ thiện nghĩa thiện, có thể tụng trì. Bồ-tát như vậy, trước là lễ nơi chân cung kính khởi thưa: Con tên là… nay ở trước Đại đức xin thọ giới Bồ-tát. Đại đức đối với con không quản cực nhọc, thương xót đồng ý cho. Thỉnh như vậy rồi, trịch áo vai phải, hướng đến chư Phật ở ba đời mười phương và chư vị Bồ-tát khắp đại địa, cũng thỉnh đảnh lễ nhớ nghĩ công đức của các Ngài. Khởi tâm thuần tịnh hạ, trung, thượng, ở trước tượng Phật khiêm hạ, cung kính, cúi mình quỳ dài, ở trước bậc trí thưa: Duy nguyện Đại đức trao truyền giới Bồ-tát cho con.

Thưa như vậy rồi, một lòng suy niệm an trụ nuôi lớn tâm tịnh: Ta nay không lâu sẽ được tụ đại công đức vô tận, vô lượng, vô thượng. Nghĩ như vậy rồi, lặng yên mà đứng. Bấy giờ, đối với người thọ nhận kia, Đại đức không khởi tâm loạn động, hoặc ngồi hoặc đứng mà dạy: Nầy thiện nam tên là…! Hãy nghe kỹ: Pháp đệ, ông có phải là Bồ-tát không? Đáp: Dạ phải. Phát nguyện Bồ-đề chưa? Dạ đã phát. Hỏi rồi, Đại đức nói: Thiện nam! Ông muốn ở nơi ta lãnh thọ tất cả giới Bồ-tát, giới luật nghi, giới nhiếp pháp thiện, giới nhiếp chúng sinh. Các giới nầy là giới mà tất cả Bồ-tát trong đời quá khứ, hiện tại và vị lai đã trụ, tất cả Bồ-tát đời quá khứ đã học, tất cả Bồ-tát đời vị lai sẽ học, tất cả Bồ-tát đời hiện tại đang học, ông có thể thọ không? Đáp: Dạ được. Lần thứ hai, thứ ba, cũng nói như vậy.

Đại đức hỏi ba lần là đã truyền trao giới cho người kia rồi. Người lãnh thọ giới pháp không đứng dậy. Bấy giờ, Đại đức ở trước tượng Phật, kính lễ các chúng Bồ-tát trong mười phương thế giới và thưa: Bồ- tát tên là…, ở trước con ba lần nói đã lãnh thọ giới Bồ-tát, con vì họ tác chứng: Thứ nhất: Chư Phật, Đại sư Vô thượng, đối với tất cả chúng sinh, tất cả pháp, hiện tri kiến biết cho. Vị Bồ-tát mới thọ giới cũng bạch như vậy. Lần

thứ hai, thứ ba cũng bạch như thế. Như vậy là thọ giới Bồ-tát xong, tiếp theo là trước vô lượng chư Phật, chư Bồ-tát đại địa ở tất cả thế giới trong mười phương, pháp có tướng hiện. Bấy giờ, chư Phật, Bồ- tát trong mười phương thế giới, nhớ nghĩ đến Bồ-tát nầy, khởi tri kiến như thật, bảo với các đại chúng: Trong thế giới tên… có người tên…, theo Bồ-tát tên…, thọ giới Bồ-tát, đối với Bồ-tát nầy hãy khởi tưởng là em, là con, đem tâm từ thương nhớ, khiến Bồ-tát ấy, pháp thiện tăng trưởng, trọn không giảm mất. Bạch như vậy, hiểu biết như vậy, là đã thọ giới Bồ-tát xong. Đại đức và giới tử hướng đến chư Phật và Bồ-tát trong mười phương kính lễ mà lui. Như vậy Bồ-tát đã thọ giới luật nghi. Đối với tất cả giới luật nghi khác, giới nầy là tối thắng tối thượng, thâu nhận vô lượng vô biên công đức, đã từ tâm chân thật vô thượng bậc nhất phát khởi. Đó là nhất thiết chủng trí đối trị hành ác của hết thảy chúng sinh. Giới Ba-la-đề-mộc-xoa, đối với giới luật nghi nầy, trăm phần không bằng một, trăm ngàn vạn phần cho đến toán số rất nhỏ, ví dụ cũng không bằng một. Giới ấy thâu nhận tất cả các công đức. Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, phải suy nghĩ: Như pháp thì thực hành, phi pháp không thực hành, công đức chuyển tăng, Bồ-tát học giới, nghe tạng Tu-đa-la nói, và tạng Ma-đắc-lặc-già của Bồ-tát nói, phải siêng năng hộ trì. Bồ- tát có trí không theo tất cả Bồ-tát thọ giới Bồ-tát. Nếu là người không tin, thì không theo thọ. Nghĩa là ban đầu khi nghe giới Bồ-tát không tin, không thuận, không thể tư duy. Người keo kiệt, người tham lam, người đa dục, người không tri túc, người phá giới, người chậm chạp, người không hộ giới, người sân, người hận, người không hành nhẫn, người mệt mỏi, người biếng nhác, người tham ngủ nghỉ, người ưa nói việc đời, những người như vậy đều không theo để thọ. Hoặc có Bồ-tát tu tập tâm thiện, cho đến chỉ trong một thời gian ngắn, người không uống rượu, người không ngu si, người không hèn yếu, người không nghe ít, người không hủy báng tạng Tu-đa-la của Bồ-tát, nên theo những người như thế để thọ giới Bồ-tát. Bồ-tát thọ giới Bồ-tát mà phỉ báng, trái ngược với tạng Bồ-tát, thì không hướng đến kẻ ấy giảng nói, cũng không chỉ dạy nghĩa. Vì sao? Vì kẻ kia nghe rồi không tin, không biết ngăn giữ lại sinh phỉ báng kẻ hủy báng như vậy, nếu thọ giới Bồ-tát, có vô lượng công đức tụ, thì người phỉ báng sẽ mắc tội báo cũng lại như thế. Cho đến ngôn ác, kiến ác, giác ác, trọn không lìa bỏ. Bồ-tát tạo nghiệp tội như thế, khi muốn thọ giới Bồ-tát, người trí nên phải vì họ nói rõ về tạng Ma-đắc-lặc-già, nói rõ về giới Bồ-tát và các tướng phạm giới, khiến người thọ giới, tự tâm quán sát, trí tuệ suy nghĩ xem mình có thể thọ giới không, chứ không phải bắt chước người mà thọ. Đấy gọi là Bồ-tát vững chắc, người như vậy nên thọ giới Bồ-tát.

Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi ấy, có bốn xứ pháp Ba-la-di. Những gì là bốn? Bồ-tát vì tham lợi nên tự khen ngợi đức mình, chê bai người khác. Đấy gọi là xứ pháp Ba-la-di thứ nhất. Bồ-tát tự có của cải mà tánh keo kiệt, chúng sinh nghèo khổ không chỗ nương dựa, tìm đến cầu xin không khởi tâm bố thí cho vật cần dùng, muốn nghe pháp cũng keo kiệt không nói. Đó gọi là xứ pháp Ba-la-di thứ hai. Bồ-tát sân hận, phát ra lời nói thô, ác, ý vẫn không dừng. Lại dùng tay đánh hoặc gia thêm gậy đá, tàn hại khủng bố, sân hận thêm nhiều. Người phạm tội đến cầu xin sám hối không nhận sự sám hối của kẻ kia, kết hận không xả. Đó gọi là xứ pháp Ba-la-di thứ ba. Bồ-tát phỉ báng tạng Bồ-tát, nói pháp tương tự, đối với pháp tương tự, hoặc tâm tự hiểu, hoặc thọ nhận từ người khác. Đó gọi là xứ pháp Ba-la-di thứ tư.

Như vậy, Bồ-tát đối với bốn xứ pháp Ba-la-di, phạm mỗi một pháp đều gọi là phạm xứ pháp Ba-la-di, huống gì là phạm bốn! Hiện pháp không thể tăng rộng, tâm tịnh hiện tại trang nghiêm Bồ-đề cũng không thể tăng rộng. Đấy gọi là Bồ-tát tương tợ chứ không phải Bồ-tát chân thật.

Bồ-tát do phiền não phẩm hạ, trung, phạm bốn pháp nầy, không gọi là xả giới luật nghi, nếu do phiền não bậc thượng mà phạm, thì gọi là xả. Nếu bốn pháp luôn luôn vi phạm không sinh hổ thẹn, lại hoan hỷ yêu thích, nói là công đức, đó gọi là phạm tội do phiền não phẩm thượng. Bồ-tát không có phạm tức thì bốn xứ pháp Ba-la-di xả giới luật nghi của Bồ-tát. Như Tỳ-khưu xả giới luật nghi, Bồ-tát mất giới luật nghi rồi, có thể gắng thọ lại, không phải như Tỳ-khưu phạm giới Mộc- xoa rồi thì không được thọ lại. Có hai lý do mất giới luật nghi của Bồ- tát: Một là xả bỏ nguyện Bồ-đề vô thượng. Hai là khởi phiền não tăng thượng rồi phạm. Không có bỏ thân thọ thân mà mất giới Bồ-tát, cho đến chỗ thọ sinh trong mười phương cũng lại không mất. Nếu Bồ-tát không bỏ đại nguyện, không phạm do phiền não phẩm thượng, thì khi xả thân thọ thân, tuy không nhớ nghĩ, nhưng theo thiện tri thức, thường được thọ lại, giống như là bản giới, không gọi là mới được.

Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi nầy, phải biết thế nào là phạm, không phạm, nhiễm ô, không nhiễm ô nơi bậc hạ, trung, thượng.

Nếu Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, trong một ngày một đêm, đối với Phật tại thế, hoặc đối với tháp miếu Phật, hoặc Pháp, hoặc kinh quyển, hoặc tạng Tu-đa-la của Bồ-tát, hoặc tạng Ma-đắc-lặc-già của Bồ-tát, hoặc Tỳ-khưu Tăng, hoặc chúng Đại Bồ-tát trong mười phương thế giới, nếu không ít nhiều cúng dường cho đến chỉ một lạy, không dùng một kệ khen ngợi công đức của Tam bảo, thậm chí không có được một niệm tâm tịnh, đấy

gọi là phạm, là phạm rất nhiều. Hoặc phạm do không cung kính, hoặc biếng nhác, trễ nải, phạm nầy thì khởi nhiễm ô. Nếu phạm do quên lầm, thì phạm nầy nhiễm ô chẳng khởi.

Không phạm thì nhập tâm tịnh nơi địa Bồ-tát, như đắc tịnh bất hoại. Pháp thường của Tỳ-khưu là cúng dường Tam bảo. Nếu Bồ-tát nhiều tham dục, không biết đủ, tham đắm của cải, đấy gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Không phạm là đoạn trừ hết thảy các thứ kia. Khởi phương tiện dục, thâu nhận đối trị, vì tánh của phiền não nhanh nhạy lại luôn luôn khởi.

Nếu Bồ-tát thấy những bậc Thượng tọa có đức, phải nên cung kính xem như người đồng pháp, chớ đem tâm sân hận, kiêu mạn không khởi sự cung kính, không nhường chỗ cho vị kia, thưa hỏi thỉnh pháp lại không trả lời. Đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu biếng nhác, lười trễ, hoặc tâm vô ký, hoặc phạm do quên lầm, phạm nầy nhiễm ô chẳng khởi. Không phạm là hoặc cuồng hoặc bệnh nặng, hoặc tâm loạn, hoặc khi ngủ y là thức, thưa hỏi thỉnh pháp đều không trả lời, đó gọi là không phạm.

Hoặc lên tòa thuyết pháp, hoặc khi quyết định bàn luận, hoặc tự thuyết pháp, hoặc nghe pháp, hoặc tự quyết định khi bàn luận, hoặc nói pháp giữa đại chúng, hoặc quyết định luận bàn trong chúng. Hoặc tâm hộ người giảng nói, hoặc dùng phương tiện khiến kẻ kia điều phục, xa lìa bất thiện, tu tập pháp thiện, hoặc hộ tăng chế, hoặc hộ ý cho nhiều người.

Bồ-tát có đàn việt đến thỉnh, hoặc đến phòng riêng, hoặc đến trong chùa, hoặc đến các nhà khác, hoặc thí y phục thức ăn, các thứ vật dùng, Bồ-tát do tâm sân mạn, không đến không nhận, đấy gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Không phạm là khi bị bệnh, hoặc không có sức, hoặc cuồng, hoặc chỗ quá xa, hoặc đi đường sợ nạn, hoặc biết không thọ nhận sẽ khiến người kia được điều phục, bỏ ác trụ thiện. Hoặc trước đã thọ nhận lời thỉnh của người khác, hoặc tu pháp thiện không muốn tạm bỏ, hoặc vì muốn được nghe nghĩa pháp lợi ích chưa từng có, hoặc cầu quyết định bàn luận, hoặc biết người thỉnh lừa dối não hại, hoặc lo hộ nhiều người có tâm hiềm hận, hoặc hộ tăng chế.

Nếu Bồ-tát có đàn việt đem các thứ vật quý như: vàng, bạc, chân châu, ma ni, lưu ly dâng cúng cho Bồ-tát, Bồ-tát do tâm sân mạn trái nghịch không nhận, đấy gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô, vì đã bỏ chúng sinh. Nếu phạm do biếng nhác trễ nải, thì không khởi nhiễm ô. Không phạm là khi bị cuồng, hoặc biết thọ rồi chắc chắn sinh tham đắm.

Hoặc biết thọ rồi thí chủ sinh hối hận. Hoặc biết thọ rồi thí chủ sinh nghi hoặc. Hoặc biết thọ rồi thí chủ sẽ nghèo khổ. Hoặc biết vật nầy là vật của Tam bảo. Hoặc biết vật nầy là do cướp đoạt mà được. Hoặc biết nhận rồi sẽ có nhiều khổ não. Đó là của cải do giết hại, trói buộc, trị phạt, cướp đoạt, bị quở trách.

Nếu có chúng sinh đi đến chỗ các Bồ-tát muốn được nghe pháp, nhưng do sân giận, keo kiệt ganh ghét, các Bồ-tát không vì họ giảng nói, ấy gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, lười trễ thì không khởi nhiễm ô. Không phạm là khi ngoại đạo tìm kiếm chỗ thiếu sót của mình, hoặc bệnh nặng, hoặc bị cuồng. Hoặc biết không giảng nói khiến kẻ kia điều phục. Hoặc chỗ tu pháp chưa khéo giảng nói không lợi. Hoặc biết người ấy trước không thể kính trọng, tùy thuận oai nghi nghiêm chỉnh. Hoặc kẻ kia độn căn nghe pháp sâu xa sẽ sinh tâm lo sợ. Hoặc biết chắc nghe rồi thì tăng trưởng tà kiến. Hoặc biết nghe rồi sẽ hủy báng, sẽ lùi mất. Hoặc sợ kẻ kia nghe rồi đến chỗ người ác nói để phá hoại chánh pháp. Nếu Bồ-tát đối với chúng sinh hung ác phạm giới lại dùng tâm sân hận làm cho họ tự bỏ, hoặc ngăn cản khiến cho bỏ, mà không là người giáo hóa, đấy gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác lười trễ, hoặc phạm do quên ngăn cản người thì phạm nầy chẳng khởi nhiễm ô. Vì sao? Vì Bồ-tát đối với người ác, chỗ khởi tâm từ bi sâu xa hơn là đối với người thiện. Không phạm là hoặc bị cuồng, hoặc biết không nói sẽ khiến kẻ kia điều phục, hoặc lo hộ cho nhiều người hiềm hận, hoặc hộ tăng chế.

Bồ-tát ở trong Ba-la-đề-mộc-xoa của Như Lai, theo Tỳ-ni kiến lập già ngăn tội, giúp đỡ chúng sinh, khiến người không tin sinh tâm tin, người tin rồi thì thêm rộng lớn, là đồng Thanh văn học. Vì sao? Vì Thanh văn thậm chí là tự độ, không thể độ người, vẫn có thể khiến người không tin sinh tin, người tin rồi thêm tăng trưởng học giới, huống gì là Bồ-tát chính là đệ nhất nghĩa độ. Lại nữa, trụ nơi già tội, ít lợi, ít tạo tác, ít phương tiện, Đức Thế Tôn vì hàng Thanh văn mà kiến lập, Bồ-tát không đồng học giới nầy. Vì sao? Vì Thanh văn là tự độ, bỏ người, nên trụ chỗ ít lợi, ít tạo tác, ít phương tiện. Bồ-tát tự độ lại còn độ người khác nên trụ nơi chỗ ít lợi, ít tạo tác, ít phương tiện, Bồ-tát vì chúng sinh nên theo các vị Bà-la-môn, cư sĩ không thân quen, cầu xin trăm ngàn y và tùy ý thí cho. Bồ-tát nên quán sát thí chủ có thể hay không thể cho, tùy theo sự cúng dường nên thọ nhận. Như y, bát cũng vậy. Như y, bát, Bồ- tát tự cầu xin tơ sợi, khiến người thợ dệt, không phải là bà con dệt cũng vậy. Do vì chúng sinh, nên có thể cất chứa trăm ngàn kiều-xa-da, trăm ngàn ngọa cụ, tọa cụ, cho đến vàng, bạc,

cũng nên thọ nhận. Những chỗ trụ như vậy, ít lợi, ít tạo tác, ít phương tiện, Thanh văn là già tội, Bồ-tát thì không cùng học trụ. Giới luật nghi của Bồ-tát là vì các chúng sinh, nếu Bồ-tát có tâm hiềm hận trụ nơi ít lợi, ít tạo tác, ít phương tiện, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác lười trễ, do trụ ít lợi, ít tạo tác, ít phương tiện, thì phạm nầy không khởi nhiễm ô. Nếu Bồ-tát thân khẩu quanh co dua nịnh, hoặc hiện tướng, hoặc chê bai, hoặc do lợi cầu lợi, trụ pháp tà mạng, không có tâm hổ thẹn, không thể lìa bỏ, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Không phạm là nếu vì nhằm đoạn trừ nên khởi phương tiện dục, phiền não tăng lên, lại luôn luôn khởi. Nếu Bồ-tát có tâm trạo cử, không vui thích tĩnh lặng, lớn tiếng đùa giỡn, khiến người khác vui thích, tạo ra nhân duyên ấy, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do quên lầm, thì không khởi nhiễm ô. Không phạm là vì nhằm đoạn trừ khởi phương tiện dục như trước đã nói. Lại không phạm là hoặc người khác khởi hiềm hận, muốn khiến dừng lại, hoặc người khác do buồn muốn khiến dứt. Hoặc người khác tánh ưa đùa giỡn, vì nhằm thâu giữ kẻ kia, nên muốn đoạn trừ, vì nhằm giúp đỡ, nếu kẻ khác nghi ngờ hiềm hận, trái ngược với dung mạo đùa giỡn thì Bồ-tát hiện tâm tịnh.

Bồ-tát khởi kiến như vậy và nói như thế nầy: Bồ-tát không nên ưa thích Niết-bàn, nên từ bỏ Niết-bàn, không nên sợ phiền não, không nên nhất mực nhàm chán xa lìa. Vì sao? Vì Bồ-tát nên ở trong ba A-tăng-kỳ kiếp, thọ sinh tử lâu xa cầu đại Bồ-đề. Khởi nói như vậy, gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm ấy khởi nhiễm ô. Vì sao? Vì Thanh văn rất ưa thích Niết-bàn, chán sợ phiền não trăm ngàn vạn lần, không bằng Bồ- tát ưa thích sâu xa về Niết-bàn, chán sợ phiền não. Nghĩa là các Thanh văn chỉ vì tự lợi, Bồ-tát thì không như thế, khắp vì chúng sinh, Bồ-tát hành tập tâm không nhiễm ô, hơn hẳn A-la-hán thành tựu hữu lậu, xa lìa các phiền não.

Nếu Bồ-tát có lời nói không hộ trì, không tin, đã vậy còn hủy báng chê trách, không chịu diệt trừ, nếu thật có lỗi ác mà không trừ diệt, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu thật không có lỗi ác mà không diệt trừ, thì không khởi nhiễm ô. Không phạm, nếu đó là ngoại đạo phỉ báng, và các người ác khác. Hoặc người xuất gia khất thực, tu nhân duyên thiện, phát sinh sự chê trách người khác, hoặc trước những người sân, người cuồng mà sinh hủy báng.

Nếu Bồ-tát quán sát chúng sinh, biết là phải dùng lời thống khổ làm phương tiện khiến kẻ kia đạt lợi ích, nhưng vì sợ kẻ ấy buồn khổ nên không làm, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy không khởi nhiễm ô.

Không phạm là quán xét kẻ kia, hiện tại ít được lợi ích, mà khởi phiền não nhiều hơn.

Nếu Bồ-tát bị người mắng nhiếc, mắng nhiếc lại, bị người sân giận sân giận lại, bị người đánh đập đánh đập lại, bị người chê bai chê bai lại, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô.

Nếu Bồ-tát xâm phạm người khác, hoặc không xâm phạm nhưng khiến người sinh nghi, thì liền phải xin lỗi, chớ có hiềm hận, khinh mạn, không như pháp xin lỗi, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do lười trễ biếng nhác, thì không khởi nhiễm ô. Không phạm là nếu dùng phương tiện khiến kẻ kia điều phục, hoặc kẻ kia muốn khiến tạo nghiệp bất tịnh, sau đó thọ nhận, không xin lỗi, không tội. Hoặc biết tánh kẻ kia ưa tranh cãi, nếu xin lỗi thì tăng thêm sân hận. Hoặc biết kẻ kia hòa nhẫn không có tâm hiềm hận, sợ kẻ kia hổ thẹn, không xin lỗi, không mắc tội.

Nếu Bồ-tát bị người khác xâm phạm, kẻ ấy đến xin sám hối đúng như pháp, nhưng do tâm hiềm hận, muốn não hại nên Bồ-tát không nhận sự hối lỗi của kẻ kia, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu không hiềm hận, nhưng tánh không thích nhận sự hối lỗi, thì phạm nầy không khởi nhiễm ô. Không phạm, là nếu dùng phương tiện khiến kẻ kia điều phục, như trước đã nói. Hoặc kẻ kia không như pháp sám hối, tâm họ không bình thường, không thọ nhận sự hối lỗi của họ không có tội.

Nếu Bồ-tát đối với người khác khởi tâm hiềm hận, chấp chặt không xả, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Không phạm là vì muốn đoạn trừ cho kẻ kia nên khởi phương tiện dục, như trên đã nói.

Nếu Bồ-tát vì tham phụng sự, nên chứa nuôi người bà con, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Không phạm nghĩa là không có tâm tham chứa nuôi.

Nếu Bồ-tát uể oải biếng nhác, ham thích ngủ nghỉ, hoặc phi thời không biết hạn lượng, đấy gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Không phạm là do bị bệnh hoặc không có sức, hoặc đi xa bị mệt nhọc, hoặc vì đoạn trừ cho kẻ kia nên khởi phương tiện dục, như trước đã nói.

Nếu Bồ-tát do tâm nhiễm ô, thường hay luận bàn việc thế tục, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do quên lầm trải qua thời gian, thì phạm nầy không khởi nhiễm ô. Không phạm là khi thấy có người nhóm họp mà nói, ý muốn giúp kẻ kia tạm nghe trong chốc lát, hoặc phải trả lời câu hỏi của người về việc chưa từng nghe.

Nếu Bồ-tát muốn cầu tâm định, mà lại hiềm hận, kiêu mạn, không lãnh thọ lời dạy bảo của thầy, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu do biếng nhác, trễ nải mà phạm, thì phạm nầy không khởi nhiễm ô. Không phạm là vì bệnh tật, hoặc không có sức, hoặc biết người kia nói điên đảo, hoặc có sức tự nghe biết nhiều, hoặc trước đã thọ pháp.

Nếu Bồ-tát tâm khởi năm Cái (ngăn che), không khai ngộ cho người, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Không phạm nghĩa là nhằm đoạn trừ cho kẻ kia nên khởi phương tiện dục, như trước đã nói.

Nếu Bồ-tát chấp nơi vị tương ưng với thiền, cho là công đức, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Không phạm là do phải đoạn trừ cho kẻ kia, nên khởi phương tiện dục, như trước đã nói.

Nếu Bồ-tát nhận biết như vầy, nói như vầy: Bồ-tát không nên nghe kinh pháp của hàng Thanh văn, không nên thọ, không nên học, Bồ-tát cần gì pháp Thanh văn, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Vì sao? Vì Bồ-tát hãy còn nghe dị luận của ngoại đạo, huống chi là lời Phật dạy. Không phạm là đang chuyên học giới nơi tạng Bồ-tát, chưa thể kịp khắp.

Nếu Bồ-tát đối với tạng Bồ-tát không tạo phương tiện, xả bỏ không học, một mực tu tập kinh pháp của Thanh văn, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy không khởi nhiễm ô.

Nếu Bồ-tát đối với lời Phật giảng nói, không tạo phương tiện, xả bỏ không học, trái lại học tập luận tà của ngoại đạo, kinh điển thế tục, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Không phạm nếu đúng là thông minh, có thể thọ học nhanh chóng. Hoặc đã học từ lâu không quên, hoặc tư duy biết nghĩa. Hoặc đối với pháp Phật quán sát đầy đủ, đạt được trí bất động. Hoặc ở trong mỗi ngày đã bỏ ra hai phần thọ học kinh Phật, một phần thọ học ngoại điển. Đấy gọi là không phạm.

Như vậy, Bồ-tát giỏi ở sách thế tục, tà luận của ngoại đạo, ưa thích không xả, không khởi tưởng từ bỏ, đấy gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô.

Nếu Bồ-tát nghe pháp nơi tạng Bồ-tát với nghĩa sâu xa, nghĩa chân thật, vô lượng thần lực của chư Phật, Bồ-tát nhưng chê bai không thọ, cho là không lợi ích, không phải là Như Lai thuyết giảng, cũng không thể tạo an lạc cho chúng sinh, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô.

Bồ-tát hoặc tự tâm tư duy bất chánh nên hủy báng, hoặc tùy thuận người khác nên hủy báng, Bồ-tát nầy nghe nói về đệ nhất nghĩa sâu xa, không sinh tâm hiểu biết. Bồ-tát nầy nên khởi tâm tín, tâm không quanh co dua nịnh để học hỏi: Ta đã lớn, không phải mù mà không có mắt tuệ, tuệ nhãn của Như Lai như vậy là đã tùy thuận giảng nói, nêu giảng như thế là chưa kết thúc. Vì sao khởi sự chê bai? Bồ-tát nầy tự ở nơi xứ không hiểu biết. Như vậy Như Lai hiện pháp tri kiến, chánh quán chánh hướng, không phạm là do không hiểu chỗ mình hủy báng.

Nếu Bồ-tát do tâm sân hận, tự khen đức mình, chê bai người khác, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Không pha- m là khi chê bai ngoại đạo, xưng dương pháp Phật, hoặc dùng phương tiện khiến kẻ kia điều phục, khiến người không tin sinh tin, khiến người tin rồi thêm rộng lớn.

Nếu Bồ-tát nghe có chỗ thuyết pháp, có chỗ luận quyết định, nhưng do tâm kiêu mạn, tâm sân hận, nên không đến nghe, đấy gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác lười trễ thì phạm nầy chẳng khởi nhiễm ô. Không phạm là do không hiểu, hoặc bị bệnh, hoặc không có sức. Hoặc nơi kia thuyết pháp điên đảo, hoặc tâm hộ trì người giảng nói. Hoặc thường được nghe, đã thọ trì, đã hiểu nghĩa, hoặc đa văn, hoặc nghe thọ trì và như thuyết mà hành, hoặc tu thiền định, không muốn tạm bỏ. Hoặc vì độn căn khó ngộ, khó thọ, khó trì, không đến, đều không phạm.

Nếu Bồ-tát coi thường người thuyết pháp, không sinh tâm cung kính, đùa cợt chê bai, chỉ chấp văn tự, không dựa vào nghĩa thật, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô.

Nếu Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, thấy những việc chúng sinh làm do tâm sân hận nên không cùng đồng sự. Đó là các việc suy nghĩ về hoặc đi đường, về sự hưng khởi tạo lợi ích như pháp, hoặc làm ruộng, hoặc chăn bò, hoặc hòa giải tranh tụng, hoặc hội tốt, hoặc phước nghiệp, những việc như vậy không cùng đồng sự, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác lười trễ thì chẳng khởi nhiễm ô. Không phạm là hoặc bị bệnh, hoặc không có sức, hoặc kẻ kia tự mình có thể làm, hoặc kẻ kia tự có nhiều bạn, hoặc việc làm ấy là phi pháp phi nghĩa, hoặc đó là phương tiện khiến kẻ kia điều phục, hoặc trước đã có hẹn với người khác, hoặc kẻ kia có oán, hoặc tự tu nghiệp thiện không muốn tạm bỏ, hoặc tánh ám độn, hoặc ý hộ nhiều người, hoặc hộ tăng chế. Những việc không cùng đồng ấy, đều không phạm.

Nếu Bồ-tát thấy người bệnh tật, nhưng do tâm sân hận không đến chăm sóc, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, đó là phạm khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác lười trễ thì phạm nầy không khởi nhiễm ô. Không phạm là khi mình mắc bệnh, hoặc không có sức, hoặc dạy người có sức tùy thuận chăm sóc, hoặc biết người kia tự có bà con, hoặc người kia có lực có thể tự sửa sang sắp đặt, hoặc vì bệnh thường phát, hoặc tu thắng nghiệp không thể tạm bỏ, hoặc ám độn, khó ngộ, khó thọ, khó trì, trụ trong duyên nạn, hoặc trước có chăm sóc bệnh người khác.

Như bệnh sự, cùng khổ cũng vậy.

Nếu Bồ-tát thấy chúng sinh đời nay đời sau tạo nghiệp ác, nhưng do tâm hiềm hận, không vì họ giảng nói điều chân chính, đó gọi là pha- m, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Không phạm là khi tự mình không có trí, hoặc không có sức. Hoặc khiến cho người có lực nói, hoặc biết kẻ kia tự có lực, kẻ kia tự có thiện tri thức, hoặc tạo phương tiện khiến kẻ kia điều phục, như trước đã nói. Hoặc vì lúc đang nói đối với mình chỉ thêm hận. Hoặc nói ra lời ác, hoặc thọ nhận những điên đảo, hoặc không ái kính. Hoặc vì người kia tánh xấu xa tàn bạo.

Nếu Bồ-tát thọ ân huệ của người khác, nhưng tâm hiềm hận, không đem sự việc hoặc bằng, hoặc hơn để đền đáp cho họ, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác lười trễ thì phạm nầy không khởi nhiễm ô. Không phạm là khi tạo phương tiện nhưng không có sức, hoặc dùng phương tiện khiến kẻ kia điều phục, hoặc muốn báo ân nhưng kẻ kia không nhận.

Nếu Bồ-tát thấy các chúng sinh có bà con bị nạn, về tài sản vật chung, nhưng do tâm hiềm hận, nên không vì họ chỉ bày nhằm trừ diệt lo buồn, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do lười biếng trễ nải thì phạm nầy không khởi nhiễm ô. Không phạm là như trong phần không đồng sự đã nói ở trước.

Nếu Bồ-tát có người đến cầu xin thức ăn uống, y phục, nhưng do tâm sân hận nên không thể thí cho, đấy gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác lười trễ thì phạm nầy không khởi nhiễm ô. Không phạm là khi mình không có gì, hoặc họ cầu xin vật phi pháp, vật không lợi ích cho họ, hoặc dùng phương tiện khiến kẻ kia điều phục, hoặc vì kẻ kia phạm vương pháp, ý hộ vua, hoặc hộ tăng chế.

Nếu Bồ-tát thâu nhận đồ chúng, nhưng do tâm sân hận nên không răn dạy đúng như pháp, không thể tùy thuận thời theo các Bà-la-môn, cư sĩ y phục, thức ăn uống, nệm nằm, thuốc men, nhà cửa, tùy thời cung cấp, đó

gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, lười trễ, buông lung thì không khởi nhiễm ô. Không phạm là dùng phương tiện khiến kẻ kia điều phục, hoặc hộ Tăng chế, hoặc bị bệnh, hoặc không có sức, hoặc sai người có sức nói, hoặc kẻ kia có sức, có nhiều đại đức, tri thức, tự cầu các vật dụng, hoặc đã từng thọ giáo, tự mình biết pháp, hoặc đó là ngoại đạo trộm pháp không thể điều phục.

Nếu Bồ-tát do tâm hiềm hận không tùy thuận người, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, lười trễ thì phạm nầy không khởi nhiễm ô. Không phạm là khi kẻ kia muốn làm việc không như pháp, hoặc bị bệnh, không có sức, hoặc hộ Tăng chế, hoặc kẻ kia tuy như pháp nhưng lại khiến nhiều người khởi việc phi pháp, hoặc để hàng phục ngoại đạo, hoặc tạo phương tiện khiến kẻ kia điều phục.

Nếu Bồ-tát biết các chúng sinh có công đức thật, nhưng do tâm hiềm hận, không hướng đến người kia mà nói, cũng không khen ngợi, hoặc có khen ngợi nhưng không nói lành thay, đấy gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, lười trễ, buông lung thì phạm nầy không khởi nhiễm ô. Không phạm là biết kẻ kia ít ham muốn, ý hộ cho kẻ kia, hoặc là bị bệnh, không có sức. Hoặc dùng phương tiện khiến kẻ kia điều phục. Hoặc hộ tăng chế, hoặc khiến người kia khởi phiền não, khởi vui mừng quá mức, khởi kiêu mạn, khởi phi nghĩa. Hoặc công đức thật mà tợ như đức không thật, hoặc nói thiện thật mà tợ như nói phi thiện. Hoặc vì phá trừ tà kiến của ngoại đạo. Hoặc đợi nói xong.

Nếu Bồ-tát thấy có chúng sinh nên đáng quở trách, đáng điều phục, đáng phạt, đáng đuổi, nhưng do tâm nhiễm ô nên không quở trách, không phạt, không đuổi, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Nếu phạm do biếng nhác, lười trễ, buông lung, thì không khởi nhiễm ô. Không phạm là khi kẻ kia không thể sửa trị, không thể cùng nói, không thể răn dạy, khởi nhiều hiềm hận. Hoặc quán thời, hoặc sợ nhân nên kẻ kia khởi mâu thuẫn, tranh cãi, hoặc cùng nhau kiện tụng. Hoặc tranh cãi với chư Tăng, hoặc hoại Tăng. Hoặc kẻ kia không dua nịnh, quanh co, biết hổ thẹn dần dần tự sửa đổi.

Nếu Bồ-tát thành tựu các loại thần lực, người đáng khiến sợ hãi thì khiến sợ hãi, người đáng tiếp dẫn thì tiếp dẫn, vì nhằm khiến chúng sinh hành hóa tín thí nhưng Bồ-tát không dùng thần thông để khiến sợ hãi, hoặc tiếp dẫn, đó gọi là phạm, là phạm rất nhiều, phạm nầy khởi nhiễm ô. Không phạm là khi chúng sinh ấy lại khởi nhiễm chấp, ngoại đạo phỉ báng Thánh cho là thành tựu tà kiến. Hoặc kẻ kia phát cuồng, hoặc tăng thêm thọ khổ.

Khởi giới Bồ-tát nầy, Phật đã giảng nói nhiều nơi trong Tu-đa-la, là giới luật nghi, giới nhiếp pháp thiện, giới nhiếp chúng sinh. Giới luật nghi nhiếp của Bồ-tát, là tạng Ma-đắc-lặc-già nơi tạng Bồ-tát, hòa hợp nói. Bồ-tát phải siêng năng tinh tấn thọ trì, khởi tâm cung kính hết mực, chuyên tâm tu học, theo người chánh thọ, thọ rồi thì thanh tịnh, đem tâm muốn học, tâm Bồ-đề, tâm tạo lợi ích cho chúng sinh, từ khi mới thọ giới, hết lòng hộ trì, có phạm điều gì liền như pháp sám hối. Tất cả chỗ Bồ-tát phạm, phải biết là thuộc về Đột-kiết-la, phải hướng đến người Đại thừa, Tiểu thừa, có sức giải thích lời nói, đủ sức thọ nhận, người hối cải như pháp sám hối.

Nếu Bồ-tát do phiền não tăng thượng phạm xứ pháp Ba-la-di, mất giới luật nghi, phải nên thọ lại. Nếu do phiền não phẩm trung, phạm xứ pháp Ba-la-di, thì phải hướng đến ba người hoặc hơn ba người, quỳ dài chấp tay, tác sám hối Đột-kiết-la, nói tội danh đã phạm, thưa thế nầy: Đại đức xin nhớ nghĩ! Con tên gì… vượt Tỳ-ni Bồ-tát, việc như trước đã nói, phạm tội Đột-kiết-la, phần còn lại như trong pháp sám hối tội Đột- kiết-la của Tỳ-khưu đã nói. Nếu do phiền não phẩm hạ phạm xứ pháp Ba-la-di và phạm các thứ khác, thì hướng đến một người xin sám hối. Nếu không có người như pháp, thì nên tự khởi tâm thanh tịnh mà sám hối, tự nghĩ: Ta trọn không phạm lại tội nầy, ở trong đời vị lai luôn thâu giữ giới luật nghi, nếu có bị phạm như thế liền dứt trừ.

Nếu không có bậc đầy đủ công đức như vậy, để có thể theo vị ấy thọ giới Bồ-tát, thì Bồ-tát nên ở trước tượng Phật tự thọ. Nên thọ như vầy: Sửa y phục ngay thẳng, trịch y bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, cúi mình chấp tay, thưa: Con tên là…, bạch hết chư Phật và các chúng Bồ-tát đại địa trong mười phương thế giới, con nay ở trước chư Phật, Bồ-tát thọ tất cả giới Bồ-tát, giới luật nghi, giới nhiếp pháp thiện, giới nhiếp chúng sinh, các giới nầy, hết thảy Bồ-tát đời quá khứ đã học, hết thảy Bồ-tát đời vị lai sẽ học, hết thảy Bồ-tát đời hiện tại đang học.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Thưa xong thì đứng dậy, ngoài ra như trước nói.

Nếu Bồ-tát có chỗ phạm, thì không phạm một cách hoàn toàn. Như Đức Thế Tôn dạy: Bồ-tát khởi phiền não sân là phạm, thì phải thọ lại, không phải khởi tham dục, nên biết nghĩa nầy.

Bồ-tát khởi ái niệm đối với chúng sinh tăng thượng. Việc làm của Bồ-tát, tất cả có thể làm, đáng làm mà không làm, không đáng làm mà làm, là phạm, nên thọ lại. Bồ-tát sân giận đối với chúng sinh, không thể tự độ mình và độ người, cũng không thể làm những việc mà Bồ-tát phải làm. Như

vậy, không làm những việc đáng làm, là phạm, phải nên thọ lại. Nên biết Bồ-tát phạm hạ trung thượng thì như nơi phẩm Bốn nhiếp đã nói. Nếu Bồ-tát đối với giới luật nghi nầy thành tựu đầy đủ ba chánh pháp thì được an lạc trụ: Một là phương tiện đầy đủ. Hai là tâm tịnh đầy đủ. Ba là nhân gốc đầy đủ.

Bồ-tát đối với giới không thiếu sót, mất mát, nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh luôn không phạm, tự nói ra các việc xấu, đấy gọi là phương tiện đầy đủ.

Bồ-tát vì pháp xuất gia, không vì thân mạng, vì nghĩa lý, vì thiền định, không vì tài lợi, vì Sa-môn vì Niết-bàn, không vì phi nghĩa, không vì biếng nhác, nên tinh tấn không lùi, không hành pháp bất thiện, xấu ác, phiền não, thọ nhận thì có quả báo thiêu đốt và sinh già bệnh chết ở đời vị lai đấy gọi là tâm tịnh đầy đủ.

Bồ-tát vốn lúc ở đời khác đã rộng tu các pháp thiện, nên đời nay không thiếu y thực, giường nệm, thuốc thang và các vật dụng, có thể tu tuệ thí, đấy gọi là nhân gốc đầy đủ. Bồ-tát trụ nơi giới luật nghi, có đầy đủ ba chánh pháp, gọi là an lạc trụ, trái với những điều đó gọi là tạo đủ ba bất chánh pháp, phải biết đó là khổ trụ. Đấy gọi là lược nói, nói rộng thì tất cả giới của tại gia và xuất gia, nên biết tất cả giới nầy phân biệt thành những nan giới (giới khó).

Nan giới lược nói có ba thứ: Bồ-tát rất đầy đủ về tài sản của cải, nhiều uy lực, có thể xả bỏ để xuất gia thọ giới Bồ-tát, đấy gọi là nan giới thứ nhất.

Bồ-tát nếu gặp nạn gấp có thể mất mạng, đối với giới đã thọ vẫn không khiến khuyết giảm, huống gì là phạm, đấy gọi là nan giới thứ hai.

Bồ-tát đối với tất cả sự tu hành, tất cả chánh thọ, tất cả nhớ nghĩ, tâm trụ không loạn, cho đến mạng chung, đối với giới vi tế trọn không khuyết giảm, huống gì là giới trọng, đấy gọi là nan giới thứ ba.

Tất cả môn giới có bốn thứ: Một là chánh thọ giới. Hai là tánh giới. Ba là tập giới. Bốn là phương tiện thành giới.

Chánh thọ giới nghĩa là Bồ-tát đã thọ đủ ba thứ giới luật nghi, đó là: Giới luật nghi, giới nhiếp pháp thiện, giới nhiếp chúng sinh.

Tánh giới nghĩa là Bồ-tát tánh vốn tự hiền thiện, thân khẩu ý thanh tịnh.

Tập giới nghĩa là Bồ-tát vốn từ các đời trước, đối với ba thứ giới đã từng tu tập, do có nhân xưa, nên tất cả hành ác tâm thường nhàm chán, muốn tu hành thiện.

Phương tiện thành giới nghĩa là Bồ-tát nương nơi bốn nhiếp sự, đối với các chúng sinh hành nghiệp thân khẩu ý thiện.

Thiện nhân giới tức có năm thứ: Một là tự trì tịnh giới. Hai là trao truyền cho người khác. Ba là tán thán giới tịnh. Bốn là thấy người đồng pháp tâm sinh hoan hỷ. Năm là dù có hủy phạm luôn như pháp sám hối diệt trừ.

Nhất thiết hành giới là sáu thứ, bảy thứ kia lược nói là mười ba thứ, hồi hướng lên đại Bồ-đề, do giới rộng thâu giữ, nên gọi là rộng.

Tham chấp dục lạc hay tự thân hành khổ hạnh, xa lìa cả hai bên nầy, đó gọi là xứ hoan hỷ không tội. Đến hết thọ mạng, thường không trả lại giới, tất cả lợi dưỡng, hạnh tà luận của ngoại đạo, các phiền não trói buộc, không thể xâm lấn lừa gạt, cũng không thể cướp đoạt, đấy gọi là giới vững chắc.

Trang nghiêm thành tựu, nên biết là trang nghiêm giới, nghĩa là địa Thanh văn, lìa sát sinh v.v… Giới luật nghi, giới nhiếp pháp thiện, giới nhiếp chúng sinh, giới thuận, giới không thuận, giới hộ tùy hộ, là tướng báo của bậc đại nhân, ý báo tăng thượng, báo cõi thiện, báo lợi ích chúng sinh.

Giới trừ não có tám thứ. Bồ-tát khi bắt đầu khởi suy nghĩ: Như ta không muốn khiến người khác sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, nói hai lời, nói thô ác, nói lời thêu dệt, dùng tay, đá, gậy gộc xúc não với ta. Giống như ta không muốn, kẻ kia cũng vậy. Vì sao đem điều nầy thêm vào cho người khác? Vì đây không sát kia, cho đến không lấy tay, đá, gậy… xúc não. Suy nghĩ như vậy rồi, không dùng tám việc xúc não chúng sinh, đấy gọi là Bồ-tát trừ não giới.

Về giới đời nầy đời khác vui có chín thứ: Chỗ giá thì giá, chỗ khai thì khai, chỗ thâu giữ thì thâu giữ người đáng hàng phục thì hàng phục, đó là bốn thứ giới đối với nghiệp thân khẩu. Bồ-tát lại còn có đủ Bố thí Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la- mật, Trì giới Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật, đó là năm thứ giới. Như vậy lược nói chín thứ giới, Bồ-tát tự mình và người, đời nầy trụ pháp lạc và vui đến đời sau, vì thế cho nên nói đời nầy đời khác vui.

Giới thanh tịnh có mười thứ: Một là khi bắt đầu thọ giới, vì Sa- môn, vì Bồ-đề, không vì thân mạng. Hai là trọn không thối giảm, khởi lên tâm nghi hối. Ba là không vượt qua trì giới, khởi phi xứ nghi hối. Bốn là xa lìa lười biếng, không ưa ngủ nghỉ, ngày đêm tinh tấn chuyên cần thành tựu pháp thiện. Năm là thâu giữ tâm không để buông lung, như năm điều không buông lung đã nói ở trước. Sáu là tu tập chánh nguyện, không mong tài lợi

và sinh lên cõi trời, thường tu phạm hạnh. Bảy là thâu giữ oai nghi khi làm các việc đều khéo léo thể hiện oai nghi, phương tiện tu thiện, thân khẩu như pháp, thực hành chánh mạng đầy đủ, tà mạng, quanh co các thứ tội ác thảy đều xa lìa. Tám là xa lìa nhị biên, xa lìa tùy thuận dục lạc, xa lìa khổ hạnh. Chín là tu tập ra khỏi ác, các kiến và dị học đều xa lìa. Mười là đối với giới đã thọ không khuyết không giảm. Mười thứ nầy gọi là giới thanh tịnh, gọi là Bồ-tát đại giới tạng đắc quả Bồ-đề. Bồ-tát nương vào giới nầy rồi, đầy đủ giới Ba-la- mật, chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thậm chí nếu chưa thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng cũng được năm thứ phước lợi: Một là được hết thảy chư Phật hộ niệm. Hai là trọn thời tâm kia hoan hỷ. Ba là xả thân sinh ở chỗ nào, thường cùng các chúng Bồ-tát tịnh giới làm thiện tri thức. Bốn là vô lượng công đức tụ, "giới độ" thành tựu. Năm là đời nầy đời sau tánh giới thành tựu. Như trước đã nói, tự tánh… chín thứ giới, phải biết là thuộc về ba cõi, đó gọi là giới luật nghi, giới nhiếp pháp thiện, giới nhiếp chúng sinh. Lại có ba thứ, lược nói có thể làm ba việc của Bồ-tát: Một là giới luật nghi có khả năng khiến tâm trụ. Hai là giới nhiếp pháp thiện, tự thành tựu pháp Phật. Ba là giới nhiếp chúng sinh là thành tựu chúng sinh. Đó gọi là tất cả việc của Bồ-tát, đó là đó là hiện pháp, tâm được trụ an lạc, thân tâm không mệt mỏi, có thể đầy đủ pháp Phật thành tựu cho chúng sinh. Đó gọi là giới Bồ-tát, gọi là phước giới, gọi là những việc làm vô dư vô thượng của Bồ-tát. Hết thảy Bồ-tát đời quá khứ cầu đại Bồ-đề đã học ở trong đấy, vị lai sẽ học, hiện tại đang học.

-oOo-

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 6

Phẩm 11: XỨ PHƯƠNG TIỆN NHẪN

Thế nào là Bồ-tát hành Nhẫn nhục Ba-la-mật? Lược nói có chín thứ: Một là tự tánh nhẫn. Hai là nhất thiết nhẫn. Ba là nan nhẫn. Bốn là nhất thiết môn nhẫn. Năm là thiện nhân nhẫn. Sáu là nhất thiết hành nhẫn. Bảy là trừ não nhẫn. Tám là đời nầy đời khác lạc nhẫn. Chín là thanh tịnh nhẫn.

Thế nào là tự tánh nhẫn? Bồ-tát dựa vào sức của tư duy, nếu như sức của tánh có thể nhẫn việc làm không lợi ích của người khác thì tất cả các nhẫn nương vào tâm vô tham, tâm bi thuần nhất, đấy gọi là tự tánh nhẫn.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết nhẫn? Lược nói có hai loại: Một là tại gia. Hai là xuất gia. Hai loại nầy mỗi loại đều có ba thứ: Một là nhẫn đối với người không tạo lợi ích. Hai là nhẫn an khổ. Ba là nhẫn pháp hiểu rõ tư duy.

Nhẫn đối với người không tạo lợi ích, nghĩa là từ xa xưa đến nay, khổ lớn không gián đoạn vì người khác không tạo lợi ích, hiện tiền lại bức thiết, Bồ-tát tư duy như thế nầy: Tự nghiệp của ta quá xấu ác, vốn xưa đã tạo tội nên ngày nay phải chịu khổ. Hôm nay nếu không nhẫn thì trở lại làm nhân duyên khổ lớn cho đời sau. Ta nay vì việc tự tạo khổ lần nữa, không do người khác. Vả lại, thân ta và người kia đều là hành khổ của hết thảy pháp hữu vi. Kẻ kia không biết nên tăng thêm khổ cho ta, ta nay có trí vì sao lại muốn tăng thêm khổ cho kẻ ấy. Lại nữa, Thanh văn tự lợi hãy còn không đem khổ thêm cho người khác, huống gì là Bồ-tát luôn tạo lợi ích rộng cho chúng sinh. Tư duy như vậy rồi, tu tập năm thứ tưởng, đối với người oán kẻ thân, người không oán không thân, thuộc phẩm hạ, trung, thượng, hoặc khổ hoặc vui, có đức, không đức, chúng sinh như vậy, tất cả đều có thể nhẫn. Những gì là năm thứ tưởng? Một là tưởng vốn là thân thuộc. Hai là tưởng pháp số. Ba là tưởng vô thường. Bốn là tưởng khổ. Năm là tưởng thâu giữ.

Tưởng vốn là thân thuộc nghĩa là Bồ-tát khởi tư duy thế nầy: Chúng sinh từ xa xưa đến nay hầu hết đều là thân thuộc, hoặc là cha, hoặc là mẹ,

anh em chị em, Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc là thầy, hoặc là những bậc thầy đáng tôn kính. Tư duy như vậy, xả bỏ tưởng oán ghét không tạo lợi ích, khởi tưởng vốn thân thuộc, nương vào tưởng vốn thân thuộc rồi, đối với người không tạo lợi ích đều có thể gắng nhẫn.

Tưởng pháp số nghĩa là Bồ-tát khởi tư duy thế nầy: Nhân duyên hành số, pháp số, không có ngã, chúng sinh, thọ mạng, không có kẻ sinh, kẻ mắng, kẻ đánh, kẻ tranh chấp. Khi tư duy đúng đắn như thế, xa lìa tưởng chúng sinh, trụ nơi tưởng pháp số, nương vào tưởng pháp số rồi, đối với người không tạo lợi ích đều có thể an nhẫn.

Tưởng vô thường nghĩa là Bồ-tát tư duy: Tất cả chốn sinh của chúng sinh, hết thảy đều là pháp vô thường hoại diệt, ở trên lại có việc không tạo lợi ích, muốn đoạn mạng kia, như vậy tánh vô thường nơi chúng sinh là pháp chết. Người trí không khởi tâm không thanh tịnh, huống gì lại dùng tay, đá, đao, gậy, nhằm đoạn mạng kia. Chánh tư duy như vậy thì lìa tưởng thường, kiên cố, trụ tưởng vô thường, không kiên cố. Nương nơi tưởng vô thường rồi, đối với người không tạo lợi ích thảy đều có thể an nhẫn.

Tưởng khổ là Bồ-tát quán thế nầy: Người đầy đủ đại lực hãy còn không lìa ba khổ, đó là hành khổ, biến dịch khổ và khổ khổ, huống gì là người không đầy đủ đại lực. Bồ-tát khi quán như vậy, đối với chúng sinh thường khổ muốn khiến họ xa lìa khổ. Vì sao thêm báo lại tăng thêm khổ cho kẻ kia? Khi chánh tư duy như vậy, sẽ lìa tưởng lạc, trụ nơi tưởng khổ, có tưởng nhẫn khổ xong, đối với người không tạo lợi ích đều có thể gắng nhẫn.

Tưởng thâu giữ nghĩa là Bồ-tát tư duy thế nầy: Ta vì tất cả chúng sinh nên phát tâm Bồ-đề, đối với tất cả chúng sinh tác tưởng thân thuộc: Ta nên thâu giữ tất cả khiến được an vui. Không nên đối với các chúng sinh thân thuộc là xứ cần tạo lợi ích, lại gia thêm việc không tạo lợi ích. Khi chánh tư duy như vậy, sẽ diệt trừ tưởng khác, trụ trong tưởng thâu giữ, nương vào tưởng thâu giữ rồi, đối với người không tạo lợi ích đều có thể an nhẫn.

Thế nào là nhẫn? Nếu không sân, không báo, tâm không ôm hận, đấy gọi là nhẫn. Nhẫn an khổ nghĩa là Bồ-tát tư duy thế nầy: Ta từ xưa đến nay, vì luôn cầu các việc dục nên tạo những nhân khổ, chịu vô lượng khổ lớn. Đó là sự nghiệp kinh doanh buôn bán ở đời để sống, trồng trọt, phụng sự nhà vua… các khổ như vậy, đều trải qua đầy đủ, đều là ngu tối nên không biết lỗi lầm, nay phải tu học nhân vui, đầy đủ pháp thiện, thì vô lượng các khổ thảy đều an nhẫn, huống gì là khổ nhỏ. Khi chánh tư duy như vậy, học tuệ đầy đủ, tất cả việc khổ thảy đều có thể an nhẫn. Tất cả các sự khổ lược

nói có tám thứ: Một là xứ y. Hai là xứ thế pháp. Ba là xứ oai nghi. Bốn là xứ nhiếp pháp. Năm là xứ Tỳ-khưu tùy giới. Sáu là xứ phương tiện. Bảy là xứ lợi chúng sinh. Tám là xứ các chỗ tạo tác.

Xứ y nghĩa là bốn pháp nương dựa, nương nơi chánh pháp xuất gia, đắc phần Tỳ-khưu. Bồ-tát bị các thứ thô tạp xấu ác không cung kính và gây trở ngại không đúng lúc, tâm không buồn khổ, Bồ-tát đối với các khổ kia, không bỏ tinh tấn, như thế gọi là an nhẫn y khổ.

Xứ thế pháp có chín loại: Một là không lợi. Hai là không khen. Ba là chê bai. Bốn là khổ. Năm là pháp hoại hủy hoại. Sáu là pháp tận diệt tận. Bảy là pháp lão suy lão. Tám là pháp bệnh hiện bệnh. Chín là pháp tử hiện tử. Các thế pháp nầy, hoặc lìa hoặc hợp có thể sinh các khổ, đấy gọi là xứ thế pháp. Bồ-tát đối với các khổ kia không bỏ tinh tấn, như thế gọi là an nhẫn nơi thế pháp khổ.

Xứ oai nghi có bốn oai nghi là đi, đứng, ngồi, nằm. Bồ-tát nầy hoặc đi, hoặc ngồi, ngày đêm hai thời, trừ bỏ ấm chướng, tâm được thanh tịnh, không nằm phi thời, giường nằm nệm ngồi trải bằng cỏ, lá, nhân đấy mệt nhọc sinh các khổ, thảy đều có thể nhẫn. Bồ-tát đối với các khổ kia không bỏ tinh tấn, đó gọi là an nhẫn nơi oai nghi khổ.

Xứ nhiếp pháp có bảy thứ: Cúng dường báu, cúng dường đức, thưa hỏi, thọ nhận chánh pháp, rộng vì người nói, dùng âm thanh vi diệu để tán thán, một mình yên tịnh tư duy, quán sát xứng lượng, nhớ nghĩ thâu nhận, tu tập chỉ quán. Nếu Bồ-tát thâu giữ bảy pháp nầy làm phương tiện tu tập, thì các khổ v đã khởi đều có thể an nhẫn, trọn không nhân đấy mà bỏ chánh phương tiện.

Xứ Tỳ-khưu tùy giới có bảy thứ: Một là hủy hình đẹp, bỏ râu tóc, xả tướng thế tục. Hai là đắp y hoại sắc. Ba là trừ bỏ việc làm thế tục, không như pháp; tâm chánh niệm trụ. Bốn là nương vào người mà sống, bỏ sự nghiệp thế tục. Năm là suốt đời theo người khác xin y, không cất chứa. Sáu là suốt đời ngăn cản năm dục của người, thâu giữ các căn môn, xả phi phạm hạnh. Bảy là suốt đời xả bỏ các thứ vui chơi như ca múa, xướng hát. Những thứ như vậy đã tạo ra những gian nan, Tỳ-khưu hành giới do vậy sinh khổ. Bồ-tát an nhẫn không xả bỏ tinh tấn. Tinh tấn, siêng năng nghĩa là Bồ-tát tinh tấn cúng dường Tam bảo, thọ trì đọc tụng kinh tạng Bồ-tát, biên chép, giải nói và suy nghĩ về các nghĩa ấy, tăng thêm chuyên cần, tinh tấn để tu tập Thánh đạo, do đấy sinh khổ, Bồ-tát an nhẫn không do đấy mà bỏ tinh tấn.

Xứ lợi chúng sinh lược nói có mười một việc, như trước đã nói, do

đấy sinh khổ, Bồ-tát an nhẫn, không nhân đấy mà bỏ tinh tấn.

Xứ các chỗ tạo tác thì sự nghiệp của người xuất gia là y bát…, sự nghiệp của người tại gia là tạo tác để sinh sống, nhân đó sinh khổ, Bồ- tát an nhẫn không nhân đấy mà bỏ tinh tấn.

Bồ-tát tuy thọ các khổ, nhưng quyết phải an nhẫn tu Bồ-đề vô thượng, không thể không tu tập, tu tập rồi trọn không thối chuyển, tâm thường hoan hỷ, không sinh nhiễm ô. Đó gọi là pháp nhẫn an khổ.

Nhẫn tư duy giải nghĩa là Bồ-tát đối với pháp phải lựa chọn đúng đắn, khéo quán sát mở bày, đối với tám thứ xứ giải thâm nhập buộc giữ niệm, đó là công đức Tam bảo, là nghĩa chân thật, là lực đại thần thông của chư Phật Bồ-tát, hoặc nhân, hoặc quả, được nghĩa thích hợp, đắc nghĩa phương tiện, nhận biết về hành xứ. Lại nữa, giải có hai nguyên do: Một là tu tập lâu xa, hai là được vui tịnh trí. Đấy gọi là Bồ-tát hành nhất thiết nhẫn. Nương vào ba loại phân biệt, nói rộng là nan nhẫn…

Thế nào là nan nhẫn? Lược nói có ba thứ: Nếu Bồ-tát đối với chúng sinh thấp kém, không tạo lợi ích cho mình, đều có thể an nhẫn, đấy gọi là nan nhẫn thứ nhất.

Nếu đối với người giúp việc, tự có thể gắng nhẫn, đó gọi là nan nhẫn thứ hai.

Người thuộc dòng họ thấp kém, khởi lỗi tăng thượng mà có thể an nhẫn, đó gọi là nan nhẫn thứ ba.

Thế nào là nhất thiết môn nhẫn của Bồ-tát? Lược nói có bốn thứ: Một là an nhẫn việc không tạo lợi ích của người thân thuộc. Hai là an nhẫn việc không tạo lợi ích của oán gia. Ba là an nhẫn những việc không tạo lợi ích của người không thân không oán. Bốn là an nhẫn những việc không tạo lợi ích thượng, trung, hạ.

Thế nào là thiện nhân nhẫn? Lược nói có năm thứ. Bồ-tát nầy trước thấy hành nhẫn có nhiều phước lợi, nghĩa là người tu hành nhẫn, ở đời vị lai không có nhiều kết hận, không nhiều trái lìa, tâm nhiều hỷ lạc, khi chết không hối, thân hoại mạng chung sinh vào đường thiện, sinh lên cõi trời. Thấy những công đức phước lợi như vậy, nên có thể tự an nhẫn và dạy người hành nhẫn, đối với người khác luôn ca ngợi công đức nhẫn nhục, thấy người hành nhẫn sinh tâm tùy hỷ.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết hành nhẫn? Nghĩa là sáu thứ, bảy thứ, lược nói là mười ba thứ. Bồ-tát thấy người không nhẫn nhục, mắc khổ báo lớn, lo sợ cho nên nhẫn. Vì tâm từ, tâm bi, tâm gần gũi sâu xa, tâm thương yêu đối với chúng sinh cho nên nhẫn. Ân cần muốn cầu Bồ-đề vô

thượng, muốn đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật làm nhân cho nên nhẫn. Do sức của nhẫn nên xuất gia.

Đức Thế Tôn dạy: Thường phải đầy đủ những giới thọ trì, là xuất gia nhẫn, đấy gọi là thọ pháp nhẫn. Chủng tánh đầy đủ và trước trụ hiện tại tu tập, đó gọi là tánh nhẫn. Biết tất cả pháp không có chúng sinh, mọi nhận thức phải lìa ngôn thuyết, pháp số, đó gọi là chánh niệm pháp nhẫn. Hết thảy không tạo lợi ích nhẫn, nhất thiết nhẫn, nhất thiết xứ nhẫn, đó là một người và đại chúng hội. Tất cả thời nhẫn, nghĩa là sáng sớm, giữa trưa, chiều tối, ngày đêm, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc bệnh, không bệnh, hoặc nằm, hoặc đứng dậy, thân luôn luôn hành nhẫn, không xúc não ai, miệng thường hành nhẫn xa lìa lời nói không thân ái, ý thường hành nhẫn không khởi sân hận, kể cả không khởi những hy vọng bất tịnh.

Thế nào là Bồ-tát hành trừ não nhẫn? Lược nói có tám thứ: Một là Bồ-tát đối với người cầu khổ, an nhẫn không não hại. Hai là đối với người ác tăng thượng hung bạo, nương vào tâm đại bi mà an nhẫn không não hại. Ba là đối với người xuất gia phạm giới, nương vào tâm đại bi mà an nhẫn không não hại. Và năm thứ tinh tấn an nhẫn không não hại. Chúng sinh khổ não vì muốn dứt trừ khổ nên cầu pháp và pháp tiếp pháp hướng pháp, như vậy nên rộng vì họ mà tuyên thuyết. Nếu chúng sinh đã làm thì thảy đều lo liệu giúp đỡ, tinh tấn hành trì, đó gọi là tám thứ trừ não nhẫn. Chúng sinh tạo hoạn nạn thì an nhẫn để dứt trừ, còn chỗ nào thiếu thốn thì an nhẫn để tạo lợi ích.

Thế nào là Bồ-tát nơi đời nầy đời khác vui thích nhẫn? Lược nói có chín thứ: Bồ-tát nầy trụ trong pháp thiện, không buông lung, có thể an nhẫn đối với các trường hợp lạnh, nóng, đói, khát, mòng muỗi đốt, chích, tiếp xúc với những thứ độc hại của gió, mặt trời, tất cả đều an nhẫn, thân tâm khổ nhọc đều an nhẫn. Rơi vào biển sinh tử, chịu sinh, già, bệnh, chết, thương xót chúng sinh chịu đủ các khổ, các thứ nhẫn nhục như vậy, Bồ-tát ở trong hiện pháp tự trụ an lạc, tất cả các ác thảy đều xa lìa, lại làm nhân duyên cho đời sau được an lạc, lại còn giúp được người đời nay đời sau an ổn vui vẻ. Vì thế nên gọi là đời nầy đời sau vui thích nhẫn.

Thế nào là Bồ-tát hành thanh tịnh nhẫn? Lược nói có mười thứ: Một là người không tạo lợi ích, không có tâm báo trả. Hai là không khởi sân hận. Ba là không có tưởng oán ghét. Bốn là thường tạo lợi ích trước như bản tâm, sau cũng vậy, luôn làm việc lợi ích, bỏ việc không tạo lợi ích. Năm là đối với người không tạo lợi ích cho mình, dùng lời nhẹ nhàng từ tạ. Sáu là nếu kẻ kia sám hối, nên nhanh chóng thọ nhận. Bảy là thấy kẻ kia

không nhẫn, dùng tâm bi giúp thêm cho họ. Tám là thấy kẻ kia tu nhẫn, kính Phật thêm gấp bội. Chín là với chúng sinh sợ hãi khởi tâm bi sâu xa. Mười là đoạn trừ tất cả những lỗi không nhẫn, lìa dục đạt thanh tịnh. Mười thứ đó gọi là Bồ-tát hành thanh tịnh nhẫn. Như vậy từ tự tánh nhẫn, cho đến thanh tịnh nhẫn, là quả đại Bồ-đề rộng lớn vô lượng, nhờ nương vào nhẫn nầy mà tất đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Phẩm 12: XỨ PHƯƠNG TIỆN TINH TẤN

Thế nào là Bồ-tát hành Tinh tấn Ba-la-mật? Lược nói có chín thứ: Một là tự tánh tinh tấn. Hai là nhất thiết tinh tấn. Ba là nan tinh tấn. Bốn là nhất thiết môn tinh tấn. Năm là thiện nhân tinh tấn. Sáu là nhất thiết hạnh tinh tấn. Bảy là trừ não tinh tấn. Tám là đời nầy đời khác vui thích tinh tấn. Chín là thanh tịnh tinh tấn.

Thế nào là tự tánh tinh tấn? Tâm Bồ-tát nầy có thể thâu nhận vô lượng pháp thiện, tạo lợi ích an lạc cho hết thảy chúng sinh, luôn sáng rõ không gián đoạn cũng không điên đảo các thân khẩu ý nghiệp vốn khởi, đấy gọi là tự tánh tinh tấn của Bồ-tát.

Thế nào là nhất thiết tinh tấn? Lược nói có hai thứ: Một là tại gia. Hai là xuất gia. Hai thứ nầy, mỗi thứ có ba loại: Một là tinh tấn hoằng thệ. Hai là thâu giữ các pháp thiện. Ba là tạo lợi ích cho chúng sinh. Tinh tấn hoằng thệ nghĩa là Bồ-tát trước hết khởi phương tiện tinh tấn, tâm thường gắng sức , mặc áo giáp với thệ nguyện rộng lớn mà, khởi niệm thế nầy: Ta làm nhân duyên thoát khổ cho tất cả chúng sinh, đem trăm ngàn đại kiếp làm một ngày một đêm. Như vậy với số ức trăm ngàn đại kiếp ở trong địa ngục cho đến khi thành Phật, thề không thối chuyển, không đắc Bồ-đề vô thượng, trọn không xả tinh tấn, huống gì là chỉ trong thời gian ngắn thọ chịu một ít khổ. Đấy gọi là Bồ-tát hành tinh tấn hoằng thệ. Như vậy, giống với Bồ-tát hành tinh tấn hoằng thệ, khởi hiểu một ít, tin một ít rồi có thể nuôi lớn vô lượng tánh siêng năng nơi phương tiện mở bày giác ngộ, huống gì là thành tựu tinh tấn hoằng thệ như vậy. Bồ-tát vì Bồ-đề vô thượng nên tạo lợi ích cho chúng sinh, không do vì khó khăn mà sinh tưởng thối mất.

Tinh tấn thâu giữ pháp thiện là Bồ-tát lấy tinh tấn làm phương tiện để thành tựu Bố thí Ba-la-mật, làm phương tiện để thành tựu Giới, Nhẫn, Thiền định, Trí tuệ Ba-la-mật cũng như vậy. Lược nói có bảy thứ: Một là

bất động, tất cả phiền não vọng tưởng, dị luận, vô lượng các khổ không thể làm cho nghiêng động. Hai là kiên cố, chỉnh đốn phương tiện. Ba là đắc vô lượng minh xứ, an trụ trong chánh niệm. Bốn là phương tiện đầy đủ, nghĩa vốn sẽ được không điên đảo nơi đạo, tùy thuận mà được. Năm là nghĩa chánh tinh tấn tạo lợi ích cho nghĩa vốn sẽ được để thành tựu nguyện. Sáu là sáng rõ, thường chuyên cần tạo phương tiện. Bảy là xa lìa kiêu mạn, tinh tấn theo phương tiện, tâm không tự khen ngợi. Bồ-tát tu bảy thứ nầy, thâu giữ các pháp thiện, phương tiện tinh tấn, chóng đầy đủ các Ba-la-mật, đắc quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Tất cả Bồ-đề pháp hành thiện, đều từ tinh tấn nầy mà thành tựu, vì thế nên tinh tấn nầy là nhân tối thượng, tối thắng, không còn gì hơn. Vì thế nên trong kinh, Đức Thế Tôn dùng mọi lời khen ngợi tinh tấn là nhân để đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Bồ-tát hành tinh tấn, đem lợi ích cho chúng sinh có mười một thứ, như trong phẩm giới đã nói, ở đó nói giới, ở đây nói tinh tấn.

Thế nào là Bồ-tát hành nan tinh tấn? Lược nói có ba thứ: Bồ-tát tinh tấn không gián đoạn, không tưởng về y phục, thức ăn, tưởng về giường nằm, tọa cụ, tưởng thân mình, thường tu pháp thiện, đấy gọi là nan tinh tấn thứ nhất.

Bồ-tát tinh tấn như vậy cho đến xả thân thọ thân, thường tu pháp thiện, không bỏ tinh tấn, đấy gọi là nan tinh tấn thứ hai.

Bồ-tát nầy phân biệt bình đẳng, công đức đầy đủ, không nhanh không chậm, tâm không điên đảo, lấy nghĩa thành tựu tinh tấn làm lợi ích, đó gọi là nan tinh tấn thứ ba. Lại nữa, lực của các nan tinh tấn ở Bồ-tát nầy, phải biết đó là nhân thâu giữ đại bi và trí tuệ.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết môn tinh tấn? Lược nói có bốn thứ: Một là lìa bỏ pháp nhiễm ô. Hai là sinh pháp bạch tịnh. Ba là trừ sạch ba nghiệp. Bốn là trí tuệ tăng ích.

Bỏ pháp nhiễm ô nghĩa là Bồ-tát tinh tấn lìa các phiền não, chưa khởi thì không cho khởi, khởi rồi khiến cho diệt.

Sinh pháp bạch tịnh nghĩa là chưa sinh pháp thiện nên tìm mọi phương tiện khiến cho sinh, pháp thiện sinh rồi tìm cách khiến cho tăng rộng.

Trừ sạch ba nghiệp nghĩa là Bồ-tát tinh tấn làm ba nghiệp thanh tịnh, đều có thể khéo thâu giữ nghiệp thân khẩu ý. Trí tuệ tăng ích nghĩa là Bồ-tát tinh tấn được văn, tư, tu tuệ, tăng trưởng đầy đủ.

Thế nào là Bồ-tát hành thiện nhân tinh tấn? Lược nói có năm thứ:

Một là không có không làm tất cả phương tiện dục do không dừng nghỉ. Hai là không thuận theo bậc dưới, nếu đã khởi bậc trung hoặc bậc thượng, thì nuôi lớn tinh tấn. Ba là không biếng nhác, dũng mãnh luôn sáng tỏ, lâu dài không gián đoạn, phương tiện tinh tấn tâm không thối mất, không dứt, không hoại. Bốn là tạo lợi ích không theo nghĩa điên đảo, tạo phương tiện thâu giữ. Năm là ân cần với phương tiện tinh tấn, nhanh chóng đạt đến đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết hành tinh tấn? Nghĩa là sáu thứ, bảy thứ, lược nói có mười ba thứ. Sáu thứ ấy, đó là: Thường tinh tấn là thường có phương tiện. Đốn tinh tấn là đạt đến phương tiện tột cùng. Dựa vào tinh tấn là nhờ nơi sức của tinh tấn gốc. Phương tiện tinh tấn là suy nghĩ mưu tìm phương tiện thiện xảo. Bất động tinh tấn là gặp tất cả khổ không nghiêng động, cũng không hướng theo nghĩa khác. Tinh tấn không biết đủ là thắng tấn có hạn lượng thì không hoan hỷ. Bồ-tát thành tựu sáu thứ như vậy là nhất thiết hành tinh tấn, nghĩa là ân cần tinh tấn, có thể thực hiện kiên cố, đối với các pháp thiện không thể hủy hoại.

Lại có bảy thứ: Một là cùng với dục đều tinh tấn, ân cần mong muốn phát nguyện nuôi lớn Bồ-đề vô thượng. Hai là cùng đầy đủ tinh tấn. Nơi các phiền não nhiễm ô khác tâm vẫn trụ. Đối với các pháp thiện thì tâm trụ bình đẳng. Ba là tinh tấn thắng tiến. Tâm trụ nơi các phiền não khác, phiền não như trên, đoạn phiền não kia như cứu lửa cháy đầu. Bốn là cầu tinh tấn, là mong cầu hết thảy minh xứ. Năm là học tinh tấn. Các pháp phải học như vậy, tùy theo sự thích hợp ấy mà khởi pháp tiếp pháp hướng. Sáu là tinh tấn tạo lợi ích cho chúng sinh, có mười một thứ, như trước đã nói. Bảy là tự tạo chánh phương tiện, bảo vệ tinh tấn, nếu có thiếu sót thì như pháp sám hối, đó gọi là bảy thứ. Với mười ba thứ như vậy, gọi là Bồ-tát hành nhất thiết hành tinh tấn. Bồ-tát hành trừ não tinh tấn và đời nầy đời khác vui thích tinh tấn, giống như trong phẩm nhẫn đã nói.

Thế nào là Bồ-tát hành thanh tịnh tinh tấn? Lược nói có mười thứ: Một là tùy thuận. Hai là tu tập. Ba là chuyên chú. Bốn là khéo thâu giữ. Năm là thời đầy đủ. Sáu là phân biệt tướng đầy đủ. Bảy là không thối chuyển. Tám là bất hoại. Chín là bình đẳng. Mười là hồi hướng nơi đại Bồ-đề.

Bồ-tát nầy vì dứt trừ phiền não nên tùy chỗ ứng hợp, tu tập để đối trị. Như ái trói buộc thì tu quán bất tịnh, sân thì tu tâm từ, si thì quán duyên khởi. Giác quán đảo loạn thì tu niệm An ban, mạn thì tu phân biệt giới nơi phương tiện quán. Những thứ như thế gọi là tùy thuận tinh tấn.

Bồ-tát nầy không thành tựu tinh tấn của nghiệp ban đầu, nghĩa là tâm đã chấp trụ ở bậc giáo thọ giáo giới, phương tiện tu tập, phương tiện điều phục, đấy gọi là Bồ-tát tu tập tinh tấn.

Bồ-tát nầy không tu tập tinh tấn ở bậc giáo thọ giáo giới, phương tiện trụ tâm đúng là nghiệp đầu tiên, Bồ-tát nầy đối với phương tiện ấy, chuyên tinh phương tiện, thường phương tiện, đốn phương tiện, đó gọi là tinh tấn chuyên chú.

Bồ-tát nầy nhờ vào các chỗ tôn trọng, hoặc sức của đa văn nên không thọ điên đảo, tâm kia được an trụ trong phương tiện tinh tấn, đấy gọi là tinh tấn khéo thâu giữ.

Bồ-tát nầy không thọ điên đảo như thế, khi dừng nghỉ thì tu chỉ, khi động thì tu động, khi xả thì tu xả, đấy gọi là tinh tấn thời đầy đủ.

Bồ-tát nầy đối với tướng chỉ, cử, xả, trụ nơi Tam-muội khởi tướng, thường khéo quán sát, không vọng phân biệt, đấy gọi là Bồ-tát hành tinh tấn phân biệt tướng. Bồ-tát nầy nghe nói đệ nhất thắng diệu, đệ nhất thâm diệu không thể nghĩ bàn. Vô lượng Bồ-tát với phương tiện tinh tấn, tâm không tự khinh, cũng không khiếp nhược, không thiếu thắng tấn, sinh tưởng là đủ mà không cầu tiến lên, ấy gọi là Bồ-tát hành tinh tấn không thoái chuyển.

Bồ-tát nầy thường giữ gìn căn môn, ăn uống biết lượng, đầu đêm cuối đêm không ham ngủ nghỉ, phương tiện tinh tấn, tâm trụ chánh trí. Như vậy những Tam-ma-bạt-đề đầy đủ tinh cần, thành tựu nghĩa tạo lợi ích chân chánh, đó gọi là Bồ-tát hành tinh tấn bất hoại.

Bồ-tát nầy tạo phương tiện tinh tấn, không nhanh không chậm, bình đẳng tu tập, tất cả phương tiện bình đẳng đốn tu, đấy gọi là Bồ-tát hành tinh tấn bình đẳng.

Bồ-tát nầy với tất cả phương tiện tinh tấn đã làm đều hồi hướng về Bồ-đề vô thượng, đó gọi là Bồ-tát hành tinh tấn chánh hồi hướng.

Như vậy từ tự tánh tinh tấn, cho đến thanh tịnh tinh tấn, sẽ đắc quả Đại Bồ-đề. Bồ-tát nương vào tinh tấn ấy tức hành đầy đủ Tinh tấn Ba- la-mật, chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Phẩm 13: XỨ PHƯƠNG TIỆN THIỀN

Thế nào gọi là Bồ-tát hành thiền Ba-la-mật? Lược nói có chín thứ: Một là tự tánh thiền. Hai là nhất thiết thiền. Ba là nan thiền. Bốn là nhất

thiết môn thiền. Năm là thiện nhân thiền. Sáu là nhất thiết hành thiền. Bảy là trừ não thiền. Tám là đời nầy đời khác vui thích thiền. Chín là thanh tịnh thiền.

Thế nào gọi là Bồ-tát hành tự tánh thiền? Đối với tạng Bồ-tát, nghe, suy nghĩ, trước hết hành thiện thế gian xuất thế gian, một lòng an trụ, hoặc phần chỉ, hoặc phần quán, hoặc cùng cả hai loại, hoặc đều phần, đấy gọi là tự tánh thiền.

Thế nào gọi là Bồ-tát hành nhất thiết thiền? Lược nói có hai thứ: Một là thế gian. Hai là xuất thế gian. Tùy chỗ thích hợp, mỗi thứ đều có ba loại: Một là thiền hiện pháp lạc trụ, hai là thiền sinh ra Tam-muội công đức, ba là thiền tạo lợi ích cho chúng sinh. Bồ-tát hành thiền định xa lìa tất cả vọng tưởng, thân tâm dừng nghỉ, tịch diệt bậc nhất, từ cử tâm tức, lìa bỏ tham đắm nơi vị và tất cả tướng. Đấy gọi là thiền hiện pháp lạc trụ. Bồ-tát hành thiền định, sinh ra đủ các thứ Tam-muội không thể nghĩ bàn, vô lượng vô biên thuộc về chủng tánh của mười lực. Các Tam-muội kia, hết thảy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi không biết đến tên gọi, huống gì là có thể khởi và phát sinh. Nhị thừa giải thoát, trừ nhập, nhất thiết nhập tuệ vô ngại, nguyện trí vô tránh, công đức thắng diệu. Đó gọi là thiền sinh ra Tam-muội công đức của Bồ-tát. Lợi ích cho chúng sinh có mười một thứ, như trước đã nói. Bồ-tát nương vào thiền, đối với mọi việc làm của chúng sinh, đem nghĩa lợi ích, đều cùng đồng sự để trừ các khổ. Như chỗ nên nói, biết ân báo ân, bảo vệ các sự lo sợ, các nạn buồn khổ, tất cả vì họ chỉ bày. Vật dụng sinh sống không đầy đủ thì cung cấp những thứ cần dùng, như pháp cất chứa các điều thiện có thể tùy thuận, thấy công đức thật, hoan hỷ ca ngợi, thấy người có lỗi, đem tâm từ điều phục, dùng thần lực tạo sợ hãi, hoặc khiến cho hoan hỷ, đấy gọi là lược nói nhất thiết thiền rốt ráo không gì hơn.

Thế nào gọi là Bồ-tát hành nan thiền? Lược nói có ba thứ. Bồ-tát quen tu tập thiền định thắng diệu từ lâu, đối với các Tam-muội tâm được tự tại, thương xót chúng sinh muốn cho họ được thành tựu, bỏ đệ nhất thiền lạc, sinh nơi dục giới. Đấy gọi là Bồ-tát hành nan thiền thứ nhất. Bồ-tát nương vào thiền, sinh ra vô lượng các Tam-muội sâu xa không thể nghĩ bàn, vượt lên tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi. Đó gọi là Bồ-tát hành nan thiền thứ hai. Bồ-tát nương nơi thiền chứng đắc Bồ-đề vô thượng. Đó gọi là Bồ-tát hành nan thiền thứ ba.

Thế nào gọi là Bồ-tát hành nhất thiết môn thiền? Lược nói có bốn thứ: Một là thiền có quán có giác. Hai là thiền kết hợp với hỷ. Ba là thiền kết hợp với lạc. Bốn là thiền kết hợp với xả.

Thế nào gọi là Bồ-tát hành thiện nhân thiền? Lược nói có năm thứ: Một là không tham đắm vị. Hai là cùng hành với tâm từ. Ba là cùng hành với tâm bi. Bốn là cùng hành với tâm hỷ. Năm là cùng hành với tâm xả.

Thế nào gọi là Bồ-tát hành nhất thiết hành thiền? Đó là sáu thứ, bảy thứ, lược nói có mười ba thứ: Thiền thiện, thiền vô ký hóa hóa, thiền phần chỉ, phần quán, thiền tự lợi tha lợi, thiền chánh niệm, thiền xuất sinh lực thần thông công đức, danh duyên, nghĩa duyên, chỉ tướng duyên, cử tướng duyên, xả tướng duyên, thiền hiện pháp lạc trụ đệ nhất nghĩa, đó gọi là mười ba thứ nhất thiết hành thiền của Bồ-tát.

Thế nào gọi là Bồ-tát hành trừ não thiền? Lược nói có tám thứ: Một là Bồ-tát nhập định, trừ các khổ hoạn, các độc hại, như mưa đá, sương muối, bệnh nóng, bệnh quỷ, đấy gọi là chú thuật đã dựa vào thiền. Hai là Bồ-tát nhập định, có thể trừ các bệnh từ bốn đại khởi lên, đấy gọi là trừ khổ thiền. Ba là Bồ-tát nhập định có thể khởi lên mưa cam lồ, tiêu trừ tai nạn, cứu giúp đói khát, đó gọi là vân vũ thiền. Bốn là Bồ-tát nhập định, cứu giúp các nạn sợ hãi, khiến tất cả nhân, phi nhân ở dưới nước, trên đất đều lo sợ, đấy gọi là đẳng độ thiền. Năm là Bồ- tát nhập định, có thể đem các thức ăn uống tạo lợi ích cho chúng sinh đói khát ở chốn đồng trống vắng, đấy gọi là lợi ích thiền. Sáu là Bồ-tát nhập định, hay đem của cải vật dụng điều phục chúng sinh, đó gọi là điều phục thiền. Bảy là Bồ-tát nhập định, biết rõ các thứ say mê ở trong mười phương, nhằm mở bày tạo giác ngộ, đấy gọi là khai giác thiền. Tám là Bồ-tát nhập định, chúng sinh làm gì thảy đều giúp cho thành tựu, đó gọi là đẳng tác thiền.

Thế nào gọi là Bồ-tát hành thiền đời nầy đời khác vui thích? Lược nói có chín thứ: Một là thiền thị hiện thần túc, điều phục chúng sinh. Hai là thiền thị hiện tùy thuyết, điều phục chúng sinh. Ba là thiền biến hiện những điều răn dạy, điều phục chúng sinh. Bốn là thiền vì chúng sinh ác thị hiện cõi ác. Năm là thiền vì chúng sinh mất sự tranh luận, dùng tranh luận tạo lợi ích. Sáu là thiền vì các chúng sinh mất sự nhớ nghĩ, dùng niệm tạo lợi ích. Bảy là thiền tạo luận không điên đảo, vi diệu, tán tụng Ma-đắc-lặc-già, khiến chánh pháp trụ lâu ở đời. Tám là thiền đối với các kỹ thuật của thế gian có nghĩa tạo lợi ích thâu giữ chúng sinh, đó là thư, số, toán, kế, các phương pháp mưu sinh v.v…. Chín là thiền phóng hào quang tạm dứt các khổ nơi đường ác.

Thế nào gọi là thanh tịnh thiền của Bồ-tát? Lược nói có mười thứ: Một là thiền tịnh thế gian thanh tịnh, không vị, không nhiễm ô. Hai là thiền tịnh xuất thế gian thanh tịnh. Ba là thiền tịnh phương tiện thanh tịnh. Bốn

là thiền tịnh đạt căn bản thanh tịnh. Năm là thiền tịnh căn bản thượng thắng tấn thanh tịnh. Sáu là thiền tịnh lực nhập trụ khởi thanh tịnh. Bảy là thiền tịnh lực xả lại nhập thanh tịnh. Tám là thiền tịnh lực thần thông đã tạo ra thanh tịnh. Chín là thiền tịnh lìa tất cả kiến chấp đạt thanh tịnh. Mười là thiền tịnh đoạn chướng phiền não, chướng trí đạt thanh tịnh. Bồ-tát với vô lượng thiền như vậy, được quả đại Bồ-đề. Bồ-tát nương vào đấy chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Phẩm 14: XỨ PHƯƠNG TIỆN TUỆ

Thế nào là Bồ-tát hành Bát nhã Ba-la-mật? Lược nói có chín thứ: Một là tự tánh tuệ. Hai là nhất thiết tuệ. Ba là nan tuệ. Bốn là nhất thiết môn tuệ. Năm là thiện nhân tuệ. Sáu là nhất thiết hành tuệ. Bảy là trừ não tuệ. Tám là đời nầy đời khác vui thích tuệ. Chín là thanh tịnh tuệ.

Thế nào là Bồ-tát hành tự tánh tuệ? Nhập tất cả cảnh giới của đối tượng nhận biết, tùy theo cảnh giới nhập rồi, như pháp mà chọn, quán duyên năm minh xứ, là nội minh, nhân minh, thanh minh, y phương minh, thế công xảo minh. Đấy gọi là tự tánh tuệ.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết tuệ? Lược nói có hai thứ: Một là thế gian. Hai là xuất thế gian. Thế gian, xuất thế gian mỗi thứ đều có ba: Đối tượng nhận biết chân thật, tùy theo sự hiểu biết mà phân biệt. Hai là khéo thâu giữ năm minh xứ và ba tụ pháp. Ba là những việc tạo lợi ích cho chúng sinh, Bồ-tát dùng vô ngôn nói pháp vô ngã để hiểu rõ chân đế. Hiểu rồi, đối với thượng Bát nhã xứ tịch diệt bậc nhất, buộc niệm an trụ, lìa các vọng tưởng, diệt trừ hư giả, nhập quán bình đẳng nơi đại tổng tướng; kiến lập và hủy báng hai thứ ấy đều xa lìa, đi vào trung đạo. Đấy gọi là tuệ tùy giác phân biệt. Khéo thâu giữ năm minh xứ như trong phẩm Lực chủng tánh đã nói rộng.

Ba tụ nghĩa là pháp tụ nghĩa tạo lợi ích, là pháp tụ không phải nghĩa tạo lợi ích, là pháp tụ phi nghĩa tạo lợi ích, phi phi nghĩa tạo lợi ích. Tám xứ như vậy, Bát nhã khéo thâu giữ, đầy đủ vô thượng đại tuệ, chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Những việc làm lợi ích cho chúng sinh có mười một loại, như trước đã nói, đối với mỗi một xứ kia, trí tuệ tạo phương tiện điều phục chúng sinh.

Thế nào là nan tuệ? Lược nói có ba thứ: Biết rõ về pháp vô ngã sâu

xa, đó gọi là nan tuệ thứ nhất. Tạo phương tiện để điều phục chúng sinh, đó gọi là nan tuệ thứ hai. Tất cả chỗ hiểu biết không có chướng ngại, đó gọi là nan tuệ thứ ba.

Thế nào gọi là nhất thiết môn tuệ? Lược nêu có bốn thứ: Đó là tuệ học tạng Thanh văn, tạng Bồ-tát, hành văn, tư. Bồ-tát suy nghĩ về việc làm tùy thuận, lìa các chướng ngại, tuệ thuộc về lực tư duy. Vô lượng tuệ nơi chánh định địa thuộc về lực tu tập.

Thế nào là Bồ-tát hành thiện nhân tuệ? Lược nói có năm thứ: Một là tuệ được nghe chánh pháp. Hai là tuệ kết hợp nội chánh tư duy. Ba là tuệ kết hợp phương tiện tự lợi lợi tha. Bốn là tuệ đối với các pháp, pháp tướng, pháp trụ quyết định không điên đảo. Năm là tuệ lìa phiền não. Lại có năm thứ: Một là vi tế, như nhập nơi cảnh giới của tánh kia. Hai là rộng khắp, như nhập nơi cảnh giới của tánh kia. Ba là các thứ trí tuệ vốn được cùng sinh. Bốn là chư Phật Như Lai và Bồ-tát đại địa đã thuyết giảng pháp nghĩa, đều có thể thọ trì. Năm là tuệ đạt được địa tâm tịnh cho đến thọ tuệ thuộc về địa cứu cánh.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết hành tuệ? Đó là sáu thứ, bảy thứ, lược nói có mười ba thứ: Nơi bốn chân đế là: Khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, cứu cánh tận trí, vô sinh trí, đó gọi là sáu thứ. Bảy thứ là: Pháp trí, tỷ trí, đẳng trí, thần thông trí, tướng trí, mười lực phương tiện trí, bốn sự cụ túc trí.

Thế nào là Bồ-tát hành trừ não tuệ? Lược nói có tám thứ: Một là biết kinh pháp nên gọi là pháp vô ngại. Hai là biết pháp tướng nên gọi là nghĩa vô ngại. Ba là biết tên các pháp nên gọi là từ vô ngại. Bốn là biết các pháp với đủ loại cú, nghĩa, nên gọi là lạc thuyết vô ngại. Năm là trí hàng phục tất cả dị luận. Sáu là trí kiến lập tất cả chánh luận. Bảy là trí có thể tu sửa sản nghiệp, tăng trưởng tiền tài. Tám là trí khéo hiểu biết về vương pháp, quyết đoán việc đời.

Thế nào là Bồ-tát hành tuệ đời nầy đời khác đều vui thích? Lược nói có chín thứ: Với nội minh xứ, trí khéo kiến lập thanh tịnh. Trí đối với nhân minh, thanh minh, y phương minh, thế công xảo minh, nội minh, đều khéo kiến lập thanh tịnh. Như vậy Bồ-tát khéo nương vào năm minh thanh tịnh để điều phục chúng sinh ngu si, buông thả, biếng nhác, khiến họ thuận nơi nẻo chánh. Theo thứ tự của những điều kia, chỉ dạy rõ ràng, soi sáng, hoan hỷ.

Thế nào gọi là Bồ-tát hành thanh tịnh tuệ? Lược nói có mười thứ: Nghĩa chân thật có hai thứ, cho đến nghĩa tánh như, tánh chân thật. Nghĩa

thâu nhận lưu chuyển có hai thứ, là chánh nhân và quả. Nghĩa thâu nhận giữ lấy có hai thứ, là điên đảo, không điên đảo, đều nhận biết như thật. Nghĩa phương tiện có hai thứ, là tất cả nên làm, không nên làm, đều nhận biết như thật. Nghĩa cứu cánh có hai thứ: cấu uế và thanh tịnh, đều nhận biết như thật. Như thế với năm loại gồm mười thứ, phân biệt tuệ tịnh, nên biết là thanh tịnh thứ nhất. Bồ-tát như thế khéo quyết định nơi tuệ vô thượng, đắc quả Đại Bồ-đề. Bồ-tát nương vào đấy, hành đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Sáu thứ Ba-la-mật nầy, khắp trong các kinh Đức Thế Tôn luôn phân biệt giảng nói. Tôi nay lược nói, nên tạo sự phân biệt nầy: Trong kinh Đức Như Lai đã nói Bố thí Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật, phân biệt từ Tự tánh bố thí Ba-la-mật cho đến Thanh tịnh bố thí Ba-la-mật gồm thâu, tùy theo chỗ thích ứng với pháp kia. Như vậy, Giới Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật gồm thâu, tùy theo chỗ thích ứng với pháp kia, nên biết cũng như vậy. Khi Như Lai còn làm Bồ-tát, ở trong vô lượng đời luôn tương ưng khổ hạnh, tất cả bố thí Ba-la-mật đều tương ưng, nên biết cho đến Trí Tuệ Ba-la-mật tương ưng, hoặc là một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc cả sáu Ba-la-mật. Nên biết sáu Ba-la-mật nầy phát khởi Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, Bồ-tát với pháp đại thanh tịnh như biển lớn trong sạch, nhân của hết thảy chủng loại chánh pháp hết thảy chúng sinh là châu báu vô cùng quý giá. như vậy với vô lượng các thứ công đức trí tuệ đầy đủ, sẽ chứng đắc quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, rốt ráo không gì hơn.

-oOo-

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 7

Phẩm 15: XỨ PHƯƠNG TIỆN BỐN NHIẾP

Thế nào là Bồ-tát hành ái ngữ? Lược nói có chín thứ: Một là tự tánh ái ngữ. Hai là nhất thiết ái ngữ. Ba là nan ái ngữ. Bốn là nhất thiết môn ái ngữ. Năm là thiện nhân ái ngữ. Sáu là nhất thiết hành ái ngữ. Bảy là trừ não ái ngữ. Tám là đời nầy đời khác lạc ái ngữ. Chín là thanh tịnh ái ngữ.

Thế nào là Bồ-tát hành tự tánh ái ngữ? Bồ-tát nầy có thể vui nơi nghĩa, chân thật như pháp, nói lời tạo lợi ích, nói lời cùng với chúng sinh, đó gọi là tự tánh ái ngữ của Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết ái ngữ? Lược nói có hai thứ. Bồ- tát thăm hỏi an ủi, trước khi hỏi dáng mặt hiền hòa, nhìn thẳng, dung mạo dịu dàng, chánh niệm hiện tiền mới nói: Đường đi yên lành, bốn đại điều hợp, ngủ thức an lạc, khen ngợi Thiện lai. Những thứ như vậy, tâm tùy thuận thế gian mà thăm hỏi, an ủi, dùng lời khéo léo để thăm hỏi, an ủi. Hoặc lại chú nguyện, khiến vợ con, thân thuộc, tiền tài, lúa gạo dồi dào, thêm nhiều. Thấy người đầy đủ công đức thì khen họ về tín, giới, thí văn trí tuệ, khiến họ hoan hỷ. Bồ-tát nói pháp tương ưng với tất cả công đức, làm cho chúng sinh an vui, thường nói những thuyết thắng diệu bậc nhất, lời nói tạo lợi ích. Đó gọi là Bồ-tát hành nhất thiết ái ngữ.

Ái ngữ của Bồ-tát phân biệt có hai thứ: Lời nói tùy thuận thế gian và lời nói thuyết pháp chân chánh. An ủi, thăm hỏi tán thán là lời nói tùy thuận thế gian. Nói về những lợi ích thắng diệu bậc nhất, đấy gọi là lời nói thuyết pháp chân chánh.

Thế nào là Bồ-tát hành nan ái ngữ? Lược nói có ba thứ: Bồ-tát đối với chỗ oan gia thì đem tâm thanh tịnh tìm cách an ủi khuyến dụ, khiến cho kẻ kia sinh vui, thấy lợi ích mà cùng nói năng. Đó gọi là nan ái ngữ thứ nhất.

Bồ-tát đối với chúng sinh căn cơ thấp kém, ngu si tăng thượng thì đem tâm không nhàm chán suy nghĩ tính lường, vì họ mà thuyết pháp, nhẫn nhịn các thứ khổ nhọc, dùng pháp thâu giữ, vì họ giảng nói đầy đủ. Đó gọi

là nan ái ngữ thứ hai.

Bồ-tát đối với chúng sinh quanh co, dua nịnh, giả trá, khi dể Hòa thượng, A-xà-lê và những bậc phước điền tôn trọng, hoặc bỏ chánh hướng tà thì đem tâm vô hại làm phương tiện an ủi khuyến dụ, vì họ nói pháp khiến kẻ kia sinh vui vẻ đạt lợi ích. Đó gọi là nan ái ngữ thứ ba.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết môn ái ngữ? Lược nêu có bốn thứ: Một là đoạn trừ các "cái", hướng đến nẻo thiện, nói pháp đầu tiên nên làm. Hai là đoạn trừ các cái, tâm thật tiến thêm, nói pháp ứng hợp với bốn chân đế. Ba là thấy chúng sinh tại gia, xuất gia phóng dật, tâm bình đẳng quở trách, khiến họ xa lìa phóng dật, trụ ở không phóng dật. Bốn là đã khởi nghi hoặc, Bồ-tát có thể vì họ mở giải, hoặc thuyết pháp hoặc luận quyết định.

Thế nào là Bồ-tát hành thiện nhân ái ngữ? Lược nêu có năm thứ: Một là Bồ-tát nầy nói pháp điều phục là chánh nhân của chư Phật Bồ- tát. Hai là chánh xuất. Ba là chánh y. Bốn là chánh độ. Năm là chánh thị hiện. Nơi chốn và lý do chế giới, nên pháp nầy gọi là chánh nhân. Đối với giới đã thọ, có chỗ hủy phạm thì chỉ dạy khiến thanh tịnh trở lại, do đó pháp nầy gọi là chánh xuất. Nói pháp luật không điên đảo thuộc về bốn nương dựa, cho đến xứ đạo, vì thế pháp nầy gọi là chánh y. Chỉ bày về đạo xuất ly tất cả khổ, bất thoái chuyển, cho nên pháp nầy gọi là chánh độ. Ba thứ thị hiện, đối với tất cả thuyết không ngăn ngại, vì thế pháp nầy gọi là chánh thị hiện.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết hành ái ngữ? Đó là sáu thứ, bảy thứ, lược nói có mười ba thứ. Ai ngữ về pháp được nghe, đáng được nghe. Ái ngữ về pháp được ngăn ngừa, đáng ngăn ngừa. Ái ngữ về pháp nơi các kinh hiện có. Ái ngữ về các pháp tướng hiện có. Ái ngữ về các pháp hiện có danh tự không không điên đảo. Ái ngữ về pháp cú các thứ phân biệt. Ái ngữ an ủi khuyến dụ. Ái ngữ phát khởi hoan hỉ. Ái ngữ về tự thân thỏa mãn an dùng các vật dụng thay thế các lãnh nạp tiếp nhận giả tạo của mình tạo trước đây. Ái ngữ về vô số các thứ khủng bố để thiết lập sự an ổn. Ái ngữ thuyết pháp đầy đủ, thâu giữ chúng sinh.

Ái ngữ mở tỏ pháp bất thiện, an lập pháp thiện, kiến, văn, nghi, cử tội điều phục. Ái ngữ khuyên người có lực thuyết pháp. Mười ba thứ như vậy gọi là nhất thiết hành ái ngữ.

Thế nào là Bồ-tát hành trừ não ái ngữ? Lược nói có tám thứ. Bồ- tát nầy nương nơi bốn tịnh của khẩu và tám thứ Thánh ngữ, đấy gọi là ái ngữ trừ não. Bốn tịnh của khẩu nghĩa là xa lìa nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác và nói lời thêu dệt. Tám thứ Thánh ngữ là nói kiến, văn, giác, tri, hoặc nói: Bất kiến, bất văn, bất giác và bất tri.

Thế nào gọi là đời nầy đời khác lạc ái ngữ của Bồ-tát? Lược nói có chín thứ: Một là đoạn trừ nạn lo, khổ cho bà con, nên dùng ái ngữ để thuyết pháp. Hai là đoạn trừ nạn lo khổ về của cải, nên dùng ái ngữ để thuyết pháp. Ba là đoạn trừ nạn lo khổ về bệnh tật, nên dùng ái ngữ để thuyết pháp. Bốn là đoạn trừ nạn lo khổ về giới, nên dùng ái ngữ để thuyết pháp. Năm là đoạn trừ sầu khổ về kiến giải, nên dùng ái ngữ để thuyết pháp. Đầy đủ giới, đầy đủ kiến giải, đầy đủ oai nghi, đầy đủ chánh mạng, cho nên dùng ái ngữ để thuyết pháp.

Thế nào là Bồ-tát hành thanh tịnh ái ngữ? Nên biết có hai mươi cách thuyết pháp, như trong phẩm Lực chủng tánh, đã nói ở trước.

Thế nào là Bồ-tát hành hành lợi? Người hành lợi kia như ái ngữ. Nói rộng về chỗ dị biệt nơi hành lợi, nay sẽ nêu bày. Nghĩa là Bồ-tát với tất cả loại ái ngữ, tùy theo nghĩa đã nói có lợi làm an vui cho chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát hành tự tánh hành lợi? Là đầy đủ ái ngữ, chỉ bày cho chúng sinh, như chỗ nên học, tùy theo lợi mà hành, hành pháp tiếp pháp hướng, trụ trong tâm bi, tâm không tham đắm, khuyến dụ, dẫn dắt, dạy trao, điều phục, an lập. Đấy gọi là lược nói về tự tánh hành lợi.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết hành lợi? Lược nói có hai thứ: Đối với tất cả chúng sinh chưa thuần thục thì tạo phương tiện khiến cho thuần thục, người thuần thục rồi khiến đạt được giải thoát. Lại nói có ba thứ: Một là cho lợi đời nầy. Hai là cho lợi đời sau. Ba là đời nay đời sau đều lợi. Khuyến khích khiến cho chúng sinh tạo đức nghiệp như pháp, đạt được giàu sang, nhiều của cải giữ gìn, tăng trưởng, đời hiện tại được lợi ích, an vui, nơi đời nầy được tiếng tăm rộng lớn, đầy đủ các điều vui thích. Để thâu nhận an lập thì khuyến xả bỏ của cải to lớn, từ bỏ gia đình xuất gia, xin ăn nuôi mạng sống, cho đời sau được lợi lạc. Do chắc chắn được nên hiện tại là chẳng chắc chắn thì tức khuyên người tại gia, xuất gia lần lượt lìa dục. Đấy gọi là đời nay, đời sau đạt lợi ích an vui. Trong đời nầy thân tâm dừng nghỉ, an ổn vui trụ, đời sau sẽ sinh lên cõi trời thanh tịnh vi diệu, đến cõi Niết-bàn Vô dư mà bát Niết-bàn.

Thế nào là Bồ-tát hành nan hành lợi? Lược nói có ba thứ: Đối với chúng sinh từ trước đến nay không tu nhân thiện mà Bồ tát có thể hành lợi, đó gọi là nan hành lợi thứ nhất, nghĩa là khuyến hóa khổ. Nếu chúng sinh xưa tu thiện căn được nhiều của cải quý báu, nặng khởi tham đắm mà Bồ tát có thể hành lợi, đó gọi là nan hành lợi thứ hai, nghĩa là nơi kia rất phóng túng. Dị học của ngoại đạo, vốn chấp trước tà kiến mà Bồ tát có thể hành lợi, đấy gọi là nan hành lợi thứ ba, nghĩa là kia ngu si rất trái chánh pháp.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết môn hành lợi? Lược nói có bốn thứ: Một là Bồ-tát đối với người không tin khuyến khích khiến sinh tin, cho đến kiến lập. Hai là với người thọ giới ác, khuyến tu giới tịnh. Ba là với người tuệ ác khuyên họ tu tuệ chánh. Bốn là với người keo kiệt khiến họ tu ân huệ bố thí, cho đến kiến lập.

Thế nào là Bồ-tát hành thiện nhân hành lợi? Lược nói có năm thứ: Một là Bồ-tát nầy đối với chúng sinh ban cho lợi chân thật. Hai là ban cho đúng lúc. Ba là ban cho nghĩa lợi ích. Bốn là ban cho sự dịu dàng, hòa nhã. Năm là ban cho tâm từ.

Thế nào là Bồ-tát hành nhất thiết hành hành lợi? Đó là sáu thứ, bảy thứ, lược nói có mười ba thứ: Bồ-tát nầy thâu giữ những người nên thâu giữ, điều phục những người nên điều phục, người làm trái với pháp Phật thì trừ bỏ chướng ngại cho họ, chúng sinh ở giữa khiến họ vào pháp luật, người đã vào đem pháp của ba thừa thành thục cho họ, người đã thành thục khiến được giải thoát. Các vật dụng hộ trì, nuôi dưỡng, khuyến hóa, dẫn dắt khiến được thành tựu, đó là khuyên bỏ Tiểu thừa giữ gìn Đại thừa như các vật dụng hộ trì, nuôi dưỡng. Như thế, người một mình yên tĩnh, nhất tâm làm tịnh các chướng ngại, nhớ nghĩ và tu thì khuyến khích khiến cho thành thục. Người có chủng tánh Thanh văn, Duyên giác thì dùng thừa Thanh văn, Duyên giác mà thành thục họ. Người có chủng tánh Như Lai thì dùng Bồ-đề vô thượng để thành thục họ.

Thế nào là Bồ-tát hành trừ não hành lợi? Lược nêu có tám thứ: Nếu có chúng sinh có chỗ đáng xấu hổ, thì khiến xả bỏ chỗ trói buộc của không xấu hổ, tâm được mở tỏ, biết rõ chỗ trói buộc của không xấu hổ. Như là: các trói buộc của không thẹn, thùy miên, trạo, hối, xan, tật, đều khiến mở tỏ, biết rõ cũng lại như vậy.

Thế nào là Bồ-tát nơi đời nầy đời khác lạc hành lợi? Lược nói có chín thứ: Khiến khắp chúng sinh thân nghiệp thanh tịnh, nghĩa là truyền trao tất cả loại không sát sinh, tất cả loại không trộm cắp, tất cả loại không tà dâm, tất cả loại không uống rượu. Khiến khắp chúng sinh khẩu nghiệp thanh tịnh, nghĩa là dạy cho tất cả loại không nói dối, tất cả loại không nói hai lời, tất cả loại không nói thô ác, tất cả loại không nói lời thêu dệt. Khiến khắp chúng sinh ý nghiệp thanh tịnh, nghĩa là dạy trao cho không tham, không sân, chánh kiến.

Thế nào là Bồ-tát hành thanh tịnh hành lợi? Lược nêu có mười thứ: Năm thứ nội thanh tịnh và năm thứ ngoại thanh tịnh. Năm thứ ngoại thanh tịnh: Một là vô tội. Hai là không tùy chuyển. Ba là thứ lớp. Bốn là tất cả.

Năm là như chỗ ứng hợp.

Người làm đủ loại ác, người một mực làm ác, người lấy làm ác là trước tiên, thì dùng pháp thiện mà thành tựu họ, đó gọi là Bồ tát hành lợi vô tội để an lạc cho chúng sinh. Người ưa thích giải thoát thì khuyến khích khiến họ giải thoát, đấy gọi là hành lợi với người không tùy chuyển để an chúng sinh. Chúng sinh còn trẻ dại, thì trước giảng nói pháp thô, dạy bảo thô gần để tùy thuận họ. Biết người có trí vừa, vì họ giảng nói pháp trung, răn dạy để tùy thuận. Người trí tuệ thù thắng, vì họ giảng nói pháp sâu xa vi diệu để tùy thuận răn dạy, khiến họ theo thứ lớp dần dần được pháp thiện. Đó gọi là hành lợi theo thứ lớp để an chúng sinh. Từ bốn tánh cho đến tất cả chúng sinh nơi trời, người, tùy theo năng lực mà tạo lợi ích an lạc. Đó gọi là hành lợi cho tất cả để an lạc cho chúng sinh. Người hạ thiện, trung thiện, thượng thiện, tùy theo sự thích ứng của họ mà có phương tiện đem lại lợi lạc an vui, đấy gọi là hành lợi như chỗ ứng hợp. Đây là năm thứ ngoại thanh tịnh hành lợi.

Năm thứ nội thanh tịnh: Nghĩa là Bồ-tát nầy rộng trụ trong tâm bi mà hành lợi an lạc cho chúng sinh. Bồ-tát nầy nhẫn chịu tất cả khổ mà không biếng trễ mỏi mệt, tâm thường hoan hỷ, hành lợi an lạc cho chúng sinh. Bồ-tát nầy đem thân tự tại, khiêm nhường chịu kém, như người giúp việc, như người con hiếu thảo, như con của người Chiên-đà- la để lìa các ngã mạn, hành lợi an lạc cho chúng sinh. Bồ-tát nầy xa lìa lợi dưỡng, tâm không giả dối, tâm giữ lấy điều thắng diệu, mà hành lợi an lạc cho chúng sinh. Bồ-tát nầy đối với chỗ cứu cánh trọn không thối chuyển, thường đem tâm từ hành lợi an lạc cho chúng sinh. Đó gọi là năm thứ nội thanh tịnh. Như vậy nội ngoại đều đủ năm thứ thanh tịnh, đấy gọi là mười thứ thanh tịnh hành lợi an lạc cho chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát hành đồng lợi? Là Bồ-tát nầy với nghĩa ấy, thiện ấy, hoặc bằng, hoặc hơn, trao cho chúng sinh đều cùng đồng như mình. Đấy gọi là Bồ-tát cùng chúng sinh đồng lợi. Bồ-tát được đồng lợi ấy sẽ điều phục chúng sinh, quyết định vững chắc, trọn không thối chuyển nơi việc khuyên dạy trao các pháp thiện. Vì sao? Vì kẻ kia sẽ khởi niệm: Bồ-tát nầy đã cùng ta đồng lợi, chắc chắn có thể khiến ta an ổn, vui sướng, vì Bồ-tát đã dạy trao cho ta, chính là của ta tự tu hành, hoàn toàn là nhân vui để tự tu hành. Nếu đem đồng lợi dạy trao cho chúng sinh, kẻ kia trọn không nói, tự ông không hành làm sao khuyên trao dạy bảo người khác, ông nên theo người khác thưa hỏi thọ nhận sự chỉ dạy.

Có Bồ-tát đồng lợi với người khác, đồng lợi như thế không chỉ bày

cho người. Có Bồ-tát không đồng lợi như vậy mà chỉ bày về đồng lợi. Có Bồ-tát đồng lợi, cũng chỉ bày người khác về đồng lợi. Có Bồ-tát không đồng lợi, cũng không chỉ bày người khác về đồng lợi.

Trường hợp thứ nhất: Những công đức của các Bồ-tát, những công đức an trụ đạo Bồ-tát thì Bồ-tát ẩn giấu công đức chân thật, không muốn hiển bày.

Trường hợp thứ hai: Chúng sinh căn cơ thấp kém, lo sợ đối với pháp sâu xa, Bồ-tát suy nghĩ tìm phương tiện điều phục, hiện đồng với pháp kia, như Chiên-đà-la để họ nhanh chóng được lợi ích, điều phục dứt trừ phiền não, nên hiện cùng đồng với chúng sinh kia.

Trường hợp thứ ba: Vì điều phục chúng sinh kia tiếp nhận chúng sinh có thiện căn lay động nên Bồ-tát dùng an trụ thiện căn, hoặc thiện căn loại thượng hiển thị đồng lợi.

Trường hợp thứ tư: Tâm tự phóng dật, xả bỏ tha lợi, từ các thứ thí như trước nói, như trong giới đã nêu rộng, cho đến đồng lợi nơi các Ba- la-mật kia, tự thành thục pháp Phật, thành thục nhiếp sự. Đó gọi là lược nói về nghiệp pháp thiện của Bồ-tát.

Từ các thứ thí cho đến đồng lợi, đó là các loại Bồ-đề phần với vô số vô lượng pháp thiện, nên biết ba thứ hành, hai thứ thắng, ba thứ làm tịnh hành thân khẩu ý. Đó là những hành thượng diệu, không bị nhiễm ô, nên biết đó là thù thắng, không gì hơn, không cùng. Đối với chúng sinh kia là như nhau, sự như nhau, thời như nhau. Đấy gọi là thượng diệu. Chúng sinh như nhau nghĩa là Bồ-tát vì tất cả chúng sinh mà hành bố thí… thiện căn không vì riêng mình. Sự như nhau là Bồ-tát hành thí với tất cả mọi thứ thiện căn. Thời như nhau là Bồ-tát không xa lìa phương tiện, thời tiết, ngày đêm, đời nay, đời sau luôn tu thí… thiện căn, tâm không dừng nghỉ.

Không nhiễm có bốn thứ: Bồ-tát nầy với tâm hoan hỷ tu tập pháp thiện, không nhân vì thế sinh tâm lo khổ, hối hận. Bồ-tát nầy không não hại người khác, không vướng mắc nơi các kiến, không hành xấu ác, chỉ hành các thiện căn về bố thí v. v.... Bồ-tát nầy, với tất cả công đức của tự mình đều chuyên nhằm hiển hiện, kiên cố hiển hiện, sự tịch diệt quyết định, không do nơi người khác để hành các pháp thiện, như là thí, giới v.v... Bồ-tát nầy không ở trong pháp thiện như bố thí… mà cầu quả báo, hoặc Chuyển luân Thánh vương, Đế thích, Ma, Phạm; không cầu báo nơi người khác, không nương vào những thứ nầy cầu danh lợi, thân mạng. Đối với những hành ấy thảy đều thanh tịnh hoan hỷ, không não loạn người, chuyên chú không nương theo thí… cho đến hành các pháp thiện như đồng lợi. Đấy gọi

là vô nhiễm. Sáng rõ không động, vui tịnh, đó gọi là thanh tịnh. Bồ-tát nhập địa tâm tịnh, hết thảy thiện căn sáng rõ bất động, là địa tâm tịnh sáng rõ. Bồ-tát với hết thảy pháp thiện, không khởi tư duy, là địa tâm tịnh bất động. Bồ-tát tùy chỗ đạt được, chỗ tu pháp thiện tức không thối chuyển, ở đời vị lai nhất định không lùi, ngày đêm tăng trưởng như phần sáng của một tháng, pháp thiện ngày đêm tăng trưởng không lùi cũng lại như vậy. Bồ-tát trụ nơi địa Bồ-tát rốt ráo một đời tương tục, nếu sau cùng có chỗ đạt được thiện căn, gọi là vui tịnh. Đối với bậc trên, lại không có địa Bồ-tát tịnh. Đó gọi là ba thứ hành thiện, ba thứ thắng, ba thứ tịnh. Nên biết từ bố thí Ba-la-mật, cho đến đồng lợi, tất cả bố thí là v.v…, cho đến tất cả đồng lợi, Như Lai tu tập thanh tịnh, sinh quả báo là đầy đủ sung mãn Bồ-đề vô thượng, thân kim cang kiên cố chánh pháp trụ lâu.

Từ nan thí cho đến nan đồng lợi, Như Lai tu tập thanh tịnh sinh quả báo là thành tựu pháp bình đẳng thù đặc chưa từng có. Từ nhất thiết môn thí, cho đến nhất thiết môn đồng lợi, Như Lai tu tập thanh tịnh sinh quả báo là được hết thảy chúng sinh tối thắng trong cõi trời, người cúng dường. Từ thiện nhân thí… cho đến thiện nhân đồng lợi, Như Lai tu tập thanh tịnh sinh quả báo là đối với các loài không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, sắc, vô sắc, tưởng, vô tưởng, phi tưởng, phi phi tưởng, là bậc tối thượng đối với tất cả chúng sinh. Từ nhất thiết hành thí cho đến nhất thiết hành đồng lợi, Như Lai tu tập thanh tịnh, sinh quả báo là đủ các thứ công đức vô lượng, thâu nhận ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi vẻ đẹp tùy thân. Từ trừ não thí cho đến trừ não đồng lợi, Như Lai tu tập thanh tịnh, sinh quả báo ở nơi cội cây Bồ-đề, tất cả ma oán không thể khuynh động.

Đời nầy đời khác lạc thí cho đến đời nầy đời khác lạc đồng lợi, Như Lai tu tập thanh tịnh, sinh quả báo là thiền giải thoát đạt tối thắng, Tam-muội chánh thọ, an lạc. Từ thanh tịnh thí cho đến thanh tịnh đồng lợi, Như Lai tu tập thanh tịnh, sinh quả báo là nhất thiết chủng thanh tịnh, đó là bốn chủng tịnh, tức thân tịnh, duyên tịnh, trí tịnh và tâm tịnh; sinh quả báo là ba bất hộ, mười lực, bốn vô úy, ba niệm xứ, nhất thiết pháp Phật bất cộng thanh tịnh. Đó gọi là quả báo vô thượng của các pháp thiện do bố thí v.v… của Bồ-tát, vì vô lượng Bồ-tát hành vô tội đã sinh ra.

Phẩm 16: XỨ PHƯƠNG TIỆN CÚNG DƯỜNG TẬP CẬN VÔ LƯỢNG

Thế nào là Bồ-tát cúng dường Như Lai? Lược nêu có mười: Một là

cúng dường thân. Hai là cúng dường tháp miếu. Ba là cúng dường hiện tiền. Bốn là cúng dường không hiện tiền. Năm là tự mình làm cúng dường. Sáu là người khác làm cúng dường. Bảy là cúng dường của cải. Tám là cúng dường thù thắng. Chín là cúng dường không nhiễm ô. Mười là cúng dường chí xứ đạo.

Nếu Bồ-tát đối với sắc thân của Phật mà cúng dường, đó gọi là cúng dường thân.

Nếu Bồ-tát vì Như Lai hoặc cúng dường Thâu bà hoặc nơi hang, hoặc nơi nhà, hoặc cũ, hoặc mới. Đấy gọi là cúng dường tháp miếu (chi đề).

Nếu Bồ-tát mặt thấy thân Phật và tháp miếu mà thiết lễ cúng dường, đó gọi là cúng dường hiện tiền.

Nếu Bồ-tát đối với Như Lai và tháp miếu, tâm cũng trông mong, cũng hoan hỷ, hiện tiền cúng dường, như một pháp Như Lai, như vậy là tất cả pháp Như Lai nơi quá khứ, vị lai, hiện tại. Như một pháp tháp miếu Như Lai, như vậy nơi tất cả pháp tháp miếu Như Lai, khởi niệm thế nầy: Con nay hiện tiền cúng dường Như Lai và cúng dường Như Lai trong các đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Con nay hiện tiền cúng dường tháp miếu Như Lai và cúng dường hết thảy tháp miếu trong vô lượng thế giới khắp tất cả mười phương, hoặc Thâu bà, hoặc hang, hoặc nhà, hoặc cũ, hoặc mới. Đấy gọi là Bồ-tát cúng dường hiện tiền, cùng không hiện tiền.

Nếu Bồ-tát đối với Như Lai không hiện tiền và tháp miếu, tâm luôn nghĩ cúng dường, vì hết thảy Phật, vì hết thảy tháp miếu Như Lai, đó gọi là cúng dường không hiện tiền.

Nếu Bồ-tát, sau khi Như Lai bát Niết-bàn, đem xá lợi xây dựng Thâu bà, hoặc hang, hoặc nhà, hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều, cho đến trăm ngàn vạn ức, tùy theo sức có thể làm, đấy gọi là Bồ-tát cúng dường không hiện tiền rộng khắp. Do nhân duyên nầy, nên được vô lượng quả lớn, thường gồm thâu Phạm phước, Bồ-tát nầy thường ở trong vô lượng đại kiếp không bị đọa vào đường ác, các phương tiện để đạt đầy đủ Bồ- đề vô thượng luôn sung mãn.

Nếu Bồ-tát đối với Như Lai và tháp miếu, cúng dường hiện tiền thì được công đức lớn, cúng dường không hiện tiền thì được đại công đức lớn hơn cúng dường hiện tiền cùng không hiện tiền thì được đại công đức lớn nhất.

Nếu Bồ-tát đối với Như Lai và tháp miếu, tự tay cúng dường, không dựa vào sự biếng nhác sai khiến người khác cúng dường, đó gọi là Bồ-tát tự tạo sự cúng dường.

Nếu Bồ-tát đối với Như Lai và tháp miếu, không riêng mình cúng dường, mà còn khiến cha mẹ, thầy bạn, bà con, quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, tại gia, xuất gia, thảy đều cúng dường, đó gọi là mình cùng người đều cúng dường.

Nếu Bồ-tát có một ít vật dụng do tâm từ bi nên bố thí cho chúng sinh nghèo khổ mỏng phước kia, tạo cho họ được cúng dường Như Lai và tháp miếu, khiến họ được an vui mà mình không tự làm, đó gọi là Bồ-tát làm cho người khác cúng dường. Người tự làm cúng dường được quả báo lớn, người làm cho người khác cúng dường được quả báo lớn hơn; mình làm và khiến người khác cùng làm cúng dường thì được quả báo lớn nhất.

Nếu Bồ-tát đối với Như Lai và tháp miếu, đem các vật như y phục, đồ ăn uống, giường nằm, thuốc thang đến thưa hỏi, lễ bái, chấp tay nghênh đón, đem các loại hương xông, hương bột, hương thoa, các thứ tràng hoa, các thứ âm nhạc, cờ phướn, lọng, đèn, mà tán thán, đem năm luân làm lễ, kính nhiễu quanh bên phải, cúng dường vô tận của cải quý giá như: ma ni, chân châu, kha bối, ngọc thạch, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, kim, ngân, xích bảo; nhiễu quanh bên trái cúng dường vật báu, vòng ngọc ma ni, treo đầy các linh báu, dùng tiền vàng để rải, vàng sợi để vây bọc chung quanh, cúng dường những thứ báu như vậy, đó gọi là cúng dường của cải vật dụng.

Nếu Bồ-tát ở nơi rất xa đối với Như Lai và tháp miếu, đem của cải cúng dường, hoặc nhiều hoặc hơn, hoặc hiện tiền, không hiện tiền, hoặc mình làm, người khác làm, tín tâm thuần tịnh như hiện trước mắt tâm chuyên tinh hiểu biết mà thực hành cúng dường, rồi đem thiện căn nầy hồi hướng lên đạo quả Bồ-đề vô thượng, bảy thứ như vậy gọi là Bồ-tát cúng dường thù thắng.

Nếu Bồ-tát tự tay cúng dường Như Lai và tháp miếu, không xem thường người khác, không phóng túng, không biếng nhác, chí tâm cung kính, không xem nhẹ việc chưa học, tâm không loạn động, tâm không nhiễm ô, đối với quốc vương, các bậc thắng nhân có tín tâm, không hiện bày các oai nghi dua nịnh, cầu tài vật để cúng đường, không dùng "thư hoàng" xoa lên hình tượng Phật, cũng không dùng chất nước thơm độc để tắm rửa, cũng không thiêu đốt hương Cầu cầu la để cúng dường, những vật không sạch như hoa A ca… đều không được dùng. Đó gọi là Bồ-tát dùng sáu thứ không nhiễm ô cúng dường.

Nếu Bồ-tát đem của cải vật dụng tốt đẹp không nhiễm ô cúng dường Như Lai và tháp miếu, hoặc tự lực đạt được, hoặc cầu xin từ người khác hoặc như ý mà được các vật dụng tự tại, các của cải đạt được như ý kia.

Bồ-tát hoặc hóa làm thân, hoặc hai, hoặc ba, cho đến trăm ngàn vạn ức thân, mỗi mỗi thân kia đều lễ Như Lai, mỗi mỗi thân ấy hóa làm trăm ngàn tay, mỗi mỗi tay ấy đều đem các thứ hoa hương cúng dường Như Lai và tháp miếu. Tất cả thân ấy đều tán thán về công đức chân thật, tạo lợi ích cho chúng sinh của Như Lai. Tất cả thân ấy đều đem y phục đẹp nhất, các thứ chuỗi ngọc báu, cờ phướn, lọng hoa cúng dường Như Lai. Những thứ như vậy gọi là được lực tự tại như ý, giữ tâm cúng dường, không đợi Như Lai xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì Bồ-tát trụ nơi địa Bất thối chuyển, đối với tất cả cõi Phật chưa từng bị chướng ngại. Nếu Bồ-tát không tự lực được của cải, không theo người khác xin, cũng không có được lực tự tại để cúng dường, nhưng đối với chúng sinh khác, hoặc bốn châu thiên hạ, hoặc cõi Diêm-phù-đề, hoặc ngàn thế giới, hoặc hai ngàn thế giới, hoặc ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến vô lượng thế giới trong mười phương, tâm thượng trung hạ đều đã thực hiện việc cúng dường, Bồ-tát đối với tất cả sự cúng dường ấy, do tâm tịnh tín, tâm hiểu biết thắng diệu, tùy hỷ rộng khắp.

Bồ-tát nầy dùng ít phương tiện phát khởi sự cúng dường lớn, thâu giữ đủ đại Bồ-đề. Bồ-tát nầy tâm thường bình đẳng chân thật, tâm có thể hỷ lạc, cần phải tu học. Bồ-tát kia trong thời gian ngắn, cho đến trong khoảnh khắc, ở nơi tất cả chúng sinh tu tập tâm từ, bi, hỷ xả, đối với tất cả hành hữu vi, khởi tưởng vô thường, tưởng khổ vô thường , tưởng khổ vô ngã, tưởng Niết-bàn an vui, niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng, niệm Ba-la-mật, cho đến một thời gian ngắn, đối với tất cả pháp khởi một ít nhẫn, biết lìa ngôn từ, thuyết pháp tự tánh, như giải thoát, lìa các vọng tưởng, tâm trụ vô tướng, huống lại vượt hơn trên. Bồ-tát ấy hộ trì giới cấm, hành chỉ quán, phương tiện Bồ-đề phần, các Ba-la-mật, các phương tiện khéo nhiếp sự. Đó gọi là Bồ-tát chí xứ đạo cúng dường Như Lai, là bậc tối thượng, tối diệu, tối thắng, vô thượng đệ nhất. Cúng dường như thế đem so với cúng dường của cải ở trước, thì gấp trăm ngàn lần, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể so sánh. Mười thứ như vậy, gọi là Bồ-tát hành nhất thiết chủng cúng dường Như Lai. Như cúng dường Phật, thì cúng dường Pháp, cúng dường Tăng cũng như vậy, tùy theo chỗ ứng hợp, phải biết đối với Tam bảo nầy đều nên thực hành mười thứ cúng dường.

Bồ-tát đối với Như Lai đã khởi sáu thứ tâm tịnh. Đó là: Tâm phước điền vô thượng, tâm ân đức vô thượng, tâm vô thượng đối với tất cả chúng sinh, tâm như hoa Ưu-đàm-bát khó gặp, tâm độc nhất trong tam thiên đại thiên thế giới, tâm nương vào nghĩa đầy đủ của hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian. Do sáu tâm nầy, chỉ một ít tưởng cúng dường Như Lai, Pháp, Tăng, cũng được vô lượng công đức, huống gì là nhiều. Bồ-tát thành tựu

bao nhiêu hành là thiện tri thức, có bao nhiêu hành là thiện tri thức khai dẫn không chướng ngại? Lại có bao nhiêu hành được trụ xứ tịnh tín của thiện tri thức? Lại có bao nhiêu hành là thiện tri thức điều phục chúng sinh, làm những việc của thiện tri thức?

Bồ-tát có bao nhiêu hành tiếp cận học tập thiện tri thức? Lại có bao nhiêu hành tưởng, đối với thiện tri thức nghe thọ chánh pháp?

Bồ-tát đối với thiện tri thức nghe thọ chánh pháp, lại có bao nhiêu chỗ không có tưởng niệm?

Bồ-tát thành tựu tám việc, thì thực hiện đầy đủ tất cả hành của thiện tri thức: Một là khéo trụ nơi giới luật nghi không hủy phạm. Hai là đa văn, hiện tại giác ngộ. Ba là đắc thiền định, tu tuệ và thiện căn chỉ, quán khác. Bốn là tâm bi thương xót xả pháp lạc hiện tại, hóa độ rộng chúng sinh. Năm là thành tựu vô úy vì chúng sinh thuyết pháp, chánh niệm không mất, vui thuyết vô úy. Sáu là an nhẫn chịu đựng mọi sự khinh chê, nhục mạ, các lời không tốt đẹp và cả các hành xấu ác, thảy đều có thể nhẫn. Bảy là không mệt mỏi, tập trung lực tư duy, vì bốn chúng thuyết pháp không hề biếng trễ. Tám là biện tài thiện xảo, phàm đã thuyết pháp thì lời nói luôn thông suốt.

Bồ-tát có năm sự việc phải làm, để có đầy đủ tất cả các thứ công đức của thiện tri thức, những việc làm của bậc thiện tri thức sẽ mở bày dẫn dắt không chướng ngại: Một là trước hết nhằm tạo an lạc cho chúng sinh. Hai là đối với sự an lạc kia biết đúng như thật, không có giác điên đảo. Ba là hoặc tạo phương tiện tùy thuận thuyết pháp, khéo có thể tùy thuận điều phục chúng sinh có sức an nhẫn. Bốn là tâm không mệt chán. Năm là bình đẳng nhớ thương tất cả chúng sinh với tâm thượng, trung, hạ không thiên về từng nhóm.

Bồ-tát có năm việc đạt được trụ xứ tịnh tín của thiện tri thức, người nghe hoan hỷ, huống gì là hiện thấy: Một là thành tựu oai nghi, oai nghi tịch tĩnh, oai nghi đầy đủ, thân tướng chuyển dịch luôn tề chỉnh. Hai là tâm thường an trụ, nghiệp thân khẩu ý không dao động, hấp tấp. Ba là không lừa dối, là không dối gạt người khác nên thâu giữ oai nghi. Bốn là không ganh tỵ, nghĩa là đối với người khác giảng nói pháp, được tài lợi, không sinh tâm ganh ghét, thường tự khuyến thỉnh để người ấy thuyết pháp. Nếu tài lợi đến với mình thì khuyến khích cho người khác, tâm không dua nịnh giả dối, tâm luôn hoan hỷ, thấy người thuyết pháp và được lợi lạc, thì khởi tâm tùy hỷ như chính mình đạt được. Năm là dùng tâm tri túc ít cất chứa, các vật đã được đều có thể xả bỏ.

Bồ-tát có năm việc là việc làm của bậc thiện tri thức chân thật, điều phục chúng sinh: Một là lời nói. Hai là nhớ nghĩ. Ba là chỉ dạy, trao truyền. Bốn là khuyên răn. Năm là thuyết pháp. Dùng năm việc nầy giáo hóa rộng chúng sinh, như răn dạy trao truyền nơi địa Thanh văn, nói rộng như trong phẩm Lực tánh.

Bồ-tát có bốn việc nên có thể gần gũi đầy đủ thiện tri thức: Một là dù bệnh hay không bệnh đều tùy thời cúng dường, thương nghĩ, cung kính, tịnh tín tạo lợi ích. Hai là tùy thời kính lễ, chắp tay thưa hỏi, đón tiếp cúng dường. Ba là như pháp cúng dường các vật y phục, thực phẩm, thuốc thang. Bốn là nếu làm người y chỉ, thì như pháp tùy thuận hành tác không khuynh động, như thật giảng nói, tùy thời đi đến thỉnh vấn những điều nên làm.

Bồ-tát đối với thiện tri thức, thành tựu năm tưởng để được nghe pháp: Phải tác tưởng là vật báu, vì khó được. Tác tưởng là mắt, vì được nhân của trí tuệ câu sinh thù thắng. Tác tưởng về ánh sáng vì đạt được mắt trí tuệ câu sinh, hiển bày tất cả loại cảnh giới như thật. Tác tưởng về quả phước lợi lớn, vì đạt được nhân vô thượng Niết-bàn. Tác tưởng an lạc vô tội vì hiện pháp không thủ đắc đạo Niết-bàn, như thật quan sát về lạc lớn của chỉ quán, do nhân vô tội nầy.

Bồ-tát đối với bậc thiện tri thức nghe nhận kinh pháp, đối với người thuyết pháp có năm xứ không nhớ nghĩ, tâm tịnh chuyên nghe: Một là không nghĩ về phá giới, nghĩa là không nghĩ nói đây là phạm luật nghi, không nên theo người kia nghe nhận kinh pháp. Hai là không nghĩ đến dòng họ thấp kém, nghĩa là không nên nghĩ: Ta không theo người thuộc dòng họ thấp kém kia để nghe thọ kinh pháp. Ba là không nghĩ về sự xấu xí, nghĩa là không nên nghĩ: Ta không theo người xấu xí kia để nghe thọ kinh pháp. Bốn là không nghĩ về vị hoại, nghĩa là không nên nghĩ: Ta không theo người không chánh ngữ kia nghe thọ kinh pháp, chỉ nương vào nghĩa, không nương vào vị. Năm là không nghĩ về sự hủy hoại lời hay đẹp, nghĩa là không nên nghĩ: Ta không theo người nói lời thô tháo để nghe thọ kinh pháp. Với năm xứ không nhớ nghĩ như thế, Bồ-tát nầy siêng năng gồm thâu chánh pháp, đối với người thuyết pháp không còn khởi tưởng nghi ngờ. Nếu Bồ-tát đối với người thuyết pháp là hạ căn, khởi tâm hơn người, thối lui ở người ấy, không thích nghe pháp, nên biết Bồ-tát nầy trí tuệ giảm lùi không thể tự độ.

Thế nào là Bồ-tát tu bốn vô lượng? Đó là từ, bi, hỷ, xả. Lược nói bốn vô lượng của Bồ-tát có ba thứ tu: Một là duyên chúng sinh. Hai là duyên pháp. Ba là không duyên. Bồ-tát an xử nơi tất cả ba tụ chúng sinh xong,

chúng sinh hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, do muốn tạo an lạc nên tác tưởng vui tạo lợi ích, tu tâm từ, đủ khắp tất cả chúng sinh trong mười phương trụ nơi tưởng ý giải. Đấy gọi là Bồ-tát tâm từ duyên chúng sinh. Nếu Bồ-tát khởi tưởng pháp số, chúng sinh theo pháp số hành quán tu tâm từ, đó gọi là tâm từ duyên pháp. Nếu đối với pháp lìa các vọng tưởng, tu tâm từ, đó gọi là tâm từ không duyên. Như tâm từ duyên chúng sinh, duyên pháp, không duyên, tâm bi, hỷ xả cũng như vậy.

Nếu Bồ-tát đối với chúng sinh khổ, tác tưởng trừ khổ, đủ khắp cả mười phương mà tu tâm bi, đấy gọi là bi. Đối với chúng sinh lạc khởi tưởng lạc tùy hỷ, đủ khắp cả mười phương mà tu tâm hỷ, đấy gọi là hỷ. Như vậy ba loại chúng sinh không khổ không vui, tùy theo thứ lớp khởi tưởng xa lìa si, sân, tham, đủ khắp cả mười phương mà tu tâm xả, gọi là xả. Nếu Bồ-tát hành từ… vô lượng, duyên chúng sinh cùng với ngoại đạo, hoặc duyên pháp cùng với Thanh văn, Duyên giác, không phải cùng với ngoại đạo. Nếu Bồ-tát hành vô lượng không duyên, thì không cùng với tất cả Thanh văn, Duyên giác và các ngoại đạo. Nếu Bồ-tát hành ba vô lượng, nên biết là thuộc về tưởng lạc, đó là từ, bi, hỷ, một vô lượng thuộc về tưởng an, đó là xả. Tất cả vô lượng gọi là thương xót, thành tựu vô lượng ấy gọi là Bồ-tát thương xót. Bồ-tát quán sát cảnh giới chúng sinh có một trăm mười thứ khổ mà tu tâm bi.

Thế nào là một trăm mười thứ khổ? Có một thứ khổ, nghĩa là tất cả chúng sinh đều rơi vào tập khổ, vì tập khổ không có sai khác.

Lại có hai thứ khổ là căn bản dục với sự ái niệm do biến dịch sinh khổ, ngu si báo khổ, cực khổ xúc chạm thân nên nói: Ta khổ, ta khổ! Ngu si lo buồn, cũng gọi là hai mũi tên là thân thọ, tâm thọ.

Lại có ba thứ khổ là khổ khổ, hành khổ, biến dịch khổ.

Lại có bốn thứ khổ: Một là hội hợp biệt ly khổ, từ ái biệt ly sinh. Hai là đoạn khổ, từ chủng loại chết mất sinh. Ba là tương tục khổ, từ vô lượng sinh tử, lần lượt nối tiếp sinh. Bốn là cuối cùng khổ, do người không đắc Niết-bàn, năm ấm hưng thịnh sinh.

Lại có năm thứ khổ: Triền dục duyên khổ. Triền sân, si, thùy miên, hối, trạo duyên khổ.

Lại có sáu thứ khổ: Đó là nhân khổ, do nương theo nhân của đường ác. Quả khổ do sinh vào đường ác. Cầu tài vật khổ, giữ gìn khổ, không đầy đủ khổ, hư hoại khổ.

Lại có bảy thứ khổ: Đó là sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, oán ghét phải gặp nhau khổ, thương yêu phải xa lìa khổ, cầu mong không được

khổ.

Lại có tám thứ khổ: Là lạnh khổ, nóng khổ, đói khổ, khát khổ, không tự tại khổ, tự tạo khổ nghĩa là Ni kiền v.v… Người khác làm khổ, nghĩa là kẻ kia dùng tay, đá, đao, gậy, hoặc mòng muỗi gây khổ. Trú lâu trong oai nghi khổ.

Lại có chín thứ khổ: Là tự mình không đầy đủ khổ, người khác không đầy đủ khổ, bà con không đầy đủ khổ, của cải không đầy đủ khổ, không bệnh không đầy đủ khổ, giới không đầy đủ khổ, kiến không đầy đủ khổ, hiện tại khổ, đời khác khổ.

Lại có mười thứ khổ: Đó là thức ăn cần đầy đủ, không đầy đủ khổ, thức uống cần đầy đủ không đầy đủ khổ, xe cộ không đầy đủ khổ, y phục không đầy đủ khổ, chuỗi ngọc không đầy đủ khổ, các thứ vật dụng không đầy đủ khổ, các vật dụng như tràng hoa, hương xoa không đầy đủ khổ, các thứ kỹ nhạc không đầy đủ khổ, các loại đèn sáng không đầy đủ khổ, người nam nữ để sai khiến không đầy đủ khổ. Khởi đầu khổ lại có chín thứ khổ khác, là tất cả khổ, đại khổ, nhất thiết môn khổ, hành ác khổ, chuyển sinh khổ, không tùy dục khổ, trái hại khổ, tương tục khổ, nhất thiết chủng khổ. Tất cả khổ nghĩa là nhân trước đã khởi đến khi chuyển duyên khổ. Đại khổ nghĩa là nơi đêm dài sinh tử có đủ các thứ khổ lớn không gián đoạn. Nhất thiết môn khổ nghĩa là luân chuyển nơi hoặc địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đường thiện. Hành ác khổ nghĩa là hoặc đời nay xâm phạm người, người trở lại báo mình, hoặc ăn thức ăn độc khiến thân không an. Như vậy các thứ do tự thân đang làm trở lại thọ khổ. Nếu ở nơi số đông không tư duy chân chánh, tức sinh tất cả các phiền não khổ, thân khẩu và tâm tạo nhiều hành ác, ở đời vị lai sinh hành ác khổ. Chuyển sinh khổ có sáu việc lưu chuyển nơi sinh tử không khởi quyết định: Tự thân bất định, nghĩa là trước làm vua, sau trái lại làm người nghèo khổ. Vợ con bất định, nô tỳ sai khiến bất định, bạn bè, đại thần, quyến thuộc bất định, nghĩa là nay làm vợ con, cho đến đại thần, thân thuộc, vào thời gian sau, nơi đường sinh tử, trái lại là kẻ oán hại, tri thức ác. Tài vật không quyết định nghĩa là ở trong sinh tử có của cải vô lượng, nhưng về sau rất nghèo khổ.

Không tùy dục khổ, nghĩa là muốn được sống lâu, không ưa chết yểu, khổ não sinh. Muốn được đoan nghiêm không thích xấu xí, sinh khổ não. Muốn được dòng họ cao quý, không thích hạng thấp kém, khổ não sinh. Muốn được tự tại, không ưa nghèo cùng, sinh khổ não. Muốn được lực lớn không thích lực ít, sinh khổ não. Muốn được nhiều trí tuệ, không thích ngu si, sinh khổ não. Muốn hàng phục những kẻ kia không vui thích, không

bằng lòng, sinh khổ não.

Trái hại khổ, nghĩa là tại gia vợ con giảm khổ. Xuất gia phiền não tăng khổ. Đói thiếu khổ. Sợ hãi đao binh khổ. Sợ hãi nơi hoang vu, hiểm ác khổ. Các chi phần nơi thân không đủ, khổ. Giết trói, cắt xẻ đánh đập khổ. Đuổi đi khỏi nơi ở khổ.

Tương tục khổ có chín thứ, trong đây không nói.

Nhất thiết chủng khổ có năm thứ như trước đã nói. Năm thứ vui trái với khổ, đó là nhân khổ, thọ khổ, lạc đối trị khổ, không đoạn thọ khổ, xuất gia xa lìa tịch diệt, Bồ-đề lạc đối trị, Dục giới không phải nhà hòa hợp tưởng giác phàm phu khổ. Đó gọi là năm thứ khổ.

Lại có năm khổ, đó là bức bách khổ, vật dụng không đầy đủ khổ, bốn đại tăng, tổn khổ, mất chỗ ham muốn khổ, ba cõi phiền não nhiễm ô khổ. Đó gọi là năm thứ khổ. Năm thứ nầy và năm thứ trước, lược nói là mười thứ nhất thiết chủng khổ. Trước là năm mươi lăm thứ, đây có năm mươi lăm thứ, tức tổng cộng có một trăm mười thứ khổ là cảnh giới bi của Bồ-tát. Do duyên vào đấy sinh tâm bi, tu tập tăng trưởng, thành tựu đầy đủ.

Đối với tụ khổ lớn kia Bồ tát duyên nơi mười tám thứ khổ mà sinh tâm đại bi. Những gì là mười tám khổ? Nghĩa là khổ do quả báo ngu si. Hành khổ. Chỗ gồm thâu rốt ráo khổ. Nhân khổ. Sinh khổ. Tự tạo tác khổ. Người khác bức bách khổ. Người khác tạo tác khổ. Giới ác khổ. Kiến ác khổ. Nhân gốc khổ. Đại khổ. Địa ngục khổ. Khổ thuộc về nẻo thiện. Tất cả tánh khổ. Vô trí khổ. Tăng trưởng khổ. Thọ khổ. Cấu uế khổ.

Lại nữa, có bốn hành bi gọi là Đại bi: Một là duyên nơi cái khổ vi tế sâu xa khó nhận biết của chúng sinh kia mà khởi tâm bi. Hai là nuôi lớn lâu xa trong trăm ngàn kiếp, ân cần tu tập, phát khởi tỏ ngộ về duyên sinh. Ba là Bồ-tát tùy theo sự phát khởi tỏ ngộ kia, nhập vào tâm bi, vì khiến chúng sinh vĩnh viễn xa lìa các khổ, cho nên xả trăm ngàn thân mạng, huống gì là một thân, cùng các thứ của cải. Bốn là đều có thể chịu thay tất cả thứ khổ, rời khỏi vui tịnh. Nghĩa là Bồ-tát nơi địa rốt ráo, Bồ-tát thanh tịnh và Như Lai, địa Như Lai thanh tịnh.

Lại nữa, Bồ-tát đối với một trăm mười thứ khổ nầy, tu tập tâm bi, tức là tu tập tất cả tâm bi của Bồ-tát, tức có thể mau chóng được tâm bi thanh tịnh, nhập địa tâm tịnh. Bồ-tát đối với các chúng sinh khởi tưởng rất gần gũi, tưởng thương nhớ, tưởng muốn vì họ mà tạo tác, tưởng không mệt chán, tưởng thọ khổ thay, tưởng hành tác tự tại, tâm bi như khổ đế không gián đoạn… Đệ tử của Phật thâm nhập rốt ráo với tâm nhàm chán xa lìa, tương tục sinh. Nghĩa là tâm bi của Bồ-tát, trước hành quán một trăm mười

thứ đại khổ chứa nhóm. Bồ-tát tu tập tâm bi như vậy, đối với sự việc trong ngoài, không có một chút vật nào mà không xa lìa, không có một luật nghi nào mà không thâu giữ, không có một người nào mà không tạo lợi ích, không an nhẫn, không có một tinh tấn nào mà không dũng mãnh, không một thiền định nào mà không chánh thọ, không một trí tuệ nào mà không được hội nhập. Nếu có người hỏi, Phật trụ nơi những trụ xứ nào gọi là Bồ-tát? Thì nên chính thức đáp là trụ nơi đại bi. Bi là một tâm vô lượng như trước đã nói. Trong các vô lượng, nó là vô lượng tối thượng, tích tụ, gồm thâu vô lượng quả ái, vô lượng hạnh, một mực thuần thiện không có tội lỗi. Như vậy, tu tập đầy đủ vô lượng, có bốn công đức lợi. Tu vô lượng nầy, trước hết được hiện trụ pháp lạc bậc nhất, vô lượng công đức thâu nhận đầy đủ, tăng trưởng, tâm tịnh kiên cố đối với Bồ-đề vô thượng, vì chúng sinh cho nên ở trong sinh tử chịu thay tất cả khổ cho các chúng sinh.

Phẩm 17: XỨ PHƯƠNG TIỆN BỒ ĐỀ

Phần 1

Thế nào là Bồ-tát có đủ hổ, thẹn? Lược nêu có hai thứ: Một là tự tánh. Hai là chỗ nương tựa. Bồ-tát hành hạnh vô tội, tự biết phi pháp, bên trong tự xấu hổ, đó gọi là hổ (tàm). Do phi pháp nầy, nên đối với người khác sinh lo sợ, hổ thẹn cung kính, đó gọi là thẹn (quý). Lại nữa, Bồ-tát hổ thẹn, tánh vốn tự chuyên tinh, huống lại có tu tập. Đó gọi là tự tánh hổ thẹn của Bồ-tát.

Chỗ nương tựa nói tóm lược có bốn thứ: Như việc nên làm mà không thuận theo để kiến lập tức sinh hổ thẹn, đó gọi là chỗ nương tựa thứ nhất. Việc không đáng làm mà tùy thuận kiến lập nên sinh hổ thẹn, đó là chỗ nương tựa thứ hai. Nếu làm ác mà che giấu nên sinh hổ thẹn, đó gọi là chỗ nương tựa thứ ba. Nếu tự nghi, hối, có thể tự diệt trừ lại sinh hổ thẹn, đó gọi là chỗ nương tựa thứ tư. Đó gọi là chỗ nương tựa.

Thế nào là lực bất động của Bồ-tát? Lược nói có hai thứ: Một là tự tánh. Hai là chỗ nương tựa. Có thể đoạn trừ tâm nhiễm ô, không khiến cho tất cả phiền não mặc sức sinh khởi, an nhẫn các khổ, các thứ tài lợi, các thứ lo sợ, tu chánh phương tiện mà không nghiêng động, tánh tự nhẫn nhục độ lượng, tánh có thể tư duy, nên không động. Đó gọi là tự tánh lực bất động.

Lại nữa, lực bất động của Bồ-tát, lược nói có năm thứ bất động: Một

là các thứ khổ luân chuyển, có thể mau chóng trừ diệt. Hai là vì giáo hóa vô số chúng sinh đã tạo các hành ác, nên Bồ tát chịu thọ khổ trong đêm dài sinh tử. Ba là hàng phục các thứ dị luận. Bốn là vì các đại chúng nên tùy thuận thuyết pháp. Năm là diễn nói pháp thắng diệu sâu xa, có khả năng khiến Bồ-tát thọ trì đầy đủ tất cả giới cấm.

Thế nào là Bồ-tát tâm không mệt chán? Có năm nhân duyên tu chánh phương tiện mà không mệt chán. Một là Bồ-tát tánh vốn tự có lực nên không mệt chán. Hai là đối với sự không mệt chán, luôn luôn tu tập nên không mệt chán. Ba là tinh tấn dũng mãnh những hành thuộc về phương tiện, tự quán những người đã tu trước sau chuyển dần thành tốt hơn mà không mệt chán. Bốn là thành tựu tư duy, trí tuệ, sắc bén thâm sâu, nên không mệt chán. Năm là đối với các chúng sinh khởi tâm bi sâu xa, luôn thương xót bình đẳng nên không mệt chán.

Thế nào là Bồ-tát khéo biết các luận? Bồ-tát nầy đối với năm minh xứ, danh thân, cú thân, vị thân, đã được nghe từ người khác thâu nhận đầy đủ, tụng tập thông suốt, theo người nghe nghĩa, khéo có thể suy lường. Như vậy là Bồ-tát biết pháp biết nghĩa, đối với pháp đối với nghĩa đã thọ nhận không quên, người chưa tu tập dần dần tăng tiến, văn, tư rốt ráo, thứ tự thành thục được tâm hỷ tịnh. Bồ-tát hành trì như vậy đầy đủ vô lượng, khéo biết các luận mà không điên đảo.

Thế nào là Bồ-tát khéo biết thế gian? Bồ-tát nầy đối với thế gian của chúng sinh hiểu biết rõ như thật. Đó là các việc sinh, già, chết, chết cõi nầy, sinh về cõi kia, những chúng sinh nầy đối với sinh tử đã xuất ly, Bồ-tát đều hiểu rõ như thật.

Lại nữa, đối với thế gian của chúng sinh, vào lúc đời ô trược tăng lên, cũng biết rõ như thật. Lúc lìa đời ô trược tăng lên, cũng biết rõ như thật. Gọi là năm trược, tức: Một là mạng trược. Hai là chúng sinh trược. Ba là phiền não trược. Bốn là kiến trược. Năm là kiếp trược. Đời nay người chết yểu, thọ mạng tối đa chỉ trăm tuổi, đấy gọi là mạng trược. Nếu các chúng sinh không biết cha mẹ, không biết Sa-môn, Bà-la-môn, và các vị tông tộc tôn trưởng, không tu nghĩa lý, không làm việc đáng làm, không sợ nghiệp ác quả báo của đời nay đời sau, không tu huệ thí, không làm công đức, không tu trai pháp, không trì giới cấm, đấy gọi là chúng sinh trược. Nếu chúng sinh nầy tăng trưởng tham phi pháp, bày khắp các thứ đao kiếm, gậy gộc, binh khí… kiện tụng gây gổ, dua nịnh lừa gạt, nói dối, thâu nhận pháp tà, lại còn sinh các pháp ác bất thiện khác, đó gọi là phiền não trược. Nếu trong đời nầy, pháp hoại pháp mất, tượng pháp dần khởi, tà pháp chuyển

sinh, đó gọi là kiến trược. Nếu kiếp đói khát khởi lên, kiếp bệnh tật khởi, kiếp đao binh khởi, đấy gọi là kiếp trược. Đó gọi là Bồ-tát biết thế gian của chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát đối với khí thế gian, hoặc thành hoặc hoại đều biết rõ như thật.

Lại nữa, Bồ-tát đối với thế gian, thế gian tập, thế gian diệt, thế gian tập diệt đạo, thế gian vị, thế gian họa, thế gian lìa đều hiểu rõ như thật.

Lại nữa, Bồ-tát với mắt và sắc kết hợp sinh bốn đại, gọi là sĩ phu, thân gọi là người, không có thứ ba. Nói tưởng ngã, chúng sinh, không có tưởng thứ ba. Nói mắt ta thấy sắc, cho đến ý ta biết pháp, chỉ là ngôn thuyết. Thường nói trưởng lão nầy, sinh như vậy, tánh như vậy, ăn như vậy, biết khổ biết vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ lâu như vậy, những thứ ngôn thuyết sai biệt như vậy, tất cả đều nhận biết như thật. Bồ-tát đối với thế gian của chúng sinh và khí thế gian nầy, tám hành quán sát nghĩa thế gian, nghĩa đệ nhất thế gian, biết rõ như thật, đó gọi là biết thế gian.

Lại nữa, nếu Bồ-tát thấy thượng tọa và các bậc công đức thù thắng thì tôn trọng nghênh tiếp, bày tòa mời ngồi, chấp tay cung kính lễ bái thưa hỏi. Những bậc tuổi cao có đức thì thưa đáp đứng đắn, lời nói dịu dàng an ủi, không khởi kiêu mạn, lường tính đây kia. Bậc viên đức kém mình, tùy lực khuyến dụ, khen đức thật của họ, vì họ che tội thật, không để cho họ hổ thẹn sinh tâm thối mất, không khinh miệt họ. Hoặc thấy chúng sinh cầu pháp, cầu tài vật, thì không quay mặt đi, không bực tức, nét mặt hoan hỷ, không cười kẻ kia thiếu thốn, thấy kẻ kia giảm sút nhanh chóng không khởi tâm khinh. Hoặc thấy tất cả người hàng thượng, trung, hạ, thì trước hỏi thăm, vấn nạn, khen ngợi nói lời lành thay, tùy theo chỗ khéo thích hợp; tùy theo sức, có thể thâu giữ lấy tài, pháp, không dua nịnh, không tự coi trọng, không tự cao, không tự đại, không vì chỗ thêm cao mà tự khoe điều lạ. Đối với các người họ hàng, tất cả đều nên cấp thí, trọn không từ bỏ, hoặc bệnh hay không bệnh. Tùy thuận nghiệp thân khẩu ý cùng nhau gần gũi học tập, làm thiện tri thức, lìa các oán đối, với chúng sinh cô độc, nghèo cùng không chỗ che chở, tùy theo năng lực có thể làm chỗ nương dựa cho họ, không đem đau buồn thêm cho chúng sinh. Nhân duyên khởi sự, chỗ đáng vui cười, như pháp vui cười, không gì là không đúng như pháp. Không đem hình, tên của người khác để nói đùa, cho đến chuyện giấu kín của người thân cũng không nên nói. Đối với người khác không sân hận lâu, tuy lại giận kẻ kia nhưng không nêu lỗi lầm của họ. Nếu bị người khác dùng thân khẩu hủy nhục, có thể khéo tư duy, dùng pháp tự cởi mở, tự xét lỗi của

mình để tâm không loạn động, nghiệp thân khẩu ý lượng xét thận trọng cho việc làm về sau. Xa lìa mười bốn nghiệp cấu uế, đó là che giấu sáu phương, xa lìa bốn bạn ác, thâu giữ bốn bạn thiện, như Tu-đa-la mà nói rộng về nghĩa an lạc trong pháp hiện tại, tiền tài đầy đủ, lực siêng năng đầy đủ, giữ gìn đầy đủ, đem tâm chánh mạng tạo các sự nghiệp công xảo ở thế gian, không quanh co, không giả tạo, không lừa gạt, thường biết hổ thẹn, hành hạnh vô tội, oai nghi đầy đủ, oai nghi rất cẩn thận, vì thân thuộc của người khác nhận gởi vật gì thì không xâm phạm. Nếu mang nợ của người thì trọn không chống đối, phân chia tiền của phải nên bình đẳng không thiên vị. Nếu là vật báu đích thật, người chủ có tưởng giả thì dựa theo thật mà cho giá, quyết đoán việc đời, luôn biện biệt đúng đắn, nhanh khéo. Nếu những kẻ kia tạo tác, tìm đến thỉnh cầu, đều cho đồng sự, trọn không lui bỏ, có thể tùy theo câu hỏi mà trả lời, vì sự nghiệp chân chính, không vì sự nghiệp không chân chính. Nếu làm quốc vương đem pháp trị đời, không hành phi pháp, không ưa trách phạt. Đối với các giới ác lấy giới kiến lập, thành tựu tám ngôn từ của bậc Hiền Thánh, thấy thì nói thấy, nghe hiểu nhận biết thì nói hiểu biết, không nghe, không thấy, không hiểu, không biết thì nói không biết. Bồ- tát thành tựu những pháp như vậy, như thế gian nhận biết, như thế gian chuyển biến, đều hiểu rõ như thật, đó gọi là khéo biết về thế gian.

Thế nào là Bồ-tát tu tập bốn loại nương tựa? Bồ-tát nầy vì nghĩa nên theo người nghe pháp, không phải vì vị. Vì nghĩa nên nghe pháp, không vì vị, nghĩa là nếu nghe thế gian nói không khéo léo thì Bồ-tát nương vào nghĩa, cũng chuyên tâm nghe.

Lại nữa, Bồ-tát đối với thuyết ngầm thuyết rõ đều nhận biết đúng như thật, biết chỗ nên nương, không vì Thượng tọa biết nhiều, hoặc Phật hoặc Tăng, y chỉ như vậy với các người thuyết pháp, chỗ y chỉ như thế nên không dựa nơi người. Đối với nghĩa chân thật tâm không dao động, có thể tự hiểu rõ không do nơi người khác.

Lại nữa, Bồ-tát luôn tin sâu thanh tịnh về Như Lai, một mực tin thọ lời Như Lai dạy, nương tựa ở kinh liễu nghĩa chứ không phải kinh bất liễu nghĩa. Dựa nơi kinh liễu nghĩa tức là đối với pháp luật nầy không thể hủy hoại. Kinh bất liễu nghĩa tức là dùng vô số môn thuyết mà không quyết định, nên có nghi vấn. Nếu Bồ-tát đối với kinh liễu nghĩa, tạo ra không quyết định, thì đối với pháp luật ấy có thể hủy hoại.

Lại nữa, Bồ-tát được tu tuệ kiên cố, không do văn, tư biết nghĩa các pháp mà dùng tu tuệ nhận biết, không do văn tư hiểu biết. Cho nên nghe Đức Như Lai giảng nói nghĩa pháp sâu xa bậc nhất, không khởi phỉ báng.

Đó gọi là Bồ-tát tu tập bốn thứ nương tựa. Như vậy, người thành tựu lược nói có bốn thứ: Hiển thị vô lượng nghĩa ấy đầy đủ, bậc Đại sư tu tuệ đã nhận biết, tất cả bốn loại nương tựa là phương tiện bình đẳng, Bồ-tát đối với đạo xuất yếu trong bốn loại nương tựa, thảy đều thông tỏ không bị mê hoặc.

Thế nào là Bồ-tát hành bốn tuệ vô ngại? Đối với tất cả pháp, tất cả chương, cú, như thật thể đó từ tu tuệ nhận biết, không ngại, không lầm. Đó gọi là pháp vô ngại.

Đối với tất cả pháp, tất cả tướng, thể chân thật của nó thế nào, tu tuệ đều nhận biết, không chướng ngại, không lầm. Đó gọi là nghĩa vô ngại.

Đối với tất cả pháp, tất cả danh xứ, thể chân thật của nó như thế nào, tu tuệ đều hiểu biết, không chướng ngại, không lầm. Đấy gọi là từ vô ngại.

Đối với tất cả pháp, tất cả loại phân biệt, thể chân thật của nó như thế nào, chỗ biết của tu tuệ đều không bị chướng ngại, không sai lầm. Đấy gọi là lạc thuyết vô ngại.

Bồ-tát có bốn vô ngại như vậy, được năm xứ vô lượng phương tiện thiện xảo, đó là phương tiện thiện xảo về Ấm, giới, nhập, duyên khởi và xứ, phi xứ. Bốn hành nầy nơi Bồ-tát, đối với tất cả pháp, có thể tự giác ngộ, vì người khác chỉ bày, ngoài đây ra không có hành nào khác, có thể tự giác ngộ, huống gì là chỉ bày khác.

Thế nào là Bồ-tát hành đầy đủ Bồ-đề? Nên biết có hai thứ: Một là đầy đủ công đức. Hai là đầy đủ trí tuệ. Hai thứ đầy đủ nầy, nói rộng như trong phẩm Tự lợi tha lợi. Vả lại, công đức trí tuệ đầy đủ, thì Bồ-tát ở A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất gọi là hạ, A-tăng-kỳ kiếp thứ hai gọi là trung, A-tăng-kỳ kiếp thứ ba là thượng.

Thế nào là Bồ-tát tu tập ba mươi bảy đạo phần thuộc về Đại thừa? Bồ-tát nầy nương ở bốn phương tiện tuệ vô ngại, ba mươi bảy đạo phần thuộc về trí biết rõ như thật nhưng không thủ chứng; phương tiện của các thừa Bồ-tát ấy cũng biết như thật. Đó là phương tiện Thanh văn thừa, phương tiện Đại thừa. Phương tiện Thanh văn thừa nhận biết như thật, như trong địa Thanh văn đã nói.

Thế nào là Bồ-tát đối với phương tiện Đại thừa, hiểu rõ như thật về ba mươi bảy phẩm? Bồ-tát nầy trụ thân quán thân, không ở trong từng thân mà khởi vọng tưởng, cũng không phải tất cả là không phải tánh, ở nơi thân kia lìa tự tánh ngôn thuyết, biết rõ như thật. Đó gọi là Đệ nhất nghĩa thân thân quán niệm xứ. Nếu Bồ-tát quán Thế đế, thuận theo phương tiện ở vô lượng xứ biết thân thân quán niệm xứ. Như thân thân quán niệm xứ, các

niệm xứ và đạo phẩm khác cũng lại như vậy.

Những pháp không phải thân, vọng tưởng quán khổ, hoặc vọng tưởng quán tập, cũng không ở đoạn dấy khởi vọng tưởng diệt, cũng không ở chỗ chứng đắc nhân đó khởi vọng tưởng đạo, lìa tự tánh ngôn thuyết, pháp khổ, pháp tập, pháp diệt, pháp đạo, đều hiểu biết đúng như thật, nương vào Đệ nhất nghĩa nầy tu đạo phần, gọi là tu đế. Nếu Bồ-tát tùy thuận phương tiện ở vô lượng xứ của thế đế thì gọi là duyên đế tu. Nếu Bồ-tát kia đối với pháp nầy biết như thật, không khởi vọng tưởng, đó gọi là Chỉ. Biết như thật về Đệ nhất nghĩa kia và biết pháp nơi phương tiện ở vô lượng xứ, đó gọi là Quán. Lược nêu Bồ-tát về "chỉ" có bốn hành: Một là đệ nhất nghĩa. Hai là tục số trí hành trước. Ba là tất cả vọng tưởng hư giả không hành. Bốn là đối với pháp vô ngôn vô tướng nầy, không khởi vọng tưởng, tâm được vắng lặng, tất cả các pháp đều đồng một vị. Bốn hành như vậy, Bồ-tát nơi "chỉ" khởi cho đến rốt ráo là tri kiến Như Lai. Lược nói Bồ-tát hành "quán" có bốn hành, nghĩa là bốn hành nầy phát khởi trí tuệ, đó gọi là quán. Trí tuệ lìa tất cả pháp hữu, vô, tùy theo vô lượng pháp phân biệt xứ quán. Đối với bốn hành nầy, Bồ-tát khởi quán, cho đến rốt ráo là tri kiến Như Lai. Đó gọi là lược nói về chỉ quán của Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát hành phương tiện thiện xảo? Lược nêu có mười hai thứ: Vì bên trong khởi pháp Phật có sáu thứ. Vì bên ngoài thành thục chúng sinh có sáu thứ.

Thế nào là bên trong khởi pháp Phật với sáu thứ phương tiện thiện xảo? Một là tâm bi của Bồ-tát luôn nhớ nghĩ đến tất cả chúng sinh. Hai là tất cả các hành đều hiểu biết như thật. Ba là cầu trí Bồ-đề vô thượng. Bốn là nương vào sự nhớ nghĩ đến chúng sinh mà xa lìa sinh tử. Năm là nương vào các hành đã biết như thật, đem tâm không nhiễm luân chuyển nơi sinh tử. Sáu là nương vào việc cầu trí tuệ Phật mà luôn tinh tấn dũng mãnh. Đấy gọi là bên trong khởi pháp Phật với sáu thứ phương tiện thiện xảo.

Thế nào là bên ngoài thành thục chúng sinh với sáu thứ phương tiện thiện xảo? Một là Bồ-tát với phương tiện thiện xảo, dùng ít thiện căn khởi vô lượng quả. Hai là dùng ít phương tiện khởi vô lượng thiện căn. Ba là với chúng sinh hủy hoại pháp Phật, dứt trừ sự hung bạo, phá hại của họ. Bốn là đối với chúng sinh không ác không thiện thì khiến họ vào pháp Phật. Năm là với chúng sinh đã vào pháp Phật khiến được thành thục. Sáu là đã thành thục rồi khiến họ được giải thoát.

Thế nào là Bồ-tát có thể dùng ít thiện căn được vô lượng quả? Bồ-tát nầy dạy bảo chúng sinh thuộc hạng căn cơ thấp kém, đem một ít của cải bố

thí nơi ruộng phước thấp, cho đến đem bột gạo rang bố thí cho súc sinh, thí rồi hồi hướng về Bồ-đề vô thượng, do diệu lực của hồi hướng cho nên được vô lượng quả.

Thế nào là Bồ-tát dùng ít phương tiện khởi vô lượng thiện căn? Bồ-tát nầy thấy có chúng sinh tu trai giới theo pháp tà mà cầu giải thoát, vì họ mà giảng nói tám trai giới của Hiền Thánh, là phương tiện đoạn khổ, là pháp không rốt ráo, trao truyền một ít phương tiện được quả trai giới lớn.

Lại nữa, có chúng sinh tà kiến hành thân khổ cầu giải thoát, Bồ- tát vì họ giảng nói trung đạo, khiến lìa nhị biên, giải thoát rốt ráo.

Lại nữa, hoặc có chúng sinh cầu sinh cõi trời, theo phương tiện tà kiến, như hành các khổ: Nhảy xuống từ núi cao, gieo mình vào hầm lửa, không ăn… Bồ-tát vì họ diễn nói chánh pháp thiền định, để an lạc trụ pháp hiện tại, đời sau sinh lên cõi trời, như pháp thọ lạc.

Lại nữa, hoặc thấy chúng sinh tụng tập ngoại điển cầu được thanh tịnh, Bồ-tát nên đem chánh pháp của Đức Phật khiến họ tụng tập, tư duy về nghĩa, lại giảng nói kinh điển thâm diệu của Như Lai, hiển bày đầy đủ pháp tương ưng với "không", kẻ kia nghe pháp rồi, sinh tâm chán lìa, chuyên tinh tịnh tín, ở trong khoảng một niệm có thể gồm thâu vô lượng thiện căn rộng lớn, huống gì là lần lượt niệm liên tục không xả.

Lại nữa, Bồ-tát ý hiểu, tư duy, khởi tưởng tịnh diệu, liền đem hương hoa vật báu của thế gian cúng dường Tam bảo, rồi lại dạy người khác cũng có tâm tưởng cúng dường.

Lại nữa, tịnh tâm như vậy hiện bày đầy khắp trong hết thảy thế giới của mười phương, cúng dường Tam bảo sinh tâm tùy hỷ. Cũng lại dạy người, khiến họ tùy hỷ.

Lại nữa, với người thường tu niệm Phật cho đến niệm thiên, cũng dạy cho họ khiến tu sáu niệm.

Bồ-tát tâm niệm chân chánh, chấp tay cung kính, tùy thời cúng dường hết thảy Tam bảo, cũng dạy cho người khác tu pháp cúng dường như vậy.

Lại nữa, đối với tất cả công đức của tất cả chúng sinh thảy đều tùy hỷ, cũng dạy cho người khác khởi tâm tùy hỷ như vậy.

Lại nữa, đối với tất cả chúng sinh nhập tâm bi rộng lớn, đều muốn chịu thay tất cả các khổ, cũng dạy người khác khởi tâm đại bi nầy.

Lại nữa, đối với tất cả những gì đã phạm trong quá khứ, hiện tại, nên đem tâm chân thật tùy thuận cầu giới tịnh, hướng đến chư Phật trong mười phương chí thành sám hối, cũng dạy cho người khác như vậy mà sám hối

tội lỗi. Bồ-tát thường sám hối tội đã phạm của mình như thế, dùng ít phương tiện nhưng đối với tất cả nghiệp chướng đều được giải thoát.

Lại nữa, Bồ-tát tạo đủ vô lượng các thứ biến hóa ở chỗ chúng sinh, ở chỗ Phật Pháp Tăng trong tất cả mười phương, với vô lượng tha tâm thần thông tự tại, Bồ-tát thâu giữ những công đức thiết yếu.

Lại nữa, Bồ-tát tu từ bi hỷ xả, cũng chỉ dạy người khác tu theo. Đó gọi là Bồ-tát dùng ít phương tiện, sinh quả báo rộng lớn là vô lượng thiện căn.

-oOo-

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 8

Phẩm 17: XỨ PHƯƠNG TIỆN BỒ ĐỀ

Phần 2

Thế nào là Bồ-tát đối với kẻ hủy hoại pháp Phật dứt trừ sự bạo hại của họ? Người ở giữa khiến họ vào pháp Phật, người đã vào khiến thành thục, người đã thành thục khiến được giải thoát.

Bồ-tát nầy đối với bốn thứ chúng sinh thành tựu đó nên biết lược nói có sáu phương tiện thiện xảo: Một là tùy thuận. Hai là xác lập đi cần thiết. Ba là dị tướng. Bốn là bức bách. Năm là báo ân. Sáu là thanh tịnh. Bồ-tát tùy thuận nơi phương tiện thiện xảo, nghĩa là Bồ-tát nầy muốn vì chúng sinh thuyết pháp, thì trước tiên các hành của thân, khẩu phải dịu dàng uyển chuyển, để thiết lập, họ sẽ tùy thuận tự nhiên xả bỏ sân hận, trừ sân hận rồi, kẻ kia sinh ái kính ưa muốn nghe pháp, sau đó mới vì họ theo chỗ thích hợp thuyết pháp, dễ nhập dễ hiểu, khi giảng nói có thứ tự, rõ thật không đảo lộn, dùng nghĩa tạo lợi ích mà vì họ nói pháp; nhẫn chịu các vấn đáp để điều phục chúng sinh, với sự thương xót làm lợi ích thành tựu là trên hết. Hoặc dùng thần lực thị hiện biết tâm họ mà vì thuyết pháp. Hoặc thỉnh người khác, khiến hiện hóa đủ các thứ điều phục chúng sinh. Hoặc có nghĩa lược nói, luận về lợi ích thì phân biệt diễn rộng ra. Hoặc luận quá rộng, thì cũng có thể vì họ lược nói, dạy trao, khiến họ tụng rồi tùy ý vấn nạn. Họ đã thọ tụng, thì vì họ nói rộng về nghĩa, dùng tất cả duyên nơi Tam-muội, môn độ tùy thuận truyền dạy, tùy theo sự khuyên bảo để thâu giữ chúng sinh, khiến kẻ kia hành đúng nghĩa. Các chúng sinh ấy đối với các kinh tương ưng với "không", hết sức sâu xa, vi diệu, mà Đức Như Lai đã giảng nói thì làm cho họ nhận biết về diệu chỉ. Trong kinh kia nói: Lìa pháp tự tánh và xa lìa các việc, không khởi không diệt, như hư không, như huyễn, như mộng. Người không hiểu nghĩa nghe thì sợ hãi, chê bai kinh sâu xa kia cho là không phải Phật giảng nói. Bồ-tát vì chúng sinh ấy nên có phương tiện thiện xảo để tùy thuận, đối với diệu chỉ của Như Lai nơi kinh sâu xa kia, phải tùy thuận nơi nghĩa, phân biệt giải nói để thâu giữ họ. Tùy thuận như vậy là vì các chúng sinh kia mà nói: Kinh ấy không phải nói tất cả đều

không có gì cả mà chỉ nói tự tánh của ngã là rỗng không, không hề có. Đó gọi là lìa tự tánh.

Tuy ngôn thuyết có sự nương vào ngôn ngữ thì sự chuyển, vì thế nên ngôn thuyết có tự tánh, mà cũng không phải là đệ nhất nghĩa có tự tánh kia, cho nên nói ngôn thuyết lìa tất cả sự. Tự tánh của ngôn thuyết từ xưa đến nay, tất cả đều không thật có, vậy thì sao có sinh có diệt? Vì thế nên nói không sinh không diệt, ví như hư không có vô số các thứ sắc và các sắc nghiệp đều được dung nạp, nên hư không kia làm chỗ nương tựa. Nghĩa là hư không dung nạp đủ các hành, qua lại, đi đứng, cong thẳng, cúi ngửa. Lại như trừ bỏ sắc và sắc nghiệp kia, rồi đó là phần tự tánh vô sắc, gọi là hư không thanh tịnh. Như hư không là xứ sắc cùng sắc nghiệp chuyển, lìa ngôn thuyết sự, thì vô số các loại ngôn thuyết, vọng tưởng hư giả tùy chuyển được thiết lập cũng lại như vậy.

Lại như hư không dung nạp sắc cùng sắc nghiệp, pháp lìa ngôn thuyết, dung nạp vọng tưởng cũng lại như vậy. Nếu Bồ-tát dùng trí tuệ, trừ tất cả ngôn thuyết đã khởi, các thứ tà hoặc vọng tưởng, các thứ hư giả chuyển biến. Bồ-tát nầy dùng Thánh trí đệ nhất lìa ngôn thuyết sự, tự tánh của tất cả ngôn thuyết chẳng phải tánh, như hư không thanh tịnh, cũng không phải là hư không lần lượt có tự tánh khác. Vì thế tất cả các pháp ví như hư không, ví như huyễn, không như sự có, cũng chẳng phải tất cả đều không, mà là sự huyễn. Như vậy tất cả pháp không như ngôn thuyết, người ngu chấp có, cũng không phải tất cả đều không có gì, vì đệ nhất nghĩa tự tánh là lìa ngôn thuyết. Phương tiện như vậy nhập phi "hữu" cũng phi "vô". Thế nên biết như huyễn nên nói như huyễn. Như vậy, Bồ-tát đối với tất cả pháp giới, không lấy, không bỏ, không tăng, không giảm, cũng không có chỗ hủy hoại, đều hiểu rõ như thật, như những gì đã biết, vì người khác hiển bày. Đó gọi là Bồ-tát tùy thuận phương tiện thiện xảo.

Thế nào là Bồ-tát xác lập phương tiện thiện xảo cần thiết? Nếu có chúng sinh lại theo Bồ-tát cầu xin mười thứ vật dụng để tự sinh sống, thì vì họ xác lập lời nói cần thiết: Ông có thể cúng dường cha mẹ, các Sa-môn, Bà-la-môn, nói rộng như trên, cho đến thọ giới, nếu có thể làm được như vậy thì ta sẽ thí cho ông. Như kẻ kia không thể thực hiện thì không thí cho. Đó là: Ruộng, nhà, cửa tiệm, quan tước, cõi nước, tiền tài, sáu loài súc vật (ngựa, bò, dê, gà, chó, lợn), kỹ thuật phương thuốc. Hoặc kết hôn nhân, hoặc ăn uống không ăn uống, chỗ tạo tác đều đồng sự. Bấy giờ, Bồ-tát vì họ xác lập lời nói cần thiết: Ông có thể cúng dường cha mẹ, cho đến thọ giới, ta sẽ bố thí cho ông các thức ăn uống, cho đến đồng sự.

Lại nữa, nếu có chúng sinh phạm tội mưu nghịch, làm những việc không lợi ích, bị người bắt, trói, cắt, chặt, đánh đập, hủy nhục, quở trách, đuổi khỏi chức vụ, bị người cầm giữ, bấy giờ Bồ-tát vì họ xác lập lời nói cần thiết: Ông có thể cúng dường cha mẹ, cho đến thọ giới, ta sẽ cứu giúp ông khiến thoát khỏi các khổ nạn.

Lại nữa, hoặc có chúng sinh bị những sự khủng bố do vua quan, giặc cướp, nước, lửa, người và phi nhân tạo nên… bấy giờ, Bồ-tát vì họ cần lập lời nói: Ông có thể cúng dường cha mẹ, cho đến thọ giới, ta sẽ cứu ông khiến thoát khỏi những sự sợ hãi đó.

Hoặc có chúng sinh ham muốn ân ái, tụ hội, xa lìa sợ hãi, bấy giờ Bồ-tát vì họ xác lập lời nói cần thiết: Ông có thể cúng dường cha mẹ cho đến thọ giới, ta sẽ tạo phương tiện cho ông được nguyện.

Lại nữa, nếu có chúng sinh bị bệnh tật cùng khổ, bấy giờ Bồ-tát vì họ xác lập lời nói cần thiết: Ông có thể cúng dường cha mẹ cho đến thọ giới, ta sẽ giúp ông bệnh khổ được trừ.

Bồ-tát đã xác lập những điều cần thiết như vậy rồi, các chúng sinh kia mau chóng tu tập pháp thiện, xa lìa các ác, thì sẽ đạt được theo chỗ mong muốn. Đó gọi là Bồ-tát cần lập phương tiện thiện xảo.

Nếu Bồ-tát đã xác lập việc cần thiết cho chúng sinh rồi, nhưng các chúng sinh không thuận theo điều yêu cầu, thì như trên đã hứa, Bồ-tát cũng không bố thí cho họ. Vì nhằm hóa độ các chúng sinh ấy nên Bồ-tát không phải là không muốn ban cho. Đối với các nạn sợ hãi và các bệnh khổ, thương nhớ hòa hợp, không thương yêu biệt ly, vì nhằm hóa độ các chúng sinh ấy nên Bồ tát đều buông bỏ tất cả mà hiện rõ tướng quyết định như vậy, chứ không phải do thật tâm có niệm buông bỏ, quan trọng là dần dần khiến đoạn trừ pháp bất thiện, kiến lập pháp thiện. Hoặc lại có chúng sinh không cần muốn điều gì, cũng không có các nạn, cho đến không bệnh, nhưng cùng với Bồ-tát trước là thân quen, thì tùy chỗ thích hợp khuyên dẫn, khiến tu tập pháp thiện, đó là cúng dường cha mẹ cho đến trì giới. Nếu chúng sinh ấy không theo lời dạy của Bồ-tát, bấy giờ, Bồ-tát mới hiện tướng giận dữ, quở trách. Vì hóa độ người nên tâm không sân hận, đối với các việc đã làm đều hiện trái khác, vì nhằm hóa độ các chúng sinh ấy, không phải thật sự là chống trái. Hoặc hiện thêm các việc không lợi ích kia là nhằm hóa độ không phải thật tâm của Bồ-tát. Bồ-tát với phương tiện hiện dị tướng nầy, nhằm khiến cho chúng sinh tu các pháp thiện, đoạn trừ pháp bất thiện. Đó gọi là Bồ-tát hiện dị tướng theo phương tiện thiện xảo.

Thế nào là Bồ-tát hiện sự bức bách nơi phương tiện thiện xảo? Nếu

Bồ-tát làm chủ, làm vua, đối với quyến thuộc của mình nên dạy bảo thế nầy: Nếu quyến thuộc của ta có người không cúng dường cha mẹ, cho đến phạm giới, ta sẽ dứt bỏ mọi sự cung cấp, hoặc tăng thêm xử phạt, thậm chí là đuổi đi. Bồ-tát lập một người nam luôn làm việc dò xét, các chúng sinh kia do lo sợ nên siêng tu pháp thiện, đoạn trừ pháp bất thiện, các kẻ kia tuy không vui, vì cưỡng ép khiến tu. Đó gọi là Bồ- tát hiện sự bức bách nơi phương tiện thiện xảo.

Thế nào là Bồ-tát hành báo ân nơi phương tiện thiện xảo? Nếu Bồ-tát trước đối với chúng sinh bố thí các phần ân huệ, hoặc bố thí của cải, hoặc cứu độ các nạn, hoặc cứu giúp những sợ hãi, hợp chỗ nhớ nghĩ, lìa chỗ không nhớ nghĩ, cứu chữa các bệnh, khiến được an vui. Chúng sinh biết ân, muốn đền đáp đức ấy, bấy giờ Bồ-tát khiến họ tu thiện, không cần đem các thứ của cải, lợi dưỡng thế gian mà đền đáp. Người báo đáp lớn nhất là phải biết cúng dường cha mẹ, cho đến trì giới. Người cầu báo ân khiến kẻ thọ ân làm thiện. Đó gọi là Bồ-tát hành báo ân nơi phương tiện thiện xảo.

Thế nào là Bồ-tát hành thanh tịnh nơi phương tiện thiện xảo? Bồ- tát trụ nơi địa Cứu cánh, hành đạo Bồ-tát thanh tịnh, sinh nơi cõi trời Đâu suất. Chúng sinh nghĩ: Bồ-tát tên là… sinh lên cõi trời Đâu suất, không lâu sẽ sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, sẽ thành bậc Như Lai Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, khiến ta yêu thích, chớ khiến không vui thích sinh ở xứ kia, ta cũng theo đấy mà sinh. Vô lượng chúng sinh vui thích tu nguyện nầy.

Lại nữa, Bồ-tát từ cõi trời Đâu Suất sinh trong thế gian, hoặc sinh nơi cung vua, hoặc sinh vào nhà Bà-la-môn, xả bỏ những hoan lạc thượng diệu, xuất gia học đạo, khiến các chúng sinh lìa bỏ kiêu mạn.

Lại ở nơi cội cây, sáu năm khổ hạnh, khiến những chúng sinh khác tin khổ hạnh, đoạn trừ tín lạc.

Lại nữa, đã thành Bồ-đề vô thượng, khiến các chúng sinh khác tin lạc vững bền, cùng cầu Phật đạo. Lại thành Phật rồi, im lặng đợi thỉnh, vì khiến cho chúng sinh kính trọng giáo pháp. Phạm thiên khuyến thỉnh sau đó mới giảng nói. Lại dùng Phật nhãn quán sát thế gian, chớ để chúng sinh khởi lời phỉ báng, chỉ là do lực khuyến thỉnh của Phạm thiên, chứ không phải Như Lai do đại bi nên thuyết pháp. Vì trừ chúng sinh thâu nhận điều tà, nên chuyển bánh xe chánh pháp, còn các thế gian khác chưa từng chuyển và chế giới luật. Đó gọi là Bồ-tát hành thanh tịnh nơi phương tiện thiện xảo.

Như vậy, phương tiện thiện xảo là trọn vẹn không gì hơn. Đấy gọi là sáu thứ phương tiện thiện xảo của Bồ-tát, nói rộng nói lược. Chúng sinh hủy hoại pháp, thì trừ sự bạo hại kia, người ở giữa khiến vào pháp Phật,

người vào rồi khiến cho thành thục, người thành thục rồi khiến được giải thoát, là rốt ráo, vô thượng. Đấy gọi là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát hành trì Đà-la-ni? Lược nói có bốn thứ: Một là Pháp Đà-la-ni. Hai là Nghĩa Đà-la-ni. Ba là Chú thuật Đà-la-ni. Bốn là đắc Bồ-tát Nhẫn Đà là ni.

Thế nào là Pháp Đà-la-ni? Đó là Bồ-tát đạt được lực trí tuệ nhớ nghĩ, đối với pháp chưa từng nghe, chưa từng tu tập về danh, cú, vị, thân, thì theo thứ lớp trang nghiêm, lần lượt thích ứng, vô lượng chương cú, trải qua vô lượng kiếp nhớ giữ không quên.

Thế nào là Nghĩa Đà-la-ni? Như trước đã nói, nơi các pháp nầy có vô lượng nghĩa lý sâu xa, chưa từng đọc tụng, chưa từng tu tập, trải qua vô lượng kiếp nhớ giữ không quên.

Thế nào là Chú thuật Đà-la-ni? Đó là Bồ-tát đạt được sức Tam- muội như thế, dùng chương cú của chú thuật để đoạn trừ khổ hoạn cho chúng sinh, thần nghiệm bậc nhất, các thứ tai họa đều khiến tiêu diệt.

Thế nào là đắc Bồ-tát Nhẫn Đà-la-ni? Bồ-tát tinh cần tu tập, do đó sinh khởi trí tuệ, một mình ở chỗ tịch tĩnh, yên lặng ít nói, cũng không du hành, biết lượng mà ăn, không ăn quá nhiều thứ, thường ăn một bữa, tự duy thiền định, ngủ nghỉ ít, tỉnh giác nhiều, đối với điều Như Lai dạy, đắc chú thuật nhẫn của Bồ-tát. Đó là: y trí, mật trí, cát chỉ tỉ, sằn đề bà đại tập ba ha.

Đối với các nghĩa của chương cú chú thuật nầy, đều suy lường quán sát. Chương cú chú thuật như vậy, chánh tư duy như vậy, như nghĩa đó hãy còn không tự nghe, sao có sở đắc. Như chương cú chú thuật, nghĩa không thể thủ đắc, thế thì không có nghĩa. Các nghĩa như vậy gọi là vô nghĩa, thế nên cũng không có nghĩa khác để có thể cầu. Như vậy, gọi là khéo hiểu về câu nghĩa của chú thuật.

Người khéo hiểu câu nghĩa của chú thuật, lấy nghĩa như vậy đem so sánh, biết được nghĩa của tất cả các pháp, thảy đều do khéo nhận biết, không phải được nghe từ người khác. Lại biết tất cả ngôn thuyết nghĩa tự tánh của tất cả các pháp là không thể thủ đắc. Dùng những vô ngôn ấy để nói về nghĩa của tự tánh, tức biết nghĩa tự tánh của tất cả các pháp. Đó gọi là nghĩa đệ nhất, là nghĩa tối thắng, được hoan hỷ tối thượng. Bồ-tát nầy đắc Đà-la-ni chú thuật xứ, gọi là đắc nhẫn của Bồ-tát. Người đắc nhẫn nầy, không lâu sẽ được tâm tịnh tăng thượng, nhẫn nơi địa giải hành, đó gọi là Bồ-tát đắc Nhẫn Đà-la-ni của Bồ-tát. Với Pháp Đà-la-ni, Nghĩa Đà-la-ni kia, Bồ-tát nầy đã vượt qua A-tăng- kỳ kiếp thứ nhất được nhập địa tâm tịnh, chỗ đạt

được chắc chắn bất động, tối thắng tối diệu. Nếu ở khoảng giữa đạt được, hoặc nhân nơi nguyện lực, hoặc lực thiền định, thì bất trụ, bất định, cũng không thắng diệu. Như Pháp, Nghĩa Đà-la-ni, Chú thuật Đà-la-ni cũng như vậy. Đắc Bồ-tát Nhẫn Đà-la-ni, như trước đã nói. Như vậy tất cả Đà-la-ni phải đầy đủ bốn công đức mới có thể đạt được, chẳng phải là không đầy đủ. Những gì là bốn? Một là không hành tập ái dục. Hai là không ganh ghét chỗ hơn của kẻ khác. Ba là với tất cả chỗ cầu đạt đều bình đẳng bố thí không hối. Bốn là ưa thích pháp, ưa thích tạng Bồ-tát và tạng Ma-đắc- lặc-già sâu xa.

Thế nào là Bồ-tát nguyện? Lược nói có năm thứ: Một là phát tâm nguyện. Hai là sinh nguyện. Ba là cảnh giới nguyện. Bốn là bình đẳng nguyện. Năm là đại nguyện.

Bồ-tát kia bắt đầu phát tâm Bồ-đề vô thượng, đấy gọi là phát tâm nguyện. Nguyện nơi đời vị lai vì chúng sinh nên theo đường thiện mà sinh, đấy gọi là sinh nguyện. Nguyện chánh quán các pháp, vô lượng các thiện căn, tư duy các cảnh giới, đó gọi là cảnh giới nguyện. Nguyện nơi đời vị lai khéo thâu tóm sự việc của hết thảy Bồ-tát. Đấy gọi là bình đẳng nguyện của Bồ-tát. Đại nguyện tức là bình đẳng nguyện.

Lại nói mười thứ đại nguyện: Một là nguyện đem tất cả thứ cúng dường vô lượng chư Phật. Hai là nguyện hộ trì chánh pháp của tất cả chư Phật. Ba là nguyện thông đạt chánh pháp của tất cả chư Phật. Bốn là nguyện sinh cõi trời Đâu suất cho đến bát Niết-bàn. Năm là nguyện làm tất cả loại hành chân chính của Bồ-tát. Sáu là nguyện thành thục tất cả chúng sinh. Bảy là nguyện tất cả thế giới đều có thể hiện hóa. Tám là nguyện tất cả Bồ-tát, một lòng tạo phương tiện đem Đại thừa hóa độ. Chín là nguyện tất cả chánh phương tiện đều không ngại. Mười là nguyện thành Chánh giác Vô thượng.

Thế nào là Bồ-tát hành Tam-muội Không? Bồ-tát lìa tự tánh của tất cả ngôn thuyết, quán tự tánh là vô ngôn thuyết mà trụ tâm, đấy gọi là Tam-muội Không.

Thế nào là Bồ-tát hành Tam-muội Vô nguyện? Bồ-tát đối với sự nơi tự tánh vô ngôn thuyết, những phiền não do tà kiến vọng tưởng đã khởi những lỗi lầm của thường kiến khổ kia, nên ở đời vị lai không nguyện trụ tâm, đấy gọi là Tam-muội Vô nguyện.

Thế nào là Bồ-tát hành Tam-muội Vô tướng? Bồ-tát đối với sự nơi tự tánh vô ngôn thuyết lìa tất cả vọng tưởng, diệt trừ tướng hư giả, quán sát đúng như thật, tâm trụ vắng lặng, đó gọi là Tam-muội Vô tướng.

Vì lý do gì nói ba Tam-muội không tăng không giảm? Có hai thứ: Hữu và vô hữu. Hữu vi, vô vi gọi là hữu. Vô ngã, vô ngã sở gọi là vô hữu. Đối với hữu vi có không nguyện không tùy, nên lập Tam-muội Vô nguyện. Ở Niết-bàn vô vi, nguyện vui thích thâu nhận, nên lập Tam- muội Vô tướng. Đối với các việc nầy chẳng phải là nguyện, chẳng phải là không nguyện, nhưng ở hữu, bất hữu, kiến cho là kiến, nên lập Tam- muội Không. Bồ-tát tu ba Tam-muội nầy, biết như thật về sự kiến lập như vậy, hoặc có hành khác, đều nhập ba môn Tam-muội, đó là chỗ tu học, hành trì của Thanh văn.

Có bốn pháp Ưu-đàn-na (Tự thuyết). Chư Phật, Bồ-tát vì muốn khiến cho chúng sinh thanh tịnh nên giảng nói. Những gì là bốn? Tất cả hành vô thường là pháp Ưu-đàn-na. Tất cả hành khổ là pháp Ưu-đàn- na. Tất cả pháp vô ngã là pháp Ưu-đàn-na. Niết-bàn tịch diệt là pháp Ưu-đàn-na. Chư Phật, Bồ-tát đầy đủ bốn pháp nầy, lại đem pháp ấy truyền trao cho chúng sinh, đó gọi là Ưu-đàn-na. Quá khứ vắng lặng tịch mặc, các Đấng Mâu-ni lần lượt truyền nhau, đó gọi là Ưu-đàn-na. Dũng xuất tăng thượng cho đến phát xuất đầy đủ đệ nhất hữu, đấy gọi là Ưu-đàn-na.

Thế nào là Bồ-tát quán tất cả hành vô thường? Bồ-tát quán tự tánh ngôn thuyết của tất cả hành là thường không thể thủ đắc. Hoặc lại không biết về sự đích thật là vô ngôn thuyết, cho nên có sinh có diệt. Hoặc Bồ-tát quán tự tánh vô ngôn thuyết nơi hết thảy hành là vô thường. Quán hành quá khứ không sinh không diệt, hành ấy cũng không nhân, cũng không tự tánh có thể thủ đắc, thế nên cũng không nhân, cũng không tự tánh. Quán hành hiện tại không sinh không diệt, nhân kia không thủ đắc mà cho quả, nên tự tánh có thể thủ đắc, do đấy quán tự tánh mà không nhân. Quán hành vị lai không sinh không diệt, nhân kia có thể thủ đắc nhưng không cho quả, nên không có tự tánh, vì thế quán nhân mà không tự tánh. Như vậy thấy phần đoạn của ba đời lúc các hành tương tục chuyển, mỗi mỗi sát na của hành có ba hữu vi, là tướng hữu vi, nơi sau sát na có bốn tướng hữu vi. Tự tánh của các hành tướng trước kia hoại, tự tánh của hành tướng chưa từng có dấy khởi, gọi là sinh. Khởi rồi chưa hoại gọi là trụ. Suy niệm lại tự tánh của hành tướng diệt ở trước, thì chúng đã khởi tướng dị, dị gọi là lão, vì thế sau sát na sinh, tức tướng sinh kia khởi, tự tánh của hành tướng hoại gọi là diệt. Nếu quán hành tướng của tự tánh khởi thì tức tự tánh kia sinh tướng trụ, lão không có tự tánh khác, thế nên sau sát na, hành tướng như vậy là tự tánh diệt. Như thế, là quán đúng như thật về các hành tướng như sinh v.v…, Bốn tướng hữu vi nầy lược nói có hai thứ: hữu tánh và vô tánh. Như Lai do khởi nên lập tướng hữu vi thứ nhất, do tự tánh nên lập tướng hữu vi thứ hai, do

các hành trụ, lão nên lập tướng hữu vi thứ ba. Bồ-tát kia quán hành hữu vi sai biệt, chẳng sinh, chẳng trụ, chẳng lão, chẳng hoại, tất cả thời riêng có sự khởi. Vì sao? Vì các hành sai biệt khi khởi, lại không riêng sinh, riêng trụ, riêng lão, riêng hoại. Khi các hành sai biệt trụ, lão, hoại, cũng không riêng sinh, riêng trụ, riêng lão, riêng hoại. Bồ-tát quán sát đúng như thật, nghĩa là không có các việc riêng sinh v.v… có thể thủ đắc. Nếu có thể thủ đắc thì lìa các hành như sắc v.v… nên riêng có sinh. Các hành như sắc v.v… tự tánh khởi, thì sắc đó cũng nên khởi. Nếu đúng vậy thì phải có hai sinh là hành sinh và sinh sinh. Nếu có hành sinh và sinh sinh, thì hoặc một hoặc khác. Nếu là một mà cho là riêng có sinh thì không kia là vô nghĩa. Còn nếu riêng có sinh, thì việc nầy không đúng. Nếu là khác, thì hành sinh kia không phải là cùng sinh mà thành. Hành sinh cùng sinh mà thành thì việc nầy không đúng. Như sinh, trụ, lão cũng vậy. Nếu tự tánh của pháp có hoại thì việc kia nên sinh diệt. Nếu khi hoại sinh, thì tất cả hành lẽ ra liền diệt, như nhập chánh thọ diệt tận, dùng thiếu phương tiện nên tâm, tâm số pháp diệt. Hoặc khi hoại diệt, thì tất cả hành kia nên sinh, nhưng do hoại nên không có. Nói hoại có sinh diệt, thì việc nầy không đúng. Thiện nam, thiện nữ kia, tất cả thời thường có tự tánh, nghĩa là không nên có chán lìa, vì muốn giải thoát dị nên như vậy. Do việc nầy, Bồ-tát đối với tất cả hành vô thường, phải biết như thật.

Lại nữa, Bồ-tát đối với tất cả các hành vô thường khi tương tục chuyển, quán ba tướng khổ: hành khổ, biến dịch khổ và khổ khổ. Như vậy Bồ-tát đối với tất cả hành khổ đều nhận biết như thật.

Lại nữa, Bồ-tát biết như thật các pháp hữu vi, vô vi, vô ngã, vô ngã sở, chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã. Chúng sinh vô ngã nghĩa là pháp "có" chẳng phải là chúng sinh, xa lìa pháp "có" cũng chẳng phải là chúng sinh. Pháp vô ngã nghĩa là tất cả sự ngôn thuyết cũng không có pháp của tự tánh ngôn thuyết. Như vậy Bồ-tát đối với tất cả pháp vô ngã đều nhận biết như thật.

Lại nữa, tất cả nhân của hành khởi đã đoạn rốt ráo, các diệt rốt ráo khác gọi là bát Niết-bàn, phiền não tịch diệt, các khổ dứt hẳn, Bồ- tát chưa nhập địa tâm tịnh, Thanh văn chưa thấy đế, đối với Niết-bàn tác tưởng ý giải, nói là Niết-bàn tịch diệt, phải biết như vậy là không có được tri kiến của Niết-bàn chân thật, chỉ có chánh tư duy. Ví như quốc vương, trưởng giả giàu có vô lượng, vì các con nên tạo ra những dụng cụ vui chơi, như xe nai, xe bò, xe ngựa, xe voi… các người con kia hoan hỷ yêu thích, tạo ra những tưởng chân thật về các đồ chơi như xe nai, bò, ngựa, voi. Khi người

cha biết con mình đã dần khôn lớn, thì vì họ nói thật về nai, bò, ngựa, voi. Các người con cho là cha đã khen ngợi về voi ngựa. Một thời gian sau, biết con mình chuyển lớn, sắp ra khỏi nhà, người cha chỉ voi ngựa thật, các con thấy thật rồi tức biết là cha nói đúng, biết chắc cha mình thường khen nói, không phải như chúng trước đã vui nghĩ, sự vui đùa ngày trước không phải là voi ngựa thật. Như vậy, các hành được xem là nhà giàu, Bồ-tát chưa trụ địa tâm tịnh, Thanh văn chưa thấy đế như các đồng tử kia. Chư Phật, Như Lai và Bồ-tát nhập đại địa thấy rõ Niết-bàn, vì Bồ-tát và các Thanh văn kia tán thán nói về Niết-bàn. Chư vị đã nghe rồi, tùy vào chỗ nói mà ý hiểu. Nếu các vị kia dần dần học phẩm đạo đầy đủ, nhập địa tịnh tâm và Thanh văn kiến đế, thì họ đối với Niết-bàn sinh tri kiến hiện có. Như vậy, chư Phật, Bồ-tát đã khen ngợi Niết-bàn, không như ý tưởng nơi trí tuệ ngu si của chúng ta đã hiểu. Chỗ tưởng của chúng ta là tương tợ chẳng phải thật, đối với chỗ hiểu biết của các Ngài sinh tâm hổ thẹn, nương vào tri kiến sau. Ví như người bệnh gặp được thầy thuốc giỏi vì để trị bệnh nên nói về thuốc theo bệnh. Các người bệnh kia nếu đã quen thuốc nầy liền khởi tin hiểu, ưa thích thuốc ấy, do đó lành bệnh. Nếu lại khởi bệnh khác, nên uống thứ thuốc khác, thầy thuốc dạy họ nên bỏ thuốc trước để uống thuốc nầy, các người bệnh kia do quá tin thuốc trước nên không chịu xả bỏ, thầy thuốc phải tìm mọi cách khiến họ uống loại thuốc sau. Như vậy, Bồ-tát trụ nơi địa tâm tịnh, Thanh văn thấy đế có các bệnh phiền não, chư Phật, Như Lai, Bồ-tát trụ đại địa, vì họ thuyết pháp: thượng pháp, thượng thượng pháp, thâm pháp, thượng thâm pháp, thượng thượng thâm pháp, thắng pháp, thượng thắng pháp, thượng thượng thắng pháp, chỉ dạy trao truyền khuyên răn. Bồ-tát nhập địa tâm tịnh, Thanh văn thấy đế, nghe lời Phật dạy, tin thọ không nghi, nương vào lời Như Lai dạy pháp thừa đầy đủ, khéo có thể điều phục chế ngự du hóa nơi đạo, bình đẳng nhanh chóng chánh hướng Niết-bàn Vô dư.

Phẩm 18: XỨ PHƯƠNG TIỆN BỒ TÁT CÔNG ĐỨC

Bồ-tát học đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, có năm pháp đặc biệt chưa từng có. Những gì là năm? Một là đối với các chúng sinh không có nhân duyên mà khởi ái niệm. Hai là vì các chúng sinh mà thọ nhận vô lượng khổ. Ba là chúng sinh có phiền não lớn mạnh khó giáo hóa, Bồ-tát vẫn tìm cách điều phục. Bốn là nhập vào nghĩa chân thật khó lãnh hội đệ

nhất. Năm là nhập nơi diệu lực thần thông bất khả tư nghì. Như vậy, pháp đặc biệt chưa từng có, không cùng chung với tất cả chúng sinh.

Bồ-tát có năm việc không phải là đặc biệt, có thể trở thành pháp đặc biệt chưa từng có. Một là tạo an lạc cho chúng sinh nên nhận chịu nhân khổ, vì thọ nhận nhân khổ nên được thọ an vui. Hai là biết lỗi lầm xấu ác của sinh tử, công đức của Niết-bàn, có nhớ nghĩ đến chúng sinh tịnh, không tự mình thọ vui, vì chúng sinh tịnh nên thọ nhận các sinh tử. Ba là tu tập lạc tịnh mặc, có nhớ nghĩ về chúng sinh tịnh, không tự thọ vui, vì chúng sinh tịnh nên diễn nói chánh pháp. Bốn là tu thiện căn là sáu Ba-la-mật, có nhớ nghĩ đến chúng sinh tịnh, không tự thọ lạc, vì chúng sinh tịnh nên không xả bỏ tất cả chúng sinh, cũng không xả bỏ quả báo. Năm là việc của người, việc mình, tất cả đều vì tạo lợi ích cho chúng sinh.

Bồ-tát có năm việc, đối với tất cả chúng sinh, tâm luôn bình đẳng: Một là mới phát tâm nguyện, vì hết thảy chúng sinh, tâm luôn bình đẳng. Hai là tu tập tâm đại bi, luôn thể hiện lòng thương xót, tâm ấy luôn bình đẳng. Ba là đối với hết thảy chúng sinh, tạo ra tưởng là con một của mình, ái niệm luôn hiện hữu tâm ấy bình đẳng. Bốn là quán xét các hành duyên khởi của hết thảy chúng sinh, pháp của một chúng sinh cũng là pháp của hết thảy chúng sinh, tùy thuận hết thảy chúng sinh tâm ấy bình đẳng. Năm là như vì chỗ hành của một chúng sinh, thì với tất cả chúng sinh cũng vậy, tâm tạo lợi ích luôn kết hợp tâm ấy bình đẳng.

Bồ-tát có năm việc tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh: Một là nói chánh mạng tạo lợi ích. Hai là người không tùy thuận thì nói pháp tùy thuận tạo lợi ích. Ba là những người cô độc nghèo hèn không chỗ nương tựa, vì họ làm chỗ nương tựa tạo lợi ích. Bốn là người hướng về nẻo thiện, vì họ giảng nói đạo tạo lợi ích. Năm là vì người của ba thừa giảng nói lợi ích của ba thừa.

Bồ-tát có năm việc gọi là báo ân của chúng sinh: Một là tự thành tựu công đức. Hai là khuyên người khác khiến họ thành tựu. Ba là vì người cô độc khổ sở nghèo khó không nơi nương tựa, vì họ mà làm chỗ nương tựa. Bốn là cúng dường Như Lai. Năm là với pháp Phật đã giảng nói, nên hoặc đọc tụng, hoặc biên chép, hoặc cúng dường.

Bồ-tát hành đạo Bồ-đề thường cầu năm việc: Một là thường cầu chư Phật xuất hiện ở đời. Hai là được ở chỗ chư Phật nghe lãnh hội sáu Ba-la-mật và tạng Bồ-tát. Ba là có thể hành trì tất cả các thứ để thành thục chúng sinh. Bốn là có thể hành trì đạo vô thượng để thành thục chúng sinh. Năm là chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, A duy tam Bồ-đề, Bồ-đề

Thanh văn, hòa hợp với Thanh văn.

Bồ-tát có năm việc tạo phương tiện chân thật đem lại lợi ích cho chúng sinh. Bồ-tát nầy trước muốn tạo an vui cho chúng sinh, đối với sự an vui kia nhận biết như thật, không hiểu biết điên đảo, như phẩm cúng dường tập cận vô lượng, đã nói ở trước.

Bồ-tát có năm thứ phương tiện gồm thâu tất cả chánh phương tiện: Một là phương tiện tùy hộ. Hai là phương tiện vô tội. Ba là phương tiện của lực tư duy. Bốn là phương tiện tâm tịnh. Năm là phương tiện quyết định.

Phương tiện tùy hộ có năm thứ: Một là hộ tuệ sáng, được trí câu sinh nên có thể nhanh chóng thọ pháp. Hai là hộ niệm, nhớ nghĩ giữ gìn pháp. Ba là hộ trí, là được trí kiên cố, quán xét nghĩa pháp. Do hộ tuệ sáng, hộ niệm và hộ trí nên xa lìa phần thối lùi, tu phần thắng tấn. Bốn là hộ tự tâm, là giữ gìn các căn môn. Năm là hộ tha tâm, là tùy thuận tâm người khác.

Phương tiện vô tội, nghĩa là đối với các pháp thiện không điên đảo, sáng rõ vô lượng, thường tu hồi hướng Bồ-đề.

Phương tiện của lực tư duy, nghĩa là hiểu rõ về hành địa. Phương tiện tâm tịnh là địa tâm tịnh có đầy đủ hành địa.

Phương tiện quyết định là địa quyết định, địa quyết định hành, địa cứu cánh. Đó gọi là năm thứ phương tiện gồm thâu tất cả chánh phương tiện.

Bồ-tát nơi phần thối chuyển có năm việc: Một là không cung kính pháp và người giảng nói pháp. Hai là buông lung, biếng nhác. Ba là hành tập các phiền não và các hành ác. Bốn là nêu xét chỗ đồng với mình cùng các Bồ-tát khác để khởi tăng thượng mạn. Năm là đối với pháp điên đảo khởi tăng thượng mạn.

Bồ-tát nơi phần thắng tiến có năm việc, cùng năm việc nơi phần thối chuyển ở trên, theo thứ tự trái ngược nhau, gọi là phần thắng tiến.

Bồ-tát có năm việc lỗi lầm giống như công đức của Bồ-tát: Một là đối với người hung ác và phạm giới, không đem tâm từ tạo lợi ích. Hai là hiện bày oai nghi quanh co, dua nịnh. Ba là nói các việc thế tục và kinh luận của ngoại đạo, cho là được sinh trí tuệ có thể tự tư duy. Bốn là hành trì thiện căn như bố thí v.v… nhưng theo nẻo có tội. Năm là diễn thuyết kiến lập pháp giống như công đức.

Bồ-tát có năm việc là công đức chân thật của Bồ-tát. Một là đối với người hung ác và người phạm giới, khởi tâm bi thù thắng. Hai là thành tựu đầy đủ oai nghi chân thật. Ba là đối với lời Như Lai dạy được sinh trí tuệ có khả năng tự tư duy. Bốn là hành thiện căn như bố thí v.v… hoàn toàn

không tội. Năm là diễn nói chánh giáo, hủy bỏ pháp tương tợ.

Bồ-tát điều phục chúng sinh có mười thứ, gọi là điều phục đúng đắn. Những gì là mười? Xa lìa các triền, xa lìa phiền não, phân biệt giới ác.

Bồ-tát có sáu việc được Đức Như Lai thọ ký Bồ-đề vô thượng: Một là chủng tánh chưa phát tâm. Hai là đã phát tâm. Ba là hiện tiền. Bốn là không hiện tiền. Năm là thời lượng, thời định chứng đắc Bồ-đề vô thượng. Sáu là thời không lượng, thời không định được thọ ký.

Bồ-tát có ba thứ quyết định: Một là chủng tánh gọi là quyết định. Vì sao? Vì có khả năng làm duyên, có chướng ngại quyết định đạt quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Hai là quyết định phát tâm Bồ-đề vô thượng, từ không thể cho đến không thối chuyển để đạt đến Bồ-đề vô thượng. Ba là đắc diệu lực tạo lợi ích cho chúng sinh, như đã mong muốn, như đã làm, như đầy đủ không hư giả, do quyết định sau cùng kia nên Đức Như Lai quyết định thọ ký.

Bồ-tát không tạo năm thứ lực, thế nên không chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng: Một là phát tâm đầu tiên. Hai là thương xót chúng sinh. Ba là làm sáng rõ. Bốn là tinh tấn. Năm là đối với tất cả minh xứ tạo phương tiện không chán.

Bồ-tát có năm việc thường tu tập: Một là thường không buông lung. Hai là đối với người cô độc, khổ sở nghèo thiếu không chỗ nương tựa, vì họ làm chỗ nương tựa. Ba là cúng dường Như Lai. Bốn là trì giới, có phạm liền biết. Năm là các việc đã tạo tác, hành trì, nhớ nghĩ, tất cả đều hồi hướng nơi Bồ-đề vô thượng.

Bồ-tát có mười pháp, là những pháp tối thắng đệ nhất của Bồ-tát: Một là chủng tánh Bồ-tát thù thắng hơn các chủng tánh khác. Hai là mới phát tâm thù thắng hơn tất cả chánh nguyện. Ba là tinh tấn, trí tuệ thù thắng hơn các Ba-la-mật khác. Bốn là lời nói dịu dàng thù thắng hơn các nhiếp sự khác. Năm là Như Lai thù thắng hơn các chúng sinh. Sáu là đại bi hơn hẳn các vô lượng khác. Bảy là thiền thứ tư hơn hẳn các thiền khác. Tám là Tam-muội không hơn hẳn các Tam-muội khác. Chín là chánh thọ diệt tận hơn hẳn các chánh thọ khác. Mười là phương tiện thiện xảo thanh tịnh hơn hẳn các phương tiện thiện xảo khác.

Bồ-tát có bốn thứ thiết lập chân chánh. Thiết lập chân chánh như vậy là Như Lai nói, chứ chẳng phải là từ các hàng hoặc trời, hoặc người, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn được nghe như vậy: Một là thiết lập pháp. Hai là thiết lập đế. Ba là thiết lập phương tiện. Bốn là thiết lập thừa.

Thiết lập pháp nghĩa là mười hai bộ kinh như Tu-đa-la… theo thứ tự

diễn thuyết, theo thứ tự kiến lập.

Thiết lập đế tức chỉ có một thứ, đó là như thật nghĩa đế. Lại có hai thứ, là Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế.

Lai có ba thứ, là tướng đế, thuyết đế và tác đế.

Lại có bốn thứ, là khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

Lại có năm thứ là nhân đế, quả đế, trí đế, cảnh giới trí đế và vô thượng đế.

Lại có sáu thứ là thật đế, hư vọng đế, tri đế, đoạn đế, chứng đế và tu đế.

Lại có bảy thứ là vị đế, hoạn đế, ly đế, pháp đế, giải đế, Thánh đế và phi Thánh đế.

Lại có tám thứ là hành khổ đế, khổ khổ đế, hoại khổ đế, sinh đế, diệt đế, cấu uế đế, thanh tịnh đế, chánh phương tiện đế.

Lại có chín thứ là vô thường đế, khổ đế, không đế, phi ngã đế, hữu ái đế, vô hữu ái đế, đoạn phương tiện đế, hữu dư Niết-bàn đế, vô dư Niết-bàn đế.

Lại có mười thứ: Tự tác khổ đế, bần cùng khổ đế, bốn đại tăng tổn khổ đế, ái luyến khổ đế, ô nhục khổ đế, nghiệp khổ đế, phiền não đế, chánh tư duy đế, chánh kiến đế, chánh kiến quả đế.

Bốn thứ phương tiện gọi là thiết lập phương tiện, như nơi phẩm Lực chủng tánh ở trước đã nói.

Thiết lập thừa nghĩa là thừa Thanh văn, thừa Duyên giác, Đại thừa. Mỗi mỗi thừa có bảy thứ thiết lập: tuệ bốn Thánh đế, tuệ như vậy, hoặc nương hoặc duyên theo các thứ nghiệp, tuệ như vậy hoặc quả. Bảy thứ nầy gọi là thiết lập thừa Thanh văn. Như thiết lập thừa Thanh văn, thì thừa Duyên giác cũng thế. Lìa cảnh giới ngôn thuyết, tất cả pháp như lìa các vọng tưởng, tuệ bình đẳng, tuệ như vậy, hoặc nương hoặc duyên theo các thứ hành nghiệp, tuệ như thế hoặc quả. Bảy thứ ấy gọi là thiết lập Đại thừa. Quá khứ, vị lai, hiện tại, tất cả Bồ-tát đều thiết lập chân chính, đã làm, đang làm, tất cả bốn thứ là rốt ráo không gì hơn.

Bồ-tát có năm thứ vô lượng, sinh khởi tất cả hành phương tiện thiện xảo: Một là chúng sinh giới vô lượng. Hai là thế giới vô lượng. Ba là pháp giới vô lượng. Bốn là giới điều phục vô lượng. Năm là phương tiện điều phục vô lượng.

Sáu mươi mốt thứ chúng sinh gọi là giới chúng sinh. Như nơi thân ý địa phân biệt thì có vô lượng mười phương, vô lượng thế giới, vô lượng tên

gọi, như thế giới Ta bà, chủ Ta bà. Pháp thiện, bất thiện, vô ký, phân biệt gọi là pháp giới vô lượng.

Điều phục có một thứ là điều phục tất cả chúng sinh. Lại có hai thứ là có đủ trói buộc, không có đủ trói buộc. Lại có ba thứ là hạ, trung, thượng căn.

Lại có bốn thứ: Sát lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà

Lại có năm thứ: tham dục, sân sân, ngu si, kiêu mạn, giác quán. Lại có sáu thứ: tại gia, xuất gia, chưa thành thục, đã thành thục,

chưa giải thoát, đã giải thoát.

Lại có bảy thứ: người ác, người trung bình, người trí thấp, người trí lớn, hiện tại điều phục, vị lai điều phục, tùy duyên điều phục, nếu được duyên như vậy, thì hồi hướng như vậy.

Lại có tám thứ, đó là tám chúng Sát lợi, cho đến Bà-la-môn.

Lại có chín thứ: Một là Như Lai điều phục. Hai là Thanh văn, Duyên giác điều phục. Ba là Bồ-tát điều phục. Bốn là khó điều phục. Năm là dễ điều phục. Sáu là nói lời dịu dàng điều phục. Bảy là quở trách điều phục. Tám là điều phục xa. Chín là điều phục gần.

Lại có mười thứ: Một là địa ngục. Hai là súc sinh. Ba là ngạ quỷ. Bốn là trời, người ở dục giới. Năm là trung ấm. Sáu là sắc. Bảy là vô sắc. Tám là tưởng. Chín là vô tưởng. Mười là phi tưởng phi phi tưởng. Đó là năm mươi lăm thứ phân biệt trở thành vô lượng.

Giới chúng sinh và giới điều phục có gì sai khác? Giới chúng sinh không phân biệt xứ chủng tánh của tất cả chúng sinh. Giới điều phục thì ở xứ chủng tánh kia. Như vậy ở xứ xứ kia, vô lượng phương tiện điều phục chuyển biến, như trong phẩm thành thục đã nói ở trước, ở đó cũng vô lượng thứ phân biệt. Như vậy là theo thứ tự nói năm thứ vô lượng. Vì sao? Bồ-tát nầy vì chúng sinh tu hành, cho nên nói vô lượng thứ nhất. Chúng sinh nơi xứ kia có thể thủ đắc cho nên nói vô lượng thứ hai. Chúng sinh đối với các thứ thế giới ấy, pháp phiền não, thanh pháp tịnh có thể thủ đắc, thế nên nói vô lượng thứ ba. Quán sát các chúng sinh kia tùy theo khả năng có thể thoát khổ, vì thế nên nói vô lượng thứ tư. Cho đến phương tiện giải thoát khổ của chúng sinh, thế nên nói vô lượng thứ năm. Đó là năm thứ vô lượng của Bồ-tát, sinh khởi tất cả hành phương tiện thiện xảo.

Bồ-tát có bốn thứ cầu, đối với tất cả pháp nhận biết như thật. Một là cầu danh. Hai là cầu sự. Ba là cầu thiết lập tự tánh. Bốn là cầu thiết lập sai biệt. Như trong phẩm chân thật đã nói ở trước.

Bồ-tát có bốn việc, đối với tất cả pháp nhận biết như thật: Theo cầu danh biết như thật. Theo cầu sự biết như thật. Theo cầu thiết lập sai biệt biết như thật. Theo cầu thiết lập tự tánh biết như thật. Như trong phẩm chân thật ở trước đã nói.

Chư Phật, Bồ-tát có năm việc, vì chúng sinh thuyết pháp được quả phước lợi lớn: Một là vì chúng sinh thuyết pháp sinh pháp nhãn lìa cấu. Hai là vì chúng sinh thuyết pháp được các lậu tận. Ba là vì chúng sinh thuyết pháp phát tâm Bồ-đề vô thượng. Bốn là vì chúng sinh thuyết pháp được Bồ-tát nhẫn đệ nhất. Năm là vì chúng sinh thuyết pháp, nghe rồi thọ tụng, tu tập đầy đủ, khiến chánh pháp trụ lâu. Đó là năm thứ thuyết pháp được quả phước lợi lớn.

Thế nào gọi là Đại thừa? Có bảy thứ Đại (lớn) nên gọi là Đại thừa: Một là pháp đại, đó là mười hai bộ kinh, tạng Bồ-tát phương quảng là tối thượng tối đại. Hai là tâm đại, nghĩa là phát tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Ba là giải đại, đó là hiểu rõ về tạng Bồ-tát phương quảng. Bốn là tâm tịnh đại, nghĩa là vượt qua địa giải hành nhập địa tâm tịnh. Năm là chúng cụ đại, đó là các thứ loại phước đức, các thứ trí tuệ chứng đắc Bồ-đề vô thượng. Sáu là thời đại, nghĩa là trải qua ba A- tăng-kỳ kiếp chứng đắc Bồ-đề vô thượng. Bảy là đắc đại, nghĩa là đắc Bồ-đề vô thượng, thân không có gì sánh bằng, huống chi là vượt qua.

Pháp đại, tâm đại, giải đại, tâm tịnh đại, chúng cụ đại, thời đại, sáu thứ đại nầy tức là nhân gieo trồng, đắc đại tức là xứ quả.

Bồ-tát có tám pháp thâu tóm tất cả Đại thừa nơi tạng Bồ-tát đã giảng nói. Nghĩa là tin tạng Bồ-tát. Hiển bày nghĩa chân thật của tất cả pháp. Hiển bày tất cả thần lực thắng diệu đệ nhất không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát. Được văn tuệ, tư tuệ tư duy, nương vào văn tuệ, tư tuệ tư duy, làm phương tiện đắc tâm tịnh. Đắc tâm tịnh làm phương tiện nhập hành tu tuệ. Nhập hành tu tuệ làm phương tiện đạt quả tu tuệ. Thành tựu quả tu tuệ như vậy là thành tựu sự xuất ly rốt ráo. Bồ-tát học như vậy, chứng đắc Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát học như thế, chứng đắc Bồ-đề vô thượng, lược nói có mười thứ: Một là chủng tánh. Hai là nhập. Ba là chưa tịnh. Bốn là tịnh. Năm là chưa thành thục. Sáu là thành thục. Bảy là chưa định. Tám là định. Chín là một đời. Mười là thân sau cùng.

Chủng tánh đó là chưa được tâm tịnh. Phát tâm tu học gọi là nhập. Đã nhập, nhưng chưa nhập địa tâm tịnh gọi là chưa tịnh. Nhập địa tâm tịnh gọi là tịnh. Người tịnh, chưa nhập địa cứu cánh gọi là chưa thành thục. Nhập địa cứu cánh gọi là thành thục. Người thành thục nhưng chưa nhập

địa định gọi là chưa định. Đã nhập địa định gọi là định.

Lại thành thục có hai thứ: Một là một đời, theo thứ lớp chứng đắc Bồ-đề vô thượng. Hai là thân sau cùng, tức là đời nầy chứng đắc. Như vậy từ chủng tánh cho đến thân sau cùng chứng đắc Bồ-đề vô thượng, mười thứ nầy là sở học, Bồ-tát phải học, đối với trên lại không còn gì để học. Bồ-tát như chỗ học mà học, đối với trên lại không có Bồ-tát học. Bồ-tát như sở học mà học, được hết thảy công đức đó gọi là: Bồ-tát Ma- ha-tát, Dũng mãnh không gì hơn, Phật tử, Phật trì, Đại sư, Đại Thánh, Đại thương chủ, Đại danh xưng, Đại công đức, Đại tự tại. Như vậy nơi mười phương vô lượng thế giới với vô lượng Bồ-tát, vô lượng nhân duyên, thiết lập tự tưởng, phải biết nếu có lời nói: Ta là Bồ-tát, nhưng không khéo học chỗ học của Bồ-tát, phải biết đó chỉ là Bồ-tát danh tự, không phải Bồ-tát chân thật. Nếu nói ta là Bồ-tát, khéo học chỗ học của Bồ-tát, nên biết đó là Bồ-tát chân thật.

(Đoạn Thứ 2 Có 4 Phẩm)

Phẩm 1: XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ PHÁP: BỒ TÁT TƯỚNG

Bồ-tát thành tựu năm thứ tướng chân thật, được kể vào số của các Bồ-tát: Một là thương xót. Hai là ái ngữ. Ba là dũng mãnh. Bốn là huệ thí. Năm là nói pháp nghĩa sâu xa. Năm tướng nầy, mỗi thứ đều có năm thứ phân biệt: Một là tự tánh. Hai là cảnh giới. Ba là quả báo. Bốn là thứ lớp. Năm là thâu nhận.

Tự tánh của thương xót có hai thứ, một là chí tâm. Hai là đầy đủ. Chí tâm là tâm an ổn, tâm vui thích. Đầy đủ là Bồ-tát hết lòng đối với chúng sinh, tùy theo năng lực của Bồ-tát mà thân khẩu tạo lợi ích.

Tự tánh của ái ngữ, nghĩa là trước nói lời an ủi, như trong phẩm Nhiếp ở trên đã nói.

Tự tánh của dũng mãnh, nghĩa là đối với chúng sinh, lực và ý chí luôn mạnh mẽ.

Tự tánh của huệ thí là bố thí thắng diệu bố thí không phiền não. Tự tánh của thuyết pháp nghĩa sâu xa, nghĩa là bốn trí vô ngại, xuất sinh trí chánh phương tiện.

Cảnh giới của thương xót có năm thứ: Một là chúng sinh thọ khổ. Hai là chúng sinh hành ác. Ba là chúng sinh buông lung. Bốn là chúng sinh trong đường tà. Năm là chúng sinh bị phiền não sai khiến.

Từ địa ngục cho đến tất cả khổ phải chịu liên tục, đó gọi là thọ khổ.

Tuy không thọ khổ, nhưng thân, khẩu, ý phần nhiều tạo hành ác, đó là mười hai luật nghi ác, đấy gọi là hành ác. Tuy không thọ khổ, không tạo hành ác, nhưng tham đắm năm dục, ca múa, đùa giỡn, đấy gọi là buông lung. Tuy không thọ khổ, không tạo hành ác, không tham đắm năm dục, nhưng nương vào tà kiến cầu giải thoát khổ, đó gọi là đường tà. Xa lìa năm dục, theo pháp xuất gia, không thọ các khổ cho đến nẻo tà, nhưng có đủ phiền não hoặc có mà không nhiều, nghĩa là chánh phương tiện, phàm phu chân thật và các học nhân, đó gọi là bị phiền não sai khiến. Bồ-tát đối với cảnh giới nầy sinh tâm thương xót là rốt ráo, vô thượng.

Cảnh giới của ái ngữ có năm thứ: Một là chánh ngữ chân thật. Hai là chánh ngữ hoan hỷ. Ba là chánh ngữ tạo lợi ích. Bốn là chánh ngữ như pháp. Năm là phương tiện thuyết pháp ngữ, như trong phẩm Nhiếp đã nói ở trước. Bồ-tát đối với cảnh giới nầy sinh tâm ái ngữ là rốt ráo không gì hơn.

Cảnh giới của dũng mãnh có năm thứ, như trong phẩm Bồ-đề phần ở trước đã nói. Bồ-tát đối với cảnh giới ấy sinh tâm dũng mãnh rốt ráo không gì hơn.

Cảnh giới của huệ thí có năm thứ: Một là thí không phân biệt. Hai là thí hoan hỷ. Ba là thí chí tâm. Bốn là thí không nhiễm ô. Năm là thí không nương tựa, như trong phẩm Thí ở trước đã nói. Bồ-tát đối với cảnh giới nầy, sinh tâm huệ thí rốt ráo không gì hơn.

Cảnh giới của thuyết nghĩa pháp sâu xa có năm thứ: Một là đối với kinh của Như Lai đã giảng nói luôn tuỳ thuận, tương ưng với các pháp "không", duyên khởi sâu xa. Hai là đối với các giới luật, khéo biết chỗ phạm, không phạm cùng với nẻo ra khỏi phạm. Ba là đối với tạng Ma- đắc-lặc-già, kiến lập pháp tướng không điên đảo. Bốn là đối với pháp nghĩa sâu diệu dùng tưởng phân biệt. Năm là đối với pháp nghĩa của tất cả pháp, dùng vô số ngôn từ để tạo ra vô số phân biệt. Bồ-tát đối với cảnh giới nầy, sinh tâm thuyết nghĩa pháp sâu xa rốt ráo không gì hơn.

Bồ-tát thương xót các chúng sinh nên tu tập tâm từ, tạo phương tiện gần gũi đem lại lợi ích, không chán, phần nhiều trụ trong an lạc của hiện pháp vô tội, thâu giữ chúng sinh, như Đức Thế Tôn dạy: Phước lợi của tâm từ, thân thường không bị đao gậy làm hại, ở đây nên nói rộng, đó gọi là quả của sự thương xót.

Bồ-tát hành ái ngữ, ở trong pháp hiện tại, xa lìa bốn lỗi của miệng, là nói hai lời, nói thô ác, nói dối, nó thêu dệt, đem ái ngữ nầy thâu giữ mình, thâu giữ người, nơi đời vị lai thành tựu chánh ngữ, lời nói liền được tin

dùng, đấy gọi là quả của ái ngữ.

Bồ-tát hành dũng mãnh, ở trong hiện pháp, xa lìa các sự biếng nhác, tâm thường hoan hỷ, thọ trì giới luật nghi của Bồ-tát, không hủy không phạm, dùng tâm an nhẫn thâu nhận mình và người, ở đời vị lai, mọi hành sự của Bồ-tát thảy đều có thể tu học, học rồi kiên cố, đấy gọi là quả của dũng mãnh.

Bồ-tát hành huệ thí và nói pháp nghĩa sâu xa, được quả như nơi phẩm Lực, phần Bố thí Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật đã nói ở trước, đấy gọi là quả của huệ thí và nói pháp nghĩa sâu xa.

Thứ lớp nghĩa là Bồ-tát trước hết tu pháp thương xót thâu giữ chúng sinh, vì khiến chúng sinh ra khỏi pháp bất thiện, an lập nơi pháp thiện, nên giảng nói đầy đủ, thế nên tiếp đến mới nói ái ngữ. Chúng sinh tạo ác và các thứ phiền não hệ thuộc không dứt, cho nên sau đấy là nói dũng mãnh. Hoặc có chúng sinh phải dùng tiền tài thâu nhận, hoặc có chúng sinh phải dùng pháp thâu nhận, hoặc dùng cả tài lẫn pháp để thâu nhận, vì thế cho nên sau rốt mới nói huệ thí và nói pháp nghĩa sâu xa.

Bồ-tát có năm thứ tướng thâu giữ sáu Ba-la-mật. Sáu Ba-la-mật nầy thuộc về tướng nào? Tướng thương xót thâu giữ Thiền Ba-la-mật. Tướng ái ngữ thâu giữ Giới Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật. Tướng dũng mãnh thâu giữ Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Bát nhã Ba- la-mật. Tướng huệ thí thâu giữ Bố thí Ba-la-mật. Tướng nói pháp nghĩa sâu xa thâu giữ Thiền Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật. Đó gọi là Bồ-tát có năm thứ tướng với năm thứ phân biệt.

Phẩm 2: XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ PHÁP: DỰC

Sự hỗ trợ (Dực) của Bồ-tát tại gia, xuất gia có bốn pháp để Bồ-tát tu học mau chóng chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng: Một là khéo tu nghiệp. Hai là tạo phương tiện thiện xảo. Ba là thâu giữ chúng sinh. Bốn là hồi hướng.

Thế nào là khéo tu nghiệp? Bồ-tát đối với sáu Ba-la-mật quyết định tu, chuyên tâm tu, thường tu, tu vô tội.

Thế nào là quyết định tu? Nơi Bố thí Ba-la-mật, Bồ-tát đối với người đến cầu xin, dù lợi ích, không lợi ích, có đức, có lỗi, đều cần phải bố thí cho họ, đối với việc huệ thí, tâm không nghiêng động. Hoặc nhân, phi nhân,

Sa-môn, Bà-la-môn, đồng pháp thế gian, đều không thể hủy hoại.

Thế nào là chuyên tâm tu? Bồ-tát nầy đối với người đến cầu xin, sẵn sàng xả vật thí nội ngoại thí cho tất cả không có sen tiếc.

Thế nào là thường tu? Bồ-tát nầy bố thí không chán mệt, tất cả thời gian đều tùy được, tùy thí.

Thế nào là tu vô tội? Như trong phẩm Thí đã nói, thí lìa phiền não. Đấy gọi là Bồ-tát khéo tu bố thí Ba-la-mật. Cũng như thí, giới, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ đều cũng như thế. Nên biết tùy theo chỗ ứng hợp.

Thế nào là tạo phương tiện thiện xảo? Lược nêu có mười thứ: Phương tiện thiện xảo đối với các chúng sinh hoại pháp, vì đấy nhằm dứt trừ não hại. Phương tiện thiện xảo đối với người trụ ở giữa khiến nhập, người nhập rồi khiến thành thục, người đã thành thục khiến giải thoát. Phương tiện thiện xảo đối với các thứ luận ở thế gian. Phương tiện thiện xảo quán xét về giới luật của Bồ-tát hoặc trì, hoặc hủy phạm. Phương tiện thiện xảo đối với chánh nguyện. Phương tiện thiện xảo của thừa Thanh văn, của thừa Duyên giác, của Đại thừa. Như vậy, tất cả thiện xảo đều tùy theo chỗ ứng hợp với địa Bồ-tát kia, phân biệt nên biết.

Mười thứ thiện xảo nầy là năm thứ sự việc: Bốn thứ thiện xảo đầu là tạo lợi ích cho chúng sinh. Phương tiện thiện xảo đối với các luận thế gian là hàng phục dị luận. Phương tiện thiện xảo quán xét về giới luật của Bồ-tát hoặc trì hoặc hủy phạm là nhằm khiến không khởi phạm giới, người đã phạm khiến như pháp sám hối, thọ trì luật nghi thanh tịnh. Phương tiện thiện xảo đối với chánh nguyện là Bồ-tát ở đời vị lai, tất cả chỗ mong muốn thảy đều đạt được. Phương tiện thiện xảo của ba thừa là Bồ-tát tùy theo chủng tánh, căn cơ của chúng sinh mà giải thích, ví dụ, tùy thuận thuyết pháp, thuyết pháp đầy đủ. Như vậy là mười thứ phương tiện thiện xảo làm năm thứ việc, tất cả chỗ làm thảy đều đầy đủ, vì hiện pháp và đời sau cùng được lợi ích.

Thế nào là Bồ-tát thâu giữ chúng sinh? Bồ-tát nầy nương vào bốn nhiếp pháp là bố thí, ái ngữ, lợi ích, đồng sự. Hoặc có chúng sinh dùng an mà tạo lợi ích, dùng lạc mà tạo lợi ích, dùng an, lạc mà tạo lợi ích, nói rộng như trong phẩm Tự lợi tha lợi ở trước.

Thế nào là Bồ-tát hồi hướng? Bồ-tát tu tập ba môn thiện căn, nghĩa là khéo tu nghiệp hành phương tiện thiện xảo, thâu giữ chúng sinh, tất cả quá khứ, hiện tại, vị lai với tâm thuần tịnh, hồi hướng nơi Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, không đem thiện căn cầu quả báo khác. Như Đức Thế Tôn dạy: Pháp của các Bồ-tát tại gia, xuất gia đã học, nên biết tất cả

đều là khéo tu nghiệp, phương tiện thiện xảo, thâu giữ chúng sinh, hồi hướng tức thuộc về bốn pháp. Do đó, Bồ-tát khéo tu nghiệp hành phương tiện thiện xảo, thâu giữ, tụ tập, hồi hướng, phải biết là gần tòa Bồ-đề. Tất cả Bồ-tát tại gia xuất gia quá khứ, hiện tại, vị lai, đối với việc học Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đã học, sẽ học, hay đang học, bốn pháp như vậy là rốt ráo không có gì hơn.

Bốn pháp như thế, Bồ-tát xuất gia, tại gia đều phải thành thục. Nhưng người xuất gia đối với người tại gia có khác biệt lớn. Bồ-tát xuất gia thâu nhận giải thoát, vượt qua những thứ như cha mẹ, vợ con, họ hàng, không phải như người tại gia. Bồ-tát xuất gia thâu nhận giải thoát, cũng không như tại gia với những thứ khổ như làm ruộng, kinh doanh mưu sinh, phục vụ vương gia. Bồ-tát xuất gia tu đầy đủ phạm hạnh, tất cả pháp Bồ-đề phần, chóng đắc thần thông. Nếu tu pháp thiện thì chóng được rốt ráo. Bồ-tát xuất gia khi thuyết pháp gì, người liền tín thọ. Đó gọi là chỗ khác biệt lớn của tại gia và xuất gia.

-oOo-

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 9

Phẩm 3: XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ PHÁP TÂM TỊNH

Bồ-tát đối với các chúng sinh có bảy thứ thương yêu, gọi là chân thật đệ nhất: Một là vô úy. Hai là phương tiện thiện xảo. Ba là không chán. Bốn là không cầu. Năm là không tham. Sáu là rộng lớn. Bảy là bình đẳng.

Bồ-tát không do lo sợ, nên đối với các chúng sinh khởi tâm thương yêu, tu nghiệp thân, khẩu, ý tạo an vui cho chúng sinh, đó gọi là vô úy.

Bồ-tát dùng trí tuệ thiện xảo, đối với các chúng sinh khởi tâm thương yêu, không giáo hóa phi pháp, phi luật, phi chân đế, phi xứ. Đó gọi là phương tiện thiện xảo.

Bồ-tát đối với các chúng sinh hành tất cả phương tiện mà không chán mệt, đó gọi là không chán.

Bồ-tát đối với các chúng sinh khởi tâm thương yêu, không mong cầu việc gì, đấy gọi là không cầu.

Không cầu báo ân đó gọi là không tham.

Bồ-tát đối với các chúng sinh khởi tâm thương yêu, không giới hạn về chúng sinh, ở chỗ các chúng sinh được lợi ích, không lợi ích, thảy đều không lìa bỏ, đó gọi là rộng lớn.

Bồ-tát đối với các chúng sinh khởi tâm thương yêu, cùng với cảnh giới của chúng sinh không hạn chế phương hướng, đấy gọi là bình đẳng.

Bồ-tát thành tựu bảy thứ thương yêu như vậy, đấy gọi là chân thật đệ nhất.

Bồ-tát đối với Phật, Pháp, Tăng, tạo phương tiện quán sát, đạt được sự hiểu biết quyết định, đó gọi là tâm tịnh, lược nói có mười lăm thứ: Một là tâm vô thượng. Hai là tâm giới. Ba là tâm Ba-la-mật. Bốn là tâm nghĩa chân thật. Năm là tâm thần lực. Sáu là tâm an. Bảy là tâm lạc. Tám là tâm giải thoát. Chín là tâm kiên cố. Mười là tâm không dối uổng. Mười một là tâm bất tịnh. Mười hai là tâm tịnh. Mười ba là tâm vui tịnh. Mười bốn là tâm điều phục. Mười lăm là tâm câu sinh.

Tâm tịnh chuyên vui thích Tam bảo, đó gọi là vô thượng. Tâm tịnh

thọ giới luật của Bồ-tát, đấy gọi là giới.

Tâm tịnh hành thí, nhẫn, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đó gọi là Ba- la-mật.

Tâm tịnh nhận biết về pháp của đệ nhất nghĩa thâm diệu là nhân vô ngã, pháp vô ngã, nhân pháp vô ngã, đó gọi là nghĩa chân thật.

Tâm tịnh nhận biết về lực câu sinh, lực thần thông không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát, đó gọi là thần lực.

Đối với các chúng sinh muốn đem pháp thiện tạo lợi ích, đó gọi là an.

Đối với các chúng sinh muốn đem sự thâu giữ để tạo lợi ích, đó gọi là lạc.

Nơi các chúng sinh xa lìa tâm tham cùng với sự thọ báo, đấy gọi là giải thoát.

Đối với Bồ-đề vô thượng, tâm ấy kiên cố, đó gọi là kiên cố.

Phương tiện tạo lợi ích cho chúng sinh, phương tiện khai ngộ, trí không điên đảo đều cùng giải thoát, đó gọi là không dối uổng.

Tâm Bồ-tát của địa giải hành, đấy gọi là bất tịnh.

Địa tâm tịnh cho đến tâm Bồ-tát của địa quyết định hành, đó gọi là tịnh.

Tâm Bồ-tát của địa cứu cánh, đấy gọi là vui tịnh. Tâm không tịnh kia, đấy gọi là điều phục.

Tâm tịnh, tâm vui tịnh tư duy, đó gọi là câu sinh. Tánh tự chân thật, thân tâm thanh tịnh nên gọi là câu sinh.

Đấy gọi là mười lăm thứ tâm tịnh.

Mười lăm thứ tâm tịnh nầy, tùy theo tất cả địa, lược nói đã tạo ra mười việc: Tâm vô thượng tịnh tu tất cả chủng hạnh về ân huệ của Tam bảo, tu tất cả Bồ-đề gồm đủ chân thật đệ nhất. Tâm giới là từ khi thọ giới luật của Bồ-tát, cho đến khi mạng chung, trọn không hủy phạm, nếu có chỗ phạm tức có thể diệt trừ. Tâm Ba-la-mật là các pháp thiện căn thường siêng năng tu tập, trụ trong pháp không phóng dật. Tâm chân thật nghĩa là đem tâm không nhiễm ô vì chúng sinh nên thọ nhận sinh tử, tâm tịnh không xả, Niết-bàn giải thoát. Tâm thần lực là tịnh tín thuần hậu khai ngộ, tu tưởng niệm sinh tử, phần nhiều trụ trong Văn, Tư, biết lượng, biết đủ. Tâm an, tâm lạc, tâm giải thoát là tạo tất cả lợi ích cho chúng sinh mà không mệt chán. Tâm kiên cố là tinh tấn sáng rõ, tinh tấn rộng lớn, phương tiện bình đẳng, phương tiện không chậm, phương tiện không dứt. Tâm không dối

uổng là mau chóng chứng đắc thần thông, những pháp thiện kia, không do tâm nhỏ, tâm thấp mà sinh tưởng đủ. Tâm điều phục, sinh tâm câu sinh. Tâm câu sinh mau chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, tạo lợi ích an lạc cho chư Thiên và nhân loại.

Tâm điều phục thâu giữ tâm bất tịnh, tâm câu sinh thâu giữ tâm tịnh, tâm vui tịnh. Như Đức Thế Tôn dạy: Tâm tịnh của Bồ-tát, thiết lập hiển bày tất cả, đều là thuộc về mười lăm thứ tâm tịnh. Bồ-tát quá khứ, hiện tại, vị lai, chứng đắc Bồ-đề vô thượng, đã đắc, sẽ đắc, nay đắc, tất cả đều là mười lăm thứ tâm tịnh rốt ráo, không gì hơn. Như vậy, mười lăm thứ tâm tịnh có quả phước lợi lớn, nương vào đấy để chứng đắc Bồ- đề vô thượng.

Phẩm 4: XỨ PHƯƠNG TIỆN THỨ PHÁP: TRỤ

Đã nói chủng tánh của Bồ-tát, cho đến chỗ học của Bồ-tát, và học về tướng của Bồ-tát, sự giúp đỡ của Bồ-tát, tâm tịnh của Bồ tát; nay sẽ lược nói về mười hai trụ của Bồ-tát gồm thâu tất cả trụ và tất cả hành của Bồ-tát. Trụ Như Lai thứ mười ba là trụ vô thượng. Những gì là mười hai trụ của Bồ-tát? Một là trụ chủng tánh. Hai là trụ giải hành. Ba là trụ hoan hỷ. Bốn là trụ tăng thượng giới. Năm là trụ tăng thượng ý. Sáu là trụ tăng thượng tuệ. Trụ tăng thượng tuệ có ba loại: Một là Bồ-đề phần pháp tương ưng. Hai là đế tương ưng. Ba là duyên khởi sinh diệt tương ưng. Bồ-tát với trí chân thật quán chân thật, nghĩa là nhận biết chúng sinh, sinh khổ, diệt khổ, thế nên Bồ-tát ở nơi ba môn có ba thứ tuệ, ba thứ trụ. Chín là trụ vô tướng có hành có khai phát. Mười là trụ vô tướng không hành không khai phát. Mười một là trụ vô ngại. Mười hai là trụ Bồ-tát tối thượng. Như vậy mười hai trụ gồm thâu tất cả trụ, tất cả hành của Bồ-tát. Trụ Như Lai thì vượt hơn tất cả trụ Bồ-tát. Trụ A duy tam Phật, trụ Như Lai thì nơi phẩm An Lập ở sau sẽ nói rộng. Mười hai trụ Bồ-tát đã kiến lập, nay sẽ nói.

Thế nào là trụ chủng tánh? Bồ-tát nầy tánh vốn tự hiền thiện, tánh tự có thể hành công đức nơi pháp thiện. Tánh hiền thiện cho nên phương tiện theo ý, các pháp thiện sinh không đợi tư duy, sau đó mới được. Chủng tánh Bồ-tát, là chủng tử của tất cả pháp Phật. Chủng tử của tất cả pháp Phật ở trong thân, xa lìa phiền não thô. Bồ-tát của trụ chủng tánh tuy khởi phiền não bậc thượng trói buộc, nhưng trọn không thể hành năm nghiệp vô gián và đoạn thiện căn. Nghĩa của chủng tánh như trong phẩm Chủng tánh đã nói. Đấy gọi là trụ chủng tánh.

Thế nào là trụ giải hành? Bồ-tát nầy bắt đầu phát tâm, chưa được địa tâm tịnh, nhưng Bồ-tát đã có các hành, đó gọi là trụ giải hành. Bồ- tát của trụ chủng tánh, đối với các trụ Bồ-tát khác, cùng trụ Như Lai, chỉ là nhân sinh, nhân gồm thâu, chẳng phải là phương tiện, cũng chẳng phải là đạt được, cũng chẳng phải là thanh tịnh, huống gì là trụ Như Lai. Bồ-tát của trụ giải hành, đối với các trụ Bồ-tát khác và trụ Như Lai, là phương tiện, nhưng chẳng phải là đạt được, cũng chẳng phải là thanh tịnh, chỉ được giải hành và hướng thanh tịnh. Bồ-tát của trụ giải hành tịnh tu trụ hoan hỷ, đắc phương tiện trước và hướng thanh tịnh. Bồ-tát của trụ hoan hỷ tịnh tu trụ tăng thượng giới, đắc phương tiện trước và hướng thanh tịnh. Như thế, nói rộng cho đến trụ Bồ-tát tối thượng, nên biết như vậy. Trụ Bồ-tát tối thượng thứ lớp tịnh tu trụ Như Lai nơi trụ Như Lai của phương tiện trước, tức thì chứng đắc và thanh tịnh. Đó là sự sai khác giữa trụ Như Lai và trụ Bồ-tát.

Thế nào là trụ hoan hỷ? Bồ-tát nơi trụ tâm tịnh đó gọi là trụ hoan hỷ.

Thế nào là trụ tăng thượng giới? Bồ-tát nhân nơi tâm tịnh trụ mà tánh giới đầy đủ an trụ.

Thế nào là trụ tăng thượng ý? Bồ-tát nhân nơi tăng thượng giới làm thanh tịnh các thiền thế tục, mà an trụ Tam-muội chánh thọ.

Thế nào là tuệ trụ tương ưng với pháp phần Bồ-đề? Bồ-tát nhân nơi trí thế tục thanh tịnh, Tam-muội chân thật biết rõ về chân đế, ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, niệm xứ v.v… quán sát mà trụ.

Thế nào là tuệ trụ tương ưng với đế? Bồ-tát nhân nơi pháp phần Bồ-đề, tuệ trụ quán sát chân đế.

Thế nào là tuệ trụ tương ưng với duyên khởi sinh diệt? Bồ-tát nơi chân đế biết rõ là tăng thượng rồi, có nhân duyên khổ sinh, có nhân duyên khổ diệt, quán sát tánh mà trụ.

Thế nào là trụ vô tướng có hành, có khai phát? Bồ-tát nơi ba thứ tuệ tăng thượng làm tăng thượng rồi, có hành, có khai phát, không đoạn tất cả pháp vô gián như lìa các vọng tưởng, tu tuệ đều cùng trụ.

Thế nào là trụ vô tướng không hành không khai phát? Tức là trụ vô tướng nầy phần nhiều thuần tu cho đến không đoạn đạo tăng tưởng, vô gián tùy thuận mà trụ.

Thế nào là trụ vô ngại? Bồ-tát nương vào Tam-muội của trí tuệ bất động vui tịnh, đối với lời, nghĩa, chương câu của Phương quảng vô thượng do Đức Phật thuyết giảng, quán sát phân biệt mà trụ.

Thế nào là trụ Bồ-tát tối thượng? Bồ-tát trụ ở đạo Bồ-tát cứu cánh, chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hành đại pháp quán đảnh

một đời tiếp nối, hoặc thân sau cùng lần lượt ở trụ nầy, chứng đắc Bồ-đề vô thượng, làm tất cả Phật sự mà trụ.

Bồ-tát của trụ giải hành, tu hành ít, hành đoạn, hành bất định, chỗ chứng đắc có thối chuyển. Bồ-tát của trụ hoan hỷ cho đến ba thứ tuệ trụ, tu hành rộng, hành bất đoạn, hành quyết định, chỗ chứng đắc không thối chuyển. Trụ vô tướng có hành, có khai phát, cho đến trụ Bồ-tát tối thượng tu vô lượng hành, hành bất đoạn, hành quyết định, chỗ chứng đắc không thối chuyển.

Bồ-tát của trụ giải hành, là vô tướng tu phương tiện. Bồ-tát của trụ hoan hỷ cho đến trụ tăng thượng tuệ, là đạt được vô tướng. Bồ-tát của trụ vô tướng thứ nhất, trụ vô tướng thứ hai là tu vô tướng thanh tịnh. Bồ-tát của trụ vô ngại cho đến trụ Bồ-tát tối thượng, là quả tu vô tướng.

Bồ-tát của trụ giải hành, khi hành giải hành có hành tướng gì? Bồ-tát của trụ giải hành khi hành giải hành, dùng lực tư duy những chỗ tạo tác của Bồ-tát làm phương tiện tư duy tu tập. Tánh không thể tự chân thật, kiên cố, không thối chuyển, không được như cách tu của Bồ- tát bất thối chuyển đã tu. Tu như vậy, thì quả như vô số thần thông vô ngại, Tam-muội giải thoát, chánh thọ, thảy đều không được, cũng chưa đoạn năm thứ lo sợ, đó là sợ không sống nổi, sợ tiếng xấu, sợ chết, sợ đường ác, sợ đại chúng. Tư duy tu tập tạo lợi ích cho chúng sinh, tánh không thể tự thương xót, hoặc có khi khởi nghiệp thân, khẩu, ý tà, có khi tham đắm cảnh giới năm dục, có khi tham tiếc các vật dụng sở hữu. Nhưng do Phật, Bồ-tát nên sinh khởi tịnh tín mà không thể tự khởi trí tuệ chân thật, về nghĩa chân thật nơi công đức của Tam bảo, lực thần thông của chư Phật, Bồ-tát, hoặc nhân, hoặc quả, hoặc đắc nghĩa, hoặc đắc phương tiện, hoặc cảnh giới. Nghe ít, tư duy ít, nên trí tuệ thành tựu không thể vô lượng. Hoặc có khi quên mất con đường tu đạo Bồ tát thành tựu là chậm chắc, chịu khổ nên không thể chuyên tinh hành đại Bồ-đề, phương tiện sáng rõ, vui thích sâu xa tịnh tín; đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đáng vui và không thể vui, hoặc điên đảo thọ sinh ở giữa hai thân. Hoặc khi thọ tụng trì pháp tạo tác lâu, tu lâu, nơi ba việc ấy quên mất chánh niệm. Hoặc khi tuệ sáng thọ trì chánh pháp, khéo hiểu về nghĩa ấy. Hoặc khi không hiểu, hoặc không khéo nhận biết để tùy thuận điều phục. Hoặc lại không biết tự mình sinh khởi pháp Phật, theo ý thuyết pháp, chỉ dạy khuyên răn, do theo ý nên không biết như thật. Hoặc khi nói dối uổng, như trong tối mà bắn tên, hoặc trúng hoặc không trúng. Hoặc khi thoái chuyển xả tâm đại Bồ-đề. Hoặc khi thọ giới Bồ-tát, trở lại hủy phạm. Hoặc khi có thể tạo phương tiện làm lợi ích cho chúng sinh.

Hoặc khi chán mệt, vì thế đối với phương tiện thoái chuyển, vui cái vui của chính mình. Hoặc khi tư duy biết chúng sinh vui thích, thiếu giảm nhưng không thể đoạn. Hoặc có đoạn trừ mà thường thường thiếu giảm. Hoặc lúc có thể thuyết tạng pháp Bồ-tát. Hoặc khi nghe giảng nói pháp sâu xa vi diệu mà sinh sợ hãi, dao động, nghi vấn, đối với tất cả chúng sinh xa lìa đại bi, ít có thể tạo an lạc, không thể hành rộng lớn, tức không thể như trên đã nói là học những gì Bồ-tát đã học, đầy đủ tướng Bồ-tát, Bồ-tát hỗ trợ, Bồ-tát tâm tịnh, cách xa quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, tâm không thể tịnh vui thích sâu xa về Niết-bàn, xa lìa sinh tử, thiện căn bất động, pháp Bồ-đề phần đều không thành tựu. Những thứ như vậy, gọi là hành tướng của Bồ-tát nơi trụ giải hành. Bồ-tát của trụ giải hành khi hành hạ nhẫn, như trên đã nói hành tướng tăng, khi hành trung nhẫn thì trung bình, khi hành thượng nhẫn thì hành tướng giảm. Như vậy, khi hành thượng nhẫn thì đoạn hành tướng nầy, theo thứ tự nhập trụ hoan hỷ, với phương tiện được trụ hoan hỷ, tất cả pháp kia đều không có trụ lại. Trụ giải hành đã nói thì trái ngược lại là tất cả phần pháp không nhiễm ô, thành tựu gọi là trụ tâm tịnh. Bồ-tát của trụ giải hành có phương tiện hạ, trung, thượng, dần dần tịnh giải thoát, không phải là thanh tịnh vô tội. Vì sao? Vì giải thoát kia có triền ở trên các thứ phiền não sinh ra. Bồ-tát của trụ hoan hỷ giải thoát triền ở trên các phiền não nên đoạn lìa phiền não, sinh giải thoát thanh tịnh.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi trụ hoan hỷ? Bồ-tát nầy ở trụ giải hành nhập trụ hoan hỷ, trước khéo nhập nơi Bồ-đề vô thượng, nguyện khéo nhập nơi phương tiện Bồ-đề, tu tập quyết định. Quyết định có sáu thứ: Một là có khả năng tự tu tập, khởi nguyện Bồ-đề, vượt ra ngoài tất cả tịnh nguyện. Hai là quả không chung, không gì sánh bằng, vượt ra ngoài tất cả cảnh giới của thế gian. Ba là thuận độ các chúng sinh khổ, không chung với tất cả Thanh văn, Duyên giác. Bốn là phát khởi một niệm nguyện, tánh tự nhiên vui thích vô lượng pháp tịnh và hành không chán. Năm là được nguyện vô tận thường không thối chuyển. Sáu là tăng trưởng phần thù thắng, đại Bồ-đề rốt ráo. Đó gọi là nguyện chân thật.

Bồ-tát nguyện chân thật có bốn việc: Một là vì những người nào phát tâm? Hai là duyên vào gì mà phát tâm? Ba là phát tâm có tướng gì? Bốn là phát tâm có phước lợi gì?

Bồ-tát của trụ giải hành tu tập tất cả loại thiện căn, xuất sinh chánh hạnh Bồ-đề mà phát tâm. Đó là lược nói về người phát tâm.

Ở đời vị lai mau chóng đạt đầy đủ tất cả chủng Bồ-đề, đầy đủ việc Bồ-tát tạo lợi ích cho chúng sinh, đầy đủ tất cả hành của Bồ-đề vô thượng,

đầy đủ tất cả Phật sự mà phát tâm. Đó là lược nói về duyên phát tâm.

Bồ-tát phát tâm, mau chóng đầy đủ tất cả chủng loại Bồ-đề, các việc Bồ-tát tạo lợi ích cho chúng sinh, tất cả hành của Bồ-đề vô thượng, tất cả Phật sự, vượt qua địa phàm phu, nhập quả vị Bồ-tát, sinh trong nhà Như Lai, gọi là Phật tử, quyết định cầu đạt Bồ-đề vô thượng rốt ráo, đắc tịnh bất hoại, sinh tâm hoan hỷ, lìa tâm phi luật nghi, tham sân… Tất cả các thứ tạo lợi ích cho chúng sinh, tất cả chủng loại Bồ-đề đầy đủ, đầy đủ pháp Phật, Phật sự, thần lực, duyên kết nơi tâm tịnh, thứ lớp ý giải, tự thấy được pháp Phật kia, mau chóng tùy thuận thực hành, sinh tâm hoan hỷ, gìn giữ các thiện căn, xuất gia làm nhiều lợi ích, bình đẳng lìa dục, thân tâm thâu nhận hoan hỷ mạnh mẽ, thành tựu pháp thiện, gần gũi tâm thanh tịnh Bồ-đề vô thượng, đối với Đại Bồ-đề sinh tâm hoan hỷ. Bồ-tát với tâm sinh quyết đinh xa lìa năm thứ lo sợ, tu trí vô ngã, ngã tưởng không sinh, làm sao sẽ có ngã ái và các thứ vật dụng để ái, thế nên lìa lo sợ không thể sống. Đối với người khác không có chỗ cầu dục, thường muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, cho nên xa lìa sự lo sợ về tiếng xấu ác. Xa lìa ngã kiến, ngã tưởng không sinh, do đó lìa sự lo sợ về chết. Thân nầy mạng chung, nơi đời vị lai chắc chắn được cùng với chư Phật, Bồ-tát tụ hội, vì thế xa lìa sự lo sợ về đường ác. Quán xét ở thế gian không ai sánh bằng, huống gì là hơn trên, vì thế nên xa lìa sự lo sợ nơi đại chúng. Như vậy, xa lìa năm thứ lo sợ rồi, thì cũng xa lìa được sự lo sợ khi nghe pháp sâu xa, lìa bỏ sự kiêu mạn cao ngạo, với người khác không tạo lợi ích, các thứ sân, hận, tham, hỷ cũng đều xa lìa, không nhiễm ô, không hành tạp, tất cả pháp thiện, tất cả các thứ tinh tấn, phương tiện tịnh tín hiện tại đều tu hành, đối với việc vị lai sinh mười đại nguyện, mười đại nguyện ấy như trong phẩm Bồ-đề phần ở trước đã nói.

Trụ hoan hỷ nầy tịnh tu sinh: Một là đem tâm thanh tịnh thường nguyện cúng dường tất cả chư Phật. Hai là thọ trì giữ gìn chánh pháp chư Phật. Ba là khuyến thỉnh chư Phật chuyển pháp chưa từng có. Bốn là thuận hành chánh hạnh của Bồ-tát. Năm là tất cả các vật dụng thành thục đầy đủ. Sáu là nơi tất cả thế giới đều có thể hiện sinh. Bảy là tự làm thanh tịnh Phật độ. Tám là tất cả Bồ-tát đồng một phương tiện đem Đại thừa giáo hóa. Chín là tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, hết thảy đều chẳng không. Mười là tất cả thế giới chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thực hiện tất cả Phật sự.

Như vậy, mười đại nguyện ấy có thể sinh khởi vô lượng trăm ngàn đại nguyện, không lìa cảnh giới chúng sinh, không lìa thuận với thế gian, các đại nguyện nầy đời đời luôn hành trì, trọn không quên mất, hiện pháp

theo phương tiện tinh tấn tu tịnh, trụ nơi mười pháp thuộc trụ hoan hỷ tịnh tu sinh: Một là đối với tất cả pháp Phật đều tín không hoại. Hai là tạo phương tiện quán sát duyên khởi, khổ ấm nơi chúng sinh sinh tâm đại bi. Ba là quán sát chúng sinh khổ, khiến được giải thoát, sinh tâm đại từ. Bốn là do đại từ bi, muốn độ tất cả chúng sinh thọ khổ, nên tự xả thân mình không xả bỏ chúng sinh, xả mọi vật trong ngoài để hành bố thí. Năm là vì hóa độ chúng sinh nên siêng cầu pháp thế gian, xuất thế gian, tâm không chán mệt. Sáu là do tâm không chán mệt nên nhận biết tất cả luận. Bảy là do nhận biết tất cả luận nên biết chúng sinh loại hạ, trung, thượng, tùy theo sự ứng hợp nơi họ mà biết thế gian. Tám là tùy theo chỗ ứng hợp rồi biết thời, biết lượng, sinh tâm hổ thẹn. Chín là phương tiện như vậy đạt được lực mạnh mẽ. Mười là được tài lợi thế gian cúng dường Như Lai. Mười pháp như vậy làm tịnh trụ hoan hỷ, đó là tín, từ, bi, thí, không nhàm chán, biết luận, biết thế gian, hổ thẹn, mạnh mẽ cúng dường Như Lai. Bồ-tát tu tập mười pháp nầy, đối với chín trụ còn lại như trụ tăng thượng giới v.v… quán xét công đức và lỗi ác của tất cả các thứ đạo, cầu thần thông vốn có của chư Phật, Bồ- tát vui thích đạo không hoại, khéo thâu giữ hành được nương tựa, vượt qua tất cả trụ, đắc Đại Bồ-đề, làm đại Đạo sư, độ thoát chúng sinh nơi đồng hoang vắng sinh tử dạy bảo khiến họ nhập hạnh, nhập hạnh rồi chứng đắc được quả phước lợi thành tựu, gọi là dựa nơi trụ. Trụ nầy có hai nhân duyên: Thấy vô lượng Phật, nghe nói về tạng Bồ-tát, tức có thể hiểu biết, biết vô số danh hiệu của chư Phật trong vô lượng thế giới ở mười phương, từ tịnh tín thấy thô, cho đến được kiến giải chân thật, đó gọi là nhân duyên thứ nhất. Lại khởi nguyện: Đức Phật đó ra đời, ta sẽ sinh ở cõi đó, tùy nguyện vãng sinh. Như vậy, do nguyện lực nên từ thấy tịnh tín thô được thấy chư Như Lai với tất cả các thứ cúng dường, các thứ tạo an lạc lợi ích, tùy theo khả năng, tùy theo lực để cúng dường Pháp, Tăng, ở chỗ Như Lai nghe, thọ chánh pháp, nghe rồi thọ trì pháp tiếp pháp hướng, dùng bốn nhiếp sự để thành thục chúng sinh, tất cả thiện căn hồi hướng nơi Bồ-đề, do ba thứ thanh tịnh nên các thiện căn kia lại chuyển thanh tịnh. Phật, Pháp, Tăng thâu nhận cúng dường, do bốn nhiếp sự thành thục chúng sinh, tất cả thiện căn đều hồi hướng Bồ- đề, nên thân tâm thanh tịnh đến vô lượng trăm ngàn ức kiếp. Ví như vàng ròng được thử trong lửa, thợ giỏi luyện sửa càng thêm sáng sạch. Thiện căn của Bồ-tát chuyển tăng thanh tịnh cũng lại như vậy. Nếu lại thọ sinh, làm Chuyển luân vương, làm vua cõi Diêm-phù-đề, tùy ý tự tại, xa lìa tham lam, cũng giáo hóa chúng sinh xa lìa bỏn sẻn xấu xa, đem bốn nhiếp sự thâu giữ chúng sinh, khiến khắp chúng sinh được đệ nhất nghĩa. Hoặc muốn tinh tấn, xả bỏ của cải, nhà cửa,

ở trong chánh pháp của Phật xuất gia học đạo, trong khoảnh khắc một niệm có thể đạt đầy đủ trăm Tam-muội của Bồ-tát, có thể dùng Tam-muội thấy trăm thế giới Phật, đem trí lực thần thông có thể làm động trăm thế giới Phật, thân cũng có thể vượt qua ánh sáng. Có thể biến hóa một thân thành trăm thân hiện bày rộng khắp, thành thục chúng sinh, có thể trụ lâu trăm kiếp, có thể nhận biết việc nơi trăm kiếp quá khứ, có thể biết ấm, giới, nhập, mỗi thứ với trăm pháp môn, có thể hóa trăm Bồ-tát làm quyến thuộc. Hoặc đem nguyện lực tạo ra sức thần thông, tức có vô lượng trăm ngàn ức kiếp không thể đếm biết. Đó gọi là lược nói về trụ hoan hỷ. Đó là quyết định bốn việc, xuất sinh đại nguyện, phương tiện tinh tấn xuất sinh, tu tập pháp tịnh trụ, nơi các trụ kia đều tịnh tu, thấy thiện căn Phật, thần lực thọ sinh, nói rộng như trong Tu-đa-la Thập Địa, nơi địa Hoan hỷ đã nói: Tu-đa-la nói Thập Địa, tức là tạng Bồ-tát nầy. Ma-đắc-lặc-già nói mười trụ thâu giữ chúng sinh nên nói là địa, tự thọ hành trụ nên nói là trụ.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi trụ tăng thượng giới? Bồ-tát nầy ở trụ hoan hỷ được mười thứ tâm tịnh. Một là tâm đem tất cả các thứ cúng dường phước điền tôn trọng, trước nói lời thưa hỏi. Hai là tâm cùng với Bồ-tát đồng pháp gần gũi vui trụ. Ba là tâm thắng tất cả ma nghiệp trói buộc của phiền não. Bốn là tâm thấy được tất cả hành tội ác. Năm là tâm thấy rõ phước lợi của Niết-bàn. Sáu là tâm thường tu thiện căn của pháp Bồ-đề phần. Bảy là tâm tùy thuận tu Bồ-đề nơi xứ thanh tịnh vắng vẻ. Tám là tâm không nghĩ nhớ về những tham ái, kiêu mạn, lợi dưỡng ở thế gian. Chín là tâm lìa thừa Thanh văn hướng đến Đại thừa. Mười là tâm tạo tất cả mọi thứ lợi ích cho chúng sinh.

Mười thứ tâm sinh như vậy gọi là được tâm tịnh. Tâm tịnh đầy đủ như thế, lần lượt nhập trụ tăng thượng giới. Nhập trụ tăng thượng giới rồi tức tánh giới đầy đủ, dấu vết của tà nghiệp loại thấp, thuộc về giới ác thảy đều không làm, huống gì là loại trung, thượng. Tánh giới đầy đủ như vậy, thì nghiệp nhiễm ô, không nhiễm ô, dấu vết của nghiệp nơi đường thiện, đường ác, xứ nhân, xứ quả đều biết như thật, quả báo quả y và nghiệp kia cũng biết như thật, tự đoạn mười nghiệp ác, hành mười nghiệp thiện. Lại đem pháp nầy dạy trao cho chúng sinh, kể cả cảnh giới của những chúng sinh tạo nghiệp ác, tội lỗi, xấu xa, cũng bình đẳng truyền dạy không sai khác. Nghiệp thiện nghiệp ác, đệ nhất nghĩa khổ, các loại hoạn nạn, đều tạo được sự thương xót rộng lớn, thấy Phật, thiện căn thanh tịnh, như trước đã nói. Ví như vàng ròng được thêm thuốc riêng, bỏ vào trong lửa tăng thêm sáng sạch. Bồ-tát với thiện căn thanh tịnh cũng lại như vậy. Trụ nơi tâm thanh tịnh nầy, thành tựu thọ sinh, làm Chuyển luân vương, cai trị bốn cõi

thiên hạ, dùng lực tự tại khiến các chúng sinh lìa các giới ác, hành đạo nghiệp thiện. Mười việc thần lực như trong kinh đã nói. Đó gọi là lược nói về trụ tăng thượng giới. Đó là: Tâm tịnh, tánh giới đầy đủ, lìa tất cả giới ác, lìa tất cả nẻo nghiệp, tất cả nhân quả hiểu biết như thật, phân biệt bốn thứ nghiệp dạy trao chúng sinh. Nghiệp thiện ác trong cõi chúng sinh sinh khổ và các nạn tạo được sự thương xót rộng lớn, thấy Phật, thiện căn thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như kinh Thập Địa, nơi Địa Ly Cấu đã nói. Lìa cấu uế của giới ác nên gọi là ly cấu. Địa Ly cấu kia tức ở đây là trụ tăng thượng giới.

Thế nào là hành tướng của Bồ-tát nơi trụ tăng thượng ý? Bồ-tát nầy ở trụ tăng thượng giới được mười thứ tư duy, mười thứ tư duy đầy đủ xong, vượt qua trụ tăng thượng giới, nhập vào trụ tăng thượng ý: Một là làm tịnh mười thứ tâm tịnh. Hai là lìa mười thứ tâm bất tịnh. Ba là đối với tất cả pháp hữu lậu có thể sinh chán lìa. Bốn là biết tu pháp đối trị. Năm là tu pháp đối trị không thối chuyển. Sáu là đối trị kiên cố hơn hẳn tất cả hữu lậu, tất cả nghiệp ma. Bảy là đối với tất cả pháp Phật không có yếu kém, thoái lui. Tám là đối với các khổ hạnh không cho là khó. Chín là tin hiểu Đại thừa, không ưa thích Tiểu thừa. Mười là tất cả các thứ đều tạo lợi ích cho chúng sinh.

Bồ-tát của trụ tăng thượng ý quán tất cả hành sinh vô lượng lỗi ác, ở nơi chán lìa quán công đức phước lợi nơi trí tuệ của Phật sinh khởi chánh niệm, tín tâm thuần tịnh. Quán các hành khổ trong cõi chúng sinh, thương nhớ chúng sinh, nương vào nơi nghĩa, đối với hành hữu vi không hành buông thả, đối với Đại Bồ-đề tinh tấn dũng mãnh, đối với các chúng sinh sinh tâm đại bi, khiến các chúng sinh rốt ráo thoát khổ. Quán sát tất cả chướng ngại phiền não, chánh trí giải thoát. Quán xét hết thảy vọng tưởng của pháp giới, phiền não khởi lên dùng trí tuệ đối trị, quán trí tuệ Tam-muội thành tựu … nghe tạng Bồ-tát lấy đó làm phương tiện, nhờ nghe phương tiện nên siêng tu tinh tấn. Nghe chánh pháp nên không tiếc thân mạng, không một thứ của cải trong ngoài nào mà không bố thí, không một bậc đáng tôn trọng nào mà không cung kính, không có chánh giáo nào mà không phụng hành, không có thân khổ nào mà không cầu pháp. Dùng tâm ái niệm nghe mỗi bài kệ bốn câu, hơn hẳn ái niệm các thứ châu báu chứa nhóm trong ba ngàn đại thiên thế giới. Nếu nghe một kệ, hướng đúng đến Phật đạo, tịnh tu hạnh Bồ-tát, thì hơn hẳn việc được làm Chuyển luân Thánh vương, làm Hộ thế, Đế thích, Ma, Phạm. Nếu có người nói: Ta có chánh pháp, chánh hướng Phật đạo, tịnh tu hạnh Bồ-tát, nếu có thể nhảy vào hầm lửa lớn thọ đại khổ, thì ta sẽ vì ông mà nói. Bồ-tát nghe rồi hoan hỷ thọ lạc,

khởi niệm: Nếu nghe chánh pháp hướng đúng đến Phật đạo, tu hạnh Bồ-tát, giả sử lửa lớn cháy bừng khắp tam thiên đại thiên thế giới, cho đến cõi Phạm Thiên Bồ-tát hãy còn nhập vào trong đó, huống gì là lửa nhỏ. Trải qua mọi thứ khổ ở địa ngục Bồ-tát hãy còn dốc cầu pháp Phật, huống gì là khổ nhỏ. Phương tiện tinh tấn tư duy như thế, cầu pháp như pháp, thứ pháp, hướng thuận pháp Phật, không do văn tự, âm thanh thanh tịnh. Khởi niệm như vậy xong, nhờ nghe pháp tướng của chánh duyên, xa lìa pháp dục, ác, bất thiện, được bốn thiền thế gian, bốn định vô sắc, bốn vô lượng, năm thần thông, xả các thiền, chánh thọ Tam-muội. Do nguyện lực nên lại sinh ở dục giới, quán chúng sinh kia có thể đạt đủ pháp phần Bồ-đề nên sinh vào xứ đó, lìa dục nên đoạn trừ dục trói buộc. Do chánh thọ các thiền nên có trói buộc liền đoạn trừ, trước trụ giải hành, pháp như vậy, như thấy giải thoát đoạn dứt trói buộc. Tham sân si rốt ráo không hành, thấy Phật, thiện căn thanh tịnh, như trước đã nói. Ví như vàng ròng được luyện sửa, lìa cấu uế thành sáng sạch, thiện căn chuyển tăng thanh tịnh của Bồ-tát cũng lại như vậy. Nếu lại thọ sinh thì được thân Đế thích, lấy pháp thiện lìa dục điều phục chúng sinh, thần lực hơn các trụ trước trăm ngàn vạn lần. Đó gọi là lược nói về trụ tăng thượng ý. Đó là thành tựu mười thứ tư duy, nhập tất cả hành Đại Bồ-đề nơi cảnh giới chúng sinh, phân biệt đúng về khổ chân thật, phương tiện giải thoát, chính cầu, hết sức cung kính cầu pháp, pháp tiếp pháp hướng phương tiện thiện xảo sinh ra các thiền Tam-muội, chánh thọ thần thông, xả bỏ các thiền, do nguyện lực nên tùy theo chỗ mong muốn thọ sinh, thấy Phật, thiện căn thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như trong kinh Thập Địa nơi Địa Minh đã nói: Nghe pháp thực hành, do hành pháp chiếu sáng, Tam- muội chiếu sáng, nên nói là Địa minh. Nội tâm thanh tịnh nên gọi là trụ tăng thượng ý. Địa minh kia chính là trụ tăng thượng ý.

Thế nào là Bồ-tát hành pháp phần Bồ-đề tương ưng với trụ tăng thượng tuệ? Bồ-tát nầy ở trụ tăng thượng ý, đạt đầy đủ mười pháp minh tăng thượng rồi, nhập trụ tăng thượng tuệ thứ nhất. Mười pháp minh như nơi kinh đã nói, đó là đệ nhất nghĩa bình đẳng. Hoặc phiền não não hại, hoặc thanh tịnh tịnh hóa. Phiền não trói buộc, não hại. Thanh tịnh vô thượng tịnh hóa. Đó gọi là lược nói về nghĩa pháp minh. Người trụ ở trụ nầy, thành thục mười trí tịnh không hoại làm đầu, như trong kinh nói: Mười trí thành thục sinh vào nhà Như Lai, đạt được mười trí quán sát tự tại, làm tăng thượng xong, tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần như niệm xứ v.v... Như trong kinh nói: Tu tập pháp kia, cho nên lìa các thứ ấm, giới, nhập như thân kiến v.v…, các ái nhiễm vi tế rốt ráo không sinh. Đức Như Lai không khen ngợi sự tạo nghiệp, nên tất cả không làm. Điều được khen ngợi là tất cả tùy

thuận. Như như chân thật, tâm càng thêm thuận hòa, tu các thứ hành, tâm kia vui tịnh, biết ân báo ân, thuận theo công đức, các thứ pháp tịnh thảy đều thành tựu, tu nghiệp thượng địa, được tinh tấn lớn. Nhân nơi tinh tấn kia, nên tâm thanh tịnh tâm sâu xa tin hiểu đầy đủ. Nhờ nơi chánh pháp nên ngoại đạo, ma oán không thể khuynh động, được thấy Phật, thiện căn thanh tịnh như trước đã nói. Ví như vàng ròng làm các vật trang sức, các kim loại khác không sánh bằng. Thiện căn của Bồ-tát cũng lại như vậy, hơn hẳn công đức của các Bồ-tát hạ địa. Như lưu giữ nhiều ma ni ánh sáng thanh tịnh, các thứ ngọc báu khác không bằng, tất cả mưa gió không thể hoại diệt. Bồ-tát như vậy thì ánh sáng trí tuệ của Bồ-tát hạ địa, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể sánh bằng, ma oán phiền não đều không thể hủy diệt. Nếu lại thọ sinh thì làm Thiên vương Diệm ma, đem các pháp thiện giáo hóa chúng sinh, dùng lực thần thông phá trừ thân kiến… đối với trụ trước hơn gấp trăm ngàn vạn lần. Đó là lược nói về pháp phần Bồ-đề nơi trụ tăng thượng tuệ. Đấy là thành tựu mười pháp minh, nhập mười trí thành thục, tu pháp phần Bồ-đề, tất cả chấp trước như thân kiến v.v… đều đoạn, nghiệp làm ra, nghiệp thuận theo, hoặc xa lìa, hoặc tu tập, tâm chuyển nhu hòa, tùy thuận công đức thảy đều thành tựu. Tu nghiệp thượng địa được tinh tấn lớn, nhờ tinh tấn ấy tâm tịnh tâm sâu xa, tin hiểu thanh tịnh, nhân nơi chánh pháp ấy nên ma oán không khuấy động. Thấy Phật, thiện căn thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như trong kinh Thập Địa nơi Diệm Địa đã nói. Địa kia là mầm ánh sáng trí tuệ của pháp phần Bồ-đề, chính là nói pháp trí chiếu sáng thế gian, vì thế nên địa ấy gọi là Diệm. Diệm địa kia tức là pháp phần Bồ-đề tương ưng nơi trụ tăng thượng tuệ.

Thế nào là Bồ-tát hành đế tương ưng trụ tăng thượng tuệ? Đó là Bồ-tát trước đã ở nơi trụ tăng thượng tuệ thứ nhất đạt được mười thứ tâm tịnh bình đẳng, tăng thượng đầy đủ rồi, nhập trụ tăng thượng tuệ thứ hai. Mười tâm tịnh bình đẳng, như nơi kinh nói: Đó là Đẳng giác vô đẳng, vượt khỏi chúng sinh khác, nơi pháp như bình đẳng. Đó gọi là lược nói về nghĩa tâm tịnh bình đẳng. Người trụ ở trụ nầy, trí tuệ tăng tiến, đối với bốn Thánh đế có mười thứ biết như thật, như trong kinh nói. Hoặc nhờ nơi người khác, hoặc tự mình biết, hoặc đều cùng biết, như nơi Tu-đa-la, Tỳ-ni, Ma-đắc-lặc-già nói. Hiện tại khổ, nhân khổ, nhân khổ diệt, đạo phương tiện diệt nhân khổ, đó gọi là lược nói về mười thứ biết như thật về bốn Thánh đế. Phương tiện nhận biết đế ấy, phá trừ tất cả hành hữu vi, đối với các chúng sinh đại bi tăng trưởng. Biên vực trước, sau nơi bốn chân đế, ngu hoặc, hướng tà, đều khiến vào nơi các thứ trí tuệ công đức giải thoát, tu hành thành thục, chánh nguyện, chánh niệm, vô số các công đức chân thật như

chánh trí, chánh thuyết v.v… tăng trưởng tư duy rốt ráo, tất cả các loại thành thục, phương tiện thành thục cho chúng sinh, do thâu giữ chúng sinh nên tu tập tất cả sách luận thế tục, như trong kinh đã nói. Do tất cả nghiệp công xảo, xuất sinh tâm bi, dẫn dụ chúng sinh tiến lên an lập Bồ-đề, tùy thuận thế gian hành phương tiện huệ thí. Bốn đại lầm loạn, bị phi nhân bức não, khiến được dừng dứt. Đem các vật dụng vui đùa vô tôi, tạo lợi ích, nhân lợi ích nầy dẫn dắt khiến vui thích pháp, dùng các phương tiện an trụ vào, chỉ mà tạo lợi ích. Các nạn xâm hại như vua, giặc v.v… đều cứu độ khiến an ổn, phương tiện xứ phi xứ, hoặc cho, hoặc cấu ra việc tốt, không tốt, huệ thí đều thành tựu. Hiện pháp lần lượt thanh tịnh, tạo lợi ích, các người điên đảo sẽ vì họ giảng nói chánh đạo. Đấy gọi là nghĩa thâu giữ chúng sinh bằng công xảo bình đẳng của thế gian. Thấy Phật, thiện căn thanh tịnh, như trước đã nói. Ví như vàng ròng gắn thêm các thứ báu bên cạnh thì ánh sáng thanh tịnh, hơn hẳn các loại vàng khác. Bồ-tát như vậy, trí tuệ phương tiện hơn hẳn Bồ-tát khác cùng hàng Thanh văn, Duyên giác, ví như cung điện của mặt trời, mặt trăng, tất cả phong luân không thể khiến mất. Bồ-tát như vậy, trí tuệ phương tiện không hề bị pháp thế gian hủy hoại. Nếu lại thọ sinh, thì làm vua cõi trời Đâu suất, đem các pháp thiện phá trừ tất cả pháp tà của ngoại đạo, diệu lực thần thông hơn hẳn trụ trước trăm ức lần. Đó gọi là lược nói về đế tương ưng nơi trụ tăng thượng tuệ. Đấy là thành tựu tâm tịnh bình đẳng, nhập đế quán tăng trưởng, phá trừ các hành, đối với các chúng sinh, tâm đại bi thêm lớn, các thứ công đức trí tuệ thành thục, các công đức như chánh nguyện, chánh niệm, chánh trí, chánh thuyết v.v… tăng trưởng tư duy rốt ráo, tất cả các thứ đều thành thục phương tiện, thành tựu chúng sinh xuất sinh công xảo. Thấy Phật, thiện căn thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như trong kinh Thập Địa, nơi địa Nan Thắng đã nói. Trí tuệ quyết định khó có thể hơn (Nan thắng) thế nên địa ấy gọi là Nan Thắng. Địa Nan Thắng kia tức ở đây là đế tương ưng nơi trụ tăng thượng tuệ.

Thế nào là Bồ-tát hành duyên khởi tương ưng nơi trụ tăng thượng tuệ? Đó là Bồ-tát ở đế tương ưng nơi trụ tăng thượng tuệ, đạt được mười pháp bình đẳng, tăng thượng đầy đủ xong, nhập vào trụ thứ sáu. Mười pháp bình đẳng là: Một là tự tánh bình đẳng nơi đệ nhất nghĩa của tất cả pháp. Hai là bình đẳng vô tướng của hành vô ngôn thuyết. Ba là bình đẳng vô sinh. Bốn là bình đẳng của nhân duyên không khởi. Năm là bình đẳng tịch diệt rốt ráo. Sáu là bình đẳng lìa các hư giả. Bảy là bình đẳng của hết thảy hành không thủ không xả. Tám là bình đẳng của tất cả pháp. Chín là bình đẳng của cảnh giới vọng tưởng như huyễn như hóa. Mười là bình đẳng của

cảnh giới vọng tưởng có - không, không hai.

Đó là lược nói về mười pháp bình đẳng. Người trụ nơi trụ nầy, đối với các chúng sinh tâm đại bi tăng trưởng, chuyên vui thích Bồ-đề, biết các thế gian hợp tan, sinh diệt, hiểu rõ về duyên khởi các chánh hành, nương vào duyên xuất sinh trí tuệ và ba môn giải thoát là Không, Vô tướng, Vô nguyện,. Nương vào ba Tam-muội xa lìa ngã, ngã sở, tướng hữu tánh, vô tánh của người nhận biết, người tạo tác. Phương tiện của đệ nhất nghĩa như thế, tư duy về chúng sinh với những phiền não trói buộc, nhân duyên hòa hợp, hữu vi yếu kém, chấp trước nơi ngã, ngã sở sinh ra các lỗi lầm xấu ác, đoạn lìa nhân duyên của phiền não trói buộc, hòa hợp tự gìn giữ, do gồm thâu chúng sinh, nên không diệt hết thảy hữu vi. Từ bi trí tuệ như vậy tùy thuận, trụ Bát nhã Ba-la-mật giải thoát không chướng ngại. Trụ nơi trí vô ngại giải thoát rồi, đối với hết thảy thế gian đều hành vô ngại. Người trụ như vậy, gọi là Bồ-tát của địa thứ bảy, phương tiện hành nhẫn, thuộc về tùy thuận nhẫn. Trụ nơi Bát nhã Ba-la-mật giải thoát không chướng ngại, nhân duyên tu tập Bồ-đề không thoái chuyển, hữu vi thế tục hết thảy không trụ, cũng không trụ ở tịch diệt dừng nghỉ kia. Phương tiện trí tuệ như vậy là tùy thuận, nhập môn Tam-muội "không", khiến trăm vạn môn Tam-muội "không" hiện tiền. Như Tam-muội Không, môn Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô nguyện cũng như vậy. Các môn Tam-muội nầy hiện ở trước xong, đạt được tâm bất hoại, tất cả chủng loại pháp Phật chuyển tăng thù thắng, ngoại đạo, ma oán đều không thể hủy hoại, ngoài ra như trước nói. Ví như vàng ròng được gắn thêm các thứ báu bên cạnh thì hơn hẳn các thứ vàng khác. Bồ-tát như vậy, thiện căn thanh tịnh hơn hẳn tất cả. Ví như ánh sáng của mặt trăng, dứt trừ sự nóng bức cho chúng sinh, tất cả phong luân không thể che lấp, ánh sáng trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy, vì các chúng sinh dứt bỏ lửa phiền não, tất cả ma oán đều không thể làm cho đoạn tuyệt. Nếu lại thọ sinh thì làm Thiên vương Thiện Hóa tự tại, thường dùng pháp thiện diệt trừ hết thảy kiêu mạn của chúng sinh, thần lực hơn trước ức trăm ngàn lần. Đó gọi là lược nói về duyên khởi tương ưng nơi trụ tăng thượng tuệ. Đấy là pháp bình đẳng thành tựu, hội nhập biết rõ các duyên khởi, sinh môn giải thoát, xa lìa các tưởng tà vạy, phương tiện thâu nhận, trụ nơi Bát nhã Ba-la-mật giải thoát không chướng ngại, đạt vô lượng Tam-muội, được tâm bất hoại, pháp Phật thù thắng, thấy Phật, thiện căn thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như trong địa Hiện tiền của kinh Thập Địa đã nói. Trí vô ngại hiện tiền nên địa kia gọi là hiện tiền, tức địa nầy được gọi là duyên khởi tương ưng nơi trụ tăng thượng tuệ.

Thế nào là trụ vô tướng có hành có khai phát của Bồ-tát? Đó là Bồ-

tát ở nơi trụ tăng thượng tuệ tương ưng duyên khởi, đạt đầy đủ mười tuệ phương tiện, lần lượt xuất sinh đạo thắng tấn chung, không chung với thế gian, tăng thượng đầy đủ rồi, nhập trụ thứ bảy. Mười tuệ phương tiện kia, như trong kinh đã nói. Nghĩa là xuất sinh pháp thiện thế gian, thâu nhận phước đức, tạo an lạc cho các chúng sinh. Các thứ phước đức và pháp Bồ-đề phần đều được tăng trưởng, không chung với hàng Thanh văn, Duyên giác. Biết rõ về pháp giới, chúng sinh giới, thế giới, biết thân khẩu ý của Như Lai. Đó là lược nói về tuệ phương tiện xuất sinh đạo. Như vậy, công đức thứ lớp thắng tiến, nhập vào vô số vô lượng xứ của cảnh giới Như Lai đã khởi, không khai phát tưởng vô tướng. Thấy được vô lượng xứ của cảnh giới Phật đã khởi mà tu tập không gián đoạn hết thảy oai nghi, đi đứng suy nghĩ không lìa tất cả xứ đạo, ở trong mỗi mỗi niệm có đầy đủ mười Ba-la-mật và tất cả pháp Bồ-đề phần, không phải như các trụ khác. Trụ hoan hỷ thứ nhất tu tập chánh nguyện. Trụ thứ hai là lìa cấu uế của giới ác. Trụ thứ ba là nguyện chuyển tăng trưởng, được pháp quang minh. Trụ thứ tư là nhập đạo. Trụ thứ năm là nhập vào chỗ tạo tác của thế gian. Trụ thứ sáu là nhập pháp môn sâu xa. Trụ thứ bảy nầy là khởi tất cả pháp Phật, đầy đủ pháp trợ Bồ-đề phần. Bồ-tát nầy thực hành phương tiện đầy đu, thâu nhận an trụ các hành thanh tịnh của trí tuệ thần thông. Bồ-tát đối với trụ nầy thứ lớp nhập trụ thứ tám thanh tịnh. Người trụ nơi trụ thứ tám hoàn toàn thanh tịnh. Ở trụ thứ bảy còn phương tiện tạp tịnh, vào cảnh không nhiễm ô, gọi là hành không nhiễm ô. Trụ thứ bảy nầy đoạn trừ tất cả phiền não như tham… nên không gọi là có phiền não nhưng không được trí tuệ Phật với tâm thanh tịnh như thật, vì thế không gọi lìa phiền não. Trụ thứ bảy nầy thành tựu vô lượng nghiệp thân khẩu ý như Đức Phật đã khen ngợi về nghiệp, như nói ở trước. Về năm trụ đã có được trí công nghiệp ở thế gian tự nhiên đầy đủ, làm bậc Đại sư trong ba ngàn đại thiên thế giới, chỉ trừ địa Bồ-tát trên và Đức Như Lai, ngoài ra đều không sánh bằng. Tất cả thiền định, pháp Bồ-đề phần, đều hiện tiền tu tập mà không thọ báo.

Bồ-tát ở trụ nầy, tư duy phương tiện nhập Tam-muội khéo điều phục, sinh khởi trăm vạn Tam-muội, vượt qua tất cả cảnh giới Tam-

@@@muội của Thanh văn, Duyên giác, xa lìa phiền não, các hành vọng tưởng, tùy thuận nghiệp thân khẩu ý sâu xa, không xả bỏ phương tiện nơi đạo thắng tiến, đầy đủ Bồ-đề, nhớ nghĩ đến chúng sinh, lìa tất cả tướng nơi vô lượng nghiệp thân khẩu ý, sinh tịnh tu pháp nhẫn vô sinh. Ở trong trụ nầy vượt qua cảnh giới tự giác, sáu trụ khác đều duyên dựa nơi pháp Phật. Ở trụ thứ sáu, Bồ-tát có thể nhập tịch diệt, nay trụ nơi địa nầy, niệm niệm tịch diệt nhưng không chứng tịch diệt, được nghiệp thân khẩu ý chưa

từng có và không thể nghĩ bàn, tuy hành nơi thật tế mà không chứng thật tế. Như vậy là trí phương tiện sinh, làm tăng thượng xong, cùng làm tất cả việc của chúng sinh, chiếu sáng thế gian, ngoài ra đều như trong kinh đã nói.

Nói tóm lại vì sự việc công đức, do tưởng thân thuộc thâu nhận, tu tập thắng tiến, trụ nơi ba giải thoát, người cầu thừa thấp dùng phương tiện điều phục. Người thọ năm dục, cầu dục thù thắng, thì chuyển các tà kiến tùy thuận chánh niệm, trong các đại hội thảy đều tùy thuận, ngoài ra như trước đã nói. Ví như vàng ròng có gắn thêm ngọc báu ma ni và các thứ báu bên cạnh, thì hơn hẳn vàng Diêm-phù-đàn. Thiện căn thanh tịnh của Bồ-tát hơn hẳn tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát lìa cấu khác, ví như ánh sáng của mặt trời chiếu xuống cõi Diêm-phù-đề, thì tất cả vũng nước cấu uế đều khiến khô cạn, hơn hẳn các thứ ánh sáng khác. Ánh sáng trí tuệ của Bồ-tát nầy có thể khiến cho phiền não của chúng sinh khô cạn, hơn hẳn tất cả ánh sáng trí tuệ của Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát khác. Nếu lại thọ sinh, thì làm Thiên vương Tha hóa tự tại, dùng trí tuệ tạo lợi ích, tất cả thần lực hơn trụ trước ức trăm ngàn lần. Đó gọi là lược nói về trụ vô tướng có hành có khai phát. Đấy là tuệ phương tiện thành tựu đạo thắng tấn, khiến hội nhập xứ của cảnh giới Như Lai đã phát khởi, hành phương tiện không gián đoạn, ở trong mỗi một niệm gồm đủ pháp Bồ-đề phần, nhiễm ô hay không nhiễm ô đều kiến lập phương tiện hành đầy đủ, thâu nhận làm thanh tịnh nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh tất cả nghiệp công xảo của thế gian đều viên mãn, đắc vô lượng Tam-muội, không chung nơi tất cả Thanh văn, Duyên giác, niệm niệm hành tịch diệt, cùng với thế gian làm tất cả việc. Thấy Phật, thiện căn thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như nơi địa Viễn hành trong kinh Thập Địa đã nói. Hành phương tiện đầy đủ, thế nên địa ấy gọi là Viễn hành, tức ở đây gọi là trụ vô tướng có hành có khai phát.

Thế nào là Bồ-tát hành trụ vô tướng không hành không khai phát? Đó là Bồ-tát ở trụ vô tướng đầu tiên được mười thứ trí, nhập vào đệ nhất nghĩa của tất cả pháp, như trong kinh đã nói: Nghĩa là pháp ba đời như chỗ ứng hợp là không sinh, không khởi, không tướng, không thành. Đệ nhất nghĩa lìa ngôn thuyết, tự tánh không biết ngôn thuyết. Hành tự tánh cùng sinh tà kiến không trí, chấp trước nhận biết lìa các việc ngôn thuyết. Tất cả thời đầu, giữa, cuối, phiền não bình đẳng, nhập lìa vọng tưởng bình đẳng, tất cả phiền não thảy đều xa lìa. Đó là lược nói nhập trí đệ nhất nghĩa. Mười thứ trí nầy tăng thượng đầy đủ rồi nhập trụ thứ tám thanh tịnh, đó gọi là được pháp nhẫn vô sinh thứ nhất vui tịnh. Bồ- tát lại có bốn thứ cầu, cầu

tất cả pháp, bốn thứ đều biết như thật, biết tất cả pháp, do cầu biết nên lìa tất cả vọng tưởng, chấp trước, nơi hiện pháp tất cả phiền não không khởi, ở đời vị lai, tất cả vọng tưởng chấp trước đều rốt ráo không sinh. Bốn thứ cầu, bốn thứ nhận biết như thật, như trong phẩm Chân thật ở trước đã nói. Từ trụ giải hành cho đến trụ vô tướng có hành có khai phát, chưa đạt được vui tịnh, ở trụ nầy mới được vui tịnh. Đó gọi là pháp nhẫn vô sinh thứ nhất. Được pháp nhẫn vô sinh rồi, thì được hành sâu xa, lìa trụ vô tướng thứ nhất với bốn thứ não loạn: Một là có hành có khai phát. Hai là địa thanh tịnh chuyên cần phương tiện. Ba là tất cả lợi ích của chúng sinh có thể thực hiện chuyên cần phương tiện. Bốn là tưởng hành vi tế. Cho nên trụ nầy gọi là vui tịnh. Đối với pháp môn thâm diệu, trong dòng chảy của pháp, Đức Như Lai khuyến phát sinh ra vô lượng môn trí tuệ thần thông các nghiệp tạo lợi ích, do khuyến phát nên sinh ra vô lượng tôn thân trí tuệ, đạt được mười thứ tự tại, như trong kinh đã nói. Được tự tại nên muốn trụ gần, trụ lâu, tùy theo ý liền được. Các thiền giải thoát tùy ý mong muốn, các thứ vật dụng sinh sống, nghiệp công xảo ở đời, hết thảy đều thuận theo ý muốn. Tất cả xứ sinh, tất cả sự thọ sinh tùy ý vãng sinh. Hết thảy thần lực, tất cả thệ nguyện tùy ý đều có thể được, biến tất cả vật trở thành vàng quý tùy ý cũng được thành. Muốn biết pháp giới, danh thân, cú thân, vị thân, ở trong tất cả pháp kiến lập phương tiện thiện xảo, liền có thể biết. Như vậy quả báo, phước lợi của lực tự tại, như trong kinh đã nói. Ở trong mỗi một niệm thường cùng thấy Phật, thiện căn thanh tịnh, thần lực thọ sinh, dụ như ánh sáng của vàng, như trong kinh đã nói. Đó gọi là lược nói về trụ vô tướng không hành không khai phát. Đấy là thành tựu trí đệ nhất nghĩa, được nhập pháp nhẫn không khởi, não loạn đều xa lìa, đắc trụ vui tịnh với pháp môn sâu xa. Chư Phật khuyến phát, sinh ra vô lượng trí tuệ, thần thông, các nghiệp tạo lợi ích, xuất sinh vô lượng tôn thân, trí tuệ, được đại uy lực, được lực tự tại lớn, phước lợi quả báo, thiện căn thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như nơi địa Bất động trong kinh Thập địa đã nói. Lìa hữu hành hữu khai phát, nhân nơi đạo thắng tiến, nên địa đó gọi là Bất động, tức địa nầy ở đây gọi là trụ vô tướng vô hành vô khai phát.

Thế nào là Bồ-tát hành trụ vô ngại? Đó là Bồ-tát an lạc trong sự giải thoát sâu xa, với trí thượng thắng tấn, biết các tạng pháp của Phật, các thứ hành của Bồ-tát vì người nói rộng, tùy theo chỗ ứng hợp mà nói pháp, thảy đều nhận biết như thật; chỗ đáng thuyết pháp, phiền não, thanh tịnh, ai phiền não, ai thanh tịnh, thảy đều nhận biết như thật. Khéo thuyết pháp như vậy gọi là Đại Pháp sư, đắc vô lượng Đà-la-ni, các âm thanh biện tài đều khéo léo, vô tận pháp Đà-la-ni thâu nhận có thể được thành tựu, cho đến

xuất sinh trí vô ngại của Bồ-tát, ngồi ở pháp tòa là chỗ đáng thuyết pháp cho chúng sinh ưa thọ nhận có khả năng thành thục, như trong kinh nói. Thiện căn thanh tịnh, thần lực thọ sinh. Đấy gọi là lược nói về trụ vô ngại của Bồ-tát. Đấy là Đại Pháp sư ưa thích giải thoát sâu xa, thuyết pháp, hành trí không thể nghĩ bàn, thiện căn thanh tịnh, thần lực thọ sinh, nói rộng như nơi địa Thiện Tuệ trong kinh Thập Địa đã nói. Tạo an lạc cho tất cả chúng sinh, Bồ-tát tịnh tu vô ngại, nói rộng pháp lớn, thế nên địa đó gọi là Thiện tuệ, tức địa nầy ở đây gọi là trụ vô ngại.

Thế nào là trụ Bồ-tát tối thượng? Đó là Bồ-tát ở trụ vô ngại, tịnh tu tất cả các thứ pháp quán đảnh ứng hợp với bậc Pháp vương, đắc vô lượng Tam-muội như ly cấu v.v… làm những việc đáng làm, sau cùng làm tăng tất cả trí quán đảnh Tam-muội hiện ra trước, được thân đồng tọa với tất cả Phật, hoa sen, quyến thuộc làm hào quang soi chiếu khắp, được tất cả chủng, nhất thiết trí quán đảnh, hết thảy sự kiên cường đều điều phục, được trí trụ phương tiện giải thoát ở chỗ Phật, được vô lượng thần thông giải thoát, tổng trì, được trí niệm lớn, ngôn từ gấp bội, cùng thần thông lớn, thiện căn thanh tịnh, thần lực thọ sinh thắng tiến. Đó gọi là lược nói về trụ Bồ-tát tối thượng, nói rộng như nơi địa Pháp Vân trong kinh Thập Địa đã nói. Bồ-tát của địa Pháp vân đầy đủ đạo Bồ-tát, đầy đủ các thứ Bồ-đề, đạt được tuệ thù thắng của Bồ-tát, khởi mây pháp lớn, đem chánh giác tự giác làm mưa cho các chúng sinh, phiền não cấu uế đều khiến dứt trừ, các thứ thiện căn tăng trưởng, thành thục, thế nên địa đó gọi là Pháp vân, tức địa ấy ở đây gọi là trụ Bồ-tát tối thượng.

Như trước nói, công đức hướng lên trên lần lượt, thì địa trước không có, nhưng trong mỗi một trụ nếu là người trung căn, thượng căn, thì mỗi mỗi đều trải qua ức trăm ngàn đại kiếp, phần nhiều có thành tựu. Người hạ căn không ở trong số đó. Hết thảy trụ kia cần phải trải qua ba A-tăng-kỳ đại kiếp. A-tăng-kỳ đại kiếp thứ nhất là trụ giải hành, vượt qua được trụ hoan hỷ với năm hạnh thắng tấn. Ở A-tăng-kỳ đại kiếp thứ hai, là trụ hoan hỷ cho đến trụ vô tướng có khai phát, vượt qua được trụ vô tướng không khai phát. Đây tức là quyết định, Bồ-tát tâm tịnh quyết định thắng tiến. Ở A-tăng-kỳ đại kiếp thứ ba, là trụ vô tướng không khai phát và trụ trí vô ngại, vượt qua tức được trụ Bồ-tát tối thượng.

Kiếp có hai loại: Một là số năm tháng ngày đêm thời tiết là vô lượng nên gọi là A-tăng-kỳ. Hai là vô lượng đại kiếp nên gọi là A-tăng- kỳ. Số năm nơi A-tăng-kỳ kiếp kia, là loại A-tăng-kỳ trước, Bồ-tát đã vượt qua, sau ba A-tăng-kỳ đại kiếp loại sau thì không có sự vượt qua. Nếu Bồ-tát

tinh tấn tăng thượng, tức có thể chuyển trung kiếp, không thể chuyển đại kiếp.

Như vậy Bồ-tát của mười hai trụ, cứ ba A-tăng-kỳ đại kiếp phần phiền não chướng nhiễm ô, phần trí chướng nhiễm ô, đoạn phần phiền não chướng nhiễm ô của ba trụ kia. Đoạn phần phiền não của đường ác nơi trụ hoan hỷ. Đoạn phần phiền não trong tăng thượng tất cả không hiện hành. Trụ vô tướng không khai phát, pháp nhẫn vô sinh thanh tịnh tương tục. Phần phiền não nhiễm ô tất cả không hiện hành. Trụ Bồ-tát tối thượng thì tất cả phiền não tập, sử chướng đều đoạn, nhập trụ Như Lai. Phần nhiễm ô của trí chướng có ba thứ: Một là da. Hai là thịt. Ba là xương. Trụ hoan hỷ đoạn chướng ngoài da. Trụ vô tướng không khai phát đoạn chướng trong thịt. Trụ Như Lai đoạn chướng nơi xương, tất cả chướng thanh tịnh. Đối với ba trụ nầy là đoạn trí chướng, các trụ khác tùy theo thứ lớp tạo sự trang nghiêm chân thật. Như vậy, mười ba trụ có mười một thứ tịnh. Thứ nhất là chủng tánh tịnh. Thứ hai là giải hành tịnh. Thứ ba là tâm tịnh tịnh. Thứ tư là giới tịnh. Thứ năm là ý tịnh. Thứ sáu, thứ bảy, thứ tám là chánh kiến tịnh. Thứ chín là phương tiện hành đầy đủ tịnh. Thứ mười là trí chân thật thần thông xuất sinh tịnh. Mười một là nói chánh nghĩa vô tận, vô ngại tịnh. Mười hai là tùy thuận tất cả chủng, tất cả chỗ hiểu biết nơi trí tịnh. Mười ba là trụ Như Lai, tất cả phiền não chướng, tập sử trí chướng, tập sử tịnh, như trong phẩm Công đức của Bồ-tát ở trước đã nói, tám pháp gồm thâu tất cả Đại thừa, thuộc về tạng Bồ-tát. Mười ba trụ nầy gồm thâu trụ thứ nhất và trụ thứ hai, tín tâm sinh trụ giải hành. Đối với tạng Bồ-tát đạt được văn tuệ, tư tuệ. Trụ thứ ba được tâm tịnh và tu tuệ hành đầu tiên. Trụ thứ tư cho đến trụ thứ chín, trụ vô tướng có hành có khai phát là tu tuệ rộng lớn. Trụ thứ mười, mười một, mười hai thuộc về tịnh tu tuệ hành, tu tuệ quả, trụ thành tựu Như Lai, xuất ly rốt ráo.

Pháp của trụ Thanh văn cũng có mười hai. Bồ-tát theo thứ tự nên biết: Một là Thanh văn hành tự trụ chủng tánh. Hai là nhập chánh chưa vượt thứ tự thủ chứng phương tiện trụ. Ba là vượt thứ tự thủ chứng trụ. Bốn là được tịnh bất hoại chưa được giới Thánh chuyển lậu tận ở trên mà trụ. Năm là nương tăng thượng giới, tăng thượng ý học xuất sinh trụ. Sáu, bảy, tám là đắc chân đế trí tăng thượng tuệ học trụ. Chín là quán sát sinh tử vô tướng Tam-muội phương tiện trụ. Mười là cứu cánh vô tướng trụ. Mười một là xứ giải thoát giác ngộ trụ. Mười hai là tất cả chủng loại A-la-hán trụ.

-oOo-

KINH BỒ TÁT ĐỊA TRÌ

QUYỂN 10

(Đoạn Thứ 3 Có 5 Phẩm)

Phẩm 1: XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH: SINH

Về sự thọ sinh của Bồ-tát lược nói có năm thứ, nơi tất cả trụ, tất cả hành Bồ-tát đều làm cho tất cả chúng sinh vô tội an lạc. Một là dứt khổ sinh. Hai là tùy loại sinh. Ba là thắng sinh. Bốn là tăng thượng sinh. Năm là tối hậu sinh.

Bồ-tát dùng nguyện lực, lực tự tại, ở trong đời đói kém chịu làm thân loài cá lớn, dùng thịt để cứu giúp cho tất cả chúng sinh. Ở trong đời bệnh dịch, làm thầy thuốc giỏi trị tất cả bệnh. Vào đời đao binh, làm bậc vua có uy lực lớn, khéo dùng phương tiện nói lời thành tín, đem tâm bình đẳng cứu tế nhằm chấm dứt chiến tranh. Đối với các nơi chốn trói buộc, đánh đập, bức bách, vì muốn dứt trừ sự khổ não nên sinh vào nhà vua, đem chánh pháp giáo hóa những chúng sinh tà kiến, thờ phụng thiên thần, tạo các hành ác, do nguyện lực tự tại sinh nơi xứ trời kia, đoạn trừ tà kiến và các hành ác. Vô lượng những xứ sinh như vậy, Bồ- tát đều sinh đến. Đó gọi là dứt khổ sinh.

Bồ-tát dùng nguyện lực và lực tự tại, đối với các loại chúng sinh như trời, rồng, quỷ, thần, A-tu-la… thay nhau não loạn, cho đến các ngoại đạo khởi các tà kiến làm ác, không làm thiện, đều sinh vào trong đó, vì họ nên làm người dẫn dắt đứng đầu, khiến họ đi vào con đường chân chính. Việc họ đã làm, Bồ-tát không làm họ không tu tập, Bồ-tát phải tu tập, lại đem pháp thiện thuyết giảng rộng cho họ. Như vậy tùy theo loại thọ sinh, cho đến vô lượng. Đó gọi là tùy loại sinh.

Bồ-tát dùng tánh thọ sinh hơn hẳn đối với quả báo sống lâu ở thế gian như là sắc v.v…, như nơi phẩm Tự tha lợi đã nói. Thọ sinh như vậy cũng lại vô lượng. Đấy gọi là thắng sinh.

Bồ-tát từ trụ tâm tịnh cho đến trụ Bồ-tát tối thượng, đều ở trong ấy thọ sinh, như phẩm Trụ ở trước đã nói. Nơi cõi Diêm-phù-đề tự tại sinh, cho đến cõi trời Đại tự tại, chưa vượt qua địa cứu cánh, trong tất cả xứ thọ

sinh đều kỳ lạ, đặc biệt, đấy gọi là tăng thượng sinh.

Bồ-tát nơi trụ tối thượng thọ sinh, điều phục nghiệp, các phương tiện của đạo bồ đề tăng thượng đầy đủ, sinh vào nhà Sát-đế-lợi, Bà-la- môn, chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, làm tất cả Phật sự. Đấy gọi là tối hậu sinh.

Tất cả Bồ-tát trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều dùng năm thứ thọ sinh nầy là rốt ráo, không gì hơn. Bồ-tát nhân nơi năm thứ thọ sinh ấy mà mau chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Phẩm 2: XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH: NHIẾP

Bồ-tát với tất cả trụ, tất cả hành… để gồm thâu (nhiếp) chúng sinh, lược nói có sáu thứ: Một là đốn nhiếp (Gồm thâu tức thì). Hai là nhiếp tăng thượng (Gồm thâu tăng thượng). Ba là thủ nhiếp (Gồm thâu giữ lấy). Bốn là cửu nhiếp (Gồm thâu lâu). Năm là bất cửu nhiếp (Gồm thâu không lâu). Sáu là hậu nhiếp (Gồm thâu sau).

Bồ-tát khi mới phát tâm, đối với tất cả chúng sinh khởi tưởng đó là cha mẹ, tùy theo năng lực có được, đem tất cả các thứ an lạc tạo lợi ích. Đấy gọi là đốn nhiếp (Gồm thâu tức thì).

Bồ-tát làm chủ(trong gia đình) đối với cha mẹ, những vị đáng tôn trọng, thường dùng các thứ phương tiện khuyên tu pháp thiện, tùy thời cúng dường, biết ân báo ân, đối với vợ con, quyến thuộc luôn chăm sóc, dạy bảo, có sai phạm điều gì thì gắng nhẫn, bệnh tật thì lo liệu giúp đỡ, dạy tu pháp thiện, khiến họ thắng tiến. Đối với người giúp việc, đem tâm bình đẳng cư xử, không sinh tưởng khinh thường. Bồ-tát làm vua thâu nhận muôn dân, như pháp chân chánh giáo hóa, không phạt, không gia hành , đem của cải, đem pháp để làm lợi ích, tự giữ địa phận mình, không xâm lấn đất người, tùy theo khả năng của mình, dạy các chúng sinh khiến họ tu pháp thiện. Bồ-tát làm cha, đối với chúng sinh khác hãy còn không thiên vị bè nhóm, huống chi là bà con của mình mà không bình đẳng. Lời nói thường dịu dàng, chân thật, không giả dối. Nơi tất cả sự khổ bức thiết như sát hại, trói buộc, bức bách thảy đều xa lìa. Đó gọi là nhiếp tăng thượng (Gồm thâu tăng thượng).

Có hai lý do để cùng gồm thâu đồ chúng: Một là xả bỏ tâm tham, đem của cải tạo lợi ích, xa lìa sự nghèo cùng. Hai là dạy tu chánh nghĩa, đem

pháp tạo lợi ích nhổ sạch những tà kiến xấu ác, tâm bình đẳng thâu nhận không thiên vị bè nhóm, không vì pháp mà keo kiệt, không làm vị thầy mỏi mệt, không ở các chốn ấy để cầu mong cúng dường, có người ưa thích tu hành không được ngăn cản, phải vì họ khiến tăng trưởng các thứ phước đức, chưa hiểu nghĩa khiến cho hiểu, đã hiểu nghĩa rồi khiến tăng trưởng, người còn nghi khiến quyết đoán, người hối khiến hiểu biết rõ, tùy thời vì họ nói nghĩa cốt yếu sâu xa, đồng khổ vui với họ, tâm không thêm bớt. Với người phạm tội, tâm bình đẳng răn dạy, có khi quở trách, có khi khen ngợi, bệnh tật thì lo liệu giúp đỡ, vì họ trừ diệt buồn lo. Đối với người suy nghĩ cạn cợt, ít tinh tấn, trí tuệ thấp kém, không được khởi tưởng khinh thường, tùy theo sự thích hợp vì họ mà nói, buộc niệm nơi cảnh giới, tùy thời dạy trao an nhẫn không não hại. Đối với những vị bằng mình hoặc hơn mình, nên cúng dường thù thắng, tu tập tâm bi không trạo cử, không lay động, thành tựu giới kiến, oai nghi chánh mạng, dung mạo vui vẻ, nhìn thẳng, trước nói lời thăm hỏi, thường tu nghiệp thiện, không được buông lung, đem những giáo pháp như vậy dạy bảo đồ chúng và cũng để tự mình tu tập.

Bồ-tát không ở trong tất cả thời gian thâu giữ đồ chúng, cũng chẳng phải là không nắm giữ, cũng không hướng đến việc giữ lấy như thế, để nắm giữ, đấy gọi là thủ nhiếp (Gồm thâu giữ lấy).

Chúng sinh bậc hạ phải thành thục rất lâu mới tịnh, đó gọi là cửu nhiếp (Gồm thâu lâu).

Chúng sinh bậc trung thành thục không lâu thì được tịnh, đó gọi là bất cửu nhiếp (Gồm thâu không lâu).

Chúng sinh bậc thượng thành thục trong đời nầy có thể đạt thanh tịnh, gọi là hậu nhiếp (Gồm thâu sau).

Đó gọi là sáu thứ bình đẳng gồm thâu chúng sinh. Bồ-tát quá khứ, hiện tại, vị lai, đã gồm thâu, đang gồm thâu và sẽ gồm thâu đều là sáu thứ nầy rốt ráo không gì hơn.

Bồ-tát cũng bình đẳng gồm thâu chúng sinh như vậy, có mười hai thứ khó: Một là khó có thể khéo quan sát chúng sinh phạm giới, hoặc chỉ dạy, hoặc từ bỏ. Hai là khó vì điều phục chúng sinh khổ, dùng phương tiện hành tự giữ gìn phiền não. Ba là của cải rất ít, nhưng người xin thì nhiều. Bốn là chỉ có một thân mà nhiều người cầu đồng sự. Năm là do nghiệp thanh tịnh, ở hàng trời người lại sinh buông thả, nhưng trong tâm ban đầu không có buông thả. Sáu là thương nhớ chúng sinh tạo lợi ích, đồng sự. Bảy là với người ngu si, dua nịnh, quanh co, tay chân tàn tật, hủy hoại, hoặc chỉ dạy, hoặc từ bỏ. Tám là thấy lỗi lầm của sinh tử nhưng không xả bỏ sinh tử.

Chín là chưa được tâm tịnh, khi mạng chung không mất chánh niệm. Mười là chưa được tâm tịnh, vật rất quý trọng, chúng sinh đến xin vẫn đem ban cho. Mười một là các thứ dị tâm, các thứ dị giải, có đến xin gì, hoặc làm hoặc xả. Mười hai là rốt ráo không phóng dật nhưng không đoạn phiền não.

Bồ-tát đối với chúng sinh không xem nhẹ, nặng mà làm phương tiện, hoặc xét ở người để thực hành bi, hoặc theo phương tiện dũng mãnh để tạo nhân duyên, hoặc tu chánh nguyện, hoặc làm tịnh tín tâm, hoặc chuyên tâm suy nghĩ, quán xét không mệt mỏi, hoặc có lúc nhu hòa, hoặc có lúc hành xả, hoặc có khi tinh tấn, hoặc có lúc hành phương tiện thiện xảo, Bồ- tát như vậy là đã dùng phương tiện thiện xảo để đối trị đúng đắn, đối với mười hai việc khó có thể tự mở bày, giải tỏa, tâm không thối mất.

Phẩm 3: XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH: ĐỊA

Như trên đã nói mười hai trụ, theo thứ tự làm bảy địa: Sáu địa là của Bồ-tát, một địa là Bồ-tát và Như Lai cùng chung. Một là địa chủng tánh. Hai là địa giải hành. Ba là địa tâm tịnh. Bốn là địa hành tích. Năm là địa quyết định. Sáu là địa quyết định hành. Bảy là địa tất cánh.

Trụ chủng tánh gọi là địa chủng tánh. Trụ giải hành gọi là địa giải hành. Trụ tâm tịnh gọi là địa tâm tịnh. Trụ tăng thượng giới, trụ tăng thượng ý, ba thứ trụ tăng thượng tuệ, trụ vô tướng có khai phát, gọi là địa hành tích. Trụ vô tướng không khai phát gọi là địa quyết định. Trong ba quyết định thì quyết định thứ nhất nơi trụ vô ngại trí gọi là địa quyết định hành. Trụ Bồ-tát tối thượng, trụ Như Lai gọi là địa tất cánh. Địa Như Lai trụ nơi phẩm Kiến lập ở sau sẽ nói rộng.

Bồ-tát ở địa giải hành nhập địa hoan hỷ, làm sao xa lìa báo nơi nẻo ác? Bồ-tát ấy ở trong địa giải hành, nương vào thiền tịnh thế tục, chứa nhóm phương tiện Bồ-đề, đối với một trăm mười thứ khổ nơi chúng sinh, tu tâm bi mẫn, vì các chúng sinh nơi đường ác mà ở lâu trong nẻo ác, coi như nhà cửa của mình, ở đấy tu học Bồ-đề vô thượng, gắng nhẫn có thể vì tất cả chúng sinh làm nhân trừ khổ. Tất cả chúng sinh tạo nghiệp trong ba đường ác, Bồ-tát đem tâm thanh tịnh nguyện xin đều chịu thay, tu hành rốt ráo tất cả nghiệp thiện, tu tập chánh nguyện, dùng thiền tịnh thế tục làm nguyện lực chánh, cho nên phiền não nhiễm ô nơi cõi ác thân đã nhận lãnh không lâu sẽ được đoạn trừ. Bồ-tát chuyển thân nơi đường ác, các nghiệp của đường ác đều không làm. Đó gọi là Bồ-tát xa lìa các đường ác, vượt qua địa giải hành, nhập địa tâm tịnh, như phẩm Trụ ở trước đã nói. Trụ hoan hỷ tịnh, với mười pháp như là tín v.v..., ở địa nầy là tịnh, đối trị nơi đối tượng

được đối trị và thứ tự kiến lập. Vì sao phải đối trị? Một là buông lung, không thọ giới Bồ-tát, niềm tin trái với Bồ-đề, thế nên dùng tín để đối trị. Hai là đối với các chúng sinh có tâm sát hại, trái với đại bi, thế nên dùng tâm bi đối trị. Ba là đối với các chúng sinh có tâm sân hận, trái với đại từ, vì thế đem tâm từ để đối trị. Bốn là tham tiếc thân mạng, tài sản, trái với huệ thí, vì thế đem huệ thí để đối trị. Năm là đối với các chúng sinh tham cầu nhiều thứ vật dụng, trái với sự không chán mệt, thế nên đem sự không chán mệt để đối trị. Sáu là không có trí phương tiện, trái với luận biết, thế nên đem luận biết để đối trị. Bảy là không khéo tùy thuận, trái với việc tùy thuận người khác, vì thế đem việc biết thế gian để đối trị. Tám là đối với việc tu pháp thiện đã buông thả biếng nhác, trái với hổ thẹn, thế nên đem sự hổ thẹn để đối trị. Chín là đêm dài sinh tử, thọ khổ không ngừng, tâm lại hèn yếu trái với dũng mãnh, vì thế dùng dũng mãnh để đối trị. Mười là đối với chư Phật còn nghi hoặc, trái với cúng dường, thế nên dùng cúng dường để đối trị.

Đây là mười thứ đối trị nơi chỗ cần đối trị, lược nói có hai thứ: Một là tâm tịnh. Hai là phương tiện tịnh. Ba thứ trước là tâm tịnh, còn lại đều là phương tiện tịnh.

Thế nào là thứ lớp? Bồ-tát tin vào Bồ-đề, đối với chúng sinh khổ dấy khởi tâm bi. Khởi tâm bi, nên khi muốn độ chúng sinh lại khởi tâm từ. Khởi tâm từ nên lại làm huệ thí. Làm huệ thí nên tu tập chánh nghĩa không chán mệt. Không chán mệt vì thế nhận biết các kinh luận. Biết kinh luận, vì thế khéo biết thế gian và tùy thuận thế gian. Tùy thuận thế gian nên nếu phiền não khởi thì sinh hổ thẹn. Do hổ thẹn nên không thuận theo phiền não tức được lực dũng mãnh. Được lực dũng mãnh nên tu chánh phương tiện, pháp thiện tăng trưởng, được nhiều lợi ích, cúng dường Như Lai. Như vậy là mười pháp làm tịnh tất cả địa.

Phẩm 4: XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH: HÀNH

Bồ-tát từ trụ giải hành cho đến trụ Bồ-tát tối thượng, lược nói có bốn hành: Một là hành Ba-la-mật. Hai là hành pháp Bồ-đề phần. Ba là thần lực. Bốn là thành thục chúng sinh.

Như trước đã nói sáu Ba-la-mật, nay thêm Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật, Nguyện Ba-la-mật, Lực Ba-la-mật và Trí Ba-la-mật, đó gọi là Hành

Ba-la-mật.

Như trước nói mười hai phương tiện thiện xảo, đó gọi là Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật. Như trước nói năm thứ nguyện, đấy gọi là Nguyện Ba-la-mật. Mười lực phương tiện thanh tịnh, đó gọi là Lực Ba- la-mật.

Tất cả pháp bộ phần đều biết, đấy gọi là Trí Ba-la-mật. Biết Đệ nhất nghĩa đế nên gọi là Bát nhã Ba-la-mật. Biết Thế đế cho nên gọi là Trí Ba-la-mật.

Lại có vô lượng trí nên gọi là phương tiện thiện xảo Ba-la-mật. Cầu trí tăng tiến nên gọi là Nguyện Ba-la-mật. Tất cả ma đạo không thể phá hoại nên gọi là Lực Ba-la-mật. Trí mở bày giác ngộ nên gọi là Trí Ba-la-mật.

Như trước nói ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần như niệm xứ… bốn thứ cầu, bốn thứ đều nhận biết như thật, đó gọi là pháp phần Bồ-đề.

Như trước nói sáu thần thông, đấy gọi là thần lực.

Như trước nói hai vô lượng là điều phục giới vô lượng, điều phục phương tiện vô lượng, đó gọi là thành thục chúng sinh.

Như vậy, bốn hành gồm thâu tất cả hành của Bồ-tát, tu hành lâu dài trong ba A-tăng-kỳ kiếp. Tự tánh thanh tịnh thù thắng hơn thế gian, Thanh văn, Duyên giác, gồm thâu quả Đại Bồ-đề. Mười pháp như thí v.v…, thời độ, tự tánh thanh tịnh độ, quả độ, đó gọi là Ba-la-mật. Các Ba-la-mật thứ tự kiến lập có ba thứ: Một là đối trị. Hai là nhân khởi. Ba là quả báo. Tham lam keo kiệt, nghiệp ác, sân hận, biếng nhác, loạn ý, ngu si, sáu pháp như vậy làm chướng ngại Bồ-đề, dùng sáu độ đối trị, tùy theo chỗ thích hợp của sáu pháp đó. Những Ba-la-mật còn lại thuộc về sáu Ba-la-mật, đó gọi là kiến lập đối trị.

Bồ-tát nầy bắt đầu không tham tiếc của cải, xả bỏ để xuất gia, xuất gia rồi thọ giới Bồ-tát, do hộ giới nên tu tập nhẫn nhục, không sợ chúng sinh nên lực nhẫn thanh tịnh. Không sợ chúng sinh nên tu tập không gián đoạn. Pháp thiện là phương tiện để tu tinh tấn, không buông thả nên khéo đạt nhất tâm, tâm đã khéo hợp nhất thì được trí như thật.

Đó gọi là kiến lập nhân khởi.

Bồ-tát nầy hiện pháp tu tập pháp thiện huệ thí, ở đời vị lai, bên ngoài được nhiều của cải, bên trong được thọ mạng, sắc, lực, an lạc, biện tài, đủ năm thứ quả báo. Người đầy đủ năm thứ Ba-la-mật như là giới… được sinh trong đường thiện, đối với các chúng sinh có điều đặc biệt như thọ mạng v.v…, đó gọi là đầy đủ thứ nhất. Đều cùng sinh phương tiện thiện không có chán mệt, nhẫn nhịn người khác xâm phạm, không não hại chúng sinh,

đó gọi là đầy đủ thứ hai. Tất cả phương tiện kiên cố kia đều cùng sinh có thể hành tác, đó gọi là đầy đủ thứ ba. Sự đều cùng sinh kia ít các trần uế, tâm tự gánh vác, biết tất cả nghĩa, đắc các thần thông, đó gọi là đầy đủ thứ tư. Chỗ đều cùng sinh kia trí tuệ thêm rộng, đó gọi là đầy đủ thứ năm. Đấy gọi là kiến lập quả báo. Bốn Ba-la-mật kia với các thứ tự tánh, quyến thuộc là vô tận, đó gọi là giới học tăng thượng. Thiền Ba-la-mật gọi là ý học tăng thượng, Bát nhã Ba- la-mật gọi là tuệ học tăng thượng. Ba học nầy được Bồ-tát chú trọng, tinh tấn học đạo. Ba học nầy gồm thâu sáu Ba-la-mật rốt ráo không gì hơn. Lược nói Bồ-tát có bốn thứ hành gồm thâu tất cả sự: Một là trước hết tu tập thiện căn Bồ-đề. Hai là tạo lợi ích cho chúng sinh. Ba là tăng trưởng pháp thiện. Bốn là thành thục chúng sinh. Như vậy, bốn thứ hành lần lượt kiến lập, đó gọi là kiến lập tối thượng.

Phẩm 5: KIẾN LẬP CỦA XỨ PHƯƠNG TIỆN CỨU CÁNH

Trụ Như Lai gọi là địa cứu cánh. Chư Phật, Thế Tôn có một trăm bốn mươi pháp bất cộng, đó là ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, tám mươi vẻ đẹp theo hình, bốn nhất thiết chủng thanh tịnh, mười lực Như Lai, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, ba bất hộ, đại bi, pháp không quên, đoạn trừ các tập, nhất thiết chủng diệu trí.

Thế nào là ba mươi hai tướng của bậc đại nhân? Một là dưới bàn chân bằng phẳng vững chải. Hai là dưới bàn chân có xoáy tròn hình như hình bánh xe có ngàn nan hoa. Ba là ngón tay thon dài. Bốn là gót chân đầy đặn. Năm là trong kẽ tay kẽ chân có da mỏng như giăng lưới. Sáu là tay chân đều dịu mềm. Bảy là bắp chân như tướng lộc vương. Tám là mắt cá chân ẩn kín. Chín là đứng thẳng tay dài quá đầu gối. Mười là nam căn như mã vương. Mười một là thân hình đầy đặn như cây Ni-câu- loại. Mười hai là lông trên thân đẹp. Mười ba là những lông trên thân xoay về bên phải. Mười bốn là thân thể sáng chói như vàng ròng. Mười lăm là quanh mình có hào quang chiếu xa một tầm. Mười sáu là da thịt mềm dịu bụi nhơ không dính bám. Mười bảy là hai tay, hai chân, hai vai và cổ đầy đặn. Mười tám là thân trên như thân sư tử. Mười chín là khuỷu tay đầy đặn. Hai mươi là xương hai vai được đầy đặn. Hai mươi mốt là thân thể ngay ngắn. Hai mươi hai là bốn mươi cái răng. Hai mươi ba là răng đều, khít. Hai mươi bốn là răng trắng sạch. Hai mươi lăm là hai bên má cao đầy đặn như sư tử. Hai mươi sáu là nước bọt như vị cam lồ. Hai mươi bảy là trên đỉnh đầu có cục thịt

nổi cao như hình búi tóc (nhục kế). Hai mươi tám là lưỡi dài rộng. Hai mươi chín là giọng nói nghe vang như giọng của Phạm thiên. Ba mươi là mắt xanh biếc. Ba mươi mốt là lông mi như ngưu vương. Ba mươi hai là lông trắng ở giữa hai lông mày.

Tám mươi vẻ đẹp tùy hình: Đó là hai mươi ngón tay, chân, tám chỗ bên ngoài bên trong ngay thẳng đầy đặn, hai gót chân, hai đầu gối, hai xương đùi, hai vai, hai khuỷu tay, hai cổ tay, hai đùi vế, hai hông, tướng ẩn chứa…, hai bên lưng, hai nách, hai vú, eo lưng tim rốn, yết hầu (cổ họng), bụng thảy đều tốt đẹp. Đấy gọi là sáu mươi vẻ đẹp từ yết hầu trở xuống. Hai hàm răng trên dưới, hai môi, hai nướu, hai má, hai dái tai, hai mắt, hai tai, hai mi, hai lỗ mũi, hai góc sống mũi. Đấy gọi là hai mươi vẻ đẹp từ yết hầu trở lên.

Tướng tốt nầy Bồ-tát nơi địa tâm tịnh mới bắt đầu được, tất cả địa sau dần dần thanh tịnh thù thắng, đến tòa Bồ-đề mới được vui tịnh. Ngoài ra pháp bất cộng như bốn nhất thiết chủng thanh tịnh…, khi vui tịnh đầy đủ thì được, người thấp được thành tựu địa Bồ-tát trước.

Từ địa tâm tịnh khởi hết thảy thắng tiến, sinh tất cả tướng tốt của Bồ-tát. Lại có vô số các thứ Bồ-đề có gần có xa. Xa thì chưa được tướng tốt, gần thì đã được, tạo đủ các thứ nghiệp, được đủ các thứ báo. Đức Thế Tôn đã dùng sức giáo hóa để giảng nói. Vì sao? Vì chúng sinh hành đủ các thứ nghiệp ác, nên nhận đủ các thứ báo ác, để đối trị chân thật nên nói các thứ nghiệp tướng tốt, khiến được các thứ quả báo tướng tốt, chúng sinh nghe được sẽ ưa tu pháp thiện, xa lìa các nghiệp ác. Như tướng tốt trong kinh đã nói, Bồ-tát trì giới, nhẫn nhục, huệ thí nên được tướng dưới bàn chân bằng phẳng vững chải. Cúng dường cha mẹ, chúng sinh khổ não, vì họ cứu giúp, nên được tướng dưới bàn chân có xoáy tròn hình bánh xe ngàn nan hoa. Không hại chúng sinh, không khởi tưởng trộm cắp, đối với bậc tôn kính trước phải thưa hỏi, chấp tay cung kính, đem của cải quý giá, rất yêu mến cúng dường, phá tan các kiêu mạn, nên được tướng ngón tay thon dài, tức được ba tướng trên là nghiệp được tướng gót chân đầy đặn. Dùng bốn nhiếp sự thâu giữ chúng sinh, nên được tướng trong kẽ tay kẽ chân có da mỏng như giăng lưới. Đã từng tắm rửa thân thể các bậc đáng tôn kính nên được tướng tay chân mềm mại. Tu các pháp thiện chuyển đổi tinh tiến không chán nên được tướng bắp chân như nai chúa. Tự thọ chánh pháp, rộng vì người giảng nói, vì pháp mà làm sứ giả, nên được tướng mắt cá chân không hiện. Lần lượt tu hành ba nghiệp thanh tịnh, chăm sóc bệnh, cho thuốc, lìa các ngã mạn, tu tập biết đủ, nên được tướng đứng thẳng tay dài quá đầu

gối. Thấy người chia lìa, đem pháp dạy khiến cho hòa hợp, tu tập hổ thẹn, bố thí y phục cho người nên được tướng nam căn ẩn giấu như mã vương. Tịnh tu ba nghiệp cũng dạy cho người tu, ăn uống biết lượng, bố thí thuốc cho người bệnh, thâu nhận nghiệp khó, tụ tập tài sản khó, bốn đại tăng tổn có thể khiến cho tùy thuận, nên được tướng thân thể đầy đặn. Tức trên được tướng bắp chân như nai chúa là nghiệp, được tướng lông trên thân mềm đẹp. Tự tu pháp thiện, trí tuệ thông đạt, tư duy nghĩa vi tế của các pháp, với những bậc tôn kính ưa tu cúng dường, đối với người đồng tu, dùng tưởng bạn tốt gồm thâu, chỉ dẫn, khiến hội nhập nghĩa, nên được tướng mỗi mỗi lông trên thân đều xoay về bên phải. Đem y phục, xe cộ, thực phẩm, các vật dụng trang sức nơi thân như chuỗi ngọc v.v… thượng diệu, bố thí cho tất cả, không khởi sân hận, nên được hai tướng thân sáng chói như vàng ròng và hào quang chiếu xa một tầm, tức trên được tướng mỗi mỗi lông xoay về bên phải là nghiệp, được tướng da thịt mềm dịu. Rộng thí cho chúng sinh, bày biện đại hội, nên được tướng bảy chỗ đầy đặn. Với các chúng sinh đã khởi chưa khởi, vì họ làm người dẫn đầu, xa lìa ngã mạn, tánh tình nhu hòa, để trừ bất thiện dạy cho pháp thiện, nên được tướng thân trên như sư tử. Tức trên được tướng ngón tay thon dài là nghiệp, được ba tướng khuỷu tay, bắp tay và hai vai đầy đặn. Xa lìa lời nói hai lưỡi, phá hoại sự hòa hợp, nên được hai tướng là có bốn mươi răng và răng đều đặn dày kín. Tu tâm từ ở dục giới, tư duy về pháp nghĩa, nên được tướng răng trắng sạch. Tùy theo chỗ chúng sinh cầu xin, hoan hỷ thí cho nên được tướng hai bên má cao đầy đặn. Bố thí pháp vị thù thắng, hoại các vị khác vì làm thanh tịnh vị kia, nên lần lượt được tướng vị nước bọt thượng diệu. Thọ trì năm giới, chuyển trao cho người, thường hành tâm bi, hồi hướng nơi pháp lớn, nên được hai tướng là tướng lưỡi dài rộng và nhục kế. Tướng nhục kế nầy và tướng không thấy đảnh, tức là một tướng. Thường tu thật ngữ, ái ngữ, thời ngữ, như pháp ngữ, tạo phương tiện thuyết pháp, nên được tướng giọng nói nghe vang như âm thanh của Phạm thiên. Đối với khắp chúng sinh, thực hành tâm từ bình đẳng giống như cha mẹ, nên được hai tướng mắt xanh biếc và lông mi trên dưới mắt như ngưu vương. Thấy người có đức chân thật thì tán dương sự tốt đẹp đó, nên được tướng lông trắng giữa hai lông mày.

Ba mươi hai tướng với nhân không sai biệt đều là do trì giới. Vì sao? Nếu người phạm giới thì không được thân người thấp kém, huống gì là tướng của bậc đại nhân. Như vậy nói rộng, mỗi một tướng có được là tùy theo vô số nghiệp đều kiến lập riêng.

Lại nữa, Bồ-tát tại gia, xuất gia nhờ vào bốn thứ khéo tu nghiệp, được

tất cả tướng của bậc đại nhân. Quyết định tu nên được tướng dưới bàn chân bằng phẳng vững chải. Do chuyên tâm tu nên được chín tướng: Dưới bàn chân có xoáy tròn hình bánh xe ngàn nan hoa. Bắp chân như nai chúa. Kẽ tay kẽ chân có da mỏng như giăng lưới. Tay chân mềm dịu. Bảy chỗ đầy đặn v.v… Thân cao ngay thẳng. Lưỡi rộng dài v.v… Do thường tu nên được năm tướng: ngón tay thon dài, gót chân đầy đặn, tay thẳng dài quá đầu gối, thân đầy đặn, răng dày khít. Vì tu vô tội nên được các tướng còn lại.

Đối với các chúng sinh không giận dữ, nên được hai tướng là tay chân mềm mại, da thịt mềm dịu. Khi tu theo thứ lớp nên được tướng bắp chân như nai chúa. Tâm thiện hành hoan hỷ, theo ánh sáng, âm thanh nên được bốn tướng, là hào quang chiếu sáng một tầm, trên thân sáng chói như vàng ròng, răng trắng trong, chùm lông trắng chiếu sáng giữa hai chặng mày. Nghe khen không vui, che giấu công đức, nên được tướng nam căn ẩn kín như mã vương. Thiện căn đã tu hồi hướng Bồ-đề, nên được bốn tướng: lông trên thân đẹp đẽ, bốn mươi cái răng, lần lượt được thượng vị và nhục kế. Siêng tu tinh tấn nên được hai tướng, là thân trên như sư tử, hai má nhô cao đầy đặn. An tâm chúng sinh như với con một, nên được ba tướng, là răng dày khít, mắt xanh biếc, lông mi giống ngưu vương. Tu tập pháp thiện không chán nên được các tướng còn lại. Đó gọi là bốn thứ khéo tu nghiệp nên được ba mươi hai tướng của bậc đại nhân.

Bồ-tát nơi địa chủng tánh là xứ chủng tử của tướng tốt. Bồ-tát nơi địa giải hành tu tập phương tiện. Bồ-tát nơi địa tâm tịnh thì đạt được. Bồ-tát nơi các địa khác thì dần dần thanh tịnh thù thắng. Địa Như Lai tất cánh là vui tịnh vô thượng. Đấy là lược nói về các tướng, vì các chúng sinh bậc thượng, trung, hạ, ngoài ra tất cả pháp Phật đều là tướng của bậc đại nhân. Những tướng đó và một trăm bốn mươi tướng còn lại nơi thân tốt đẹp, nên nói là vẻ đẹp tùy hình. Lược nói, tất cả phước đức của chúng sinh chứa nhóm bằng tướng một sợi lông. Phước đức chứa nhóm của tất cả tướng một sợ lông bằng một tùy hình hảo. Phước đức chứa nhóm của tất cả tùy hình hảo tăng đến trăm lần mới được một tướng, trừ bạch hào và nhục kế, công đức của tất cả tướng khác phải tăng đến ngàn lần, mới được tướng bạch hào. Công đức của tướng bạch hào tăng đến trăm ngàn lần, mới được tướng vô kiến đảnh, nhục kế. Công đức của tướng bạch hào tăng đến ức trăm ngàn lần, mới được phần nhỏ tướng pháp âm của Như Lai, Như Lai tùy ý phát ra âm thanh thanh tịnh, Phạm âm ấy lan xa cho đến vô lượng thế giới trong mười phương. Như vậy, Như Lai có vô lượng công đức chứa nhóm không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, nghiệp thiện của tướng tốt có ba thứ vô lượng. Ba A- tăng-kỳ kiếp tu tập, gọi là kiếp vô lượng. Tạo an lạc cho tất cả chúng sinh, gọi là tâm vô lượng. Đủ vô số các thứ nghiệp thiện, gọi là hành vô lượng. Vô lượng phước đức nầy là hành trang tu tập sinh khởi tướng tốt của Như Lai.

Bốn nhất thiết chủng thanh tịnh: Một là thân tịnh. Hai là cảnh giới tịnh. Ba là tâm tịnh. Bốn là trí tịnh.

Thân phiền não tập, xả lìa trọn vẹn, được thân tối thượng, sinh diệt tự tại, đó gọi là thân tịnh. Vô số sự hiện hóa cùng các điều ngôn thuyết nơi tất cả cảnh giới đều tự tại không chướng ngại, đó gọi là cảnh giới tịnh. Phiền não đều xa lìa, thiện căn thành thục, đó gọi là tâm tịnh.

Lìa bỏ tất cả vô minh cấu uế, tất cả mọi hiểu biết đều tự tại vô ngại, đó gọi là trí tịnh.

Mười lực của Như Lai: Một là trí lực xứ phi xứ. Hai là trí lực tự nghiệp. Ba là trí lực của thiền giải thoát Tam-muội chánh thọ. Bốn là trí lực nơi các căn lợi độn. Năm là trí lực của vô số lý giải. Sáu là trí lực của vô số cảnh giới. Bảy là trí lực của chí xứ đạo. Tám là trí lực túc mạng. Chín là trí lực sinh tử. Mười là sinh tử lậu tận. Mười lực nầy như trong kinh phần Mười lực đã nói rộng. Ngôn ngữ đã giảng nói không trái với "như", vì thế nên gọi là Đa-đà-a-gia-đà (Như Lai). Quả tịnh và bất tịnh, nương vào nhân sai khác, đó gọi là thị xứ. Quả tịnh bất tịnh do nhân sai khác nên trái nhau, đó gọi là phi xứ. Lìa trí tăng thượng mạn, đó gọi là trí như thật, như phẩm Bồ-đề vô thượng ở trước đã nói: Trí nhất thiết, trí vô ngại, trí thanh tịnh, đó gọi là lìa trí tăng thượng mạn. Có khả năng tạo tất cả thứ lợi ích cho chúng sinh, tất cả ma oán đều lìa bỏ, được thù thắng, đó gọi là lực. Tu tập thâu nhận tùy theo ý muốn được tự tại, đó gọi là thành tựu. Niết-bàn vô thượng, đó gọi là thắng diệu. Đắc tám Thánh đạo, xa lìa tất cả não loạn sợ hãi, đó gọi là an ổn. Tự biết chỗ đã đắc gọi là tự tri.

Từ chỗ chứng đắc pháp, đem tâm thương xót vì người mà giảng nói rộng, đó gọi là chuyển Phạm luân. Vì sao? Vì Như Lai đối với các thứ não loạn nầy đều thanh tịnh, tịch diệt, trong mát, chân thật, khi bắt đầu chuyển khiến tất cả chúng sinh đều được thanh tịnh, đó gọi là Phạm luân. Được giáo pháp tối thượng, gồm thâu lời Đại sư vô thượng nói, tự chỗ chứng đắc phá trừ đạo khác, đối với các luận khác không sinh yếu kém, đối với tất cả các luận đều là thắng diệu vô thượng, vì bốn chúng giảng nói, đó gọi là sư tử gầm rống. Lược nói về mình an, người an, mình người đều an, khai mở, hiển bày, dạy trao, tuyên thuyết. Lại lược nói về đắc nghĩa, đắc phương tiện. Hoặc trời, hoặc người, có cầu việc gì đều ở nơi ta đạt được, đấy gọi là

đắc phương tiện, như bệnh được lành, trừ phiền não mà an ổn. Lại vì người mà đối trị, đó gọi là chuyển Pháp luân. Có khả năng khiến tất cả sự tà hư vọng được các đối trị, các bệnh được lành, đó gọi là sư tử gầm vang. Nếu chỗ tạo nghiệp thành tựu đã diệt, đó gọi là quá khứ. Nếu chưa làm chưa diệt, mà là sẽ làm đó gọi là vị lai. Nếu chỗ tạo nghiệp, không phải tạo tác đã diệt, mà là đang làm đó gọi là hiện tại.

Dùng hành phân biệt lại có ba thứ, đó là nghiệp thân khẩu ý. Dùng thọ pháp phân biệt lại có bốn thứ. Có thọ pháp hiện đời được báo vui, đời khác báo khổ nói rộng như trong phẩm Tự lợi tha lợi ở trước. Hiện pháp, đời sau, hoặc an hoặc không an, tùy theo sự ứng hợp mà giảng nói pháp lợi ích, đó gọi là xứ phương tiện. Nếu số chúng sinh dùng số phi chúng sinh làm cảnh giới có sự tạo tác, đó gọi là chúng sinh. Thiện căn đã làm, đó gọi là nhân. Ái cùng với không ái, thành quả phước họa đó gọi là báo. Lược nêu tất cả thời, tất cả hành, tất cả xứ phương tiện, tất cả chúng sinh, tất cả cảnh giới, tất cả nhân, tất cả họa, tất cả phước, như vậy, tất cả Như Lai đều biết rốt ráo, không gì hơn.

Bốn thiền tám giải thoát: Đối với thiền giải thoát tâm được tự tại, các thứ sắc tượng kia, tùy ý đều thành, đó gọi là thiền giải thoát, Tam- muội chánh thọ, như nói Tam-muội chánh thọ của Đức Thế Tôn. Như chánh thọ đó, ánh sáng soi chiếu đến cõi Phạm thiên, âm thanh thuyết pháp vi diệu, chỉ nghe tiếng không thấy hình tướng, do nghĩa nầy nên Như Lai nhập hình tượng loại chung với thế gian, không chung với thế gian, Tam-muội có thể chóng thành tựu. Đối với thiền giải thoát, tâm được tự tại, tùy ý đều thành, vì thế nên gọi là thiền giải thoát, Tam- muội chánh thọ.

Lại nữa, ở trong các thiền… có hai thứ phiền não: Một là chưa tu phương tiện, phiền não gây chướng ngại khiến không được tu. Hai là đã đắc tự địa, phiền não nơi các triền sai khiến, trái với đạo thắng tiến. Như Lai dùng vô số các loại ngôn giáo thế tục, tùy theo hình sắc của họ, theo chỗ thích hợp, khiến họ được thiền…, tu tuệ đầy đủ, lìa phiền não đạt thanh tịnh. Hoặc đắc hoặc chưa đắc, hoặc kém hoặc hơn, đều nhận biết như thật, vì thế gọi là thiền giải thoát, Tam-muội chánh thọ. Biết như thật, hướng thành thục nơi năm căn như tín v.v... có hạ trung thượng, đó gọi là các căn lợi độn. Từ người khác sinh tín và tự tư duy, làm phương tiện khởi dục hạ trung thượng, đó gọi là vô số lý giải, kiến lập vô số chủng tánh, đó là chủng tánh của Tam thừa, tánh chúng sinh tham dục… cho đến tám vạn bốn ngàn hành, đó gọi là vô số cảnh giới.

Biết các môn độ tùy thuận đối trị. Tham dục thì quán bất tịnh, nói

rộng như trong địa Thanh văn. Đó gọi là tất cả chí xứ đạo. Với lại, các nhóm loại đều trái nhau, khởi sự hiểu biết khác, thường muốn cùng tranh luận, giống như Sa-môn ngoại đạo, Bà-la-môn, tất cả các thứ đều hướng đến đời nầy đời khác, cũng gọi là trí lực chí xứ đạo, như trong kinh thời đã nói rộng.

Biết số tục của chúng sinh trong bốn phương, kiến lập đủ các thứ danh tự, đó là tám thứ việc của quá khứ, sáu thứ đồng hành, như vậy vô số các thứ đều có thể hiểu rõ. Tám thứ là: Tên gọi như thế, sinh như thế, chủng tánh như thế, ăn uống như thế, khổ vui như thế, thọ lâu như thế, trụ lâu như thế, giới hạn của thọ mạng như thế. Sáu thứ đồng hành là: Tục số danh tự về sắc như "sát lợi", cha mẹ, ăn uống, thiện ác, thọ mạng. Tám thứ sự, sáu thứ đồng hành với thân mình và người khác, nói như thế nầy: Đây là tên ta, ta là Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, đây là cha mẹ ta, ta ăn uống như vậy, ta làm việc thiện ác như vậy, hoặc tuổi nhỏ, hoặc trung niên, hoặc lớn tuổi. Sáu việc đồng làm như thế, dùng trí túc mạng đều nhận biết như thật.

Tất cả thiền gọi là Thiên trụ. Nương vào thiền được nhãn (mắt) cho nên gọi là thiên nhãn tịnh. Quả đầy đủ nên gọi là vui tịnh. Trong loài người không có điều đó nên gọi là vượt hơn người. Tuy nơi các trời cõi Dục có quả báo về thiên nhãn, nhưng trong loài người cũng không phải là không có. Chúng sinh sắp chết gọi là lúc chết. Tối tăm có hai thứ: Hình tượng giống như vậy, nương vào trung ấm sinh, như đêm đen ánh sáng nơi lông dê càng tối, nên gọi là sắc xấu. Bạch tịnh có hai thứ: Hình tượng giống như vậy, nương vào trung ấm sinh, như ánh sáng của trăng sáng, áo dệt ở Ba-la-nại, nên gọi là sắc đẹp. Dấy khởi giới ác đó gọi là giới ác, thân khẩu ý hành ác gồm đủ các thứ tà kiến, hành ác thành hình, phỉ báng Hiền Thánh, đó gọi là phỉ báng do ác kiến. Chấp trước tà kiến, nhân tà, quả tà, duyên như vậy tạo ra tất cả nghiệp tà, tạo nghiệp tà rồi, đời hiện tại thọ vui, đời sau thọ khổ báo, đó gọi là thọ nhận nhân của pháp tà tạo thành. Vô số các thứ pháp ác sinh trong đường ác, đó gọi là nhân; danh sắc kia phân ly, gọi là thân hoại, sinh lực đều hết, gọi là mạng chung. Hành ác phi pháp đó gọi làm ác, thọ khổ xúc tột bực nơi đêm dài sinh tử không ngừng, đó gọi là nẻo ác. Rơi vào chỗ rất thấp trái với tâm đại bi… đó gọi là đọa. Tăng thượng sự đáng chán, gọi là Nê-lê. Cùng với trên mâu thuẫn, đó gọi là phần tịnh. Nhân nơi hành thiện sinh, đó gọi là nẻo thiện, chỗ thọ nhận tự nhiên, đấy gọi là thiên (trời). Tất cả lậu hoàn toàn không còn, đoạn tất cả sử, tâm vô lậu đối trị, trí vô lậu đệ nhất ý tăng thượng, tuệ tăng thượng, hữu lậu dứt hết, đấy gọi là tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nương vào kiến đạo, tu đạo, tâm được giải thoát, tuệ được giải thoát, đó gọi là đời sau. Chứng đắc sáu

thần thông, tự biết như thật, có thể vì người khác giảng nói, vì thế nói tự biết, tác chứng: Sự sinh của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, nói rộng như vậy.

Mười lực của Như Lai có bảy loại: Một là tự tánh. Hai là phân biệt. Ba là bất cộng. Bốn là như nhau. Năm là tạo nghiệp. Sáu là thứ lớp. Bảy là sai biệt.

Tự tánh, có chỗ nói là tự tánh của năm căn, có chỗ nói là tự tánh của trí tuệ. Tự tánh của trí tuệ nghĩa là nói trí lực xứ phi xứ, không nói lực xứ phi xứ như tín v.v… Như trí lực xứ phi xứ, các lực khác cũng vậy. Về phân biệt, lược nói có ba thứ: Một là phân biệt thời: Quá khứ,

vị lai, hiện tại nhập nơi nhất thiết trí. Hai là phân biệt chủng: Tất cả pháp hữu vi nơi tự tướng, cộng tướng, nhập nơi tất cả chủng loại. Ba là phân biệt chúng sinh: Tất cả giới chúng sinh nhập nơi tất cả lợi ích. Ba thứ phân biệt như vậy, nói rộng thì có vô lượng.

Bất cộng nghĩa là mười lực của Như Lai không chung với hàng Thanh văn, Phật-bích-chi.

Như nhau, nghĩa là hết thảy mười lực của Như Lai là bình đẳng, không có hạ, trung, thượng.

Tạo nghiệp, nghĩa là trí lực xứ phi xứ, nhân quả chân thật đều nhận biết như thật. Hàng phục sự tranh luận về nhân quả, Sa-môn, Bà- la-môn trí lực của tự nghiệp, tự tạo ra nghiệp, nghiệp nầy thọ quả đều nhận biết như thật. Hàng phục sự tranh luận về thí phước, Sa-môn, Bà- la-môn nơi trí lực thiền giải thoát, Tam-muội chánh thọ. Ba thứ thị hiện điều phục truyền trao, hàng phục, đối trị tranh luận trái nhau. Sa-môn, Bà-la-môn nơi trí lực các căn độn, lợi, đối với các chúng sinh căn tánh hạ, trung, thượng, đều nhận biết như thật, biết họ thích hợp điều gì, cần phương tiện gì, để vì họ thuyết pháp. Trí lực của vô số lý giải, đối với các chúng sinh có sự hiểu biết hạ, trung, thượng lý giải tịnh, bất tịnh đều nhận biết như thật, dạy tu giải tịnh, lìa giải bất tịnh. Trí lực của các thứ giới, đối với các chúng sinh thuộc cảnh giới hạ trung thượng đều nhận biết như thật. Như nơi tâm kia, căn kia, ý muốn kia, sai khiến kia, từng thứ kia đều dùng môn độ chỉ dạy truyền trao sự lợi ích. Trí lực chí xứ đạo, Đức Như Lai vì các chúng sinh, dùng đủ các môn độ, đủ các cách dạy bảo, trao truyền như địa Thanh văn thứ lớp khai mở, hiển bày, dạy trao, tuyên thuyết.

Thế nào là Như Lai dạy trao nghiệp ban đầu nơi Bồ-tát, với các thứ Tam-muội để thâu nhận trụ tâm? Như Lai vì những người không dua nịnh quanh co dạy dỗ khiến họ tu học. Ngài nói như thế nầy: Thiện nam tử! Ông phải một mình ở chỗ vắng lặng, vui thích hết mực về tịch tĩnh, suy nghĩ về

những danh tự mà cha mẹ, sư trưởng đã tạo ra, như danh tự nầy, sáu nhập trong, ngoài, hai bên và chính giữa, tất cả đều không, tự tánh cũng không, chỉ là danh tưởng được thiết lập. Suy nghĩ như vậy, về pháp không thể có được nên không ở vị lai khởi tưởng sẽ đến. Thiện nam tử! Trong hiện tại, các tạo tác của nhãn, tên gọi nhãn, tưởng nhãn, sự bày hiện của nhãn, phải tự quán sát: Nhãn của ta hãy còn không thể có được, huống gì là tên gọi, tưởng, thiết lập nói là nhãn. Như vậy, những danh, tưởng, sự thiết lập, tất cả đều không có? Chúng thảy đều không chân thật, nên tự tánh của nhãn kia cũng không. Vì sao? Vì tự tánh kia không phải tên gọi nhãn, tưởng nhãn, sự hiện bày của nhãn, nhận biết pháp sanh. Đó chỉ là danh tự ngôn thuyết mà sinh nhận biết của nhãn. Không phải tánh của nhãn kia có thể nghe, có thể biết ở nơi danh ở nơi sự mà sinh ra sự nhận biết của nhãn. Vì thế nên suy nghĩ: Về tên gọi nhãn, tưởng nhãn, sự thiết lập nhãn từ xưa nay, thì các pháp đương lai cũng đều không thể có được. Như nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, cho đến kiến, văn, giác, tri, hoặc cầu, hoặc đắc, hoặc biết, hoặc quán đều cũng như vậy. Tất cả tưởng pháp cho đến tưởng đương lai đều như vậy. Đạo phương tiện thâu nhận, tưởng về hoại ngã cho đến tưởng về hoại tất cả pháp cũng đều như vậy. Tất cả quán sát khéo léo vốn nhận biết, tất cả tưởng pháp, tưởng đương lai, tất cả tưởng về hư giả, không có tưởng về không tư duy, không có …, tất cả nghĩa đều không có gì thâu nhận, thì sẽ chứng đắc chủng tánh Tam-muội trí tuệ thanh tịnh của Như Lai. Các Bồ-tát kia đắc quán bất tịnh, thực hành tâm từ, quán sát duyên khởi, phân biệt các cõi, niệm hơi thở xuất nhập, đạt được sơ thiền, cho đến phi tưởng phi phi tưởng xứ, Bồ-tát tư duy về vô lượng Tam-muội chánh thọ, dần dần cho đến khi đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là chí xứ đạo của Bồ-tát. Như Lai ở quá khứ, vì Bồ-tát sơ nghiệp mà chỉ dạy trao truyền như vậy. Chư Phật vị lai cũng sẽ chỉ dạy như vậy. Chư Phật hiện tại cũng chỉ dạy như vậy. Thanh văn thừa như vậy mà tư duy, chóng đắc thần thông, trí vô ngại, hết thảy trí lực chí xứ đạo, ra khỏi tất cả đường khổ, nhận biết như thật, lìa đạo bất xuất, đạo xuất mà tạo lợi ích. Trí lực túc mạng, quán sát túc mạng, đối với thiện, đối với ác, hoặc tâm nhàm chán, hoặc tâm thanh tịnh điều phục, thuyết pháp điều phục. Thường luận nơi Sa-môn, Bà-la-môn. Dùng trí lực sinh tử nói về nơi chốn sinh đến của chúng sinh trong sinh tử, điều phục đoạn trừ Diệt luận nơi Sa-môn, Bà-la-môn. Dùng trí lực lậu tận điều phục nghi hoặc về giải thoát nơi Sa-môn, Bà-la-môn.

Thứ lớp nghĩa là Như Lai chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng thì liền đắc mười lực. Về sau, theo thứ tự nhân quả của bộ phận A duy tam Phật pháp hiện ra ở trước, dùng trí lực xứ phi xứ, quán sát bộ phận

nhân quả, quả của dục giới có sai khác. Dùng trí lực tự nghiệp quán sát tự nghiệp để vì chúng sinh thuyết pháp, khiến lìa nghiệp ác, tu hành nghiệp thiện. Vì đạo thế tục được lìa dục nên đem trí lực của thiền giải thoát Tam-muội chánh thọ chỉ dạy các chúng sinh. Lại vì xuất thế, lìa dục nên đem trí lực của thiền giải thoát Tam-muội chánh thọ, trước tiên dạy cho chúng sinh, để đạo thế tục lìa dục, sau được lìa dục của đạo xuất thế gian, muốn khiến chúng sinh được lìa dục của đạo xuất thế gian. Đem trí lực các căn lợi độn quán sát các căn, biết các căn rồi, muốn biết hy vọng, dùng trí lực của vô số thứ giải quán hy vọng kia, quán hy vọng rồi dùng trí lực của vô số thứ giới, quán sát căn sử, tùy theo phương tiện cảnh giới nơi môn độ kia mà độ thoát. Đem tất cả trí lực chí xứ đạo, đối với cảnh giới, phương tiện, môn độ tâm trụ thâu nhận. Tâm trụ hành thanh tịnh rồi, xa lìa các kiến như thân kiến, thường kiến, đoạn kiến, để nói trung đạo. Lìa tất cả phiền não nên nhập vào trí lực túc mạng và trí lực sinh tử. Vì nhằm dứt sự trói buộc do không đoạn phiền não, khởi tăng thượng mạn nên dạy khiến xa lìa, vì thế nhập trí lực lậu tận.

Lại nữa, thứ lớp nghĩa là A duy tam Phật pháp, chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng xong, trước tiên dùng trí lực xứ phi xứ, quán sát duyên khởi pháp đệ nhất nghĩa mà an trụ. Nương vào pháp đệ nhất nghĩa an trụ trí rồi, dùng trí lực tự nghiệp quán các thứ nghiệp của phần tại gia. Quán các thứ nghiệp của phần tại gia xong, dùng trí lực thiền giải thoát Tam-muội chánh thọ, quán phần xuất gia. Làm sao khiến cho phần xuất gia nầy đối với khổ cầu giải thoát, nên vì đó mà giảng nói đạo. Khởi tâm đại bi, Phật nhãn quán sát, đem trí lực của các căn lợi độn quán sát các căn hạ, trung, thượng vì đó giảng nói pháp. Ngoài ra, trí lực của vô số lý giải thứ lớp như trước nói.

Lại nữa, thứ lớp nghĩa là A duy tam Phật pháp, dùng trí lực xứ phi xứ, quán sát pháp giới duyên khởi, đem trí lực tự nghiệp quán sát cõi chúng sinh, thấy những chúng sinh nầy tạo nghiệp như vậy, thọ quả như vậy. Quán pháp giới và giới chúng sinh rồi, đem trí lực của thiền giải thoát Tam-muội chánh thọ, vì chúng sinh khổ, thị hiện ba thứ mà dạy bảo, trao truyền. Trí lực của những căn độn lợi … còn lại thì dùng đạo độ thoát cho tất cả chúng sinh, khiến thoát các khổ.

Sai biệt, nghĩa là biết nghiệp thiện, bất thiện, được quả ái, bất ái, đấy gọi là trí lực xứ phi xứ. Biết nghiệp thiện, bất thiện, đắc quả ái, bất ái, không tác, không thọ, cho đến thiền giải thoát…, nghiệp nầy không phải là nghiệp kia, đó gọi là trí lực tự nghiệp. Biết thiền giải thoát… thị hiện ba thứ dạy

trao, cho đến biết tâm tịnh cùng câu sinh tương ưng. Đó gọi là trí lực của thiền giải thoát Tam-muội chánh thọ. Biết căn hạ trung thượng, đó gọi là trí lực của các căn lợi độn. Cho đến biết các căn nơi phương tiện sinh hy vọng kia, cũng gọi là trí lực của các căn lợi độn.

Biết đủ các thứ hy vọng, đó gọi là trí lực của vô số lý giải.

Giải (hiểu) có sáu thứ: Một là giải bất xuất: Nghĩa là hiểu, hy vọng về Ma-hê-thủ-la, Na-la-diên, Phạm thế v.v… Hai là giải xuất: Nghĩa là hiểu, hy vọng về ba thừa. Ba là giải viễn tịnh: Nghĩa là hiểu hy vọng về sự thành thục bậc hạ, trung. Bốn là giải cận tịnh: Nghĩa là hiểu hy vọng về sự thành thục bậc thượng. Năm là hiểu về hiện pháp đắc Niết-bàn: Nghĩa là hiểu hy vọng thừa Thanh văn đắc Niết-bàn. Sáu là hiểu vị lai đắc Niết-bàn: Nghĩa là hiểu hy vọng Đại thừa đắc Niết-bàn. Cho đến hiểu biết về thí dụ cho các chủng tử vốn dấy khởi tạo tác, cũng gọi là trí lực của vô số lý giải. Giới phân biệt có bốn thứ: Như chủng tử tánh gọi là trí lực của vô số lý giải. Biết vô số chủng tử phân biệt, đó gọi là trí lực của vô số giới, cho đến biết pháp Niết-bàn và thuận theo dấu vết của đạo nơi cảnh giới, gọi là trí lực của vô số giới. Biết tất cả các dấu vết của vô số phiền não, vô số thanh tịnh, đó gọi là trí lực chí xứ đạo. Cho đến biết túc mạng nơi nhân của tất cả nẻo, cũng gọi là trí lực chí xứ đạo. Biết sáu thứ ngôn thuyết của quá khứ, đó gọi là trí lực túc mạng, cho đến biết chúng sinh quá khứ sinh tử, cũng gọi là trí lực túc mạng. Biết sinh tử vị lai đó gọi là trí lực sinh tử. Cho đến biết tự nghĩa nơi chúng sinh vị lai sinh tử chưa rốt ráo, cũng gọi là trí lực sinh tử. Biết rốt ráo tự nghĩa nơi hiện pháp đắc Niết-bàn, đó gọi là trí lực lậu tận. Như vậy mười thứ trí lực, mỗi thứ đều có sai biệt.

Bốn vô úy như kinh nói: Như Lai do bốn việc nầy, ở trong đại chúng tự chứng đắc không có gì sợ hãi (vô sở úy): Chướng trí giải thoát, tất cả pháp bình đẳng giác, không chung với Thanh văn là vô úy thứ nhất. Chướng phiền não giải thoát chung với Thanh văn là vô úy thứ hai. Ra khỏi đường khổ là vô úy thứ ba. Chướng đạo pháp là vô úy thứ tư. Như Lai đối với bốn nghĩa nầy tự biết như thật. Nếu có người phỉ báng nói là không biết, thì không có điều đó. Do không thể có điều ấy nên được không có gì sợ hãi, không khiếp nhược, không nghi hoặc, tự biết quyết định, có thể làm bậc Đại sư tự an mình và an người. Hai xứ trước đầy đủ, là con đường tự an. Hai xứ sau đầy đủ là con đường an cho người khác. Tất cả pháp bình đẳng giác là hướng đến các Bồ-tát Đại thừa. Giải thoát chướng phiền não là hướng đến thừa Thanh văn, Duyên giác. Ra khỏi khổ đạo và làm chướng ngại đạo pháp là cả hai đều cùng làm. Như Lai vì các Bồ-tát, Thanh văn,

Duyên giác tu hành ra khỏi đường khổ, nên giảng nói Tu-đa-la (kinh). Kết tập kinh tạng nghĩa là nói hành Bồ-tát để lập tạng Bồ-tát, nói hành Thanh văn để lập tạng Thanh văn.

Ba niệm xứ như nơi kinh đã nói. Như Lai nơi đêm dài sinh tử khởi suy nghĩ: Ta khéo hành trì pháp luật, làm đại pháp chủ, đối với việc thọ, không thọ, không khởi tâm buồn phiền. Lược nói về ba hạng chúng: Một là hướng đến nẻo chánh. Hai là hướng đến nẻo tà. Ba là không phải chánh không phải tà. Đối với ba chúng nầy dùng tâm chánh niệm không tăng, giảm.

Ba bất hộ như trong kinh nói. Lược nêu tất cả việc làm che giấu đều đoạn, vì thế nên Như Lai hiện bày ba bất hộ. A-la-hán còn có Đột- cát-la vô ký, hoặc có khi quên lầm, chỉ có Như Lai, tất cả đều không, tất cả đều chân thật. A-la-hán hoặc khi luận nghị, sợ rơi vào chỗ thua kém, hoặc khi không vui, hoặc khi tánh vội gấp, thế nên tự hộ (giữ gìn), không để cho tập khí khởi nghiệp thân, khẩu, ý bất tịnh. Như vậy hết thảy Như Lai đều không hộ.

Đại bi như nơi phẩm Cúng dường tập cận vô lượng ở trước đã nói.

Pháp không quên nghĩa là Như Lai đã làm việc gì, thường thuận theo nhớ nghĩ, tất cả việc làm, tất cả lời nói, tất cả phương tiện thiện xảo, tất cả thời, đối với các việc ấy, luôn nhớ không quên.

Đoạn trừ các tập, nghĩa là Như Lai cử động, dừng nghỉ, xem xét, nói năng, đi, đứng, đều lìa bỏ tập khí còn lại tương tợ phiền não đã dấy khởi. Các A-la-hán cử động, dừng nghỉ, xem xét, nói năng, đi đứng, còn có tập khí sót lại tương tợ phiền não dấy khởi. Như Lai thì đoạn hẳn, vì thế nên gọi là đoạn trừ các tập.

Nhất thiết chủng, diệu trí nghĩa là Như Lai biết ba thứ pháp: Nghĩa tạo lợi ích, phi nghĩa tạo lợi ích, phi nghĩa phi phi nghĩa tạo lợi ích. Tất cả pháp trí biết phi nghĩa tạo lợi ích, phi nghĩa phi phi nghĩa tạo lợi ích,

, đó gọi là nhất thiết chủng trí.

Tất cả pháp trí biết nghĩa tạo lợi ích, đó gọi là diệu trí. Nhất thiết chủng trí và diệu trí, nói chung gọi là Nhất thiết chủng diệu trí. Đấy gọi là lược nói một trăm bốn mươi pháp bất cộng, tất cả tướng hảo, Bồ-tát với thân sau cùng đắc pháp Bồ-đề phần vui tịnh, nơi cội Bồ-đề mới được đầy đủ. Thân tối hậu của Bồ-tát tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, đắc các tướng, Tam-muội lìa chướng, được gồm thâu ở Tam-muội kim cang, lần lượt nhất tâm, liền chứng đắc mười lực, cho đến nhất thiết chủng diệu trí, vui tịnh vô thượng. Tất cả chỗ hiểu biết đều không ngại, không chướng. Vui tịnh lìa

cấu uế bình đẳng mở bày tỏ ngộ, vượt qua tất cả hành Bồ-tát, hành hạnh Như Lai, được thân vô thượng. Trí Bồ-tát nơi địa cứu cánh và trí Như Lai có gì sai khác? Trí Bồ-tát của địa cứu cánh giống như nhìn qua vải thưa, trí Như Lai như bỏ vải thưa. Trí Bồ-tát như ở xa thấy sắc, trí Như Lai như ở gần thấy sắc. Trí Bồ-tát như mắt có màng mỏng khi nhìn xem, Trí Như Lai như mắt tịnh nhìn thấy. Trí Bồ-tát như ở trong thai nhìn xem, trí Như Lai như khi sinh ra nhìn thấy. Trí Bồ-tát như trong mộng nhìn xem, trí Như Lai như khi tỉnh dậy nhìn thấy. Đây là sự sai biệt về trí tuệ của Bồ-tát nơi địa cứu cánh và trí tuệ của Như Lai.

Chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới, thực hành Phật sự, tạo lợi ích cho chúng sinh, lược nói có chín thứ. Những gì là chín? Một là muốn khiến cho chúng sinh tâm tín thanh tịnh, thọ thân trượng phu, sinh khởi các tướng tốt. Hai là muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, đoạn trừ tất cả nghi, vì thế khởi mười lực của Như Lai. Ba là đem mười lực của Đức Phật, khởi tất cả nghĩa, khai phát tất cả tri kiến của Như Lai, giải đáp tất cả các nghi vấn, hàng phục tất cả các luận tà, kiến lập luận chánh, nên khởi bốn vô sở úy của Như Lai. Bốn là trí tuệ của Như Lai, hoặc trụ hoặc chẳng trụ, theo đó mà điều phục, lìa các phiền não, nên khởi ba niệm xứ. Năm là như trước đã nói, như vậy mà hành tác, nên khởi ba bất hộ. Sáu là thường dùng Phật nhãn, ngày đêm quán sét tất cả thế gian, nên khởi tâm đại bi. Bảy là đối với tất cả chúng sinh hết thảy những việc phải làm, đều đã làm, nên khởi pháp không quên. Tám là Như Lai làm gì đều tùy thuận nơi như không có sót lại, nên khởi đoạn trừ các tập. Chín là pháp phi nghĩa tạo lợi ích, phi nghĩa phi phi nghĩa tạo lợi ích, tất cả đều xa lìa, pháp nghĩa tạo lợi ích thì phân biệt hiển bày, nên khởi nhất thiết chủng diệu trí.

Như Lai đối với một trăm bốn mươi pháp bất cộng nầy, tạo ra chín thứ Phật sự, nói rộng tức có đến vô lượng, đó gọi là Như Lai trụ, đó gọi là kiến lập. Vì sao? Vì chỗ học của Bồ-tát nương vào đó mà kiến lập hết thảy những sự lợi ích cho chúng sinh, nên gọi là kiến lập. Tự lợi lợi tha, không như Thanh văn, Duyên giác, nên gọi là bất cộng. Tất cả pháp Phật như đại bi, không quên, đoạn trừ các tập, nhất thiết chủng diệu trí, hàng Thanh văn, Duyên giác đều không thể đắc được, ngoài ra tất cả loại khác cũng không đầy đủ, vì thế gọi là bất cộng. Ở đây chỉ bày đầy đủ việc Bồ-tát học đạo, và quả học đạo. Hết thảy Bồ-tát học đạo, cùng quả học đạo, hết thảy các loại thuyết xứ chân thật, thế nên gọi là địa Bồ-tát, gọi là tạng Bồ-tát, gọi là Ma-đắc-lặc-già, gọi là Đại thừa gồm thâu, gọi là hiển thị không hoại, gọi là căn bản của trí thanh tịnh, không chướng ngại.

Nếu có hàng trời, người, A-tu-la, phi nhân, Sa-môn, Bà-la-môn, đối với địa Bồ-tát khởi tin hiểu kiên cố, nghe, lãnh thọ, tu tập, vì người nói rộng, biên chép kinh quyển, đủ loại cúng dường, thì công đức có được, cùng với Đức Thế Tôn đối với tạng Bồ-tát, vì Bồ-tát sơ nghiệp khai mở, chỉ bày, dạy bảo, tuyên thuyết, công đức có được là giống nhau, không sai khác. Vì sao? vì địa Bồ-tát, tạng Bồ-tát nầy, chỉ bày pháp luật của Bồ-tát, khiến nhiều chúng sinh thọ trì, suy nghĩ, kiến lập pháp tiếp pháp hướng, dần dần chuyển thêm rộng lớn, không dấy khởi tướng trạng pháp của thời tượng pháp phải diệt tận, có thể khiến cho nghĩa thật của thời tượng pháp sáng rõ, có thể khiến cho chánh pháp vĩnh viễn không diệt tận. Vì thế, nên đối với địa Bồ-tát khởi tin hiểu kiên cố, nghe thọ, tu tập, vì người nói rộng, biên chép, cúng dường, công đức có được là vô lượng vô biên.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 106

KINH
BỒ TÁT THIỆN GIỚI 1

SỐ 1582

(QUYỂN 1 → 9)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1582

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam Tạng
Cầu Na Bạt Ma.

QUYỂN 1

Phẩm 1: ĐỊA BỒ TÁT

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật trú tại khu vườn rừng Kỳ Đà - Cấp Cô Độc, nơi Tinh xá Tu-đạt-đa thuộc nước Xá-vệ, cùng với năm trăm đại Tỳ-khưu tăng hội đủ, Bồ-tát gồm một ngàn vị. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo vô lượng chư Đại Bồ-tát:

- Ai có thể ở trong đời ác về sau nầy thọ trì ủng hộ đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng? Ai có thể ủng hộ giáo pháp? Ai có thể giáo hóa tất cả chúng sinh?

Lúc ấy, Bồ-tát Di Lặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, gối phải chấm đất, quỳ dài chấp tay bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể ở trong đời ác sau nầy xin thọ trì ủng hộ đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, có thể hộ trì chánh pháp, có thể giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát Sư Tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con cũng có thể dùng các phương tiện để nhiếp phục, gìn giữ chúng sinh.

Bồ-tát Kim Cang thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh sẽ bị đọa vào ba đường ác, con có thể ngăn lại khiến không bị đọa lạc.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh mong cầu điều gì, con đều khiến tất cả được đầy đủ.

Bồ-tát Trí Tràng thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể ban trí tuệ lớn cho chúng sinh. Bồ-tát Pháp Tràng thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể đem pháp ban khắp cho chúng sinh. Bồ-tát Nhật Quang thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể ban mọi sự an lạc cho chúng sinh. Bồ-tát Nguyệt Quang thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể giáo hóa tất cả chúng sinh khiến tu tập phước đức.

Bồ-tát Thiện Hộ thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể giáo hóa tất cả chúng sinh khiến họ không phóng dật.

Bồ-tát Vô Tận Ý thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể giáo hóa tất cả chúng sinh khiến được tri kiến vô tận.

Bồ-tát Nguyệt Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể ban sự an lạc vô thượng cho tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Thiện Nguyệt thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể ban nhân an lạc cho tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Quan Thế Âm thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể cứu hộ cho những chúng sinh sợ hãi. Bồ-tát Đắc Đại Thế thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến cho những người chưa độ đều được độ.

Bồ-tát Chúng Thiện thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến người chưa điều phục được điều phục.

Bồ-tát Thiện Ý thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh đọa trong đường súc sinh, con có thể giáo hóa khiến họ được điều phục.

Bồ-tát Bất Lạc thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể ban trí tuệ cho người ngu.

Bồ-tát Quang Tụ thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến cho kẻ hạ căn có được thượng căn.

Bồ-tát Bất Đế thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể chỉ bày chánh đạo cho kẻ cuồng loạn.

Bồ-tát Lạc Kiến thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể ban vô lượng an lạc cho vô lượng chúng sinh.

Bồ-tát Thích Tràng thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến chúng sinh thọ khổ thường nhớ việc khổ.

Bồ-tát Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến chúng sinh trong đường ngạ quỷ xa lìa sự khổ về đói khát.

Bồ-tát Thánh Quang thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến người chưa điều phục được điều phục.

Bồ-tát Duy Ma Cật thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể phá tan tâm nghi ngờ của chúng sinh.

Bồ-tát Quang Minh thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể đóng kín cửa ba đường ác.

Bồ-tát Kim Cang Công Đức thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến các chúng sinh hiểu biết sai khác thành một sự hiểu biết.

Bồ-tát Vô Lượng Hạnh thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể ban đạo vô lậu cho chúng sinh. Bồ-tát Vô Sở Úy thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể phá tan những sự sợ hãi. Bồ-tát Bảo Công Đức thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể hiển bày tạng báu công đức cho tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Thiện Ý thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể dùng lời vi diệu hòa nhã để điều phục chúng sinh.

Bồ-tát Tịnh Quang thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể đem sự thương yêu nhằm điều phục các chúng sinh.

Bồ-tát Bảo Hiền thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến tất cả chúng sinh nhớ đến đời quá

khứ.

Bồ-tát Cao Quý Đức Quang thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến chúng sinh tinh tấn siêng tu. Bồ-tát Thiện Công Đức thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến những chúng sinh khổ não đều được giải thoát.

Bồ-tát Bảo Thủ thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể ban các thứ báu cho vô lượng chúng sinh.

Bồ-tát Ý Châu thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể xua tan sự bần cùng của chúng sinh. Bồ-tát Phá Kiết thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể diệt trừ mọi phiền não của chúng sinh.

Bồ-tát Kim Quang Minh thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể chỉ bày đạo chân thật cho chúng sinh tà vạy.

Bồ-tát Công Đức Sắc thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến chúng sinh ở các thừa đều trụ vào nhất thừa.

Bồ-tát Pháp Ý thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến chúng sinh được pháp nhãn. Bồ-tát Kim Cang Tử thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể phá trừ mọi nghiệp ác của chúng sinh.

Bồ-tát Pháp Tăng thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể nhiếp phục, giữ gìn chúng sinh đúng như pháp.

Bồ-tát Vô Danh thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể khiến tất cả chúng sinh xa lìa ba độc.

Bồ-tát Nguyệt Thắng thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể chỉ bày phương tiện thiện cho chúng sinh.

Bồ-tát Sư Tử Ý thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể đem pháp thí cho chúng sinh. Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể phá tan lưới nghi của chúng sinh. Bồ-tát

Hương Tượng Vương thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con có thể ở trong đời ác về sau nầy chỉ bày cho chúng sinh tỉnh mộng khiến trừ hết phiền não.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất suy nghĩ: "Kỳ thay! Lạ thay! Việc của các Bồ-tát thật không thể nghĩ bàn", và bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như có Bồ-tát siêng năng tinh tấn tu tập đầy đủ phương tiện có thể tạo vô số lợi ích cho chúng sinh. Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát Ma-ha-tát như vậy, chúng sinh làm sao từ vị ấy để xin đầu, mắt, tủy, não, máu, thịt, cho đến các thứ cần dùng.

Bạch Thế Tôn! Con nay biết chắc chắn người như vậy tức là Bồ- tát Ma-ha-tát.

Phật dạy:

- Lành thay! Lành thay! Nầy Tôn giả Xá-lợi-phất! Thật như lời ông nói, chỉ có các Bồ-tát mới biết Bồ-tát, thật chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác đạt đến. Nầy Xá-lợi-phất! Bồ-tát Ma-ha- tát tuy hiện các thứ thần lực của Phật mà trọn không xả bỏ tâm Bồ-tát.

Nầy Xá-lợi-phất! Nếu có trưởng giả sinh tâm kiêu mạn, Bồ-tát liền hiện tướng trưởng giả để phá trừ tâm kiêu mạn kia. Cho đến Na- la-diên và người đoan chính có tâm kiêu mạn, Bồ-tát thảy đều hiện các thân ấy để phá bỏ sự kiêu mạn.

Nếu chứng đắc Thánh pháp thì dùng Đại thừa để chỉ bày. Vì sao? Vì lìa một pháp giải thoát ấy lại không có giải thoát khác, nên gọi là Như Lai.

Nầy Xá-lợi-phất! Bồ-tát tại gia tu tập hai thứ thí: một là pháp thí, hai là tài thí. Bồ-tát xuất gia tu tập bốn thứ thí: một là bút thí, hai là mực thí, ba là kinh thí, bốn là thuyết pháp thí. Bồ-tát xuất gia thành tựu đầy đủ bốn thứ thí nầy rồi, có thể điều phục tâm, phá trừ kiêu mạn và tu tập nhẫn nhục.

Nầy Xá-lợi-phất! Bồ-tát xuất gia có đủ nhẫn nhục thì có thể thọ trì giới cấm của Bồ-tát, lại đầy đủ ba thứ bố thí mới có thể thọ trì giới cấm của Bồ-tát: một là thí, hai là đại thí, ba là vô thượng thí. Thí tức là đối với vật lớn bằng bốn thiên hạ còn không sẻn tiếc huống hồ là vật nhỏ. Đại thí là có thể xả bỏ vợ con. Vô thượng thí là xả bỏ đầu, mắt, tủy, não, xương thịt, máu mủ. Bồ-tát đầy đủ ba pháp thí như vậy mới đầy đủ nhẫn nhục, có đủ nhẫn nhục rồi mới có thể thọ trì giới cấm của Bồ-tát.

Nầy Xá-lợi-phất! Lúc Bồ-tát muốn thọ giới Bồ-tát, trước hết phải điều phục các căn, đối với chốn sinh tham dục không sinh tâm tham dục, ở chỗ sinh sân hận không sinh tâm sân hận ở chỗ sinh ngu si không sinh tâm

ngu si, ở chỗ sinh sợ sệt không sinh tâm sợ sệt. Nếu tự biết đầy đủ bốn việc như vậy thì được chư Phật ở mười phương biết đến; người nầy cũng có thể nhận biết được chư Phật ở mười phương.

Nầy Xá-lợi-phất! Nếu biết không đủ bốn việc như vậy, thì lúc thọ giới Bồ-tát, người ấy không đắc giới Bồ-tát, cũng là lừa dối chư Phật và chư Bồ-tát hiện tại ở mười phương.

Nầy Xá-lợi-phất! Bồ-tát nầy có hai thứ: một là từ nhân duyên sân hận, hai là từ nhân duyên ngu si. Nầy Xá-lợi-phất! Vì sân hận có thể tạo ra nhân duyên của tám địa ngục lớn, do ngu si có thể làm nhân duyên cho các phiền não xấu ác. Vì hai nhân duyên sân hận và ngu si nên có thể hủy hoại giới Bồ-tát.

Nầy Xá-lợi-phất! Nếu người muốn thọ trì giới Bồ-tát, trước hết nên xa lìa bốn việc là dục, sân, si và sợ hãi. Trong sáu tháng, ngày đêm một mình ở chỗ vắng lặng sám hối các tội, và xưng: Con tên là... quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, quy y chư Phật và Bồ-tát Tăng hiện tại trong mười phương, quy y Đức Thích Ca Mâu-ni Như Lai, Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng, Nam mô thập phương Phật và Bồ- tát Tăng, Nam mô Thích Ca Mâu-ni Phật, Nam mô Kim Cang Vô Hoại Thân, Nam mô Bảo Quang, Nam mô Vô Lượng Tự Tại Vương, Nam mô Vô Thượng Lâm Vương, Nam mô Vô Thượng Hoan Hỷ, Nam mô Bảo Hỏa, Nam mô Bảo Nguyệt Quang, Nam mô Thanh Tịnh, Nam mô Thủ Cần Tinh Tấn, Nam mô Phạm Đức, Nam mô Thiện Công Đức, Nam mô Chiên Đàn Công Đức, Nam mô Quang Công Đức, Nam mô A Thúc Dà Công Đức, Nam mô Na La Diên Lực, Nam mô Hoa Công Đức, Nam mô Liên Hoa, Nam mô Tài Công Đức, Nam mô Niệm Công Đức, Nam mô Thiện Danh, Nam mô Thích Chủng Vương, Nam mô Vô Thắng, Nam mô Vô Biên Thân Quang, Nam mô Vô Biên Thân, Nam mô Vô Động, Nam mô Đại Sơn Vương. Như vậy, vô lượng chư Phật, Bồ-tát trong thế gian thường trú tại thế, tuyên thuyết pháp giáo hóa, xin nguyện thương xót lưu tâm thấy, nghĩ. Như con đã tạo các tội ác bất thiện trong vô lượng đời quá khứ và hiện tại, hoặc tự làm, hoặc thấy người khác làm sinh tâm tùy hỷ, hoặc lấy vật của Phật Pháp Tăng, vật của Tăng bốn phương, vật của Tăng hiện tại, hoặc tự lấy hoặc thấy người khác lấy sinh tâm tùy hỷ, hoặc tự tạo tội ngũ nghịch, hoặc thấy người khác tạo sinh tâm tùy hỷ. Do nhân duyên của nghiệp bất thiện nầy mà sẽ bị đọa vào đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hoặc làm người sinh nơi biên địa, hoặc làm thân trời Trường Thọ, hoặc làm người các căn không đủ, gần gũi tà kiến, không gặp Phật xuất thế. Các tội như vậy, ngày nay

thành tâm cầu xin sám hối. Như trước Phật Thích Ca hiện tại, Đức Như Lai Thế Tôn với tri kiến chân thật, trí tuệ vô ngại, tịnh nhãn vô chướng, thường vì tất cả chúng sinh mà chứng biết, xin nguyện quán xét tâm thành sám hối của con, từ nay trở đi con không dám tạo tác. Lại nữa, xin chư Phật, Bồ-tát ở mười phương chú tâm lắng nghe: như trong vô lượng đời quá khứ và hiện tại, con có làm việc bố thí cho đến ban cho hàng súc sinh một nắm cơm, bó cỏ, hoặc con trì giới cho đến nhất niệm, các công đức có được như vậy, đều xin hồi hướng nơi Bồ-đề vô thượng, như chư Phật, chư Bồ-tát trong đời quá khứ đã hồi hướng, như chư Phật chư Bồ-tát trong đời vị lai phát nguyện hồi hướng, như chư Phật chư Bồ-tát hiện tại trong mười phương phát nguyện hồi hướng.

Nầy Xá-lợi-phất! Bồ-tát chí tâm lễ bái cung kính chư Phật như vậy trong sáu tháng rồi, hoặc đi hoặc đứng hoặc làm hoặc ngồi, thì chư Phật ở mười phương thị hiện trước mặt, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tuy thị hiện tướng tốt trước Bồ-tát như vậy, nhưng ở nơi pháp giới ban đầu không có động chuyển. Vì sao? Vì Đức Như Lai biết rõ chân thật về tâm ấy, chư Phật ở mười phương biết chắc chắn người nầy có thể thọ trì giới cấm của Bồ-tát, và tu tập từ bi có thể phá trừ các ma, chuyển bánh xe chánh pháp, có thể điều phục chúng sinh, tuyên thuyết giáo pháp. Do nghĩa này, chư Phật ở mười phương vì Bồ-tát nầy mà thị hiện thân.

Nầy Tôn giả Xá-lợi-phất! Như sư tử gầm rống, loài chồn cáo có thể làm được không?

- Thưa Thế Tôn, không được.

- Nầy Xá-lợi-phất! Nếu có người không ở chỗ vô lượng Phật trong vô lượng đời quá khứ gieo trồng cội đức, thì có thể thọ trì giới Bồ-tát được không?

- Thưa Thế Tôn, không được.

- Nầy Xá-lợi-phất! Như những vật mà voi chúa quý mang vác, loài lừa có thể làm được không?

- Thưa Thế Tôn, không được.

- Nầy Xá-lợi-phất! Như ánh sáng của mặt trời mặt trăng, ánh lửa đom đóm có thể sánh kịp chăng?

- Thưa Thế Tôn, không được.

- Nầy Xá-lợi-phất! Như chim Cánh vàng bay, loài quạ có thể theo kịp không?

- Thưa Thế Tôn, không được.

- Nầy Xá-lợi-phất! Nếu có người ở nơi vô lượng chư Phật trong vô lượng đời gieo trồng cội đức thì người nầy mới có thể thọ giới Bồ-tát, thấy rõ ràng chư Phật ở mười phương.

Nầy Xá-lợi-phất! Lúc thọ giới Bồ-tát rồi, nếu có nhân duyên của khách trần phiền não làm cho phạm pháp đáng sám hối, thì nên hướng đến chư Phật sám hối, Bồ-tát trọn đời không được tạo tội ngũ nghịch.

Nếu lòng tham chưa dứt cho đến sinh con, thì nên đối trước Phật hiện tại trong mười phương, ngày đêm chí thành cầu xin sám hối đủ trong hai năm. Nếu vì tâm tham mà lấy vật của Phật Pháp Tăng thì ở trước Phật sám hối trong hai năm.

Nầy Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát vì nhân duyên sân hận mà hủy phá giới cấm thì không có điều ấy. Do nhân duyên giận dữ phá hủy giới cấm mà được sám hối cũng không có điều ấy.

Bấy giờ, vào sáng sớm, Tôn giả Ưu-ba-ly ra khỏi thiền định, liền đến chỗ Thế Tôn làm lễ, đi nhiễu ba vòng rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như trong Giới Kinh nói: "Nếu đệ tử của Như Lai có lòng tin, thì đối với giới đã thọ dù mất mạng cũng không hủy phạm". Bạch Thế Tôn! Hiện tại nếu Ngài nhập Niết-bàn, con làm sao để phân biệt hiểu biết giới cấm của Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn! Ngài nói con là Tỳ-khưu trì luật bậc nhất, nay con không biết phương tiện của Tỳ ni sẽ nói như thế nào? Hiện nay có nhiều đại Tỳ-khưu Tăng cùng chư Bồ-tát Tăng muốn biết, xin nguyện Như Lai rộng nói đầy đủ.

Phật dạy:

- Lành thay! Lành thay! Nầy Tôn giả Ưu-ba-ly! Hãy chí tâm lắng nghe và khéo suy nghĩ, nay Ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Nầy Ưu-ba-ly! Nhân duyên của giới Thanh văn khác, nhân duyên của giới Bồ-tát khác, tâm của giới Thanh văn khác, tâm của giới Bồ- tát khác, trang nghiêm của giới Thanh văn khác, trang nghiêm của giới Bồ-tát khác, phương tiện của giới Thanh văn khác, phương tiện của giới Bồ-tát khác.

Nầy Ưu-ba-ly! Giới tịnh của Thanh văn chẳng phải là giới tịnh của Bồ-tát, giới tịnh của Bồ-tát chẳng phải là giới tịnh của Thanh văn. Hàng Thanh văn cho đến một niệm không cầu về Hữu gọi là Thanh văn giới tịnh. Bồ-tát nếu không cầu về Hữu thì gọi là đại phá giới, gọi là giới bất tịnh. Thanh văn cầu về Hữu thì gọi là phá giới, là giới bất tịnh.

Nầy Ưu-ba-ly! Bồ-tát Ma-ha-tát trong vô lượng kiếp thường ở nơi

Hữu, tâm không sinh hối hận thì gọi là giới tịnh của Bồ-tát, chẳng phải là giới tịnh của Thanh văn.

Nầy Ưu-ba-ly! Ông nên thuyết giảng rõ: Giới của Thanh văn gấp, giới của Bồ-tát chậm, giới của Thanh văn bít, giới của Bồ-tát mở, trong giới của Thanh văn nên nói nhân duyên, trong giới của Bồ-tát thì không nên nói. Nầy Ưu-ba-ly! Bồ-tát tùy theo tâm của chúng sinh, chẳng phải là Thanh văn, nên Bồ-tát đối với giới thì chậm mà Thanh văn giữ gìn gấp. Nầy Ưu-ba-ly! Nếu Bồ-tát vào sáng sớm phạm giới, nên niệm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, tự biết tội lỗi, ngày đêm ba thời đều như vậy nên gọi là giới Bồ-tát.

Nầy Ưu-ba-ly! Nếu Bồ-tát luôn luôn phạm thì không gọi là phá giới, nếu Thanh văn luôn luôn phạm thì gọi là phá giới, là mất giới, không được đạo quả Sa-môn. Vì sao? Hàng Thanh văn là người phá trừ phiền não, nên phải siêng năng tinh tấn, không được hủy phạm.

Nầy Ưu-ba-ly! Bồ-tát nếu ở trong hằng hà sa kiếp thọ năm thứ dục lạc, cũng không gọi là Bồ-tát mất giới cấm, không gọi là phá giới, không gọi là mất giới, không nói là không đắc quả Bồ-đề.

Nầy Ưu-ba-ly! Bồ-tát không thể ở trong một đời mà diệt hết các phiền não, phải dùng phương tiện dần dần khiến sạch hết.

Nầy Ưu-ba-ly! Đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng cần phải có lực đại trang nghiêm không gì hơn, sau đó mới chứng được, chẳng phải một đời mà đạt được, nên Như Lai không nói Bồ-tát ở trong sinh tử sinh tâm hối hận, cũng không tuyên thuyết vĩnh viễn đoạn trừ tham ái mà tuyên thuyết pháp hỷ, pháp thâm diệu, pháp không nghi và pháp không. Nghe pháp nầy rồi Bồ-tát vui ở trong sinh tử.

Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Phạm có ba thứ: một là tham, hai là sân, ba là si, Bồ-tát phạm điều nào thì gọi là nặng, điều nào thì gọi là nhẹ?

Phật dạy:

- Nầy Ưu-ba-ly! Nếu các Bồ-tát phạm lỗi tham như hằng hà sa, Bồ-tát như vậy không gọi là hủy giới. Nếu phạm một nhân duyên sân thì gọi là hủy giới, là phá giới. Vì sao? Nầy Ưu-ba-ly! Vì tâm sân hận hay xả bỏ chúng sinh, tâm tham ái có thể cứu giúp chúng sinh, nếu ái chúng sinh thì không gọi là phiền não, sân hận xả bỏ chúng sinh thì gọi là phiền não nặng. Nầy Ưu-ba-ly! Cho nên trong kinh Như Lai có dạy, tham kết khó đoạn không gọi là nặng, sân hận dễ đoạn gọi đó là nặng.

Nầy Ưu-ba-ly! Khó đoạn chẳng phải là nặng, Bồ-tát thường có điều

nặng dễ đoạn, cho đến trong mộng hãy còn không làm.

Nầy Ưu-ba-ly! Bồ-tát ngu si không có phương tiên sợ hãi phạm ái, Bồ-tát có trí khéo biết phương tiện, sợ hãi phạm sân, không sợ phạm ái.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ ni gọi là điều phục, tánh của tất cả các pháp rốt ráo là điều phục, tại sao Như Lai tuyên thuyết Tỳ ni?

Phật dạy:

- Nầy Văn-thù-sư-lợi! Nếu người phàm phu có thể biết các pháp rốt ráo là điều phục, thì Như Lai trọn không tuyên thuyết Tỳ ni. Do vì hàng phàm phu không biết không hiểu, vì thế Như Lai mới giảng nói về Tỳ ni. Nầy Văn-thù-sư-lợi! Ông nay tại sao không thuyết giảng Tỳ ni, Tôn giả Ưu-ba-ly muốn được nghe.

Lúc nầy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Tôn giả Ưu-ba-ly:

- Nầy Tôn giả Ưu-ba-ly! Tất cả các pháp rốt ráo là điều phục, tánh của tất cả các pháp không thể nhiễm ô, tánh của tất cả pháp là không điên đảo, tánh của tất cả pháp là thanh tịnh, tánh của tất cả pháp là không thể tuyên thuyết, tất cả các pháp không có thủ chấp, tất cả các pháp không đi không đến, tất cả các pháp không thể nghĩ bàn, tất cả các pháp không có chướng ngại, tất cả các pháp vốn không có tánh, tất cả các pháp không hành động, tất cả các pháp không xuất không diệt, tất cả các pháp không có ba đời, tất cả các pháp không có lưới nghi, các pháp như vậy Phật thảy đều biết hết.

Tôn giả Ưu-ba-ly thưa:

- Bạch Thế Tôn! Như lời Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói chẳng phải là thuyết giảng về "Liễu nghĩa".

Phật dạy:

- Nầy Tôn giả Ưu-ba-ly! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thường ưa thuyết giảng về giải thoát như vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly thưa:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là kiêu mạn? Phật dạy:

- Nếu Bồ-tát nói: Tôi có tâm Bồ-đề, tôi là Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, tôi là Bát nhã tu tạo các hạnh, Bồ-đề hành sâu, Thanh văn hành cạn, Bồ-đề hành tịnh, Thanh văn hành bất tịnh, Bồ-đề hành rốt ráo, Thanh văn hành không rốt ráo, nếu có phân biệt là pháp Thanh văn, là pháp Duyên giác, là pháp Bồ-tát, là pháp chư Phật, đây là tịnh, kia là bất tịnh, đây là đạo, kia chẳng phải là đạo, như vậy gọi là Bồ-tát kiêu mạn.

Phẩm 2: TÁNH HẠNH THIỆN CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập Thánh hạnh, hành ở quả thiện, đạo Bồ-đề gồm mười pháp, có thể thâu giữ tất cả pháp thiện. Những gì là mười pháp? Một là chi, hai là dực (giúp đỡ, che chở), ba là tâm tịnh, bốn là hành, năm là hữu, sáu là nhân, bảy là khí, tám là địa, chín là phương tiện, mười là trụ.

Thế nào gọi là chi?

Nghĩa là tánh của Bồ-tát. Tánh của Bồ-tát tức là mới phát tâm và ba mươi bảy phẩm. Vì sao? Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề, chính là căn bản của tất cả pháp thiện, nên gọi là chi. Nhân nơi phát tâm nầy mà đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nên gọi là nhân. Nhân nơi ban đầu phát tâm quyết định ắt được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nên gọi là tánh. Bồ-tát Ma-ha-tát nhân nơi ban đầu phát tâm nên được tu hạnh bố thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Trí tuệ Ba-la-mật, do thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nên có thể tu hạnh trí tuệ trang nghiêm, phước đức trang nghiêm, tu ba mươi bảy pháp trợ đạo, nên Bồ-tát phát tâm Bồ-đề gọi đó là chi. Bồ-tát Ma-ha-tát tùy nơi phát tâm mà thực hành đầy đủ, đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng nên gọi đó là chi. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu không có tánh Bồ-tát thì tuy phát tâm siêng tu tinh tấn, trọn không thể chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Cho nên cần biết, chẳng phải nhân nơi phát tâm, siêng tu tinh tấn mà phải có tánh Bồ-tát, vì nghĩa nầy nên tánh Bồ-tát gọi là chi.

Bồ-tát tuy có tánh Bồ-tát, mà không phát tâm siêng tu tinh tấn, thì không thể nhanh chóng chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đã có tánh Bồ-tát, lại phải phát tâm Bồ-đề siêng tu tinh tấn, mới có thể nhanh chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì nghĩa nầy nên tánh Bồ-tát gọi là chi.

Lại nữa, chi gọi là nhân, cũng gọi là bậc thang, cũng gọi là tăng trưởng, cũng gọi là trang nghiêm, cũng gọi là nương tựa, cũng gọi là thứ lớp, cũng gọi là tiến tới, cũng gọi là phòng nhà. Vì nghĩa nầy nên tánh gọi là chi.

Thế nào gọi là tánh? Tánh có hai loại: một là bản tánh, hai là khách tánh. Nói bản tánh, tức là năm ấm, mười tám giới, sáu nhập, lần lượt tương tục vô thỉ vô chung, pháp tánh tự như vậy, đó gọi là bản tánh. Nói khách tánh, nghĩa là chỗ tu tập tất cả pháp thiện, được tánh Bồ-tát, đó gọi là khách tánh. Trong kinh nầy lấy hai thứ ấy gọi là tánh. Hai thứ tánh nầy gọi là chi.

Lại nữa, tánh cũng gọi là chủng tử, cũng gọi là giới, cũng gọi là tánh. Lại có hai loại: một là tế, hai là thô. Nói tế, tức là không có nhân mà được, không do nhân mà được quả nên gọi là tế. Nói thô, tức là có nhân mà được, từ nhân được quả nên gọi là thô. Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ hai tánh như vậy, thì hơn tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, huống hồ là các ngoại đạo. Vì nghĩa nầy, nên Bồ-tát Ma-ha-tát được gọi là thắng. Tại sao gọi là thắng? Vì thanh tịnh. Thanh tịnh có hai: một là tịnh trí chướng, hai là tịnh kết chướng. Hàng Thanh văn, Duyên giác tịnh kết chướng nên gọi là tịnh, chẳng phải là tịnh trí chướng. Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ hai thứ tịnh, vì nghĩa nầy nên tánh Bồ-tát được gọi là thắng.

Bồ-tát Ma-ha-tát lại có bốn việc hơn cả hàng Thanh văn, Phật- bích-chi: Một là căn thù thắng. Hai là hạnh thù thắng. Ba là phương tiện thù thắng. Bốn là đắc quả thù thắng.

Căn thù thắng nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát bản tánh lanh lợi, tánh của Duyên giác trung bình, còn tánh của Thanh văn chậm lụt, nên gọi là căn thù thắng. Hạnh thù thắng nghĩa là Thanh văn, Duyên giác vì tự độ nên tu tập pháp thiện. Bồ-tát không vì mình mà chỉ vì chúng sinh nên tu tập pháp thiện, ban các sự vui, từ bi thương xót tất cả, nên gọi là hạnh thù thắng. Phương tiện thù thắng, nghĩa là Thanh văn, Duyên giác chỉ có thể hiểu biết về ấm, nhập, giới, không thể hiểu biết mười hai nhân duyên và xứ, chẳng phải xứ. Bồ-tát với phương tiện tức có thể khéo biết tất cả các pháp, nên gọi là phương tiện thù thắng. Quả thù thắng, nghĩa là Thanh văn tự chứng đắc Bồ-đề Thanh văn, Duyên giác tự chứng đắc Bồ-đề Duyên giác, Bồ-tát tự chứng đắc Bồ-đề Bồ-tát, nên gọi là quả thù thắng.

Tánh Bồ-tát có sáu thứ ấn, do ấn nầy nên tất cả chúng sinh có thể nhận biết đây là Bồ-tát. Những gì là sáu? Đó là Bố thí Ba-la-mật, cho đến Bát nhã Ba-la-mật.

Do nghĩa nào Bố thí Ba-la-mật được gọi là ấn của tánh Bồ-tát? Do bản tánh của Bồ-tát Ma-ha-tát có thể đạt được tâm xả như vậy. Đối với các tài sản vật dụng hoặc nhiều hoặc ít tâm không tham đắm, lúc muốn thí thì thí, và khi bố thí xong đều sinh hoan hỷ, tùy theo vật được thí, hoặc nhiều hoặc ít tâm không hối tiếc. Nếu khi bố thí ít cũng không xấu hổ, hoặc không có tiền của thì thường khen ngợi sự bố thí. Thấy người keo kiệt thì có thể phá bỏ tâm ấy. Thấy người thực hành bố thí thì tâm sinh vui mừng hớn hở như gặp cha mẹ. Thấy người đến xin thâm tâm tự hoan hỷ. Nếu không có tài sản thì nên dùng thân nghiệp cung cấp cho các bậc trưởng lão, cha mẹ, các sư. Nên dùng lời vui, lời nhẹ nhàng, lời pháp, lời chân chánh, để phá

trừ lời nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói lời vô nghĩa của chúng sinh. Nếu có người hỏi còn không nói lỗi tốt, xấu của người khác, huống hồ là không hỏi mà tự nói sao? Nếu có chúng sinh sợ hãi vì nạn giặc cướp, lũ lụt, hỏa hoạn, thì nên cứu giúp. Luôn biết ân, nhớ ân, thọ ân, có thể báo đáp. Nhận sự ký thác của người khác thì không để họ nghi ngờ, nếu là vật báu tâm không tham đắm, đối với vật của mình tâm không sẻn tiếc, thức ăn áo mặc luôn bố thí cho người, có thể điều phục tâm dục, tâm tham rượu, tâm hý luận, ưa tu tập hổ thẹn, tuy được báu lớn mà không sinh vui mừng tham đắm. Đây gọi là ấn của tánh Bồ-tát hành Bố thí Ba-la-mật.

Sao gọi là ấn của tánh Bồ Tát thực hành Trì giới Ba-la-mật? Bồ- tát Ma-ha-tát, với tánh của ba nghiệp thân khẩu ý tự thanh tịnh nhu hòa, đối với chúng sinh không khởi tâm ác độc, tâm sân hận. Nếu do nơi khách trần là các phiền não mà tạo ra các tội lỗi, thì khi làm rồi tâm hối hận, sinh xấu hổ, phát lồ sám hối. Đối với chúng sinh khởi tâm thương xót xem như con mình, trọn không dùng tay hoặc gậy hoặc đá đánh đập, tâm thường tìm cầu thiện tri thức chân chánh, chí vui cúng dường các bậc cha mẹ, sư trưởng, trưởng lão, phá bỏ kiêu mạn, ý trước là hỏi thăm. Sau biết ân và nhớ ân. Nếu có người đến xin thì dùng lời nhẹ nhàng an ủi, không dùng huyễn thuật lừa dối chúng sinh, trọn đời không dùng phi pháp để tự nuôi mạng, thường ưa tu tập tất cả công đức, dạy các chúng sinh rộng tu phước nghiệp. Thấy chúng sinh lãnh thọ các khổ, hoặc dứt mạng căn, hoặc bị đánh đập, bị tù tội, đói khát, lạnh nóng, lúc ấy Bồ-tát quán xét chúng sinh thọ khổ cũng như mình không khác. Hộ trì giới luật của Phật cho đến nhỏ nhặt hãy còn không hủy phạm, huống hồ là các tội nặng, có thể dùng mười điều thiện giáo hóa tất cả. Không ưa thấy nghe chúng sinh xấu ác tranh cãi, mắng nhiếc. Ba nghiệp hiện có thường vì chúng sinh, trọn không vì mình. Nếu có chúng sinh đầy đủ giới, nhẫn, tuệ, thì vui cùng đồng hành, đạt tâm nhu hòa, dịu dàng, không có tâm hại, không có tâm bất nhẫn, tâm thường kính trọng các giới hiện có, không lừa dối chúng sinh, không nói hai lưỡi và lời vô nghĩa. Tuy không có người hỏi mà hãy còn khen ngợi điều thiện của người, huống hồ là có người hỏi mà không nói lời tôn trọng chân thật sao? Đây gọi là ấn của tánh Bồ-tát hành Trì giới Ba-la-mật.

Thế nào gọi là ấn của tánh Bồ-tát thực hành Nhẫn nhục Ba-la- mật? Bồ-tát Ma-ha-tát quán xét các chúng sinh, nếu có người đến đánh đập mình thì không nên tăng lòng xấu ác đáp trả. Vì sao? Vì thân ta chẳng phải là thân. Gọi là thân đó là chân thật. Thân chân thật thì không thể đánh đập. Còn thân nầy của ta là thân hòa hợp, thân hòa hợp gọi là bất tịnh. Ở trong sự hòa hợp thì chỉ phần ít thấy đánh, phần nhiều thì không tổn hại. Phần

nhiều đã không tổn hại tại sao không vui? Đối với sự giận dữ, phần ít có giận, phần nhiều không giận. Phần nhiều không giận vì sao gọi là giận? Như thân hòa hợp đánh thân thọ nhận hòa hợp, thì ai đánh, ai thọ. Ví như hai vật chạm nhau phát ra tiếng, nếu ta sân thì chính là tự sân. Vì sao? Vì do nghiệp duyên nên có thân nầy, vì thân nầy nên thọ sự khổ sở ấy. Ví như có đích thì ắt mũi tên sẽ cắm vào. Nếu ta tăng trưởng tâm sân nầy, thì không thể quán xét các pháp thiện ác. Nếu không thể quán xét các pháp thiện, ác, thì nhất định sẽ bị đọa trong ba đường ác. Vì nghĩa nầy cho nên khi bị đánh, bị mắng, không nên sinh tâm sân hận đối với người khác. Quán xét như vậy, đó gọi là ấn của tánh Bồ tát thực hành Nhẫn nhục Ba-la-mật. Lại nữa, nếu bị đánh hoặc mắng, nên nghĩ tưởng người ấy như con, tâm không oán hận. Đây gọi là ấn của tánh Bồ-tát hành Nhẫn nhục Ba-la-mật.

Thế nào gọi là ấn của tánh Bồ tát thực hành Tinh tấn Ba-la-mật? Bồ-tát Ma-ha-tát siêng tu tinh tấn, sáng dậy tối nằm, không thích ngủ nghỉ, trọn không quán xét nóng lạnh đói khát mà sợ hãi hay hoan hỷ. Phàm làm các việc thế gian hoặc xuất thế gian, cần làm rốt ráo không nửa chừng bỏ phế, việc nếu chưa xong, trọn không hối hận giữa chừng. Tuy được người khác cung kính cúng dường, nhưng đối với sự tu của mình trọn không ngừng nghỉ, đối với tự thân không khởi tâm khinh thường, nói không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Dù thấy việc khó làm ở thế gian nhưng trọn không thối lui. Đó gọi ấn của tánh Bồ-tát hành Tinh tấn Ba-la-mật.

Thế nào gọi là nơi ấn của tánh Bồ-tát thực hành Thiền Ba-la-mật? Bồ-tát Ma-ha-tát chí tâm ưa quán xét thật nghĩa của các pháp, ưa ở chỗ vắng lặng, chỗ không người, ưa xa lìa người ác, tăng trưởng pháp thiện, thấy người thích vắng lặng thì hoan hỷ cung kính, tuy có phiền não mà bản tánh nhẹ nhỏ, có được tâm thiện, trọn không bị các giác quán ác phá hoại. Tu tập tâm từ bi, xem oán như con. Nếu thấy chúng sinh thọ khổ não lớn thì sinh tâm từ, tùy theo sức mình mà trừ đoạn giúp, nguyện các chúng sinh đều được an ổn, giả sử thân có thọ khổ cũng không sinh ưu não. Nếu mất thân mạng cho đến của cải, hoặc thân bị trói, bị đánh, bị đuổi, có thể tự hiểu dụ không để mất chánh niệm, sinh tâm buồn khổ. Chuyên tâm nghe pháp, biên chép, thọ trì, đọc tụng, giải nói, nếu người khác quên mất có thể chỉ bày cho họ, do nhân duyên chí tâm như vậy, ở trong đời sau không mất pháp giới. Đây gọi là ấn của tánh Bồ-tát hành Thiền Ba-la-mật.

Thế nào là ấn của tánh Bồ-tát thực hành Bát nhã Ba-la-mật nơi? Nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát hiểu biết tất cả các việc của thế gian, biết các

phương thuật và ngôn ngữ của các chúng sinh, tuy biết các việc ấy mà tâm không lầm lạc, cũng không phóng dật, không bị ngoại đạo làm mê hoặc, không theo nghĩa lý của học thuyết tà kiến. Đấy gọi là ấn của tánh Bồ-tát hành Bát nhã Ba-la-mật. Ta nay sơ lược nói về tướng ấn thô, tướng ấn tế thì chư Phật đều biết. Tánh của Bồ-tát là không thể nghĩ bàn, thành tựu đầy đủ các việc công đức, chân thật thanh tịnh, đầy đủ pháp tịnh, nên gọi là thượng, cũng gọi là bất động, cũng gọi là Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát không thấy rõ lỗi lầm của pháp ác, thì không được tu tất cả pháp thiện. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc tu thiện bậc thượng, nếu vì nhân duyên của khách trần là phiền não khiến bị rơi vào ba đường ác, vẫn còn hơn chúng sinh trong đường ác. Vì sao? Vì có tánh Bồ-tát, như bị nhân duyên của khách trần là phiền não khiến rơi vào ba đường ác, thì có thể mau chóng phá trừ để ra khỏi. Nếu không ra thì cũng không đồng thọ khổ dữ trong đường ác. Nếu lúc thọ khổ mà đối với chúng sinh vẫn sinh tâm từ bi, do nhân duyên của tánh nên được tâm bi, vì vậy Bồ- tát hơn tất cả chúng sinh trong ba đường ác.

Bồ-tát Ma-ha-tát có bốn nhân duyên của phiền não khiến phá bỏ pháp tịnh. Những gì là bốn? Một là thường có lợi nhiều. Hai là vì hai thứ kết mà thân cận bạn ác. Ba là ở nơi chỗ thầy, vua chúa giặc oán, do sinh sợ hãi nên mất tâm thiện dấy khởi phiền não. Bốn là vì thân mạng nên tạo các pháp ác. Do bốn pháp nầy, nên tuy có tánh Bồ-tát Ma-ha-tát mà trọn không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Lại có bốn việc tuy có tánh Bồ-tát Ma-ha-tát, cũng không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Thế nào là bốn? Một là không gặp bạn lành là Phật và Bồ-tát tức là người không thuyết giảng sai nghĩa. Hai là tuy gặp bạn lành là Phật và Bồ-tát nhưng hiểu nghĩa sai, không học giới cấm của Bồ-tát. Ba là tuy gặp bạn lành là Phật và Bồ-tát, tùy thuận giải nghĩa, nhưng không thể học và thọ trì giới cấm của Bồ-tát. Bốn là tuy gặp bạn lành là Phật và Bồ-tát, tùy thuận giải nghĩa, học giới của Bồ-tát, nhưng thiện căn chưa thành thục, chưa được trang nghiêm Bồ-đề đầy đủ, vì thế không đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Bồ-tát tuy có tánh Bồ-tát, nhưng không có đầy đủ bốn việc như vậy, thì trọn không chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nếu có đầy đủ bốn việc như vậy, mà không có tánh Bồ-tát thì cũng không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Phẩm 3: PHÁT TÂM BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc ban đầu phát tâm, nên lập chánh nguyện lớn, nói như vầy: Khi tôi chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, phải làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, cần đặt yên mọi chúng sinh trong Đại Niết-bàn, lại phải giáo hóa hết thảy chúng sinh khiến có đầy đủ đại trí Bát nhã, đó gọi là tự lợi lợi tha. Vì thế người ban đầu phát tâm Bồ-đề, gọi là nhân duyên của Bồ-đề, nhân duyên của chúng sinh, nhân duyên của chánh nghĩa, nhân duyên của ba mươi bảy pháp trợ đạo, thâu giữ tất cả căn bản pháp thiện, nên Bồ-tát gọi là đại thiện của thiện, chân thật của thật, cũng gọi là thiện căn của tất cả chúng sinh, có thể phá trừ tất cả các thứ xấu ác của ba nghiệp thân khẩu ý. Tất cả thệ nguyện ở thế gian và xuất thế gian không có gì hơn đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thệ nguyện như vậy là vô thắng, vô thượng.

Bồ-tát Ma-ha-tát ban đầu phát ba tâm Bồ-đề gồm có năm việc: Một là tánh. Hai là hành. Ba là cảnh giới. Bốn là công đức. Năm là tăng trưởng. Bồ-tát nếu có thể phát tâm Bồ-đề, thì được gọi là Bồ-tát Ma-ha- tát, nhất định chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, tu hạnh Đại thừa, cho nên ban đầu phát tâm Bồ-đề, thì có thể thâu giữ tất cả pháp thiện. Bồ-tát Ma-ha-tát pháp tâm Bồ-đề, tùy sự thực hành mà dần chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nếu không phát tâm thì trọn không thể chứng đắc, cho nên phát tâm là căn bản của đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy chúng sinh khổ, tâm liền sinh thương xót, cho nên Bồ-tát nhân nơi tâm từ bi mà phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nhân nơi tâm Bồ-đề mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nhân nơi ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, cho nên phát tâm gọi là chi. Phát tâm Bồ-đề nên thực hành giới Bồ-tát, vì thế phát tâm là chi của giới Bồ-tát. Vì thế phát tâm gọi là căn, là nhân, là thâu tóm, là quả, cũng gọi là chủng tử Bồ-tát phát tâm lại có hai thứ: Một là rốt ráo. Hai là không rốt ráo. Rốt ráo là cho đến chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng trọn không thoái, mất. Không rốt ráo tức có thoái mất. Thoái có hai thứ: Một là thoái rốt ráo. Hai là thoái không rốt ráo. Thoái mất rốt ráo là trọn không phát tâm đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, không thể tìm cầu tu tập pháp ấy. Thoái mất không rốt ráo là cầu tâm Bồ-đề, tu tập pháp ấy. Tâm Bồ-đề nầy gồm có bốn nhân. Thế nào là bốn?

1. Nếu có thiện nam thiện nữ hoặc thấy hoặc nghe chư Phật, Bồ- tát là không thể nghĩ bàn, lúc ấy liền sinh tâm cung kính, tin nhận và nghĩ suy: Việc của Phật, Bồ-tát là không thể nghĩ bàn. Nếu có thể đạt được việc không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát, thì tôi cũng sẽ phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì thế nên chí tâm nghĩ đến Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề.

2. Lại có người không thấy sự việc không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát, chỉ nghe tạng bí mật của chư Phật, Bồ-tát, nghe rồi liền sinh tâm cung kính tin nhận, do được tâm tín nên vì đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng và đại trí mà phát tâm Bồ-đề.

3. Lại có người không thấy sự việc không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát, cũng không được nghe pháp, nhưng khi thấy pháp diệt liền suy nghĩ đến pháp Phật vô thượng, có thể diệt hết vô lượng khổ não và làm lợi ích cho chúng sinh, chỉ có chư Bồ-tát có thể khiến cho pháp Phật ở đời lâu không diệt. Tôi nay cũng sẽ phát tâm Bồ-đề, khiến các chúng sinh xa lìa phiền não cùng những sự khổ lớn, ủng hộ pháp Phật ở đời lâu dài, vì trụ ở đời phát tâm Bồ-đề.

4. Lại có người không thấy pháp Phật diệt, chỉ thấy các chúng sinh trong đời ác, đầy đủ phiền não tham sân si, không biết xấu hổ, chỉ có keo kiệt, ganh ghét, ưu sầu khổ não, biếng nhác, không tin giáo pháp. Thấy như vậy rồi liền suy nghĩ: Vào thời đại ác, chúng sinh đại ác, không thể tu thiện, thời ác như vậy còn không thể phát tâm Nhị thừa huống là phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Ta nay sẽ phát tâm Bồ-đề, phát tâm nầy rồi sẽ giáo hóa tất cả chúng sinh khiến họ cũng phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Cho nên Bồ-tát ở trong đời ác, chúng sinh xấu ác mà phát tâm Bồ-đề.

Lại có bốn nhân để phát tâm Bồ-đề: Một là tánh đầy đủ. Hai là bạn lành đầy đủ. Ba là tâm từ đầy đủ. Bốn là đầy đủ Thánh hạnh, quán sinh tử khổ, không sợ Bồ-đề khó hành kho hạnh.

Tánh đầy đủ: Nghĩa là tánh Bồ-tát tự đầy đủ.

Bạn lành đầy đủ gồm có bốn việc: Một là bạn lành đầy đủ căn, đủ trí tuệ lớn, có thể chỉ bày rõ về thiện ác, không thực hành theo đạo tà. Hai là tâm không phóng dật, hay phá trừ phóng dật, đóng cửa đường ác. Ba là tự có thể đầy đủ giới cấm của Bồ-tát, chuyển dạy cho người khác. Bốn là không dùng đạo thấp chuyển đạo cao của người khác, không dùng Tiểu thừa chuyển Đại thừa của người khác, không dùng tu phước chuyển định tuệ của người khác.

Đầy đủ tâm tuệ lại có bốn việc: Một là hoặc có thế giới có nơi chốn khổ não. Hoặc có thế giới không có khổ não, không có nơi chốn khổ não, Bồ-tát phát nguyện vãng sinh trong ấy. Hoặc thấy người khác thọ khổ xem như mình thọ khổ, sinh tâm từ bi phá trừ sự khổ ấy. Hai là sinh trong địa ngục, thấy người thọ khổ xem như mình thọ khổ, cũng sinh tâm từ phá trừ các khổ ấy. Ba là sinh trong ngạ quỷ, thấy chúng sinh thọ khổ như mình tự thọ, cũng sinh tâm từ bi phá trừ mọi khổ ấy. Bốn là sinh trong súc sinh, hoặc thấy thọ khổ như thân mình thọ khổ, cũng sinh tâm từ bi đoạn trừ sự khổ ấy.

Tâm từ đầy đủ lại có ba bậc là thượng, trung, hạ. Bậc thượng lại có bốn việc: Một là quán sinh tử khổ. Hai là tu tâm từ bi không có bắt đầu hay chấm dứt. Ba là tâm tánh mạnh mẽ. Bốn là được tâm trí tuệ.

Lại có bốn việc: Một là không phóng dật. Hai là đầy đủ giới. Ba là hay nhẫn nhục. Bốn là chí tâm chuyên niệm về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Lại có bốn việc: Một là xem hết chúng sinh giống như con một. Hai là không phân biệt kẻ oán, người thân và không oán không thân. Ba là được tâm tin kiên cố. Bốn là tu hành Thánh hạnh.

Tu tập tâm từ lại có bốn thứ lực:

Một là nội lực.

Hai là ngoại lực.

Ba là nhân lực.

Bốn là lực trang nghiêm.

Bồ-tát Ma-ha-tát chí tâm chuyên niệm về đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó là nội lực. Vì muốn hóa độ các chúng sinh nên phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó là ngoại lực. Có thể ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp tu tập hạnh thiện, phụng sự chư Phật và chư Bồ-tát, đó là nhân lực. Bồ-tát Ma-ha-tát ưa gần gũi bạn lành, lắng nghe chánh pháp, suy nghĩ ý nghĩa và tu hành đúng như nói, đó là lực trang nghiêm.

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát dùng nội lực và ngoại lực mà phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là tâm chánh, tâm bất động, tâm bất thối, tâm bất chuyển. Nếu dùng ngoại lực và lực trang nghiêm mà phát tâm Bồ-đề, đó gọi là tâm bất chánh, tâm động, tâm thoái mất, tâm chuyển.

Tâm chuyển của Bồ-tát có bốn nhân duyên: Một là tánh không đầy

đủ. Hai là đầy đủ bạn ác. Ba là đối với chúng sinh không đủ tâm từ. Bốn là không thể quán sát lỗi lầm của sinh tử.

Bồ-tát Ma-ha-tát mới phát tâm Bồ-đề gồm có hai việc không thể nghĩ bàn: Một là đối với các chúng sinh khởi tưởng là quyến thuộc. Hai là không có tưởng về chúng sinh, Bồ-tát thường dùng trí tuệ quán sát, ai là chúng sinh, chúng sinh thuộc về ai. Đó gọi là hai nhân. Hai tâm nầy có thể khiến Bồ-tát không thối chuyển.

Ban đầu phát Bồ-đề có hai thứ tâm: Một là ban cho chúng sinh sự an ổn. Hai là ban cho chúng sinh sự an lạc. Dùng các pháp thiện giáo hóa chúng sinh khiến xa lìa pháp ác, đấy gọi là an ổn. Có thể dùng tài vật cung cấp cho chúng sinh khiến họ xa lìa sự bần cùng, như là các thứ như y phục, thức ăn, phòng nhà, thuốc men v.v... Đấy gọi là an lạc.

Bồ-tát bất thối có hai thứ tâm: Một là tánh trang nghiêm. Hai là chuyên tâm thọ trì trang nghiêm. Thường suy nghĩ muốn khiến cho chúng sinh được an lạc. Đấy gọi là tánh trang nghiêm. Trọn không thối chuyển tâm Bồ-đề, nhân sinh tâm nầy nên có thể ban cho tất cả chúng sinh sự an lạc. Đấy gọi là thọ trì trang nghiêm.

Bồ-tát bất thối phát sinh phước đức gồm có hai chốn: Một là tâm Bồ-đề. Hai là vì chúng sinh mà thọ nhận khổ. Hai việc như vậy gọi là tụ pháp thiện lớn. Bồ-tát mới phát tâm kiên cố lại có hai việc thù thắng hơn tất cả Thanh văn Duyên giác: Một là nhân thù thắng. Hai là quả thù thắng.

Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề tu các pháp thiện, ấy gọi là nhân. Nhân thực hành pháp thiện mà chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, ấy gọi là quả. Nhân quả như vậy thù thắng hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác.

Bồ-tát bất thối có hai việc lớn: Một là phát tâm rồi tức vì vô lượng chúng sinh làm ruộng phước. Vì làm các bậc cha mẹ, sư trưởng, Hòa thượng mà sinh lòng thương xót, vì thương xót nên khi đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ nghỉ thường có chư Thiên hộ trì, như Chuyển luân Thánh vương thường được năm trăm quỷ thần áo xanh hộ vệ. Bồ-tát bất thối cũng lại như vậy, vì thương xót nên nếu thọ thân thì không có bệnh khổ. Hai là Bồ-tát phát tâm thường vì sự an vui của chúng sinh, xem chúng sinh như cha mẹ, tất cả chúng sinh ở chỗ Bồ-tát, ba nghiệp thân khẩu ý nhu hòa không có xấu ác. Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề không mất chánh niệm, đối với các chúng sinh không khởi tâm hại, không ăn thịt, không lừa dối, thường đem pháp thiện giáo hóa chúng sinh, khiến chúng sinh không thọ khổ, không phế bỏ, không ưu sầu, có thể tự điều phục và điều phục người khác,

tùy theo chỗ ở của muôn loài đều khiến cho họ tăng trưởng phước nghiệp. Nếu vì nhân duyên của khách trần phiền não mà rơi vào ba đường ác, thì ắt có thể được ra khỏi, tuy đồng thọ khổ mà không sinh tâm độc hại, thấy người khác thọ khổ sinh tâm thương xót. Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề, thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Phẩm 4: LỢI ÍCH TRONG NGOÀI CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề, thế nào gọi là hạnh Bồ-đề? Bồ- tát ở chỗ nầy chỗ kia hoặc học hoặc dạy, đều vì đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nghĩa là giữ giới, nghe và suy nghĩ, đó gọi là hạnh Bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát có bảy chỗ học: Một là nghĩa nội. Hai là nghĩa ngoại. Ba là nghĩa chân thật. Bốn là nghĩa bất khả tư nghì. Năm là nghĩa điều phục chúng sinh. Sáu là nghĩa tự thuộc pháp Phật. Bảy là chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đấy là bảy chỗ học.

Thế nào là nghĩa nội? Nghĩa nội gồm có mười thứ: Một là nghĩa chân thật. Hai là nghĩa vì người khác (vị tha). Ba là nghĩa điều phục. Bốn là nghĩa an ổn. Năm là nghĩa diệu lạc. Sáu là nghĩa nhân. Bảy là nghĩa quả. Tám là nghĩa hiện tại. Chín là nghĩa đời sau. Mười là nghĩa rốt ráo. Bồ-tát Ma-ha-tát vì sự việc của người khác đó gọi là nghĩa nội.

1**.** Nghĩa chân thật: Tức là biết tánh của phiền não và pháp môn đối trị, đem sự vui của mình ban cho chúng sinh, chí thường tu tập chánh đạo vô thượng. Phàm có chỗ mong cầu đều vì an ổn cho chúng sinh, đã được tài vật tâm không tham tiếc, có thể đem cúng dường Phật, Pháp, chúng Tăng, cha mẹ, sư trưởng, đi xa ngàn vạn dặm để cầu kinh điển Phật và tạng Bồ-tát, đã được pháp rồi liền lưu thông rộng, không sinh tâm che giấu, tuy hiểu nghĩa sâu xa mà không sinh tâm kiêu mạn, vì sinh trên trời nên thuyết giảng về lợi ích của trì giới, vì phước báo của Chuyển luân vương mà thuyết giảng công đức bố thí, vì hàng Nhị thừa mà thuyết giảng việc tu tập Tam-muội, vì được quả báo lớn ở thế gian mà dạy cúng dường Phật, Pháp, Tăng bảo, rộng tu phước nghiệp. Vì người tâm tham mà giảng nói việc tham, vì người lừa dối mà nói việc lừa dối, vì người hành phi pháp mà làm kẻ giúp việc, Bồ-tát Ma-ha-tát làm việc nầy rồi, đó gọi là nghĩa chân thật.

2**.** Bồ-tát Ma-ha-tát nếu có tự lợi thì đều vì chúng sinh, đó gọi là nghĩa vị tha.

3**.** Bồ-tát Ma-ha-tát nếu có diễn thuyết thì đều vì nhằm phá trừ các tà kiến. Vì người phá giới, không tin nhân quả, không thấy lỗi lầm, nên nói về các lỗi hủy hoại giới cấm, vì dứt trừ ba đường ác mà diễn nói chánh

pháp. Nếu có người thối thiền và pháp thiện, vì nêu bày chỗ bất thối nên vì họ thuyết pháp. Vì muốn làm tăng trưởng các pháp thiện nên vì họ thuyết pháp. Vì muốn khiến chúng sinh được tự tại cho nên nêu giảng pháp. Vì muốn khiến chúng sinh trong mười phương thế giới đạt được thần túc thiện nên thuyết pháp. Đấy gọi là nghĩa điều phục. Nghĩa nội cũng gọi là nghĩa ngoại. Nghĩa ngoại cũng gọi là nghĩa nội. Nghĩa nội nghĩa ngoại gọi là nghĩa điều phục. Nghĩa điều phục cũng gọi là nghĩa nội, nghĩa ngoại. Như Lai có đủ mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng, đại bi, ba niệm xứ, năm trí, Tam-muội. Đó gọi là nghĩa chân thật. Nghĩa chân thật gọi là nghĩa nội, nghĩa ngoại. Nghĩa nội ngoại gồm có hai thứ: Một là tự điều phục. Hai là điều phục kẻ khác. Bồ-tát Ma-ha-tát khéo biết phương tiện, đó gọi là nghĩa điều phục. Bồ- tát thực hành tất cả việc thiện, gọi là nghĩa điều phục.

Tại sao lại gọi là nghĩa nội ngoại? Đây gồm có năm việc: Một là làm tịnh ở thân khác. Hai là nuôi lớn pháp thiện khác. Ba là hiện tại tạo lợi ích. Bốn là đời sau tạo lợi ích. Năm là phá trừ phiền não cho người. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tùy theo chỗ tu thiện hoặc nhiều hoặc ít, đem giáo hóa chúng sinh khiến cùng được như mình, đấy gọi là nghĩa điều phục.

4**.** Bồ-tát Ma-ha-tát đã tự mình an ổn, lại đem sự an ổn của mình ban cho chúng sinh, hoặc thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc nơi dục giới hoặc nơi thiền định. Đấy gọi là nghĩa an ổn. Nghĩa an ổn cũng gọi là nghĩa nội ngoại, cũng gọi là nghĩa điều phục, cũng gọi là nghĩa chân thật.

Nghĩa nội ngoại của Bồ-tát Ma-ha-tát, có lúc hiện tại vui chẳng phải đời khác vui, có lúc đời khác vui chẳng phải hiện tại vui, có lúc hiện tại vui đời khác vui, có lúc chẳng phải hiện tại vui chẳng phải đời khác vui. Nghĩa nội ngoại lại có bốn thứ: Có người thọ pháp đời hiện tại thọ vui, đời khác thọ khổ. Có người thọ pháp đời hiện tại thọ khổ, đời sau hưởng vui. Có người thọ pháp đời hiện tại hưởng vui, đời sau cũng vui. Có người thọ pháp đời hiện tại thọ khổ, đời sau cũng khổ.

Bồ-tát Ma-ha-tát thuyết giảng về Niết-bàn và Đại Niết-bàn, tám Thánh đạo phần, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, thuyết giảng về đạo thế gian và xuất thế gian thì gọi là nghĩa an ổn. Nghĩa an ổn gọi là nghĩa nội ngoại, nghĩa nội ngoại gọi là nghĩa chánh, nghĩa chánh gọi là nghĩa vô thượng, nghĩa vô thắng, nghĩa an ổn, nghĩa thường lạc. Bồ-tát Ma-ha- tát thọ nhận thường lạc, có thể hành trì nghĩa nội, ngoại, nghĩa chánh, nghĩa điều phục, nghĩa an ổn.

5**.** Thế nào gọi là nghĩa diệu lạc(an vui)? Nghĩa diệu lạc gồm có năm

thứ: Một là lạc nhân. Hai là lạc thọ. Ba là lạc đoạn thọ. Bốn là lạc xa lìa. Năm là lạc Bồ-đề.

Thế nào là lạc nhân? Nhân nơi tiếp xúc trong ngoài. Do nhân duyên tiếp xúc nên có thọ lạc. Đó gọi là lạc nhân. Nhân hành pháp thiện nên đời khác được thọ lạc, đó gọi là lạc nhân. Thế nào là lạc thọ? Do nơi nhân duyên mà thân được tăng trưởng, tâm được an ổn, đấy gọi là lạc thọ. Lạc thọ gồm có hai thứ: Một là hữu lậu. Hai là vô lậu. Vô lậu lại có hai: Một là học địa, hai là vô học. Hữu lậu có ba cõi, đó là dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Ba cõi có nội ngoại nhập nên có sáu xúc, sáu xúc có hai thứ: một là thân lạc, hai là tâm lạc.

Năm thức cùng hiện hành gọi là thân lạc. Ý thức cùng hiện hành gọi là tâm lạc. Tu tập Thánh đạo để đoạn các thọ, đạo đức tăng trưởng không có các thọ, nên gọi là lạc đoạn thọ. Xa lìa phiền não, thân tâm không khổ, gọi là lạc xa lìa. Vì thọ thường lạc nên gọi là lạc Bồ-đề. Hoặc có người nói, định vô tưởng gọi là lạc đoạn. Nghĩa nầy không phải như vậy. Vì sao? Vì không đoạn thọ.

Lạc xa lìa gồm có bốn thứ: Một là lạc xuất gia. Hai là lạc tịch tĩnh. Ba là lạc đoạn. Bốn là lạc Bồ-đề. Người ở thế gian phần nhiều có ưu khổ, vĩnh viễn đoạn trừ khổ ấy nên gọi là lạc xuất gia. Vĩnh viễn đoạn trừ tham ở dục giới gọi là lạc tịch tĩnh. Vĩnh viễn đoạn dứt phiền não gọi là lạc đoạn, thọ nhận thường lạc nên gọi là lạc Bồ-đề.

Bồ-tát thường có thể ban vui cho chúng sinh, gọi là lạc Bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát tự thọ thường lạc và chuyển thí cho chúng sinh, gọi là lạc Bồ-đề.

Tại sao gọi là lạc nhân? Là nhân của lạc nên gọi là lạc nhân, không gọi là lạc thọ. Lạc thọ không gọi là lạc nhân mà gọi là lạc tánh. Lạc đoạn không gọi là lạc nhân, không gọi là lạc thọ, do đoạn nhiều lạc nên gọi là lạc đoạn. Lạc xa lìa không gọi là lạc nhân, không gọi là lạc thọ, không gọi là lạc đoạn, do quán các họa hoạn của sinh tử nên gọi là lạc trí tuệ. Lạc Bồ-đề không gọi là lạc nhân, không gọi là lạc thọ, không gọi là lạc đoạn, không gọi là lạc xa lìa, do vô biên thường nên gọi là lạc Bồ-đề, cũng gọi là lạc vô thắng, gọi là lạc vô biên, gọi là lạc vô thượng, cũng gọi là lạc thường, gọi là lạc tịch tĩnh.

6**.** Bồ-tát Ma-ha-tát có thể dùng năm thứ lạc như trên bố thí cho chúng sinh. Đấy gọi là nghĩa của nhân. Bồ-tát Ma-ha-tát thường phá trừ các nghiệp ác của chúng sinh, chỉ bày chánh nghiệp, do chánh nghiệp nên chứng đắc đạo vô thượng. Đấy gọi là nghĩa của nhân. Bồ-tát Ma- ha-tát vì các chúng sinh nên thọ nhận khổ não lớn, vì thọ khổ nên có thể điều phục

chúng sinh, đấy gọi là nghĩa của nhân. Bồ-tát Ma-ha-tát quán sát thiện ác, có thể chỉ bày việc thiện ác cho chúng sinh, vì khai thị nên được trí tuệ lớn, do được trí tuệ lớn nên có thể phá trừ ác lớn. Đây là nghĩa của nhân.

7. Bồ-tát Ma-ha-tát nhân nơi trí tuệ mà thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cho đến chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đây là nghĩa của quả. Bồ-tát Ma-ha-tát vì hủy hoại tâm tham nên có thể ban cho chúng sinh năm thứ lạc, do các chúng sinh được lạc nầy nên gọi là nghĩa của quả. Bồ-tát Ma-ha-tát thương xót chúng sinh, muốn khiến cho tất cả đồng thọ lạc như mình. Đấy gọi là nghĩa nội ngoại. Nghĩa nội ngoại gồm có ba thứ. Nhân cũng có ba thứ. Quả cũng có ba thứ: nhân báo quả báo, nhân phước quả phước, nhân trí quả trí.

Thế nào gọi là báo? Báo có tám thứ: Một là sống lâu. Hai là căn thân hoàn bị. Ba là được ở dòng tộc lớn. Bốn là được tự tại. Năm là ngôn ngữ vi diệu. Sáu là được thân nam tử. Bảy là được sức lực lớn. Tám là không ai có thể hơn.

Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập tâm từ nên được sống lâu. Đây là báo của nhân. Bồ-tát Ma-ha-tát ưa đem y phục, thức ăn, phòng nhà, thuốc men thí cho chúng sinh, vì thế được căn thân hoàn bị. Bồ-tát Ma-ha-tát bỏ tâm kiêu mạn, cung kính cúng dường cha mẹ, sư trưởng và người có đức, vì thế được ở nơi dòng tộc lớn. Bồ-tát Ma-ha-tát theo pháp thực hành, phá bỏ phi pháp, nên được tự tại vô ngại. Bồ-tát luôn chân thật không lừa dối chúng sinh, nên được ngôn ngữ vi diệu. Bồ-tát Ma-ha-tát thường quở trách năm thứ dục, nên được thân nam tử. Bồ-tát Ma-ha-tát thường ưa cúng dường Phật, Pháp, Tăng bảo, nên thân có sức lực lớn. Bồ-tát Ma-ha-tát thường giáo hóa tất cả chúng sinh, cúng dường Tam bảo, nên không ai có thể hơn, đấy gọi là báo của quả. Không hại chúng sinh, thọ mạng được tăng trưởng. Đó gọi là báo của nhân. Ưa đem y phục, thức ăn, phòng nhà, thuốc thang thí cho chúng sinh, cho nên Bồ- tát được căn thân hoàn bị. Có thể phá trừ kiêu mạn hiện có của chúng sinh, cho nên được ở nơi dòng tộc lớn, có thể trừ bỏ sự bần cùng khốn khổ cho chúng sinh, cho nên được tự tại, có thể phá diệt lời nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác và nói lời vô nghĩa của chúng sinh cho nên được lời nói vi diệu. Khen ngợi thân nam, chê trách thân nữ, do hai nhân nầy mà được sinh trong loài người, thọ thân nam tử. Lại xa lìa dục phi pháp cho nên được thân nam tử. Bồ-tát Ma-ha-tát đem thức ăn thanh tịnh thí cho chúng sinh, thấy người nguy nạn có thể cứu giúp, cho nên thân có sức lực lớn. Thọ trì chánh pháp, đọc tụng giải nói, cho nên không ai có thể hơn. Đây là tám thứ báo.

Tám thứ như vậy nhân nơi ba việc nên được tăng trưởng: Một là tâm tịnh. Hai là trang nghiêm tịnh. Ba là phước điền tịnh. Bồ-tát Ma- ha-tát chí tâm chuyên cầu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là tâm tịnh. Cúng dường bạn đồng học, đồng pháp, đồng thầy, tâm sinh hoan hỷ, đó gọi là tâm tịnh. Nếu thấy hoặc nghe đồng học, đồng pháp, đồng thầy tâm sinh hoan hỷ, đó gọi là tâm tịnh. Tu tập pháp trợ đạo Bồ-đề, thường ưa thọ trì, biên chép, đọc tụng tạng pháp Bồ-đề, lại đem pháp nầy chuyển hóa cho chúng sinh, nếu có người không thọ lãnh, tâm không ưu sầu hối hận, cũng không dừng nghỉ. Đấy gọi là trang nghiêm tịnh. Do hai pháp tịnh trên nên gọi là phước điền tịnh.

Thế nào là quả báo của Bồ-tát? Bồ-tát sống lâu gọi là quả báo. Tại sao Bồ-tát cầu sự sống lâu? Vì được thọ mạng dài lâu để trải qua vô lượng đời tu pháp thiện làm tự lợi, lợi tha, nên Bồ-tát cầu sự sống lâu. Đây gọi là quả báo.

Tại sao Bồ-tát cầu được căn thân hoàn bị? Do Bồ-tát có căn thân hoàn bị nầy, chúng sinh cung kính hoan hỷ ưa nhìn, do hoan hỷ cho nên dễ nhận sự giáo hóa, vì thế Bồ-tát cầu căn thân hoàn bị. Đây gọi là quả báo.

Tại sao Bồ-tát cầu ở dòng tộc lớn? Vì dòng tộc lớn thường được chúng sinh cung kính, do cung kính nên tin nhận lời dạy, hoặc vì dòng tộc hoặc vì lợi ích, hoặc vì sợ sệt mà thọ nhận lời dạy, vì thế Bồ-tát cầu ở dòng tộc lớn. Đây gọi là quả báo.

Tại sao Bồ-tát cầu sự tự tại? Vì được tự tại thì có thể giáo hóa vô lượng chúng sinh, thành tựu đầy đủ Bố thí Ba-la-mật, cho nên Bồ-tát cầu sự tự tại. Đây gọi là quả báo.

Tại sao Bồ-tát cầu được lời nói vi diệu? Bồ-tát nói ra lời vi diệu thì chúng sinh ưa nghe, đồng pháp đồng nghĩa đồng hành đồng sự, thường có thể giáo hóa khiến được điều phục. Đây gọi là quả báo.

Tại sao Bồ-tát cầu thân nam tử? Vì thân nam tử mới là căn, khí tốt chứa tất cả pháp thiện, có khả năng nhẫn chịu các khổ, có thể quán sát pháp giới, ở trong bốn chúng không hề sợ hãi khó khăn, đối với thời với nghĩa có thể nhanh chóng hiểu biết, tùy theo chỗ đến không có trở ngại, cho nên Bồ-tát cầu được thân nam tử. Đây gọi là quả báo.

Vì sao Bồ-tát cầu có sức lực lớn? Bồ-tát thành tựu lực lớn nầy, thì có thể tu hành tất cả pháp thiện, có thể siêng năng tinh tấn, cứu vớt các khổ não của chúng sinh, cho nên Bồ-tát cầu có sức lực lớn. Đây gọi là quả báo.

Tại sao Bồ-tát cầu không ai hơn? Bồ-tát nếu được là người không ai hơn được, thì có thể ban cho tất cả chúng sinh những vật cần dùng, do nhân

duyên nầy, có thể khiến chúng sinh ưa thấy, nghe pháp và tin nhận lời dạy, cho nên Bồ-tát cầu được vô thắng. Đây gọi là quả báo.

Bồ-tát có đủ tám thứ quả báo nầy thì có thể nuôi lớn pháp Phật vô thượng, đem lợi ích cho chúng sinh, tức thấy Phật đạo như xem quả Am-ma-lặc trong lòng bàn tay. Tuy Bồ-tát thành tựu đầy đủ tám quả báo như vậy, nhưng nếu không thể giáo hóa vô lượng chúng sinh khiến được điều phục, thì không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nếu giáo hóa khiến chúng sinh được điều phục, mà không đầy đủ tám quả báo như vậy thì cũng không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu đầy đủ tám quả báo như vậy, dùng pháp ba thừa giáo hóa chúng sinh, thì tự chứng đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát sở dĩ đủ tám quả báo như vậy, là vì muốn giáo hóa điều phục chúng sinh, gọi là nghĩa nội ngoại, đủ tám quả báo, gọi là nghĩa của quả, nhân báo quả báo cũng gọi là nghĩa của quả.

Thế nào là phước? Thế nào là trí? Ba thứ Ba-la-mật như Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục gọi là phước đức. Bát nhã Ba-la-mật gọi là Trí tuệ, còn hai thứ Ba-la-mật kia cũng gọi là nhân của phước, cũng gọi là nhân của trí. Nếu siêng năng tinh tấn tu tập thiền định, thành tựu đầy đủ tâm tư, bi, hỷ, xả, do lực nhân duyên của bốn tâm nầy nên được tự tại, đấy gọi là nhân của phước. Nếu siêng năng tinh tấn tu tập Tam-muội, quán sát năm ấm, sáu nhập, mười tám giới, quán thật khổ nơi khổ, quán thật tập nơi tập, quán thật diệt nơi diệt, quán thật đạo nơi đạo. Quán thật chẳng phải thật, quán thiện chẳng phải thiện, quán pháp chẳng phải pháp, quán thượng quán hạ, quán trắng quán đen, quán mười hai nhân duyên, đấy gọi là nhân của trí. Nếu siêng năng tinh tấn tu tập nhất tâm, ưa thích bố thí, thích trì giới cấm, thích tu nhẫn nhục, đấy gọi là nhân của phước. Nếu siêng năng tinh tấn tu tập nhất tâm, ưa nghe, thọ trì, biên chép, đọc tụng, tuyên thuyết kinh điển tạng mật của Bồ-tát, do lực của nhân duyên đa văn, nên được trí tuệ lớn, có thể phân biệt pháp giới. Phân biệt pháp giới gọi là quả của trí. Nhân phước của Bồ-tát cũng là nhân cũng là quả. Nhân trí của Bồ-tát cũng là nhân cũng là quả. Nhân phước của Bồ-tát cũng là phước cũng là trí. Nhân trí của Bồ-tát cũng là trí, cũng là phước. Cho nên nhân phước của Bồ-tát gồm có sáu, nhân trí cũng có sáu thứ, đó là sáu pháp Ba-la-mật.

Thế nào là nhân phước, nhân trí? Nhân phước, nhân trí gồm có ba thứ: Một là tâm tín. Hai là phát tâm. Ba là gần gũi bạn lành, đây là ba thứ nhân phước. Nhân trí lại có hai thứ: Một là thiện. Hai là bất thiện. Nếu gần gũi bạn ác, tu tập tà đạo thực hành bố thí, thiền định, trí tuệ gọi là phước

bất thiện; phá trừ phước tuệ bất thiện như vậy gọi là phước thiện. Nếu không có tâm tín và không gần gũi bạn lành, thì trọn không thể đạt được phước đức trí tuệ. Nếu nói xa lìa những việc như vậy mà được phước đức thì không có việc ấy. Đấy gọi là nhân phước đức nhân trí tuệ.

Thế nào gọi là quả phước, quả trí? Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu đầy đủ phước đức như vậy, không bị nhiễm ô trong sanh tử, đấy gọi là quả. Bồ-tát thành tựu đầy đủ trí tuệ, xa lìa đạo ác tu tập đạo thiện, đấy gọi là quả. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu đầy đủ hai việc như vậy, giáo hóa chúng sinh thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đấy gọi là quả.

Bốn tâm vô lượng cũng gọi là quả phước quả trí của Bồ-tát. Bồ-tát Ma-ha-tát có nhân báo hoặc quả báo, đó gọi là phước đức. Nhân phước đức quả phước đức cũng gọi là trí tuệ. Nhân trí tuệ quả trí tuệ. Nếu trong hai pháp nầy mà lìa một pháp thì không chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đây là nghĩa của quả, nghĩa của quả gọi là nghĩa nội ngoại.

8. Thế nào gọi là nghĩa hiện tại? Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát học hết tất cả các việc thế gian, nhận biết hết cho nên được đại tự tại, do được tự tại nên có thể giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh lãnh thọ rồi tu tập pháp thiện. Đây gọi là nghĩa hiện tại. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát thối thất pháp thiện, tu tập Tam-muội, do tu định nên lại được pháp thiện, đấy gọi là nghĩa hiện tại. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát vì khách trần là phiền não nên tạo ra các tội, làm rồi tâm quán xét sâu xa quyết định phải thọ quả liền sinh tâm hối hận xấu hổ mà phá trừ các nghiệp ác, đấy gọi là nghĩa hiện tại. Nếu do nhân duyên của nghiệp ác, hoặc bị người khác mắng nhiếc, hoặc sân hận đánh đập, thân chịu các khổ, đây là nghĩa hiện tại. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập thiền định, do nhân duyên nầy mà thân thọ an lạc, đây là nghĩa hiện tại. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát thân được tự tại trong bốn đức là thường, lạc, ngã, tịnh, đây là nghĩa hiện tại. Nếu Bồ-tát Ma- ha-tát tu tám Thánh đạo, do nhân duyên nầy nên đạt được Niết-bàn, đây là nghĩa hiện tại. Bồ-tát như vậy chúng sinh cũng như vậy.

9. Thế nào là nghĩa đời sau? Vì nhân duyên hiện tại nên thọ thân đời khác, đấy gọi là nghĩa đời sau, cũng gọi là nghĩa nội ngoại.

10. Thế nào là nghĩa rốt ráo? Phước đức trong cõi dục chẳng phải là nghĩa rốt ráo, phước đức ở cõi sắc và vô sắc tuy được tự tại nhưng cũng chẳng phải là nghĩa rốt ráo. Như các Bồ-tát tu tám Thánh đạo có được Niết-bàn, thân ấy vô ngại không có cùng tận, pháp thiện vô lượng nên gọi là nghĩa rốt ráo. Rốt ráo có ba thứ: Một là tánh rốt ráo. Hai là thối chuyển rốt ráo. Ba là báo tận rốt ráo. Không rốt ráo cũng như vậy. Tánh rốt ráo gọi là tánh Niết-bàn, không rốt ráo gọi là pháp hữu vi. Thối chuyển rốt ráo là

Thanh văn, Duyên giác tu tám chánh đạo. Bất thối rốt ráo là bất thối chuyển. Báo tận rốt ráo là quả báo phước đức hiện có ở thế gian. Rốt ráo báo bất tận là đạo quả vô thượng. Trên đây là mười nghĩa, Bồ-tát Ma-ha-tát thường tu tập giáo hóa chúng sinh, như các Bồ-tát đời quá khứ đã học, hiện tại, vị lai cũng lại như vậy. Nếu Bồ- tát Ma-ha-tát không thể tu học mười pháp trên, thì không thể đạt được giới cấm của Bồ-tát.

-oOo-

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 2

Phẩm 5: NGHĨA CHÂN THẬT CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là nghĩa chân thật? Nghĩa chân thật gồm có hai thứ: Một là pháp tánh. Hai là pháp đẳng. Lại có bốn thứ: Một là lưu hành khắp thế gian. Hai là phương tiện lưu hành khắp. Ba là làm sạch chướng phiền não. Bốn là làm tịnh chướng trí tuệ.

Thế nào là lưu hành khắp thế gian? Pháp của thế gian đồng danh hiệu ấy, chúng sinh thấy đất, chân thật là đất trọn không nói là lửa. Lửa chân thật là lửa trọn không nói là đất, cho đến nước, gió, sắc, thanh, hương, vị, xúc, y phục, thức ăn, chuỗi anh lạc, đồ vật, kỹ nhạc, tối, sáng, nam, nữ, phòng nhà, ruộng vườn, khổ, vui. Khổ chân thật là khổ, trọn không nói là vui. Vui chân thật là vui, trọn không nói là khổ. Đây là phải, đây là trái, định và bất định. Tất cả trên thế gian từ xưa đến nay lưu truyền danh, tướng nầy tự nhiên mà biết, không phải từ sự tu tập sau đó mới biết. Đây gọi là nghĩa chân thật của thế gian lưu hành rộng khắp.

Thế nào gọi là phương tiện lưu hành khắp? Như người trí ở đời, trước tính toán, sau đó mới làm ra kinh sách luận nghị, đấy gọi là phương tiện lưu hành khắp.

Thế nào là làm sạch chướng phiền não? Tất cả Thanh văn, Phật- bích-chi, đều dùng trí vô lậu, đạo vô lậu, để phá trừ phiền não, nên được trí vô ngại. Đây gọi là làm sạch chướng phiền não. Vì phá trừ phiền não nên trí được thanh tịnh sáng suốt. Trí tuệ thanh tịnh nên thân tâm vô ngại. Đây gọi là làm tịnh chướng trí tuệ nơi nghĩa chân thật.

Tại sao lại gọi là chân thật? Chân thật gọi là tứ đế, tức khổ, tập, diệt, đạo. Quán xét bốn đế nầy thì được trí tuệ chân thật, đó gọi là Thanh văn, Phật-bích-chi. Thanh văn, Phật-bích-chi phân quán năm ấm, cho nên lìa ấm đều không thấy ngã, ngã sở. Phân quán mười hai nhân duyên, vì thế lìa ấm không thấy chúng sinh cho đến sĩ phu. Đây gọi là làm tịnh chướng trí tuệ nơi nghĩa chân thật. Nếu trí không thể biết cảnh giới thì gọi là trí chướng ngại, nếu có thể phá bỏ chướng, biết cảnh giới thì gọi làm tịnh chướng trí

tuệ nơi nghĩa chân thật.

Nghĩa chân thật tức là Phật và Bồ-tát quán sâu tất cả năm ấm, sáu nhập, mười tám giới, quán ngã vô ngã, chúng sinh, chẳng phải là chúng sinh, sĩ phu, chẳng phải là sĩ phu. Đây gọi là làm tịnh chướng trí tuệ. Quán các pháp giới không thể nêu bày, biết đế thế gian cho nên phân biệt pháp giới, biết tánh chân thật của các pháp giới, nên gọi là Tuệ vô thắng. Tuệ vô thắng hay phá diệt tất cả chướng nên gọi là tịnh chướng trí tuệ nơi nghĩa chân thật. Nghĩa chân thật lại có hai thứ: Một là hữu. Hai là vô. Hữu gọi là thế gian lưu hành khắp, đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, đất, nước, gió, lửa, sắc, thanh, hương, vị, xúc, thiện, bất thiện, vô ký, pháp xuất, pháp diệt, pháp từ duyên sinh, quá khứ, hiện tại, vị lai, hữu vi, vô vi, đời nầy, đời khác, mặt trời, mặt trăng, thấy, nghe, hiểu biết, chỗ đạt được giác quán, tu tập, thọ trì, cho đến Niết-bàn. Đây gọi là hữu của thế gian lưu hành. Thế gian hữu đó là pháp tánh. Vô là hữu của thế gian lưu hành khắp, từ sắc cho đến Niết-bàn tánh ấy là không nên gọi là vô. Chúng sinh thấy được nên gọi là hữu. Pháp tánh vốn không nên gọi là vô. Chư Phật Như Lai thuyết giảng về hữu, vô, gọi là chân thật. Chân thật gọi là trung đạo, chẳng phải hữu chẳng phải vô gọi là trung đạo, trung đạo gọi là đạo vô thượng. Trung đạo như vậy, chư Phật Thế Tôn trừ phá chướng ngại, đó gọi là nhất thiết trí.

Bồ-tát Ma-ha-tát tuy học trung đạo như vậy mà còn chướng ngại, nên không được là nhất thiết trí. Trí tuệ của Bồ-tát là phương tiện, gọi là nhân của đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát tuy không đầy đủ trí tuệ trung đạo, mà giảng nói về tướng sinh tử cũng có cũng không, cũng là lưu hành rộng khắp pháp Phật vô thượng, tuy ở trong sinh tử mà cũng có thể nhận biết rõ sinh tử là hoạn nạn, tâm không nhàm chán hối hận. Nếu không biết sinh tử là hoạn nạn thì không thể phá trừ phiền não kiết, nếu tâm nhàm chán thì không thể giáo hóa chúng sinh, hộ trì pháp chư Phật, mau đạt được Niết-bàn. Nếu được Niết-bàn thì không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nếu không thể giáo hóa các chúng sinh thì sao có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Thế cho nên Bồ-tát ở trong sinh tử tu đạo Bồ-đề, không sợ Niết-bàn, không cầu Niết-bàn. Nếu Bồ-tát sợ Niết-bàn thì không thể chứng đắc đầy đủ đạo Bồ-đề trang nghiêm, cũng không thể vì vô lượng chúng sinh mà khen ngợi Niết-bàn, và đối với cảnh giới Niết-bàn không thể sinh tâm tin, vui, chuyên niệm. Do đấy, Bồ-tát đối với Niết-bàn không sinh tâm sợ hãi.

Nếu Bồ-tát ấy cầu Niết-bàn tức có thể đạt được, nếu đạt được thì không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, không thể dùng pháp Phật để giáo hóa chúng sinh. Nếu Bồ-tát không thể quán sâu về lỗi lầm của sinh tử, hoặc sinh tâm nhàm chán, sợ hãi Niết-bàn, hoặc cầu Niết-bàn, đây gọi là Bồ-tát không có phương tiện khéo léo. Nếu Bồ-tát có thể quán sâu về lỗi lầm của sinh tử, vui ở trong ấy, không sợ Niết-bàn, không cầu Niết-bàn, đây gọi là Bồ-tát có phương tiện khéo léo. Phương tiện khéo léo là hiểu về Đệ nhất nghĩa Không. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập "Đệ nhất nghĩa Không" như vậy, gọi là đại phương tiện của giới Bồ-tát, là được trí vô thượng của Như Lai. Nếu có tu tập giới Bồ-tát nầy thì được trí chân thật, thấy biết tất cả các pháp là vô ngã, ngã sở, rõ các pháp tánh, nên đối với pháp, tâm không hề tham đắm, cũng nói là Thế đế, Đệ nhất nghĩa đế. Thấy tất cả pháp mà tâm bình đẳng, có thể ban sự bố thí lớn, do nhân duyên bố thí nên khéo biết việc thế gian, tuy học việc thế gian mà tâm không nhàm chán hối hận, tức được biết rõ đạt được niệm lực lớn. Tuy biết việc thế gian mà tâm không kiêu mạn, thường chỉ dạy chúng sinh tâm không sẻn tiếc, dùng phương tiện khéo léo chỉ dạy chúng sinh những việc thế gian, khiến cho họ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Bồ-tát đối với việc thế gian nầy siêng năng tu tập không nhàm chán hối tiếc. Nếu khi thấy chúng sinh chịu khổ não thì liền được tăng trưởng tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Bồ-tát tăng trưởng pháp thiện như vậy mà tâm không kiêu mạn, đối với chúng sinh, sinh tâm thương xót, Bồ-tát tăng trưởng trí tuệ như vậy, không sinh kiêu mạn, nên có thể phá trừ các tà kiến của chúng sinh. Nếu Bồ-tát đắc Tam-muội thế gian và xuất thế gian, không hiển bày đức của mình khiến người khác cúng dường, không bị pháp thế gian làm cho nhiễm ô, Bồ-tát bấy giờ thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, gọi là giới Bồ-tát. Như Bồ-tát Ma-ha-tát có được pháp thiện, đều đem hồi hướng về đạo Bồ-đề, đó gọi là giới Bồ-tát. Đời quá khứ, Bồ-tát chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đều do thành tựu giới cấm của Bồ-tát, vị lai hiện tại cũng vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát thọ trì các pháp Bồ-tát trong ba đời, có thể dùng pháp Phật giáo hóa chúng sinh, chí tâm tu hành đạo Bồ-đề, vì đạo Bồ-đề mà không tiếc thân mạng, không tiếc thân mạng là giới Bồ-tát. Nếu tiếc thân mạng thì trọn không thể đạt được giới cấm của Bồ-tát, cho đến tham tiếc vật nhỏ bằng một tiền, cũng không thể đạt được giới cấm của Bồ-tát. Bồ-tát Ma-ha-tát vì chúng sinh cho nên thọ thân và chứa của cải, nếu đối với hai thứ nầy sinh tâm sẻn tiếc, tức là Bồ-tát giả danh, là Bồ-tát phi nghĩa. Nếu Bồ-tát không tiếc thân mạng, tài vật, phải biết đấy là Bồ-tát có thể đem lại lợi ích cho chúng sinh, có thể thực hành nhẫn nhục,

có thể phá trừ tâm sân hận ganh ghét, hiểu rõ việc thế gian, khéo biết phương tiện, có thể phá tan tâm nghi của chúng sinh, có thể tự tăng trưởng nhân quả Bồ-đề, khéo điều phục các căn, không bị bốn điên đảo khuấy động, có thể hiểu nghĩa thâm diệu của các pháp, có thể hành đầy đủ bốn tâm vô lượng, thành tựu năm thông, bốn trí vô ngại, quán sát rốt ráo mười hai nhân duyên, mau chứng đắc địa Bồ-tát, được thân thường, lạc, ngã, tịnh, được đại tự tại nơi Niết-bàn vô thượng, khéo khai thị phương tiện Niết-bàn. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu vô lượng công đức như vậy, đều do nhân duyên giới cấm mà được. Bồ- tát Ma-ha-tát thành tựu đầy đủ giới Bồ-tát, có thể làm người giúp việc cho chúng sinh, nếu bị chúng sinh mắng chửi đánh đập thì sinh tâm từ, nếu thấy chúng sinh bị phiền não bức bách nặng nề tức phát tâm thương xót, vì muốn phá diệt phiền não cho chúng sinh, nên nhất tâm luôn suy nghĩ các phương tiện hay khéo. Đối với chúng sinh tâm không gian trá, tùy theo khả năng mà ban vui cho chúng sinh, không cầu báo ân, cũng không ôm lòng sân hận, vì phá trừ tâm sân hận ưu não của chúng sinh mà suy nghĩ về phương tiện biết ân và nhớ ân. Nếu người thiếu thốn đến mong cầu, trước tiên ý phải thực hành bố thí, nếu mình có mà không bố thí là không thành tựu giới cấm của Bồ-tát. Người mong cầu đến ba lần mà không bố thí đó là phạm tội nặng, nếu dùng phương tiện lời lẽ hay để an ủi họ, khiến người cầu xin không sinh tâm oán hận, đấy là không phạm.

Người mong cầu có hai hạng: Một là nghèo thiếu. Hai là tà kiến. Không bố thí cho người nghèo thì liền đắc tội, không bố thí cho người tà kiến thì không gọi là phạm. Người không phạm thì gọi là hạnh thiện. Bồ-tát hạnh thiện biết rõ pháp giới không thể nêu nói, biết tánh của pháp giới, biết thế gian lưu hành rộng khắp. Thế gian lưu hành rộng khắp tức là sắc, tho, tưởng, hành, thức, cho đến Niết-bàn, tất cả đều không gọi là chân thật. Vì sao? Vì sắc nầy chẳng phải có chẳng phải không, cho đến Niết-bàn cũng chẳng phải có chẳng phải không. Nêu chẳng phải có chẳng phải không thì thế nào là chân thật? Thế nào là chẳng phải có? Chúng sinh điên đảo chấp sắc là ngã, cho đến Niết-bàn cố chấp cho là ngã. Đấy gọi là chẳng có.

Thế nào là chẳng phải không? Thế gian lưu hành khắp, không phải lừa dối, có thể tuyên thuyết, đấy là chẳng phải không. Vì thế nên gọi là chẳng phải có chẳng phải không.

Nếu chỗ thuyết pháp mà nói có, thì trong một pháp có vô lượng danh, vô lượng danh nên có vô lượng tánh. Vì sao? Vì trong mỗi một pháp có vô lượng danh. Vì sao gọi là vô lượng danh? Như một pháp là sắc mà nói xanh, vàng, cũng nói là trắng, đỏ, dài, ngắn, vuông, tròn, thô, tế, có thể thấy,

không thể thấy, có đối không đối, nhám, nặng, nhẹ. Đây gọi là có thể thuyết. Tùy theo chỗ nói có, nên trong một pháp có vô lượng tướng, chỗ có thể tuyên thuyết thật ra không có tánh nhất định, dùng lời nói để lưu hành khắp ở đời, thật sự là không thuyết và có tánh chân thật. Tất cả các pháp cũng lại như vậy.

Như trong sắc cho đến Niết-bàn là có thật tánh, không nên nói xanh, vàng, trắng, đỏ, cho đến nặng nhẹ. Nếu không có thật tánh, thì lúc chưa lưu hành khắp làm sao có thể truyền. Do tánh lưu hành khắp là có, lại không có sự bắt đầu, kết thúc, cho nên có thể lưu hành khắp. Nếu lúc chưa có sắc mà có lưu hành khắp, thì do nhân duyên gì, lúc không có sắc không lưu hành khắp! Nếu sự lưu hành khắp ấy có thể làm tánh của sắc, thì tại sao lưu hành khắp không thể làm tánh của vô lượng sắc, cho nên pháp tánh không thể tuyên thuyết. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến Niết-bàn cũng lại như vậy.

Có hai hạng người xa lìa pháp Phật, chẳng phải là đệ tử của Phật, mãi mãi mất pháp Phật. Một là nói từ sắc cho đến Niết-bàn có tánh chân thật. Hai là không tin tánh thế gian lưu hành khắp. Hai hạng người như vậy không thể thọ trì giới cấm của Bồ-tát, nếu có lãnh thọ tức không đắc giới, vị thầy ắt có tội. Vì sao không đạt được? Do phỉ báng pháp thật và đắm vào pháp sai, cho nên tuy lãnh thọ mà trọn không đắc giới. Nếu không đắc giới thì không được gọi là đệ tử của Phật, ở trong pháp nầy, vì thế gọi là xa lìa pháp Phật.

Giới Bồ-tát chẳng phải do nơi miệng mà được, tâm và miệng hòa hợp sau đó mới được. Như hai hạng người nầy đều không có tâm thật thì làm sao mà đạt được. Nếu ở trong sắc mà vọng sinh chấp trước, thì đối với pháp Phật mãi mãi bị mất. Nếu không tin sắc là lưu hành khắp, đó gọi là hủy báng tất cả pháp, người nầy mãi mãi mất đi pháp Phật.

Vì thế, không thể tuyên thuyết hoặc có hoặc không. Vì sao? Như nhân nơi năm ấm tức có ngã, nhân, chúng sinh, sĩ phu, nếu không có năm ấm thì các danh như vậy do đâu mà lưu hành khắp. Sắc cũng như thế, vì có sắc cho nên có vô số các thứ danh tự lưu hành khắp. Pháp chân thật thì không có lưu hành khắp, lìa pháp chân thật cũng không lưu hành khắp. Người ngu si nói các pháp là Không thì mắc tội lớn. Nếu có người nói trong kinh Đại thừa nơi tất cả pháp là Không, cũng mắc tội lớn. Vì không khéo hiểu nghĩa của kinh Đại thừa, sinh tâm kiêu mạn nói là ta khéo hiểu, tùy theo tâm vọng tưởng suy nghĩ, rộng nói cho người cũng mắc tội lớn. Nếu nói tánh của tất cả các pháp là không có làm sao có thể lưu hành khắp ở đời thì cũng mắc

tội lớn. Vì sao? Vì đã hủy báng tất cả pháp. Hủy báng tất cả pháp tức là đệ tử của ngoại đạo Phú-lan- na. Phú-lan-na cho tánh của các pháp là không có mà trong pháp Phật thì nói cũng có, cũng không. Nếu có người nói tất cả pháp là "không", phải biết không nên cùng người nầy ở chung, cùng bàn luận, cùng bố- tát, thuyết giới, nếu cùng ở chung cho đến thuyết giới thì mắc tội lớn. Vì sao? Vì không hiểu nghĩa "không", nên người nầy không thể tự lợi, lợi tha. Do đó, trong kinh Đại thừa nói: "Nếu không hiểu nghĩa "không" thì còn thua người ngu si".

Vì sao? Người ngu si nói sắc là ngã, cho đến thức là ngã, có ngã kiến nhưng không hủy hoại pháp Phật. Nếu không hiểu nghĩa "không" tức mãi mãi phá hoại pháp Phật, làm cho diệt mất. Người sinh ngã kiến không đến mức rơi vào ba đường ác, người không hiểu nghĩa Không mà tuyên thuyết rộng cho mọi người nghe, phải biết người nầy ắt đọa vào ngục A tỳ. Người có ngã kiến nhưng không hủy báng Tam bảo, người vọng nói về "không" tức là phỉ báng Tam bảo. Người nói có ngã mà không lừa dối chúng sinh, không phỉ báng thật tánh, không làm trở ngại pháp tánh, không trở ngại chúng sinh, có thể được giải thoát, không dạy người hủy phá giới cấm. người không hiểu nghĩa "không" là phỉ báng tất cả pháp, không hiểu thật tánh, không hiểu pháp tánh, gây trở ngại cho giải thoát, cùng với nhiều chúng sinh làm tri thức ác, tự mình không trì giới lại dạy người phá giới, thường ưa nêu bày không làm, không thọ, khiến nhiều chúng sinh tăng trưởng nhân địa ngục. Vì nghĩa nầy, nên gọi là xa lìa pháp Phật vô thượng.

Thế nào gọi là không hiểu về nghĩa Không? Nếu có Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, không tin thọ "không", không hiểu về "không", không hiểu về pháp, đây gọi là không hiểu về nghĩa "Không". Vì sao? Nói tất cả pháp bản tánh tự là "không", chẳng có nhân duyên là không", nói tất cả pháp cũng không có xứ sở. Nếu không có xứ sở thì sao gọi là không? Đây tức là không hiểu về nghĩa "không".

Thế nào gọi là hiểu đúng về nghĩa Không? Nếu Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nói trong tất cả pháp là không có tánh, đó gọi là "không", pháp cũng chẳng phải "không". Đấy là hiểu nghĩa "không". Hiểu như vậy là không vướng mắc nơi nghĩa, không phỉ báng Tam bảo, đây gọi là hiểu đúng đắn, không có sai lầm.

Thế nào là hiểu đúng đắn? Như sắc nói sắc, cho đến Niết-bàn, phân biệt không có các thứ tướng tánh. Đây gọi là sắc "không". Do sắc chân thật lưu hành khắp ở đời, đó gọi là chẳng "không". Vì nghĩa nầy nên nói một pháp sắc cũng có cũng không. Hiểu hai thứ nầy nên cũng là pháp cũng là

không, trọn không ở trong đó mà vọng sinh chấp trước. Đây gọi là hiểu đúng về nghĩa không. Cho nên trong kinh Đại thừa nói kệ:

Một pháp có nhiều tên Trong pháp thật tức không Do không mất tánh pháp Lưu hành khắp thế gian.

Như từ sắc cho đến Niết-bàn có nhiều tên gọi. Sắc không có tự tánh. Không tự tánh thì không có nhiều tên. Có nhiều tên gọi là lưu hành khắp. Vì nghĩa nầy cho nên trong Tạp tạng nói: Chư Phật Thế Tôn không vướng mắc ở chỗ lưu hành khắp, hoặc thấy hoặc nghe, suy nghĩ hiểu biết. như tên sắc cho đến tên Niết-bàn, gọi là lưu hành khắp. Chư Phật Thế Tôn trọn không nói có tánh lưu hành khắp mà sinh nhiễm chấp. Vì sao? Vì hủy hoại điên đảo. Người có nhiễm chấp gọi là điên đảo. Như Lai đã đoạn trừ tất cả ác kiến cho nên không nhiễm chấp, do không thấy, không nói, không nhiễm chấp nên gọi là chánh kiến.

Vì thế Như Lai vì Tỳ-khưu Ca-chiên-diên mà nói:

- Nầy Ca-chiên-diên! Thế nào, đệ tử của ta không chấp ở địa định, thủy, hỏa, phong, không định, thức định, vô sở hữu định, phi hữu tưởng, phi vô tưởng định, chẳng phải đời nầy, chẳng phải đời sau, chẳng phải trời, chẳng phải trăng, chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng suy nghĩ, chẳng so lường, chẳng thủ, chẳng đắc, chẳng giác, chẳng quán. Đây gọi là thiền định.

Thế nào là Tỳ-khưu không chấp ở địa định? Tỳ-khưu đối với địa không nghĩ về tướng của địa, cho đến giác quán, không nghĩ về tướng giác quán. Đây gọi là không chấp nơi địa định, cho đến giác quán cũng lại như vậy. Nếu có Tỳ-khưu tu tập định như thế, tức được chư Thiên,

Đế thích, Phạm thiên, cũng như chư Phật, Đại Bồ-tát trong mười phương khen ngợi: Nam mô Đại sĩ! Nam mô Đại sĩ! Và cùng nói: Ta đều không biết ông ở tại định nào, tu tập định nào.

Nếu có chấp trước về tướng của địa, danh của địa, phải biết người nầy không gọi là tu pháp "không". Nếu ở trong sắc mà không chấp trước về danh tướng, đây gọi là tu pháp "không", vì lưu hành khắp cho nên tuyên thuyết về tướng của địa và danh của địa. Nếu chấp trước nơi tướng sắc cho đến danh của sắc, gọi là tăng trưởng tướng. Nếu hủy hoại tướng sắc cho đến danh của sắc, gọi là phóng xả tướng, không tăng không xả gọi là trung đạo. Tu tập hai tướng như vậy, gọi là Tỳ-khưu tu tập địa định, cho đến giác quán. Nếu có Tỳ-khưu tu định nầy thì gọi là thật tướng, do thật tướng nên Tỳ-khưu đối với pháp không có ngôn thuyết, vì tánh của các pháp là không thể nói, do đó Tỳ-khưu không có ngôn thuyết. Nếu tất cả pháp là không thể nói, tại sao lại nói là "không thể nói"? Nếu không thể nói tại sao được nghe.

Nếu không nói, không nghe, làm sao được biết là tất cả các pháp là không thể tuyên thuyết, vì có thể biết cho nên nói, khiến được lưu hành rộng khắp.

Người ngu si không biết, không hiểu thế gian lưu hành khắp, ở trong các pháp sinh ra tám thứ sai lầm: Một là tánh sai lầm. Hai là phân biệt sai lầm. Ba là tụ sai lầm. Bốn là ngã sai lầm. Năm là ngã sở sai lầm. Sáu là ái sai lầm. Bảy là bất ái sai lầm. Tám là phi ái phi bất ái sai lầm. Trong tám thứ sai lầm nầy, ba thứ sai lầm trước chính là căn bản của tất cả sai lầm, chấp tánh chấp danh thì không hiểu về lưu hành khắp. Từ đây, lần lượt sinh ra vô lượng sai lầm. Ngã và ngã sở sai lầm gọi là ngã kiến. Ngã kiến lại là căn bản của các kiến, hai thứ sai lầm nầy từ kiêu mạn sinh ra. Cho nên, kiêu mạn là căn bản của các kiến. Ba thứ sai lầm sau cùng là từ tham, sân, si sinh ra. Tám thứ sai lầm ấy thâu giữ tất cả phiền não, kiết sử khiến các chúng sinh luân hồi trong ba cõi.

Thế nào gọi là tánh sai lầm? Như sắc tạo tưởng chấp về sắc, cho đến nặng, nhẹ, đều tạo tưởng chấp về nặng nhẹ. Đây gọi là tánh sai lầm.

Thế nào là phân biệt sai lầm? Như phân biệt sắc là sắc, là chẳng phải sắc, là có thể thấy, là không thể thấy, là có đối, là không đối. Đây gọi là phân biệt sai lầm.

Thế nào là tụ sai lầm? Như ở trong sắc thấy ngã, chúng sinh, sĩ phu, thọ mạng, phòng nhà, bốn chúng, quân binh, y thực, hoa sen, xe cộ, rừng cây tích tụ. Như vậy trong ấy mỗi thứ làm một tướng. Đây gọi là tụ sai lầm.

Thế nào là ngã, ngã sở sai lầm? Ở trong hữu lậu mà chấp lấy ngã, ngã sở, ở trong vô lượng đời thường sinh chấp trước nơi ngã, ngã sở. Đây gọi là ngã, ngã sở sai lầm.

Thế nào là ái sai lầm? Ở trong vật tịnh mà sinh tâm tham đắm.

Đây gọi là ái sai lầm.

Thế nào là bất ái sai lầm? Ở trong vật bất tịnh mà sinh tâm sân hận. Đây gọi là bất ái sai lầm.

Thế nào là phi ái, phi bất ái sai lầm? Ở trong tất cả vật tịnh và bất tịnh mà sinh tâm tham đắm, sân hận. Đây gọi là phi ái phi bất ái sai lầm.

Bồ-tát Ma-ha-tát làm sao có thể biết tám thứ sai lầm nầy? Phải nên suy cầu bốn việc: Một là suy danh. Hai là suy vật. Ba là suy tánh. Bốn là suy phân biệt. Thế nào là suy danh? Bồ-tát Ma-ha-tát chỉ biết danh của danh, không thấy danh vật. Đây gọi là suy cầu về danh.

Thế nào là suy vật? Chỉ biết vật nầy, không biết thứ khác. Đây là suy cầu về vật. Thế nào là suy tánh? Biết danh lưu hành khắp, đây gọi là suy

cầu về tánh.

Thế nào là suy phân biệt? Danh không thấy vật, vật không thấy danh. Đây gọi là suy cầu phân biệt.

Bồ-tát Ma-ha-tát tại sao suy cầu về danh: Là nhận biết danh thật của danh cho nên suy cầu về danh. Bồ-tát quán xét kỹ, nếu không có danh của sắc thì do đâu nói sắc, nếu không nói sắc thì làm sao quán sắc, nếu không quán sắc làm sao chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng? Cho nên Bồ-tát suy cầu mà biết danh.

Bồ-tát tại sao suy cầu ở vật? Nếu không có vật thì sao có danh nầy, mà danh nầy chẳng phải không thể nói, nếu không thể nói làm sao được biết tánh của các pháp, cho nên Bồ-tát suy cầu ở vật.

Bồ-tát tại sao suy cầu ở tánh? Bồ-tát Ma-ha-tát biết tánh sắc cho đến tánh Niết-bàn, biết sắc lưu hành khắp cho đến Niết-bàn lưu hành khắp. Thế nào gọi là biết ở tánh sắc? Biết tánh sắc nầy như hình tượng trong gương, cảnh mộng huyễn hóa, như tiếng vang, như dợn nắng, như trăng trong nước. Đây gọi là suy cầu về tánh.

Bồ-tát tại sao suy cầu phân biệt? Bồ-tát Ma-ha-tát nếu phân biệt danh, phân biệt vật, phân biệt tánh, phân biệt pháp, phân biệt phi pháp, phân biệt hữu, vô, thị sắc, phi sắc, có thể thấy, không thể thấy. Đây gọi là phân biệt. Do phân biệt nên chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì thế Bồ-tát suy cầu phân biệt.

Bồ-tát Ma-ha-tát vì trừ tám thứ sai lầm mà suy cầu bốn việc. Tại sao Bồ-tát phá trừ tám thứ sai lầm nầy? Do nhân duyên của tám thứ sai lầm nầy làm tăng trưởng tà kiến, tăng trưởng tà kiến nên phiền não tăng trưởng; phiền não tăng trưởng nên sinh tử tăng trưởng; sinh tử tăng trưởng nên mười hai nhân duyên tăng trưởng.

Nếu Bồ-tát tu tập bốn việc như vậy tức đoạn trừ được tà kiến. Tà kiến đoạn cho nên các phiền não diệt. Phiền não diệt cho nên sinh tử diệt. Sinh tử diệt nên biết mười hai nhân duyên diệt. Biết mười hai nhân duyên diệt nên tu đạo vô thượng. Do tu đạo vô thượng nên chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Vì chứng đắc đạo quả ấy nên có thể phá trừ tám thứ sai lầm của chúng sinh, có thể giáo hóa chúng sinh, biết thế gian lưu hành khắp và thuyết nghĩa chân thật. Nếu trừ bỏ tám thứ sai lầm của chúng sinh như vậy, thì gọi là Đại Niết-bàn, có thể được đại tự tại ngay đời nầy, được đại thần thông, được đại phương tiện, được đại thiền định, được đại nhất thiết trí, cầu được xứ không thối, không đọa. Đây gọi là Đại Niết-bàn. Bồ-tát Ma-ha-tát đạt được đại tự tại tức thành tựu năm việc: Một là

tâm được vắng lặng. Hai là hiểu biết rõ việc thế gian và xuất thế gian. Ba là vì chúng sinh nên ở trong sinh tử tâm không ưu sầu. Bốn là hiểu biết tạng mật thâm diệu của Như Lai. Năm là tâm Bồ-đề không thể hủy hoại. Tại sao tâm Bồ-tát được vắng lặng? Do có thể phá trừ phiền não hiện tại của chúng sinh nên tâm được vắng lặng, vì điều phục chúng sinh mà chứng đắc pháp Phật. Bồ-tát hiểu biết việc thế gian và xuất thế gian, vì khiến chúng sinh được căn tánh lanh lợi. Bồ-tát ưa ở trong sinh tử, tâm không sầu não, vì muốn hủy hoại tâm nghi của chúng sinh. Bồ-tát thọ trì đọc tụng hiểu biết tạng mật thâm diệu của Như Lai, do có người pháp nói là phi pháp, làm cho pháp Phật bị diệt, làm cấu uế pháp Phật, phạm nói không phạm, lãnh thọ cất chứa tám vật bất tịnh. Vì muốn diệt bỏ các pháp ác như vậy, nên Bồ-tát thọ trì tuyên thuyết giải nghĩa bí mật thâm diệu của Như Lai. Tuy nhận biết sách luận vi tế của ngoại đạo và hiểu rõ về nghĩa lý, nhưng trọn không hủy hoại tâm Bồ-đề. Năm việc như vậy thâu giữ mọi việc Bồ-đề của Bồ-tát, cũng gọi là năm việc, cũng gọi là năm công đức. Những gì gọi là việc Bồ-đề? Là có thể tự tạo lợi ích, điều phục chúng sinh, thọ trì pháp Phật không phá bỏ giới cấm của Bồ-tát, tâm Bồ-đề trọn không lay động, siêng năng tinh tấn diệt trừ tà kiến, tuyên thuyết đạo ba thừa. Bồ-tát thành tựu năm việc như vậy có ba hạng là thượng, trung và hạ, đầy đủ hai việc thì gọi là hạ, đầy đủ ba việc thì gọi là trung, nếu đủ bốn việc thì gọi là thượng.

Phẩm 6: ĐỊA BỒ TÁT BẤT KHẢ TƯ NGHÌ

Thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát bất khả tư nghì? Tức Bồ-tát Ma-ha- tát được Tam-muội tự tại, phát tâm rồi được vô lượng công đức, không tạo tác nghiệp mà được quả báo, không tu Thánh đạo mà được Thánh tâm. Đây gọi là Bồ-tát bất khả tư nghì. Ít tạo nghiệp thiện mà được quả báo lớn, vì Bồ-đề cho nên ở trong vô lượng đời tu các hạnh khổ, Bồ-tát biết thật không có chúng sinh mà có thể siêng tu hạnh khổ, biết việc không làm không thọ mà có thể làm có thể thọ. Đây gọi là Bồ-tát bất khả tư nghì.

Bất khả tư nghì gồm có năm loại: Một là sáu thần thông không thể nghĩ bàn. Hai là pháp không thể nghĩ bàn. Ba là cộng sinh không thể nghĩ bàn. Bốn là bất cộng sinh không thể nghĩ bàn. Năm là cộng sinh, bất cộng sinh không thể nghĩ bàn.

Thế nào là sáu thần thông? Đó là thần túc thông, thiên nhĩ thông, thiên nhãn thông, tha tâm thông, túc mạng thông, và lậu tận thông. Đây gọi là sáu thần thông không thể nghĩ bàn. Thế nào là pháp không thể nghĩ bàn? Ấy là Bố thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la- mật, Tinh tấn

Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật và Bát nhã Ba-la-mật. Đây gọi là pháp không thể nghĩ bàn.

Thế nào là thần thông? Thần thông có hai thứ: Một là biến. Hai là hóa. Biến tức là chấn động phát ra lửa, thị hiện, ánh sáng, tự chuyển thân mình, hoặc hiện sự đi, đến, hiện các thứ sắc, ẩn hiện giữa đại chúng, ngăn che thần thông của người khác, lời lẽ vô ngại, ban sự an lạc cho người khác, ban sự nhớ nghĩ cho mọi người, phóng hào quang lớn. Đây gọi là thần thông biến.

Thế nào là chấn động? Bồ-tát Ma-ha-tát được Tam-muội tự tại, có thể làm chấn động phòng nhà, xóm làng, thôn ấp, thành quách, quốc độ, từ bốn thiên hạ cho đến ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, tam thiên(ba ngàn) đại thiên thế giới, trăm tam thiên đại thiên thế giới, ngàn tam thiên đại thiên thế giới, ngàn vạn tam thiên đại thiên thế giới, cho đến vô lượng vô biên thế giới. Đây gọi là chấn động.

Thế nào là phát ra lửa? Tức trên thân phát ra lửa dưới thân phát ra nước, trên thân phát ra nước dưới thân phát ra lửa, hoặc cử thân phát ra lửa tạo ra vô số thứ sắc xanh, vàng, đỏ, tía, trắng, đen pha lê. Đây gọi là phát ra lửa.

Thế nào gọi là ánh sáng? Tức thân phát ra ánh sáng đầy khắp một nhà, thôn ấp, xóm làng, cho đến vô lượng vô biên tam thiên đại thiên thế giới. Đây gọi là ánh sáng.

Thế nào gọi là thị hiện? Tức chư Phật, Bồ-tát vì độ chúng sinh mà thị hiện các loại địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người, Càn-thát- bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, hoặc thị hiện mười phương thế giới với vô lượng vô biên hằng hà sa quốc độ của chư Phật, cùng thân Phật và chư Đại Bồ-tát, nói danh hiệu chư Phật khiến các chúng sinh đều được nghe biết. Đây gọi là thị hiện.

Thế nào gọi là chuyển? Tức chư Phật Bồ-tát được Tam-muội tự tại, có thể biến đất thành lửa, biến lửa thành nước, gió cũng như vậy. Biến sắc thành hương, biến hương làm sắc, sắc hương vị xúc biến làm cỏ cây, y phục, thức ăn, anh lạc, khí cụ, lưu ly, chân châu, vàng bạc, núi non, sắc tốt thành xấu, sắc xấu làm tốt. Đây gọi là chuyển.

Thế nào là đi, đến? Hoặc ở chỗ Phạm thiên, hoặc từ chỗ Phạm thiên trở về, hoặc ở trên cõi trời A-ca-ni-trá, hoặc từ cõi nầy trở về, hoặc đến các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương phụ và trên dưới, cho đến vô lượng vô biên thế giới cũng đều như vậy. Xa có thể làm gần, gần có thể làm xa, có thể khiến núi Tu-di nhỏ như vi trần, khiến vi trần lớn bằng núi

Tu-di. Đây gọi là đi đến.

Thế nào là các thứ sắc? Hoặc hiện thân mình, hoặc hiện thân nam, nữ, lớn, nhỏ, đầy tớ, cỏ cây, vườn rừng. Đây gọi là các thứ sắc.

Thế nào là ẩn, hiển tự tại giữa đại chúng? Tức có thể đem đại chúng vào trong thân mình mà tâm không sợ sệt, thân không trở ngại, các đại chúng nầy không tự biết đi đến chỗ nào. Có lúc đến chúng Bà- la-môn mà hiện thân đồng như vậy: Đồng sắc, đồng y phục, đồng hình thức, không khác với họ, âm thanh cũng không khác, kia nói đây cũng có thể nói, kia không thể nói, đây cũng có thể nói; có thể dùng phương tiện khéo dắt dẫn người ấy, chỉ bày rồi liền mất khiến chúng kia không biết đến từ đâu, mất về đâu, là trời hay người. Như chúng Bà-la-môn, các chúng Sát lợi, chúng Đại hội, chúng Trưởng giả, chúng Tứ thiên vương, chúng Tam thập tam thiên, chúng Dạ ma thiên, chúng ở cõi trời Đâu suất, chúng ở cõi trời Hóa tự tại, chúng ở cõi trời Tha hóa tự tại, chúng Phạm, chúng Phạm sư thiên, chúng Đại Phạm thiên, chúng Thiểu quang thiên, chúng Vô lượng quang thiên, chúng Tịnh quang thiên, chúng Thiểu thiện thiên, chúng Đại thiện thiên, chúng Vô biên thiện thiên, chúng Vô vân thiên, chúng Phước sinh thiên, chúng Quảng quả thiên, chúng Vô nhiệt thiên, chúng Vô cuống thiên, chúng Thiện kiến thiên, chúng Ái kiến thiên, chúng A-ca-ni-trá thiên, tất cả cũng đều như thế. Ở nơi các chúng chư Thiên như vậy, chỉ trong khoảnh khắc mà trăm lần ra trăm lần vào, ngàn lần ra ngàn lần vào, ngàn vạn lần ra ngàn vạn lần vào. Đây gọi là ẩn hiển tự tại giữa đại chúng.

Thế nào là ngăn che thần thông của người khác? Trừ Đức Phật Thế Tôn, còn Bồ-tát Ma-ha-tát là đồng hành, đồng tánh, đồng định, Bồ-tát có được thần thông, hơn tất cả thần thông nội ngoại. Đây gọi là ngăn che thần thông khác.

Thế nào là lời lẽ vô ngại? Lúc Bồ-tát Ma-ha-tát thuyết pháp, thì lời lẽ vô tận, nghĩa vị vô tận, nhạo thuyết vô tận. Đây gọi là lời lẽ vô ngại.

Thế nào là ban sự nhớ nghĩ cho người khác? Lúc Bồ-tát Ma-ha-tát thuyết pháp, có vô lượng chúng sinh trong vô lượng đời bị mất chánh niệm đều khiến nhớ lại. Đây gọi là ban sự nhớ nghĩ cho người khác.

Thế nào là ban sự an lạc cho mọi người? Lúc Bồ-tát Ma-ha-tát thuyết pháp, có thể khiến thân tâm của chúng sinh được an lạc nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng, phá diệt chướng phiền não, người nghe thấy hoan hỉ an lạc như ở thiền thứ ba, các hoạn trong thân bốn đại đồng thời tiêu diệt, các quỷ ác không làm hại. Đây gọi là ban sự an lạc cho mọi người.

Thế nào là phóng ra ánh sáng lớn? Bồ-tát Ma-ha-tát phóng ra hào

quang lớn chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới, chiếu đến địa ngục phá trừ sự khổ trong ấy, đến cõi trời phóng dật chỉ dạy pháp tu, khiến họ được thân người đi đến chỗ Phật, thỉnh mời vô lượng Bồ-tát trong mười phương tập hợp nơi chỗ Phật, giáo hóa chúng sinh. Đây gọi là phóng ra ánh sáng lớn. Các việc thần thông như vậy, vì tánh chuyển pháp nên gọi là thần thông biến.

Thế nào gọi là thần thông hóa? Vật không làm có vật, nên gọi là hóa, hoặc là hóa thân, hoặc hóa hiện âm thanh.

Hóa thân tức là hóa tợ như thân mình, hoặc tợ như thân khác, có căn đầy đủ hoặc không đầy đủ. Ngoài ra hóa hiện các thứ như trong phần gọi là chuyển, lại còn hóa làm vô lượng thân. Chư Phật Bồ-tát vì chúng sinh nên hóa làm vô lượng thân, hiện bày khắp vô lượng thế giới, có Phật Bồ-tát hiện biến hóa thân, hoặc là hư huyễn, hoặc là chân thật. Y phục, thức ăn, vàng, bạc, lưu ly, chân châu, pha lê, cũng lại như vậy, vì muốn phá bỏ sự bần cùng khốn khổ cho chúng sinh. Đây gọi là hóa thân. Hóa âm thanh tức là chư Phật, Bồ-tát hóa hiện âm thanh vi diệu, âm thanh mau chóng, âm thanh tốt đẹp, âm thanh về nghĩa tự thuyết, âm thanh về nghĩa tha thuyết, âm thanh vô nghĩa, âm thanh thuyết pháp, âm thanh giáo hóa, các âm thanh nầy có thể phá trừ tâm phóng dật của chúng sinh, nên gọi là hóa thanh. Âm thanh của Phật, Bồ-tát sâu xa như sấm, như tiếng Ca lăng tần già, tiếng người ưa nghe, tiếng hiện hữu khắp, tiếng tư duy, tiếng thấu tỏ, tiếng dễ hiểu, tiếng nghe vui, tiếng không tham đắm, tiếng không quở trách, tiếng vô tận. Bồ-tát Ma-ha-tát có các âm thanh như vậy, tất cả chúng trời, chúng người, chúng Thanh văn, chúng Duyên giác, chúng Bồ-tát hiện có trong tam thiên đại thiên thế giới, hoặc gần hoặc xa, tất cả đều được nghe, trong âm thanh ấy phát ra các pháp làm lợi ích cho chúng sinh.

Âm thanh tự hóa là cũng như tự thuyết pháp, vì chúng sinh phóng dật nên nói. Âm thanh Tha hóa tức là hóa thân của Phật, vì người khác mà thuyết pháp, cũng vì chúng sinh phóng dật.

Âm thanh nghĩa là như hư không phát ra tiếng. Âm thanh thuyết pháp thanh là vì chúng sinh ngu si. Âm thanh giáo hóa tức vì các chúng sinh phóng dật, muốn làm tăng trưởng hạnh không phóng dật. Chư Phật Bồ-tát hóa hiện thần thông như vậy, lần lượt đến vô lượng không thể xưng kể, thần thông biến hóa vô lượng như thế là vì hai việc: Một là muốn khiến chúng sinh có tâm tin hướng đến pháp Phật. Hai là vì thị hiện phước điền vô thượng cho chúng sinh bần cùng khốn khổ.

Thế nào là túc mạng trí? Bồ-tát Ma-ha-tát tự biết đời trước cùng

những chúng sinh chung ở, chung làm như vậy, tự biết danh tự và danh tự của người, biết chủng tánh của mình và chủng tánh của người, biết việc ăn uống của mình và ăn uống của người, biết khổ vui của mình và khổ vui của người. Bồ-tát tự biết các việc đời trước như thế, cũng có thể giáo hóa người khác khiến họ biết đời trước, tự biết vô lượng việc đời, cũng có thể giáo hóa người khác biết vô lượng việc đời, hoặc thô hoặc tế. Đây gọi là túc mạng trí. Do uy lực của túc mạng trí ấy nên có thể nói về nhân duyên đời trước của Bồ-tát, khiến các chúng sinh hiện tại sinh tâm tín đối với pháp Phật. Nói kinh bản nhân duyên của Bồ-tát như kinh Xà Đà Già, kinh A Phù Đà Na, nói về nhân duyên của nghiệp ác nghiệp thiện, để phá bỏ thường kiến đoạn kiến của chúng sinh. Đây gọi là túc mạng trí của Bồ-tát.

Thế nào thiên nhãn thông? Do thiên nhãn của Bồ-tát Ma-ha-tát là hơn nhục nhãn của con người, Bồ-tát thấy rõ chúng sinh chết đây sinh về kia, hoặc sắc thô, hoặc sắc tốt, hoặc đẹp hoặc xấu, thấy rõ nghiệp thiện ác và quả thiện ác của chúng sinh, hoặc già hoặc trẻ, hoặc tự làm hoặc bảo người khác làm, hoặc thô, hoặc tế, hoặc thấy sắc ở cõi trời, người, hoặc sắc ở ba đường ác, cho đến sắc của chúng sinh trong vô lượng mười phương thế giới, vô lượng cõi Phật, thấy rõ lúc chư Phật ở vô lượng mười phương diễn thuyết chánh pháp. Đây gọi thiên nhãn thông.

Thế nào gọi là thiên nhĩ? Âm thanh mà Bồ-tát Ma-ha-tát nghe được, như là tiếng trời, tiếng người, tiếng Thánh, tiếng phi Thánh, tiếng thô, tiếng tế, tiếng hóa hiện, tiếng chân thật, tiếng xa, tiếng gần, tất cả đều nghe hết.

Tiếng trời là từ sáu cõi trời nơi Dục giới cho đến cõi trời A-ca-ni- trá, đến mười phương vô lượng thế giới, Bồ-tát nghe hết âm thanh của chư Thiên. Đây gọi là tiếng trời.

Tiếng người là mười phương vô lượng thế giới.

Tiếng Thánh là chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác, vì giáo hóa chúng sinh nên tuyên thuyết pháp Phật, hoặc khen ngợi bố thí, trì giới, nghiệp thiện, phá bỏ nghiệp ác, đọc tụng, giải nói, biên chép kinh Phật. Đây gọi là tiếng Thánh.

Tiếng phi Thánh đó là nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói lời vô nghĩa, trên từ các trời nơi cõi dục, dưới đến ba đường ác, chúng sinh, chư Thiên hiện có trong mười phương, có bốn lời nói ác như vậy. Đó gọi là tiếng phi Thánh.

Thế nào là tiếng thô? Tức là tiếng của đại chúng, tiếng của chúng sinh to lớn, tiếng địa ngục, tiếng sấm sét, tiếng loa, tiếng trống. Đây gọi là tiếng thô.

Tiếng tế nghĩa là tiếng nói trộm, tiếng không hiểu, tiếng nước Đà-tỳ-la, tiếng Túc đặc, tiếng Nguyệt chi, tiếng Đại Tần, tiếng An Tức, tiếng Chân Đan, tiếng Pháp Sa, tiếng Lõa Hình, tiếng Tiên Tỳ, các tiếng nơi biên địa như vậy gọi là tiếng tế. Vì sao? Do nhân duyên ganh ghét và phiền não nên như vậy. Bồ-tát thành tựu thiên nhĩ như thế, nghe các chúng sinh phát ra âm thanh thiện, khen ngợi cung kính, Bồ-tát giáo hóa khiến trụ trong pháp Phật và sinh tâm tín, rộng phân biệt mười hai bộ kinh và tạng bí mật của Bồ-tát. Nếu nghe tiếng ác thì liền quở trách, nói lỗi của nghiệp ác, khai mở pháp môn đối trị. Đây gọi là thiên nhĩ thông.

Thế nào là tha tâm thông? Bồ-tát biết hết tâm chúng sinh hiện có trong mười phương thế giới, tâm cộng phiền não và tâm bất cộng phiền não, tâm hệ thuộc phiền não và tâm không hệ thuộc, tâm nguyện thiện và tâm nguyện ác, tâm nghi và tâm không nghi, tâm thượng, tâm hạ, tâm tham sân si, tâm dục giới, tâm sắc giới, tâm vô sắc giới, cho đến tâm thọ khổ, vui của tất cả chúng sinh trong đường súc sinh, tâm không khổ không vui. Dùng một tâm mà quán tâm của một chúng sinh, dùng một tâm mà quán tâm của vô lượng chúng sinh. Đây gọi là tha tâm trí thông.

Tha tâm trí thông của chư Phật Bồ-tát là biết căn tánh lanh lợi hay chậm lụt của chúng sinh, biết các chủng tánh của chúng sinh, biết chúng sinh nào có tâm thiện liền vì diễn thuyết mười hai bộ kinh và tạng Bồ- tát, biết chúng sinh có tâm ác rồi liền quở trách và nói lỗi của nghiệp ác. Đây gọi là tha tâm trí thông của Bồ-tát.

Lậu tận trí thông tức là Bồ-tát Ma-ha-tát vì đoạn trừ phiền não cho nên tu đạo, tự hủy hoại phiền não cho nên tu đạo, vì hủy hoại các phiền não cho chúng sinh nên thuyết pháp, cũng là nhằm phá trừ hữu lậu và kiêu mạn của chúng sinh, phá bỏ phi đạo của chúng sinh. Bồ-tát Ma-ha- tát tuy vì chúng sinh thuyết pháp dứt lậu mà tự mình không dứt hết lậu, tuy chưa dứt sạch tận lậu nhưng không bị cấu nhiễm. Lậu tận thông của Bồ-tát Ma-ha-tát là không thể nghĩ bàn, tu lậu tận thông là vì giáo hóa chúng sinh, phá trừ kiêu mạn. Đây gọi là lậu tận thông.

Thế nào gọi là pháp? Tức là quả của Bố thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật. Đây gọi là pháp. Sáu thứ quả nầy mỗi thứ có bốn việc: Một là tu tập đạo. Hai là trang nghiêm Bồ-đề. Ba là tự lợi lợi tha. Bốn là đời sau được quả lành lớn. Bồ-tát thực hành bố thí là phá trừ sự tham lam keo kiệt, trang nghiêm đạo Bồ-đề để thâu giữ chúng sinh, vì đạo Bồ-đề mà khiến thực hành bố thí, khi cần thí liền thí, thí rồi sinh hoan hỷ. Đây gọi là tự lợi. Đoạn trừ sự đói khát, nóng lạnh, khổ não, sợ hãi của chúng sinh. Đây gọi

là lợi tha. Xả bỏ thân nầy rồi được sự tự tại, tôn quý, nhiều của cải. Đấy gọi là quả lành lớn. Trên đây là bốn việc bố thí của Bồ-tát. Bồ-tát Ma-ha-tát thọ trì giới cấm trừ diệt giới ác, trang nghiêm đạo Bồ-đề để thâu giữ chúng sinh, vì đạo Bồ-đề mà khiến trì giới cấm, xa lìa sợ hãi về phá giới, ngủ yên, thức yên, tâm không hối hận, vui vẻ an lạc. Đây là tự lợi. Đối với chúng sinh không có tâm hại, ban sự vô úy cho chúng sinh. Đây gọi là lợi tha. Trì giới cho nên được sự vui nơi cõi trời, người, được đạo Niết-bàn. Đấy là quả lớn. Trên đây là bốn việc trì giới của Bồ-tát.

Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập nhẫn nhục phá bỏ bất nhẫn, trang nghiêm đạo Bồ-đề để thâu giữ chúng sinh, vì đạo Bồ-đề khiến tu nhẫn nhục, hoặc tự mình hoặc người khác xa lìa sợ hãi. Đây là tự lợi lợi tha. Do nhân duyên nhẫn nhục mà không có tâm sân hận, quyến thuộc không ly tán, không có khổ não, tâm không hối hận, xả thân nầy rồi được hưởng sự vui nơi cõi trời người, đắc đạo Niết-bàn. Đấy là quả lớn. Trên đây là bốn việc nhẫn nhục của Bồ-tát.

Bồ-tát Ma-ha-tát siêng tu tinh tấn phá trừ biếng trễ, trang nghiêm đạo Bồ-đề để thâu giữ chúng sinh, vì đạo Bồ-đề nên khiến tu tinh tấn, ngủ an, thức an, lìa các phiền não, tăng trưởng pháp thiện, thân được an lạc. Đây gọi là tự lợi. Bồ-tát tinh tấn không đánh đập mắng nhiếc làm não loạn chúng sinh. Đây gọi là lợi tha. Xả thân nầy rồi thọ sự vui ở cõi trời người, thân có lực lớn, được đạo Bồ-đề. Đấy là quả lớn. Trên đây là bốn việc tinh tấn của Bồ-tát.

Bồ-tát tu thiền định phá trừ tâm loạn động, trang nghiêm đạo Bồ- đề để thâu giữ chúng sinh, vì đạo Bồ-đề khiến tu thiền định, hiện đời hưởng vui thân tâm tịch tĩnh. Đây gọi là tự lợi. Vì thân tâm tịch tĩnh nên không não loạn chúng sinh, đó là lợi tha. Xả thân nầy rồi thọ thân thanh tịnh, an ổn diệu lạc, được đạo Niết-bàn, đó là quả lớn. Trên đây là bốn việc thiền định của Bồ-tát.

Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu trí tuệ phá trừ vô minh, trang nghiêm đạo Bồ-đề, dùng bốn nhiếp pháp để thâu giữ chúng sinh, vì đạo Bồ-đề nên tu hành trí tuệ, do biết pháp giới nên thân thọ an lạc, đó là tự lợi. Có thể dùng việc thế gian và xuất thế gian mà giáo hóa chúng sinh, đó là lợi tha. Có thể phá diệt hai chướng phiền não, trí tuệ, đó là quả lớn. Trên đây là bốn việc trí tuệ của Bồ-tát.

Thế nào là cộng sinh không thể nghĩ bàn? Bồ-tát Ma-ha-tát chẳng phải túc mạng trí mà nhớ việc đời trước, quán xét các nghiệp thiện ác của chúng sinh, đồng chịu khổ là vì muốn tạo lợi ích. Bồ-tát Ma-ha-tát ở cõi

trời Đâu Suất, thành tựu thọ mạng có ba việc thù thắng: Một là thọ mạng thù thắng. Hai là sắc thù thắng. Ba là danh xưng thù thắng. Lúc ban đầu mới xuống, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương, tự biết rõ lúc vào thai mẹ, lúc ở trong thai, lúc ra khỏi thai, lúc đi bảy bước đứng giữa mười phương, không người dìu đỡ, tự nói lời: Thân nầy của ta là thân sau cùng. Chư Thiên, quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, dùng các hoa hương, kỹ nhạc, cờ phướn, lọng báu vi diệu mà cúng dường, ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm thân không còn ai hơn, dùng lực từ thiện phá diệt quân ma, mỗi chi tiết trong thân đồng như sức lực lớn của Na la diên, lúc tuổi nhỏ không học việc đời mà có thể biết, lớn lên tự học không thầy mà tự chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, Phạm thiên đến khuyến thỉnh, vì các chúng sinh mà chuyển bánh xe chánh pháp, khi chánh thọ Tam-muội, các thứ âm thanh chấn động đều không thể làm cho động, các loài thú gần gũi thương như cha mẹ, súc sinh dâng thức ăn, biết được tâm Phật, thần mây tuôn mưa xuống tắm gội thân ấy, cây theo cành cong che mát trên thân, khi thành đạo rồi, trong sáu năm ma ác luôn rình tìm hại mà không được, thường ở trong thiền định thành tựu tâm niệm, khéo hiểu biết giác quán khởi, diệt. Đây gọi là Bồ-tát cộng sinh không thể nghĩ bàn

Bất cộng sinh tức là muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, như người cuồng loạn nhờ thấy Như Lai mà được trở về bản tâm, người mù được mắt, sinh ngược được thuận, người điếc được nghe, người tham sân si được trừ diệt hết. Đây gọi là bất cộng sinh không thể nghĩ bàn. Lại nữa, cộng sinh là việc làm của Như Lai không thể nghĩ bàn. Thường nằm nghiêng bên phải như sư tử chúa, dù cỏ hay lá không có loạn động, mặc gió mạnh dữ mà không động y phục, chân bước đi như sư tử vương, như ngỗng chúa trắng, như khi muốn đi trước giở chân phải, chỗ đi đến cao thấp đều bằng phẳng, ăn uống luôn gọn gàng, thuận hợp. Đây gọi là cộng sinh không thể nghĩ bàn.

Lúc Đức Như Lai, Thế Tôn nhập Niết-bàn, đại địa chấn động, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương cõi, tất cả đều nghe âm thanh của kỹ nhạc. Đây gọi là cộng sinh không thể nghĩ bàn.

Thế nào gọi là cộng? Thanh văn, Duyên giác thì không cùng chung. Không cùng với Thanh văn, Duyên giác gồm có ba: Một là tế. Hai là hành. Ba là cõi. Như Lai biết hết vô lượng phiền não của tất cả chúng sinh và vô lượng cách đối trị, đây gọi là tế. Hành tức là sáu pháp thần thông, sáu pháp Ba-la-mật, pháp tánh tự sinh không thể nghĩ bàn. Cõi là trí tuệ vô ngại trong

tất cả thế gian. Trên đây là cộng sinh bất cộng sinh không thể nghĩ bàn. Thần thông của Thanh văn bằng hai ngàn thế giới, thần thông của Duyên giác bằng ba ngàn đại thiên thế giới. Chư Phật Bồ-tát thông đạt vô lượng vô biên thế giới. Đó là bất cộng. Cộng là trừ ba việc trên, tất cả pháp còn lại đều gọi là cộng.

Cho nên Thanh văn Duyên giác còn bất cộng với chư Phật Bồ- tát, huống là hàng trời, người, phàm phu, ngoại đạo, tà kiến. Sáu pháp Ba-la-mật của Đại Bồ-tát với tánh cộng sinh và bất cộng sinh, là pháp cộng, bất cộng của hàng Thanh văn, Duyên giác. Đây gọi là không thể nghĩ bàn.

-oOo-

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 3

Phẩm 7: ĐIỀU PHỤC CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là Bồ-tát điều phục? Điều phục có sáu thứ: Một là tánh điều phục. Hai là chúng sinh điều phục. Ba là hạnh điều phục. Bốn là phương tiện điều phục. Năm là điều phục thành thục. Sáu là ấn thục điều phục.

Tánh điều phục nghĩa là có chủng tử thiện cho nên tu pháp thiện, do tu pháp thiện mà phá diệt hai thứ chướng là chướng phiền não và chướng trí tuệ. Vì tu pháp thiện nên thân tâm được thanh tịnh, do thân tâm thanh tịnh nên dù gặp bạn lành là chư Phật Bồ-tát hay không gặp cũng có thể phá trừ được hai chướng của phiền não và trí tuệ. Như mụt nhọt đã chín muồi, dù gặp thầy thuốc hay không gặp đều cũng được lành, như đồ bằng đất tùy thời mà dùng, gọi đó là thục.

Như quả Am la tùy thời mà ăn, cũng gọi là thục. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy. Tu tập đạo lành rốt ráo, nhằm chứng đắc đạo quả Bồ- đề vô thượng. Đó gọi là thục, gọi là tánh điều phục.

Chúng sinh điều phục gồm có bốn thứ: Một là có tánh Thanh văn đắc đạo Thanh văn. Hai là có tánh Duyên giác đắc đạo Duyên giác. Ba là có tánh Phật đắc đạo Phật. Bốn là có tánh trời người được sự vui nơi cõi trời người. Bốn thứ nầy gọi là chúng sinh điều phục.

Hạnh điều phục gồm có sáu thứ: Một là căn điều phục. Hai là thiện căn điều phục. Ba là trí tuệ điều phục. Bốn là hạ điều phục. Năm là trung điều phục. Sáu là thượng điều phục. Căn điều phục tức là do nhân duyên điều phục căn, mà được thân nam tử sống lâu, sắc đẹp, chủng tánh tôn quý, đại lực tự tại, lời lẽ vi diệu không có ai hơn, thành tựu đầy đủ quả báo như vậy, nên có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, thường vì chúng sinh tu tập khổ hạnh tâm ban đầu ấy không có ưu sầu hối hận. Đây gọi là căn điều phục.

Thiện căn điều phục tức là tánh không ưa thích tạo tác nghiệp ác, năm uẩn nhẹ nhàng, các giác quán ác dần dần giảm kém, ưa thọ lời nói thanh

tịnh thuần thiện. Đây gọi là thiện căn điều phục.

Trí tuệ điều phục tức là Bồ-tát Ma-ha-tát do tu tập trí tuệ nên tâm hành rộng lớn, có thể thọ trì đọc tụng kinh điển, hiểu nghĩa thiện ác, tư duy phân biệt rộng vì người nói. Do tu tập trí tuệ nên có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Nếu có thể đạt đầy đủ căn điều phục, thiện căn điều phục, trí tuệ điều phục, thì có thể diệt sạch hết chướng trí tuệ, nếu đầy đủ căn điều phục thì có thể trừ sạch hết báo chướng, nếu đầy đủ thiện căn điều phục và trí tuệ điều phục, thì có thể diệt sạch hết chướng trí tuệ và chướng phiền não.

Hạ điều phục gồm có hai thứ: Một là không ở trong vô lượng đời tu tập pháp thiện. Hai là không ưa suy cầu thiện căn trí tuệ. Đây gọi là hạ điều phục.

Trung điều phục tức là ở trong vô lượng đời tu tập pháp thiện, được thiện căn điều phục, nhưng không được trí tuệ. Đây gọi là trung điều phục.

Thượng điều phục tức là có đủ ba việc trên gọi là thượng điều phục.

Phương tiện điều phục gồm có hai mươi hai thứ:

1. Cõi tăng trưởng.
2. Nhân hiện tại.
3. Vào hàng xuất gia.
4. Mới phát khởi.
5. Chẳng phải mới phát khởi.
6. Tịnh xa.
7. Tịnh gần.
8. Trang nghiêm.
9. Chí tâm.
10. Thí thức ăn.
11. Thí pháp.
12. Vì thị hiện thần thông sinh tâm tín.
13. Vì thuyết pháp được sinh tâm tín.
14. Thuyết tạng pháp thâm diệu, rộng phân biệt pháp
15. Hạ trang nghiêm.
16. Trung trang nghiêm.
17. Thượng trang nghiêm.
18. Nghe pháp.
19. Suy nghĩ tu tập.

20. Thâu giữ.

21. Quở trách.

22. Không đợi thỉnh thuyết và đợi thỉnh thuyết.

Cõi tăng trưởng tức là đầy đủ chủng tử thiện. Do đủ chủng tử thiện cho nên đời khác thiện căn lại được tăng trưởng. Do hiện tại tu tập chủng tử của pháp, nên đời khác chủng tử của pháp lại được tăng trưởng. Đây gọi là cõi tăng trưởng.

Nhân hiện tại là trong đời hiện tại thuyết pháp không sai lầm, nghe pháp không sai lầm, như pháp mà thọ trì, do nhân đời trước tăng nhân hiện tại, do nhân hiện tại tăng nhân vị lai, lại nhân hiện tại tăng nhân hiện tại. Đây gọi là nhân hiện tại.

Vào hàng xuất gia tức là gần gũi bạn lành là chư Phật Bồ-tát, tâm tín được sinh, do được sinh tâm tín nên lìa bỏ pháp thế gian, thọ trì tu hành pháp xuất thế gian. Pháp xuất thế tức là giới Bồ-tát. Nếu không thể thọ tức là Sa-môn danh tự không gọi là xuất gia, đoạn được pháp dục mới gọi là xuất gia. Không thọ giới Bồ-tát như vậy thì không gọi là rốt ráo đoạn trừ pháp dục. Đoạn tất cả ái thì gọi là xuất gia. Thọ sự vui rốt ráo gọi là xuất gia. Ưa thích hành đạo gọi là xuất gia. Tăng trưởng pháp Phật gọi là xuất gia. Ưa thọ trì giới cấm gọi là xuất gia. Đây gọi là vào hàng xuất gia.

Mới phát khởi tức là lúc ban đầu phát tâm không ưa sinh tử. Do không ưa sinh tử nên tâm tín được sinh, tu tập ở đạo làm tăng ích pháp Phật. Đây gọi là mới phát khởi.

Chẳng phải mới phát khởi tức là sau khi phát tâm rồi, gần gũi chư Phật và đệ tử Phật, thọ trì giới cấm, đọc tụng, biên chép, rộng vì người nói, cho đến làm tăng trưởng pháp thiện thượng thượng. Đây gọi là chẳng phải mới phát khởi.

Tịnh xa tức là không thọ trì giới cấm của Bồ-tát, không thể đọc tụng biên chép giải nói, không nghe lời sư dạy mà lại uể oải biếng nhác, trải qua vô lượng kiếp không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là tịnh xa.

Tịnh gần tức là thọ trì giới cấm, đọc tụng biên chép, vì người giải nói, tùy thuận lời sư dạy, siêng năng tinh tấn, có thể nhanh chóng chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là tịnh gần.

Trang nghiêm tức là chí tâm dốc cầu Phật đạo vô thượng, vì đạo Bồ-đề nên trì giới Bồ-tát, vì sợ vua, Sư trưởng, Hòa thượng, vì danh xưng cho nên trì giới Bồ-tát. Đây gọi là trang nghiêm.

Chí tâm tức là ở trong pháp Phật chí tâm giữ niệm, không có tâm nghi ngờ, bất nhẫn, hộ trì chánh pháp, dùng tạng Bồ-tát giáo hóa chúng sinh, đối với các bậc Hòa thượng, Trưởng lão cùng người có đức luôn sinh tâm cung kính, cúng dường Tam bảo không có dừng nghỉ, tín sâu Tam bảo thường trụ bất biến. Đây gọi là chí tâm.

Thí thức ăn tức là Bồ-tát Ma-ha-tát thấy người đói khát liền bố thí thức ăn, tùy theo chỗ cần mà cung cấp tất cả. Đây gọi là thí thức ăn.

Thí pháp tức là Bồ-tát dùng một câu, một bài kệ, cho đến nửa bài kệ, một bộ, một tạng, rộng vì chúng sinh mà thuyết giảng ý nghĩa, vì đạo Bồ-đề nên giáo hóa chúng sinh khiến làm việc thiện. Đây là thí pháp.

Vì thị hiện thần thông mà sinh tâm tín, tức là Bồ-tát Ma-ha-tát dùng đại thần thông thị hiện cho chúng sinh, vì lòng thương xót, muốn khiến chúng sinh được thanh tịnh, vì biết tâm tín chúng sinh thanh tịnh, vì thấy chúng sinh thanh tịnh trang nghiêm, vì khiến chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là thần thông.

Thuyết pháp sinh tâm tín tức là Bồ-tát tự biết chưa có lợi ích, vì lợi tha nên diễn nói chánh pháp, cũng do biết lợi tha nên có thể diệt tội của mình mà diễn thuyết pháp, lại tự biết vì người khác mà thuyết pháp, cũng được tăng trưởng chỗ tu thiện của mình. Đây gọi là thuyết pháp.

Thuyết giảng tạng pháp thâm diệu rộng phân biệt pháp: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát dùng diệu lực của phương tiện, có thể vì chúng sinh mà khai thị tạng pháp thâm mật của Như Lai, muốn khiến chúng sinh hiểu ý nghĩa ấy, vì tăng trưởng thiện căn cho người có trí nên thuyết giảng nghĩa sâu xa. Đây gọi là thuyết giảng tạng pháp thâm diệu rộng phân biệt pháp.

Hạ trang nghiêm tức là không thể chí tâm thực hành hạnh vô thượng của Hiền Thánh. Đây gọi là hạ trang nghiêm.

Trung trang nghiêm tức là tuy chí tâm tu tập Thánh hạnh mà không thường thực hành. Đây gọi là trung trang nghiêm.

Thượng trang nghiêm tức là cũng chí tâm, cũng thường thực hành.

Đây là thượng trang nghiêm.

Nghe pháp tức là lúc tu pháp Phật vô thượng, chí tâm nghe kỹ mười hai bộ kinh, thọ trì biên chép đọc tụng giảng nói. Đây gọi là nghe pháp.

Suy nghĩ tu tập tức là nghe pháp rồi, thân tâm vắng lặng, suy nghĩ về ý nghĩa nhằm phá trừ tâm nghi, tu tập ba pháp tưởng đó là định, tuệ và xả. Đây gọi là suy nghĩ tu tập.

Thâu giữ tức là vì không có tâm tham nên thuyết pháp cho người,

nuôi đệ tử và khéo dạy dỗ, ban cho y bát, bệnh thì cung cấp thuốc men, biết phiền não khởi tùy bệnh mà thuyết pháp. Đây gọi là thâu giữ.

Quở trách tức là tự thấy biết phiền não vốn khởi để quở trách thân tâm. Do khởi phiền não thì không thể tự lợi, lợi tha, tội nhẹ thấy trung, tội trung thấy nặng, như người loạn tâm rơi xuống hầm hố, sau khi đã rơi không nên rơi thêm. Nếu khởi phiền não thì phải điều phục, nếu thấy đệ tử khởi phiền não nhỏ thì phải quở trách, không nên nhận sự cúng dường lễ bái của đệ tử nầy, cho đến cành dương, nước tắm, nếu phạm tội lớn thì phải làm pháp yết ma, nếu có quở trách là vì tự lợi, lợi tha.

Không đợi thỉnh thuyết tức là vì tự lợi nên thọ trì đọc tụng giải nói nghĩa sâu xa, vì phá trừ phiền não của chúng sinh, vì làm tăng trưởng pháp thiện cho chúng sinh nên thuyết pháp, như chỗ thọ trì của mình mà thuyết giảng, như pháp mà trụ. Vì sao? Nếu Bồ-tát không như pháp mà trụ thì chúng sinh sẽ khinh thường mà nói: Ông không thể như pháp mà trụ, làm sao giáo hóa người khác. Nay ông nên đến người khác mà thọ pháp, không thể vì người khác mà thuyết pháp.

Đợi thỉnh thuyết tức là trì giới cấm, siêng tu tinh tấn, đầy đủ thiện căn, ưa ở chỗ vắng lặng, thường được tất cả mọi người cung kính, nếu có giảng nói người đều tin nhận, biết nghĩa biết lời, thường khéo thuyết pháp. Nếu có Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nói lời: Xin nguyện Đại sĩ vì điều phục chúng sinh mà mở bày môn cam lồ. Đây gọi là đợi thỉnh thuyết.

Như vậy hai mươi hai việc thì ai là người điều phục? Đó là sáu hạng Bồ-tát trụ trong sáu địa. Bồ-tát như vậy có thể giáo hóa điều phục chúng sinh. Thế nào là sáu địa? Một là địa chí tâm chuyên niệm hạnh Bồ-đề. Hai là địa tịnh tâm vì đạo Bồ-đề. Ba là địa như pháp trụ. Bốn là địa định. Năm là địa cứu cánh. Sáu là địa thành tựu đạo Bồ-đề. Đây gọi là sáu địa.

Vì muốn điều phục chúng sinh vô tánh, nên nói sự vui nơi cõi trời người, khiến được bất thối. Vì chúng sinh có tánh mà thuyết giảng khiến được điều phục, tăng trưởng pháp thiện. Đây gọi là điều phục thành thục.

Ấn thục điều phục tức là người Thanh văn ở trong vô lượng đời tu tập thiện căn. Đây gọi là ấn thục điều phục bậc hạ. Lại có ấn thục điều phục bậc hạ nghĩa là tâm thấp kém, trang nghiêm thấp kém, thiện căn thấp kém, không thể phá trừ quả báo trong ba đường ác, hiện tại không được bốn quả Sa-môn cho đến Niết-bàn. Đây gọi là ấn thục điều phục bậc hạ.

Ấn thục điều phục bậc trung tức là được tâm trung, trang nghiêm trung, thiện căn trung, phá trừ ba đường ác, nhưng hiện tại không được bốn

quả Sa-môn cho đến Niết-bàn. Đây gọi là ấn thục điều phục bậc trung.

Ấn thục điều phục bậc thượng tức là có tâm thượng, trang nghiêm thượng, thiện căn thượng, phá trừ ba đường ác, hiện tại có thể được bốn quả Sa-môn cho đến Niết-bàn. Đây gọi là ấn thục điều phục bậc thượng.

Duyên giác cũng có hai việc thù thắng như vậy: Một là tu tập đạo thù thắng. Hai là không thầy mà đắc đạo thù thắng. Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi địa chuyên niệm hạnh Bồ-đề. Đó gọi là ấn thục điều phục bậc hạ. Trụ ở địa thứ hai gọi là thục bậc trung, trụ ở địa thứ ba gọi là thục bậc thượng. Bồ-tát nơi địa thứ nhất tâm còn yếu kém, trang nghiêm cũng như vậy, rơi vào ba đường ác, tu hành trải qua a-tăng-kỳ đầu, a- tăng-kỳ kiếp thứ nhất chưa thể đầy đủ ba mươi bảy phẩm, thanh tịnh vô thượng, không động.

Ấn thục điều phục bậc trung là Bồ-tát có tâm bậc trung, trang nghiêm bậc trung, không đọa vào ba đường ác, tu hành trải qua a-tăng-kỳ kiếp thứ hai, tuy được đầy đủ ba mươi bảy phẩm, thanh tịnh, bất động chuyển, mà chưa được đầy đủ ba mươi bảy phẩm tịch tĩnh tối đại. Đây là ấn thục điều phục bậc trung.

Ấn thục điều phục bậc thượng tức là Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở ấn thục điều phục bậc thượng, có tâm thượng, trang nghiêm thượng, không đọa vào ba đường ác, tu hành trải qua a-tăng-kỳ kiếp thứ ba, đầy đủ thanh tịnh, bất động chuyển, được đại tịch tĩnh nơi ba mươi bảy phẩm, tức là đạo vô thượng của Bồ-tát, gọi là đại tịnh bất động thuần thiện tịch tĩnh tối đại. Đây gọi là ấn thục điều phục bậc thượng.

Ấn thục điều phục bậc hạ có ba thứ là hạ hạ, hạ trung và hạ thượng. Trung thục có ba là trung hạ, trung trung và trung thượng. Thượng thục có ba là thượng hạ, thượng trung và thượng thượng. Bồ Ma-ha-tát đầy đủ các thứ điều phục như vậy, tức có thể tăng trưởng pháp Phật vô thượng, giáo hóa chúng sinh, chế ngự các căn, trí tuệ dũng mãnh, có thể vì chúng sinh mà mở bày ba thừa.

Phẩm 8: BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là Bồ-đề? Bồ-đề tức là hai thứ giải thoát, hai thứ trí tuệ. Hai thứ giải thoát: Một là giải thoát chướng phiền não. Hai là giải thoát chướng trí. Hai thứ trí tuệ: Một là có thể hủy hoại chướng phiền não. Hai là có thể hủy hoại chướng trí tuệ.

Lại nữa, Bồ-đề vô thượng đó là trí tịnh, trí vô ngại, trí nhất thiết, đoạn trừ tất cả tập khí, đoạn trừ tất cả vô minh vô ký. Trí tịnh là đoạn tất cả tập khí, biết tất cả cõi, tất cả pháp, tất cả hành, tất cả thế gian, tất cả thời, tất cả sự đối trị.

Cõi có hai thứ: Một là cõi thế gian. Hai là cõi chúng sinh. Pháp cũng có hai thứ: Một là hữu vi. Hai là vô vi. Hành cũng có hai: Một là hoại chướng phiền não. Hai là hoại chướng trí tuệ. Thế gian cũng có hai: Một là trí. Hai là ngu. Thời có ba thứ: Là quá khứ, hiện tại, vị lai. Đối trị có ba thứ: Là quán bất tịnh, quán từ bi, quán mười hai nhân duyên. Đây gọi là tịnh trí.

Trí vô ngại là không nhờ vào trang nghiêm, tư duy, nhập định, nhưng có thể thông đạt tất cả cõi, tất cả pháp, tất cả hành, tất cả thế gian, tát cả thời, tất cả sự đối trị. Đây gọi là trí vô ngại. Lại nữa, trí vô ngại nghĩa là một trăm bốn mươi pháp bất cộng. Như Lai hiện có Tam- muội vô tránh trí nguyện và bốn trí vô ngại. Đây gọi là trí vô ngại, gọi là Bồ-đề. Thế nào gọi là một trăm bốn mươi pháp bất cộng? Đó là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, bốn hạnh tịnh, mười lực, bốn pháp vô úy, ba niệm xứ, ba thứ bất hộ, đại bi, không quên, đoạn tất cả tập khí, tất cả hạnh nơi trí vô thắng. Đây gọi là một trăm bốn mươi pháp bất cộng. Trong phẩm trụ ở phần sau sẽ nói rộng.

Thế nào gọi là Bồ-đề vô thượng? Đầy đủ bảy thứ vô thượng nên gọi là Bồ-đề vô thượng: Một là thân vô thượng. Hai là thọ trì vô thượng. Ba là đầy đủ vô thượng. Bốn là trí tuệ vô thượng. Năm là bất khả tư nghì vô thượng. Sáu là giải thoát vô thượng. Bảy là hành vô thượng.

Thân vô thượng tức là thân trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt.

Thọ trì vô thượng là chư Phật Bồ-tát tự lợi, lợi tha, có thể ban cho chúng sinh sự an vui ở cõi trời người.

Đầy đủ vô thượng là chư Phật Bồ-tát có bốn thứ đầy đủ. Đó là thọ mạng đầy đủ, kiến đầy đủ, giới đầy đủ, hạnh đầy đủ.

Trí tuệ vô thượng là bốn thứ vô ngại.

Bất khả tư nghì vô thượng là đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Giải thoát vô thượng là Như Lai có thể phá trừ hai thứ chướng của phiền não và trí tuệ.

Hành vô thượng là hành Thánh, hành thiên, hành phạm. Hành Thánh tức là ba Tam-muội: không, vô tướng, vô nguyện, định diệt tận. Hành thiên là bốn thiền, bốn định vô sắc. Hành phạm là bốn tâm vô lượng. Ba thứ hành nầy xuất phát từ bốn hành thường ưa tu tập của Phật.

Thế nào gọi là bốn? Hành Thánh có hai: Một là Tam-muội Không. Hai là định diệt tận. Hành thiên có một là đệ tứ thiền. Hành phạm cũng có một, đó là đại bi. Như Lai dùng nhân duyên đại bi nầy, ngày đêm sáu thời thường quán sát chúng sinh, ai không có thiện căn thì ban cho chủng tử, ai có thiện căn rồi thì khiến cho tăng trưởng, cho đến người chưa phát tâm thì khiến cho phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng. Như Lai dùng thân vô thượng nầy nên gọi là đại trượng phu. Thọ trì vô thượng nên gọi là đại bi. Đầy đủ vô thượng nên gọi là đến bờ kia. Trí tuệ vô thượng nên gọi là nhất thiết trí. Bất khả tư nghì vô thượng nên gọi là A la ha. Giải thoát vô thượng nên gọi là đại Niết-bàn. Hành vô thượng nên gọi là Tam miệu tam Phật đà (Chánh đẳng Chánh giác). Do nghĩa nầy nên Như Lai đầy đủ mười danh hiệu, đó là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Do không có giả dối nên gọi là Như Lai, có ruộng phước tốt nên gọi là Ứng Cúng, do biết pháp giới nên gọi là Chánh Biến Tri, đầy đủ ba minh nên gọi là Minh Hạnh Túc, không còn trở lại nên gọi là Thiện Thệ, biết hai thế gian nên gọi là Thế Gian Giải, một là thế gian quốc độ, hai là thế gian chúng sinh. Có thể điều phục thân tâm xấu của chúng sinh nên gọi là Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu. Có thể vì chúng sinh mà làm mắt sáng, khiến chúng sinh hiểu biết đúng về chánh pháp, chánh nghĩa, quy kính chân chánh, vì các chúng sinh rộng nói ý nghĩa, có thể phá trừ tất cả sự khổ, phiền não, có thể phá tan tâm nghi của chúng sinh, khai thị các pháp ý nghĩa sâu xa, làm căn bản cho tất cả pháp thiện, cho nên gọi là bậc thầy của trời người. Biết pháp tụ thiện, pháp tụ bất thiện, pháp tụ phi thiện phi bất thiện. Đây gọi là Phật. Do phá trừ ma Ba-tuần, nên có thân Như Lai khó được, gọi là Bà Già Bà (Thế Tôn). Trong vô lượng kiếp không có một vị Phật ra đời, nên gọi là khó được, vô lượng thế giới có vô lượng Phật, mười phương thế giới có vô lượng Bồ-tát, đồng thời, đồng nguyện tu tập trang nghiêm, đồng thời đều phát tâm Bồ-đề, một thời, một ngày, một tháng, một năm, đồng bố thí, đồng trì giới, đồng nhẫn nhục, đồng tinh tấn, đồng thiền định, đồng trí tuệ. Vì ý nghĩa nầy nên mười phương thế giới có vô lượng vô biên cõi Phật, trong một cõi trọn không có hai vị Phật đồng thời ra đời. Nếu không có mười phương vô lượng thế giới, thì vô lượng vô biên Bồ-tát đồng tu hạnh thiện như vậy không có quả chăng? Vì nghĩa nầy nên có mười phương vô lượng vô biên thế giới của chư Phật. Vì sao? Trong một cõi không có hai vị Phật.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc ban đầu phát tâm nói: Chỉ một người là ta có thể khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh đoạn trừ phiền não khổ, nhập vào

Niết-bàn. Do nguyện lực nầy nên được quả báo, Như Lai có thể vì ba ngàn đại thiên vô lượng thế giới, thuyết pháp giáo hóa điều phục chúng sinh, cho nên một cõi không có hai vị Phật ra đời. Nếu trong một cõi có hai vị Phật ra đời, thì chúng sinh không thể ưa tu pháp thiện, không sinh ý tưởng cung kính khó gặp. Nếu chỉ thấy một Đức Phật thì sinh tâm không thể nghĩ bàn. Hoặc Phật Niết-bàn, chúng ta sẽ cùng thời tu thiện, siêng năng tinh tấn xa lìa sinh tử, sinh tâm cung kính và ý tưởng khó gặp, tu tập bố thí cho đến tu tập trí tuệ Ba-la-mật, vì thế một cõi không có hai vị Phật ra đời. Mười phương chư Phật chỉ trừ bốn việc, ngoài ra tất cả đều bình đẳng không hai: Một là thọ. Hai là tánh. Ba là danh. Bốn là thân. Bồ-tát trọn không dùng thân người nữ mà chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Vì sao? Một là vì Bồ-tát Ma-ha-tát vào thời a-tăng-kỳ kiếp đầu tiên đã đoạn thân nữ. Do thân người nữ có nhiều tham dục nên không thể chứng đắc đạo quả ấy. Hai là vì trí tuệ nêu bày cũng như trí tuệ ác, không thể chứng đắc đạo chánh đẳng chánh giác vô thượng.

Bồ-đề tức là không thể nghĩ bàn. Vì sao? Là chỗ không thể chứng đắc của hàng Thanh văn, Phật-Bích-chi, cho nên Bồ-đề vô thượng là chỗ thành tựu của vô lượng công đức.

Phẩm 9: LỰC TÁNH BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát muốn học giới Bồ-tát, thì phải tu tín giải (tin hiểu), thường ưa cầu pháp, thường ưa thuyết pháp. Thấy người trì pháp thì sinh tâm cúng dường, như pháp mà trụ, dạy dỗ đệ tử trụ trong chánh pháp, khéo biết phương tiện nơi ba nghiệp thân khẩu ý.

Thế nào là Bồ-tát tu tập tín giải? Tin hiểu Tam bảo và công đức của Tam bảo, tin Phật, Bồ-tát không thể nghĩ bàn, tin nghĩa chân thật, tin có nhân quả, tin các chúng sinh có các thứ nghiệp và các nghiệp quả, biết phương tiện thiện và phi phương tiện, tự tin sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng tự biết đắc nghĩa. Nghĩa tức là Bồ-đề vô thượng, trí Bồ-đề, phương tiện Bồ-đề. Phương tiện tức giới Bồ-tát cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Giới Bồ-tát là khi nghe thuyết pháp tâm nhẫn tin thọ, đó là mười hai bộ kinh. Đây gọi là giới Bồ-tát.

Học giới Bồ-tát tức phải tu hai việc: Một là tâm từ. Hai là tâm tín, Bồ-tát tu tập hai pháp như vậy được tâm tín giải.

Cầu pháp là cầu việc gì? Tại sao cầu? Cầu thế nào? Cầu tức là cầu tạng Bồ-tát, tạng Thanh văn, tất cả luận thế gian, tất cả việc thế gian. Tạng Bồ-tát tức là Phương quảng, tức là một trong mười hai bộ kinh. Mười một bộ còn lại thì gọi là tạng Thanh văn. Luận thế gian có ba thứ: Một là Nhân luận. Hai là Thanh luận. Ba là Y phương luận.

Tất cả việc đời, là như vàng báu, nghề nghiệp, tất cả phương thuật. Phương thuật có năm thứ: Một là nội thuật. Hai là nhân thuật. Ba là thanh thuật. Bốn là thuật biết nhân bệnh, trị bệnh. Năm là biết tất cả việc làm.

Bồ-tát Ma-ha-tát thường cầu năm phương thuật như vậy. Nội thuật tức là mười hai bộ kinh. Bồ-tát Ma-ha-tát vì hai việc nên cầu mười hai bộ kinh: Một là biết nhân quả. Hai là tạo nghiệp không mất, không làm, không thọ. Cầu Nhân luận là vì hai việc: Một là vì biết lỗi của ngoại đạo. Hai là vì phá trừ các luận sư ngoại đạo. Cầu Thanh luận cũng vì hai việc: Một là vì hiểu tất cả nghĩa của pháp giới. Hai là vì biện chính tất cả âm thanh ngôn ngữ. Cầu thuật trị bệnh là vì bốn việc: Một là biết tướng trạng của bệnh. Hai là biết nhân duyên của bệnh. Ba là biết bệnh để trừ khiến lành. Bốn là biết sau khi bệnh lành, không còn khởi lại.

Cầu mười hai bộ kinh là vì biết nhân quả. Tất cả pháp có mười thứ nhân. Nêu rõ về nhân đích thực, cùng thâu tóm tất cả nhân, hoặc sinh tử, hoặc giải thoát, hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc chúng sinh, hoặc phi chúng sinh. Thế nào là mười thứ nhân? Một là lưu bố nhân. Hai là tùng nhân. Ba là tác nhân. Bốn là nhiếp nhân. Năm là nhân tăng trưởng. Sáu là nhân chuyển. Bảy là nhân bất cộng. Tám là nhân cộng. Chín là nhân hại. Mười là nhân bất hại. Nhân lưu bố tức là nhân của các pháp, gọi là đạt được thể tướng. Do đạt được thể tướng nên có thể tuyên thuyết. Đây gọi là nhân lưu bố.

Như nhân nơi tay mà lấy, nhân nơi chân mà bước đi, nhân nơi thân mà có đi đứng nằm ngồi. Đấy gọi là Tùng nhân (nhân thuận theo). Từ chủng tử mà được quả, đây gọi là tác nhân. Lìa chủng tử, từ những thứ khác mà được quả, đây gọi là Nhiếp nhân (nhân thâu tóm). Hạt giống diệt thì mầm sinh, từ mầm mà được quả, đây gọi là nhân tăng trưởng. Từ hạt giống sinh ra lúa, nhân nơi lúa mà sinh ra hạt giống, đây gọi là nhân chuyển. Tùy chỗ gieo trồng mà được quả, đây gọi là nhân bất cộng. Như đất nước gió lửa gọi là nhân cộng. Phạm bốn giới trọng, làm hại pháp thiện, đây gọi là nhân hại, như không phạm thì gọi là nhân bất hại.

Nhân hại có năm thứ: Một là thanh hại. Hai là sinh hại. Ba là bất cộng trụ hại. Bốn là oán hại. Năm là định hại. Thanh hại: cũng như luận thế gian

ban đầu có tốt đẹp, sau là nói bất thiện. Lại nữa, hại như nói tất cả các pháp là vô thường, cũng như hư không. Nói tất cả thường, nghĩa là sinh già chết. Đây gọi là thanh hại.

Sinh hại như nói không nhân mà có thể sinh ra quả, hoặc có nhân mà không quả. Bất cộng trụ hại cũng như sáng, tối, tham, sân, khổ, vui. Oán hại là như rắn, sói, ngựa, trâu, mèo, chuột. Định hại như là quán bất tịnh trừ tham, tâm từ trừ sân, tâm bi trừ hại, tám Thánh đạo phần trừ tất cả kiết sử. Lại có hai nhân: Một là nhân chân thật. Hai là nhân phương tiện. Nhân chân thật tức là chủng tử, nhân phương tiện như là các duyên bên ngoài.

Nhân phương tiện có bốn thứ duyên: Một là duyên nhân. Hai là duyên thứ lớp. Ba là duyên duyên. Bốn là duyên tăng thượng. Duyên nhân là các pháp sinh ra nhân. Duyên tăng thượng nghĩa là nhân phương tiện. Duyên thứ lớp, duyên duyên nghĩa là tâm, tâm số pháp. Đây là bốn duyên. Mười nhân như trên đây làm sao để phát sinh tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, làm sao để đoạn sinh tử, thế nào là không đoạn sinh tử? Như trong thế gian các hạt giống, vì làm tăng trưởng thọ mạng mà có các danh. Đó gọi là đại mạch, tiểu mạch, đại đậu, tiểu đậu, hồ ma... Đây gọi là nhân lưu bố. Do đói khát không có khí lực, vì trừ họa cho thân nầy có được lực nên cầu đại mạch, tiểu mạch, cho đến hồ ma... Do thức ăn ngon mà tâm sinh tham đắm, do sinh tâm tham đắm nên dùng phương tiện để tìm cầu, đây gọi là nhân tùng. Như hạt giống kia sinh ra quả tương tợ, đây gọi là nhân tác. Như đất, nước, gió lửa, đất phân, công người..., đây gọi là nhân nhiếp (nhân thâu tóm). Từ hạt giống tăng trưởng cho đến quả, đây gọi là nhân tăng trưởng. Như hạt giống sinh ra quả, từ quả lại sinh ra nhân, đây gọi là nhân chuyển. Như lúa sinh ra lúa, đậu sinh ra đậu, đây gọi là nhân bất cộng. Như lìa hạt giống rồi, từ các thứ khác mà sinh ra quả, nên gọi là nhân cộng. Như hạt giống gặp phải mưa đá, lửa cháy, chim ăn, đây gọi là nhân hại. Không bị mưa đá, lửa thiêu, chim ăn, gọi là nhân bất hại. Mười nhân như vậy, sinh ra pháp thế gian và xuất thế gian. Lại diễn nói về danh tướng hiện có của mười hai nhân duyên: Nghĩa là do vô minh duyên hành, do hành duyên thức, do thức duyên danh sắc, do danh sắc duyên sáu nhập, do sáu nhập duyên xúc, do xúc duyên thọ, do thọ duyên ái, do ái duyên thủ, do thủ duyên hữu, do hữu duyên sinh, do sinh duyên lão, tử, ưu bi khổ não, các khổ tụ tập. Đây gọi là nhân lưu bố. Vô minh duyên hành cho đến sinh duyên lão tử, vì tham sân si nên không dứt mười hai nhân duyên, đây gọi là nhân tùng. Hiện tại ái thủ, vị lai là vô minh, đây gọi là nhân tác. Hiện tại hữu, vị lai hành, đó gọi là nhân tác. Hiện tại thức, vị lai là sinh, đó gọi là nhân tác. Hiện tại danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, vị lai sinh, lão tử. Đó gọi là nhân tác.

Không gần bạn lành, không ưa nghe pháp, không suy nghĩ nghĩa, không trụ như pháp, do bốn việc nầy mà thâu giữ vô minh cho đến sinh, lão, tử, đó gọi là nhân thâu giữ. Do nghiệp ác mà tăng trưởng vô minh, cho đến lão tử, đó gọi là nhân tăng trưởng. Vô minh có ba hạng là thượng, trung, hạ. Hạ làm nhân cho trung, trung làm nhân cho thượng, cho đến lão tử, đây gọi là nhân chuyển. Có vô minh rơi vào địa ngục, có vô minh rơi vào ngạ quỷ, có vô minh rơi vào súc sinh, đây gọi là nhân bất cộng. Tất cả chúng sinh bình đẳng cùng có mười hai nhân duyên, đây gọi là nhân cộng. Do nhân duyên vô minh nên không đầy đủ tánh, không cùng Như Lai sinh chung một nước, xa lìa bạn lành, không được nghe pháp, không suy nghĩ nghĩa, không trụ như pháp, không được tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đây gọi là nhân hại. Do trừ vô minh nên tánh được đầy đủ, do tánh đầy đủ nên được cùng Như Lai sinh chung một nước, gần gũi bạn lành, được nghe chánh pháp, suy nghĩ chánh nghĩa, như pháp mà trụ, tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đây gọi là nhân bất hại. Do nghĩa nầy nên mười thứ nhân ấy sinh ra pháp thế gian.

Thế nào là mười nhân sinh ra pháp xuất thế gian? Nếu thuyết danh tướng của ba mươi bảy phẩm trợ đạo, danh tướng của Bồ-đề, cho đến danh tướng của Niết-bàn, gọi là nhân lưu bố. Nhân nơi bốn niệm xứ mà đắc bốn chánh cần, nhân bốn chánh cần mà đắc bốn như ý túc, nhân bốn như ý túc mà đắc năm căn, nhân năm căn mà đắc năm lực, nhân năm lực mà đắc bảy giác chi, nhân bảy giác chi mà đắc tám chánh đạo, nhân tám chánh đạo mà đắc Niết-bàn, đây gọi là nhân tùng. Do vô minh diệt nên các hành diệt, do hành diệt nên thức diệt, do thức diệt nên danh sắc diệt, do danh sắc diệt nên lục nhập diệt, do lục nhập diệt nên xúc diệt, do xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt nên ái diệt, do ái diệt nên thủ diệt, do thủ diệt nên hữu diệt, do hữu diệt nên sinh diệt, do sinh diệt nên lão tử diệt, do lão tử diệt nên được Niết-bàn, đây gọi là nhân tùng. Do tánh đầy đủ nên tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, do tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo nên được Niết-bàn, đây gọi là nhân tùng. Do tánh đầy đủ cho đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo, có thể sinh ra Bồ-đề, đây gọi là nhân tác. Gần gũi bạn lành, chí tâm nghe pháp, suy nghĩ ý nghĩa, như pháp mà trụ, điều phục các căn, tu tám chánh đạo đây gọi là nhân nhiếp (gồm thâu). Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể làm hai thứ nhân cho Niết-bàn, đây gọi là nhân chuyển. Đầy đủ tánh Thanh văn đắc quả Thanh văn. Đầy đủ tánh Duyên giác, đầy đủ Phật tánh nên đắc đạo vô thượng, đây gọi là nhân bất cộng. Ba hạng như vậy cùng tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đây gọi là nhân cộng. Do tánh không đầy đủ nên sinh về nơi tám nạn, không nghe pháp Phật, đây gọi là nhân hại. Phá bỏ nhân hại nên được nghe chánh

pháp, đây gọi là nhân bất hại. Do nhân duyên tu tập tám chánh đạo nên được Bồ-đề Thanh văn, Bồ-đề Duyên giác, Bồ-đề Phật, đây gọi là nhân tăng trưởng. Mười thứ nhân nầy phát sinh pháp thế gian và xuất thế gian. Hai pháp nầy mỗi pháp có ba đời, đó là quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu nói lìa mười nhân nầy mà lại có nhân thì không có việc ấy.

Thế nào gọi là quả? Quả có năm thứ: Một là quả báo. Hai là quả dư. Ba là quả giải thoát. Bốn là quả hiện tại. Năm là quả tăng thượng. Do pháp bất thiện nên bị quả báo trong ba đường ác. Do pháp thiện hữu lậu mà được quả báo sinh nơi cõi trời người. Đây gọi là quả báo. Do tạo ác nên ưa làm nghiệp ác, do tu thiện nên ưa tu nghiệp thiện, đây gọi là quả dư. Tu tám chánh đạo xa lìa phiền não, đây gọi là quả giải thoát, phàm phu tu đạo tuy lìa phiền não nhưng không gọi là quả giải thoát. Vì sao? Vì chẳng phải rốt ráo. Như trong hiện tại con người dùng các thứ phương tiện và sức lực để được tiền tài, đây gọi là quả hiện tại. Nhãn căn, nhãn thức, cho đến ý căn, ý thức, đây gọi là quả tăng thượng. Bồ- tát Ma-ha-tát do biết nhân quả, tăng trưởng tác lực, tu tập ở đạo, biết không làm, không thọ, làm không mất quả, Bồ-tát Ma-ha-tát do biết nhân quả nên cầu mười hai bộ kinh, thọ trì đọc tụng biên chép giải nói, được nghiệp lực thứ hai. Nếu có Bồ-tát không tin nghiệp nhân quả của chúng sinh, thì trọn không thể đạt được giới Bồ-tát. Tại sao Bồ-tát cầu mười hai bộ kinh? Bồ-tát chí tâm niệm giới Bồ-tát, siêng năng cầu pháp Phật, cho đến một câu, một kệ, một nghĩa, nếu thấy có người thuyết pháp, liền sinh tâm cung kính ưa nghe, không khinh chê người thuyết pháp, chí tâm cung kính như nghe lời Phật. Nếu người thuyết pháp keo kiệt đối với pháp, không chịu bố thí, nên dùng tiền tài cho đến thân mạng phụng sự dâng hiến. Nếu có Bồ-tát có thể làm như vậy, thì gọi là Bồ-tát nghĩa. Nếu Bồ-tát có thể chí tâm nghe thọ, cho đến một câu, một bài kệ, một ý nghĩa, thì phiền não nhiều như ba cõi đều được tiêu tan, đủ giới Bồ-tát. Lúc Bồ-tát chí tâm cầu lời Phật, vì khát ngưỡng pháp mà không tiếc thân mạng, dẫu đạp trên sắt nóng lửa dữ mà không cho đó là họa, Bồ-tát Ma-ha-tát vì một câu kệ mà còn không tiếc thân mạng, huống gì là mười hai bộ kinh, vì một câu kệ mà không tiếc thân mạng, huống gì là các tài sản vật dụng. Do nghe pháp mà thân được an lạc, sinh tâm tín sâu, được tâm nhu hòa, trực tâm chánh kiến. Thấy người thuyết pháp như thấy cha mẹ, tâm không kiêu mạn, vì chúng sinh nên chí tâm nghe pháp trọn không vì mình, vì tăng trưởng thiện căn của chúng sinh nên nghe, thọ chánh pháp, không vì lợi dưỡng. Vì chúng sinh nên thọ giới Bồ-tát, không vì tự lợi, vì chánh pháp nên không sợ nạn vua quan, đói khát, lạnh nóng, hổ lang, thú dữ, giặc cướp. Trước tự điều phục phiền não nơi các căn, sau đó nghe pháp, không nghe

pháp trái thời, cung kính người thuyết pháp, tôn trọng giáo pháp. Đây gọi là Bồ-tát đầy đủ giới Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát chí tâm nghe pháp? Nghe pháp có bốn: Một là chí tâm. Hai là nhất tâm. Ba là nhất thiết tâm. Bốn là thiện tâm. Đây gọi là Bồ-tát siêng cầu mười hai bộ kinh. Tại sao Bồ-tát cầu mười hai bộ kinh? Vì muốn lưu hành khắp chánh pháp của chư Phật, vì muốn làm tăng trưởng pháp của chư Phật, vì muốn thế gian tin pháp Phật, vì khiến cho vô lượng chúng sinh đều đạt được đạo quả Bồ-đề vô thượng, nên Bồ-tát cầu mười hai bộ kinh. Tại sao Bồ-tát cầu ở Nhân luận? Vì biết các tội lỗi của nhân luận, vì phá trừ luận tà ác của ngoại đạo, vì mở rộng phương tiện điều phục chúng sinh, vì muốn phân biệt ngữ nghĩa của Như Lai và ngữ nghĩa của thế gian, cho nên Bồ-tát cầu ở Nhân luận. Tại sao Bồ-tát cầu ở Thanh luận? Vì khiến cho lời lẽ thanh tịnh trang nghiêm, lời nói không tịnh, không thể tuyên thuyết về nghĩa sáng rõ, vì muốn hiểu biết tất cả nghĩa, bỏ lời bất chánh, bỏ tâm kiêu mạn, trừ diệt tà kiến, vì biết phương tiện để điều phục chúng sinh, nên Bồ-tát cầu ở Thanh luận.

Tại sao Bồ-tát cầu các y phương? Vì khiến chúng sinh xa lìa bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh, vì lòng thương xót, vì nhằm điều phục chúng sinh, vì sinh tâm tín, sinh tâm hoan hỷ, cho nên Bồ-tát cầu các phương thuốc.

Tại sao Bồ-tát cầu phương thuật ở thế gian? Vì có được tiền tài tạo lợi ích cho chúng sinh, vì các chúng sinh sinh tâm tín, vì biết việc đời và phá bỏ kiêu mạn, vì điều phục chúng sinh, và phá các ám chướng của tất cả pháp. Nếu có Bồ-tát không cầu năm việc như vậy, thì trọn không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, thành nhất thiết trí. Vì chứng đắc đạo quả ấy cho nên cầu năm việc. Bồ-tát thành tựu giới Bồ- tát, nên vì chúng sinh thuyết giảng, thuyết việc gì, thuyết thế nào, tại sao thuyết?

Thuyết việc gì tức là thuyết mười hai bộ kinh. Thuyết thế nào là thành tựu năm việc. Vì sao thuyết? Tức vì thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Thuyết có hai việc: Một là thuyết thứ lớp. Hai là thuyết thanh tịnh. Thuyết theo thứ lớp tức ban đầu thuyết bố thí, thứ đến thuyết giới cấm, sau đó thuyết sự vui nơi cõi trời, kế đến thuyết Tam-muội, kế đến thuyết thọ trì mười hai bộ kinh, suy nghĩ ý nghĩa, như pháp mà trụ. Đây gọi là thuyết theo thứ lớp. Thuyết thanh tịnh nghĩa là người ở chỗ cao, mình ở chỗ thấp, không nên thuyết pháp, ngoại trừ người kia bệnh còn người với tâm không tin, thì không nên thuyết pháp. Người không nhàm chán sinh tử không nên vì họ thuyết pháp. Người đứng trước mặt mình không nên vì họ thuyết pháp. Người che đầu không nên vì họ thuyết pháp. Người tìm tòi lỗi không

nên vì họ thuyết pháp. Ngoài ra đều như trong kinh Ba-la-đề-mộc-xoa đã thuyết giảng.

Vì sao? Vì chư Phật Bồ-tát là pháp cung kính. Nếu người thuyết pháp tôn trọng giáo pháp thì người nghe cũng sinh tâm cung kính, chí tâm lắng nghe, không sinh tâm kiêu mạn, khinh lờn. Đây gọi là thuyết thanh tịnh.

Thuyết thứ lớp tức là ban đầu thuyết mười hai bộ kinh, thứ đến thuyết tất cả chúng sinh, vì hủy hoại tâm keo kiệt pháp nên không kiêu mạn, hoặc có một câu một kệ, cho đến nửa bài kệ, hoặc từ, hoặc nghĩa, hoặc thuyết pháp, thuyết nghĩa và thuyết pháp nghĩa, chỉ bày lợi ích, hoặc có lúc quở trách, hoặc có lúc nói thẳng, hoặc có lúc ví dụ, tùy theo chỗ thích ứng mà thuyết, hoặc thuyết dễ hiểu, hoặc thuyết dễ thâm nhập, tùy chỗ ưa thích mà thuyết. Đây gọi là Bồ-tát thuyết thứ lớp. Thuyết thanh tịnh tức là Bồ-tát Ma-ha-tát đối với sự oán, ghét, không oán ghét tu tập tâm từ, được tâm từ rồi, dùng các phương tiện thuyết pháp cho người phóng dật và chúng sinh xấu ác, cho đến người bần cùng và người hưởng vui tâm sinh kiêu mạn, dùng phương tiện chỉ bày và vì họ mà thuyết pháp không vì sự khen mình chê người hoặc danh dự lợi dưỡng uống ăn của bản thân mà thuyết pháp. Đây gọi là Bồ-tát thuyết pháp thanh tịnh.

Như pháp mà trụ, nghĩa là ba nghiệp thân khẩu ý tu tập pháp thiện, suy nghĩ chân chính về ý nghĩa. Đây gọi là như pháp mà trụ.

Thế nào gọi là Bồ-tát suy nghĩ về ý nghĩa? Bồ-tát điều phục ba nghiệp thân khẩu ý, ưa ở chỗ vắng lặng, hoặc tự thọ trì, hoặc nghe nơi người khác, suy nghĩ về nghĩa đúng, không suy nghĩ nghĩa sai, chí tâm suy nghĩ về nghĩa chân thật, vì đạo Bồ-đề mà chuyên tâm suy nghĩ y theo nghĩa thật, không dựa vào văn tự suy nghĩ phân biệt đây là lời Phật, đây chẳng phải lời Phật. Xả bỏ tâm tán loạn lo sợ, suy nghĩ điều trái, tùy theo chỗ nghe mà suy nghĩ nghĩa, không theo lời nói người khác, tuy không hiểu nghĩa mà trọn không nói lời trái. Vì sao? Vì đây là cảnh giới của chư Phật. Bồ-tát Ma-ha-tát dựa nơi nghĩa không dựa nơi văn tự, có thể biết nghĩa thâm diệu của Như Lai, biết pháp, phi pháp không gì có thể động chuyển. Như vậy Bồ-tát chưa được nhẫn nay đã được nhẫn, chưa được Tam-muội nay được Tam-muội. Đây gọi là Bồ- tát như pháp mà trụ.

Thế nào gọi là tu tập? Tu tập có bốn thứ: Một là Xá-ma-tha (chỉ). Hai là Tỳ-bà-xá-na (quán). Ba là tu tập ái lạc. Bốn là tùy chỗ tu tập ưa trụ trong ấy.

Xá-ma-tha (chỉ) tức là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập bốn thiền, bốn định vô sắc, chuyên tâm nơi định có thể phá bỏ năm uẩn, do trụ nơi định nên hiểu

hành chân thật, có thể lìa tất cả các giác quán xấu ác, tâm không loạn, có thể suy nghĩ về ý nghĩa pháp giới trong ngoài, tùy thuận theo pháp tướng, tâm tâm số pháp an trụ nơi một duyên, đây gọi là Xá-ma- tha.

Tỳ-bà-xá-na (quán) tức là tu Xá-ma-tha, có thể quán sát pháp giới, phân biệt pháp tướng, mong cầu pháp thiện xa lìa pháp ác, trí tuệ chánh kiến không điên đảo, khéo hiểu ở nghĩa. Đây gọi là Tỳ-bà-xá-na.

Tu tập ái lạc là chí tâm tu tập hai pháp như trên. Chí tâm tu là thường không phóng dật. Đây gọi là tu tập ái lạc. Ưa trụ trong chỗ tu tập tức là lúc tu Xá-ma-tha và Tỳ-bà-xá-na, không nhờ phương tiện, tùy ý mà trụ. Đây gọi là ưa trụ trong tu tập.

Bồ-tát Ma-ha-tát thường tu hai pháp, cũng gọi là ưa trụ, cũng gọi là thanh tịnh, cũng gọi là thân tâm vắng lặng, cũng gọi là trí rộng lớn. Bồ-tát Ma-ha-tát tu hai pháp nầy, được chỗ căn bản của đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát thành tựu giới Bồ-tát đắc hai pháp nầy, đó gọi là tu tập.

Thế nào là giáo? Giáo có tám thứ. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu Tam-muội, muốn giáo hóa chúng sinh trước phải nhập định hoặc cùng ở chung, sau đó mới có thể dùng tám pháp giáo hóa. Một là biết tâm. Hai là biết căn. Ba là thiện căn. Bốn là phiền não. Năm là đối trị. Đối trị thì người có tâm tham tức dạy pháp quán bất tịnh. Sáu là người có tâm sân dạy tu quán từ bi. Bảy là người có tâm si dạy pháp quán nhân duyên. Tám là các giác quán xấu ác dạy họ tập đếm hơi thở. Đây gọi là tám pháp, dùng các phương tiện như vậy mà giáo hóa chúng sinh, phá tâm đoạn kiến, thường kiến mà nói trung đạo, thật không tưởng tác mà tác tưởng tác, chân thật không đắc mà tác tưởng đắc, chân thật không xúc mà tác tưởng xúc, chân thật không chứng mà tác tưởng chứng. Tám việc trên có thể phá trừ vọng tưởng, kiêu mạn như vậy. Lại có ba việc: Một là tâm nếu không trụ có thể khiến trụ nơi duyên. Hai là trụ rồi có thể quán chánh pháp. Ba là biết phương tiện hay.

Nếu biết phương tiện hay, hoặc biết tâm chúng sinh, căn, thiện căn, cho đến phiền não, do đấy có thể khiến tâm tán loạn trụ ở trong duyên, phá trừ đoạn kiến và thường kiến mà thuyết pháp. Đây gọi là có thể quán chánh pháp. Do phá tâm tham nên thuyết quán bất tịnh. Do phá tâm sân hận nên thuyết quán từ bi. Do phá ngu si nên thuyết quán nhân duyên. Do phá giác quán ác nên thuyết đếm hơi thở. Đây gọi là biết phương tiện hay.

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tự ở chỗ Phật hoặc chỗ Bồ-tát mà tu tám việc nầy, lại dùng pháp ấy giáo hóa chúng sinh, đây gọi là Bồ-tát Ma- ha-tát làm thanh tịnh tám thứ diệu lực. Những gì là tám? Một là lực biết các thiền định giải thoát. Hai là lực biết căn. Ba là lực giải. Bốn là lực thế giới. Năm là

lực biết đến chỗ đạo. Sáu là lực của trí túc mạng. Bảy là lực của trí sinh tử. Tám là lực của trí lậu tận.

Lại nữa, giáo hóa có năm thứ: Một là giáo hóa khiến xa lìa ác. Hai là giáo hóa tu pháp thiện. Ba là giáo hóa người phạm giới phát lồ sám hối. Bốn là giáo hóa làm ức niệm yết ma. Năm là giáo hóa người không nhận lời dạy làm yết ma tẫn xuất.

Bồ-tát Ma-ha-tát dùng năm việc nầy giáo hóa chúng sinh, vì tâm thương xót, vì tâm thanh tịnh. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu dùng tâm sân giáo hóa chúng sinh, thì không thể chứng đắc giới Bồ-tát.

Người lãnh thọ lời dạy nên như pháp mà thọ, phải cung kính chí tâm cúng dường tôn trọng như cha mẹ, như Phật Bồ-tát. Vì sao? Vì như pháp thọ nhận lời dạy, có thể mau chứng đắc Bồ-đề Thanh văn, Bồ-đề Duyên giác, đắc Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là Bồ-tát giáo hóa.

Phương tiện hay tức là thân khẩu ý nghiệp của tất cả Bồ-tát Ma- ha-tát, đều vì nhằm điều phục tất cả chúng sinh. Đây gọi là phương tiện hay. Phương tiện hay có bốn thứ: Một là bố thí. Hai là lời nói nhẹ nhàng. Ba là tạo lợi ích. Bốn là đồng nghĩa. Bồ-tát Ma-ha-tát có thể bố thí cho chúng sinh y phục, thức ăn, phòng nhà, ngọa cụ, thuốc thang, người lãnh thọ rồi sinh tâm thương mến đối với Bồ-tát, chí tâm nghe dạy, nghe rồi thọ trì, vì thọ trì nên Bồ-tát dùng lời nhẹ nhàng khen ngợi. Do khen ngợi nên người lãnh thọ hoan hỷ, do hoan hỷ nên có thể hủy hoại tâm ác, thọ trì pháp thiện, do hoại tâm ác nên Bồ-tát lại nói: Ta đã đầy đủ tín, giới, văn, bố thí, trí tuệ. Ông cũng sẽ đầy đủ. Nếu Bồ-tát không đủ năm việc nầy, thì không thể giáo hóa tất cả chúng sinh.

Chúng sinh cũng nói: Nếu Bồ-tát tự không đầy đủ, làm sao dạy người khác khiến họ đầy đủ? Cho nên, Bồ-tát đầy đủ năm việc, tức gọi là Bồ-tát dùng phương tiện giáo hóa chúng sinh. Phương tiện tức là khéo điều phục, khéo điều phục là không xả bỏ, không thối, không chuyển. Đây gọi là phương tiện hay.

-oOo-

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 4

Phẩm 10: BỐ THÍ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, trang nghiêm đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Đó là Bố thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, Trí tuệ Ba-la-mật.

Thế nào gọi là Bồ-tát bố thí Ba-la-mật? Bồ-tát bố thí có chín thứ: Một là tánh thí. Hai là tất cả thí. Ba là nan thí. Bốn là tất cả tự thí. Năm là người thiện thí. Sáu là tất cả hành thí. Bảy là vì trừ thí. Tám là tự lợi, lợi tha thí. Chín là tịch tĩnh thí.

Tánh thí tức là tự lợi lợi tha, mình và người đều lợi, bên trong phát tâm thiện, thân khẩu ý nghiệp thiện, đối với tài vật tâm không tham tiếc. Đó gọi là thí. Bồ-tát thực hành bố thí, trì giới, tinh tấn, tin mười hai bộ kinh, tin nhân tin quả, tùy vật chúng sinh mong cầu tâm không sẻn tiếc, dùng thân khẩu ý nghiệp như vậy bố thí tài sản vật dụng, năm việc như vậy tức là năm ấm. Đây gọi là tánh thí.

Thế nào gọi là tất cả thí? Tất cả thí có hai thứ: Một là vật bên trong. Hai là vật bên ngoài. Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong vô lượng đời vì bố thí chúng sinh mà thọ thân ấm ấy. Đây gọi là vật bên trong. Bồ-tát Ma- ha-tát vì loài quỷ ăn đồ vứt bỏ, tự ăn rồi nhả ra bố thí cho loài quỷ. Đây gọi là vật bên trong. Không phải hai việc nầy thì gọi là bố thí bên ngoài. Bồ-tát Ma-ha-tát xả thân bố thí gồm hai việc: Một là Bồ-tát không được tự tại. Hai là thuộc người khác. Có người cầu mà không bố thí thì không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là Bồ-tát không được tự tại. Thuộc người khác tức là Bồ-tát Ma-ha-tát vì đạo Bồ-đề, nên thân thuộc về chúng sinh; như người thế gian, vì thức ăn y phục mà làm nô bộc cho người khác. Bồ-tát Ma-ha-tát đối trong tự thân không được tự tại. Tất cả chúng sinh đối với thân, đầu, mắt, tủy não, tay chân của Bồ- tát, tùy ý lấy dùng mà được tự tại. Bố thí bên ngoài có hai việc: Một là vì lợi ích cho chúng sinh. Hai là tâm không tham tiếc. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với hai việc bố thí trong ngoài nầy, có bố thí và không bố thí. Bồ-tát Ma-ha-tát quán sát các chúng sinh sau khi thọ thí rồi không được lợi lạc thì không thực hành bố thí, nếu sau khi thọ

thí đạt được lợi lạc thì liền thực hành bố thí. Nếu Bồ-tát biết do dùng thân bố thí khiến chúng sinh thọ khổ bị trở ngại nơi việc thực hành pháp thiện, và biết rõ người cầu phi pháp thì cũng không nên bố thí. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát thấy trăm ngàn vạn ức chúng sinh vì nhân duyên phi pháp mà cầu chẳng được, thì dẫu tan thân mất mạng cũng không vì việc nầy mà thực hành bố thí. Người cầu phi pháp đó là giết hại, trộm cắp, lừa dối. Như vậy gọi là không bố thí.

Lại có trường hợp không thí. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tự biết thân mình có thể làm nhiều lợi ích, nếu có vô lượng chúng sinh đến cầu thì không nên bố thí mà cũng gọi là thí. Vì sao? Vì có tâm tịnh. Nếu biết là ma và quyến thuộc của ma thì không nên bố thí. Nếu có người bị ma làm mê loạn, lúc đến dốc cầu cũng không nên bố thí. Như có người bị ma làm mê hoặc não loạn, đến van nài cầu xin cũng không nên bố thí. Đây gọi là không thí bên trong.

Không thí bên ngoài tức là lửa, độc, dao, rượu có thể làm nhân duyên ác cho chúng sinh, nên Bồ-tát trọn không dùng những thứ nầy bố thí cho chúng sinh, nếu có thể làm việc lợi ích thì dùng để bố thí. Bồ-tát Ma-ha-tát trọn không vì người mà tạo nghiệp ác, nếu biết có người sau khi thọ thí rồi ắt làm việc ác thì cũng không bố thí cho họ. Đây cũng gọi là thí. Vì sao? Vì tâm tịnh. Tay tuy không thí mà tâm đã xả. Vì sao? Vì Bồ-tát biết nhất định người nầy sau khi thọ thí, ắt tạo vô lượng nghiệp ác, đọa vào ba đường ác, nên không bố thí. Nếu Bồ-tát biết người thọ được vật tâm sinh hoan hỷ, nhưng biết họ không tránh khỏi sự khổ trong ba đường ác, thì cũng không nên bố thí. Bồ-tát Ma-ha-tát trọn không dạy người giăng bẫy, săn bắn, cũng không dạy người phụng sự Bà Tẩu thiên. Tự mình không giết dê để cúng tế thiên thần, cũng không dạy người giết dê cúng tế trời, không dùng lưới bẫy bố thí cho người đến cầu. Tất cả sự đánh đập mắng nhiếc, gông cùm đều không bố thí cho người. Nếu có người khốn khổ bần cùng sầu não, muốn tự giết mình, đến cầu dao, rựa, cũng không nên bố thí, cũng không dạy người nhảy từ non cao xuống vực thẳm, hoặc nhảy vào lửa để mất thân mạng. Nếu có người bệnh đến cầu xin thuốc, nếu là thuốc cấm thì không thí cho họ. Người tham ăn khi thấy họ no rồi cũng không nên bố thí. Đây gọi là không bố thí. Bồ-tát Ma-ha-tát không đem cha mẹ, Sư trưởng mà bố thí. Nếu là quốc vương không nên tự tiện lấy vợ con của họ để bố thí cho người, chỉ trừ trong thành ấp, thôn xóm, quốc độ, nếu là vợ con của mình, cho đến đầy tớ, quyến thuộc, trước nên dùng lời nhẹ nhàng an ủi, khuyên nhủ, nhưng tâm họ không chịu thì cũng không nên lấy đem bố thí. Giả sử họ ưng chịu thì cũng không nên thí cho người ác, La-sát, quỷ ác, hạng

Chiên-đà-la. Tuy dùng thành ấp, thôn xóm, quốc độ bố thí cho người, nhưng trọn không bố thí cho người bạo ác, cũng không lén lấy của cải hiện có của cha mẹ, sư trưởng, vợ con, tôi tớ, người hầu mà bố thí cho người. Bồ-tát không dùng phi pháp cầu tài sản vật dụng để bố thí. Lúc thực hành bố thí, không sân hận, đánh đập, mắng nhiếc quyến thuộc của mình, nên dùng lời thiện dạy dỗ khiến họ hoan hỷ, nói rõ phước báo như vậy ngươi cũng có phần. Bồ-tát hành bố thí thì tâm bình đẳng, không xét ruộng phước và chẳng phải ruộng phước, không xét oán thân, chủng tánh tôn quý hay thấp kém, vật đã hứa cho trọn không hối hận, vật hứa cho nhiều trọn không lấy bớt, trước hứa đồ tốt sau không dùng đồ xấu để cho, tuy hứa cho đồ xấu hoặc ít, có thể cho nhiều, cho đồ tốt. Bồ-tát lúc hành thí không có tâm chẳng vui, sân hận tán loạn, thí rồi trọn không tính toán việc báo ân đối với người thọ thí. Lúc bố thí không vì người thọ là tôn quý mà cung kính tay dâng, người thọ là thấp kém cũng không quăng ném để cho. Nếu người thọ đánh mắng hoặc cướp đoạt, Bồ-tát trọn không vì vậy mà sinh sân hận, chỉ trách phiền não, không trách người nầy, đối với người ấy nên sinh tâm thương xót, trọn không suy nghĩ nhân sự thí nầy mà ta sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, không nghĩ nhân bố thí nầy cũng có thể trang nghiêm Bồ-đề. Không vì cầu quả mà thực hành bố thí, tất cả chỗ thí đều hồi hướng về đạo quả Bồ-đề vô thượng. Không vì người khác dạy nên thực hành bố thí, không vì nghe có quả báo của bố thí mà thực hành bố thí. Như trong kinh nói, thí thức ăn được sức lực, thí y phục được sắc đẹp, thí xe cộ được sự vui, thí đèn được mắt sáng, thí phòng nhà được vật tùy ý, trọn không mong đạt các quả như vậy mà thực hành bố thí, chỉ vì thương xót mà thực hành bố thí, vì phá trừ sự bần cùng nên thực hành bố thí, vì điều phục chúng sinh đạt được đạo quả giác ngộ tột bậc nên thực hành bố thí, không bố thí vật phi thí. Phi thí là không dùng thức ăn thừa để bố thí cho Thánh nhân, nếu chẳng phải Thánh nhân, không cầu thì không bố thí, không đem thức ăn thừa bố thí cho cha mẹ, sư trưởng và người có đức, nếu họ dốc cầu thì nên bố thí, trọn không dùng các thứ thức ăn có lẫn đờm dãi, mồ hôi, phân dơ mà bố thí, không đem thức ăn ô uế mà bố thí cho người.

Phàm khi bố thí thức ăn hoặc nhiều hoặc ít, trước nói sau thí không nói không thí, người không ăn hành không dùng thức ăn có hành bố thí, người không ăn thịt không dùng thức ăn có thịt bố thí, người không uống rượu không dùng thức ăn có rượu bố thí, nếu có rượu thơm cũng không dùng để bố thí. Đây gọi là vật bất tịnh không nên dùng bố thí. Bồ-tát Maha-tát khi thấy người đến cầu xin liền bố thí, trọn không vì việc bố thí để sai khiến họ, không vì sự vui nơi cõi trời mà bố thí, không vì danh xưng

mà bố thí, không cầu báo ân mà bố thí, không vì cầu thân làm Chuyển luân Thánh vương mà bố thí, không vì cầu thân Ma thiên, Phạm thiên mà bố thí, không vì quốc vương trưởng giả cung kính cúng dường tôn trọng mà bố thí, có ít vật còn bố thí, huống là có nhiều. Không vì lừa dối mà hành bố thí, không vì phá hoại quyến thuộc người khác thành quyến thuộc mình, cho đến xóm làng, thành ấp, quốc độ mà thực hành bố thí. Bồ-tát khi hành bố thí tay dâng bậc thượng tòa, cho đến các vị Sa-di và người trì giới, hủy giới, tâm không mệt mỏi. Lúc Bồ-tát bố thí trọn không trách mắng người xin, không vì kiêu mạn mà bố thí. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với tất cả vật thường sinh tâm xả, nếu có cất chứa vật đều vì chúng sinh, nếu biết Bồ-tát đã xả vật mà mình có phần trong ấy, tự lấy phần của mình thì không có tội. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc thấy người đến cầu xin, tâm sinh hoan hỷ, như người bệnh nặng gặp thầy thuốc hay, tùy theo chỗ họ cần mà cho. Ba thời hoan hỷ, đó là chưa thí, lúc thí và thí rồi. Bồ-tát lúc thí thường phát tâm nầy: Giả sử trong một lúc có người giàu và nghèo đến xin, Bồ-tát nên tự suy nghĩ, nếu vật có nhiều nên bố thí cho cả hai, như vật có ít thì trước cứu người bần khổ. Làm được nguyện nầy ấy là nhân của đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Keo kiệt có ba hạng là thượng, trung, hạ. Bồ-tát Ma-ha-tát trước phá trừ bậc hạ, do phá bậc hạ thì có thể phá trừ hai bậc trung và thượng, đã tự phá trừ rồi lại vì chúng sinh mà nói pháp phá bỏ tham lam keo kiệt, do thuyết pháp mà chúng sinh được lợi. Lại nữa, Bồ-tát đối với người không cầu xin gắng dùng vật bố thí, nếu không có tài vật, nên dùng phương tiện, sức lực tìm cầu mà bố thí, nếu không có của cải nên dùng pháp thí để giáo hóa chúng sinh: Nay ông tại sao không thực hành bố thí. Thấy người thực hành bố thí tâm sinh hoan hỷ, dùng thân lực giúp đỡ họ, nếu không có của cải nên dùng trí tuệ chỉ bày thiện ác cho chúng sinh. Lại nữa, Bồ-tát không dùng kinh sách chân chánh bố thí cho người tà kiến, không vì sự sống mà bày bán kinh luật, như có người đọc tụng thì nên tặng cho họ, nếu keo kiệt không cho đây gọi là bỏn sẻn về pháp. Nếu có thể thuyết pháp nhưng không vì họ mà thuyết giảng, cũng gọi là bỏn sẻn về pháp. Nếu ta không thể đem pháp bố thí cho người, làm sao phá trừ phiền não cho tất cả chúng sinh. Bồ-tát trọn không thể nói: "Nay ta không có của cải thì không thể thực hành bố thí", cũng không vì thế mà sân hận sầu não, nung đốt tâm mình; nên dùng phương tiện khéo léo an ủi người cầu xin: Nay ta chưa có nên không vừa ý. Vì sao? Vì từ lúc ban đầu phát tâm tự nói sẽ bố thí cho tất cả chúng sinh. Lại nữa, Bồ-tát nghe có người cầu thí đến, tức liền nghênh đón, vì họ mà thí giường tòa, lúc gặp rồi trước dùng lời nhỏ nhẹ thăm hỏi, tùy theo vật họ cần mà cung cấp đầy đủ. Bồ-tát Ma-ha-tát ban đầu phát tâm tự nói: Những

vật nay ta hiện có sẽ thí cho mười phương chư Phật Bồ-tát và các chúng sinh. Ví như đệ tử dùng y bát dâng lên cho thầy, tuy thầy không nhận mà đệ tử nầy được phước vô lượng. Bồ-tát cũng như vậy. Vật hiện có đem dâng cho chư Phật Bồ-tát, tuy chư Phật Bồ-tát không thọ nhận mà cũng khiến người thí được vô lượng phước, thường theo Bồ-tát như hằng hà sa. Bồ-tát Ma-ha-tát xem của cải của mình như chỗ gởi của mười phương chư Phật Bồ-tát, biết Phật Bồ-tát đối với vật nầy tâm không tham tiếc, cho nên Bồ-tát tự tại tùy ý bố thí cho chúng sinh. Cũng lại quán sát người không nên bố thí, nên can ngăn khuyến dụ, như vật nầy chẳng phải vật của ta, chính là vật hiện có của chư Phật Bồ-tát, dùng lời nhẹ nhàng khuyên bảo khiến người cầu xin không sân hận, vì thế Bồ-tát thành tựu đầy đủ tài thí và pháp thí. Đủ hai pháp thí rồi, biết tánh, biết nhân, biết quả, biết phân biệt. Nếu Bồ-tát bố thí cho người oán ghét, là nhân duyên của từ, nếu bố thí cho người khổ là nhân duyên của bi, nếu bố thí cho người có đức là nhân duyên của hỷ, nếu bố thí cho quyến thuộc, anh em, tôi tớ, là nhân duyên của xả. Đây gọi là nhân nơi trí tuệ thí.

Lại nữa, Bồ-tát biết hại tâm bố thí có bốn việc: Một là từ vô lượng đời đến nay không thực hành bố thí. Hai là của cải ít. Ba là tham đắm vật tốt. Bốn là không cầu quả báo lành ở đời sau. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy người đến cầu, dẫu có nhiều của cải mà không phát tâm thí. Đây gọi là Bồ-tát trong vô lượng đời không thực hành tâm thí. Lúc nầy, Bồ-tát nên dùng trí lực tự suy nghĩ: Ta vì từ vô lượng kiếp về trước không thực hành bố thí nên không phát tâm liền. Nay ta có nhiều tài vật và có người đến xin, nếu lại không bố thí thì đời vị lai sẽ tăng trưởng tâm keo kiệt, trọn không tùy thuận, không tu tâm thí.

Lại nữa, Bồ-tát thấy người đến xin, vì của cải ít mà không phát tâm thí, Bồ-tát nên dùng trí tuệ lực mà tự suy nghĩ: Ta vì nhân duyên của vô lượng nghiệp ác, trong vô lượng đời thân thuộc về người khác, chịu khổ não, đói khát, lạnh nóng, không thể tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh, vì duyên nghiệp nầy khiến thân ít của cải, nay nếu không bố thí thì đời sau lại tăng trưởng sự bần cùng khốn khổ. Nay ta nên dùng vật nầy bố thí cho người, tuy phải nghèo khổ nhưng không đến nỗi bị khổ như ba đường ác. Suy nghĩ như vậy, có thể trừ bỏ tâm keo kiệt vì của cải ít. Lại nữa, Bồ-tát thấy người đến cầu xin, đối với vật tốt sinh tâm tham đắm, không phát tâm thí. Lúc ấy, Bồ-tát nên dùng trí tuệ mà tự suy nghĩ: Ta đối với vật vô thường mà nghĩ là thường, trong chỗ vô ngã mà nghĩ là có ngã, nếu ta không bố thí thì sẽ tăng trưởng tâm tham đắm, đấy là ta điên đảo, nên Bồ-tát có thể phá tan tâm tham đắm vật tốt. Lại nữa, Bồ- tát không cầu quả báo nên không

thực hành bố thí. Lúc ấy, Bồ-tát nên tự suy nghĩ: Tất cả các pháp là vô thường không định, nếu là thường là định thì không cần bố thí. Vì sao? Vì không có nhân quả, do vô thường nên ắt có nhân quả, nay nếu không thí thì làm sao được đạo quả Bồ-đề. Cho nên, Bồ-tát có thể phá trừ tâm không cầu quả báo mà thực hành bố thí. Bồ-tát Ma-ha-tát biết rõ bốn sự điên đảo, pháp không có nhất định, không có tướng thường, nên có thể phá trừ bốn tâm ác oán.

Lại nữa, Bồ-tát trong thân vắng lặng, chí tâm tự suy nghĩ: Giả sử ta có của cải, sẽ đem cúng dường chư Phật Bồ-tát, hoặc cúng dường tháp Tăng. Đây gọi là trí tuệ bố thí của Bồ-tát. Có của cải hoặc không cũng thường suy nghĩ như vậy. Pháp thí cũng như vậy. Đây gọi là tất cả thí.

Thế nào là Bồ-tát nan thí có thể thí? Bồ-tát Ma-ha-tát nếu có ít của cải thường đem bố thí, đây gọi là nan thí. Đối với vật mà tâm quý trọng tham đắm, trong vô lượng đời siêng năng mong cầu mà có, hoặc tổn hao sức lực phương tiện lớn lao mà được, dùng những vật như vậy bố thí cho người, đây gọi là nan thí. Thế nào là tất cả tự thí? Bồ-tát Ma- ha-tát hoặc tự mình bố thí, hoặc giáo hóa cha mẹ, anh em, quyến thuộc, vợ con, tôi tớ, khiến họ thực hành bố thí. Đây gọi là tất cả tự thí.

Thế nào là người thiện thí? Nếu thiện nam dùng tâm thiện bố thí, tâm tín thí, chí tâm thí, tự tay thí, thí đúng thời, thí như pháp đắc tài. Đây gọi là người thiện thí.

Thế nào là Bồ-tát tất cả hành thí? Do không cầu quả báo, thì gọi là tất cả hành thí. Thường thí cũng gọi là tất cả hành thí. Phước điền thí gọi là tất cả hành thí. Không quán phước điền và phi phước điền thí, gọi là tất cả hành thí. Không quán thời và phi thời, gọi là tất cả hành thí. Không quán tài vật là có thể thí hay không thể thí. Đây gọi là tất cả hành thí. Thế nào là Bồ-tát vì diệt trừ cho nên thí? Nếu có chúng sinh đói khát khổ não, vì trừ việc nầy mà hành bố thí. Nếu lạnh thì thí áo, cầu xe thí xe, cầu anh lạc thí anh lạc, cho đến hương thoa, hương bột, tạp hoa, đèn đuốc, phòng nhà, mền nệm, thuốc thang, cũng lại như vậy. Đây gọi là vì dứt trừ nên thí.

Thế nào gọi là tự lợi lợi tha thí? Bồ-tát Ma-ha-tát nếu dùng tài thí, pháp thí bố thí cho người, có thể vì thân mình và thân chúng sinh mà làm hai đời vui, thường ban sự vui vô úy cho chúng sinh. Nếu gặp thú dữ như hổ lang, sư tử, các thứ lũ lụt, hỏa hoạn, nạn vua, giặc cướp, đều có thể cứu giúp. Đây gọi là vô úy thí. Bồ-tát Ma-ha-tát dùng pháp bố thí, phàm có tuyên thuyết đều không điên đảo. Đây gọi là pháp thí. Có thể khéo dạy bảo tất cả chúng sinh, đây gọi là pháp thí tịnh. Bồ-tát thí của cải tức tạo lợi ích

trong hiện tại, thực hành pháp thí thì có thể tạo lợi ích cho hiện tại, và đời khác. Lại có tài thí, hoặc vì chúng sinh nên chịu sự khổ nơi hiện tại. Pháp thí không như vậy, vì có thể làm an vui cho đời nầy đời sau. Tài thí là bất tịnh, pháp thí là thanh tịnh gọi là vô biên, tài thí dễ đạt, pháp thí khó đạt. Đây gọi là tự lợi lợi tha thí.

Thế nào gọi là tịch tĩnh thí? Tịch tĩnh thí có mười thứ: Một là thí vô ngại. Hai là thí không sai lầm. Ba là thí phi trang nghiêm. Bốn là thí không có tâm tự cao. Năm là thí không có tâm tham đắm. Sáu là thí không xấu hổ. Bảy là thí không ưu sầu. Tám là thí, không thấp kém. Chín là thí không cầu báo ân. Mười là thí không cầu quả báo.

Thí vô ngại tức là Bồ-tát Ma-ha-tát khi thực hành bố thí, không bị tất cả công việc đời làm cho trở ngại. Tuy biết người cầu tâm không áy náy, nhưng nên mau đáp ứng chỗ cầu của họ. Đây gọi là thí vô ngại.

Thí không sai lầm tức Bồ-tát Ma-ha-tát trọn không nghĩ bố thí có quả báo, không có quả báo thiện ác, cũng không nói sát sinh hành thí mà được quả báo thiện như thuyết của Bà Tẩu. Do nhân duyên thí không tham đắm, mà được sự an vui ở thế gian và đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là thí không sai lầm.

Thí phi trang nghiêm tức là Bồ-tát Ma-ha-tát trọn không chứa vật vì trang nghiêm tốt mà hành bố thí, tùy chỗ bố thí trọn không cất chứa. Vì sao? Bồ-tát biết rõ thân mạng và của cải là vô thường khó giữ, gặp người đến cầu thường bố thí, trọn không nói đợi ta trang nghiêm rồi sau đó mới cho. Vì sao? Vì trang nghiêm thí thì không gọi là Bồ-tát trang nghiêm đạo quả Bồ-đề vô thượng. Nếu đợi trang nghiêm thí thì khiến chúng sinh chịu khổ não rồi.

Thí tâm không tự cao tức là Bồ-tát Ma-ha-tát thấy người đến cầu, sinh tâm nhún nhường, không tự khen ngợi ta là thí chủ, không cầu báo ân, không vì hơn người, vì danh xưng mà hành bố thí. Đây là thí tâm không tự cao.

Thí tâm không tham đắm tức là Bồ-tát Ma-ha-tát không đắm nơi danh xưng. Bồ-tát quán xét danh xưng như hư không, như gió không vướng mắc, nếu cầu danh mà thí thì không thể chứng đắc đạo quả Bồ- đề vô thượng cho nên Bồ-tát cầu đạo quả giác ngộ ấy thì không cần danh xưng. Đây là thí tâm không tham đắm.

Thí không xấu hổ tức là khi thực hành bố thí, luôn luôn hoan hỷ.

Đây là thí không xấu hổ.

Thí không ưu sầu tức là Bồ-tát Ma-ha-tát dùng vật quý trọng bố thí

rồi tâm không hối hận. Đây gọi là thí không ưu sầu.

Thí không thấp kém tức là Bồ-tát quán xét tất cả chúng sinh, tâm ấy bình đẳng, thảy đều vui vẻ nhìn ngắm. Đây gọi là thí không thấp kém.

Thí không cầu báo ân tức vì lòng thương xót nên tu tập từ bi, ban sự an vui, không cầu sự đền đáp. Đây gọi là thí không cầu báo ân.

Thí không cầu quả báo tức là Bồ-tát Ma-ha-tát lúc thực hành bố thí, không cầu thân Chuyển luân Thánh vương, hoặc ở cõi trời ba mươi ba, Ma thiên, Phạm thiên, của cải tự tại. Vì sao? Vì Bồ-tát quán xét các pháp hữu vi đều không bền chắc như là cây chuối, nên lúc bố thí không cầu quả báo. Đây gọi là thí không cầu quả báo.

Mười việc như vậy có thể khiến Bồ-tát thành tựu đầy đủ bố thí Ba-la-mật, chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Phẩm 11: TRÌ GIỚI CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là giới của Bồ-tát Ma-ha-tát? Giới có chín thứ: Một là giới tự tánh. Hai là giới tất cả. Ba là giới nan. Bốn là giới tất cả tự. Năm là giới thiện nhân. Sáu là giới tất cả hạnh. Bảy là giới trừ. Tám là giới tự lợi lợi tha. Chín là giới tịch tĩnh.

Giới tự tánh tức là Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ giới tự tánh, có bốn công đức: Một là dùng tâm thanh tịnh thọ lãnh từ người khác. Hai là tâm không thanh tịnh hủy giới đã thọ. Ba là nên chí tâm hổ thẹn sám hối. Bốn là sám hối rồi chuyên tâm không dám phạm lại. Bồ-tát Ma-ha-tát từ người khác lãnh thọ giới, sinh tâm hổ thẹn, do tâm hổ thẹn nên hộ trì không phạm, nếu tâm không tịnh hủy giới đã thọ, do tâm hổ thẹn nên không dám che giấu dù là một đêm. Bồ-tát phạm giới trải qua một đêm, nếu muốn sám hối, không nên sám hối một lần phạm, mà phải suy nghĩ về việc phạm vô lượng lần mà sám hối. Vì sao? Vì nếu phạm nhiều mà sám hối một lần thì không gọi là sám hối, người thọ nhận có tội.

Lúc Bồ-tát thọ trì giới từ người khác gồm có bốn việc: Một là xấu hổ. Hai là chí tâm kiên trì. Bồ-tát Ma-ha-tát chí tâm trì giới, trọn không sinh tâm hủy phạm. Ba là thọ rồi nhất tâm thọ trì. Bốn là tịnh tâm hộ trì.

Bồ-tát đầy đủ bốn công đức giới có thể làm bốn việc: Một là không phạm. Hai là nếu phạm liền sám hối. Ba là tâm sinh hổ thẹn. Bốn là không sinh hối hận. Đây gọi là giới tánh. Giới tánh của Bồ-tát gọi là giới chân

thật, gọi là giới tự lợi lợi tha, gọi là giới lợi ích cho chúng sinh, gọi là nghĩa giới lợi ích cho chúng sinh, gọi là giới tăng trưởng trời người, gọi là giới vô lượng công đức.

Bồ-tát thành tựu giới như vậy, sinh tâm thương xót thì có thể giáo hóa vô lượng chúng sinh. Bồ-tát nếu vì khách trần phiền não mà không sám hối, nên thường vì người khen ngợi trì giới, quở trách phá giới, nói tội lỗi hủy phạm giới cấm, nếu có thể như vậy tuy gọi là hủy giới mà tội lỗi nhẹ, cũng có thể chứng đắc trọn vẹn đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là giới tự tánh.

Giới tất cả tức là những giới người tại gia và xuất gia đều thọ trì. Có ba thứ: Một là giới. Hai là giới thọ pháp thiện. Ba là vì lợi ích cho chúng sinh nên hành giới.

Thế nào gọi là giới? Giới có bảy loại, là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu muốn thọ trì giới Bồ-tát, trước phải tịnh tâm thọ bảy thứ giới, nghĩa là tịnh tâm hướng đến giới Bồ-tát, như người thế gian muốn thỉnh đại vương, trước phải quét dọn phòng nhà, chỗ ở. Bảy thứ giới nầy là chỗ thọ trì của người tại gia và xuất gia. Giới Bồ-tát cũng lại như vậy, đều là người tại gia và xuất gia hành thọ. Đây gọi là giới.

Thế nào là giới thọ pháp thiện? Giới pháp thiện tức là Bồ-tát Ma- ha-tát không có bảy loại giới trên, vì Bồ-đề nên tu mười pháp thiện nơi thân khẩu ý nghiệp. Đây gọi là giới thọ pháp thiện. Thân khẩu ý tức là Bồ-tát Ma-ha-tát trụ vào giới địa rồi, đọc tụng biên chép, phân biệt giải nói, suy nghĩ tu tập hai pháp chỉ và quán, cung kính cúng dường tôn trọng tán thán các bậc sư trưởng, Hòa thượng, trưởng lão có đức, luôn luôn cung kính hầu hạ, hoặc bệnh, hoặc già, hoặc đi giữa đường mệt mỏi, phải liền thay thế mang y bát, nếu thấy thuyết pháp thì tán thán: Lành thay! Thấy người trì giới hết sức ủng hộ, khen ngợi giới pháp, nguyện các chúng sinh đều trì tịnh giới. Thấy người phá giới sinh tâm thương xót, khéo dùng lời quở trách và dạy họ sám hối. Các việc thiện do thân khẩu ý làm, đều phát thệ nguyện hồi hướng đến đạo quả Bồ-đề vô thượng. Lúc thân khẩu ý còn có khí lực, siêng năng cúng dường Phật Pháp Tăng bảo. Vì tăng pháp thiện nên siêng tu tinh tấn. Vì đạt được tất cả pháp thiện nên tu bất phóng dật. Thường phải chí tâm niệm giới, hộ giới, điều phục các căn, ăn uống biết đủ, không ưa ngủ nghỉ, đầu đêm cuối đêm đọc tụng kinh điển, nhớ nghĩ về Tam bảo, gần gũi bạn lành, ưa nghe lời dạy, tự xét lỗi mình, biết rồi sám hối, tâm sinh hổ thẹn, chí tâm nhớ nghĩ không còn hủy phạm, hướng đến Phật Pháp Tăng,

đồng sư, đồng pháp, đồng giới, đồng học, phát lồ sám hối. Đây gọi là giới thọ pháp thiện.

Vì tạo lợi ích cho chúng sinh mà thực hành giới có mười một thứ. Nếu có chúng sinh muốn tu pháp thiện, tức đến khuyến khích cùng làm bạn, cùng làm nghiệp thiện, có người chăm sóc bệnh cũng đến khuyến khích cùng làm bạn. Nếu có chúng sinh muốn hiểu ý nghĩa của pháp thế gian và xuất thế gian tức dùng phương tiện vì họ mà giải thuyết, có chỗ thọ ân luôn nghĩ nhớ báo đáp. Báo đáp đó là kiên trì giới cấm, đọc tụng, biên chép mười hai bộ kinh, suy nghĩ về nghĩa chánh, phân biệt giải thuyết, có thể cứu giúp các sự sợ hãi của chúng sinh. Đó là sợ hãi về sư tử, hổ lang, lũ lụt, giặc cướp, nạn vua, ủng hộ chúng sinh khiến được xa lìa các thứ sợ hãi như vậy. Nếu có chúng sinh chết mất thân thuộc, hao tổn của cải, do ái biệt ly nên tâm sinh sầu khổ, có thể vì họ thuyết pháp khiến lìa khổ não. Nếu có chúng sinh bần cùng khốn khổ, tức có thể bố thí của cải mà họ cần dùng. Vì duy trì pháp nên nuôi dạy đệ tử, không vì danh lợi. Vì giữ gìn pháp nên qua lại nơi bốn chúng, cùng chung giảng luận không vì lợi dưỡng. Vì giữ gìn pháp nên gần gũi các hàng quốc vương, đại thần, trưởng giả, không vì lợi dưỡng, không vì đàn việt cung phụng mà thân khẩu nghiệp tạo tác phi pháp. Không được phi thời qua lại nhà người. Tại gia xuất gia đều có phi thời. Phi thời tức là lúc tham, lúc sân, lúc si, lúc gió to mưa lớn, lúc cưới hỏi, lúc yến tiệc, trừ những phi thời trên thì gọi là thời. Tùy theo công đức pháp thiện mà mình có được, đều đem chuyển dạy cho tất cả chúng sinh, tâm không tham tiếc. Thấy người hủy giới sinh tâm thương xót, dùng tâm thanh tịnh và lời tốt đẹp mà dạy bảo, cũng như cha mẹ dạy dỗ các con: Điều ngươi đã phạm thì nên phát lồ, như pháp sám hối, nếu họ không nghe thì không nên cung cấp, hầu hạ như trước, lại nên tùy việc mà nêu ra khiển trách, nếu vẫn không nghe như cũ thì phải đuổi ra khỏi trụ xứ, vì muốn pháp Phật được tăng trưởng nên làm vậy. Nếu không dạy bảo, trách phạt, đuổi ra, mà lại cùng ở chung, đây gọi là phá giới, là chẳng phải Sa-môn, chẳng phải là phạm hạnh. Trong pháp Phật gọi kẻ xấu là Chiên-đà-la, là kẻ giết mổ súc vật. Hạng Chiên-đà-la và kẻ giết mổ súc vật, tuy làm việc ác nhưng không phá hoại chánh pháp của Như Lai, không nhất định bị đọa trong ba đường ác. Làm thầy không thể dạy dỗ đệ tử, tức là phá hoại pháp Phật, nhất định bị đọa trong địa ngục. Vì danh tiếng mà nuôi chứa đồ chúng, đây gọi là tà kiến, gọi là đệ tử ma, không nuôi đệ tử thì không thể hủy hoại chánh pháp của Như Lai, nuôi đệ tử xấu tức phá hoại pháp Phật, do phá hoại pháp Phật nên gọi là đệ tử ma. Vì lợi dưỡng nên nuôi chứa đồ chúng, đây gọi là tà kiến. Nếu có thần túc thông, tha tâm thông và túc mạng thông,

sau đó mới có thể dùng giới Bồ-tát giáo hóa người khác. Người nầy có thể nuôi chứa đệ tử xấu. Vì sao? Vì biết phương tiện. Do biết phương tiện nên phá trừ pháp ác, khai thị pháp thiện. Nếu có Tỳ-khưu không đủ ba ba trí tuệ như vậy, mà nói ta đủ ba thứ trí tuệ, có thể nuôi chứa đệ tử xấu, phải biết người nầy là phạm tội nặng, nếu lìa việc ấy thì gọi là giới lợi tha. Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu giới, giới thiện, giới lợi ích cho mọi người như vậy, gọi là giới tốt, giới thâu giữ tất cả, gọi là giới đến bờ giải thoát, là giới giải thoát, là giới vô thượng, là giới không nhân quả, là giới thường lạc ngã tịnh, là giới cứu cánh vô biên, là giới tất cả phương tiện hay. Nếu Bồ-tát có thể chí tâm nhớ nghĩ về giới Bồ-tát, thì hơn tất cả Thanh văn Duyên giác. Nếu có thể đầy đủ giới Bồ-tát, cũng hơn cả Bồ-tát sáu địa. Nếu có Bồ-tát xả bỏ quả vị Chuyển luân vương, xuất gia học đạo thọ giới giải thoát, xả bỏ năm thứ dục như bỏ đờm dãi, không nhớ, không cầu, không sinh hối tiếc, cho đến sự vui năm dục ở cõi trời cũng lại như vậy. Không vì thọ hoan lạc nơi cõi trời, người nên thọ trì giới cấm, quán xét năm thứ dục lạc như lửa lớn, rắn độc, như ba đường ác, được người khác cúng dường xem như thức ăn nhổ ra, tâm không dám tham đắm. Người thế gian nếu vì thọ vui nơi cõi trời người, hoặc vì danh dự lợi dưỡng mà thọ trì giới cấm, phải biết người nầy không phải là đắc giới. Người thành tựu giới hoặc ở trong Tăng chúng, hoặc ở nơi vắng lặng. Đây gọi là tịch tĩnh.

Không thể giáo hóa chúng sinh nên không thể hộ trì giáo pháp, vì tiếc thân mạng nên không thể hộ trì giáo pháp, vì tham lợi dưỡng nên không thể hộ trì giáo pháp, vì oán hiềm nên không thể hộ trì giáo pháp, vì sợ hãi nên không thể hộ trì giáo pháp, vì kiêu mạn nên không thể hộ trì giáo pháp, vì không ưa pháp nên không thể hộ trì giáo pháp, vì không có tâm thương xót nên không thể hộ trì giáo pháp, vì không sợ xấu hổ nên không thể hộ trì giáo pháp. Đây gọi là phá giới, gọi là không tịch tĩnh. Nếu người đối với giới sinh tâm biết đủ, phải biết người nầy không gọi là trì giới. Biết nhân nơi giới nên được vô lượng Tam-muội của chư Bồ-tát, nếu không có giới thì không tăng trưởng vô lượng Tam-muội, vì Tam-muội nên hộ trì giới cấm. Bồ-tát hộ trì giới Bồ-tát, thà mất thân mạng chứ trọn không nghe lời phi pháp hoặc cùng ở với người ác, không nhớ không khởi các giác quán ác. Nếu có khởi tâm liền hối hận quở trách, sám hối. Khi ở trong chúng nếu nghe lời nói ác, việc ác, pháp ác, nghĩa ác, tức liền đứng dậy đi, nếu sức mình có thể ngăn được, nhưng không dạy dỗ, quở trách, mà bỏ đi, đây gọi là phạm. Nếu sức mình không thể ngăn cản mà ở lại nghe thì cũng gọi là phạm. Nếu tâm không nghe thì gọi là trì giới, nếu tâm lắng nghe thì gọi là phá giới, hoặc ưa nghe cũng gọi là phá giới, không ưa nghe thì gọi là trì

giới, sinh tâm hối hận thì gọi là trì giới, tâm không hối hận thì gọi là phá giới. Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát, trọn không tự nghĩ giới ta thọ là từ Hòa thượng mà đắc, tự nghĩ chính là từ thập phương chư Phật Bồ-tát mà thọ. Nếu ta từ Hòa thượng thọ đắc giới, thì không gọi là giới Bồ-tát, nếu từ thập phương chư Phật Bồ-tát thọ đắc giới, chính gọi là giới Bồ-tát. Bồ-tát Ma-ha-tát nếu phân biệt mười tám bộ Tăng thì không gọi là đắc giới Bồ-tát, nếu có thể bình đẳng xem tất cả đều là đệ tử của chư Phật Bồ-tát ở mười phương thì gọi là đắc giới Bồ-tát. Nếu xem tất cả đều là đệ tử của chư Phật Bồ-tát ở mười phương trụ ở đại địa, vì nhân duyên trụ nơi đại địa nên đều chứng đắc đạo quả Bồ đề vô thượng. Cõi chúng sinh không thể nghĩ bàn, pháp giới chúng sinh không thể nghĩ bàn, tánh chúng sinh không thể nghĩ bàn, giới chúng sinh không thể nghĩ bàn, ta chưa chứng đắc nhất thiết trí, tại sao phân biệt mười tám bộ Tăng? Nếu ta phân biệt thì không thể đắc giới tất cả, giới vô ngại, giới vô thượng, do có thể quán như vậy cho nên đắc giới Bồ-tát, như đời quá khứ Bồ- tát đã chứng đắc giới cấm. Nếu Bồ-tát có thể quán như vậy, thì được vô lượng vô biên phước đức, có thể biết tâm của Phật và Bồ-tát trong mười phương, cũng biết người đầy đủ giới Bồ-tát sẽ chứng đắc đạo vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát quán xét chư Phật và Bồ-tát trong quá khứ, lúc chưa thành tựu đạo vô thượng, đầy đủ phiền não học giới Bồ-tát, đầy đủ thành rồi đắc đạo vô thượng. Nay thân nầy của ta cũng là chúng sinh, cũng có năm ấm, cũng có phiền não, cũng thọ giới Bồ-tát, tu tập đạo Bồ-đề, cũng sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Ta cũng có thể điều phục nghiệp ác của thân khẩu ý, ắt cũng sẽ chứng đắc đạo quả ấy. Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát, chí tâm chuyên niệm tự xét lỗi mình, không thưa điều xấu của người, thấy người làm ác tâm không sân hận, thấy người phá giới tâm sinh thương xót, không có sân, não. Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát, nếu bị người ác dùng dao gậy đánh đập hoặc dùng lời ác chửi mắng, đối với người nầy không nên khởi tâm ác hoặc nói lời thô sẽ báo thù. Bồ-tát nếu học giới Bồ-tát có năm việc không phóng dật: Một là xét mình phạm tội nên như pháp sám hối. Hai là xét đáng phạm tội nên như pháp sám hối. Ba là xét hiện phạm tội nên như pháp sám hối. Bốn là chí tâm kiên trì không nghĩ tưởng phạm. Năm là phạm rồi nên chí tâm sám hối. Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát, nếu có công đức thì nên che giấu, các tội đã phạm phải nên phát lồ, ít muốn biết đủ, gắng nhẫn các khổ, thường ưa vắng lặng, tâm không hối hận, không tự cao, không khinh suất, tu hạnh tịch diệt và hạnh vi tế, phá bỏ tà mạng, Bồ-tát thành tựu pháp như vậy, gọi là Bồ-tát an trụ trong giới Bồ-tát.

Bồ-tát thọ và học giới Bồ-tát, không nhớ sự vui năm dục trong quá

khứ, không cầu sự vui năm dục đời vị lai, tâm không tham đắm với năm dục hiện tại, thường ưa tịch tĩnh, phá bỏ giác quán ác, thành tựu đầy đủ hạnh không phóng dật, không dám khinh chê tất cả chúng sinh, thành tựu nhẫn nhục đầy đủ tâm tịnh. Người học tịnh giới không tiếc thân mạng, không tiếc của cải, khéo biết nhân duyên của phiền não phá giới, hay khéo điều phục nhân duyên phiền não phá giới, điều phục tâm sân hận, có thể điều phục tâm não hại của chúng sinh, hiểu rõ sự điên đảo, biết nhân quả thiện, do biết nhân quả thiện nên siêng năng gắng cầu, phá trừ bất tín, nhân quả bất thiện, quán tất cả pháp không có tướng thường, ngã, không có tướng lạc, tịnh, phá trừ bốn thứ điên đảo: vô thường cho là thường, vô lạc cho là lạc, vô ngã cho là ngã, bất tịnh cho là tịnh của chúng sinh, tu học giới thiện, tu tập nhân bố thí, nhân trì giới, nhân nhẫn nhục, nhân tinh tấn, nhân thiền định, nhân Bát nhã. Bồ-tát thọ trì giới vì tạo lợi ích cho mọi người nên giáo hóa chúng sinh khiến làm nghiệp thiện, cùng làm bạn với người tu thiện, thường dạy chúng sinh cúng dường Tam bảo. Nếu thấy ly biệt thì dùng phương tiện hay khiến được hòa hợp trở lại. Thấy người bệnh khổ tự thân cung cấp, hầu hạ. Thấy người mù lòa cung cấp vật cần dùng như y phục, thức ăn, chỉ bày đường đi, khéo vì họ thuyết pháp, gặp người bị điếc thì vạch đất chỉ bày nghĩa, gặp người bị què thì bố thí xe cộ, nếu không có xe cộ thì tự thân cõng vác. Thấy người vì tham mà thọ khổ, có thể thuyết pháp khiến họ trừ khổ. Đối với sân hận, ngu si cũng lại như vậy. Gặp người đi đường mệt nhọc thay họ mang vác, bố thí thức ăn, mền nệm, các thứ cần dùng.

Lại có chúng sinh ưa tạo nghiệp tội, Bồ-tát thấy rồi nên khéo thuyết pháp, lời thiện nghĩa thiện, lời hợp nghĩa hợp, lời nghĩa lần lượt tăng trưởng pháp thiện, thuyết nghĩa đầy đủ. Vì muốn trang nghiêm đạo Bồ-đề nên dùng phương tiện hay dạy phá điều ác. Vì người tham lam keo kiệt dạy pháp phá tham lam keo kiệt, tăng trưởng pháp thiện và phá trừ tranh chấp nơi các tài vật. Nếu có chúng sinh không tin pháp Phật, khéo thuyết pháp khiến họ sinh tâm tín. Vì nhằm phá diệt phiền não nghiệp ác nơi chúng sinh, muốn được tám chánh đạo cho nên thuyết pháp.

Lại nữa, Bồ-tát học giới Bồ-tát nên phát thệ nguyện lớn, vì phá các tà ác kiến của chúng sinh, vì biết ân báo ân, nên dùng lời nhẹ nhàng thăm hỏi cúng dường sư trưởng, trưởng lão có đức, có thể phá trừ sự sợ hãi ưu sầu, đó là sợ hãi về sư tử, hổ lang, nước lửa, nạn vua, giặc cướp. Nếu có chúng sinh chết mất cha mẹ, anh em, quyến thuộc, vợ con, tôi tớ, hao tổn của cải, thân ái biệt ly, có thể dùng phương tiện thích ứng thuyết pháp diệt trừ khổ não, thường bố thí vật cần dùng cho chúng sinh như y phục, thức

ăn, phòng nhà, mền nệm, thuốc thang, hương hoa, anh lạc, đèn đuốc.

Nếu Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát, nuôi chứa đệ tử mà không khéo dạy dỗ, thuyết pháp chỉ bày khiến điều phục tham sân si, cũng không thể cung cấp y phục thức ăn phòng nhà thuốc thang, không thể vì đệ tử mà cầu đàn việt tốt, nếu vì đàn việt thuyết giảng pháp yếu, có được của cải không thể phân chia bình đẳng, phải biết người nầy vì danh tiếng mà nuôi chứa đệ tử, không phải vì pháp. Nếu có thể tùy thời dạy dỗ nói pháp, vì tánh, vì lực, vì tạng Bồ-tát, vì muốn đầy đủ giới Bồ-tát mà tu tám chánh đạo, chứng đắc đạo quả bồ đề vô thượng, đây đúng là Bồ-tát nuôi chứa đệ tử không vì danh tiếng. Bồ-tát thọ học giới Bồ-tát, trước phải quán xét tánh giới chúng sinh, sau đó cùng ở để chuyển tánh giới, thuyết pháp thích ứng, tùy ý cùng đi, khiến họ điều phục không tạo nghiệp ác, có thể phá trừ pháp ác, tăng trưởng pháp thiện, có thể ban cho các vật cần dùng. Thấy người làm ác sinh tâm thương xót, thấy người không nghe lời dạy sinh tâm buồn khổ, đối với các nghiệp ác mình làm tâm không ưu sầu, thấy người tạo tác sinh tâm thương xót. Vì sao? Bồ-tát đối với thân khẩu ý ác của mình, có thể nhanh chóng điều phục, mở tâm sám hối, vì có lực nhân duyên của đại trí. Bồ-tát vì người khác cũng lại tạo tác nghiệp ác nơi thân khẩu, vì muốn điều phục nghiệp ác của họ, tùy theo tâm người mà Bồ-tát có lúc hiện thọ sự hoan lạc, vì để điều phục người khác. Bồ-tát ma-ha-tát vì mọi người nên không sớm chứng đắc đạo quả Bồ đề vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát tuy tùy thuận chúng sinh mà không khinh không chê, không đánh không mắng, không nói việc ác, không khen đức của mình để tự cao. Người không gần gũi chẳng phải là không gần gũi, tuy gần gũi mà phi thời thì không làm.

Thấy người khác sinh tham đắm không nên nói lỗi họ, thấy người không tham ái thì không khen ngợi. Chưa biết căn tánh của người thì không thuyết giảng nghĩa sâu xa, không nên theo người khác cầu xin, tuy được thí nhiều nên sinh tâm biết đủ, tâm không ưa thọ nhận mọi người cúng dường, thường ưa xả bỏ của cải, cung cấp cho mọi người, thường ưa khen ngợi người khác làm thiện.

Thấy người phạm giới thì không vì họ nói giới. Thấy người không có tâm tín thì không khen ngợi sự tín. Thấy người có tâm tham thì không khen ngợi bố thí. Người không ưa đọc tụng thì không tán thán việc đa văn. Thấy người si ám không khen ngợi trí tuệ. Nếu vì người phạm giới mà khen ngợi giới, thì khiến họ không ưa không vui, sinh tâm xấu hổ sân hận. Vì sân hận nên đối với pháp Phật và người thuyết pháp sinh tâm đại ác, do tâm đại ác nên tăng trưởng nhân địa ngục. Bồ-tát Ma- ha-tát nếu làm như vậy, tức là

ban cho chúng sinh nhân duyên địa ngục, không gọi là Bồ-tát. Người tùy ý thuyết pháp, cho đến đối với người ngu si, tự khen trí tuệ cũng lại như vậy. Nếu như Bồ-tát có thần thông lớn, mới có thể vì người không tin mà thuyết giới Bồ-tát. Vì sao? Vì người nầy có thể dùng lực thần thông, chỉ bày cho người kia thấy địa ngục nóng, địa ngục lạnh, địa ngục nhỏ, lại nói: Nay ngươi tại sao không tin lời ta, xem quả ác nầy do người tạo tác, nên chịu khổ nơi địa ngục. Nếu ngươi lại không tin nơi giới Bồ-tát, thì sẽ chịu quả ác như vậy. Người không tin thấy việc nầy rồi, trong lòng sợ hãi liền sinh tâm tín.

Lại có Bồ-tát vì người không tin, dùng lực thần thông hiện hình La-sát mà nói: Nay ta đi tìm những người không tin để đoạn mạng sống của họ, nếu có người tin ta sẽ hộ niệm, người không tin khi thấy nghe việc như vậy rồi liền sinh tâm sợ hãi, do sợ hãi nên tin giới Bồ-tát.

Lại dùng thần lực hiện hình thần Mật Tích cầm chày kim cang mà nói: Nếu có người không tin giới Bồ-tát, ta sẽ đập vỡ đầu người ấy làm bảy phần. Người không tin khi thấy nghe như vậy liền sinh sợ hãi, do sợ hãi nên sinh lòng tin.

Lại dùng thần lực làm thành các thân, hoặc làm một thân, hoặc làm nhiều thân, hoặc làm thân rừng cây sông núi, hoặc thân vô ngại, thân lớn thân nhỏ, thân phát ra nước lửa. Người kia không tin thấy rồi liền hỏi những việc như vậy đều là quả gì? Đáp: Đây là quả của giới Bồ-tát. Người kia nghe rồi sinh tâm tín đối với giới Bồ-tát. Nếu không có thần thông mà thuyết giới Bồ-tát cho người không tin tức mắc vô lượng tội. Vô lượng tội tức là chịu khổ trong vô lượng đời. Đây gọi là vô lượng, tuy có tội ngũ nghịch nhưng chưa đủ để ví dụ. Vì sao? Vì tội ngũ nghịch có thể dời chuyển, như vua A-xà-thế. Còn tội không tin kia thì không thể chuyển, tội ngũ nghịch nặng trong một đời, tội không tin thì chịu khổ trong vô lượng đời, cho nên nói là không thể ví dụ.

Nếu lấy vật của Phật, của Pháp, của Tăng, của Tăng hiện tiền, tội báo như vậy cũng không thể ví dụ. Vì sao? Tội báo như vậy chỉ nặng trong một đời, tội không tin thì đến vô lượng đời. Như mười hằng hà sa chúng sinh phát tâm Bồ-đề, giả sử có người khiến hằng hà sa chúng sinh như vậy thối tâm Bồ-đề, dạy cho họ tà kiến, tội báo như vậy cùng với tội không tin là bằng nhau, không sai khác.

Lại khiến hằng hà sa chúng sinh như vậy đều trụ ở năm địa, giả sử có người đoạt hết mắt của họ, tội báo nầy cũng như tội báo không tin. Nếu lại có người phá hoại tất cả tháp miếu của chư Phật, giết hại tất cả đệ tử của

chư Phật, thiêu đốt tất cả kinh điển của chư Phật, tội báo như vậy cũng như tội báo thuyết giới Bồ-tát cho người không tin. Vì sao? Từ nhân mà sinh ra địa ngục, từ nhân mà vào Niết-bàn, nhân do người thuyết nên có vô lượng khổ, vì thế, người thuyết mắc vô lượng tội. Tuy biết vô lượng chúng sinh trong đại chúng có thể tạo nghiệp thiện nơi cõi trời, người và phát tâm tín, nhưng ở trong chúng ấy có một người không tin thì cũng không thể thuyết giới Bồ-tát. Đây gọi là giới thiện của Bồ- tát tạo lợi ích cho chúng sinh.

-oOo-

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 5

Phẩm 12: NHẪN NHỤC CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào là tánh nhẫn của Bồ-tát Ma-ha-tát? Do lực của trí tuệ nên có thể gắng chịu các việc khổ não. Tất cả nhẫn, hết thảy mọi nhẫn do có thương xót mà đạt được tâm từ. Tánh nhẫn có hai hạng: Một là xuất gia. Hai là tại gia. Tại gia và xuất gia đều có ba thứ: Một là có thể nhẫn chịu những sự đánh đập chửi mắng v.v…của chúng sinh. Hai là có thể nhẫn chịu tất cả các khổ. Ba là nhẫn vui pháp thiện. Có thể nhẫn chịu mọi sự đánh đập chửi mắng của chúng sinh: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát lúc bị đánh đập chửi mắng liền suy nghĩ: Do thân nầy của ta tạo các nghiệp ác, nên nay tự chịu quả báo, tại sao đối với những người kia sinh tâm sân hận? Ta cũng không cầu có phiền não khổ nầy, nay nếu không nhẫn thì sau sẽ tăng thêm nhiều. Không nhẫn nhục là nhân của phiền não khổ, ta thọ thân nầy và các phiền não, chẳng phải lỗi của chúng sinh mà đó là lỗi của ta. Nếu có việc ác thật không ưa nhận, thì hoặc nay không nhẫn thì đó là tự tạo tác, nếu tự tạo tác thì phải tự thọ tánh khổ của sinh tử. Nếu thân thọ khổ tại sao không nhẫn. Hàng Thanh văn, Duyên giác vì tự lợi mà hãy còn tu nhẫn nhục, huống là ta nay muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh mà không nhẫn nhục sao? Nếu ta không nhẫn thì không được đầy đủ giới Bồ-tát, tu tám chánh đạo, chứng đắc đạo vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc suy nghĩ như vậy nên tu năm thứ nhẫn: Một là đối với kẻ oán người thân, hoặc không oán thân, tu hạnh nhẫn nhục. Hai là đối với ba hạng người thượng, trung và hạ, tu hạnh nhẫn nhục. Ba là đối với người thọ khổ, vui, không khổ không vui, tu tập nhẫn nhục. Bốn là đối với người có phước đức, không có phước đức, chẳng có chẳng không, tu tập nhẫn nhục. Năm là ở trong tất cả người ác, tu tập nhẫn nhục. Bồ-tát thành tựu năm thứ nhẫn như vậy thì tu tập năm thứ tưởng: Một là tưởng chúng sinh. Hai là tưởng pháp. Ba là tưởng vô thường. Bốn là tưởng khổ. Năm là tưởng vô ngã, vô ngã sở. Nếu Bồ-tát bị người ác đánh, làm sao có thể tưởng là thân thuộc. Bồ-tát quán xét kỹ, thời quá khứ lưu chuyển trong sinh tử, không có chúng sinh nào mà chẳng phải là cha mẹ, sư trưởng, Hòa thượng, quyến thuộc, thân tộc đáng cho ta cung kính cúng

dường. Lúc quán xét như vậy thì tưởng oán ghét diệt, tưởng thân thuộc sinh, do tưởng thân thuộc sinh nên có thể tu tập nhẫn nhục. Lúc nầy tức thành tựu tưởng chúng sinh.

Tưởng pháp tức là Bồ-tát quán sát kỹ, chúng sinh gọi là pháp giới, là hữu vi, là pháp hữu vi. Nếu là pháp giới thì đối với pháp giới ai đánh ai sân, không có ngã, ngã sở, thọ mạng, sĩ phu. Lúc dùng trí tuệ tác quán tưởng nầy, thì diệt tưởng chúng sinh mà thành tựu tưởng pháp.

Tưởng vô thường tức là Bồ-tát suy nghĩ tất cả chúng sinh, tất cả pháp hữu vi hữu lậu đều là vô thường. Nếu đã vô thường thì có ai đánh, có ai thọ? Nếu bị đánh mắng cho đến thọ khổ thì tạm thời dừng lại, tức không thể nói các pháp vô thường. Nếu là thường thì ai đánh ai thọ? Trong thường và vô thường đều không phải là hai, đều không tạo tác, thọ nhận, hãy còn không nên sinh tâm ác nhỏ, có gì là đánh mắng? Cho nên Bồ-tát phá bỏ tưởng thường tu tưởng vô thường, do có thể tu tập tưởng vô thường nên thành tựu tâm nhẫn, vì thành tựu tâm nhẫn nên tu tập đạo Bồ-đề, cho đến chứng đắc đạo quả Bồ đề vô thượng.

Thế nào là Bồ-tát tu tập tưởng khổ? Bồ-tát Ma-ha-tát quán xét kỹ: Hoặc chúng sinh trong dục giới được đại tự tại, giàu có nhiều của báu như Chuyển luân Thánh vương, còn có ba sự khổ huống chi là người khác. Ba thứ khổ là biến khổ, sinh tử khổ, khổ khổ. Lúc tác quán tưởng nầy, vì chúng sinh có ba thứ khổ nên ta không sân, nếu ta sân hận thì sao có thể cứu vớt ba sự khổ ấy cho chúng sinh? Nếu ta sân tức là làm tăng trưởng ba khổ của chúng sinh. Khi tác quán tưởng nầy thì tưởng vui diệt, tưởng khổ sinh, vì nhân duyên tu tập tưởng khổ nên có thể tu tám chánh đạo, chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Thế nào là Bồ-tát tu tập tưởng vô ngã, vô ngã sở? Bồ-tát quán xét kỹ, có các ngoại đạo nói ngã là thường, nếu ngã là thường thì chúng sinh không có ngã. Vì sao? Vì chúng sinh tức là năm ấm, năm ấm thì vô thường. Nếu không có ngã thì sao có ngã sở, cho nên không có ngã, không có ngã sở. Bồ-tát lại quán xét, ngã tức là tâm Bồ-đề. Bồ-tát lúc ban đầu phát tâm Bồ-đề, ở trong chúng sinh có được một thứ tâm, đây gọi là ngã sở. Nếu ta đối với chúng sinh kia có tâm sân hận, làm sao được gọi là có ngã, có ngã sở? Nếu ta tăng trưởng tâm sân hận, thì không thể độ thoát tất cả chúng sinh. Lúc quán như vậy, là thành tựu nhẫn nhục, tăng trưởng tâm vô ngã, vô ngã sở, được tưởng vô ngã, dùng nhân duyên nầy tu tám chánh đạo, chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Thế nào là Bồ-tát có thể nhẫn nhục nơi các khổ bị chúng sinh đánh

đập chửi mắng? Lúc nầy Bồ-tát nên quán xét: Vào đời quá khứ ta vì năm dục nên chịu đủ các khổ. Tại gia làm các việc cày cấy, gieo trồng, thọ nhận vô số các sự khổ nhọc. Hoặc phụng sự quốc vương, hoặc ở chợ mua bán chịu nhiều sự khổ. Lúc ấy, tuy ta chịu các khổ lớn như vậy mà không tạo được lợi ích. Nay nếu ta vì độ chúng sinh mà chịu các khổ não tức tạo được lợi ích, nếu được lợi ích lớn thì chịu vô lượng khổ cũng không đáng kể. Khi phát nguyện nầy, tức Bồ-tát có thể gắng nhẫn chịu các khổ. Thọ khổ gọi là tất cả khổ, tất cả khổ gồm có tám thứ: Một là y khổ. Hai là thế pháp khổ. Ba là oai nghi khổ. Bốn là nhiếp pháp khổ. Năm là khất thực khổ. Sáu là tinh tấn khổ. Bảy là làm lợi chúng sinh khổ. Tám là làm việc khổ.

Y khổ còn gọi là tứ y khổ. Nếu Tỳ-khưu thọ tứ y rồi, được xuất gia thọ giới, được gọi là cụ túc Tỳ-khưu. Nếu thiếu thốn y áo, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, không sinh tâm sầu khổ, không sinh hối hận, do có thể tu tập tâm hoại khổ, nên tu tám chánh đạo, chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là y khổ.

Thế pháp khổ có chín thứ: Một là khổ cầu bất đắc. Hai là khổ tiếng xấu. Ba là khổ hiện đối pháp ác. Bốn là khổ khổ. Năm là khổ mất mát. Sáu là khổ vật dụng hết. Bảy là khổ già, tám là khổ bệnh, chín là khổ chết. Đây gọi là thế pháp khổ. Lúc Bồ-tát thọ chín thứ khổ nầy, không sinh sầu não, tâm không hối hận, không phế bỏ tâm Bồ-đề vô thượng. Do không hối hận nên Bồ-đề tăng trưởng, do tăng trưởng Bồ-đề nên chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Oai nghi khổ là bốn oai nghi của thân: đi, đứng, nằm, ngồi. Bồ-tát hoặc đi hoặc ngồi, đêm ngày thường điều phục tâm của nghiệp ác, nhẫn chịu đi khổ ngồi khổ, phi thời không nằm, phi thời không đứng, trong ngoài chỗ ở hoặc giường, hoặc đất, hoặc cỏ, hoặc lá, bốn chỗ như vậy thường nghĩ đến việc cúng dường Phật, Pháp, Tăng bảo, khen ngợi kinh pháp, thọ trì giới cấm, trì pháp vô thượng, rộng vì người nói, suy nghĩ chánh nghĩa, như pháp mà trụ, phân biệt pháp giới, tu chỉ quán. Lúc Bồ-tát tu tập pháp như vậy, nếu có các khổ đều vui vẻ thọ nhận. Đây gọi là oai nghi khổ.

Nhiếp pháp khổ có bảy thứ: Một là thân xả bỏ đồ trang sức. Hai là cạo bỏ râu tóc. Ba là mặc y cắt rọc. Bốn là tất cả việc đời không được tự tại, mạng thuộc người khác. Năm là xin ăn tự nuôi mạng. Sáu là xa lìa nghiệp sinh sống, ít muốn biết đủ. Bảy là xả bỏ thân tộc, các sự vui của năm dục. Đây gọi là nhiếp pháp khổ.

Khất thực khổ là những vật cung cấp cho thân như y phục, thức ăn, phòng nhà, mền nệm, thuốc thang, tất cả đều xin ở người khác, không có

được thì không sầu não, khi được nên biết đủ, cho đến hết đời nhẫn chịu không hưởng sự vui của năm dục. Đây gọi là khất thực khổ.

Tinh tấn khổ tức là Bồ-tát siêng năng cúng dường Tam bảo, thọ trì đọc tụng kinh tạng Bồ-tát, biên chép giải nói, suy nghĩ ý nghĩa, đêm ngày không phế bỏ, tinh tấn tu tập Thánh đạo, do tinh tấn nên gắng nhẫn chịu các khổ. Đây gọi là tinh tấn khổ.

Làm lợi ích cho chúng sinh khổ, tức mười một việc lợi ích trong ngoài như trên đã nói. Đây gọi là làm lợi ích cho chúng sinh khổ.

Làm việc khổ, tức là nung bát, may y, giặt rửa, chúng Tăng sai sử, cung cấp sư trưởng, vì cúng dường mà lau dọn tháp Phật, vì pháp thiện nên trọn không ngơi nghỉ, vì cầu đạt Bồ-đề vô thượng mà nhẫn chịu các khổ. Đây gọi là làm việc khổ.

Nhẫn ưa pháp thiện khổ có tám thứ nhẫn: Nhẫn thọ công đức hiện có của Tam bảo. Nhẫn đối với Phật, Bồ-tát không thể nghĩ bàn. Nhân nhẫn. Quả nhẫn. Phương tiện thiện nhẫn. Tánh Phật Bồ-tát lại có hai nhẫn: Một là nhẫn cứu cánh. Hai là nhẫn tịnh trí tuệ. Đây gọi là pháp nhẫn.

Thế nào gọi là Bồ-tát nhẫn việc khó? Nhẫn việc khó có ba thứ: Một là có vô lượng chúng sinh đánh mắng Bồ-tát mà Bồ-tát có thể nhẫn. Hai là Bồ-tát có lực tự tại, nên dù bị đánh mắng mà nhẫn chịu, không báo oán. Ba là Bồ-tát ở nơi chủng tộc tôn quý có thể nhẫn đối với hàng thấp kém.

Thế nào là tất cả tự nhẫn? Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi kẻ oán người thân, hoặc chẳng phải oán thân mà nhẫn với đủ các bậc hạ nhẫn, trung nhẫn, thượng nhẫn. Đây gọi là tất cả tự nhẫn.

Thiện nhân nhẫn có năm thứ công đức biết nhẫn: Một là không chấp tâm ác, tâm sân. Hai là hủy hoại tâm ngăn trở. Ba là tâm không sầu não. Bốn là khi chết không hối hận. Năm là chết rồi hưởng sự vui nơi cõi trời người. Bồ-tát quán xét nhẫn có công đức như vậy, giáo hóa chúng sinh khiến thực hành nhẫn, tự mình tu nhẫn cũng được tăng trưởng, khen ngợi nhẫn nhục, thấy người hành nhẫn tức cung kính tôn trọng tán thán lễ bái. Đây gọi là thiện nhân nhẫn.

Tất cả hành nhẫn tức là Bồ-tát Ma-ha-tát quán sát không nhẫn nhục tức có lỗi ác. Tại sao gọi là quả báo ác? Tức có thể rơi vào ba đường ác. Vì sợ đường ác nên tu hạnh nhẫn nhục, vì thương xót cho nên nhẫn, vì tu từ bi cho nên nhẫn, vì tâm nhu hòa thuận hợp cho nên nhẫn, chí tâm vì cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng cho nên nhẫn, đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật cho nên nhẫn, vì xuất gia cho nên nhẫn, vì thọ giới cho nên nhẫn, vì đầy đủ tánh cho nên nhẫn, vì muốn vô lượng đời tu tập nhẫn cho nên nhẫn, vì được tánh

nhẫn cho nên nhẫn, vì đạt được không tham ái, vô sân cho nên nhẫn, vì thấy pháp giới cho nên nhẫn, nơi tất cả thời nhẫn, nơi tất cả quốc độ nhẫn, tất cả tâm nhẫn. Đây gọi là tất cả hành nhẫn.

Trừ nhẫn tức là có người bần cùng đến Bồ-tát cầu xin vật cần dùng, lại có người ác cũng đến cầu xin, lại có người phá giới cũng đến cầu xin. Vì phá trừ tâm ác nên tu tập tâm nhẫn, vì phá trừ khổ cho nên bố thí việc vui. Đây gọi là trừ nhẫn.

Tự lợi lợi tha nhẫn tức là Bồ-tát nhẫn chịu mọi sự đói khát, lạnh nóng, gió mưa, thú dữ, mà trọn không phóng dật, sinh tử thọ khổ thương xót chúng sinh. Bồ-tát Ma-ha-tát đạt được các nhẫn như vậy, hiện tại tăng trưởng tất cả pháp thiện, xa lìa phiền não, đời sau có được vô lượng quả lành, có thể điều phục tâm ác của chúng sinh. Do điều phục tâm ác nên tất cả phiền não không thể tùy tiện khởi, hiện tại an lạc sau được quả lành. Đây gọi là tự lợi lợi tha nhẫn.

Tịch tĩnh nhẫn tức là Bồ-tát nếu bị các chúng sinh ác đánh mắng, mà trọn không sinh tâm ác với họ, không nghĩ tưởng oán mà nghĩ bạn lành, nếu không có các người ác như vậy, làm sao pháp thiện của ta được tăng trưởng. Thấy có người đánh mắng thì dùng lời nhẹ nhàng khuyến dụ, do tu tập từ bi nên có thể phá diệt phiền não hiện có trong dục giới. Bồ-tát đầy đủ mười pháp nhẫn như trên, có thể tu tám chánh đạo và chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Phẩm 13: TINH TẤN CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là tánh tinh tấn của Bồ-tát? Tánh tinh tấn tức là tâm siêng năng tinh tấn, vì thâu giữ pháp thiện, vì lợi chúng sinh, vì khiến chúng sinh chứng đắc đạo vô thượng, vì phá trừ điên đảo, vì tánh tinh tấn cho nên ba nghiệp thân khẩu ý được thiện. Đây gọi là tánh tinh tấn.

Tất cả tinh tấn có hai hạng: Một là thế gian. Hai là xuất thế gian. Lại có hai hạng: Một là tại gia. Hai là xuất gia. Lại có ba thứ: Một là trang nghiêm. Hai là thâu giữ pháp thiện. Ba là làm lợi ích cho chúng sinh. Trang nghiêm tức Bồ-tát Ma-ha-tát lúc ban đầu phát tâm, siêng năng tinh tấn trang nghiêm và nguyện: Nếu ta có thể khiến một người giải thoát, thì sẽ ở trong địa ngục chịu đại khổ não nơi vô lượng kiếp, thọ khổ não rồi sau đó mới chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đắc Bồ-đề rồi cho đến có thể khiến

một người được giải thoát, cũng sẽ chịu khổ trong địa ngục tâm không ngơi nghỉ. Đây gọi là trang nghiêm. Bồ-tát đầy đủ trang nghiêm tinh tấn, hơn tất cả công đức hàng Thanh văn Duyên giác có được, không thể tính đếm. Vì sao? Vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh nên chịu đại khổ não. Nếu vì một chúng sinh, nên phải chịu khổ não lớn, hãy còn đạt được vô lượng vô biên công đức, huống chi là vì tất cả chúng sinh? Đây gọi là Bồ-tát trang nghiêm tinh tấn thâu giữ pháp thiện. Chuyên cần tinh tấn, như là tu Bố thí Ba- la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, Trí tuệ Ba-la-mật, tất cả đều chuyên cần tinh tấn. Gọi là bất động, tức tất cả phiền não, tất cả nghiệp ác, tất cả tà kiến, tất cả khổ não không làm lay động, cũng gọi là kiên cố, do dũng mãnh trang nghiêm. Lại gọi là nhất thiết, vì biết phương thuật thế gian và pháp xuất thế, lại gọi là phương tiện đầy đủ, do nhân duyên tu tập đạo chân thật. Lại gọi là chân thật, do được nghĩa chân thật. Lại gọi là rộng, do trong tất cả thời không có ngơi nghỉ. Lại gọi là điều phục, do chuyên cần tinh tấn không sinh kiêu mạn. Bảy việc như vậy làm tăng trưởng pháp thiện. Đây gọi là tinh tấn thâu giữ pháp thiện. Do chuyên cần tinh tấn, nên đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Pháp chuyên cần tinh tấn: đối với các chốn đều hướng đến pháp Bồ-đề, nhân duyên gần nầy là vô thượng, vô thắng, nên trong kinh Như Lai dạy: "A-nan! Siêng năng tinh tấn thì mau chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng". Siêng năng tinh tấn tạo lợi ích cho chúng sinh gồm có mười một thứ, như trong phần giới đã nói.

Tinh tấn khó tức là Bồ-tát Ma-ha-tát không nghĩ tưởng đến y phục, không nghĩ tưởng đến thức ăn, không nghĩ tưởng đến ngọa cụ, không tưởng đến ngã, không tưởng đến ngã sở, không nghĩ tưởng pháp, không nghĩ tưởng đạo, không nghĩ tưởng Bồ-đề, cũng vì Bồ-đề mà siêng năng tinh tấn. Đây gọi là tinh tấn khó. Đối với tất cả thời, tất cả quốc độ, tất cả tâm, đều siêng năng tinh tấn, không gấp, không chậm, quân bình thực hành. Đây gọi là tinh tấn khó. Tinh tấn khó có hai thứ nhân: Một là bi. Hai là tuệ.

Tất cả tự tinh tấn gồm có bốn thứ: Một là xa lìa pháp ác. Hai là tăng trưởng pháp thiện. Ba là vun đắp pháp thiện. Bốn là tăng trưởng trí tuệ. Xa lìa pháp ác tức là Bồ-tát Ma-ha-tát siêng năng tinh tấn, pháp ác chưa sinh thì siêng năng làm phương tiện khiến nó không sinh. Tăng trưởng pháp thiện tức là pháp thiện đã sinh thì tìm phương tiện khiến được tăng rộng. Vun đắp pháp thiện tức là siêng tu nhân duyên ba nghiệp thân khẩu ý, chí tâm thọ trì pháp thiện. Tăng trưởng trí tuệ tức là Bồ-tát chuyên cần tu tinh tấn đa văn, tu định, tăng trưởng trí tuệ. Đây gọi là tất cả tự tinh tấn.

Thiện nhân tinh tấn tức là Bồ-tát vì pháp thiện, lúc siêng năng tinh tấn dẫu đốt thân đầu không cho là nóng. Khi Bồ-tát tu pháp thiện siêng năng tinh tấn hãy còn tự không biết lửa nóng nơi địa ngục, huống gì là lửa thế gian. Bồ-tát tinh tấn không nhiều không ít, bình đẳng thực hành, tăng trưởng tinh tấn khéo điều phục. Vì sao? Do tâm thanh tịnh, tâm không ngơi nghỉ, không hối hận, được lợi ích lớn, không có điên đảo, rốt ráo có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là thiện nhân tinh tấn.

Tất cả hành tinh tấn tức là thường siêng năng tinh tấn, chí tâm tinh tấn, trí tuệ tinh tấn, bất đoạn tinh tấn, trang nghiêm tinh tấn, nhẫn khổ tinh tấn, bất động tinh tấn, bất thời tinh tấn, tinh tấn không hề chán đủ. Bồ-tát thành tựu tất cả hành tinh tấn gọi là đại lực, thường siêng năng tinh tấn, an trụ chỗ thiện, kiên cố trang nghiêm, không dừng không nghỉ việc đạt được pháp thiện. Bồ-tát Ma-ha-tát muốn tâm tinh tấn nên cầu Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát chí tâm muốn tinh tấn, nên tăng trưởng tâm Bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát với tâm phương tiện tinh tấn, thì các phiền não không làm nhiễm ô tâm, dùng thân làm pháp khí để thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát hành tinh tấn thù thắng, là đối với pháp thiện luôn dốc tinh tấn hành trì như lửa đốt thân đầu không được cứu hộ. Như vậy Bồ-tát hơn tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát Ma-ha-tát cầu tinh tấn, tức cầu các phương thuật nơi pháp thế gian và xuất thế gian. Bồ-tát Ma-ha-tát học tinh tấn, tức mau được pháp thế gian và xuất thế gian. Bồ-tát Ma-ha-tát hành tinh tấn tạo lợi ích cho mọi người. Có mười một thứ như trong phần giới đã nói.

Tinh tấn dứt trừ và tinh tấn tự lợi lợi tha, như trong phần nhẫn đã nói.

Tinh tấn tịch tĩnh tức là có mười thứ: Một là thích nghi. Hai là tu tập. Ba là không động. Bốn là kiên trì. Năm là tất cả thời. Sáu là duyên nơi ba tướng. Bảy là xả. Tám là không tán loạn. Chín là điều phục. Mười là hướng đến Bồ-đề. Nếu Bồ-tát khởi các thứ phiền não, vì trừ bệnh cho nên tùy theo đấy mà đối trị. Như tham dục khởi thì quán tướng bất tịnh, sân hận khởi thì tu tâm từ bi, ngu si khởi thì quán mười hai nhân duyên, tư giác khởi thì quán pháp đếm hơi thở, vì phá bỏ kiêu mạn nên quán cõi chúng sinh. Đây gọi là tinh tấn thích nghi.

Bồ-tát tinh tấn không có bắt đầu và kết thúc, trong vô lượng đời thường được thành tựu. Đây gọi là tu tập tinh tấn.

Bồ-tát tinh tấn thường siêng năng tu tập như lúc ban đầu. Đây gọi là bất động tinh tấn. Do trong tất cả thời luôn siêng năng tinh tấn, nên gọi là bất động.

Bồ-tát Ma-ha-tát có thể thường gần gũi các bậc sư trưởng, trưởng lão có đức mà tu học đa văn, hoặc tu Tam-muội suy nghĩ nghĩa lý, siêng năng tinh tấn tùy thuận lắng nghe. Đây gọi là kiên trì tinh tấn.

Bồ-tát Ma-ha-tát tâm không điên đảo, lúc nên tu chỉ thì tu chỉ, lúc nên tu quán thì tu quán, lúc nên tu xả thì tu xả. Đây gọi là tất cả thời tinh tấn.

Bồ-tát khéo biết định tuệ xả luôn luôn tu tập ba tướng, đó là tướng nhập, tướng trụ, tướng khởi, không mất chánh niệm, chí tâm tinh tấn. Đây gọi là duyên ba tướng tinh tấn. Bồ-tát nếu nghe chư Phật Bồ-tát do siêng năng tinh tấn nên không thể nghĩ bàn, nghe rồi trong tâm không tự khinh, không sầu não, không biết đủ. Đây gọi là xả tinh tấn.

Bồ-tát Ma-ha-tát luôn luôn điều phục các căn các nhập, ăn uống biết đủ, đầu đêm cuối đêm đều bớt ngủ nghỉ, chí tâm không tán loạn, không có phóng dật, suy cầu trang nghiêm, phát khởi tinh tấn, tu nghĩa chân thật, tâm không điên đảo, tùy thuận tu đạo. Đây gọi là tinh tấn không tán loạn.

Bồ-tát tinh tấn không gấp, không chậm, mọi việc quân bình mà thực hành. Đây gọi là tinh tấn điều phục.

Tất cả tinh tấn của Bồ-tát đều đem hồi hướng nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tánh tinh tấn cho đến tinh tấn tịch tĩnh, đều vì đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là tất cả tinh tấn đều đem hồi hướng nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đời quá khứ chư Bồ-tát hành trì tinh tấn, đều vì đạo quả Bồ-đề vô thượng, đời vị lai chư Bồ-tát hành trì tinh tấn, cũng vì đạo quả Bồ-đề vô thượng, đời hiện tại chư Bồ-tát chí tâm không phóng dật mà hành trì tinh tấn, cũng vì đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là tinh tấn hướng đến Bồ-đề.

Phẩm 14: THIỀN ĐỊNH CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào là tánh thiền của Bồ-tát Ma-ha-tát? Bồ-tát hoặc nghe tạng pháp của Bồ-tát, hoặc suy nghĩ nghĩa về thiền thế gian và xuất thế gian, chí tâm một chỗ, trí định phân đều tu tập ở đạo. Đây gọi là tánh thiền. Tất cả thiền có hai thứ: Một là thế gian. Hai là xuất thế gian. Hai thứ nầy lại có ba hạng: Một là nhập thiền hiện tại hưởng vui. Hai là nhập thiền tăng trưởng Bồ-đề. Ba là nhập thiền tạo lợi ích cho chúng sinh. Hiện tại hưởng vui là Bồ-tát Ma-ha-tát phá trừ các lưới nghi, thân tâm vắng lặng, thọ sự vui xa lìa, phá trừ kiêu mạn, không tham đắm vị, lìa tất cả tướng. Đây gọi là nhập

thiền hiện tại thọ lạc.

Nhập thiền tăng trưởng Bồ-đề tức là Bồ-tát Ma-ha-tát hành thiền định có các thứ duyên, không thể suy nghĩ, không thể tính kể, không có hạn lượng, thâu gồm tánh của mười lực, đắc vô số các pháp Tam-muội. Tam-muội như vậy, tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác còn không biết tên, huống chi là có thể tu tập. Lại có cộng pháp, đó là tám thắng xứ, mười nhất thiết xứ, bốn trí vô ngại, trí nguyện, trí vô tránh, trí đảnh. Do tăng trưởng cộng pháp như vậy, nên gọi là nhập thiền tăng trưởng Bồ-đề.

Nhập thiền tạo lợi ích cho chúng sinh gồm có mười một thứ, như trong phần giới đã nói. Bồ-tát Ma-ha-tát tu đầy đủ mười một thứ thiền như vậy, có thể giáo hóa chúng sinh phá bỏ phiền não khổ, tu tập pháp thiện, tu các thứ trí tuệ, biết ân báo ân, có thể cứu các khổ não của chúng sinh, có thể bố thí các vật chúng sinh cần, khéo biết phương tiện, giỏi nuôi đệ tử, có thể khiến đệ tử tùy ý thực hành. Các thiền như vậy gọi là tất cả thiền.

Thiền khó gồm có ba thứ: Một là Bồ-tát Ma-ha-tát khi nhập thiền định, những diệu lạc tiếp nhận lúc ấy hơn tất cả mọi diệu lạc nơi thế gian và xuất thế gian nhưng vì chúng sinh nên xả thiền định ưa thọ thân nơi dục giới. Hai là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập thiền định, vô lượng vô biên a-tăng-kỳ không thể nghĩ bàn, không thể tính kể, tu tập Tam-muội, tất cả Thanh văn, Duyên giác không thể biết cảnh giới hội nhập của Bồ- tát. Ba là Bồ-tát Ma-ha-tát do nhân duyên thiền mà chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là thiền khó.

Tất cả tự thiền có bốn thứ: Một là cùng giác quán. Hai là cùng vui.

Ba là cùng thích. Bốn là cùng xả. Đây gọi là tất cả tự thiền.

Thiện nhân thiền có năm thứ:

Một là không ái.

Hai là cùng từ.

Ba là cùng bi.

Bốn là cùng hỷ.

Năm là cùng xả.

Đây gọi là thiện nhân thiền.

Tất cả hành thiền có mười ba thứ: Một là thiện vô ký. Hai là thần túc. Ba là hướng đến chỉ. Bốn là hướng đến quán. Năm là tự lợi. Sáu là lợi tha. Bảy là được năm thần thông nơi công đức thiền. Tám là nhân duyên của ngôn từ. Chín là nhân duyên nghĩa. Mười là nhân duyên của tướng chỉ. Mười một là nhân duyên của tướng quán. Mười hai là nhân duyên của

tướng xả. Mười ba là nhân duyên của hành hiện tại thọ vui. Đây gọi là tất cả hành thiền.

Thiền dứt trừ có tám thứ: Một là Bồ-tát lúc nhập Tam-muội, có thể trừ diệt các khổ độc của chúng sinh. Đó là gió bão, mưa đá, bệnh nhiệt, bệnh quỷ. Đây gọi là thiền. Hai là nếu nhập Tam-muội, có thể trị các khổ do bốn đại không hòa hợp trong thân của chúng sinh. Đây gọi là thiền. Ba là nếu nhập Tam-muội, có thể bố thí mưa cam lồ trong đời bị nạn mất mùa đói kém. Đây gọi là thiền. Bốn là nếu nhập Tam-muội, có thể khiến chúng sinh xa lìa sự sợ hãi, đó là sợ người, sợ quỷ, sợ nước, sợ đất. Đây gọi là thiền. Năm là nếu nhập Tam-muội, có thể bố thí thức ăn hoặc các vật cần dùng cho chúng sinh đói khát nơi đồng trống vắng. Đây gọi là thiền. Sáu là nếu nhập Tam-muội, có thể bố thí các vật cần dùng cho người bần cùng khốn khổ. Đây gọi là thiền. Bảy là nếu nhập Tam-muội, có thể phá trừ mười thứ phóng dật của chúng sinh. Đây gọi là thiền. Tám là nếu nhập Tam-muội, có thể phá trừ các lưới nghi của chúng sinh. Đây gọi là thiền. Tám thứ trên đây gọi là thiền dứt trừ.

Thiền tự lợi lợi tha có chín thứ: Một là do nhập thiền được thần túc thông nên điều phục chúng sinh. Hai là do nhập thiền được tha tâm thông nên điều phục chúng sinh. Ba là do nhập thiền, thuyết chân thật nên điều phục chúng sinh. Bốn là nhập thiền vì chúng sinh ác nên chỉ bày địa ngục khổ. Năm là nhập thiền khiến người câm được nói. Sáu là nhập thiền khiến người mất niệm có niệm. Bảy là nhập thiền tùy thuận giải nói về mười hai bộ kinh và tạng pháp của Bồ-tát, làm cho giáo pháp ở đời lâu dài. Tám là nhập thiền có thể dạy chúng sinh các sự việc ở đời, như sách vở toán số, đọc tụng, các ngành nghề v.v... Chín là nhập thiền vì phóng ra ánh sáng lớn, phá trừ khổ não của chúng sinh trong ba đường ác. Đây gọi là thiền tự lợi lợi tha.

Thiền tịch tĩnh có mười thứ: Một là pháp thế gian tịch tĩnh thanh tịnh. Hai là pháp xuất thế gian tịch tĩnh thanh tịnh. Ba là phương tiện tịch tĩnh thanh tịnh. Bốn là căn bản tịch tĩnh thanh tịnh. Năm là tịch tĩnh thanh tịnh. Sáu là nhập tịch tĩnh thanh tịnh. Bảy là trụ tịch tĩnh thanh tịnh. Tám là khởi tịch tĩnh thanh tịnh. Chín là tịch tĩnh tự tại thanh tịnh.

Mười là tịch tĩnh làm sạch hai chướng của phiền não và trí tuệ. Mười thứ tịch tĩnh thanh tịnh như vậy, gọi là thiền tịch tĩnh, Bồ-tát tu tập mười thứ như vậy, thành tựu vô lượng vô biên công đức, vì nhằm đạt quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát trong đời quá khứ hiện tại vị lai đều tu thiền nầy mà chứng đắc đạo quả Bồ đề vô thượng.

Phẩm 15: TRÍ TUỆ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào là tánh tuệ của Bồ-tát? Dùng nhất thiết trí phân biệt pháp giới. Đây gọi là tánh tuệ. Lại nữa, khéo học năm thứ phương thuật, đó là nội phương thuật, nhân luận, thanh luận, y phương luận, tất cả việc đời. Đây gọi là tánh tuệ.

Tất cả tuệ có hai thứ: Một là thế gian. Hai là xuất thế gian. Hai thứ nầy lại có ba loại: Một là biết như thật đúng như thật, tức biết năm thứ thuật, biết ba tụ của chúng sinh, biết phương tiện lợi ích cho chúng sinh, biết pháp giới không thể nêu bày, biết bốn chân đế vô ngã vô ngã sở, ở nơi các pháp giới không có giác quán, quán các pháp giới tâm luôn bình đẳng, không xả, không đắm, không thường, không đoạn, thuyết ở trung đạo. Đây gọi là trí tuệ. Hai là biết việc thế gian và pháp xuất thế gian, vì cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là trí tuệ. Ba là quán sâu về pháp giới, phân biệt diễn nói, vì tạo lợi ích cho chúng sinh. Đây gọi là trí tuệ, gọi là tất cả tuệ.

Tuệ khó có mười một thứ, như trong phần giới đã nói. Vì điều phục chúng sinh nên khéo biết tâm. Đây gọi là tuệ khó. Biết tất cả pháp giới không có chướng ngại. Đây gọi là tuệ khó. Vì các chúng sinh nên thuyết giảng về pháp giới. Đây gọi là tuệ khó. Khéo biết không có ngã và ngã sở. Đây gọi là tuệ khó.

Tất cả tự tuệ tức là nếu có thể thọ trì đọc tụng giải nói pháp tạng của Thanh văn, của Bồ-tát, thì được tu trí. Nhân tu trí nên được lực trí tuệ, nhân nơi lực trí tuệ mà biết điều có thể tu không thể tu, có thể làm, không thể làm, chí tâm quán sát vô lượng việc. Đây gọi là tất cả tự tuệ.

Thiện nhân tuệ có năm thứ: Một là nhân nghe chánh pháp nên chứng đắc. Hai là nhân suy nghĩ về chánh pháp nên chứng đắc. Ba là nhân tự lợi lợi tha nên chứng đắc. Bốn là nhân thấy chỗ pháp không điên đảo nên chứng đắc. Năm là nhân phá trừ phiền não nên chứng đắc. Lại có năm thứ: Một là có thể biết nghĩa thâm diệu vi tế. Hai là tu tập thiền định biết pháp giới. Ba là cộng tuệ trang nghiêm nên đạt được trí tuệ. Bốn là từ Phật Bồ-tát đi đến. Năm là có đầy đủ tâm vắng lặng cho đến tâm rốt ráo. Đây gọi là thiện nhân tuệ.

Tất cả hành tuệ có mười ba thứ: Một là trí khổ. Hai là trí tập. Ba là trí diệt. Bốn là trí đạo. Năm là trí tận. Sáu là trí không sinh. Bảy là trí pháp.

Tám là trí so sánh. Chín là trí thế gian. Mười là trí thông. Mười một là trí nhân. Mười hai là trí lực. Mười ba là trí trí của tâm ban đầu.

Đây gọi là tất cả hành tuệ.

Tuệ dứt trừ tức là trí vô ngại, trí thế gian, trí xuất thế gian, phá trừ tất cả tối tăm. Đây gọi là tuệ dứt trừ.

Tuệ tự lợi lợi tha, như trong năm thứ phương thuật đã nói ở phần đầu. Do nhân duyên của năm phương thuật nầy mà chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là tuệ tự lợi lợi tha.

Tuệ tịch tĩnh tức là vì chân thật cho nên tu tập, vì chúng sinh cho nên tu tập, vì chứng đắc nghĩa cho nên tu tập, vì biết nhân quả cho nên tu tập, vì phá trừ điên đảo cho nên tu tập, vì khéo biết phương tiện cho nên tu tập, vì biết việc làm và không làm cho nên tu tập, vì chứng đắc rốt ráo cho nên tu tập. Đây gọi là tuệ tịch tĩnh. Bồ-tát đầy đủ mười tuệ như vậy, nên gọi là trí tuệ, cũng gọi là rốt ráo, cũng gọi là chân thật, cũng gọi là vô lượng tuệ. Do nhân duyên của vô lượng tuệ nầy, nên Bồ- tát đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật. Do đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, nên chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Như trong kinh Phật có nói Bát nhã đầy đủ và Bát nhã không đầy đủ, phải biết mười thứ từ tánh cho đến tịch tĩnh, hoặc nói một Ba-la-mật, hoặc nói hai, ba, bốn, năm, sáu, nếu nói một thì thâu gồm cả sáu, cho đến nói sáu cũng thâu gồm cả sáu.

Nếu có chúng sinh nghe một hai danh tự trong mười thứ trên, tin thọ phụng trì đọc tụng biên chép, phân biệt giải nói giáo hóa chúng sinh, cuối cùng sẽ thành tựu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Phẩm 16: LỜI NHU HÒA CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào là tánh lời nhu hòa của Bồ-tát? Bồ-tát Ma-ha-tát nói lời hoan hỷ, nói lời ưa nghe, nói lời đúng pháp, lời đúng nghĩa, lời lợi ích cho chúng sinh. Đây gọi là tánh của lời nhu hòa.

Tất cả lời nhu hòa là Bồ-tát Ma-ha-tát nếu gặp người ban đầu chưa quen biết, thấy rồi dùng lời nhu hòa cùng nói chuyện. Nếu thấy người đoan nghiêm có đức hơn mình, không ôm lòng ganh ghét, phá bỏ kiêu mạn, cung kính thăm hỏi: Thân được an chăng, đi đường mệt mỏi chăng, có khổ não không. Có người tốt đến thăm, nên sắp đặt giường tòa, cung cấp thức ăn uống. Tùy ý chúng sinh, Bồ-tát trọn không vì chúng sinh mà nói lời thô ác,

như giết chết, phá hoại, cướp đoạt. Chỉ nói lời lành, như con ngươi lớn rồi nay đã thành hôn, tài sản có đủ, lúa gạo dồi dào, trí tuệ thành tựu, tin bố thí, trì giới, tinh tấn, học rộng nghe nhiều. Bồ-tát đầy đủ pháp ngữ như vậy là vì tạo lợi ích cho chúng sinh, nên gọi là tất cả lời nhu hòa.

Phân tích lời nhu hòa có hai thứ: Một là tùy thế gian. Hai là tùy xuất thế gian. Thế gian có hai: Một là hạ thế. Hai là thượng thế. Xuất thế gian có hai: Một là chánh pháp tự lợi xuất thế. Hai là chánh pháp lợi tha xuất thế. Bồ-tát Ma-ha-tát vì pháp hạ thế, thượng thế mà nói lời nhu hòa, vì tự lợi lợi tha xuất thế gian mà nói lời nhu hòa. Đây là phân tích lời nhu hòa. Lời nhu hòa khó hành tức là nếu có chúng sinh đến hại Bồ-tát, Bồ-tát quán tưởng chúng sinh như con một, chí tâm nói lời nhu hòa. Hại Bồ-tát tức là đánh đập, chửi mắng, cướp đoạt. Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát thường vì người si mà thuyết pháp bằng lời nhu hòa, thân khẩu ý nghiệp phần nhiều chịu các khổ, tuy chịu khổ lớn mà lại tiếp tục dạy dỗ: Ngươi nên siêng học sau sẽ được như ta. Đây gọi là lời nhu hòa khó hành. Lại nữa, Bồ-tát thấy có người sân, người ganh ghét, người bủn xỉn, không nghe lời sư dạy, lừa dối sư trưởng, cha mẹ cùng bậc có đức, ác hại, theo tà kiến hoặc đám Chiên-đà-la, Bồ-tát cùng họ nói lời nhu hòa mà không sinh tâm ác. Đây gọi là lời nhu hòa khó hành.

Tất cả tự nói lời nhu hòa có bốn thứ: Một là vì phá trừ nhân duyên của phiền não nên nói lời nhu hòa. Hai là vì nhân duyên sinh nhân, thiên nên nói lời nhu hòa. Ba là vì nhân duyên tăng trưởng pháp thiện nên nói lời nhu hòa. Bốn là vì nhân duyên nói về Bồ-đề trang nghiêm nên nói nhu hòa. Lại có bốn thứ: Một là nói bốn chân đế khiến những người kia được hiểu. Hai là phá trừ điên đảo. Ba là phá bỏ phóng dật. Bốn là phá trừ tâm nghi. Đây gọi là tất cả tự nói lời nhu hòa.

Thiện nhân nói lời nhu hòa tức là Bồ-tát Ma-ha-tát lúc giáo hóa chúng sinh, vì có nhân duyên cho nên thuyết pháp. Đó là vì nhân duyên giảng giải cho nên thuyết pháp. Vì nhân duyên trang nghiêm Bồ-đề cho nên thuyết pháp. Vì nhân duyên hiện thần túc cho nên thuyết pháp. Vì nhân duyên trì giới cho nên thuyết pháp. Vì thế các pháp từ duyên cho nên sinh, từ duyên cho nên diệt. Đây gọi là thiện nhân nói lời nhu hòa. Tất cả thực hành nói lời nhu hòa, là nếu khi thuyết pháp có điều đáng nghe, có điều đáng ngăn lại, Bồ-tát dùng lời nhu hòa, tùy thuận pháp tánh mà thuyết giảng câu chữ không đảo lộn. Có người sợ hãi tức dùng lời nhu hòa khiến trừ sợ hãi. Có người cầu xin cũng dùng lời nhu hòa đồng ý và ban cho họ. Đây gọi là tất cả thực hành nói lời nhu hòa. Trừ dứt nên nói lời nhu hòa, tức vì xa lìa lời

nói ác, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời vô nghĩa. Thấy tức nói thấy, nghe thì nói nghe, biết thì nói biết, hiểu thì nói hiểu, không thấy không nghe không biết không hiểu cũng lại như vậy. Đây gọi là vì trừ dứt nên nói lời nhu hòa.

Tự lợi lợi tha nói lời nhu hòa tức là nếu thấy người chịu khổ, vì họ mà nói lời nhu hòa. Hoặc dùng lời nhu hòa giáo hóa chúng sinh, hoặc dùng lời nhu hòa dạy dỗ chúng sinh, hoặc dùng lời nhu hòa dạy cho chánh kiến, hoặc dùng lời nhu hòa thuyết giảng chánh pháp, hoặc dùng lời nhu hòa dạy thực hành bố thí, hoặc dùng lời nhu hòa dạy về chánh mạng. Đây gọi là tự lợi lợi tha nói lời nhu hòa.

Tịch tĩnh nói lời nhu hòa có hai mươi thứ, như nơi phần đầu phẩm tánh lực đã nói. Tánh lợi tha tức là Bồ-tát Ma-ha-tát vì dạy dỗ mọi người, nên phân biệt giới nghĩa, thuyết giảng nghĩa trụ như pháp, vì thương xót chúng sinh mà tu tập tâm từ bi, chí tâm giáo hóa điều phục chúng sinh. Đây gọi là tánh lợi tha.

Tất cả lợi tha tức là chúng sinh chưa thành thục khiến được giải thoát, được vui trong hiện tại và đời sau, dạy họ xuất gia tức là đời sau vui. Thuyết pháp khiến phá kiết sử nơi dục giới tức là hiện tại vui đời sau vui. Vì phá trừ các phiền não nơi dục giới, nên thân tâm vắng lặng, do thâm tâm vắng lặng nên hưởng an vui. Đây gọi là tất cả lợi tha.

Lợi tha khó hành có ba thứ: Một là nếu có chúng sinh chưa gieo thiện căn, chưa có nhân lành nên khó giáo hóa. Đây gọi là lợi tha khó hành. Hai là có chúng sinh tiền của nhiều, uy lực tự tại, nhưng tâm tham lam bủn xỉn nên khó giáo hóa. Vì sao? Vì do phóng dật. Đây gọi là lợi tha khó hành. Ba là có hạng ngoại đạo tà kiến khó có thể giáo hóa. Vì sao? Do họ cuồng si. Có thể giáo hóa như vậy đạt được lợi ích. Đây gọi là lợi tha khó hành.

Tất cả tự lợi lợi tha có bốn thứ: Một là người chưa tin dạy họ khiến sinh tin. Hai là người chưa có giới dạy họ khiến trì giới. Ba là người tham lam bủn xỉn dạy họ hành bố thí. Bốn là người ngu si thì dạy họ khiến được trí tuệ. Đây gọi là tất cả tự lợi lợi tha.

Thiện nhân lợi tha tức là Bồ-tát Ma-ha-tát giáo hóa chúng sinh, khiến biết chân thật, biết thời, biết nghĩa, biết lời nhu hòa, giáo hóa tu từ bi. Đây gọi là thiện nhân lợi tha.

Tất cả hành lợi tha, tức là Bồ-tát Ma-ha-tát thấy các chúng sinh đáng được khen ngợi, thì dùng lời nói hay để khen ngợi, người đáng quở trách thì dùng lời thiện để quở trách. Nếu có chúng sinh đối với chánh pháp của Phật phát tâm tin tưởng, thì có thể điều phục họ, người chưa nhập pháp Phật thì dạy họ khiến nhập, đã nhập rồi tức vì họ thuyết giảng chánh pháp,

khiến thiện căn luôn được tăng trưởng, điều phục an trí ở trong ba thừa, căn tánh đã thành thục tức thuyết giảng về giải tho- át. Người ưa Thanh văn thì dạy khiến phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, người chưa có trang nghiêm thiện tức dạy khiến trang nghiêm, người không có tánh định tức dạy khiến định tâm tánh. Đây gọi là tất cả hành lợi tha.

Lợi tha dứt trừ tức là nếu có chúng sinh không biết xấu hổ thì dạy họ khiến xấu hổ, người thô lỗ dạy họ khiến tu tâm, vì người hay ganh ghét mà trừ bỏ tâm ganh ghét, vì người bủn xỉn mà trừ bỏ tâm bủn xỉn, vì người có tâm nghi mà phá bỏ lưới nghi. Đây gọi là lợi tha dứt trừ.

Tự lợi lợi tha là Bồ-tát Ma-ha-tát thường dùng mười điều thiện giáo hóa chúng sinh. Đây gọi là tự lợi lợi tha.

Lợi tha tịch tĩnh có mười thứ: Nội tịch tĩnh có năm thứ, ngoại tịch tĩnh cũng có năm thứ. Năm thứ nội tịch tĩnh: Một là tịnh. Hai là bất chuyển. Ba là lần lượt. Bốn là hiện hữu khắp. Năm là tùy thuận pháp thiện.

Tịnh tức là Bồ-tát không dùng pháp ác, pháp bất tịnh, pháp bất thiện để giáo hóa chúng sinh. Đây gọi là tịnh. Bất chuyển tức là Bồ-tát ở trong giải thoát không nói phi giải thoát, trong pháp thanh tịnh không nói bất tịnh, trong pháp không điên đảo không nói là điên đảo. Đây gọi là bất chuyển. Đối với phi giải thoát không nói là giải thoát, trong pháp bất tịnh không nói là thanh tịnh, trong pháp điên đảo không nói là chẳng điên đảo. Đây gọi là bất chuyển. Lần lượt tức là Bồ-tát thấy có người si liền thuyết nghĩa cạn và dễ để điều phục họ. Người căn cơ trung bình thì thuyết pháp bậc trung. Người căn tánh lanh lợi thì thuyết pháp bậc thượng, trước nói bố thí, sau nói trì giới, sau nữa nói trí tuệ. Đây gọi là lần lượt. Hiện hữu khắp tức là Bồ-tát lúc thuyết pháp không quán sát dòng tộc của chúng sinh là sang hay hèn, tùy sức tùy trí mà vì chúng thuyết pháp khiến được an lạc. Đây gọi là hiện hữu khắp. Tùy thuận pháp thiện, tức là quán sát chúng sinh đắc pháp thượng, hoặc trung, hoặc hạ tùy đó thuyết pháp. Đây gọi là tùy thuận pháp thiện.

Ngoại tịch tĩnh cũng có năm thứ: Một là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập vô lượng tâm từ bi là vì chúng sinh. Hai là vì chúng sinh mà chịu vô lượng khổ. Ba là vì tạo lợi ích cho các chúng sinh mà có được sự vui thấy lớn. Bốn là đắc đại tự tại vẫn gắn bó với chúng sinh, như kẻ nô bộc. Năm là Bồ-tát có đầy đủ oai đức lớn, luôn khiêm nhường như kẻ Chiên-đà-la. Trên đây là lợi tha nội ngoại tịch tĩnh.

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát đồng lợi? Bồ-tát Ma-ha-tát đã tự thành tựu đầy đủ pháp thiện, lại dùng pháp nầy chuyển khuyến khích chúng

sinh. Đây gọi là Bồ-tát đồng lợi. Bồ-tát Ma-ha-tát vì đồng hành nên giáo hóa chúng sinh, chúng sinh thọ pháp thiện rồi tâm giữ kiên cố không thể lay động. Vì sao? Chúng sinh biết chắc Bồ-tát thành tựu pháp thiện nầy, đã chuyển qua khuyến khích cho mình, vì muốn khiến ta có sự an lạc. Nếu tu pháp thiện mà được việc ác, Bồ-tát Ma-ha-tát trọn không tự tu để khuyên dạy ta. Lúc Bồ-tát khuyến hóa vô lượng chúng sinh đồng lợi như mình, không một ai có thể nói Bồ-tát tự không thành tựu mà khuyến hóa cho người, cũng không ai nói ông tự không thiện làm sao khuyên người khác thực hành pháp thiện. Lại nữa, Bồ-tát có lúc tự thành tựu mà không thể khuyến hóa người khác, có lúc tự thành tựu mà có thể khuyến hóa người khác, có lúc tự không thành tựu mà có thể khuyến hóa người khác, có lúc tự không thành tựu cũng không khuyến hóa người khác. Tự thành tựu mà không khuyến hóa người tức là đồng thầy, đồng học, đồng pháp, đồng đức, mà không hiển bày công đức của mình. Đây gọi là tự thành tựu mà không khuyến hóa người. Tự mình không thành tựu mà có thể khuyến hóa người, tức là Bồ-tát thấy chúng sinh ác làm pháp ác, như đám Chiên-đà-la cho đến súc sinh, vì nhằm điều phục nên thọ thân như họ, đồng làm việc, vì muốn phá bỏ nghiệp ác. Đây gọi là tự không thành tựu mà có thể khuyến hóa người.

Tự thành tựu mà có thể khuyến hóa người, tức là Bồ-tát Ma-ha-tát tự thành tựu pháp thiện, cũng khuyến hóa người khác khiến thành tựu pháp thiện, phá trừ tâm kiêu mạn, tâm khinh khi, tâm chuyển đổi. Đây gọi là tự thành tựu mà có thể khuyến hóa người. Tự không thành tựu mà không khuyến hóa người, tức là Bồ-tát nếu tự mình phóng dật, không thể giáo hóa và điều phục chúng sinh. Bồ-tát Ma-ha-tát dùng sáu pháp Ba-la-mật tự trang nghiêm thân, dùng bốn nhiếp pháp trang nghiêm chúng sinh. Bồ-tát Ma-ha-tát dùng sáu pháp Ba-la-mật tự điều phục tâm mình, dùng bốn nhiếp pháp để điều phục tâm chúng sinh, do thân khẩu ý thanh tịnh nên Bồ-đề pháp số tịnh, do tự thân thanh tịnh nên tâm chúng sinh tịnh, do thành tựu thân tâm thiện, nên gọi là vô thượng, vô thắng, vô cộng. Dùng vô thượng, vô thắng, vô cộng nầy giáo hóa chúng sinh. Đây gọi là đồng lợi. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với các chúng sinh, hoặc thời hoặc vật, đều không phân biệt. Đối với chúng sinh không có phân biệt, tức là Bồ-tát vì chúng sinh mà thực hành bố thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật, vì cầu các pháp thiện.

Đối với thời không phân biệt tức là Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong tất cả thời đều vì chúng sinh mà siêng năng tinh tấn cầu pháp thiện. Đối với vật không phân biệt tức là Bồ-tát Ma-ha-tát vì chúng sinh nên thọ chứa tạp vật, nhưng đối với vật nầy tâm không tham đắm. Do ba nhân duyên không phân

biệt ấy nên chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát ưa tu tập tất cả thiện, tâm không hối hận, do nhân duyên tu tập nên có thể phá trừ các pháp tà, ác kiến của chúng sinh. Từ chỗ tu học thiện căn tăng trưởng, chí tâm quán sát công đức hành thiện, tất cả tà kiến không thể làm trở ngại, trọn không cầu thân Chuyển luân vương, thân Đế thích, thân Phạm thiên, không cầu báo ân, lợi dưỡng, danh tiếng, sống lâu. Bồ-tát tu tập các pháp như vậy, thì được đầy đủ pháp Bố thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật. Đây gọi là đồng lợi. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc tu tập đồng lợi, tâm không lay động, thanh tịnh, vắng lặng, sáng suốt không tối, Bồ-tát Ma-ha-tát trụ địa tịnh tâm, thành tựu đầy đủ pháp thiện vô thượng, pháp thiện quang minh.

Pháp thiện quang minh tức là Bồ-tát Ma-ha-tát thực hành pháp thiện, tất cả không ai có thể phá hủy. Bồ-tát Ma-ha-tát tâm không lay động, tức là tu tập pháp thiện không có chuyển động, đêm ngày tăng trưởng.

Pháp thiện tịch tĩnh tức là Bồ-tát chứng đắc Tam-muội tịch tĩnh đồng như Phật, gần gũi Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát do nhân duyên của tất cả thí, giới, bốn nhiếp pháp, mà được thân kim cang, được pháp thân. Bồ-tát Ma-ha-tát do nhân duyên bố thí trì giới khó hành, mà được quả công đức vi diệu không thể nghĩ bàn của Như Lai. Do nhân duyên tất cả tự bố thí, tất cả tự trì giới, mà được quả báo hàng trời người cúng dường. Do nhân duyên thiện nhân trì giới, thiện nhân bố thí mà ở trong chúng sinh là hơn hết. Do nhân duyên của tất cả hành bố thí, trì giới, mà được thân Như Lai gồm ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nhân duyên bố thí trì giới dứt trừ, nên được ngồi nơi đạo tràng, dưới cội Bồ-đề, Ma vương và quyến thuộc không thể phá hoại. Do nhân duyên của bố thí tự lợi lợi tha và trì giới tự lợi lợi tha, nên được giải thoát thường lạc của Như Lai. Do nhân duyên của bố thí tịch tĩnh, trì giới tịch tĩnh, nên được bốn quả tịch tĩnh, đó là thân tịch tĩnh, duyên tịch tĩnh, tâm tịch tĩnh, trí tịch tĩnh, mười lực, bốn thứ vô úy, đại bi, ba niệm xứ, năm trí Tam-muội, vì chúng sinh nên có mười tám pháp bất cộng, vì trí tuệ lanh lợi nên có vô lượng pháp bất cộng.

-oOo-

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 6

Phẩm 17: CÚNG DƯỜNG TAM BẢO CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát cúng dường Như Lai? Cúng dường Như Lai gồm có mười việc: Một là cúng dường sắc thân. Hai là cúng dường tháp. Ba là cúng dường hiện thấy. Bốn là cúng dường không hiện thấy. Năm là tự cúng dường. Sáu là tha cúng dường. Bảy là cúng dường lợi ích. Tám là cúng dường tối thắng. Chín là cúng dường thanh tịnh. Mười là cúng dường thọ trì.

Cúng dường sắc thân, nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát khi gặp sắc thân của Phật liền cúng dường. Đây gọi là cúng dường sắc thân.

Cúng dường tháp tức là Bồ-tát Ma-ha-tát vì Như Lai cho nên tạo tháp miếu, hình tượng, khám thất, sửa sang tháp đã cũ mục, hư hoại, nếu thấy tháp mới tức dùng hoa hương cúng dường. Đây gọi là cúng dường tháp.

Cúng dường hiện thấy nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát lúc gặp hình tượng Như Lai, thấy vật nầy cũng như thấy mười phương chư Phật. Đây gọi là cúng dường hiện thấy.

Cúng dường không hiện thấy nghĩa là Bồ-tát Ma-ha-tát cúng dường chư Phật hiện tại và tháp miếu Phật, thì được tâm tin hiểu. Nay ta hiện tại làm việc cúng dường nầy, tức cũng được cúng dường Phật trong đời quá khứ và vị lai. Vì sao? Vì tất cả Như Lai đồng một pháp tánh, cho nên được cúng dường chư Phật đời quá khứ và vị lai. Như ta cúng dường tháp Phật hiện tại, tức cũng được cúng dường tháp Phật đời quá khứ và vị lai. Vì sao? Các tháp như vậy là đồng một pháp tánh. Nếu cúng dường một vị Phật tức đã cúng dường chư Phật ở mười phương.

Nếu cúng dường một tháp tức đã cúng dường tháp Phật trong mười phương. Tạo lập khám thất, sửa sang tháp cũ, cúng dường tháp, cũng lại như vậy. Đây gọi là cúng dường không hiện thấy.

Lại nữa, nếu không gặp Phật, không thấy tháp Phật, nhưng trong tâm tưởng niệm: Đây là Như Lai, đây là tháp Phật, tất cả Phật, tất cả tháp, tất cả hang, tất cả tượng cũng lại như vậy. Đây cũng gọi là cúng dường không

hiện thấy. Lại nữa, nếu sau khi Phật, Bồ-tát Niết-bàn, vì Như Lai nên tạo lập tháp miếu, tạo lập khám thất, hoặc một hoặc hai, cho đến vô lượng, tùy lực mà làm. Đây gọi là cúng dường không hiện thấy. Quả báo phước đức vô lượng như vậy, thâu giữ vô lượng quả phước đức phạm Bồ-tát Ma-ha-tát do nhân duyên nầy mà trong vô lượng kiếp không rơi vào đường ác, cũng có thể trang nghiêm đạo Bồ-đề. Bồ-tát Ma-ha-tát không hiện thấy Tam bảo mà thiết lập cúng dường, hơn tất cả sự cúng dường hiện thấy, không thể lường, không thể so sánh, quả báo có được nhiều vô lượng không thể nói hết. Người ngu si, sau khi thấy Phật, tháp mà thiết lập cúng dường. Người trí tuệ tuy không hiện thấy mà cũng cúng dường. Đây gọi là cúng dường không hiện thấy.

Tự cúng dường tức là Bồ-tát Ma-ha-tát nếu cúng dường Phật và tháp của Phật, tự tay làm lấy không sai người khác làm. Đây gọi là tự cúng dường.

Tha cúng dường tức là khi muốn cúng dường Phật và tháp Phật, tụ tập nhiều người cùng làm, chẳng phải riêng mình tự làm. Nhiều người như là cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, tôi tớ, hoặc quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, trưởng giả, hàng xóm, tri thức, người trong, người ngoài, nam nữ, giàu hèn, thọ khổ, thọ vui, hoặc Hòa thượng, hoặc đồng sư, đồng Hòa thượng, đồng ở, đồng học, đồng quốc độ, đồng tên, đồng họ, cho đến người tà kiến và hạng Chiên-đà-la. Đây gọi là tha cúng dường. Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát giàu có, tự tại, vì tâm từ bi nên bố thí cho chúng sinh, lúc bố thí tự nguyện: Chúng sinh nghèo khổ là do thiếu phước đức, nay thọ thí rồi ta sẽ khuyên bảo khiến cúng dường Tam bảo. Do nhân duyên cúng dường Tam bảo nầy mà phá trừ sự bần cùng, được nhiều phước đức. Phát nguyện xong rồi bố thí cho chúng sinh, bố thí rồi dạy dỗ khiến họ cúng dường Tam bảo. Đây gọi là tha cúng dường.

Cúng dường lợi ích tức là Bồ-tát đối với Phật và tháp Phật, phụng cúng y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, phòng xá, cung kính lễ bái, lại dùng đủ các thứ hoa, hương thoa, hương bột, cờ phướn, lọng báu, đèn đuốc mà cúng dường, lại khen ngợi công đức vô lượng của Như Lai, năm vóc gieo xuống đất, đi nhiễu ba vòng cho đến vô lượng vòng, lại phụng cúng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, anh lạc, chuông, linh, cho đến một tiền, một sợi chỉ, một hạt gạo. Đây gọi là Bồ-tát cúng dường lợi ích.

Cúng dường tối thắng tức là Bồ-tát đối với Phật và tháp Phật mà thiết lập cúng dường, cúng dường lợi ích, cúng dường thường hằng, dùng vật tốt cúng dường, cúng dường hiện thấy, cúng dường không hiện thấy, tự cúng

dường, tha cúng dường, chí tâm cúng dường, hỷ tâm cúng dường, hỷ tâm nhẫn lạc cúng dường Tam bảo. Đem các thứ cúng dường như vậy hồi hướng về đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là cúng dường tối thắng.

Cúng dường thanh tịnh tức là đối với Phật và tháp Phật, tự tay cúng dường, không có tâm kiêu mạn, xem thường, khiến người khác làm việc không có phóng dật, siêng năng tinh tấn chí tâm thanh tịnh, chẳng phải vì quốc vương sinh kính tín, chẳng vì chỗ cúng dường của quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, chẳng phải tự khoe công đức của mình mà cúng dường. Khi làm hình tượng không dùng các thứ hồ giao, dầu tô bôi phết lên, không đốt hương keo, hương xông mà cúng dường, các thứ hoa phả ca cũng không cúng dường, tất cả hoa có mùi hôi dù có sắc đẹp cũng không cúng dường. Không cúng dường các thứ như vậy, gọi là cúng dường thanh tịnh.

Cúng dường thọ trì tức là đối với Phật và tháp của Phật, tự mình xuất tiền tài hoặc xin từ người khác, hoặc làm tượng, hoặc làm tháp, hoặc một, hoặc hai, cho đến trăm ngàn, vô lượng vạn ức. Trong mỗi mỗi tháp, trước mỗi mỗi tượng đều cung kính lễ bái, dùng hoa hương, kỹ nhạc, đèn đuốc, anh lạc, cờ phướn, lọng báu mà cúng dường, cũng vì nhân duyên cúng dường nầy cho nên cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, cầu ở Phật đạo. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi địa bất thối, Bồ-tát trụ nơi địa bất thối nầy rồi, ở cõi của chư Phật thọ thân vô ngại. Bồ-tát Ma-ha-tát không tự xuất tiền tài, không cầu tiền tài ở người khác, mà lập thệ nguyện: Như có chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, có thể cúng dường Phật Pháp Tăng bảo, từ bốn thiên hạ cho đến ba ngàn đại thiên thế giới, chúng sinh hiện có trong mười phương vô lượng vô biên thế giới, dùng bậc thượng trung hạ mà cúng dường Tam bảo, ta sẽ chí tâm tùy hỷ. Lại thệ nguyện: Dùng nhân duyên nầy khiến các chúng sinh đều được thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là Bồ-tát trang nghiêm đạo Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là làm việc cúng dường như pháp. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập tâm từ, tâm bi hỷ xả cũng lại như vậy. Tất cả hữu vi, vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, quán sâu công đức vi diệu của Niết-bàn, niệm Phật Pháp Tăng, niệm thí, giới, thiên cho đến không thấy trong pháp giới có phần nhỏ nào có thể nêu bày chí tâm thực hành sáu pháp Ba-la-mật, dùng bốn nhiếp pháp để thâu giữ chúng sinh. Đây gọi là làm việc cúng dường như pháp. Nếu có Tỳ-khưu thường ưa cung kính, cúng dường tháp vàng, tượng vàng, tháp bạc, tượng bạc, hoặc tháp tượng bằng pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, ngọc bích, không ưa thích cung kính cúng dường tháp tượng bằng đất, hoặc gỗ, phải biết người nầy không gọi là cúng dường như pháp. Cúng dường như pháp ấy gọi là cúng

dường vô thượng, cúng dường vô thắng, cúng dường tối thắng, cúng dường như vậy là hơn tất cả sự cúng dường, có thể đạt được quả vô lượng không gì hơn.

Bồ-tát Ma-ha-tát cúng dường Tam bảo vì sáu việc: Một là vì phước điền vô thắng. Hai là vì biết ân báo ân. Ba là vì hơn tất cả loài một chân, hai chân, nhiều chân, không chân. Bốn là vì khó gặp như hoa Ưu-đàm-bát. Năm là vì không có Hòa thượng mà tự nhiên chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Sáu là vì có thể khiến chúng sinh được sự an vui thế gian và xuất thế gian.

Bồ-tát lúc muốn thọ giới Bồ-tát, phải quán xét Hòa thượng có đầy đủ tám pháp mới theo thọ giới: Một là đầy đủ giới Ưu-bà-tắc, Sa-di, Tỳ-khưu. Hai là có thể nhận sự cúng dường. Ba là khéo quán sát tướng mạo trì giới hoặc hủy giới. Bốn là đắc chỉ và quán. Năm là tâm từ thương xót tất cả. Sáu là có thể xả sự vui của mình để bố thí cho chúng sinh. Bảy là không sợ hãi. Tám là không thuyết phi pháp, không nghe phi pháp. Nghe thuyết phi pháp thì quở trách can ngăn, có thể nhẫn chịu tất cả sự hủy nhục, đánh mắng, não hại cùng những người tham sân si, hủy giới, biếng nhác, ở trong chúng thuyết pháp không từ mệt nhọc, không giải nghĩa sai, cũng không nói lầm, lời nói luôn nhẹ nhàng không thô tháo, thường nhớ chúng sinh muốn khiến đạt được an lạc, có nghi liền thỉnh hỏi, không khởi tâm sỉ nhục, khéo biết phương tiện để giáo hóa, biết đối trị phiền não của các chúng sinh, đối với chúng sinh tâm luôn bình đẳng, không có phân biệt sang hèn, cao thấp, sáu căn đầy đủ, oai nghi đĩnh đạc, không tin lời dua nịnh, hành tịnh hạnh nghiêm nhặt, không tự khoe khoang, khinh chê người khác, không vì lợi dưỡng mà hiện sự dối trá bên ngoài, xả bỏ tâm tham lam, ganh ghét, bủn xỉn, nếu tự có lợi trước nhường cho người, trong tâm thường nhất không phóng dật, thấy người được lợi hoan hỷ như mình được, ít muốn biết đủ, chỉ chứa sáu vật, ngoài sáu vật ra nếu có liền tùy theo mà bố thí; thường khuyên người phạm giới nên phát lồ, chỉ bày ức niệm, khéo biết pháp sám hối, khéo nuôi dưỡng người có bệnh khổ, trọn không tuyên thuyết tạng pháp Thanh văn và lỗi của tạng Bồ-tát. Nếu có đầy đủ những pháp như trên, mới có thể nhận làm Hòa thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát đã thọ giới rồi, nếu Hòa thượng bệnh nên cung cấp hầu hạ như lúc không bệnh, nên theo lời dạy mà làm việc, nên sinh tâm thành thật cung kính, nghinh đón lễ bái đứng hầu hai bên, phụng dâng y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, tùy thuận pháp ngữ, tùy pháp mà làm không có động chuyển, tùy chỗ phạm tội mà nói thành thật. Như lúc nghe pháp nên tạo tưởng như Phật, tưởng Pháp, tưởng Tỳ-khưu Tăng, tưởng về sự khó được, tưởng nhẫn, tưởng nhân của đại trí,

tưởng về ánh sáng lớn, tưởng đạt được đại quả báo, tưởng về nhân của đạo vô thượng là đại Niết-bàn, tưởng đạt được thường lạc, tưởng chứng đắc chỉ quán. Các tưởng như vậy tức là tưởng pháp chân thật. Đây gọi là đầy đủ công đức nghe pháp.

Lại nữa, lúc nghe pháp nên chí tâm nghe, tâm tín nghe, không nên nghĩ nay ta không cần theo người phá giới nầy, ấy là chủng tánh thấp kém, căn không đầy đủ; không nên hỏi pháp này, vì không chánh ngữ, vì căn tánh xấu. Nên lìa niệm như vậy mà nghe pháp.

Bồ-tát Ma-ha-tát thọ giới Bồ-tát có hai hạng: Một là trí. Hai là ngu. Nếu có sự suy nghĩ như trên thì gọi là ngu si, không tăng pháp thiện, không được đại trí. Bồ-tát tu tập bốn tâm vô lượng là từ bi hỷ xả. Bốn tâm vô lượng có ba hạng: Một là duyên chúng sinh. Hai là duyên pháp. Ba là không duyên. Duyên chúng sinh tức là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập tâm từ, quán sát hết thảy ba tụ chúng sinh: Một là thọ vui. Hai là thọ khổ. Ba là thọ không khổ không vui. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập tâm từ, quán người thọ vui khiến được tăng trưởng, quán chúng sinh thọ khổ thì diệt khổ sinh vui, quán người không khổ không vui thì đoạn trừ khổ vui khiến được Niết-bàn. Đây gọi là duyên chúng sinh. Duyên pháp tức là Bồ-tát Ma-ha-tát chỉ quán tướng pháp, không quán tướng chúng sinh. Nếu ta tu Từ không có chúng sinh, chỉ được lìa khổ, ai được thọ vui? Đây gọi là duyên pháp. Không duyên tức là xả bỏ tướng chúng sinh, cho đến tướng pháp mà tăng trưởng tâm từ. Đây gọi là không duyên. Ba tâm vô lượng là bi, hỷ, xả cũng lại như vậy, Bồ-tát Ma-ha-tát nếu nhân chúng sinh mà tu vô lượng tâm, phải biết tâm nầy không khác ngoại đạo, cũng cùng tâm với Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát Ma-ha-tát hợp bốn tâm vô lượng tức là Bi, cho nên Bồ-tát được gọi là Đại bi. Bồ-tát quán sát chúng sinh thọ khổ có một trăm mười thứ, vì trừ những thứ khổ nầy nên tu tập Đại bi. Những gì là một trăm mười thứ? Một thứ là sinh khổ. Lại có hai thứ: Một là cầu không được nên khổ. Hai là cầu được rồi mất nên khổ. Lại có ba thứ: Một là khổ khổ. Hai là hành khổ. Ba là hoại khổ. Lại có bốn thứ: Một là ái biệt ly khổ. Hai là oán gặp nhau khổ. Ba là chết khổ. Bốn là năm ấm không dứt nên khổ. Lại có năm thứ: Một là nhân duyên tham dục khổ. Hai là nhân duyên sân hận khổ. Ba là nhân duyên ngủ nghỉ khổ. Bốn là nhân duyên tán loạn khổ. Năm là nhân duyên nghi ngờ khổ. Lại có sáu thứ: Một là nhân đường ác khổ. Hai là quả đường ác khổ. Ba là cầu nhiều khổ. Bốn là giữ gìn khổ. Năm là không biết nhàm chán nên khổ. Sáu là mất mát khổ. Lại có bảy thứ: Một là sinh khổ. Hai là già khổ. Ba là bệnh khổ. Bốn là chết khổ. Năm là ái biệt ly khổ. Sáu là oán gặp nhau khổ. Bảy là cầu không được nên khổ. Lại có tám thứ: Một là lạnh khổ. Hai

là nóng khổ. Ba là đói khổ. Bốn là khát khổ. Năm là không được tự tại khổ. Sáu là tự làm khổ như Ni-kiền-tử. Bảy là người khác làm khổ, như việc vua... Tám là mất oai nghi khổ. Lại có chín thứ: Một là thân bần cùng khổ. Hai là người khác bần cùng khổ. Ba là thân ái hoại khổ. Bốn là mất của cải khổ. Năm là bệnh khổ. Sáu là phá giới khổ. Bảy là tà kiến khổ. Tám là hiện tại khổ. Chín là đời sau khổ. Lại có mười thứ: Một là có thức ăn không có đồ đựng khổ. Hai là bước đi không có xe khổ. Ba là cầu các anh lạc hoa hương không được nên khổ. Bốn là cầu tìm kỹ nhạc vui chơi không được nên khổ. Năm là cầu ánh sáng không được nên khổ. Sáu là cầu người phục dịch không được nên khổ. Bảy là cầu thức ăn không được nên khổ. Tám là cầu y phục không được nên khổ. Chín là có được không dùng nên khổ. Mười là thấy người đến xin mà khổ. Lại có chín thứ: Một là tất cả khổ. Hai là khổ lớn. Ba là tất cả tự khổ. Bốn là không như pháp trụ khổ. Năm là chuyển khổ. Sáu là không được tự tại khổ. Bảy là hại khổ. Tám là đuổi theo khổ. Chín là tất cả hành khổ.

Tất cả khổ tức là do tạo nhân đời trước nên hiện tại khổ. Khổ lớn tức là các chúng sinh thọ khổ nơi địa ngục trong vô lượng đời. Tất cả tự khổ tức là sự khổ trong đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời người. Không như pháp trụ khổ tức là bàn mưu muốn hại người mà không thành tựu, trở lại rước họa vào thân, như tham ăn uống sau thọ khổ lớn. Như nghĩ đến tham dục, sân hận, ngu si nên khổ. Hoặc nhân nơi nghiệp ác của thân khẩu ý mà thọ khổ, hoặc nhân hủy giới thọ sự ưu khổ.

Chuyển khổ tức hiện tại làm thân vua, đời khác chuyển làm thân tôi tớ, hoặc hiện tại làm cha mẹ, anh em, vợ con, đời khác là oán ghét khổ, hoặc đời nầy giàu có đời sau chịu bần cùng khốn khổ. Không được tự tại khổ tức như muốn được sống lâu, muốn được xinh đẹp, muốn được giàu có, muốn được mạnh khỏe, muốn được trí tuệ, muốn trừ oán địch, nhưng tất cả không được như ý nên khổ. Hại khổ tức như người trong thế gian cầu hết sự bần cùng nhưng không được nên khổ, người xuất gia cầu phá bỏ phiền não nhưng không thể nên khổ, hoặc gặp nạn khổ, binh đao khởi khổ, đi giữa đồng trống khổ, bị cắt tay chân khổ, bị trói buộc giam cầm khổ, bị đuổi ra ngoài khổ. Tất cả hành khổ tức là nhân nơi khổ thọ khổ, lìa sự vui thọ khổ, tất cả các thọ chưa đoạn nên khổ, không thể xuất gia nên khổ, không thể tịch tĩnh khổ, không được Bồ-đề khổ, sinh nhiều tư giác khổ, phàm phu khổ, bốn đại khổ, ba cõi khổ, phiền não khổ. Đây gọi là một trăm mười sự khổ.

Bồ-tát quán sát các sự khổ như vậy nên tăng trưởng tâm đại bi. Khổ

lớn như thế do mười tám thứ mà tăng trưởng: Một là ngu si khổ. Hai là thọ quả báo khổ. Ba là hành khổ. Bốn là thường khổ. Năm là sinh khổ. Sáu là tự tạo tác khổ. Bảy là tha tạo tác khổ. Tám là phá giới khổ. Chín là tà kiến khổ. Mười là đời quá khứ khổ. Mười một là đại khổ. Mười hai là địa ngục khổ. Mười ba là trời người khổ. Mười bốn là chuyển khổ. Mười lăm là thọ khổ. Mười sáu là không biết nên khổ. Mười bảy là tăng trưởng khổ. Mười tám là biếng nhác khổ. Bồ-tát thường dùng bốn nhân duyên gọi là đại bi: Một là quán sát nhân duyên của chúng sinh thọ khổ sâu xa khó giải. Hai là tu tập trong vô lượng đời. Ba là chí tâm tu tập. Bốn là chí tâm đối với chúng sinh không tiếc thân mạng. Do bốn nhân duyên nầy, có thể vì chúng sinh lao nhọc thọ khổ nơi thân, nên Bồ-tát gọi là tịnh đại bi. Tịnh đại bi gọi là địa Như Lai.

Bồ-tát Ma-ha-tát quán sát một trăm mười việc ấy, tất cả Bồ-tát đều tu tập, vì chúng sinh nên tăng trưởng tâm đại bi. Như vậy Bồ-tát có thể quán chúng sinh và dùng pháp tướng mà sinh tâm đại bi. Không thể quán sát tướng vô duyên mà sinh tâm đại bi, như thế không được gọi là đại bi. Như Lai có thể đầy đủ ba thứ như thế nên gọi là đại bi. Bồ-tát tu tập đại bi mà được thân tâm tịch tĩnh, do nhân duyên thân tâm tịch tĩnh nên có thể phá trừ phiền não hiện có của chúng sinh, trụ ở địa tịnh, đối với chúng sinh luôn thương mến như con. Do nhân duyên đại bi, nên vì các chúng sinh mà siêng tu khổ hạnh, tâm không hối hận. Như đạo Thanh văn lúc ngộ Tứ đế thọ sự vui vô lậu. Bồ-tát tu tập tâm bi cũng lại như vậy, Bồ-tát tu tập tâm bi là chỉ vì chúng sinh không vì thân mình. Do nhân duyên tu tập bi mà Bồ-tát không tiếc thân mạng và của cải bên ngoài. Do nhân duyên tu bi mà xả thân thọ thân, trọn không hủy phạm giới cấm của Như Lai, Tam-muội khó được tức có thể được, vì thế trong kinh Phật dạy: Đạo quả Bồ-đề vô thượng của Bồ-tát trụ tại chỗ nào? Phải nói là trụ ở đại bi, nhiều vô lượng vô biên không thể xưng kể, nên gọi là đại bi. Bồ-tát tu tập tâm vô lượng nầy, được sự vui hiện tại, có thể khiến chúng sinh xa lìa khổ não, đạt được vô lượng công đức vô thượng, trang nghiêm đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Phẩm 18: BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát hổ thẹn? Hổ thẹn có hai thứ: Một là tánh. Hai là nhân duyên. Tánh tức là Bồ-tát Ma-ha-tát tự biết chỗ làm là phi pháp, sợ hãi quả báo ác nên sinh tâm hổ thẹn. Nhân duyên tức là Bồ-tát đối

với việc tự làm ác, sợ mọi người biết nên sinh lòng hổ thẹn. Tánh hổ thẹn tức chẳng phải nhân duyên mà được, như tánh Bồ- tát. Bồ-tát tu hổ thẹn là từ nhân duyên mà được, như tám chánh đạo. Hổ thẹn có bốn thứ: Một là không nên làm mà làm nên sinh hổ thẹn. Hai là việc nên làm mà không làm nên sinh hổ thẹn. Ba là tâm tự sinh nghi nên sinh hổ thẹn. Bốn là đối với tội che giấu sợ người khác biết nên sinh hổ thẹn.

Thế nào gọi là Bồ-đề tát đỏa? Tát đỏa gọi là dũng mãnh không sợ hãi. Tánh của Bồ-tát có lực mạnh. Do tánh mạnh nên có thể điều phục phiền não không tùy theo tâm, có thể nhẫn chịu các khổ, các sự sợ hãi, tuy có sợ hãi nhưng không lay động. Bồ-tát hiện có pháp thiện trang nghiêm, gọi là tánh dũng mãnh, nên gọi là Bồ-đề Tát đỏa. Tánh dũng mãnh của Bồ-tát có năm nhân duyên: Một là các thứ sinh tử khổ. Hai là chúng sinh làm các thứ nghiệp ác. Ba là ở trong vô lượng đời vì lợi ích của chúng sinh mà thọ vô lượng khổ. Bốn là chí tâm kiên trì giới cấm của Bồ-tát. Năm là chí tâm nghe thọ pháp sâu xa.

Bồ-tát Ma-ha-tát có năm nhân duyên, vì các chúng sinh chịu khổ lớn, tâm không sầu não: Một là do có sức mạnh lớn. Hai là tu tập không ưu sầu. Ba là dũng mãnh tinh tấn, có phương tiện tốt. Bốn là trí tuệ dũng mãnh. Năm là chuyên niệm tu tâm bi. Tại sao Bồ-tát hiểu biết sách vở thế gian? Bồ-tát khéo biết về phương thuật ở thế gian, biết chữ biết câu, biết lời biết nghĩa, tâm miệng hòa hợp, chuyên ý thọ trì. Đây gọi là Bồ-tát biết pháp biết nghĩa, do biết pháp biết nghĩa nên có thể vì mọi người thuyết giảng. Do nhân duyên thuyết giảng nên pháp trí nghĩa trí đều được tăng trưởng. Đây gọi là văn tuệ tư tuệ. Do nhân duyên văn tuệ tư tuệ nên pháp trợ Bồ-đề được tăng trưởng. Thế nào gọi là Bồ-tát biết thế gian? Thế gian có hai thứ: Một là thế gian của chúng sinh. Hai là khí thế gian. Bồ-tát Ma-ha-tát quán xét thế gian của chúng sinh, cho nên kinh nói: Hành khổ nơi thế gian thọ ở sinh tử. Không biết sinh tử không được giải thoát. Như Lai khéo biết về thế gian của chúng sinh, nên kinh nói: Chúng sinh có năm trược: Một là mạng trược. Hai là chúng sinh trược. Ba là phiền não trược. Bốn là kiến trược. Năm là kiếp trược. Như nay mạng người sống không đủ trăm năm. Đây gọi là mạng trược. Như nay chúng sinh không thể hiếu dưỡng đối với cha mẹ, các bậc sư trưởng, Hòa thượng, Sa-môn, phạm hạnh, không theo nghĩa mà làm, không sợ quả báo nơi hiện tại và đời vị lai, không ưa bố thí, không thích phước đức, không ưa thọ trai trì giới tinh tấn. Đây gọi là chúng sinh trược. Như chúng sinh do phiền não mà giết hại cha mẹ, đối với cha mẹ anh chị em, thân thuộc cưỡng làm chuyện phi pháp, vì cùng chúng sinh làm nhân duyên ác, nên cất chứa cung nỏ dao gậy giáo mác, có nhiều chúng sinh nói

dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói lời vô nghĩa, như vậy các điều ác vô lượng, lúc phiền não bất thiện khởi lên. Đây gọi là phiền não trược. Như nay chúng sinh phi pháp thấy là pháp, pháp thấy là phi pháp, phi pháp nói pháp, pháp nói phi pháp, vì vậy nên phá hoại chánh pháp, làm tăng trưởng tà pháp, vô lượng chúng sinh tu tập tà kiến. Đây gọi là kiến trược. Như vào thời ác, chúng sinh ác, có ba thứ nội ác kiếp khởi: Một là nội kiếp đói kém. Hai là nội kiếp bệnh dịch. Ba là nội kiếp binh đao. Đây gọi là kiếp trược. Trên đây là nói về Bồ-tát biết thế gian của chúng sinh.

Lại nữa, Bồ-tát biết khí thế gian, tức là Bồ-tát khéo biết nhân duyên thành hoại của khí thế gian. Cho nên kinh nói: Nầy Ca-chiên- diên! Như Lai khéo biết thế gian, biết thế gian nhân, biết thế gian diệt, biết thế gian đạo, biết thế gian mùi vị, biết thế gian khổ, biết thế gian giải thoát. Nầy Ca-chiên-diên! Sáu nhập, năm ấm, và bốn đại gọi là thân người, do thân người tùy thế gian tác tướng nên gọi đó là ngã, gọi là chúng sinh, gọi là thọ mạng, gọi là sĩ phu, gọi là A, B, danh tự như vậy tánh không chân thật, nhân nơi phiền não nên chúng sinh nói ta thấy ta nghe, ta biết, thấy nghe biết cũng không chân thật. Lưu hành khắp các danh tánh, thức ăn, thọ khổ, thọ vui, sống lâu, chết sớm như vậy, đây gọi là lưu hành khắp. Lưu hành khắp thì gọi là tướng, không gọi là chân thật. Như Lai khéo biết thế gian chúng sinh và khí thế gian, nên gọi là Như Lai khéo biết về thế gian. Bồ-tát nếu thấy người hơn mình về tuổi tác, phước đức, nên cung kính thăm hỏi, sắp đặt giường tòa, hoặc thấy người có tuổi và phước đức bằng mình, trước thăm hỏi bằng lời khiêm nhường, chắp tay cùng ngồi, không sinh tâm kiêu mạn, nghĩ ta hơn người kia. Nếu thấy người có tuổi tác và phước đức nhỏ hơn mình, cũng thăm hỏi và khuyến khích họ, về phước đức, dạy thực hành pháp thiện, tâm không khinh chê, giả sử họ có tội, trọn không chỉ trích, tùy theo vật cần dùng để cung cấp. Bồ-tát đối với chúng sinh hạng thượng, trung, hạ đều dùng lời nhẹ nhàng, đem pháp thiện mà

@@@giáo hóa, dùng thức ăn, dùng pháp mà thâu giữ, thân khẩu ý nghiệp suy nghĩ thiện đều hồi hướng cho chúng sinh, thường nghĩ như vầy: Nguyện ta và các chúng sinh không tạo nhân duyên ác, đối với chúng sinh không khởi tưởng oán, thường nghĩ là thân thuộc, không có tâm sân hận. Giả sử có người sân thì không để bụng, nếu bị đánh đập phải quán xét pháp giới, thân khẩu ý nghiệp thường tự thận trọng. Đầy đủ mười bốn việc: Đó là sáu phương tiện, bốn tri thức ác, bốn tri thức thiện. Như kinh Thiện Sinh chép: Thường có thể tạo lợi ích cho đời nầy đời sau, có thể cầu của cải, được rồi có thể giữ gìn, cuộc sống đầy đủ, có thể làm việc phước đức, không tham lam, không bủn xỉn, không làm huyễn thuật mê hoặc người đời, trì

giới biết xấu hổ, có người giao phó việc không để họ sinh nghi, thấy chúng sinh như thấy chân thật, thường gần bạn lành, trị nước an dân, khuyên dùng mười điều thiện, thấy thì nói thấy, nghe thì nói nghe, biết thì nói biết, hiểu thì nói hiểu, cho nên Bồ-tát gọi là hiểu biết về thế gian.

Thế nào gọi là Bồ-tát học tứ y? Bồ-tát y nơi nghĩa không y nơi chữ. Bồ-tát nghe pháp không vì y nơi chữ, chỉ vì y nơi nghĩa. Bồ-tát Ma- ha-tát y pháp không y người. Nghĩa là biết pháp và phi pháp, biết pháp như vậy là do Phật thuyết, hoặc trưởng lão thuyết, hoặc chúng Tăng thuyết, nếu là phi pháp, tuy nghe Phật thuyết nhưng tâm không sinh tin. Lại có pháp chẳng phải Phật thuyết, chẳng phải trưởng lão hay chúng Tăng thuyết, tuy vậy nhưng đây là pháp tướng thì nghe rồi tin thọ. Bồ- tát Ma-ha-tát y kinh liễu nghĩa, không y nơi kinh không liễu nghĩa. Y kinh liễu nghĩa là không thể động không thể chuyển. Kinh liễu nghĩa là không sinh tâm nghi. Bồ-tát nếu đối với kinh liễu nghĩa mà sinh tâm nghi thì có thể lay chuyển. Bồ-tát y trí không y thức. Vì sao? Người tu trí tuệ gọi là trí tịnh, cho nên Bồ-tát hiểu nghĩa sâu xa, nếu đối với nghĩa sâu xa chưa được hiểu, cũng trọn không sinh phỉ báng. Đây gọi là Bồ- tát thành tựu bốn thứ y. Bồ-tát thành tựu bốn thứ y như vậy, hiểu biết rõ về đạo thế gian và xuất thế gian. Bồ-tát lại có bốn đạo, do bốn đạo nên biết tất cả giới, được trí vô ngại. Bốn đạo tức bốn trí vô ngại. Biết tất cả pháp giới, gọi là pháp trí vô ngại. Nếu biết tất cả pháp tánh trí vô ngại không có trí điên đảo, gọi là nghĩa trí vô ngại. Bồ-tát nếu biết danh tự của tất cả các pháp, gọi là từ trí vô ngại, Bồ-tát nếu biết tất cả pháp giới, tất cả danh tự pháp, tất cả nghĩa pháp nói không cùng tận, thì gọi là nhạo thuyết trí vô ngại trí. Bồ-tát đầy đủ bốn trí vô ngại, biết phương tiện của năm ấm, sáu nhập, mười tám giới, phương tiện mười hai nhân duyên, phương tiện thị xứ phi xứ, Bồ-tát đầy đủ bốn trí vô ngại, tự biết rõ ràng đạo Bồ-đề, lại có thể vì người mà phân biệt thuyết giảng.

Thế nào gọi là trang nghiêm Bồ-đề? Trang nghiêm Bồ-đề có hai thứ: Một là công đức trang nghiêm. Hai là trí tuệ trang nghiêm, như trong phẩm tự lợi lợi tha đã nói. Nếu Bồ-tát vào a-tăng-kỳ kiếp đầu tu tập hai thứ trang nghiêm như vậy, gọi là hạ trang nghiêm, nếu vào a-tăng-kỳ kiếp thứ hai tu tập, gọi là trung trang nghiêm, vào a-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu tập, gọi là thượng trang nghiêm.

Thế nào Bồ-tát tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo? Bồ-tát đầy đủ bốn trí vô ngại, được trí phương tiện, do trí phương tiện nên tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, cũng chưa được chứng đạo quả Bồ-đề vô thượng, cũng biết phẩm tu đạo của hàng Nhị thừa, biết hàng Nhị thừa như trong phẩm đầu đã

thuyết.

Thế nào gọi là biết Bồ-tát tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo? Bồ- tát quán thân tuần tự thân quán, lúc quán như vậy không đắm vào tướng thân, không nghĩ tướng không, cũng biết thân nầy là không thể nêu bày. Đây gọi là quán thân đệ nhất nghĩa. Vì lưu hành khắp nên gọi tên là thân. Ngoài thân ra ba mươi sáu phẩm còn lại cũng như vậy. Bồ-tát Ma- ha-tát lúc quán thân nầy không nghĩ khổ, không nghĩ tập, không nghĩ diệt, không nghĩ đạo là nhân duyên của diệt. Vì sao? Vì pháp giới là không thể nêu bày. Nếu Bồ-tát có thể biết khổ tập diệt đạo như thế, tức gọi là tu tập ba mươi bảy phẩm đệ nhất nghĩa, vì lưu hành khắp cho nên nói khổ tập diệt đạo. Nếu Bồ-tát biết không dùng giác quán để quán xét ba mươi bảy phẩm, thì gọi là chỉ. Nếu Bồ-tát biết pháp giới là chân thật, không thể nêu bày, đây gọi là quán. Xa-ma-tha của Bồ-tát có bốn thứ: Một là Xa-ma-tha đệ nhất nghĩa. Hai là Xa-ma-tha kỳ hạn. Ba là Xa-ma-tha chân thật. Bốn là Xa-ma-tha lìa phiền não oán, Bồ-tát đầy đủ bốn thứ Xa-ma-tha, biết tất cả pháp giới, vì nhằm đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát tu Tỳ-bà-xá-na (quán) có bốn thứ: Một là cùng thực hành với bốn thứ Xa-ma-tha. Hai là xa lìa điên đảo. Ba là phân biệt vô lượng pháp giới. Bốn là biết pháp giới vô ngại, Bồ-tát tu tập bốn thứ Tỳ-bà-xá-na nầy, vì cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát có phương tiện khéo léo? Phương tiện khéo léo có mười hai thứ: Nội sáu thứ và Ngoại sáu thứ. Sáu thứ nội, nghĩa là Bồ-tát thường khởi tâm đại bi đối với tất cả chúng sinh, hiểu rõ chân thật tất cả các hành, thường ưa buộc niệm nơi đạo quả Bồ- đề vô thượng, ưa chuyển sinh tử cho chúng sinh, chân thật biết phiền não, không hoại phiền não, vì đạo quả Bồ-đề vô thượng mà siêng tu tinh tấn. Đây gọi là nội phương tiện.

Sáu thứ phương tiện ngoại, nghĩa là có thể khiến người bố thí ít đạt được vô lượng phước. Người có công đức hay khiến cho tăng trưởng. Người chưa thuần thục hay khiến cho thuần thục. Người được thuần thục hay khiến được giải thoát. Người phá hoại pháp Phật có thể khiến sinh tâm tin. Người có tin rồi hay khiến tăng trưởng. Đây gọi là ngoại phương tiện.

Thế nào gọi là bố thí ít mà được vô lượng phước? Như có chúng sinh ở chỗ Bồ-tát nghe thuyết pháp rồi, đem một ít thức ăn bố thí cho chó đói, vật thí đã ít mà ruộng phước lại mỏng, do có thể hồi hướng về đạo Bồ-đề, nên có được phước báo không thể xưng kể. Có công đức khiến được tăng trưởng, tức nếu có chúng sinh thọ tám phần trai giới, Bồ-tát lại vì họ mà phân biệt giải nói, dạy họ hồi hướng nơi đạo Bồ-đề vô thượng.

Nếu có chúng sinh đắm sâu nơi tà kiến, một tháng không ăn, ngày đoạn tối ăn, Bồ-tát liền vì họ tuyên giảng chánh pháp, phá trừ tâm tà, dạy họ thọ trì tám phần trai giới. Nếu có chúng sinh muốn cầu giải thoát mà không biết phương tiện, Bồ-tát vì họ mà thuyết giảng về thật nghĩa trung đạo, lìa nhị biên. Nếu có chúng sinh muốn được thân cõi trời mà nhảy xuống vực sâu hoặc nhảy vào lửa, Bồ-tát vì họ nên phá trừ sự khổ như vậy, vì họ nói về trì giới, hiện đời hưởng vui, đời sau được thân cõi trời. Nếu có chúng sinh vì tịch tĩnh, mà đọc tụng giải nói bốn luận Tỳ đà, Bồ-tát liền dùng mười hai bộ kinh dạy họ khiến phân biệt suy nghĩ về ý nghĩa. Lại nữa, Bồ-tát dùng hương hoa thượng diệu hiện có trên thế gian cúng dường Tam bảo, cũng nên dạy chúng sinh khiến biết cúng dường, tự hướng đến vô lượng chư Phật trong mười phương mà phát nguyện cúng dường, cũng dạy chúng sinh hướng đến chư Phật ở mười phương và phát nguyện cúng dường. Lại nữa, Bồ-tát thường tu niệm Phật cho đến niệm thiên, cũng dạy chúng sinh khiến tu sáu niệm. Lại nữa, Bồ-tát có nghiệp thiện về thân khẩu, hoặc nhiều hoặc ít đều thí cho chúng sinh, cũng dùng pháp nầy giáo hóa chúng sinh. Lại nữa, Bồ-tát thường phát nguyện: Tất cả chúng sinh hiện có việc khổ, đều tập hợp nơi thân ta, chớ khiến người khác chịu, cũng dùng pháp nầy chuyển dạy cho chúng sinh. Lại nữa, Bồ-tát nếu có tội trong đời quá khứ cùng hiện tại, đều hướng tới chư Phật ở mười phương mà sám hối, cũng dùng pháp nầy dạy chúng sinh thực hành. Lại nữa, Bồ-tát từ có thể tu tập bốn tâm vô lượng, cũng dạy chúng sinh thực hành bốn tâm vô lượng, người có công đức hay khiến cho tăng trưởng, người phá hoại pháp Phật hay khiến họ sinh tín, đã sinh tín rồi hay khiến cho tăng trưởng, người chưa thành thục khiến cho thành thục, đã thành thục rồi hay khiến được giải thoát. Bồ-tát Ma-ha-tát vì bốn pháp nầy mà tu tập sáu việc: Một là tùy người. Hai là không chướng ngại. Ba là không lay động. Bốn là tâm tương trợ. Năm là báo ân. Sáu là thanh tịnh. Tùy theo người khác, nghĩa là Bồ-tát trước dùng lời nhẹ nhàng tùy theo tâm họ mà nói, tùy theo sức lực của thân khẩu ý mà bố thí, khiến người kia cung kính sinh tâm hoan hỷ, sinh tâm ưa nghe pháp, rồi sau đó mới thuyết giảng, tùy theo căn cơ thượng trung hạ của chúng sinh mà thuyết pháp dễ hiểu, thuyết đúng thời, thuyết theo thứ lớp, thuyết không điên đảo, thuyết lợi ích, thuyết thương xót. Nếu cần thần thông cảm ứng để hóa độ thì vì họ mà thị hiện thần thông, tóm lược có thể nói rộng, rộng có thể nói lược, có thể phá trừ lưới nghi, ban cho họ sự nhớ nghĩ, có thể mở rộng chỗ phân biệt, chỗ xuất định nhập định. Nếu có chúng sinh không hiểu nghĩa "không" thâm diệu của Như Lai, tức liền vì họ khai thị phân biệt diễn nói. Nếu có chúng sinh phỉ báng kinh điển Phương đẳng

Đại thừa, tức vì họ thuyết pháp khiến được điều phục.

Nếu có chúng sinh nói: "Như Lai tuyên thuyết không có tất cả pháp, không có tất cả vật, tất cả các pháp không sinh không diệt, giống như hư không, như huyễn, như mộng, như sóng nắng, như thành Càn- thát-bà, như trăng trong nước, như tiếng vang", do không hiểu nhân duyên pháp tánh nên sinh sự sợ hãi, do sợ hãi nên sinh phỉ báng, nói chẳng phải kinh Phật, là thuyết của tà kiến. Bồ-tát Ma-ha-tát với phương tiện khéo léo, dần dần vì họ khai thị nghĩa kinh, tùy ý mà nói chẳng phải không có tất cả pháp, do tất cả pháp không thể tuyên thuyết, nên gọi là pháp không. Vì không thể tuyên thuyết tánh không thật có, nên gọi là không có vật. Như ban đầu không có bất khả thuyết, không có tánh bất khả thuyết, làm sao có thể nói có sinh có diệt, nên nói là không sinh không diệt, nếu không sinh diệt tức gọi là hư không. Như trong hư không có vô lượng sắc, có vô lượng nghiệp, các sắc các nghiệp không có chướng ngại, đó gọi là đi đứng, co, duỗi, cúi, ngưỡng. Nếu không có các sắc, các nghiệp như vậy, gọi là hư không, thì hư không không thể tuyên thuyết. Nếu nhân hư không có các sắc các nghiệp có thể tuyên thuyết, thì không được nói tánh của hư không không thể tuyên thuyết. Nếu hư không kia không thể tuyên thuyết, thì các sắc các nghiệp làm sao có thể tuyên thuyết?

Bồ-tát Ma-ha-tát được Thánh trí rồi, mới biết pháp giới không thể tuyên thuyết. Lúc ấy, Bồ-tát phá trừ tướng tà, nói tất cả pháp là có, tất cả pháp là có thể giảng nói. Bồ-tát ban đầu dùng Thánh trí như vậy dạy cho chúng sinh, chúng sinh đạt được rồi tự thấy pháp tánh, không thể tuyên thuyết, giống như hư không, cho nên Như Lai nói tất cả pháp đồng như hư không, như huyễn mộng, tánh tướng chẳng phải có chẳng phải không. Thánh nhân cũng nói chẳng phải là có chẳng phải là không. Huyễn nếu là định có, thì do nhân duyên gì mà có, lúc thấy có, lúc không? Nếu định là không, thì tại sao khiến người thấy vô số các thứ tướng. Pháp của thật không, thì không nên sinh tướng. Tất cả pháp giới cũng lại như vậy. Đối với phàm phu nói có danh tướng, do có danh tướng nên không thể nói là không. Tánh của đệ nhất nghĩa do không thể tuyên thuyết nên không được nói là có. Cho nên pháp giới như huyễn có hai. Vì thế Bồ-tát đối với các pháp giới, không lấy không bỏ, không tăng không giảm, thật thì biết thật cũng nói là thật. Đây gọi là Bồ-tát khéo tùy theo phương tiện.

Không có chướng ngại, tức là Bồ-tát Ma-ha-tát thấy người đến cầu xin, nên nói: Thiện nam! Nay nếu ngươi có thể cúng dường Tam bảo, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, thì những vật cần dùng như y phục,

thức ăn, giường tòa, thuốc thang, hoa hương, anh lạc, cờ phướn, lọng báu, kỹ nhạc, ruộng vườn, phòng xá, tôi tớ, xe cộ, tiền tài, ta đều đem cho ngươi. Nếu có chúng sinh sợ hãi ưu sầu, Bồ-tát nên nói: Nay nếu ngươi có thể cúng dường Tam bảo, cho đến Bà-la-môn, ta sẽ cung cấp cho ngươi y phục, thức ăn, cho đến tất cả các vật cần dùng, cũng sẽ cứu giúp việc ưu sầu lo sợ cho ngươi. Nếu có người bệnh cũng lại nói: Nay nếu ngươi có thể cúng dường Tam bảo cho đến Bà-la-môn, ta sẽ vì ngươi mà tìm cầu thuốc hay, chăm sóc bệnh tốt, cho đến các vật cần dùng khiến ngươi hết bệnh. Như vậy chúng sinh nếu có thể tin thọ lời Bồ-tát dạy, Bồ-tát sẽ làm các thứ phương tiện khiến được như ý. Nếu không tin thọ, lúc ấy Bồ-tát sẽ tu tâm xả. Nếu có tin thọ cúng dường Tam bảo, cha mẹ, sư trưởng, trì giới, tinh tấn, điều phục khiến chứng đắc đạo quả giác ngộ vô thượng. Nếu trước tin thọ lời dạy sau không nghe, Bồ-tát vì lòng thương xót nên hiện sự nổi giận, quở trách, chẳng phải thật có tâm ác, hoặc không bố thí vật thật chẳng phải hiềm hận, mà vì điều phục. Đây gọi là không chướng ngại không lay động.

Tâm tương tợ tức là Bồ-tát nếu được thân tự tại, như vua, đại thần có nhiều quyến thuộc, trước xướng: Như trong phần đất của ta và người trong nhà, nếu có ai không cúng dường Tam bảo, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc hủy giới, biếng nhác, ta sẽ không cho y phục, thức ăn, hoặc đánh mắng, bắt giam vào lao ngục, hoặc giết hoặc đuổi, giao phó cho đại thần khiến giám sát, biết ai trì giới, biết ai hủy giới, ai có thể cúng dường cha mẹ, Tam bảo, ai không cúng dường cha mẹ, Tam bảo.

Bấy giờ, các chúng sinh vì lo sợ, cho nên xa lìa các điều ác, tu tập pháp thiện, tương tợ như tâm của Bồ-tát. Đây gọi là phương tiện tương tợ.

Báo ân tức là Bồ-tát thọ nhận y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, phòng xá của đàn việt, hoặc nhiều hoặc ít. Hoặc gặp sợ hãi có người giải nguy, hoặc gặp bệnh khổ có người trị liệu, hoặc nghe thuyết pháp phá trừ tâm nghi. Bồ-tát Ma-ha-tát vì nhớ đến ân, tức đều dạy họ thực hành pháp thiện. Đây gọi là báo ân. Bồ-tát thuyết pháp chúng sinh nghe rồi, tức có thể cúng dường Tam bảo, cha mẹ, sư trưởng, Sa-môn, Bà-la-môn, trì giới tinh tấn. Đây gọi là báo ân tịch tĩnh. Bồ-tát Ma-ha- tát an trụ trong địa Bồ-đề rốt ráo, tu tập đạo Bồ-đề tịch tĩnh, sinh nơi cõi trời Đâu Suất, phải biết không bao lâu sẽ hạ sinh nơi cõi Diêm-phù-đề và chứng đắc đạo quả Bồ đề vô thượng. Chúng sinh nghe pháp rồi đều phát nguyện: Như vậy lúc Bồ-tát thành Phật, chúng ta sẽ ở trong pháp Phật ấy mà xuất gia học đạo. Bấy giờ, Bồ-tát hạ sinh cõi Diêm-phù- đề, thác sinh ở nhà Sát-lợi, Bà-la-môn, vì chúng sinh nên xả bỏ sự vui năm dục, xuất gia học đạo tu hành khổ hạnh,

vì khổ hạnh mà sinh tâm cung kính, phá bỏ tâm khổ, tu hạnh khổ rồi chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, phá bỏ tâm Bồ-đề Thanh văn, Duyên giác. Đã thành đạo rồi mặc nhiên mà trụ, Đế thích Phạm thiên cùng đến khuyến thỉnh. Phạm thiên nêu bày thưa thỉnh, vì khiến cho chúng sinh sinh tâm tôn trọng đối với chánh pháp. Bấy giờ, Thế Tôn liền dùng Phật nhãn quán sát chúng sinh, rồi sau mới thuyết pháp. Dùng Phật nhãn quán sát, là vì phá tên gọi xấu ác, như có chúng sinh nói: Như Lai chỉ vì Phạm vương khuyến thỉnh, chẳng phải vì thương xót. Như dùng Phật nhãn quán ở chúng sinh mà chuyển pháp luân, vì phá trừ các thứ luân tà ác của chúng sinh. Chuyển pháp luân rồi tập họp chúng chế giới, vì khiến cho chúng sinh được giải thoát. Đây gọi là phương tiện tịch tĩnh của Bồ-tát, vì khiến chúng sinh đạt được tâm tín. Người chưa vào pháp Phật khiến được vào, chúng sinh chưa thành thục khiến được thành thục, đã thành thục rồi khiến được giải thoát.

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 7

Phẩm 19: PHÁP SỐ TRỢ BỒ ĐỀ CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Thế nào là Đà-la-ni của Bồ-tát Ma-ha-tát? Đà-la-ni có bốn thứ: Một là pháp Đà-la-ni. Hai là nghĩa Đà-la-ni. Ba là lời Đà-la-ni. Bốn là nhẫn Đà-la-ni.

Pháp Đà-la-ni tức là tâm Bồ-tát đạt được sự nhớ nghĩ, do niệm lực nên được đại trí tuệ, do lực của đại trí tuệ nên biết các pháp giới, ngôn từ câu chữ, kiên tâm thọ trì, trải qua vô lượng đời không có quên mất.

Nghĩa Đà-la-ni tức là như pháp Đà-la-ni, tùy thuận giải nghĩa, ở trong vô lượng đời thọ trì không quên.

Lời Đà-la-ni tức là Bồ-tát Ma-ha-tát vì phá trừ các ác của chúng sinh, nên thọ trì thần chú, đọc tụng thông lợi, đem lại lợi ích cho chúng sinh. Vì chú thuật nên thọ trì năm pháp: Một là không ăn thịt. Hai là không uống rượu. Ba là không ăn năm thứ cay nồng. Bốn là không dâm dục. Năm là không ở trong nhà bất tịnh mà ăn uống. Bồ-tát đầy đủ năm thứ như vậy, có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh, các quỷ thần ác, các độc, các bệnh, không gì mà không trị được.

Nhẫn Đà-la-ni tức là Bồ-tát Ma-ha-tát do lực của trí tuệ, tâm ưa vắng lặng, không cùng mọi người ở chung, im lặng không nói, ở một mình không có bạn, ăn uống biết đủ, tọa thiền tư duy đêm không ngủ nghỉ. Bấy giờ Phật liền dùng chú Đà-la-ni dạy cho khiến tụng: Ất trí, mật trí, ký trí tỳ, sằn đề, bát đàn na, sa ha.

Lúc ấy, Bồ-tát thọ nhận từ Phật rồi, thân tâm quán sát biết chữ không có nghĩa, do vô nghĩa nên không có nghĩa ngữ, nếu không có nghĩa ngữ thì lời cũng vô nghĩa, pháp cũng vô nghĩa, do vô nghĩa nên tất cả pháp đều không thể diễn nói. Nghĩa tức là nghĩa của tất cả các pháp vô nghĩa. Do nhẫn lực nên có thể biết rõ bốn thứ Đà-la-ni. Do biết rõ nên được đầy đủ nhẫn Đà-la-ni, do đầy đủ nhẫn Đà-la-ni nên không lâu sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát Ma-ha-tát vào a-tăng-kỳ kiếp thứ nhất lúc tu tập hạnh, đắc hai Đà-la-ni là pháp và nghĩa, nhân nơi pháp và nghĩa Đà-la-

ni ấy mà tu tập Tam-muội.

Nhân tu tập Tam-muội phát thệ nguyện, nên được hai Đà-la-ni là lời và nhẫn. Bồ-tát nếu có thể tu tập bốn việc đắc bốn thứ Đà-la-ni: Một là không tham năm dục. Hai là không sinh tâm đố kỵ đối với chúng sinh. Ba là có thể bố thí bố thí rồi không hối hận. Bốn là ưa nghe chánh pháp, thọ trì đọc tụng, biên chép giải nói pháp tạng Bồ-tát. Bồ-tát phát đại thệ nguyện gồm có năm thứ: Một là phát tâm phát nguyện. Hai là có phát nguyện. Ba là hành phát nguyện. Bốn là thiện phát nguyện. Năm là đại phát nguyện.

Lúc ban đầu phát tâm Bồ-đề gọi là phát tâm phát nguyện. Vì lợi ích cho chúng sinh sinh nơi cõi trời người, nên gọi là có phát nguyện. Vì chúng sinh mà tu vô lượng tâm nên gọi là hành phát nguyện. Tu tập tất cả pháp thiện của Bồ-tát gọi là thiện phát nguyện, không tiếc thân mạng, hộ trì chánh pháp gọi là đại phát nguyện. Bồ-tát nếu dùng mười thứ cúng dường Phật Pháp Tăng bảo, hộ trì chánh pháp, thấy người trì pháp thì cung kính cúng dường. Đây gọi là đại thệ nguyện. Bồ-tát Ma- ha-tát sinh nơi cõi trời Đâu suất cho đến Đại Niết-bàn. Đây gọi là đại thệ nguyện. Bồ-tát Ma-ha-tát từ ban đầu phát tâm cho đến chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là đại thệ nguyện. Bồ-tát Ma-ha-tát vì độ chúng sinh mà có mặt khắp các cõi, tùy loại thọ thân. Đây gọi là đại thệ nguyện. Bồ-tát Ma-ha-tát thường dùng Bồ-tát pháp tạng, Bồ-tát luận tạng Đại thừa để giáo hóa chúng sinh. Đây gọi là đại thệ nguyện. Bồ-tát Ma-ha-tát phàm có diễn thuyết đều vì lợi ích, người không có thiện căn khiến được sinh thiện căn. Đây gọi là đại thệ nguyện.

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát tu Tam-muội Không? Bồ-tát quán sâu về tánh của tất cả các pháp có thể thuyết. Tánh có thể thuyết nầy không có ở trong tánh không thể thuyết giảng cho nên gọi là Tam-muội Không.

Thế nào gọi là Tam-muội vô nguyện? Bồ-tát Ma-ha-tát do tất cả pháp có thể tuyên thuyết nên có ngã và ngã sở. Có ngã và ngã sở nên gọi là khổ. Bồ-tát Ma-ha-tát phá bỏ tưởng tà, biết tất cả pháp không thể tuyên thuyết, cho nên không chấp trước nơi ngã và ngã sở, không có ngã và ngã sở nên không nguyện cầu, vì thế gọi là Tam-muội vô nguyện.

Thế nào gọi là Tam-muội vô tướng? Bồ-tát Ma-ha-tát biết tất cả pháp là không thể tuyên thuyết. Do không thể tuyên thuyết nên không có tướng của tất cả phiền não. Vì không có tướng nên gọi là tịch tĩnh. Vì tu tập tịch tĩnh nên gọi là Tam-muội vô tướng.

Tại sao Như Lai thuyết ba Tam-muội? Tất cả các pháp gồm có hai thứ: Một là có của hữu vi. Hai là có của vô vi. Có của hữu vi nghĩa là ngã

và ngã sở. Có của vô vi nghĩa là Niết-bàn. Có của hữu vi tức là Bồ- tát Ma-ha-tát quán tất cả khổ, không sinh nguyện cầu. Đây gọi là Tam- muội vô nguyện. Có của vô vi tức là Niết-bàn. Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong Niết-bàn không sinh tưởng vui. Đây gọi là Tam-muội vô tướng. Vô vi là cũng có cũng không, nên Bồ-tát chẳng phải nguyện, chẳng phải không nguyện. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy có có, thấy không không, trong có thì không không, trong không thì không có. Đây gọi là Không. Bồ-tát lúc ấy tu Tam-muội Không, được trí chân thật. Tam-muội như vậy Thanh văn, Duyên giác cũng tu cũng học, mà không thể thuyết, tất cả các pháp không thể tuyên thuyết. Chư Phật Bồ-tát vì khiến cho chúng sinh được tịch tĩnh nên thuyết giảng bốn pháp nầy. Tất cả các pháp hữu vi là vô thường, khổ, không, vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh, chư Phật Bồ-tát vì các chúng sinh mà thuyết giảng bốn pháp nầy, phải biết là đã thuyết giảng về tất cả pháp giới, các pháp căn bản. Đây gọi là Ưu đà na. Ưu đà na nghĩa là thời quá khứ vô lượng tất cả Phật cũng nói như vậy, có thể tăng trưởng pháp thiện, gọi là Ưu đà na.

Tại sao Bồ-tát thấy pháp hữu vi đều là vô thường? Bồ-tát Ma-ha- tát biết pháp hữu vi có thể thuyết về vô thường, cho nên tất cả hữu vi là vô thường. Biết các pháp tánh trong nghĩa chân thật, không có nhân quả, nên không thể tuyên thuyết, vì thế tác tướng nói tất cả pháp đều là sinh diệt. Vì hữu vi của quá khứ cũng sinh cũng diệt nên pháp của quá khứ không thấy có nhân, không thấy có tánh. Do không thấy nhân và tánh nên nói pháp của quá khứ đều là vô thường. Pháp hiện tại biết sinh mà không biết diệt. Pháp của hiện tại không thấy nhân mà thấy quả, thấy tánh. Do không diệt nên biết tánh không biết nhân. Pháp hữu vi vị lai không thấy sinh diệt, cho nên biết nhân, không biết quả, không biết tánh. Do chưa sinh nên Bồ-tát biết nhân mà không biết tánh.

Bấy giờ quán sát ba đời, trong mỗi mỗi niệm có ba tướng, nếu qua một niệm thì có bốn tướng. Pháp trước đã diệt, lần lượt sinh ra pháp tương tợ. Đây gọi là sinh. Sinh rồi làm việc, đây gọi là trụ. Trước diệt pháp tướng, pháp diệt rồi thấy tương tợ, đây gọi là già. Sinh rồi không trụ đến nơi hai niệm, đây gọi là hoại. Bồ-tát thấy một thứ pháp tướng hữu vi, như sinh, trụ, lão, cũng lại như vậy, chỉ có tướng hoại là khác. Vì sao? Vì không cùng ba tướng kia trụ. Như vậy bốn tướng thấy có hai thứ: Một là có. Hai là không. Có là ba tướng, không là tướng thứ tư. Bồ-tát thấy pháp hữu vi, không thấy sinh, không thấy trụ, không thấy già, không thấy hoại. Vì sao? Vì sinh, trụ, già, hoại, không có tánh chân thật. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy sắc pháp sinh, sắc pháp trụ, sắc pháp già, sắc pháp hoại, không thấy sinh, trụ, già, hoại. Bồ-tát Ma-ha-tát do phương tiện quán, nên không thấy bốn tướng. Phương tiện

quán tức là Bồ-tát quán. Nếu lìa sắc pháp riêng có sinh, thì lúc sắc pháp sinh, sinh cũng nên sinh. Nếu như vậy thì tất cả các pháp đều nên có hai thứ sinh: Một là sắc sinh. Hai là sinh sinh. Hai thứ sinh như vậy hoặc tức là pháp, hoặc lìa pháp. Nếu không lìa thì không có sinh. Nếu nói lìa pháp riêng có sinh, nghĩa nầy không đúng. Nếu không lìa thì lúc ấy sắc không có sinh, do nhân duyên sinh nên sinh, trụ, già, hoại cũng như vậy. Nếu hoại tự tánh có, phải biết hoại nầy cũng sinh cũng hoại. Nếu hoại sinh, nên biết tất cả pháp hữu vi đều không có diệt. Lúc nhập định diệt, tâm tâm số pháp thường nên sinh trở lại, lúc sắc pháp diệt cũng nên sinh lại. Vì sao? Vì hoại nầy sinh, nên các pháp đều là thường, vì Bồ-tát lìa sắc pháp rồi không thấy bốn tướng, biết tánh của pháp hữu vi là vô thường, nên cũng thường tuyên thuyết hữu vi là vô thường. Bồ-tát quán thấy pháp hữu vi có ba thứ khổ, đó là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ, cho nên Đức Như Lai nói pháp hữu vi tất cả là khổ.

Tại sao Bồ-tát thấy pháp hữu vi là vô ngã? Vô ngã có hai thứ: Một là chúng sinh vô ngã. Hai là pháp vô ngã. Chúng sinh vô ngã tức chúng sinh chẳng phải là pháp có, chẳng phải là pháp không, chẳng phải là pháp lìa có, không. Đây gọi là chúng sinh vô ngã. Pháp vô ngã tức là tất cả các pháp có thể tuyên thuyết, tánh có thể tuyên thuyết là không, cho nên gọi là pháp vô ngã. Có hai thứ vô ngã như vậy, vì thế Như Lai nói tất cả pháp hữu vi là vô ngã. Như vậy hữu vi đoạn nhân hiện tại, làm chướng ngại nhân vị lai. Đây gọi là Niết-bàn, do không có phiền não kết nên gọi là tịch tĩnh.

Nếu Bồ-tát dùng tâm bất tịnh quán về Niết-bàn, hàng Thanh văn chưa được đạo quả mà quán về Niết-bàn thì đây đều là chưa thật biết tánh của Niết-bàn, cũng như tướng của Niết-bàn. Ví như đại vương vì các người con mà làm voi, ngựa, nai, thỏ, bằng gỗ, các con cũng đối với các tượng giả nầy tưởng là chân thật. Có lúc vua khen ngợi voi ngựa nầy, các con cũng khen voi ngựa mình, sau đó ra khỏi nhà và thấy voi ngựa thật liền sinh tâm xấu hổ, nghĩ: Tại sao chúng ta đối với voi ngựa giả nầy mà tưởng là chân thật? Tại sao đối với vật đồng tên đồng tướng nầy mà tưởng là thật. Như Lai cũng nói, tâm Bồ-tát không thanh tịnh, Thanh văn chưa chứng đạo quả, ở trong nhà sinh tử, Như Lai vì họ mà thuyết giảng Niết-bàn tịch tĩnh, Bồ-tát, Thanh văn nghe rồi cũng sinh ý tưởng là Niết-bàn chân thật, nhưng thật không thể biết Niết-bàn chân thật. Lúc nghe Phật nói, sinh tâm tác tưởng nói là Niết-bàn, sau khi tu tập tám chánh đạo rồi, được trí tuệ thanh tịnh, ra khỏi nhà sinh tử, lúc ấy mới thật biết tánh của Niết-bàn và sinh tâm xấu hổ, nghĩ: Tại sao chúng ta đối với chỗ không phải Niết-bàn mà sinh ý tưởng Niết-bàn. Ví như người bệnh đến chỗ thầy thuốc, bấy giờ thầy thuốc vì

chữa bệnh nên tùy bệnh cho thuốc, người bệnh được thuốc tâm sinh hoan hỷ, nghĩ tưởng thuốc nầy là hay nhất và liền uống vào, sau khi uống rồi tuy đã lành nhưng lại phát sinh bệnh khác. Bấy giờ thầy thuốc bỏ thuốc cũ, ban cho thuốc khác, người bệnh nói: Đại sư! Thuốc trước kia là tốt, có thể trị bệnh, chẳng phải là thuốc nầy, tuy thầy thuốc nói đây là thuốc tốt, mà người bệnh vẫn không chịu tin. Bấy giờ người bệnh uống thuốc bệnh lành, mới chịu tin và sinh tâm xấu hổ. Lúc Phật thuyết pháp cũng lại như vậy, chúng sinh nghe rồi trừ được ít phiền não, liền sinh ý tưởng là chân thật, sau đó lại khởi phiền não nói Phật là vô thường, Như Lai vì họ mà thuyết pháp thâm diệu, tuy nghe mà vẫn không sinh tin, lấy pháp trước kia làm thật. Nếu Bồ-tát được đạo thanh tịnh, lúc ấy mới sinh tâm xấu hổ, biết Như Lai là thường, tại sao ta nói Như Lai là vô thường, cho nên Như Lai nói tất cả pháp hữu vi là vô thường, khổ, vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh.

Phẩm 20: CÔNG ĐỨC CỦA ĐỊA BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát tu hạnh Bồ-đề có năm việc không thể nghĩ bàn: Một là thương xót tất cả chúng sinh. Hai là vì lợi ích cho chúng sinh nên thọ khổ sinh tử. Ba là dùng phương tiện hay để điều phục chúng sinh. Bốn là phát tâm muốn biết nghĩa khó thâm diệu. Năm là muốn nhận biết thần túc không thể nghĩ bàn. Năm pháp như vậy không cùng chung với tất cả chúng sinh, nên gọi là không thể nghĩ bàn. Bồ-tát Ma-ha-tát lại có năm việc không thể nghĩ bàn: Bồ-tát Ma-ha-tát vì tạo lợi ích cho các chúng sinh nên thọ nhân khổ, vì thọ nhân khổ nên được thọ an lạc, do thọ an lạc nên thành tựu đầy đủ pháp không thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát quán sinh tử là hoạn nạn, Niết-bàn là tịch tĩnh, vì chúng sinh nên không ưa chứng đắc Niết-bàn mà lại lưu chuyển trong sinh tử. Đây gọi là thọ lạc. Do thọ lạc nên thành tựu đầy đủ pháp không thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát ưa ở chỗ vắng lặng yên ổn, vì các chúng sinh mà diễn thuyết chánh pháp. Đây gọi là thọ lạc. Do thọ lạc nên thành tựu đầy đủ pháp không thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát vì chúng sinh nên thực hành sáu pháp Ba-la-mật cũng không mong cầu quả báu của sáu pháp Ba la mật. Đây gọi là thọ lạc. Do thọ lạc nên thành tựu đầy đủ pháp không thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát mưu toan sự nghiệp cho người như làm việc cho mình, tâm tùy thuận vui vẻ không từ lao khổ. Đây gọi là thọ lạc. Do thọ lạc nên thành tựu đầy đủ pháp không thể nghĩ bàn. Trên đây là năm việc làm, đạt được pháp không thể

nghĩ bàn của Bồ-tát.

Bồ-tát lại có năm việc đối với chúng sinh tâm luôn bình đẳng: Một là lúc ban đầu phát tâm Bồ-đề, khắp vì tất cả, chẳng phải vì một người. Đây gọi là bình đẳng. Hai là Bồ-tát lúc tu tập đại bi, khắp vì tất cả, chẳng phải vì một người. Đây gọi là bình đẳng. Ba là lúc Bồ-tát tu tập một loại địa, khắp vì tất cả, chẳng phải vì một người. Đây gọi là bình đẳng. Bốn là Bồ-tát quán khắp mười hai nhân duyên, tất cả là có. Đây gọi là bình đẳng. Năm là Bồ-tát lúc cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, khắp vì tất cả, chẳng phải vì một người. Đây gọi là bình đẳng.

Bồ-tát Ma-ha-tát lại có năm việc làm lợi ích cho chúng sinh: Một là dạy tu chánh mạng. Hai là dạy tập phương tiện của việc đời. Ba là thấy người nghèo khó tìm phương tiện dạy họ khiến phá trừ nghèo khổ. Bốn là vì người thượng thiện mà thuyết giảng đạo chân thật. Năm là vì người của ba thừa mà thuyết giảng pháp ba thừa. Đây gọi là năm sự lợi ích.

Chúng sinh có năm pháp để báo ân Bồ-tát: Một là thọ trì pháp thiện và tất cả giới cấm. Hai là người bần cùng thọ nhận lời dạy rồi y theo đấy thực hành, phá trừ sự bần cùng. Ba là cúng dường Tam bảo. Bốn là ở chỗ Bồ-tát nghe pháp rồi thọ trì, đọc tụng, biên chép, phân biệt giải nói, chuyển dạy cho người khác. Năm là thấy người thọ trì liền cung kính cúng dường. Bồ-tát Ma-ha-tát thực hành đạo Bồ-đề, chí tâm lập nguyện thường cầu năm việc: Một là thường nguyện thế gian có Phật ra đời. Hai là thường nguyện đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Ba là thường nguyện tìm cầu pháp tạng và luận tạng của Bồ-tát. Bốn là thường nguyện sẽ được giải thoát. Năm là thường nguyện quyến thuộc thành tựu.

Bồ-tát lại có năm việc làm lợi ích cho các chúng sinh, như trong năm phẩm tự lợi lợi tha đã nói. Bồ-tát lại có năm việc mau chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng: Một là hộ trì chánh pháp. Hai là tu hành hạnh thiện. Ba là có lực trí tuệ. Bốn là chuyên tâm tịch tĩnh. Năm là nhất định đạt được tánh Bồ-tát.

Hộ trì chánh pháp tức là Bồ-tát hộ trì đầy đủ Đà-la-ni, từ người khác nghe pháp mau được hiểu rõ. Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ hộ niệm, do hộ niệm nên thọ pháp không quên. Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ hộ trì trí tuệ, do hộ trì trí tuệ nên phân biệt pháp giới. Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ tâm hộ trì điều phục các căn. Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ hộ trì tha tâm, tùy người mà thực hành. Đây gọi là hộ pháp tu hành hạnh thiện. Bồ-tát đối với pháp thuận giải thuận thuyết, thường tu pháp thiện, bốn tâm vô lượng, nguyện hồi hướng nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là hạnh thiện.

Lực trí tuệ tức là Bồ-tát Ma-ha-tát từ lúc ban đầu phát tâm cho đến chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là lực trí tuệ.

Chuyên tâm tịch tĩnh tức là Bồ-tát Ma-ha-tát dùng mười pháp thanh tịnh cúng dường Như Lai. Đây gọi là tịch tĩnh.

Nhất định chứng đắc tánh Bồ-tát tức là Bồ-tát trụ nơi một loại địa, không có thối chuyển. Đây gọi là nhất định chứng đắc tánh Bồ-tát.

Bồ-tát Ma-ha-tát có năm việc khiến cho pháp thiện tổn giảm: Một là không thể cúng dường đối với pháp và người thuyết pháp. Hai là phóng dật biếng nhác. Ba là ưa dấy khởi phiền não, tâm động không yên. Bốn là đối với Bồ-tát đồng hạng tâm sinh kiêu mạn. Năm là đối với tạng Bồ-tát lại giải nghĩa điên đảo.

Bồ-tát có năm việc làm cho pháp thiện tăng trưởng: Một là cúng dường đối với pháp và người thuyết pháp. Hai là thâu nhiếp tâm hành tinh tấn. Ba là có khởi phiền não, tâm dốc trừ diệt. Bốn là đối với Bồ- tát đồng hạng tâm sinh cung kính. Năm là đối với tạng Bồ-tát luôn tùy thuận giải nghĩa.

Có năm việc thật chẳng phải là Bồ-tát, giả danh Bồ-tát, thật chẳng phải Sa-môn, giả danh bậc phạm hạnh, không đắc giới Bồ-tát, không cùng ở chung: Một là tánh ác. Hai là hộ trì người hủy giới. Ba là không được thiền định mà hiển bày tướng được thiền. Bốn là tự nuôi sống bằng tà mạng. Năm là thấy người có trí sinh tâm ganh ghét, phỉ báng.

Có năm việc đúng thật là Bồ-tát, thật gọi là Sa-môn, thật gọi là bậc phạm hạnh, đắc giới Bồ-tát, được cùng ở chung: Một là tánh thiện điều hòa. Hai là đối trị người hủy giới. Ba là thật đắc thiền định, không hiện bày tướng. Bốn là tự sống bằng chánh mạng. Năm là thấy người có trí sinh tâm hoan hỷ, khen ngợi.

Bồ-tát Ma-ha-tát giáo hóa chúng sinh có mười điều: Một là vì phá trừ pháp ác. Hai là vì biết pháp giới. Ba là không tái phạm. Bốn là phạm rồi xấu hổ sám hối. Năm là điều phục các căn. Sáu là không phóng dật. Bảy là xa lìa tri thức ác. Tám là ở chỗ vắng lặng. Chín là xa lìa phiền não. Mười là được giải thoát.

Thọ ký cho Bồ-tát có sáu việc: Một là định có tánh Bồ-tát mà chưa phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Hai là chưa có tánh Bồ-tát mà phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng. Ba là có tánh Bồ-tát và phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bốn là ở trong vô lượng đời vì Bồ-đề mà tu hành hạnh thiện. Năm là quyết định chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng mà không nói thời định. Sáu là nhất định chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô

thượng, cũng nói thời định.

Có ba việc Bồ-tát quyết định chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng: Một là định có tánh. Hai là được tâm bất thối. Ba là phàm làm việc đều vì chúng sinh nên sinh khởi chủng tử của pháp thiện, Bồ-tát do ba việc nầy nhất định được Phật thọ ký.

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu tạo đủ năm việc thì không chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng: Một là không phát tâm Bồ-đề. Hai là không có tâm thương xót. Ba là không siêng năng tinh tấn. Bốn là không kính trọng giới. Năm là không biết tất cả việc ở thế gian. Bồ-tát nếu có đủ năm việc như vậy, thì không chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Nếu nói có năm pháp như vậy mà vẫn chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, thật không có việc ấy.

Có năm việc Bồ-tát thường tu tập: Một là không phóng dật. Hai là vì phá bỏ sự bần cùng khốn khổ cho chúng sinh. Ba là cúng dường Tam bảo. Bốn là chí tâm trì giới có phạm liền hiểu biết. Năm là làm được việc thiện đều hồi hướng nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Bồ-tát Ma-ha-tát có mười pháp hơn tất cả pháp: Một là tánh Bồ- tát hơn tất cả tánh. Hai là ban đầu phát tâm Bồ-đề hơn tất cả sự phát tâm ở thế gian và xuất thế gian. Ba là Tinh tấn Ba-la-mật và Trí tuệ Ba-la-mật hơn tất cả các thứ Ba-la-mật. Bốn là dùng lời nhu hòa thâu nhiếp các pháp hơn cả các sự thâu nhiếp khác. Năm là Như Lai hơn tất cả chúng sinh. Sáu là tâm bi hơn tất cả tâm vô lượng. Bảy là chỗ tu tứ thiền hơn tất cả thiền. Tám là Tam-muội Không hơn tất cả Tam-muội. Chín là định diệt tận hơn tất cả định diệt. Mười là phương tiện thanh tịnh hơn tất cả phương tiện.

Có bốn việc chỉ có Phật và Bồ-tát mới có thể lưu hành khắp không phải sa môn, bà la môn, thiên ma, phạm v.v… có thể lưu hành khắp. Nếu từ Phật nghe thì có thể lưu hành khắp: Một là pháp lưu hành khắp. Hai là thật lưu hành khắp. Ba là phương tiện lưu hành khắp. Bốn là thừa lưu hành khắp.

Pháp lưu hành khắp tức là lần lượt diễn nói mười hai bộ kinh.

Thật lưu hành khắp có một thứ, đó là không vọng ngữ. Lại có hai thứ là Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế. Lại có ba thứ là tướng thật, khẩu thật, và hành thật. Lại có bốn thứ, đó là khổ, tập, diệt, đạo. Lại có năm thứ: Một là nhân thật. Hai là quả thật. Ba là trí thật. Bốn là biết cảnh giới thật. Năm là vô thượng thật. Lại có sáu thứ: Một là thật thật. Hai là hư vọng thật. Ba là trí thật. Bốn là xa lìa thật. Năm là chứng thật. Sáu là tu thật. Lại có bảy thứ: Một là ái thật. Hai là khổ thật. Ba là giải thoát thật. Bốn là pháp thật. Năm

là hiểu thật. Sáu là Thánh thật. Bảy là phi Thánh thật. Lại có tám thứ: Một là hành khổ thật. Hai là khổ khổ thật. Ba là sinh khổ thật. Bốn là diệt thật. Năm là phiền não thật. Sáu là giải thoát thật. Bảy là hạnh thiện thật. Tám là quả thiện thật. Lại có chín thứ: Một là vô thường thật. Hai là khổ thật. Ba là bất tịnh thật. Bốn là Không thật. Năm là vô ngã thật. Sáu là hữu ái thật. Bảy là đoạn ái thật. Tám là đoạn phương tiện hai ái thật. Chín là hữu dư Niết-bàn thật. Lại có mười thứ: Một là chẳng phải phần mà gắng làm khổ thật. Hai là bần cùng khổ thật. Ba là bốn đại không điều hòa khổ thật. Bốn là ái biệt ly khổ thật. Năm là oán ghét gặp nhau khổ thật. Sáu là nghiệp thật. Bảy là quả báo thật. Tám là phiền não thật. Chín là khéo tư duy thật. Mười là chánh kiến thật. Mười thứ trên đây gọi là thật lưu hành khắp.

Phương tiện lưu hành khắp tức như trong phẩm phương tiện thuyết.

Thừa lưu hành khắp tức là thừa Thanh văn, thừa Duyên giác, thừa Bồ-tát và Phật thừa.

Bồ-tát Ma-ha-tát quán tất cả phương tiện có năm thứ vô lượng: Một là cõi chúng sinh vô lượng. Hai là thế giới vô lượng. Ba là pháp giới vô lượng. Bốn là cảnh giới điều phục vô lượng. Năm là phương tiện điều phục vô lượng.

Cõi chúng sinh tức có sáu mươi mốt thứ. Bồ-tát trụ ở địa hỷ, quán cõi chúng sinh chuyển làm vô lượng.

Thế giới vô lượng nghĩa là có vô lượng tên gọi về thế giới, như thế giới nầy gọi là Ta bà, Phạm thiên gọi là chủ Ta bà.

Pháp vô lượng tức là thiện, bất thiện, và vô ký, chuyển làm vô lượng.

Điều phục vô lượng: Có một thứ đó là điều phục. Lại có hai thứ là đầy đủ phiền não và không đầy đủ phiền não. Lại có ba thứ là căn cơ bậc thượng, trung và hạ. Lại có bốn thứ là Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phệ-xá và Thủ-đà-la. Lại có năm thứ là nhiều sân, nhiều tham, nhiều si, nhiều mạn, nhiều giác quán ác. Lại có sáu thứ: xuất gia, tại gia, chưa thành thục, đã thành thục, chưa giải thoát, đã giải thoát. Lại có bảy thứ: Một là nghe rồi liền hiểu. Hai là do thí dụ mà được hiểu. Ba là một câu hiểu một câu. Bốn là một chữ hiểu một chữ. Năm là hiện tại thành thục. Sáu là đời sau thành thục. Bảy là tùy nhân duyên mà thành thục. Lại có tám thứ, đó là tám bộ chủng. Lại có chín thứ: Một là Như Lai điều phục. Hai là Thanh văn điều phục. Ba là Duyên giác điều phục. Bốn là Bồ-tát điều phục. Năm là khó điều phục. Sáu là dễ điều phục. Bảy là lời nhu hòa điều phục. Tám là quở trách điều phục. Chín là dùng lời nhu hòa quở trách điều phục. Lại có mười thứ: Một là địa ngục. Hai là ngạ quỷ. Ba là súc sinh. Bốn là trời thuộc dục

giới, cõi người. Năm là trung ấm. Sáu là sắc. Bảy là vô sắc. Tám là tưởng. Chín là vô tưởng. Mười là phi tưởng, phi phi tưởng. Trên đây là năm mươi lăm thứ quán tác vô lượng.

Chúng sinh giới và điều phục giới có gì khác nhau? Chúng sinh giới hoàn toàn không phân biệt có tánh hay không tánh. Điều phục giới thì phân biệt có tánh và không tánh. Phương tiện điều phục vô lượng tức như trong phẩm đầu đã thuyết, nên Bồ-tát có năm thứ vô lượng nầy thâu lấy tất cả phương tiện.

Bồ-tát Ma-ha-tát muốn nhận biết chân thật phải cầu bốn việc: Một là suy cầu nơi vật. Hai là suy cầu nơi tên. Ba là suy cầu nơi tánh. Bốn là suy cầu phân biệt. Bốn việc như vậy cũng như trước đã nói. Chư

Phật Bồ-tát vì chúng sinh thuyết pháp có năm việc: Một là lúc thuyết giảng liền tỏ ngộ bốn đế. Hai là lúc thuyết giảng tức được giải thoát. Ba là lúc thuyết giảng tức được phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bốn là lúc thuyết giảng được nhẫn nhục của Bồ-tát. Năm là chúng sinh nghe rồi thì thọ trì, đọc tụng biên chép giải nói, hộ trì chánh pháp. Đây gọi là chư Phật Bồ-tát vì chúng sinh thuyết pháp, được công đức lớn không thể nghĩ bàn.

Thế nào gọi là Đại thừa? Có bảy việc lớn nên gọi là Đại thừa: Một là pháp lớn, tức pháp của Bồ-tát ở trong mười hai bộ kinh là tối đại tối thượng nên gọi là Phương đẳng. Hai là tâm lớn, nghĩa là phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng. Ba là hiểu biết lớn, nghĩa là tạng Bồ-tát, kinh Phương đẳng. Bốn là thanh tịnh lớn, tức Bồ-tát phát tâm rồi tâm ấy thanh tịnh, cho đến chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Năm là trang nghiêm lớn, tức là Bồ-tát đầy đủ công đức trang nghiêm, trí tuệ trang nghiêm, chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Sáu là thời gian lớn, tức là Bồ-tát Ma-ha-tát vì Bồ-đề vô thượng, trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp tu hành khổ hạnh. Bảy là đầy đủ lớn, tức là Bồ-tát đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp để tự trang nghiêm, chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Pháp lớn, tâm lớn, hiểu biết lớn, thanh tịnh lớn, trang nghiêm lớn, thời gian lớn, sáu thứ lớn như vậy gọi là nhân, đầy đủ lớn gọi là quả.

Có tám pháp có thể thâu tóm tất cả Đại thừa: Một là diễn nói pháp tạng Bồ-tát. Hai là thuyết giảng nghĩa của tạng Bồ-tát. Ba là nói về chư Phật Bồ-tát không thể nghĩ bàn trong tạng Bồ-tát. Bốn là suy nghĩ ý nghĩa trong ấy. Năm là tu tập ý nghĩa, sáu được đầy đủ nghĩa. Bảy là được quả tu tập. Tám là hiểu nghĩa sâu xa. Bồ-tát Ma-ha-tát học tám pháp như vậy, chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát tu học Bồ-đề của Bồ-tát gồm

có mười thứ: Một là tánh trụ. Hai là nhập. Ba là tâm bất tịnh. Bốn là tâm tịnh. Năm là không thành thục. Sáu là thành thục. Bảy là không định. Tám là định. Chín là một đời chứng đắc. Mười là hiện thân đạt được tánh định. Tâm tịnh học các pháp, đây gọi là trụ. Phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng gọi là nhập, người nhập chưa đắc địa tịnh nên gọi là bất tịnh, đắc địa tịnh rồi thì gọi là tịnh. Người tịnh lúc chưa nhập địa rốt ráo thì gọi là chưa thành thục, nhập địa rốt ráo rồi thì gọi là thành thục. Người thành thục chưa nhập định địa nên gọi là bất định, nhập rồi thì gọi là định. Thành thục có hai thứ: Một là một đời chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Hai là hiện thân chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Mười thứ như vậy, Bồ-tát Ma-ha-tát có thể thọ giới Bồ-tát, thực hành giới Bồ-tát, mười thứ nầy Bồ-tát thâu nhiếp tất cả Bồ-tát. Nếu có thể chí tâm thọ trì, tu hành giới Bồ-tát thì gọi là Bồ-tát, gọi là Ma-ha-tát, gọi là người trí, gọi là dũng mãnh, gọi là vô thượng, gọi là Phật tử, gọi là Phật trì, gọi là đại thắng, gọi là Phật giới, gọi là vô úy, gọi là đại Thánh, gọi là Thương chủ, gọi là thuyền trưởng, gọi là đại danh xưng, gọi là thương xót, gọi là đại công đức, gọi là tự tại, gọi là pháp trì. Đây là không thể nghĩ bàn, gọi là có thể nhận biết về vô lượng thế giới trong mười phương, như xem quả A-ma-lặc trong lòng bàn tay.

Nếu có người nói: Ta là Bồ-tát, không thọ giới Bồ-tát, không thể chí tâm thực hành giới Bồ-tát, nhưng sinh tâm tín, phải biết là Bồ-tát sắp chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Nếu có người nói ta là Bồ-tát, không thể chí tâm thọ trì giới Bồ-tát, nhưng tâm không sinh tín. Đây gọi là Bồ-tát danh tự, thật lâu mới chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Nếu có người nói ta là Bồ-tát, thọ trì giới Bồ-tát, chí tâm tu hành, tin giới Bồ-tát. Đây gọi là vào trong mười thứ của Bồ-tát, không lâu nhất định sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Nếu có người nói ta là Bồ-tát, thọ giới Bồ-tát, hủy giới đã thọ, tâm không sinh tín. Đây gọi là Bồ-tát Chiên-đà-la, không gọi là Bồ-tát, không gọi là nghĩa Bồ-tát.

Phẩm 1: TƯỚNG CỦA BỒ TÁT NHƯ PHÁP TRỤ

Bồ-tát chân thật có năm thứ tướng, do đầy đủ năm thứ tướng, nên gọi là Bồ-tát chân thật: Một là tâm thương xót. Hai là lời nhu hòa. Ba là dũng mãnh. Bốn là không tham. Năm là giải nói nghĩa sâu. Năm pháp như vậy có năm thứ trí: Một là tánh. Hai là nhân duyên. Ba là quả công đức. Bốn là thứ lớp. Năm là thâu giữ. Tánh thương xót có hai thứ: Một là chí tâm. Hai là như pháp. Chí tâm tức là bố thí các sự an ổn. Đây gọi là tánh. Như pháp tức là Bồ-tát Ma-ha-tát đem sự vui như mình để bố thí chúng sinh. Đây gọi

là như pháp. Tánh nhu hòa tức là lời nói hoan hỷ, xa lìa lời ác, nói lời lợi ích. Đây gọi là tánh nhu hòa. Tánh dũng mãnh tức là tâm không sợ hãi, quả cảm dũng mãnh, có thể phá bỏ sự sợ hãi cho chúng sinh. Đây gọi là tánh mạnh mẽ.. Tánh không tham tức là tất cả thí, thí thanh tịnh, thí rồi không hối hận. Đây gọi là tánh không tham. Tánh giải nói nghĩa sâu tức là bốn trí vô ngại.

Thương xót gồm có năm nhân duyên: Một là chúng sinh thọ khổ. Hai là chúng sinh làm ác. Ba là chúng sinh phóng dật. Bốn là chúng sinh tà kiến. Năm là chúng sinh ưa phiền não. Chúng sinh thọ khổ tức là thường chịu khổ não, cho đến không có một niệm vui vẻ. Đây gọi là thọ khổ. Lại có chúng sinh tuy không thọ khổ, nhưng tạo mười nghiệp ác nơi thân khẩu ý. Đây gọi là chúng sinh làm ác. Lại có chúng sinh không tạo nghiệp ác, không chịu khổ não, nhưng tham đắm năm dục, say mê chơi bời, tham ái bản thân không tu pháp thiện. Đây gọi là phóng dật. Lại có chúng sinh không thọ khổ não, không tạo nghiệp ác, cũng không phóng dật, vì cầu giải thoát nhưng chẳng phải nhân lại thấy nhân, chẳng phải quả lại thấy quả, đây gọi là tà kiến, như hàng ngoại đạo. Lại có chúng sinh không thọ khổ não, không tạo nghiệp ác, cũng không phóng dật, cũng không tà kiến, nhưng có nhiều phiền não ngăn che nên không tu tập pháp thiện. Trên đây là năm nhân duyên khiến Bồ-tát thương xót. Do nhân duyên nầy mà tâm thương xót được tăng trưởng.

Nhu hòa gồm có năm nhân duyên: Một là lời hỏi thăm thiện. Hai là lời vui thiện. Ba là lời vô úy thiện. Bốn là lời thanh tịnh thiện. Năm là lời giáo hóa thiện. Năm nhân duyên nầy gọi là lời nhu hòa như trong phẩm bốn nhiếp đã nói.

Dũng mãnh gồm có năm nhân duyên, như trong phẩm ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề đã nói.

Không tham gồm có năm nhân duyên: Một là bố thí không phân biệt. Hai là hoan hỷ bố thí. Ba là chí tâm bố thí. Bốn là thanh tịnh bố thí.

Năm là như pháp đạt được tài thí. Đây gọi là năm nhân duyên không tham, như trong phẩm bố thí đã thuyết.

Thuyết giảng nghĩa sâu xa có năm nhân duyên: Một là thuyết giảng nghĩa sâu xa của kinh, giải nói về nghĩa Không, ba đời, trung ấm, thối, bất thối, ngã và ngã sở, Phật tánh, tánh Bồ-tát, Như Lai, Niết-bàn, ba thừa, sắc, tạo sắc, mười hai nhân duyên. Đây gọi là nghĩa của kinh. Hai là có thể thuyết giảng nghĩa Tỳ ni: Tức là luật, đây là phạm, đây là không phạm, đây có thể sám hối, đây không thể sám hối, đây là nhẹ, đây là nặng, tánh nầy

nặng, ngăn che là nặng. Đó gọi là thuyết giảng nghĩa sâu xa về luật. Ba là thuyết giảng nghĩa về luận. Đức Phật lúc ấy vì chúng sinh cho nên nói là phạm. Vì người khác phạm nên nói nhẹ làm nặng, nói nặng làm nhẹ. Vì khiến một người được sám hối, cho đến trong đại chúng được sám hối. Đây gọi là thuyết giảng nghĩa sâu xa về luận. Bốn là hay tự giải nói về nghĩa chánh. Năm là có thể biết danh tự của các pháp.

Quả công đức thương xót: Tức là Bồ-tát thực hành tâm từ là vì chúng sinh, vì phá trừ tâm ác nên tu tập tâm từ, hay làm lợi ích cho chúng sinh tâm không hối hận. Do thường tu tập nên hiện được đời vui, vì thế Như Lai thuyết giảng quả công đức của từ, độc không thể hại, dao không thể làm tổn thương, ngủ không có mộng ác, được chư Thiên ủng hộ, xả thân nầy rồi được sinh nơi cõi sơ thiền. Đây gọi là quả công đức thương xót.

Quả công đức nhu hòa: Tức là Bồ-tát Ma-ha-tát tu lời nhu hòa, có thể phá trừ bốn lỗi ác về miệng trong hiện tại. Lời nhu hòa nầy tự lợi lợi tha, hay khiến chúng sinh thích thú ưa nghe. Đây gọi là quả công đức nhu hòa.

Quả công đức dũng mãnh: Tức là Bồ-tát hay phá trừ mọi sự biếng nhác trong hiện tại, hưởng sự hoan hỷ, vui ở tịch tĩnh, hộ trì giới cấm, tâm không hối hận, tự mình tu nhẫn nhục, dạy người tu nhẫn nhục, tu các hạnh khổ, trang nghiêm Bồ-đề, tâm không thối chuyển. Đây gọi là quả công đức dũng mãnh.

Quả công đức không tham và quả công đức giải nói nghĩa sâu xa tức như trên đã nói.

Thứ lớp tức là Bồ-tát Ma-ha-tát trước tu tâm từ, vì điều phục chúng sinh, tiếp theo nói lời nhu hòa, vì phá dứt nghiệp ác. Thấy các chúng sinh thọ nghiệp ác, tâm không sợ hãi, sinh ý tưởng cứu hộ, gọi là dũng mãnh. Vì điều phục chúng sinh cho nên thực hành bố thí. Kế đến nói không tham và giải nói về nghĩa sâu xa, Bồ-tát Ma-ha-tát tùy theo năm tướng mà thâu tóm sáu pháp Ba-la-mật. Tướng thương xót tức thâu tóm Thiền Ba-la-mật. Lời nhu hòa tức thâu tóm Trì giới Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật. Tướng dũng mãnh tức thâu tóm Tinh tấn Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật; Tướng không tham thâu tóm Bố thí Ba-la-mật. Thuyết giảng nghĩa sâu xa thâu tóm Bát nhã Ba-la-mật và Bố thí Ba-la-mật.

Phẩm 2: THIỀN CỦA NHƯ PHÁP TRỤ

Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc tại gia hoặc xuất gia, đều có bốn pháp có khả năng tu học tức chứng đắc hành nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng là phương tiện nghiệp thiện, thương xót chúng sinh.

Phương tiện nghiệp thiện tức là Bố thí Ba-la-mật nên tu hạnh thiện, hạnh chuyên tâm, hạnh thường, hạnh tịnh. Hạnh thiện tức là Bồ- tát nếu có tài vật bố thí cho người đến xin, không quán có ân và không ân, không quán phước điền và không phước điền, tuy có trời, người, Sa-môn, Bà-la-môn, nhưng đều không thể làm trở ngại tâm bố thí của Bồ-tát. Đây gọi là hạnh thiện. Hạnh chuyên tâm tức là Bồ-tát lúc bố thí có người đến cầu xin, xả bỏ nội vật, ngoại vật, tất cả vật thí cùng tâm không có tham tiếc. Đây gọi là chuyên tâm thí. Hạnh thường tức Bồ-tát lúc bố thí có người đến xin, không quán thời và phi thời, tùy vật có mà bố thí. Đây gọi là hạnh thường. Hạnh tịnh tức là Bồ-tát lúc bố thí có người đến xin không vì danh tiếng mà bố thí, không vì sự vui nơi cõi trời mà bố thí, như trong phẩm bố thí đã nói. Đây gọi là hạnh tịnh. Như bố thí có bốn việc là hạnh thiện, hạnh chuyên tâm, hạnh thường, và hạnh tịnh, thì Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba- la-mật, Thiền định Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật cũng có bốn việc như vậy. Thế nào là phương tiện thiện của Bồ-tát? Nếu có người sinh tâm muốn phá pháp Phật, vì điều phục họ nên thực hành phương tiện thiện. Muốn khiến người thuộc căn cơ bậc trung nhập pháp Phật nên thực hành phương tiện thiện, tuy nhập mà chưa thành thục, vì khiến thành thục nên thực hành phương tiện thiện. Đã thành thục rồi, vì khiến được giải thoát nên thực hành phương tiện thiện. Bồ-tát vì thuyết giảng về y phương thuật của thế gian và các luận mà thực hành phương tiện thiện. Vì muốn chí tâm thọ trì giới Bồ-tát, kiên trì không hủy phạm, nên thực hành phương tiện thiện. Phương tiện thiện nguyện, phương tiện Thanh văn thừa, phương tiện Duyên giác thừa, phương tiện Đại thừa, mười phương tiện trên đây có thể làm năm việc: Bốn phương tiện đầu là vì lợi ích cho chúng sinh mà thực hành, phương tiện về phương thuật thế gian là để phá luận tà. Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát trọn không hủy phạm, nếu có phạm liền sám hối. Phương tiện thiện phát nguyện là tùy theo chỗ cầu mà có thể được. Phương tiện của hàng tam thừa là tùy theo căn cơ mà thuyết pháp, nên Bồ-tát có mười phương tiện như vậy để có thể làm năm việc, do năm việc nên nhất định đầy đủ, có thể đạt được tất cả việc ở thế gian, hoặc hiện tại hoặc đời sau.

Thế nào là Bồ-tát làm lợi ích cho người? Tức như trong phẩm bốn nhiếp đã nêu. Thế nào là Bồ-tát thiện phát nguyện? Tức là Bồ-tát làm tất cả

nghiệp thiện, hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai đều không cầu quả báo, chỉ cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là thiện phát nguyện. Đức Như Lai nếu vì hàng xuất gia hoặc tại gia thuyết giới, tất cả đều thâu lấy bốn việc như thế. Nếu Bồ-tát xuất gia hoặc tại gia, hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai, mà thọ trì giới Bồ-tát, thì đều chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bồ-tát xuất gia hơn Bồ-tát tại gia. Vì sao? Vì Bồ-tát xuất gia có được tất cả giới Bồ-tát. Bồ-tát tại gia không được tất cả giới Bồ-tát. Bồ-tát xuất gia có thể thực hành phạm hạnh vắng lặng thanh tịnh, Bồ-tát tại gia không thể tu hành phạm hạnh tịch tĩnh. Bồ tát xuất gia có thể thực hành ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Bồ-tát tại gia không thể thực hành ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Bồ-tát xuất gia giải nói tất cả việc thế gian. Bồ-tát tại gia bị công việc thế gian ràng buộc.

-oOo-

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 8

Phẩm 3: TÂM ĐỊNH CỦA NHƯ PHÁP TRỤ

Bồ-tát Ma-ha-tát thương xót chúng sinh có bảy việc: Một là không sợ sệt. Hai là chân thật. Ba là không ưu sầu. Bốn là không cầu. Năm là không tham ái. Sáu là rộng lớn. Bảy là bình đẳng. Bồ-tát Ma-ha-tát thương xót chúng sinh, không có sợ sệt, tu ba nghiệp thiện, vì phá trừ các nghiệp ác của chúng sinh. Đây gọi là không sợ. Bồ-tát Ma-ha-tát thương xót chúng sinh, chẳng phải là phiền não ái, chẳng phải pháp trụ, chẳng phải luật trụ, không giáo hóa nơi chẳng phải chỗ. Đây gọi là chân thật. Bồ-tát Ma-ha-tát vì lòng thương xót, vì các chúng sinh mà siêng tu khổ hạnh, tâm không lo buồn, hối hận. Đây gọi là không sầu. Tất cả chúng sinh không cầu Bồ-tát, mà các Bồ-tát tự tu tâm từ. Đây gọi là không cầu.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc khởi tâm thương xót, đối với các chúng sinh không có tâm tham. Người không có tâm tham thì không cầu báo ân và quả của tâm từ. Đây gọi là không tham ái. Bồ-tát lúc tu tâm từ nếu có chúng sinh đánh mắng não hại, trọn không xả bỏ tâm từ. Đây gọi là rộng lớn. Bồ-tát tu tâm từ không vì một người, mà khắp vì vô lượng vô biên chúng sinh trong vô lượng pháp giới. Đây gọi là bình đẳng.

Bồ-tát đầy đủ bảy pháp như trên, gọi là Bồ-tát chí tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh gồm có mười lăm thứ: Một là tịnh vô thượng. Hai là tịnh như pháp. Ba là tịnh Ba-la-mật. Bốn là tịnh chân thật nghĩa. Năm là tịnh bất khả tư nghì. Sáu là tịnh an ổn. Bảy là tịnh lạc. Tám là tịnh không phóng dật. Chín là tịnh kiên cố. Mười là tịnh không lừa dối. Mười một là tịnh bất tịnh. Mười hai là tịnh tịnh. Mười ba là tịnh thiện. Mười bốn là tịnh điều phục. Mười lăm là tịnh tánh. Bồ-tát Ma-ha-tát chí tâm chuyên tâm niệm Phật Pháp Tăng bảo. Đây gọi là tịnh vô thượng. Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát, chí tâm ủng hộ không khiến hủy phạm. Đây gọi là tịnh như pháp. Bồ-tát Ma-ha-tát chí tâm hành đầy đủ năm pháp Ba-la-mật. Đây gọi là tịnh Ba-la-mật. Bồ-tát chí tâm hiểu biết pháp giới không có ngã, không có ngã sở, vì lưu hành khắp nên gọi là sĩ phu. Thông đạt rõ ràng nghĩa sâu xa của mười hai bộ kinh, nghĩa sâu xa tức là đệ nhất nghĩa đế, đệ nhất nghĩa đế gọi là

tịnh chân thật nghĩa. Chư Phật Bồ-tát không thể nghĩ bàn, từ lúc ban đầu xuất thế cho đến Niết-bàn. Đây gọi là tịnh bất khả tư nghì. Bồ-tát chí tâm tu tập tâm bi, thí khắp sự an lạc cho tất cả chúng sinh. Đây gọi là tịnh an ổn. Bồ-tát Ma-ha-tát vì chúng sinh khổ mà tu tập tâm từ, vì muốn khiến cho chúng sinh được an vui. Đây gọi là tịnh lạc. Bồ-tát Ma-ha-tát vì các chúng sinh mà tu tập từ bi, không cầu tâm tham, không cầu tâm báo ân, cũng không dạy chúng sinh làm các việc ác. Đây gọi là tịnh bất phóng dật. Bồ-tát Ma-ha-tát vì đạo quả Bồ-đề vô thượng, tâm vững chắc không thể hủy hoại. Đây gọi là tịnh kiên cố. Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong vô lượng đời chí tâm tu tập hạnh thiện Bồ-đề. Bồ-đề như vậy và đạo Bồ-đề không có hư vọng. Đây gọi là tịnh không hư vọng. Bồ-tát Ma-ha-tát chưa được địa giải. Đây gọi là tịnh bất tịnh. Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở địa tịnh cho đến địa rốt ráo. Đây gọi là tịnh tịnh. Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở địa rốt ráo, tu bố thí Ba-la-mật. Đây gọi là tịnh thiện. Bồ-tát Ma-ha-tát do được địa tịnh cho nên điều phục tâm. Đây gọi là tịnh điều phục. Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở địa tịnh và địa rốt ráo. Đây gọi là tịnh tánh. Tịnh tánh tức là không nhờ vào sự tu tập sau mới thanh tịnh, mà tánh vốn tự như vậy. Thân tâm thanh tịnh nên gọi là tánh tịnh. Bồ-tát đạt đầy đủ mười lăm pháp nầy thì có thể làm mười việc: 1. Bồ-tát nhân ở nơi tịnh vô thượng nên có thể cúng dường Tam bảo. Cúng dường Tam bảo tức là làm trang nghiêm tất cả phần căn bản của đạo Bồ-đề. 2. Bồ-tát nhân ở thọ trì tịnh, tức có thể thọ trì giới Bồ-tát cho đến xả thân thọ thân trọn không hủy phạm, nếu thất niệm và phạm tức thời sám hối. 3. Bồ-tát nhân ở tịnh Ba-la-mật mà thường tu tập tất cả pháp thiện, không có phóng dật. 4. Bồ-tát nhân ở tịnh chân thật nghĩa, tuy có phiền não, vì chúng sinh nên lưu chuyển trong sinh tử, nhưng trọn không quên mất tâm Niết-bàn. 5. Bồ-tát nhân nơi tịnh bất khả tư nghì mà khiến vô lượng chúng sinh ở trong pháp Phật được đại tâm tín, tu tập đạo quả. 6. Bồ-tát nhân nơi tịnh an ổn và tịnh lạc, tịnh bất phóng dật, mà thành tựu đầy đủ việc tạo lợi ích cho các chúng sinh, tâm không sầu não hối hận. 7. Bồ-tát nhân nơi tịnh kiên cố mà siêng tu tinh tấn, phá sự biếng trễ, thành tựu không phóng dật. 8. Bồ-tát nhân nơi tịnh không hư vọng mà chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, tăng trưởng pháp thiện, tu hành không nhàm chán. 9. Bồ-tát nhân nơi tịnh điều phục và tịnh tánh, có thể dùng đạo quả Bồ-đề vô thượng giáo hóa chúng sinh, có thể dùng sự an ổn bố thí cho hàng trời người và tất cả chúng sinh. 10. Tánh tịnh của Bồ-tát là thâu tóm cả ba tịnh, đó là tịnh bất tịnh, tịnh tịnh và tịnh thiện. Chư Phật và Bồ-tát đời quá khứ hiện tại vị lai, chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, đã đạt, nay đạt, sẽ đạt, đều do mười lăm pháp tịnh nầy mà được. Nếu có người nói: Bồ-tát lìa mười lăm pháp tịnh nầy mà vẫn

chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, thật không có việc ấy.

Phẩm 4: SINH ĐỊA BỒ ĐỀ CỦA NHƯ PHÁP TRỤ

Bồ-tát Ma-ha-tát có tánh đầy đủ, giới đầy đủ. Bồ-tát học giới đầy đủ, Bồ-tát tướng đầy đủ, Bồ-tát thành tựu trang nghiêm đầy đủ. Mười lăm pháp tịnh tâm làm thanh tịnh thân khẩu ý nghiệp. Bồ-tát có mười hai hạnh thâu giữ mười hai công hạnh của tất cả Bồ-tát. Hạnh của Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng rồi nên gọi là hạnh vô thắng. Thế nào gọi là mười hai hạnh của Bồ-tát? Một là tánh hạnh. Hai là giải hạnh. Ba là hỷ hạnh. Bốn là giới hạnh. Năm là tuệ hạnh. Tuệ hạnh có ba thứ: một là cộng trợ Bồ-đề hạnh, hai là cộng đế hạnh, ba là cộng mười hai nhân duyên hạnh. Bồ-tát Ma-ha-tát dùng sự thấy biết như thật để thấy pháp như thật, nếu không thấy như thật thì lưu chuyển trong sinh tử. Nếu thấy được như thật thì đoạn được các khổ, cho nên trí tuệ của Bồ-tát có ba thứ. Đây gọi là tuệ hạnh. Sáu là hành hạnh. Bảy là vô tướng hạnh. Tám là bất lậu hạnh. Chín là vô hành hạnh. Mười là vô ngại hạnh. Mười một là Bồ-đề hạnh. Mười hai là đầy đủ hạnh. Đây gọi là mười hai hạnh. Nếu Bồ-tát thực hành mười hai hạnh nầy, thì có thể thâu giữ tất cả các hạnh. Hạnh của Như Lai là hơn tất cả hạnh, cho nên gọi là hạnh vô thắng.

Tánh hạnh tức là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập các công đức pháp thiện của bồ tát đầy đủ, do tu tập các pháp thiện nên thường ưa pháp thiện, thọ trì tất cả chủng tử của pháp Phật, tự biết thân mình có chủng tử Phật, phá trừ phiền não thô. Đây gọi là tánh hạnh. Bồ-tát đầy đủ tánh hạnh nầy, trọn không thể khởi phiền não sâu nặng, hoặc tội ngũ nghịch và Nhất xiển đề. Đây gọi là tánh hạnh.

Giải hạnh tức là Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề mà tu tập các hạnh. Đây gọi là giải hạnh. Lúc Bồ-tát thực hành tánh hạnh thì gọi là hạnh Bồ-tát. Mười hai hạnh và nhân của Như Lai hạnh, tuy là nhân của các hạnh, nhưng cũng chưa được hạnh dị biệt, huống chi hạnh Như Lai cũng chưa được nhân, cũng chưa được quả, cũng chưa được tịnh, nếu được một hạnh thì gọi là giải hạnh, do đó gọi là thực hành hạnh Như Lai. Cũng chưa được hạnh Như Lai, chưa tịnh hạnh Như Lai. Đây gọi là đắc giải hạnh tịnh. Giải hạnh do tịnh giải hành nên đắc hỷ hạnh, tịnh hỷ hạnh. Hỷ hạnh tịnh nên đắc giới hạnh tịnh, giới hạnh. Như vậy cho đến mười hai hạnh. Đây gọi là hạnh Bồ-tát. Đầy đủ tịnh hạnh của Bồ-tát, rồi sẽ được tịnh hạnh của Như Lai,

hạnh của Như Lai.

Hỷ hạnh tức là Bồ-tát chí tâm tịnh tâm Bồ-đề. Đây là hỷ hạnh.

Giới hạnh tức là Bồ-tát trước làm tịnh tánh trọng, không hủy giá trọng. Do giới tịnh nên tu tập thiền thế gian. Đây là Tuệ hạnh. Nương vào đạo thế gian mà nhập bốn chân đế, tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Đây gọi là hạnh cộng trợ Bồ-đề. Tu trợ Bồ-đề thật thấy bốn đế, gọi là hạnh cộng đế. Hạnh cộng mười hai nhân duyên là quán sát bốn đế thấy tất cả khổ từ nhân duyên sinh, từ nhân duyên diệt. Đây gọi là hạnh cộng mười hai nhân duyên.

Hành hạnh tức là vì trợ Bồ-đề nên siêng tu tinh tấn.

Hạnh vô tướng tức là tuy không thấy tướng chúng sinh và tướng Bồ-đề, nhưng tu Bồ-đề mãi không dừng nghỉ.

Hạnh bất lậu tức là vì trợ Bồ-đề mà kiên trì giới cấm, không có hủy phạm, không gián đoạn. Đây là hạnh bất lậu.

Hạnh vô hành tức là chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng rồi, vì điều phục chúng sinh mà thực hành, không phải vì hạnh Bồ-đề. Hạnh Bồ-đề tức là tu tập hạnh vô tướng. Đây gọi là hạnh Bồ-đề. Hạnh không phân biệt pháp giới gọi là hạnh Bồ-đề.

Hạnh vô ngại tức là tu tập pháp giới không phân biệt, vì vô lượng chúng sinh mà diễn thuyết chánh pháp, khiến tu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng. Hoặc một đời, hoặc hiện thân. Đây gọi là hạnh vô thượng. Thực hành hạnh vô thượng, lần lượt chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng rồi, làm tất cả Phật sự. Đây gọi là hạnh Như Lai. Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ tánh hạnh. quyết định đắc mười hai hạnh. Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ giải hạnh đoạn tướng lậu thô. Bồ-tát Ma-ha-tát đầy đủ hỷ hạnh. không thối chuyển, cũng như hoan hỷ mà thực hành cho đến hạnh Bồ-tát cũng như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc thực hành tánh hạnh, không thấy tướng mạo của tất cả các pháp, cho đến hạnh Bồ-tát cũng lại như vậy. Bồ-tát lúc thực hành tánh hạnh, không cầu pháp thiện và quả của pháp thiện, cho đến hạnh Bồ-tát cũng lại như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc thực hành tánh hạnh được lực đại trí, cho đến hạnh Bồ-tát cũng lại như vậy.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc thực hành tánh hạnh, đoạn năm sự sợ hãi: Một là sợ không sống được. Hai là sợ tên gọi xấu ác. Ba là sợ chết. Bốn là sợ đường ác. Năm là sợ đại chúng. Luôn luôn còn có nghiệp ác của thân khẩu ý, luôn luôn sinh niệm tham ở năm dục, đối với tài vật của mình luôn sinh tâm bỏn sẻn, luôn luôn tùy người không tự quyết định. Hoặc có lúc không thể quán xét Phật Pháp Tăng thật và không thật, như chư Phật Bồ-tát không thể nghĩ bàn, không cầu nhân, không cầu quả, không cầu nhiều, không cầu

ít, đối với chỗ chứng đắc và không chứng đắc không sinh tâm buồn hoặc vui.

Luôn thực hành hạnh phi phương tiện, không thực hành hạnh phương tiện, ít có văn tuệ, luôn luôn quên mất, trí tuệ không lanh lợi, ít niệm về đạo quả Bồ-đề vô thượng, không siêng năng tinh tấn, không được tâm tin hiểu sâu xa, lúc thấy sắc thanh, hương, vị, xúc, tâm sinh điên đảo, xả thân đến đời khác quên hẳn chánh niệm. Hoặc lúc được trí tuệ, hoặc lúc mất trí tuệ, không thể khéo biết phương tiện tùy nghi để điều phục chúng sinh. Hoặc lúc thuyết pháp không thể khéo hiểu văn chữ, câu, nghĩa. Người nghe hoặc lãnh thọ hoặc không lãnh thọ như ở chỗ tối bắn người hoặc trúng hoặc không. Phát tâm Bồ-đề hoặc thoái chuyển hoặc không thoái chuyển, hoặc hủy giới Bồ-tát đã thọ, hoặc muốn tự vui không vì chúng sinh, hoặc quán xét Bồ-tát hiện có quả báo và quả phước đức.

Lúc nghe pháp thâm diệu hoặc kinh sợ, hoặc hoan hỷ, hoặc tin sâu, hoặc sinh nghi. Không thể tu tập tâm từ bi, ít ban vui cho kẻ khác, sinh hoan hỷ với tâm biết đủ. Không có tướng Bồ-tát, không có sự trang nghiêm của Bồ-tát, tự thấy thân mình cách đạo vô thượng quá xa không thể đến, tâm niệm đại Niết-bàn, không biết tên của pháp trợ Bồ-đề. Các tướng như vậy gọi là Bồ-tát tánh hạnh. Bồ-tát giải hạnh có ba thứ nhẫn, đó là bậc hạ, trung và thượng. Lúc được hạ nhẫn thì các tướng như vậy là bậc hạ. Khi được trung nhẫn thì các tướng như vậy là bậc trung. Lúc được thượng nhẫn thì các tướng như vậy là bậc thượng. Khi được hỷ hạnh thì đoạn tướng như vậy toàn bộ là thiện. Do đầy đủ pháp thiện như thế nên gọi là tâm tịnh. Bồ-tát giải hạnh tuy có ba nhẫn như thế nhưng tâm không thanh tịnh. Vì sao? Lúc thực hành ba nhẫn có thượng, trung, hạ nên không thanh tịnh. Khi trụ ở hỷ hạnh thảy đều đoạn các ác, cho nên thanh tịnh. Lại lúc trụ nơi hỷ hạnh, phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng, tùy thuận lời nói của người, lại tự suy nghĩ, do hai nhân duyên nầy mà tâm ấy kiên cố. Đây gọi là nguyện tịnh, lìa pháp thế gian được quả xuất thế, phá diệt khổ của chúng sinh, hơn cả phát nguyện của Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát Ma-ha-tát phát nguyện trong một niệm, có thể được vô lượng vô biên phước đức. Nguyện như vậy là không động, không cùng tận, không thối, không chuyển, tăng trưởng mạnh mẽ, rốt ráo có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là phát nguyện chân thật. Nguyện chân thật của Bồ-tát có bốn việc: Một là ai phát đạo tâm. Hai là nhân đâu mà phát tâm. Ba là phát tâm là những tánh gì. Bốn là phát tâm có công đức gì. Lúc phát tâm có bốn việc quán xét ấy.

Ai phát đạo tâm, tức là thành tựu giải hạnh, đầy đủ công đức thiện,

khéo thực hành đạo Bồ-đề, như vậy là khiến chúng sinh phát tâm Bồ- đề.

Do đâu mà phát tâm, tức là đầy đủ trang nghiêm đạo Bồ-đề, tạo lợi ích cho các chúng sinh, tu hạnh vô lượng của quả Bồ-đề vô thượng thành tựu đầy đủ tất cả pháp Phật, tất cả hạnh Phật. Đây gọi là nhân duyên. Do nhân duyên nầy nên phát tâm Bồ-đề. Tất cả phát tâm làm trang nghiêm Bồ-đề. Tất cả sự tu hành Bồ-đề, tùy nơi nhất thiết trí và tất cả Phật sự mà xa lìa phàm phu, Bồ-tát danh tự lìa địa phàm phu, nhập địa quyết định, phát sinh chủng tánh Phật, được gọi là con Phật, quyết định chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, được tâm đại hỷ, xa lìa tâm tham, tâm ganh ghét, tâm sân hận, vì mọi người mà diễn nói đạo Bồ-đề, đầy đủ sự trang nghiêm của tất cả pháp Phật, Phật sự, Phật hạnh, đạt được tâm hỷ, thọ vui tịch tĩnh, xa lìa phiền não thân tâm an lạc, thành tựu đầy đủ pháp thiện thanh tịnh, gần gũi đạo quả Bồ-đề vô thượng. Chí tâm tịnh tâm vì hướng tới hạnh Bồ-tát, lìa tất cả sợ hãi được tâm đại hỷ, phát tâm Bồ-đề thâm sâu xa lìa năm thứ sợ hãi, tu tập tướng vô ngã, hiểu rõ không có ngã, không có ngã sở. Do quán không có ngã và ngã sở nên không tham ở thân, vì thế xa lìa được sự sợ hãi không thể sống. Không cầu vật khác dù chỉ một tiền, thường phát nguyện: Làm sao phải khiến cho các chúng sinh ấy được lợi ích lớn, cho nên lìa được sự sợ hãi tên xấu ác, xa lìa ngã kiến. Do xa lìa ngã kiến nên không thấy có ngã, vì thế lìa được sợ hãi về sự chết. Chí tâm hiểu biết, ta xả thân rồi thường cùng chư Phật Bồ-tát đồng hành, vì thế lìa được sự sợ hãi về cõi ác. Ta nay chí tâm cầu pháp xuất thế, cho nên lìa được sự sợ hãi đại chúng. Bồ-tát xa lìa những thứ sợ hãi như vậy rồi, cũng được xa lìa việc sợ nghe nghĩa thâm diệu, lìa tất cả tâm ác, não hại, kiêu mạn lìa tâm hỷ thế gian, được tâm thanh tịnh, được tâm bất hoại, được tâm rộng lớn, được tâm bất cộng. Được những tâm như vậy nên siêng tu hành tinh tấn, chí tâm niệm nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng. Do chí tâm tín niệm nên tinh tấn tu tập pháp trợ Bồ-đề, đây là hạnh hỷ. Do trụ nơi hạnh hỷ nên tâm được thanh tịnh, do tâm thanh tịnh nên thường niệm cúng dường Như Lai, thường niệm hộ pháp, niệm pháp tăng trưởng, hết lòng chuyên niệm để điều phục chúng sinh, trụ nơi thế giới Phật, gần gũi chư Phật, một lòng nghe pháp, làm thanh tịnh quốc độ Phật, thường niệm gần gũi cùng Phật, Bồ-tát, thiện tri thức, thực hành vì tạo lợi ích cho chúng sinh chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng làm Phật sự. Lúc chưa chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng thường phát nguyện ấy. Đây gọi là đại nguyện. Như vậy vô lượng trăm ngàn nguyện, gọi là nguyện thiện. Phát nguyện nầy rồi tinh tấn tu tập trong đời hiện tại, vì làm tịnh hạnh hỷ nên tu tập mười pháp, tin tưởng tất cả pháp phật. Do mười hai nhân duyên nên chúng sinh thọ khổ, vì muốn chúng sinh khổ được

giải thoát nên tu tập tâm bi, vì ban cho chúng sinh sự an lạc nên tu tập tâm từ, vì phá khổ não cho chúng sinh nên không tiếc thân mạng, do không tiếc thân mạng nên xả nội vật, ngoại vật, vì tạo lợi ích cho chúng sinh mà thọ khổ không hối hận, do tâm không hối hận nên có thể biết tất cả phương thuật kiến thức thế gian, do biết mọi việc thế gian nên có thể biết chúng sinh khác nhau giữa các bậc thượng, trung và hạ, tùy thượng trung hạ mà hiện bày đầy đủ sự hổ thẹn. Tu việc như vậy tâm không thối chuyển, được lực dũng mãnh, thọ nhận của cải của người, có thể dùng để cúng dường Phật Pháp Tăng bảo. Đây gọi là mười pháp, gồm: Một là tín. Hai là bi. Ba là từ. Bốn là thí. Năm là không ưu sầu. Sáu là hiểu biết sách vở thế gian. Bảy là tùy thuận thế gian. Tám là hổ với mình. Chín là thẹn với người. Mười là dũng mãnh. Bồ-tát Ma-ha-tát tu mười pháp nầy, vì trì giới, thực hành ở chín pháp, quán sát đạo quả, công đức hoặc lỗi lầm, biết rồi thì có thể tu tập đạo, chí tâm thọ trì tất cả hạnh, chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, có thể độ chúng sinh trong biển sinh tử, có thể dạy chúng sinh thực hành pháp thiện.

Lúc ấy, Bồ-tát trụ nơi hạnh hỷ, thấy vô lượng Phật, như chỗ thấy nghe được nói đến trong tạng Bồ-tát. Lại biết mười phương vô lượng thế giới có vô lượng tên gọi, có vô lượng Phật, biết rồi chí tâm cầu thấy, có thể thấy. Đây gọi là nguyện thiện. Lại phát nguyện: Nguyên tôi thường sinh về thế giới của chư Phật, tùy nguyện vãng sinh. Đây gọi là nguyện thiện. Do được vãng sinh về thế giới chư Phật, tùy lực cúng dường Phật Pháp Tăng bảo, nghe pháp thọ trì, như pháp mà trụ, có tu pháp thiện, tất cả đều hồi hướng nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng. Dùng bốn nhiếp pháp để thâu giữ chúng sinh, cho nên pháp thiện được tăng trưởng mạnh mẽ. Cúng dường Tam bảo thâu giữ chúng sinh, ở trong vô lượng kiếp làm thanh tịnh thân tâm, như luyện vàng nhiều lần thì sắc càng sáng hơn. Tâm của Bồ-tát cũng lại như vậy, do tâm thanh tịnh nên pháp thiện được tịnh. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc thọ thân người, làm Chuyển luân vương chủ bốn thiên hạ, tùy ý tự tại, xa lìa tham lam bỏn xẻn, cũng phá trừ tham lam keo kiệt hiện có của chúng sinh, dùng bốn nhiếp pháp để thâu giữ chúng sinh, làm được pháp thiện hoặc nhiều hoặc ít, đều đem hồi hướng nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng, nguyện cho tất cả chúng sinh đều được lợi ích của đạo vô thượng. Lúc ấy, Bồ-tát siêng năng tinh tấn xả tục vì đạo, ở trong một niệm có thể đầy đủ trăm thứ Tam-muội, trong một niệm thấy trăm thế giới Phật, cũng biết chỗ thực hành của trăm vị Phật, cũng có thể làm chấn động thế giới của trăm vị Phật, thân ấy có thể đi qua trăm thế giới Phật, ánh sáng chiếu đầy khắp trăm thế giới Phật, thần thông có thể biến một thân làm trăm, hóa thành trăm chúng sinh, hiểu

biết việc khứ lai của mỗi chúng sinh trong trăm kiếp, thâm nhập nơi trăm pháp môn ấm, nhập, giới, mỗi thứ biết trăm số có thể chỉ bày cho trăm người lấy làm quyến thuộc đều được thần thông. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc trụ ở hạnh hỷ, có thể hiện bày những thần thông như vậy, do nguyện lực nên Bồ-tát phát nguyện không thể nghĩ bàn. Bồ-tát thực hành hỷ hạnh có sáu thứ phát tâm: Một là phát nguyện thiện siêng năng tinh tấn. Hai là hạnh tịnh. Ba là vì đạt được hạnh dị biệt. Bốn là làm tịnh thiện căn. Năm là vì thiện hiện có. Sáu là không thể nghĩ bàn.

Hạnh hỷ tức như địa hoan hỷ trong mười trụ đã nói. Vì lợi tha nên gọi là địa, vì tự lợi nên gọi là hạnh. Giới hạnh nơi Bồ-tát có những tướng gì? Tất cả công đức của bồ tát hỷ hạnh hiện có thì Bồ-tát giới hạnh đều đạt đầy đủ. Có mười thứ tâm tịnh: Một là tâm tịnh cung kính phụng sự các Hòa thượng, Trưởng lão có đức, không hề sinh tâm giả dối khinh khi. Hai là tâm tịnh thấy Bồ-tát đồng pháp thì thăm hỏi với lời nhẹ nhàng. Ba là tâm tịnh chiến thắng tất cả phiền não của nghiệp ma. Bốn là tâm tịnh thấy tất cả hạnh có nhiều lỗi lầm. Năm là tâm tịnh thấy công đức của Niết-bàn. Sáu là tâm tịnh tu tập tất cả pháp trợ Bồ-đề. Bảy là tâm tịnh vì trợ Bồ-đề mà tu tập tịch tĩnh. Tám là tâm tịnh không bị thế gian làm nhiễm ô. Chín là tâm tịnh lìa thừa Thanh văn, ưa nghĩ đến Đại thừa. Mười là tâm tịnh thường nghĩ lợi ích cho hết thảy chúng sinh. Do đầy đủ mười tâm tịnh nầy nên gọi là địa của giới. địa của hạnh giới khi thực hành thì đầy đủ giới tánh, cùng với giới tà nghiệp không thọ không niệm, không sinh hoan hỷ, không hủy giới khinh, huống là giới bậc trung bậc thượng. Đầy đủ mười pháp thiện, biết thiện và bất thiện, nghiệp thiện, nghiệp ác, cõi thiện cõi ác, đây là thừa, đây chẳng phải thừa, hoặc nhân hoặc quả, đều biết rõ ràng. Do biết rõ ràng nên tự thực hành mười điều thiện, lại dạy chúng sinh khiến thực hành mười điều thiện. Nếu thấy các chúng sinh nhân nghiệp ác mà thọ khổ, tức sinh tâm thương xót tu tập đại bi, phá trừ sự khổ mà chúng sinh đã thọ.

Bồ-tát thực hành giới hạnh thân tịch tĩnh, tâm tịch tĩnh, thân tâm tịch tĩnh như vàng ròng được thuốc Ca tư bà, đưa vào lửa thì sáng, Bồ-tát có tâm thiện, tu tập pháp thiện cũng lại như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc trụ ở giới hạnh, hoặc sinh nơi thế gian làm Chuyển luân vương, cai trị bốn thiên hạ, có thể chuyển nghiệp ác, hủy giới của chúng sinh, an trí chúng sinh trong pháp thiện. Ngoài ra, như ban đầu đã nói, cũng như địa ly cấu nơi mười trụ đã nêu bày. Xa lìa tất cả cấu uế hủy giới, cho nên gọi là địa ly cấu. Dạy giới Bồ-tát nên gọi là giới hạnh, địa tịnh và giới hạnh ý nghĩa không sai khác.

Bồ-tát Tuệ hạnh có những tướng gì? Bồ-tát thực hành Tuệ hạnh được mười tâm tịnh, thường quán như vầy: Mười tâm tịnh của ta là không thối chuyển. Ta đối với tất cả pháp hữu lậu tâm không ưa thích. Ta đối với pháp hữu lậu tâm ưa thích tu tập pháp môn đối trị, đối với pháp đối trị không có thối chuyển, tất cả hữu lậu, phiền não, nghiệp ma đều không thể hơn, do tu tập nên không sinh tâm xả, ta ưa thích hạnh của Phật, Bồ-tát, vì Bồ-đề Phật mà tu khổ hạnh, không sinh nhàm chán, hối hận. Ta nay chí tâm chuyên niệm Đại thừa, thường muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh. Bồ-tát Tuệ hạnh quán xét tất cả hành có vô lượng khổ, thực hành quán xét xong rồi không nhiễm các hành, quán xét công đức của Phật cho đến vô lượng phước hạnh của trí tuệ, chí tâm niệm Phật, và những công đức của Phật, đạt được tâm tín lớn, vì phá trừ mọi khổ não của chúng sinh. Tu tập tâm bi, khéo suy nghĩ phương tiện, vì muốn khiến cho chúng sinh được giải thoát, vì giải thoát nên quán xét pháp môn đối trị, do được đối trị nên quán Tam-muội thiện, ưa nghe kinh điển nơi pháp tạng của Bồ-tát. Đã được nghe rồi siêng tu tinh tấn, vì nghe pháp nên không tiếc thân mạng. Có được của cải trong, ngoài đều cúng dường cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng, vì các chúng sinh mà thọ nhiều khổ não, nếu được nghe pháp tạng của Bồ-tát một chữ, một câu, một bài kệ, một ý nghĩa, trong tâm hoan hỷ, hơn được châu báu đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới, hơn được thân Đế thích, Thiên ma, Phạm thiên, Chuyển luân vương. Hoặc nghe nói: Ta có một câu, một chữ, một bài kệ, một ý nghĩa, là do Phật nói, nếu có thể chịu khổ nhảy vào hầm lửa lớn thì ta sẽ trao cho ông.

Bồ-tát nghe rồi hoan hỷ lãnh thọ, liền nói: Giả sử lửa lớn đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới, nơi vô lượng kiếp còn chịu ở trong ấy, huống là lửa nhỏ. Lúc nầy Bồ-tát vì siêng tu tinh tấn nên suy nghĩ như vậy, nếu được nghĩa chân thật thì có thể đem lại lợi ích, pháp Phật vô thượng chẳng phải do một câu chữ mà có thể đạt lợi ích. Vì hiểu nghĩa chân thật nên tu tập bốn thiền, bốn định vô sắc, bốn tâm vô lượng và năm thần thông. Do tu định nên nguyện sinh nơi cõi dục, tu trợ Bồ-đề tạo lợi ích cho chúng sinh, tuy sinh ở cõi dục mà không có kiết sử ở cõi dục, trước đoạn tham dục, sân hận, ngu si, giống như vàng ròng qua nhiều lần luyện, trọn không tổn giảm. Do tu thiện căn tịnh nên được thân Đế thích thù thắng, vì người ưa dục mà hoại trừ tham dục, khiến được suy nghĩ các pháp thiện, vì khiến chúng sinh biết chân thật về giới hành, giới chúng sinh, vì chúng sinh khổ nên khiến được giải thoát, biết phương tiện khéo léo. Vì cúng dường cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng, vì khiến cho chúng sinh được như pháp mà trụ, vì được thiền định, Tam- muội thiện, thần thông, như trong địa Minh nơi mười trụ

đã nói. Tuệ hạnh cũng lại như vậy.

Bồ tát thực hành hạnh trợ Bồ-đề có những tướng gì? Bồ-tát Tuệ hạnh có mười pháp như trước đã nói. Trụ pháp như vậy tâm không thể hoại, tu tập trí tuệ, có thể vì chúng sinh mà diễn thuyết chánh pháp khiến được thành thục. Người đã thành thục thì khiến được giải thoát, phát sinh chủng tử Phật. Do tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo và phương tiện khéo léo nên xa lìa ngã kiến, cho đến đoạn kiến chấp, đoạn các phiền não, được tâm nhẫn, tâm nhu hòa, tâm thiện, tâm vô lượng hạnh, biết ân và báo ân, đầy đủ vô lượng pháp thiện thanh tịnh, siêng năng tinh tấn tu tất cả nghiệp thiện, hiểu biết pháp giới và giới chúng sinh, tất cả người ác, ma và quyến thuộc của ma không thể dời chuyển hoặc ngăn trở tâm ấy. Ví như người thợ làm anh lạc bằng vàng, vì khiến chúng sinh được sự an vui, pháp thiện của Bồ-tát cũng lại như vậy, không bi hàng Thanh văn, Duyên giác làm lay động, sinh nơi cõi trời Dạ ma, phá trừ các ngã kiến của chúng sinh. Đây là hạnh trợ Bồ-đề của Bồ-tát. Vì muốn tu tập trí tuệ thông lợi, nên tu ba mươi bảy phẩm trợ Bồ-đề, phá trừ tất cả kiến chấp, tất cả lậu, ngăn tất cả nghiệp, tăng trưởng pháp thiện nên khiến được địa thanh tịnh. Bồ-tát tu tập hạnh trợ Bồ-đề, như nơi địa Diệm tuệ trong mười trụ đã nói. Tự lợi gọi là địa, lợi tha gọi là hạnh. Bồ tát thực hành hạnh đế trước được mười pháp thanh tịnh, do thanh tịnh nên gọi là hạnh cộng đế. Bồ tát thực hành hạnh đế thấy vô lượng thế giới, vô lượng chư Phật, quán bốn chân đế có mười hạnh. Như nói khổ thì tại sao nói, do nhân duyên gì nói, nói thế nào, ai nói ra, như vậy tất cả có thể biết chân thật. Tập, diệt, đạo cũng như vậy. Lúc quán tưởng tức biết phương tiện chắc thật, quán công đức và tai họa của tất cả khổ, tất cả đế. Vì các chúng sinh nên tăng trưởng tâm bi, biết nghiệp của chúng sinh trong đời quá khứ, vị lai, hiểu rõ Đế thế gian và pháp tà, vì người theo pháp tà mà nói pháp giải thoát; biết việc trang nghiêm, đầy đủ tâm niệm, đầy đủ tâm tuệ, biết các thứ phương tiện để điều phục chúng sinh, hiểu rõ tất cả phương thuật ở thế gian, vì hóa độ chúng sinh mà phá trừ các khổ, vì chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, có thể ban cho chúng sinh những vật cần dùng, có thể phá bỏ sự bần cùng khốn khổ cho chúng sinh, biết xứ và phi xứ, phá dẹp tà kiến, không nghe giải nghĩa sai lầm về tạng Bồ-tát, ngoài ra như trên đã nói. Ví như các châu báu như vàng ròng v.v... giá trị vô lượng, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, có được pháp thiện tức hơn tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát hạ địa. Hạnh tuệ nơi Bồ-tát như ánh sáng mặt trời, mặt trăng không gì có thể ngăn che, gió lớn không thể lay động. Bồ-tát Ma-ha- tát có trí tuệ cũng lại như vậy. Tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi không thể lay động, cũng không bị pháp thế gian hủy hoại. Sau khi xả thân, sinh

về cõi trời Đâu Suất, được đại tự tại, phá tan pháp tà, thành tựu vô lượng phước đức đầy đủ. Như vậy, Bồ-tát có trí tuệ, vì trừ sạch mọi phiền não cho chúng sinh, vì biết chân đế nên dùng phương tiện thuyết giảng, vì quán sinh tử có sự khổ lớn, vì muốn làm tăng trưởng tâm đại từ bi, vì muốn đầy đủ công đức trí tuệ trang nghiêm, vì phát nguyện thiện, vì khiến tâm niệm, tâm thí, tâm tuệ đều được dần tăng trưởng, vì muốn suy nghĩ về các pháp thiện, vì muốn điều phục các chúng sinh, vì chỉ dạy phương tiện nơi pháp thế gian và xuất thế gian nên làm thanh tịnh thiện căn. Ngoài ra như nơi địa Nan thắng trong mười trụ đã nói. Hành đế cũng như vậy không có sai khác. bồ tát thực hành hạnh cộng mười hai nhân duyên như trước đã nói. Bồ-tát Ma-ha-tát lúc trụ nơi hạnh cộng mười hai nhân duyên, quán xét tướng đệ nhất nghĩa của tất cả pháp. Tướng đệ nhất nghĩa tức là các pháp vô tướng, tất cả các pháp không thể thuyết gọi là vô tướng. Vô tướng là không có tướng sinh diệt, cho nên các pháp không sinh không diệt. Do không sinh diệt nên thấy vô sinh bình đẳng, vô thỉ chung bình đẳng, hữu vô bình đẳng, không thủ không xả bình đẳng, như huyễn bình đẳng, vô tánh bình đẳng, chẳng có chẳng không bình đẳng. Bồ-tát trụ nơi các bình đẳng nầy rồi tăng trưởng đại bi, chí tâm chuyên niệm pháp Bồ-đề, hiểu biết chỗ sinh diệt của thế gian, biết mười hai nhân duyên, biết pháp từ duyên sinh, biết từ mười hai nhân duyên phát sinh ba môn giải thoát, đó là không, vô tướng và nguyện. Do tu tập ba môn giải thoát nên vĩnh viễn đoạn trừ tướng ngã, ngã sở, tướng làm, tướng thọ nhận. Đây gọi là đệ nhất nghĩa. Vì chúng sinh nên tư duy chân thật, phiền não do nhân duyên hòa hợp nên không bền chắc. Nhân duyên hòa hợp không bền chắc, nên các pháp hữu vi là giả hợp, cho nên không có ngã và ngã sở, tạo thành vô lượng các khổ. Ta có thể phá tan pháp hữu vi, tuy có thể phá tan mà không nên diệt bỏ vĩnh viễn. Ta ủng hộ hữu vi là vì chúng sinh. Lúc quán tưởng như vậy, tức được hạnh tuệ vô ngại. Do biết hạnh trí tuệ vô ngại, nên đối với tất cả hành trong thế gian không có trở ngại, do được hạnh trí tuệ vô ngại, nên gọi là thâu giữ nhẫn địa thứ bảy, tu trợ Bồ-đề cùng hành hữu vi, không ưa vĩnh viễn đoạn diệt pháp hữu vi. Tuy không hoàn toàn trừ diệt mà không nhiễm chấp. Lúc Bồ-tát tu phương tiện nầy, tức được vạn môn Tam-muội Không, như vạn môn Không, vô tướng, vô nguyện cũng lại như vậy. Do tu ba vạn môn Tam-muội ấy nên tất cả tà kiến, ngoại đạo, hàng Nhị thừa, các ma và quyến thuộc của ma, đều không thể dời chuyển làm nghiêng động hoặc ngăn trở. Cũng như Đế thích, Chuyển luân Thánh vương, đội mũ bằng vàng cùng các thứ báu, chư Thiên cùng người đời đều ưa nhìn, trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy, cũng được chư Phật và các Bồ-tát ưa nhìn ngắm, như ánh sáng mặt

trời mặt trăng hơn hẳn trong tất cả ánh sáng. Bồ-tát Ma-ha-tát trụ nơi hạnh mười hai nhân duyên, vì khiến chúng sinh thấy pháp bình đẳng, vì biết mười hai nhân duyên nên được giải thoát, nên được ba môn giải thoát, phá trừ tất cả các tướng tà, do phương tiện giáo hóa chuyển sinh tử, nên được trí tuệ vô ngại, do được hạnh trí tuệ vô ngại, nên được vô lượng môn Tam-muội. Do không hủy hoại, không lay động, nên pháp thiện tăng trưởng, các hữu thanh tịnh, ngoài ra như trong địa Hiện tiền thuộc mười trụ đã nói, không có sai khác.

Bồ tát thực hành Hành hạnh có những tướng gì? Bồ-tát lúc được hạnh trợ Bồ-đề đầy đủ nên có được vô lượng Tam-muội, có thứ cộng thế gian bất cộng thế gian, do đầy đủ nên nhập nơi hạnh thứ bảy. Lúc ấy, Bồ-tát ở trong pháp thế gian, được đại tự tại, chí tâm niệm từ bi về tâm từ, công đức trang nghiêm, Bồ-đề trang nghiêm đều được tăng trưởng, pháp trợ Bồ-đề mà Bồ-tát có được, tức không cùng chung với Thanh văn Duyên giác, biết pháp giới, giới chúng sinh, giới thế gian, biết thân tâm Phật, lúc ấy đầy đủ công đức như vậy, biết cảnh giới Phật, không tướng, không nghiệp, không có giác tri, thấy vô lượng cõi Phật, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, đối với tất cả hành không hề mất tâm đạo. Bấy giờ, Bồ-tát trong mỗi mỗi niệm tăng trưởng tất cả mười Ba-la-mật, thành tựu đầy đủ pháp trợ Bồ-đề. Bồ-tát lúc trụ nơi hạnh hỷ phát nguyện tạo nhân duyên. Lúc trụ nơi hạnh thứ hai xa lìa tất cả nhân duyên hủy giới. Khi trụ nơi hạnh thứ ba nguyện thiện tăng trưởng, được pháp quang minh. Khi trụ nơi hạnh thứ tư lìa tất cả nhân duyên chướng ngại đạo. Lúc trụ nơi hạnh thứ năm lìa chướng ngại nơi việc học của thế gian. Lúc trụ nơi hạnh thứ sáu được vào nghĩa thâm diệu, khiến bảy pháp nầy tăng trưởng, hướng đến tất cả pháp Phật, tăng trưởng đầy đủ pháp trợ Bồ-đề, nên Bồ-tát lần lượt sẽ được hạnh tịnh thứ tám. Do tịnh rốt ráo nên gọi là hạnh tịnh. Bảy hạnh có xen tạp nên không gọi là hạnh tịnh. Khi trụ ở hạnh nầy, đoạn trừ các phiền não, cũng không cùng chung, lại không gọi là lìa. Phiền não không khởi nên không gọi là cùng chung. Do chưa đắc quả vị Phật nên không gọi là lìa. Ba nghiệp thanh tịnh, hiểu biết tất cả thuật phương tiện ở thế gian, có thể làm thầy của hàng trời người trong ba ngàn đại thiên thế giới, chỉ trừ hàng tám địa còn các chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới tâm không thể sánh bằng. Cũng trừ hàng tám địa ngoài ra Bồ tát này tự tại ra vào vô lượng pháp môn, mãi xa lìa nẻo hành của Thanh văn Duyên giác. Đây gọi là nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, cũng tu tập đạo không có nhàm chán, có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, vì chúng sinh nên thuyết giảng pháp hữu vi, lìa tất cả tướng mạo của thân khẩu ý, được pháp nhẫn không sinh không diệt sâu xa.

Lúc thực hành sáu hạnh, nhập định diệt tận, nay trong hạnh nầy tuy niệm niêm diệt mà không giữ lấy Niết-bàn. Đây gọi là không thể nghĩ bàn, tuy cùng chung hành của tất cả chúng sinh và hành Bồ-đề, nhưng không bị pháp thế gian làm nhiễm ô. Ngoài ra như trên đã nói.

Tu ba môn giải thoát, điều phục chúng sinh, không khiến trụ nơi Thanh văn Duyên giác, điều phục chúng sinh lìa năm thứ dục, đoạn các tà kiến, lúc tu tập như vậy tức pháp thiện tăng trưởng, không thể hủy hoại hay làm dời chuyển tâm ấy. Ví như vàng ròng tô điểm cho các báu giá trị vô lượng, công đức của Bồ-tát cũng lại như vậy, vô lượng vô biên không thể tính kể. Lại như ánh sáng mặt trời, tất cả chúng sinh đều không thể nghĩ bàn. Ánh sáng trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập hạnh nầy, vì khiến chúng sinh được vô lượng ức Tam-muội, phá trừ tất cả tâm chấp giữ tướng, được phương tiện thiện xảo và tu tập đạo, thấy thế giới Phật và được giải thoát, có thể hội nhập các pháp môn thâm diệu, được đầy đủ pháp trợ Bồ-đề, vĩnh viễn đoạn trừ pháp tịnh và bất tịnh, làm viên mãn đạo Bồ-đề trang nghiêm, thanh tịnh tâm nghiệp, hiểu biết tất cả phương thuật thế gian nên được vô lượng pháp môn và các Tam-muội, không cùng đồng hành với Thanh văn Duyên giác. Ngoài ra như nơi địa Viễn hành trong mười trụ đã nói. Địa Viễn hành và hành hạnh không có sai khác.

Bồ tát thực hành hạnh vô tướng có những tướng gì? Bồ-tát Ma-ha-tát lúc trụ nơi hạnh thứ nhất, có được mười pháp hạnh, biết các nghĩa pháp, và biết ba đời không sinh không diệt, quá khứ không sinh, vị lai không diệt, hiện tại không tướng, do không nhân duyên nên không sinh không diệt, do đó tướng đệ nhất nghĩa là không thể tuyên thuyết, không thể thuyết pháp, nhưng có thể lưu hành khắp. Tuy có thể lưu

@@@hành khắp mà thật không tánh, do tánh vô tướng nên không nhân không quả, nhưng không thể thuyết tánh, không thể thuyết không. Vì sao? Vì có thể thuyết. Nếu có thể thuyết tánh tức là có tướng. Đây gọi là tướng tà. Nếu là có vật mà không thể thuyết, tức là không có sự khác nhau nơi đầu, giữa, cuối, cho nên trong tất cả thời, phiền não không hành, nhập chánh pháp giới, không có tư duy, tâm được bình đẳng xa lìa lưới nghi. Đầy đủ mười thứ trí như vậy là đã nhập vào hành thứ tám. Bồ-tát Ma- ha-tát lúc trụ ở hành nầy, tức được pháp nhẫn vô sinh tịch tĩnh. Lại có bốn điều dốc cầu tất cả pháp, có bốn chân trí biết tất cả pháp. Do cầu, biết nên có thể đoạn tất cả các tà nghiệp, do đoạn các tà nghiệp nên thấy phiền não không sinh trở lại. Vì sao? Là do thuộc về quá khứ. Lại thấy tất cả phiền não không diệt. Vì sao? Vì không sinh nhân. Hiện tại không khởi các phiền não kiết,

do không có nhân tập. Bốn điều dốc cầu như trong phẩm chân thật đã nói. Bốn trí chân thật như trong phần giải hạnh đã nêu. Hạnh nầy gọi là pháp nhẫn tịch tĩnh, nên Bồ-tát được nhẫn vô sinh, do được nhẫn vô sinh nên được hạnh Bồ-tát thâm diệu. Lúc trụ nơi hạnh sâu xa tức thực hành hạnh vô tướng, nếu có lỗi lầm và tướng vi tế, nay đều được xa lìa, nên hạnh nầy gọi là tịch tĩnh. Trụ nơi hạnh sâu xa rồi ưa trụ nơi dòng chảy của pháp, vô lượng chư Phật khuyên phát an ủi. Do khuyên phát nên khởi nhập pháp môn, do đắc pháp môn nên đạt được mười tâm tự tại. Do được tự tại nên muốn trụ gần lâu, tùy ý liền được, muốn nhập định nào tùy ý tức nhập, muốn thực hành gì tức tùy ý tu hành, ở trong một niệm tùy chỗ cần dùng vật liền có được. Nếu muốn hiểu rõ phương tiện của thế gian tức có thể hiểu. Muốn sinh về các cõi, tùy ý vãng sinh, muốn thị hiện thần thông tùy ý liền hiện, muốn lập thệ nguyện tùy ý liền được, muốn tạo các pháp quán tùy ý thành tựu, muốn biết pháp giới tức có thể biết, muốn biết văn tự, câu chữ, chỗ đúng pháp hoặc chỗ phi pháp, tùy ý tức có thể nhận biết. Đây gọi là công đức của tám hạnh tự tại, ở trong mỗi niệm thường thấy chư Phật, ngoài ra như trên đã nói.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc trụ ở hành nầy, vì phá trừ tướng chấp trước của chúng sinh, vì thấy chân thật đệ nhất nghĩa, nên được tuệ chân thật, được nhẫn vô sinh tịch tĩnh, biết hạnh sâu xa, trụ ở dòng pháp, vào cửa pháp Phật, vào pháp môn bất khả tư nghì, ở trong pháp Phật tâm không thể hoại, không lay động, được vô lượng thần túc, được mười thứ tự tại, nên được mười thứ công đức tự tại, thiện căn tịch tĩnh, ở nơi tất cả cõi tự tại vãng sinh. Ngoài ra như trong địa Bất động thuộc mười trụ đã nói.

Bồ tát thực hành hạnh bốn vô ngại có những tướng gì? Bồ-tát Ma-ha-tát thực hành hạnh thâm diệu không có nhàm chán, tu tuệ vô thượng, đầy đủ tất cả pháp, vì chúng sinh mà thuyết giảng về pháp giới đã được biết rõ. Pháp giới tức là phiền não cấu và tịnh, ai cấu, ai tịnh, đều biết rõ ràng, thuyết giảng tất cả pháp như vậy gọi là đại pháp sư, gọi là thành tựu vô lượng Đà-la-ni, biết phương tiện thuyết về từ, nghĩa vô tận, thọ pháp, trì pháp, tùy theo niệm của chúng sinh mà nêu giảng, phi thời thì không thuyết, tùy chỗ ưa thích mà thuyết giảng. Đây gọi là hạnh bốn trí vô ngại của Bồ-tát.

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở hạnh nầy, vì các chúng sinh mà hội nhập tịch tĩnh, vì các chúng sinh mà nhận biết pháp giới, làm các bậc đại pháp sư bất khả tư nghì của các chúng sinh, vì tăng trưởng pháp thiện, nói rộng như trong địa Thiện tuệ thuộc mười trụ đã nêu. Vì nhằm ban cho chúng sinh sự

vui vẻ an ổn. Bồ-tát Ma-ha-tát trụ trong hạnh vô ngại, so với ý nghĩa trong địa Thiện tuệ không có sai khác.

Bồ tát trụ nơi hạnh Bồ-tát có những tướng gì? Bồ-tát Ma-ha-tát làm thanh tịnh hạnh vô ngại, muốn làm Pháp vương nên nhập Tam- muội tịnh, muốn đầy đủ Nhất thiết trí, sau cùng chứng đắc pháp môn Tam-muội đồng như chư Phật, thực hành tất cả hạnh, biết tất cả pháp, biết phương tiện giải thoát, biết chốn thực hành của Phật, biết vô lượng môn Đà-la-ni giải thoát, biết ức niệm lớn, biết đại thần thông, thiện căn tịch tĩnh, biết làm thanh tịnh các hữu, phần còn lại như trong địa Pháp vân thuộc mười trụ đã nói. Đầy đủ sự trang nghiêm của Bồ-tát, hạnh Bồ-tát, đạo Bồ-đề nơi địa Pháp vân. Cùng với chư Phật đắc Bồ-đề rồi, ban cho chúng sinh vô lượng mưa pháp, mưa pháp như vậy có thể xua tan tất cả bụi bặm của phiền não, phát sinh hạt giống thiện, mầm thiện, thiện căn tăng trưởng thành thục, cho nên địa nầy có tên là Pháp vân. Vì nghĩa ấy nên gọi là hạnh Bồ-tát. Nếu nói công đức của địa sau thì địa trước không có. Tu mỗi mỗi hạnh cần trải qua vô lượng na-do- tha kiếp mới có thể đầy đủ ba a-tăng-kỳ đại kiếp mới đạt được tất cả hạnh. A-tăng-kỳ đại kiếp thứ nhất được hạnh giải. Qua hạnh giải rồi, đại a-tăng-kỳ kiếp thứ hai được hạnh hỷ, lúc được hạnh hỷ cũng được hành hạnh vô tướng. Qua hạnh vô tướng rồi, a-tăng-kỳ đại kiếp thứ ba được hạnh vô hành vô tướng, gọi là Bồ-tát được hạnh quyết định. Qua hạnh vô hành vô tướng, được hạnh trí vô ngại. Qua hạnh trí vô ngại thì được hạnh Bồ-tát. A-tăng-kỳ kiếp có hai loại: Một là đại kiếp không thể tính kể gọi là a-tăng-kỳ. Hai là trung kiếp không thể tính kể gọi là a-tăng-kỳ. Bồ-tát tu hạnh tức là đại kiếp a-tăng-kỳ. Nếu có Bồ-tát siêng tu tinh tấn có thể chuyển vô lượng trung kiếp, nhưng không thể chuyển đại kiếp. Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập hạnh như vậy có thể phá diệt chướng phiền não và chướng trí tuệ. Lúc thực hành vô tướng, đoạn trừ tất cả tướng phiền não, hạnh sau thì vĩnh viễn đoạn trừ tập khí. Đây gọi là hạnh Như Lai. Chướng trí tuệ có ba: Một là phần da. Hai là phần thịt. Ba là phần xương. Lúc được hạnh hỷ đã đoạn trừ phần da của chướng. Khi đạt được hạnh vô tướng có thể đoạn trừ phần thịt của chướng. Lúc được hạnh Như Lai tức có thể đoạn trừ phần xương của chướng. Đầy đủ các hạnh như vậy tức được mười một thứ tịnh: Hạnh thứ nhất đạt được tánh tịnh. Hạnh thứ hai đạt được giải tịnh. Hạnh thứ ba đạt được tâm tịnh. Hạnh thứ tư đạt được giới tịnh. Hạnh thứ năm đạt được nguyện tịnh. Hạnh thứ sáu, thứ bảy, thứ tám đạt được trí trang nghiêm tịnh. Hạnh thứ chín đạt được đầy đủ Bồ-đề trang nghiêm tịnh. Hạnh thứ mười đạt được chân thật trí tịnh. Hạnh thứ mười một đạt được trí vô ngại tịnh. Hạnh thứ mười hai đạt được nhất thiết trí tịnh. Hạnh thứ mười ba đạt được

tập khí tịnh. Hạnh thứ nhất và thứ hai nghe tạng Bồ-tát liền được tâm tin. Hạnh thứ ba chí tâm lập nguyện tu tập các hạnh khác. Hạnh thứ tư, thứ năm và thứ sáu hiểu biết pháp tướng. Hạnh thứ bảy cho đến hạnh thứ mười ba là hành nhân quả rốt ráo của tất cả hạnh tịch tĩnh. Hàng Thanh văn cũng có mười hai thứ hạnh: Hạnh thứ nhất có tánh Thanh văn. Hạnh thứ hai là được đệ nhất pháp của thế gian. Hạnh thứ ba là đắc khổ pháp nhẫn. Hạnh thứ tư là được bốn tâm tin, giới được thanh tịnh. Hạnh thứ năm là pháp như giới trụ được tăng trưởng. Nếu quán bốn đế tức gọi là hạnh thứ sáu, thứ bảy, thứ tám. Hạnh thứ chín là tu tập Tam-muội vô tướng. Hạnh thứ mười là thành tựu đầy đủ ba Tam-muội. Hạnh thứ mười một là đạt được giải thoát. Hạnh thứ mười hai là đắc quả A-la-hán.

Phẩm 1: SINH CỦA ĐỊA RỐT RÁO

Sinh hữu của Bồ-tát có năm thứ nhất thiết là nhất thiết hạnh, nhất thiết Bồ-tát tịnh, vì khiến cho chúng sinh được an ổn vui vẻ. Một là xa lìa khổ hữu. Hai là tùy tâm hành hữu. Ba là thắng hữu. Bốn là tự tại hữu. Năm là Bồ-tát hậu hữu.

Xa lìa khổ hữu tức là Bồ-tát nếu thấy chúng sinh đói khát khổ não, mất mùa gặp nạn, lúc ấy Bồ-tát dùng nguyện lực thọ thân làm cá lớn vô lượng do tuần để bố thí cho chúng sinh. Chúng sinh ăn rồi, đói khát được trừ, do nguyện lực nên thân dần tăng lớn. Nếu có tất cả chúng sinh trong đời ác, bị bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh đồng thời phát ra, lúc ấy Bồ-tát dùng đại nguyện lực làm vị thầy thuốc lớn, có thể khiến chúng sinh xa lìa bệnh khổ. Nếu gặp đời ác binh đao cùng khởi, chúng sinh đều sợ hãi, hoặc vua chúa tranh giành đất đai không biết chán đủ, lúc ấy Bồ-tát làm vị đại Pháp vương có uy lực lớn, bèn dùng phương tiện khéo léo làm cho hai bên hòa hợp, dùng lời nói hòa nhã phá trừ tâm ác, không đánh, không phạt, không bắt, không giam, không đoạn mạng căn, không cướp của cải, xem tất cả chúng sinh như con một, gia tâm thương xót. Nếu có người tà kiến, vì cúng tế trời đất mà tạo nghiệp tà, Bồ-tát vì nhằm phá trừ tà kiến như thế mà thị hiện thọ thân quỷ, hoặc hiện trong mộng bảo: Nay ngươi không nên giết trâu dê để cúng tế. Như vậy, Bồ-tát vì phá trừ khổ não cho chúng sinh mà thị hiện thọ các hữu. Đây gọi là xa lìa khổ hữu.

Tùy tâm hành hữu, tức là Bồ-tát Ma-ha-tát dùng nguyện lực thị hiện thọ thân các loài súc sinh, vì phá diệt các nghiệp ác của súc sinh nên làm thân quỷ ác, làm thân người ác, hoặc làm thân Bà-la-môn tà kiến, hoặc thị hiện thân tham năm dục, trước tùy theo tâm thị hiện thọ các hữu, vì khiến

chúng sinh xa lìa các nghiệp ác, tuy thọ thân ác mà không tạo nghiệp ác, hoặc thấy người làm ác mà mình trọn không làm, chúng sinh thấy rồi cũng bắt chước không làm, dùng phương tiện hay để phá trừ các nghiệp ác hiện có của chúng sinh. Đây gọi là tùy tâm hành hữu.

Thắng hữu tức là Bồ-tát lúc sinh ra đã hơn hẳn các chúng sinh, hoặc về chủng tộc, hoặc sắc lực, hoặc mạng, hoặc quả báo, về quả báo như trong phẩm tự lợi, lợi tha đã nói. Đây gọi là thắng hữu.

Tự tại hữu tức là tu tập hạnh hỷ cho đến mười hai hạnh. Lúc ấy Bồ-tát thị hiện thọ thân, gọi là tự tại. Tự tại tức là nguyện lực, từ tánh địa cho đến mười hai hạnh, thọ thân Chuyển luân vương, hoặc thân trời

Tự Tại, cho đến thân trời A-ca-ni-trá, vượt qua tất cả hữu nơi cõi trời A- ca-ni-trá, ở trong các hữu được thân vô thượng, do nguyện lực và nghiệp lực. Đây gọi là tự tại hữu.

Bồ-tát hậu hữu tức thân sau cùng của Bồ-tát, gọi là Bồ-tát hậu hữu, thành tựu đầy đủ trang nghiêm Bồ-đề, hoặc sinh ở dòng Bà-la- môn, hoặc dòng Sát đế lợi, chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, làm tất cả Phật sự. Đây gọi là Bồ-tát hậu hữu. Đời quá khứ, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng thọ năm hữu như vậy. Các Bồ-tát thời hiện tại, vị lai cũng lại như vậy. Nhân năm hữu nầy mà chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Nếu có Bồ-tát tu hành thị hiện thọ năm hữu nầy, tức chứng đắc đạo quả Bồ- đề vô thượng.

-oOo-

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

QUYỂN 9

Phẩm 2: THÂU GIỮ CỦA ĐỊA RỐT RÁO

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc tu tất cả hạnh có sáu việc để khéo thâu giữ chúng sinh: Một là chí tâm thâu giữ. Hai là tăng ích thâu giữ. Ba là thâu giữ chọn lấy. Bốn là cứu cánh thâu giữ. Năm là thâu giữ không rốt ráo. Sáu là hậu thâu giữ.

Bồ-tát Ma-ha-tát vào lúc ban đầu phát tâm, thâu giữ chúng sinh như cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, chí tâm nhớ nghĩ tạo phương tiện thâu giữ, làm sao có thể ban cho chúng sinh sự an lạc? Lúc phát nguyện ấy thì tùy lực mà ban cho. Đây gọi là Bồ-tát chí tâm thâu giữ.

Bồ-tát Ma-ha-tát tuy có tâm thù thắng đối với cha mẹ và anh em, vợ con, quyến thuộc, nhưng tâm thù thắng không kiêu mạn, mà còn gia tăng sự cúng dường. Nếu làm quốc vương nói với quyến thuộc cũng lại như thế.

Tăng ích tức là phá trừ pháp ác, dạy cho pháp thiện, tùy thời lễ bái khen ngợi, cúng dường y phục, thức ăn và những vật cần dùng, biết ân báo ân, thăm bệnh cho thuốc, đối với tôi tớ không nghĩ là hạ tiện mà nghĩ như anh em. Nếu thấy người có tội thường dùng lời nhẹ nhàng khuyên bảo, không nói lời ác. Nếu làm quốc vương, đối với quyến thuộc không tăng thêm sự đau khổ, không đoạn mạng căn của họ, xa lìa hình phạt, dùng chánh pháp trị nước. Đối với nước khác không sinh tâm tham lam chiếm đoạt, bảo hộ muôn dân, xem như con một, nếu có của cải thì cùng hưởng chung với quyến thuộc, lời nói thành thật dịu dàng không nói lời thô xa lìa bỏn sẻn. Đây gọi là Bồ-tát tăng ích thâu giữ.

Bồ-tát Ma-ha-tát thâu giữ chúng sinh có hai nhân duyên: Một là tài thí. Hai là pháp thí. Do tài thí mà phá bỏ sự bần cùng. Do pháp thí mà phá trừ tà kiến. Đối với các chúng sinh luôn giữ tâm bình đẳng, không bỏn sẻn, không kiêu mạn, không cầu báo ân, không cầu cúng dường. Nếu có người cầu phước đến cúng dường thì cũng không ngăn cấm, vì muốn họ được tăng trưởng phước đức trang nghiêm. Nếu có người tu tập pháp thiện, trì giới tinh tấn, nên thân cận cúng dường, vì họ mà làm việc hỗ trợ. Có người

không hiểu nghĩa nên vì họ mà giải nghĩa. Người đã hiểu rồi cũng giảng nói khiến được tăng trưởng. Có người nghi ngờ nên thuyết giảng nghĩa sâu xa khiến trừ lưới nghi. Có người phạm tội dùng phương tiện hay dạy họ sám hối, có lúc quở trách có lúc khen ngợi. Thấy người bệnh khổ thì đến chăm sóc không bỏ, khéo dùng phương tiện khiến trừ khổ hoạn. Nếu thấy chúng sinh sắc tướng, tinh tấn ý niệm trí tuệ thấp kém, thì tâm không khinh mạn mà tùy thời vì thuyết giảng về nhân duyên chánh tâm, thấy người sầu khổ nên thuyết pháp an ủi. Luôn khéo tự suy nghĩ, không tin theo lời người khác, không gì có thể làm cho loạn động. Nếu có lợi dưỡng nên hưởng chung với mọi người, tu tập tâm bi, thành tựu đầy đủ. Hoặc thấy người sống theo chánh mạng thì nên đến thăm viếng hỏi han, xa lìa tâm ác, thường tu pháp thiện, trọn không phóng dật, lìa bỏ biếng nhác, thường phát nguyện: Làm sao để phước đức của ta ngang bằng tất cả. Bồ-tát Ma-ha-tát chẳng phải tất cả thời thực hành thâu giữ chọn lấy. Lúc có lợi ích mới thâu giữ. Đây gọi là Bồ-tát thâu giữ chọn lấy.

Như có chúng sinh căn tánh ám độn, thiện căn khó thành thục thì thâu giữ lâu xa. Vì sao? Vì cuối cùng sẽ có tâm thanh tịnh. Nếu người có căn tánh trung bình, thành thục trung bình, thì không lâu xa. Vì sao? Vì không bao lâu sẽ được tâm tịnh. Nếu người căn tánh lanh lợi, dễ thành thục, thì Bồ-tát liền giúp họ thành thục, thanh tịnh, điều phục. Đây gọi là Bồ-tát hậu hữu thâu giữ. Bồ-tát dùng sáu thứ thâu giữ trên để thâu giữ giáo hóa tất cả chúng sinh trong ba đời. Bồ-tát trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai giáo hóa chúng sinh, đều không xa lìa sáu pháp thâu giữ ấy.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc thâu giữ chúng sinh có mười hai việc khó: Một là Bồ-tát Ma-ha-tát biết không có ngã, không có ngã sở, không có chúng sinh, nhưng vì chúng sinh nên tu tập khổ hạnh. Hai là vì điều phục người khác nên có quở trách, cũng tự hộ giới không khiến hủy phạm. Ba là vật có thì ít mà người xin thì nhiều. Bốn là Bồ-tát chỉ một thân mà thuộc về nhiều người, luôn đi lại cung cấp. Năm là đồng thọ thân phóng dật như chư Thiên, nhưng trong tâm không có phóng dật. Sáu là thường vì tất cả chúng sinh mà làm tôi tớ, tự giữ giới cấm không có hủy phạm.

Bảy là cùng ở chung với các người ác, đủ tham dục, sân hận, ngu si bỏn sẻn, dối gạt, gian trá, nhưng không làm theo họ. Tám là hiểu biết sinh tử có nhiều khổ hoạn mà không xả bỏ. Chín là có tất cả phiền não sinh tử khổ hoạn, lúc xả mạng căn tâm chưa thanh tịnh. Tuy chưa thanh tịnh mà không mất chánh niệm. Mười là chưa được tâm tịnh, nhưng có thể đem của cải của mình yêu mến, cả vợ con, quyến thuộc để bố thí cho người. Mười

một là tâm chúng sinh khác biệt, cảnh giới không đồng, hoặc lúc nói nhẹ nhàng hoặc lúc xả bỏ. Mười hai là trọn không phóng dật, không đoạn dứt phiền não. Bồ-tát Ma-ha-tát đối với chúng sinh không phân biệt hơn kém, hoặc lúc xem nhẹ, hoặc lúc coi trọng, hoặc quán cảnh giới, hoặc thời lập nguyện, hoặc không phóng dật, hoặc tu trí tuệ, hoặc nói nhẹ nhàng, hoặc lúc quở trách, hoặc lúc xả bỏ, hoặc siêng năng tinh tấn, hoặc thời biếng nhác, hoặc làm phương tiện. Bồ-tát Ma-ha-tát thực hành như vậy, đối với mười hai chỗ khó trên, tâm không ưu sầu, hối hận, tức đã có thể tự lợi, lại có thể lợi tha.

Phẩm 3: CỨU CÁNH CỦA ĐỊA RỐT RÁO

Bồ-tát Ma-ha-tát tu mười hai hạnh có bảy địa, sáu thứ là Địa Bồ- tát, còn một địa là Thanh văn và Bồ-tát cùng chung. Một là địa tánh. Hai là địa giải. Ba là địa tâm tịnh. Bốn là địa trì. Năm là địa định. Sáu là địa định hạnh. Bảy là địa rốt ráo. Trên đây là bảy địa. Hạnh tánh, hạnh giải mỗi thứ là một địa. Hạnh hỷ gọi là địa tâm tịnh. Hạnh giới, hạnh tuệ và hạnh vô tướng hợp làm địa trì. Hạnh vô hành, vô tướng gọi là địa định, hạnh trí vô ngại gọi là địa định hạnh. Hạnh Như Lai gọi là địa rốt ráo. Địa rốt ráo thì phần sau sẽ nói rộng. Bồ-tát lúc từ hạ địa nhập vào địa tâm tịnh, làm sao có thể đoạn trừ sự khổ trong ba đường ác? Bồ-tát tu tập thiền thế tục hữu lậu, tu tập thiền đó rồi thì được thiền thanh tịnh của thế gian, sau đấy tức được địa giải, trang nghiêm Bồ-đề, tu tập một trăm mười thứ tâm bi, do tu tâm bi nên ở trong chúng sinh có được tâm bi, vì đạt được tâm bi nên thích ba đường ác như nhà của mình. Bồ-tát tự quán xét trụ trong ba đường ác, lúc trang nghiêm Bồ-đề vì chúng sinh nên thọ đại khổ não, khéo lập đại nguyện: Như ta tâm tịnh và có uy lực, nguyện cho các chúng sinh đang chịu khổ não đều tụ tập nơi thân ta, do lực của nguyện thiện nên thân tâm xa lìa tập khí phiền não, do xa lìa tập khí nên chuyển thân bốn đại. Bốn đại đã chuyển, vì thiền thanh tịnh của thế gian nên không dẫn đến ba đường ác. Vì thế Bồ-tát đoạn khổ trong ba đường ác, qua địa giải rồi nhập ở địa tịnh, các công đức khác như nơi mười tâm tịnh trong phẩm hạnh đã nói rõ. Mười pháp tịnh nầy có mười thứ đối trị: Một là tâm không làm. Hai là tâm không phát khởi. Ba là tâm không thọ giới Bồ-tát. Bốn là tâm bất tín. Năm là tâm ác. Sáu là tâm không tu tập bi. Bảy là tâm sân. Tám là tâm ưu sầu hối hận. Chín là tâm không từ. Mười là tâm phóng dật. Đó là nói về thô tháo, tham tiếc

thân mạng, không tùy thuận thế gian, biếng nhác trễ nải, không có hổ thẹn, bị khổ não bức thân, nghi ngờ, khiếp nhược, không thể cúng dường Phật Pháp Tăng bảo. Như vậy là các pháp bất tịnh cần đối trị. Trong mười pháp tịnh, ba pháp đầu là làm thanh tịnh tâm, bảy pháp sau là làm tịnh nơi sự trang nghiêm. Bồ-tát Ma-ha-tát tin ở Bồ-đề và đạo Bồ-đề, do tin nơi đạo Bồ-đề nên thấy chúng sinh khổ liền sinh tâm đại bi, vì khởi tâm từ bi nên phát nguyện: Nguyện ta cứu giúp các khổ như vậy. Do lòng thương xót nên xả thân bố thí không có tham tiếc, vì đem lợi ích cho chúng sinh nên tâm không ưu sầu hối hận. Do tâm không hối hận nên biết các thứ phương thuật thế gian, do biết các thứ phương thuật thế gian nên khéo biết thời tiết, tùy thuận tâm ý của chúng sinh, do biết thời tiết nên gọi là biết thế gian. Vì có trí lực nên khi các khách trần phiền não tìm đến đều sinh tâm xấu hổ, do xấu hổ nên khiến phiền não không được mặc sức thao túng. Đây gọi là dũng mãnh. Do dũng mãnh nên không có phóng dật, do không có phóng dật nên tu tập pháp thiện, do tu tập pháp thiện nên thọ giới Bồ-tát, do thọ giới Bồ-tát nên cúng dường Tam bảo, do cúng dường Tam bảo nên trong tâm thanh tịnh. Đây gọi là địa tịnh.

Phẩm 4: HẠNH CỦA ĐỊA RỐT RÁO

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở địa giải cho đến địa Bồ-tát gồm có bốn hạnh: Một là hạnh Ba-la-mật. Hai là hạnh Bồ-đề. Ba là hạnh thần thông. Bốn là hạnh thành thục chúng sinh.

Hạnh Ba-la-mật tức là sáu pháp Ba-la-mật như trước đã nói, cùng thêm Phương tiện Ba-la-mật, Nguyện Ba-la-mật, Lực Ba-la-mật và Trí Ba-la-mật. Mười thứ Ba-la-mật như vậy gọi là hạnh Ba-la-mật. Phương tiện thiện có mười hai thứ, như trước đã nói. Đây gọi là Phương tiện Ba- la-mật. Mười lực trang nghiêm thanh tịnh gọi là Lực Ba-la-mật. Biết tất cả pháp, xứ và phi xứ, gọi là Trí Ba-la-mật. Biết đế thế gian cũng gọi là Trí Ba-la-mật. Biết đế đệ nhất nghĩa gọi là Bát nhã Ba-la-mật. Lại nữa, trí vô lượng gọi là Phương tiện Ba-la-mật. Trí cầu thắng gọi là Nguyện Ba-la-mật. Không bị chướng ngại do bốn ma gọi là Lực Ba-la-mật. Có thể nhận biết tánh chân thật của các pháp nên gọi là Trí Ba-la-mật.

Bốn niệm xứ cho đến tám chánh đạo, bốn cầu, bốn chân trí như trước đã nói. Đây gọi là thần thông của hạnh Bồ-đề, như trong phẩm Bất khả tư nghì đã nêu. Sáu pháp thần thông như trước đã thuyết giảng. Đây gọi là

hạnh thần thông.

Hai thứ vô lượng là vô lượng điều phục và vô lượng phương tiện như trước đã nói. Đây gọi là hạnh thành thục.

Bồ-tát Ma-ha-tát có bốn hạnh như vậy nên thâu giữ tất cả các hạnh. Bồ-tát Ma-ha-tát trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, đầy đủ rốt ráo các pháp thiện thanh tịnh, hơn hẳn các hàng Thanh văn, Duyên giác, thâu giữ trọn vẹn đạo quả Bồ-đề, do rốt ráo nên có thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, nên gọi là mười Ba-la-mật.

Nếu nói về thứ lớp tức có ba việc: Một là đối trị. Hai là sinh. Ba là đắc quả. Đối lại với pháp thiện có sáu việc: Một là xan tham. Hai là nghiệp ác. Ba là tâm sân. Bốn là biếng nhác. Năm là tán loạn. Sáu là ngu si. Do nhân duyên của sáu pháp nầy nên không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Vì muốn phá trừ sáu pháp ấy nên thuyết giảng sáu pháp Ba-la-mật, từ Bố thí Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật. Sáu Ba-la-mật trước tức gồm thâu bốn Ba-la-mật sau. Đấy gọi là đối trị.

Sinh tức là Bồ-tát Ma-ha-tát xả bỏ tất cả vật ở thế gian, xuất gia tu đạo. Đây là Bố thí Ba-la-mật. Đã xuất gia rồi thì thọ giới Bồ-tát. Đấy gọi là Trì giới Ba-la-mật. Do hộ giới nên dù bị đánh mắng cũng cam chịu, không báo thù. Đấy là Nhẫn nhục Ba-la-mật. Giới đã thanh tịnh thì siêng tu pháp thiện. Đấy là Tinh tấn Ba-la-mật. Do tinh tấn nên điều phục được năm căn. Đấy là Thiền Ba-la-mật. Năm căn đã điều phục, nên biết rõ pháp giới chân thật. Đấy là Trí tuệ Ba-la-mật. Trên đây tức là sinh.

Quả báo tức là hiện tại Bồ-tát tu các pháp thiện như bố thí v.v..., nếu xả thân mình, bên ngoài được nhiều tài vật, bên trong đầy đủ năm thứ. Năm thứ đầy đủ nghĩa là sinh vào cõi trời người có thọ mạng, sắc đẹp, sức mạnh, an lạc và biện tài. Đây là quả báo của bố thí. Do nhân duyên bố thí mà tu tập pháp thiện, tâm không ganh ghét, nhẫn nhục đối với các thứ tội lỗi. Đây là đầy đủ quả báo thứ hai. Do nhân duyên bố thí nên làm việc thế gian và xuất thế gian, tâm không nhàm chán hối hận. Đây là quả báo thứ ba. Do nhân duyên bố thí nên tâm được nhu hòa không có tán loạn. Đây là quả báo thứ tư. Do nhân duyên bố thí nên hiểu rõ đây là ruộng phước, đây chẳng phải là ruộng phước, biết đây đáng bố thí, đây không đáng bố thí, khéo biết phương tiện cầu tài vật, giữ tài vật. Đây là quả báo thứ năm. Bốn Ba-la-mật sau thâu giữ sáu Ba-la-mật trước có ba giới: Một là giới tùy giới. Hai là giới tùy tâm. Ba là giới tùy trí. Bồ-tát trì giới Ba-la-mật gọi là giới tùy giới. Thiền Ba-la- mật gọi là giới tùy tâm. Trí tuệ Ba-la-mật gọi là giới tùy trí. Xa lìa ba thứ giới nầy thì không có giới Bồ-tát. Bồ-tát có ba giới nầy thâu

giữ tất cả giới. Lại có bốn việc tạo lợi ích cho chúng sinh: Một là ở nơi Bồ-đề tu tập pháp thiện. Hai là dùng trí chân thật biết nghĩa các pháp. Ba là tăng trưởng pháp thiện. Bốn là thành tựu căn tánh của chúng sinh. Bốn việc như vậy, Bồ-tát có thể làm lợi ích cho chúng sinh. Nếu nói xa lìa bốn việc ấy mà có thể tạo lợi ích cho chúng sinh, thật không có điều ấy.

Phẩm 5: BA MƯƠI HAI TƯỚNG TỐT TÁM MƯƠI VẺ ĐẸP CỦA ĐỊA RỐT RÁO

Mười ba hạnh Như Lai, gọi là Phật địa rốt ráo. Phật địa có một trăm bốn mươi pháp bất cộng, đó là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, bốn nhất thiết hạnh tịnh, mười lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, ba bất hộ, đại bi, thường không quyên mất, đoạn tập khí phiền não, nhất thiết trí. Đây gọi là một trăm bốn mươi pháp bất cộng. Ba mươi hai tướng tốt gồm có:

1. Dưới bàn chân bằng phẳng.
2. Dưới bàn chân có xoáy tròn như bánh xe ngàn căm.
3. Ngón tay thon dài.
4. Ngón chân đầy đặn.
5. Trong kẻ tay, kẽ chân có da mỏng như lưới.
6. Tay chân mềm mại.
7. Bắp chân như tướng nai chúa.
8. Nam căn ẩn kín.
9. Đứng thẳng tay dài quá gối.
10. Mu bàn chân nổi cao đầy đặn.
11. Thân đầy đặn như cây Ni câu đà.
12. Lông ở thân mượt mà.
13. Mỗi lỗ chân lông đều xoay bên phải.
14. Thân có sắc vàng.
15. Quanh mình có hào quang chiếu ra một trượng.
16. Da thịt mềm mại không dính bụi bặm.
17. Hai chân, hai tay, hai vai và đỉnh đầu đều đầy đặn.
18. Thân như sư tử.
19. Hai nách đều đặn.

20. Thân thể ngay ngắn.

21. Hai vai tròn, cân phân.

22. Miệng có bốn mươi cái răng.

23. Răng khít không thưa.

24. Răng màu sắc trắng.

25. Hai má cao đầy đặn như sư tử.

26. Nước bọt trong miệng thơm.

27. Trên đỉnh đầu có thịt nhô cao.

28. Lưỡi dài rộng.

29. Âm thanh vang như giọng Phạm thiên.

30. Mắt màu xanh biếc.

31. Mắt như trâu chúa.

32. Có lông trắng giữa chặng mày.

Tám mươi vẻ đẹp: Hai mươi ngón tay chân là hai mươi vẻ đẹp. Tay chân trong ngoài tám chỗ bằng phẳng đầy đặn. Gót chân, đầu gối, bắp chân sáu chỗ tốt đẹp. Tay có ba tụ. Hai vai, hai khuỷu tay và hai cổ tay là sáu chỗ đầy đặn. Hai bên eo là hai chỗ đẹp. Mã tàng và hai bắp tay là ba chỗ đẹp. Eo, rốn, hai sườn, hai nách, hai ngực là tám chỗ đẹp. Bụng, ngực, cổ, cộng chung là sáu mươi chỗ đẹp. Răng trên dưới, môi miệng trên dưới, hai má, hai tai, hai mắt, hai mũi, dưới cằm, trên trán, đầu tròn đầy. Trên đây là tám mươi vẻ đẹp.

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở địa tịnh rồi, do nghiệp lực nên tuy được tám mươi vẻ đẹp như vậy mà vẫn chưa sáng, tịnh. Lúc thành đạo bên gốc cây mới được sáng suốt, thanh tịnh. Lúc chưa thanh tịnh, sáng suốt hoàn toàn gọi là hạnh địa Bồ-tát. Trang nghiêm Bồ-đề có hai thứ: Một là gần. Hai là xa. Xa tức chưa được quả báo của ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nếu được thì gọi là gần. Nói ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, là nhằm khiến cho chúng sinh tạo nghiệp thiện. Chúng sinh tạo các nghiệp ác, do nghiệp ác nên có quả báo xấu, vì thế Như Lai nói ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, các thứ nghiệp thiện, các thứ quả thiện, chúng sinh nghe rồi tức phá trừ được những nghiệp ác. Bồ-tát chí tâm tu trì tịnh giới nên có tướng dưới bàn chân bằng phẳng. Cúng dường cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng và người có đức, do nhân duyên nầy nên được tướng dưới bàn chân có xoáy tròn như bánh xe. Đối với chúng sinh không sinh tâm hại, không có ý tưởng cướp đoạt, nếu thấy cha mẹ, sư trưởng, Hòa thượng và người có đức thì nghinh đón, sắp đặt giường tòa, cung kính lễ bái, phá trừ kiêu mạn,

do nhân duyên nầy nên có tướng ngón tay thon dài. Đầy đủ ba hạnh trên nên có tướng gót chân đầy đặn. Dùng bốn nhiếp pháp thâu giữ chúng sinh, do nhân duyên nầy nên được tướng kẽ tay kẽ chân có màng như lưới. Vì ưa thích dùng dầu tô tắm rửa cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng và người có đức, do nhân duyên nầy nên tay chân được mềm mại. Do nhân duyên tu tập pháp thiện không biết chán đủ nên có tướng bắp chân như nai chúa. Do nhân duyên nghe pháp hoan hỷ, vì người diễn nói nên có tướng nam căn không hiện. Ba nghiệp thanh tịnh, nuôi bệnh cho thuốc, phá trừ kiêu mạn, ăn uống biết đủ, do nhân duyên ấy nên có tướng đứng thẳng tay dài quá gối. Thấy người phân ly khéo nói cho hòa hợp, tự tu pháp hổ thẹn, cũng dạy người tu, do nhân duyên ấy nên có tướng mu bàn chân nổi cao đầy đặn. Tự thanh tịnh ba nghiệp, cũng dạy người thanh tịnh, nếu có chúng sinh bị bệnh trong người, thì có thể trị liệu, do nhân duyên ấy nên có tướng thân đầy đặn. Nghe pháp hoan hỷ, ưa vì người thuyết, do nhân duyên nầy nên có tướng lông trên thân toát ra màu xanh. Suy nghĩ ý nghĩa sâu xa của các pháp, ưa tu pháp thiện, cúng dường cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng và người có đức, như đi giữa đường dọn dẹp gai góc hoặc vật bất tịnh nơi tháp của Phật, Tăng, do nhân duyên ấy nên có tướng lông trên thân quay về bên phải. Do nhân duyên dùng thức ăn và anh lạc bố thí cho người, trừ bỏ tâm sân mà có được hai tướng: Một là thân sắc vàng. Hai là quanh mình thường có hào quang. Do nghiệp duyên nầy mà thân mềm mại, bụi bặm không dính. Thường ban cho chúng sinh những vật cần dùng, do nhân duyên ấy nên có tướng bảy chỗ đều đặn. Tự phá kiêu mạn, điều phục tâm tánh, tùy tâm chúng sinh, như pháp thực hành, vì trừ bất thiện, nên dạy pháp thiện, do nhân duyên nầy mà thân có tướng như sư tử, có tướng hai vai đầy đặn, hai nách bằng phẳng. Do nghiệp duyên gì mà có tướng ngón tay mềm mại? Tức do nghiệp duyên nầy mà có tướng thân thể ngay ngắn. Xa lìa nghiệp hai lưỡi cùng tranh cãi, do nhân duyên ấy mà có tướng bốn mươi cái răng, răng đều và bằng phẳng. Tu từ bi nơi cõi dục, do nhân duyên ấy mà có tướng răng màu sắc trắng. Thấy người đến xin hoan hỷ nghinh đón, do nhân duyên ấy mà có tướng hai má cao đầy đặn. Xem chúng sinh bình đẳng như con một, do nhân duyên ấy mà được tướng bọt trong miệng có mùi thơm. Thường ban cho chúng sinh pháp vị vô thượng, thấy có người quên ban cho sự nhớ nghĩ, tự nghĩ năm giới và chuyển dạy cho mọi người, tu tập tâm bi hay thí pháp lớn. Do nhân duyên nầy mà được tướng trên đỉnh đầu có thịt nhô cao, có tướng lưỡi dài rộng. Nói lời thật, lời hoan hỷ, lời pháp, lời nhẹ nhàng, phi thời tức không nói. Do nhân duyên nầy nên có âm thanh như giọng Phạm thiên. Tu tập tâm bi, xem các chúng sinh giống như cha mẹ,

do nhân duyên nầy mà mà được tướng: Một là mắt màu xanh biếc. Hai là mắt như trâu chúa. Thấy người có đức liền khen ngợi tán thán, do nhân duyên nầy mà có tướng lông trắng giữa chặng mày. Ba mươi hai tướng, tuy mỗi mỗi đều nói về từng nhân duyên, nhưng nhân duyên chính là trì giới, tinh tấn. Vì sao? Nếu không trì giới, siêng tu tinh tấn thì thân người còn không có được, huống là ba mươi hai tướng? Tướng không thấy đảnh và tướng nhục kế là như nhau không sai khác. Lại nữa, phàm làm việc, tâm định không hối hận, do nhân duyên nầy mà có tướng dưới chân bằng phẳng. Hoặc chí tâm làm, do nhân duyên nầy mà được tướng dưới bàn chân có xoáy tròn như bánh xe. Tướng thứ hai, thứ ba: kẽ tay, kẽ chân có màng mỏng. Bảy chỗ đều đầy đặn, mềm mại, hai vai tròn đầy, thân cao thẳng, lưỡi dài rộng. Hoặc mình thường làm, do nhân duyên nầy mà có tướng tay thon dài, đứng thẳng tay dài quá gối, ánh sáng chiếu xa một tầm, răng khít, không thưa thớt. Hoặc thanh tịnh mà làm, do nhân duyên nầy mà có các tướng khác. Lại nữa, đối với chúng sinh luôn sinh tâm thuần thiện, do nhân duyên nầy nên có tướng tay chân mềm mại, thân thể trơn láng, bụi bặm không dính. Lần lượt tu tập, theo thời tiết tu tập, do nhân duyên ấy mà có tướng thứ hai, thứ ba, thứ tư. Ưa tu pháp thiện tâm không hối hận, do nhân duyên nầy mà được thân sắc vàng, thường có hào quang, răng màu sắc trắng, có lông trắng giữa chặng mày. Hoặc được khen ngợi không sinh kiêu mạn, che giấu điều tốt không để người biết, do nhân duyên ấy mà có tướng nam căn ẩn kín. Chỗ tu pháp thiện đều hồi hướng đến đạo Bồ-đề, do nhân duyên nầy mà có tướng lông trên thân đều toát ra màu xanh, lông đều xoay về bên phải, miệng có bốn mươi cái răng, nước bọt có mùi thơm. Do nhân duyên siêng tu tinh tấn mà có tướng hai má cao đầy đặn, thân như sư tử. Do nhân duyên chí tâm thương mến chúng sinh như con một, nên có tướng răng bằng và khít, mắt màu xanh biếc và như mắt trâu chúa. Do nhân duyên tu tập pháp thiện không biết chán đủ mà có các tướng khác.

Bồ-tát Ma-ha-tát lúc trụ ở hạnh tánh, tu nghiệp ba mươi hai tướng. Lúc trụ ở hạnh tịnh tuy có ba mươi hai tướng như vậy, mà tướng không đầy đủ, nên chưa được thanh tịnh sáng suốt. Khi trụ ở mười ba hạnh mới được hiển bày sáng rõ, đầy đủ tất cả pháp Phật. Tuy vô lượng tướng mà không đồng với chúng sinh, có bậc thượng, trung, hạ không thể nghĩ bàn, nên Phật thuyết ba mươi hai tướng, tất cả chúng sinh hiện có công đức, hòa hợp tu tập, chính là cùng với tướng một lông trên thân của Như Lai bằng nhau. Hết thảy lỗ chân lông hiện có công đức hòa hợp tụ tập thành một tướng tốt, tập hợp công đức hiện có của các tướng tốt, tăng đến trăm lần mới thành một tướng, chỉ trừ tướng lông trắng giữa chặng mày và tướng không thấy

đảnh. Tập hợp tất cả các tướng còn lại, tăng đến ngàn lần thành ra hai tướng. tập hợp các công đức hiện có của ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp, tăng đến ngàn vạn ức lần mới thành âm thanh sâu xa của Như Lai. Âm thanh ấy vang đến vô lượng vô biên thế giới của chư Phật. Như Lai thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy, do nghĩa nầy nên Như Lai Thế Tôn gọi là vô thượng, pháp thực hành gọi là hạnh vô thượng, ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp có ba thứ vô lượng: Một là ba kiếp vô lượng. Hai là tu thiện vô lượng. Ba là lợi ích cho chúng sinh vô lượng. Cho nên nói Như Lai thành tựu vô lượng công đức.

Phẩm 6: TRỤ CỦA ĐỊA RỐT RÁO

Bồ-tát có bốn thứ thanh tịnh: Một là thân tịnh. Hai là duyên tịnh. Ba là tâm tịnh. Bốn là trí tịnh. Vĩnh viễn đoạn trừ tập khí được pháp khí thanh tịnh, thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, thân được tự tại, sinh diệt tùy ý. Đây gọi là thân tịnh. Thần thông tự tại gọi là duyên tịnh. Tu tập pháp thiện, tâm lìa phiền não gọi là tâm tịnh. Biết tất cả các pháp không có trở ngại, được trí tự tại, biết tất cả các pháp hành. Đây gọi là trí tịnh. Bồ-tát do bốn pháp thanh tịnh nầy mà được mười lực: Một là trí lực biết chỗ hợp lý và không. Hai là trí lực biết nghiệp báo. Ba là trí lực biết các thiền định giải thoát. Bốn là trí lực biết các căn chúng sinh lợi hoặc độn. Năm là trí lực biết mọi hiểu biết của chúng sinh. Sáu là trí lực biết cảnh giới của chúng sinh. Bảy là trí lực biết các đạo, người tu hành đạt đến. Tám là trí lực biết đời quá khứ. Chín là trí lực biết vận dụng thiên nhãn nhìn thấy sinh tử và nghiệp thiện ác của chúng sinh. Mười là trí lực dứt hết các lậu. Lời nói của Như Lai là chân thật không hai, nên gọi là Đa đà a già độ (Như Lai). Nếu nói về quả thiện và quả bất thiện, nhân duyên chân thật, thể chân thật, tánh chân thật, trụ chân thật, sinh chân thật, đây là chỗ có đạo lý (Thị xứ). Quả thiện và bất thiện, chẳng phải nhân làm nhân. Đây gọi là chỗ không đạo lý (Phi xứ). Trí phá trừ kiêu mạn gọi là trí chân thật, gọi là nhất thiết trí, gọi là trí vô ngại, gọi là trí tịnh, gọi là trí lìa mạn. Tính theo thứ lớp nên gọi là đệ nhất lực. Không gì hơn nên gọi là hạnh nhất thiết. Tạo lợi ích cho chúng sinh phá trừ các ma nên gọi là lực. Chân thật trang nghiêm được tự tại nên gọi là đầy đủ. Có thể phá trừ tất cả sự sợ hãi nên gọi là Niết-bàn. Nhân nơi tám chánh đạo, nhân phá các khổ nên gọi là vô thượng. Như pháp mà trụ nên gọi là chân thật. Tự mình được pháp thanh tịnh, thương xót chúng sinh

diễn nói giáo pháp, nên gọi là Phạm luân. Phạm luân gọi là Như Lai. Như Lai gọi là trong mát, gọi là giới. Thọ trì tịnh giới, như giới mà thuyết. Đây gọi là thanh tịnh. Thuyết đúng, thuyết thật, vì lợi ích mà thuyết, thuyết rộng lớn, thuyết vô ngại, thuyết hết thảy, thuyết rốt ráo, thuyết vô thượng, thuyết vô lậu, thuyết vô vi, thuyết ngoại, thuyết hiện tiền. Đây gọi là tiếng gầm của đại sư tử. Thuyết phương tiện thiện, thuyết nhân chân thật, do nhân duyên chân thật nên được quả chân thật, đó là quả báo ở cõi trời người và vô thượng. Do quả báo vô thượng nên gọi là vô thượng. Nếu tạo nghiệp rồi tăng trưởng được quả, gọi là quá khứ. Có tạo nghiệp rồi chưa thọ quả báo cũng gọi là quá khứ. Chưa tạo tác nghiệp muốn tạo tác, chưa được quả báo muốn được. Đây gọi là vị lai. Đã tạo nghiệp rồi, chưa được quả báo, nghiệp thọ rồi diệt quá khứ, đây gọi là hiện tại. Nghiệp quá khứ, hiện tại, vị lai có ba thứ: Nghĩa là quả của thân, khẩu ý. Chỗ nào tạo tác nghiệp thiện của thân, khẩu ý thì nơi ấy đắc quả. Chỗ nào tạo tác nghiệp ác của thân, khẩu ý thì xứ ấy đắc quả. Đây gọi là thị xứ. Nghiệp của thuần thiện không có quả ác. Đây gọi là phi xứ. Nghiệp ác bất thiện, không có quả thiện. Đây gọi là phi xứ. Nghiệp ở cõi người, không thọ quả báo ở địa ngục. Đây gọi là phi xứ. Nghiệp ở địa ngục không thọ quả báo ở cõi người. Đây gọi là phi xứ. Chỉ trừ có thể tu giới tâm, tuệ nơi thân khiến quả báo của địa ngục ở trong cõi người được thọ nhẹ. Do tương tợ nên gọi là quả báo địa ngục. Trong cõi người thọ quả báo nhẹ nên gọi là quả báo của cõi người. Đây gọi là thị xứ phi xứ. Bốn thiền, tám giải thoát, các pháp như vậy tự tại tu đắc. Do tự tại nên Như Lai thường ở nơi Tam-muội thuyết pháp.

Phạm thiên vương chỉ nghe âm thanh không thấy hình tướng. Như vậy, các thiền định giải thoát có hai thứ phiền não: Một là chưa được mà lo rầu muốn được. Hai là đã được rồi mà lo rầu thoái mất. Như Lai đã đoạn được hai thứ phiền não nầy, nên được đại tự tại. Biết tất cả tâm tưởng của các chúng sinh, tuy hiểu rõ mà tâm không tham đắm, không sinh mừng vui. Tu tập đầy đủ, muốn đắc liền đắc, đắc rồi không thối thất, cho nên gọi là lực của thiền định giải thoát thứ ba. Biết tín, tấn, niệm, định, tuệ có bậc thượng, trung, hạ. Từ nghe mà sinh, từ chánh tư duy mà sinh. Đây gọi là lực căn. Biết thượng, trung, hạ dục, đây gọi là lực hiểu. Biết các thứ tánh, tánh Thanh văn, tánh Duyên giác, tánh Như Lai, tánh chúng sinh tham, cho đến tám vạn bốn ngàn tánh phiền não. Đây gọi là lực thứ năm. Biết nhân nơi phiền não có được các thân nơi thế giới. Đây gọi là lực thứ sáu. Biết mỗi phiền não đều có cách để đối trị, biết tất cả hữu cũng đều có đối trị, biết phá trừ tất cả kiến ác tà. Đây gọi là lực của chỗ đạt đạo. Hiểu rõ bốn phương với vô số các loại chúng sinh, các thứ danh tự. Chúng sinh quá khứ

nghĩ nhớ tám việc: Một là danh. Hai là sinh. Ba là tánh. Bốn là thức ăn. Năm là thọ khổ vui. Sáu là thọ mạng. Bảy là trụ. Tám là mạng chung. Lại nghĩ nhớ sáu việc: Một là danh tự. Hai là chủng tộc như Sát lợi... Ba là cha mẹ thân tộc. Bốn là thức ăn. Năm là giàu nghèo. Sáu là sống lâu hoặc chết sớm. Đây gọi là lực thứ tám. Cõi trời thực hành gọi là bốn thiền, do đắc quả bốn thiền nên gọi là thiên nhãn. Đầy đủ quả thuần thiện nên gọi là thanh tịnh. Mắt thấy không đồng nên gọi là vượt quá thiên nhãn. Cũng có thiên nhãn dục giới, tuy tên đồng, nhưng do bất tịnh nên không gọi là thiên nhãn. Người có thiên nhãn nhận biết thấy chúng sinh đọa, người đọa gọi là trời, lại có người đọa gọi là người chết. Sinh thì gọi là trung ấm. Trung ấm có hai thứ: Một là thiện. Hai là bất thiện. Trung ấm bất thiện màu sắc như áo lông đen, vào lúc đêm tối chỉ có mắt thanh tịnh mới thấy. Thiên nhãn thanh tịnh thấy sắc trung ấm cũng lại như vậy. Trung ấm thiện màu sắc như áo mới xứ Ba-la-nại, vào lúc trăng sáng mắt thanh tịnh mới thấy. Thiên nhãn thanh tịnh thấy sắc trung ấm cũng lại như vậy. Sắc đen gọi là chúng sinh hang thấp, do nhân duyên tạo nghiệp thân, khẩu, ý ác nên gọi là hạ hành, do nhân duyên tạo nghiệp thân, khẩu, ý thiện nên gọi là hạng cao. Nghiệp ác gọi là tà kiến. Tà kiến có hai loại: Một là có thể chuyển. Hai là không thể chuyển. Phỉ báng nhân quả, nói không có Thánh nhân, gọi là không thể chuyển. Không phải nhân thấy nhân, không phải quả thấy quả, gọi là có thể chuyển. Cho nên nghiệp ác gọi là tà kiến, nghiệp thiện gọi là chánh kiến. Không phỉ báng bốn đế, tin nghiệp thiện ác, quả báo chân thật, cho nên nghiệp thiện gọi là chánh kiến. Do nhân duyên nghiệp ác nên chết đọa vào địa ngục, thọ quả báo không vui, nên gọi là địa ngục. Phóng dật tạo nghiệp ác, ắt dẫn đến địa ngục. Thấy rõ nhân quả nên gọi là thiên nhãn. Do nhân duyên nghiệp thiện nên không vào đường ác, thọ quả báo vui, thọ thân trời người. Do chánh kiến nên được sinh cõi thiện, sinh về cõi thiện gọi là trời, người, thấy được rõ ràng nên gọi là thiên nhãn.

Thế nào là cõi thiện? Do nhân duyên thiện mà được quả thiện. Đây gọi là cõi thiện. Trên đây gọi là lực thứ chín. Do nhân duyên tu giới tâm tuệ nơi thân, đoạn tất cả lậu, vì đoạn trừ lậu nên được thân giới tâm tuệ vô lậu. Thân giới tâm tuệ vô lậu có hai thứ: Kiến đạo và tu đạo. Do hai thứ nầy nên tâm được giải thoát, tuệ được giải thoát. Tâm và tuệ được giải thoát nên có thể thị hiện thần thông, giáo hóa chúng sinh. Đây gọi là lực thứ mười. Bồ-tát có mười lực tức: Biết tánh, biết phân biệt, biết tự tướng, cộng tướng, bất cộng tướng, biết bình đẳng, biết nghiệp, biết thứ lớp, biết thắng và chẳng thắng. Bồ-tát có thể biết bảy việc như vậy. Biết tánh tức là tánh của mười lực là tánh của năm căn, do tuệ nhiều nên gọi là tánh trí, cho nên

nói trí xứ phi xứ, không nói tín xứ phi xứ, cho đến dứt hết lậu cũng lại như vậy.

Phân biệt gồm có ba thứ: Một là phân biệt thời. Hai là phân biệt hành. Ba là phân biệt tự tướng, cộng tướng. Mười lực có thể biết tất cả thời, đó là quá khứ, hiện tai, vị lai. Đây gọi là phân biệt thời. Mười lực có thể biết tất cả cách đối trị vô lượng phiền não trong mười phương thế giới. Đây gọi là phân biệt hạnh. Mười lực có thể biết tất cả sắc tướng. Đây gọi là tự tướng. Biết sắc là vô thường, cho đến tất cả pháp là vô thường. Đấy gọi là cộng tướng. Đây gọi là phân biệt tự tướng cộng tướng.

Bất cộng nghĩa là mười lực không cùng chung với tất cả hàng Thanh văn Duyên giác. Chư Phật ở mười phương đồng được mười lực. Đây gọi là bình đẳng. Biết nghiệp tức là lực của xứ và phi xứ. Nhân thật biết nhân, quả thật biết quả, tức là lực thứ hai. Như Lai biết rõ quả báo nơi nghiệp của mình, cũng biết nghiệp quả của chúng sinh. Nhân nơi lực thiền định giải thoát nên Như Lai được ba thứ thị hiện có thể điều phục chúng sinh. Nhân biết căn lực nên hiểu biết căn tánh thượng, trung, hạ, của chúng sinh, vì biết căn nên tùy căn mà thuyết pháp. Nhân hiểu rõ lực nên Như Lai hiểu biết tánh thiện tánh ác của tất cả chúng sinh, vì trừ tánh ác nên dạy cho tánh thiện. Nhân biết lực thế giới lực nên Như Lai thường thực hành pháp thế gian, nhưng không bị pháp thế gian làm nhiễm ô. Do biết thế giới nên biết cảnh giới của chúng sinh, do biết giới chúng sinh nên tùy căn, tùy tâm, tùy phiền não mà thuyết pháp.

Thế nào là Như Lai ban đầu dạy chúng sinh khiến nhập pháp Phật? Nếu Như Lai ban đầu dạy Thanh văn, Bồ-tát nhập pháp Phật thì nói lời: Nầy thiện nam! Ông nên tu tập, ưa thích vắng lặng, ở một mình chỗ yên tĩnh. Lúc mới sinh ông, cha mẹ vì ông mà đặt tên gọi, cho đến chư Phật, Hòa thượng đặt cho tên gọi, phải chí tâm quán xét. Như tên nầy của mình là do cha mẹ, Hòa thượng đặt ra. Đối với sáu nhập trong ngoài có hay không có? Thiện nam! Nếu lìa sáu nhập trong ngoài mà không thấy có, lúc nầy ông sẽ được trí chân thật. Biết tên gọi ấy là hư giả không thật, pháp cũng không thật, tên cũng không thật, tên và pháp đã không thật thì sao đối với điều ấy sinh khởi kiêu mạn. Thiện nam! Vào lúc nầy, ông nên quán sát mắt và tên gọi của mắt. Mắt có hai thứ: Một là tên gọi. Hai là lưu hành khắp. Tên của mắt chẳng phải mắt, tướng của mắt chẳng phải mắt, nếu có một vật gọi là mắt thì vật nầy cũng không có. Nếu thật có mắt thì tên cũng nên thật có. Nếu là chân thật thì lúc chúng sinh sinh ra sự hiểu biết không cần dạy bảo, vật chưa thấy không cần dạy mà có thể biết. Do nghĩa nầy nên biết

tên cũng không thật, vật cũng không thật. Nhãn thức cũng như vậy. Lúc quan sát như thế thì đoạn trừ được tham đắm nơi các nhập trong ngoài. Do đoạn trừ tham trong ngoài nên đoạn tướng của tất cả các pháp. Do đoạn trừ tướng của tất cả các pháp nên biết chân thật tánh của tất cả pháp. Tánh của tất cả pháp nghĩa là không chân thật, không có tướng mạo.

Nầy thiện nam! Lúc quán sát như vậy, nếu muốn được nhất thiết trí, muốn được đại từ đại bi, muốn được sơ thiền cho đến phi tưởng phi phi tưởng, muốn được hạnh tánh cho đến hạnh Như Lai, muốn được địa Bồ-tát với sáu thông cho đến đạo quả Bồ-đề vô thượng, tất cả đều có thể đạt được. Đây gọi là lực thứ sáu. Nhân nơi trí lực đến xứ đạo mà biết đạo chân thật, đạo không chân thật, phá tan đạo không chân thật, chỉ bày đạo chân thật. Nhân nơi trí lực biết đời quá khứ nên biết thọ các khổ, biết mình không ưa sinh tử, cũng dạy chúng sinh không ưa sinh tử, phá trừ thường kiến. Nhân nơi trí lực vận dụng thiên nhãn mà thọ ký cho người, dứt trừ đoạn kiến. Nhân nơi trí lực lậu tận mà Như Lai tự biết mình được giải thoát, có thể phá trừ kiến chấp của chúng sinh, thấy chẳng phải là Như Lai mà cho là Như Lai thật, thấy chẳng phải Sa-môn mà nói thật là Sa-môn, chẳng phải người phạm hạnh mà nói là thật phạm hạnh. Lúc Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, được mười lực ấy thì cùng lúc mà chứng đắc.

Tại sao nói có thứ lớp? Lúc Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, ban đầu quán xét nhân quả nên ban đầu gọi là lực xứ phi xứ. Như vậy, nhân quả ai làm, ai thọ. Đây gọi là nghiệp lực. Do phá trừ nghiệp nên tu tập thiền định. Vì biết chúng sinh ai có thể tu tập, ai không thể tu tập nên quán xét các căn. Căn cơ có ba hạng thượng, trung, hạ. Đây gọi là tánh chúng sinh, là lực thứ năm. Do biết tánh nên biết tâm tịnh và bất tịnh. Đây gọi là thế giới. Muốn biết nhân duyên tâm tịnh và bất tịnh nên biết đến xứ đạo. Đạo như vậy là đoạn trừ thường kiến và đoạn kiến. Đây gọi là lực túc mạng, lực thiên nhãn. Do đoạn trừ thường kiến và đoạn kiến nên các lậu vĩnh viễn hết sạch. Đây gọi là lực lậu tận, là thứ lớp.

Lại có thứ lớp: Lúc Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, trước hết quán xét thị xứ phi xứ, thứ đến quán xét nghiệp thế gian. Do phá bỏ nghiệp thế gian nên quán xét thiền định giải thoát, và quán xét chúng sinh có thể tu đạo hoặc không thể. Thứ đến dùng thiên nhãn thấy căn tánh lợi hoặc độn của các chúng sinh, là nhằm muốn nhận biết. Ngoài ra như trước đã nói.

Lại có thứ lớp: Lúc Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, quán xét về thị xứ phi xứ của mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên

do đâu mà có, cho nên quán xét nghiệp. Các nghiệp của chúng sinh hoặc có thọ báo hoặc không thọ báo. Dùng thiên nhãn quán xét những gì? Vì chúng sinh cho nên quán xét pháp giới. Đây gọi là giải. Pháp giới và thế giới không có sai khác. Muốn biết người khó điều phục và dễ điều phục, nên biết về thọ mạng đời trước. Vì biết người thọ nhận lời dạy hoặc không thọ nhận, nên biết căn tánh lợi và độn, biết rồi nên thuyết giảng tám chánh đạo, gọi là "đến xứ đạo". Do lực đạo nên đoạn trừ được các phiền não. Đây gọi là lực lậu tận.

Lực thị xứ phi xứ và lực nghiệp có gì sai khác? Nghiệp thiện, nghiệp ác biết rõ quả thiện cho đến quả ác. Đây gọi là lực thị xứ phi xứ. Tạo tác nhất định có thọ nhận, không làm thì không thọ nhận. Đây gọi là biết lực nghiệp. Vì muốn điều phục nghiệp bất thiện cho nên tu tập thiền định. Điều phục có hai thứ: Một là tín. Hai là bất tín. Cho nên quán xét căn tín tâm có hai loại: Một là tin Tam bảo. Hai là tin trời Ma-hê-thủ-la. Đây gọi là giải thoát, có ba hạng thượng, trung, hạ, nên gọi là lực thế giới. Biết thế giới rồi thuyết về đạo thế gian, đạo Thanh văn, đạo Duyên giác, đạo Bồ-tát, đạo Phật. Đây gọi là trí lực biết "đến xứ đạo". Quán xét nhân thiện, nhân ác, nghiệp nặng, nghiệp nhẹ của chúng sinh. Đây gọi là trí lực túc mạng. Nhân biết như vậy nên đoạn trừ thường kiến đoạn kiến. Đây gọi là thiên nhãn. Do thấy chân thật nên các lậu vĩnh viễn đoạn hết. Đây gọi là lực lậu tận. Tánh của mười lực đều là tánh trí không có sai khác, do duyên nơi cảnh giới nên nói có sai khác. Bốn vô sở úy như thường nói. Như Lai vì chúng sinh nên nói bốn việc: Một là giải thoát nơi pháp bất cộng của Thanh văn. Hai là Thanh văn cộng giải thoát. Ba là giải thoát chúng sinh khổ. Bốn là vì chúng sinh nên đoạn khổ đạt giải thoát, thuyết giảng pháp đối trị.

Thanh văn bất cộng: Nghĩa là chỗ hiểu biết của ngã. Nếu nói có pháp mà ông không biết: Ta cũng không thấy Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc người, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, như pháp mà nói là không biết không thấy. Do không thấy, nên không sinh xấu hổ, sợ sệt, nói lậu của ta đã hết, hoặc nói không hết. Không thấy Sa-môn cho đến ma, phạm, như thật mà nói, lậu của ông chưa hết, do không thấy nên không sinh xấu hổ, sợ sệt, nói ta đã đắc đạo. Nếu nói đạo nầy chẳng phải rốt ráo: Ta cũng không thấy có các Sa-môn cho đến ma phạm, như thật mà nói, ông chưa đắc đạo, chẳng phải là rốt ráo. Do không thấy nên không sinh xấu hổ, sợ sệt, ta nói là chướng ngại đạo. Nếu nói không chướng, ta cũng không thấy có các Sa-môn cho đến ma phạm, như thật mà nói, thuyết chướng chẳng phải chướng. Do không thấy nên không sinh xấu hổ, sợ sệt. Phật thuyết giảng đạo là vì các Bồ-tát và các Thanh văn. Sau khi Phật Niết-bàn, lúc kết tập kinh tạng,

trong tạng Thanh văn đã loại trừ tên Bồ-tát, trong tạng Bồ-tát để tên Bồ-tát. Cho nên kinh Phương Đẳng gọi là tạng Bồ-tát. Thanh văn bất cộng nghĩa là ba niệm xứ của Như Lai. Như Lai thuyết pháp, chí tâm nghe nhận, tâm được hoan hỷ, thọ các an lạc, như pháp mà trụ. Không trái với giáo pháp

Phật Phật cũng không vui, tu tập tâm xả không mất chánh niệm, cũng không phóng dật. Như Lai thuyết pháp, có người không tin nhận, trái lời Phật dạy, Phật cũng không sân, không có sầu não. Tu tập tâm xả không mất chánh niệm, cũng không phóng dật, Như Lai thuyết pháp, hoặc có người nghe, hoặc có kẻ không nghe. Có người nghe cũng không vui, không nghe cũng không sầu, vẫn tu tập tâm xả, không mất chánh niệm, cũng không phóng dật. Trên đây gọi là ba niệm xứ.

Lại có điều không cùng chung với Thanh văn, đó là ba thứ bất hộ. Như Lai không hộ mạng thân khẩu. Có A-la-hán nghiệp vô ký, nghĩa là tâm mất niệm. Nghiệp vô ký gọi là Đột-kiết-la (Ác tác). Như Lai đã đoạn tất cả nghiệp vô ký. Vì sao? Do thường tu chánh niệm. Cho nên Như Lai tùy tâm mà thuyết giảng nói lời quở trách quyến thuộc. Đó là xua trừ lời nói thô, tâm không sợ khó. Vì sao? Do mạng thân khẩu thanh tịnh.

Lại có điều không cùng chung với Thanh văn. Đó là đại bi, như trước đã nói. Như Lai làm việc gì, làm chỗ nào, do nhân duyên gì làm, làm thế nào, làm lúc nào? Các việc như vậy đều có thể biết như thật. Đây gọi là tâm niệm. Như Lai biết rõ về việc gì, đó là tất cả hạnh. Làm chỗ nào, đó là tất cả thế giới. Do nhân duyên gì làm, đó là điều phục chúng sinh. Làm thế nào, đó là phương tiện thiện. Làm vào lúc nào, đó là tất cả thời. Cho nên Như Lai thường tu tâm chánh niệm. Đức Như Lai Thế Tôn hoặc động, hoặc tĩnh, hoặc nói, hoặc làm, hoặc đi, hoặc đứng, trong tất cả thời đều không có tập khí phiền não, cho nên nói Như Lai vĩnh viễn đoạn trừ tập khí phiền não. A-la-hán thì không như vậy, cho nên Như Lai không cùng chung với Thanh văn.

Như Lai hiểu biết rõ về ba thứ pháp tụ: Một là tụ của nghĩa được lợi ích. Hai là tụ của nghĩa chẳng lợi ích. Ba là tụ của nghĩa chẳng lợi ích chẳng phải không lợi ích. Như Lai biết rõ ba tụ như vậy, cho nên nói Như Lai đắc Nhất thiết trí. Như vậy một trăm bốn mươi pháp bất cộng không cùng chung với hàng Thanh văn, Duyên giác, cho nên gọi là Thanh văn bất cộng.

Bồ-tát lúc thực hành có được ba mươi hai tương tốt, tám mươi vẻ đẹp, nhưng không tịnh minh (thanh tịnh, sáng suốt), khi ngồi nơi gốc cây không có thầy mà tự tu tập ba mươi bảy phẩm mới được tịnh minh. Học địa Bồ-tát, được Tam-muội kim cang rồi, niệm thứ hai tiếp theo chứng đắc

mười lực, tất cả pháp Phật, cho đến tất cả trí tịnh. Do chứng đắc như thế nên gọi là Nhất thiết trí, trí vô ngại, trí vô chướng, trí tịnh, trí tịch tĩnh, trí thanh tịnh, trí đầy đủ. Đây gọi là địa rốt ráo. Vượt qua tất cả hạnh Bồ-tát, địa Bồ-tát, vào địa Như Lai, hạnh Như Lai được thân vô thượng, chuyển thân Bồ-tát, vĩnh viễn đoạn trừ tập khí, trụ nơi địa rốt ráo. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy pháp Phật như thấy gạo trong lúa, Như Lai Thế Tôn đều không như vậy, nên gọi là tịnh. Bồ-tát trụ nơi địa rốt ráo thấy pháp Phật như ở xa nhìn sắc, chư Phật thấy pháp như ở gần nhìn sắc. Bồ-tát nơi địa rốt ráo thấy pháp Phật như ở nơi tối nhìn sắc, chư Phật thấy pháp như ban ngày nhìn sắc. Bồ-tát rốt ráo như chưa ra khỏi thai, chư Phật Thế Tôn như đã ra khỏi thai. Bồ-tát rốt ráo như chỗ thấy trong mộng, chư Phật Thế Tôn như tỉnh thấy vật. Bồ-tát rốt ráo như đèn không sáng, chư Phật Thế Tôn như đèn sáng rực.

Bồ-tát chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng rồi, có thể ở nơi tất cả chư Phật, Thế Tôn mà làm Phật sự. Làm Phật sự gồm có chín việc, mỗi mỗi việc đều tạo lợi ích lớn cho vô lượng chúng sinh. Một là tự mình làm việc của bậc đại trượng phu, có thể khiến chúng sinh tin nơi việc trượng phu. Hai là dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân tướng, vì lợi ích cho chúng sinh mà phá trừ lưới nghi. Ba là Như Lai đầy đủ mười lực, do đầy đủ mười lực nên có thể đem lại lợi ích cho chúng sinh. Nếu có người hỏi thế nào là lực, thì có thể khéo giải thích, phá trừ tâm nghi, điều phục chúng sinh, dứt bỏ tà kiến. Bốn là Như Lai đầy đủ bốn vô sở úy, đó là tin Tam bảo, điều phục chúng sinh, phá tà kiến là tiếng gầm của đại sư tử. Năm là Như Lai đầy đủ ba niệm xứ, như thuyết mà làm, như việc làm mà thuyết, phá các phiền não, có thể nuôi dưỡng đồ chúng, có thể giáo hóa chúng sinh. Sáu là Như Lai đầy đủ ba pháp Bất hộ, vì tạo lợi ích cho chúng sinh, vì nhằm điều phục chúng sinh, đêm ngày thường dùng Phật nhãn quán sát chúng sinh. Bảy là Như Lai đầy đủ đại bi, vì đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật, vì khiến chúng sinh lìa các khổ não, ban cho chúng sinh sự an lạc. Tám là Như Lai đầy đủ không có sai lầm, không mất chánh niệm, cho nên không có thầy, vẫn như pháp mà trụ, như pháp mà hành, làm lợi ích cho chúng sinh khiến họ được điều phục, phá trừ các thứ phóng dật của chúng sinh. Chín là Như Lai vĩnh viễn đoạn hết tập khí phiền não, biết nghĩa pháp, phi nghĩa pháp, phi nghĩa phi phi nghĩa pháp. Vì thế Như Lai thuyết giảng về nghĩa pháp, lìa phi nghĩa pháp và phi nghĩa phi phi nghĩa pháp, tức Như Lai đầy đủ một trăm bốn mươi pháp bất cộng. Chín việc như vậy tức có thể làm Phật sự. Đây gọi là hạnh Như Lai, gọi là địa Như Lai, gọi là địa rốt ráo của Như Lai. Vì sao? Vì hạnh Như Lai, địa Như Lai, địa rốt ráo của Như Lai, ở trong vô lượng ức na-do-tha kiếp thọ giới Bồ-tát, tu

hạnh Bồ-tát, Bồ-tát rốt ráo có thể dạy vô lượng vô biên chúng sinh trụ nơi địa rốt ráo. Tất cả pháp Phật của Như Lai đều vì chúng sinh không vì tự mình, pháp của Thanh văn Duyên giác chỉ vì tự lợi, ít có lợi tha, cho nên hàng Nhị thừa không có pháp bất cộng. Pháp Phật vô thượng trọn không tương tợ như pháp của Thanh văn, Duyên giác, đại bi không sai lầm khi đoạn trừ tập khí. Nhất thiết trí, năm trí, Tam-muội, Như Lai đầy đủ tất cả pháp bất cộng, cho nên gọi là vô thượng. Kinh nầy diễn nói về giới Bồ-tát, quả của đạo Bồ-tát, giới Bồ- tát, hạnh của tất cả Bồ-tát, hành quả nơi giới của tất cả Bồ-tát, do đó gọi là địa Bồ-tát. Tạng Bồ-tát, luận Bồ-tát, thâu giữ tất cả kinh điển Đại thừa, kinh trí vô ngại. Nếu là trời hoặc người, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn tin kinh điển nầy, hoặc thọ trì, nghe giảng, đọc tụng, biên chép, rộng nói, tu tập, phân biệt ý nghĩa, thấy người thọ trì liền cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán, dùng hoa hương, đèn đuốc, kỹ nhạc mà cúng dường, phải biết người ấy thường được chư Phật mười phương hộ niệm, xưng nói danh tự, có được vô lượng nhóm công đức. Vì sao? Bồ-tát do nhân duyên giới mà chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, do thọ trì đọc tụng, biên chép, giải nói giới Bồ-tát, mà chánh pháp của Như Lai được ở đời lâu, không diệt, các Tỳ-khưu ác dần được tổn giảm. Nếu không có giới Bồ-tát, thì các Tỳ-khưu ác sẽ dần tăng mạnh, chánh pháp của Như Lai không bao lâu sẽ tàn diệt.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Kinh nầy gọi là kinh gì? Phật dạy:

- Nầy Tôn giả Ưu-ba-ly! Đây gọi là Thiện giới, gọi là Địa Bồ-tát, gọi là Tỳ-ni (Luật) Ma-di (Luận) của Bồ-tát, gọi là Như Lai tạng, gọi là căn bản của tất cả pháp thiện, gọi là nhân an lạc, gọi là các tụ Ba- la-mật.

Tôn giả Ưu-ba-ly nghe Phật giảng nói xong liền hoan hỷ lễ bái, đi nhiễu quanh Phật rồi cáo lui.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 106

KINH
BỒ TÁT THIỆN GIỚI 2

SỐ 1583

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1583

KINH BỒ TÁT THIỆN GIỚI

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Sa môn Cầu Na Bạt Ma, người nước Kế Tân.

ƯU BA LY HỎI PHÁP THỌ GIỚI BỒ TÁT

Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu giới, thành tựu giới thiện, thành tựu giới tạo lợi ích cho chúng sinh, trước phải học đầy đủ giới Ưu-bà-tắc, giới Sa-di, giới Tỳ-khưu. Nếu nói không đầy đủ giới Ưu-bà-tắc mà đạt được giới Sa-di thì không có điều đó. Không đủ giới Sa-di mà đạt được giới Tỳ-khưu, thì cũng không có điều ấy. Không đủ ba giới như vậy mà đạt được giới Bồ-tát, cũng không có việc nầy. Ví như nhà lầu bốn tầng có thứ lớp, không do tầng thứ nhất mà đến tầng thứ hai, thì cũng không có việc nầy. Bồ-tát đầy đủ ba thứ giới rồi, muốn thọ giới Bồ-tát, phải nên chí tâm không có tham chấp, xả bỏ tất cả vật trong ngoài, nếu không thể xả bỏ, tức không đầy đủ ba giới, trọn không thể đắc giới Bồ- tát.

Bấy giờ, người thọ giới tự quán xét thân mình như quán xét người trí, ở nơi chỗ vắng lặng lễ bái Phật ở mười phương, hướng về trước tượng phía Đông quỳ gối chắp tay thưa: "Đại Đức Phật, Bồ-tát Tăng mười phương xin lắng nghe: Nay con tên…, cầu giới Bồ-tát, con đã đầy đủ giới Ưu-bà-tắc cho đến đầy đủ việc của người trí, cho nên con cầu giới Bồ-tát từ Phật, Bồ-tát Tăng ở mười phương. Nay mười, Bồ-tát Tăng ở phương Phật quán xét tâm con, nếu con có tâm bất tín, phá hủy tâm

@@@Bồ-đề, hoặc có tâm ác, tâm giả dối thì chớ trao giới cho con, nếu thật sự không có thì nên trao giới cho con, vì lòng thương xót". Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy, chí tâm im lặng trụ nơi chuyên niệm rồi nói: "Nay đã trao cho con giới Bồ-tát, con đã đắc giới Bồ-tát. Vì sao? Vì Phật, Bồ-tát ở mười phương đã dùng tha tâm trí quán xét tâm con, con có tâm chân thật, nên biết đã ban giới cho con, vì lòng lương xót. Nay con không có thầy, thì Phật, Bồ-tát ở mười phương là thầy".

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Bấy giờ, Phật, Bồ-tát ở mười phương tức thị hiện tướng, là đã đắc giới.

Phật, Bồ-tát ở Mười phương bảo các đại chúng: Nơi thế giới có người… chân thật, thọ giới Bồ-tát, nay ta đã trao giới, vì lòng thương xót. Nay người nầy không có thầy, ta vì người nầy mà làm thầy, nay ta hộ niệm đệ tử ta. Lúc ấy, người thọ giới liền đứng dậy đảnh lễ mười phương Phật, Bồ-tát, đây là tự yết-ma. Nếu có người trí, vì sự kiêu mạn không theo đấy mà thọ, thì không đắc giới Bồ-tát, như là người phá giới. Nếu có người trí hoặc ở phương xa, hoặc đất nước có loạn, hoặc bị bệnh nặng, hoặc vì lợi ích cho nhiều người, mà lại không có chỗ thọ. Xuất gia, tại gia, hoặc có thể xả, có thể thí, thâm tâm lập nguyện cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bấy giờ, nếu người có tâm Bồ-đề, đồng pháp, đồng ý, có thể thuyết, có thể dạy, đây là thiện tri thức. Người muốn thọ giới phải nên đến chỗ người nầy làm lễ, trịch áo bày vai phải, quỳ gối chắp tay nói: Đại đức lắng nghe, tôi nay theo Đại đức xin thọ giới Bồ-tát, giới đại tự tại, giới vô thượng, giới vô thắng. Đại đức! Đối với tôi vì thương xót, nên xin trao giới cho tôi.

Nếu vị Đại đức nầy im lặng lắng nghe, người thọ giới nên đứng dậy sửa lại y phục, hướng đến chư Phật Thế Tôn mười phương ba đời và chư Bồ-tát trụ nơi đại địa, đầu mặt kính lễ, tùy trí lực của mình mà khen ngợi công đức của chư Phật và chư Bồ-tát, ở trước tượng Phật chuyên niệm Tam bảo, quỳ xuống chắp tay nói: Đại đức, nay con tên…, xin thọ giới Bồ-tát, Đại đức vì lòng thương xót nên trao giới Bồ-tát.

Nếu vị Đại đức im lặng lắng nghe, người thọ giới nên chí tâm chuyên niệm Tam bảo, sinh tâm hoan hỷ. Lại suy nghĩ: Ta nay đã thành tựu được vô lượng vô biên công đức bảo tạng vô thượng, sẽ được giới mà Bồ-tát đã thọ trì.

Lại nên nhất tâm im lặng mà trụ. Bấy giờ, người trí nói với người thọ giới:

- Nầy thiện nam! Hãy lắng nghe! Nay ông có phải là Bồ-tát chân thật không? Có chân thật phát tâm Bồ-đề không?

Người thọ giới đáp: Đại đức! Đúng thật là vậy. Người trao giới lại nói: Ông có đầy đủ ba giới không? Đáp: Đã đầy đủ.

Hỏi: Có thể xả bỏ của cải trong ngoài không? Đáp: Có thể xả bỏ.

Hỏi: Có tham tiếc thân mạng và của cải không? Đáp: Không tham tiếc.

Hỏi: Ông có thể theo ta thọ tất cả giới Bồ-tát, thâu giữ tất cả giới của đạo Bồ-đề, giới tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, giới nầy như giới của chư Phật, Bồ-tát ở mười phương, ba đời, ông có thể thọ trì không?

Đáp: Có thể.

Lần thứ hai, thứ ba hỏi đáp cũng như vậy.

Bấy giờ, người trí nên xướng lời nầy: Chư Phật, chư Bồ-tát ở mười phương và Đại đức Tăng lắng nghe: Nay có người tên… cầu con, theo Phật, Bồ-tát Tăng ở mười phương xin thọ giới Bồ-tát, đã đầy đủ ba giới, phát tâm Bồ-đề, có thể xả bỏ tất cả vật trong ngoài, không tiếc thân mạng. Nguyện chư Phật, chư Bồ-tát Tăng ở mười phương, vì thương xót mà ban cho người nầy giới Bồ-tát, vì thương xót mà ban cho vô lượng vô biên giới của bảo tạng công đức vô thượng, vì lợi ích cho chúng sinh, vì tăng trưởng pháp của chư Phật và Bồ-tát.

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Bấy giờ, các phương có gió mát thổi, người trí phải biết đây là chư Phật, chư Bồ-tát Tăng ở mười phương trao giới cho người nầy rồi, nên nói với người thọ giới:

- Ông hãy lắng nghe! Chư Phật, chư Bồ-tát Tăng ở Mười phương nay trao giới cho ông, như giới của tất cả Bồ-tát trong ba đời, ông phải chí tâm thọ trì, có thể thọ trì không?

Đáp: Có thể.

Lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi đáp như vậy

Bấy giờ, người trí kính lễ chư Phật, chư Bồ-tát Tăng ở mười phương và lễ tượng Phật, lễ rồi lại xướng: Đại đức chư Phật, Bồ-tát ở mười phương lắng nghe: Nay người thọ giới đã nói ba lần, đã từ chư Phật và Bồ-tát ở mười phương đắc giới Bồ-tát, người thuyết là con, người thọ tên là…, con vì người nầy mà làm chứng. Đại sư tức là vô lượng chư Phật, Bồ-tát Tăng ở mười phương, tiểu sư tức là thân con.

Sư gồm có hai: Một là có thể thấy. Hai là không thể thấy. Không thể thấy tức là chư Phật, Bồ-tát Tăng ở mười phương. Có thể thấy tức là thân con. Ở một bên vị sư có thể thấy và không thể thấy, người nầy đã đắc giới. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Như thế là yết-ma xong. Yết ma xong cả hai đều im lặng. Bấy giờ chư Phật và Bồ-tát ở mười phương thế giới biết sự tướng nầy rồi, bảo các đại chúng: Trong thế giới kia, có người như vậy theo người trí ấy thọ giới Bồ-tát, người như vậy là pháp đệ của ta, ta nay chí tâm thương xót hộ niệm, do chư Phật, chư Bồ-tát Tăng ở mười phương thương xót hộ niệm, nên người trao giới và người thọ giới đều tăng trưởng pháp thiện. Cả hai người im lặng rồi, liền kính lễ chư Phật, chư Bồ-tát Tăng ở mười phương. Đây gọi là Bồ-tát thọ xong giới Bồ-tát. Là giới nhất thiết, giới vô thượng, giới vô biên, giới công đức tụ, giới tịch tĩnh, giới tâm tịnh, giới phá trừ tất cả phiền não của chúng sinh. Những giới như vậy

hơn hẳn tất cả giới của Thanh văn, Duyên giác trong mười phương. Vì sao? Do độ thoát tất cả chúng sinh. Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, phải nên học và đọc tụng tạng pháp của Bồ-tát, luận tạng Bồ-tát.

Bồ-tát lúc muốn thọ giới Bồ-tát, trước phải quán xét kỹ, nếu người bất tín thì không nên theo họ thọ, người tham lam, người bủn xỉn, người không biết đủ, người phá giới, làm nhiễm ô giới, không tôn trọng giới, người ưa sân hận, người không nhẫn nhục, người không biết ngăn chận tội lỗi của người khác, người biếng nhác, ưa hưởng sự vui thế gian, ưa nói việc thế gian, cho đến không thể nhất tâm trong giây lát nghĩ đến Tam bảo, nghi ngờ, ngu tối, không thể đọc tụng tạng pháp Bồ-tát và tạng luận Bồ-tát, trái lại sinh phỉ báng…, những người như vậy không nên theo thọ giới. Đã thọ giới rồi cũng không nên nói cho người không tin, cũng không nên nói cho người phỉ báng Đại thừa. Vì sao? Như người không tin do nhân duyên nầy mà bị đọa vào địa ngục, vì thế Bồ-tát không nên nói cho họ nghe, nếu nói là đắc tội. Nếu Bồ-tát biết chắc khi nói với người kia có thể phá trừ lời nói ác, nghiệp ác và tâm bất tín cho họ thì nói sẽ không có tội. Bồ-tát đã thọ giới Bồ-tát rồi, sư nên vì họ giảng nói pháp phạm và không phạm. Nếu biết họ chí tâm có thể thọ giới, không vì sự cúng dường mà thọ, không phải bắt chước người khác mà thọ, không vì kiêu mạn mà thọ. Bấy giờ, vị sư nên thuyết giảng pháp phạm và không phạm cho họ nghe: Người thọ giới lắng nghe: Giới Bồ-tát có tám giới trọng, bốn giới trọng như trước đã nói. Nếu Bồ-tát vì tham lợi dưỡng mà tự khen ngợi thân mình, đã đắc giới Bồ-tát, trụ địa Bồ-tát, đây là giới trọng thứ năm của Bồ-tát. Nếu có người bần cùng thọ các khổ não, hoặc có người bệnh đến cầu xin, Bồ-tát vì tham tiếc, không bố thí, cho đến vật nhỏ bằng một tiền, có người cầu pháp cũng keo kiệt không bố thí, cho đến một lời kệ. Đây là giới trọng thứ sáu của Bồ-tát.

Bồ-tát nếu sân hận, không nên thêm tâm ác, nếu dùng tay đánh, hoặc gậy hoặc đá, dùng lời ác mắng nhiếc, lăng nhục, hoặc khi không có sức không thể đánh mắng thì ôm tâm sân hận, nếu bị người khác đánh mắng, họ cầu sám hối mà không nhận lời, cho nên tăng trưởng tâm sân hận không dứt tâm bất tịnh. Đây là pháp trọng thứ bảy của Bồ-tát.

Bồ-tát nếu có người đồng thầy đồng học phỉ báng kinh Đại thừa và tạng pháp của Bồ-tát, theo học những điều phi pháp, không nên cùng người nầy ở chung. Nếu biết chắc rồi, không được đến chỗ mọi người tán thán công đức của người ấy. Đây gọi là pháp trọng thứ tám của Bồ-tát.

Bồ-tát có hai hạng: Một là tại gia. Hai là xuất gia. Tại gia có sáu giới trọng. Xuất gia có tám giới trọng, nếu Bồ-tát phạm mỗi mỗi giới hoặc phạm

đủ tám giới, hiện tại không thể trang nghiêm vô lượng Bồ- đề vô thượng, hiện tại không thể khiến tâm thanh tịnh. Đây gọi là Bồ- tát danh tự, Bồ-tát phi nghĩa, gọi là Bồ-tát Chiên-đà-la, không gọi là Sa-môn, chẳng phải là hàng phạm hạnh, không thể hướng đúng đến đạo quả Bồ-đề vô thượng. Tâm Bồ-tát có ba hạng là thượng trung hạ. Như bốn giới trọng sau mà tâm hạ và trung phạm thì không gọi là phạm. Nếu dùng tâm thượng và tâm ác phạm thì gọi là phạm. Thượng tức là ưa làm bốn việc như vậy, tâm không xấu hổ, không biết sám hối, không thấy phạm tội, khen ngợi phá giới. Đây gọi là tâm ác thượng phạm. Bồ-tát tuy phạm bốn giới trọng như vậy, mà trọn không mất giới Bồ-tát. Nếu Tỳ-khưu phạm bốn giới trọng tức mất giới Ba-la-đề-mộc-xoa. Bồ-tát nếu phạm bốn giới trọng của Tỳ-khưu, cũng mất giới Ba-la-đề-mộc- xoa, làm ô nhiễm giới Bồ-tát. Người nhiễm ô thì hiện tại không thể làm trang nghiêm Bồ-đề. Không đạt được Tam-muội vô lượng phước đức. Đây gọi là nhiễm ô. Có hai nhân duyên khiến mất giới Bồ-tát: Một là thối tâm Bồ-đề. Hai là có tâm ác bậc thượng. Lìa hai nhân duyên nầy, cho đến đời sau, dù ở trong ba đường ác cũng trọn không mất giới Bồ-tát. Giới Bồ-tát không đồng với giới Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu vào đời sau, Bồ-tát lại thọ giới Bồ-tát, thì không gọi là mới đắc, mà gọi là khai thị thanh tịnh. Nay lại nói về sự khác nhau của việc phạm tội khinh hoặc trọng của giới Bồ-tát.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, đối với tháp tượng, kinh quyển, người đọc tụng ngày đêm cả ngàn vạn lần mà Bồ-tát, không dùng hương hoa cúng dường lễ bái, không thể khen ngợi, tâm không hoan hỷ, cho đến một niệm. Đây gọi là phạm trọng, không gọi là tám pháp trọng. Đây gọi là Bồ-tát có tâm nhiễm, tâm nghi, khởi tâm bất tịnh. Nếu có làm việc mà tâm không cung kính, vì không tin, vì biếng nhác. Đây gọi là phạm trọng, không gọi là tám pháp trọng. Nếu tâm vô niệm thì gọi là phạm nhẹ. Không phạm tức là có tâm tịnh thường cầu Bồ-đề. Tâm tịnh tức như Tu-đà-hoàn hiện có bốn sự tín.

Nếu Bồ-tát không biết đủ, không bớt dục, lại tham đắm lợi dưỡng. Đây gọi là phạm trọng không gọi là tám pháp trọng. Không phạm tức là có thể quyết định biết dùng không biết đủ để có thể điều phục chúng sinh.

Bồ-tát nếu thấy bậc thượng tòa cao đức đồng học đồng thầy mà sinh tâm kiêu mạn và tâm ác, không nghinh đón lễ bái mới ngồi, không cùng nói chuyện hoặc thăm hỏi, nếu có hỏi việc nghi ngờ cũng không chịu giải thích. Đây gọi là phạm trọng, không gọi là tám pháp trọng. Đấy gọi là Bồ-tát có tâm nghi, tâm nhiễm ô. Không phạm tức là khi bệnh, khi ngủ, khi

tâm loạn, hoặc lúc chí tâm nghe pháp, cúng dường chư Phật, biên chép đọc tụng, giải nói nghĩa kinh luận.

Nếu Tỳ-khưu vì tìm chỗ phạm tội mà nghe giới Bồ-tát, người không tin thọ, người không tin lời dạy, không thành tựu giới Ưu-bà-tắc, không thành tựu giới Sa-di, không thành tựu giới Ba-la-đề-mộc-xoa, những người như vậy thì không được nghe giới Bồ-tát, nếu nghe tức phạm tội. Nếu Tỳ-khưu phạm tội Ba dật đề, không xấu hổ, không sinh hối hận mà nghe giới Bồ-tát, thì phạm tội Thâu lan giá. Nếu Tỳ-khưu phạm tội Thâu lan giá, không xấu hổ, không sinh hối hận mà nghe giới Bồ-tát, tức phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu Tỳ-khưu phạm tội Tăng-già-bà- thi-sa mà không xấu hổ, không sinh hối hận, lại nghe giới Bồ-tát, tức phạm tội Ba la di, nghĩa là pháp trọng thứ tám. Nếu có người thuyết, tức là phạm Tăng gia bà thi sa. Cho nên trong kinh nói: Người không tin thì không nên nghe. Người không tin thì không nên nói, giảng.

Có đàn việt kính tin đến thỉnh Bồ-tát, hoặc tại nhà, hoặc nơi chùa tháp, hoặc nơi thôn xóm, quốc độ, muốn cúng dường những vật cần dùng như y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang. Bồ-tát vì kiêu mạn, sân hận, xem thường mà không nhận lời, tức phạm tội, tội nầy do phiền não mà phạm.

Nếu Bồ-tát không có bạn, đi một mình đến nhà bạch y, tức phạm tội sai lầm. Nếu đến nhà bạch y mà không thể thuyết pháp, khai thị giáo hóa khiến họ cúng dường Phật Pháp Tăng bảo. Đây gọi là phạm trọng, không gọi là tám pháp trọng. Không phạm tức như khi bệnh, hoặc ám độn, hoặc cuồng, hoặc đường xa sợ nạn, hoặc ở xa thỉnh. Biết không thọ thỉnh sẽ khiến người kia được điều phục, hoặc trước đã thọ thỉnh, hoặc lúc siêng tu pháp thiện. Nếu chưa nghe nghĩa, nên muốn được nghe. Người thỉnh tâm không chân thật, hoặc biết thọ thỉnh của người nầy, e sợ nhiều người sân hận, như pháp tăng chế.

Nếu có đàn việt dùng vàng, bạc, chân châu, xà cừ, mã não, lưu ly, pha lê, nô tỳ, xe cộ, voi ngựa, các vật tạp sắc, cùng dâng lên Bồ-tát, Bồ-tát nên thọ, nếu không thọ tức phạm tội. Tội nầy do nơi phiền não mà phạm. Không phạm tức như khi cuồng. Hoặc biết thọ rồi ắt sinh tham đắm. Hoặc biết thí chủ bố thí rồi sẽ sinh hối hận. Hoặc biết thí chủ thí rồi sẽ phát cuồng. Hoặc biết thọ rồi thí chủ bị nghèo khổ. Hoặc biết vật nầy là đã hứa cúng cho Tam bảo. Hoặc biết vật nầy là do cướp đoạt mà có. Hoặc biết thọ rồi có nhiều khổ não, như nạn vua, giặc cướp, mất mạng, lao tù, tiếng ác lưu truyền khắp, bị đuổi ra khỏi nước. Hoặc biết thọ rồi không thể xả để tu

phước đức đối với ruộng phước tốt.

Nếu có chúng sinh vì hiểu nghĩa mà muốn được nghe pháp, đến chỗ Bồ-tát học hỏi những điều chưa nghe. Bồ-tát do tâm khinh thường, tâm kiêu mạn mà không thuyết giảng tức phạm tội, tội nầy do phiền não mà phạm. Không phạm như là hoặc biết người ấy trước là ác kiến tà kiến, tìm cầu lỗi lầm. Hoặc bệnh mới lành, hoặc cuồng, hoặc biết không nói giảng sẽ khiến người kia được điều phục. Hoặc Phật chưa chế. Hoặc biết người ấy, trước đây đối với Tam bảo không sinh tâm kính trọng, hoặc cử động thô tháo, hoặc biết căn tánh ám độn khi nghe nghĩa sâu xa sẽ sinh tà kiến, hoặc biết nghe rồi sẽ nói với người ác, khiến phá hoại chánh pháp.

Nếu có người ác có thể làm việc sát hại và Chiên-đà-la, Bồ-tát nếu không gần gũi qua lại, vì họ mà thuyết chánh pháp tức phạm tội. Vì sao? Vì Bồ-tát hoặc thấy người trì giới, tinh tấn, thân khẩu ý thanh tịnh, nhưng không sinh từ bi. Hoặc thấy người ác lại hay sinh từ bi, cho nên Bồ-tát nếu không vì họ thuyết pháp tức là phạm tội. Không phạm như là khi cuồng, hoặc pháp vua ngăn, hoặc Tăng chế, hoặc sợ nhiều người hiềm nghi, hoặc biết không thuyết giảng khiến người kia được điều phục.

Nếu có đàn việt chẳng phải là bà con, hoặc trưởng giả, hoặc Bà- la-môn dùng các thứ y phụng hiến cho Bồ-tát, Bồ-tát nên thọ. Nếu Bồ- tát tự cầu nhiều mà được cũng nên thọ nhận. Như y, bát cũng như vậy. Như y, bát, chỉ may cũng như thế. Bồ-tát nếu đến chỗ đàn việt cầu xin chỉ sợi, khiến thợ dệt chẳng phải là bà con dệt, bảo họ dệt cho dài rộng, nói ta không tự mặc, ông cùng đàn việt đều cũng có phước.

Nếu đàn việt nói: Tôi cúng là vì sư, xin nguyện tự mặc. Bồ-tát được y rồi, hoặc vì thân mình mà đến chỗ thợ dệt, bảo họ dệt cho dài rộng, nếu được rồi lại tự mình mặc tức phạm trọng, không gọi là tám pháp trọng. Nếu không bảo dệt thì không phạm.

Bồ-tát nếu thọ giới Bồ-tát rồi, nên thọ nhận nên chứa phu cụ kiêu xa da cho đến trăm ngàn vạn. Vàng bạc cũng như vậy. Người Thanh văn chỉ vì tự lợi, nên Như Lai không cho thọ nhận và cất chứa. Bồ-tát thì không như vậy, vì tạo lợi ích cho chúng sinh, nên cho cất chứa, không được không thọ. Nếu vì biết đủ, hoặc vì danh dự mà không thọ tức mắc tội. Nếu Bồ-tát vì nhân duyên biếng nhác mà không thể làm lợi ích cho chúng sinh, tức mắc tội, tội nầy là do phiền não mà phạm.

Nếu Bồ-tát được người khen ngợi là bậc thập trụ, hoặc A-la-hán, đến Tu-đà-hoàn, ít muốn, biết đủ, như vậy mà im lặng thọ nhận tức mắc tội. Tội nầy do phiền não mà phạm.

Nếu Bồ-tát vào trong Tăng chúng thấy có người cười giỡn phi pháp mà không quở trách tức mắc tội. Không phạm, như lúc nghe pháp, vì nhằm điều phục, vì tùy tâm nói pháp, hoặc có thể làm lợi ích. Nếu nói Bồ-tát không ưa Niết-bàn cũng chẳng phải là không ưa, không sợ phiền não cũng chẳng phải là không sợ. Vì sao? Vì lưu chuyển trong sinh tử. Nếu Bồ-tát nói lời ấy tức mắc tội. Vì sao? Vì Bồ-tát ưa thích Niết-bàn, Thanh văn, Duyên giác không thể biết. Thanh văn, Duyên giác ưa thích Niết-bàn đối với sự ưa thích của Bồ-tát không có một phần trong trăm ngàn phần, trăm ngàn vạn phần. Bồ-tát quở trách sợ nơi phiền não, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể nhận biết. Thanh văn, Duyên giác quở trách, sợ nơi phiền não so với Bồ-tát, trong trăm ngàn phần, trăm ngàn vạn phần, thậm chí không có một phần. Vì sao? Vì Thanh văn, Duyên giác chỉ tự lợi, không thể lợi tha. Bồ-tát thì có cả tự lợi và lợi tha. Bồ-tát tuy thực hành hữu lậu mà vẫn hơn A-la-hán, trọn ngày ở nơi phiền não mà không bị nhiễm ô, cho nên Bồ-tát nói lời trên tức mắc tội.

Nếu Bồ-tát không sợ tiếng ác, không giữ gìn tránh tiếng ác, thì mắc tội thất ý. Nếu người không có tiếng ác mà nói sự ác của người tức phạm tội ác, tội nầy do phiền não mà phạm. Nếu vì điều phục mà thêm lời ác thì mắc tội thất ý, chẳng phải là tội ác. Không phạm như là quở trách ngoại đạo dối trá đến thọ giới Bồ-tát, hoặc tâm vốn không có ác mà miệng xuất ra lời ác, hoặc điên cuồng, hoặc biết quở trách là có lợi ích lớn, hoặc biết sân hận người kia sẽ có lợi ích. Nếu vì hộ giới mà không sinh sân hận tức đắc tội, hoặc biết sân hận người kia sẽ được chút lợi ích trong hiện tại, không có lợi ích lớn ở đời sau. Nếu Bồ-tát bị người đánh, đánh lại, bị mắng, mắng lại, bị người xúc não mà xúc não lại, tức là mắc tội thất ý, tội nầy nhân nơi phiền não mà phạm.

Nếu có Bồ-tát cùng nhau nghị luận, quở trách, hoặc thật không thật, Bồ-tát nên khiêm nhường xin lỗi, nếu không thể làm tức mắc tội không thọ nhận việc xin lỗi tức cũng mắc tội do phóng dật. Không xin lỗi, tức mắc tội do phóng dật. Không phạm như biết người kia trước nay vốn xấu ác thường đến tìm lỗi của người. Hoặc biết không làm sẽ khiến người kia bỏ ác. Nếu Bồ-tát sân hận người khác, thường suy nghĩ: Nếu khi ta gặp được sẽ đánh, sẽ mắng. Bồ-tát không thể tự điều phục, tức phạm tội.

Nếu Bồ-tát cùng đi một đường với Tỳ-khưu-ni thì không phạm.

Nếu có tâm tham tức phạm tội. Không phạm như vì nhằm điều phục.

Nếu Bồ-tát theo người ni chẳng phải bà con mà thọ thực thì không phạm. Vì sao? Vì Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề rồi, đối với chúng sinh

không ai chẳng phải là bà con. Nếu Bồ-tát vì tham người hầu hạ, sai khiến mà nuôi nhiều đệ tử, tức là phạm tội. Không phạm như là vì nhằm điều phục nên nuôi nhiều đệ tử, hoặc vì hộ trì giáo pháp, hoặc vì lợi ích, hoặc không có tâm tham.

Nếu Bồ-tát biếng nhác trễ nải, không siêng năng tinh tấn, lại ưa sự ngủ nghỉ tức mắc tội. Không phạm như là bị bệnh, hoặc bệnh mới lành chưa đủ sức lực, hoặc lúc đi xa, hoặc đọc tụng mệt mỏi, hoặc lúc suy nghĩ pháp đối trị.

Nếu Bồ-tát cùng nhau nói việc thế gian, nói lời vô ích, tức phạm tội. Không phạm như có người hỏi, hoặc tùy theo tâm người mà điều phục, lúc nói nên chí tâm, không có tăng giảm.

Nếu Bồ-tát vì tâm mà kiêu mạn nên không thăm hỏi thầy, cũng không nghe lời thầy dạy tức mắc tội. Không phạm như là bị bệnh, hoặc cuồng, hoặc si, hoặc đại thông minh, đa văn có trí tuệ vì điều phục chúng sinh, hoặc lúc nhập định.

Nếu Bồ-tát khi tâm dục khởi lên, không quán xét cách đối trị, không nghĩ cách điều phục khiến diệt, tức mắc tội. Không phạm như là có quán xét cách đối trị mà phiền não quá mạnh không thể diệt, hoặc lúc tự thử nghiệm phát tâm dục.

Nếu Bồ-tát nói không nên thọ giới Thanh văn, không nên đọc tụng kinh Thanh văn, vì kinh luật của Thanh văn không thể tạo lợi ích cho các chúng sinh, nếu nói vậy tức phạm trọng, không gọi là tám pháp trọng. Không phạm như là vì tham chấp kinh luật Tiểu thừa.

Nếu Bồ-tát không đọc tụng pháp tạng Bồ-tát, chỉ ưa đọc tụng kinh luật Thanh văn thì phạm tội. Không phạm như là hoặc không nghe biết có pháp tạng Bồ-tát.

Nếu Bồ-tát không đọc tụng kinh điển của Như Lai, mà đọc tụng sách vở thế gian tức phạm tội. Không phạm như là luận nghị để phá tà kiến, hoặc hai phần kinh điển, một phần sách ngoài. Vì sao? Vì biết sách ngoài là pháp hư vọng, pháp Phật là chân thật, do biết pháp thế gian nên không bị người đời khinh mạn.

Nếu Bồ-tát nghe tạng Bồ-tát, nghe tạng Thanh văn có những việc không thể nghĩa bàn, mà không tin không thọ, nói chẳng phải là Phật thuyết, hoặc tự phỉ báng, hoặc bảo người khác phỉ báng tức phạm tội. Nếu Bồ-tát nói trí lực của mình thấp kém, nhục nhãn không thanh tịnh, không thấy cảnh giới thâm diệu của Như Lai, cảnh giới của Như Lai là dùng Phật nhãn mới thấy, chỉ có Phật mới biết hết, tức pháp giới chẳng phải là chỗ mà mình

có thể biết đến. Nếu có thể suy nghĩ, quán xét như vậy tức là hạnh thật. Bồ-tát nhẫn chịu cùng không nhận chịu, cả hai đều không phạm.

Nếu Bồ-tát sinh tâm sân hận kiêu mạn, tự nói mình trì giới, đa văn, trí tuệ đều hơn người, tức phạm tội, tội nầy do phiền não mà phạm. Không phạm như là vì phá tà kiến, vì phá sự khinh miệt đối với pháp Phật, hoặc vì điều phục tâm tự đại của người, vì khiến người chưa tin sinh tâm tin, khiến người đã tin rồi được tăng trưởng.

Nếu Bồ-tát nghe nói có chỗ thuyết pháp, cho đến một do tuần mà không tới nơi để nghe tức phạm tội, hoặc khinh chê người thuyết giảng mà không đến nghe, tức phạm tội, tội nầy do phiền não mà phạm. Hoặc biếng nhác không đến nghe tức phạm tội thất ý. Không phạm như là không nghe, không hay, không biết, hoặc bệnh vừa lành chưa đủ khí lực, hoặc biết điều thuyết giảng là điên đảo, chẳng phải chánh pháp, hoặc do người thuyết giảng sinh tâm xấu hổ, hoặc thuyết một pháp không có nghĩa khác, hoặc đang tu pháp thiện, hoặc đang giáo hóa chúng sinh, hoặc không hiểu lời người kia nói, hoặc không thể nhớ nghĩ.

Nếu Bồ-tát khinh người thuyết pháp không sinh tâm cung kính không khen ngợi đức của họ, chê cười lời thuyết là không chánh tức phạm tội.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, mà chỗ làm việc không cùng chung với chúng sinh tức phạm tội. Nghĩa là qua lại ra vào ủng hộ việc tạo tài lộc, hòa hợp với tranh chấp làm các việc thiện, trì giới, bố thí, đa văn không cùng chung tức phạm tội. Không phạm như là bệnh hoặc không biết làm, hoặc tự mưu tính việc lớn, hoặc có hứa giúp đỡ người, hoặc tự tu pháp thiện, hoặc lo sợ nhiều người sân hận, hoặc vui, hoặc si, hoặc cuồng, hoặc biết không cùng chung có thể điều phục họ, hoặc pháp do tăng chế.

Nếu Bồ-tát khinh chê người thuyết pháp, mắng đánh, cười chê lời thuyết, chỉ y nơi văn từ mà không y nơi ý nghĩa, tức phạm tội, tội nầy do phiền não mà phạm.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, mà không thể tùy thuận theo tâm chúng sinh, tức phạm tội. Nghĩa là đi, đứng, nằm, ngồi tu các việc thiện. Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, thấy người bệnh khổ mà không săn sóc và cứu giúp là phạm tội. Không phạm như là mình bệnh hoặc người bệnh có nhiều thân tộc, hoặc đang tu pháp thiện vô thượng, hoặc căn tánh ám độn, hoặc bần cùng khốn khổ cũng lại như vậy.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, thấy chúng sinh ác tu hành pháp ác, mà không thể dạy dỗ quở trách khuyên bỏ tức phạm tội thất ý. Không phạm như biết người nầy có thiện tri thức, có thể dạy dỗ quở trách, hoặc biết vì

họ nói cũng không nghe, hoặc hiểu sai lầm, hoặc người kia có tâm hại.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, đem vật cất chứa cho bạch y dùng chung, tức phạm tội thất ý.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, không nên dùng bát vàng, bạc mà thọ nhận thức ăn, cất chứa bát bằng đồng không được giống hàng bạch y, đồ bằng gỗ bằng sừng thì không nên dùng, nếu dùng tức phạm tội. Không phạm như là hoặc mất bát, hoặc đi giữa đường có người mời, hoặc bệnh nặng.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, thọ ân mà không nghĩ nhớ tức phạm tội, tội nầy là do phiền não mà phạm.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, thọ ân huệ của người mà không thể báo đáp tức phạm tội. Cách báo đáp là phải trì giới tinh tấn tọa thiền, đọc tụng kinh điển, tùy việc mà tâm thí chủ vui lòng để báo đáp. Không phạm như là thí chủ không thọ nhận.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, thấy người khổ như chết, mất của cải, nạn vua, giặc cướp, lũ lụt, hạn hán, thân thuộc ly biệt, Bồ-tát nên đến nơi ấy mà thuyết pháp an ủi, tùy theo chỗ cần dùng của họ và tùy sức mình mà cung cấp, nếu không làm tức phạm tội. Không phạm như là không được tự tại, hoặc mình bệnh nặng, hoặc họ không nghe nhận lời mình, hoặc nghi nạn, hoặc pháp do tăng chế.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, có nuôi chứa đệ tử nhưng không thể theo các đàn việt tín tâm để xin vật cần dùng, như y phục, thức ăn, ngọa cụ, phòng xá, thuốc thang, tùy thời cung cấp, lại không tùy thời thuyết pháp, giáo hóa tức phạm tội. Không phạm như biết đệ tử có uy lực lớn, thông minh, phước đức, có nhiều đàn việt, hoặc là ngoại đạo dối đến để trộm pháp, hoặc biết không thể làm tăng trưởng pháp Phật.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, thường nên khen ngợi việc thiện của người, nếu che giấu công đức của người tức phạm tội, tội nầy nhân phiền não mà phạm. Không phạm như là có người ngăn trở, hoặc mê loạn không biết, hoặc bệnh nặng, hoặc sợ người hiềm nghi, hoặc khó hiểu rõ như quả Am la.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, dùng giường ghế cao quá tám đốt tay tức phạm tội. Không phạm như là lúc thuyết pháp, hoặc nhận lời đàn việt tín tâm thỉnh, hoặc lúc ngồi giữa ngoại đạo.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, đối với đệ tử đáng sân giận mà không sân, đáng quở trách mà không quở trách, đáng phạt mà không phạt, đáng đuổi mà không đuổi, tức phạm tội, tội nầy nhân phiền não mà phạm. Không

đáng sân mà sân, không đáng trách mà trách, không đáng phạt mà phạt, không đáng đuổi mà đuổi tức phạm tội. Không phạm như là biết đệ tử có thể thiêu đốt chùa tháp, làm việc đại ác, hoặc giết sư, Hòa thượng, hoặc đồng sư đồng Hòa thượng, hoặc cha mẹ, hoặc lúc hầu hạ, hoặc định biết do nhân duyên nầy mà phá hoại chúng tăng, hoặc biết về sau họ tự có xấu hổ.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, có được thần túc lớn, thấy người đáng sợ mà không sợ, thấy người có thể sinh tín mà không khiến họ sinh tín tức phạm tội. Không phạm như là biết tất cả tin theo tà kiến, không tin pháp Phật.

Nếu Bồ-tát thọ giới Bồ-tát rồi, phải chí tâm niệm, không nghĩ tưởng phạm. Nếu có phạm, nên đến trước một người phát lồ sám hối. Đó gọi là người Đại thừa, Tiểu thừa, khéo giải nghĩa, khéo tuyên thuyết. Đây gọi là nhất thiết giới của Bồ-tát, từ địa Bồ-tát thứ nhất hiểu rõ sáu Ba-la-mật, cho đến nhất thiết giới, tất cả đều là giới cấm của Bồ- tát. Đây gọi là nhất thiết giới. Trước kia, trong kinh của Thanh văn có những điều Như Lai chưa thuyết, nay ở trong Luận tạng của Bồ-tát lại thuyết. Tại sao gọi là nhất thiết giới? Là do nói chung về giới của hàng xuất gia và tại gia, nên gọi là tất cả giới.

Nan giới gồm có ba thứ: Một là Bồ-tát có tự tại lớn, của cải vô lượng, đều có thể xả bỏ mà thọ giới Bồ-tát. Đây gọi là nan giới. Hai là Bồ-tát vào lúc nạn gấp vẫn không để giới có tỳ vết huống hồ là phá hủy. Đây gọi là nan giới. Ba là Bồ-tát tuy tùy thuận chúng sinh, đi đứng nằm ngồi, nhưng thường giữ gìn giới, không khiến hủy phạm. Đây gọi là nan giới.

Nhất thiết tự giới gồm có bốn thứ: Một là Thọ. Hai là Tánh. Ba là Tu. Bốn là Phương tiện. Thọ nghĩa là ba lần yết ma. Tánh nghĩa là cùng giống như chúng sinh. Bồ-tát Ma-ha-tát do tánh nhu hòa, nên nghiệp thân khẩu ý thường tu thiện, ở nơi vô lượng chư Phật Bồ-tát mà tu tập các phương tiện, như chư Bồ-tát dùng bốn nhiếp pháp để thâu giữ chúng sinh, dạy dỗ khiến tu tập thân khẩu ý thiện. Đây gọi là nhất thiết tự giới.

Giới thiện nhân gồm có năm thứ: Một là tự trì giới cấm. Hai là dạy người khiến trì. Ba là khen ngợi. Bốn là thấy người ưa trì liền hoan hỷ tán thán.

Giới nhất thiết hành có mười ba thứ: Một là phát nguyện hồi hướng Niết-bàn. Hai là rộng lớn. Ba là thanh tịnh. Bốn là hoan hỷ. Năm là không phá hủy. Sáu là không bị dẫn dắt. Bảy là kiên cố. Tám là xem như anh lạc. Chín là chân thật. Mười là ý nghĩa. Mười một là tín. Mười hai là quý báu. Mười ba là thường. Như địa Thanh văn, giới cấm của Thanh văn, tất cả

pháp thiện, đều là nhân của đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đây gọi là giới Nhất thiết hành.

Giới trừ có tám thứ, Bồ-tát thường suy nghĩ như vầy: Như ta không ưa chết, tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, cho nên không được giết hại sinh mạng loài vật. Như ta không ưa trộm cướp, dâm dục, ác khẩu, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời vô nghĩa, đánh đập, mắng nhiếc, thì tất cả chúng sinh cũng lại như vậy. Cho nên không được cướp đoạt, tham dâm, ác khẩu, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời vô nghĩa, đánh đập, mắng nhiếc. Đây gọi là trừ giới. Bồ-tát cho đến khi tan thân mất mạng, cũng không hủy hoại tám giới như vậy.

Giới tự lợi lợi tha tức là Bồ-tát đối với giới có chỗ ngăn thì ngăn, có chỗ mở thì mở, nếu chỗ ngăn mà không ngăn, chỗ mở mà không mở tức phạm tội. Bồ-tát biết tất cả chúng sinh có thể thâu phục thì thâu phục, có thể xả thì xả, giới thân khẩu thanh tịnh, thường thực hành bố thí Ba-la-mật, cho đến Bát nhã Ba-la-mật, tịnh giới tự lợi lợi tha như vậy. Đây gọi là giới tự lợi lợi tha.

Giới tịch tĩnh tức là từ lúc ban đầu tho giới chí tâm kiên trì, vì bốn quả Sa-môn, vì quả Bồ-đề, không vì thân mạng, đây gọi là giới tịch tĩnh.

Bồ-tát khi ngồi, nếu thấy vua hoặc trưởng giả mà đứng dậy tức phạm tội. Nếu đang ngồi kiết già mà thấy vua hoặc trưởng giả liền quỳ tức phạm tội. Hoặc trước đó y không ngay ngắn, khi thấy vua và trưởng giả liền sửa lại y phục tức phạm tội. Nếu khi vua hoặc trưởng giả nói lời ác, theo ý mà khen ngợi tức phạm tội. Chỗ không nghi ngờ mà gắng nghi ngờ tức phạm tội. Chỗ nên nghi mà không sinh nghi cũng phạm tội.

Giới của Bồ-tát là đầu đêm cuối đêm không được ngủ nghỉ, đầy đủ nguyện thiện, hạnh thiện, pháp thiện, thành tựu chánh mạng, xa lìa thường kiến, đoạn kiến, thường thực hành trung đạo, lìa năm thứ dục lạc bậc nhất, xa lìa tà kiến, không phá không hoại. Đó gọi là giới tịch tĩnh. Giới tụ Bồ-tát thành tựu đầy đủ quả vi diệu vô lượng, do nhân duyên của tụ giới nầy nên đạt đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Người thọ tuy chưa đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, mà đã có đủ năm thứ công đức. Một là thường được chư Phật, Bồ-tát nhớ nghĩ. Hai là thọ hưởng thường, lạc, tịnh. Ba là lúc lâm chung không có hối hận. Bốn là sau khi chết được sinh vào thế giới chư Phật. Năm là trang nghiêm đạo quả Bồ-đề vô thượng. Người thọ giới Bồ-tát không vì thân mình, chỉ vì lợi tha và trang nghiêm đạo quả Bồ-đề vô thượng. Giới Bồ-tát nầy đều là chỗ thành tựu của hằng hà sa chư Phật, Bồ-tát trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai, cho

đến chư Phật, Bồ-tát ở mười phương cũng lại như vậy.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 106

LUẬN QUYẾT ĐỊNH TẠNG

SỐ 1584

(QUYỂN THƯỢNG – TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1584

LUẬN QUYẾT ĐỊNH TẠNG

Hán dịch: Đời Lương, Tam tạng Chân Đế, người nước Thiên Trúc.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: TÂM ĐỊA

Phần 1

Trí tuệ thông đạt khắp Nơi tịnh lại không trị Tạng Luận cứu thế gian Đảnh lễ Bậc Tối thắng. Pháp như Ngài đã thuyết Tĩnh địa đạo là đạo Chưa hiểu ba pháp nầy

Thế chuyển như luân chuyển. Thánh Tăng trụ ở pháp

Vượt ràng buộc, các chúng Mười phần, tám phần, tám Quả đạo và đạo quả.

Nếu các đại sĩ phu muốn tạo luận, làm lợi ích cho người vô tri, kẻ có kiến chấp điên đảo, nghi ngờ thì những gì lợi ích vốn nói ra ấy phải từ chánh trí phát sinh. Nói chánh trí, nghĩa là rút ra từ luận Quyết Định Tạng: Vốn đã nói về địa, nay rộng phân biệt giải nghĩa địa nầy, khéo đáp những vấn nạn về năm thức địa và tâm địa. Kinh nói: Thức A-la-da (A-lại-da) khắp là gốc của chủng tử. Làm sao biết có? Đấy là nói Như Lai tạng, nên nơi kinh Giải Tiết (Kinh Giải Thâm Mật) viết:

Thức làm căn bản khắp Sâu xa chảy tràn đầy Không nói cho phàm phu Do sợ sinh ngã kiến.

Uất-đà-nam (đời Đường gọi là Trì tán) nêu:

"Chấp trì. gốc. Phân minh.
Gốc chủng (chủng tử). Chẳng phải việc.
Thân thọ. Định vô thức.
Cũng chẳng phải khí dứt".

Do tám nhân duyên nầy mà biết có thức A-lại-da. Nếu lìa thức này mà căn có sự chấp trì, thì thật không có lý ấy. "Chấp trì" có năm thứ: Một là thức A-lại-da giữ gìn nghiệp đời trước, lại từ nơi nhân hiện tại, sau đó

sinh các thức. Như Phật nói trong A-tỳ-đàm: "Nhờ nơi căn trần, tâm, nghiệp, mà các thức được sinh". Hai là sáu thức được sinh đều cả thiện và bất thiện. Ba là ở trong sáu thức, nếu có một thức vô ký, riêng giữ gìn và thâu tóm, thì không có lý đó. Bốn là với các thức, mỗi một thức dựa nơi căn mà sinh, tùy theo đó sinh một thức mà căn có chấp trì thì các căn còn lại nên không có chấp trì. Năm là các căn luôn chấp trì thì nghĩa ấy không đúng. Do năm nghĩa nầy nên nhân nơi thức A-lại-da mà các căn gọi là có chấp trì. Nói "gốc" nghĩa là từ ban đầu. Nhưng nói các thức không được câu sinh thì cũng không có lý nầy. Nếu có người hỏi: Có thức A-lại-da, các thức đều sinh chăng?

Đáp: Đúng vậy! Nếu nói không, tức là sai lầm. Vì sao? Do có nghĩa thật. Như A-hàm nói hai thức câu sinh. Vì sao biết? Như có người tâm muốn được thấy, nghe, cho đến đối với các thức nhận biết, mỗi mỗi đều có căn trần, riêng của thức đó, nhưng tâm muốn không khác, căn trần cũng không khác thì một thức được sinh, các thức khác sinh đâu có ngại gì? Đấy là nghĩa thật. Phần sau A-hàm có nói. Nói "phân minh" nghĩa là: các thức không đều cùng giữ lấy cảnh thì không phân biệt rõ. Nếu lấy tâm thức cùng nhãn thức làm bạn để giữ lấy cảnh tức là phân biệt rõ ràng. Vì sao? Vì các cảnh trần từng hiện hành, sau đó suy nghĩ nhớ lại, thì phần nhiều không rõ. Do các thức không đều cùng duyên, chỉ một mình ý duyên nên không bằng duyên với hiện hành thì dễ rõ. Cho nên biết các thức câu sinh. Nói về "gốc của chủng tử", nghĩa là: Nếu lìa thức A-lại-da mà sáu thức như nhãn v. v…cùng nhau làm gốc thì không có lý đó. Tại sao biết? Vì khi thức thiện diệt thì tâm bất thiện sinh, thức bất thiện diệt thì tâm thiện lại sinh, thiện và bất thiện diệt thì tâm vô ký phát sinh, tâm hạ giới diệt thì thức trung giới sinh, tâm trung giới diệt thì thức thượng giới sinh, thức thượng giới diệt thì tâm hạ giới trở lại sinh. Lại nữa, thức hữu lậu diệt thì tâm vô lậu sinh, tâm vô lậu diệt, thì thức hữu lậu trở lại sinh. Cho nên biết sáu thức không thể cùng nhau làm gốc. Cũng như tâm thứ đệ diệt thì ở trong vô số kiếp lại được sinh. Vì vậy biết thức A-lại-da là gốc của chủng tử. Nói "chẳng phải việc ấy": Tức các thức không đều cùng có là không có lý nầy. Vì sao? Đây gồm có bốn việc: Một là khí, hai là giữ thân, ba nói là ngã, bốn là đối với trần cảnh. Như bốn việc nầy thì niệm niệm đều sinh. Nếu nói một thức ở trong một niệm mà biết bốn việc thì không được. Nói "thân thọ", tức không thể lìa thức A-lại-da mà có thân thọ. Tại sao biết? Thí như có người thật tâm làm, hoặc không thật tâm làm, trước hết phải suy nghĩ, hoặc tâm định hoặc tâm không định thì các thọ về chủng tử của thân chính là các thọ trong nhiều đời được sinh ra. Cho nên biết có thức A-lại-da. Nói có định vô thức,

cũng không có nghĩa nầy. Tại sao biết? Nếu nhập định vô tưởng, nhập định vô thức, thì sáu thức đều diệt, người nầy nên chết. Như lời Phật dạy, nhập định vô tâm mà thức không diệt. Nói chẳng phải là khí dứt là: Nếu lìa thức A-lại-da mà có khí dứt, thì không có việc nầy. Tại sao biết? Như hai người thiện và ác, đến khi chết, người thiện thì chân lạnh trên đảnh nóng, lúc trên đảnh lạnh thì mạng người ấy diệt. Người ác lúc chết thì lạnh từ trên đảnh đến chân, lúc hơi ấm dứt thì người nầy chết. Ý thức thường ở nơi thân, thức A-lại- da giữ gìn thân. Thức A-lại-da diệt thì thân lạnh, liền không hay biết, hai việc lạnh nóng nầy không do nơi ý thức, nên biết có thức A-lại-da. Uất-đà-nam nêu:

Cảnh giới dựa nhau khởi
Lại cùng làm nhân duyên
Được cùng tương ưng sinh
Cùng phiền não đều diệt.

Lược nêu bốn nghĩa, tức biết có thức A-lại-da, một loại hiện có cảnh giới diệt, tức là thức A-lại-da nhờ vào hai cảnh mà sinh, một là giữ gìn sự việc ở bên trong, hai là giữ gìn khí thế gian ở bên ngoài, không có khả năng phân biệt các tướng mạo. Giữ gìn bên trong, tức là thế lực chấp trước tà kiến, ngã kiến, huân tập cùng với căn và sắc, đồng thời chấp trì mà làm cảnh giới. Đây là hữu nơi cõi dục, cõi sắc. Trong cõi vô sắc chỉ có thế lực chấp trước tà kiến, ngã kiến huân tập. Giữ gìn khí thế gian bên ngoài, không phân biệt tướng mạo, là ở bên trong được thức A- lại-da, giữ gìn, tức cảnh giới bên ngoài, được duy trì. Ví như đèn giữ tim và dầu ở bên trong để bên ngoài có ánh sáng. Thức A-lại-da giữ trong ngoài cũng lại như vậy. Cảnh giới nầy rất sâu xa vi tế, như người đa văn trí tuệ ở thế gian cũng không thể hiểu rõ cảnh giới nầy: Là thường hằng mà có đổi khác (dị). Thế nào là không đổi khác? Từ một niệm ban đầu đến, bị nắm giữ cảnh, cho đến chết sinh ra chỉ cùng một sự việc. Thức A-lại-da ở trong cảnh giới niệm niệm sinh diệt, ở trong cõi dục giữ lấy cảnh vi tế, ở trong cõi sắc giữ lấy cảnh rộng lớn; ở cõi vô sắc, xứ vô lượng không xứ, vô lượng thức , giữ lấy cảnh vô lượng; ở xứ vô sở hữu giữ lấy cảnh vi tế, ở xứ phi hữu tưởng phi vô tưởng giữ lấy cảnh sâu xa vi diệu. Do hai cảnh nầy, do vi diệu, do một vị, do niệm niệm diệt, do cảnh nhỏ bé, do cảnh rộng lớn, do cảnh vô lượng, do cảnh vi tế, do cảnh sâu xa vi diệu, nên biết là có thức A-lại-da.

Dựa nhau khởi, tức là thức A-lại-da cùng năm pháp tâm số dựa nhau mà được sinh, là xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư, năm đại địa nầy là năm pháp vi tế thuộc về báo người trí trong thế gian cũng không thể hiểu. Chúng đồng duyên một cảnh không có riêng khác, cùng đều có các thọ không khổ,

không vui và vô ký, bốn thứ khác cũng như vậy. Do pháp đại địa tâm số dựa nhau khởi, do đồng báo dựa nhau, do vi tế dựa nhau, do đồng duyên một cảnh, do không khổ không lạc cùng dựa nhau, do vô ký dựa nhau, nên biết là có thức A-lại-da dựa nhau mà khởi.

Cùng nhau làm nhân duyên, nghĩa là thức A-lại-da và các thức khác cùng làm nhân duyên, nghĩa nầy gồm có hai: Một là căn bản, hai là nương dựa. Thế nào là căn bản? Các thức thiện, bất thiện, vô ký đều nhờ vào thức A-lại-da làm căn bản. Nương dựa nghĩa là thức A-lại-da giữ gìn các sắc căn mà năm thức được sinh, không giữ thì không sinh, khi có thức A-lại-da thì ý thức được sinh Sáu thức lại có hai việc cùng thức A-lại-da làm nhân duyên: Một là hiện tại chuyển đổi tăng trưởng căn bản. Hai là vị lai lúc muốn sinh liền khiến thọ báo. Tăng trưởng căn bản là các thức sinh thiện, bất thiện, vô ký, niệm niệm huân tu, thức A- lại-da cũng lại như vậy. Vì sao? Sau khi sinh các thức dần tăng trưởng, thiện ác chuyển mạnh. Khiến thọ báo là có thức đối với thiện, bất thiện có uy lực nên khiến đời vị lai thức A-lại-da thọ quả báo. Do căn bản, do nương dựa, do tăng trưởng, do khiến thọ báo, nên biết là có thức A-lại- da cùng các thức làm nhân duyên.

Được cùng tương ưng sinh, nghĩa là thức A-lại-da hoặc cùng một thức tương ưng mà sinh, như nói ở tâm, tâm có ngã kiến và kiêu mạn làm tướng, ở nơi có ý thức hoặc không có ý thức, thức A-lại-da luôn thường tương ưng sinh, tâm ngã kiến và kiêu mạn nầy lấy thức A-lại-da làm cảnh. Nói là ngã, nói có ngã là tướng. Hoặc hai thức câu sinh, đó là đối với ý thức. Hoặc ba thức cùng sinh, đó là đối với ý và ý thức; ở trong năm thức thì tùy theo giữ lấy một thức. Hoặc bốn thức tương ưng sinh; ở trong năm thức mà giữ lấy hai thức, cho đến năm, sáu, bảy thức cùng sinh, do sáu trần hiện ở trước. Ý thức nầy nương nơi tâm mà được lập, nhân lúc tâm chưa diệt thì ý thức không cởi buộc, nếu lúc tâm diệt thì ý thức liền cởi bỏ. Ý thức có hai cảnh giới: cảnh giới trần của thức khác và cảnh giới trần của chính mình. Cảnh giới trần của thức là lấy trần của năm thức kia làm cảnh. Cảnh giới trần của chính mình là chọn lấy pháp làm cảnh; mà do đó ý thức đối với bảy thức kia có nghĩa khác biệt. Thức A-lại-da cùng sáu thức, ba thọ tương ưng cùng sinh, là khổ, vui, không khổ, không vui. Đối với cõi dục, trời, người, súc sinh, ngạ quỷ, ba thọ có một phần nhỏ, cùng với không khổ, không vui cộng sinh Cõi địa ngục, không lìa thọ khổ, nhờ nơi thức A-lại-da mà thọ cộng sinh. Cõi tam thiền, chỉ có lạc thọ, nhờ nơi thức A-lại-da mà thọ cộng sinh. Tứ thiền cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chỉ có không khổ không vui nhờ nơi thức A-lại-da mà thọ cộng sinh. Như vậy, trong sáu thức thì thiện, bất thiện, vô ký, cùng thức A-lại-da tương ưng

cộng sinh. Lại nữa, thức A-lại-da cùng các thức tương ưng cộng sinh, cùng mượn tạm khổ, vui, không khổ không vui, thiện, bất thiện, vô ký của các thức tương ưng mà được sinh, không được lẫn lộn. Vì sao? Do không đồng cảnh giới sinh, cũng như nhãn thức câu sinh thì không lẫn lộn với mắt, thức A-lại-da cùng với các thức câu sinh không được lẫn lộn cũng lại như vậy. Các tâm số đồng là tâm pháp, có các tướng tương ưng cùng sinh, không trở ngại thức A-lại-da, mà cùng bảy thức tương ưng câu sinh, cũng lại như vậy. Thí như nước chảy cùng sóng là câu sinh, không có trở ngại. Lại như gương sáng và các hình tượng là câu sinh, không có trở ngại. Ở nơi thức A-lại-da mà cùng các thức tương ưng được sinh không có trở ngại cũng lại như vậy. Lại như nhãn thức hoặc lấy một sắc, một thứ, một tướng, hoặc lấy nhiều sắc, nhiều thứ, nhiều tướng, nhĩ thức đối với thanh, tỷ thức đối với hương, thiệt thức đối với vị, thân thức đối với xúc, cũng lại như vậy. Ý thức hiện hữu khắp nơi giữ lấy các thứ tướng không có trở ngại. Phân biệt sáu thức ý nghĩa là như vậy. Tâm giới ở trước đã nói, đến lúc diệt thì cùng bốn phiền não cùng hỗn tạp mà sinh. Ngã kiến, kiêu mạn, tham dục, vô minh, bốn phiền não nầy ở nơi định và bất định, ở trong pháp thiện, bất thiện, vô ký, thì không có trở ngại, đó là pháp vô ký nhiễm ô. Vì thế mà thức A-lại-da cùng các thức tương ưng câu sinh, lại cùng ba thọ tương ưng câu sinh, cũng cùng thiện, bất thiện, vô ký sinh. Do nghĩa nầy, nên biết là có thức A-lại-da tương ưng cộng sinh.

Đều cùng phiền não cùng diệt (câu diệt), nghĩa là thức A-lại-da là căn bản của tất cả phiền não. Làm sao biết? Vì là chủ thể dấy khởi căn bản của chúng sinh thế gian; là chủ thể sinh ra năm căn cùng với sáu thức; cũng dấy khởi căn bản của thế giới, quốc độ. Tất cả nghiệp, khởi các nhân duyên nên cũng cùng kết hợp làm căn bản dẫn dắt quả báo. Làm sao biết? Vì không thấy có chúng sinh nào mà không sinh ba thọ. Cho nên, Phật nói chúng sinh lần lượt hỗ trợ làm duyên tăng thượng, tức là do thức A-lại-da làm căn bản của tất cả. Trong đời hiện tại là thể của Khổ đế, trong đời vị lai là chủ thể sinh tức Tập đế chính là làm căn bản của tất cả phiền não.

Hỏi: Nếu nói thức A-lại-da vì tất cả pháp, mà làm căn bản thì thiện của phần giải thoát, thiện của phần thông đạt, các thiện căn ấy cùng với tập đế nên có trở ngại chăng?

Đáp: Thức A-lại-da không làm căn bản của các thiện ở phần thông đạt, nhưng các thiện ở thế gian được tăng trưởng thì thiện căn của phần thông đạt chuyển làm thù thắng hơn do thiện căn của phần thông đạt chuyển làm thù thắng, nên các thiện ở thế gian được quả báo cũng thù thắng. Đức

Thế Tôn y nơi thức A-lại-da cho là gốc của tất cả chủng, nên mới nói lời nầy. Nghĩa là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới. Trong thức A-lại-da có các thứ tánh, nên nói là gốc của chủng tử, lấy nghĩa tích tụ mà thí dụ. Như vậy, thức A-lại-da là căn bản của tất cả phiền não, nên tu pháp thiện thì thức nầy diệt. Nói tu pháp thiện nghĩa là các phàm phu phát khởi suy nghĩ thiện, lấy các thức làm cảnh giới, tiến đến tu hành an tâm, ban đầu quán các đế, nếu chứng Tứ đế thì được trí tuệ sáng suốt, có thể phá hoại thức A-lại-da. Nếu chưa thấy Tứ đế thì không thể phá. Vậy lúc nào có thể thấy thức A- lại-da? Như vậy, tiến đến tu hành thì hoặc các Thanh văn nhập bất thối địa hoặc các Bồ-tát nhập bất thối địa, được thông đạt pháp giới, tức có thể thấy được. Ở trong thức nầy thấy tất cả các tụ phiền não ở trong; ở ngoài thấy thân mình là phiền não trói buộc. Ở trong thì thấy thân mình mà thấy bị các phiền não thô ác các khổ nơi ba cõi trói buộc. và tất cả phiền não của chủng tử hiện hành thâu gồm tụ tập trong thức A-lại-da. Do công hạnh tăng trưởng, công hạnh tu tập nên đạt được cảnh trí của chân như, đoạn trừ thức A-lại-da liền chuyển đổi tánh phàm phu, xả bỏ pháp phàm phu tức là thức A-lại-da diệt. Do thức nầy diệt nên tất cả phiền não diệt. Vì là đối trị của thức A-lại-da nên chứng đắc thức A-ma-la. Thức A-lại-da là vô thường, là pháp hữu lậu. Thức A-ma-la là thường, là pháp vô lậu, do được cảnh trí của chân như nên chứng đắc thức A-ma-la. Thức A-lại-da là đối tượng được theo sát của quả khổ thô ác. Thức A-ma-la không có tất cả quả khổ thô ác. Thức A-lại-da làm căn bản của tất cả phiền não, không làm căn bản cho Thánh đạo. Thức A-ma-la thì không làm căn bản cho phiền não, mà được làm căn bản cho đắc đạo Thánh đạo. Thức A-ma-la làm nhân nương tựa của Thánh đạo, không làm nhân phát sinh. Thức A-lại-da đối với thiện và vô ký không được tự tại, lúc thức A-lại-da diệt thì có tướng mạo khác. Nghĩa là nhân phiền não, bất thiện của đời sau diệt, do nhân diệt nên khổ của năm ấm đầy đủ không sinh được nữa. Do tất cả nhân ác phiền não trong đời hiện tại diệt nên ấm của phàm phu diệt, thân nầy tự tại tức liền như hóa, lìa bỏ tất cả quả báo thô ác. Đạt được nhân duyên của thức A-ma- la nên thọ mạng của thân nầy liền được tự tại. Nhân duyên thọ mạng có thể diệt ở thân, cũng có thể đoạn mạng, diệt hết không còn gì. Tất cả các thọ đều được thanh tịnh, như trong kinh đã nói rộng. Do tướng của tất cả phiền não, do nhập phần thông đạt, do tu thiện tư duy, nên chứng thức A-ma-la. Vì thế biết thức A-lại-da là cùng phiền não mà diệt. Như vậy là đã phân biệt, giải thích ý nghĩa của tâm, ý, thức một cách chân thật, nhân nơi sự giải thích tâm ý thức nầy, ở trong ba cõi được biết pháp của tất cả phiền não và các pháp thanh tịnh. Ngoài ra, những chỗ nói về

tâm, ý, thức là vì muốn giáo hóa các chúng sinh, vì các chúng sinh chưa có trí sâu xa, dễ sinh tin hiểu, nên chỉ nói về sáu thức.

Hỏi: Có người nào, có thức A-lại-da mà có sáu thức không? Có người nào, có sáu thức mà không có thức A-lại-da không?

Đáp: Ở đây có bốn trường hợp: Một là như người ngủ lúc vô tâm, lúc tâm mê muội, lúc nhập định vô tưởng, lúc sinh cõi trời vô tưởng, lúc ở quả vị A-na-hàm nhập định Diệt tận. Năm hạng người nầy thì có thức A-lại-da mà không có sáu thức. Hai là như A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ- tát bất thối, Như Lai Thế Tôn, bốn hạng người nầy do có tâm xứ mà có sáu thức, nhưng không có thức A-lại-da. Ba là phàm phu, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, có tâm xứ, có sáu thức và cũng có thức A-lại- da. Bốn là các A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát, Thế Tôn lúc nhập định diệt tận, hoặc lúc Thế Tôn nhập Niết-bàn vô dư thì không có thức A-lại- da, cũng không có sáu thức. Tất cả các pháp trong ngoài, mỗi pháp đều có tánh định, đối với tướng thì không động. Tại sao từ mười tám giới chỉ nói có sáu thức? Là do có tánh định, các giới còn lại là căn, là trần thì là bạn lữ. Các thức nầy ngày đêm đi qua từng sát na. Các thứ nhân duyên nơi sáu căn, sáu trần, tâm số làm bạn cho các thứ duyên sinh, tùy theo chỗ phát sinh mà tên gọi không đồng nhau. Như lửa thiêu các vật, tùy theo chỗ thiêu mà có các tên, là lửa cỏ, lửa gỗ, lửa phân. Cũng vậy, nhờ nơi nhãn và nơi sắc mà thức được sinh, đều gọi là nhãn thức, cho đến ý thức cũng lại như vậy. Các giới như nhãn v.v… từ khởi đầu đến cuối cùng đều là quả báo vô ký, có tướng khác nhau, nhưng thức thì không như vậy, nên phân biệt thức giới mà không nói về các giới khác.

Nếu có Tỳ-khưu muốn biết về tụ thức, để tu tập hạnh nầy khiến tâm thanh tịnh thì có nhiều thứ tướng mạo, có thể hiểu rõ tâm, lược nói có ba:

1) Tham đắm phiền não.

2) Nhiễm tâm là lỗi.

3) Phương tiện đoạn hoặc.

Làm thế nào Tỳ-khưu biết ở phiền não mà suy nghĩ như vậy? Tâm nầy từ lâu đã tham đắm phiền não, do ưa phiền não nên dẫu trở lại trừ bỏ tâm, đặt nơi chỗ vô dục mà vẫn bị dục dắt dẫn, không ưa tạm dừng, nên mau chóng trở lại nơi chỗ dục. Như vậy chỗ tham dục, chỗ sân hận, chỗ ngu si, chỗ thùy miên, cho đến chỗ phóng dật, dẫu có trở lại cứu tâm, đặt nơi chỗ không phóng dật cũng vẫn mau chóng trở lại nơi chỗ phóng dật, như vậy là Tỳ-khưu biết ở phiền não.

Làm thế nào biết nhiễm tâm là lỗi? Tâm nầy có nhiễm, đã tự tổn hại

mình, cũng tổn hại người khác, đời nầy khởi ác, đời sau cũng vậy. Do nhân duyên tạo tác ưu bi, khổ não, các ác, cho đến phóng dật có họa hoạn, thọ các khổ cũng lại như vậy, nên biết tự tâm có các họa hoạn.

Làm thế nào biết phương tiện đoạn hoặc? Biết ở tự tâm có những ưu bi khổ não như vậy, ta nay không nên theo tâm như vậy mà thọ các khổ não, nên chế ngự tâm phải theo ta, ta không theo tâm. Suy lường như vậy biết tâm có dục, đem tâm có dục đặt nơi vô dục, tức khiến tự tâm thấy lợi ích phước đức, cho đến trừ bỏ tâm phóng dật cũng lại như vậy. Tu hành như thế sẽ tích tụ thiện căn, lúc ấy tâm nầy không còn các duyên, đối với các pháp thiện, tu tập tăng trưởng, được an trụ. Oán ghét phiền não, thấy trước được họa hoạn, nên Tỳ-khưu tu tâm thanh tịnh, do đã biết ưa đắm phiền não, do đã biết nhiễm tâm là họa hoạn, do đã biết phương tiện đoạn hoặc, tức mau được chứng tâm vô lậu thanh tịnh vô thượng. Lại phân biệt biết tâm cũng nói là chuyển tâm, nghĩa là giả danh. Lại phân biệt biết tâm cũng nói là chuyển tâm, nghĩa là làm nhân cho thứ khác. Tâm được sửa trị thiện có hai công đức, lúc được công đức được quả thì tâm an lạc, tu tập pháp thiện tự tại vô ngại. Có ba thứ làm mê lạc ô nhiễm ở tâm: Một là không chánh tư duy. Hai là kiết sử chưa đoạn. Ba là phiền não hiện khởi. Tỳ-khưu có ba chỗ an trụ, nhờ ở sáu hành mà có thể thọ lãnh lời Phật dạy. Thế nào là ba chỗ? Một là an trụ ở giải thoát. Hai là an trụ ở cửa giải thoát. Ba là an trụ ở giải thoát cho đến pháp của nhân duyên. Nhờ nơi sáu hành: Một là không có hành khác biệt. Hai là nhiếp tâm một chỗ. Ba là thiện căn được sinh. Bốn là suy xét thấy Đế, không có vị khác. Năm là không có tăng thượng mạn. Sáu là chân chánh thọ dụng tín thí. Thí có hai loại: một là người thọ bố thí, hai là người thực hành bố thí. Quả thí cũng có hai: một là quả báo thật giàu có, hai là quả báo vui vẻ, là thành tựu của cảm ứng đem đến. Cho nên cái gì là thành tựu do cảm ứng đem đến đều là pháp vị lai, không có là do chưa có. Như vậy, các hành tướng cảm ứng sinh ra đó, làm thế nào được trụ? nếu là pháp vị lai thì có hành tướng sinh. Nếu vượt qua nên sinh thì từ vị lai đã vượt qua đến ở hiện tại, hết ở đây thì sinh kia, từ đời vị lai hết là thọ của đời hiện tại, nhờ pháp vị lai pháp hiện tại sinh, như vậy trụ nghĩa là không có biến đổi khác. Nhờ pháp vị lai mà pháp hiện tại khác sinh, ở các pháp đời vị lai và đời hiện tại; mà các pháp đời hiện tại đời vị lai chưa có nghiệp, thì trong đời hiện tại tức có sự sinh, đã sinh tức là đủ tướng, ở đời vị lai chưa có đủ tướng, ở trong đời hiện tại đủ tướng thì sinh. Nếu khác tướng mà sinh, là do nhân ở đời vị lai và tánh đời vị lai. Do nhờ ở nhân, tánh, do hai tánh nầy, nên đã sinh khác tướng. Ở trong đời hiện tại là tánh hiện tại, do tánh quả, nên khác tướng mà sinh. Do đó, sáu pháp đời

vị lai không có nghĩa được sinh. Vì sao? Vì nếu chưa có chỗ, mà từ chỗ nầy vượt qua chỗ kia, thì không có nghĩa đó. Đã tự nó chưa sinh thì đâu thể chấp nhận có mất! Các pháp ở đời hiện tại nếu nhân nơi pháp vị lai thì pháp hiện tại sinh các pháp vị lai, không nên chưa sinh, và tất cả các pháp không có tướng chuyển động, do lìa tự tướng, không có nghiệp riêng. Nếu vị lai, hiện tại đồng có tướng mà chỉ riêng pháp trong hiện tại là có nghiệp thì không có việc nầy. Nếu chỉ là nghiệp chưa sinh mà nay được sinh thì các hành không như vậy. Phật nói các hành vô thường thì thuyết nầy tức bị phá hủy. Nay diễn bày nghiệp vô thường, nếu như ông nói các hành phải thường thì như cách nói của ngoại đạo Tăng khư. Tức pháp nầy chưa có, thì không có nghĩa được sinh; các pháp đã sinh thì không có nghĩa được diệt tức cho thuyết nầy là đúng. Còn như lời Phật dạy: pháp nầy chưa sinh nên thọ sinh, sinh rồi thì nên diệt tức cho đây là sai. Nếu vậy, các pháp nầy đồng một tướng thì làm sao phân biệt, nếu có thể phân biệt tức là chưa sinh, được sinh, đến vô cùng. Há có tướng và tánh của pháp vị lai từ sắc v.v... tương ưng mà không có quả riêng khác? Vị lai là do chưa có, pháp hiện tại tức là quả, thì không có nghĩa nầy! Vì phải thành tựu nên có thuyết chân thật này có thể làm chứng tín cho các pháp vị lai chưa có hành tướng. Nói chưa có nhưng được sinh, như pháp vị lai, thì quá khứ cũng như vậy. Cái gì là pháp của hành quá khứ thì là tướng diệt là đã qua từ sinh. Cái gì là pháp của hành hiện tại thì là tướng chưa diệt là chưa qua từ sinh, chỉ có lúc sinh là trụ. Cái gì là pháp của hành vị lai, chính là nhân hiện có, chưa sinh tự tướng, chưa thọ thân mình.

Hỏi: Các pháp vị lai, vốn đã không có khả năng được thọ sinh. Hư không, hoa v.v... thạch nữ, sừng thỏ, làm sao không sinh?

Đáp: Đây không có nhân sinh ra, còn pháp của hành vị lai có nhân sinh chính thức.

Hỏi: Nếu pháp vị lai có nhân sinh chính thức, tại sao không được cùng một lúc đều sinh?

Đáp: Chính là có nhân sinh đợi duyên không đồng. Các pháp hành ấy có duyên gần thì nhân tức có thể sinh, cho nên không thể đều sinh.

Thế nào là duyên của nhân? Phật thuyết có bốn: Một là Duyên nhân, hai là Duyên thứ lớp. Ba là Duyên duyên. Bốn là Duyên tăng thượng. Loại thứ nhất cũng là nhân cũng là duyên, còn ba thứ sau chỉ là duyên, không phải nhân. Thế nào là nhân duyên? Là căn có sắc là có nương tựa. Do thức này, tức hai thứ pháp làm tất cả chủng tử, tất cả chủng tử sắc căn. Tất cả chủng tử sắc pháp , tất cả chủng tử tâm, tâm pháp, đều nương nơi sắc căn,

cũng nương nơi thức, trừ sắc bốn đại. Sắc bốn đại nầy có hai thứ nương tựa: một là bốn đại chủng, hai là mười một chủng, chủng nầy nối tiếp nhau dựa vào ở các pháp mà nói, tức là nhân duyên. Như có chủng tử của căn sắc, tâm tâm pháp mà không có nương tựa chăng? Nếu nhập định diệt tận, nhập định vô tưởng, sinh Trời vô tưởng, thì ở đời vị lai thức không nên sinh lại và gặp dịp sẽ có sinh. Cho nên, sắc căn tâm, tâm pháp là nhân. Nếu có thức nầy mà không thuận theo sắc chủng, thì người phàm phu sinh cõi vô sắc, thọ mạng hết, nghiệp hết, từ nơi kia chết rồi đến sinh ở hạ giới, sắc nầy không chủng tử thì không nên sinh lại, gặp dịp sẽ sinh lại. Cho nên, vì thế các thức là căn bản của sắc. Từ đạo thế tục, nhập định sơ thiền, sinh cõi sơ thiền, dục giới bất tịnh và các pháp tịnh đã phá, mà căn bản chưa đoạn trừ hết. Vì sao? Từ sơ thiền định sau đó lại thối đọa, dấy khởi trở lại pháp bất tịnh nên từ chỗ sơ thiền thối lui sinh cõi dục. Đoạn có bốn thứ:

1) Xa lánh là đoạn.

2) Phá hoại là đoạn.

3) Định là đoạn.

4) Vĩnh viễn trừ bỏ là đoạn.

Thế nào xa lánh là đoạn? Như có một người tham đắm dục lạc, vì muốn đoạn dục nên thọ giới lìa dục, kiên trì không phạm, khiến được tăng trưởng, do tăng trưởng nên không còn tham đắm lại, nhân của dục và phiền não không sinh nữa, đấy gọi là xa lánh mà đoạn.

Thế nào phá hoại là đoạn? Thí như một người có quán tưởng về sai lầm, và tưởng về bất tịnh, như tưởng thây chết bầm, xanh v.v…, cùng khéo suy nghĩ nên phá hoại được tham dục, người chưa hết dục thì cũng không tùy thuộc ở dục, đối với cảnh giới trần, tâm cũng không tham đắm, đấy gọi là phá hoại mà đoạn.

Thế nào định là đoạn? Thí như một người thuận theo đạo thế tục mà lìa nhiễm nơi dục, nhiễm nơi sắc, chứng được định tịch tĩnh, giữ tâm nối tiếp như vậy, đối với dục và sắc không tham đắm, đấy gọi là định đoạn.

Thế nào vĩnh viễn trừ bỏ là đoạn? Như Thánh nhân tu đạo xuất thế, lìa nhiễm ô ở ba cõi mà chứng được đạo thì gốc của các phiền não trong ba cõi không còn sinh lại. Vì sao? Vì ở trong đời hiện tại đã chứng vô dục, rốt ráo không thối đọa, đã sinh thượng giới, quyết không thối thất trở lại sinh hạ giới. Ví như lúa mạch và các hạt giống, gieo trên hư không và nơi đất khô cháy, thì vĩnh viễn không sinh được, nhưng không phải không là hạt giống. nếu dùng lửa đốt chúng thì tất cả đều tiêu diệt, không còn tướng trạng của chủng tử là gốc của các phiền não. Đối với đoạn diệt cũng lại như

vậy. Thánh nhân nếu nhập Niết-bàn Vô dư, thì chủng tử của thiện, vô ký đều được hàng phục.

Hỏi: Nếu nói là hàng phục mà không diệt hết, sao không sinh quả báo?

Đáp: Đã đoạn gốc của chủng tử bất thiện, thì ở đời vị lai không thể sinh báo, cũng không thể tự sinh, đấy gọi là vĩnh viễn đoạn trừ.

Người phàm phu (cụ phược), là tâm có phát sinh những có khổ, có vui, không khổ không vui, tất cả tâm nầy làm ba căn bản, các pháp thiện, bất thiện, vô ký, cũng làm căn bản. Hàng Hữu học có tâm thiện thế gian và ô nhiễm vô ký, lấy việc tu đạo đoạn hoặc làm căn bản. Tâm thiện thế gian v.v... lại lấy pháp khác mà làm căn bản. Hàng Vô học thì đoạn hoặc đã hết, có tâm thiện thế gian, hoặc thuộc thế gian, hoặc xuất thế gian, và vô ký là do không lấy tất cả phiền não, hoặc làm căn bản, nên lấy tất cả pháp thiện và pháp vô ký làm căn bản. Như vậy đã phân biệt căn bản của các pháp, ở đây không nói thức A-lại-da. Có chỗ nói là thức A-lại-da làm căn bản của các pháp thế tục. Tất cả các pháp xuất thế gian là pháp của đạo vô đoạn, nên lấy thức A-ma-la làm căn bản. Như lời Phật dạy: Tỳ-khưu! Các A-la-hán vì học tâm pháp mà nương nơi tứ thiền, hiện tại trụ trong an lạc cũng từ tâm nầy, Ta nói người ấy trở lại thối đọa tất cả chỗ .

Hỏi: Nếu như vậy, các A-la-hán vĩnh viễn đoạn phiền não, tại sao phiền não hạ địa lại sinh? Nếu không sinh lại, tại sao thối đọa?

Đáp: Thối đọa có hai thứ:

1) Mất là thối đọa.

2)Trụ là thối đọa.

Mất tức là người phàm phu. Trụ tức là chung cho cả phàm và Thánh. Nương nơi đạo thế tục, phiền não đã lìa, sau đó dấy khởi, trở lại thì gồm cả hai nghĩa thối đọa. Nương nơi đạo xuất thế gian, phiền não đã đoạn, do tâm đắm vào việc làm tâm không trụ, do đó trung gian không thể phát khởi lại sự an lạc trụ của hiện tại, trước sau cũng như vậy, cũng không khởi các hoặc ở hạ địa. Đây tức trụ là thối, đọa không phải mất là thối đọa. Các A-la-hán đã dứt hết tất cả hoặc, nếu chưa đoạn căn bản của pháp bất thiện thì làm sao tâm La-hán khéo giải thoát và các lậu đã tận? Nếu căn bản của pháp bất thiện đã đoạn, thì làm sao La-hán ở tâm tương tục không chánh tư duy. Đâu thể sinh lại thì làm sao các hoặc được sinh? Vì thế, nương nơi đạo xuất thế gian đã đoạn hoặc, biết rõ là không còn thối thất. Nhân duyên đã thuyết lại có hai thứ: một là nhân sinh, hai là nhân phương tiện.

Duyên thứ lớp nghĩa là các pháp tâm số theo thứ lớp các pháp khác

được sinh, pháp tâm số nầy làm duyên cho sự sinh, là thức vì thức tạo thành duyên thứ lớp cũng gọi là ý, cũng gọi là ý nhập, cũng gọi là cảnh giới tâm. Duyên thứ lớp nầy lại có hai thứ: một là đã diệt, hai là chỗ dời đổi.

Duyên duyên nghĩa là năm thứ thức nầy lấy các trần làm duyên của duyên, lại đối với tâm thức thì các nhập trong ngoài, tức là duyên duyên. Duyên duyên nầy cũng có hai thứ: một là ỷ chứng, hai là không ỷ chứng.

Duyên tăng thượng nghĩa là các nhập bên trong của nhãn v.v… đồng thời phát sinh, tức là làm duyên tăng thượng cho nhãn thức v.v… có thể khiến tâm tạo tác, ở trong cảnh giới nếu đồng thời sinh thì tâm, tâm số lại cùng làm duyên. Những nghiệp thiện và bất thiện, đã tạo ở đời quá khứ thì ở vị lai những quả báo như ý và không như ý được sinh ra là duyên tăng thượng . Như ruộng nước, phân làm duyên tăng trưởng cho các hạt giống, các nghề nghiệp ở thế gian hoặc các thợ khéo léo v.v… những thứ này thì các trí tuệ làm duyên tăng thượng. Duyên tăng thượng nầy lại có hai thứ: một là không lìa, hai là có không. Nhân duyên nầy chính là chủ thể sinh, còn các duyên khác chỉ có thể tăng trưởng, do hành duyên nầy cùng thời đồng đến, căn bản hành nầy có thể sinh các hành, nên các hành không đồng thời sinh. Do nương nơi bốn duyên mà biết rõ mười nhân, như địa Bồ-tát, như lời Phật thuyết. Duyên hành của quá khứ mà tâm được sinh, duyên hành của vị lai cũng sinh ở tâm. Nếu hành quá khứ và vị lai không, thì pháp nào là tâm mà làm cảnh giới? Có người nói: nhân nơi cảnh nầy Phật thuyết sinh tâm, nên cho là tâm nầy tức lấy không làm cảnh.

Hỏi: Nếu tâm, cảnh là không, thì lời Phật nói chính thức rõ ràng là nhân từng cặp đối nhau mà các thức được sinh, như nhãn đối với sắc, nhĩ đối với thanh, cho đến tâm đối với pháp, đấy chính là Phật nói, tại sao không ngăn ngại?

Đáp: Đây là pháp trần, không vì năm thức mà làm cảnh giới, Phật nói trần nầy gọi là pháp duyên tâm duyên pháp. Phàm nói tâm thức là do phương tiện sinh. Phật nói nghĩa nầy lại để làm gì? Tâm thức nầy không lấy thức quá khứ làm cảnh giới cũng không lấy các thức vị lai làm cảnh, các thức quá khứ vị lai pháp trần đều không gồm thâu. Nếu có pháp thì pháp có cùng nhóm tụ, nếu không có pháp thì pháp "không" cùng nhóm tụ. Vì tâm thức nầy tùy chỗ có pháp mà nghĩa pháp có được giữ lấy, tùy nghĩa "không" mà pháp của nghĩa "không" được giữ lấy. Do nghĩa ấy nên tin biết các thức lấy không có làm cảnh. Nếu cho tâm thức không lấy hai thứ có và không để làm cảnh, tức không thể giữ lấy hết thảy nghĩa pháp. Hoặc có người nói: Nếu tâm thức không lấy có, không làm cảnh, thì người nầy tức

chướng ngại trong nhiều nghĩa của Tất đàn.

Hỏi: Thức nầy nếu lấy pháp "không" để làm cảnh, thì thức cũng nên là không có?

Đáp: Do quá khứ, vị lai nên không có thức, do hiện tại nên có.

Hỏi: Nhãn thức không được lấy "không" làm cảnh, thì tâm thức tại sao có thể lấy?

Đáp: Do cảnh ba đời. Lại nói rộng ra thì có năm nghĩa: Do tâm thức hiện tại lấy "không" làm cảnh, như lời Phật dạy, lìa các nhập trong, ngoài, thì không có nghĩa của ngã. Ngã ấy không có tức chẳng phải pháp hữu vi chẳng phải pháp vô vi. Do đấy, các thức lấy vô ngã làm cảnh giới, đối với người có trí, biết pháp tổng tướng, thì không ai là không tin, đấy là nghĩa thứ nhất.

Sắc, hương, vị, xúc, lìa bốn pháp trần nầy rõ ràng chẳng thể thủ đắc, các pháp như cung điện, giảng đường, xe cộ, thức ăn, y phục và các thứ khác, đã vốn là không, chẳng phải pháp hữu vi, chẳng phải pháp vô

vi**.** Do đấy, các thức lấy không có cung điện, giảng đường, xe cộ… làm cảnh giới, đối với người có trí, biết pháp tổng tướng, thì không ai không tin, đấy là nghĩa thứ hai.

Các tà kiến phỉ báng tất cả, không nhân, không quả, không buộc, không mở, các pháp nầy là không. Nếu tùy thuận nghĩa lý có các pháp nầy thì chẳng phải tà kiến. Vì đây thật sự nầy đều là không nên đối với người tà kiến lấy không làm cảnh thì không thể không sinh thức, đấy là nghĩa thứ ba.

Lại đối với các hành không có thường trụ, không có thường trụ nầy cũng chẳng phải hữu vi, cũng chẳng phải vô vi, mà các thức nầy cũng chẳng phải không lấy vô thường làm cảnh, đối với người có trí, biết pháp tổng tướng, thì chẳng phải là không biết về thường. Nhưng nếu thức lấy "không" làm cảnh không được sinh thì đối với tất cả hành không thấy, đối với thường là không có nghĩa. Nghĩa là nương nơi trí tuệ chân chánh thì không sinh nhàm chán, không nhiễm cũng như vậy, cũng không giải thoát, không được Niết-bàn. Nếu dùng nghĩa nầy thì các phiền não và hoặc của tất cả chúng sinh vĩnh viễn trói buộc không giải thoát, đấy là nghĩa thứ tư.

Các hành vị lai chưa có nghĩa sinh, thì chớ nói là diệt, nhưng bậc Thánh nhân đối với các hành vị lai không ai là không quán xét nghĩa sinh diệt, đấy là nghĩa thứ năm.

Do nghĩa nầy, nên nhất định biết các thức lấy không làm cảnh. Như lời Phật dạy, nếu nghiệp quá khứ hiểu rõ là không có, thì không có khổ thọ

lạc thọ, nghĩa nầy thế nào? Ở đời quá khứ, đã tạo đã diệt nghiệp thiện và bất thiện, là quả vui và không vui, được thọ nhận ở đời vị lai, hành tướng nầy nối tiếp do chủng tử nghiệp sinh ra vì nghĩa nầy cho nên như lời Phật dạy. Nói có nghiệp quá khứ là có hai ý nghĩa:

1) Vì những người nói nhân không đúng, để ngăn sự chấp của họ. Như họ nói: có Tự Tại thiên, Phạm thiên, Đế thích tự tánh, thần, ngã, thời tiết, vi trần, nói nhân đây mà các pháp chúng sinh khổ, vui thảy đều được sinh.

2) Vì các người nói không có nhân, để ngăn sự chấp của họ. Có nhiều người nói không có nhân cũng nói là không có duyên, vì các chúng sinh có tịnh và bất tịnh, như các vật gỗ, đá v.v…, không theo nhân duyên. Hoặc có tôn trọng, hoặc có khinh mạn hiện bày sự cố ấy nên Phật nói có hành quá khứ. Các bậc Hiền Thánh không vướng chấp chỗ nầy, an lạc mà trụ. Đây nói có ý nghĩa gì? Do các hành quá khứ sinh ra quả nên có, các hành vị lai làm nhân cho nên có. Làm sao tin biết các hành hiện tại ba tướng hiển hiện? Do quả quá khứ, do nhân vị lai, do tự tướng nối tiếp nhau không đoạn tuyệt. Lại nương nơi hai nghĩa hiện hai pháp nầy, nghĩa là ở hành của quá khứ và vị lai ngoại trừ chấp thật. Vì nếu hành của quá khứ và vị lai, tướng ấy thật có, thì chẳng phải là quá khứ vị lai. Các người kiến chấp là không cho quá khứ vị lai không thì hiện tại cũng không. Vì để đoạn trừ các kiến chấp như vậy, nên như lời Phật dạy: Có cõi quá khứ vị lai, thì có cõi hiện tại, nghĩa nầy thế nào? Do chủng tử tương tục đã sinh ở quả, nên nói nghĩa nầy, đấy gọi là quá khứ. Chủng tử tương tục sắp sinh, đây gọi là vị lai. Các quả chủng tử hiện tại chưa đoạn, đấy là cõi hiện tại, cho nên nói nghĩa nầy. Tỳ-khưu biết chủng tử tương tục, là vô lượng pháp, chẳng phải một cõi, đấy gọi là biết cõi. Vì sao? Từ ấm sắc v.v... đến sinh, lão, trụ, diệt, không còn pháp nào khác, cũng chẳng phải có thật. Các hành vị lai ngăn chặn có thật, nên không có sinh là đoạn đối với nghĩa thật. Làm thế nào biết? Ở vị lai sinh đã tự chưa sinh, làm sao là chủ thể sinh, sinh ở pháp khác, các sinh ở đời hiện tại cũng không là chủ thể sinh, sinh ở pháp hiện tại. Đây là nói tướng sinh, là các hành thành, là các hành sinh, là các hành khởi, các hành hiện tại. Ở đây, rõ một nghĩa mà có nhiều tên, lìa nhiều tên nầy lại có tướng sinh. Các người có trí không nói các tên nầy dùng làm tướng sinh, đối với các pháp nầy, mỗi pháp nhất định có nhân chủng tử, đâu dùng cái khác mà sinh? Sinh nầy yếu kém mà là giả danh. Làm sao biết? Phàm nói có sinh, tức hành sinh chăng? Chủ thể sinh hành chăng? Nếu sinh hành của tự nó có thể sinh pháp hành thì đối với chỗ có sinh tức pháp hành được khởi. Nghĩa nầy không như vậy. Nếu có thể khởi thì gọi là hành sinh, ở trong một

hành nên có hai sinh, đó là chủ thể sinh, đó là hành tự sinh, đây cũng không như vậy. Như nói nghĩa sinh ba thứ còn lại cũng như vậy.

Đối với hiện tại, nhân chỗ trước chưa có tướng khởi của các hành nên đó gọi là sinh, không do nơi trước tức là tướng dị của hành tức gọi là lão, khởi mà chưa diệt tức gọi là trụ sát na sinh, tướng hoại của các hành, gọi là diệt. Như bốn pháp nầy là tướng hữu vi, tại sao Phật nói chỉ có ba tướng? Là sinh, diệt, trụ, dị, tất cả pháp hành hiện trong ba đời, từ đời vị lai chưa sinh mà được sinh, nên nương nơi đời vị lai sự sinh khởi nầy là tướng hữu vi, do đây chưa sinh nên không thể chấp đắm, đã sinh rồi thì ở đời quá khứ tức đều đã diệt, nương nơi đời quá khứ, đây nói là diệt, là tướng hữu vi cũng không thể chấp đắm. Do đã quá khứ nên hiện tại hiển hiện là trụ, nương nơi hiện tại là tướng hữu vi, là chỗ có thể chấp đắm. Do trụ nầy cũng lại có khác, phần nhiều có lỗi lầm, sinh thế nầy thì ai dám mong cầu. Như đối với điều tốt đẹp thì luôn có tướng không tốt đi theo, nên trụ và dị hợp làm một tướng, do nghĩa nầy nên chỗ hiện trong ba đời là pháp tướng hữu vi. Nếu ba tướng nầy là chỗ so lường của các bậc Thánh, thì tại sao ở trong các ấm, Phật quán xét tướng khởi, diệt, nương pháp mà trụ, mà không quán xét ở tướng trụ dị? Sinh và trụ dị, hai loại tướng nầy là chỗ hiện của khởi, cho nên sinh và trụ dị, hai tướng nầy hợp làm một để nói thuyết. Ở nơi bên khởi thì nói quán xét khởi mà trụ, một tướng còn lại (diệt) thì sắp đặt một bên ở phần thứ hai. Cho nên, nói như đây, là nói quán xét tướng diệt mà trụ. Lại có nghĩa khác nghĩa là: nương nơi tướng nầy liền chứng vô nhiễm, do nhàm chán khổ họa nên chứng giải thoát, chỉ quán hai tướng là đối tượng để tư duy. Do thấy vô thường ở các pháp hành, cho nên sinh nhàm chán. Nói là vô thường, nghĩa là vật chưa sinh mà sinh ra thì gọi là sinh, sinh mà hoại thì gọi là diệt, đấy gọi là vô thường. Sinh lại có nhiều thứ, đó là sát na sinh, thọ sinh sinh, khởi sinh sinh, biệt tâm sinh, không như ý sinh, như ý sinh, thượng, trung, hạ sinh, hữu thượng sinh, vô thượng sinh.

Sát na khởi, tức là trong từng sát na, sát na có các hành sinh khởi, đấy gọi là sát na sinh. Thọ sinh sinh, tức là có sự trói buộc hoặc không trói buộc, từ từng chỗ đọa lạc, ở trong từng chỗ ấy các ấm sinh khởi, đấy gọi là thọ sinh sinh. Khởi sinh sinh, tức là từ trẻ thơ cho đến thanh niên, già nua, đấy gọi là khởi sinh sinh. Biệt tâm sinh, tức là nương nơi các thứ duyên, các thứ thọ, các thứ thiện, các thứ đạo, hoặc chứng giải thoát và chưa giải thoát, có vô lượng thứ tâm, đấy gọi là biệt tâm sinh. Không như ý sinh, tức là ở trong ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh mà thọ các khổ não, đấy gọi là không như ý sinh. Như ý sinh, tức là ở nơi cõi trời, người thọ quả báo vui sướng. Hạ sinh là sinh ở dục giới, trung sinh là sinh ở sắc giới,

thượng sinh là sinh ở vô sắc giới. Lại nữa, lần thứ nhất thọ thai gọi là hạ sinh, lần thứ hai thứ ba thọ thai gọi là trung sinh, lần thứ tư thọ thai gọi là thượng sinh. Lại nữa, thọ các quả ác gọi là hạ sinh, các pháp vô ký trừ khởi quả thiện gọi là trung sinh, tất cả pháp thiện, tất cả quả thiện gọi là thượng sinh. Hữu thượng sinh, tức là từ dục giới cho đến bất dụng xứ. Vô thượng sinh tức là Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Lại nữa, hữu thượng sinh tức là A-la-hán từ lúc vào thai chưa đến chỗ cuối cùng, một niệm sau cùng trong một sát na ấm, đấy gọi là vô thượng sinh.

Phân biệt về ý nghĩa già lại có nhiều thứ, đó là thân già, tâm già, tuổi thọ già, biến dị già, ấm già. Thân già là tóc bạc, răng long, da nhăn, mặt gầy, cho đến những thứ như trong kinh nói các tướng mà thân có. Tâm già là cùng ứng với lạc thọ. Biến đổi khác sinh, tức là như dùng tâm thiện chuyển làm bất thiện, đối với vật yêu thích sinh ra tham đắm, lại sinh biến dị, là chỗ không có quả, đấy gọi là tâm già. Tuổi thọ già là ngày đêm từng sát na đi qua, tuổi thọ chuyển giảm ít đi, đấy gọi là tuổi già. Biến già tức là tất cả phú quý vinh hoa, không bệnh, sắc lực, chuyển giảm dần. Ấm dị già, tức là sinh cõi trời người, ấm chuyển đổi tăng trưởng, từ chỗ nầy chết sinh vào đường ác hoặc chỗ hạ tiện, gọi là ấm dị già.

Lại duyên của riêng một tướng già. một tướng già này trước đã nói là già mà tiện được sinh. Tức cái gì được các hành trong từng sát na sát na sinh ra khác biệt, đó gọi là riêng một tướng già.

Phân biệt về nghĩa trụ cũng có nhiều thứ, đó là sát na trụ, tương tục trụ, y duyên trụ, nhất tâm trụ, như pháp chế trụ. Sát na trụ, tức là chỉ có lúc sinh là trụ. Tương tục trụ, tức là tùy chỗ đã sinh, các ấm, y phục, thức ăn, cho đến khi mạng hết. Lại nữa, những vật bên ngoài cho đến khi kiếp tận, đấy gọi là tương tục trụ. Y duyên trụ, tức là khổ, vui, thọ các pháp thiện và ác, mỗi mỗi hiện duyên tùy theo đấy mà trụ, đó là y duyên trụ. Nhất tâm trụ, là người có tâm chánh định trụ nơi định hiện tiền, đấy gọi là nhất tâm trụ. Như pháp chế trụ, là theo cảnh giới đang ở, pháp vua trị vì đất nước, thôn xóm, đối với bốn chủng tánh nương theo việc trước đã chế mà trụ, đấy gọi là như pháp chế trụ.

Ý nghĩa vô thường cũng có nhiều thứ, đó là hoại vô thường, biến dị vô thường, biệt ly vô thường, sẽ sinh vô thường, cùng đến vô thường. Hoại vô thường, tức là các hữu đã có sinh thì liền có diệt, đấy gọi là hoại vô thường. Biến dị vô thường, là các hành đáng yêu thích sinh ra không giống như trước. Biệt ly vô thường, là những vật thương mến bị phân tán biệt ly. Ba thứ vô thường nầy, đối với đời vị lai gọi là sẽ sinh, dấy khởi ở đời hiện

tại thì gọi là cùng đến vô thường. Thọ năm thứ dục lạc không thể tự giữ gìn, thoắt chốc biến mất, rồi ái biệt ly đến, suy nghĩ việc nầy ưu sầu khổ não cho đến như kinh nói mà vẫn không chịu nhàm chán. Đối với các pháp hành, các ngoại đạo cũng suy nghĩ đây là vô thường, cũng sinh nhàm chán mà chỉ lìa dục giới, đối với các pháp hành có phần sinh chán lìa. Nếu các Thanh văn suy nghĩ đầy đủ, đây là vô thường, rốt ráo nhàm chán xa lìa, tức chứng được vô nhiễm cho đến giải thoát.

-oOo-

LUẬN QUYẾT ĐỊNH TẠNG

QUYỂN TRUNG

Phẩm 2: TÂM ĐỊA,

Phần 2

Lược nêu về chỗ gồm thâu của duyên sinh. Nhân của chính nó đầy đủ, đấy gọi là chí. Thế nào là chí? Do tợ như Nhân nên nhân duyên đầy đủ, là do được sinh, cho nên gọi là chí. Như vậy lựa chọn để biết hữu giả danh, cho đến nếu là hữu thật thì có hai thứ, đó là hữu của Nhân sinh và hữu của Nhân chẳng lìa. Hữu của Nhân sinh là Như Lai đắc pháp từ trước đến nay không đến làm Nhân, há về nghĩa lại được sinh! Nếu như vậy thì mãi không được sinh. Hữu của Nhân không lìa pháp là do pháp thiện, bất thiện, vô ký nhất thời cùng đến; lại như thế, pháp chướng ngại cũng nên cùng sinh. Vì thế, hai Nhân đều không như vậy. Lại pháp nơi Nhân sinh mỗi pháp thuộc về các duyên hiện bày, chủng tử của chính nó như nhân của nó tức do chủng tử nầy mà gọi là chí. Còn những Nhân khác duyên ở hiện tiền nên gọi là lìa duyên khác. Nhân ở đây bị duyên dẫn dắt do đó tự tại, giả tạm gọi là chí. Tự tại nầy là do mọi người, các pháp bị sinh bị diệt, lại ưa thích hiện tiền nên mới mau chóng bị dắt dẫn bởi duyên mà sinh, do đó gọi là chí. Lược có ba nghĩa: một là chủng tử thành tựu, hai là tự tại thành tựu, ba là hiện tiền thành tựu.

Chủng tử thành tựu, là tất cả pháp ác, các pháp vô ký và thiện của sinh đắc và sinh không dụng công, các chủng tử nầy chưa có định phá lúc Thánh đạo phục đoạn thì các chủng tử thiện, chưa bị tà kiến phá hoại, đấy gọi là chủng tử thành tựu. Làm sao biết? Chủng tử các pháp cho đến khi chưa hoại cùng các pháp bất thiện, hoặc hiện hoặc không hiện, như vậy đều gọi là thành tựu. Do công lực các pháp thiện đã tạo, nên có đầy đủ các nhân thuộc về vô ký sinh duyên, đấy gọi là tự tại thành tựu. Các pháp hiện tại đang ở trước mắt, do tự tướng nên sinh, đấy gọi là hiện tiền thành tựu. Thế nào là mạng căn nương nơi nghiệp quá khứ? Mỗi chỗ thọ thân đều bị nghiệp dắt dẫn, có lượng thời trụ, do đây dắt dẫn mạng nên gọi là mạng căn. Lại nữa, mạng căn phân biệt có hai, là định và bất định, có tùy theo và không tùy theo, có nhiều có ít, có sau không sau, có tự tại không tự tại. Người ở

cõi Diêm-phù-đề lìa thọ mạng của mình, ngoài đó ra đều có số quyết định. Trong cõi Diêm-phù-đề hoặc thọ mạng vô lượng hoặc là ngắn ngủi, giảm cho đến còn mười tuổi. Người ở cõi Uất-đơn-việt nhất định thọ mạng ngàn tuổi, chỗ nầy tùy theo mạng, không có các duyên khác; những chỗ khác chết không tùy theo mạng. Người ở cõi Diêm-phù-đề thọ đến mười tuổi, đấy gọi là ngắn ngủi. Có các súc sinh, trong một ngày mà bảy lần sống bảy lần chết, cho đến trong một ngày một đêm. Lại có cõi phi tưởng phi phi tưởng, chư Thiên thọ mạng tám vạn đại kiếp. La-hán thọ mạng cũng còn có mạng căn sau như các bậc Học ở trong đời hiện tại nhất định nhập Niết-bàn. Các người phàm phu với thọ mạng sinh thân cuối cùng cũng có mạng căn sau, còn các người khác thì không có sau. Các La- hán, Bồ-tát, Phật, với mạng căn tự tại có thể kéo dài thọ mạng, ngoài ra những thọ mạng khác thì không được tự tại.

Thế nào là phần tương tợ chủng loại chúng sinh? Là lược thuyết các loại chúng sinh của khắp các chỗ thọ sinh. Như đồng cõi, đồng đạo, đồng sinh, đồng loại, đồng năm, đồng tánh, các hành nhiều, ít v.v…. Do dựa vào các phần nầy là tương tợ, đấy gọi là phần tương tợ chủng loại chúng sinh. Có chỗ nương tựa của các chúng sinh tức là phần cõi, thì đều có phần tương tợ. Như trong một cõi, chúng sinh thọ sinh. Do dựa vào năm đạo thì đều có phần tương tợ. Như trong mỗi mỗi đạo có (đường) các chúng sinh. Có những chúng sinh dựa vào phần sinh mà sinh, mỗi mỗi chúng sinh sinh ra lại dựa vào phần phần loại mà sinh, mỗi mỗi tánh mà sinh nên có phần tương tợ về sắc thanh cao rộng sự nghiệp, thiện ác… của các chúng sinh. Ví như người sát sinh cùng với sát sinh, tà kiến thì cùng chung với người tà kiến, như người lìa sát sinh thì chung với lìa sát sinh, cho đến chánh kiến chung với người chánh kiến, Tu-đà-hoàn chung với người Tu-đà-hoàn, cho đến Phật-bích-chi chung với Phật-bích-chi, Bồ-tát chung với Bồ-tát, Phật chung với Phật, đấy gọi là phần tương tợ.

Tất cả chúng sinh đều là giả danh. Tại sao phần tương tợ của chúng sinh mà là pháp thật?

Tánh phàm phu nghĩa là các chủng tử phiền não của thấy khổ mà đoạn trong ba cõi, do chưa đoạn được nên gọi là tánh phàm phu. Tánh phàm phu lại có bốn thứ: Một là không tánh Niết-bàn, hai là thuộc tánh Thanh văn, ba là thuộc tánh Phật-bích-chi, bốn là thuộc tánh Phật. Lìa mười phiền não không còn có tánh khác, gọi là tánh phàm phu. Thế nào là tánh hòa hợp? Nhân duyên đầy đủ, khiến các pháp được sinh, các thứ nhân duyên, các thứ pháp sinh, gọi là nhân cộng tác tánh hòa hợp lại có sáu thứ, đó là:

Thọ hòa hợp, nhập sinh hòa hợp, lục nhập trụ hòa hợp, công xảo trí hòa hợp, tịnh hòa hợp, theo nhau hòa hợp. Thọ hòa hợp, là do các nhập trong, ngoài và các thức tư duy v.v…mà thọ được sinh. Ba thứ hòa hợp nên xúc được sinh, do nơi xúc hòa hợp mà thọ được sinh. Nhập sinh hòa hợp là vô minh duyên hành, cho đến lão tử. Lục nhập trụ hòa hợp là nương nơi tứ thực và mạng căn. Công xảo trí tương ưng nghiệp tạo tác, đầy đủ nhân lực, đấy gọi là công xảo hòa hợp. Tịnh hòa hợp là mười hai sự khó mà được công lực của mình và người. theo nhau hòa hợp, ví như có một người làm vua một nước, cứ như pháp mà trị vì, chúng sinh nương tựa đất nước an ổn. Xa lìa các phần như vậy thì không có hòa hợp riêng khác. Chữ hòa hợp là dựa vào tánh tướng của pháp mà lập giả danh, dựa vào nghĩa như vậy gọi là chữ. Câu hòa hợp là đã thuyết dựa vào pháp tự tướng, pháp thiện, pháp ác, pháp tịnh, pháp bất tịnh, chọn lựa phân biệt dùng tên hợp làm câu, đấy gọi là câu hòa hợp. Vị hòa hợp là danh và câu hợp lại, chữ nghĩa đầy đủ. Vị hòa hợp nầy đối với các nghĩa tóm lược đều là danh; ở nghĩa trung bình là danh là câu, ở nghĩa nói rộng thì gọi là vị. Chỉ dựa vào danh, chỉ được biết danh, không biết ở nghĩa. Nếu dựa vào câu thì biết tánh của các pháp, cũng biết ở tiếng, nhưng không được biết rộng tuyển các pháp. Dựa vào vị, thân thì biết nghĩa của các pháp. Do danh, thân, câu, vị thân này là năm chỗ học để được biết giả danh, tùy theo ngôn ngữ của các địa phương mà lập danh không đồng. Nếu đối với tiếng kêu thì không chỗ nào là không đồng, do tai cùng nghe. Thế nào là năm chỗ học? Một là nội học, hai là nhân học, ba là thanh học, bốn là y phương học, năm là công xảo thế gian học. Thế nào là khởi sinh các hành? Do nhân quả tương tục chưa đoạn, đấy gọi là khởi sinh. Lại nữa, khởi sinh là có chủng tử sinh, cũng như các pháp là có chủng tử hiện khởi. Lại có khởi sinh chủng tử thì quả sinh, như có chủng tử chưa diệt, thì gốc của chủng tử hiện tiền khởi sinh, như địa Bồ-tát có danh lưu sinh, ấm của bốn cõi phi sắc có sắc lưu sinh, như mười thứ nhập trong ngoài, ở trong pháp nhập có sắc vô tác sinh, có sự đeo đuổi dòng mà sinh như mười hai nhân duyên theo pháp thứ lớp. Mười hai nhân duyên theo thứ tự nghịch nên do đây sinh tức là tương tục không có pháp khác.

Thế nào là phần đều? các pháp nương nơi vô thỉ, đều có chủng tử phân đều pháp nhân quả không thể lẫn lộn nhau. Chư Phật xuất thế, không xuất thế, pháp thường vốn vậy. Có diệt phân đều như mười hai nhân duyên nghịch thuận; có chánh pháp phân đều như năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới không có tăng giảm; có thọ phân đều, như pháp ba thọ, cũng không có tăng giảm; có trụ phân đều, đó là tất cả thân cho đến thọ mạng, các pháp bên ngoài, trụ đến một đại kiếp; có biến đổi phân đều, như các chúng sinh

đã sinh cõi sắc, trở lại sinh cõi dục đều có hạn lượng phân đều, như các chúng sinh sinh nơi cõi hữu sắc, thân có hạn lượng, thế giới của pháp bên ngoài cũng có hạn lượng.

Thế nào là tương ưng như vậy? Vì thuyết các pháp, vì an các pháp, vì chánh tri pháp, trong đấy phương tiện tức gọi là tương ưng. Phân biệt có bốn thứ: một là thấy tương ưng, hai là nhân tương ưng, ba là luận nghĩa tương ưng, bốn là pháp vốn vậy tương ưng. Ở phần Thanh văn địa sau sẽ nói rộng.

Thế nào là các hành nhanh chóng? Sinh diệt nhanh chóng, không trụ, hành của hữu chóng, tức là sinh diệt. Có uy lực nhanh chóng như voi, ngựa, người đi trên đất, bay trên không như chim, các loài Dạ-xoa, có tiếng kêu nhanh chóng như lúc phát ra tiếng, có nước nhanh chóng như sông hồ chảy, có lửa nhanh chóng như ngọn lửa lớn đốt cháy cỏ khô. Cung tên nhanh chóng như người bắn giỏi tên đi nhanh chóng, trí nhanh chóng là các bậc Thánh chọn lựa tu hành mau biết các nghĩa, thông nhanh chóng là vận đại thần thông khiến thân nhanh chóng, ý nhanh chóng là nương nơi tâm nhanh chóng, thần thông nhanh chóng.

Thế nào là thứ lớp tương đối? Các hành tương tục nương nơi thứ lớp sinh, đấy gọi là thứ lớp. Có thứ lớp sinh như mười hai nhân duyên thuận, có thứ lớp diệt như mười hai nhân duyên nghịch. Do vô minh diệt cho đến lão tử diệt, do lão tử diệt nên ưu bi khổ não tất cả đều diệt. Lại có pháp của đạo và thế tục sử dụng thứ lớp. Sáng sớm dậy, sửa soạn thân thể, mặc áo, làm việc, vui đùa, thử tài nghệ, tắm rửa, thoa hương, trang nghiêm nơi thân, ăn uống, ngủ nghỉ, đấy là thứ lớp của thế tục. Thế nào là pháp thứ lớp của đạo? Cũng sáng sớm dậy, các thứ lớp như trước, cho đến đắp y mang bát thứ lớp khất thực, được thức ăn liền trở về, an tọa mà thọ thực, rửa tay, lau bát, rửa chân, tọa thiền, giảng thuyết, đọc tụng, tư duy điều thiện, ban ngày kinh hành, đứng, ngồi. Hai loại này là pháp đối trị chướng ngại của tâm, đối trị về sự việc. Nửa đêm thì ngủ nghỉ, cuối đêm nhanh chóng dậy mặc áo và làm các việc như trước. Ở trong đại chúng, tùy giới lớn nhỏ, cung kính thăm hỏi, theo thứ lớp mà ngồi, như pháp thực hành, thọ nhận ngọa cụ, sinh thứ lớp có từ nhỏ đến già, tức có tám thời.

Lại có thứ lớp của việc kiến đế: Trước quán Khổ đế, tiếp đến quán Tập đế, Diệt đế, Đạo đế. Lại có thứ lớp học là nương nơi giới mà học, sinh ở tâm học, tiếp sinh tuệ học.

Thế nào gọi là thời? Nương nơi mặt trời mọc, lặn mà phân biệt thời. Lại nương nơi hành của các pháp có sinh diệt mà lập tên ba đời, lấy tên làm

thời, như năm, mùa, một tháng, nửa tháng, ngày đêm, sát na, quá khứ, hiện tại, vị lai, đấy gọi là thời. Lìa các pháp hành không có thời khác.

Thế nào là số? Đếm các pháp riêng khác khiến biết số nhiều ít, đấy gọi là số. Lại nữa, số là từ một hai pháp cho đến số nhiều, lại đến số gọi là A-tăng-kỳ, thì từ đây về sau không còn tên gọi số nữa.

Thế nào là chủng tử? Lìa các pháp hành không có chủng tử riêng. Do đây pháp hành khởi sinh như vậy, tiến nhập như vậy, đấy gọi là chủng tử, cũng gọi là quả. Chủng tử và quả riêng khác, không thể xem lẫn lộn. Tại sao không lẫn lộn? Vì dựa nơi quả hiện tại mà biết nhân quá khứ, dựa nơi nhân hiện tại mà biết quả vị lai. Do đây nhân cũng gọi là quả. Nhân quả không lẫn lộn, như lúa mạch, mầm, lá, cành, cộng, chưa sinh đã sinh, lìa các pháp nầy không có chủng tử khác. Như vậy quán sát tất cả pháp hành là tướng chủng tử. Đã nói đoạn hoại chủng tử của pháp ác, thế nào là đoạn hoại chủng tử của pháp thiện? Một là luôn hành sự pháp ác, trái nghịch với thiện nên đoạn hoại thiện căn. Hai là do đắm chấp tà kiến, vì tà kiến sâu nặng nên cũng đoạn thiện căn như các ngoại đạo. Ba là do tà kiến mà phỉ báng tất cả, tạo ra tội ngũ nghịch nên cũng đoạn thiện căn. Bốn là đã đoạn chủng tử của pháp ác bất thiện, thiện căn tức đoạn, như A-na-hàm đăng địa Bồ-tát. Lại nữa, tất cả chủng tử của các pháp do là một tụ, cho quả đã xong, nhưng đến với quả, có ba hạng yếu, vừa và mạnh, nên cần phải nói sơ lược về tướng của chủng tử được tồn tại trong thức A-lại-da chấp đắm vọng tưởng vào tất cả các pháp được huân tập, do đó tập khí cũng gọi là pháp thật, cũng gọi là giả danh. Thuận theo đây nên các pháp không có tướng riêng khác, không có tướng không riêng khác, như pháp chân như. Lại nữa, tập khí có khắp tất cả chỗ, các pháp tội ác, nếu dựa vào tập khí nầy mà gồm thâu tất cả chủng tử các pháp thì các pháp xuất thế lấy gì làm gốc mà được sinh ư?

Chủng tử các pháp ác không thể làm nhân nên pháp xuất thế nầy lấy cảnh giới chân như làm duyên mà được sinh. Nếu không lấy tập khí làm duyên mà được sinh thì tại sao diễn thuyết ba tánh Niết-bàn, lại nói có người không có tánh Niết-bàn? Như nghĩa nầy nên biết tất cả chúng sinh có cảnh chân như làm duyên, nhưng chúng sinh có chướng ngại, không chướng ngại cho nên giải thoát đều có khác nhau. Có các chúng sinh mãi mãi với chướng ngại căn bản, không thể thông đạt cảnh giới chân như, nói chúng sinh nầy là không có tánh Niết-bàn. Có các chúng sinh không y cứ nơi nghĩa nầy mà nói tánh Niết-bàn, như chướng ngại của người có trí tuệ là dựa vào gốc mà nói nên, cũng chẳng phải giải thoát mà là chướng ngại

căn bản. Rõ ràng với nghĩa nầy là thuộc tánh Thanh văn, tánh Phật-bích-chi. Không như nghĩa trước, đấy gọi là tánh Phật. Cho nên không có gì sai khi nói chỗ sinh tương tục của pháp xuất thế, nương nơi thức A-ma-la mà có thể được trụ, do tương tục nầy mà làm đối trị cho thức A-lại-da, bản thân không có chỗ trụ là cõi vô lậu, sẽ không tạo ác và lìa các phiền não.

Thế nào là lượt thuyết có ba? Một là pháp bất tịnh, hai là pháp thiện, ba là pháp vô ký. Tạo pháp bất tịnh tức là mười nghiệp bất thiện, thân khẩu ý sinh thọ hành không lìa làm duyên tăng thượng, nghiệp thân khẩu nầy khiến người khác biết, đấy gọi là bất tịnh. Làm pháp thiện tức lìa mười pháp ác nầy, không tu tập nghiệp thân khẩu nầy, làm cho người khác biết, đấy gọi làm thiện. Vô ký là dùng oai nghi nầy, như người thợ khéo, đối với nghiệp thân khẩu nầy gọi là vô ký. Lại có các nghiệp, không khiến cho người khác biết, chỉ tự phát tâm ở trong tâm, do đấy trong tâm hiểu rõ ngôn ngữ sẽ nương nơi các pháp thiện, bất tịnh, vô ký, đấy gọi là tâm làm. Chỉ có thân sinh khởi, đây không có pháp khác, thì gọi là thân làm, chẳng phải là động chuyển. Vì sao? Tất cả các pháp hành bị diệt trong từng sát na, cho nên không có chỗ đến, chỉ là ngôn ngữ, là khẩu nghiệp. Như vậy, tâm hành theo pháp tư duy nầy, tức đó là tâm làm. Vì sao? Vì sát na diệt nên từ đây đến kia thì nghĩa đó không đúng. Lìa chỗ sinh khởi của hành lại không có nghiệp khác. Nhãn nhĩ, tâm cũng không thể giữ lấy, cho nên việc tạo tác cũng là giả gọi là có. Nếu có các người tùy theo quyến thuộc ác, chỗ kia được sinh dần tăng trưởng, họ tự tư duy, nương nơi nghiệp sự nầy mà ta được thọ mạng, như vậy nghiệp hành ưa thích nhẫn chịu mà hành, lúc nầy được biết nó không có sự che chở. Nương nơi căn bất thiện thì không có sự che chở. Nếu tư duy bất chánh một cách mãnh liệt, sâu xa thì thuộc về thế lực. Người nầy tức có căn bất thiện lớn, nhưng chưa có việc bất thiện sát sanh, còn các bất thiện do nẻo bất thiện sinh ra thì cũng chưa có bằng chứng cho đến chưa gây tạo. Từ lúc chưa làm, tùy theo người đó có phạm và nghiệp đeo đuổi mà tùy thời lại sinh bất thiện. Cũng như người trước sinh vào chỗ bạn ác, đều tùy theo loại giống như họ mà tăng trưởng, nghiệp ác cũng lại như vậy, cho đến không lìa không suy nghĩ giúp đỡ thì không có sự che chở. Do ngày ngày suy nghĩ tăng trưởng, tạo các nghiệp nầy, mà các căn bất thiện đều được tăng trưởng, lại do suy nghĩ tà kiến, bất tín, biếng lười, vui đùa xao lãng, kết duyên với kẻ trí ác cùng hành, khiến cho quen với nghiệp nầy, khiến tạo ra nghiệp nầy, từ đây về sau do đã có căn bản, do quen làm, nên ở trong đó tương tục thì đời nầy gọi là không có chỗ che chở. Do nương nơi nhân xả, cho đến chưa xả các trí bất tín, nên nghiệp ác nầy không tin đời sau có quả báo ác, tức gọi là bất tín. Lười biếng là trong pháp

ác nầy, tùy ý mà trụ, không thể lìa bỏ, gọi là lười biếng. Vui đùa xao lãng là nếu có các lỗi lầm bị người trí chê bai, thì như chẳng xem ra gì. Kết duyên là tâm phiền não tán loạn, tâm nầy tương tục luôn luôn sinh không dừng. Trí ác là do điên đảo mà cho ác là thiện, thiện là ác, do lấy giới ác làm duyên tăng thượng, những bất thiện nầy là pháp bất thiện. Suy nghĩ ác làm bạn, sinh khởi không dừng gọi là giới ác. Không nương như trước mà như đạo lý chân thật, đấy gọi là pháp thiện. Ở đây có thể phân biệt: Nếu có người có thể lãnh thọ giới, thì trao cho họ giới thiện. Như có các người từ người khác mà đắc giới, cũng từ tự mình đắc giới. Có đắc giới của mình, không từ người khác mà đắc, chỉ có giới Tỳ-khưu. Vì sao? Các giới Tỳ-khưu đều không thể cho tất cả người thọ. Giới Tỳ-khưu không thọ từ người khác. Người có thể lãnh thọ giới, và người không thể lãnh thọ, do tất cả họ nếu đều có thể tự đắc giới xuất gia, thì pháp chế của Như Lai liền không được trụ. Lại pháp luật chế giới chánh thuyết khó biết nên giới pháp Tỳ-khưu chẳng phải tự thọ mà đắc. Nếu có các giới lìa giới Tỳ-khưu mà tự mình có thể đắc thì cần gì theo người khác mà thọ giới nầy.

Giữ gìn giới cấm có hai phần: Tự xấu hổ và xấu hổ với người. Tự phạm giới tức xấu hổ với người, giới cấm nầy từ người khác mà đắc. Tự xấu hổ là ta tự giữ gìn không có hủy phạm, đấy gọi là đắc giới. Có tự xấu hổ, tức có xấu hổ với người, có xấu hổ với người, chưa hẳn tự xấu hổ, cho nên tự xấu hổ đối với pháp có lực thù thắng. Người tự thọ giới nếu khéo giữ gìn, thì công đức phát sinh không có sai khác. Nếu từ người khác thọ thì có sai khác: nên trước phát tâm tự thân thỉnh sư làm lễ v.v… mọi việc, phải giữ oai nghi như pháp. Suy nghĩ nói năng khiến biết việc mình làm, đó gọi là nghiệp thân khẩu ý tác tiền phương tiện. Nếu tự thọ mà đắc thì chỉ là tâm làm vì suy nghĩ xa lìa nầy chẳng phải là chỗ che chở, ví như năm căn như tín v.v... lấy suy nghĩ xa lìa nầy làm duyên tăng thượng gọi là che chở. Lại nữa, thọ trì giới có trăm thứ tướng, do từ y cứ của mười thứ pháp bất thiện mà thọ pháp xa lìa. Trong giới không sát sinh, chỉ thọ một phần, cho đến tà kiến cũng thọ một phần nhỏ, đấy gọi là mười. Trong giới không sát sinh chỗ thọ nhiều phần, cho đến tà kiến, đấy là mười loại riêng. Lại mười loại riêng như giới không sát sinh mà thọ đầy đủ, cho đến tà kiến, đấy cũng là mười loại. Hoặc trong thời gian ngắn, một ngày một đêm, hoặc nửa tháng cho đến một năm, thọ giới lìa bỏ sát sinh cho đến tà kiến, gọi là mười loại. Hoặc trong thời gian dài, nhưng không trọn đời mà thọ giới không sát sinh cho đến tà kiến, lại là mười loại. Cho đến trọn đời thọ giới không sát sinh, cho đến tà kiến, lại là mười loại riêng. Đã thọ không sát sinh, thấy chúng sinh không giết hại, cho đến tà kiến, đây là mười thứ. Tự mình thọ

giới thiện, lại khuyên người khác thọ, đấy là mười thứ. Khéo nói năng khen ngợi giới cấm, đấy là mười thứ. Đã thọ giới không sát cho đến tà kiến, tự mình sinh hoan hỷ, đấy là mười thứ. Mười lần mười tướng mạo thọ trì giới, hợp thành trăm thứ, công đức phát sinh có được tùy giới nhiều hay ít. Do đấy che chở lại có tám thứ: Một là năng sinh che chở, hai là thâu nhận che chở, ba là giữ gìn che chở, bốn là trị phạm che chở, năm là che chở, yếu sáu là che chở, vừa bảy là che chở mạnh tám là thanh tịnh che chở. Lúc chưa thọ, trước suy nghĩ, ta nay muốn thọ giới cấm lìa ác, đấy gọi là năng sinh. Vào lúc đang thọ gọi là thâu nhận. Đã thọ giới rồi, suy nghĩ lìa các ác, chính là tăng thượng duyên thuộc về năm căn, lúc ấy cùng với giới căn bản luôn luôn khéo giữ như giới đã thọ mà suy nghĩ giữ gìn. Nếu gần bạn ác, phiền não sinh khởi tạo các ác, tức tự xấu hổ không cho thiếu sót giới, chớ để hủy phạm khiến đọa đường ác, đấy gọi là giữ gìn. Nếu vui đùa xao lãng, tạo các pháp ác, thì phải nhanh chóng phát sinh suy niệm, đem các lỗi lầm phát lồ sám hối, xấu hổ tự sửa đổi, về sau không phạm lại nữa, đấy gọi là trị phạm. Nếu thọ trì phần ít giới thiện trong thời gian ngắn, chỉ tự giữ gìn không khuyến khích người khác, khéo nói lời lẽ mà không khen ngợi giới, thấy người đồng làm thiện không sinh tùy hỷ, cũng không vui thích, đấy gọi là che chở yếu. Hoặc phần nhiều khéo thọ trì giới cấm mà không đến trọn đời, tự mình giữ giới và khuyến khích người khác, khéo nói lời lẽ mà không khen ngợi, thấy người đồng làm thiện không sinh tâm yêu thích, đấy gọi là che chở vừa. Nếu thọ giới cấm đầy đủ cho đến một tội nhỏ cũng không phạm, đấy gọi là che chở mạnh.

Nếu nương nơi giới cấm thanh tịnh nầy mà tâm không hối hận, cho đến căn bản phá giới của sơ thiền, tức vĩnh viễn đoạn trừ do nương vào Xa-ma-tha. Đó là sự che chở của định. Trong sơ thiền, cho đến Nhị, Tam, Tứ thiền, cũng lại như vậy. Lại riêng có khác, với sự xa lìa căn bản phá giới nầy, tức thuộc về đối trị, nơi định đạo sâu xa đoạn trừ. Đó là trì giới thanh tịnh thứ nhất. Nương nơi tịnh giới nầy, nương nơi định che chở, được thấy chân đế, túc chứng quả A-na-hàm, vào lúc nầy căn bản phá giới đều vĩnh viễn đoạn trừ. Nương vào vị lai thiền, nếu đắc sơ quả, thì vào lúc nầy, căn bản của nẻo ác sinh đều được đoạn trừ, như có các giới thảy đều được thanh tịnh, được Thánh nhân ưa thích, đấy là giới cấm thanh tịnh thứ hai, gọi là che chở trì giới vô lậu. Giới vô lậu nầy lúc đắc quả La-hán, thì đối trị làm thanh tịnh đối khác ở quả diệt hoặc, đấy là tám thứ giới đã hợp làm một. Lại phân làm ba: Một là thọ hành che chở, hai là tổng trì che chở, ba là thanh tịnh che chở. Ba thứ giới trước là thọ hành che chở, hai thứ tiếp theo là tổng trì che chở, ba giới thượng, trung, hạ là phương tiện hành, là giới

thiền định và giới vô lậu, được gọi là thanh tịnh che chở. Ba thứ che chở nầy, thứ lớp chuyển thành thù thắng hơn. Tại sao Như Lai thuyết ba giới nầy? Đó là giới Tỳ-khưu, giới Ưu-bà-tắc và tám giới. Do ba nhân duyên nên các người lãnh thọ sự giáo hóa có thể lìa hạnh ác, lại lìa than dục, trong đấy Phật thuyết là giới Tỳ-khưu. Có những người lãnh thọ sự giáo hóa mà chỉ lìa hạnh ác, không lìa tham dục, ở đấy Phật thuyết là giới Ưu-bà-tắc. Vì sao? Vì người tại gia bức xúc sinh phiền não, thường bị chúng trói buộc, nên khó thọ trì giới phẩm đầy đủ. Có những người lãnh thọ sự giáo hóa mà không thể lìa hạnh ác và tham dục, cho nên Như Lai vì họ mà thuyết tám giới. Vì sao? Những người nầy không thể lìa hai việc trên, vì hai giới trước làm nhân duyên, họ tự suy nghĩ không thể giữ giới cẩn trọng. Trong tám giới nầy, ba phần trước là thể hiện lìa hạnh ác, sau có bốn phần thể hiện lìa tham dục không dâm, còn một phần thể hiện lìa hai xứ.

Giới Tỳ-khưu là bốn phần nghĩa gồm thâu: Một là thọ đầy đủ phần, hai là theo giới đầy đủ thọ chế giới luật, ba là hộ tha tâm giới, bốn là giữ giới đầy đủ. Thọ đầy đủ phần tức là bạch tứ yết-ma như thọ pháp chế lớn, từ đầu dựa vào giới cấm của tỳ khưu đây gọi là Tỳ-khưu thọ đầy đủ phần. Từ đây về sau tùy thuận theo giới Tỳ-khưu ở Ba-la- đề-mộc-xoa đó là chánh mạng, tất cả chỗ nầy thường luôn được gìn giữ che chở, đấy gọi là theo giới đầy đủ thọ nhận giới luật được chế. Có hai phần này, thì oai nghi đầy đủ gọi là hộ tha tâm giới. Oai nghi hành xử như ở địa Thanh văn phần sau tự sẽ nói. Đối với tội nhỏ thấy sợ không phạm, giữ như giới trọng. Còn nếu có phạm thì liền phát lồ, đấy gọi là giữ giới đầy đủ.

Nương nơi năm lực được sinh bốn phần trên, vì có tín lực mà giới giải thoát viên mãn, nương nơi tinh tấn lực mà đầy đủ chánh mạng phần, nương nơi niệm lực mà giữ gìn các căn, nương nơi tuệ lực mà nhân duyên phần viên mãn, nương nơi định lực mà bốn phần đầy đủ. Vì sao? Nếu không có năm lực thì không có bốn phần như trên.

Giới Ưu-bà-tắc gồm thâu ba phần: Một là được người khác quý trọng, xa lìa phần phá hoại. Hai là có phạm lỗi lầm liền sửa đổi sám hối để được thanh tịnh. Ba là thọ trì không hủy phạm. Không đoạt mạng người khác, không cướp của cải của người, không có tà dâm, đấy là phần đầu. Xa lìa vọng ngữ là phần thứ hai. Xa lìa uống rượu là phần thứ ba.

Lại có năm phần gồm thâu đối với tám giới: Một là lìa sự phá hoại người khác, hai là lìa sự phá hoại mình và người, ba là có phạm liền sửa đổi sám hối, bốn là vì không để mất giới nên luôn nhớ nghĩ hộ trì, năm là niệm phần không tán loạn. Lìa sự đoạt mạng, cướp tài vật, đấy là phần thứ

nhất. Lìa sự dâm dục là phần thứ hai. Vì sao? Vì xa lìa dâm dục thì không phá hoại thân mình, vì thê thiếp của mình mà không hoại thân người khác, do xa lìa dâm dục người khác nên xa lìa nói dối, đấy là phần thứ ba. Thứ đến xa lìa ba xứ là phần thứ tư. Vì sao? Hiện có thói quen ca múa, dùng hương hoa trang nghiêm thân, nằm giường cao rộng, ăn uống phi thời, dần dần tu tập biết quán thân là không, là vô ngã. Thọ giới nầy nhớ nghĩ không phạm. Không uống rượu là phần thứ năm. Vì sao? Vì thường tự suy nghĩ, nay ta có giới, do nương giới nầy nên không được say rượu, cuồng vọng phát sinh.

Giới Tỳ-khưu-ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di-ni, những giới nầy đều thuộc giới xuất gia. Nương nơi giới Tỳ-khưu mà được những giới nầy. Giới Ưu-bà-di là giới của hàng tại gia, giới nầy cũng tương tợ như giới cấm của Ưu-bà-tắc không khác. Tại sao Phật chế giới Tỳ-khưu và giới Sa-di thì thuyết hai bộ chúng, còn giới Tỳ-khưu-ni thì lại thuyết ba bộ chúng, là Tỳ-khưu-ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni? Vì các người nữ có nhiều phiền não, nên Phật chế giới Tỳ-khưu-ni phân làm ba bộ. Sa-di-ni trụ ở tiểu giới rồi, sau đó theo thứ tự thọ giới Thức-xoa-ma-ni. Như có thể trụ được giới Thức-xoa-ma-ni, tuy giới phẩm chuyển nhiều, nhưng cũng không được tức thì thọ giới cụ túc, mà phải hai năm học thực hành sáu pháp, nếu ưa trụ được giới nầy rồi mới trao giới Cụ túc. Như vậy, trong thời gian dài, từ thọ trì tiểu giới, lần lượt chuyển khá lâu mới có thể giữ đủ giới. Vì sao Sa-di có chế giới là không được nắm giữ vàng bạc mà trong tám giới thì không ngăn? Do Sa-di trụ trong giới xuất gia, là người xuất gia mà hai loại này thật không thích hợp. Nghĩa là: năm thứ dục lạc, trang nghiêm thân, vui đùa tùy ý phóng dật, hai là trong tám giới có nói là xa lìa ba chỗ, đó là ngăn sự ca múa, dùng hương hoa trang nghiêm thân, nằm giường cao rộng ăn uống phi thời là đã ngăn lìa nắm giữ vàng bạc, của báu.

Tại sao trong giới Sa-di ca múa và trang nghiêm thân phân làm hai giới, còn trong tám giới thì hợp làm một? Do đối với người xuất gia không thích hợp nên phân làm hai, đối với người tại gia thì không phải không tương ưng lại nhẹ nên hợp làm một. Người tại gia nếu có phạm thì chỉ một lần sám hối, người xuất gia nếu phạm hai giới nầy thì phải sám hối hai lần.

Tại sao kẻ hoàng môn và "bất năng nam" không thể xuất gia thọ giới Cụ túc? Vì những người nầy nếu làm Tỳ-khưu thì có thể tạo tội người nữ, nếu làm Tỳ-khưu-ni thì do thân xúc chạm mà có thể tạo tội người nam, do hai chỗ nầy nên không thể xuất gia thọ giới Cụ túc. Kẻ hoàng môn và bất năng nam nầy, do có nhiều phiền não chướng ngại nên không thể phát sinh

lực chánh tư duy, dựa vào lực đó mà luôn tư duy siêng năng tinh tấn tu tập phạm hạnh thanh tịnh, thì làm thế nào có thể đắc pháp của người và Thánh, vì thế không được xuất gia thọ giới. Vì sao? Vì khó có được người thiện sinh ở chỗ này, vì không thể phân biệt.

Tại sao hoàng môn và bất năng nam khi thọ ba pháp quy y và năm giới, cũng không được gọi là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di? Người gần gũi Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni gọi là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, những người hoàng môn và bất năng nam này dù khéo nhiếp phục các căn nhưng Tỳ-khưu, Tỳ- khưu-ni cũng không được gần gũi họ. Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni ở một mình, hoặc ở chỗ có ngăn che cũng không được gần gũi, xúc chạm v.v… đều không được, như Ưu-bà-tắc v.v… được gần gũi Tỳ-khưu, cho nên, những người nầy không được xưng là Ưu-bà-tắc. Những hoàng môn v.v… này, nếu khéo trì giới thì phước đức có được cũng đồng nhau. Thế nào là phi giới? Lìa những giới đã thuyết ở trước gọi là phi giới, tùy theo chỗ tạo các nghiệp thiện và bất thiện, từ thân khẩu ý, do đấy mà có thể biết hết thảy phi giới và phi phi giới. Vì vậy giới cấm tự mình có thể thọ, thọ từ người khác, hai chỗ thọ giới nầy sinh công đức có phần sai khác, vào lúc không thọ giới, nếu tâm ý đồng, hộ trì cũng đồng phước sinh không khác.

Những nhân duyên nào không được thọ đầy đủ giới cấm Tỳ-khưu? Muốn được, không được, lược thuyết có sáu thứ: Một là có tâm hủy hoại, hai là thân căn không đủ, ba là căn người không đủ, bốn là do đoạn thiện căn, năm là lệ thuộc người khác, sáu là hộ tha tâm. Hoặc bị vương pháp truy bắt sợ hãi nạn giặc cướp, mắc nợ của cải người khác, sợ không được sống, nên suy nghĩ: Nay ta khổ não khó được sống yên, vì ta tại gia nên có những sự khổ nầy, các người xuất gia sống thoải mái an vui, vì thế nay ta xuất gia nhập chúng, đồng thực hành đạo để được sống không có nạn. Suy nghĩ như vậy rồi liền xuất gia. Vì sợ hãi nên thọ trì giới cấm. Có chỗ luật chế bèn không để các Tỳ-khưu biết ta phạm giới cấm. Chúng Tăng hòa hợp biết đuổi ra khỏi chúng, vì người nầy có tâm hủy hoại, chẳng phải là Tỳ-khưu đầy đủ giới cấm, đấy gọi là có tâm hủy hoại. Lại có người suy nghĩ: Tại gia khó sống, nếu xuất gia thì giúp thân dễ cầu được sống, cho đến trọn đời được tu phạm hạnh, cũng như mọi người tu hành không khác. Suy nghĩ như vậy rồi liền xuất gia. Xuất gia như vậy chẳng phải là tâm hủy hoại, tuy đầy đủ giới mà chẳng phải thanh tịnh. Nếu bị các bệnh như bướu, hủi, điên cuồng, như nói theo pháp giá thì đây gọi là thân căn không đủ. Với thân hủy hoại, này nếu được xuất gia thì không thể kính trọng cúng dường sư trưởng, như vậy cũng không thể cúng dường ở người khác, trở lại thọ nhận sự phạm hạnh thanh tịnh của sư trưởng, bạn bè, cùng thức ăn, ngọa cụ của

tín thí, thọ những vật "trọng thí" nầy thì không dễ làm tiêu, lại cũng không thể tăng trưởng pháp thiện, việc thiện đã tu trước kia đều bị thối mất. Vì thế, thân căn không đủ thì không được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Nếu là hoàng môn và bất năng nam, cũng không được xuất gia thọ giới Cụ túc, do căn người bị hủy hoại, như trước đã nói về các nhân duyên. Người bất năng nam có ba thứ sai khác: Một là không thể đầy đủ, hai là có lúc và chẳng phải lúc, ba là hủy thương tổn hại. Con người từ khi sinh ra đến nay vốn không có nam căn, đấy gọi là người không thể đầy đủ. Lại, nửa tháng thì có thể là người nam, nghĩa là mười bốn ngày trước thì không thể, chỉ ngày mười lăm là có thể. Giả sử có người xúc chạm thì có thể làm người nam, không xúc chạm thì không thể. Hoặc thấy người khác hành dâm dục thì có thể làm người nam, không thấy thì không thể. Đấy gọi là có lúc và chẳng có lúc. Lại có trường hợp bị dao, trượng làm thương tổn, hoặc bị bệnh làm rụng đi, hoặc gặp độc, gặp lửa, bị chú thuật làm đoạn, vậy là trước có nam căn sau gặp trường hợp đó nên không còn, đấy gọi là hủy thương tổn hại. Người bất năng nam có ba hạng: Một là vốn đã là hoàng môn và bất năng nam, hai là vốn chẳng phải hoàng môn mà là bất năng nam, ba là vốn hoàng môn mà chẳng phải bất năng nam. Có người xúc chạm thân thì có thể sinh dục lạc, đấy gọi là căn người không đủ.

Đoạn thiện căn tức là tạo các tội nghịch, làm ô nhiễm Tỳ-khưu-ni, phá hoại đạo trong ngoài, như giặc cướp trụ, các loại bất cộng trụ, không trụ. Do phá hoại thiện căn, nên không được thọ giới cụ túc. Vì sao? Người nầy không biết xấu hổ với mình và người khác, do không thanh tịnh, do không hổ thẹn, mà pháp thiện bị tổn giảm.

Lệ thuộc người khác tức là người nầy làm việc cho vua, hoặc mắc nợ của người, hoặc làm nô tỳ cho người, hoặc đang lãnh nợ cho người, hoặc cha mẹ không cho phép, do lệ thuộc vào người khác như vậy nên không được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Hộ tha tâm nghĩa là loại người hóa hiện để ủng hộ tâm người khác, thì không được thọ giới. Vì sao? Ví như các rồng hóa thân làm hình người, cầu xin xuất gia, muốn nghe chánh pháp, cầu thọ giới cụ túc. Nếu thọ giới cụ túc rồi, đến khi nằm ngủ trở lại thân rồng, do ngủ nghĩ bức bách. Khi đã thành Tỳ-khưu thì nói là Tỳ-khưu, các thiện nam tín nữ đến tham gia học hỏi lại thấy thân rồng. Lúc nầy họ đối với các Tỳ-khưu sẽ sinh tâm nghi, cho các Tỳ-khưu chẳng phải người thật. Ai dám cúng dường! Do đó các rồng các quỷ thần hóa hiện ủng hộ tâm người khác không được thọ giới cụ túc. Trên đây là sáu nhân duyên không được xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu

lìa các sư cho đến các Hòa thượng, giới chưa đầy đủ, Tăng số không đủ, chúng không thanh tịnh, thì đấy cũng không đắc giới.

Những nhân duyên không được thọ giới Ưu-bà-tắc, lược thuyết có hai: Một là có tâm hủy hoại, hai là căn người không đủ. Người có tâm hủy hoại, vĩnh viễn không được thọ tất cả giới cấm. Người "bất năng nam" do căn người không đủ, tuy được thọ năm giới nhưng vẫn không được gọi là Ưu-bà-tắc, như các nhân duyên ở trước đã nói. Lại nữa, tám giới đối với người có tâm hủy hoại cũng không được thọ, do tùy từng người, hoặc vì lợi dưỡng mà tâm không thanh tịnh, miệng nói thọ giới như trước đã nói về những nhân duyên không được thọ giới. Lìa các duyên nầy thì được ba loại giới.

Lại có các nguyên nhân khiến mất giới Tỳ-khưu: Một là xả giới, hai là phạm giới trọng, ba là mất căn hoặc sinh hai căn, bốn là đoạn mất thiện căn, năm là mạng chung. Nếu đã khéo thọ các giới Tỳ-khưu, thì năm nhân duyên nầy khiến mất, pháp Phật diệt tận. Người chưa thọ giới, muốn thọ không được, đã thọ rồi không mất. Vì sao? Vào lúc nầy là thời mạt pháp đến, không có một người nào không có tâm hủy hoại mà cầu thọ giới, huống là có thể đắc bốn quả. Giới Ưu-bà-tắc do sinh tâm hối hận, do thiện căn diệt, do thọ mạng hết, do pháp Phật diệt, thì cũng mất năm giới như giới Tỳ-khưu. Lại nói về tám giới, đến sáng hôm sau lại có tâm hủy hoại, ngày ấy mạng chung thì mất tám giới.

Thế nào là định vô tưởng? Lìa dục biến tịnh, chưa lìa thượng dục, tác tâm tư duy, nghĩa là giải thoát chỉ đoạn ở tâm và tâm số pháp. Như vậy, tịch tĩnh gọi là định vô tưởng, đây là giả tạm gọi, chẳng phải có riêng pháp. Lược thuyết có ba: Đó là tu hạ, trung, thượng. Do tu hạ nên trong đời hiện tại có thối thất, nên không thể nhanh chóng trở lại tu tập sinh vô tưởng thiên, ánh sáng nơi thân yếu kém không đồng như chư Thiên, thọ mạng không đầy đủ giữa chừng có thối. Tu trung là nếu khi thối thất, trở lại tu tập nhanh chóng được sinh vô tưởng thiên, ánh sáng có mạnh hơn nhưng thọ mạng chưa hết cũng thối chuyển giữa chừng. Tu thượng là do siêng tu tập nên không thối thất, nếu được sinh vô tưởng thiên thì ánh sáng và thọ mạng đều đầy đủ, không chết giữa chừng. Vì sao? Vì được sinh thì tâm diệt, tâm số cũng diệt, gọi là vô tưởng sinh.

Thế nào là diệt tận lìa dục của xứ chẳng dùng? Nghĩa là chưa lìa dục của phi tưởng, phi phi tưởng nên tâm suy nghĩ, cầu chỗ tịch tĩnh không thọ không tưởng, ở trong thọ tưởng mà thấy khổ hoạ liền sinh sự nhàm chán xa lìa, Tứ thiền với thể của thọ, Tứ không với thể của tưởng, ở tám thiền định

đều sinh chán lìa, chánh thức diệt ở tâm và tâm số pháp, tức nhập diệt định, do diệt sáu thức nên gọi là diệt định, chẳng phải là diệt thức A-lại-da, đây cũng là giả tạm gọi, chẳng phải pháp thật có. Ở đây cũng có ba hạng tu thượng trung hạ, như trước đã nói. Chỉ là không nói sinh, vì các người học được nhập diệt định, đó là A-na-hàm gọi là thân chứng, người vô học được nhập diệt định hai phần giải tho- át, ở trong định vô tưởng, học và vô học đều không tu. Vì sao? Vì các Thánh nhân có chỗ sinh không thấy giải thoát, Thánh nhân biết thấy thì không sinh chỗ kia, lìa ở chỗ nầy đều có chỗ thù thắng riêng, vì sinh chỗ nầy mãi không thể tu tập pháp thiện, đấy là chỗ chướng nạn.

Tại sao hư không chỉ có xứ vô sắc? Vì hiển hiện hư không. Vì sao xứ không? Vì không có tất cả sắc nên nói gọi là hư không. Do đó giả gọi là không, mà chẳng phải là pháp thật. Thế nào là phi số diệt? Do nhân duyên tự nó được hiện ra trước nên sinh các pháp, lìa nhân sinh nầy thì các pháp không sinh. Rốt ráo tịch diệt gọi là phi số diệt, lúc nầy các pháp tức không được sinh, qua lúc sinh nầy thì không còn sinh lại.

Vị lai chưa khởi không được nói có. Nếu pháp vị lai nơi nhân duyên cảm ứng sinh thì hòa hợp mà sinh, bị ai ngăn cản mà khiến không sinh. Gọi đó là thường, cho nên không có một pháp riêng gọi là phi số diệt. Các người học nầy đã thấy chân đế, noãn sinh, thấp sinh, Uất-đơn-việt sinh, vô tưởng thiên sinh, nữ nhân, hoàng môn và bất năng nam, vô căn, hai căn, lại có ái nguyện không được sinh lại, gọi là phi số diệt đồng một chủng tướng. Vì sao? Vì các người học nầy mà lại sinh ái nhiễm, có thể tạo ra nghiệp thì không có việc nầy. Chưa trừ hết căn bản nên nghiệp thọ sinh. Vì sao các sắc, tâm nầy là pháp không tương ưng? Là từ nơi tướng sinh đến phi số diệt, ở trong tâm pháp chứ chẳng phải tâm số. Nếu ở trong sắc thì chẳng phải là có thể thấy, chẳng phải là không thể thấy, do nghĩa nầy nên gọi là sắc không tương ưng, không như ý, và có chỗ xả, gọi là sắc phân biệt. Thanh phân biệt là nhân của chúng sinh số, nhân của chẳng phải chúng sinh nhân của chúng sinh và chẳng phải chúng sinh. Sự phân biệt là khẩu tạo tác. Trụ phân biệt như trước đã nói. Hương phân biệt nghĩa là gốc, cành, vỏ, ruột, lá, hoa, quả là hương phân biệt. trong hương, vị, xúc, không có sự phân biệt. Trụ phân biệt như phần sắc đã nói ở trước. Vị phân biệt nghĩa là ngọt, khổ..., trụ cũng như trước. Xúc có nhiều thứ phân biệt như trước.

Cảnh thứ ba là ở trong mười phương, tức có thể được biết. Cảnh thứ tư là ba đời phân biệt. Cảnh thứ năm là thật, không thật, giữ lấy sự phân biệt thì có thể biết. Cảnh thứ sáu là ở xứ một bên mà được giữ lấy đầy đủ.

Như vậy các hữu sắc trần của tự phần đã phân biệt rõ ràng.

Thế nào là tư duy? Có thể sinh thức, cùng với các căn. Không phá hoại là cùng hiểu rõ trần và đều cùng phát tâm. Như đây tư duy có thể sinh các thức, đó gọi là tư duy thuộc phần của cảnh sắc ấm. Tạp tư duy là ở cõi dục, ấm, nhập, trụ chỗ này, cõi sắc thì sắc sinh ở thân nầy. Hỏi: Tại sao các sắc ở thượng giới và hạ giới đều cùng khác xứ, mà trụ thì không khác xứ? Đáp: Không khác xứ mà trụ giống như nước và ao, đấy gọi là tư duy phần sắc ấm hỗn tạp, tư duy sắc ấm phân biệt rốt ráo.

-oOo-

LUẬN QUYẾT ĐỊNH TẠNG

QUYỂN HẠ

Phẩm 3: TÂM ĐỊA,

Phần 3

Kinh nói về sáu thứ thắng trí, đó là ấm, giới, nhập, tứ đế, nhân duyên, hai mươi hai căn, như vậy thắng trí làm sao phân biệt? Uất-đà-nam nêu:

Tướng nghĩa và phân biệt
Thứ lớp thâu nhận nương
Dựa sáu thứ pháp nầy
Hiểu biết ấm, giới, nhập...

Thế nào là tướng sắc? Đó là mười một thứ, từ nhãn cho đến xúc và hữu sắc trong pháp nhập. Nương nơi hữu bốn đại là bốn đại, đều là tướng ngại.

Thế nào là tướng thọ? Đó là có sáu thứ xúc chạm của nhãn v.v… sinh ra. Ba thứ thọ lại có hai thứ nương tựa là sắc và tâm. Nương nơi sắc là thân thọ. Vì sao? Do sắc năm căn. Nếu căn có sắc nương nơi nhãn... mà thọ, đấy gọi là thân thọ. Thế tại sao năm căn không gọi là thân? Do tự tướng của căn dùng khác nhau. Nếu do tướng khác thì không đồng thân tướng, cho nên căn thọ không gọi là thân thọ.

Hỏi: Do không lìa thân mà có các căn, nương nơi căn sinh ra thọ, gọi là thân thọ. Thuyết nầy không sai. Nếu nói không lìa mà cho là không sai thì tâm không lìa thân, nên tâm thọ cũng gọi là thân thọ, phàm tất cả thọ đều gọi là thân thọ sao?

Đáp: Thân cùng các căn không được lìa nhau, tâm thì không như vậy. Như có chúng sinh sinh ở cõi vô sắc, lìa thân có tâm, nên căn thọ được gọi là thân thọ, tâm được lìa thân nên gọi là tâm thọ. Tất cả thọ nầy được có hai tên, đó là tất cả thọ đều là ba thứ nhân duyên của tướng dụng: Một là lực thù thắng của trần (cảnh). hai là lực thù thắng của tư duy. Ba là lực thù thắng tự tại.

Thế nào là tướng tưởng? Có sáu thứ như trước. Lại sáu thứ sinh tưởng hữu tướng, tưởng vô tướng, tưởng tiểu, tưởng đại, tưởng vô lượng, tưởng

vô dụng. Tất cả tưởng nầy có hai thứ khác biệt: Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Duyên ở cõi dục gọi là tưởng tiểu, duyên ở cõi sắc gọi là tưởng đại, duyên ở xứ không, thức gọi là tưởng vô lượng. Duyên ở xứ vô sở dụng thì gọi là tưởng vô dụng. Đối với những cõi dục v. v… gọi là tưởng hữu tướng, với phi tưởng phi phi tưởng gọi là tưởng vô tướng. Tưởng xuất thế gian nghĩa là các người học và người vô học, tất cả tướng nầy là tưởng phân biệt tướng.

Thế nào là tướng hành? Có sáu thứ như trước. Lại có năm việc: Một là cùng với các trần, hai là được cùng chung, ba là xa lìa hữu vi, bốn là khởi nghiệp phiền não, năm là tâm được tự tại. Lược thuyết ba thứ, thiện, bất thiện, vô ký, dẫn dắt tất cả quả, đấy gọi là tướng hành.

Thế nào là tướng thức? Cũng có sáu thứ, đó là nhãn thức cho đến ý thức. Tướng thức nầy lại phân ra làm ba: Một là dụng phần, hai là duyên đa phần cảnh, ba là trụ các dị phần. Dụng phần lại có ba, cảnh phần có sáu, trụ phần cũng có ba. Phân ra như vậy… phân biệt là mười tám thứ lấy trần làm tướng, đấy là tướng năm ấm.

Thế nào là nghĩa ấm? Tức là sắc trong quá khứ, vị lai, hiện tại, cho đến tất cả các sắc xa gần, tổng gọi là nghĩa ấm. Các sắc như vậy cho đến thức, như vậy gồm thâu chung tất cả hòa hợp đều gọi là nghĩa ấm.

Tại sao Phật nói hòa hợp là nghĩa ấm? Do các ấm nầy chỉ hòa hợp chớ không có nghĩa thật, nên Phật thuyết gọi là nghĩa ấm.

Thế nào là sắc ấm? Phân biệt thì có sáu: Một là tùy loại, hai là tùy tướng, ba là thức nương và không nương, bốn là lìa thức và không lìa thức, năm là tưởng trần, sáu là sắc cứu cánh xứ. Tất cả sắc nầy gọi là bốn đại và nương bốn đại, đấy gọi là tùy loại. Sắc tướng có ba thứ: Một là tịnh sắc, hai là tịnh trần, ba là tâm trần. Cộng tướng đều là chất ngại, tất cả các sắc đều cộng tướng.

Thế nào là thức nương và thức không nương? Chúng sinh số nầy, gọi đó là nương. Lại xứ có sắc, ban đầu thức mới nhập cho đến sinh thọ, đấy gọi là thức nương. Lìa sắc như vậy thì gọi là không nương. Thế nào là lìa thức và không lìa thức? Sắc không lìa thức gọi là tự phần, vì cộng thức và đồng dụng. Lại nữa, lìa thức gọi là bất tự phần, tương tợ tương tục có khả năng sinh ở xúc, gọi là tự phần. Tuy tương tợ tương tục nhưng không sinh ở xúc thì gọi là bất tự phần. Có ba thứ tưởng gọi là sắc trần: Một là tưởng sắc, hai là tưởng ngại, ba là tưởng chủng chủng. Tưởng sắc có ba tướng: Một là sắc hiển hiện, hai là sắc ngại, ba là sắc tụ. Ba tướng này cùng với trần như thứ lớp nên giữ lấy màu xanh, đen... gọi là tưởng sắc. Trở ngại cho

người du hành thì gọi là tưởng ngại, giữ lấy các tướng nam, nữ, ruộng, nhà... gọi là tưởng chủng chủng. Sắc trần, sắc cứu cánh lược thuyết có hai: Hạ giới đọa cõi dục, cõi sắc nghiệp tăng thượng duyên, như bốn không xứ nương nơi tác nghiệp thì không có sắc, nương nơi định tự tại có sắc diệu quang. Thế thì tại sao hết thảy sắc chủng đều được trí tự tại? Do tu hiện định là sắc diệu định.

Thế nào là thọ ấm? Phân biệt có năm thứ: Một là loại thọ, hai là tự tướng, ba là chỗ sinh, bốn là tư duy phân biệt, năm là chỗ diệt. Thế nào là loại thọ? Tức pháp của chỗ dùng. Thế nào là tự tướng? Tức là khổ vui, không khổ không vui. Lạc thọ là sinh lạc, trụ lạc, hoại khổ, nhân duyên ái nhiễm. Khổ thọ là sinh khổ, trụ khổ, hoại lạc, lìa nhân duyên ái. Không khổ không vui là hành khổ nên khổ, giải thoát duyên ái. Tất cả thọ nầy đều là khổ thì gọi là cộng tướng của thọ.

Thế nào là chỗ sinh? Từ mười sáu xúc mà thọ ấm được sinh. Những gì là mười sáu? Đó là sáu căn xúc (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xúc) xúc ngại, xúc y ngôn, xúc khổ, xúc vui, xúc không khổ không vui, xúc dục, xúc sân, xúc vô minh, xúc minh, xúc phi minh vô minh. Nương nơi căn giữ lấy trần, đấy gọi là sáu căn xúc, nương nơi trần mà suy nghĩ thì sinh ra xúc ngại, nương nơi tâm phát ra lời nói thì gọi là xúc y ngôn, nương nơi sự trói buộc hoặc giải thoát mà có xúc khổ, xúc vui, xúc không khổ không vui. Xúc dục, xúc sân, xúc vô minh nương nơi chỗ trói buộc, nương nơi giải thoát có xúc minh, xúc phi minh vô minh.

Thế nào là tư duy phân biệt? Tám thứ phân biệt của tất cả chư Phật có bao nhiêu thứ thọ? Cái gì là thọ tập, cái gì là thọ diệt, cái gì là thọ tập hành đạo, cái gì là thọ diệt hành đạo, cái gì là thọ vị, cái gì là lỗi lầm của thọ, cái gì là thọ diệt xứ? Ở tướng sinh phân biệt có ba thứ thọ, do có xúc tập nên có thọ tập, trong kinh đã rộng nói. Đây là tám thứ tướng phân biệt thọ ấm: Một là tự tướng phân biệt, hai là hiện nhân phân biệt, ba là nhân diệt phân biệt, bốn là hiện tại vị lai phân biệt, năm là thọ diệt đạo phân biệt, sáu là trược dụng phân biệt, bảy là thanh tịnh phân biệt, tám là thọ diệt xứ phân biệt. Đấy gọi là phân biệt.

Thế nào là chỗ diệt? Sơ thiền diệt căn ưu, nhị thiền diệt căn khổ, tam thiền diệt căn hỷ, tứ thiền diệt căn lạc, định diệt tận, diệt căn xả. Đây gọi là phân biệt chỗ thọ diệt .

Thế nào là tưởng ấm? Phân biệt có năm thứ: Một là tùy loại, hai là tùy tướng, ba là điên đảo, bốn là không điên đảo, năm là quyết định. Giữ lấy cảnh biệt tướng có thể sinh tưởng pháp gọi là tùy loại. Tùy tướng có

sáu thứ, như trước đã giải thích, giữ lấy cảnh tuy khác mà đều là tưởng tức cộng tướng, cũng gọi là tùy tướng. Phàm phu vô trí bị vô minh che lấp tâm, khởi tư duy tà, nương nơi hai kiến, phát xuất bốn điên đảo: Nương nơi vô thường lấy đó làm thường, là tu tưởng thường. Nương nơi kiến thủ phát xuất hai điên đảo, là trong khổ chấp là vui, bất tịnh chấp là tịnh. Nương nơi thân kiến phát xuất ngã điên đảo, ở trong vô ngã mà giữ lấy pháp ngã tướng, như ở tại gia gọi là tâm điên đảo, như người xuất gia gọi là kiến điên đảo. Lại phân biệt có dị tưởng điên đảo, đối với bốn loại sinh tà tu tưởng gọi là tưởng điên đảo, đối với bốn loại sinh trí quyết định khởi tin phân biệt gọi là kiến điên đảo.

Thế nào là tưởng không điên đảo? Các người có trí, không có vô minh, khởi suy nghĩ chân chánh, đối với cảnh vô thường thấy vô thường, đối với khổ thấy khổ, đối với bất tịnh thấy bất tịnh, đối với cảnh vô ngã thấy vô ngã… khởi tưởng chân chánh tu tập gọi là tưởng không điên đảo. Ở nơi bốn thứ nầy có thể khởi tin ưa, thì gọi là tâm không điên đảo. Ở nơi bốn thứ nầy mà chánh kiến chánh tri, gọi là kiến không điên đảo. Đấy gọi là tưởng không điên đảo. Thế nào là quyết định? Phân biệt có năm thứ: Một là trần quyết định, hai là dụng quyết định, ba là giả danh quyết định, bốn là không thật quyết định, năm là nghĩa thật quyết định. Giữ lấy tự tướng của trần, giữ lấy tướng tương tợ, là trần quyết định. Đối với trần sinh thọ giữ lấy tướng riêng biệt thì gọi là dụng quyết định. Căn cứ tướng trạng về dòng họ đời sống v.v…của mình và người khác, tùy thuận theo cách nói của thế tục tạo ra tưởng cảnh giới, thì gọi là giả danh quyết định. Điên đảo giữ lấy trần tức gọi là không thật quyết định. Như thật giữ lấy trần thì gọi là nghĩa thật quyết định.

Thế nào là hành ấm? Phân biệt có năm thứ: Một là hành trần, hai là biệt trụ, ba là bất tịnh, bốn là thanh tịnh, năm là sự. Sáu thứ lực thù thắng của tụ tư duy dẫn dắt quả, gọi là hành trần. Hành không tương ưng của sinh, lão trụ v.v… hòa hợp tích tụ, gọi là hành biệt trụ. Vì sao? Mỗi mỗi đều khác biệt nên gọi là hành biệt trụ. Hành của ba độc v.v... gọi là bất tịnh. Các thiện căn gồm năm căn như tín v.v... gọi là hành thanh tịnh. Như năm thứ ở trước, biết cùng với trần gọi là sự.

Thế nào là thức ấm? Phân biệt cũng có năm thứ: Một là chỗ nhập. Hai là bất tịnh. Ba là nương tựa. Bốn là trụ. Năm là nhiều loại. Trong cõi dục, thức nương nơi sắc bên ngoài mà nhập gọi là chỗ nhập. Sắc giới tịnh thiên nương nơi tự ấm thì đó là danh sắc. Chỗ nhập của thức có hai nhập. Ở bốn không thì xứ thức nương nơi bốn ấm của xứ ấy gọi là chỗ nhập của

danh. là phân biệt chỗ nhập với thức phàm phu nầy nương nơi hai thứ lạc mà sinh ở bất tịnh. Do nương nơi trần hiện tại dụng lạc nên bất tịnh. Nương ở vị lai sinh lão v.v... khổ lạc nên gọi là bất tịnh. Nương tựa có sáu thứ sinh ra thức. Dựa vào sáu nhập như nhãn v.v... mà thức được sinh nên được sáu tên. Ví như dựa vào trấu gọi là lửa trấu, dựa vào phân bò gọi là lửa phân bò v.v… Đó gọi là nương tựa. Phân biệt bốn chỗ trụ của thức như trong kinh nói: Ấm nương nơi cảnh giới là chỗ tâm trụ trong có sắc là chỗ thức trụ v.v… như kinh đã rộng nói. Cho đến Như Lai nói thức không đến phương Đông, các phương khác cũng như vậy. Ở trong đời hiện tại không thích Niết-bàn tự đến chỗ vắng lặng trong để được phạm tự tại. Như Lai nói như vậy v.v… là thuộc về kinh mà Như Lai đã nói. Bốn chỗ trụ của thức, sau sẽ nói rộng.

Lại lược thuyết ba hữu duyên trụ xứ, hữu rốt ráo duyên trụ tịnh. Phật thuyết ba thứ nầy hiển bày bốn chỗ trụ của thức. Cảnh phiền não giống phiền não dựa vào mà trụ, thuyết nầy gọi là phiền não chấp trước. Do hai thứ ấy mà gọi là chấp trước cảnh: Một là cảnh, hai là thủ. Cảnh tức là phiền não duyên ái, như nói đây là vật của ta, tức là chấp cảnh, ngã kiến phiền não là tư duy ngã. Lại có bốn thứ tham kiết nơi thân, là nhân duyên của nghiệp tức là giữ lấy cảnh, chỗ chấp như trên là chỗ trụ của tâm. Vì sao? Các cảnh phiền não nương nơi tâm mà được trụ, giống như áo ướt thì cát bụi dễ bám, ruộng tốt thì hạt giống dễ tăng trưởng. Các người phàm phu chưa nhàm chán ,xa lìa, đối trị ái dục nên phải chịu thức dắt dẫn, trong đời vị lai tức được thọ sinh, đều khiến đầy đủ, cho đến tánh phàm phu chưa xả, chỗ thọ sinh nầy khiến đầy đủ thì gọi là chủ thể trụ. Trụ nầy tương tục sinh gọi là sinh tử, ngoài ra như trên đã nói ở phần trụ duyên. Như vậy, tất cả gọi là hữu duyên trụ xứ. Trong cõi có sắc, các thức đến đi, trong cõi vô sắc nói tâm mất sinh, ba chỗ nầy trụ cho đến phần thọ mạng còn lại. Như hai chỗ trước được sinh tăng trưởng và lớn mạnh. Như vậy do lượng nên được biết trụ xứ cứu cánh của các thức. Nếu có nói khác ở nghĩa nầy, chỉ là văn tự khác về lý thì không khác. Vì sao? Văn tự nghĩa riêng không có phân biệt, nếu có người hỏi thì không thể đáp, tức liền suy nghĩ, ta làm sao đối thoát. Nếu có đáp, thì sau đó lại suy nghĩ, ta thật ngu si, tự mình đã không hiểu biết mà trả lời người khác hỏi. Cho nên, người trí từ tất cả sắc cho đến hành, ấm, ái, các kiết sử, do tạm điều phục nên không thể sinh nghiệp kiết, do có trí tuệ nên căn bản vĩnh viễn diệt. Tại sao biết? Các người tại gia nương nơi kiết tham sân thì có thể tạo nghiệp, tạo nhân duyên trần vị, nhân duyên oán ghét. Đối với người xuất gia mà giới chấp thủ kiết thật thì có thể sinh nghiệp, giới chấp thủ phiền não đồng tướng với tham thì nguyện cầu

sinh thiên, do thật kiết phiền não cùng sân đồng tướng, nên hủy báng Niết-bàn. Như vậy các kết nương nơi tâm địa, từ tư duy sinh. Đối trị diệt các phiền não nầy nên. Dục chấp thủ sắc làm cảnh tức được vĩnh viễn diệt trừ. Do diệt này nên các thức có hoặc ở bốn chỗ trụ thì không trụ lại, các thức đối trị thật sự thanh tịnh. Như vậy được biết trụ xứ tịch tĩnh, do duyên diệt nên ở đời vị lai sẽ sinh đầy đủ nên được tương tục mà không sinh trở lại, đấy gọi là tịch tĩnh hữu duyên trụ. Thức A-ma-la đối trị với thức thế gian nói là rất thanh tịnh sâu xa, gọi tên là bất trụ. Lại nữa, thức nầy không bị duyên sinh, trong môn giải thoát Không do khéo tu tập nên không thể sinh nghiệp, trong môn giải thoát vô nguyện do khéo tu tập thì có thể biết đủ, trong môn giải thoát vô tướng do khéo tu tập nên trụ ở bất động, như bốn nghĩa trước, được chánh giải thoát. Quán xét hành đối với trần, đối với ngã, ngã sở, không có chỗ tham đắm, cho nên sắc cùng các trần diệt hoại, tâm không còn khát ái, các tướng nầy làm tâm rất thanh tịnh, do thức thanh tịnh nên không tự mình hoại diệt, cũng không bị các duyên khác hoại diệt, do không tương tục nên ở chỗ mười phương không nhập sinh, lại đối với sống chết không còn tham dục, nên nói không mong cầu tâm dục. Thí như thọ của cây dụ cho bóng, đối với thời cả hai đều không, cho nên nói không có cây, không có bóng. Do tâm thế gian diệt nên nói hiện tại tận diệt, là tâm vô lậu. Do học giải thoát, nên ở trước thứ lớp đã nói là được tịch tĩnh, do vô học giải thoát nên được thanh tịnh, bốn cái khác diệt nên được phạm tự tại.

Hỏi: Tại sao không nói chỗ trụ của từng thức?

Đáp: Vì không nói tự tướng nên thức mới có nghĩa bất tịnh. Vì sao? Vì Như Lai nói: Tự tướng của tâm là thanh tịnh có bốn chỗ thì không như vậy: Tất cả phiền não rất là không tịnh nên biết tham dục là vi tế khó thấy, sắc v.v… thì không như vậy, chẳng phải nhân của phiền não không như sắc v.v… thì không chúng sinh nào đối với chỗ của một thức mà khởi ái nhiễm, như là đối với sắc v.v… Cho nên, Phật nói thức chẳng phải chỗ trụ đó gọi là phân biệt chỗ trụ của thức ấm. Phân biệt nhiều thứ, ở đây nói có ba thứ: Một là có tâm dục, không tâm dục, có sân không sân, rộng nói như trong kinh, cho đến chưa được giải thoát và chánh giải thoát. Ở đây Như Lai nói tức gọi thứ nhất là phân biệt cõi. Do phân biệt, nên ở trong cõi dục tâm có bốn thứ: Thiện, không thiện, nhiễm ô, không nhiễm ô. Ở trong cõi sắc tâm có ba thứ: Thiện, nhiễm ô, không nhiễm ô cõi Vô sắc cũng có ba thứ như vậy. Vô lậu có hai là học và vô học. Tâm thiện ở cõi dục phân biệt có hai, sinh đắc, học đắc, không nhiễm ô. Bốn quả báo oai nghi, công xảo biến hóa, dục giới biến hóa là một thứ sinh đắc, trời, rồng, quỷ không có quả tu

tuệ, ở trong cõi sắc không có công xảo, trong cõi vô sắc chỉ có quả báo. Tâm thiện nếu như không lên cao thì gọi thứ hai là phân biệt nương tựa cõi. Lại có nhiều thứ tâm khác nhau để phân biệt chủng loại phiền não. Trong cõi dục có năm thứ: khổ, tập, diệt, đạo, tu đạo để phá, trong cõi sắc, vô sắc giới, năm thứ cũng như vậy, tức có mười lăm và với tâm vô lậu lại có mười sáu, đấy gọi là lần thứ ba là diệt. Cho nên phân biệt thứ nhất là ly. Lại phân biệt thêm về ba phẩm trợ phần là Tam-ma-đề: Một là sử động, hai là không sử động. Một là không đắc định, hai là đắc định. Một là chánh tịnh, hai là không chánh tịnh. Đối với phẩm thứ nhất, người có tâm nhiễm, dục v.v... làm chướng ngại tâm. Lại cùng một lúc người có tâm thiện, tâm vô ký thì dục v.v... không khởi. Như vậy phân biệt thì có tâm dục, không có tâm dục. Ở phẩm thứ hai, hoặc có lúc nương bên trong ở định, an tâm một chỗ, do cảnh niệm diệt nên đối với năm trần tâm sinh tán loạn, do chìm đắm nên lại rơi vào chỗ ngăn che, vì diệt rơi vào cảnh hỷ lạc, không thể chánh an nên nhất thời phù động. Ngay lúc giữ lấy cảnh thì tâm không phù động. Chìm đắm phù động là phiền não ngăn che nên tâm không tịch tĩnh, diệt trừ chìm đắm v.v… tức được tịch tĩnh do chánh tư duy nên được căn bản thiền, đấy gọi là tâm định. Lìa tướng định trước gọi là tâm bất định. Đạt đến đạo rốt ráo cho nên chánh tu, đến diệt rốt ráo nên chánh giải thoát. Lìa hai tướng trước thì không chánh tu tập, không chánh giải thoát, giữ lấy các tướng định biết đó là phẩm thứ ba. Đấy gọi là phân biệt về Thức ấm.

Thế nào là thức ấm? Trước sau có tám thứ ấm: Một là sinh tác, hai là trị đạo, ba là đối tượng gây tạo của nhân nhiễm, bốn là trụ tác, năm là phân biệt tác, sáu là như xứ tác, bảy là như thô tác, tám là như khí đẳng tác. Thế nào là sinh tác? Nương nơi căn nơi sắc mà sinh ở nhãn thức, nương nơi ý nơi pháp cũng đều như vậy. Như thứ tư thì kinh trước nói, sắc ấm chỗ nương của tâm số, sau nói thức ấm, thọ v.v… các tâm số ở trong ấy, đấy gọi là sinh tác thứ lớp. Thế nào là trị đạo thứ lớp? Trừ bốn điên đảo nói bốn niệm xứ, đối với sắc bất tịnh mà so tính là tịnh nên nói thân niệm xứ, đối với thọ so tính là vui nên nói thọ niệm xứ, nương nơi tưởng hành vô ngã mà so tính là ngã nên nói pháp niệm xứ, đối với tâm vô thường mà so tính là thường nên nói tâm niệm xứ. Thế nào là thứ lớp đối tượng gây tạo của nhân nhiễm? Nam thấy nữ sắc tức là đối tượng dấy khởi ái nhiễm. Vì sao? Vì thọ vị ái Thọ vị ái tức nương nơi tưởng điên đảo, tưởng điên đảo là nương nơi phiền não hành, phiền não hành là nương nơi thức ấm, nương nơi căn trần, trần tác dụng sinh ra thọ, nắm giữ nhiều thứ trần, đấy gọi là tưởng. Trong hiện tại, trần tác dụng sinh các phiền não, gọi đó là hành. Dựa vào các phiền não nầy mà sinh thức bất tịnh, nghiệp thiện, bất thiện ở chỗ

vị lai sinh các khổ, lại được bất tịnh là nói thức sau ở đời sau.

Thế nào là thứ lớp trụ tác? Thức trụ bốn chỗ: Một là sắc, hai là thọ, ba là tưởng, bốn là hành. Vì sao? Sắc trong cõi dục là chỗ của là sắc trụ, do trong cõi dục vốn có đầy đủ sắc. Ở trong cõi sắc nói là chỗ trụ của thọ. Vì sao? Vì thọ hiển hiện. Ở ba chỗ trong cõi vô sắc nói là chỗ của tưởng trụ. Vì sao? Vì tưởng hiển hiện. Nơi chỗ thứ tư trong cõi vô sắc là xứ "không" nói là chỗ trụ của hành. Vì sao? Vì nhiều tư duy hiện. Tám vạn đại kiếp là quả tư duy, nên nói trụ bốn xứ, đấy gọi là thứ lớp trụ tác.

Thế nào là thứ lớp phân biệt tác? Tức do sắc ấm nên thấy được sắc, nghe tiếng thì biết người khác, do thọ ấm nên tâm có cao thấp, sinh sự khổ vui, do tưởng ấm nên biết danh, tánh, đời sống, do hành ấm nên phân biệt ngu và trí, do thức ấm nên trong ấm so tính là ngã, đấy gọi là thứ lớp phân biệt tác.

Thứ lớp xứ tác: như người tại gia thì nhân duyên sắc, thọ nên khởi tranh chấp, nếu người xuất gia do nhân duyên tưởng, hành cũng sinh tranh chấp, thức đối với cả hai đều làm nhân duyên.

Thứ lớp thô tác: Sắc là thô nhất, là cảnh của sáu thức. Thứ đến nói rõ thọ ấm, do có ba thọ nên các tướng nam nữ có thể biết, tham sân si tự mình có thể biết, lìa thọ, tưởng, hành, thức thì khó biết.

Thứ lớp khí đẳng tác, nghĩa là sắc thí dụ như vật chứa đầy ba thọ, thọ ví như ăn uống làm tổn hoặc ích cho thân, tưởng thí như loài lợn, ốc, có sự thọ khác biệt, hành ví như thức ăn đến cùng sự khổ, vui, thức thí như người ăn sử dụng các thứ thọ đó. Thế nào là thâu giữ? Tức có bao nhiêu ấm, bao nhiêu nhập, bao nhiêu nhân duyên phần, bao nhiêu giới, bao nhiêu xứ phi xứ, bao nhiêu căn thâu nhận, như sắc ấm cho đến thức ấm. Sắc ấm thâu nhận nghĩa là một ấm, mười nhập, mười giới, pháp nhập, pháp giới nói phần ít, sáu duyên là phần ít. Với xứ phi xứ cũng nói phần ít. Căn thì có bảy. Thọ ấm thâu nhận nghĩa là một ấm, pháp nhập, pháp giới, mỗi thứ nói phần ít, một nhân duyên phần, ba duyên thiểu phần, xứ phi xứ phần, trong căn có năm. Tưởng ấm gồm thâu nghĩa là một ấm, pháp nhập, pháp giới, mỗi thứ nói một ít phần, ba duyên thiểu phần, xứ phi xứ phần, căn thì không gồm thâu. Hành ấm gồm thâu nghĩa là một ấm, pháp nhập, pháp giới cũng nói một ít phần, bốn nhân duyên phần, năm duyên thiểu phần, xứ phi xứ phần, trong căn đầy đủ sáu, ba căn thiểu phần. Thức ấm gồm thâu nghĩa là một ấm, một nhập, bảy giới, hai nhân duyên phần, ba duyên thiểu phần, xứ phi xứ phần, trong căn nói một, ba căn thiểu phần. Như vậy đối với ấm nhập cho đến căn, cùng gồm thâu lẫn nhau. Lại nữa, gồm thâu khác biệt có

mười ấm, các pháp gồm thâu tự chủng tử, đấy gọi là gồm thâu khác biệt. Các pháp cùng các ấm tự gồm thâu lẫn nhau, gọi là cùng gồm thâu, ấm và các pháp hiện bày khắp mọi nơi gọi là sinh gồm thâu, ấm và các pháp lạc thọ bình đẳng trụ, gọi là biệt trụ gồm thâu, các ấm nhất thời đều cùng khởi, đấy gọi là bất ly gồm thâu, các ấm cùng các pháp ở trong ba đời, đấy gọi là thời gồm thâu, các ấm cùng các pháp nương nơi xứ mà được sinh, đấy gọi là xứ gồm thâu, các ấm cùng các pháp do có năm thứ nên gọi là gồm thâu đầy đủ, các ấm cùng các pháp phần phần không đủ, đấy gọi là thiểu phần gồm thâu, các ấm cùng tướng như của các pháp, đấy gọi là chân như gồm thâu. Từ ấm đến căn hợp thành mười sáu gồm thâu. Lại có ba thứ gồm thâu tất cả pháp, sắc ấm, pháp giới, ý nhập.

Thế nào là ấm? Nương bao nhiêu sắc mà sắc ấm được sinh? Nương bao nhiêu xứ thì gọi là gồm thâu ấm sinh? Nương ở sáu xứ mà sắc ấm được sinh: Một là y xứ, hai là trụ xứ, ba là ngọa cụ xứ, bốn là căn xứ, năm là căn y xứ, sáu là như hành có thể đạt được các định xứ. Thức nương nơi bảy xứ gọi là gồm thâu ấm sinh: Một là dục, hai là sắc, ba là trần, bốn là giác, năm là quán sát, sáu là tịnh hạnh phương tiện, bảy là thanh tịnh. Bốn xứ trước là nói người tại gia, quán sát là nói xuất gia tinh cần trì giới, tịnh hạnh phương tiện là đắc vị lai thiền, bảy là thanh tịnh tức được căn bản thiền. Vì bốn hạng người nên bảy xứ phân ra làm bốn. Về phân biệt sắc ấm sau sẽ rộng nói nương nơi sắc mà phân biệt.

Uất-đà-nam nói:

"Các vật và cực vi
Sinh hình cùng tương tục
Các nghiệp sát na riêng
Cảnh tạp nói có mười".

Lại có bao nhiêu vật sắc ấm gồm thâu nhãn, gồm thâu căn. Một vật là chỗ nương của nhãn thức, là sắc thanh tịnh. Không lìa gồm thâu thì có bảy vật, đó là nhãn, thân, địa, sắc, hương, vị, xúc. Do gồm thâu ba cõi nên nói có mười vật, bảy vật như trên, và thêm thủy, hỏa, phong.

Với các vật của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt cũng lại như vậy. Lìa bốn thứ căn, thân căn chín vật. Vì sao? Do lìa bốn căn nên riêng thân được sinh. Lại có thanh giới do không trụ lâu cho nên nói riêng là có xứ có thanh, tức có mười một vật phân biệt sáu trần, như trơn, nhỏ, cho đến to khỏe, đều là xúc nhập. Nương nơi chỗ bốn đại mà chế làm tên riêng. Nương nơi bốn đại tịnh nói xúc trơn láng. Nương nơi chắc chắn sinh nặng là bất tịnh, không chắc chắn sinh, thô nhẹ là tịnh, không hợp sinh ở xúc mềm mại. Nương nơi gió, nước

lẫn lộn thì sinh xúc lạnh, giữ nhân không đầy đủ sinh ở đói khát, cũng sinh suy yếu, giữ nhân đầy đủ nương nơi lực đại bình đẳng thì xúc no đủ sinh. Nương nơi đại không thích ứng, ăn uống khó tiêu sinh các xúc bệnh. Nương thân chuyển biến, bốn đại không điều hòa sinh ra xúc lão, mạng căn chuyển biến, bốn đại không điều hòa sinh ở xúc tử. Nương nơi máu không đều sinh ra bệnh hoạn, ăn uống độc hại có xúc chết dần. Đất, nước hỗn tạp sinh ra xúc cấu uế, đi lại chuyển động tâm khởi phiền não sinh xúc mệt mỏi. Lìa nhân duyên trên sinh xúc tuần hoàn, lên xuống. Bốn đại điều hòa, thân sắc không giảm sinh xúc tráng kiện thân thể. Bốn đại trụ riêng nói có sáu thứ: Đó là bốn đại tịnh cùng bất tịnh, chắc chắn cùng không chắc chắn, không gồm thâu và xen lẫn, không bình đẳng, bình đẳng. Tất cả các trần gồm sắc đến xúc, do hai thức biết tự thức, tâm thức, hoặc đồng thời biết hoặc không đồng thời. Ở trong cõi sắc hiện không có hương, vị, nhưng không phải không có gốc chủng tử, không có đoàn thực, do lìa thực dục. Hai trần hương và vị là do đoàn thực gồm thâu, hai thức tỷ và thiệt không hiện dụng, nhưng có gốc chủng tử. Sắc ấm gồm thâu sắc thì có chín vật, bốn đại nương nơi năm trần, tất cả sắc khác giả danh nói là ấm. Trong pháp nhập sắc có hai thứ, vật có và giả có dựa vào định mà tự tại. Trong định quán sắc gọi là vật có, do quả của định biến hóa, là trần của định cùng thức, sắc của giới phi giới đều là giả danh. Lại quả sắc xứ trần của định, cùng với sắc của xứ định tương ưng, nên nương ở định phần lớn được sinh pháp thế gian. Nương nơi của định hữu lậu và, là pháp thế gian chứ chẳng phải pháp xuất thế gian. Vì sao? Do nhân duyên của định có tưởng tư duy. Tất cả người định có khả năng sinh sắc không có khả năng sinh sắc, giống như hóa sinh. Nếu không tư duy, theo như trước thì tự tại không có ám chướng, được thanh tịnh sáng rõ tự nhiên mà thậm chí ở trong đời hiện tại. Sinh là tên gọi vật có, tư duy, là lực tư duy giải thoát cho nên được thấy các sắc, sắc chưa hiện ra trước là giả danh có, chẳng phải trần của cảnh giới nơi định xuất thế, sắc của định xuất thế, không thể tư duy về sắc của cõi dục, cõi sắc. Thế nào là sắc trong cõi sắc? Do rất thanh tịnh xuất sinh quang minh, do rất vi diệu vi tế, chẳng phải trần của hạ căn, không có khổ thọ, do vượt qua khổ thọ nên không thể tư duy, do trụ lân hư trần không trở ngại, tùy ở tâm tưởng mà có thô, tế, đó là năm thứ sai khác. Nói sơ về sắc ấm có sáu thứ tướng: Tự tướng cộng tướng, y y còn gọi là tướng tương quan, tướng dụng, tướng nghiệp, và tướng diệu. Địa thủy đại kiên cố, thấm ướt, nóng bức, chuyển động là tự tướng của bốn đại. Các căn tịnh là tự tướng, đấy gọi là tự tướng. Đều có chướng ngại là cộng tướng của sắc, bốn đại là y y tức năm trần, là tướng tương quan. Nội nhập có sắc dụng tăng thượng, nên ngoại trần được sinh

nhiều thứ, có một sắc tụ được gọi là xúc chắc chắn, có mềm, có nóng, có động, có hỗn tạp là nội nhập dụng đó là tướng dụng. Bốn đại nương tựa gồm thâu thành thục dắt dẫn, đấy gọi là tướng nghiệp, lại có biệt nghiệp sau sẽ nói rộng. Sắc lân hư vi tế thì gọi là tướng diệu. Tướng diệu có ba thứ cực tế phân phá sinh cực tế, do tự tại cực tế phân phá, do cực vi lân hư trần sinh vi tế. Các gió vi tế đến sắc trung ấm, sắc trong cõi sắc, sắc cõi vô sắc, do tự tại tế nên được gọi là cực vi. Như trong kinh Phật nói: Trong đời người an trụ được tâm bình đẳng, tu học tự tâm, trang nghiêm tự tâm, tác tự tại tâm, cùng ở một chỗ không trở ngại nhau, cũng không não hại. Nếu sau nầy sinh ở sắc cứu cánh đại phạm tự tại, thì ở chỗ sinh ấy xuống cõi Diêm-phù-đề, vì để nghe pháp nên phá ba mươi thứ làm mười sáu phần, địa như một phần, các cõi trời cùng ở không trở ngại nhau, gọi là tự tại cực nhỏ. Như vậy sắc ấm vật chủng tư duy, lân hư trần sắc tướng có bao nhiêu thứ phân biệt? Lược thuyết có năm, sau sẽ nói rộng. Như kinh nói do trí của bản địa phá, do phần chủng phân biệt, phần của riêng mình, do phần cùng bạn, do phần không giới hạn, do phân tích sắc cứu cánh trí quyết định, là lân hư trần phần chứ chẳng phải thân lượng, cho nên lân hư trần không sinh không diệt, cho nên sắc tụ chẳng phải lân hư trần sinh. Phân biệt lân hư trần có mười lăm thứ, năm căn, năm trần, bốn đại và sắc pháp. Tự tướng phân biệt thì gọi là phần của riêng mình, hòa hợp lân hư trần là phần cùng bạn. Vì sao? Do lân hư trần của bốn đại v.v… không lìa nhau. Thế tại sao lại có pháp chướng ngại không lìa một chỗ? Do cùng bạn trụ và đều là chướng ngại. Như tâm đại địa hợp căn tương tợ, các việc dụng sinh làm nghiệp tương tợ, do duyên tăng thượng nên các sắc hòa hợp, cùng làm căn dụng nên được sinh khởi. Nếu không như vậy thì chẳng phải các hòa hợp, các thức trần, các căn trần vô dụng, cho nên cộng bạn không được lìa nhau. Có một thứ sắc, hoặc ngại không ngại, như trung ấm cho đến sắc phạm, gọi là phần cùng bạn, do sắc cứu cánh nên các sắc lân hư trần không có phương phần, do không hòa hợp nên các sắc hòa hợp lân hư trần mới phân lìa, một phương không có sắc lân hư trần, như trước đã nói về năm thứ lân hư trần. Có năm thứ mắt: mắt thịt (phàm) mắt trời, mắt tuệ, thánh mắt pháp, mắt tương tợ Phật. Năm thứ lân hư trần có bao nhiêu cảnh giới của mắt? Hai thứ mắt phàm mắt trời thì không thể thấy, ba thứ mắt kia thì thấy. Vì sao? Chỉ có sắc hòa hợp thì thiên nhãn được thấy trong ngoài, trên dưới, trước sau, sáng tối mà không thấy lân hư trần. Do trí phân biệt nên tướng của sắc lân hư trần cũng chẳng phải là thể riêng biệt.

Hỏi: Tại sao lân hư trần không sinh, không diệt, mà có thể biết, có thể thuyết? Đáp: Trước khi hòa hợp đầy đủ đã được sinh, chưa đến lúc sao,

chưa được thể riêng đã diệt trong lúc ấy. Thí như giọt nước do năm thứ tướng, tư duy về lân hư trần được biết là không đúng, ở sắc hòa hợp cho là thể của chính nó nên lân hư trần được trụ, đây là thứ nhất. Tư duy không đúng về sanh diệt của lân hư trần, đây là thứ hai. Lân hư trần sắc trụ cùng bạn lìa bạn, đây là thứ ba. Chỉ có sắc trong lân hư trần hòa hợp trụ, đây là thứ tư. Lân hư trần hòa hợp có thể sinh các sắc khác, các sắc được sinh khác với trước lìa năm thứ tư duy không đúng trên mà tư duy chân chánh nên được phát khởi năm thứ công đức: chỗ hòa hợp sắc là phần của lân hư trần nên áp dụng đó thực hành tu đạo. Nghĩa là ở các cảnh giới có nghi hoặc, nhân đó việc làm tự tại, đây là một công đức. Thân kiến diệt, đạo dần dần tăng hơn lên, đây là công đức thứ hai. Ngã mạn diệt, phương tiện của đạo được sinh, đây là công đức thứ ba. Các phiền não khởi, khởi rồi tạm dừng, tâm được thanh tịnh, đây là công đức thứ tư, thuận tiện đạt được Tu tuệ của hai môn giải thoát là Không và Vô tướng, đây là công đức thứ năm. Sinh tức là lượt thuyết về vật sắc, có năm thứ sinh: đó là nương nơi sinh, Chủng tử sinh, Dẫn dắt sinh. Tăng trưởng sinh, Hủy hoại sinh. Nương tựa sinh tức là nương tựa ở bốn đại mà sắc tạo được sinh, cho nên bốn đại không gọi là sắc tạo. Bốn đại này hư vọng mà sắc tạo được sinh, sắc nầy hòa hợp là chỗ nương tựa của bốn đại, biết tự tướng sắc ở trong hòa hợp là biết được có sắc. Lại có là hư vọng không thấy tự tướng, biết là không có sắc riêng biệt. Lượt nói được biết tức là có tướng, chẳng phải có tướng. Nếu là hư vọng không thấy mà nói có là nhờ thí dụ mà được biết. Nếu có chỗ nương tựa chung là tức vật đồng; vì vật không đồng về, nghĩa của nó có hai thứ là lượng và lực. Nếu không đồng lượng thì phải được biết nhỏ; biết nhỏ không được tức không có nghĩa ấy. Nếu có lực nên dựa vào vật thì không đồng, lìa tự tướng thì không có lực riêng, lực nầy không đồng cũng không có nghĩa ấy, đấy gọi là nương tựa sinh. Chủng tử sinh tức từ chủng tử chính nó sinh ra, thí như hạt lúa, đến với nhiều nhân duyên như mầm, đất, tro mà được sinh, gặp các nhân duyên vật cứng được mềm, vật mềm được cứng, không nóng được nóng, nóng thành không nóng, không động được động, động thành không động, như vậy sắc tốt và không tốt là do có tự tướng, vì tự chủng tử mà nhiều loại được sinh, đấy gọi là chủng tử sinh. Dẫn dắt sinh tức là nghiệp của nhập bên trong tăng, vật bên ngoài không động mà có thể được sinh. Thí như khí thế gian, do nghiệp đời trước dẫn dắt nên nhập bên trong mà được sinh. Thí như làm nghiệp năm đường đi vào sinh, các sắc vật bên ngoài. Có ba thứ nghiệp dắt dẫn: Một là như Uất-đơn-việt với y báo tự sinh, Tứ Thiên vương đến Trời thứ tư. Hai là nghiệp hiện tại tự dắt dẫn, sắc bên ngoài được sinh, như Trời thứ năm. Ba là nghiệp y tha niệm, sắc

bên ngoài được sinh, như Trời thứ sáu, đấy gọi là dẫn dắt sinh. Tăng trưởng sinh tức là đầy đủ nhân duyên mà nhiều thứ được sinh, nghĩa là sắc tăng trưởng dần dần đầy đủ. Nước mưa tưới xuống mầm được tăng trưởng, đấy gọi là tăng trưởng sinh. Lìa tăng trưởng sinh thì gọi là hủy hoại sinh. Sắc được tạo sinh như nhiều thứ vật, bằng đá hòa hợp không thể phân biệt biết tướng riêng biệt, không như các vật mè, đậu lúa, tích tụ một chỗ là có thể biết loại riêng. Vì sao? Giống như tướng sinh, với dụng có khả năng sinh các sự vì nhân tăng thượng mà sắc tạo được sinh. Nếu tất cả hành từ gốc chủng tử của chính nó, về sau liền được sinh. Thế thì tại sao nương nơi bốn đại nói sắc tạo sinh? Do bốn đại tăng giảm nên sắc tạo theo đó cũng có tăng giảm, cũng như nhãn thức lìa bốn đại thì không có sinh khác. Thí như mặt đất do bốn đại, duy trì như áo do vải lụa duy trì. Do ba nhân duyên nên chỗ đại tăng giảm phương tiện, có thể khiến sắc tạo tăng giảm: Do công dụng nơi nhân, do nhân duyên nghiệp, do quyết định tự nó tồn tại. Đại của địa có thể tạo sắc tăng giảm, do ba thứ lực. Thế nào là ba thứ? Nghĩa là lực của chủ thể phá hoại tăng trưởng, lực của chủ thể thọ nhận làm vật chứa, lực của nhân là chủ thể sinh. Thủy đại là lực của chủ thể thấm ướt, hỏa đại là lực của chủ thể nóng, phong đại là lực của chủ thể khô ráo, đấy là do công dụng. Bốn đại tăng giảm có thể khiến sắc tạo tăng giảm. Nghiệp trước tương tợ bốn đại sinh mà được tương tợ, cho nên sắc được tạo tương tợ như bốn đại, đấy gọi là nhân duyên nghiệp. Quyết định tự nó tồn tại tức trước đến chỗ của đại, sau nầy mới có thể khiến sắc tạo tăng giảm, như có thể chuyển biến sắc tạo nơi bốn đại, lấy đất làm nước, lấy nước làm đất, đấy là quyết định tự nó tồn tại. Lại nói sơ lược về năm thứ nhân duyên. Tướng khác bốn đại khiến sinh quả khác, do lực bốn đại, do lực công dụng, do lực chú thuật, do lực thần thông, do lực nghiệp hành. Từ đây về sau chưa đến chỗ sinh, ở trong trung ấm, các sắc hòa hợp, nhân gì, duyên gì tự nhân chủng tử có thể dẫn dắt nghiệp sinh, đó là tăng thượng duyên. Do nghĩa gì mà có trung ấm sinh. Làm sao có thể tin? Về sau không nương tựa vào tâm, tâm số pháp lại sinh chỗ khác, thì không thể đạt được. Hoặc như tư duy cho là dụ như tiếng vang, thì nghĩa nầy không đúng. Do căn tán loạn nên thấy có hai mặt trăng. Hoặc như tư duy cho là không có trung ấm, thí như ảnh trong gương, đây cũng không như vậy. Gương mặt không có giảm dụ cho ảnh không đúng. Nếu lại tư duy cho là tâm giữ lấy cảnh, không có thức trung gian thì ông thí dụ không đúng. Do tâm không đi. Nếu là các thí dụ phá không có trung ấm thì nghĩa nầy không như vậy, cho nên trung ấm thật có thể tin gọi là phần sinh của sắc ấm. Nếu tư duy cho là sắc ấm đã sinh thì tại sao trước đi lấy ở chỗ sinh là chỗ sắc khác mà sinh? Bốn đại tồn tại trước đó, hướng đến

chỗ thọ sinh, do là chỗ nương tựa của bốn đại nương dựa nên sắc tạo ở chỗ ấy bốn đại cộng sinh, chỗ bốn đại, chỗ sinh ngăn che cho nên sinh. Lại nữa, tự tướng của sắc tạo hiện bày khắp, do không lìa đại nên có thể chướng ngại chỗ sinh, bốn đại thô tế có thể biết, như thứ lớp thuyết. Địa giới do giữ gìn nên có thể tạo sự nghiệp được nói có quả, thủy, hỏa, phong giới thì chảy, đốt và thổi, là ba nghiệp lớn. Tất cả các thanh chỉ là sinh diệt, đối với sắc hòa hợp tương tục không lâu, đối với hai chỗ trong ngoài nương tựa mà được biết. Nhất thời sinh ra thì chỗ chỗ được nghe thảy đều đầy khắp, ví như ánh sáng đến không có trước sau, không có mau chậm. Gió có hai thứ, động và không động. Vòng tròn thì không động, đi trên không thì động. Vận hành ở vật thường là tùy thuận nắm giữ ở huyễn hóa, nắm giữ huyễn hóa thì không động, khác với đấy thì động. Giới hư không, nghĩa là những gì thuộc sáng tối, đều là sắc tạo, gọi đó là giới không. Lìa sáng tối, thì tướng riêng của giới "không" không thể biết, cũng là không động. Ở chỗ chúng sinh luôn luôn có sáng suốt, luôn luôn có u tối, trong đấy không động. Nếu khác biệt với chỗ đó thì gọi là động. Nương nơi sắc hòa hợp thanh tịnh thì thuộc về trống không, sáng tỏ, quang minh. Không sáng trong thì cũng là sắc gồm thâu. Hình tức là dài, ngắn, là pháp thật hay là giả danh? Đấy là giả danh. Vì sao? Do tụ tập. Nói đây là chỗ, nói đây là hình, chỉ là ngôn ngữ, chỉ là so lường, ở trong tám tướng không có nghĩa khác. Nếu xem nhìn cái có thể thấy, thì thể tánh phức tạp cũng như xe. Dùng tuệ nhìn thì có sai khác cho nên nói là giả danh. Lại đối với pháp nhập nơi quả của thiền định thì sắc chỉ được có sắc. Vì sao? Vì nhân sinh hương vị, xúc khác không có nên, không dùng nữa. Như vậy đối với không, hành, phong, các trần gồm hương v.v... không cộng sinh tức là do cùng gần kề nên trong phong có hương, lại ở trong ánh sáng phát ra bên ngoài những vòng, nghĩa là nếu pháp của các đại và các hương trần v.v… không được hiện trở lại, thì nơi quả thiền định sắc ở trong pháp nhập sẽ nương nơi thiền định sinh, chứ chẳng phải bốn đại sinh. Tợ như sắc gốc cho nên cũng thuyết là sắc, không nương nơi bốn đại. Từ trong sắc ấm có bao nhiêu thứ pháp thì có thể thấy, có chướng ngại? Đáp: Một là hai thứ nhãn thức mà chỗ vận hành lìa sắc của pháp nhập, các sắc còn lại đều không thể thấy, cũng có chướng ngại. Như vậy việc phân ở trong sắc ấm là hình. Tư duy tương tục nghĩa là ở trong sắc ấm có bao nhiêu thứ lưu chảy? Gồm có ba thứ: Một là y, hai là báo sinh, ba là trưởng dưỡng. Y có bốn: báo y, trưởng dưỡng y, bất đẳng y, thể tánh y. Báo y có hai thứ: một là phẩm trước, hai là nối tiếp phẩm trước . Do báo nầy dắt dẫn báo tiếp theo sinh, đấy gọi là tương tục. Trưởng dưỡng có hai: chỗ đầy đủ trưởng dưỡng và tướng tăng trưởng dưỡng. Chỗ đầy đủ

nghĩa là có sắc tăng trưởng, ẩm thực, ngọa cụ, phạm hạnh, thiền định, nương nơi đấy mà tăng trưởng. Tướng tăng trưởng là từ việc nương nơi ẩm thực, nương nơi chỗ đầy đủ nên thường thọ lạc, theo thời gian thành thục mà được tăng trưởng. Các pháp hữu sắc nương nơi hai thứ nầy mà được tăng trưởng, đối với pháp vô sắc chỉ có tướng tăng mà được tăng trưởng. Các sắc nơi cõi dục do bốn thứ thực trưởng dưỡng, đó là tư, thức, bác (đoàn) xúc, hai thứ thực trước chưa dẫn dắt là nhân duyên sinh, hai thứ thực sau là nhân duyên trụ. Xúc thực là duyên trụ của thọ ấm v.v… ngoài ra nhãn cũng có thể tăng trưởng ở sắc cõi sắc, không nương nơi bác thực, không nương nơi ngủ nghĩ, không nương nơi phạm hạnh mà được tăng trưởng, các căn hữu sắc mà lại tùy nhị lưu, lìa hai thứ nầy không có dòng nương tựa riêng biệt. Quả báo tương tục tăng trưởng lớn mạnh có lúc được thấy. Tại sao những gì thuộc về báo nầy không gọi là trưởng dưỡng? Sắc của quả báo nầy như chỗ an trí, không tăng không giảm mà được trụ. Dưỡng tương tục tức là nương nơi báo tương tục mà có trái ngược, có tăng có giảm. Chẳng phải căn sắc nghĩa là đều có ba lưu, tâm, tâm số pháp nương ở y lưu, nương ở báo lưu. Nếu nương tướng tăng mà có tăng trưởng thì đối với sắc của pháp nhập không có báo sinh. Chỗ còn lại của các pháp như tâm, tâm số có thể được biết. Ở trong cõi dục, các sắc trong ngoài được quả báo sinh, ở trong cõi sắc lìa hương, vị, ngoài ra là báo. Ở trong cõi dục các căn không đủ là quả báo, ở trong cõi sắc các căn đầy đủ đều là quả báo, là thanh giới cũng là quả báo, chẳng phải là thanh nên gọi là sắc ấm, tương tục tư duy.

Nghiệp là gồm thâu trong sắc ấm. Duy trì cõi (giới) có bao nhiêu nghiệp cho đến phong giới? Tất cả bốn đại có năm thứ nghiệp, ở giới địa nầy là nghiệp khai phát chuyển, là nghiệp giữ lấy xứ sở, là nghiệp tạo ra sự nương dựa là nghiệp cùng trái nhau, là nghiệp bình đẳng tăng. Thủy giới nghiệp là lưu, thâu tóm, thấm ướt, trái và tăng trưởng, đây là năm thứ. Hỏa giới nghiệp là ánh sáng, thành thục, hủy hoại, trái và tăng trưởng, đấy cũng có năm thứ. Phong giới nghiệp là khinh động, khiến thảm họa, trái và tăng trưởng, đấy là phong nghiệp. Bốn đại ở sắc tạo sinh, cũng có năm nghiệp: Một là năng sinh, hai là dữ y, ba là trụ xứ, bốn là thắng trì, năm là tăng trưởng. Vì sao? Ở trước khai phát sinh mà được đến, đấy là năng sinh, đã được sinh rồi, không lìa chỗ thì gọi là dữ y. Đối với tăng, hoại tương tợ tánh nên gọi là trụ xứ, như lượng không giảm có thể duy trì nên thù thắng gọi là thắng trì khiến cho tăng trưởng thì gọi là tăng trưởng.

Tại sao nhãn, nhĩ, trần sắc có thiện và bất thiện, còn các trần khác thì không? Ở đây lược thuyết có ba, là hạ, trung, thượng tư. Thế nào là hạ? Khi tư duy là tư, khi quyết định là tư, khi tạo nghiệp là tư. Thân khẩu nghiệp

thiện, bất thiện sẽ sinh ra, nương nơi tư cực thượng, thì hai sắc sinh nên nghiệp sắc có thiện và bất thiện, cho nên các trần khác không được như đây. Từ sắc hòa hợp dao động là tướng khác hay không khác? Đáp tướng không khác. Vì sao? Vì ở chỗ của vật nầy đã sinh, chưa sinh, đã hoại, chưa hoại, mà nghĩa động không thể hẳn nhiên. Nếu động ở chỗ đã sinh thì sau được động tức không có tự tướng, nếu chưa sinh thì không có động, nếu đã hoại thì không thể được động, chưa sinh cũng đồng như vậy. Nếu không hoại thì không có hành tướng phân biệt rõ ràng về thể cho đến nhân duyên kia nên nghĩa không như vậy. Cho nên dao động không riêng biệt mà thật có, đấy gọi là phần của nghiệp sắc ấm. Tư duy về sát na, thì những thứ này đầy đủ. Sắc ấm từng sát na, sát na diệt. Vì sao? Vì các pháp hành được sinh diệt không có chướng ngại, lúc nầy nhân sinh tức là nhân diệt, nghĩa nầy không như vậy. Vì sao? Một nhân khác quả thì không được sinh, tướng riêng của nhân trụ đã sinh không hiện, cho nên pháp hành tự diệt không duyên ở chỗ khác. Niệm diệt không có chướng ngại. Như vật của lửa v.v… là nhân phá hoại. Nếu là tư duy, thì nghĩa nầy không như vậy. Cùng hiện hành với lửa…. thì cùng sinh diệt, không giống như sinh trước, chỉ có nhân là năng tạo, các việc của lửa ấy diệt là diệt nhân thì nghĩa nầy không như vậy.

Vì sao? Vì diệt không cùng chung đều có với hiện hành. Nếu đã có diệt ở trong hành diệt thì các hành tương tục đã đoạn diệt, do nghĩa nầy nên không có đều diệt. Nghĩa là diệt không có là nhân của thể có khả năng tạo và diệt, cho nên không như vậy. Nếu diệt làm nhân diệt thì không có nhất thời diệt, nhân tạo và nhân diệt trước sau không khác, các pháp tương tục vĩnh viễn, nên không sinh. Nếu diệt khác ở thể theo đó có nghĩa diệt khác, riêng có tướng diệt thì không thể được, cho nên không đúng. Lại nữa, nếu suy nghĩ thế này: lửa diệt thì chung quanh (bạn) lửa cũng diệt cho nên tâm, tâm số, các đèn đuốc… có tự thể diệt thì lẽ ra không có, vì vậy không đúng. Lại nữa, nếu lực lại cùng hỗ tương làm thành hai năng diệt thì đấy là sở diệt, hay năng diệt? Tức không thể phân biệt, cho nên không đúng. Nếu hai thứ pháp, mỗi thứ có khả năng riêng, chung diệt đầy đủ, thì hai thứ nầy mỗi thứ có một nửa có thể và nửa không có thể, vì thế không đúng. Như vậy các phần ở trong sắc ấm tự thể diệt trong sát na tư duy. Các pháp của đại v.v… là nhân ngăn chận diệt, ngăn chận hai thứ nhân diệt. Tại sao biết? Tất cả các hành do tâm làm quả, nên tâm có thể biết đều có sát na.

Xúc tức là từ bốn đại tạo sắc riêng biệt tướng hay là không riêng biệt? Đáp: Có riêng biệt. Vì sao? Do thấy biệt tướng. Biệt tướng nầy là cảnh của căn. Cảnh của căn đại và sắc tạo còn lại thì có đo lường và không đo lường.

Từ các hoa hương, đo lường được hạt, không đo lường được biến đổi và không biến đổi, như trong sữa chưng nấu hòa hợp sắc vị có biến đổi, vật cứng không như vậy, nên biết là có biệt tướng tạo sắc, bốn đại tạo sắc có ở biệt tướng tạo sắc mà thể là một. Thí như thấy gốc cây khởi lên hai trí chấp lấy tướng có khác mà thể là một. Một là cảnh nghi trí, hai là cảnh quyết trí. Thí dụ nầy không đúng. Tuy có biệt tướng mà tạo ra một thể, ở trong bốn đại lẽ ra cũng như vậy. Tại sao biết? Bốn đại nầy mỗi thứ tự có tướng riêng, nếu quyết định bốn đại một thể như vậy thì không nên có bốn, nghĩa nầy không đúng. Cho nên sắc tạo cùng đại là thể riêng biệt, đây là tên gọi riêng, nghĩa không riêng. Cảnh tư duy là tất cả các sắc pháp. Chỗ gồm thâu có bao nhiêu căn bao nhiêu trần? Đáp: Năm sắc là căn, sáu sắc là trần. Thế nào căn là các trần thành cảnh, căn không hủy hoại, như kinh đã rộng nói. Ở trong sơ địa có bao nhiêu thứ nhân duyên là căn hủy hoại không hủy hoại? Đáp: Gồm có hai thứ: Một là xấu kém, hai là đều mất. Không như nghĩa nầy đều là thành căn. Nói sơ lược có bốn nhân duyên biến dị: Một là từ duyên bên ngoài sinh. Làm sao biết? Do sử dụng các trần bên ngoài có nghịch thuận, do người khác tổn thương, do sửa trị tổn thương, đấy là ngoại duyên. Hai là từ duyên bên trong, như ở bên trong tư duy bất thiện, sinh ra các dục, các căn tổn giảm, hay từ chánh tư duy Tam- ma-đề mà các căn tăng ích. Ba là nghiệp duyên được sinh, như nghiệp duyên đời trước có mạnh có yếu, các việc có đáng yêu, không đáng yêu. Bốn là từ tự thể sinh, do tất cả các căn nương nơi tự tướng nên lúc tổn lúc ích. Tâm căn phá hoại có bao nhiêu thứ? Gồm có bốn: Một là từ Cái gây tạo, ở trong năm Cái tùy theo một cái mà che lấp tâm. Hai là loạn tâm gây tạo. Loạn tâm gây tạo là như vướng mắc vào các quỷ. Ba là chỗ mong cầu chưa đắc, như bốn định không và sáu thần thông, lúc chưa đắc tự cho đắc, do khởi tà tâm, nên gọi là cầu chưa đắc. Bốn là chưa rõ chỗ tạo tác, như là chưa học rộng và có nhiều công xảo. Nương bốn nghĩa nầy mà tâm bị phá hoại. Lại nữa, thế nào là các trần đối với căn được rõ? Sắc không đến nhãn, với nhãn vẫn được rõ, không cực vi tế thấy cũng được rõ, và có thể thấy sắc không ngăn che chướng ngại, có chỗ sáng suốt lại không quá xa, đối trước nhãn là trần, với nhãn vẫn được rõ ràng. Có các chúng sinh ở trong nhà tối cũng được rõ sắc, chỉ có một thứ không thể thấy sắc, như trước các trần nhục nhãn không thấy, phải là thiên nhãn mới thấy. Thanh tức là không đến không chướng ngại, nếu có đến như trong sáng tối không qua vi tế, trụ ở cảnh xứ tức được rõ ràng. Hương vị và xúc đến ở tự căn trụ nơi cảnh xứ, nghĩa là các thiên nhãn, có thể thấy sắc, tuy lại nhỏ bé, có chướng ngại và từ xa đến trụ cảnh xứ mà đều được rõ ràng, không trụ cảnh xứ không thể được thấy. Lại các

Thánh nhân có mắt Thánh tuệ, thì tất cả các sắc đều được thấy rõ, như phần sơ địa nói sáu thứ cảnh giới. Cảnh thứ nhất là các sắc đều được nhập chúng sinh thế gian và với cả khí thế gian. Hai là nương ba thứ tánh đều có phân biệt: một là tướng phân biệt, hai là sự phân biệt, ba là trụ phân biệt, như vậy mà phân biệt được xanh, đỏ, trắng, cho đến nói rộng ra. Sự phân biệt tức là sắc tác, vô tác, sắc giới phi giới, sắc phi giới phi phi giới. Trụ phân biệt tức là sắc như ý và bất như ý, và có chỗ xả gọi là sắc phân biệt. Thanh phân biệt là nhân của chúng sinh số và chẳng phải nhân chúng sinh, là nhân chúng sinh chẳng phải chúng sinh. Sự phân biệt là khẩu tạo tác. Hương phân biệt là gốc, cành, vỏ, ruột, lá, hoa, quả. Trong hương, vị, xúc không có sự phân biệt. Trụ phân biệt như phần sắc đã nói. Vị tướng phân biệt là ngọt, đắng... Trụ cũng như trước. Xúc có nhiều thứ phân biệt như trước. Cảnh thứ ba là ở trong mười phương tức có thể được biết. Cảnh thứ tư là phân biệt ba đời. Cảnh thứ năm là thật, không thật, nắm giữ phân biệt thì có thể biết. Cảnh thứ sáu là ở một bên xứ được nắm giữ đầy đủ. Như vậy tự phân các hữu sắc trần được phân biệt rõ ràng. Thế nào là tư duy có thể sinh thức? Ở cùng với các căn. Không phá hoại là cùng hiểu rõ các trần, cùng hưng khởi tâm. Tư duy như thế có thể sinh các thức, đấy gọi là tư duy phần cảnh của sắc ấm. Tạp tư duy tức là ở cõi dục, ấm, nhập, trụ chỗ nầy ở cõi sắc, sắc sinh ở thân nầy.

Hỏi: Tại sao các sắc ở thượng giới cùng hạ giới cùng biệt xứ mà trụ không biệt xứ?

Đáp: Không biệt xứ trụ giống như cát và nước, đấy gọi là tư duy phần sắc ấm tạp, chẳng phải tư duy sắc ấm phân biệt rốt ráo.

-oOo-